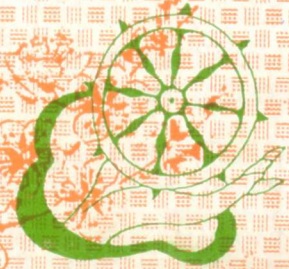


# VIÊN GIÁC

TẠP CHÍ CỦA KIỆU BẢO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM  
TỶ NẠN TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC  
ZEITSCHRIFT DER VIETNAMESEN UND BUDDHISTISCHEN VIETNAM  
FLÜCHTLINGE IN DER BUNDESREPUBLIK DEUTSCHLAND



**90** THÁNG 12 NĂM 1995  
DEZEMBER 1995

AUSGABE IN VIETNAMESISCH UND DEUTSCH



Xuân Bình Tự

# VIÊN GIÁC



TẠP CHÍ CỦA KIỆU BÀO VÀ  
PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI  
CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC  
*Zeitschrift der Vietnamesen und  
Buddhistische Vietnam-Flüchtlinge  
in der Bundesrepublik Deutschland*

CHỦ TRƯỞNG (HERAUSGEBER)  
*T. T. Thích Như Điển*  
CÙNG SỰ CỘNG TÁC VÀ TRÁCH  
NHIỆM VỀ:

TÒA GIÁC  
*Thích Như Điển*

VĂN HÓA VĂN NGHỆ  
*Phù Văn - Vũ Nam*

GIA ĐÌNH PHẬT TỬ  
*Thiện Căn Phạm Hồng Sáu*

HOA PHƯỢNG  
*Hồng Nhiên - Huy Giang*

THỂ THAO  
*Người Giám Biên*

Y HỌC THƯỜNG THỨC  
*Huỳnh Hoa*

CHÍNH TRỊ THỜI SỰ  
*Phan Ngọc Minh*

KỸ THUẬT AN LOÁT (LAYOUT)  
*Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt  
Nam tại Đức Quốc*

CÙNG SỰ CỘNG TÁC CỦA:  
*Mitwirkung von:*

HỘI PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN  
TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC  
*Vereinigung der Buddhistische-  
Vietnamflüchtlinge i. d. BRD*

TÒA SOẠN & ẮN QUẢN  
*Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt  
Nam tại Đức  
Vietnamesisch-Buddhistische  
Sozio-Kulturzentrum i. d. BRD*

C/O CHÙA VIÊN GIÁC  
KARLSRUHER STR. 6  
30519 HANNOVER  
TEL. (0511) - 879630  
FAX : (0511) - 8790963

- Viên Giác phát hành mỗi 2 tháng vào những tháng chẵn. Nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Đức Quốc trên mọi mặt.
- Viên Giác bảo tồn và phát huy truyền thống Văn Hóa Phật Giáo và Dân Tộc Việt bên cạnh những sinh hoạt Tôn Giáo, Xã Hội hoàn toàn không có tính cách thương mại, tuy nhiên mọi ủng hộ qua hình thức cúng dường. Viên Giác xin chân thành cảm tạ.
- Ủng hộ hiện kim cho Viên Giác. Quý vị sẽ nhận được biên nhận theo sự yêu cầu để làm đơn xin quân bình thuế lương bổng hoặc lợi tức hàng năm.

## MỤC LỤC

- Thư Tòa Soạn	04
- Thông cáo báo chí	05 - 06
- Đồi tiếp nối đời - Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn	07 - 08
- Sớ Táo Quân - Quang Kính	09

## AUF DEUTSCH

- Buddhismus des Lauteren Landes .. Roland Berthold - Từ Xứng dịch	10 - 12
- Ein kurzer Bericht über die 6. Welt- Sangha Konferenz in Penang, .... Thích Như Điển	12 - 14
- Chương trình lễ Phật đản kỷ 96 ..	15
- Công hạnh Bồ Tát Quán Thế Âm Thượng Tọa Huyền Tôn	17 - 19
- Bí ẩn về tiền kiếp và hậu kiếp Đoàn Văn Thông	19 - 21
- Bàn về vấn đề siêu hình trong P.G B.S. Nguyễn Xuân Hạnh	22 - 25
- Nhờ dòng sông xưa với Tây Du Ký Tâm Trang	26 - 28
- Nostradamus với Việt Nam Nam Thiên	19 - 33
- Sám hối, hối tiếc, khổ đau ... Thiện Nghĩa	34 - 35
- Con người chiến tranh, con người hoà bình - Hiếu Đệ	35 - 36
- Chùa Viên Giác và DHTNHN Thúy Trúc	37 - 38
- Một cái nhìn thoáng về DHPGTG Thích Như Điển	39 - 42
- Vài nét về nghệ thuật PGNT Trần Phong Lưu	43 - 47
- Quả ngọt ngày Tết : Dưa Hấu Nguyễn Long Quân	47
- Huế và Thơ - Trần Thị Kim Chung	48
- Phật Giáo và các vấn đề thời đại (t.t. VG 85) BS. Nguyễn Hoài Văn	49 - 52
- Một vài nhận xét về Đạo Phật Cư sĩ Đông Phương Mai Lý Cang	52 - 53
- Lợi ích sinh học của Thiền B.S Nguyễn Tối Thiện	54 - 55

## TRANG HOA PHƯỢNG

- Con cóc và con chuột Hồng Nhiên	56
- Mèo mắc lừa chuột	
- Việt sử bằng tranh - Bùi Văn Bảo	57 - 59
- Cưng nhờ lũ chuột - Thanh Bình	60 - 62
- Ngày Xuân viếng núi Sam của vùng Thất Sơn - Phạm Thăng	63 - 66
- Chén trà Xuân - Võ Đức Tiến	67 - 68
- Năm Tý nói chuyện chuột Người Quan Sát	69 - 72
- Năm Bính Tý nói chuyện chuột Chuột năm vùng - Phù Văn	72 - 75
- Từ vì Tây Phương trọn năm 96 Nam Cao	76 - 83
- Chợ Phiên Cam Lộ - Đàm Hà	84 - 86
- Ly Tao và Bội Lan Hành Hương Giang Thái Văn Kiếm	87 - 90
- Bài Ca siêu thoát - NT & TMX	91 - 92
- Trái Ô Rô - Phong Hưng Lưu Nhơn Nghĩa	93 - 96
- Cây trái vườn chùa Thích Như Điển	97 - 99

## Y HỌC THƯỜNG THỨC

- Bệnh tiểu đường - BS. Trương Ngọc Thanh và DS Trương Thị Mỹ Hà	100 - 102
- Về Vườn - Nguyễn tấn Hưng	103 - 106
- 25 năm vinh nhục trong nghề làm báo trước 1975 - An Khê Nguyễn Bình Thịnh	107 - 109

- Đồng không mông quạnh Hồ Trường An	110 - 116
- Thế sự vô thường, lòng người ... Đàm Uyên Phạm Hà Thanh	117 - 119
- Hoa Poppy - Huỳnh Hữu Cửu	120
- Giá Tự Do - Lê Thị Bạch Nga	121 - 122
- Lược khảo về trà .. Lê Huy Nhâm	122 - 125
- Nền đưa đạo học Đông Phương vào xã hội ... - Hoàng Đôn Trinh	126 - 127
- Tương lai dân Việt nằm trong tay ai ? - Nguyễn Việt Nữ	128 - 131
- Ngân hàng và phát triển kinh tế Bùi Hạnh Nghi	132 - 139
- Bên lề cuộc biểu tình tẩy chay ... Phương Hà & Long Thanh	140 - 141
- Khoảng cách giữa nói và làm Lê Nguyễn Thịnh	142 - 143
- Thế nào là một người Tỵ nạn Phạm Đức Tiến & Đinh.Q. Anh Tuấn	144 - 145
- Nhận định về bang giao Việt Mỹ Người Quan Sát	145
- Việt Nam ngày ấy không xa Nguyễn Tuấn Khanh	145 - 146
- Đi tìm một lẽ công bằng Hoàng Nguyễn Khoa	147 - 149
- Về cái gọi "Sự nghiệp trồng người ở VN" Trần Đức	149
- Thử tìm vị trí, chủ quyền quần đảo Hoàng Sa & Trường Sa - Đất Việt	150 - 152
- VN trước ngưỡng cửa định mệnh mới - Phan Ngọc	153
- Chứng tích về Hùng Vương An Sơn	154 - 156
- Phong Thái Á Châu Phan Ngọc Minh	157 - 159
- Nhận định 40.000 người Việt ... Trần Đăng	159 - 160
- Sự kết thúc lịch sử vai trò chính thống ... Nguyễn Thế Việt	161 - 163
- Tinh thần dân tộc trong nền văn hóa VN ... Vũ Kỳ	164 - 169
- Thế Thao - Người Giám Biên	170 - 173
- Tình Hình Thế Giới năm 95 Phan Ngọc	174 - 178
- Hào Quang Việt Sử - Huy Giang	179 - 180

## GIA CHÁNH CHAY: 180

- Mắm Thái chay	
- Cuối năm nhìn lại - Vũ Nam	181 - 183
- Tùy Bút . về với Đồng Tháp Mười trong mùa nước lũ - Thích Chúc Từ	184 - 185
- Sinh Hoạt Công Đồng	185 - 187
- Thông Báo	187
- Hộp Thư Viên Giác	188
- Phương danh cúng dường	189 - 197
- Phan Ưu - Cáo Phó	198 - 199
- Tìm thân nhân	199

## THƠ

Thanh Nguyên - Hà Huyền Chi - Thiện Ngộ -  
Hoàng Ngọc Quỳnh Giao - Anh Đức - Thúy  
Trúc - Hồ Trường An - Bé Ngọc - Thanh Bình -  
Đan Hà - Đặng Quốc Việt - Huyền Thanh Lữ -  
Phan Huy Ích - Tùy Anh - Lê Văn Giao - S.H.  
Hà Đậu Đồng - Vinh Liêm - Nguyễn Đức Hoàn  
- Hoài Việt - Odeuse Việt Diệu - Tâm Hoan -  
Phương Hà

*Vì số trang có giới hạn nên một số bài  
của các Văn Thi Hữu không thể đăng  
hết trong số báo này được. Chúng tôi  
sẽ lần lượt đăng trong các số kế tiếp.  
Thành thật xin cáo lỗi cùng quý vị.  
Tòa Soạn Viên Giác*



*Thành  
Tâm  
Kính Chúc*

*Chú Tôn Hoa Thượng,  
Chú Thượng Tọa  
Đại Đức Tăng Ni  
Và Đồng Bào Phật Tử  
Khắp nơi trên Thế Giới  
Một Năm Bình Tỷ  
Được Kiết Tường Như Ý  
Chùa Viên Giác*



**CUNG CHÚC**  
**TÂN XUÂN**



# THU TỌA SOẠN

Một năm 95 sắp bước qua và năm 96 sẽ đến với mọi người chúng ta trong những ngày sắp tới. Suốt một năm qua, với bao nhiêu biến đổi của thời cuộc, của tôn giáo, của khoa học kỹ thuật và của lòng người. Con người, ai ở trong cuộc đời này mà không mang một hy vọng; nhất là những gì sẽ xảy đến trong tương lai. Năm 1996 cũng sẽ là một năm có nhiều biến đổi, để cuối cùng rời những năm kế tiếp của thập kỷ thứ 20 này, nhân loại sẽ ra sao đây. Đố ai mà biết được?

Tất cả đều lệ thuộc vào thái độ của con người, của những nhà lãnh đạo quốc gia, tôn giáo. Nếu những người cầm quyền có được phần đạo đức lèo lái, chắc chắn những quyết định của họ ở bất cứ vấn đề gì cũng sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống tâm linh và vật chất của con người. Bằng ngược lại, chỉ mang đến cho con người chiến tranh, hận thù và đổ nát mà thôi.

Con người sinh ra trong vũ trụ này để kiến tạo nên một thế giới văn minh, đồng thời cũng chính con người đã hủy hoại mình bằng hận thù, chiến tranh và bom đạn. Quả là một điều nghịch lý. Vì lẽ, con người không làm chủ được mình; nên mới ra nông nổi ấy. Mong rằng ai trong chúng ta cũng ý thức được việc của mình làm thì bài toán thành của vấn đề có một đáp số hiệu quả hơn.

Cũng cùng một vấn đề; nhưng nhà Tôn Giáo giải quyết dựa trên đạo đức và luân lý. Trong khi đó nhà xã hội học có cái nhìn tổng thể hơn, nhà chính trị nhìn vấn đề có tính cách giai đoạn và chiến lược. Mỗi một công việc đều có hiệu năng của nó; nhưng nó lệ thuộc hoàn toàn vào thái độ của con người. Vì lẽ ấy Đức Phật đã dạy rằng: "chiến thắng muôn quân không bằng tự thắng mình; tự thắng mình mới là chiến công oanh liệt nhất". Những người không hiểu tôn giáo, nhất là Phật Giáo, cứ lo đi chiến thắng kẻ này người nọ; nhưng điều ấy sai. Vì chiến thắng mình khó hơn chiến thắng kẻ khác. Nếu ai trong chúng ta cũng học được bài học căn bản ấy, chắc rằng thế giới sẽ có hòa bình.

Suốt một năm qua chiến tranh tại Đông Âu, tại Trung Đông. Bất ổn tại Phi Châu, đồng thời tại Á Châu cũng có đôi phần phát triển; nhưng nhìn chung, cả một thế giới đang chịu áp lực bởi những sự khủng bố, tham nhũng và độc tài. Tất cả cũng chỉ vì lòng người còn quá tham lam ích kỷ đó thôi.

Nhìn về quê mẹ thân yêu, đất nước đang chuyển mình để được sống và nhờ thế người cộng sản Việt Nam mới đủ thời thóp hít thở một chút không khí "tự bản giã chết", để học thêm những cạnh tranh, xâu xé từ trong nội bộ Đảng trở ra về vấn đề kinh tế thị trường.

Thầy Tổ chúng ta vẫn còn bị giam cầm tra tấn, lãnh vào người những bản án bất công. Các vị lãnh đạo tinh thần của các Tôn Giáo khác cũng như đa số các nhà trí thức, văn nghệ sĩ v.v... cũng bị giam cầm bức hại, chỉ vì họ muốn nói và viết lên tất cả sự thật cho mọi người cùng hiểu, những gì đang xảy ra trong xã hội Việt Nam hiện nay. Nhưng người cộng sản luôn luôn sợ sự thật, nên đã đàn áp họ, trấn lột những tư tưởng tự do và đầy bất khuất này.

Một năm 95 đã trôi qua, Phật Tử và Đạo Hữu Việt Nam tại Đức đã đóng góp rất nhiều cho các Phật sự tại đây như các lễ Phật Đản, Vu Lan và đặc biệt là lễ cúng đón Đức Đạt Lai Lạt Ma vào ngày 18.6.95 và Đại Hội Tăng Ni Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại từ 21 - 24 tháng 9 năm 95 vừa rồi.

Sự tu học của các Chi Hội địa phương đã nói lên được sự cố gắng về việc hành trì và đi sâu vào nội dung của việc cầu giải thoát. Điều ấy là một bảo vật rất trân quý, mà trong thời gian qua các Chi Hội đã gạt hái được.

Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Đức có hơn 300 Đoàn Sinh, toàn là những người trẻ, có kiến thức, có tinh thần hy sinh và phụng sự, cũng đã đóng góp hết mình trong mọi lãnh vực của Giáo Hội tại Đức này cũng như trong lãnh vực chuyên môn của quý anh chị em.

Ngôi chùa Viên Giác là trụ sở của GHPGVNTN Á Châu và của Chi Bộ tại Đức cũng đã được bà con Phật Tử khắp nơi hỗ trợ trên mọi phương diện để chùa được tiếp tục phát huy tinh thần mang Đạo vào Đời cho người Việt cũng như người Đức. Tuy nhiên nợ nần vẫn còn đó, ít nhất trong vòng 9 năm nữa chùa mới thanh toán hết nợ cho nhà thầu và ngân hàng. Vì vậy kính mong quý Đạo Hữu và quý Phật Tử xa gần tiếp tục hỗ trợ cho công việc trọng đại này.

Xin cầu nguyện cho tất cả thành viên trong Ban Biên Tập Báo Viên Giác có nhiều sáng kiến mới mẻ hơn để đóng góp cho tờ báo của chúng ta càng ngày càng phong phú và cũng xin cảm ơn quý độc giả của Viên Giác lâu nay đã hỗ trợ cho sự tồn vong của tờ báo, xin tiếp tục hỗ trợ để chúng ta có nhiều bước tiến khả quan hơn.

Xin cầu nguyện tất cả đều được an lành.



• Ban Biên Tập Báo Viên Giác

# THÔNG CÁO BÁO CHÍ

NGÀY 28.11.1995

*Đại hội GHPGVNTNHN tại Hoa Kỳ lên tiếng đòi xóa bản án ngày 15.8.95 xử HT Thích Quảng Độ và các Thượng Tọa, Đại Đức, Phật Tử, và kêu gọi GHPGVN cùng chung lên tiếng đòi trả tự do cho hàng Giáo phẩm thuộc GHPGVNTN.*

**T**rước 70 Tăng Ni và 800 Phật tử tại hội trường William C. Overfelt High School ở thành phố San Jose, miền Bắc California, chiều ngày 26.11.95. Đại hội thường niên lần III của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại (GHPGVNTNHN) tại Hoa Kỳ - Văn phòng II Viện Hóa Đạo đã làm lễ bế mạc sau bốn ngày hội nghị kiểm điểm Phật sự và hoạch định chương trình hoạt động cho thời gian tới.

Lễ bế mạc đại hội cũng là lễ Hiệp ky chư Tăng Ni, Thánh tử đạo và đồng bào các giới đã hy sinh cho lý tưởng tự do tôn giáo, hòa bình dân tộc và nhân quyền Việt Nam. Buổi lễ còn đặc biệt truy niệm Cố Hòa Thượng Thích Thiện Minh, một trong những vị lãnh đạo tối cao của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN), vị Cha đẻ của phong trào Gia Đình Phật Tử, đã bị nhà cầm quyền cộng sản tra tấn đến chết tại Sài Gòn ngày 17.10.1978. Bằng lễ truy niệm này Đại hội muốn nhắc nhở cho giới Phật tử hải ngoại ý thức tới hiện trạng bị đàn áp của Giáo Hội trong nước để dẫn thân lo âu cho tiền đồ Phật Giáo và Dân Tộc. Như lời văn truy niệm xác nhận: *"Truy niệm Người Xưa là để phục vụ Người Nay"*. Hòa Thượng Phó Chủ tịch Hội đồng Điều Hành Thích Chánh Lạc nhấn mạnh trong bài văn truy niệm: *"Ngày nay những kẻ gán cho Phật Giáo "làm chính trị" lại chính là những kẻ hoạt đầu chính trị (...) Lợi dụng Phật Giáo làm bàn đạp, làm chiêu bài. Lợi dụng không được tất bời nhọ, vu khống, chụp mũ. Đó đã là sinh hoạt của chính trường vô-chính-trị tại Việt Nam suốt năm mươi năm qua. Nơi xã hội màu mỡ cho sự làm quan, nhưng lại dim dề, hãm hại những người có tài kinh bang tế thế. (...) Đạo Phật là Con Đường Cứu Khổ. Ở đâu có khổ đau bất công, ở đó người Phật tử xuất hiện đấu tranh diệt khổ. (...) Không xông xáo xuống đường tranh đấu, tuyệt thực biểu tình, để bảo vệ đặc quyền đặc lợi tư kỷ hay bè đảng của những kẻ không hiểu đại nghĩa mà chỉ sinh cường theo cái dưng của kẻ thất phu (...) mà nhắm vào mục tiêu thoát ly khỏi biển khổ cho quần chúng đang bị làm con cờ thí cho những ý thức hệ ngoại lai"*.

Sau phần Hiệp ky là lễ Bế mạc. Hòa Thượng Thích Hộ Giác, Chủ tịch Hội đồng Điều hành, đã tuyên đọc "Tuyên Ngôn và Quyết Nghị của Đại Hội":

*"Đại hội minh xác lập trường cố hữu của Phật Giáo Việt Nam như sau:*

*- Từ thưở bình minh của dân tộc, đạo Phật đã du nhập vào nước ta làm nền cho một sinh phong văn hiến Việt, lập thành quốc gia tự chủ tự cường trên địa bàn Đông Nam Á;*

*- Trải qua các triều đại, đạo Phật góp phần dựng nước để cứu người ra khỏi nô lệ, vô minh, đem lại an lạc, hạnh phúc cho dân tộc.*

*"Tiếp tục truyền thống ấy và trước hiện tình nguy biến bị đàn áp, bạo hành ở trong nước, cùng lúc những điều kiện khách quan ở nước ngoài tuy phồn vinh nhưng cũng dễ làm tha hóa tâm thức các thế hệ trẻ, Đại hội*

*"Xác định mối liên hệ đấu tranh bảo vệ chánh pháp của cộng đồng Phật tử hải ngoại cùng mối quan tâm trong vấn đề giáo dục của Giáo Hội để giữ gìn giới hạnh Phật Giáo và phát triển kiến thức đặc thù của thời đại cho hai giới xuất gia và tại gia.*

*"Bảo vệ Chánh Pháp là nuôi dưỡng tâm linh Con Người.*

*"Giáo dục bằng Chánh Pháp là khai sinh Con Người bao dung và trí tuệ; đồng thời nuôi dưỡng giới trẻ bảo tồn văn hóa dân tộc;*

*"Tranh đấu bảo vệ nhân quyền, mở rộng dân chủ và chống bất công xã hội là bảo vệ nhân phẩm Con Người"*.

Sau phần nhận định trên, Đại Hội đưa ra Quyết Nghị bốn điểm:

1. GHPGVNTNHN tại Hoa Kỳ - Văn phòng II Viện Hóa Đạo đặt trọng tâm vào nỗ lực đào tạo Tăng tài thích nghi với tiến bộ của thế giới và giáo dục thế hệ trẻ chuẩn bị cho phẩm chất Phật Giáo Việt Nam vào thế kỷ XXI. Sinh hoạt tu học của quần chúng Phật tử phải được kết hợp giữa kiến văn và giới hạnh. Liên hệ giữa các tông phái, chùa viện, tổ chức, dựa trên sự tương kính, tương thuận và điều hợp.

2. GHPGVNTNHN tại Hoa Kỳ - Văn phòng II Viện Hóa Đạo "không đặt sự tồn tại của mình nơi nguyên vị cá biệt mà đặt sự tồn tại đó trong sự tồn tại của nhân loại và dân tộc". Lấy sự tồn vong của con người là chính, Giáo Hội đứng ngoài mọi phe phái, chính kiến, để khai mở thời đại bao dung, cộng tác làm thiện duyên cho công cuộc kiến thiết đất nước và an lạc, ấm no cho mọi cá nhân trong cộng đồng dân tộc;

3. Kêu gọi chư Tôn đức Tăng, Ni vì những lý do riêng mà phải liên hệ xa gần với cơ quan tôn giáo công cụ của đảng và nhà nước, hãy lên tiếng đòi hỏi quyền tự do sinh hoạt tôn giáo của GHPGVNTN là Giáo Hội dân lập có truyền thống xuất hiện từ thế kỷ thứ II và rục rờ qua các triều Đinh, Lê, Lý, Trần;

4. Đẩy mạnh cuộc vận động quốc tế giải trừ Pháp nạn trong nước. Cụ thể là:

- đòi hỏi trả tự do tức khắc và vô điều kiện cho HT Thích Huyền Quang, vị lãnh đạo tối cao của GHPGVNTN bị câu lưu không lý do tại Quảng Ngãi từ năm 1982;

- xóa bản án bất công ngày 15.8.1995 cũng như phiên xử phúc thẩm ngày 28.10.95 bằng cách trả tự do tức khắc và vô điều kiện cho HT Thích Quảng Độ, TT Thích Không Tánh, TT Thích Nhất Ban, ĐĐ Thích Trí Lực, Cư sĩ Nhật Thường và nữ Cư sĩ Đồng Ngọc;

- trả tự do cho tất cả các nhà lãnh đạo các tôn giáo, các tù nhân chính trị, các tù nhân lương tâm và chư Tăng, Ni, Phật tử bị bắt giam, bị kết án vì lý do hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng hay nhân quyền từ năm 1955 tại miền Bắc và từ 1975 tại miền Nam, điển hình là trường hợp của các Thượng Tọa, Đại Đức: Tuệ Sỹ, Trí Siêu, Hải Tạng, Trí Tụ, Hải Tịnh, Hạnh Đức, Giác Nguyên, Phước Viên, Tâm Căn, Huệ Đăng Nguyễn Ngọc Đạt, v.v...; và

- phục hồi quyền tự do sinh hoạt tôn giáo của GHPGVNTN".

Ngoài ra Đại Hội cũng đã gửi bốn văn thư nói lên lập trường của Đại Hội đến Nhị vị Hòa Thượng Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ; chư vị Lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam (Nhà nước); Đảng và Nhà nước qua các ông Tổng Bí Thư Đỗ Mười, Chủ tịch Lê Đức Anh và Thủ tướng Võ Văn Kiệt, cùng các Chính phủ Âu Mỹ.

Bức thư gửi hai Hòa Thượng Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ nhấn mạnh:

"Toàn thế quần chúng Phật tử ở nước ngoài nguyện sát cánh Nhị vị Hòa Thượng trong cuộc ngăn chặn những chủ trương làm suy vong nền đạo lý dân tộc và đưa đất nước vào chốn lầm than.

"Hàng triệu người Phật tử ở hải ngoại không mong gì hơn được đóng vai trò ca tụng quê hương từ ái Việt Nam cho thế giới hướng về làm bạn và viện trợ giúp đỡ. Nhưng làm sao thực hiện được việc đó khi người dân trong nước đói nghèo, ta thán, Thầy Tổ và đồng đạo bị tù đầy áp bức, chính thể vùi dập nhân tài? Thế thì những ngày sống nơi đất khách hôm nay vẫn còn là những ngày chúng con tiếp vận tiếng dân than, những âm thanh đau khổ, cho nhân dân trong thế giới biết tới mà cùng chung tay áp lực thay đổi".

Đại Hội nhận định rằng: "Bằng chính pháp thân trong con làm lụy, nhị vị Hòa Thượng tự tại mà hiện ngang tiếp nối nói lên bài thuyết pháp uy hùng mà Lịch đại Tổ sư từ thuở Luy Lâu, từ thời đại Lý Trần đến những ngày đương đại sángời Lửa Từ Bi Quảng Đức không ngừng giống giá".

Thư gửi cho các vị lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam (Nhà nước) thì nêu lên câu hỏi và đề nghị:

"Ai xử ai trong phiên tòa ngày 15.8.1995 rồi phiên phúc thẩm ngày 28.10.95? Ai xử ai trong phiên tòa tại Huế hôm 15.11.1993? Ai xử ai tại Bà Rịa ngày 30.7.1994?"

"Lịch sử sẽ trả lời. Nhưng trước mắt là người nhà của chúng ta bị xử đó!

"Ta Bà bao la khổ ách, Tăng chúng có bao làm để độ thế. Mà sao ta lấy ma ngoại làm bạn, quay lưng với Pháp hữu trong nhà. Nên nói hết ra chăng? Nói hết càng thêm phiền lụy chăng? Chủ đích hôm nay không là vấn đề tranh cãi hay phân biện. Mà gọi kêu mối từ tâm của chư Tôn đức lãnh đạo GHPGVN, để thể hiện cái điều chúng ta tâm nguyện dưới mái chùa Từ Đàm một ngày năm 1951 khi sáu tập đoàn Phật giáo Bắc Nam Trung kết liên như đóa sen vừa nở.

"Chúng tôi tin rằng trong cương vị và khả thể mà chư vị Tôn đức dù tư cách làm đẹp cho Phật giáo Việt Nam hôm nay đồng lúc bảo tồn mạng mạch Phật Pháp và chủng tính Tăng là lên tiếng yêu cầu nhà cầm quyền CHXHCNVN trả tự do cho nhị vị Hòa Thượng Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ, cũng như các Thượng Tọa, Đại Đức: Tuệ Sỹ, Trí Siêu, Không Tánh, Nhật Ban, Trí Lực, Hải Tạng, Trí Tụ, Hải Tịnh, Hạnh Đức, Giác Nguyên, Phước Viên, Tâm Căn, Huệ Đăng Nguyễn Ngọc Đạt, v.v..."

Thư gửi cho Đảng và Nhà nước cộng sản, Đại Hội yêu sách trả tự do cho tất cả các nhà lãnh đạo các tôn giáo, các tù nhân chính trị, tù nhân lương tâm cũng như chư Tăng Ni thuộc GHPGVNTN. Vì:

"Những hành động đàn áp GHPGVNTN và những người đấu tranh ôn hòa cho nhân quyền, dân chủ thuộc các khuynh hướng khác nhau, chỉ làm cho dư luận thế giới và chính giới quốc tế ngày càng ác cảm với nhà nước CHXHCNVN. Điều này chẳng lợi ích gì cho chính sách gọi là Đổi Mới của Đảng và Nhà nước, lại càng nguy hại cho dân đang đòi hỏi cơm áo, tự do". Rồi Đại Hội đề xuất:

"Xin quý vị hãy bẻ mạc thời đại chiến tranh lạnh mà thế giới đã rùng rẩy từ lâu. Tranh chấp át một mất một còn. Mà việc kiến thiết quốc gia thì lại cần đến hai. Không những hai mà phải đến toàn dân bảy mươi ba triệu. Nghĩa là mọi thành phần dân tộc không phân biệt chính kiến, đảng phái, tôn giáo".

Làm tại Chùa Diệu Pháp ở Los Angeles, ngày 28.11.1995  
Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế

## Riêng Cõi Cỏ Hoa



• Thanh Nguyên

Vần thơ gửi đến hôm nay,  
Chỉ lòng thành thực phơi bày đó thời.  
Đường tơ gảy bốn phương trời,  
Vang lên cho cạn tình đời nông sâu.

Trưng tay, nhòa mộng công hầu,  
Còn nhân vàng trán, mái đầu bạc phơ.  
Chiêm bao áp ủ hồn ma,  
Lạc loài đất lạ, bơ vơ nẻo về.

Dậm dài chân bước mãi mê,  
Mộng hồn chưa lắng, đá tở gót sầu.  
Nước mây ai nở nhuộm màu,  
Đường quê chia mấy nhịp cầu, ai hay ?

Năm dài, trông tháng, đếm ngày,  
Đợi sông liền bến, chờ tay nối thề.  
Ai xui lòng vướng tình quê,  
Chân ai xui bước mà mê phong trần ?

Bụi đường theo lấm gót chân,  
Trán nhân, còn dấu nợ nần in sâu.  
Tàn hoa, lá cũng nhạt màu,  
Điệu ru xa vắng, gọi sầu vẫn vơ ...

Sông chia, biển cũng ngăn bờ,  
Đường quê thăm thẳm, mịt mờ bóng mai.  
Từng đêm nghe gió thổi dài,  
Vành môi khô héo, nụ cười tắt lâu.

Sương buồn, sương nhỏ giọt sầu,  
Trắng buồn, trắng cũng héo rầu, biếng soi.  
Lần tay đếm bước nổi trôi,  
Vùi chôn dĩ vãng, khóc đời tài hoa.

Còn chăng những nét phối pha,  
Đã xa cánh nhạn, cũng nhòa bóng cầu.  
Pha sương, bạc trắng mái đầu,  
Đường chưa tới đích, phờ rầu còn gì ?

Ra đi khóc cảnh phân kỳ,  
Thơ gieo vắn đấng, rượu thì giọt cay.  
Hồn thơ dào dạt, vơi đây,  
Bốn mùa sương gió, chuỗi ngày lê thê.

Nhịp chân rồi hết ề chề,  
Đoạn trường nhẹ gánh, đường về thành thơ.  
Cỏ hoa riêng một cõi trời,  
Điệu ca, tiếng gió, vạn lời du dương ...

(Gửi bạn bốn phương)

# ĐỜI TIẾP NỐI ĐỜI

Nguyên tác: LIFE AFTER LIFE  
Tác giả: Dr. Raymond A. Moody, Jr.  
Người dịch: Hoàng Phi LUU HOÀNG NGUYỄN

## CHƯƠNG V.- CÁC CÁCH GIẢI THÍCH

Đĩ nhiên có nhiều cách giải thích sự chết hụt. Thực vậy, từ quan điểm thuần túy triết lý, có vô vàn giả thuyết được tạo nên để cắt nghĩa bất cứ kinh nghiệm, sự quan sát hay sự kiện nào. Nghĩa là có thể tạo dài dài nhiều lối giải thích bất cứ điều gì mình muốn giải thích. Trường hợp chết hụt cũng thế, có đủ mọi cách cắt nghĩa.

Trong số các loại giải thích, có một số mà cứ tọa các buổi nói chuyện của tôi thường đưa ra. Cộng với các lối cắt nghĩa khác, dù chưa được nêu trực tiếp với tôi, tôi tạm xếp chúng vào ba nhóm: Siêu nhiên, Tự nhiên (hay Khoa học) và Tâm Lý.

### I. Giải thích theo Siêu Nhiên

Rất hiếm hoi. Có một người trong đám cử tọa cho rằng sự chết hụt là bị quỷ ám, do ma quái điều khiển. Đáp lại lối cắt nghĩa này, tôi chỉ có thể nói: Theo thiên ý, cách tốt nhất để biết dương sự được Chúa hướng dẫn hay quỷ Satan điều khiển là hãy xem những gì y nói và làm sau khi hồi dương. Tôi cho rằng Chúa khi gặp người này ở ngưỡng cửa tử sinh, muốn rằng y sẽ yêu thương và tha thứ. Còn Quỷ vương thì bảo tôi tử của y cứ tiếp tục thù hận và phá hoại. Rõ ràng là các đối tượng tôi nghiên cứu đã trở lại dương trần với lời tái cam kết đi theo con đường của Chúa chứ chẳng theo neo của quỷ Satan. Giả sử cho rằng ma quỷ đã hiện ra để điều khiển kẻ làm chung, thì theo chỗ tôi biết, ma quỷ đã thảm bại trong việc thuyết phục bộ hạ!

### II.- Các cách giải thích khoa học

#### 1. Giải thích theo y dược

Vài người cho rằng kinh nghiệm lúc lâm chung do các dược chất đã bơm vào thân thể người này trong cơn nguy kịch đó. Giả thuyết dựa trên một số sự kiện. Thí dụ phần đông những người thuộc y giới hoặc người bình dân đều đồng ý rằng có vài chất thuốc tạo ra ảo giác. Hơn nữa chúng ta đang ở trong thời kỳ mà thiên hạ rất chú tâm đến sự lạm dụng ma túy, nhất là nhắm vào việc sử dụng bất hợp pháp các chất LSD, cần sa, v.v... dường như có thể gây ra ảo giác. Sau hết, phải nhìn nhận rằng có những chất dược ngành y cho phép dùng nhưng lại tác động lên tâm trí có thể giống như kinh nghiệm lúc lâm chung. Thí dụ chất ketamine (hay cyclohexanone) tiêm vào gân để gây mê có thể sinh phản ứng phụ giống như việc xuất hồn. Ketamine được xem là "chất gây mê phân ly" vì khi dùng nó, bệnh nhân có thể trở nên chẳng những không còn đau đớn mà còn không biết chi đến môi trường quanh y. Y cảm thấy ly cách với chính thân thể của mình (tay, chân, v.v...).

Khi tỉnh dậy, có thể y còn bị xáo trộn tâm lý trong một thời gian, như thấy ảo giác và những giấc mộng rất sống động. (Nên lưu ý là có một số người đã dùng chữ "phân ly" để diễn tả cảm giác lúc họ xuất hồn).

Hơn nữa tôi đã sưu tập được vài câu chuyện kể của những người khi bị đánh thuốc mê đã có ảo giác cận kề cái chết. Xin đơn cử một thí dụ:

"Hồi mười mấy tuổi tôi có đi Nha sĩ trám răng và được cho hít khí nitrous oxide. Tôi hơi ón vì sợ mình "đi" luôn. Khi thuốc mê ngấm, tôi thấy mình đi chuyến theo một đường tròn ốc. Không phải tôi quay vòng vòng mà dường như chiếc ghế tôi ngồi được đưa lên theo đường tròn ốc, rồi lên mãi. Khi đến tột cùng đường xoắn ốc, tôi thấy mọi thứ đều trắng rực, có những thiên thần đến đón tôi về Trời. Tôi nói có nhiều thiên thần vì tụi cảnh tượng mơ hồ nhưng tôi biết chắc là có hơn một thiên thần. Nhưng chẳng rõ bao nhiêu vị".

"Vào lúc nào đó tôi nghe Nha sĩ và nha công nói với nhau về một người thứ ba. Tôi nghe họ nói nhưng khi họ dứt một câu thì tôi chẳng nhớ được đoạn đầu của câu đó. Nhưng tôi biết họ đang trò chuyện và tiếng họ vang vọng chung quanh. Tiếng dội dường như càng lúc càng xa đi, tựa như trên núi. Tôi còn nhớ dường như họ đang ở bên dưới, còn mình đang bay cao dần để lên thiên đàng".

"Tôi chỉ nhớ bấy nhiêu. Không hoảng hốt khi nghĩ rằng mình bị hấp hối. Vào tuổi đó, tôi sợ xuống địa ngục lắm, nhưng khi chuyện xảy ra, óc tôi chẳng nghĩ gì khác ngoài việc mình đang bay lên thiên đàng. Sau này tôi khá ngạc nhiên vì thấy mình chẳng nghĩ đến chết chóc. Trong lúc hôn mê tôi không nghĩ gì ráo. Thấy sung sướng, hết lo lắng, chắc là do ảnh hưởng của thuốc mê. Mọi thứ trở nên mơ hồ. Sau này tôi không được chụp thuốc mê nữa".

Ta thấy rằng ở đây có vài điểm tương tự như một số chuyện kể khác. Người đàn bà mô tả một vầng ánh sáng trắng rực, gặp nhiều người đón rước nàng về bên kia thế giới và chẳng quan tâm chi đến chuyện sống chết. Ngoài ra còn có hai khía cạnh ngụ ý là hồn đã xuất ra: Cô nghe Nha sĩ, nha công nói chuyện với nhau ở bên dưới và cô cảm giác mình đang bay.

Mặt khác các chi tiết trong câu chuyện này đâu giống những kinh nghiệm chết hụt. Vầng sáng trắng không có cá tính, cũng như cô ta chẳng cảm thấy an lạc trong tâm hồn. Cảnh nàng thấy sau khi xuất hồn rất phù hợp với tôn giáo của nàng. Cô cho rằng những người đã gặp là "thiên thần" và nàng đang đi lên "trời". Nàng bảo chẳng thấy thấy mình dưới kia, cũng như không nghĩ mình CÓ MỘT LOẠI THÂN XÁC NÀO. NÀNG CHỈ CẢM THẤY CHIẾC GHẾ ĐANG NGỒI ĐÁ DI CHUYỂN THEO ĐƯỜNG TRÒN ỐC, CHÚ BẢN THÂN NÀNG KHÔNG BAY. Nàng nhấn mạnh đến điểm kinh nghiệm rất mơ hồ và chẳng ảnh hưởng chi đến điều nàng tin tưởng về đời sống sau khi chết (thực ra, bây giờ nàng nghi ngờ về chuyện có kiếp sau).

Sơ sánh báo cáo những kinh nghiệm có được do y dược, ma túy với các kinh nghiệm chết hụt "thực sự", nổi bật ở những điểm sau đây:

Trước hết, kinh nghiệm của những người dùng y dược, ma túy không có tính chất lãng mạn, giàu tưởng tượng, thông minh nhiều hơn hay ít hơn những người chết hụt thực sự.

Thứ nhì, kinh nghiệm của những trường hợp dùng y dược rất mơ hồ.

Thứ ba, các câu chuyện họ kể đều khác nhau, và chẳng giống cảnh tượng những người thực sự về từ cõi chết thuật lại.

Khi chọn trường hợp chụp thuốc mê nói trên, tôi cố ý đưa ra một chuyện gần giống những kinh nghiệm chết hụt thực sự. Và tôi thấy chúng khác nhau nhiều lắm. Ngoài ra còn nhiều yếu tố nữa bác bỏ cách giải thích cho rằng dược chất đã tạo nên hiện tượng chết hụt. Đáng kể hơn cả là trong nhiều trường hợp đâu có sử dụng dược chất trước khi bệnh nhân chết hụt, và trong vài trường hợp, dược chất được bơm vào sau khi chết hụt. Thực ra nhiều người nhấn mạnh rằng họ kinh qua ngưỡng cửa tử sinh đâu phải vì dược chất và trong vài trường hợp thì chuyện xảy ra rất lâu trước khi họ được chăm sóc y tế. Ngay cả khi những người đang kinh qua hiện tượng chết hụt được bơm dược chất vào thì những thứ thuốc này thuộc nhiều loại khác nhau: Từ aspirin đến các chất kháng sinh, kích thích tố adrenalin, thuốc tê, thuốc mê. Phần nhiều các chất này không ảnh hưởng chi đến hệ thống thần kinh trung ương hoặc tâm linh. Và cũng chẳng có chi khác biệt giữa các kinh nghiệm do nhóm người không sử dụng dược chất và nhóm người có sử dụng dược chất kể lại. Sau hết, tôi ghi nhận mà chẳng góp ý về trường hợp một phụ nữ đã chết hụt hai lần. Lần đầu vì bị chụp thuốc mê và kinh nghiệm có được không rõ ràng. Còn lần sau chết hụt không phải vì dược chất nhưng lại có được một kinh nghiệm phức tạp hơn.

Một trong các điều dược nhiều người thừa nhận về dược chất hiện nay là có một số thuốc gây nên những hiện tượng tâm linh. Những hiện tượng này "không thực", "có tính cách ảo giác", "chỉ có trong tâm trí". Tuy nhiên nên nhớ rằng chẳng phải ai ai cũng chấp nhận quan niệm này, mà còn có những cách giải thích khác. Tôi muốn nói đến sự sử dụng các chất gây ảo giác. Người ta xưa nay thường dùng những chất tác động lên tâm linh để đạt đến các trạng thái ý

thức khác hoặc đến những cảnh giới khác. (Muốn hiểu thêm về vấn đề này, xin đọc quyển *The Natural Mind* của Dr. Andrew Weil). Cho nên được chất không những chỉ được y giới dùng chữa bệnh mà còn được các tôn giáo sử dụng. Trên khắp thế giới có nhiều tông phái cho rằng được chất họ dùng có thể giúp môn đồ chuyển qua một cảnh giới khác. Tuy nhiên đây chỉ là một trong nhiều phương cách giúp họ giác ngộ, thấy được các quốc độ khác. Như vậy kinh nghiệm chết hụt có thể chỉ là một lối đi khác, và tất cả nhằm giúp chúng ta thấy sự giống nhau giữa kinh nghiệm của những người dùng được chất và kinh nghiệm chết hụt.

## 2. Các giải thích có tính cách sinh lý:

Sinh lý học là một ngành khoa học nhằm nghiên cứu sự hoạt động của các tế bào, cơ quan và toàn bộ cơ thể của một sinh vật cũng như các tương quan giữa những hoạt động đó. Lối giải thích hiện tượng chết hụt theo quan điểm sinh lý ta thường nghe là: Vì óc thiếu dưỡng khí trong khi chết hụt và trong vài trường hợp cơ thể bị căng thẳng, cho nên bộ óc đang hấp hối này tạo ra những hiện tượng khiến được nhận thấy.

Giả thuyết này không đúng ở chỗ: Theo sự khảo sát các báo cáo chết hụt đã đề cập trước kia, nhiều kinh nghiệm chết hụt xảy ra trước khi có sự căng thẳng về sinh lý xảy ra. Thật vậy, trong vài trường hợp, các dương sự đau bị thương tích gì. Tuy nhiên tất cả những yếu tố xuất hiện trong các trường hợp bị thương nặng đều có mặt trong những trường hợp không bị thương tích.

(Còn tiếp)



THƠ HÀ HUYỀN CHÍ

20 NĂM

TẬN

TUYỆT

Ta có 4000 năm nhược tiểu  
 Từ phôi thai đã hơ hải lên đường  
 Người theo mẹ lên núi giáo rừng gươm  
 Người theo cha cõi đầu sóng cả

Mẹ rón gấn Bắc họa  
 Rồi cũng nghìn năm nhục nhả ngựa trâu  
 Cha mở mang bờ cõi tới Cà Mau  
 Rồi cũng 100 năm nô lệ

Ông cha mình đã gian lao vô kể  
 Rồng Tiên khốn khó mọi thời  
 Hơn 4000 năm chinh chiến tới bờ  
 Chống thực bài phong, đầu rơi máu đổ

Ai rước voi đầy mã tổ  
 Ai công rắn cắn gà nhà  
 Ai gian hùng bán đứng quê ta  
 Đày đọa đồng bào với búa liềm vô sản?

Nhục trước, sông Gianh bị thâm  
 Bến Hải sau, hai thập kỷ tương tàn  
 Bầy cộng sản sói lang  
 Đẩy toàn dân vào nghèo đói

Bằng đầu tổ, nông trường, trứng giới  
 Diệt tham ô để tận sức tham ô  
 Con quỷ họ Hồ  
 Cường chiếm miền Nam, thẳng tay chém giết

Gia tài mẹ đã hoàn toàn khánh kiệt  
 Sau hai mươi năm hòa bình  
 Dân vẫn thừa điều linh  
 Nước thêm nghèo mạt hạng

Khung lãnh đạo, vẫn bọn ngu nắm cán  
 Thái thú Linh Mười, Kiệt Trụ thời nay  
 Luật rừng kỷ cương, quốc sách ăn mày  
 Chúng quỷ lạy kẻ thù sứt trán

Người ở lại với ngục tù thê thảm  
 Người vào bưng mại hận dựng cờ  
 Người lưu vong khắp thế giới tự do  
 Đều bầm gan tím mặt

Hai mươi năm đã qua trong nước mắt  
 Biển Đông bao thấy trẻ xác già  
 Nghĩa trang đời u uất vạn hồn ma  
 Người chỉ hô hào kháng chiến

Người thiển cận luận trời từ đáy giếng  
 Người hám danh, xu thời  
 Người ngáng chân, dẫm đạp lưng người  
 Lớn tiếng hô đoàn kết

Hai mươi năm tận tuyệt  
 Liệu ta còn cơ may  
 Để thấy lại què hương vàng rực bóng cờ bay  
 Trong mỗi Rồng Tiên hôm nay còn cúi mặt?







**M**uôn tâu Thượng Đế  
 Năm nào cũng thế  
 Góp chuyện trần gian  
 Chuyện ăn chuyện làm  
 Điều hay điều dở  
 Để ghi vào sổ  
 Gửi tâu trình lên  
 Thượng Đế xét xem  
 Để mà thưởng phạt

Cộng sản gian ác  
 Đầu năm chín lăm (95)  
 Bọn chúng dã tâm  
 Bất luôn Hòa Thượng  
 Huyền Quang giam nhốt  
 Tịch thu tuyệt tở  
 Ấn chỉ giấy tờ  
 Bọn chúng làm nơ  
 Những điều phản đối  
 Giáo Hội thế giới  
 Họp gửi kháng thư  
 Âu Châu cũng lo  
 Họp đưa kiến nghị  
 Việt Nam thì thế  
 Nga Sô không yên  
 Súng bắn liên miên  
 Tan nhà nát cửa  
 Nước Nhật cơ khổ  
 Động đất quá lâu  
 Xa lộ nhà lầu  
 Sập cầu tan nát  
 Máy ngàn người chết  
 Đang giữa mùa đông  
 Thảm cảnh đau lòng  
 Kể sao cho xiết  
 Đức, Pháp bão lụt  
 Chỉ có một đêm  
 Mà nước dâng lên  
 Cả bảy tám thước  
 Mất luôn điện nước  
 Lò sưởi cũng không  
 Vào đúng mùa đông  
 Tuyết trắng như bông  
 Lạnh trừ mười độ  
 Nước còn lên nữa  
 Hơn một trăm năm  
 Nước lại mới dâng  
 Tàn hại nhà nông  
 Gia súc gia cầm  
 Trời theo dòng nước  
 Nào ai biết trước  
 Bão lụt thiên tai  
 Oán than kêu trời

Mà ống cao quá  
 Tối chuyện Phật sự  
 Ở tỉnh Ha nô (Hannover)  
 Phật tới thăm chùa  
 Phật tử đông đảo  
 Ngài cũng lưu vong  
 Đi khắp tây đông  
 Cầu mong giúp đỡ  
 Để Ngài được trở  
 Lại nước của Ngài  
 Tây Tạng xưa nay  
 Hiền lành chân thật  
 Bị bọn Trung Cộng  
 Xâm chiếm quê hương  
 Nên Ngài xót thương  
 Đồng bào đất Việt  
 Cũng cùng nạn kiếp  
 Quốc phá gia vong  
 Phật tử về đông  
 Chặt chùa Viên Giác  
 An ninh cảnh sát  
 Canh gác khắp nơi  
 Bảo vệ cho Ngài  
 Trong giờ thuyết pháp  
 Phật tử khao khát  
 Được diện kiến Ngài  
 Chụp hình tới bởi  
 Quay phim lia lịa  
 Chánh điện rộng thế  
 Không chứa hết người  
 Phật tử phải ngồi  
 Hội trường nghe vọng  
 Thật là cảm động  
 Đức Phật Lạt Ma  
 Ngài rất ôn hòa  
 Hỏi thăm Phật tử  
 Bằng ba thứ tiếng  
 Anh, Đức dịch ra  
 Tiếng Việt để mà  
 Người Việt thấu đáo  
 Com chay Tố hảo  
 Các cô dâng lên  
 Nhà báo đứng bên  
 Ghi ra từng món  
 Rau đậu chế biến  
 Vừa đẹp vừa ngon  
 Nếu kể thì còn  
 Dài vô cùng tận

**Biết** Thượng Đế bạn  
 Thần rút ngắn thời  
 Lại sắp tới rồi  
 Vu Lan tháng bảy  
 Năm nay nắng tốt

Phật tử về đông  
 Mặc dù là không  
 Nghệ sĩ thượng thặng  
 Phật tâm lan rộng  
 Từ trẻ tới già  
 Dứt Lễ là về  
 Dầu cần văn nghệ  
 Mỗi lần đại lễ  
 Phật Đản bận nhiều  
 Rạp hát phải thuê  
 Đón đưa chuyên chở  
 Tiền thuê quá đắt  
 Vé bán không nhiều  
 Phật Đản năm nay  
 Lễ trên hai chục  
 Ngàn là tiền Đức  
 Nên Ban Tổ Chức  
 Ý kiến đem bàn  
 Phật Đản sang năm  
 Không thuê rạp nữa  
 Hội trường sẵn có  
 Nghệ sĩ Âu châu  
 Tha hồ đồng bào  
 Vào coi khỏi vé  
 Vu Lan đại lễ  
 Tối Hội Tăng Ni  
 Hải ngoại đều về  
 Họp ngày Đại Hội  
 Chư Tôn Hòa Thượng  
 Thượng Tọa, Đại Đức  
 Cùng các Chư Ni  
 Á, Âu, Mỹ, Úc  
 Giam một trăm vị  
 Văn tập về chùa  
 Để họp chung lo  
 Hoàng dương Phật pháp  
 Trong và ngoài nước  
 Nghịch cảnh chướng duyên  
 Vẫn còn triển miên  
 Căn cứ lối thoát  
 Diễn văn khai mạc  
 Thượng Tọa Khánh Anh  
 Trưởng ban Điều hành  
 Đề nghị cùng chung  
 Để lo cứu vãn  
 Giúp nhau tu học  
 Tăng Ni trong nước  
 Tìm chung, tìm chùa  
 Thầy Tổ, huynh đệ  
 Cùng ký kiến nghị  
 Gửi về quê hương  
 Gửi thẳng chính quyền  
 Việt Nam cộng sản  
 Để xóa bản án  
 Phi pháp bắt công  
 Độc tài, độc đoán  
 Hòa Thượng Quảng Độ  
 Và các Tăng Ni  
 Dầu có tội gì  
 Mà chúng đem xử  
 Chúng giam chúng giữ  
 Gán tội này kia  
 Họp ở Gio-neo  
 Nhân quyền tố cáo  
 Vụ án giả trá  
 Họ cũng lặng thinh

**N**gọc Hoàng biết chăng  
 Dân gian đau khổ  
 Thần kêu mời cổ  
 Ngài cứ phe lờ  
 Trần thế chê thần

Bất tài bất lực  
 Thần xin từ chức  
 Kể từ năm nay  
 Làm số mỗi tay  
 Mà không kết quả  
 Thượng Đế cứ để  
 Bọn họ ung dung  
 Bão lụt dưng dưng  
 Cho dân chịu khổ  
 Sao Ngài lại nở  
 Trưng phạt dân nghèo  
 Miền Trung lũ lụt  
 Hương Thủy, Hương Điền  
 Nước dâng liên miên  
 Trời nhà trời cửa  
 Dòng sông Thạch Hãn  
 Nước cuốn trôi cầu  
 Đồng bằng Cửu Long  
 Nước tràn ruộng lúa  
 Mùa màng mất cả  
 Trường ốc ngập luôn  
 Hoàn cảnh đau buồn  
 Thật không kể xiết  
 Ngọc Hoàng đâu biết  
 Dân chúng oán than  
 Chuyện ác chúng làm  
 Cho dân gánh chịu  
 Lại một tin mới  
 Sừng sốt đau buồn  
 Thủ Tướng Rabin  
 Của nước Do Thái  
 Là người kêu gọi  
 Tự do Hòa bình  
 Chấm dứt chiến tranh  
 Cho dân bớt khổ  
 Lo bầu chính phủ  
 Trước mặt toàn dân  
 Kêu gọi một lòng  
 Xây dựng đất nước  
 Ba tiếng sừng nổ  
 Ghim đứng vào người  
 Thế là trời ơi!  
 Vì dân vì nước  
 Ông đã ngã gục  
 Không kịp trở trăn  
 Ông người hiền đức  
 Chết tới chết tưng  
 Thế giới để tang  
 Đưa đám chia buồn  
 Hơn tám chục nước

**T**rước khi lui bước  
 Và xin nghỉ luôn  
 Thượng Đế có buồn  
 Táo thần đành chịu  
 Chỉ xin Thượng Đế  
 Bớt hội quần Tiên  
 Xét sổ Nam Tào  
 Chỉ thị Bắc Đẩu  
 Cho bọn ác xuống  
 Đày ngục âm ty  
 Cho xuống a tý  
 Để chúng đền tội  
 Thần xin lui gót  
 Trở lại trần gian  
 Cầu chúc Thánh Hoàng  
 Tuế tạng vạn tuế

• Quang Kính



# AUF DEUTSCH

## Buddhismus des Lauteren Landes - Dialog mit alten Meistern -

(Übersetzt und mit Anmerkungen versehen von Meister  
Thich Thien Tam;  
Copyright der deutschen Übersetzung Tu Xung Roland  
Berthold)

### Zehn Zweifelsfragen zum Lauteren Land (Ching-t'u Shih-i-lun; T.47, No. 1961) - T'ien T'ai-Patriarch Chih-I -

(Fortsetzung)

#### Frage 7

Der Bodhisattva Maitreya ist ein Ein-Leben-Bodhisattva, der jetzt im Tusita-Himmel weilt. Er wird dem Buddha Sâkyamuni folgen und in der Zukunft ein Buddha werden. Ich glaube, daß wir die erhabeneren Aspekte der Zehn Tugenden kultivieren und nach Geburt im Tusita-Himmel streben sollten, um ihn persönlich zu schauen. (45) Wenn die Zeit für ihn kommt, auf die Erde hinabzusteigen um ein Buddha zu werden, werden wir ihm folgen und während Seiner drei Lehrversammlungen gewiß die Heiligkeit erlangen. Warum sollen wir deshalb nach Wiedergeburt im Westlichen Lauteren Land streben?

#### Antwort

Das streben nach Wiedergeburt im Tusita-Himmel kann als gleichwertig mit dem Hören des Dharma und dem Schauen des Buddha angesehen werden. Es scheint dem Streben nach Wiedergeburt im Westlichen Lauteren Land sehr ähnlich zu sein. Bei genauer Prüfung zeigen sich jedoch viele große Unterschiede zwischen beiden. Wir wollen zwei Punkte erörtern.

A) Auch wenn wir die Zehn Tugenden kultivieren, ist es dennoch nicht sicher, daß wir Wiedergeburt im Tusita-Himmel erlangen. Wie es in den Sûtras heißt: „Der Übende muß die verschiedenen Samâdhis kultivieren und tief in die rechte Versenkung eintreten, um Wiedergeburt im Inneren Hof des Tusita-Himmels zu erlangen.“

Daraus können wir schließen, daß dem Bodhisattva Maitreya das Mittel des „Willkommenheißens und Hinüberbringens“ fehlt. Deshalb kann man dies nicht mit der Macht des Ursprünglichen Gelübdes des Buddha Amitâbha und Seiner Macht des Lichtes vergleichen, die alle Lebewesen heimholen und erretten kann, die sich auf ihn konzentrieren.

#### Impressum

Congr. d. Verein. Vietn. Buddh. Kirche  
Abteilung in der BRD (gemeinnütziger e.V.)  
Die Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in  
der Bundesrepublik Deutschland

#### Verlag

c/o Viengiac Pagode, Karlsruher Str. 6, 30519 Hannover  
Tel. (0511) 879630 - Fax. (0511) 8790963

Herausgeber: Ven Thich Nhu Dien

Redaktion: Vietnamesisch-Buddhistisches  
Sozio-Kulturzentrum in der BRD (VIBUS)

Erscheinungsweise: alle zwei Monate

Druck, Satz und Layout: VIBUS-HANNOVER

Diese Zeitschrift wird kostenlos verschickt. Nachdruck nur mit schriftlicher  
Genehmigung der Redaktion erlaubt.

Außerdem: Als der Buddha Sâkyamuni die Bedeutung des Mittels des „Willkommenheißens und Hinüberbringens“ in seiner Darlegung der neun Stufen der Wiedergeburt erläuterte, ermahnte er die Lebewesen ernstlich, nach der Wiedergeburt im Westlichen Lauteren Land zu streben. Dieses Mittel ist sehr einfach. Der Übende muß lediglich den Namen des Buddha Amitâbha rezitieren, und infolge der Übereinstimmung von geistiger Ausrichtung und Wirkung wird er alsbald die Wiedergeburt erlangen. Dies kann mit einer Anwerbungskampagne verglichen werden: jene, die der Armee beitreten möchten, können dies sofort tun, da ihr Wunsch dem Ziel des Staates entspricht.

B) Zweitens ist der Tusita-Himmel noch im Bereich des Begehrens (zu welchem auch unsere Sahâ-Welt gehört). Deshalb sind jene, die zurückfallen, Legion. In jenem Himmel legen die Vögel, die Flüsse, die Wälder, die Bäume, der Wind den Dharma nicht dar und können deshalb den Lebewesen nicht helfen, die Befleckungen zu vernichten, sich den Drei Kostbarkeiten zuzuwenden und den Bodhi-Geist zu entfalten. Darüber hinaus gibt es in jenem Bereich Göttinnen, welche die fünf Arten des Begehrens im Geist der himmlischen Wesen bis zu jenem Punkt entfachen, von welchem nur wenige von ihnen der Verwirrung und Verblendung entrinnen können.

Wie kann man dies mit dem Westlichen Lauteren Land (46) vergleichen, wo die Bäume und Vögel den wunderbaren Dharma verkünden und der Wind von der Erleuchtung singt und damit die Befleckungen der Lebewesen vernichtet und den Bodhi-Geist der Übenden stärkt? (47) Darüber hinaus gibt es im Lauteren Land des Buddha Amitâbha keine verführerischen Wesen (48) oder solche, die sich allein um Selbst-Erleuchtung bemühen. Es gibt dort nur reine Gefäße des Mahâyâna-Weges. Deshalb können Befleckungen und unheiliges Karma nicht entstehen. Wie könnte es unter solchen Umständen den Übenden mißlingen, rasch die Stufe der Unumkehrbarkeit zu erlangen? (49) Obwohl wir nur wenige Vergleiche angestellt haben, sind doch die Unterschiede zwischen dem Lauteren Land und dem Tusita-Himmel schon offenkundig. Wie könnte es da weiterhin Zweifel oder Zögern geben?

Darüber hinaus sind das Schauen des Bodhisattva Maitreya und die Erlangung der Früchte der Arhatschaft nicht notwendigerweise gesichert. Während der Lebenszeit des Buddha Sâkyamuni gab es viele, die den Buddha schauten, jedoch die Heiligkeit nicht erlangten. Wenn der Bodhisattva Maitreya dereinst in der Welt erscheinen wird, wird gleiches gelten: zahllose Lebewesen werden ihn schauen und den Dharma vernehmen, jedoch die Arhatschaft nicht erlangen. Anders ist es im Lauteren Land des Buddha Amitâbha: dort geboren zu werden, bedeutet, gewiß zu sein, die Einsicht in das Nicht-Entstehen zu erlangen, ohne möglichen Rückfall in die Dreifache Welt und ohne Bindung an das Karma von Geburt und Tod.

In den „Berichten aus dem Land im Westen (Indien)“ wird die Geschichte der Bodhisattvas Asanga, Vasubandhu und Simhabhadra erzählt. Alle praktizierten Meditation mit dem Ziel, Wiedergeburt im Tusita-Himmel zu erlangen. Sie gelobten, daß der erste von ihnen, der im inneren Hof des Tusita-Himmels geboren und den Bodhisattva Maitreya schauen würde, zurückkehren und die anderen beiden informieren würde. Simhabhadra verstarb zuerst, aber lange Zeit verging, ohne daß er zurückgekehrt wäre. Als der Tod bei Vasubandhu näherkam, sagte Asanga zu ihm: „Nachdem Du Maitreya Verehrung dargebracht hast, kehre zurück und laß es mich schnell wissen.“ Vasubandhu starb, kehrte jedoch erst nach drei Jahren wieder zurück. Asanga fragte ihn: „Warum bist Du so lange weggeblieben?“ Vasubandhu antwortete: „Nachdem ich dem Bodhisattva Maitreya Verehrung dargebracht habe, Seiner Predigt und Seinen Ermahnungen gelauscht habe und ihn dreimal umwandelt habe, kam ich sofort zurück. Ich konnte nicht eher zurückkehren, denn ein Tag und eine Nacht im Tusita-Himmel dauern 400 Erdenjahre.“

Asanga fragte dann: „Wo ist Simhabhadra jetzt?“ Vasubandhu antwortete: „Er hat sich in den Äußeren Hof des Tusita-Himmels verirrt und ist nun in die fünf Wonnen verstrickt. Seit seinem Tod bis heute war er nicht in der Lage, Maitreya zu schauen.“

Wir können aus dieser Anekdote schließen, daß sogar niedrigere Bodhisattvas, die im Tusita-Himmel wiedergeboren werden, der Verblendung erliegen, ganz zu schweigen von gewöhnlichen Sterblichen. Deshalb sollte Übende, die der Unumkehrbarkeit

gewiß sein wollen, Wiedergeburt im Westlichen Lauteren Land anstreben, nicht jedoch im Tusita-Himmel.

#### Frage 8

Seit unvordenklichen Zeiten haben die Lebewesen zahllose Vergehen begangen. Auch in diesem Leben schaffen sie von der Kindheit bis ins Alter zusätzliches unheilbares Karma, denn sie haben keine Gelegenheit, guten spirituellen Unterweiser zu begegnen. Wie kann man unter solchen Umständen sagen, daß „sie zur Todesstunde die Wiedergeburt mit nur zehn vollkommenen Rezitationen des Buddha-Namens erlangen“? Wie erklärt ihr darüberhinaus befriedigend die Lehre, daß solche Übende „das bindende Karma der Drei Welten Überwinden“?

#### Antwort

In Wahrheit ist es schwierig, die Anzahl und die Stärke der guten und üblen karmischen Samen einzuschätzen, welche die Lebewesen seit unvordenklichen Zeiten geschaffen haben. Jedoch müssen jene, die in der Todesstunde einem guten spirituellen Unterweiser begegnen und 10 Rezitationen vollenden, gutes Karma in der Vergangenheit geschaffen haben. Sonst würden sie nicht einmal einem guten spirituellen Unterweiser begegnen, geschweige denn 10 reine Rezitationen vollenden können!

Damit ihr nicht denkt, daß das üble Karma aus anfangloser Zeit schwer wiegt, während 10 Rezitationen zur Todesstunde leicht sind, werde ich drei Gründe darlegen, warum die Wiedergeburt im Lauteren Land nicht notwendigerweise vom Gewicht des üblen Karma, von der Menge der Praxis oder von der Dauer des Kultivierens abhängt. Die drei Gründe betreffen a) den Geist, b) die Bedingungen und c) die Frage der Gewißheit.

#### a) Geist

Die Verfehlungen der Lebewesen entspringen verblendetem und verkehrtem Denken. Dagegen entspringt die Rezitation des Buddha-Namens rechtem Denken, d.h. dem Hören des Namens des Buddha Amitābha mit seinen wahren Tugenden. Das eine ist falsch, das andere richtig. Es gibt keine möglichen Ausgleich zwischen beiden!

Dies gleicht einem Haus, das 10.000 Jahre lang vernagelt war. Wenn die Fenster plötzlich geöffnet werden, um das Sonnenlicht hineinzulassen, verschwindet alle Finsternis im selben Augenblick. Wie lange auch die Zeit der Finsternis gedauert haben mag, wie könnte sie dabei nicht verschwinden? Dies gilt auch für Lebewesen, die während vieler Äonen Verfehlungen begangen haben, aber die Wiedergeburt in der Todesstunde durch 10 reine Rezitationen erlangen.

#### b) Bedingungen

Verfehlungen entspringen dunklen, verkehrten Gedanken, verbunden mit verblendeten Umständen und Umgebungen. Dagegen entspringt die Rezitation des Buddha-Namens dem Hören dem Namens des Buddha Amitābha mit seinen reinen Tugenden, verbunden mit dem Streben nach Erleuchtung. Das eine ist falsch, das andere ist wahr. Es gibt keinen möglichen Ausgleich zwischen beiden!

Man kann dies einem Menschen vergleichen, der von einem vergifteten Pfeil getroffen wurde. Der Pfeil ist tief in seinen Körper eingedrungen, und das Gift ist stark und verwundet sein Fleisch und seine Knochen tief. Doch wenn er in jenem Augenblick die „himmlische Trommel“ (50) vernimmt, wird der Pfeil von selbst aus seinem Fleisch „ausgestoßen“, und das Gift wird neutralisiert. Der Pfeil ist nicht so tief eingedrungen und das Gift ist nicht so stark, daß er nicht genesen könnte. Gleiches gilt für die Lebewesen, die während vieler Äonen Verfehlungen begangen haben, jedoch die Wiedergeburt in der Todesstunde durch 10 reine Rezitationen erlangen können.

#### c) Gewißheit der Errettung

Wenn die Lebewesen Verfehlungen begehen, so tun sie dies entweder in einem „dazwischenliegenden geistigen Zustand“ oder in einem „nach-geistigen Zustand“. Diese beide geistigen Zustände finden jedoch in der Todesstunde keine Anwendung; es gibt nur einen äußerst machtvollen, äußerst starken Gedanken der Rezitation, alles andere vor dem Sterben beiseite lassend. Deshalb wird die Wiedergeburt erlangt.

Dies kann man mit einem sehr großen starken Tau vergleichen, das selbst Tausende von Menschen nicht zerreißen können. Jedoch kann es ein Kind, das ein „himmlisches Schwert“ führt, ohne

Schwierigkeiten in viele Stücke zerteilen. Dies gleicht auch einem großen Stapel Holz, der während Tausender von Jahren angehäuft wurde, innerhalb kürzester Frist völlig aufgezehrt wird, wenn er durch eine kleine Flamme in Brand gesteckt wird. Gleiches gilt auch für jemanden, der die Zehn Tugenden sein ganzes Leben lang praktiziert hat, und Wiedergeburt in den himmlischen Bereichen anstrebt. Wenn er in der Todesstunde auch nur einen starken falschen Gedanken entwickelt, wird er stattdessen sogleich in die Avīci-(nie endende) Hölle hinabsteigen. Obwohl übles Karma in Wirklichkeit falsch und illusorisch ist, kann die überwältigende Stärke des Geistes und Denkens dennoch ein lebenslanges gutes Karma stören und das Individuum veranlassen, auf die üblen Pfade hinabzusteigen. Wie kann die Rezitation des Buddha-Namens, die wahres, heilsames Karma ist, das kraftvoll in der Todesstunde erschaffen worden ist, dann nicht das üble Karma umstoßen, auch wenn dieses seit unausdenkbaren Zeiten angesammelt worden ist? Deshalb wird jemand, der während vieler Äonen Verfehlungen begangen hat, aber in der Todesstunde 10 Rezitationen mit vollkommen ernsthaftem Geist vollendet, gewiß im Lauteren Land wiedergeboren werden. Unter solchen Umständen die Wiedergeburt nicht zu erlangen, erscheint in der Tat unvorstellbar! Die Sūtras lehren:

„Eine einzige wirklich ernsthafte Rezitation des Namens des Buddha Amitābha löscht die ernstlichen Verfehlungen von acht Millionen Äonen der Geburt und des Todes aus.“

Dies ist möglich, weil der Übende den Buddha-Namen mit einem Geist äußerster Ernsthaftigkeit rezitiert und deshalb das üble Karma vernichten kann. Wenn er auf seinem Sterbett den Buddha-Namen in solcher Geistesverfassung ausspricht, wird er der Wiedergeburt gewiß sein. Daran besteht kein weiterer Zweifel!

Traditionell wird erläutert, daß die Fähigkeit des Sterbenden, die 10 Rezitationen auszusprechen, völlig von seinem früheren guten Karma abhängt. Diese Erklärung ist jedoch nicht richtig. Warum? Weil, wie ein Kommentar feststellt, „wenn dies bloß eine Frage des früheren Karma wäre, nur der feste Entschluß zur Wiedergeburt notwendig sein würde, und es bestünde dann überhaupt kein Raum für die Praxis...“

Der Übende, der auf seinem Sterbett 10 Rezitationen vollendet, kann dies wegen seiner früheren guten Bedingungen (die es ihm ermöglichen, einem guten spirituellen Unterweiser zu begegnen) und wegen seiner eigenen autrichtigen Rezitation. Die Wiedergeburt unter solchen Umständen ausschließlich auf früheres gutes Karma zurückzuführen, wäre ein großer Fehler! Ich hoffe, daß die Übenden diese Wahrheit gründlich erwägen, einen unerschütterlichen Geist entwickeln und nicht von falschen Ansichten in die Irre geführt werden.

(Fortsetzung folgt)

#### Anmerkungen:

45. Der Zweck des Schauens des Buddha ist es, seine Lehre direkt, statt durch vermittelnde Quellen wie Sūtras, Kommentare usw. vernehmen zu können. Außerdem gilt für Übende, die im Lauteren Land wiedergeboren werden, folgendes aus dem Sūrangama-Sūtra: „Sie werden niemals fern vom Buddha sein, und ihr Geist wird von selbst erwachen ohne die Hilfe von Hilfsmitteln. Jemand, der in der Nähe von Weihrauch gewesen ist, wird einen Hauch davon mit sich tragen...“ (übers. Meister Hsuan-Hua)

46. Die „Abhandlung über die Vollkommenheit der Weisheit“ sagt: „Das Lautere Land ist nicht in der Dreifachen Welt enthalten... Das besondere Karma des Bodhisattva Dharmakara hat es hervorgebracht. Es existiert außerhalb der Erscheinungen, und deshalb können wir es subtil nennen.“ (T'an-Luan, zitiert bei Roger C. Corless „Pure Land and Pure Perspective“ in „The Pure Land“, Dezember 1989).

47. Erleuchtete Menschen erinnert alles an den Dharma; deshalb die Metapher von den Vögeln, Flüssen usw., die den Dharma verkünden. Dies ist auch eine poetische Weise, die Wiedergeburt unter gleichgesinnten Übenden zu beschreiben - im „transzendenten Sangha“. (Sangha = Gemeinschaft der Mönche und Nonnen).

48. Die buddhistischen Sūtras wurden vor über 2.000 Jahren niedergeschrieben, als der Orden hauptsächlich (obwohl nicht

ausschließlich) aus Mönchen bestand. Deshalb mag das tatsächlich im Text benutzte Wort „Frauen“ in diesem Zusammenhang eher als „verführerische Wesen“, denn als „weibliche Personen“ verstanden werden.

„Wenn man die weibliche Metaphorik in der buddhistischen Literatur prüft, muß man dabei die soziale und kulturelle Situation beachten, in der die Lehren dargelegt wurden. Die ursprünglichen Texte stellen ein Spektrum unterschiedlicher Vorstellungen dar, die zwar im absoluten Sinne nicht widersprüchlich sind, jedoch zu unterschiedlichen Zuhörern und zu Wesen verschiedenartiger Neigungen sprechen. So muß man beispielsweise beachten, daß viele der Darlegungen in diesen frühen Texten zölibatären Männern helfen sollten, das Anhaften an der weiblichen Form zu durchbrechen. Wenn der Buddha zölibatäre Frauen angesprochen hätte, würden die Mängel der männlichen Form in ähnlicher Weise dargestellt worden sein.“ (Karma Lekshe Tsomo, Daughters of the Buddha, p. 22)

49. Dazu der schöne Bericht über das Treffen zwischen dem Lauteres-Land-Patriarchen T'an-Luan (damals noch Taoist) und dem berühmten Übersetzer Mönch Bodhiruci :

„T'an-Luan (488-554), der die Unsterblichkeit suchte, reiste durch China und erhielt Belehrungen von verschiedenen berühmten Weisen, u. a. von dem taoistischen Meister T'ao Hung-ching. Schließlich (ca. 530) traf er auf den indischen buddhistischen Lehrer Bodhiruci. T'an-Luan eröffnete das Gespräch mit diesen Worten: „Gibt es in der Lehre des Buddha etwas, das höher ist als die Methoden zum Erlangen der Unsterblichkeit, die man in den Schriften dieses Landes über die Unsterblichen findet?“ Bodhiruci spie auf den Boden und antwortete: „Was sagst du da? Das kann man nicht vergleichen! Wo auf dieser Erde kannst du einen Weg zur Unsterblichkeit finden? Selbst wenn du in deinem Alter die Jugend erlangen könntest und niemals sterben würdest, würdest du dennoch durch die Dreifache Welt kreisen!“ So gab er ihm das Meditationssūtra und sagte: „Dies sind die Anweisungen über Amitābha Buddha: wenn du dich auf diese Praktiken verläßt, wirst du vom Samsāra befreit werden.“ (Raoul Birnbaum, The Healing Buddha, p. 241)

50. Dazu Thomas Cleary, op. cit., p. 303-304 (Himmlische Trommel = Gegeumittel)

**D**ie Weltsangha ist eine Ordensorganisation der beiden nördlichen und südlichen Buddhismusschulen. Die erste Konferenz dieser Weltsangha fand 1966 in Sri Lanka statt. Drei Jahre später fand die zweite 1969 in Saigon, Vietnam, statt. Und erst zwölf Jahre später organisierte der Hohehrwürdige Pai Seng die 3. Konferenz 1981 in Taipei, Taiwan. Die vierte fand im Jahre 1985 in Bangkok, Thailand, die fünfte 1989 in Taiwan und die sechste in diesem Jahre, vom 8.-14. November 1995 in Penang, Malaysia, statt.

Außerdem trafen sich die Mitglieder der Weltsangha-Leitung zwischen den Konferenzen, um weitere Themen zu diskutieren. Zwischen der fünften und sechsten Konferenz trafen sie sich drei Mal. Das erste Mal fand 1991 in Hannover, Deutschland, das zweite Mal 1993 in Taichyu, Taiwan und das dritte Mal im Mai 1995 in Hongkong, statt.

Die Weltsangha-Leitung, bestehend aus vielen hohen Ordensleuten, wird von allen Mitgliedern der Weltsangha gewählt. Zur Leitung gehören ein Vorsitzender, mehrere Vize-Vorsitzender, die aus verschiedenen Ländern kommen, zwei Hauptsekretäre (für English und Chinesisch), zwei vertretende Sekretäre und ein Kassenwart. Außerdem setzt sich die Leitung aus mehreren Mitgliedern verschiedener Bereiche zusammen: Kultur, Erziehung, Verbreitung der Lehre, Sozial- und Jugendwesen.

Zu dieser 6. Konferenz waren mehr als 300 offizielle Mitglieder aus 19 Ländern gekommen. Auf der vietnamesischen Seite waren auch viele Ordensleute anwesend, darunter: der Hohehrwürdige Thich Man Giac, die Ehrwürdigen Thich Phuoc Bon und Thich Tri Tue, Reverend Thich Giac Dang, Thich Tam Ngoan (USA), Reverend Thich Phuoc An, Thich Thien Tam und Thich Phuoc Tan (Australien), die Hohehrwürdigen Thich Huyen Vi, Thich Thien Dinh, die Ehrwürdigen Thich Giac Hoang, Thich Tri Hai, Thich

## Ein kurzer Bericht über die 6. Welt-Sangha- Konferenz in Penang, Malaysia, vom 8.-14. November 1995

•Thich Nhu Dien

Thich Lan, Thich Minh Tam, Thich Nhu Dien, Reverend Thich Tam Nghia, Thich Hanh Tan und Reverend Thich Nu Dieu Tram (Europa). Insgesamt waren es 18 vietnamesische Ordensleute.

Ich verließ Deutschland schon am 5. November, obwohl die Konferenz erst am 8. November statt finden sollte. Am Abend des 6.11.95 kam ich in Kuala Lumpur, Malaysia, an und blieb dort für eine Nacht, um die Sehenswürdigkeiten zu besuchen. Am nächsten Tag, dem 7. November, flog ich weiter nach Penang. Ich glaube, daß ich einer der ersten Teilnehmer war, denn es waren nur wenige auf dem Flughafen zu sehen. Angekommen am Flughafen von Penang, begleitete man mich auf eine Pagodenbesuchstour. Diese Tour diente dazu, die Zeit sinnvoll zu gestalten, während der Bus auf weitere Gäste wartete, um sie anschließend zum Hotel zu befördern. Die Fahrt vom Flughafen bis zum Hotel dauerte eine gute Stunde.

Penang ist eine sehr schöne Insel in der Nähe des Festlandes von Malaysia. Eine 13 km lange Brücke, von Taiwan gebaut, verbindet die Insel mit der Hauptstadt von Malaysia, Kuala Lumpur. Der Flughafen von Penang ist vergleichbar mit dem von Danang, Vietnam. Von dort kommen nicht nur Flugzeuge aus Malaysia, sondern unter anderem auch aus Singapur und Sri Lanka an.

Penang gehört zu Malaysia. Die Stadt war bis zu Abhängigkeit 1957 unter britischer Herrschaft. Heute ist Malaysia eines der führenden Industrieländer Asiens. Wir können den jetzigen Wohlstand von Malaysia mit dem von Japan 1970 vergleichen. Vor 1975 lag Malaysia wirtschaftlich weit hinter Vietnam. Heute liegt Vietnam Malaysia gegenüber auf diesem Gebiet um 20 Jahre zurück. Es ist ganz erstaunlich, wie sich das Land so schnell entwickelt hat. Abgesehen von Japan und Hongkong, die den wirtschaftlichen Durchbruch längst hinter sich haben, sind Korea, Taiwan, Thailand und Malaysia gerade im Aufschwung. China, Vietnam, Indonesien und Indien haben diesen Weg erst begonnen. Laos und Kambodscha fangen auch allmählich an, diesen Weg zu gehen. Um den wirtschaftlichen Standard im Westen zu erreichen, müssen China und Vietnam ihre sozialistische Planwirtschaft aufgeben und den westlichen freien Markt akzeptieren.

Am 7. November kam ich ins Hotel Bay View Beach und hatte einen Tag lang Zeit, die Umgebung zu erkundigen. Als erstes versuchte ich, einige exotische Früchte, z. B. Papaya, Guave, Babybanane, Karambola, Rambutan, zu kaufen und sie mit nach Hause zu nehmen. Für die Einheimischen sind diese Früchte nichts Besonderes, da sie sie jeden Tag essen. Für Menschen aus dem Westen sind sie hingegen etwas Besonderes. Die Restaurantbesitzer boten diese für sie "billigen", aber für Touristen außerhalb von Asien exotischen, teuren und begehrten Früchte immer als Nachtisch an.

Am 8. November, um 18:30, versammelten sich ca. 50 Mitglieder der Organisationsleitung im Hibiscus Raum des Hotels und diskutierten über den Programmablauf und die Wahl der neuen Weltsangha-Leitung. Bei dieser Versammlung wurden alle Themen erwähnt und für Diskussionen vorbereitet. Weniger wichtige

Themen wurden vor Ort diskutiert und während der Konferenz nur noch bekanntgegeben.

Am 9. November fand nach dem Frühstück die Eröffnungszereemonie im großen New Ballroom, in der Anwesenheit von über 1000 Ordensleuten, darunter Regierungsvertretern und Laienbuddhisten, statt.

Der Hohehrwürdige Wu Ming bedankte sich in seiner Eröffnungsrede bei den Gastgebern für diese 6. Weltsangha-Konferenz, dem Hohehrwürdigen Ta Nang, Abt des Nirwana-Klosters in Penang, und der Malayischen Buddhistischen Kongregation. Danach folgten die Reden der beiden Hauptsekretäre auf Englisch und Chinesisch. Zu dieser Konferenz wurde auch der Gesundheitsminister eingeladen. In seiner langen Rede betonte er die Wichtigkeit von Hygiene, um länger zu leben und verfehlte somit offensichtlich das Thema dieser Konferenz. Wollte er etwa die Ordensleute, hochrangige geistliche Vertreter vieler Staaten, zur Hygiene erziehen? Nach seiner Rede war kein Applaus, sondern Gelächter zu hören.

Um 11:30 fand die große Sangha-Opfergabenzeremonie (Maha Sanghikadana: Opfergaben an 1.000 Ordensleute) statt. Fast alle örtlichen Theravada-Ordensleute kamen zu dieser Zeremonie. Als erstes leiteten Theravada-Ordensleute die Langlebigkeitszeremonie (man wünscht den Älteren, sie mögen noch lange leben) und die Zufluchtsnahmezeremonie für Laienbuddhisten. Dann rezitierten Mahayana-Ordensleute ein Gebet. Anschließend aß man zu Mittag. Verschiedene Gerichte wurden nacheinander bis 13:30 gebracht, da die Theravada-Ordensleute nach dieser Zeit keine feste Nahrung mehr zu sich nehmen dürfen. Bei der Opfergabenzeremonie erhielt jeder Mönch und jede Nonne eine Spende von 50 Malayischen Dollar (= 30 DM). Insgesamt waren es 1.000 Ordensleute, d.h. 30.000 DM. Das war natürlich eine große Summe, die gespendet wurde. Als Vier-Gebrauchgegenstände-Opfergabe erhielt jeder eine Aktentasche, ein Mönchsgewand, Seife und eine Zahnbürste.

Nach der Opfergabenzeremonie versammelten sich alle Ordensleute auf dem Hof zum Fototermin. Um 14:00 begann die erste Diskussionsrunde. Von buddhistische Aktivitäten aus der ganzen Welt wurde berichtet. Die Hauptsekretäre und der Kassenwart trugen auch ihre Berichte vor. Nach einer kurzen Pause hielt der Ehrwürdige Doktor Dhamananda aus Sri Lanka, der in Malaysia lebt, eine Rede. Der Ehrwürdige Thich Minh Tam und ich waren leider nicht dabei. Uns wurden von Reverend Thich Giac Dang und Thich Hanh Tan berichtet, daß der Vortrag sehr gut war.

Der Schwerpunkt dieser Konferenz ist die Rolle, die die Sangha im 1. Jahrhundert übernehmen soll; alle Vorträge, sowohl auf Englisch als auch auf Chinesisch waren auf diesen Schwerpunkt zentriert. Aus dem Vortrag des Hohehrwürdigen Dhamananda gefiel den Zuhörern besonders, als er sagte: "Anstatt den Buddhisten im Westen die Buddhalehre zu bringen, haben wir ihnen unsere Kultur mit buddhistischer Tradition gebracht". Ich glaube, daß er aus seiner eigenen Erfahrung sprach, da er selbst aus Sri Lanka kommt und in Malaysia lebt und sehr viele malayische Schüler als Ordensleute hat.

Um 19:00 folgte ein großes Abendessen mit Musik und Tanz. Das war wirklich chinesische Tradition oder besser gesagt kaiserliche Tradition, denn die Kaiser im Alten China hatten diese Art von Unterhaltung sehr gemocht.

Die Chinesen verzehren sehr viele Speisen mit Öl. Sind sie deshalb viel kleiner als Europäer? Liegt der Grund etwa bei der Ernährung oder beim Klima?

Am nächsten Morgen wurde die Diskussion um 10:00 fortgeführt. Der Ehrwürdige Jing Xing, Vorsitzender der taiwanesischen buddhistischen Kongregation, sprach über die Rolle der Weltsangha im Bereich der Erziehung und Weiterentwicklung des Buddhismus. Obwohl dieser Vortrag sehr tiefgründig war, enthielt er dennoch hauptsächlich nur Kriterien für die individuelle und nationale Entwicklung, nicht jedoch für alle Menschen und für alle buddhistischen Organisationen in der Welt.

Einige Teilnehmer erläuterten ihre Probleme und erwarteten, daß die Konferenz dazu Lösungen anbieten würde. Am Schluß waren sie sehr enttäuscht, weil die Konferenz ihre Probleme nicht zu lösen vermochte, sondern nur zur Kenntnis nahm. Dies zeigte uns, daß Buddha sehr Recht hat. Buddha hat gesagt: "Die Sangha ist erst rein, wenn alle Individuen rein sind. Wenn die Sangha friedlich ist, wird es auch Frieden im Lande geben."

Der Hohehrwürdige Jing Xing, der in Tokyo, Japan, studiert hatte, dachte sehr tiefgründig über diese Angelegenheit nach. Ich habe mich öfters mit ihm auf Japanisch unterhalten. Die Konferenzsprachen waren Englisch und Chinesisch. Gelegentlich benutzte ich einige Wörter auf Japanisch.

Beim Mittagessen mußte sich jeder selbst bedienen. Für Europäer ist das Selbstbedienen nichts Neues, für Asiaten ist es doch noch ungewohnt. Es bot einen schönen Anblick, wie alle Teilnehmer sich anstellten und das Essen nach ihrer Wahl holten.

In Thailand, Laos und Kambodscha essen die Ordensleute grundsätzlich zuerst, hier aber drängelten sich manchmal Laien vor. Einige Theravadamönche saßen deshalb nur da oder ließen sich von anderen das Essen holen. Es ist manchmal wirklich schwer zu sagen, was gut oder schlecht ist. Am Besten tut man das, was man für richtig hält und die meisten Vorteile bildet. Aus diesem Grunde denke ich, daß der Buddhismus sich im Westen der jeweiligen Tradition und Kultur anpassen sollte.

Ich habe in Asien an vielen Konferenzen teilgenommen und immer wieder feststellen müssen, daß einige Diskussionsleiter und Referenten die vorgeschriebene Zeit gar nicht beachten. Die Zuhörer sind oft müde und die Konzentration läßt natürlich nach.



Manchmal bestieg ich den Bus und mußte sehr lange warten, bis der Bus endlich losfuhr. In diesen Augenblicken kam mir der Wunsch, ich wäre in Europa und hätte in dieser Wartezeit einen Teil meiner Arbeit erledigen können.

Um 14:00 diskutierten die Teilnehmer in Gruppen. Fast alle vietnamesischen Ordensleute beteiligten sich an den Diskussionen über die Verbreitung des Buddhismus. Nur der Ehrwürdige Thich Minh Tam, Reverend Thich Giac Dang und ich nahmen an den Diskussionen über Sozial- und Jugendwesen teil.

Im sozialen Bereich wurden vier Themen behandelt. Eines dieser Themen war die Bitte an die Weltkonferenz, sich für die Freilassung der beiden vietnamesischen Hohehrwürdigen Thich Huyen Quang und Thich Quang Do sowie alle Ordensleute und Buddhisten einzusetzen und an alle Ländern im Südostasien zu appellieren, die noch in den Flüchtlingslagern lebenden vietnamesischen Flüchtlinge nicht mehr zwanghaft in ihre Heimat zurückzuschicken. Dieses Thema wurde von Seiten der vietnamesischen buddhistischen Kongregation durch den Hohehrwürdigen Thich Tam Chau vorgeschlagen. Leider konnte er nicht an dieser Konferenz teilnehmen und ließ sich durch Ehrwürdige Thich Minh Tam und Rev. Thich Giac Dang vertreten.

Normalerweise gehört dieses Thema dem Bereich der Menschenrechte an, der im World Buddhist Fellowship aber nicht der Weltsangha-Organisation zugehörig ist. Hier rutschte es in den Bereich für Sozialwesen hinein und konnte deshalb nicht sehr umfassend diskutiert werden. Im Bereich Jugendwesen wurden zwei Themen zur Diskussion vorgeschlagen: Ausbildung der jungen Mönche und Nonnen und Veranstaltung von Austauschprogrammen. Von Seiten der Laienbuddhisten wurden auch ähnliche Vorschläge aus Amerika und Kanada gemacht; doch es war ein Irrtum, denn in dieser Konferenz wurden nur Themen bezüglich der Sangha diskutiert. Die Laienbuddhisten müßten sich eigentlich an die World Buddhist Federation wenden.

Am Abend besuchten alle Konferenzteilnehmer ein Musikkonzert mit buddhistischen Liedern, das von Künstler aus Taiwan vorgetragen wurde.

Am 11. November (Gedenktag an Avalokiteshvara-Bodhisattva), um 9:00, versammelte sich die gesamte Sangha-Leitung in dem Hibiscus Raum, um die Ergebnisse der Diskussionen in den einzelnen Bereichen zusammenzufassen und die neue Sangha-Leitung zu wählen.

Folgende vietnamesischen Ordensleute wurden für folgende Ämter gewählt:

Der Hohehrwürdige Thich Phuoc Hue (Australien) als Mitglied der Weltsangha-Senioren, der Hohehrwürdige Thich Thien Dinh (Frankreich) als stellvertretender Vorsitzender der Weltsangha, Abteilung Deutschland. Der Hohehrwürdige ist Mitglied des World Buddhist Sangha Committee und hat mehrfach Ratschläge für buddhistische Aktivitäten in Deutschland gegeben. Deshalb wurde er von allen Konferenzmitgliedern für sein Amt gewählt. Der Ehrwürdige Thich Minh Tam, Vorsitzender der Vietnamesischen Buddhistischen Congregation in Europa, wurde als Mitglied der Weltsangha im Bereich von Kultur und Erziehung und Rev. Thich Phuoc An (Australien) als Mitglied im Bereich des Jugendwesens, gewählt.

Die anderen Ämter blieben wie bisher besetzt:

Der Hohehrwürdige Thich Huyen Vi und Thich Man Giac als stellvertretende Vorsitzende der Weltsangha, der Hohehrwürdige Thich Minh Le als Mitglied für Buddhistische Rituale und ich (Thich Nhu Dien) als Mitglied im Bereich des Jugendwesens. Der Bereich von Jugendwesen ist, so glaube ich, am größten. Es gibt mehr als 30 Hauptmitglieder, die in der Weltsangha tätig sind.

Um 14:00 wurden alle Ergebnisse und Zukunftsplanungen der vier Bereiche sowie die neue Sangha-Leitung bekanntgegeben. Die Hauptmitglieder der Sangha-Leitung sind:

Der Hohehrwürdige Wu Ming, 85 Jahre aus Taiwan, weiterhin Vorsitzender der Weltsangha und 30 weitere Mitglieder aus 30 Ländern als stellvertretende Vorsitzender. Rev. Thich Duy Ngo (Malaysia) übernimmt das Amt als vertretender Hauptsekretär für Chinesisch für Rev. Hui Sung (Indonesien). Hauptsekretär für Chinesisch ist weiterhin der Hohehrwürdige Lieu Trung (Taiwan) und für Englisch der Hohehrwürdige Wipulasara (Sri Lanka). Der Kassenwart ist auch weiterhin der Hohehrwürdige Ching Nang (Taiwan), usw.

Um 15:00 wurde die Abschlusszeremonie durchgeführt. Sie war im Vergleich zu der Eröffnungszeremonie weniger anstrengend. Ungefähr 500 Mitglieder nahmen an dieser Zeremonie teil. Zu der Abschlusszeremonie wurde der Oberbürgermeister von Penang eingeladen. In seiner Rede ertönte er großen Beifall. Er ist ein junger, gläubiger Buddhist und sehr engagiert in Sachen Ausbildung und Erziehung der jungen Mönche und Nonnen. Er spendete der Weltsangha 20.000 Malayische Dollars (= 12.000 DM) für die Erweiterung des Computer-Internets. Überall hört man jetzt von Modernisierung der Kommunikationstechnik.

Am 12. November wartete der Bus bereits um 8 Uhr vor dem Hotel, um die Teilnehmer zu einer Einweihungsfeier zu bringen. Eingeweiht wurde die neue Gebetshalle des Nirwana Klosters mit der Verehrung der fünf Buddhas aus fünf Richtungen. Vom Reiseführer erfuhren wir, daß das Nirwana Kloster das größte Kloster in Südostasien, 1890 von einem großen chinesischen Meister auf einem Berg gebaut wurde. Der Bau soll 20 Jahre gedauert haben.

Die Reisegruppe stieg die einige hunderte Stufen hohe Treppe hinauf. An beiden Seiten befanden sich Souvenirstände. Es wäre

viel schöner gewesen, wenn das Kloster Geld für den Bau von Souvenirständen ausgeben würde und sie dann vermieten würde. Alles war schön bis auf die sanitären Einrichtungen. In Asien sind diese Einrichtungen sehr schlecht im Vergleich zu Europa. Am Teich, wo die Fische und Schildkröten als Opfergaben befreit werden, stank es sehr. Der Gestank beeinträchtigte sehr die idyllische Landschaft.

Oben, am Ende der Treppe befindet sich ein siebengeschoßiger Turm, nebenan die einzuweihende Gebetshalle. Sie soll über 6 Millionen US-Dollar gekostet haben. Wenn man die gleiche Gebetshalle in Europa bauen würde, müßte man drei bis vier Mal soviel Geld investieren. Der Bau ist einzigartig. In der Gebetshalle werden Vairocana-Buddha, Amitabha-Buddha, Aksobhya-Buddha, Bao Sanh Buddha (vietnamesisch) und wahrscheinlich Thanh Tuu Buddha (vietnamesisch) verehrt. Den Namen des fünften Buddhas konnte ich durch die verdeckte Sicht leider nicht lesen. Diese fünf Buddhas symbolisieren die fünf Himmelsrichtungen. Beim Lesen der Buddhanamen stellte ich fest, daß die Chinesen anscheinend die Zahl 10 nicht mögen, weil alle Buddhanamen, die aus zehn Wörtern bestehen, auf neun Wörter verkürzt worden sind. In der Gebetshalle stehen außerdem auch Statuen von Ananda, Maha-Kasyapa, Manjustrī und Cundi. Die Schriftafeln sind sehr fein ausgearbeitet. Die riesigen Säulen sind aus Marmorstein. Ich habe gehört, daß sie aus China transportiert wurden, ebenso wie die Bauarbeiter, die auch extra aus China kamen.

Nach der Einweihung der Gebetshalle mit Weihwasser folgte die Opfergabe an den Buddha. Stellvertretende Mönche und Regierungsvertreter hielten dann ihre Rede. Der Abt des Klosters, der Hohehrwürdige Ta Nang, konnte bei dieser Einweihungsfeier aus Altersgründen nicht mitteilnehmen. Er ließ sich durch seine Schüler vertreten.

Danach wurden die Namen der Spender für den Bau der Pagode vorgelesen. Aus Zeitmangel konnten jedoch nicht alle Namen der Spender, die beigetragen hatten, vorgelesen werden sondern nur einige der großzügigsten Spender. Jemand spendete z. B. 5 Millionen Malayische Dollar (3 Millionen DM). Bei dieser Konferenz spendete eine Buddhistin 800.000 Malayische Dollars (500.000 DM). Insgesamt wurden für diese 6. Konferenz eine Millionen US-Dollar von Seiten des Veranstalters aufgebracht.

Die Malayische Regierung läßt allen Religionen die Freiheit, sich nach Belieben auszubreiten. Im Gegensatz zu Indonesien oder dem früheren Vietnam, läßt sie die Chinesen frei leben und arbeiten, denn sie sind im kaufmännischen Bereich sehr geschickt und zahlen auch Steuer. Es gibt in Malaysia auch Schulen, in denen Chinesisch unterrichtet wird. Zu besseren Verständigung müssen alle Chinesen die Landessprache lernen. Englisch wird außerdem überall in Malaysia gesprochen. Obwohl Englisch nicht so oft wie Chinesisch gesprochen wird, gilt es dennoch als Amtssprache. Die Sprache ist vergleichbar mit dem Buddhismus und dem Hinduismus. In Indien ist der Hinduismus dominanter als der Buddhismus, doch der Buddhismus ist in der Welt bekannter als der Hinduismus. Demnach ist der Hinduismus in Indien vergleichbar mit Chinesisch in Malaysia und der Buddhismus mit Englisch. Eines Tages wird der Buddhismus in die Herzen aller Menschen eingehen, so wie Englisch, das heutzutage überall gesprochen wird.

Am Nachmittag des 12. November veranstaltete die Reisegesellschaft eine Besichtigungstour für alle Teilnehmer, die noch bleiben wollten. Den Teilnehmern wurden Kloster und Sehenswürdigkeiten auf dieser Insel, die nicht viel größer als die Phu Quoc Insel in Vietnam ist, gezeigt.

Am nächsten Tag, dem 13. November, hatten die Organisatoren auch alle Hände voll zu tun, da viele vom Flughafen Penang wieder abreisen wollten. Die gute Stimmung beim Abschiednehmen war für jedermann spürbar.

Am Abend des Vortages, machten der Ehrwürdige Thich Minh Tam und ich einen Spaziergang am Strand und dachten dabei an das Schicksal der vietnamesischen Flüchtlinge. Wir entdeckten zwischen den Wellen und dem Sand kleine Tiere, die sich in ihren Schlupflöchern verkrochen, wenn wir uns ihnen näherten. Ich erinnerte mich an die Zeit vor zehn bis fünfzehn Jahren, als die ersten vietnamesischen Flüchtlinge auf diese Insel kamen, sich hier kurzfristig aufhielten und dann in ein drittes Land aufgenommen

wurden. Inzwischen ist es 15 bis 17 Jahre her. Viele Flüchtlinge, die mal hier gewesen waren, sind jetzt vielleicht Ingenieure, Doktoren usw. Ich fragte mich, ob es schon jemand versucht hat, wie der Ehrwürdige Thich Minh Tam und ich, auf die Insel Pulau Bildong zurückzukehren, um einen Strandspaziergang zu machen und die kleinen Krabben zu beobachten. Viele Menschen möchten einfach ihre Vergangenheit vergessen, doch diese läßt sich oft sehr schwer vergessen. Es gibt aber auch schöne Erinnerungen, die man am liebsten für immer behalten möchte. Alles entsteht durch verschiedene Faktoren, und diese werden sich auch eines Tages dem Gesetz der Vergänglichkeit unterordnen.

Theoretisch hätten einige vietnamesische Mönche bei dieser Konferenz die Möglichkeit gehabt, die Flüchtlingslager in Malaysia zu besuchen. Doch wegen der knappen Zeit und der schlechten Flüchtlingspolitik der malayischen Regierung konnten sie das nicht realisieren. Die vietnamesische Sangha hatte nur die Möglichkeit an alle südostasiatischen Länder und internationalen Organisationen zu appellieren, die vietnamesischen Flüchtlinge nicht in ihrer Heimat zurückzuschicken, wo die Menschenrechte und die Religionsfreiheit immer noch unterdrückt werden.

Beim Beobachten der kleinen Krabben denken wir an den starken Kampfeswillen für die Freiheit unseres Volkes. Im Westen angelangt, versuchten alle, Asyl zu beantragen und einen Reisepaß zu bekommen. Einige scheinen dies zu vergessen und kehren zum eigenen Vorteil nach Vietnam zurück. Sie verdienen, so meine ich, nicht mehr den Status eines Flüchtlings. Auf der anderen Seite kämpfen Menschenrechtsorganisationen und Individuen, darunter der Ehrwürdige Thich Minh Tam und ich für ein freies Vietnam. Obwohl unsere Stimmen sehr leise und klein sind, versuchen wir dennoch, laut in alle Richtungen zu schreien und in der Welt ihr Mitleid zu erwecken, die weniger glücklichen noch verbleibenden Flüchtlinge aufzunehmen.

Ich fuhr mit der Gruppe und Rev. Thich Giac Dang und der Nonne Thich Nu Dieu Tram zurück nach Kuala Lumpur. Im Bus sprachen wir über verschiedene Dinge, aber auch oft über Vietnam. Gegen Mittag besuchte unsere Gruppe ein Nonnenkloster und wurden zum Essen eingeladen. Dort wohnen viele Nonnen aus Kanton. Deshalb kochten sie fast ähnlich wie die Vietnamesen. Uns wurden nach 6 Tagen zum erstenmal wieder Speisen zusammen mit dem Reis serviert. Reis wurde bisher nicht serviert oder wenn, dann ganz am Schluß der Mahlzeit.

Am Nachmittag besuchten wir das Kloster des Hohehrwürdigen Dhamananda in Kuala Lumpur. Dort gibt es auch ein buddhistisches Institut, und Bücher auf Englisch werden dort gedruckt. In der Gebetshalle sahen wir einige typischen buddhistischen Bilder und Gegenstände aus verschiedenen Ländern, darunter auch aus Vietnam. Die Vietnamesische Theravabuddhismus-Kongregation hatte dem Kloster ein Bild, einen Lotusstrauch und eine Buddhastatue, alles aus Holz, geschenkt. Diese Gegenstände sind sehr alt und wertvoll; man findet Vergleichbares selbst in den großen Museen der Welt nicht.

Vietnamesische Kunstbilder, die aus Muschelschalen hergestellt sind, werden auch in Malaysia angeboten. Als ich am 12. November die lange Treppe zum Turm des Nirwana-Klosters hinaufstieg und an beiden Seiten der Treppe Souvenirstände mit diesen Kunstgegenständen sah, habe ich die anderen Mönche herbeigerufen, um sie anzusehen und zu fotografieren. Für mich waren sie etwas Besonderes, da ich schon seit 23 Jahren im Ausland wohne. Ich unterhielt mich mit dem Ehrwürdigen Thich Giac Hoang, der seinen Dokortitel an der Sorbone Universität Paris bekommen hatte. Er hat im gleichen Jahr, 1972, in dem ich mein Studium in Japan begonnen hatte, sein Studium in Thailand angefangen. Ich habe nach seinen Eindrücken nach dem Besuch in Vietnam im letzten Jahr gefragt. Als Antwort sagte er: "Es ist jetzt sehr fremd. Ich schien im eigenen Land irgendwie verloren zu sein. Ich habe unsere Heimat nicht vergessen, doch sie scheint mich vergessen zu haben. In den Städten herrscht nur noch Geld und in den ländlichen Gegenden ist es weiterhin sehr arm und einfach."

Nach dieser Antwort war ich halb froh und halb besorgt. Froh, weil ich mir sicher war, daß ich eines Tages meine Heimat besuchen werde, und besorgt, weil ich nicht weiß, was ich den Leuten zu sagen habe und ob sie mich, einen Heimkehrer, verstehen können?

Am 5. November, als ich am Flughafen von Amsterdam ankam, um von dort nach Kuala Lumpur zu fliegen, traf ich sehr viele bekannte Gesichter, die auch dahin wollten und dann weiter nach Vietnam flogen. Alle haben mich gefragt, ob ich auch nach Vietnam fliegen wolle. Darauf antwortete ich: "Ja, in Zukunft, aber jetzt nur nach Malaysia."

Das Flugzeug machte für eine Stunde Pause in Malaysia und flog weiter nach Saigon. Auf der Rückreise wird es auch einen Zwischenstop in Malaysia machen, um Passagiere aufzunehmen und weiter nach Amsterdam zu fliegen. Ich glaube, daß ich einige bekannte Gesichter aus Kanada, Amerika, Frankreich, Deutschland, Italien wiedersehen würde und sie mir wahrscheinlich wieder die gleichen Fragen stellen würden.

Im Flugzeug saß ich neben zwei Italienern, die auch nach Vietnam flogen. Sie konnten ein wenig Französisch und studierten gerade in den Reiseführern über die Kultur, Essen, Sehenswürdigkeiten etc. von Vietnam. In Malaysia half ich ihnen, eine Zollerklärung auf Englisch und Vietnamesisch auszufüllen. Ich war plötzlich sehr traurig, da diese Leute nach Vietnam reisen konnten und ich umgekehrt nicht wußte, wann ich meine Heimat besuchen darf. Ich weiß, daß ich diese Frage nur für mich beantworten kann. Eines ist sicher. Ich werde nicht aus eigenen



Vorteilen nach Vietnam zurückkehren und somit den Kampfeswillen für die Freiheit unseres Landes brechen. Unsere Vorfahren, Meister und viele andere werden immer noch in den Gefangenschaft der Kommunisten festgehalten.

Am Abend des 13. November besuchten wir das Nonnenkloster "Kleiner Lotus". Das Wort "klein" hat mit der Realität nichts zu tun. Das Kloster war mindestens so groß wie das Kloster Vien Giac in Deutschland. Nach diesem Besuch kehrten alle zurück in ihre Zimmern im Hotel Crystal Crow, um am nächsten Tag in ihre Länder zurückzufliegen. Da mein Flugzeug nach Amsterdam erst am 15. November starten wird, bin ich heute, dem 14. November, den ganzen Tag über im 16. Stockwerk des Hotels geblieben und habe diesen 29seitigen handgeschriebenen Bericht geschrieben. Dieser Bericht könnte in 60 oder 70 Jahren als ein wichtiges Dokument für die spätere Generation über den Erfolg der 6. Konferenz dienen.

Zum Schluß möchte ich für den Frieden in der Welt beten. Möge Vietnam bald frei und Fortschritte in allen Bereichen erzielen, um das Land, darunter die Vietnamesische Buddhistische Kongregation, stark aufzubauen.

Beendet am 14.11.1995, um 16:00, im Hotel Crystal Crow - Kuala Lumpur - Malaysia.



# CHƯƠNG TRÌNH LỄ PHẬT ĐỊNH KỲ năm 1996 của Chùa Viên Giác Hannover

## • THÁNG 2 NĂM 1996

*Ngày 18 tháng 2 năm 1996 (Chủ Nhật)  
nhằm ngày 30 Tết*

- 20 : 00 Lễ Phật Hồng Danh Sám Hối
- 22 : 00 Văn Nghệ mừng Tết Nguyên Đán do GDPT Tâm Minh đảm trách
- 24 : 00 Lễ đón Giao Thừa, nước vía Đức Di Lặc

*Ngày 19 tháng 2 năm 1996 (Thứ Hai)  
mùng Một Tết*

- 06 : 00 Công phu khuya  
Từ sáng đến tối tại chùa có phát lộc, xin xăm, cúng Tổ, cúng chừ Hương Linh quá vãng (lúc 11 giờ trưa).

*Ngày 20 tháng 2 năm 1996 (Thứ Ba)  
mùng Hai Tết*

Gióng như ngày mùng Một Tết

*Ngày 21 tháng 2 năm 1996 (Thứ Tư)  
mùng Ba Tết*

Từ 6 giờ sáng đến 17 giờ chiều tri tụng kinh Diệu Pháp Liên Hoa để cầu nguyện thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc.

*Ngày 24 tháng 2 năm 1996 (Thứ Bảy)*

Tham dự Tết tại Frankfurt do 3 Chi Hội Aschaffenburg, Frankfurt và Wiesbaden tổ chức.

## • THÁNG 3 NĂM 1996

Ngày 4. tháng 3 năm 1996 (Thứ Hai)  
Rằm tháng Giêng - Chánh lễ - từ sáng đến tối tại chùa có lễ Phật, xin xăm.

*Ngày 10 tháng 3 năm 1996 (Chủ Nhật)*

Lễ Rằm Tháng Giêng thường lệ, đọc sớ cầu an và nhượng tình giải hạn cũng như hoàn kinh Dược Sư.

*(Từ 26.2.96 đến 9.3.96 mỗi tối vào lúc 20 giờ tại chùa có tụng kinh Dược Sư và dâng sớ cầu an đầu năm)*

*Ngày 16 và 17 tháng 3 năm 1996*

Thọ Bát Quan Trai tại Niệm Phật Đường Linh Thứu - Berlin

*Từ 28.3 đến 3.4.1996* hành hương đi Nga. Quý Phật Tử nào muốn đi viếng Nga, xin liên lạc về chùa để biết thêm chi tiết.

## • THANG 4 NAM 1996

*Ngày 20 tháng 4 năm 1996*

Lễ Phật tại Aschaffenburg

*Ngày 21 tháng 4 năm 1996*

Lễ Phật tại Trier

*Ngày 27 và 28 tháng 4 năm 1996*

Thọ Bát Quan Trai tại Nürnberg

## • THÁNG 5 NĂM 1996

*Ngày 4 và 5 tháng 5 năm 1996*

Thọ Bát Quan Trai tại Reutlingen (do Chi Hội Phật Tử Reutlingen và Rottweil tổ chức).

*Ngày 16 đến 19 tháng 5 năm 1996*

Khóa giáo lý nghiên tu tại Mannheim do TT. Thích Như Điển, TT. Thích Nhất Chơn và TT. Thích Thiện Huệ hướng dẫn.

*Ngày 25 tháng 5 năm 1996*

Phật Đản tại München

*Ngày 31 tháng 5 + 1 và 2 tháng 6 năm 1996*

Đại Lễ Phật Đản tại chùa Viên Giác Hannover và sau đó là An cư kiết hạ trong 3 tháng. Mỗi tối tại chùa vào lúc 20 giờ có lễ kinh Đại Bát Niết Bàn mỗi chữ mỗi lay

## • THÁNG 7 NĂM 1996

*Từ ngày 20 đến ngày 30 tháng 7 năm 1996*

Khóa giáo lý Âu Châu kỳ 6 tổ chức tại Hòa Lan.

## • THÁNG 8 NĂM 1996

*Ngày 03 tháng 8 năm 1996*

Lễ Vu Lan tại Mönchengladbach

*Ngày 17 tháng 8 năm 1996*

Lễ Vu Lan tại Bamtrup

*Ngày 24 tháng 8 năm 1996*

Lễ Vu Lan tại Hamburg

*Ngày 30, 31 tháng 8 và 1 tháng 9 năm 1996*

Đại Lễ Vu Lan tại chùa Viên Giác Hannover

## • THÁNG 9 NĂM 1996

*Ngày 7 tháng 9 năm 1996*

Đại Lễ Vu Lan tại Bremen

*Ngày 14 tháng 9 năm 1996*

Lễ Vu Lan tại München

*Ngày 21 và 22 tháng 9 năm 1996*

Thọ Bát Quan Trai tại Berlin

*Ngày 28 và 29 tháng 9 năm 1996*

Thọ Bát Quan Trai tại Frankfurt

## • THANG 10 NĂM 1996

*Ngày 5 và 6 tháng 10 năm 1996*

Thọ Bát Quan Trai tại Heidelberg

*Ngày 11 tháng 10 năm 1996*

Lễ Phật tại Reutlingen

*Ngày 12 tháng 10 năm 1996*

Lễ Phật tại Rottweil

*Ngày 26 và 27 tháng 10 năm 1996*

Thọ Bát Quan Trai tại Wiesbaden

## • THÁNG 11 NĂM 1996

*Từ 1 đến 17 tháng 11 năm 1996 Phật sự tại Canada*

*Từ 23 tháng 11 đến 6 tháng 12 năm 1996*

hành hương Ấn Độ. Quý Phật Tử nào muốn hành hương đi Ấn Độ năm 96 xin liên lạc về chùa trễ nhất đến cuối tháng 8 năm 1996 để biết thêm chi tiết.

## • THÁNG 12 NĂM 1996

*Ngày 14 tháng 12 năm 1996*

Lễ Phật tại Freiburg

*Ngày 15 tháng 12 năm 1996*

Lễ Phật tại Karlsruhe

*Ngày 21 tháng 12 năm 1996*

Lễ Phật tại Norddeich

*Ngày 22 tháng 12 năm 1996*

Lễ Phật tại Münster

Trên đây là những buổi lễ Phật trong nước Đức và các chuyến hành hương đi ngoại quốc vào năm 1996. Chương trình có thể thay đổi ít nhiều tùy theo hoàn cảnh của mỗi địa phương.

- *Tại chùa Viên Giác mỗi tháng có 2 lần lễ Phật công cộng vào Chủ Nhật thứ nhất và Chủ Nhật thứ 3, bắt đầu vào lúc 11 giờ sáng.*

- *Ngoài ra trong mùa An cư kiết hạ từ rằm tháng 4 đến rằm tháng 7 âm lịch tại chùa cứ mỗi cuối tuần vào lúc 10 giờ sáng Thứ Bảy đến 10 giờ sáng Chủ Nhật đều có lễ Thọ Bát Quan Trai.*

- *Cứ mỗi tháng vào ngày 14 hoặc 30 âm lịch (tháng thiếu vào 29) lúc 20 giờ tại chùa đều có cử hành lễ Hồng Danh Sám Hối.*



# CÔNG HẠNH BỒ TÁT Quán Thế Âm

• Thượng Tọa Huyền Tôn

(Thượng Tọa Huyền Tôn giảng trong buổi lễ an vị Tôn Tượng QUÁN THẾ ÂM tại Chùa Pháp Bảo Sydney. Do TT Thích Bảo Lạc, Hội trưởng GHPGVNTN tổ chức và cung thỉnh, vào ngày vía Quán Thế Âm Đản Sanh 19.2 Năm Mậu Thìn 1988)

## Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát

- QUÁN THẾ ÂM, đáng mẹ hiền trên tất cả mẹ hiền, trên tất cả thánh nhân được tôn xưng là mẹ hiền.
- QUÁN THẾ ÂM, danh hiệu của tình thương bao la không bờ bến, bao la rộng khắp cõi hư không.
- QUÁN THẾ ÂM, gắn liền với tim óc của nhân loại, của muôn loài chúng sanh.

Với QUÁN THẾ ÂM nơi nào có khổ đau, nơi nào có tai nạn! Nơi đó phát ra tiếng niệm QUÁN THẾ ÂM chỉ thành và tha thiết. Nơi đó có QUÁN THẾ ÂM. Nơi đó được giải trừ tất cả khổ đau và tai nạn!

Danh hiệu Bồ Tát QUÁN THẾ ÂM trong nhân loại ai cũng đều biết đến, cũng đều niệm khi có tai nạn hiểm nguy và ách nạn khủng khiếp. Ngoại trừ hạng người sanh ra nơi biên địa, hoặc căn trí quá tối tăm, hoặc tín ngưỡng tà đạo, mê muội với thần quyền hữu danh mà vô thực. Hoặc hạng người đã bán rẻ Mẹ Cha tôn thờ xác ma chết treo dây quai gỡ làm cứu cánh. Vì chính họ đã chối bỏ Quán Âm thì Quán Âm không giao cảm đến. Tuy nhiên hạng người đó biết hồi tâm trong khoảnh khắc thì Quán Thế Âm vẫn thị hiện để hóa độ.

### Y Nghĩa Quán Thế Âm Bồ Tát

- QUÁN, là quán xét, thấy nghe, biết đối tượng thật rõ ràng.
- THẾ, là cõi đời, cõi hữu tình thế gian.
- ÂM, là tiếng niệm, tiếng kêu cứu, tiếng cầu nguyện từ mọi nơi đau khổ phát ra.
- BỒ TÁT, là độ thoát cho loài hữu tình, cứu thoát, giác ngộ cho tất cả các loài chúng sinh có tình cảm được vượt thoát ra khỏi khổ đau ách nạn.

Đức QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT, đạt được diệu quả NHÍ CĂN VIÊN THÔNG nên quán xét và nghe, thấy, biết cùng tốt tiếng kêu đau khổ khắp cõi thế gian, hiện ngay nơi đó để cứu độ chúng sanh đang khổ đau vượt thoát tất cả những hiểm nguy đau khổ, nên gọi là QUÁN THẾ ÂM.

Do công hạnh cứu độ tự tại nhiệm màu đó, nên trong kinh điển còn gọi là QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT.

### Quán Thế Âm

Tiếng Phạn *Avalokita-svara*, nghĩa là, Ngài nghe tiếng kêu thầm kín thiết tha trong tâm khảm chúng sanh trong thế gian mà đến cứu khổ. Đem an lạc, đem bi tâm vô lượng, nói cách khác là tình yêu thương triu mến vô biên gấp muốn vạn lòng dạ của bà mẹ hiền ở thế gian đối với đứa con cưng, nên gọi là Từ mẫu Quán Thế Âm.

### Quán Thế Âm Vô Úy

Kinh Pháp Hoa phẩm Phổ Môn: "Bồ Tát đối với cấp nạn nguy hiểm, kinh sợ, còn ban cho chúng sanh năng lực Vô Úy để tự vượt thoát khổ ách", nên gọi là Quán Âm Vô Úy.

### Sự Tích Bồ Tát Quán Thế Âm

Đức Phật BỐN SỰ THÍCH CA khi nói kinh Bi-Hoa đã dạy rằng: - Về thời quá khứ cách đây thật lâu xa, đức Quán Thế Âm làm thái tử con vua Vô-Tránh-Niệm. Thời bấy giờ có đức

Phật hiệu là BẢO TANG NHƯ LAI, hiểu được đạo lý vô thượng Vua và Thái tử quyết chí phát tâm Bồ đề rộng lớn, nguyện tu các hạnh Bồ Tát, mong thành Phật quả để phổ độ chúng sanh.

Khởi đầu đức Vua và Thái tử làm người thí chủ chân thành cúng dường các thứ y phục, thuốc men, thực vật, mừng mền và tất cả món cần dùng lên đức BẢO TANG NHƯ LAI và chúng tăng trong suốt 3 tháng. Nhờ nhất niệm tinh chuyên, tinh tấn không ngừng, vua Vô-Tránh-Niệm chứng thành quả Phật và phát 48 lời thệ nguyện rộng lớn nguyện tế độ khắp cả chúng sanh, Ngài liền thành Phật hiệu là A-di-Đà giáo chủ cõi Tây Phương Cực Lạc. Thái tử công hạnh cùng tròn đầy viên mãn cũng về cõi Cực Lạc thành bậc đại Bồ Tát hiệu là QUÁN THẾ ÂM cùng với Phật A-DI-ĐÀ tiếp dẫn chúng sanh về cõi Cực Lạc.

### Công Hạnh Bồ Tát Quán Thế Âm

Chúng tôi kính thỉnh quý vị nghe Ngài Huyền Trang Tam Tạng pháp sư đời Đại Đường. Ngài nói: "Quán Có, mà không trụ hơi Có, quán Không mà không trụ nơi Không. Nghe Danh, mà không làm đối với Danh, thấy Tướng mà không chìm ở nơi Tướng. Tâm, không động ở Tâm. Cảnh không trước ở cảnh; tất cả hiện hữu đó, không làm loạn được Chơn, đó chính là TRÍ TUỆ VÔ NGẠI. Bồ Tát Quán Thế Âm đã dùng TRÍ TUỆ VÔ NGẠI đó mà tìm tiếng kêu của chúng sanh ứng hiện tới mà cứu khổ, dù muốn ngàn vạn ức tiếng kêu cầu cứu khổ mà sự cứu khổ không mất thời gian, diệu dụng của QUÁN THẾ ÂM là như thế.

Lại nữa, trong Nhị-khóa-Hiệp-giải viết rằng: "Quán, là Trí Năng-quán, Thế-âm, là Cảnh Sở-quan. Muốn ngàn hình tượng, muốn ngàn thứ tiếng chen nhau giao động, khác biệt, cách trở điệp điệp trùng trùng, do đức Hoàng tử rộng lớn vô biên của Ngài cùng một lúc đều được cứu độ, nên danh hiệu là QUÁN THẾ ÂM.

Thái Hu đại sư huyền luận về kinh Pháp Hoa có nói đến hạnh nguyện cứu khổ của Bồ Tát Quán Thế Âm như sau: "Đức Quán Thế Âm tìm nghe tiếng cầu cứu thống khổ của tất cả chúng sanh khắp mọi nơi, mọi chốn liền ngay khi đó đến mà cứu độ, quả vị lợi tha vô lượng vô biên luôn luôn hướng về chúng sanh và làm những việc lợi ích cho họ. Bồ Tát thị hiện đầy đủ ba thân, đó là Thăng-ưng-Thân, Liệt-ưng-Thân, Tha-thọ-dụng-Thân, nên mới đủ diệu dụng độ khắp chúng sanh trong pháp giới.

Đến đây chúng ta hãy trở về với bộ Đại Thừa kinh Pháp Hoa, quyển 7 phẩm 25, Phổ Môn.

Toàn phẩm kinh Đức Bốn Sự Thích Ca Mâu Ni đã khuyên dạy chúng sinh trì tụng, lễ bái Quán Thế Âm thì được phước vô lượng. Về phương diện cứu khổ, Bồ Tát Quán Thế Âm thị hiện 32 thân, mỗi thân đều thích ứng với tâm cảnh hiện tại và từ đó có muôn ngàn phương tiện để giải thoát khổ nạn cho chúng sanh.

### Bồ Tát Quán Thế Âm Thị Hiện Bằng Cách Nào Trong Lúc Có Vô Số Chúng Sanh Đồng Cầu Cứu ?

Với nghi vấn này quả nhiên lòng tin còn thô cạn, hoặc giả chưa thông hiểu nghĩa diệu dụng hiện thân màu nhiệm của Bồ Tát Quán Thế Âm.

Đã là diệu dụng nhiệm màu, thì thử hỏi ngôn ngữ trong cõi nhân loại chúng ta có thể diễn đạt được sao? Nếu, không dùng phương tiện mượn Sự, mượn Lý, mượn Hình để thí dụ thì khó có thể mô tả so sánh cho thông suốt và hết ngữ vực được. Nghi ngờ là một cản trở lớn cho lòng chí thành vậy. Tuy nhiên nghi ngờ từ nơi tà kiến là một chướng nạn cho giải thoát.

Diệu dụng cứu khổ của Quán Thế Âm, tỉ như ánh sáng của Thái Dương (dụ cho thượng quán) luôn luôn soi chiếu khắp mọi nơi (dụ cho sự thường trực tìm tiếng kêu). Chúng sanh như là một tấm kiếng hay là một chén nước trong, tấm kiếng hay chén nước nếu chịu hướng về ánh sáng Thái Dương, thì trong tấm kiếng, chén nước có hình ảnh và ánh sáng của Thái Dương (sự hướng về dụ cho lòng chí thành) ngời sáng trong đó.



Ánh sáng dù luôn chiếu soi, mà tấm kiếng úp lại, chén nước thì đầy kín, nhất định hình ảnh Thái Dương và ánh sáng không thể hiển hiện trong đó được. Cũng vậy chúng sanh không tha thiết chí thành, như đứa con hoang nghịch cố trốn tránh sự tìm kiếm của Mẹ hiền, sự gặp mặt tất còn lâu xa.

Một tí dụ khác, diệu dụng Quán Âm như tổng đài phát ra làn sóng âm thanh hay phát ra hình ảnh. Sự phát đi, dĩ nhiên luôn luôn thường trực (dù cho tâm thanh cứu khổ) còn chúng sanh như những máy thu thanh, thu hình, máy mô đúng làn sóng, đúng vi-ba của tín hiệu, tất nhiên thấy hình, nghe tiếng (dù cho lòng chí thành và giao cảm).

Dù cho muốn ngàn triệu chiếc máy (vô số chúng sanh) cùng một lúc bắt đúng tín hiệu tức nhiên muốn ngàn triệu chiếc máy, cùng một giờ phút, mà cùng có âm thanh và hình ảnh (dù cho cùng niệm và cùng được sự thị hiện nhiệm mầu). Cũng như thế, tất cả mọi loài chúng sanh, nếu cùng chí thành hướng về đức QUÁN THẾ ÂM tất Bồ Tát cùng hiển hiện ngay liền khi đó.

### Diệu Dụng Khi Thị Hiện Của Bồ Tát Quán Thế Âm

Điều này tưởng cũng minh bạch qua các thí dụ ở đoạn trên, tuy nhiên còn vài thắc mắc khác xin được nêu ra:

Căn cứ theo các kinh Bi Hoa, Lăng Nghiêm, Tát Đàm, Phổ Môn, Quán Thế Âm thọ ký... thì, đức Quán Thế Âm thị hiện thật nhiều thân, 32, 33, 38 và tùy vô số loại mà hiện thân.

Trí óc con người vốn mang nhiều nghi hoặc, dù đã tin tưởng Phật Pháp là cao siêu mầu nhiệm, chịu thọ nhận, tụng niệm tu hành. Nhưng tiếc thay, nghiệp chướng nghi hoặc đã làm ngăn trở bước đường tiến tu không ít. Người ta cứ nghi: "Bồ Tát sao không hiện ra trước mắt cho thấy, cho nghe; bao nhiêu hiện thân trong kinh Phật, nào Bồ Tát, Phạm Vương, Đế Thích, Thiên, Long, Đồng Nam, Đồng Nữ v.v... Nhưng khi có nạn, mình có niệm chí thành lâm chỗ, mà nào có thấy Bồ Tát!?" Sự kiện này, có nhiều người vì lòng tin sâu đậm và do nhận xét tinh tế quyết chắc có sự tế độ của Bồ Tát chỉ vì mình mất phẩm, tại tục nên không thấy Ngài, nếu không có thì không thể nào mình thoát nạn một cách kỳ diệu được. Một số khác, lại ngỡ rằng không biết có phải Bồ Tát đến độ cho mình hay không? hay là mình có số hên? Hay là do phước ông bà để lại?

Thưa nên hiểu rằng, Bồ Tát thị hiện giao cảm trong chúng ta, trong tất cả mọi người, mọi loài.

Một đám giặc cướp sắp ở sát tạt công chiếc thuyền nhỏ bé, hay trên thuyền sắp có biến cố thể thảm xảy ra... Tại sao bọn cướp lại đổi ý để trở thành thiện niệm? Để rồi bọn chúng trở nên hiền từ và rút lui êm đẹp? Hơn nữa còn tiếp tế giúp đỡ (trong khi đó trên chiếc thuyền có nhiều người chỉ thành niệm danh đức Quán Thế Âm)!

Sự đổi thay tâm ý của kẻ ác, lại không là sự thị hiện nhiệm mầu để cứu độ hay sao? Không lẽ Ngài hiện ra hung thần để đánh chìm ác tặc, rồi mới cho là linh?

Bà già ở nhà một mình lấy rổ vá ra khâu may, mới vài đường kim chỉ chẳng may chỉ sút, đôi mắt lem nhem sợi chỉ không làm sao khâu qua lỗ kim được, bà thở dài buồn thảm: "Mẹ hiền Quán Thế Âm ơi con phải làm sao!?". Bà tủi thân gần muốn rơi lệ lòng hướng về Phật lâm râm cầu nguyện. Đứa bé chơi từ ngoài xa, nó bỗng thấy thích vào nhà bà già có quả ấy, và đứa bé đã xấu chỉ cho bà. Quý vị đã nhận thấy Bồ Tát thị hiện trong tâm đứa bé ấy chưa?

Bạn lái xe đi trên quảng đường thôn dã, không may xe bạn hư! Với độc lực và hơn nữa là bạn chưa một lần biết sửa xe, bạn chỉ biết cầu nguyện... Từ bên ngoài quốc lộ có đôi bạn lại nổi lên ý niệm ham thích được đi trên con đường hẻo lánh đó, họ gặp bạn và sẵn sàng ra tay nghĩa hiệp giải nguy cho bạn. Quán Thế Âm thị hiện là chỗ đó. Đó là trưởng giả thân, cũng là đồng nam, đồng nữ vậy.

Bà Am người làng Sơn Tịnh, mỗi năm một lần bà lên núi Trà Bồng, hang Thạch Động để lễ Phật, cái hang động ngày xưa mà thầy Chơn Dung tu hành đã phát kỳ tích ở đây. Hú hồn, hôm ấy bà gặp phải con cạp, chao ôi con cạp vẫn vện to lớn quá, cạp từ xa gầm thét và phóng tới, bà chỉ kịp la lên QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT rồi bà bất tỉnh! Thực ra bà "THẾT" chứ không phải niệm, nhưng đó là cái thét cấp bách đầy khẩn thiết và sự chí thành được dồn hết vào cái THẾT đó.

Khi tỉnh dậy, ý niệm đầu tiên của bà là tưởng mình đã chết, một lát sau tri giác về đủ, bà mới cảm nghe hơi hám và đau rát trên mặt. Thì ra con cạp đã liếm mặt bà rồi bỏ đi.

Tại sao cạp bỏ đi, khi miếng mồi ngon trước miệng nó? Chính đó là diệu dụng cảm hóa, tế độ của Bồ Tát Quán Thế Âm trực tiếp ngay trong tâm ý của con cạp.

Bà Am là người quen (tu) tập chiếu mặt kiếng về ánh Thái dương (thường niệm Quán Thế Âm) trong giờ phút cấp bách bà chiếu đúng ánh sáng QUÁN THẾ ÂM.

### Tại Sao Hình Tượng Quán Thế Âm Chúng Ta Đang Thờ Lại Mang Vóc Dáng Nữ Nhân, Ngài Là Nam Hay Nữ?

Chúng ta nên biết mười phương chư Phật không hề có nữ nhân. Trong kinh Pháp Hoa phẩm Phổ Môn có câu: "Ứng dĩ Phật thân đắc độ giả Quán Thế Âm Bồ Tát tức hiện Phật thân nhi vị thuyết pháp". Thế thì, đức Quán Thế Âm là Bồ Tát thì làm sao có thể hiện được Phật thân?

Thực ra trong kinh Đại Nhật và kinh Bi Hoa đức Bốn Sư THÍCH CA đã từng dạy rằng, đức Quán Thế Âm đời quá khứ đã thành Phật hiệu là CHÁNH PHÁP MINH NHƯ LAI vào thuở lâu xa vô lượng kiếp về trước. Vì bị nguyên độ sanh mà Ngài thị hiện làm thân Bồ Tát. Cũng trong kinh Bi Hoa, đức Phật luôn luôn gọi đức Quán Thế Âm là "Thiện-nam-tử" tốt! Vậy đức Quán Thế Âm không thể nào là nữ nhân được.

Căn cứ theo lịch sử về tôn giáo, nhân gian dật sử, Lĩnh ứng truyền ký và các lịch sử (tính chất sự tích) của Trung Hoa từ sau nhà Châu vua Chiêu Vương đến cận đại, và Việt Nam từ đầu thế kỷ thứ ba đến cận kim thì Đức Quán Thế Âm Bồ Tát đã từng hóa hiện vào các thế gia và cả bàn gia để ứng cơ hóa độ chúng sanh. Mượn sự tưởng của thế đạo để dẫn dắt nhân gian hướng thượng quay về chánh đạo. Như Quán Âm Diệu Thiện về đời vua Trang Vương. Quán Âm khách giò cá đời vua Huyền Tôn nhà Đường, Quán Âm Thị Kính đời nhà Minh, Quán Âm linh ứng đời nhà Nguyễn v.v... Tham khảo điều này cho ta thấy qua các đời phong kiến mọi quyền hành quan sát, cũng như làm tao loạn nhân gian hay thịnh suy cho đất nước, đều nằm trong tay Nam giới. Tuy vậy những nữ lưu tuyệt đẹp và xuất sắc vẫn là cao điểm để đam mê và dễ bị Nữ sắc lung lạc và điều khiển.

Vậy sự hiện thân Nữ-nhân nhằm để xoay đổi tâm hướng xấu ác và cải thiện những xa hoa truy lạc, đó là mục tiêu tùy duyên hóa độ của Bồ Tát Quán Thế Âm. Và cũng từ đó mà tượng, ảnh của Ngài trở nên NỮ MẠO trong một số quốc gia Á Châu. Nhưng điều căn bản mà chúng ta phải biết rằng đó là hình ảnh thị hiện không nên chấp đó là Phật-Thân của Ngài. Thân thật của Bồ Tát cũng như đức Bốn Sư Thích-Ca, đức Phật A-Di-Đà và mười phương chư Phật vậy.

### Ba Lễ Vía Quán Thế Âm Trong Hằng Năm, Có Khác Biệt Gì Hay Không?

Hằng năm Phật tử khắp nơi trên thế giới thường làm lễ vía Bồ Tát Quán Thế Âm thật trang nghiêm vào các ngày: 19/2, 19/6 và 19/9 đều theo âm lịch. Nhưng đa phần chỉ biết suông là lễ vía Quán Thế Âm thế thôi! Thực ra trong Thiên Môn Nhục Tụng có xưa đã ghi rõ:

- Ngày 19/2 là vía Quán Thế Âm Dân Sanh.
- Ngày 19/6 là vía Quán Thế Âm Thành Đạo.
- Ngày 19/9 là vía Quán Thế Âm Xuất Gia.

Kính mong rằng bài giảng ngắn ngủi hôm nay sẽ đem đến toàn thể quý vị, niềm tin chân chính và thành khẩn, luôn luôn tưởng niệm đến danh hiệu QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT để được giao cảm hàng thường với Bồ Tát, dù tai họa đến đâu Hữu Cầu Tất Ứng (như trường hợp bà Am). Hãy chánh tín. Lời nói của Chư Phật không bao giờ hư dối.

*Nam Mô Đại Từ Đại Bi Tâm Thịnh Cửu Khổ Cửu Nạn  
Linh Cảm Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát.*

Trân trọng kính chào chư quý vị.

# Bí ẩn về TIỀN KIẾP và HẬU KIẾP

• Tác giả Đoàn Văn Thông

## LINH HỒN CÓ HAY KHÔNG ?

(tiếp theo)

### • Những trường hợp đáng lưu tâm:

Dưới đây là lời kể của một người đàn bà đã trải qua một giai đoạn gần gũi với cõi chết. Nhà nghiên cứu Verlyn Klinkenborg chuyên phỏng vấn những người đã đi vào cõi chết ghi lại lời kể sau đây của một thiếu phụ:

"Tôi nhớ rõ là mình đã bị sốt cao, nhiệt độ cơ thể lên đến 106 độ (độ F). Tôi như bị loạn nhịp tim. Toàn thân tôi đau nhức, ớn lạnh nóng ran xen kẽ. Tôi cảm thấy đau đớn lạ thường. Tôi bị nhiễm trùng đột ngột. Trong lúc ý thức tôi như chìm đắm dần vào cơn mê thì tôi nghe văng vẳng bên tai tiếng kêu: "... tôi không thể, tôi không thể kiểm soát nổi áp huyết của bà ta nữa rồi!" (có lẽ đó là tiếng kêu than của bác sĩ đang theo dõi cơn sốt của tôi).

Rồi bỗng nhiên trong khoảnh khắc, tôi thấy vô số những phần nhỏ li ti xuất hiện tràn đến, tôi lảng lảng và cảm thấy nhẹ bồng một cách lạ thường và tôi thoát ra khỏi cơ thể của chính tôi dễ dàng như cởi bỏ bộ áo choàng và cùng lúc như trút lại đằng sau cơn đau khủng khiếp mà trước đó đã hành hạ tôi. Tôi như bay lên phía góc của trần nhà trong căn phòng bệnh viện. Từ đó tôi thấy phía dưới các bác sĩ, các cô y tá đang lảng xăng lo cửu mạng sống của tôi. Một bác sĩ lộ vẻ bối rối, nét mặt lo âu thực sự vì có lẽ tôi đã chết dưới sự nhận định của ông và của mọi người đang có mặt trong phòng. Tôi nghe tiếng bác sĩ lâu bầu như nguyên rủa cái gì đó và vô tình ông ngược nhìn về phía góc trần nơi tôi đang ở đó, nhưng chắc chắn là ông ta không trông thấy được tôi. Một thoáng sau, tôi bắt đầu trôi dần vào một vùng sâu thẳm lạ lùng, có thể ví đó là một đường hầm có miệng hun hút như cái giếng với những lớp mây màu xám đục bao phủ nhưng tôi vẫn có thể thấy được mình đang xuyên qua những lớp mây giăng phía trước... Tôi nghe bên tai tiếng gió vùn vụt tôi như lướt đi mặc dầu lúc đó tôi không còn có thân xác nữa vì thân xác tôi đang nằm trên giường với tấm rập phủ lên thân mình.

Lúc bấy giờ tôi cảm thấy nổi kinh dị lạ lùng đến cùng với những vầng sáng, những tia sáng vàng rực rỡ và tôi hòa vào trong những ánh sáng ấy. Tôi có linh cảm rằng mình đang đi vào nơi tận cùng của thế giới, đang qua một nơi trung gian của thế giới tôi đang sống với thế giới khác... tôi muốn tiếp tục tiến sâu vào nơi chan hòa ánh sáng lạ kỳ ấy nhưng lại như có cái gì đó níu kéo tôi dừng lại. Tôi bỗng sực nhớ đến hai con của tôi. Tôi không thể xa chúng, tôi phải săn sóc chúng.

Thế rồi tôi lại thấy những chấm nhỏ li ti xuất hiện lần thứ hai y như lúc tôi vừa bị rơi vào đường hầm hun hút. Tôi nghĩ mình đang quay về đường cũ. Tôi đến gần thể xác mình và nhập vào cái thân xác bất động ấy. Sự việc trông có vẻ tự nhiên và dễ dàng như lần tôi thoát khỏi thân xác mình. Tôi cảm thấy mình có sức nặng và bỗng nhiên cảm giác đau đớn lại đến... vừa lúc tôi nghe có tiếng động xôn xao và có tiếng kêu lên: "Bà ta đã sống lại rồi kia!" Sau đó, bác sĩ cho tôi biết là đứa con tôi vừa mới chào đời đã chết...

Từ đó, tôi luôn luôn giữ mãi những hình ảnh lạ lùng về những gì mà tôi đã trải qua, những hình ảnh ấy cứ chấp chờn mãi trong tâm trí nhất là vào mỗi đêm trước khi đi ngủ và tôi nghĩ rằng: "Mình đã một lần chết đi sống lại" và tôi tự hỏi: phải chăng đoạn đường tôi mới bước qua là đoạn đường dẫn vào thế giới khác, một thế giới khác xa với thế giới mà tôi hiện đang sống.

Một trường hợp đặc biệt khác cũng đáng lưu tâm là ngay chính một bác sĩ (thuộc khoa tâm thần học và là giáo sư bác sĩ tại một trung tâm y khoa lớn kiêm bệnh viện thuộc đại học đường Virginia) trước đó cũng đã trở về từ cõi chết tưởng tượng lại những gì ông đã thấy qua một lần chết đi sống lại: Giáo sư bác sĩ George Ritchie, trước đây là một quân nhân bị bệnh sung phổi nặng nên được chuyển vào một bệnh viện lớn chữa trị. Thời đó, thuốc Penicilline chưa được phát minh nên việc chữa trị bệnh sung phổi vô cùng khó khăn và thường thường thì hết 90 phần trăm là người bệnh khó thoát khỏi lưới hái của tử thần. Vì thế một thời gian ngắn khi được chuyển vào bệnh viện, bệnh tình của George Ritchie ngày càng trầm trọng và đã qua đời. Các bác sĩ ở bệnh viện đã xác nhận rằng George Ritchie đã chết nên người ta chuyển xác đến nhà quàn. Tại đây một số thủ tục giấy tờ, khai tử và chuẩn bị đưa người chết vào quan tài đang được tiến hành và một mặt báo tin cho nhân viên trông coi và các thủ tục nhập học và tiếp nhận sinh viên được gửi từ các nơi đến để được huấn luyện các khóa chuyên môn tại đại học Virginia biết khóa sinh George Ritchie đã chết. Tuy nhiên bác sĩ trực nhật cho rằng điều này không cần thiết vì thế việc báo tin cho đại học Virginia được bãi bỏ. Trong lúc Ritchie nằm dưới trên chiếc băng ca, bác sĩ trực khám lại một lần nữa và lắc đầu thất vọng, ông nói, giọng rất trầm "chết thật sự rồi" vừa nói, bác sĩ này vừa kéo hai cánh tay người chết cho thẳng ra và để lòng bàn tay úp xuống. Sau đó phủ tấm drap lên khắp thân xác người chết. Lúc bấy giờ, nhà xác thấy người chết vì thế bác sĩ trực đề nghị cử người canh xác và chính nhờ người canh xác này mà sau đó anh ta phát giác được người chết đã "cựa quậy" dưới tấm drap trắng. Các nhân viên trực nhật khi nghe người canh xác báo cáo sự việc đều cười. Chỉ có bác sĩ trực và cô y tá là chịu lắng nghe và họ đã đến bên xác Ritchie. Khi tấm drap được kéo khỏi mặt Ritchie, bác sĩ trực đã dùng hai ngón tay lật mi mắt xác chết để quan sát, trong khi đó, cô y tá thấy rõ ràng các ngón tay của Ritchie đã cử động... và từ từ Ritchie mở mắt. Thế là George Ritchie, người quân nhân chết vì bệnh sung phổi đã sống lại một cách lạ kỳ và vì cơ thể còn quá yếu nên phải nằm bệnh viện chờ bình phục một thời gian khá lâu và sau đó mới được chuyển về trại Barkley rồi sang Âu Châu phục vụ trong quân đội ngành quân y. Sau cuộc chiến, George Ritchie tiếp tục vào học ngành y tại đại học Virginia và tốt nghiệp y khoa bác sĩ.

Bác sĩ George Ritchie đã nhớ lại những gì mà mình đã trải qua trong suốt khoảng thời gian coi như đã từ già cõi đời. Mọi chi tiết bác sĩ đều ghi lại thật đầy đủ và về sau câu chuyện có thật này còn được giáo sư bác sĩ Wilfred Abse ở đại học Virginia kể lại và nhất là giáo sư Carey Williams và chuyên gia khảo cứu các vấn đề luân hồi là Sylvia Cranston mô tả lại rõ ràng.

Theo lời kể của chính bác sĩ George Ritchie thì khi đang nằm trên giường của bệnh viện tự nhiên ông ta cảm thấy thân xác rã rời rồi một bức màn xám đen từ đầu phủ ập lên đôi mắt, ông nghe mơ màng có tiếng người chuyển động, tiếng bản tán và lời của bác sĩ nói: "đã tắt thở rồi!". Lúc bấy giờ - theo lời của bác sĩ George Ritchie: "tôi không có ý nghĩ gì khác lạ cả. Tôi chỉ cảm thấy mơ màng thôi nhưng tâm trí tôi rất sáng suốt tôi nhớ là tôi đã được tuyển chọn để được huấn luyện chuyên môn về ngành y tại đại học Virginia nhưng vì bệnh phổi nên phải tạm vào điều trị ở bệnh viện. Giờ đây tôi phải đến trường đại học gấp vì ở đó đang chuẩn bị lễ khai giảng khóa mới. Tự nhiên tôi cảm thấy cơ thể mình lạnh buốt. Tôi phải thay quần áo và thế là tôi đi tìm. Bỗng nhiên tôi thấy một người nằm trên giường mà tôi đang nằm. Tôi nhìn không lầm vì số giường có ghi rõ ràng. Tôi cảm thấy lạnh quá, phải tìm quần áo ấm để mặc vào mới được. Tôi thấy một sĩ quan đang bước qua nên vội vã chạy lại yêu cầu ông giúp đỡ nhưng tôi có nói bao nhiêu ông ta cũng cơ hồ như không nghe không thấy mà cứ bước đi một cách tự nhiên. Thời giờ gấp rút quá nên tôi quyết định chịu rét để đi nhanh đến trường đại học y khoa tại Virginia cho kịp. Tôi cảm thấy mình lướt đi như những gì thường gặp trong mộng khi đi chuyển. Tôi thấy một con sông rộng rồi cây cầu dài vắt qua sông để tới một thành phố lớn. Thành phố này quả thật tôi chưa bao giờ đến tôi thấy một tiệm giải khát, tiệm Bía và cả tiệm cà phê nữa. Tại đây tôi gặp một

vài người và hỏi họ tên đường và tên thành phố nhưng chẳng có ai trả lời tôi cũng như thấy tôi cả. Có lần tôi đập tay lên vai một người khi tôi hỏi nhiều lần nhưng người này vẫn không nói. Tuy nhiên tay tôi như chạm vào khoảng không. Người này có gương mặt tròn và ở cằm có sợi râu dài. Sau đó tôi đi đến bên một người thợ điện đang loay hoay quấn dây điện thoại vào một bánh xe lớn. Tôi vô cùng ngạc nhiên khi thấy mình khác người và rõ ràng chẳng có ai trông thấy tôi mặc dầu tôi thấy tất cả mọi người. Tôi nghĩ rằng nếu cứ như vậy mà tìm đến đại học Virginia thì quả là bất tiện nên tôi quyết định trở lại bệnh viện tôi đến sau nhà xác, hàng trăm người đang nằm trên giường. Tôi đi loay quanh để tìm chỗ nằm của mình. Tôi thấy một cái xác đã phủ tấm drap trắng, nơi ngón tay của xác này có đeo một chiếc nhẫn mà thoạt nhìn tôi đã cảm thấy ngỡ ngàng một cách lạ lùng. Tôi nhớ là tôi cũng có đeo một chiếc nhẫn như thế. Tôi cúi xuống nhìn thật kỹ, rõ ràng bàn tay có những đặc điểm giống tay tôi... và cái giường số giường lại chính là số giường tôi đã nằm. Vậy đây chính là thân xác của tôi, tôi đã chết thật rồi sao? Nhưng tôi không có cái cảm tưởng rằng mình đã chết, tôi thấy đủ thứ như đang còn sống. Chỉ có điều mà trước đó tôi phân vân là hình như chẳng có ai thấy tôi cả. Tôi cố gắng kéo tấm drap phủ lên cái thân xác mà tôi nghĩ là của tôi, ý chí của tôi thì muốn hành động nhưng tôi không thể nào kéo được tấm drap phủ mặt cái xác ấy. Tôi cố gắng nhiều lần nhưng không tài nào làm được và cuối cùng tôi nhận rõ ràng quả thật tôi đã chết. Và lúc đó tự nhiên tôi cảm thấy trong phòng nhà xác sáng rực rỡ, một thứ ánh sáng lạ lùng tôi chưa bao giờ thấy và tôi như bị lôi cuốn theo cái nguồn sáng lạ kia, tôi thấy những cảnh trí mà từ khi sinh ra cho đến bây giờ tôi chưa bao giờ thấy, những cảnh trí mà tôi cảm tưởng rằng chỉ có ở thế giới bên kia vì những con người ở đây thường không rõ ràng, mờ ảo, có vùng tối tăm, có vùng chan hòa ánh sáng mà những nhân vật hiện diện giống như những thiên thần.

Sau đó tự nhiên vàng sáng giảm dần, tôi cảm thấy muốn quay về. Trong phút chốc tôi thấy lại những căn phòng, những thân xác bất động trên giường và tôi tiến tới chiếc giường mà trên đó là thân xác tôi. Tôi như bị cuốn hút vào thân xác đó, tôi từ từ chuyển động các ngón tay và cuối cùng mở mắt ra. Một lúc sau, bác sĩ và cô y tá đã ở trước mặt tôi, nét mặt rạng rỡ. Tôi đã sống lại, đã thật sự sống lại..."

Những gì mà sau đó George Ritchie kể lại đã làm một số bác sĩ trong bệnh viện ngạc nhiên. Điều kỳ lạ đáng lưu ý là những gì mà Ritchie đã kể và đã ghi chép lại trong tập nhật ký đều chứng thực sau đó. Như trường hợp kỳ lạ sau đây: Sau khi câu chuyện đi vào thế giới sau cõi chết của Ritchie đã mô tả được một năm thì Ritchie phải trở về trại Barkley và được gởi đến Âu Châu để phục vụ tại một bệnh viện quân đội. Trên đường xe chở Ritchie đã đi qua một thành phố mà trước đây một năm trong khi coi như đã chết, Ritchie đã đi qua, nào tiệm bán bia, tiệm cà phê, cây cầu dài bắc qua sông, những khúc đường rẽ, những bảng hiệu và kỳ lạ hơn nữa là cái cột điện thoại mà trước đây tôi đã xuyên ngang qua thân thể của một người thợ điện đang quấn dây điện thoại... Đây là thành phố ở gần châu thành Vicksburg thuộc tiểu bang Mississippi, nơi mà chưa bao giờ George Ritchie đã đi qua.

Ngày nay George Ritchie đã là Viện trưởng Viện Tâm Thần ở Charlottesville và không bao giờ quên rằng mình đã có lần chết đi sống lại cũng như không bao giờ quên những cảnh giới lạ lùng ở bên kia cõi thế gian mà loài người đã sống.

Nhà nghiên cứu hiện tượng tâm linh Sushil Bose đã tìm gặp trực tiếp những người đã từng nhớ lại tiền kiếp để phỏng vấn họ. Năm 1939, ông đã viết một báo cáo chi tiết về cuộc phỏng vấn giữa ông và cô gái Ấn Độ tên là Shanti Devi. Cô gái này đã nhớ lại rất rõ ràng về tiền kiếp của mình. Cô cho biết trước đó cô tên là Lugdi Devi, vợ của một người tên là Pandit Kedernath Chowbey. Nhưng rồi bị một tai nạn nhiệm trùng và qua đời. Nhà nghiên cứu tâm linh Sushil Bose đã hỏi Shanti Devi như sau:

- Shanti nhớ rõ về tiền kiếp mình thì có thể nhớ lại những gì xảy ra trước và sau khi chết đó?

Shanti: trả lời là nhớ rõ. Và sau đây là một phần của cuộc phỏng vấn đó.

- S. Bose: Shanti hãy thuật lại những gì đã xảy ra vào lúc đó.

- Shanti: Khi ấy tôi cảm thấy mình như mơ màng đi vào cõi sâu thẳm tối đen rồi sau đó lại thấy ánh sáng chói lọi tỏa rạng dần dần. Đó là thứ ánh sáng chan hòa kỳ diệu làm hoa mắt. Chính vào lúc đó, tôi biết được rằng mình đã lìa khỏi thân xác mình qua dạng thể một lần hơi và chuyển động lên cao dần.

- S. Bose: Lúc đó Shanti có thấy cái thân xác của mình không?

- Shanti: Lúc đó tôi chỉ có cảm tưởng là mình đã lìa khỏi thể xác, mặc dầu tôi như chuyển động lên cao nhưng tôi lại không nhìn xuống mà chỉ mãi lo nhìn ngắm cái ánh sáng lạ lùng bao phủ quanh mình. Có lẽ lúc đó nếu nhìn xuống ngay khi tôi có cảm giác mình tách rời thân xác tôi có thể thấy được cái thân xác mình.

- S. Bose: Lúc đó Shanti có cảm giác đau đớn, mỗi một yếu đuối hay không?

- Shanti: Không! Lúc đó tôi không thấy một chút gì gọi là đau đớn một chút nào cả. Trái lại tôi thấy mình nhẹ nhàng thanh thản lạ lùng.

- S. Bose: Sau đó còn điều gì xảy ra?

- Shanti: Khi đó, trong cái ánh sáng chói lọi rực rỡ ấy tôi thấy có bốn người mặc áo dài màu vàng sẫm cùng xuất hiện. Những người này đều rất trẻ khoảng 14, 15 tuổi. Trông họ tươi sáng như những thiên thần. Những người này đi về phía tôi với dáng vẻ nhẹ nhàng thanh thoát. Trước mặt tôi là một ngôi vườn đẹp tuyệt vời, cái vẻ đẹp mà chưa bao giờ tôi đã thấy được ở thế gian nên khó mà mô tả cho hết được... Rồi tôi thấy bốn người hồi này tiến lại gần và nhắc bóng tôi lên cao. Tôi cảm thấy một niềm lâng lâng khó tả lan khắp người. Tôi chẳng có ý niệm gì nữa về thời gian. Chẳng có mặt trời, mặt trăng, cũng chẳng có ngày và đêm. Tất cả đều chan hòa trong cái ánh sáng vô cùng tỏa rạng, ấm áp, huyền diệu, lung linh sinh động lạ thường. Tôi chẳng biết nói hay diễn tả làm sao cho hết những gì tôi đã thấy vào lúc đó. Điều kỳ lạ là lúc này hình như tôi không còn lệ thuộc vào những giác quan mà con người có lúc còn sống để nhìn, để nghe, để cảm xúc.

Điều đáng lưu tâm là khi không còn lệ thuộc vào giác quan mình nữa thì trí giác trở nên bén nhạy vô cùng. Dù giác quan con người có tinh xảo đến mấy cũng không giúp con người thấy được xuyên tường, nhưng nếu không còn hiện hữu cơ thể phàm trần hay cơ quan thị giác chẳng hạn thì lại có thể thấy thấu suốt được cả bức tường như không và điều này cũng thể hiện cho các giác quan khác ở lãnh vực nghe, cảm nhận, ngửi...

Trên đây là một số sự kiện thu thập được từ các nhà tâm lý, khoa học, các nhà y học khi họ tiếp xúc được với những người có khả năng nhớ lại tiền kiếp hay đã có lần chết đi sống lại, những người đã có kinh nghiệm với các chết. Những người này may mắn có được ý niệm về những gì gọi là sự chết và linh hồn. Giáo sư H. H. Price (tại Đại học Oxford) cho rằng: Linh hồn của con người là một phương tiện của ý thức hay nói rõ hơn là một công cụ của sự hiểu biết và trong cuộc sống, từ cổ đại đến nay kinh nghiệm ở mỗi con người đã có được những sự kiện để chứng minh rằng có cái gì đó ngay trong thân xác họ. Nhiều chứng nhân và nhiều sự kiện được chứng minh về sự hiện hữu của linh hồn và còn khẳng định rằng linh hồn không chỉ đơn thuần là một thể luân phiên thay đổi cho thân xác mà còn là một thể siêu việt hơn nhiều, vì giữ những vai trò then chốt, quan trọng trong vấn đề suy nghĩ, cảm nhận, cũng như là cầu nối cho những cuộc sống khác tiếp diễn...

Nhà nghiên cứu Robert Crookall vừa là nhà tâm lý học vừa là nhà khoa học (ông là giáo sư khoa học tại nhiều trường Đại Học và là hội viên của nhiều hiệp hội chuyên nghiên cứu về các hiện tượng siêu nhiên huyền bí). Khi nghiên cứu và tìm hiểu về sự hiện hữu của linh hồn, ông đã sưu tập vô số các dữ kiện liên quan và nhất là gặp gỡ các nhân vật đáng tin cậy, đặc biệt những người đã có lần trông thấy tận mắt cái mà con người thường gọi là hồn hay linh hồn. Ông đã ghi chép lại tất cả những gì đã thu thập và hệ thống rõ ràng. Sau đây là một số hình ảnh và màu sắc về linh hồn mà Robert Crookall đã sưu tập được.

"Theo tổng kết của R. Crookall thì linh hồn thể hiện dưới nhiều hình dáng và màu sắc. Theo Muldoon thì mờ sáng như sương khói, đôi khi như đầy hơi nước hoặc như vàng mây nhỏ màu trắng không hoàn toàn trong suốt. Hình ảnh này chỉ hiện rõ trong khoảng một vài phút đồng hồ rồi tan biến. Chính ông Edgar Cayce, người có khả năng xuất hồn để chữa bệnh (nổi tiếng ở Hoa Kỳ) cũng thường mô tả linh hồn giống như lớp sương hay khói mờ. Maurice và Irene Elliot cũng đã thấy phần thoát ra từ thể xác người chết có màu trắng như lớp sương mù. E. W. Oaten thì: "giống như hơi nước bốc lên".

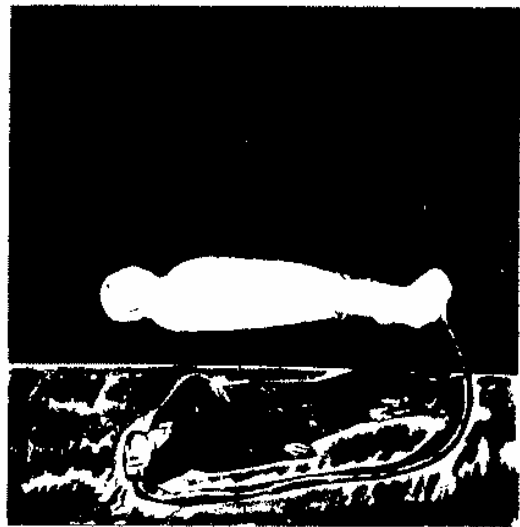
Bác sĩ Charles Richet xác nhận rằng: Tôi thấy ngay tại giường người chết có một đám mây từ từ thoát khỏi thân xác người chết. Trong tài liệu sưu tập của Robert Crookall có nhiều phần mô tả như thế và đó là những mô tả do chính các nhân chứng như bác sĩ Whiteman, bác sĩ Simons, giáo sư E. Bozzano, bác sĩ Gilbert (Alice Gilbert), bác sĩ A. J. Davis, bác sĩ D. P. Kayner, bác sĩ Hereward Carrington...

Theo một số nhân chứng mà phần lớn là bác sĩ và y tá thì phần sương khói ấy sau khi thoát ra khỏi cơ thể vẫn còn ở cách cơ thể một khoảng mà không rời hẳn. Điều kỳ lạ là sự xuất hiện của một giải sáng mờ giống giải lụa nối liền người chết với phần mờ đục như khói sương của cái mà ta thường gọi là linh hồn.

Ngoài ra những hình ảnh đáng ghi nhớ khác còn được nhiều nhân chứng đáng tin cậy trông thấy và mô tả lại. Đó là sự xuất hiện của một giải màu sáng trắng xuất phát từ phía sau đầu (tiểu não hay ở thùy chẩm) của người chết nối liền với phần mờ đục thoát ra khỏi thể xác người chết (linh hồn).

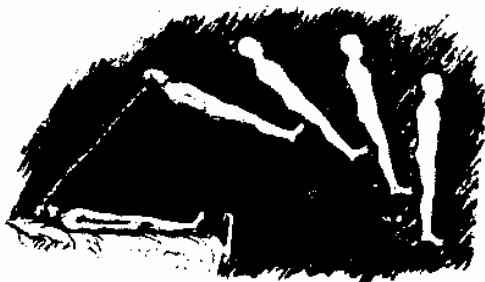
Trong cuốn Out of the Body Experiences, nhà nghiên cứu Robert Crookall đã mô tả chi tiết các sự kiện vừa trình bày trên đây. Ông đã tiếp xúc với các nhân chứng, họ là những nhà khoa học, những y tá, những bác sĩ. Như bác sĩ R. J. Staver, giáo sư Hitchcock, bác sĩ Hout, các nhà khoa học như J. Bertrand, Oliver Fox, Reverend L. J. C. Street bác sĩ D. P. Kayner, giáo sư M. Eliade, bác sĩ E. W. Oaten, bác sĩ A. J. Davis và Raynor C. Johnson... những người này đều đã chứng kiến rõ ràng một khối hơi thoát ra từ cơ thể người vừa tắt thở và trước đó khối còn nối kết với thân xác bằng một giải màu sáng đục rung động và khi sợi dây này rung động mạnh và đứt lìa thì chính là lúc người chấm dứt sự sống, có nghĩa là "hồn đã lìa khỏi xác" không còn liên hệ gì với thân xác nữa (vấn đề này đã được trình bày đầy đủ chi tiết trong cuốn Những Bí Ẩn Sau Cõi Chết - đã xuất bản).

thực nghiệm lại chỉ dựa vào những lời kể, mô tả của những nhân chứng dù là các nhà khoa học đáng tin cậy đi nữa mà không có bằng cứ rõ ràng. Vì thế, các nhà Vật lý Quang học, những tay chuyên nghiệp về thu hình đã cố tìm cách ghi lại hình ảnh về những gì có được lúc con người vừa trút hơi thở cuối cùng. Một số hình ảnh chụp được khối hơi thoát ra từ cơ thể người mới chết, nhưng những nhà nghiên cứu còn muốn thu được hình ảnh rõ ràng về sợi dây bạc (Silver cord). Schrench Notzing, giáo sư bác sĩ nổi tiếng thế giới, trong cuốn Phenomena of Materialisation (1928-Kegan Paul) đã cho rằng, qua những ảnh chụp về những gì liên hệ đến khối hơi hay sợi dây bạc, tuy không rõ nét nhưng dù sao đó cũng là một hình ảnh đáng lưu tâm.



Hình ảnh hồn lìa khỏi xác khi chết và sợi dây liên kết giữa hồn và xác.

Có thể hình ảnh ấy chỉ là lớp ngoại mao che giấu bên trong nhiều bí ẩn hơn. Theo một số lớn các nhà khoa học thì hình ảnh cho thấy như là một khối siêu vật thể ấy khi tách khỏi cơ thể tức là sự sống không còn, giống như dòng điện đã ngưng truyền nguồn điện lực vào cái máy.



Hình trên cho thấy Sợi dây bạc (Silver cord) phát sinh từ đầu người chết nối liền vào phần đầu của phần thượng gọi là linh hồn. Các báo cáo do Robert Crookall thu thập được đều cho rằng sợi dây liên kết được xem như một sợi dây mang điện lực sinh động từ bộ não người mới chết đến linh hồn. (Tài liệu trong Time - Life Books 1992)

Tóm lại, hiện tượng về sợi dây liên kết giữa thân xác người chết và phần giống như sương khói thoát ra từ thân xác ấy mà người ta thường gọi là hồn hay linh hồn đã là sự kiện mà các nhà khoa học và nhất là giới y học hiện nay quan tâm và ra sức nghiên cứu vì như đã trình bày từ trước, nếu sự kiện này là có thật như nhiều chứng nhân đã thấy rõ ràng thì chắc chắn sẽ phát sinh thêm những ngành chuyên về sự chết như Linh hồn học, Tử sinh học v.v... Các nhà khoa học cố gắng tìm cách để có thể cụ thể hóa qua hình ảnh rõ ràng về sợi dây bạc ấy, họ không muốn với tinh thần khoa học

Chúc Mừng Năm Mới



# BÀN VỀ VẤN ĐỀ SIÊU HÌNH TRONG PHẬT GIÁO

■ BS. Nguyễn Xuân Hạnh

**T**háng 10.1994 Giáo Hội Thiên Chúa Giáo Roma có xuất bản quyển sách tựa đề là "Bước Qua Ngưỡng Cửa Hy Vọng" (Vacare la Soglia della Speranza), bản dịch tiếng Anh "Crossing the Threshold of Hope" của Đức Giáo Hoàng Gioan Phao Lô II. Quyển sách này được dịch ra nhiều thứ tiếng và lưu hành nhiều nước trên thế giới.

Quyển sách có một số nội dung đặc biệt là Đức Giáo Hoàng mô tả Phật Giáo là "Vô Thần" và "bi quan". Quyển sách gây nhiều sự chỉ trích, nhất là các giới lãnh đạo cao cấp Phật Giáo tại Sri Lanka và nhiều nơi trên thế giới. Ngày 20 và 21.01.1995 Đức Giáo Hoàng viếng thăm Sri Lanka trong chuyến đi tham dự Đại Hội Thế Giới Trẻ lần thứ 10 tại Manila, Philippine. Giới chức cao cấp lãnh đạo Phật Giáo ở Sri Lanka từ chối tham dự cuộc gặp gỡ đó. Quyển sách đã gây nhiều tranh luận sôi nổi đã và đang tiếp diễn.

Ngày 20.3.1995 tại chùa Sri Ratnavihara ở Kiribathogoda gần thủ đô Colombo, Sri Lanka, có mở cuộc đối thoại về vấn đề trên (bản tin 17.4.95 của hãng thông tấn UCAN Công Giáo).

Theo bản tin cuộc đối thoại diễn ra trong bầu không khí cởi mở.

Hòa Thượng Havanpola Ratnasara, Chủ tịch Hội Phật Giáo Thế Giới kêu gọi sự phục hồi nỗ lực tiến tới sự sống chung thân hữu và hòa bình mặc dù có sự khác biệt về tôn giáo và các vấn đề khác dựa trên nguyên tắc "chúng ta quyết tâm đồng ý về sự bất đồng trong tinh thần bao dung chân thực".

Thượng Tọa Bellanwila Wimalaratana một học giả uyên bác Phật Giáo thuộc Trường Đại Học Phật Giáo Sri Jayewardenapura ở Sri Lanka trong bài tham luận đọc trong cuộc hội thoại. Thượng Tọa nói: "Kiến thức của Đức Giáo Hoàng về Phật Giáo như được trình bày trong cuốn sách thật là hơi hợt, rút ra từ quan điểm cố hữu của Tây Phương về Phật Giáo... Dĩ nhiên Đức Giáo Hoàng có quyền tự do ngôn luận, nhưng trong tư cách thủ lãnh của Giáo Hội Công Giáo, một vị vốn coi lời mình như "Chân lý phúc âm", Đức Giáo Hoàng cần phải thận trọng và dè dặt hơn. Giá mà Ngài đã đọc được cuốn Tiểu Sử về cuộc sống rạng ngời của Đức Phật Như Lai, thì Ngài đã không mô tả Phật Giáo là bi quan".

Thượng Tọa cũng ghi nhận thêm rằng: "Sự phổ biến càng ngày càng rộng lớn của Phật Giáo tại Tây Phương chắc chắn rằng cũng gây thiệt hại cho Công Giáo, như cuốn sách của Đức Giáo Hoàng đã biểu lộ quan tâm của Ngài trước hiện tượng Phật Giáo phát triển như vậy. Dĩ nhiên sự bóp méo các dữ kiện về Phật Giáo là điều thường tình dễ gây ra. Các Phật tử cần chấp nhận sự kiện đó với tinh thần bao dung, nhưng tránh những lý luận siêu hình không có nền tảng vững chắc.

Cuộc hội thoại chưa kết thúc và sẽ còn nhiều cuộc hội thoại khác trong tương lai.

\* \* \*

Trong phạm vi bài này, chúng tôi muốn đề cập vấn đề mà quyển sách cho rằng Phật Giáo vô thần (atheistic) chúng tôi cũng không phê phán quan điểm ấy.

Hơn 4.000 năm trước công nguyên, văn minh nhân loại sớm phát triển ở nhiều nơi trên thế giới: Lưu vực sông Hoàng Hồ, Trung Quốc; Lưu vực Lưỡng hà châu Mésopotamie giữa 2 con sông Tigre và Euphrate; Lưu vực sông Găng ở Ấn Độ... Sự phát triển về tâm linh cũng theo đà song song đó, nhiều bộ tộc có những sắc thái tín ngưỡng khác nhau. Lúc bấy giờ con người còn theo đa thần giáo (Polytheistic), nghĩa là họ

thờ nhiều thần, như thần lửa, thần gió, thần sấm sét, thần mưa, thần núi, thần đất v.v... mãi đến khi dân tộc Hébreux thành lập được Do Thái Giáo (Judaism) thì nhân loại chuyển hướng sang đơn thần giáo (monotheistic).

Người có công khai sáng ra Do Thái Giáo đó là Moise. Tại Chaldee trong thời kỳ Mésopotamie cực thịnh có một bộ tộc gọi là Hébreux, khoảng 2.000 năm trước Tây lịch có vị Tù Trưởng của bộ tộc này là Abraham gốc ở tỉnh Our, sau nhiều năm sống cuộc đời du mục, sau cùng sang định cư ở Ai Cập. Người Ai Cập đối đãi người Hébreux rất tử tế, nhiều người bộ tộc này được địa vị cao sang trong các triều đình Pharaon của Ai Cập. Sau người Hyksos xâm lăng Ai Cập, người Hébreux buộc phải hợp tác với Hyksos. Sau dân Ai Cập đuổi được kẻ thù thì người Hébreux bị xem như kẻ phản bội, người Ai Cập đuổi họ đi, bắt làm nô lệ. Người Hébreux lại sống kiếp đời làm than khổ. Lúc ấy có chàng trai anh tuấn tên là Moise đau lòng cho nòi giống, chàng quyết cứu đồng bào, bèn tập trung đồng bào lại đi về chân núi Sinai, sống cuộc đời du mục nhưng tự do hơn. Moise khuyên con người phải thờ một Đấng tối cao, đó là Đấng Jahvé. Moise cho rằng Đấng Jahvé là chúa tể muôn loài vạn vật, đấng sáng tạo ra vũ trụ và vạn loại, ông khuyên con người nên tuân theo 10 điều răn của Jahvé và ông cho rằng chính ông được Jahvé khai thị, ông là vị tiên tri duy nhất. Nhờ có ông mà dân tộc Hébreux được thống nhất, sau đó ông đưa đoàn người về miền Conaan đất đai phì nhiêu, miền này ngày nay gọi là Palestine. Chính Moise đã mở ra kỷ nguyên thờ một thần, và cuộc xung đột lại xảy ra triền miên giữa đa thần giáo và độc thần giáo.

Moise muốn dùng tôn giáo để chinh phục các bộ tộc ở vùng Địa Trung Hải và dẹp hẳn đa thần giáo.

Một đoạn kinh trích trong Cựu Ước Do Thái Giáo: "Người phải diệt tất cả các dân tộc mà Jahvé, Đức Chúa Trời sắp giao cho người, mắt người đừng đoái thương chúng và người đừng phụng sự các thần của chúng.

Khi Jahvé, Đức Chúa Trời của người đã dẫn người về cái xứ mà người sẽ làm chủ, và đuổi khỏi trước mặt người nhiều dân tộc, tức những dân tộc Hê-tít, Ghi-rê Ga-rít, Amô-nít, Conaan, Phê-ri-xít, Hê-vít và Giê-bu-sít; hết thấy bảy dân tộc đông và mạnh hơn các người và đã đánh bại chúng, thì người phải diệt hết chúng đi, đừng liên kết chúng, đừng gả con gái cho con trai chúng, đừng cưới con gái chúng cho con trai mình, vì chúng sẽ dụ con trai người lia bỏ ta mà phụng sự các thần khác, mà cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời sẽ bùng lên mà diệt người trong nháy mắt. Trái lại người phải đối với bọn chúng như vậy: Lật đổ bàn thờ chúng đi, hạ các ngẫu tượng của chúng xuống, đốt những hình chạm của chúng cho hết.

Vì đối với Jahve, Đức Chúa Trời, thì người là dân tộc thánh, Ngài đã lựa người là dân tộc riêng về Ngài trong số các dân tộc trên mặt đất". (Trích sách Luật Lệ Ký - Chương 17).

Sau Moise có vua David kiến thiết đất nước hưng thịnh. Con vua David là Salomon, dân tộc Hébreux rất cường thịnh, Do Thái Giáo dần dần đẩy lùi đa thần giáo. Vua Salomon cho xây đền thờ lớn để thờ Jahve tức là đền Jérusalem ngày nay. Năm 722 trước Tây lịch, phía bắc Israel (Dân tộc Hébreux còn có tên là Israel) bị Assyrie chiếm và năm 586 (trước Tây lịch) phía nam bị Babylone chiếm, thành Jérusalem bị phá hủy, dân Israel lại bị lưu đày. Đến khi vua Ba Tư là Cyrus chiếm lại Babylone, dân Israel lại trở về xứ sở xây lại đền Jérusalem. Sau Alexandre Đại Đế của Hi Lạp chiếm Ba Tư thì Israel lại sống cuộc đời nô lệ.

Độc thần giáo càng phát triển. Kế đến Chúa Jésus Christ ra đời và sau đó thành lập Giáo hội Thiên Chúa Giáo. Theo tôn giáo này cũng thờ một Đấng duy nhất đó là Đức Chúa Trời hay còn gọi là Thượng Đế. Theo Thiên Chúa Giáo thì Đức Chúa Trời là Đấng tối cao đã sáng tạo ra vũ trụ và muôn loài. Đấng tự hữu, tự tồn quyền phép vô song. Jésus Christ cho rằng Ngài là con Một của Thiên Chúa đầy ân sủng. Chính Ngài đã được Thượng Đế mặc khải và Ngài là vị Tiên tri duy nhất. Chính Ngài đi rao giảng Thánh Kinh căn cứ trong thánh kinh Do Thái Giáo. Do đó mà Kitô giáo được

xem như phát xuất từ trong Do Thái Giáo mà ra. Khi Ngài đi giảng tại xứ Galilée và Julée bị người của môn phái Do Thái ganh tị, oán ghét tìm cách hãm hại ông. Bị Chúa Jesus vạch thói kiêu căng giả dối, môn phái đó trả thù tìm cách hãm hại ông, họ xúi dân chúng nổi dậy vu cáo ông là phiến loạn, yêu cầu nhà cầm quyền La Mã xử tội ông. Sau cùng ông bị đóng đinh trên thập tự giá dựng ở đồi Golgotha. Cũng vì cái chết của Ngài mà sau này tín đồ Thiên Chúa Giáo oán ghét Do Thái Giáo và dân tộc Israel.

Từ đây đức thần giáo được xem như kiên cố, có nền tảng vững chắc. Đến thế kỷ thứ 7 lại xuất hiện thêm một tôn giáo mới nữa, đó là Hồi Giáo (Islam) mà người sáng lập là Mohamet. Theo tôn giáo này cũng chỉ thờ một Đấng duy nhất đó là Thánh Allha. Theo Hồi Giáo, Thánh Allha là chúa tể muôn loài, Đấng đã sáng tạo ra vũ trụ và muôn loài vạn vật. Mohamet cho rằng ông đã được chúa Allha mặc khải, ông là vị tiên tri duy nhất, những lời ông nói là do Thánh Allha khải thị được chép lại thành bộ kinh Koran. Ông khuyên mọi người phải thờ Allha. Theo ông, chỉ có 2 hạng người Á Rập: một là hạng người Á Rập thờ Allha, hai là hạng người không thờ Allha; hạng thứ nhất có bốn phận phải cải giáo hạng thứ hai phải thờ Allha, nếu không, phải diệt cho hết đi đừng thương tiếc chúng.

Theo tôn giáo này thì Thánh Allha không khác chi Jahve của Do Thái Giáo và Đức Chúa Trời của Kitô giáo. Chính lúc còn niên thiếu Mohamet sống bằng nghề chăn cừu và dẫn đường cho bọn thương buôn từ Ấn Độ sang Châu Âu, từ Phi Châu qua Địa Trung Hải, lúc bấy giờ ông đến Syrie có gặp một giáo sĩ Kitô giáo và ông theo đạo này và khi ông đến Médine lại được các giáo sĩ Do Thái giáo truyền dạy. Cho nên khi ông sáng lập ra tôn giáo mới thì rõ ràng ảnh hưởng sâu rộng Kitô giáo và Do Thái giáo. Những lời trong kinh Koran có phần tương tự như kinh Cựu Ước.

"Ta sẽ gieo không bố vào lòng những kẻ không thừa nhận tôn giáo ta. Vì những kẻ ấy gán cho Chúa (Allha) những ý xấu mà họ không đưa ra bằng chứng... Từ nay ta sẽ sống và chết với các ngươi (tức đồ đệ của Mohamet), đời ta là đời của các ngươi, máu của các ngươi là máu của ta. Các ngươi thua là ta thua, các ngươi thắng là ta thắng.

Và hễ đi giáo tấn công người thì các ngươi sẽ tắm trong máu của chúng".

Về quan điểm này, ta thấy Mohamet muốn dùng tôn giáo để chinh phục các bộ tộc vùng Địa Trung Hải, cũng như Moise trước đó cũng muốn chinh phục các bộ tộc vùng Tây Á từ sông Nile đến lưu vực Mésopotamie nhưng mộng không thành, vì những người kẻ vị ông chỉ thắng một vài bộ tộc nhỏ làm chủ Palestine thì vong quốc. Còn Mohamet thì có óc tổ chức hơn, ông khai thác được tâm lý quần chúng, lời ông kêu gọi qua kinh Koran "Thiên đàng thì ở trước mặt các ngươi, mà địa ngục thì ở đằng sau các ngươi". Ông còn khai thác đức tin, ông cho rằng Thiên đàng ở cạnh Allha có đủ thứ dục lạc, sữa thì ngọt, mật thì thơm, hoa quả không thiếu món nào, có tiền nữ da thịt tươi mát, yêu điệu thướt tha, sẵn sàng dâng hiến. Cho nên một khi chiến đấu vì Allha mà chết thì sẽ được về Thiên đàng hưởng cảnh dục lạc ấy. Từ ấy ông thành lập một đội quân tinh nhuệ quyết chinh phục các bộ tộc khác. Không những ông chinh phục các bộ tộc mà còn chinh phục các tôn giáo khác, bắt phải thờ Allha, nếu cải giáo không được thì giết chết. Có lần ông bị các bộ lạc Coreischite nổi lên tiêu diệt ông; nhưng may mắn ông trốn thoát, sau ông thắng bộ tộc này, ông liền kể tội người Do Thái theo giặc. Ông ra lệnh giết cùng lúc 900 người đàn ông, còn đàn bà và trẻ con bắt làm nô lệ. Từ đó ông sát hại người Do Thái vô số kể. Chỉ từ năm 622 - 631 tên tuổi của ông vang lừng khắp vùng Địa Trung Hải, người ta sợ ông như sợ Thánh Allha. Ông mở giang sơn một vùng trời rộng lớn, chiếm gần trọn Trung Đông đó là đế quốc Á Rập.

\*  
\* \*

Ba tôn giáo lớn vừa nêu trên đều thờ có một Đấng Tối Cao, tuy gọi tên có khác nhau nhưng kỳ thực chỉ có một đó là

Đấng Sáng Tạo, Đấng Chúa Tể muôn vạn loài. Nhưng tại sao cùng thờ một Đấng duy nhất như vậy mà lại xảy ra biết bao nhiêu cuộc thánh chiến theo dòng lịch sử làm chết biết bao nhiêu triệu sinh mạng con người.

Những cuộc xung đột giữa Do Thái giáo - Kitô giáo - Hồi giáo có lúc bộc phát, có lúc âm ỉ, có lúc khốc liệt như thời kỳ thập tự chinh. Giờ đây giữ lại trang sử cũ, chúng ta không khỏi rợn người qua mấy cuộc thánh chiến. Mỗi tôn giáo đều ban hành luật lệ để bảo vệ tôn giáo mình, những luật lệ mang tính chất cương bách. Ví dụ như chiến dịch "Inquisition" vào thế kỷ thứ 12 của Thiên Chúa giáo. Inquisition hay còn gọi là chiến dịch "Thanh lý niềm tin" là chính sách cưỡng bách quần chúng phải chấp nhận đạo, phải tin Thiên Chúa duy nhất và phục tùng giáo hội một cách triệt để. Những người nào không chấp nhận theo đạo sẽ bị tra tấn cho đến chết bằng những hình phạt cực kỳ dã man như hồi cổ La Mã, như nghiền xác bằng vật nặng, thiêu sống trên dàn hỏa, hoặc xé xác ra từng mảnh bằng khí cụ man rợ và đem xác quăng cho cọp, beo, sư tử ăn. Ngoài ra chiến dịch Inquisition còn thanh trừng những kẻ theo đạo Thiên Chúa nhưng có ý chống lại đường lối giáo hội. Chiến dịch kéo dài 200 năm, một chiến dịch mà về sau này các sử gia kể cả sử gia Thiên Chúa giáo phê phán là chiến dịch tàn bạo và dã man nhất trong lịch sử nhân loại.

\*  
\* \*

Đã từ lâu có biết bao nhiêu câu hỏi: Thượng Đế là gì? Đấng Sáng Tạo hình thể ra sao? và có ai đã thấy được hình dạng Thượng Đế bao giờ? Các tôn giáo chưa giải đáp thỏa mãn con người.

Các tôn giáo đã định nghĩa "Thượng Đế là Đấng Chúa Tể sáng tạo ra vũ trụ muôn loài vạn loại. Đấng tự hữu, tự tồn, vô thi vô chung..." Nhưng về hình thể thì chưa có tôn giáo nào xác quyết. Thiên Chúa giáo thì cho rằng "Thượng Đế sáng tạo con người theo hình thể của Thiên Chúa" (Phúc Âm). Như vậy, Thượng Đế có hình dạng giống con người.

Một triết gia Ấn Độ có nói một câu rất thâm thúy: "Thượng Đế sáng tạo ra con người, nhưng con người lại (sáng) tạo ra tôn giáo" (một điều hiển nhiên là nhờ tôn giáo mới biết Thượng Đế).

Các triết gia phái hiện thực cho rằng: "Thượng Đế là sản phẩm tư duy của con người..." hay nói khác hơn Thượng Đế hiện hữu qua dòng suy tưởng hoặc do tập quán. (Đứa trẻ mới sinh ra chưa biết tư duy, ắt chưa biết Thượng Đế, khi lớn lên do tập quán gia đình bố mẹ truyền ý niệm về Thượng Đế, đứa trẻ mới cảm nhận Thượng Đế).

Chính Moise, Jésus, Mohamet đã nghĩ ra Đấng Sáng Tạo chờ chưa bao giờ diện kiến Thượng Đế. Trong Phúc Âm của Thiên Chúa giáo có đoạn như sau:

"Từ nguyên thủy đã có Ngôi Lời, và Ngôi Lời vẫn ở với Thiên Chúa. Người vẫn ở với Thiên Chúa ngay từ nguyên thủy. Mọi vật đều do tay Người làm nên và không có Người thì chẳng vật chi được tác thành. Ở nơi Người vẫn có sự sống và sự sống là sự sáng của nhân loại, sự sáng chiếu trong u tối, và u tối không tiếp nhận sự sáng... Vì Ngôi Lời đã hóa thành nhục thể và Người đã cư ngụ giữa chúng tôi, và chúng tôi đã nhìn thấy vinh quang của Người. Vinh quang Người nhận được bởi Chúa cha như của Người Con Một đầy ân sủng và chân lý. Gioan làm chứng về Người khi tuyên xưng rằng: "Đây là Đấng Tiên Báo. Người đến sau tôi, nhưng xuất hiện trước tôi". Chính do sự sung mãn Người mà chúng ta hết thấy tiếp nhận ơn này đến ơn khác. Bởi vì Chúa ban lề luật qua Moise, nhưng ơn thánh và chân lý thì qua Đức Jésus Kitô. Không ai nhìn thấy Thiên Chúa, nhưng chính Con Một chúa Đấng ngự trong Chúa cha, sẽ mặc khải cho chúng ta (Trích Gioan 1, 1-18).

Sở dĩ có những cuộc xung đột tranh chấp về tôn giáo là do bản ngã con người. Bao giờ cũng cho rằng tôn giáo của mình là chính, còn các tôn giáo khác là tà, cho nên lúc nào cũng muốn áp đặt, cưỡng bách mọi người phải tôn thờ một Đấng Thượng Đế do vị giáo chủ của mình nghĩ ra mà không được



thờ Thượng Đế của tôn giáo khác, dù rằng Thượng Đế của tôn giáo đó không khác gì Thượng Đế của tôn giáo mình. Đó chính là nguyên nhân phát sinh ra những cuộc thánh chiến, bao giờ những bản ngã cố hữu ấy mất đi thì những xung đột mới chấm dứt.

\*  
\* \*

### Quan niệm về Đấng Sáng Tạo trong Phật Giáo.

Đặc biệt trong Phật Giáo không đề cập đến Đấng Sáng Tạo (không đề cập chỗ không phải phủ nhận). Theo Đức Phật Thích Ca, thì thế giới hữu hình này được tạo nên là do 4 yếu tố lớn gọi là "tứ đại" gồm: Đất, Nước, Lửa, Gió. Do nhưn duyên mà 4 yếu tố đó kết hợp lại gọi là thành, rồi trụ, rồi hoại, cuối cùng là không, tiến trình "thành, trụ, hoại, không" đó là chu kỳ sống của tạo vật, tùy theo mỗi loài, có loài chu kỳ ấy rất ngắn ngủi, có loài chu kỳ rất dài, nhưng tất cả vạn loài cũng nằm trong qui luật ấy. Bốn cái lớn Đất, Nước, Lửa, Gió đó tự nhiên có trong Trời Đất, Đức Phật khuyến khích không nên nghĩ bàn vô ích (bất khả tư nghị).

Sở dĩ Đức Phật không đề cập đến vấn đề siêu hình, không đề cập chỗ không phủ nhận, vì Ngài thấy nó không đem lại những lợi ích thiết thực nào cho đời sống con người, mà Ngài giảng dạy những gì lợi ích trước mắt, như Ngài giảng về nguyên nhân và nguồn gốc của sự khổ và phương pháp diệt khổ. Đó là Tứ Diệu Đế, đó là Bát Chánh Đạo.

Hồi Đức Phật còn tại thế và trước đó khoảng hơn 500 năm trước Tây lịch. Ở Ấn Độ có rất nhiều giáo phái đa thần giáo như thời kỳ trước Moise, mỗi giáo phái thờ một ngẫu tượng riêng, có phái thờ Thần Lửa, Thần Đất, Thần Núi, Thần Sấm Sét v.v... mỗi giáo phái đều cho mình là chân lý, ví dụ như phái thờ lửa cho rằng Thần Lửa là duy nhất, nhờ có lửa mới có ánh sáng mặt trời mới sinh ra vạn loại... Tuy không có những cuộc tranh chấp xung đột khốc liệt xảy ra như những cuộc thánh chiến giữa Do Thái giáo - Kitô giáo - Hồi giáo, nhưng vẫn xảy ra những bất đồng xung đột âm ỉ trong lòng mỗi người. Ngài đã thấy điều đó. Cho nên khi thành đạo Ngài trở lại thế gian trong suốt 49 năm hoàng pháp, Ngài không đề cập đến vấn đề siêu hình, vì càng đi sâu vào cảnh trí ấy càng không có lối thoát và dễ đưa con người vào những ý niệm "không tương". Chính vì thế mà có một số người ngộ nhận cho rằng Phật Giáo xem nhẹ Đấng Sáng Tạo hay vô thần.

### Câu chuyện sau đây trích trong Trường Bộ Kinh.

Sau Đức Phật đắc đạo dưới cội bồ đề. Ngài bèn nghĩ: "Ta vốn trải qua biết bao nhọc nhằn mới đạt ngộ chân lý nhiệm mầu, chúng sanh vốn mê muội cố chấp. Nay nếu ta đem chân lý ấy giảng dạy cho người đời họ không làm sao hiểu được, ấy là ta làm một việc hoài công vô ích..." Nghĩ vậy, Đức Phật bèn tính tọa nhập vào Niết Bàn. Lúc ấy các Thần Phạm Thiên hiểu biết ý Đức Phật bèn hoảng hốt, liền xuống ngay trước Đức Phật van nài xin Đức Phật vì chúng sanh mà nhập thế. Sau 3 lần cầu khẩn, Đức Phật bèn quan sát cõi hồng trần. Ngài thấy chúng sanh tuy chấp ngã mê lầm nhưng mỗi người đều có Phật tính và cố vươn lên, cũng như những loài sen mọc trong bùn lầy nhưng cố vươn lên để tiếp nhận ánh Thái dương và khi hoa nở vẫn tỏa mùi thơm ngát, nghĩ vậy, Ngài chấp nhận lời khẩn cầu bèn trở lại thế gian.

Một đoạn kinh khác.

Trong Tăng đoàn có vị tỷ kheo tên là Malunkyaputta theo tu rất lâu mà không thấy Đức Phật giảng về vấn đề siêu hình, cho nên một hôm vị này bèn đến quì trước Đức Phật bạch rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn, từ lâu con không thấy Ngài giảng về vấn đề siêu hình, nguồn gốc và bản thể của sự vật. Thế giới vũ trụ này hữu hạn hay vô hạn, sự sống phát nguồn từ đâu? Bản thể của sự sáng tạo là gì? Có chăng Đấng hằng hữu?...

Con nghĩ Ngài là bậc Thầy cái gì biết thì nói biết, không biết thì nói không biết. Thái độ im lặng của Ngài làm con hoài nghi. Nếu Đức Thế Tôn không giảng giải điều đó con sẽ bỏ đạo hoàn tục.

Đức Phật nói:

- Nay Malunkyaputta, trước kia người xin xuất gia có đặt điều ấy với ta không?

- Malunkyaputta trả lời: Thưa không có.

- Vậy tại sao người lại đòi hỏi ta phải giảng dạy về vấn đề ấy cho người.

- Nay Malunkyaputta, sở dĩ ta không giảng dạy vấn đề siêu hình là vì nó không đem lại một ích lợi gì thiết thực. Ví dụ người kia bị kẻ lạ bắn lên mũi tên độc trúng vào vai, người ấy rên đau khôn xiết. Thay vì người ấy để cho thầy thuốc nhổ mũi tên độc ra, rửa vết thương và băng bó lại, người ấy không chịu vậy mà đòi tìm cho được kẻ bắn mũi tên rồi mới cho thầy thuốc băng bó chữa trị vết thương. Nay Malunkyaputta, người ấy sẽ chết trước khi tìm ra xuất xứ kẻ bắn mũi tên. Cũng như khi ta giảng giải vấn đề siêu hình người sẽ chết mất đi trước khi lãnh hội vấn đề ấy. Cho nên đó là lý do ta không giảng dạy vấn đề siêu hình mà ta giảng dạy những gì lợi ích trước mắt như tìm nguyên nhân nguồn gốc của sự khổ và phương pháp diệt khổ. Đó là Tứ Diệu Đế, đó là Bát Chánh Đạo.

\*  
\* \*

Phần lớn có một số người ngộ nhận (fallibility) cho rằng nhân sinh quan Phật Giáo bị quan yếm thế hoặc cho Phật Giáo có một cứu độ luận (Soteriology) tiêu cực nhất là thường ở Tây Phương, người ta cũng thường gặp quan điểm này trong giới giáo sĩ truyền đạo Thiên Chúa vào Việt Nam vào thế kỷ 17, 18 hoặc trước đó. Đó là một quan điểm cố hữu.

Từ lâu người ta vẫn ngộ nhận cho rằng Đức Phật khi còn là Thái tử Sĩ Đạt Ta, sau khi du ngoạn qua 4 cửa thành gặp những cảnh sinh, lão, bệnh, tử, rồi đâm ra ngao ngán trần thế mà tìm đường xuất gia tầm đạo. Sự thật không phải đơn giản như vậy. Thái tử Sĩ Đạt Ta đã thấy sâu xa hơn nữa. Ngài đã thấy nỗi đau khổ của giai cấp cùng đinh trong xã hội, giai cấp bị xã hội bỏ quên, suốt đời làm nô lệ cho giai cấp khác. Cũng là con người tại sao lại có sự phân chia một cách bất công như thế, phải chăng do định chế xã hội. Chính Ngài cũng tự thấy giai cấp của Ngài cũng sống trên đau khổ của kẻ khác. Ngài cũng cảm nhận giai cấp Bà La Môn, tuy là giai cấp tu hành nhưng cũng không mang đến niềm an vui cho đại chúng con người đôi khi còn gieo rắc tai ương thêm cho kẻ khác. Do đó Ngài quyết định rời bỏ ngai vàng để dẫn thân tìm đạo với một lý tưởng siêu phàm. Ngài thất sự là người tiên phong làm cuộc cách mạng xã hội, một hành vi hết sức cao cả mà có lẽ trong lịch sử nhân loại có một không hai.

Sau khi xuất gia tầm đạo, Ngài vẫn du khắp đó đây tiếp xúc rất nhiều các giới tu hành thuộc đa thần giáo. Chính Ngài đã nhiều lần thí nghiệm lối tu khổ hạnh nhưng không đem lại kết quả. Cho nên cuối cùng Ngài cảm nghiệm tâm linh ở chính Ngài và Ngài đã chứng ngộ (illumination).

Sau khi đắc đạo Ngài trở về với thế gian, với con người. Giáo lý của Ngài xây dựng trên nền tảng nhân bản nghĩa là lấy con người làm cứu cánh, giáo hóa bởi con người và vì con người. Ngài đưa con người về thực tại, Ngài khuyến khích con người nên loại bỏ ảo tưởng, cho nên Ngài xây dựng một hệ thống triết thuyết căn cứ thực tại. Ngài phân rõ ranh giới giữa an vui và đau khổ, hai cảnh giới đó gắn liền với trí tuệ và si mê. Ngài khẳng định nơi nào có trí tuệ nơi đó có hạnh phúc an vui, nơi nào có si mê nơi đó có đau khổ. Dích cuối cùng là đưa con người đến giác ngộ, giải thoát trí tuệ hoàn toàn và đưa con người trở về với sự an trú trong hiện tại. Niết Bàn của Phật Giáo không phải là một cảnh giới xa xôi ảo tưởng mà đó là cảnh giới an vui tại thế gian này.

Ngài cũng cho rằng ngoài ta ra không có một vị thần nào có quyền năng ban phúc giáng họa cho ta. Sự khổ không ai

ngoài con người gieo rắc, chính con người gieo khổ và con người sẽ gặt khổ.

### Câu chuyện sau đây biểu tượng nhân sinh quan Phật Giáo

Ngày xưa lúc Đức Phật còn tại thế. Ngài thường dạy các hàng tăng chúng: "Đời là vô thường, khổ não, vô ngã" (Đời không có gì là thường hằng vĩnh cửu, luôn luôn khổ và không có cái gì thật sự là của mình). Lúc bấy giờ có một ông Trưởng giả giàu có, vợ đẹp con ngoan. Ông không tán thành quan điểm của ông "Đời là vô thường, khổ não, vô ngã".

Này ông Cồ Đàm (Đức Phật còn có tên Cồ Đàm) theo tôi nghĩ: "Đời là thường, lạc, ngã, tịnh" (Đời là thường hằng, an vui, cái gì của ta là của ta và bất biến), tôi không tán thành quan điểm của ông "Đời là vô thường, khổ não, vô ngã".

Đức Phật gật đầu chấp nhận quan điểm ấy. Khi ông Trưởng giả ra về. Ông A Nan bèn bạch rằng: Bạch Đức Thế Tôn thường ngày Đức Thế Tôn đã dạy chúng con: "Đời là vô thường, khổ não, vô ngã", nhưng nay Thầy tán thành quan điểm của ông Trưởng giả ấy cho đời là "Thường, lạc, ngã, tịnh" như vậy có mâu thuẫn lắm không? Đức Phật mỉm cười và nói sau này người sẽ rõ.

Thời gian sau, ông Trưởng giả bị một tai ương, cuộc động đất, trong phút chốc nhà cửa ông bị đổ nát, ruộng vườn hư hao, vợ con bị dòng nước cuốn trôi, ông rất đau khổ ngồi thẩn thờ bên đống gạch vụn, liền đó Đức Phật đến với vai an ủi ông và nói:

Này ông Trưởng giả: "Đời không phải là Thường, lạc, ngã, tịnh" như ông nghĩ, mà "Đời là vô thường, khổ não vô ngã".

Ông Trưởng giả bèn xin xuất gia, làm vị Tỳ kheo. Con người tạo khổ và đồng lõa với khổ bằng cuộc sống nông cạn, một tình cảm yếu đuối, một thành kiến cố định và một bản ngã hẹp hòi.

Muốn giải thoát sự khổ đó, con người phải có một nghị lực đứng mãnh, tự mình giải thoát cho chính mình, không có một thần linh nào hay Đấng tối cao siêu hình nào có thể giải thoát đùm chúng ta được. Nghĩa là chúng ta phải tự cứu độ lấy cho chính chúng ta. Giải thoát khổ không có nghĩa là tị thế, xa lánh cõi đời để tìm sự an tịnh cho bản thân chúng ta mà theo các giới Tây Phương thường ngộ nhận. Giải khổ ở đây bằng trí tuệ sáng suốt nhận định phân biệt chơn giả, đúng sai, chính tà để cuộc sống không vấp ngã phải khổ đau. Đạo Phật là đạo nhập thế gian chớ không phải xuất thế gian.

Nhân sinh quan Phật Giáo cho đời là bể khổ, đây không phải thái độ bi quan mà đó là một nhận định khách quan. Bởi lẽ đời Đức Phật ra đời, xã hội Ấn Độ được chia ra bốn giai cấp: giai cấp Bà La Môn, giai cấp Sát đế ly, giai cấp Phệ xá và giai cấp Thủ đà la. Hai giai cấp đầu là giai cấp quý tộc tầng lớp, giai cấp thứ ba (Phệ xá) là thứ dân, còn giai cấp thứ tư (Thủ đà la) là giai cấp nô lệ, sự bất bình đẳng trong xã hội đã gây biết bao nhiêu khốn khổ cho giai cấp nghèo khó. Hồi ấy nền y học chưa phát triển, tai ương bệnh dịch xảy ra triền miên, sự chết chóc đe dọa con người hàng ngày, tai ương bão lụt triền miên. Đời đã như vậy làm sao Đức Phật không cho là bể khổ, hơn nữa ở nơi Ngài có một lòng bác ái từ bi vô hạn. Ấy là chưa kể con người khổ do nội tâm, do thất tình lục dục.

Sau vị Tỳ kheo này tuổi già sức yếu sắp chết. Đức Phật đến bên giường bệnh thăm và vỗ về. Đức Phật nói:

Này Tỳ kheo, đến giờ này Như Lai mới nói cho ông biết rằng: "Đời không phải là thường, lạc, ngã, tịnh, mà đời cũng không phải là vô thường, khổ não vô ngã".

Vị Tỳ kheo ấy bèn giác ngộ và đắc quả A La Hán (quả vô sanh).

Tóm, Cứu Độ Luận của Phật Giáo không mang tính chất bi quan tiêu cực, mà được tìm thấy ở người hành trì giáo lý của Đức Phật một tinh lạc quan an trú trong hiện tại qua quá trình tu tập để cứu độ cho chính mình, sau đó giúp kẻ khác với chân lý tự giác giác tha giác hạnh viên mãn.

Và cũng chính Phật Giáo không ngẫu tượng siêu hình mà trong suốt hơn 25 thế kỷ dài Phật Giáo không có xảy ra một cuộc thánh chiến nào. Đây là một điểm son trong lịch sử nhân loại.

Manchester mùa Phật Đản 95

Thiên Ngộ

# Cảm Xúc

Thân tặng quý Đạo Hữu Quy Y Tam Bảo  
nhân ngày Lễ Thọ Bát Quan Trai cuối năm 1994.

Con đứng nghiêng hồn theo tiếng chuông  
Không gian thơm ngát tỏa mùi hương  
Lời kinh sám hối trong chiều vắng  
Sưởi ấm cho đời, khách viễn phương

Đã mấy năm rồi xa cố hương  
Theo đời trôi nổi giữa đêm trường  
Hôm nay con thấy lòng ấm lại  
Dù tuyết băng đang phủ ngập đường

Luân lạc bấy lâu với khổ sầu  
Minh con phiêu bạt biết về đâu  
Nay xin khẩn nguyện ngôi Tam Bảo  
Cứu độ cho đời bớt khổ đau

Con đứng trang nghiêm trước Phật đài  
Trong ngày lễ thọ Bát Quan Trai  
Cùng nhau học đạo màu giải thoát  
Xin nguyện nương về đấng Như Lai

Cảm động không ngăn giọt lệ mừng  
Bao người thổn thức đến ... rung rung  
Lời không nói được nên lời trọn  
Ôi hạnh phúc sao phút ngập ngừng !

# NHỚ DÒNG SÔNG XƯA

## VỚI TÂY DU KÝ

• Tâm Tràng

*Đời nửa khối mây chìm bóng mộng  
Gọi đờ một tiếng lạnh hư không*  
(Quách Tấn)

### 1. LÝ DO NHỚ DÒNG SÔNG XƯA

Cách đây gần 30 năm (Mậu Thân 1968) với đã chiến tranh lan rộng, cộng sản có thể đem thanh niên Việt Nam đi làm "nghĩa vụ bành trướng đế tam quốc tế" từ dòng sông Gianh Bến Hải cho đến dòng sông Mê Kông Chùa Tháp, nên chúng tôi sưu tầm các *dòng sông như huyền* trong truyện Tây Du, ngộ hầu tìm thấy gì đáng học chăng? Do đó một vài ý kiến đã được đăng trong tạp chí Tư Tưởng thời ấy...

### 2. TƯ TƯỞNG ĐÔNG PHƯƠNG TÂY DU KÝ (1968)

Vì muốn khuấy sâu giải muộn cho qui độc giả trước cảnh tang thương của đất nước (Mậu Thân 1968), chúng tôi xin trình tư tưởng Đông Phương qua bộ Tây Du Ký thay vì theo kinh điển như thường lệ. Chúng tôi xin hạn chế trong phạm vi *Bốn Dòng Sông của Câu Chuyện* mà thôi, không thể đi quá xa ngoài khuôn khổ của bài viết. Tư Tưởng Tây Du Ký là chính danh Đông Phương, nó ở Tây Ngưu Hóa Châu chứ không phải ở Tây Âu Mỹ Châu, và Đông Phương là Đông Thắng Thần châu chứ không phải Đông Kinh Á Châu. Tư Tưởng Tây Du Ký ở đây là tư tưởng *Duy Thức được thi vị hóa*, thoát ra sự chấp kinh Pháp Tướng Tông. Nếu Tây Du Ký có sẵn thì ngài Ngũ tổ Hoàng Nhân chắc khỏi phải đem kinh Kim Cang ra thay thế cho kinh Lăng Già, đượm mùi học giả. Kinh nghiệm tâm linh được gò bó vào danh tự là một điều nguy hiểm nếu tu sĩ quên phần hành trì mà chỉ lo phần hiểu biết. Sự biến ngộ sẽ biến thành tật chứng và ngộ nhận vậy.

Muốn đi vào tư tưởng Duy Thức chúng ta phải gạt thế trí ra ngoài, xa rời lý trí phân hai. Không chấp nhận và cũng không phủ nhận rằng con người chỉ gồm có hai phần: phần hồn và phần xác theo lối Tây Phương. Nhưng lại cho rằng con người có bao nhiêu phần cũng được theo óc vô duy của Á Đông xưa, tùy cơ ứng biến, tùy nghi xử dụng. Con người có thể gồm ba hồn chín vía, vì trí bất cứ chỗ nào! Khi vui thì ở tay và mặt với *tay bắt mặt mừng*, khi buồn thì ở ruột hay gan với *ruột thúi ruột hay khô héo lá gan cây định Ngự*, lúc nhận nhục thì *bụng làm da chịu*, lúc lo sợ thì *hồn xiêu lạc phách*. Có một đặc điểm là tư tưởng Đông Phương ít khi nói đến óc

với trí óc như Tây Phương, và nhất định không bao giờ chấp nhận sự phân hai giữa linh hồn và xác thịt một cách triệt để như họ.

Nhờ vậy, theo Duy Thức người ta có đến những tám thức một cách dễ dàng. Trước hết là năm thức thuộc về cảm giác: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt và thân gọi là *Ngũ Cấu Ý Thức*. Phải hiểu Nhân thức trong tinh thần Đông phương vô nhị, nghĩa là gồm tất cả những gì thuộc về nhân quan kể cả ý thức của sự thấy, cùng cảnh vật và ngay cả ánh sáng nữa. Kể đến là thức thứ sáu gọi là *Ý Thức*, tương đương với *lý trí* Tây phương, nhưng phải hiểu theo tinh thần vô nhị, nghĩa là nó không phải ở trong đầu óc mà thời mà còn man mác mù sương đó đây. Sở trường của nó là thích phân chia giới hạn, hay phạm trù hóa thế giới ra thành từng phần riêng biệt. Trong Tây Du Ký nó được tượng trưng bằng những *dòng sông* như *Lưu Sa, Hắc Hà, Thông Thiên* và *Bến Lãng Vân*. Nhưng nhân vật như Sa Tăng, Bát Giới là những yêu quái trên con đường hồi hướng qui y nhưng chuyên sống dưới nước nên rất tài ba thủy chiến và thích đấu tranh lý luận. Đại Thánh tuy có thể lặn được nhưng không ham vì y không thích đấu trí với Ý Thức.

#### 2.1. SA TĂNG

Sa Tăng là nhân vật được chọn để tượng trưng Ý Thức nên đương sự đã nằm trong lòng sông Lưu Sa Hà để chờ Thầy dẫn độ. Vì Lý trí chủ trương đấu tranh làm chết người thành thử Sa Tăng đi đâu cũng đeo chín sọ người để tượng trưng khí thế. Có lý trí tức có chiến tranh. Chức vụ đương sự xưa kia là *Quyện Liêm Tướng Công* nghĩa là buông rèm và cuốn rèm cho Ngọc Hoàng. Lý trí là trùng phức (tautologic) nghĩa là chứng minh bằng những gì (định đề) mà mình đã chấp nhận ngay phút ban đầu, không thoát khỏi vòng lẩn quẩn. Tám mươi ngàn danh từ trong tự điển lui tới dùng nhau để giải nghĩa cho nhau, gây biết bao ngộ nhận để sinh oán thù. Khí giới của Sa Tăng là Bửu Trượng, có thể muốn nhỏ muốn to tùy ý và biến dài biến ngắn cũng được. Do đó ngôn ngữ lý luận là khí giới của thế trí muốn nói sao cũng xong. Trong thế giới nhị nguyên, lưới không xương, nhiều đường lác léo: Muốn chứng minh cho đúng, người ta cứ việc đổi nguyên lý đầu tiên. Và vì đã là đầu tiên thì có cái đầu tiên nào mà chịu nhường bước để thành cái thứ nhì đâu? Chiến tranh là vì vậy.

#### 2.2. TRƯ BÁT GIỚI

Bát Giới cũng không khác, xuất thân từ dòng sông *Ngân Hà*, làm đến chức *Thiên Hà Nguyên Soái* nên Sự Lý cũng không kém (chú ý: không phải lý sự mà sự lý). Tuy nhiên Sa Tăng vẫn được chọn tượng trưng cho Ý Thức vì Bát Giới, với thân xác con heo hay thích trò cảm giác, ham sự, nhưng đui lý Bát

Giới được chọn tượng trưng cho Ngũ Cấu Ý Thức.

#### 2.3. TÔN HÀNH GIÁ

Tề Thiên Đại Thánh cũng xuất thân ở động *Thủy Liêm* mà y đi vào bằng cách nhắm mắt nhảy liều xuống theo dòng suối. Nhưng nước ở đây không phải là nước thật cho nên suối không sâu không cạn nhưng phi thường. Đại Thánh tượng trưng cho thức thứ bảy, một loại Thức không phải thức. Tổ sư Tam Tạng đặt tên cho Đại Thánh là Ngộ Không là vì vậy, trong khi Bát Giới là Ngộ Năng và Sa Tăng là Ngộ Tĩnh. Năng là hợp với Cảm Giác còn Tĩnh là thuận với Suy Tư. Năng và Tĩnh là trong vòng cảm nghĩ nhị nguyên, đang còn đam mê hơn thiệt với dòng sông. Thức thứ bảy, trong danh từ Phạn không có chữ Vijnana (Thức) ở đằng sau như những thức khác, mà chỉ gồm vốn vẹn có chữ Manas (Tư tưởng hiểu theo Heidegger). Chúng ta dịch Manas bằng chữ Ý cô đơn hay phiên âm thành *Mạt Na*. Ý có thể hiểu theo chữ Iddeen của Schopenhauer tức khoảng giữa năm ngang Thế giới biểu tượng và Thế giới Ý chí, giữa Tục Đế và Chân Đế, Địa Ngục và Niết Bàn. Năm ngang là một cách để mà nói chứ chính thật nó lại liên kết Chân với Giả một cách "vô phân biệt" tài tình. Tinh chất song nhiệm giải thoát/từ đây của Mạt Na khó lòng mà đến với tâm hồn thiếu tính chất *bất nhị* của chúng ta và được kinh điển trình bày như sau:

1. Tính chất từ đây của Mạt Na được kinh Nhiếp Đại Thừa Luận diễn tả một cách hải hùng và được tượng trưng ở đây bằng năm ngọn núi Ngũ Hành chôn chặt con khi đá Ngộ Không trong vòng Ngộ Uẩn.

2. Tính chất giải thoát của Mạt Na lại được trình bày trong kinh *Lãng Già* một cách nên thơ và được tượng trưng ở đây bằng phép Cẩn Đầu Văn thâu đường xa, nhảy từ mây này sang mây khác trong chớp mắt.

Cẩn Đầu Văn khác với Đẳng Văn của Sa Tăng hay Bát Giới ở chỗ không bay từ từ mà lại thâu không gian/thời gian nhanh như điện. Các thức đều sống trong Liên thời lý luận còn Mạt Na thì ung dung trong Giác thời trực giác (Krishnamurti). Nếu Mạt Na theo yêu tinh như Bát Giới, Sa Tăng (Ý Thức) thì hướng về từ đây (*Như Lai Tại Triền*). Còn nếu Mạt Na nương tựa (quy y) vào thức thứ 8 tức Tạng Thức (*Như Lai Xuất Triền*) thì lại hướng về giải thoát. Cũng vì vậy cho nên Đại Thánh không ham nhảy xuống *dòng sông lý sự* như hai sư đệ.

#### 2.4. ĐƯỜNG TAM TẠNG

*Đường Tam Tạng* đóng vai Tạng Thức để cứu Đại Thánh thoát nạn Ngũ Hành Sơn. Hai thầy trò đều không thích sông, nhất là thân ngài Tam Tạng lại quá nặng (thiếu vô úy) bay qua sông không nổi nên mỗi khi gặp sông, cả hai đều ngao ngán. Tam Tạng ngăn dòng sông là vì Tạng thức không ham Thế

trí biện thông. Âu cũng vì Tạng Thức là thực tại phi thời gian/không gian, Lý Sự Viên Dung, Sự Sự Vô Ngại, không ham phân biệt Chân/Giả nên thường bị yêu tình lừa gạt. Sự kiện bị lừa này tuy vậy không chặn được bước tiến của những bậc chân tu mà lại còn giúp cho họ giải nghiệp là đằng khác. Biết bao nhiêu là yêu quái, đội lốt tu hành, hóa hiện đàn bà con nít gạt Tam Tạng làm ơn mắc nạn. Và Tam Tạng mắc mưu để trả nghiệp tiền kiếp, lấy ơn đền oán mà mặc dầu bị lừa, và triệt để không bao giờ đem thể trí biện thông ra mà đối địch.

Nước Việt Nam hiện vẫn còn vô số thiên sư ngây thơ và cô đơn trong các chùa cốc thâm lặng, các ngài đang âm thầm cầu siêu cho oan hồn và giải nghiệp binh đao cho thời Nam Tiến diệt Chiêm. Đùng làm Đường tăng với một số tu sĩ ham văn hóa Tây phương, quên hành trì nên dễ bị mời vinh hoa danh lợi dụ dỗ vào cam bẫy ma vương. Đường tăng có làm chàng cũng vì vô phân biệt trên con đường giải thoát Đông phương, cái làm hình thức này tăng thêm phần đạo đức cho nội tâm hành giả. Trái lại, nếu tu sĩ say mê phân biệt trên con đường danh tướng hưởng ngoại Tây phương, thì sự sao lãng nội tâm tạo thêm nghiệp chướng.

Tạng thức vô lậu, vô thủy, vô chung, vô trụ, vô ký, vô thường, vô phạt, cho nên Tam Tạng an nhiên tự tại như trẻ thơ. Nếu Mạt Na có tính chất trực giác của nghệ sĩ thì Tạng thức có tính chất hồn nhiên. Và thế giới tuổi trẻ và thế giới nghệ sĩ bao giờ cũng hoà thuận tương đắc. Đại Thánh và Tam Tạng phải nương nhờ nhau để cùng tiến vào giải thoát. Và nghệ sĩ chân chính phải học bài với trẻ con cho nên Đại Thánh cần tôn Tam Tạng là sư là vì vậy.

### 3. LƯU SA HÀ, HẮC HÀ VÀ THÔNG THIÊN HÀ

Ba dòng sông, ba hình thức của thế giới biểu tượng, của cảm nghĩ (cảm giác và suy nghĩ). Cả ba dòng sông đều chặn đứng được Đại Thánh vì đương sự ngăn thời gian liên tục của lý trí phân hai.

#### 3.1. LƯU SA HÀ VỚI SA TĂNG

Lưu Sa Hà căn cứ của Sa Tăng, nước tuy trong xanh nhưng sóng gió ba đào, lòng ngổn hay bông lau quang xuống cũng chìm, không có gì vượt qua sông được ngoại trừ *thể trí biện thông* của Sa Tăng, đang nằm dưới nước chờ thầy cứu độ. Nghệ sĩ tài ba Đại Thánh không thắng nổi luận sư Sa Tăng ở Lưu Sa Hà nên đành phải nhờ Quan Âm phái Huệ Ngạn (tức căn nguyên của lý trí) một thiên vương đẩy trí tuệ đến để thâu phục luận sư dưới lý đầu hàng. Thế trí của Sa Tăng ngày xưa, nay được chuyển hóa thành *biện tài vô ngại* gồm chín cái sợ người mà y kết lại làm thuyền Bát Nhã để chở thầy trò sang sông. Thuyền Bát Nhã ở Chân để cùng như thế trí ở Tục để chỉ là phương tiện thiện xảo chứ không phải Chân như nên sang bên kia bờ (đáo bỉ ngạn) là so

người ra khỏi. Sa Tăng ra khỏi nước bớt lý sự đành an phận thủ thường làm đàn em bởi lẽ trên đường giải thoát, lý tính phải nhường bước cho trực giác của cảm giác Bát Giới và nhất là nghệ sĩ tính của Tôn Hành Giả.

#### 3.2. HẮC HÀ VỚI YÊU CÙ

Đến dòng sông Hắc Hà mặc dầu thêm được Sa Tăng làm đệ tam sư đệ với một bờ mưu lược, Đại Thánh vẫn nhờ Tây Hải Long Vương đến bắt con *yêu cù "không lý sự"*. Nhưng trước dòng nước đen sì của Hắc Hà. Lý trí mà thiếu ánh sáng không làm sao thấy đường trong đêm đen, nên Đại Thánh đành bó tay.

Một sự lạ xảy ra: Đường Tam Tạng bỗng nhiên thông dong cõi ngựa bước vào lòng sông để dằng quá sức tưởng tượng. Lý do: dòng nước đen như mực được *Hà thần* dẹp sang hai bên. Ánh sáng của lý trí ở đây không phải là trí huệ mà lại là *Từ Bi Hy Xả*. Sự vô minh, ngu si đen tối của nhân loại ngăn chặn được sức mạnh của tài trí nhưng phải nhường bước cho *Tứ Vô Lượng Tâm*. Chính đức độ của Đường tăng đã động đến chư Thiên (như Hà Thần) và soi sáng Hắc Hà.

#### 3.3. THÔNG THIÊN HÀ VỚI CÁ KIM NGƯ

Nếu sự ngu si quá mức có thể thắng tài trí nhưng vẫn chưa nguy hiểm bằng trí *thông thiên* tức sự kiện biết hết mọi sự trên trời dưới đất, ngoại trừ một việc: đó là *biết được nguyên thủy của mình*. Và cả bốn thầy trò đều bị dòng sông *Thông Thiên Hà* chặn đứng không làm sao vượt qua được. Sông Thông Thiên khác với Lưu Sa hay Hắc Hà, rộng lớn mênh mông đến nỗi Tề Thiên nhìn không thấy bờ bên kia. Đây là một dòng sông của siêu lý trí, một thứ lý luận vượt xa luận lý toán học, mà trí óc người thường không hiểu thấu. Âu cũng vì không thấu triệt được nên suy tôn nó là thông thiên trong khi nó vẫn lệ thuộc vòng phạm tục của thời gian liên tục. Muốn thoát khỏi thời gian phải có trí huệ phi thời gian. Nhân vật trấn đóng Thông Thiên Hà là *Kim Ngư* một con cá làm bằng vàng, xua ở hồ sen với Phật. Cá vàng tượng trưng cho luận lý máy móc sắt đá, khác với luận lý ngôn ngữ của Sa Tăng nên ngài Quán Âm phải đan rọ, nghĩa là một thứ máy móc tương đương để thâu phục nó.

Đẹp được trở ngại Kim Ngư, thầy trò lại vướng dòng sông bao la không thấy bờ. Muốn vượt sông rộng bao la phải nhờ một loài vật có tiếng là chậm: đó là con rùa *Thủy Nguyên*, tức là nguồn dòng nước hay căn nguyên của lý trí. Biết được căn nguyên của lý trí (tức Bản lai diện mục) của kiếp rùa thì chúng ta có thể giúp rùa phương pháp thành người. Do đó con rùa thắc mắc với Tam Tạng nhờ hỏi Phật tổ tại sao y tu mãi mà không thành người? Lý trí có thể thông thiên, xem *tương* được nhưng không thể nào mà *ngộ tánh* tức hay căn nguyên của lý trí rùa nổi.

Rùa có tài thông thiên vượt sông nhưng đối với trí tuệ Bát Nhã thì vẫn

là rùa bò, không làm sao thoát xác được. Giá trị của rùa chỉ có bấy nhiêu nếu y còn thích sống với máy tính điện cơ Kim Ngư. Muốn biết tại sao rùa không thành người, y phải vượt ra khỏi dòng thông thiên, tức rùa Thủy Nguyên phải thoát thủy nguyên mới biết nguyên thủy mình.

### 4. DÒNG SÔNG CỦA CẦU CHUYỀN

Trong số đoạn trường Tây Du Ký, Đường Tăng phải chịu tám mươi một tai nạn cho đúng với số tám mươi một tâm sở tâm vương của Duy Thức Học tương đương với tám mươi một cánh sen Phật đài. Đó là cái nghiệp (karma) mà nhà tu hành phải trả nợ tiền kiếp. Tu hành không cốt cầu an nhưng phải nguyện giải nghiệp như câu hát của cụ Đào Tấn:

*Lao xao sóng vỗ ngọn tùng*

*Gian nan là nợ anh hùng phải mang.*

Hai tai nạn cuối cùng của Đường Tăng đặc biệt cũng xảy ra trên dòng sông, một tại *Bến Lăng Vân*, một lại tái diễn ở dòng *Thông Thiên* trên đường về.

Số là trước khi đến chùa Lôi Âm để gặp Phật tổ thầy trò phải vượt qua con sông cuối cùng của lý trí nhị nguyên. Đó là dòng sông cách chân núi Linh Sơn sáu dặm *không có tên gọi*. Lý Tánh nội tâm không hình không tượng, ra khỏi dòng nước thời gian/không gian nên đành phải vô danh. Tuy không có tên nhưng sông vẫn có bến hữu danh, đó là *bến đò Lăng Vân*. Đặc biệt bến Lăng Vân không có đò đưa khách vì có sẵn một chiếc cầu độc mộc. Tuy có cầu nhưng vẫn khó lòng đi qua. Cái chướng ngại nội tâm không thể nào nhờ ai giúp được nên bến không có *đò tha lực* mà có *cầu tự lực*. Muốn sang bờ giải thoát phải tự mình bước qua cầu một cách tự do. Tự Do hiểu theo Phật giáo là *Nghiệp*, tức trách nhiệm truyền kiếp, vì tự mình làm nên do mình chịu, bụng làm da chịu. Vì chướng ngại nội tâm là do mình cho nên đến đây Yêu Tinh hay *Ngoại Âm Ma* không còn quấy rối. *Kim Đăng Đại Tiên* hóa hiện đến chúc mừng và trước khi bái biệt có dặn dò như sau:

*Quý vị đều thấy cảnh Phật rồi, đường đi tới đó không còn yêu tình ngăn chặn nữa.*

Chiếc cầu độc mộc bắc ngang dòng sông vô danh tượng trưng cho chướng ngại do nội tâm mình tạo ra. Tại đây ngoài *sở tri chướng* ngoại cảnh của những dòng sông Hắc Hà và Thông Thiên còn thêm *phiền não chướng* nội tâm của Lăng Vân Đò.

Do đó Tam Tạng thất kinh không dám qua cầu. Ngoài *Bi* sẵn có trước khi đến Hắc Hà, và Siêu Trí thế gian mới đắc được sau khi rời khỏi Thông Thiên Hà, Đường Tăng vẫn còn thiếu Dũng trước chiếc cầu ở bến Lăng Vân nên chưa đắc được *đại trí* cần thiết cho sự giải thoát.

Qua cầu được là thành Phật vì mình đã chiến thắng được bản ngã, đó là sự chiến thắng duy nhất mà Phật cho

phép: Minh chế ngự được vọng tâm mình. Sự kiện này khó khăn vô cùng vì không thể dùng phương tiện của lý trí. Ngay Bát Giới, Sa Tăng bao phen muốn đàng vắn nhưng không được vì con sông nội tâm không thể vượt qua bằng pháp thuật ngoại tại. Phật giáo không chủ trương tu luyện thần thông cùng với thế trí biện thông phi phạm kiếp người. Đại Thánh cũng không dùng Căn Đẩu Văn để lảng vắn mà lại bước qua cầu bằng đi bộ (Lãng Ba Vi Bộ) ung dung tự tại, vô úy. Sở dĩ Đại Thánh qua cầu được vì chính y là Mặt Nạ hay hiện thân của chiếc cầu mốc nối Tục Đế với Chân Đế. Chính y là độc mộc cầu trong khi Sa Tăng và Bát Giới đành bó chân vì Cầm Giác và Ý Thức không làm sao đưa hai sự đệ này sang sông. Chỉ có Mặt Nạ với Đại Thánh, hiện thân của nghệ thuật mới có thể đi vào bờ sông giải thoát với những bước chân hồn nhiên thơ ấu.

Tam Tạng leo lên cầu không nổi vì còn xác phàm nên sợ chết. Thành thử tất cả thầy trò đành ở lại bên bờ chờ Đức Biâu Tràng Quang Vương Phật hóa hiện làm ông lái đò chèo thuyền Bát Nhã đến cứu độ.

Tuy nhiên đầu cho có Phật cứu, bước xuống thuyền vẫn không phải là chuyện dễ vì *thuyền Bát Nhã Không tính, nên không có đấng Đại Trí không có căn nguyên, vô thủy vô chung nên nguồn gốc của Tư Tưởng là Hố Thẳm không đáy (Abgrund)*. Muốn xuống thuyền, Đường Tăng phải *liều nhắm mắt nhảy đại* không cảm nghĩ và nhờ Đại Thánh xô giúp. Đại Thánh hay nghệ thuật trí Mặt Nạ là phương tiện thiện xảo để trợ duyên cho tu sĩ siêu thoát thành Phật vượt ra khỏi dòng thời gian lý trí. Căn nguyên của Lý trí chính là bước nhảy căn bản của Schopenhauer mà Heidegger đề cập trong bộ sách quan trọng bậc nhất của ông (Staz vom Grund, 1957).

Tuyệt đỉnh tư tưởng Tây phương gặp đoạn chốt của Tây Du ký tại bến đó Lãng Vắn trên dòng sông của lãng quên, không tên gọi, được thi sĩ Quách Tấn diễn tả:

*Đời nửa khói mây chìm bóng mộng.*

*Gọi dò một tiếng lạnh hư không*

Đứng trên thuyền Bát Nhã, Tam Tạng thấy xác thầy mình trôi qua và hỏi ai trôi đó? Lý Trí Đường Tăng chết theo dòng thời gian nên đương sự hết phân biệt và không còn sợ hãi từ đây. Đường Tăng ra đi với Đại Bi, đến bến Lãng Vắn thêm được Đại trí (Vô Phân Biệt Trí) và khi bước xuống thuyền thì thêm được Đại Hùng, vô bố úy. Thiếu Bi thì không làm sao có trí, thiếu Trí thì cái Hùng trở nên tai hại cho sự giải thoát vô cùng vì nó tạo thêm oan nghiệt.

Với vô phân biệt trí, nghiệp chướng không còn tác dụng nên khi thuyền qua đến bên kia bờ, Tam Tạng thấy mình nhẹ như bông.

Tuy nhẹ như bông nhưng trên đường về Tam Tạng vẫn còn mắc nợ lời thề với rùa Thủy Nguyên ở dòng sông Thông Thiên. Đó là tai nạn chót rất

quan trọng vì nó dính líu với tam tạng kinh điển then chốt, mục đích tối thượng của hành trì Tây du.

Vì dính ninh rằng thầy trò Tam Tạng đã thành Phật cho nên hai tôn giả A Nan và Ca Diếp mở kho lấy *kinh vô tự*, không có chữ nghĩa gì ráo, toàn giấy trắng tinh mà phát cho. Kinh này là chép y điệp khúc *bất thuyết nhất ngữ* mà Phật dùng để kết luận cho buổi thuyết pháp, không thể truyền bá cho đại chúng có tật cố chấp giáo điều. Phật Nhiên Đăng thương hại nên đổi lại thành *kinh hữu tự*. Phật Nhiên Đăng là một vị cổ Phật không rõ trào lưu hiện tại là thích danh từ chữ nghĩa, ham mê bằng cấp, thích đọc báo chí, ngãi tưởng ai cũng có tinh thần *ly danh tự* như mình: đọc kinh mà không chấp vào kinh.

Kinh hữu tự dễ bị xuyên tạc, thêm bớt cắt xén cho hợp quyền lợi riêng tư rất nguy hiểm vì gây chiến tranh tôn giáo. Phật căn dặn kỹ càng Tam Tạng trước khi đổi kinh: *Kinh vô tự quý hơn kinh hữu tự*.

Cũng chính vì cái chuyện hữu tự này mà thầy trò lâm nạn chót khi cưỡi rùa vượt sông Thông Thiên trên đường về. Ngồi trên lưng rùa Thủy Nguyên mà quên hỏi Phật nguyên thủy kiếp rùa nên bị rùa giận hất nhào xuống sông. Mặc dầu không chết đuối vì đã thành Phật, nhưng cái nghiệp mang kinh hữu tự cũng đủ cho ngài ướt hết áo quần và bộ kinh cũng ướt luôn.

Nhưng cũng nhờ ướt kinh, phải phơi kinh nên trang chột dính liền vào đá không bóc ra được và bộ kinh thiếu phần kết. Thiếu kết luận thành ra tuy hữu tự mà cũng như vô tự cho nên cái nghiệp chấp sắc tướng, chấp danh tự được giải quyết xong và thầy trò Đường Tăng không gặp tai nạn gì khác nữa.

Sau đó tám vị Kim Cang nổi gió đưa phái đoàn về Tràng An nhẹ nhàng lướt qua trong khoảnh khắc mấy dòng sông của câu chuyện.

Dòng sông của câu chuyện chiến tranh Việt Nam, tiếc thay chưa có ai chịu bác câu độc mộc trong nội tâm cho nên cầu Hiền Lương vẫn còn đó, Bến Hải vẫn còn đó mà không làm sao vượt qua được. Thân xác vượt qua mà tâm hồn còn ở lại. Lý trí biện thông quá nhiều, bằng môn tả đạo cũng lắm, lo chuyện đấu tranh giai cấp hận thù chống nhau. Do đó, không những dòng sông này ngày càng chảy mạnh mà còn tạo thêm những dòng sông khác như cái nạn sông Mê Kông ngày hôm nay. Và với dòng sông Mê Kông, hàng triệu chiến sĩ Việt Nam sẽ phơi thầy thêm một cách say sưa trên lý tưởng. Và đất thiêng của xứ Chùa Tháp biến thành địa ngục trần gian vì chữ Từ Bi mà thiếu phần Hỷ Xả: Đường Tăng đâu rồi để cho: *Dòng sông nước chảy không bao giờ ngừng, cũng như vô số ý niệm tuôn mãi không bao giờ dứt* (Kinh Anguttara IV) (trích tập san *Tư Tưởng* 1968 và *Đường Trở Về Ca Dao* xuất bản 1973, trang 285-297).

## 5. KẾT LUẬN 1995

Kể từ ngày có hiện tượng cộng sản Việt Nam thì loài thủy quái hay *Yêu Nước* được xuất hiện mọi nơi, khắp hang cùng ngõ hẻm. Chúng là yêu quái xưa sinh sống trong *dòng sông lý luận biện chứng duy vật khách quan* nay đã hóa hiện thành mafia lặn hụp trong *dòng lý luận biện chứng duy đố-la chủ quan*.

Chúng cũng chia thành hai phe:

Một phe tiếp tục ẩn trú trong Hắc Hà, vô minh ngu đốt ham làm tiền đồn cho phe bành trướng.

Phe kia nhảy đại vào Thông Thiên Hà thích làm tiền đồn cho các tổ giới tài phiệt tha hồ vơ vét.

Vừa rồi hai ông Lâm và Nhật, đại diện cho lưỡng đảng dân chủ/cộng hòa Hoa Kỳ, lên đài Tivi Đỗ Văn Trọn, cho biết lập trường của hai đảng đối với tình hình Đông Nam Á, là nhất trí theo thứ tự ưu tiên như sau:

*Thứ nhất là chống bành trướng Trung Cộng, thứ đến lo cho quân nhân mất tích MIA, còn vấn đề nhân quyền ở Việt Nam là thứ ba.*

Việc đáng tiếc không phải vì chính phủ Mỹ phải lo cho quyền lợi nước Mỹ ưu tiên (đó là chuyện thường tình). Việc đáng buồn là đa số dân Việt tiếp tục sống chết đói trong nước (200\$/năm cho một người), trong khi đa số dân tha hương, *nhất là những người ra đi kịp trước đêm 30 tháng tư 75, thì dùng lương với quyền làm người của trẻ em Việt Nam, thiếu dinh dưỡng thiếu giáo dục bị động viên đi làm nghĩa vụ quốc tế miễn miễn...* (50 ngàn đã chết ở Cao Miên 1979-1994).

Sau khi cộng sản Việt Nam biết chắc Hoa Kỳ cho tái lập bang giao, chúng bèn tung đòn tôn giáo vận ở hải ngoại và xua quân trong nước xung phong tịch thu ấn chỉ của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và bắt chư Hòa Thượng Huyền Quang và Quảng Độ. Nguy cơ chiến tranh nóng lạnh sẽ tái diễn. Chúng có thể bắt thanh niên làm *"nghĩa vụ bành trướng đế tam quốc tế"* theo Trung Cộng/Cu Ba, hoặc thi hành *"nghĩa vụ bảo vệ tổ giới quốc tế"* theo Liên Minh tài phiệt. Đảng nào, bành trướng hay bảo vệ, chúng cũng giương cao ngọn cờ độc tôn độc đảng theo *"biệt lệ nhân quyền Châu Á Tàn Thủy Hoàng"*. Do đó, chúng tôi xin tái trình dài dòng sông như huyền với Tây Du Ký để bà con xem lại chuyện xưa trong mùa Xuân Ất Hợi và nhân đó, hồi hướng tưởng niệm vong linh cho tất cả mọi nạn nhân chiến cuộc trong đó có:

1. thân bằng quyến thuộc bị tàn sát tập thể trong mùa Tết Mậu Thân kinh hoàng.

2. oan hồn trẻ em Việt Nam, khấn đò choàng cổ, bị loài thủy quái *Yêu Nước* nhồi sọ lý luận giai cấp đấu tranh rồi đưa vào quí đảo Hắc Hà hay Thông Thiên Hà làm bia đỡ đạn cho Bác Hồ Ly và Đảng Mafia hốt bạc dài dài.

# NOSTRADAMUS

## VỚI VIỆT NAM

• Nam Thiên

Từ hơn 400 năm trước, Nostradamus đã tiên báo về Việt Nam hiện nay.

- Hồ Chí Minh là qui vương.
- Cuộc chiến 27 năm do qui vương gây hấn.
- Con hồ ly gian trá bạo cường.
- Từ dân Ty Nạn Việt Nam sẽ phát xuất một Vị Lãnh Tự.

### 1. NOSTRADAMUS

Nostradamus là nhà Tiên Tri nổi tiếng nhất phương Tây. Ông sinh năm 1503 tại St Rémy-de-Provence, Pháp, và qua đời năm 1566. Nostradamus là người đồng thời với Đức Trạng Trình, vị Tiên Tri lừng danh của ta. (Đức Trạng Trình sống thời 1491-1585).

Tác phẩm quan trọng nhất của Nostradamus là quyển **Les Prophéties**, in xong trọn cuốn năm 1568. Cách chung, **Les Prophéties** được chia thành 10 chương, mỗi chương gồm 100 đoạn thơ bốn câu.

Cũng như Sấm Trạng Trình, những bài sấm Nostradamus được để lộn xộn chứ không theo bất cứ một tiêu chuẩn nào. Nostradamus cũng dùng thuật chơi chữ và ẩn ngữ để ghi lại số kiến, y như Đức Trạng Trình.

Điều khác với Sấm Trạng Trình là sấm Nostradamus đã được xuất bản, từng phần, ngay khi tác giả còn sống. Do đó, sấm Nostradamus không bị thất truyền, thất bản.

Trong hơn 400 năm qua, đã có hàng ngàn tác phẩm giải đoán và nghiệm chứng sấm Nostradamus. Cũng đã có nhiều sự kiện lịch sử nghiệm đúng nhiều đoạn sấm của ông.

(Hiện nay, nhà giải đoán nổi tiếng nhất là Jean Charles de Fontbrune, với tác phẩm *Nostradamus: Countdown to Apocalypse*, nhà xuất bản Hutchinson, London 1983. Sách nguyên bản bằng tiếng Pháp. Bà Erika Cheetham cũng có nhiều tác phẩm giá trị).

\* \*

### 2. GIẢI ĐOÁN VỀ VIỆT NAM

Sách vở và tài liệu giải đoán sấm Nostradamus thì vô số. Tuy nhiên, tuyệt đại đa số nhà giải đoán là người phương Tây. Vì vậy, ngoài những đoạn sấm có xác định rõ ràng, các nhà giải đoán phương Tây đã tập trung khám phá và nghiệm chứng của mình vào những dữ kiện và dự đoán cho phương Tây.

Chỉ gần đây, mới có những lời bàn liên tưởng đến Trung Hoa và Nhật Bản, là hai nước ở viễn đông vừa gây xáo trộn và ảnh hưởng tới dân da trắng.

Tuy nhiên, đối với Nostradamus, nhà tiên tri thấy được chuyện bốn trăm năm sau, thì không có thể giới hạn tầm nhìn của ông. Việc ông tiên báo những biến cố quan trọng ở Việt Nam cũng không phải là kỳ lạ. Vấn đề là có ai giải đoán không.

Sau đây là một số đoạn sấm về Việt Nam.

\* \*

### 3. CUỘC CHIẾN QUỐC CỘNG 27 NĂM

Đoạn sấm 8/77 :

**L'antéchrist trois bien tost annichilez,**

**Vingt et sept ans sang durera sa guerre:**

**Les heretiques morts, captifs exiliez,**

**Sang corps humain eau rougi greler terre.**

Dịch:

**Tên qui vương sẽ sớm hủy hoại ba quốc gia,**

**Cuộc chiến đẫm máu do nó gây ra sẽ kéo dài 27 năm:**

**Người phản động phải chết, kẻ bị bắt thì biệt xứ,**

**Máu và xác người nhuộm đỏ nước và làm tê công đất.**

\*

#### **Antéchrist: qui vương**

Trong ngôn ngữ và niềm tin phương Tây, chữ *Christ* được hiểu là Đấng Cứu Thế, Vị Cứu Tinh, Vị đem lại an bình hạnh phúc đến cho nhân loại. Do đó, *antéchrist*, *antichrist* là tên đối kháng với Đấng Cứu Thế, đũa gây tai họa cho con người, là *qui vương*.

Điểm cần nói là trong sấm Nostradamus, chữ *antéchrist* được dùng nhiều lần và chỉ định nhiều nhân vật khác nhau. Nhiều đoạn sấm đã ứng nghiệm nơi Napoléon, người gây nhiều trận chiến tàn phá châu Âu và châu Phi, cũng như nơi Hitler, kẻ gây ra thế chiến thứ hai. Chúng đều bị Nostradamus gọi là qui vương.

Còn nhiều đoạn sấm về qui vương, nhưng chưa tìm ra ứng nghiệm. Do đó hầu hết các nhà giải đoán đều có khuynh hướng tai hại là đồn tất cả các đoạn đó vào một nhân vật tương lai. Như vậy càng thêm lộn xộn, khó nhận biết.

Ở đây, để tìm ra tên qui vương này là ai, ta cần bàn chi tiết toàn bộ những điều được tiên báo trong đoạn này.

\*

#### **Sớm hủy hoại ba quốc gia**

Sự kiện đầu tiên được Nostradamus báo về tên qui vương này là nó gieo tai họa, tàn phá, hủy hoại ba quốc gia.

Chữ *annihilé* (cách viết trong bản văn là cách viết xưa) có nghĩa nguyên thủy

là bị làm cho trở thành không gì cả; do đó, là bị tiêu diệt, bị hủy hoại, bị tàn phá.

Ngoài ra, có nhà giải đoán cho rằng chữ *trois*, "ba", có thể hiểu là "thứ ba". Hẳn là tên qui vương thứ ba, vì hai tên trước là Napoléon và Hitler. Nhưng nhiều người lại lý luận là nếu vậy thì đoạn sấm không nói cái gì bị hủy hoại. Tai họa "xứng" với tầm vóc qui vương phải là các quốc gia. Do đó, câu này được hiểu là tên qui vương này *hủy hoại ba quốc gia*.

Trước khi nhìn chung toàn bộ đoạn sấm và kết đoán, ta có thể thấy ba quốc gia này là ba nước Đông Dương Việt Nam, Ai Lao và Kampuchia.

\*

#### **Cuộc chiến 27 năm**

Đây là mấu chốt của đoạn sấm. Con số 27 năm là chìa khóa rõ ràng nhất để nhận mặt tên qui vương này.

Hầu hết các nhà giải đoán nổi tiếng phương Tây đã hiểu rằng cuộc chiến 27 năm này sẽ xảy ra vào hậu bán thế kỷ 20, trước khi khởi đầu Kỷ Nguyên mới. Nhưng trong thời gian gần đây, khi thế kỷ 21 đã gần kề mà vẫn chưa nhà giải đoán nào nhận ra việc ứng nghiệm, họ đành dời ngày lại. J.-C. de Fontbrune, trong cuốn *Nostradamus*, cũng dời ngày khởi sự cuộc chiến vào năm 1999, để vẫn còn vớt vát là cuối thế kỷ 20.

Sở dĩ có sự lúng túng đó là vì các nhà giải đoán phương Tây không ngờ cuộc chiến này đã xảy ra tại Việt Nam.

Trở lại sự kiện Hồ Chí Minh với cuộc chiến ở Việt Nam. Đại cương, Hồ Chí Minh lập đảng cộng sản Đông Dương năm 1930, đảng cộng sản cướp chính quyền, Hồ Chí Minh tuyên bố độc lập và làm chủ tịch nhà nước dưới quyền đảng cộng sản năm 1945. Nếu tính cuộc chiến chấm dứt năm 1975, thì thời gian cũng đã kéo dài từ 30 tới 45 năm.

Đó là lịch sử nhìn theo các sự kiện. Nhưng Nostradamus không hỏi hột như vậy, ông nhìn vào nội dung đích thực, vào nguyên cớ, vào chính nghĩa của cuộc chiến.

Cuộc chiến của người Việt Nam chống thực dân Pháp không phải khởi đầu với việc Hồ Chí Minh lập đảng cộng sản, mà từ ngay khi chiến thuyền của Pháp nổ phát đại bác gây hấn đầu tiên vào Đà Nẵng, năm 1847. Cuộc chiến giành độc lập đó cũng không chấm dứt với lời tuyên bố của Hồ Chí Minh năm 1945, mà với nghị định của Tổng thống Ngô Đình Diệm và việc người lính Pháp cuối cùng rời khỏi Việt Nam, năm 1955. (Tháng 3 năm 1946 Hồ Chí Minh ký hòa ước cho quân đội Pháp lại có quyền hành ở Việt Nam).

Đầu cộng sản Việt Nam có lam nhận, đầu chúng có thừa cơ cướp chính quyền, đầu Hồ Chí Minh có đóng kịch gì đi nữa, thì vai trò chính yếu trong cuộc chiến chống thực dân Pháp và trong những biến cố 1945, vẫn là của toàn dân Việt Nam. Ngày nay, không ai

không thấy rằng sức mạnh đích thực trong việc chống Pháp chống Nhật trong những năm 1847-1955 là tinh thần và tâm huyết vì quốc gia dân tộc của toàn dân và của những tổ chức quốc gia chân chính, chứ sức mạnh đó không hề phát sinh từ "lý tưởng" thực hiện chủ nghĩa "vô tổ quốc vô gia đình" của cộng sản.

Bọn cộng sản Việt Nam chỉ giỏi thủ đoạn đánh lặn, tráo trở, lợi dụng, mượn danh nghĩa, và cướp công của toàn dân. Bộ mặt cáo già gian ác này của tên quỷ vương cũng được Nostradamus lột trần ở đoạn sấm sẽ giải đoán ở phần sau.

Dầu gian trá xảo quyết tới đâu, việc lam nhân này cũng chỉ kéo dài tới năm 1948. Năm 1948, những người chiến đấu vì quốc gia dân tộc, chống cả thực dân lẫn cộng sản, đã tìm được tụ điểm biểu tượng nơi cựu hoàng Bảo Đại. Dầu bất xứng trong công tác, từ năm 1948 Bảo Đại đã trở thành quốc trưởng tượng trưng cho tinh thần quốc gia dân tộc, chống bọn cộng sản vô tổ quốc vô gia đình. Cũng từ ngày đó, Hồ Chí Minh và bè lũ đã lộ nguyên hình là quỷ vương và đầu trâu mặt ngựa.

Cũng từ ngày đó, năm 1948, đã khởi đầu cuộc chiến thực sự, với lần ranh rõ ràng phân chia những người vì quốc gia dân tộc khỏi bọn cộng sản vô tổ quốc vô gia đình. Cuộc chiến kéo dài từ 1948 tới 1975, *đúng 27 năm*, như Nostradamus đã tiên báo.

\*

#### Do quỷ vương gây ra

Nostradamus nhấn mạnh rằng cuộc chiến đẫm máu này do chính quỷ vương cố tình tạo ra, chứ không cần thiết, cũng không phải tình cờ, hay do tình thế đòi hỏi.

Đây quả là một bất hạnh cho dân tộc Việt Nam. Nhìn vào các nước đồng cảnh ngộ và tình hình chính trị thế giới vào thời 1948-1975, ai cũng phải công nhận rằng nếu ba nước Đông Dương không gặp nạn quỷ vương và bọn đầu trâu mặt ngựa, thì đất nước đồng bào không bị tàn phá và thoái hóa như hiện nay.

Nếu theo trào lưu tiến bộ bình thường của thế giới, nếu những người vì quốc gia dân tộc không bị cướp công và mưu hại, nếu nước ta không có bọn cộng sản ngoan cố giáo điều gục mặt tuân hành chính sách bành trướng của Nga Tàu, thì việc giải thoát đất nước khỏi ách thực dân đầu phải đến độ tàn hại đồng bào và thiêu hủy quê hương như đã xảy ra.

Sau đó quỷ vương và bọn đầu trâu mặt ngựa lại ngụy tạo chiêu bài "chống Mỹ cứu nước" để gây cuộc chiến hủy hoại quê hương và sát hại thêm mấy triệu đồng bào. Nếu bọn chúng thành tâm tin tưởng rằng "sự hiện diện của người Mỹ là tai họa của dân Việt", và "toàn dân có nhiệm vụ hy sinh tới giọt máu cuối cùng để đánh cho Mỹ cút" ... thì tại sao hiện nay cũng chính bọn chúng đang hèn hạ lay lục chạy chọt đủ cách

để cầu khẩn người Mỹ trở lại Việt Nam ?

Những chiêu bài ngụy tạo "giải phóng dân tộc, bài phong dã thực, tranh thủ tự do, chống Mỹ cứu nước" ... chỉ là mưu đồ độc hại *do quỷ vương gây ra* để tàn sát hơn bốn triệu sinh linh và hủy hoại ba nước Đông Dương.

\*

#### Đẫm máu: người phản động phải chết

Cuộc chiến nào cũng đẫm máu. Nhưng cuộc chiến do quỷ vương gây ra lại đẫm máu một cách tàn ác bạo ngược gấp bội. Nostradamus đã phải liệt kê tình trạng kinh hoàng đó.

Chữ *hérétiques* thường được dùng để chỉ những người chống lại một số giáo điều, là lạc đạo, *phản giáo*. Tên quỷ vương giết chết những người hần coi là phản giáo. Điều đó chứng tỏ rằng, đối với hần, những điều hần chủ trương đều trở thành giáo điều. Hần trở thành độc tôn độc đoán.

Thực không còn từ ngữ nào chính xác hơn để diễn tả bọn cộng sản cuồng tín, cực đoan, giáo điều. Chúng cuồng nhiệt với tà thuyết cộng sản và mệnh lệnh Nga Tàu hơn cả tín đồ tôn giáo tuân giữ tín lý.

Trong suốt cuộc chiến do bọn chúng gây nên, ở khắp mọi miền đất nước, trong khắp mọi làng thôn thị trấn Việt Nam, nơi nào cũng đã nhuộm đầy máu những người dân vô tội. Đang sống yên lành, đột nhiên họ bị chặt đầu trong đêm tối, chỉ vì bọn cộng sản cho rằng họ ngoan cố, phản động. Chúng gán tội và chặt đầu, không một chút lý lẽ, không một gợn từ tâm, không một lời giải thích. Độc đoán, bất nhân, bạo ngược.

Nostradamus dùng hai chữ ngắn gọn đến phủ phàng: "*phản động! chết!*", y như tiếng hét ma quái của tên cán bộ cộng sản, khi hần ra lệnh chém lát má tấu oan nghiệt xuống cổ mấy chục vạn dân lành vô tội.

\*

#### Kẻ bị bắt thì biệt xử

Họ bị bắt, chứ không phải tự nguyện. Họ bị cưỡng bức, chứ không do bất cứ lý do nào khác.

Đây là hình ảnh của đoàn *dân công* khiêng súng vắc đạn cho bọn quỷ đồ. Hàng chục vạn người dân bỗng nhiên bị cưỡng bức đi phục vụ chiến trường, khổ hơn trâu ngựa. Từng đoàn người phải nhện đói nhịn khát, ngày đêm lê hai bàn chân đất trên sỏi đá, để khiêng súng đạn lên vùng núi cao hiểm trở, rừng sâu nước độc. Ra đi không ngày về, yếu mệt thì bị đạp qua bên đường nằm chờ chết. Khổ nạn hơn cả phạm nhân bị hình phạt *khổ sai biệt xử*.

Có ai thấu hiểu nỗi thống khổ của hàng triệu thiếu nữ thơ ngây bị bắt

theo *hộ lý*, làm nô lệ tình dục cho những tên qui dữ dâm ác tàn bạo?

Nostradamus có mũi lòng khi đặt bút viết mấy chữ này không ?

\*

#### Máu và xác người nhuộm đỏ nước và làm tề công đất

Có thể Nostradamus đã bật khóc trước cảnh tượng rừng rợn này. Hơn bốn triệu sinh linh đã bị tên quỷ vương và lũ đầu trâu mặt ngựa tàn sát. Những vụ đầu tổ thanh trừng, những vụ thủ tiêu ám sát, chôn sống tập thể... kể sao cho hết. Nhưng có cảnh nào kinh hoàng bằng những *trận biến người*? Hàng ngàn dân lành, hầu hết là trẻ em và ông già bà lão, bị bọn quỷ đồ đẩy đi làm bia đỡ đạn cho chúng, đập lên bãi mìn, tiến thẳng về phía hàng trăm họng súng đang nổ ran.

Nostradamus còn chữ nào khác để diễn tả nữa không? Máu dân Việt, do tên quỷ vương đổ ra, đã lênh láng tràn ngập, *nhuộm đỏ cả nước*. Xác dân Việt đã lay đất, khí lạnh của xác chết *làm tề công cả mặt đất*.

Ôi Nostradamus, sao ông không nói thêm về nước mắt? Nước mắt của mấy chục triệu dân Việt đầm đìa suốt mấy mươi năm. Nước mắt khóc mẹ khóc cha, nước mắt mất con mất chồng, nước mắt trẻ thơ côi cút, nước mắt đứt ruột nát lòng của triệu triệu con người vô tội bị xác thân tàn phế tâm thần rối loạn gia đình tan nát, nước mắt tức tưởi cho thân phận đồng bào quê hương... phải mấy mươi năm quần quai trong gông cùm tàn độc của lũ đầu trâu mặt ngựa.

Sao Nostradamus không nói thêm về lửa, ngọn lửa hòa ngục đã theo bọn quỷ đồ tràn về thiêu hủy biết bao nhà cửa ruộng vườn, làng thôn phố xá, đền đài lăng miếu Việt Nam ?

Nhưng làm sao kể hết. Ngôn ngữ loài người làm sao diễn tả đầy đủ những bạo ngược kinh hoàng của quỷ vương. *Tên quỷ vương đã hủy hoại ba quốc gia!* Tên quỷ vương Hồ Chí Minh.

\* \* \*

#### 4. CON HỒ LY HÈN HẠ GIAN ÁC

Nostradamus chẳng những đã tiên báo cuộc chiến tàn khốc 27 năm do quỷ vương Hồ Chí Minh gây ra, ông còn vạch mặt tên cáo già, gọi đích danh, nêu rõ bản chất gian ác bạo tàn của hần, cũng như phơi bày cái "lý tưởng" làm nô lệ phục vụ quan thầy, và phanh phui những động lực quái ác đưa đến những hành động gây độc hại kinh hoàng... của hần.

Đoạn sấm 8/41, Nostradamus viết:

**Esleu sera Renard ne sonnent mot,**

**Faisant le saint public vivant pain d'orge,**

**Tyrannizer apres tant a un cop,**

**Mettant a pied des plus grands sur la gorge.**

Dịch:

Con chồn sẽ được chọn mà không nói tiếng nào,

Trước công chúng nó đội lốt vị thánh hiền sống khác khổ,

Rồi cứ thế nó bắt thằn ra tay tàn độc,

Lấy chân đạp lên cổ họng những quốc gia to lớn nhất.

\*

Renard: chồn, cáo, hồ ly

Renard có nghĩa là con chồn, con cáo, con hồ ly. Cũng như ở sách Trang Trinh và nhiều nơi khác trong sách Nostradamus, một chữ có thể có nghĩa thường mà cũng có thể là tên riêng.

Sách Nostradamus có vài trường hợp tiêu biểu như: đoạn sách 1/25 có chữ Pasteur. Theo nghĩa thường, pasteur là người chăn cừu hoặc là mục sư. Nhưng theo ý nghĩa toàn đoạn sách và sự kiện đã nghiệm ứng, thì Pasteur chính là tên của nhà khoa học Louis Pasteur, người đã khám phá ra sự nhiễm độc là do vi trùng.

Mấy mươi năm trước đây, cơ quan tuyên truyền của Quốc Xã Đức cũng đã lợi dụng và làm rùm beng khi đoạn sách 2/24 có chữ Hister. Trước đó, chữ này luôn được hiểu là tên bằng tiếng Latin của dòng sông Danube. Nhưng Tổng trưởng Goeggels và chính Hitler lại muốn hiểu là Nostradamus dùng chữ Hister để chỉ Adolf Hitler. Sau này, khi xảy ra thế chiến thứ hai, mọi người phải công nhận đoạn sách đó quả thực đã nói về tên khất máu Hitler.

Trở lại đoạn sách của chúng ta, chữ Renard có thể chính là chữ dịch tên Hồ. Ta sẽ nghiệm các sự kiện trong đoạn sách này, coi có phải là HỒ Chí Minh hay không. Thực ra, chẳng những hần tự ý chọn tên "Hồ Chí Minh", mà còn muốn người khác gọi hần là Hồ, bác Hồ, Hồ chủ tịch, rồi già Hồ, giặc Hồ... hơn là gọi bằng tên riêng (Minh) theo kiểu người Việt.

\*

Được chọn mà không nói tiếng nào

Tên Renard này "được chọn" để làm việc cho người chọn hần, chứ không phải hần tự ý làm việc, tự ý khởi công, tự lực cánh sinh. Chẳng những được chọn để thi hành công tác, tên tay sai này lại cùng "không nói tiếng nào", bảo sao nghe vậy, cúi đầu tuân phục. Hần chỉ biết làm theo mệnh lệnh của những người đã chọn hần.

Đây quả là một nhận định phũ phàng. Nhưng thực chính xác cho trường hợp Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh đã được quan thầy Liên Xô chọn để bành trướng đế quốc cộng sản. Theo tiểu sử, Hồ Chí Minh theo học trường huấn luyện cơ quan tình báo Liên Xô KGB, năm 1923-24, để trở về lập Đảng Cộng Sản Đông Dương. Hần phải đi học thêm năm 1934-35, trước khi được thực sự giữ chức vụ điều hành trong đảng. Trong suốt cuộc sống, hần luôn tuân

hành chỉ thị và kế hoạch của quan thầy.

Lịch sử minh chứng rõ ràng là một chiều bài vì dân vì nước, độc lập tự do, giải phóng dân tộc, chống Mỹ cứu nước... chẳng qua cũng chỉ để thực hiện chủ nghĩa vô tổ quốc vô gia đình, và thi hành nghĩa vụ quốc tế, bành trướng đế quốc... theo lệnh các quan thầy cộng sản Nga Tàu. (Đối với bọn chủ trương "vô gia đình" thì làm gì có dân tộc, đồng bào, mà thương mà yêu mà giải phóng. Đã chủ trương "vô tổ quốc" thì làm sao có thể hy sinh vì quốc gia, vì tổ quốc).

Bọn Việt Cộng càng tôn thờ Hồ Chí Minh, càng chứng tỏ hần trung thành tuyệt đối với chủ nghĩa cộng sản... thì càng xác nhận "sứ mạng" được chọn làm bung xung, làm tay sai tối mật, làm tên nô lệ không nói tiếng nào, cầm miếng củi đầu hại dân hại nước... của hần.

Nostradamus đã điểm mặt từ hơn 400 năm trước.

\*

Trước công chúng nó đội lốt

Chỉ ba chữ "trước công chúng" cũng đủ nói lên cá tính bịp bợm xảo trá của con Cáo già. Khi ở nơi riêng tư, hần sống hoàn toàn khác với khi hần ở trước đám đông.

Dẫu vậy, Nostradamus còn phải thêm ba chữ "nó đội lốt" để nhấn mạnh chủ tâm qui quyết gian manh của Renard. Đây không phải là một thái độ kiểu cách thông thường mà là quyết chí gian lận dối trá. Hần chỉ đội lốt, đóng vai, chứ bản chất thực của hần không có bất cứ một điểm nào giống như vậy.

Lịch sử ghi Hồ Chí Minh đã sửa mặt, trồng râu cấy tóc, cắt mất độn mũi gọt môi... để gương mặt gian hùng của hần biến thành tròn trịa để coi... còn hơn cả tên hề mang râu đội mũ trên sân khấu. Nostradamus dùng chữ thực là tuyệt!

\*

Vị thánh hiền sống khác khổ

Bộ máy tuyên truyền của Việt Cộng đã là chứng cứ xác thực nhất cho điểm này của đoạn sách. Hồ Chí Minh luôn được trình bày như một vị thánh, đạo đức liêm chính, quên mình vì quốc gia dân tộc, yêu dân yêu nước, bỏ cuộc sống riêng để dành trọn tâm huyết cho dân... là cha già dân tộc. Hần sống đời khố khổ, đi họp cũng đem theo củ khoai lang để ăn trưa, không vợ không con, thức khuya dậy sớm, không màng tiện nghi...

Ngày nay ai cũng biết đó chỉ là vở kịch nham hiểm của một tên lưu manh hiệp gái tơ, cướp vợ bạn, bỏ rơi vợ con, thù tiểu người hiền, giết hại đồng bào, tàn sát thân tộc... để phục vụ mưu đồ của quan thầy.

\*

Rồi cứ thế nó bắt thằn ra tay tàn độc

Theo nghĩa nguyên thủy, tyrannizer hàm ý tàn ác bất nhân bất trí, nhiều hơn độc tài chuyên chế.

Lốt thánh hiền của Hồ Chí Minh trở thành lộ liễu nhất là từ khi hần có quyền hành, năm 1945, và từ khi hần đổi tên đảng cộng sản. Ngoại trừ một số ít lu la thân tín, trước mặt công chúng và mọi người, hần luôn luôn đóng kịch, đội lốt, gian trá xảo quyết.

Dẫu vậy, hần cũng không thể giấu nhem được bản chất bạo ngược chuyên chế của qui vương. Bất cứ ai không thích hợp với quan niệm của qui vương, bất cứ ai đi lệch đường hướng quan thầy của hần, mà càng hợp tình hợp lý, càng nhân nghĩa khôn ngoan, càng vì dân vì nước... bao nhiêu hần càng thẳng tay tàn sát bấy nhiêu.

Hần luôn luôn đóng vai một vị thánh hiền liêm khiết nhân hậu, trong khi mấy chục triệu đồng bào phải quần quai trong tủ nhục đói rách triền miên dưới chế độ thổ phi bạo tàn bất nhân của hần. Nhưng hần vẫn chưa thỏa mãn. Vừa đội lốt thánh nhân vừa bắt thằn phát động những cuộc tàn sát tập thể.

Hần đã mưu mô giết hại hàng trăm ngàn chiến sĩ quốc gia trong những năm 1945-47. Những năm 1953-57, hơn một triệu đồng bào miền Bắc bị bức tử trong đợt hần "đấu tố địa chủ phú hào". Hàng vạn viên chức xã ấp miền Nam bị hần ám sát trong những năm 1958-63. Tết Mậu Thân, năm 1968, hàng chục vạn đồng bào cũng đã bị hần tàn hại, chôn sống tập thể...

Dùng chiêu bài "chống Mỹ cứu nước", hần đã gây ra cuộc chiến xâm lược để hủy hoại hơn một triệu sinh linh miền Bắc, tàn sát thêm một triệu con người vô tội miền Nam, và biến quốc gia trừ phú thành cùng mạt nhất địa cầu.

Tất cả chỉ để cho tên qui vương biểu dương quyền uy hiểm độc, thỏa mãn qui tính độc tài khát máu.

\*

Lấy chân đạp lên cổ họng những quốc gia to lớn nhất

Tên qui vương say máu. Hần chỉ có một mục tiêu là gieo rắc khổ đau chết chóc. Vì vậy, dẫu tình thế có thể thuận tiện cho một cuộc dàn xếp êm thấm, tránh mọi tai họa thảm khốc giáng xuống giang sơn gấm vóc và đồng bào thân yêu, hần cũng chối từ.

Hần đã vì sự tranh chấp giữa các quan thầy cộng sản Nga Tàu và các cường quốc Âu Mỹ, mà đẩy mấy triệu thanh niên Việt Nam vào chỗ chết và chôn vùi toàn thể dân nước trong máu lửa chiến tranh. Để tuân hành mệnh lệnh quan thầy, và với khí giới của quan thầy, hần đã bắt chẹt các nước đồng minh, dẫu có hủy hoại ba quốc gia Việt Miền Lào.

Bè lũ Hồ Chí Minh thường rêu rao hần đã thắng Pháp thắng Mỹ. Nếu quả là chiến thắng thì thực là những chiến thắng không cần thiết và tai hại.



Với hơn 100 năm chiến đấu của dân Việt (từ 1847), với thoái trào thực dân trên toàn cầu, với tình hình thế giới sau thế chiến thứ hai... việc người Pháp rút quân khỏi Việt Nam đã có thể xảy ra một cách êm đẹp.

Nhưng Hồ Chí Minh đã chặn họng, đã làm cho sự việc trở thành bế tắc, tai hại, đẫm máu. Dưới sự điều động của Liên Xô, Hồ Chí Minh và bè lũ đã lợi dụng chiêu bài "giải phóng dân tộc" để thực hiện mộng xâm lăng của đế quốc cộng sản. Nhưng chưa yên tâm với kiếp nô lệ cho Liên Xô, Hồ Chí Minh và bè lũ còn nài xin Trung Cộng tung vũ khí và nhân sự vào Việt Nam để bọn chúng thể hiện trọn vẹn chủ nghĩa dùng bạo lực gây hận thù, tạo nên cuộc chiến gieo rắc biết bao tang tóc và thiệt hại cho quốc gia dân tộc Việt Nam. Ai Lao và Kampuchia cũng bị vạ lây.

Và rồi, với bom đạn và sự lèo lái trực tiếp của hai quan thầy Nga Tàu, tên vua vương lại gây thêm cuộc chiến miền Bắc phá hoại miền Nam. Trong tư thế tự vệ, người miền Nam đã kêu gọi các quốc gia bạn hữu trợ giúp. Nhưng Hồ Chí Minh cũng lại *chặn họng*, gây ra một cuộc chiến tổn hại nhất lịch sử.

(Chỉ hai năm sau cuộc chiến "đánh cho Mỹ cút" làm tổn hại hơn hai triệu mạng người, bọn Việt Cộng lại cầu khẩn và quỉ lụy bằng mọi cách hèn hạ để nài xin Mỹ trở lại Việt Nam).

Chỉ đáng thương cho đất nước và mấy chục triệu con người, của cả ba quốc gia Đông Dương, đã phải trải qua một kiếp nạn dai dẳng 27 năm và hậu quả khốc hại vẫn còn đeo đẳng chưa thôi.

Ngày nay, mọi người đều nhận biết rằng tội trạng của tên quỉ vương Hồ Chí Minh còn nặng nề gấp bội những việc đã được phanh phui và đang bị mọi người nguyên rủa.

Tuy vậy, chúng ta không thể không khâm phục Nostradamus khi mà hơn 400 năm trước, chẳng những ông đã vạch mặt chỉ tên tên quỉ vương HỒ Chí Minh, mà còn kể rõ hành tung bạo ngược, bản chất gian manh, và sứ mạng bù nhìn của hắn.

Cám ơn Nostradamus, đầu cách đây hơn 400 năm, đã nói lên sự thực, đánh tan mọi "huyền thoại" quanh tên quỉ vương và xác định chính nghĩa cho dân tộc Việt Nam (Nước Việt Nam thoát ách thực dân là do cuộc chiến đấu vì quốc gia dân tộc của toàn dân, mà còn bị bọn cộng sản phá rối và gây họa. "Chống Mỹ cứu nước" chỉ là chiêu bài do bọn cộng sản ngụy tạo để gây ra cuộc chiến sát hại hơn hai triệu sinh linh và tàn phá đất nước).

Cũng cám ơn Nostradamus, chẳng những ông đã vạch mặt tên quỉ vương mà còn báo trước sự xuất hiện của một Vị Lãnh Tụ mới.

## 5. VỊ LÃNH TỤ MỚI

Đoạn sấm 2/7 :

**Entre plusieurs aux isles desportez,**

**L'un estre nay à deux dents en la gorge:**

**Mourront de faim les arbres esbrotez,**

**Pour eux neuf Roy, nouvel edict leur forge.**

Dịch:

**Trong số nhiều người bị lưu đày ra các đảo,**

**Có một người sinh ra với hai cái răng trong cổ họng:**

**Họ sẽ chết đói, cây cối bị tuốt trụi lá,**

**Họ có một vị Vua mới, đạo luật mới rèn luyện họ.**

Gần đây đoạn sấm trên đã được nhà giải đoán J.-C. de Fontbrune gợi ý là có thể liên quan tới Việt Nam. Trong phần tựa đặt cho đoạn sấm, ông đã thêm chữ "(Cambodia, Vietnam)" trong ngoặc.

Đoạn sấm có ít nhất là ba hiện tượng chỉ định tình trạng đất nước và dân chúng Việt Nam thời nay.

### Nhiều người bị lưu đày ra các đảo

Đây là hiện tượng thứ nhất. Trong mấy trăm năm qua, đã có những vụ nhiều người bị lưu đày ra các đảo, (như từ Anh quốc tới Úc Đại Lợi...), nhưng chưa có trường hợp nào ứng nghiệm toàn bộ đoạn sấm trên.

Gần đây, cuộc vượt biển của hàng triệu người Việt Nam, từ năm 1975, là đồng đảo và vang động nhất. Lại nữa, hầu hết người tỵ nạn Việt Nam đều cập bến ở các đảo. Tất cả đều coi mình là tỵ nạn *lưu đày* khỏi quê hương đang bị ác quỉ thống trị.

### Cây cối bị tuốt trụi lá

Hiện tượng thứ hai này cũng ứng hợp với Việt Nam hiện thời. Hẳn nhiên đây không phải là hiện tượng cây rụng lá mùa đông. Lý do cũng dễ hiểu, vì mùa đông lá rụng xảy ra mỗi năm, nhất là ở các xứ lạnh. Nostradamus không thể coi đây là một dấu chỉ đáng nói.

Hiện tượng "cây bị tuốt trụi lá" chỉ có thể được Nostradamus dùng làm dấu chỉ khi đó là hiện tượng đặc biệt, đặc thù. Hiện tượng này lại mới xảy ra tại Việt Nam trên một khu vực rộng lớn chưa từng có, và cũng ảnh hưởng chưa từng có trên con người và trên cuộc chiến trước 1975. *Thuốc khai quang đã tuốt trụi lá cây*, khiến nhiều vùng núi miền Nam Việt Nam đã trở thành tro trụi một cách khủng khiếp, như chưa bao giờ xảy ra ở nơi nào khác trên thế giới.

### Họ chết đói

Nói lên tình trạng khốn cùng của đồng bào ta dưới thời cộng sản thống trị: cả nước trở thành bàn ăn đói khổ, nghèo

mạt nhất thế giới. Chính sách "vùng kinh tế mới" còn sát hại thêm nhiều người trong những vùng đất hoang vu. Thân xác yếu đuối, vì thiếu ăn trên miền, đã không chống chọi nổi với rừng sâu nước độc và với công việc khai khẩn nặng nhọc.

\* Với ba điểm trùng hợp trên, ta có thể xác định rằng đoạn sấm này tiên báo về Việt Nam thời nay. Chưa hề có sự ứng nghiệm như thế ở nơi nào khác.

### Có một người sinh ra với hai cái răng trong cổ họng

Cho tới nay, chưa nhà giải đoán nào giải thích xuôi chầy cầu sấm này. Ở đây Nostradamus dùng chữ "cổ họng" (gorge), chứ không phải "miệng". Trường hợp một em bé chào đời với vài cái răng thì không phải là hiếm. Nhưng "hai cái răng trong cổ họng" thì thực khó hiểu, khó thấy.

Tuy vậy, đoạn sấm 3/42 hầu như lặp lại nguyên văn câu này:

**L'enfant nalstra à deux dents en la gorge,**

**Pierres en Tuscie par pluy tomleront,**

**Peu d'ans après ne sera bled ni orge,**

**Pour saouler ceix qui de faim failliront.**

Tạm dịch:

**Một đứa bé sẽ sinh ra với hai cái răng trong cổ họng,**

**Đá sẽ rơi như mưa xuống Tuscie,**

**Ít năm sau sẽ không có lúa không có bo bo,**

**Để đầy bụng những người kiệt sức vì đói.**

Đây là lời tiên báo về đặc điểm, cũng như về thời gian và địa điểm ra đời của nhân vật này. Đoạn sấm cũng nối kết sự kiện đứa bé có hai cái răng trong họng với nạn đói kém.

Ở nhiều đoạn sấm khác, Nostradamus thường kể những nguyên nhân của nạn đói như hạn hán lụt lội chiến tranh. Ở đây, nạn đói này lại được ghi nhận là vì thiếu lúa gạo, chứ không nhất thiết là vì các tai ách khác. Nó nhắc ta nhớ tới nạn đói, với hơn một triệu người chết, do chính sách tàn nhẫn của Nhật Bản năm 1945 ở Bắc Phần.

Hình ảnh "đá rơi như mưa" cho thấy cảnh máy bay thả bom, hoặc do trọng pháo. Các trận "mưa bom mưa đạn" lớn nhất lịch sử nhân loại đã xảy ra ở thế chiến thứ hai và cuộc chiến Việt Nam vừa qua.

Tuy nhiên, tên "Tuscie" lại gây rắc rối. Chưa nhà giải đoán nào tìm ra đích xác địa danh này ở đâu. Phần đông đều tạm giải là vùng Tuscanie ở Ý, đầu cách viết và phát âm có khác nhau. Và lại, vùng Tuscanie cũng chưa hề có nạn đá rơi như mưa. Nếu giải được địa danh này, có thể ta nhận ra nhân vật Nostradamus tiên báo.

### Họ có một vị Vua mới

Vào thời Nostradamus, vua là từ ngữ chỉ vị lãnh đạo tối cao của một quốc

gia. Trong sách Nostradamus, chữ "vua" luôn được nhắc tới một cách trang trọng. Ngày nay, "vua" còn có thể hiểu là quốc trưởng, tổng thống, vị lãnh tụ...

Lại nữa, theo các nhà giải đoán, đây là một Vị Lãnh Tụ quan trọng, vì thời của Ông là thời bước vào Kỷ Nguyên Mới, kỷ nguyên Quân Bình, kỷ nguyên nhân loại được hưởng ít nhất 1000 năm hạnh phúc an lành thịnh vượng. Vị Lãnh Tụ này là một trong những vị khởi đầu kỷ nguyên vàng son cho nhân loại.

(Các nhà giải đoán thường gom tất cả các câu sách của Nostradamus vào một Vị Cứu Tinh. Vị Lãnh Tụ ở đoạn sách này cũng được coi là Vị Cứu Tinh đó. Đây là nhược điểm của người phương Tây. Họ luôn có khuynh hướng "độc tôn", chỉ chú trọng tới một nền văn hóa trong một kỷ nguyên. Trên thực tế, nhân loại luôn có nhiều nền văn hóa song song. Việc khai sáng một kỷ nguyên mới, cho toàn thể nhân loại hiện nay, cũng không thể chỉ nhờ một Vị. Việc chuyển biến và những đặc điểm của một kỷ nguyên cũng tuân tự thể hiện, chứ không đột nhiên bùng nổ và tràn ngập như nhiều người lầm tưởng).

\*

#### Đạo luật mới rèn luyện họ

Chữ *edict* (édit) thường được hiểu là một sắc lệnh của nhà vua. Chữ này đã được Nostradamus dùng cách đây hơn 400 năm. Thời đó, một sắc lệnh của vua có ảnh hưởng chẳng những như một đạo luật, mà còn có thể như một bộ luật, một hiến chương, hiến pháp... của thời nay.

Câu sách tiên báo một sự thay đổi xã hội tận gốc rễ, ứng hợp với thời đại của Kỷ Nguyên Mới. "Đạo luật" này có những nguyên tắc và ứng dụng thực tiễn để *rèn luyện*, giúp mọi người sống cuộc sống Quân Bình, hoà hợp và phát triển toàn diện.

\* \*

6. Mới chỉ trong phạm vi bài này, chúng ta cũng nhận thấy Nostradamus đã để tâm huyết ghi lại bốn đoạn sách cho Việt Nam chúng ta thời nay.

Với hai đoạn trước, Nostradamus đã khẳng định chính nghĩa và vinh dự của dân Việt, bằng cách liệt kê cá tính hèn hạ gian ác và hành vi quỉ quyết tàn độc của quỉ vương Hồ Chí Minh, tên tội phạm đã cố tình gây ra cuộc chiến khốc hại vừa qua.

Hai đoạn sau lại ghi nhận thời điểm xuất hiện và những dấu chỉ về Vị Lãnh Tụ Mới cho Việt Nam, giúp Việt Nam góp phần vào Kỷ Nguyên Mới của nhân loại.

Như thế, lòng ưu ái của nhà tiên tri Nostradamus đối với chúng ta cũng không phải ít. Bốn đoạn sách này đủ chứng tỏ Nostradamus còn có thể có nhiều đoạn sách khác, tiên báo thời Việt Nam huy hoàng trong những thế kỷ tới. Mong thay.

Nam Thiên, 9/94.

## Thơ : Hoàng Ngọc Quỳnh Giao



### Lối Về

Người về đâu trong chiều xuân hoa nắng  
Tiếng nhạc lòng hò hẹn những thanh âm?  
Đạo bước chân vẫn lặng lẽ âm thầm  
Và đôi mắt, chao ơi buồn xa vắng !

Người về đâu trong thoáng chiều gió hạ  
Mà cung đàn trầm lặng nét phôi pha?  
Những bước chân tìm đâu bóng quê nhà  
Ôi đôi mắt! u uẩn buồn xa lạ !

Người về đâu trong chiều thu vàng vớ?  
Cung khúc buồn diu cánh lá vàng rơi  
Này người ơi, còn đây nỗi mong chờ  
Xin mắt biếc thôi vương sầu lệ nhỏ.

Người về đâu trong chiều đông tuyết phủ  
Nhạc lung trời thoáng ước hẹn nghìn thu?  
Kìa đáng ai trong sương tuyết mịt mù,  
Bước ngập ngừng... mắt tìm về lối cũ.



Thơ: Anh Đức

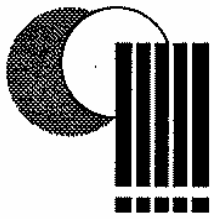
### HƯ VÔ

Nắng đọng vào mùa xuân  
Long lanh sương muốn vỡ  
Gió đông còn trần trở  
Bàng bạc tháng, ngày qua...

Một mình ta với ta  
Hư vô giữa nhạt nhòa  
Thời gian thành quá khứ  
Còn lại gì trong ta

# Sám Hối

## Hối tiếc, khổ đau



### HAY NIỀM HY VỌNG

•Thiện Nghĩa

**T**heo kinh Thủy Sám và Lương Hoàng Sám, thì từ nhiều kiếp ta đã làm bao nhiêu tội ác, có cái biết có cái không biết, ta đều phải nhất tâm ăn năn sám hối, cố gắng làm điều lành để gây được nhân tốt. Sám hối là một trong ngũ Niệm của giáo lý đức Phật, tụng bất cứ bài kinh nào cũng có phần sám hối trước. Hai ngày trong mỗi tháng, ngày 14 và ngày 29 hay 30 ta tại chùa (hoặc tư gia) có tụng kinh Sám Hối.

Sám hối là kể tội mình ra và quyết ăn năn chữa cải. Trong kinh sách, Phật dạy.

"Có hai hạng người rất hiếm :

- một hạng chưa bao giờ phạm tội gì
- một hạng đã phạm và sau đó sám hối, không tái phạm nữa".

Còn trong bộ Tự Điển Bách Khoa Pháp, tiểu sử các nhân vật danh tiếng có một điểm chung : một nửa phần cuộc đời rất phóng túng, sau thức tỉnh nên phần cuộc đời còn lại gần như gương mẫu.

Trên thực tế, các phần tử xã hội có thể sắp xếp ra hai hạng :

- người tự tin, quá tự tin, không bao giờ hối tiếc các việc đã làm, và khi bị trách móc lại cố ý tái phạm, để tỏ ra tính cương quyết hoặc có uy quyền.
- người thiếu tự tin, có khi thêm tự ty mặc cảm, hối tiếc khi lỗi lầm, nhưng rồi quên đi và tái phạm.

Phần đông chúng ta thuộc một trong hai loại trên, ít hay nhiều tùy hoàn cảnh. Có lẽ lý do thâm kín tái phạm, đó là nỗi khổ tâm phải nhận lỗi với một đệ tam nhân, và có khi là chính với mình nữa. Vì nhận lỗi với đệ tam nhân có thể viện cớ là muốn chiều lòng hay tình thế bắt buộc. Còn nhận lỗi với chính mình chứng tỏ cái NGÃ khả kính kia đã đổ vỡ. Nên muốn quên đi bằng cách biện cớ để tái phạm, hoặc trái lại tái phạm chỉ vì thói quen không tự chủ được.

Nói tóm lại, các lỗi lầm của chúng ta đều đem theo một sự băn khoăn bứt rứt, khổ tâm nhiều hay ít. Nhưng vào lúc nào chúng ta ý thức được sự việc? Điều này đáng chú ý. Thông

thường, sự nhận thức sai lầm chỉ đến với chúng ta một lúc nào đó sau hành động, vì nếu biết trước chúng ta đã không phạm lỗi. Nhưng bị lời cuốn bởi hoàn cảnh, thiếu bình tĩnh v.v... chúng ta đã gây thiệt hại cho người khác dưới nhiều hình thức : tiền tài, địa vị, cả tính mạng. Khi hăng say tranh đấu vì kế sinh nhai, chúng ta cho là luật cạnh tranh, lâu về sau mới ăn hận... Mấy hàng trên đã giản dị hóa sự thế; thật ra trên đời bao nhiêu sự éo le.

Người biết mình có tội, bị lương tâm cắn vọt, đó là nỗi khổ đau có thể kéo dài ngày nọ tháng kia, có khi cả đời nữa. Nhưng đó là hối hận suông mà không hối cải, nghĩa là không quyết tâm sửa lại lỗi lầm của mình, thì chẳng có lợi cho ai, nhất là cho chính mình vì mình vẫn luôn bị nỗi khổ tâm dày vò.

Vậy làm sao để sám hối đem đến ta niềm hy vọng, sự an lạc? - Đó là phải chí thành nguyện sửa tất cả những lỗi lầm, hứa không bao giờ tái phạm. Trước bàn thờ Phật ta cũng sám hối luôn những tội ác từ bao nhiêu đời kiếp quá khứ, từ "vô thị tới nay", những tội ác chông chất mà ta biết nhận tội xin hối cải, lễ lạy để phá bỏ cái tâm ngã mạn và cũng để tỏ lòng thành kính. Năng sám hối cũng như là nhắc nhở ta đừng tái phạm tội cũ, đừng làm thêm tội mới, và luôn luôn làm điều thiện để gieo căn lành. Do đó ta sẽ được sạch tội và tâm ta được an lạc.

Trong kinh Sám Hối, đoạn cuối có bốn câu sau :

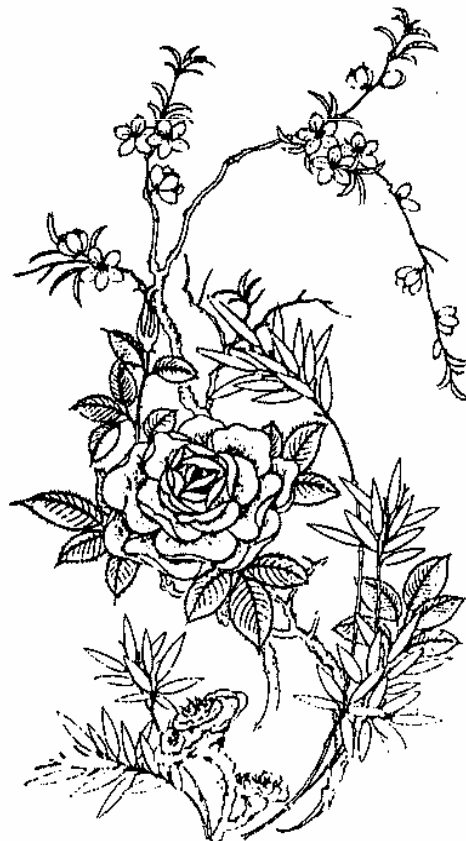
*Tội từ tâm khởi đem tâm sám  
Tâm được tịnh rồi tội liền tiêu  
"Tội tiêu tâm tịnh" thấy đều  
không  
Thế mới thật là chơn sám hối*

Thật là thâm thúy. Khác hẳn trong thế sự, ai phạm pháp bị lao tù... rồi ăn năn, cố những cử chỉ hoàn thiện thì tội được giảm, nhưng mọi sự việc đều đã ghi trong sổ sách! Còn khi chúng ta đã nguyện và chí thành sám hối thì chúng ta trắng hẳn tội lỗi, đầu từ vô thị tới nay.

Đây là niềm hy vọng do Sám Hối đem lại cho chúng ta, ngay trong đời hiện tại này, tự tạo một nếp sống cởi mở, yên vui với mọi người, nhất là yên vui với chính mình, và lúc sắp ra đi, có một tâm trạng không sợ hãi.

Biết đâu đây, với nếp sám hối ăn sâu lần hồi vào tiềm thức qua ngày - tháng - năm, chúng ta lại chẳng được điểm phúc, lúc làm chung niệm được mười niệm Hồng Danh Đức Phật A Di Đà...

(Lập Dòng Ái Hối - November 1995)



# CON NGƯỜI CHIẾN TRANH

## Con người Hòa Bình

Hiếu Đệ

**K**hi chiến tranh Việt Nam bắt đầu lên cao, chúng tôi mới có lệnh động viên vào lính. Tôi được tập trung vào khóa 13 Thủ Đức. Cũng trong khóa này tôi thấy mấy bạn luật sư, kỹ sư, thầy giáo và văn nghệ sĩ thật cũng vui đáo để. Tôi còn nhớ bài học đầu tiên trong đời lính của tôi là bài Ngụy Trang, tôi được vẽ râu, kết lá làm một bụi cây và ngồi yên đó để địch quân không còn nhận ra là mình, như vậy mới có thể tấn công họ một cách bất ngờ, làm kẻ địch chỉ còn có nước lặn đùng ra chết chứ không thể nào trở tay kịp. Kế đó thì bài thứ nhì là Tấn Công. Có nghĩa là tấn công bất thành lính chừng nào thì thắng lợi chừng ấy. Cần nhất tránh không được tiết lộ mục tiêu, tạo cho kẻ địch một sự lầm lẫn lớn.

Người ta còn dạy cho người lính phải biết hy sinh dũng cảm bằng cách thi hành trước khiêu nại sau. Qua bài Đoàn Đường Chiến Binh: leo, trèo, bò, trườn, do một anh Trung sĩ người Nông không biết chữ quốc ngữ huấn luyện. Anh ta chỉ biết rành những động tác chiến đấu thế thôi. Vậy mà anh ta vẫn phạt bọn tôi hít đất như điên mỗi khi chúng tôi làm sai.

Sau cùng chúng tôi mới hiểu chiến tranh là mình phải cố gắng thiết lập những cái bẫy và phải bắt thần lừa người ta lọt vào cạm bẫy của mình để chiến thắng kẻ thù, thế là lấy ăn. Như vậy Tứ khoái Nhất mãn: bốn cái nhanh là tiến chiếm mục tiêu, tấn công nhanh, thanh toán chiến trường nhanh, rút lui nhanh; chỉ có một điểm chậm là thiết lập cái bẫy thật tinh vi tính toán rất kỹ bỏ rất nhiều thì giờ để nghiên cứu địch tình. Như vậy chiến tranh là thiết lập những cạm bẫy và cố gắng lừa kẻ địch lọt vào cạm bẫy của mình. Đã là con người chiến tranh thì không phải là con người hòa bình. Con người chiến tranh chỉ biết có thắng chớ không bao giờ thua, chỉ có tiến chớ chẳng bao giờ lùi, và biết người biết ta trăm trận trăm thắng.

Ngày xưa khi tôi còn hợp tác tờ báo Hải Triều Âm với Thiên sư Nhất Hạnh thì mấy thầy em là thầy Thanh Vân, thầy Châu Toàn thường vào trại lính nơi phòng báo chí của tôi lấy bài. Mấy anh chàng điểm trường và lính gác họ hay giữ các thầy lại chọc phá, tôi thường đến tòa soạn xin lỗi các thầy, tôi có nói:

"Đã là lính thì anh em đều dữ dằn như vậy, con người chiến tranh có khác với con người hòa bình của mấy thầy".

Có lần tôi được xem vở kịch *"Le Diable et le bon dieu"* (Ác quỷ và Thượng đế) của Jean Paul Sartre, tài tử chính do Jean Loui Paraul đóng. Nội dung diễn tả một anh chàng bạo chúa kiểu Thành Cát Tư Hãn đi đến đâu chém giết đến đó. Một hôm đến chiếm một thủ đô nọ, anh bắt người con gái đẹp và ở với cô ta có con. Đêm có gái hạ sanh ra đứa con trai, khi chợt nghe tiếng khóc trẻ thơ, anh bạo chúa kia như hồi tỉnh lại. Anh thấy trái đất này là của chính anh, anh có bốn phận bảo vệ nó bảo vệ tất cả muôn loài và muôn người. Anh ta đi ngược về trên con đường của mình gây giặc giã và rao giảng lời Chúa, kêu gọi mọi người hãy làm điều thiện. Nhưng

trẻ quá rồi, họ đã đốt phá và chém giết tất cả, nhất là đám tướng lãnh đàn em của anh ta họ chẳng nghe lời, họ còn cho anh là làm chuyện lỗ bịch và có thể anh là một người điên. Đến nỗi anh ta còn đục thủng hai bàn tay của mình và nói là đêm qua anh nằm mơ thấy mình là đức Chúa Trời đóng đinh trên thập giá. Và bây giờ anh là hiện thân của Chúa xuống thế gian kêu gọi mọi người. Nhưng rốt cuộc cũng chẳng có ai chịu nghe và chẳng có ai chịu làm việc thiện, khiến anh vừa đi vừa kêu gọi trong tuyệt vọng.

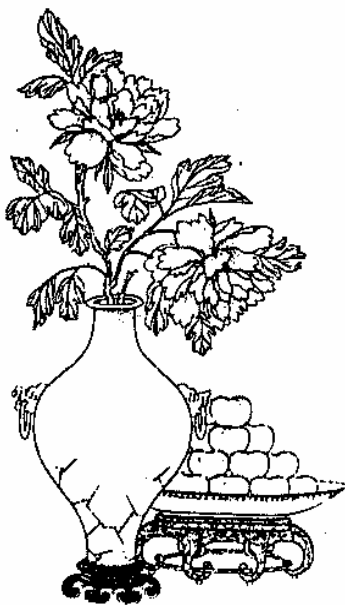
Tác giả có ý nói là con người chiến tranh không thể là con người hòa bình. Ác quỷ là ác quỷ, không thể là Thượng đế được. Ý của Sartre có vẻ hơi lơ đãng, thật ra trong đạo Khổng vẫn thường nói: nhân cần sơ, tánh bổn thiện. Con người sinh ra vốn hiền lành nếu ta biết trở về thì mỗi người là một "bon dieu", là một Thượng đế không phải là một ác quỷ đâu.

Chiến tranh là một sự bế tắc bởi một giải pháp chính trị nào đó. Chiến tranh chỉ là một giải pháp nhất thời để giải quyết một chủ nghĩa, một vấn đề, nhưng hậu quả của nó rất là khủng khiếp không lường được. Chúng ta hãy nhìn sâu vào bản chất của chiến tranh, chúng ta thấy nó vẫn còn đây đưa tạo nên những hậu quả bên trong của xã hội. Vì cuộc chiến tranh nào cũng bất công và vô lý tất cả, do đó nó để lại những hiện chứng rất tai hại. Chiến tranh kéo theo hận thù và lo sợ, nó đẻ ra một nền văn hóa suy sụp như báo chí, truyền hình, truyền thanh, phim ảnh và các tuyên truyền quảng cáo khác, khoét sâu vào những sự khổ đau của nhân loại tác động vào mỗi con người. Khiến có kẻ phải tiêu thụ rượu, ma túy và các loại độc tố khác để làm khỏa lấp nỗi khổ đau. Khi đã nhìn thấy rõ hạt giống của khổ đau chúng ta nên tìm cách chuyển hóa nó.

Nhìn sâu vào bản chất của chiến tranh ta thấy rõ đó là một tâm thức của cộng đồng nó là linh hồn của cuộc chiến. Từ cái tâm thức cộng đồng này (*collective conscionness*) nó phát sinh ra tâm thức cá nhân. Muốn tạo nên một cuộc chiến người ta phải tạo nên những mối căm thù. Muốn xây dựng một người lính người ta phải dạy cho con người về sự căm thù và giết chóc từ sáu tháng đến một năm. Họ tưới tắm hạt giống căm thù cho người lính đến đời đi đâu

cũng thấy kẻ thù, thậm chí còn phải thấy kẻ thù cả trong giấc ngủ. Tôi có hỏi xạ thủ về súng lớn và súng tự động, họ nói sở dĩ họ bán nhiều đạn là vì họ sợ. Những phe lâm chiến có phe lại xích chân người lính vào súng máy hay vào pháo đài chỉ có tử thù chứ không có rút lui. Như vậy thì có đánh cũng chết mà không đánh cũng chết. Hai chú gà nòi cật dao vào đá nhau ở trường gà, rốt cuộc con thắng con bại gì cũng chết, niềm vui chỉ để lại đám khán giả vỗ tay reo hò thôi. Xã hội có khi cũng kích thích con người bạo động chém giết để họ bán súng. Xã hội thể hiện một tâm thức cộng đồng căm thù và sợ hãi dựng thành những bạo động nên mới sản xuất ra những cá nhân bạo động. Đó là những tâm thức cá nhân. Xã hội và cá nhân có sự giống nhau. Chúng ta chữa trị trong những cá nhân của chúng ta có nghĩa là chúng ta đã chuẩn bị những vết thương chiến tranh cả đất nước.

Năm 1991 tôi có đi dự khóa tu dành cho những cựu chiến binh người Mỹ. Không khí khóa tu rất là căng thẳng, vì rất nhiều người họ vẫn còn bị thương tích chiến tranh làm đau nhức đến không người, về mặt người nào người này vẫn đang dâng sát khí. Có anh thổ lộ chỉ trong một trận đánh mà đơn vị anh chết bốn trăm mười bảy người và trong suốt mười lăm năm trời anh vẫn còn mang xác chết của bốn trăm mười bảy đồng đội này trên vai. Một anh khác tâm sự vì quá hận thù khi thấy chiến hữu mình bị giết chết, anh đã gài bẫy giết đến năm trẻ em trong một làng nọ. Từ đó anh sống trong một cơn ác mộng dài, không bao giờ còn có đủ can đảm để ngồi gần bất cứ một em bé nào. Một anh nữa lại kể trong một trận đánh anh ta đi tài thương, có một cô du kích còn trẻ nhìn anh ta với đôi mắt



khẩn cầu như muốn nhờ anh trao lại quyển nhật ký, trong đó có ảnh chồng và con của cô ta và một chiếc võng cho người khâu, nhưng rồi cuộc cô ngã chết trên tay anh khi chiếc trục thừng tải thương chưa đáp xuống y viện. Anh ta mang cái nhìn của đôi mắt ấy đến 18 năm nay không thể xóa mờ được. Bao nhiêu đau thương của các anh đã được kể lại và chính những niềm đau ấy đã không cho các anh tiếp xúc được với những mâu nhiệm của cuộc sống chung quanh mình.

Trong khóa tu, một cựu chiến binh nói đây là lần đầu tiên trong mười lăm năm nay, anh cảm thấy an toàn giữa một đám đông. Trong suốt mười lăm năm, anh không nuốt được một thức ăn nào cứng. Anh chỉ ăn trái cây và uống nước trái cây. Anh hoàn toàn sống tách biệt với thế giới bên ngoài. Nhưng chỉ sau những ngày dự khóa tu, anh đã có thể bắt đầu liên lạc và nói chuyện với người khác. Những người như anh bạn trên rất cần sự thương yêu và giúp đỡ của chúng ta để có thể tiếp xúc lại với cuộc sống bình thường. Trong khóa tu, chúng tôi cùng tập thờ, trở về với nền trời xanh với rừng lá thắm che chở và nuôi nấng chúng ta, đi thiền hành chúng tôi bước từng bước chân thật chậm ý thức được sự tiếp xúc của bàn chân và mặt đất, của buồng phổi với không khí trong lành. Tôi nghĩ chiến tranh nào rồi cũng giống như chiến tranh Việt Nam. Bài học Việt Nam đã giúp cho chúng ta sáng mắt sáng lòng. Bụt nói: sở dĩ cái này có là cái kia có, cái này không là cái kia không (kinh A Hàm). Chúng ta phải thấy được rằng chúng ta là của nhau, không ai có thể chia cắt thực tại thành từng mảnh rời rạc. Sự an lạc của cái này có nghĩa là sự an lạc của cái kia, chúng ta không thể sống và làm việc một cách riêng rẽ, chúng ta phải ngồi lại với nhau và cùng nhau xây dựng lại. Thì phe nào cũng là phe ta không có phe nào cần phải hủy diệt cả. Chúng ta những con người đã từng sống chết trong chiến tranh hãy lấy kinh nghiệm đau thương của mình làm ánh sáng chiếu rọi vào cõi rã của chiến tranh và soi đường dẫn tới hòa bình.

Bụt cũng dạy rằng: "mặc cảm phạm tội và sám hối đưa ta đến hướng thiện. Khi ta tìm đến nguyên do gốc rễ của những hư hại về tội lỗi và chúng ta nguyện không tái phạm. Ta cảm thấy đáng tiếc và hàn gắn lại các vết thương, đó là một điều có lợi về mặt tâm lý. Nếu không thì mặc cảm phạm tội và sám hối nó vẫn còn dai dẳng mãi. Chỉ khi nào mặc cảm phạm tội được hàn gắn thì mới thấy được con đường an vui hạnh phúc. Con đường duy nhất đưa đến tự do là vượt khỏi biên giới hận thù và tội lỗi, tự do có nghĩa là không vướng mắc cái gì cả.

Đối trị với hận thù và cơn giận

Trong con người chúng ta chứa đựng từ vô lượng kiếp tất cả những hạt giống đau thương thù hận trong tâm thức. Bụt gọi là nhất thiết chủng thức (the totality of the seed hay là store concionness. Phạm ngữ gọi là Sarva by Yaka) gồm đủ cả gai hoa trái gì cũng có hạt giống ở trong đó. Nếu ta biết tưới tắm hạt giống tốt hòa bình và an lạc thì nó trở nên hoa tốt. Còn nếu ta cứ khơi dậy chiến tranh và hận thù thì nó sẽ bùng cháy lên chiến tranh và hận thù. Cũng như niềm mong của núi lửa đang nằm sẵn trong trái đất chỉ chờ một sự phát nổ lên thôi. Chúng ta nên nhận diện thế nào là hạt giống tốt, thế nào là hạt giống tình thương, hòa bình, an lạc mà tưới tắm cho nó. Thứ nhất là đừng giận hờn lâu. Hãy vui lên càng sớm càng tốt. Hạt giống tốt ta nên giữ lại, hạt giống xấu ta nên loại bỏ. Sở dĩ hận thù và giận dữ được bùng dậy nguyên do là vì ta quá quan trọng những hạt giống đó đối với mình.

Khi mặt trời chiếu rọi ánh sáng đến với cỏ cây, mặt trời giúp cỏ cây xanh tươi, cỏ cây được sống bừng lên bởi ánh sáng của mặt trời. Mặt trời làm chuyển hóa những cánh hoa sen, hoa hồng trong buổi sáng. Ánh sáng mặt trời rọi rã chung quanh cánh hoa và thâm nhập vào đến bên trong thục hoa và làm cho hoa bừng nở dưới ánh mặt trời. Sự giận của chúng ta cũng như cánh hoa và Chánh niệm cũng như là ánh sáng mặt trời đang chiếu rọi vào hoa, nó đánh thức và chuyển hóa lòng hận thù và cơn giận bởi năng lượng Chánh niệm. Khi chúng ta thực tập Chánh niệm, chúng ta thở rất là ý thức. Cùng một lúc chúng ta không thể xem truyền hình hoặc nghe radio, hay phân tán năng lượng vào trong cuộc nói chuyện, hay suy nghĩ đến việc khác. Như vậy tập trung tư tưởng tức là Chánh niệm. Cũng như khi ta nấu một nồi khoai, chúng ta

dốt hơi nóng, chúng ta đập nắp kỹ và đôn hơi nóng cho nồi khoai, như thế thì chúng ta làm cho củ khoai đang chín tới và thơm ngon. Cơn giận cũng giống như thế, khi nó còn sống sít nó rất là khủng khiếp, nhưng khi nó được nấu chín thì nó sẽ được đổi thay bằng sự chuyển hóa và chấp nhận.

Chuyển hóa là một từ ngữ mà ta có thể chuyển hóa các vấn đề được trở về đời sống hiện tại. Đức Bụt thường nói rằng tuy biển khổ mênh mông, nhưng khi chúng ta tập trung tư tưởng lại để chuyển hóa khổ đau, ta sẽ thấy được bờ bến hay mặt đất phía trước mặt nó cứu được ta. Nó có khả năng chuyển hóa được trái tim chúng ta. Từ thế giới của phân rã chuyển hóa thành thế giới của hòa lành... Trong giờ phút hiện tại hòa lành được sinh ra ngay. Từ sự khổ đau bất hạnh ta tìm thấy sự an lạc hòa bình, nó là nhất nguyên không thể là hai được.

Bởi vì khi ta trở về nhìn sâu vào sự khổ đau, ta tìm được những nguyên nhân là tại sao vậy, tại sao lại đổ nát và khổ đau như thế tức là ta đã tìm thấy một lối thoát, một sự chuyển hóa ở trên nó. Ta đã đưa nó về đời sống hiện tại.

Các anh, các chị, các em bé đã ngã xuống trong chiến tranh Việt Nam, hôm nay các anh tái sinh những bông hoa, chúng ta gặt hái trên những bông hoa đó được những bài học khổ đau của dân tộc để trên kinh nghiệm sẽ không bao giờ làm xảy ra những khổ đau như thế nữa, và những bông hoa đó sẽ mỉm cười với chúng ta.

Chiến tranh luôn luôn sợ hòa bình cũng như bóng tối luôn luôn run sợ trước ánh sáng. Nhưng trên thực tế bóng tối không thể nào chặn đứng được ánh sáng đã đi tới. Do đó bọn cộng sản Việt Nam đang lo lắng trước sự sụp đổ của bọn chúng trong đợt sóng diễn biến hòa bình hôm nay.

Chúng ta đứng ở nước ngoài nhìn về Việt Nam, thì sau 50 năm đánh thuê chém mướn, trai làm lính, gái làm diêm theo tư tưởng chiến tranh của mồi ma Hồ Chí Minh cũng đã qua rồi, nó cũng tàn lụi theo cái thế kỷ 20 một kỷ nguyên của giặc giã. Ngày hôm nay thế giới đang bước vào một trật tự mới xây dựng dân chủ và hòa bình. Quan niệm đấu thầu chiến tranh làm tiền đồn cho Đông Nam Á hay là nghĩa vụ quốc tế đã trở nên lỗi thời rồi. Quan niệm ngửa tay đi xin viện trợ cũng không còn nữa. Nhưng tư tưởng của bọn Việt cộng, bọn Bắc Bộ Phủ chúng nó đã hóa đá không chịu nhìn thấy đã tiến hóa của lịch sử, thì cuộc cách mạng "Diễn biến Hòa bình" sẽ đào thải bọn chúng.

Để tiến tới xây dựng chiến tranh người ta đã huấn luyện con người hận thù chuyên môn bán giết, những kỹ thuật tuyên truyền xảo quyết, những chiếc bẫy nguy hiểm v.v...

Để tiến tới hòa bình chúng ta cũng từng bước xây dựng con người biết thương yêu sự sống, biết bảo vệ môi sinh, biết tôn trọng đạo đức và sự thật. Chúng ta khởi sự xây dựng lại từ nông thôn lan rộng dần đến thành thị. Để cho trẻ em không còn đi bụi đời, không còn sống lang thang, không còn tràn ra đô thị làm gái diêm. Từ lâu Việt Nam chúng ta không có nền văn minh đô thị mới cách cách hoàng, bởi thế cho nên từ ngàn xưa những kẻ sĩ khi bất mãn các chế độ phong kiến, họ trở về làng xã hay trong các hang động. Các cụ cũng nghĩ tới việc xây dựng một thế hệ mới, một nền văn hóa mới như chúng ta bây giờ và nông thôn là mảnh đất màu mỡ để phát triển mọi mặt để tiến tới xây dựng một xã hội mới và con người mới, mỗi người là một "bon dieu" kiểu Jean Paul Sartre. Một "bon dieu" đầy hy vọng và có niềm tin hẳn hoi. Và lại một nền văn hóa phát triển từ nông thôn cũng ít tốn kém và ít lo lắng. Nó có thể bắt tay hay nối lạiSHIP cầu với nền giáo dục đại học một cách dễ dàng và tốt đẹp.

Chiến tranh Việt Nam đã chấm dứt cả 20 năm nay rồi nó vẫn còn cực thau hòng chảy âm ỉ dưới đồng tro tàn trong lòng người Việt đi tản ở nước ngoài tạo thành một nền văn học nghệ thuật hải ngoại. Đã có biết bao nhiêu những tác phẩm văn chương và biên khảo, điện ảnh và âm nhạc nói về những kinh nghiệm khổ đau trong cuộc chiến. Hôm nay chúng ta hãy nhen nhóm mớ than hồng đó thành ánh lửa hòa bình. Phong trào hòa bình đã bừng lên từ Ba Lan, Tiệp Khắc đến nước Nga dựng thành những thành trì dân chủ tự do quét sạch cái nôi của Chủ nghĩa Cộng sản Mác-Lênin trên vòm trời Bắc Âu và sau cùng những đứa con rơi còn sót lại của nó là Việt Nam và Cuba.



# Chùa Viên Giác

VÀ

## ĐẠI HỘI TẶNG NI HẢI NGOẠI

• Thúy Trúc

"Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ  
Vô duyên đối diện bất tương phùng"

Cách đây hơn ba năm, 25, 26, 27 tháng 9 năm 1992 Đại Hội Tặng Ni Hải Ngoại tại Hoa Kỳ được tổ chức ở San Jose. Chúng tôi, Nguyễn Tịnh, Nguyễn Túy, Diệu Tánh được diễm phúc tham dự. Nay, nhân tròn duyên thuận, Đại Hội Tặng Ni Hải Ngoại họp tại chùa Viên Giác Hannover, thành phố mang tên Màu Lục Diệp, lại một dịp may nữa đến với chúng tôi, Tháp tùng cùng Hòa Thượng Lãnh Đạo Tinh Thần bay xuyên lục địa đến phương trời Âu Châu. Lúc 10:45 sáng 19.09.95 đáp tàu UA đi Dulles, Dulles đến Frankfurt, máy bay bị trễ nên hỏng mất chuyến Frankfurt-Hannover, nhờ vậy chúng tôi gặp được Hòa Thượng Thích Hộ Giác mới từ California đến. Bốn người cùng đáp máy bay Lufthansa để tiếp tục đoạn chót của cuộc hành trình. Đến phi trường, phái đoàn đông đảo gồm ba xe chờ đợi. Không riêng gì chúng tôi, Thượng Tọa Thích Như Điển đưa đón từng khách Tăng chu đáo và đúng giờ. Lên xe, quý vị vừa lái vừa nói chuyện, không mấy chốc tháp bảy tầng thờ Vạn Phật hiện ra môn một, rồi cổng Tam Quan ngói đỏ, chúng tôi ngỡ ngàng vì ngôi chùa quá đồ sộ ngoài sức tưởng tượng. Thứ tự trước sau, Quan Thế Âm lộ thiên, hồ sen và hòn non bộ, một lối đi "zích-zác" xuôi lên Thiệu Hương Điện Di Đà dành cho người dùng xe lăn được xây rất ngoạn mục, đứng đó chụp hình thì tuyệt. Chánh điện rộng rãi huy hoàng, các cửa sổ làm bằng kiếng màu cờ Phật Giáo. Tủ thờ, bàn kinh, hương án, bảo cái trang phan, bình phong, hoành phi, vòng nguyệt môn... đều đặt mua ở Việt Nam. Phòng thờ Tổ, phòng thờ linh, hội trường, thư viện, Bi Trí Dũng là nơi sinh hoạt của Gia Đình Phật Tử. Đồng Đường, Tây Đường gồm mấy chục phòng cho khách Tăng. Lớn nhỏ hơn 50 đơn vị. Chùa phải xây trong tám giai đoạn :

- Vận động tài chánh
- Thi công xây cất
- Xây Tây Đường và Đông Đường
- Khánh thành
- Đặt mua Pháp khí, Pháp cụ
- Xây bảo tháp, sân thượng
- Bãi đậu xe, hồ sen
- Hàng rào

Từ khi đặt viên đá đầu tiên 16.05.1987 đến lúc khánh thành 28.07.1991 ròng rã hơn bốn năm. Trị giá 9 triệu Đức Mã (tương đương 5 triệu rưỡi Mỹ Kim), chùa lớn nhất Âu Châu, có thể chứa 5000 Phật Tử từ bốn phương về dự lễ. Ngoài sự đóng góp



của Đoàn Việt, dương kim thủ tướng Đức Albrecht tận tình giúp đỡ. Đối với Viên Giác, ông là một ân nhân, với Việt Nam ty nạn, ông là người cha lành muôn thuở. Muốn xem chùa phải mất ít nhất hai giờ, tuy bận, Thầy vẫn hướng dẫn Chư Tôn Đức đi mọi nơi. Nguyễn Tịnh được dịp làm quen phó nhóm đặc lực. Bảo Tháp gồm 10.018 vị Phật nhỏ bằng nhau, mỗi tầng có một vị Phật lớn, kể từ trên xuống :

- Tỳ Bà Thi Phật
- Thi Khí Phật
- Tỳ Xá Phù Phật
- Câu Lưu Tôn Phật
- Câu Na Hàn Mẫu Ni Phật
- Ca Diếp Phật

- Thích Ca Mẫu Ni Phật

Quý vị nào muốn có tên mình trên mỗi vị Phật, chỉ cần công đức 120DM Trên tầng thứ bảy đã có hơn một nghìn vị Phật có tên những Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di rời. Mỗi tầng đều có cửa sổ nhìn phong cảnh bên ngoài. Tầng chót được xem như điểm cao của thành phố.

Trong chuyến viếng thăm chùa Viên Giác ngày 18.06.1995, Đạt Lai Lạt Ma, người tìm kiếm hòa bình cho Việt Nam theo đường lối bất bạo động của Phật Giáo, Ngài tặng Thầy Như Điển tôn tượng Như Lai, được xem như một bảo vật, chính phủ Đức đòi thỉnh với giá rất đắt nhưng Thầy chỉ muốn giữ làm kỷ niệm. Trước khi ra về, Đạt Lai Lạt Ma đã cho mọi người một niềm tin và một nụ cười tinh thương.

Ngày 22.09.1995, lúc 10 giờ sáng, khai mạc buổi Đại Hội Lịch Sử gần 100 vị Tăng Ni từ Á Châu, Mỹ Châu, Âu Châu, Úc Châu và Canada cùng với hàng trăm Phật Tử nghiêm chỉnh chào cờ. Bài hát Phật Giáo được cử lên trong thông lệ, thật bồi ngùi cảm động, mảnh đất chào đời bỗng hiện ra rất rõ trong tâm mọi người. Nhân dịp này, Thế Độ Đệ Tử : Tỳ Kheo Thích Quảng Ba, Tu viện Trưởng Tu viện Vạn Hạnh, Canberra, Australia quỳ lên tác bạch xin Đại Hội làm lễ cầu siêu cho Hòa Thượng Thích Bửu Quang, Sr Tổ của Thượng Tọa vừa xả bỏ báo thân, thị tịch lúc 12 giờ trưa 20.09.1995 thế thọ 69 tuổi.

Chương trình kế tiếp là cúng dường trai tăng, những món ăn vừa hấp dẫn, vừa đẹp mắt : món bò câu áp trứng, tôm hùm, sườn ram, chả lụa, chả chiên, bánh cuốn, bánh phu thê... toàn những món chay đầy dinh dưỡng do Ni Sư Diệu Ân, Như Viên, Sr Cô Hạnh Châu, Hạnh Tịnh, Hạnh Ân, Ni Cô Hạnh Như và một số Phật Tử có đạo tâm trở tài. Chúng tôi cũng được vào đây học lớn để mai kia một nọ có dịp đem ra biểu diễn nhất là vấn đề cảm hoa cúng Phật, đơn sơ và đầy mỹ thuật.

Để chiều lòng Phật Tử, Thầy mời hai giảng sư : Hòa Thượng Thích Chơn Điền và Đại Đức Thích Giác Đăng cho mấy thời Pháp rất hữu ích. Thích nhất là giờ đi Thư viện, nơi đó, cô Nga và một số Đạo Hữu rất đông ra công tình nguyện, sách đời sách đạo đều có đủ. Hòa Thượng Thích Chánh Lạc tặng Thư viện năm từng thư Phú Lâu Na, Thúy Trúc cũng biểu bốn tác phẩm do Đạo Hữu sáng tác. Thầy Trụ Trì không quên cho chúng tôi mấy quyển kinh và quyển "Chùa Viên Giác", tác phẩm thứ

18 của Thầy, sách dày hơn 500 trang do Bộ Nội Vụ Liên Bang Đức xuất bản năm 1994. 18 tác phẩm trong 20 năm không phải là một số lượng nhỏ, trung bình Thầy sáng tác một quyển trong năm, không những tiếng Việt mà ngoại ngữ nữa. Nghe đâu Thầy có thể viết và nói thông thạo sáu thứ tiếng : Việt Hán Anh Pháp Đức Nhật. Ban báo chí Giai Phẩm Viên Giác làm việc ngày đêm, hai tháng một kỳ, tính đến tháng 8 năm nay được 88 số, rất phong phú về hình thức lẫn nội dung. Kia, trong phòng họp Chư Tôn Đức vẫn làm việc hăng say, nét mặt các Ngài thật từ bi, nghiêm nghị trong chiếc áo vàng Ruộng Phước, chiếc áo mà không để gì bụi trần vương bận, các Ngài là những người có thiện tâm quay về với Chánh Đạo. Xa lánh cuộc đời tầm thường, người ta ví như một giấc mộng ngập tràn đau thương.

"Hủy hình thù chỉ tiết  
Cắt ái từ sở thân  
Xuất gia hoàng thánh đạo  
Thệ độ nhất thế nhân"

Phật Giáo và Dân Tộc như thịt với da, các Thầy rất bận tâm về Quốc nạn và Pháp nạn. Tội nghiệp Việt Nam một xứ sở có thừa tài hờn tan nát!

Chiều hôm thứ bảy, chùa Viên Giác lại đãi quý Thầy một bữa ăn tại nhà hàng, rồi về phòng nghỉ ngơi, sửa soạn cho ngày mai họp hội liên tiếp, họ đã nói, đã nghe, đã suy nghĩ luận bàn rất nhiều trong tinh thần hòa hợp cao độ như lời Phật dạy : "Tụ hội trong hòa hợp, bàn luận trong hòa hợp, và giải tán trong hòa hợp". Từ khách sạn của chúng tôi đến chùa chỉ mất 11 phút; Treff Hotel Britannia của quý Thầy thì xa hơn nên có xe buýt đưa đón, cũng có xe Đại Thừa này chúng tôi được chở đi quan sát thành phố và hồ Maschsee, một danh lam thắng cảnh của Hannover thơ mộng này. Những chiếc bướm trắng nhấp nhô, những con thiên nga vươn cổ dài chào người lạ. Casino gần đó với ban nhạc hùng hồn câu khách, vài người ngoại quốc bước vào thử vận cầu may.

Phái đoàn Chư Tăng thiện chí Đài Loan chiếu cho Đại Hội xem hình ảnh Việt Nam bất hạnh : Trại cùi, cô nhi viện, cảnh nghèo khổ, cơm không có ăn, áo không đủ mặc. Ôi, thân phận con Rồng cháu Tiên!

Chiều 24.09.1995 lúc 6 giờ Đại Hội bế mạc với kết quả mỹ mãn. 8 giờ tối là phần văn nghệ do các em trong Gia

Đình Phật Tử từ Na Uy, Thụy Sĩ, Anh, Pháp, Hòa Lan, Đức... trình diễn. Cũng dịp này, để cúng dường Chư Tăng Ni, Đạo Hữu Nguyên Tịnh ngâm bài thơ : "Mừng Đại Hội Tăng Ni Hải Ngoại" của Thúy Trúc với giọng ngâm thiết tha cảm động. Đáp lại, Đạo Hữu Quang Kính tặng chúng tôi bài thơ "Hội Ngộ", xin được chép ra đây để tỏ lòng tri ân :

"Đại Hội Tăng Ni mới gặp nhau  
Người thì bên Mỹ kẻ trời Âu  
Lần đầu diện kiến mà thân thiết  
Như thế quen người đã từ lâu

Phải chăng nghĩa đạo với tình đời  
Con Phật tha phương khắp mọi nơi  
Nhân ngày Đại Hội về đông đủ  
Thấy mặt là thương mến yêu rồi

Thật ra chẳng phải lạ hay quen  
Mình là dân Việt sống tha hương  
Mái chùa ôm ấp tình đồng đạo  
Tu học để quên nỗi đoạn trường

Bao giờ được trở lại quê ta  
Tấc đất mồ hôi của ông bà  
Tay nắm trong tay trên đất Việt  
Mình sẽ mời em một chén trà

Thời nhẽ hôm nay tam chia tay  
Ước nguyện rồi đây có một ngày  
Cờ vàng sọc đỏ bay phất phới  
Sài Gòn Hà Nội Huế tung bay

Thân tặng Thúy Trúc và Nguyên Tịnh  
Kỷ niệm Đại Hội Tăng Ni tại chùa  
Viên Giác 22, 23, 24.09.95  
Quang Kính

Sáng hôm sau mỗi người một ngã, dù khác Châu hay khác màu áo, họ vẫn ôm ấp một lý tưởng chung : Ước nguyện cho nước Việt Nam thoát khỏi thác ghềnh thời đại, thanh bình, tự do, thịnh vượng, Pháp nạn không còn để các Thầy trở lại con đường tu học, dịch kinh và hoàng dương Chánh Pháp của mình.

"Hạnh phúc thay! Chư Phật giảng sinh  
Hạnh phúc thay! Giáo Pháp cao minh  
Hạnh phúc thay! Tăng già hòa hiệp  
Hạnh phúc thay! Tử chúng đồng tu"

Kính Pháp Cú

Ở đâu có Đạo Phật, ở đó có hương  
thơm của những loài hoa quý.

3.10.1995

## Mừng Đại Hội Tăng Ni Hải Ngoại

• *Thúy Trúc*

Hai mươi năm lẻ đời chờ  
Thống Nhất Phật Giáo bây giờ  
thành công  
Năm châu bốn bể về đông  
Mái chùa Viên Giác đượm nồng tình  
thường  
Nguyện nương theo gót Y Vương  
Vị Dẫn vì Đạo lên đường dẫn thân  
Ước mong con Phật xa gần  
Sống trong An Lạc tâm thanh thánh  
thời

Tự do tìm ngưỡng nơi nơi  
Ba miền quê mẹ muốn đời mến yêu  
Tiếng chuông vang vọng sớm chiều  
Di Đà Lạc Tự niềm nhiều ngày đêm  
Tứ Bi Hỷ Xả hành thêm  
Ấm no hưng thịnh êm đềm làng xưa  
Trăng thu soi rặng bóng đưa  
Hồn nhiên con trẻ nô đùa vườn thơ

Tặng Xi toàn nguyện giốc mưa  
Hoàng dương Chánh Pháp thoát bờ  
trầm luân

Được tuệ bừng sáng chân tâm  
Liên Hoa Cút Lạc nảy mầm từ đây  
Sợi thảm ai Mẹ ời Thầy  
Nhân Duyên hoa nở trời mây mưa  
cười

Lục Hòa như đóa hồng tươi  
Hai tay dâng tặng người người Ta  
Vui

Chùa Viên Giác

Ngày 22, 23, 24 tháng 9 năm 1995

# MỘT CÁI NHÌN THOÁNG VỀ ĐẠI HỘI PHẬT GIÁO TĂNG GIÀ THẾ GIỚI KỶ 6 được Tổ Chức tại Penang, Mã Lai, từ ngày 8 đến 14 tháng 11 năm 1995

. Thích Như Điển

**H**ội Tăng Già Phật Giáo Thế Giới là một tổ chức thuần túy của Tăng Già gồm Nam Tông và Bắc Tông. Đại Hội lần thứ nhất được tổ chức tại Tích Lan vào năm 1966. Lần thứ 2 được tổ chức tại Sài Gòn, Việt Nam, năm 1969. Lần thứ 3, cách 12 năm sau vào năm 1981 do Ngài Bạch Thành tổ chức tại Đài Bắc, Đài Loan. Lần thứ 4 tổ chức tại Bangkok, Thái Lan, vào năm 1985. Lần thứ 5 tổ chức tại Đài Loan vào năm 1989 và lần thứ 6, kỳ này được tổ chức tại Penang, Mã Lai, vào những ngày trên.

Cứ giữa các kỳ Đại Hội khoảng đại có 2 đến 3 lần họp Ban Chấp Hành của Hội. Ví dụ giữa kỳ 5 và kỳ 6 này có 3 lần họp. Lần họp Ban Chấp Hành đầu tiên được tổ chức tại Hannover, Đức Quốc, năm 1991. Lần thứ 2 tại Đài Trung, Đài Loan, năm 1993 và lần thứ 3 tại Hồng Kông vào tháng 5 năm 1995.

Trong thành phần Ban Chấp Hành Hội Đồng Tăng Già gồm có các bậc Trưởng Lão, đạo cao, đức trọng được Đại Hội Đồng suy tôn lên. Dưới đó là một vị Hội Trưởng và nhiều vị Phó Chủ Tịch của các nước trên thế giới. Có 2 vị Chánh Thư ký Hoa văn và Anh văn. Ngoài 2 vị này có 2 vị phó thư ký và 1 vị thủ quỹ.

Ngoài ra còn có các phân ban như: Văn hóa, Giáo dục, Hoàng pháp nghi lễ, Xã hội từ thiện và Thanh niên Tăng Ni.

Đại Hội kỳ này có 19 nước tham dự, có hơn 300 Đại biểu chính thức và một số Đại biểu không chính thức. Về phía Việt Nam tại Hải Ngoại có nhiều bậc tôn túc tham dự như sau: Hòa Thượng Thích Mãn Giác, Thượng Tọa Thích Phước Bốn, Thượng Tọa Thích Trí Tuệ, Đại Đức Thích Giác Đăng, Đại Đức Thích Tâm Ngoạn (Hoa Kỳ). Phía Úc Châu có Đại Đức Thích Phước Ân, Đại Đức Thích Thiện Tâm và Đại Đức Thích Phước Tấn. Phía Âu Châu có Hòa Thượng Thích Huyền Vi, Thượng Tọa Thích Giác Hoàng, Thượng Tọa Thích Trí Hải, Thượng Tọa Tích Lan, Đại Đức Tâm Nghĩa. Hòa Thượng Thích Thiện Định, Thượng Tọa Thích Minh Tâm, Thượng Tọa Thích Như Điển, Đại Đức Thích Hạnh Tấn và Sư Cô Diệu Trâm. Như vậy phía chư Tăng Việt Nam tại 3 Châu có 18 vị. Ngoài ra cũng có một số Cư sĩ Việt Nam theo phó Hội.

Đại Hội bắt đầu từ ngày 8, mà ngày 5 tháng 11 tôi đã phải rời nước Đức rồi. Đến Kuala Lumpur, Mã Lai, vào chiều ngày 6 tháng 11. Ở lại đó một đêm để thăm cảnh trí của thành phố và ngày hôm sau 7 tháng 11 lấy máy bay đi Penang. Có lẽ tôi là một trong những vị khách Tăng đến sớm nhất tại Đại Hội này. Ban Tổ Chức mới có một vài vị tại phi trường. Sau khi đến phi trường, tôi được hướng dẫn đi thăm một vài chùa gần đó để chờ một số quý Thầy khác sắp đến, về khách sạn luôn một thể. Vì lẽ từ phi trường về khách sạn độ chừng một tiếng đồng hồ.

Penang là một đảo rất đẹp, nằm bên cạnh đất liền của Kuala Lumpur, được nối liền bởi một cây cầu dài 13 cây số do Đại Hàn xây cất qua một eo biển. Phi trường tại Penang bằng phi trường Đà Nẵng của Việt Nam và tại đây cũng có nhiều chuyến bay trực tiếp đến từ bên ngoài Mã Lai, như Singapore, Tích Lan chẳng hạn.

Đây là một đảo thuộc nước Mã Lai, trước đây họ bị Anh Quốc đô hộ và họ cũng mới thành lập Liên Bang Mã Lai vào năm 1957; nhưng ngày nay họ là một trong những nước văn minh và giàu có nhất nhì tại Á Châu. Nếu đem so sánh, có thể nói như vậy: Mã Lai của năm 1995, là Nhật Bản của năm 1970. Ngược lại, nếu so với Việt Nam năm 1975, Mã Lai là nước đàn em; nhưng bây giờ Việt Nam phải 20 năm sau mới bắt kịp họ. Đến đây để thấy họ phát triển mà ngọc mất. Bốn nước tại Á Châu đang trên đà phát triển mạnh là Đại Hàn, Đài Loan, Thái Lan và Mã Lai. Riêng Nhật Bản, Hồng Kông và Singapore thuộc thế hệ đàn anh rồi. Còn Trung Quốc, Việt Nam, Indonesia, Ấn Độ đang trên đà vươn tới. Lào và Miên đang trên đà cực cực. Nếu Việt Nam và Trung Quốc từ bỏ

chế độ quốc doanh và hoàn toàn đứng vào kinh tế thị trường của Âu Mỹ, không theo "định hướng xã hội chủ nghĩa" thì mới mong bắt kịp sự phát triển chóng mặt tại các xứ này.

Tôi đến khách sạn Bay view Beach vào ngày 7 tháng 11; nên có dư một ngày để đi quan sát một vài nơi gần đó. Việc đầu tiên là đi tìm một số trái cây tươi như đu đủ, ổi, chuối, khế, chôm chôm để mua. Ở đây dân địa phương chẳng tha thiết mấy. Vì mấy thứ đó dư thừa; nhưng dân Âu Mỹ thì quá cần; nên khách sạn nào họ cũng dọn những loại thức ăn rẻ tiền này đối với dân địa phương; nhưng ngược lại đối với dân du lịch đến từ các nước khác ngoài Á Châu là cả một sự ước mơ đơn giản nhưng rất khó có được.

Đúng vào lúc 18 giờ 30 ngày 8 tháng 11 năm 1995, thành phần Ban Chấp Hành (tổng cộng 180 vị; nhưng hôm đó hiện diện chừng 50 vị) nhóm họp tại phòng Hibiscus của khách sạn để bàn thảo về vấn đề chương trình, chuẩn bị cho việc bầu cử Ban Chấp Hành mới cũng như các tiểu tổ phân ban. Tại đây các vị đều có thể nêu lên quan điểm của mình về mọi vấn đề trên để được thống nhất trước khi đem ra bàn thảo trước Hội Nghị. Đây cũng có thể gọi là tiền hội nghị và mọi quyết định căn bản đều do Ban Chấp Hành chuẩn bị trước hết rồi. Khi ra trước Đại Hội chỉ cần bàn rộng và thông qua mà thôi.



Chư Tăng Ni tham dự Đại Hội Tăng Già Thế Giới kỳ 6 tại Penang Mã Lai từ 8-14/11/95

Đến sáng ngày 9 tháng 11, sau phần diễm tâm là phần khai mạc Đại Hội với sự tham dự của cả ngàn Chư Tăng và của chính quyền cũng như Phật Tử địa phương tại Đại sảnh New Ballroom của khách sạn.

Trong lễ khai mạc, Ngài Wu Ming, Chủ Tịch Hội Đồng Tăng Già Thế Giới đã cảm ơn Ngài Ta Nang trụ trì chùa Cực Lạc tại Penang đã cùng với Hội Phật Giáo Mã Lai đã có công đức rất lớn trong việc tổ chức kỳ này.

Sau đó là phần phát biểu của 2 vị Tổng Thư ký Anh văn và Hoa văn. Đặc biệt phía chính quyền Mã Lai có cử ông Bộ Trưởng Bộ Vệ Sinh đến tham dự lễ với một bài diễn văn thật dài; nhưng chỉ nói toàn về vấn đề vệ sinh và sống lâu, cũng có ý cho các Đại biểu thấy rằng cần phải sống có vệ sinh hơn nữa để được trường thọ. Quả là một bài diễn văn hơi lạc đề và có ý giáo dục vệ sinh cho chư Tăng chăng? Ở đây tất cả là những bậc lãnh đạo tinh thần của các quốc gia Phật Giáo trên thế giới. Thay vì vỗ tay sau bài nói chuyện ấy, chư Tăng ai cũng cười về vụ này.



Đến 11 giờ 30 trưa là lễ cúng dường Thiên Tăng Hội (Maha Sanghikadana = cúng dường 1.000 vị Tăng). Đa số chư Tăng Nam Tông tại địa phương đã tham dự lễ cúng dường này. Đầu tiên chư Tăng Nam Tông làm lễ chúc phúc và quy y Tam Bảo cho Phật Tử, sau đó chư Tăng Bắc Tông tụng kinh cầu nguyện. Sau đó là những phần ăn từng món được dọn lên, món này qua món khác để phải được chấm dứt vào lúc 13 giờ 30. Vì chư Tăng Nam Tông tại các nước này không dùng sau giờ đó nữa.

Phần tịnh tài, mỗi vị nhận 50 Mã kim của chùa Cực Lạc cúng dường, tương đương với 30 Đức Mã. Như vậy 1.000 vị, tổng cộng là 30.000 DM. Số tiền ấy không nhỏ so với giá sinh hoạt tại đây. Ngoài ra còn có một "cạt tấp". Trong ấy có một dây đựng y, một áo hậu vàng cho Tăng Bắc Tông, một y vàng cho Tăng Nam Tông và một hậu dĩa cho Ni Bắc Tông. Trong "cạt tấp" còn có thêm xà phòng và bàn chải đánh răng nữa. Đây là những loại thuộc tứ sự cúng dường vậy.

Sau lễ ngộ trai, chư Tăng ra sân trước chụp hình lưu niệm và đúng 14 giờ là bữa khai mạc đầu tiên của Hội Nghị, gồm có việc báo cáo công tác Phật sự của các địa phương trên thế giới cũng như báo cáo tài chánh và của các vị Tổng Thư ký.

Sau phần nghi giải lao là phần thuyết giảng của Hòa Thượng Tiến sĩ Dhamananda người Tích Lan, hiện ở tại đây. Giờ này tôi và Thượng Tọa Thích Minh Tâm không tham gia; nhưng nghe Đại Đức Giác Đăng và Hạnh Tấn khen bài thuyết trình này lắm.

Chủ đề của Đại Hội kỳ này là vai trò của Tăng sĩ ở thế kỷ 21; nên tất cả các vị diễn giả cả Anh văn lẫn Hoa văn đều dồn nỗ lực vào sự phân tích ấy.

Có một số điểm mà các vị thính giả ưng ý nhất do Hòa Thượng Dhamananda (Pháp Hỷ) giảng là: Thay vì chúng ta mang giáo lý Đạo Phật đi truyền đạt đến các Phật Tử Âu Mỹ, chúng ta lại mang tinh thần Dân Tộc có tính cách Phật Giáo tại quê hương của mình đến truyền đạo tại đó. Đây có lẽ cũng là kinh nghiệm bản thân của Ngài. Vì Ngài là người Tích Lan, đang hành đạo tại Mã Lai và đã độ được rất nhiều người Hoa tại Mã Lai đi xuất gia theo truyền pháp Nam Tông tại đây.

Vào lúc 19 giờ 30 là một buổi đại yến trai phạn được thiết đãi phái đoàn. Vừa dùng cơm vừa xem múa hát. Đây quả là văn hóa của Trung Hoa, mà phải nói là văn hóa tại cung đình mới đúng. Vì các vua chúa ngày xưa hay thưởng ngoạn bằng cách ấy.

Người Hoa dùng quá nhiều món và quá nhiều dầu; nên có lẽ vì thế mà họ ít có người to lớn như Âu Mỹ chăng? Không biết do thức ăn hay do khí hậu?

Buổi sáng hôm sau ngày 10 tháng 11 năm 1995, các phái đoàn tiếp tục phần phức tạp của mình và sau đó Hòa Thượng Jing Xing (Tịnh Tâm), Chủ tịch Hội Phật Giáo Đài Loan thuyết trình về đề tài giáo dục của Tăng Già và vai trò của Tăng Già trong vấn đề phát triển của Phật Giáo. Bài nói chuyện có nội dung sâu sắc; nhưng cũng chỉ nhằm vấn đề phát triển nội tại của mỗi cá nhân và mỗi tổ chức là quan trọng hơn cả, trước khi đi đến vấn đề chung cho nhân loại và thế giới.

Vì vậy có nhiều người lầm tưởng rằng đến Đại Hội để được giải quyết vấn đề của quốc gia mình; nhưng đó là một sự lầm lẫn rất to lớn. Vì Đại Hội chẳng giải quyết được vấn đề nào cả, chung cuộc chỉ có trình bày vấn đề ra trước Đại Hội mà thôi. Từ đó chúng ta có thể nghiệm lại lời Phật dạy là đúng. Cá nhân có trong sạch thì quốc độ thanh tịnh. Đó là một nguyên tắc hiển nhiên xưa nay vậy; nhưng có nhiều tổ chức đã quên đi; nên cứ chờ đến Đại Hội.

Ngài Jing Xing trước đây có du học Nhật Bản, tốt nghiệp Đại Học Phật Giáo tại Kyoto nên có cái nhìn rất thoáng trong vấn đề này. Khi gặp Ngài, tôi đều hay dùng tiếng Nhật để đàm thoại. Trong Đại Hội kỳ này chỉ dùng toàn tiếng Hoa và Anh ngữ; nhưng thỉnh thoảng tôi cũng có dùng Nhật ngữ trong một số vấn đề quan trọng.

Đến trưa hôm đó toàn thể Đại biểu dùng bữa bằng lối Self-Service, nghĩa là mình tự phục vụ mình. Lối này rất mới so với Á Châu; nhưng so với Âu, Mỹ, đó là một việc làm rất đẹp mắt. Nhiều vị Hòa Thượng vẫn tự sắp hàng để lấy thức ăn cho mình. Điều ấy cũng hay, là tự mình chọn lựa theo sở thích của mình vậy. Nhưng quý vị Sư Nam Tông ít đi ra ngoài thấy việc làm này hơi khó coi và ngay cả Việt Nam của mình một vài nơi trên thế giới vẫn còn nghĩ vậy.

Ở các nước Thái Lan, Miến Điện chư Tăng dùng rồi mới đến Phật Tử. Còn ở đây Phật Tử đôi lúc chen lấn vào sắp hàng lấy thức ăn trước các Sư Nam Tông; nên cũng đã có nhiều vị Sư không đi lấy, chỉ ngồi đó thôi; nên lại có một vài vị Sư khác đi lấy dùm. Ở đây khó có thể phân biệt cái gì là tốt, xấu, hay dở v.v... mà cái gì tiện lợi thì làm. Vì vậy sự phát triển của Phật Giáo ở các nước Âu Mỹ cũng phải theo tình hình của địa phương thì mới có thể tồn tại được.

Đã nhiều lần tôi đi Á Châu, đã tham dự một số đề án và các buổi hội họp; nhưng nhiều lúc các Đại biểu và Chủ tọa đoàn không để ý đến thì giờ, ngồi lâu quá dăm năm, đâu có ai để ý đến đề tài làm gì nữa, mà chỉ để ý đến sự mỏi mệt mà thôi! Cũng có nhiều lần bước lên xe Bus để đi đâu, phải chờ cả hơn tiếng đồng hồ; nhưng vẫn chưa nhúc nhích. Lúc ấy tôi ước gì ở Âu Mỹ thì đã làm được không biết bao nhiêu công chuyện rồi.

Vào lúc 14 giờ chiều ngày 10 tháng 11 năm 1995, các Đại biểu phân nhóm ra để họp. Đa số quý Hòa Thượng lớn và các Thượng Tọa của Việt Nam chúng ta đều tham gia vào các phân ban Hoàng pháp và Văn hóa. Còn 2 phân ban về xã hội cũng như thanh niên Tăng Ni chỉ có Thượng Tọa Minh Tâm, Đại Đức Giác Đăng và tôi tham dự mà thôi.

Riêng bên xã hội có 4 đề nghị, trong đó có đề nghị Đại Hội can thiệp với chính quyền cộng sản Việt Nam trao trả tự do cho Hòa Thượng Thích Huyền Quang và Hòa Thượng Thích Quảng Độ cũng như các Tăng sĩ và Phật Tử khác bị bắt giữ và yêu cầu các nước sở tại Đông Nam Á Châu không nên cưỡng bức những người còn trong các trại tỵ nạn về lại Việt Nam.

Đây là một đề án của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam trên thế giới của Hòa Thượng Thích Tâm Châu gửi đến Đại Hội; nhưng tiếc rằng Hòa Thượng không tham dự Đại Hội. Do đó Thượng Tọa Thích Minh Tâm và Đại Đức Giác Đăng đã trực tiếp trình bày những vấn đề này trước phân ban của mình. Lễ ra bên World Buddhist Fellowship (Hội Liên Hữu Phật Giáo Thế Giới) họ có một phân ban về Nhân Quyền riêng; nhưng bên Tăng Già Thế Giới thì để vấn đề này vào vấn đề từ thiện xã hội nên cũng hơi lúng túng, vì không bàn rộng ra được. Tuy nhiên phân ban cũng đã thông qua và đề trình qua quyết nghị của toàn thể Đại Hội.

Riêng phân thanh niên Tăng Ni có 2 đề nghị và phân ban tiểu tổ của chúng tôi cũng đã thảo luận say sưa từ 2 đến 6 giờ chiều. Phần chủ tọa buổi hội thảo trong 4 tiếng đồng hồ này do Đại Đức Minh Quang (Đài Loan), Đại Đức Minh Gi (Singapore) và tôi điều khiển cũng như Đại Đức Chan Chu (America) làm thư ký cho buổi họp.

Phần bàn thảo có 2 vấn đề: vấn đề thứ nhất là vấn đề giáo dục của Tăng Ni sinh trẻ và vấn đề thứ hai là vấn đề trao đổi sinh viên Tăng Ni trên thế giới trong các môi trường văn hóa khác nhau. Có một vài đề án gửi từ Mỹ và Canada qua đề nghị Đại Hội cũng có những sự trao đổi như thế; nhưng ở phía thanh niên Phật Tử. Đây là một sự hiểu lầm. Vì ở đây chỉ có Tăng Già, còn Phật Tử phải qua bên WBF (Hội Phật Giáo Liên Hữu Thế Giới) sẽ làm việc ấy.

Buổi tối sau khi dùng cơm, toàn thể Đại Hội được xem một buổi hòa tấu toàn các ca nhạc Phật Giáo do các Phật Tử đến từ Đài Loan thủ diễn.

Vào lúc 9 giờ ngày 11 tháng 11 năm 1995 cũng nhằm ngày 19 tháng 6 âm lịch, vía Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, toàn thể Ban Chấp Hành đã vào phòng Hibicus trở lại để thông qua những kết quả của các phiên họp của các tiểu tổ cũng như phân công thỉnh các vị Trưởng Lão và các vị Phó Chủ tịch vào Ban Chấp Hành kỳ này.

Lần này về phía Việt Nam các vị được đề cử và thông qua Đại Hội như sau:

- Hòa Thượng Thích Phước Huệ (Úc Châu) vào Hội Đồng Trưởng Lão.

- Hòa Thượng Thích Thiên Định (Pháp Quốc) trở thành Phó Chủ tịch Hội Đồng Tăng Già Thế Giới địa phương Đức Quốc. Vì lẽ Hòa Thượng lâu nay đã có công rất nhiều trong việc Cố Vấn các Phật sự tại xứ Đức, nên Ban Thư Ký của Hội Đồng Tăng Già cũng như cá nhân đề bạt Hòa Thượng và qua những Phật sự trong thời gian qua mà Hòa Thượng đã hỗ trợ cho WBSC; nên Đại Hội đã cung thỉnh Ngài vào chức vụ này.

- Thượng Tọa Thích Minh Tâm, Chủ tịch Ủy Ban Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Á Châu đã được Đại Hội đề cử vào thành viên của Văn hóa Giáo dục trong nhiệm kỳ này, và

- Đại Đức Thích Phước Ân (Úc Châu) vào thành viên của Thanh niên Tăng Già.

Còn một số chức vụ khác của Phật Giáo Việt Nam tại Hội Đồng Tăng Già vẫn tồn tại như:

- Hòa Thượng Thích Huyền Vi và Hòa Thượng Thích Mãn Giác vẫn là Phó Chủ Tịch,

- Hòa Thượng Thích Minh Lễ vẫn nằm trong Ban Pháp Chế, và

- Tôi (TT.Thích Như Điển) vẫn là thành viên của Thanh niên Tăng Ni Thế Giới.

Trong tất cả các Ban, có lẽ Thanh niên Tăng Ni là Ban mà có nhiều thành viên nhất. Cho đến bây giờ có khoảng 30 vị trong Ban này. Dĩ nhiên Thanh niên Tăng Già Thế Giới không phải chỉ có 30 vị, mà đây chỉ là những người Đại biểu trong Hội Đồng Tăng Già mà thôi.

Vào lúc 14 giờ cùng ngày, toàn thể Đại Hội đều hiện diện để thông qua các đề án của 4 tiểu tổ họp hôm qua và những vấn đề liên quan khác của Đại Hội như bầu Ban Chấp Hành của nhiệm kỳ mới và việc cung thỉnh vào các chức vị mới cũng như gạch tên các vị đã ra đi.

Đại Đức Huệ Hùng (Hui Sung) Indonesia thôi làm Phụ tá Tổng Thư ký Hoa văn và qua phía Thanh niên, còn Đại Đức Thích Duy Ngô (Mã Lai) thế vào chức vụ này. Hội Trưởng vẫn là Ngài Wu Ming (Đài Loan), năm nay Ngài đã 85 tuổi nhưng vẫn còn minh mẫn lắm. Khoảng 30 vị Phó Chủ Tịch của 30 quốc gia, có thêm một ít nhiều để phù hợp với sự phát triển của Đại Hội.

Tổng Thư ký Hoa văn vẫn là Ngài Liễu Trung (Đài Loan) và Tổng Thư ký Anh văn vẫn là Ngài Wipulasara (Tích Lan). Thủ quỹ vẫn là Ngài Ching Nang (Đài Loan), v.v... Tất cả đều trẻ trung hóa; nhưng cũng không kém phần tế nhị cung thỉnh những bậc tôn túc vào các chức vị tối cao của Hội Đồng.

Vào lúc 15 giờ ngày 11 tháng 11 năm 1995, một lễ bế mạc được cử hành trong thế tại Đại sảnh New Ballroom. Lần này bế mạc nên có về vội và hơn và ít người tham dự hơn (độ 500 người) như lần khai mạc trước đó mấy bữa.

Về phía chính quyền có ông Tỉnh Trưởng Penang đến tham dự. Ông ta là một Phật Tử nên trong bài diễn văn bế mạc của ông, nói rất hay và rất có ý nghĩa, nên đã được Hội Đồng vỗ tay nhiều lần, ngược lại bài diễn văn hôm khai mạc của ông Bộ Trưởng Bộ Vệ Sinh. Ông ta còn rất trẻ, có tín tâm đối với Phật Giáo và về vấn đề giáo dục cho Tăng Ni ông rất quan tâm, nên đã ủng hộ 20.000 Mã kim (tương đương 12.000 Đức Mã) cho WBSC để lo về hệ thống Sangha Internetz trong tương lai. Ở đây và bây giờ lúc nào cũng nghe đến hiện đại hóa, hệ thống hóa và nào bộ hóa về điện tử. Điều ấy cũng đúng thôi. Mô hình các nước mới phát triển theo Hoa Kỳ rất nóng bỏng để vượt qua các nước bạn của mình để tranh nhau thị trường mà buôn bán. Còn các nước đàn em, ai chậm chân thì chỉ có chết, có ngồi đó mà than thân trách phận cũng chẳng ai giúp cho mình được gì. Vấn đề là mỗi cá nhân, mỗi đoàn thể, mỗi con người có bắt đầu cất bước và chạy đua không. Ở đây không có vấn đề ngồi chờ thụ hưởng hay hối lộ, hay được ban ân huệ; ngoại trừ những kẻ bị tật nguyên.

Ở đời người ta tiến thân bằng học vấn để đạt được chức nọ chức kia, thì ở Đạo phải tiến thân bằng nỗ lực tu trì của chính bản thân mình. Đây là phương diện đạo đức mà người tu nào cũng phải hàng quan tâm đến.

Trong lễ bế mạc có đọc Tuyên Ngôn Đại Hội về thế giới, về con người, về bản thể của Tăng Già và về sự hòa hợp. Bản Tuyên Ngôn rất hay; nhưng làm có được hay không mỗi người hãy tự trao cho mình một trách nhiệm để dần dần nhiều hơn nữa.

Từ 8 giờ sáng ngày 12 tháng 11, xe Bus đã đợi sẵn tại khách sạn chờ đón phái đoàn đi tham dự lễ lạc thành Chánh điện thờ ngũ phương ngũ Phật mới vừa làm xong tại chùa Cục Lạc. Theo sử liệu của du lịch cũng như những hướng dẫn viên thì chùa Cục Lạc này được xây dựng từ năm 1890 trong vòng 20 năm mới xong, nằm trên một ngọn núi rất hùng vĩ do một vị Đại Sư người Trung Hoa, là một chùa to lớn nhất tại Đông Nam Á Châu.

Phái đoàn phải leo lên mấy trăm bậc thang cấp, qua 2 bên đường là những dãy hàng quán bán lủ khô mọi thứ đồ kỷ niệm. Ước gì tại đây, chùa bỏ tiền ra xây cất những quán thật đẹp, rồi cho mượn lại, có lẽ thứ tự và đẹp nhất du khách vô cùng. Cảnh nào thấy cũng đẹp cũng hay; nhưng khi vào các nhà cầu nhà tắm công cộng thì thấy Á Châu chúng ta còn kém xa Âu Mỹ nhiều lắm. Nhất là chỗ lờ

phóng sanh. Rùa ơi là rùa. Mùi xú uế hôi tanh nồng nặc, chẳng xứng đáng với cảnh giới tại đây.

Bên trên là một ngôi tháp 7 tầng, cao vòi vọi trong không trung. Bên cạnh là một đại điện sắp làm lễ lạc thành. Nghe đầu xây cất xong ngôi đại hùng bửu điện này tốn độ 6 triệu đô la Mỹ. Nếu chánh điện này xây tại Âu Mỹ tốn gấp 3 gấp 4 lần. Cách điều khác rất cầu kỳ. Ở giữa có thờ Tỳ Lô Giá Na Phật, phía trái từ ngoài nhìn vào thờ Tây phương A Di Đà Phật, phía phải thờ Đông phương A Súc Phật, kế tiếp đó Nam phương thờ Bảo Sanh Phật và Bắc phương bên trái có lễ thờ Thành Tựu Phật, vì bị choán cây cột và khách dự đông quá, nên tôi không xem được chữ ấy là gì. Nhưng ngũ phương ngũ Phật là những vị Phật như vậy. Có một điều tôi để ý kỹ là người Hoa sợ con số mười, có lẽ là số bù; nên câu nào 10 chữ thì rút ngắn còn lại 9 chữ. Ví dụ như câu "Nam Mô Đông Phương Thế Giới A Súc Bệ Phật", thì bỏ bớt chữ "Bệ" để còn lại 9 chữ. Bảo điện có thờ thêm A Nan Ca Diếp và Văn Thù Phổ Hiền cũng như Chuẩn Đề nữa. Các khung đồ chạm phù đồ, phù điêu nổi, trông rất mỹ thuật. Những cây cột tròn khoảng 4 người ôm và khung cửa ra vào đều chạm trên đá cẩm thạch. Nghe đầu từ Trung Quốc mang đến và thợ cũng mượn từ đó.

Sau phần sái tịnh của chư vị tôn túc là lễ dâng hương, hoa, dâng trà, quả, phạn lên cúng dường chư Phật và đại diện chư Tăng cũng như chính quyền lên làm lễ khai mạc. Lễ khánh thành mà thiếu vị Trụ Trì, vì Ngài Ta Nang đã quá già yếu. Vì thế trong lễ khai mạc hôm trước Ngài có đến một chút rồi lại về, chẳng phát biểu được câu nào. Hôm nay đây, trong giờ lạc thành cũng không thấy Ngài, mà chỉ thấy các vị trong môn phái và đệ tử điều động chương trình buổi lễ.

Trong phần đọc danh sách cúng dường cho việc xây chùa này, có người đã cúng dường đến 5 triệu Mã kim, tương đương chừng 3 triệu Đức Mã và dĩ nhiên phần tuyên dương công đức, chỉ được những phần lớn lao này, trong khi đó sự cúng dường từng phần nhỏ nhoi của Phật Tử khắp nơi cũng không kém quan trọng; nhưng vì thời gian eo hẹp nên không tài nào đọc hết được.

Đại Hội kỷ 6 lần này cũng thế, có một Phật tử Hoa kiều cúng 800.000 Mã kim, tương đương với hơn 500.000 Đức Mã để tổ chức. Theo dự đoán của người phương xa đến tham dự Đại Hội thì Ban Tổ Chức phải chi trên dưới 1 triệu đô la Mỹ.

Chính quyền Mã Lai đã để cho các Tôn Giáo phát triển một cách tự do ở đây và chính sách đối với Hoa kiều, không như tại Indonesia hay tại Việt Nam ta ngày trước. Bề nào thì người Hoa vẫn giỏi về thương mại, nên để họ làm việc này và họ đóng thuế cho quốc gia, mình vẫn có lợi, mà họ vẫn phát triển đồng đều. Họ vẫn có trường học dạy chữ Hoa và bắt buộc người nào cũng phải học ngôn ngữ Mã Lai để xử dụng hàng ngày. Ngoài ra Anh ngữ họ rất thành thạo. Đây là một ngôn ngữ quốc tế, mặc dầu số người xử dụng không bằng tiếng Hoa; nhưng có tính cách phổ thông hơn. Đạo Phật cũng thế, nếu so với Ấn Độ Giáo tại Ấn Độ cũng giống như so sánh tiếng Anh và tiếng Tàu vậy. Mặc dầu Đạo Phật ít hơn các tôn giáo khác; nhưng thế giới nơi nào cũng biết đến, còn Ấn Độ Giáo hầu như chỉ có người Ấn Độ biết đến mà thôi. Một mai đây không xa, Đạo Phật sẽ đi vào lòng người khắp nơi trên thế giới, như ngày nay người ta xử dụng tiếng Anh để giao dịch hàng ngày vậy.

Buổi chiều ngày 12 tháng 11 năm 1995, phái đoàn được hàng du lịch hướng dẫn đến các chùa và danh lam thắng cảnh khác trong vùng đảo 1 triệu dân này; nhưng không lớn hơn đảo Phú Quốc của Việt Nam mình mấy, để giới thiệu một số kiến trúc có tính cách đặc thù tại đây.

Sang ngày 13 tháng 11, tại khách sạn, Ban Tổ Chức làm việc không ngừng nghỉ như ngày mới đến. Vì hôm nay có người về lại nước từ phi trường Penang, có vị lại đi Kuala Lumpur bằng xe Bus để sáng hôm sau về nước từ phi trường quốc tế này.

Tiếng chào tiếng hỏi, tiếng chia tay, tiếng báo động khởi hành... đủ thứ tiếng như trong Kinh Pháp Hoa đã diễn tả.

Chiều hôm trước, sau khi ở chùa Cục Lạc về, tôi và Thượng Tọa Thích Minh Tâm đã thả bộ dọc theo bãi biển để nhớ về những người ty nạn thân thương của mình. Đi dọc theo giữa 2 làn sóng nước và cát trắng thấy những con còng nhỏ nhít nhưng chạy thật nhanh, khi thấy bóng người, vụt một cái đã lao vào trong hang sâu của chúng. Tôi liền tưởng đến người Việt Nam mình trước đây 10, 15 năm cũng đã nhờ Mã Lai mà có những năm tháng tạm dung, để rồi từ đó cất bước ra đi, đến những phương trời cao rộng khác. Sau

10, 15, 17 năm ở xứ người, có lẽ đã có nhiều người đỗ Kỳ Sư, Tiến Sĩ v.v... không biết trong đó có ai đã trở lại bờ biển này hay bờ biển Pulau Bidong để nhìn ngắm những con còng vẫn còn ở đây như tôi và Thượng Tọa Thích Minh Tâm đang suy nghĩ về họ không?

Có nhiều người muốn quên đi dĩ vãng của mình; nhưng dĩ vãng là cái gì hãi hùng nhất, nếu điều đó ta muốn quên đi. Mà cũng đẹp đẽ nhất, nếu ta muốn giữ lại nó. Tất cả đều do nhân duyên hợp và cũng do nhân duyên mà tan biến vậy.

Lẽ ra một số quý Thầy kỳ này phải đi thăm các trại tỵ nạn gần đây tại Mã Lai; nhưng thời gian eo hẹp quá và chính sách đối với những người tỵ nạn xấu số, hiện còn trong các trại tại Đông Nam Á Châu đang ở giai đoạn thối nát đau lòng; nên cũng khó xin vào các trại. Quý Thầy chỉ còn có thể kêu gọi các chính phủ và các tổ chức quốc tế đừng trả những người tỵ nạn về lại quê hương mình, khi nơi đó nhân quyền và tự do tôn giáo chưa được tôn trọng mà thôi.

Nhìn những con còng chạy lảng vảng trên bãi biển, chúng tôi liên tưởng đến sự tranh đấu cho đồng bào mình rất nhiều. Khi chưa được tỵ nạn, trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng phải lo cho được có Passport tỵ nạn. Khi được rồi, họ sớm quên đi hình ảnh ban đầu, lo trở về nước để thực hiện ý riêng của mình. Như vậy đâu có còn xứng đáng là một người tỵ nạn nữa. Còn những người tranh đấu cho quyền làm người, quyền được sống, được tạm dung cho họ như một số Hội Đoàn, Tổ Chức đang làm, trong đó có Thượng Tọa Thích Minh Tâm và tôi cũng như một số quý vị hữu tâm khác đang cố hết mình để xoa dịu, hướng dẫn những con còng còn đi lạc giữa chốn hoang vu của trời cao biển rộng này. Tiếng nói của mình bây giờ bé nhỏ quá, ít ai lưu tâm; nhưng cũng ráng kêu gào để cánh cửa từ bi của nhân loại hãy khép lại chậm hơn chút nữa, để các người xấu số được nhờ.

Tôi theo phái đoàn đi về Kuala Lumpur với Đại Đức Giác Đăng và Sư cô Diệu Trạng. Ngồi trên xe nói đủ chuyện đông tây nam bắc và cũng có hồi tưởng về Việt Nam rất nhiều. Đến trưa ngày 13.11, phái đoàn đã đến Ipoh ghé thăm một chùa Ni và dùng cơm trưa tại đó. Ở đây người Quảng Đông nhiều nên các món ăn được nấu rất hợp với khẩu vị của người Việt Nam. Điều đặc biệt là cơm được mang lên cùng lúc với đồ ăn giống như người Việt Nam vậy. Còn mấy hôm nay, cơm giống như một vật xa xỉ phẩm, ít thấy trong các buổi tiệc cao sang.

Đến chiều xe Bus chờ phái đoàn đến chùa của Ngài Dhamananda tại Kuala Lumpur. Nơi đây có Phật Học Viện và ấn hành kinh sách bằng tiếng Anh. Tại chánh điện, chúng tôi có chiêm bái được một số hình ảnh tiêu biểu về Phật Giáo tại các nước, trong đó có Việt Nam mình. Giáo Hội Nguyên Thủy Việt Nam đã tặng cho chùa này một Chùa Một Cột bằng gỗ sơn son thếp vàng, chạm trổ rất công phu, một bụi sen bằng gỗ và một tượng Phật cũng bằng gỗ. Tất cả có lẽ là đồ cổ, rất xưa và có giá trị. Lâu lắm tôi mới thấy một vài nơi trang trọng như thế này trang trí những kỷ vật của Việt Nam, mà nhiều Viện Bảo Tàng to lớn trên thế giới vẫn không thể tìm ra được.

Khi lên tháp cao 58 tầng tại Penang để ngoạn cảnh và mua đồ kỷ niệm mấy ngày trước, tôi đã phát hiện ra việc tại đây có bán đồ sơn mài của Việt Nam, sau đó kêu hết quý Thầy lại để nhìn ngắm và trầm trồ và chụp ảnh lưu niệm. Quả là người xa quê lâu năm có khác. Hơn 23 năm rồi còn gì nữa. Đối với tôi như một mất mát to lớn khá nhiều trong cuộc đời của mình. Tôi có hỏi Thượng Tọa Thích Giác Hoàng, Tiến sĩ Sorbonne tại Paris cũng đã du học sang Thái Lan cùng năm với tôi đi Nhật (1972), sau khi đã về thăm quê năm rồi về cảm tưởng của Thầy ra sao khi trở lại quê nhà?

Thầy bảo:

"Bây giờ xa lạ lắm. Mình bị lạc lõng giữa mọi người. Không phải mình quên quê hương, mà chính quê hương đã quên những người con xa xứ. Ở thành thị chỉ biết có tiền, còn thôn quê thì vẫn còn nguyên sơ lắm".

Sau khi nghe câu trả lời đơn giản của Thầy, tôi nửa lo và nửa mừng. Vì nghĩ rằng một mai đây khi sự thế đổi thay, chắc chắn mình cũng phải về thăm quê chứ. Lúc ấy phải ăn làm sao nói làm sao bây giờ? Ai hiểu cho tâm trạng của những người xa xứ và ai hiểu cho hoàn cảnh và nỗi khổ tâm của những kẻ phải sống ly biệt quê hương?

Ngày 5 tháng 11 năm 1995 vừa qua khi đến phi trường Amsterdam để đi Kuala Lumpur tham dự Đại Hội, tôi đã gặp rất

nhiều người Việt Nam trong cùng chuyến bay này. Nhiều người đã hỏi tôi là Thầy cũng về Việt Nam sao?

Tôi trả lời rằng: Có chứ; nhưng trong tương lai kia. Còn bây giờ chỉ đến Mã Lai thôi.

Chuyến tàu này sau khi dừng tại Kuala Lumpur 1 tiếng đồng hồ, sau đó tiếp tục về Sài Gòn và chuyển về cũng thế, máy bay sẽ cất cánh từ Tân Sơn Nhất đến Mã Lai để đón thêm khách và tôi lại lên máy bay ở đây, sẽ có dịp gặp lại những gương mặt quen thuộc đến từ Canada, Mỹ, Pháp, Anh, Đức, Ý sẽ hỏi tôi câu đó và có lẽ tôi cũng sẽ lặp lại câu trả lời như lúc ban đầu.

Ngồi bên 2 người Ý họ biết một ít tiếng Pháp, đang luyện giọng một vài tiếng Việt để đi du lịch tại đó một tháng. Trong tay họ có mấy quyển sách hướng dẫn về du lịch Việt Nam, xem rất tỉ mỉ, từ cái ăn, cái ở cho đến các thú vui đều có hướng dẫn trong sách này.

Khi xuống Kuala Lumpur họ phải điền một mẫu đơn khai nhập



Lễ cúng đường trai Tăng 1000 vị Sư

cảnh, trong đó có tiếng Anh và tiếng Việt, tôi cố ghé mắt vào và hướng dẫn họ điền đơn. Sao thấy lòng mình quận thất lại. Tự nghĩ rằng: Sao quê hương của mình mà mình chưa bao giờ được trở lại. Còn người ta là người ngoại quốc, mà họ lại thông thạo ngao du nơi chốn nhau cát rốn của mình?

Hỏi để rồi phải tự trả lời thôi! Tôi không mong ai giúp được tôi câu trả lời ấy; nhưng nơi tôi, quê hương là cái gì đang mời gọi và thôi thúc trong lòng. Tuy nhiên tôi không phải là những người chỉ biết gặm mật xuống để chỉ lo cho mình mà quên đi lý tưởng và Thầy Tổ của mình, biết bao nhiêu người vẫn còn đang trong gông tù cộng sản, giam giữ họ cho đến ngày nay?

Buổi tối ngày 13 tháng 11 năm 1995, phái đoàn đến ăn cơm tại một chùa Ni có tên là Pháp Hoa Am. Cái am có nghĩa là nhỏ nhoi, khiêm nhường; nhưng cái am này có thể so sánh với Chùa Viên Giác tại Đức. Quả là một lối gọi khiêm nhường của vị Sư trụ trì này vậy.

Sau đó mọi người đều về khách sạn Crystal Crow ở lại đêm 13 để 14 lên đường về xứ. Riêng tôi còn ở lại đây thêm một ngày nữa, không phải vì mến xứ Mã Lai; nhưng máy bay về lại Hòa Lan ngày hôm sau mới có; nên suốt ngày 14 này tôi ngồi lại đây, trong khách sạn này ở tầng lầu thứ 16, để viết bài này qua gần 29 trang giấy viết tay để tường thuật về Đại Hội Tăng Già Thế Giới gửi đến quý Phật Tử xa gần. Biết đâu chừng năm, bảy chục năm sau, nó sẽ là một sử liệu nho nhỏ cho việc biên thành quyển sách cho các thế hệ mai sau về thành quả của Đại Hội lần này.

Chấp tay nguyện cầu cho thế giới hòa bình và Việt Nam của chúng ta sớm trưởng thành trên mọi phương diện để người người được đóng góp phần mình vào sự lớn mạnh của quê hương trong đó có Giáo Hội.

*Viết xong vào lúc 16 giờ ngày 14 tháng 11 năm 1995 tại khách sạn Crystal Crow - Kuala Lumpur - Mã Lai.*

# vài nét về **NGHỆ THUẬT**

## **PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY**

• Trần Phong Lưu

**R**ặng Hi Mã Lạp Sơn cao ngất trời án ngữ phía Bắc, Ấn Độ Dương bao la vô tận bao quanh hạ mặt kia, đã có lập bán đảo tam giác Ấn Độ rộng lớn này, thành một tiểu lục địa riêng biệt. Chỉ mở ngưỡng cửa thiên nhiên giữa dãy núi Hindu Kush trùng điệp và dòng Ấn Hà ở mạn Tây Bắc, ra vùng Trung và Tây Á hướng về phía Âu Châu. Địa thế mênh mông đầy đột biến với khí hậu gió mùa, mưa nắng, thêm mùa đông lạnh giá, gồm các sắc dân đông đảo khác tập quán và các tôn giáo lớn đã thay nhau chi phối đời sống mọi giai cấp trong xã hội đã ảnh hưởng sâu đậm đến nền văn minh Ấn Độ.

Cách nay khoảng 5000 năm, Ấn Độ đã có một nền văn minh rực rỡ, mà trình độ vài mặt còn cao hơn Ai Cập và vùng Tây Á ở đồng thời. Thổ dân da đen sậm Dravidian vào lúc ấy đã biết dùng các dụng cụ đồ đá và cả đồ đồng, biết đốt rừng trồng lúa rẫy, dẫn thủy, thoát nước, cũng như chăn nuôi, dệt vải loại chỉ sợi đơn sơ, nện đồ gốm và chạm đá. Từ những năm 2000 dân xứống năm 1500 T.TL., khi mà đạo quân Aryan, giống dân có nước da trắng sáng hơn dân bản xứ và trình độ văn minh cũng khá cao, đã tràn qua cửa ải thiên nhiên Tây Bắc vào chiếm vùng bắc Ấn, thì nền văn minh lưu vực Ấn Hà đã phát triển cực thịnh, do di tích mới phát hiện của hai thành phố cổ xưa hơn 2000 năm TTL.: Mohenjo-daro ở trung lưu sông Ấn và Harappa ở miệt thượng lưu trên một con sông nhánh, trong vùng Punjab. Cả hai thành phố đều được xây dựng trên mặt bằng chữ nhật, rộng hàng trăm mẫu tây, theo những nguyên tắc thiết kế giống nhau, dù ở cách xa nhau hơn 600 cây số.

Chính sự khai quật những tàn tích đô thị qui mô này của Sir John Marshall, đã đem ra ánh sáng những chứng tích của nền văn minh bản địa tiền Aryan, và làm đảo lộn các quan niệm trước đây trong thế giới cổ đại, khi mà ngành Thiết kế Đô thị vùng Ấn Hà thực ra đã đi trước hai nền văn minh xưa như ở lưu vực sông Nil và vùng Lương Hà. Tuy nhiên người ta hãy còn biết quá ít về nguồn gốc cũng như những tiến bộ khác qua các thời đại tiền sử của nền văn minh đầy bí ẩn này. Vì mục nước ngầm tại các địa điểm khai quật đã lên quá cao, ngăn trở công việc nghiên cứu của các nhà khảo cổ, không thể đào xuống các lớp đất cổ xưa, tới các địa tầng sâu như; đến tận lớp đất hoang sơ nguyên thủy.

Dù vậy những chứng tích được tìm thấy trong lớp đất tầng trên cùng đã chứng tỏ rằng, không giống với nền văn

minh Lương Hà, các thành phố này đã không khởi sự mọc lên với một khu cư trú nhỏ, rồi phát triển chậm chạp tự nhiên dọc theo bờ một con sông, mà đã được xây dựng lên đồng thời, như một đơn vị nhứt thể, liên đới mật thiết với nhau, theo một bản kế hoạch đã được trù định từ trước! Đó chính thực là các kiểu mẫu tiên phong của ngành, mà mãi về sau mới được đặt tên là Quy hoạch Đô thị: Những con đường chính rộng tới 10 thước, gần như thẳng tắp chạy qua thành phố, lập thành những ngã tư có vạt góc cho xe cộ dễ quẹo và cắt thẳng góc với những con đường phụ, kết hợp với nhau thành mạng lưới, phân chia ra các khu phố vuông vắn. Rồi lại được phân ngay, cắt thẳng thành từng tiểu khu gia cư bằng những con đường nhỏ, đường bên. Sau cùng những con đường hẻm, đường đi bộ chia nhỏ thêm thành từng khóm nhà ở cá biệt. Trong thành phố còn thiết lập được hệ thống cấp thủy cũng như các đường cống rãnh thoát nước hoàn chỉnh, có thể so sánh với các hệ thống tương tự ở các thành phố La Mã vào thế hệ sau. Cho nên giống dân Aryan đã đồng hóa dần dần với các bộ tộc Dravidia, dù họ đang nắm quyền thống trị, cũng như dân Mông, dân Mãn đối với dân tộc Trung Hoa.

Nơi lưu vực Ấn Hà còn có đặc điểm khác biệt đáng kể giữa những khám phá khảo cổ ở thành thị và thôn quê. Đường như đã có một nền văn minh tiến bộ bao trùm lên một vùng sinh sống đơn giản hơn: Trong khi các thị dân đã quen thuộc với các dụng cụ bằng đồng, thì dân quê vẫn còn sinh nhai hoàn toàn bằng vũ khí riu đá. Nhưng đến lúc khảo sát cơ cấu xã hội đô thị, được tái kiến tạo từ các khung nền đổ vỡ của các khu phố khảo cổ, thì giữa vùng Ngũ Giang (Punjab) và khu vực Lương Hà (Mésopotamie) chẳng có mối liên hệ nào. Nếu xã hội Lương Hà qui phục về một quyền uy thống trị tuyệt đối qua hình ảnh khổng lồ của cung điện đồ sộ nguy nga, thì trong các thành phố Mohenjo-daro và Harappa rộng rãi này chỉ thấy các khu gia cư, phố xá phồn thịnh ngang bằng nhau. Hiển nhiên dân chúng nơi đây không bị cai trị bởi các bạo chúa độc tài mà đã được diu dắt bởi những vị hoàng đế tu hành, những vị vua Sĩ hay các đấng Tăng Vương, chỉ thị hành chánh pháp, chỉ dẫn dân theo những định chế hợp tập quán, thuận lòng người và trị dân theo những giới luật tôn giáo. Chính nhờ sự thành công trong việc đọc hiểu được nguyên văn các kinh sách lưu truyền trong dân gian ở khắp lưu vực

Ấn và Hằng Hà, mà các sử gia Tây phương mới nhận ra sự chi phối thực tế cả vùng vương quốc rộng lớn này đều tập trung tại hai thủ phủ Mohenjo-daro và Harappa. Về phía châu thổ sông Hằng, cho đến khoảng giữa những năm 1500-2000, các bộ lạc hãy còn dùng những khí cụ thô sơ trong đời sống hằng ngày. Nền vào thời Đức Phật tại thế các hình tượng nghệ thuật chưa phổ bày rõ nét ngoại trừ vài bờ gạch, nền đá còn ghi lại thánh tích. Phải chờ đến thế kỷ thứ 3 trước Tây lịch, nghệ thuật Phật giáo mới hình thành những đường nét tạo hình đặc sắc qua các bức tượng, đồ vật được nắn bằng đất sét và vài dụng cụ bằng đá còn lưu lại trong các bảo tàng viện.

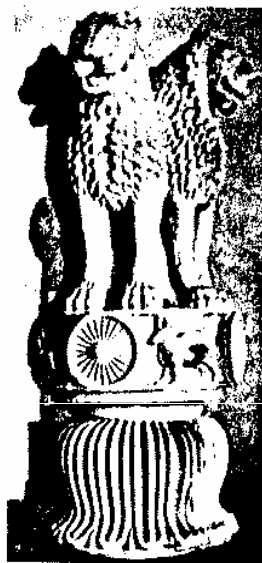
Trong khi nền kiến trúc cổ điển Ấn Độ thực sự bắt đầu từ vương triều Maurya, thì các ngành mỹ thuật Phật giáo cũng đã nở hoa vào thời kỳ hoàng kim, dưới triều vua A Dục (273-232 TTL). Thật ra những năm trị vì đầu tiên, nhà vua thứ 3 triều đại Maurya (320-184 TTL) này còn tỏ lộ chân tướng độc tài, chuyên chế của một vị chúa tể sinh ra trong cung vàng điện ngọc và lớn lên giữa chốn quyền thế bạo ngược. Về đời nội trị dân, vua A Dục đã thi hành chính sách mật vụ khủng bố. Về đời ngoại trị luôn tìm cách trá trở các hòa ước, xâm phạm biên giới các nước lân bang, để kết thúc các minh ước càng sớm càng hay. Sau khi bại trận, dòng vua Kalinga cai quản vùng duyên hải phía Đông phải chịu đầu hàng, thì các vương quốc trên khắp tiểu Lục địa này đều bị sát nhập vào Đế quốc Maurya, chỉ trừ lãnh thổ của các sắc dân Dravidian do dòng Chola cai trị, ở chót mũi đất phía Nam bán đảo Ấn này. Thế nhưng sau trận đại chiến cuối cùng để triệt hạ cho tuyệt dòng Kalinga, bắt chấp những thủ đoạn quỷ quyệt, hoàng đế A Dục đã chiến thắng trong niềm hối hận sâu xa, trước cảnh chiến trường la liệt thấy người nhầy nhựa máu. Ngài đã qui y Phật giáo, bắt đầu kiêng sát sanh, hại mạng và tránh gây chiến với niềm mong muốn chuộc lỗi và có thể chinh phục, cũng cố đế quốc rộng lớn của mình bằng cách xử dụng quyền năng tinh thần của tôn giáo mới. Rồi dần dần đức Từ Bi của Phật giáo đã cảm hóa ngài, những lời giáo huấn của chư Tăng đã cải biến Ngài, thực sự từ bỏ quyền chuyên chế cùng thế bạo lực và biết tôn trọng đời sống của mọi loài chúng sinh, thay vì phóng túng lạm sát, hung bạo. Giáo pháp giác ngộ của Đấng Thế Tôn bấy giờ được tôn thờ thành Quốc giáo. Hơn nữa dưới sự hướng dẫn của chư Tăng khất sĩ, vua A Dục đã tự nguyện rút lui khỏi đế quyền, để chuyên tâm tu học trong hai năm. Rồi mới lên ngôi trở lại như một vị Tăng Vương đầy đức hạnh, đã điều hành vận mạng của đại Vương quốc thái bình, thịnh trị trong nhiều năm sau. Dĩ nhiên thế lực của đội ngũ Mật vụ đã bị ức chế, thay vào sự sắc phong

xôi hẻo lánh như. Ngài còn sai khác những câu Phật ngôn và pháp lệnh miên thúy trên các bờ dốc thẳng của núi đá, hay trên những cột đá kỷ niệm, được dựng lên để ghi dấu những Động tâm, Phật tích và nêu gương sùng bái Đức Phật. Những nghệ phẩm Phật giáo này tuy còn đơn sơ, nhưng bền vững trải bao thăng trầm của hơn hai nghìn năm lịch sử, tồn tại đến ngày nay như những chứng tích xác minh sự hiện thực của Phật giáo và Thái tử Cồ Đàm Tất-Đạt-Ta là con người bằng xương bằng thịt, đã được sinh ra trong một Tiểu vương quốc dưới chân Hy Mã Lạp Sơn và nhờ tu hành đắc đạo mà trở nên bậc Chánh Đẳng, Chánh Giác, chứ không phải là một nhân vật huyền sử như giới khảo cổ phương Tây, quen tính thực nghiệm vẫn thường lầm tưởng.

Đối với Tăng đoàn Ajivikas rất sùng kính đạo Phật, tuy họ nguyên là những nhà tu khổ hạnh mới thoát ly khỏi đạo Kỳ Na, vua A Dục đã cho nhiều tay thợ khéo đến đục đẽo những thạch động hoa cương trong dãy đồi Barabar, bao hình cánh cung quanh một thung lũng phong cảnh hùng vĩ, cách khu Bồ Đề Đạo Tràng, tiểu bang Bihar 16 dặm về phía Bắc, để họ có nơi an cư kiết hạ vào mùa mưa. Ngài cũng cho xây dựng vô số tòa Phù đồ (Stupa) để tàng trữ xá lợi Phật và thánh tích của chư vị môn đồ Đức Phật ở khắp mọi nơi.

Chánh pháp của triều đại Tăng già do hoàng đế A Dục sáng lập đã lan truyền qua khắp mọi miền trong toàn đế quốc, trải hơn hai thế kỷ mới chịu mất dần ảnh hưởng, dưới sự lấn áp của các quan Thượng thư Bà La Môn, phải thụ gọn hoạt động trong vùng Bắc Ấn. Khi người Hy Lạp xâm nhập vùng Ngũ Giác, thì một thời kỳ chuyển tiếp, từ thế kỷ thứ I đến thế kỷ thứ V, đã kết nối thêm ảnh hưởng Hy La, rồi sau đó Syrie và Ba Tư vào nghệ thuật Phật giáo Ấn. Cũng may về sau còn có Đại vương Kaniska, vị vua duy nhất của dòng Kushan đã qui hồi đạo Phật và đã phục hưng được phần nào chánh pháp. Ngài đã triệu tập Đại Nghị Hội Phật Giáo, tại vùng Kashmir, để kết tập kinh điển và minh giải cùng tái thẩm định những điển dịch quá cổ chấp hay xa rời đạo pháp mà từ lâu đã bị phân hóa. Vài năm sau kỳ Chính pháp Nghị Hội này các Tăng đoàn đã tiếp tục phát huy những cái cách mang ý nghĩa trọng đại trong Phật giáo. Nền giáo pháp vô-thần-luận mà đầy đạo đức, chỉ đặt niềm tin vào chính bản ngã của mỗi con người mình, do Đức Thế Tôn truyền dạy trước đây đã trở nên tôn giáo giải thoát, cứu khổ, cứu nạn. Ngay Ấn giáo cũng đã để ảnh hưởng của đạo lý này thâm nhập vào các thần đường đa thần của họ. Hơn nữa họ đã tôn thờ Đức Phật lên hàng các đấng Tối Linh, với chư vị Bồ Tát châu hầu chung quanh, còn được chính các vị thần của cả người Aryan và Dravidia tôn vinh, sùng kính và phụng thờ: Nơi cổng vào tu viện Bhaja, xây từ thế kỷ thứ nhất

TTL, ở vùng Thềm Tây (Western Ghats), không xa thành phố Bombay, hai vị thần An giáo, Nhật thần, tức thần năng Surya và Vũ thần, tức thần mưa Indra, đã được tạc tượng trên thành tường hai bên cửa ra vào, như hai vị Long thần Hộ pháp đứng án ngữ nơi cổng để bảo vệ Phật giáo, một tôn giáo tươi trẻ hơn, xuất hiện sau. Bức phù điêu thần Năng du hành qua bầu trời trên chiếc xe hai bánh, được vận chuyển bởi những đợt sóng mây, bố trí đối xứng với bức thần Mưa đang cỡi voi qua đám dân đang gặt hái, trước lối ra vào một tu viện Phật giáo, đã tạo được sự hòa đồng thiêng liêng, bên trong cơ cấu tương phản giữa hai tín ngưỡng. Sự góp phần hay chia xẻ giữa hai tôn giáo An khác biệt này còn được xác định bởi



Đầu cột ba sư tử của vua A Dục



Bích họa "Van Thu Bo Tat" Phật đường Thạch động Ajanta

nhiều chứng tích cho thấy Ấn Độ giáo cũng như đạo Kỳ Na đã vay mượn lại của Phật giáo vô số những phương cách về kỹ thuật kiến trúc, về những biểu tượng và có lẽ cả các công tác xây hồ nữa vào thời kỳ nghệ thuật Gupta về sau.

Hình thức Phật Giáo Nguyên Thủy Tiểu Thừa dưới triều Hoàng đế A Dục, một triết thuyết trí tuệ cao siêu, nên hơi khô khan, khó thuyết phục và hấp dẫn được đại chúng. Nên dưới sự bảo trợ của đại vương Kaniska, một phong trào Phật giáo chuyển hướng đến hình thức Đại Thừa để thấu hiểu và mau cảm thông hơn. Trong suốt thời kỳ Phật giáo Tiểu Thừa nguyên thủy, nhiều giới luật câu thúc đã hạn chế sự tạc tượng, ghi vẽ hình dung đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, và sự hiện hữu của Đức Phật chỉ được gợi ý bằng những biểu tượng. Từ ngày khai mở Nghị hội chính pháp trở đi vô số hình tượng của đấng Thế Tôn, thể hiện như những thần tượng từ bi, được sáng tác nhiều trong các tu viện và chung thờ trong chính điện, sảnh tụng kinh

của các chùa. Bước tiến từ Tiểu Thừa mở ra Đại Thừa gợi nhớ lại sự biến thể tôn giáo cổ xưa hơn, khi mà nhóm di dân Aryan đang cầm quyền, lại phải nhận lãnh hậu quả những thử thách lần lần, các ảnh hưởng tiệm tiến từ tín ngưỡng kỳ cựu hơn của giống dân bản thổ Dravidia. Theo quyền du ký của thầy Huyền Trang, thì vua Kaniska vốn xuất thân từ giống dân du mục nhưng lại nâng đỡ và thích quảng bá văn học, nghệ thuật và kiến trúc. Ngay sau đại Nghị hội ngài đã cho dựng lên một tháp gỗ, cao 200 thước, mặt tiền được trình bày bức phù điêu, tạc hình Đức Phật, được che quanh nhiều tầng tầng lọng, biểu tượng xưa của một vị chúa tể.

Vào năm 160 TTL vua Kaniska đột nhiên bị ám sát chết. Chưa ai tìm được một bí ký nào ghi lại thời kỳ đen tối cuối cùng đã làm sụp đổ vương triều Kushan. Mãi đến thế kỷ thứ IV dòng họ Gupta, nguyên xưa kia là thần dân của vương triều Kushan, đã đoạt lại quyền lãnh đạo ở các tiểu quốc miền bắc Ấn, Phật giáo mới phục hồi được phần nào ảnh hưởng. Nhưng một biến cố quan trọng về kiến trúc Ấn Độ, đã được triều đại này thử bước đầu tiên, khi cho xây dựng một ngôi đền thờ Phật bằng đá. Nền mỹ thuật trong "thời đại vàng" Gupta còn để lại phong cách qua nhiều thời kỳ nghệ thuật, và tiếp tục phát triển như dưới vương triều Phật giáo Pallave (765-1086).

### ĐIỀU KHẮC PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

Nền điêu khắc Phật Giáo Nguyên Thủy ở Ấn Độ đã ảnh hưởng sâu rộng đến mỹ thuật Á Đông: Những tượng Phật trong các chùa tháp ở Nara bên Nhật, trong nền Phù đồ Borobudur bên Nam Dương, trong đền Tháp Angkor bên Cao Miên, ... đều mang dáng dấp của tượng Phật ở Mathura thuộc thị trấn nhỏ tên Sarnath bên Ấn Độ. Nghệ thuật điêu khắc tại xứ Phật đã có truyền thống rất lâu đời: Những di tích điêu khắc tìm được ở Mohenjo-daro và Harappa vùng Tây bắc Ấn đã tiến tới trình độ khá hơn nếu so sánh với các kiểu mẫu đồng thời, nhưng thuộc loại cổ xưa như ở Ai Cập và vùng Sumer. Không có nơi nào điêu khắc và kiến trúc kết hợp khắng khít với nhau như ở Ấn Độ. Chẳng những điêu khắc đã tô điểm cho từng đường nét của mọi thành phần kiến trúc thêm vẻ tinh xảo, mà kiến trúc cũng đã tôn vinh điêu khắc trong nền văn hóa dân tộc, khắp miền bán đảo rộng lớn này, qua

sự hiện diện của từng ngôi chùa hang, phủ đồ và tu viện... Vì thế sau khi thống nhất được gần toàn thể đế quốc Ấn, A Dục Vương, một tín đồ Phật mới qui y đã cho dựng cột kỷ niệm các thánh tích Phật giáo, xây chùa, cất tháp và tạc tượng từ ba thế kỷ trước Chúa giáng sinh. Lúc ấy nền điêu khắc Ấn đã ở trong giai đoạn trưởng thành và đã sáng tạo được nhiều nghệ phẩm đẹp được lưu truyền tiếp nối qua nhiều trường phái :

### 1. Trường phái Maurya (Tk. IV-II TTL) - Đợt Phù Đồ Sanchi :

Hàng loạt những thạch trụ tròn trơn láng, đầu cột chạm hình thú, được A Dục hoàng đế cho dựng lên lần lượt ở các thị trấn Sarnath, Rampur, Bhabra, Bakhira... mở đầu các tác phẩm của trường phái Maurya. Những trụ đá được đục đẽo từ những tảng hoa cương xám vàng nguyên khối rất cứng chắc, thay vì đem xử dụng đục chày như chúng chịu lực trong các đền chùa, cung điện, đã được óc sáng tạo của nhà vua cho bố trí tại các Động tâm như những công trình kỷ niệm vừa có thể khắc ghi lời Phật, ban bố ấn điển cho dân chúng trong nước, vừa rao truyền Phật pháp ra khắp bá tánh thập phương và lưu truyền mãi nhiều đời, nhiều kiếp về sau. Những thạch trụ đẹp như vẫn là trụ đá ở Sarnath, gần thành Bénarès. Chính tại thị trấn nhỏ này, Đức Thích Ca Mâu Ni đã thuyết pháp lần đầu trong vườn Nai. Hiện giờ trụ đá đã bị dập gãy thành nhiều khúc. Nhưng khi ngài Huyền Trang đến viếng Thánh địa này vào khoảng thế kỷ thứ VI, thạch trụ này vẫn còn nguyên vẹn, cao đến 21 thước 33. Phật sử còn ghi, tại vị trí mà trụ đá đã được dựng lên, Giáo đoàn Tăng Già đầu tiên gồm 60 vị A La Hán đã được thành lập và được Đức Phật cử đi giáo hóa khắp nơi. Trong các kiểu thức kiến trúc cổ điển, đầu cột luôn luôn là bộ phận tiêu biểu nhất cho một giai đoạn lịch sử nghệ thuật. Đầu trụ đá này đã được điêu khắc tượng ba con sư tử ngồi đầu lưng vào nhau theo thế chân vạc, nhưng chỉ thấy phần thân trước, mặt hướng ra ba phía vừa tạo lực vững bền cân đối, vừa tượng trưng cho Tam Thiên đại Thiên thế giới, để nói lên ý nghĩa, Phật giáo luôn cầu mong cho sự an lạc, hòa bình vĩnh hằng trên khắp cõi trần gian. Để tượng này còn được chạm nổi hình bốn con linh thú đi vòng quanh, xen kẽ với các pháp luân đang chuyển động, gợi nhớ hình ảnh đèn kéo quân của ta: Ngựa linh tượng trưng cho sự thoát ly trần cấu của Đức Phật. Bò rừng tượng trưng cho tuổi tác Đức Phật. Voi linh tượng trưng cho sự Đản sanh của đấng Thế Tôn và Sư tử biểu hiệu cho dòng dõi oai hùng của Ngài. Bên dưới khắc hình đóa sen, tượng trưng cho sự thanh khiết cao cả của Phật giáo, đã vượt thoát khỏi bùn nhơ, mà vẫn cứu nạn độ đời ra khỏi chốn bùn nhơ khổ ải và tỏa hương ra khắp thập phương. Đường nét điêu khắc tinh xảo và hiện thực đã cho

thấy, ngay trong buổi đầu các nghệ sĩ Ấn Độ đã tỏ rõ biệt tài trong phong cách diễn tả thú vật. Nhìn qua bức điêu khắc tượng thú rất xuất sắc của người Assyrie trước đây, ai cũng nhận ra sự khác biệt giữa tinh thần tạc tượng thú của các nhà mỹ thuật Assyrie và tâm hồn nghệ sĩ Ấn Độ. Người Assyrie hiểu chiến, thích săn bắn, xem thú vật chỉ là "con thịt". Họ hứng khởi thể hiện những con thú bị trúng tên, găm ghet, nhe nanh, giương vuốt. Còn dân Ấn Độ thấm nhuần đạo Phật từ bi, xem loài vật cũng như con người, chỉ là hình thái của từng giai đoạn trong một chuỗi những kiếp luân hồi. Cho nên thú rừng cũng như thú vật nhà trong nghệ thuật Ấn Độ đều là những thân hữu của con người.

Người nghệ sĩ Ấn Độ đã đem hết tình thương vào từng nhận xét khi diễn tả loài vật. Hoàng đế A Dục khi cho tạc trụ đá này, đã ký thác niềm mong muốn, noi theo gương cao cả của Đức Thế Tôn, trong chủ trương đem lại sự an bình vĩnh cửu cho mọi loài. Đầu trụ mang hình tượng ba sư tử này chẳng những đã trở nên biểu hiệu đáng hãnh diện về tài nghệ cũng như về tinh thần của nền mỹ thuật Ấn Độ, mà còn được dân tộc Ấn chọn làm quốc huy, hình ảnh được in trên giấy bạc phát hành khắp dân gian và bản chính còn được đặt tôn trọng tại trung tâm gian giữa bảo tàng viện Sarnath, để khách thập phương đến thưởng lãm.

Bốn cổng đá, Toranas, gồm ba thanh ngang gác trên hai trụ vuông, chạm trổ những phù điêu, tượng tròn kín hết các mặt, một cách thật tinh vi và hoàn chỉnh, mở ngõ hàng rào bao quanh tòa đại Phù đồ Sanchi hướng ra bốn phương, cũng là những gương hiện thực, phản ánh minh bạch nền điêu khắc Maurya rực rỡ của Ấn Độ. Những di tích nghệ thuật vô giá này, như một quyển sử sống, đã ghi lại sự biểu hiện tín ngưỡng của dân Ấn qua từng sự kiện lịch sử vào đầu Tây lịch kỷ nguyên: Từ sự tích ngài Tịnh Phạn Vương dẫn đoàn tùy tùng đi đón tiếp con là Đức Thích Ca Mâu Ni khi đã đắc đạo thành Phật, qua chuyện vua Tần Bà Sa La đến thăm đức Phật, tới sự kiện A Dục vương đứng xem cây Bồ Đề nơi Đức Phật thành đạo... Các nghệ sĩ Sanchi còn thể hiện truyền thuyết tôn giáo về những tiền kiếp của Đức Phật Thích Ca. Trí tưởng tượng và lòng ái mộ thiên nhiên đã giúp họ sáng tạo ra những hình tượng nên thơ, để ca ngợi vẻ đẹp của vạn vật và đem được tâm hồn cùng tình cảm mình vào việc rao truyền tôn giáo.

### 2. Trường Phái Gandhara và Mathura :

Vùng Tây Bắc Ấn (bao gồm Tây Hồi và phần đất Afghanistan ở giáp giới) không còn giữ được sắc thái đặc thù của dân tộc như vùng Đông và Nam Ấn, mà đã chịu nhiều ảnh hưởng của Hy Lạp, vì Đại đế Alexandre đã từng kéo quân đến chiếm đóng vùng này và

do ở ngay cửa ngõ giao thông với các nước trong lục địa. Các trường phái nghệ thuật mang dấu vết Hy Lạp đều tập trung tại vùng Gandhara, gần thủ đô Afghanistan ngày nay.

Trong thời kỳ đầu, vì lý do tín ngưỡng, các trường phái mỹ thuật cổ điển chỉ dám tượng trưng hình Phật bằng một biểu hiện: Như khi diễn tả Đức Thích Ca đang ngồi thiền dưới cội bồ đề trước sự cám dỗ của Ma Vương, các nhà nghệ sĩ chỉ cho thấy các nữ yêu dưới hình thể những thiếu nữ đẹp, dáng eo lá gợn tình trước một chỗ ngồi trống! Hoặc khi thể hiện cảnh Thái tử Tất-Đạt-Ta rời bỏ cung vàng điện ngọc để đi tu (Bảo tàng viện Madurai) thì nghệ sĩ chỉ khắc hình con ngựa yên trống đang chạy ra khỏi thành, sau chân còn người gia bộc chạy theo. Nền khí lưỡng giới mới thổi tới, người nghệ sĩ Ấn Độ đã tự hỏi, vì sao các thần linh tượng tượng của Hy Lạp mà được tạo ra hình người, còn Đức Phật Thích Ca, một nhân vật lịch sử có thật, lại không thể tạc thành tượng cho tín đồ sùng bái. Bởi thế họ bắt kể những công thức tiên lệ, những giáo qui cầu thúc, bắt đầu cố gắng tạc tượng Đức Phật Thích Ca thật đẹp, mang một nhân dáng từ bi để được nhiều người thỉnh về thờ cúng. Cho nên việc không thể tránh là gương mặt những tượng Phật đầu tiên mang những nét phảng phất thân tượng Apolon! Dù sao sự thể hiện hình người qua các tôn tượng của trường phái Gandhara cũng đã phát huy được định nghĩa dễ hiểu trong kinh điển: Phật là con người đã giác ngộ. Khiến đại chúng thêm gần gũi với Đấng Thế Tôn. Từ đó chẳng những phát kiến này ảnh hưởng sâu rộng trong nghệ thuật Ấn Độ mà còn lan ra khắp các nước theo Phật giáo ở Á Đông. Tuy nhiên cũng có một số nghệ sĩ cực đoan trong việc "Hy Lạp hóa", như những hình tượng Phật Giáo Tiểu Thừa tìm được ở Hadda xứ Afghanistan và Taxila thuộc vùng Ngũ Giang. Những bức tượng không còn giữ được dân tộc tinh đó đã khiến giới thường ngoạn không ngờ là tượng Ấn Độ. Những hiện tượng này cũng hiếm hoi, ảnh hưởng chỉ giới hạn trong cục bộ.

Tại một vùng độc lập ở miền Bắc, trường phái Mathura đã xuất hiện đồng thời, còn giữ nguyên truyền thống, đã tạc ra nhiều tượng mang đầy tính dân tộc đã bác được nhịp cầu nối liền nghệ thuật Gandhara với các trường phái miền Nam Ấn.

### 3. Trường Phái Amaravati :

Trong khi miền Tây Bắc Ấn bị quân Hy Lạp xâm chiếm, thì trung tâm Amaravati nằm trong một xứ khá mạnh ở vùng Đông Nam Ấn Độ, còn giữ được độc lập về chính trị và văn hóa. Ảnh hưởng ngoại lai hầu như không xâm nhập được, hay nói đúng ra, trong biển người đầy sức sống cá biệt này, những gì từ bên ngoài vào đều được Ấn hóa. Trong các tác phẩm chạm trổ sự tích Đức Phật, có nghệ sĩ tạc

tượng Đức Phật Thích Ca ra hình người như trường phái Mathura, nhưng vẫn có nghệ sĩ diễn tả tượng trưng bằng một biểu hiện theo cổ truyền: Một nghệ phẩm chạm nổi cao lên, khá danh tiếng thể hiện cảnh các Tín nữ dâng vật phẩm cúng dường (Bảo tàng Madurai), hình Phật đã được tượng trưng bằng một chiếc ngai không người ngồi, chỉ chạm thêm hai dấu chân bên dưới.

Để thể hiện truyền thuyết, một con voi dữ bị Ma vương ám cho điên loạn, vật chết nhiều người ngoài đường, tình cờ Đức Phật đi đến, liền dùng tinh thần từ bi mà trấn áp và khuất phục voi dữ, tác giả đã khắc chạm một dáng người hiền từ bình tĩnh trong chiếc áo dài còn thẳng nếp, trước những đường nét hỗn loạn của con mãnh thú hung dữ và vẻ kinh khiếp của đám dân chúng chạy quanh. Dù thấy người nghệ sĩ sống cách đây mười bảy, mười tám thế kỷ đã tạc diễn được nét tượng tình vi, khiến đá cũng bộc lộ ra tình cảm, làm vang danh cho trình độ nghệ thuật thời bấy giờ.

Từ những bước tự nhiên trong nghệ thuật Sanchi, tinh hoa mỹ thuật Ấn đã đi vào những nhân dáng thanh nhã hơn, bày tỏ thêm được tình cảm qua các tác phẩm đại diện cho trường phái Amaravati.

#### 4. Trường Phái Gupta :

Một sự kết hợp tinh hoa của nghệ thuật giàu nhục cảm thuộc trường phái Mathura và nghệ thuật thanh nhã Amaravati đã sản sinh ra một nền nghệ thuật quan trọng hàng đầu quanh vùng lưu vực sông Hằng vào thế kỷ IV và V, dưới triều đại Gupta.

Tiêu chuẩn mỹ thuật của trường phái này không giống quan niệm thẩm mỹ của Hy Lạp hay bất cứ dân tộc nào khác. Theo các nhà nghệ sĩ Gupta thì một thân hình đẹp phải đầy đủ tiêu chuẩn sau đây: Nếu khuôn mặt của Thúy Vân được Cù Nguyên Du tả thành: "Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang", thì mỹ nhân Ấn Độ phải có gương mặt hình lá trầu và nếu tạc trong đá thì phải đục sao cho ra hình quả trứng! Phần tán ở giữa tóc và cặp lông mày phải có hình vòng cung. Nếu đôi mắt giai nhân người Việt cũng như Trung Hoa là mắt phượng, thì mắt của người đẹp Ấn Độ là mắt nai. Còn mắt của thân Phật phải mang hình ảnh cánh sen. Mũi phụ nữ phải như bông mề (hoa vừng). Môi ướt và mềm mại như trái "bem-ba". Cằm phải như hột trái muôm. Cổ phải đầy đặn và có mấy ngón nhẹ như vò ốc. Thân hình phải dịu dàng và linh động như môm bờ! Cánh tay phải tròn lẳn như thân cây chuối, mấy ngón tay phải buông thõng như mấy quả đậu, và bàn tay, bàn chân phải bố trí thành hình hoa sen nở. Còn ngực, bụng của những vị anh hùng phải nở nang và thon gọn như thân mình sư tử, bắp chân lại giống hình cá có mang. Khoa thẩm mỹ Gupta không chỉ giới hạn trong hình dung con người

mà còn để ý đến đường nét cân đối. Lối đứng uốn người, họ gọi là Tri-bhanga đã trở thành nguyên tắc của mỹ thuật Ấn Độ và của những dân tộc theo văn minh Ấn Độ. Những bức tượng nổi tiếng của nghệ sĩ Gupta còn lưu truyền đến ngày nay như tượng Phật đứng ở viện bảo tàng Mathura, tượng Phật ngồi ở viện bảo tàng Sarnath và nhất là tượng đồng to ở bảo tàng viện Birmingham bên Anh ... Nghệ thuật Gupta còn ảnh hưởng sâu rộng đến nghệ thuật Ấn Độ giáo.

#### HỘI HỌA

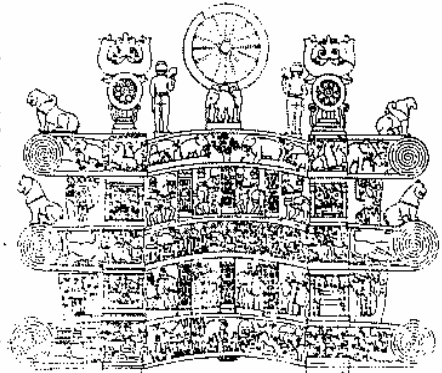
Theo dòng lịch sử mỹ thuật của các dân tộc, hội họa luôn luôn phát triển sau điêu khắc hàng thế kỷ, một phần cũng do điêu khắc thể hiện được hình khối dễ nhìn dễ hiểu hơn, lại rất bền bỉ có thể lưu truyền qua nhiều đời và trình bày ra ngoài trời chịu đựng nổi nắng mưa, giông bão. Hội họa Ấn dường như đã ra ngoài thông lệ này. Nhưng bức bích họa ở Ajantà đã xuất hiện ngay tiếp theo điêu khắc hay có khi đã được tiến hành đồng thời với công trình điêu khắc những cột, đá ngoài cửa động.

Nếu nói đến hội họa Phục hưng của Tây phương, bao giờ người ta cũng trình bày về các bức họa vĩ đại trên vòm trần các đại giáo đường La Mã, thì khi nói về hội họa Ấn Độ, luôn luôn người ta phải nhắc nhớ đến những bích họa trong vùng hang động Ajantà. Những tác phẩm này đều đã tiêu biểu cho tốt đỉnh của một thời kỳ nghệ thuật được thế giới ngưỡng mộ. Nhưng một bên là kết tinh của nền nghệ thuật do một mình thiên tài Michel Ange diễn họa, cho nên bức "Kinh Thánh" trên trần và bức bích họa "Phán xét cuối cùng" trên vách tường rộng lớn trong đại giáo đường ở giáo đô La Mã mang vẻ thuần nhưt; còn các bích họa trong hang động Ajantà là công trình của một khối dân tộc kéo dài đến mấy thế kỷ nên rất phong phú và mang tính cách đại chúng. Hướng hồ thời gian cũng cách nhau quá xa, từ cuối vương triều Maurya sang triều đại Gupta đều cách thời Phục hưng bên Âu Châu đến một ngàn hay một ngàn rưỡi năm và lúc đó các nghệ nhân đều không biết đến môn cơ thể học, giải phẫu con người cũng như phép phối cảnh.

Những thạch động Phật tự trong vùng thung lũng Ajantà đã được thiết lập trong hai giai đoạn xây dựng cách nhau khoảng 400 năm. Giai đoạn đầu do các Tăng sĩ và Phật tử theo phái Tiểu Thừa, đã nảy ý định đục khoét giữa bờ dốc thung lũng hình cánh cung này, những điện thờ Phật đầu tiên, giữa khoảng thế kỷ thứ hai sang thế kỷ thứ nhất trước Công nguyên, theo sáng kiến của vua A Dục thời trước, đã cho đục chạm thạch động "Lomas Rishi" trong dãy đồi Barabar, làm nơi an cư cho Tăng đoàn Ajivikas vào mùa mưa. Cũng như các Chaitya ở Bhajá và Karli

hoàn thành trước đó, các chùa hang này chưa thờ tượng Phật, vì còn sợ bất kính khi hình dung Đức Phật dưới thân người. Giai đoạn thứ nhì do các Tăng đoàn Đại Thừa nối tiếp nhau thực hiện làm ba lần, mỗi lần kéo dài khoảng 50 đến cả trăm năm, khởi từ năm 450 đến 650. Phần lớn nếu không muốn nói là tất cả, các thạch động Phật tự, tu viện và pháp xá đều được trang trí đầy các bức bích họa làm vang danh vùng thung lũng hoang dã này, mà ngài Huyền Trang trong chuyến Tây du, lúc đến đây đã ghi lại.

Bên cạnh các cột chạm, các nhóm tượng được điêu khắc trên thành tường gác qua hàng cột và trong Phật điện, các bích họa mang chủ đề rút từ sự tích và đời sống Đức Phật, đã được khéo léo tô vẽ trải dài trên vách động, hay thu gọn trong từng đôi đá gắn trên trần, theo sắc thái tiêu biểu Ấn Độ rất phong phú. Tuy những tranh vẽ sau cùng cách bức họa thứ nhất hơn 400 năm, nhưng thể thức diễn họa và trình độ



Ba thanh ngang trên tảng đá Torana

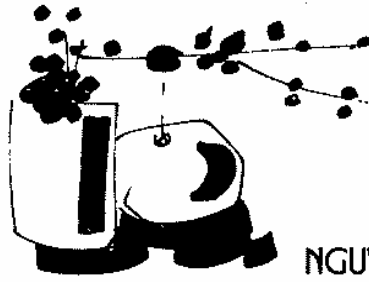
nghệ thuật không khác nhau bao nhiêu:

Trong thạch động Pháp xá (Vihara) 1, khách thập phương được chiêm ngưỡng các bức tranh tường thuộc loại đẹp nhất của hội họa Ấn Độ: Như hình Đức Văn Thủ Bồ Tát, (Mandjoureri), được thể hiện dưới nhân dáng một thanh niên với gương mặt còn trẻ, vẻ hiền lành. Đầu Bồ Tát hơi nghiêng về bên hữu, đội mũ mạ vàng gắn hình hoa sen, hoa lái vừa nở chen trong những dây lá cuốn ngọn và những viên ngọc màu sáng và thắm, gắn trong khung chạm hồi văn. Bồ Tát vận vải mỏng, lộ rõ một thân hình đầy đặn. Tính về niên đại thì bức bích họa này là một di tích hiếm có của hội họa thế giới đã đạt tới một trình độ nghệ thuật khá cao. Những nét cọ vững vàng, tình cảm nhân vật được biểu hiện đã tạo ảnh hưởng lớn lan khắp vùng nghệ thuật tôn giáo Á Đông. Bích họa "Cám dỗ" cũng là một hình ảnh tuyệt đẹp. Theo kinh Phật, khi Đức Thích Ca ngồi tham thiền dưới cội Bồ Đề vào tuần thứ bảy thì Ma vương Mara dùng phép thuật để hãm hại, ngăn cản không cho Ngài thành đạo. Nhưng phù phép

không mang lại hiệu quả, Ma vương mới sai những con gái mình dùng sắc đẹp cám dỗ Đức Thích Ca. Văn chương ta cũng có câu: "sắc bất ba đào dị nịch nhân". Sắc đẹp của những người con gái Ma vương trong tranh "Cám dỗ" chẳng những mang đầy sóng gió mà còn phảng phất về lãng lơ trong dáng điệu thơ ngây đã bộc lộ được hầu hết mảnh lọc của nữ sắc rất hợp với nội dung câu chuyện. Nét cọ của họa sĩ đã chủ động một cách trôi chảy, đã diễn họa được các tư thế tự nhiên trong từng nếp áo buông lơ thoải mái, dù màu sắc đã phai nhạt qua hơn nghìn mấy trăm năm!

Ngoài các bích họa thể hiện đời sống Đức Phật từ lúc còn là Thái tử, giới thường ngoạn mỹ thuật còn trân trọng bảo tồn một bức tranh diễn họa truyện "Voi sáu ngà", một tiền kiếp của đấng Thế Tôn. Chủ đề Voi chúa mang sáu ngà quý rất thích hợp với biệt tài diễn tả thú vật của nghệ sĩ Ấn Độ. Trong nghệ thuật thế giới chưa có nơi nào hình voi được diễn họa với đầy đủ mọi đặc tính quan trọng như ở bích họa này. Ai cũng biết xứ Ấn có nhiều voi, lại được nuôi như thú vật nhà làm phương tiện chuyên chở cũng như giúp đỡ trong các công việc nặng nhọc, nên các nghệ sĩ Ấn có đầy đủ điều kiện thuận tiện, ngay bên cạnh để nghiên cứu và thể hiện cho thật chính xác. Bất cứ một tư thế nào, chi tiết nào, trong hoàn cảnh hoạt động nào cũng được tác giả tiếp thu và ghi vẽ được một cách sinh động và khéo léo. Đề tài cũng như chất liệu và những sinh hoạt rất phong phú luôn luôn hiện diện khắp nơi trong một đất nước rộng lớn, đông dân và nhiều điều-thú này, nên các nghệ nhân Ấn dễ tả hồn thơ, theo tư tưởng, dẫn dắt ngọn bút, đưa nét cọ tạo ra những hình ảnh cực kỳ lý thú.

Bích họa "Voi sáu ngà" cũng như các tranh ảnh khác tả vẽ trong các thạch động ở Ajanta, đã giúp hậu thế nhận rõ ra, dù qua chủ đề Phật giáo, nghệ sĩ Ấn vẫn phản ánh được tinh thần của một dân tộc đời dào sức sống. Tiếc thay, mỹ thuật Ajanta đã bị thất truyền sau khi đạo Phật mất ảnh hưởng tại Ấn Độ. Gần nghìn năm sau khi các tác giả những bích họa này đã đi vào lòng đất, tuy tinh thần họ vẫn còn bàng bạc ở vài nơi, nhưng vẫn chưa có biểu hiện nào nổi tiếp truyền thống nghệ thuật tốt đẹp ấy. Ngày nay đây công trình đục núi chạm đá đồ sộ, tốn nghiêm, vạch thành vòng bán nguyệt bao quanh bờ vực thung lũng sông Waghora, bên trong tàng chứa những bích họa toàn cảnh bất hủ, nổi tiếng thế giới, đã được sáng tác theo một kỹ thuật phối màu tuyệt mỹ, chẳng những đã là nơi chiêm bái của các thiện nam tín nữ Phật giáo; mà còn là chốn hành hương của các môn đồ hội họa trên khắp bốn phương.



QUẢ NGỌT NGÀY TẾT

## DƯA HẦU

NGUYỄN LONG QUÂN

**T**ết đến, nhà giàu thì chực, nhà nghèo cũng cố gắng chọn một cặp dưa hấu tròn trái ruột đỏ, về dán mảnh giấy vuông đỏ - vuông tròn : tượng trưng sự toàn vẹn, tốt đẹp vừa tượng trưng trời đất... theo triết Đông - trang trọng đặt ở hai bên đỉnh lu đồng bóng loáng để bày tỏ tấm lòng son sắt hiếu thảo. Trước chưng cúng ông bà tổ tiên, mong năm mới tốt đẹp, hạnh phúc thịnh vượng, sau để mọi người nhất là con trẻ được khoái khẩu trong ba ngày Tết loại quả ngọt mát phù hợp cho mùa khô hanh đến với phía Nam nước ta.

Sự tích kể rằng con vua Hùng là An Tiêm bị đẩy ra đảo hoang, nhặt được hạt dưa do chim ăn đánh rơi, đem trồng lên cây dưa hấu... Sau đó, dưa được trồng ở nhiều nơi trong cả nước. Truyền thuyết về quả dưa đỏ đã làm say mê bao thế hệ tuổi thơ.

Dưa hấu có nhiều tên gọi khác là dưa đỏ hay tây qua, thủy qua, hàn qua, hạ qua; tên khoa học là *Citrullus vulgaris* shrad, họ bầu bí, gốc châu Phi. Được đưa sang ta thuở nào không rõ nhưng thời Hùng Vương đã có mặt (theo truyền kể trên), ở Trung Quốc vào thời Con đường Tơ lụa (Nhà Đường), đến châu Âu thời chinh chiến của Thập Tự Quân (Croisades).

Không ít người chắc đã ngỡ rằng để cho trái to nặng như thế thì thân cây nó phải to lớn cỡ cây đa! Thật trớ trêu, cây dưa hấu chỉ là một loại cây cỏ mong manh, mọc bò dưới đất, sống chỉ khoảng vài tháng cung hiến cho người quả to ngọt xong rồi "gút-bay", trong khi cây đa to lớn nhưng quả của nó bé tí cỡ mút dưa. Quả dưa thường tròn tròn như quả banh hoặc hình bầu dục. Điều lạ lùng khó tin là lần đầu tiên vào năm 1979, người Nhật đã bày bán ở siêu thị các quả dưa hấu vuông, 18 cm mỗi cạnh với giá 88 Franc một quả, đắt hơn gấp đôi, trong khi quả tròn tương đương chỉ 40 Franc (1). Trước năm 1975, đài phát thanh Saigon trên mục Kiến Thức Khoa Học có nói rằng người của xứ Mặt Trời Mọc còn nghiên cứu gây trồng ra được dưa hấu không hạt... Thế thì, trẻ nhỏ và một số người lớn sẽ khoái chí nhưng một số khác sẽ không "ò-kê" vì mất đi cái thú thông thường vừa ăn vừa lùa hạt, qua đó có thể thưởng thức vị ngọt mát hòng mát lòng của nó. Theo Bảng Thành phần Hóa học Thức ăn Việt Nam, trong dưa hấu có 52% ăn được, nhiều nước (tới 49,7%), có 1,3% chất ngọt và một số rất ít chất đạm, khoáng, các Vitamin B1, B2, PP, C...

Dưa hấu được trồng khắp các tỉnh ở Bắc, Trung, Nam nước ta và nhiều

nước nhiệt đới khác, miền Nam nước Pháp cũng trồng được. Mùa dưa miền Bắc Việt Nam từ tháng 4 đến tháng 7 - vào mùa hè - nhưng gần đây, ở Cẩm Bình (Hải Hưng) đã trồng thêm được dưa hấu mùa đông. Ở miền Nam, mùa dưa từ tháng 1 đến tháng 4 - trước và sau Tết Nguyên Đán. Ở miền đông Nam Bộ có loại dưa hấu ruột màu vàng. Thịt dưa sáng như đường cát, khi ăn mang vị mát ngọt. Miền cực nam Nam Trung Bộ và nhiều địa phương khác ở miền Nam, có dưa ruột đỏ như son. Tuy nhiên, muốn lựa một quả dưa ruột đỏ ngọt, không bọng, khó hơn nhiều so với lựa dưa mặt (melon) thơm tho, cùng dòng họ nhà dưa, ở quê nhà có lẽ trồng được nhưng hiện chưa có. Còn hạt dưa hấu màu đỏ, đã được nhuộm, rang mà ta thường cắn lóc cốc trong dịp Tết, khi xem hát hoặc làm nhum bánh, mút, kẹo... do thu nhặt từ một loại dưa chỉ để lấy hạt.

Tương cũng cần nói, năng suất trên hecta cao thế giới năm 1985 là 14950 kiô. Và năm 1986, toàn thế giới sản xuất được 28,2 triệu tấn dưa, đã ăn tươi nuốt sống cũng gần chừng ấy! Trong đó, các nước sản xuất nhiều nhất : Thổ Nhĩ Kỳ 5,5 triệu tấn, Trung Quốc 5,4, Liên Xô 4,0, sau đó mới Ai Cập 1,3, Mỹ 1,2, v.v...

Ở Maroc, người ta dùng dưa hấu chế thành một thứ rượu : lấy quả dưa hấu khoét một mảnh vỏ hình nêm - như những người bán dưa làm - cho vào đó một ít mật rồi đóng nêm lại. Dem vài quả dưa hấu vài ngày trong đồng ngũ cốc cho lên men. Khi lấy ra, sẽ có một thứ thức uống say như rượu.

Người ta trồng dưa hấu chủ yếu để lấy quả xơi. Việc dùng các bộ phận của dưa hấu làm thuốc ít được chú ý hơn. Theo Đông y, dưa hấu có tính hơi hàn, giải nhiệt, lợi tiểu; gặp trường hợp sốt cao ra mồ hôi do cảm nắng, dùng nước ép dưa hấu làm thuốc uống sẽ giảm sốt. Người Malaysia, ép nước rễ cây dưa hấu dùng làm thuốc cầm máu khi sảy thai.

Năm mới, mong mọi bệnh tật khó khăn biến mất, chúc muôn vàn tốt lành hạnh phúc nhất đến với mọi người. Xong, mời bạn mở tủ lạnh ra thử giải khát một miếng dưa hấu Tết của quê nhà, nếu được, bạn có thể mang luôn cả quả!... Lượng dưa hấu mình trồng có lẽ chưa nhiều nhưng bà con mình cũng có riêng các kỹ thuật : trồng, bón phân... cho ra những quả dưa đỏ thắm, ngọt, chắc thịt, ráo nước, rất ngon chẳng kém gì ai. (23.09.1995)

(1) Dominique và Michèle Frémy "Quid 1995", NXB. Robert Laffont, Paris, t. 1693c



# Huế và thơ

## Những câu ca dao hò hát đã phổ thành thơ

• Trần thị Kim Chung

1) Hò :

Cửa Đông Ba, con đường Lục Bộ, đi ra Thượng Tứ, có bến Văn Lâu, chiều chiều Vua ngự ra cầu, nhìn xem mây nước dạ sầu mang mang.

1) Thơ :

*Thượng Tứ, vôi loang sắc bạc màu  
Quốc kỳ vắng bóng Phú Văn Lâu  
Chiều xưa Hoàng Thượng thường câu cá  
Lục Bộ Đông Ba lặng lẽ sầu.*

2) Hò :

Đồi Nam Giao, còn cao vôi vôi. Chuông Từ Đàm ngân gọi từ bi, nhìn xem phong cảnh suy vi, non sông khói lửa còn chỉ hữu tình.

2) Thơ :

*Núi Ngự du xuân vắng tiếng cười  
Hành hương Báo Quốc cũng thua người  
Từ bi, ngân gọi, chuông chùa vọng  
Quang cảnh suy vi khó vấn hồi*

3) Hò :

Dốc Nam Giao đỉnh cao vôi vôi, núi Ngự Bình trơ trọi khác xưa. Con đò Thừa Phủ vẫn lưa. Hỏi người bạn cũ bây giờ ở đâu?

3) Thơ :

*Bến Văn Lâu, Thừa Phủ còn lưa  
Núi Ngự, đồi Nam Giao vẫn đó  
Bạn hiền lưu lạc phương trời loan  
Thuyền đậu ai người để đón đưa.*

4) Hò :

Cảnh Tịnh-tâm vô cùng đẹp mắt, quanh mặt hồ khoe sắc toàn sen. Hương thơm thấp thoáng mùi duyên. Đây là thượng giới hay miền Đông-lai.

4) Thơ :

*Nên thơ quang cảnh Tịnh Tâm hồ  
Sắc trắng muôn phần về điểm tô  
Chẳng khác Bồng Lai miền hạ giới  
Tàng phần thanh khiết chốn thành đô.*

5) Hò :

Đứng bên ni cầu Trường Tiền, ngó qua bên tê, cầu Đập Đá này sông Vĩ Dạ, nổi tiếng văn nhân. Trai thanh gái lịch muôn phần, phong lưu mã thượng nổi tiếng ca cầm là đây.

5) Thơ :

*Trường Tiền mười hai nhịp sáu vại  
Trông về Đập Đá cảnh thiên thai*

*Phong lưu, mã thượng phường Vĩ Dạ  
Gái lịch, trai thanh chẳng kém tài*

6) Hò :

Vườn Nguyễn Hoàng trăm hoa khoe thắm, ngó qua Lê Lợi thật lắm người đi. Ngựa xe tấp nập thiếu gì, nữ sinh Đồng Khánh xuân thì vui tươi.

6) Thơ :

*Vườn Nguyễn Hoàng hoa thắm ngát hương  
Nữ sinh Đồng Khánh lúc tan trường  
Băng qua Lê Lợi người tấp nập  
Cất bước cười vang, rộn nhịp đường.*

7) Hò :

Cầu Gia Biên, ngang qua cầu Cái Vạn, dọc đường đường mòn các bạn đến chợ Kim Long. Thanh trà, mít, ổi, bưởi, bông, nhãn lồng thơm ngọt, mặc lòng mà mua.



7) Thơ :

*Cầu Gia Biên băng ngang các bạn  
Khách du nhân viếng chợ Kim Long  
Thanh trà, đào, vải, hương ngào ngạt  
Đặc điểm thơm ngon món nhãn lồng.*

8) Hò :

Gái đồng quê có chút tài hèn mọn, điệu mái nhì chọn một vài câu, hò lên cho các bạn giải sầu, mua vui chốc lát, đám đầu khoe tài.

8) Thơ :

*Thiếu nữ cất cao tiếng điệu hiền  
Mái nhì, như điệu nhạc cung tiên  
Âm thanh thoảng nhẹ hòa trong nước  
Ai kể ưu tư, tạm giải phiền.*

9) Hò :

Cửa nhà đồ, dẫn vô thành nội, hai tòa ngồi đồ, dựng khẩu đại liên, cột cờ hùng dũng đứng bên, trông ra cửa hữu là miền Trường thi.

9) Thơ :

*Hoàng cung thông suốt cửa nhà đồ  
Hùng vĩ nêu cao một bóng cờ  
Tả hữu hai bên đình ngồi đó  
Đại liên oai vệ dựng phòng hồ.*

Bài hò này hơi dài, nên phải làm riêng bài trường thi.

Trường Thi

*Trông ra cửa hữu chốn trường thi*

*Sĩ tử ba năm, hội một kỳ  
Tể tướng, đại thần kiếm chủ khảo  
Bàng vàng chiếm giải kiến vinh quy.*

10) Hò :

Đứng giữa Cầu Ga, ngó qua An Cựu, bến xe đồ tề tụ bộ hành, con sông nước chảy trong xanh, dò ngang thuyền dọc vầy quanh chốn này.

10) Thơ :

*Cầu ga An Cựu đứng trông sang  
Khách đợi xe đồ dưới nắng chang  
Phố chợ thuyền buôn quanh bến đậu  
Nem chua, nón lá tiếng đón vang.*

11) Hò :

Bước tới Canada lòng ta e ngại, trăm ăn nghìn nghĩa bỏ lại quê hương, ruột tâm đòi đoạ tư vương, nửa thương ruột thịt nửa thương đồng bào.

11) Thơ :

*Bắc thành bõ ngỡ khách lưu vong  
Tuông vọng quê xưa chạnh rối lòng  
Ân nghĩa bạn hiền, tình ruột thịt  
Ngày về đất mẹ vẫn hoài mong.*

12) Hò :

Cụ Hồ ơi sao không thương nỗi tiếc giống, nghe theo quân Trung Cộng giết hại miền Nam, nước non ngàn dặm quan san, xua binh chém giết, để cho cốt nhục tương tàn, thảm chưa.

12) Thơ :

*Khiến trách Hồ gia cưỡng mệnh trời  
Giống nòi xơ xác thịt xương phơi  
Rước voi dây xích Trung, Nam Việt  
Huynh đệ tương tàn, chạnh hổ người.*

13) Hò :

Chợ Đông Ba bốn tòa đình ngói, cầu Gia Hội rập nối Bình Sa, con đường Hội Mát đây mà, ai về Chợ Mới cho ta đi cùng.

13) Thơ :

*Đình chợ Đông Ba dựng bốn tòa  
Cầu Gia Hội, nối xóm Bình Sa  
Thẳng đường Hội Mát người qua lại  
Chợ Mới cùng đi cả đày mà.*

14) Hò :

Câu ca dao cũ :  
Gió lay cành trúc là đà, Tiếng chuông Thiên Mục canh gà Thọ Xương.

14) Thơ :

*Mụ Gà Thọ Xương tàn canh chỉ điểm  
Giọng tờ te điệu gáy oai hùng  
Là đà cành trúc sương gieo nặng  
Thiên Mục chuông chùa vọng khoáng không.*

Khi đọc những câu hò và những vãn thơ trên, lòng tôi rất xúc động nên đã sáng tác mấy câu thơ sau :

*Mơ dĩ vãng niệm hồn suy tưởng  
Uhoài mặc khách gượng chia tay  
Nước sông Hương, vẫn vô tình chảy  
Ray rứt lòng ai, biết hỏi ai???*

# PHẬT GIÁO và các vấn đề thời đại

• BS Nguyễn Hoài Vân

(Tiếp theo VG 85)

## C. TRƯỜNG HỢP VIỆT NAM :

### 1. Bối cảnh chung :

Việt Nam là một nước tư bản "đỏ", tức loại tư bản "rừng rú" nhất, bất công nhất, bóc lột nhiều nhất. Giai cấp đặc quyền của chế độ trở thành những cai thợ hối hả vơ vét, và sẵn sàng tự bán mình cho bất cứ chủ nhân giàu có nào. Họ sống trong một xã hội thay đổi quá nhanh, theo những quy luật mà họ không nắm vững, gây nên một tâm lý hoang mang. Và càng hoang mang thì họ càng có phản ứng vơ vét. Càng không nắm nổi những quy luật vận động của xã hội, thì họ càng bám lấy những quy luật sơ khai, tức "luật rừng rú". Càng không biết làm thế nào để quản lý đất nước thì họ càng phải tìm kiếm những chủ nhân thay thế họ trong việc này, để tự bằng lòng với vai trò cai thợ, miễn là có thể tiếp tục vơ vét.

Người dân cũng phải tự thích nghi với một xã hội như vậy. Trong sự thay đổi nhanh chóng, họ có cảm tưởng bất ổn, nên mỗi khi có chút cơ hội kiếm tiền, thì liền vội vàng chụp giựt. Trong bối cảnh tranh đua chụp giựt ấy, người ta ít còn thì giờ nghĩ đến quyền lợi chung. Vì thế, hiện tượng xã hội bị xé nhỏ, tính duy lợi và thiên cận, ở một nước tư bản đỏ như Việt Nam, lên đến cùng cực.

Hối hả chụp giựt, nhưng, trong bối cảnh "rừng rú", bóc lột, vơ vét, người dân vẫn nghèo (32). Làm giàu chỉ là một giấc mơ. Bức màn mua qua bán lại râm rộ ở thành thị, khi được vén lên sẽ cho thấy sự khốn khổ của đại đa số nhân dân. Người miền quê sẽ phải trả cái giá rất đắt của phát triển, mà không được hưởng thành quả. Và thị thành sẽ tràn ngập những người đi tìm thiên đường tư bản, nhưng chỉ gặp địa ngục hệ phố. Công xưởng sẽ quy tụ những người bán rẻ sức lao động, được quản chế một cách khắt khe bởi những cai thợ tư bản đỏ...

Với tư bản đỏ, Việt Nam không giàu lên, mặc dù những chỉ số kinh tế có vẻ cho thấy một sự "hồ hởi". Vì sao? Vì muốn thực sự giàu lên, Việt Nam phải gia tăng sản xuất nhiều hơn nữa so với sự gia tăng tiêu thụ. Tự mình không sản xuất, thì đồng tiền đưa vào Việt Nam, sẽ được dùng để mua sản phẩm do ai sản xuất? Tức là tiền bạc đổ vào

Việt Nam (trong đó có khoảng 1 tỷ Mỹ kim mỗi năm đến từ Cộng Đồng Hải Ngoại), sẽ lại chui vào túi người ngoại quốc, vì một phần quan trọng của số tiền ấy được dùng để tiêu thụ hàng nhập cảng, phần lớn là nhập cảng lậu (không đem lại lợi tức thuế khóa cho ngân sách).

Với tư bản đỏ, Việt Nam cũng không xây dựng tương lai, vì bản chất thiên cận và duy lợi cùng cực của loại tư bản này. Thí dụ giáo dục không đem lại lợi nhuận, thì trường học biến thành khách sạn! Thí dụ rừng cây không đem lại lợi nhuận bằng sân Golf, thì phá rừng làm sân Golf! Thí dụ một hòn đảo chưa biết làm sao khai thác, thì, thay vì học hỏi, tìm phương cách tốt nhất trong dài hạn cho đất nước, lại sợ mất thời giờ (thời giờ là tiền bạc!), mà vội vàng cho ngoại quốc thuê bao dài hạn, để hướng lợi nhuận tức thời, và muốn ngàn thí dụ khác.

Tựu trung, trong tình trạng tư bản đỏ, các vấn đề của xã hội đều không được giải quyết, chỉ vá vúi tạm thời. Khủng hoảng sẽ không thể tránh được, và sau đó, sẽ phải đặt vấn đề xây dựng một cách tích cực hơn.

Đâu sẽ là vai trò của Phật Giáo ?

### 2. Tổ chức quần chúng :

Chúng tôi đã trình bày trong một bài viết khác (28) rằng tại Việt Nam hiện nay, ngoài Đảng Cộng Sản và các tổ chức ngoại vi, không có hình thức tổ chức quần chúng nào khác ngoài tôn giáo. Phật Giáo đương nhiên là có tiềm năng rất lớn trong lãnh vực này. Trong khủng hoảng, quần chúng Phật Giáo đã từng chứng tỏ khả năng đấu tranh của mình. Trong xây dựng, hệ thống chùa chiền đi sâu vào từng thôn xóm, sẽ là sự kết tinh của lương tâm và ý chí của người dân. Việc kêu gọi người dân chấp nhận một số hy sinh cần thiết cho những chính sách phục hưng kinh tế và cải tạo xã hội sẽ dễ thành công hơn nếu có các Tăng, Ni, ở gần dân, chia sẻ đời sống của họ, tích cực giải thích, biện minh cho những hy sinh ấy, đồng thời xoa dịu những khổ đau mà các chính sách kia có thể đem lại cho một số người. Hệ thống chùa chiền ở Việt Nam cũng có khả năng đưa ngược trở lên bề mặt của xã hội những bất công mà người dân phải chịu, cũng như những nguyện vọng, nhận định và phê phán của họ, được phát biểu qua ánh sáng của Đạo Phật.

Chúng ta cũng không thể không nhìn thấy những giới hạn quan trọng trong

lãnh vực "tổ chức quần chúng" của Phật Giáo Việt Nam. Đó là:

- Thiếu cơ cấu chỉ đạo thống nhất
- Chênh lệch trong sự hiện diện tại hai miền Nam Bắc (trên và dưới vĩ tuyến 17)

- Không có óc "chính trị", nặng ấn tượng "không nên làm chính trị"

- Liên hệ quốc tế chưa dồi dào

Những giới hạn ấy có thể được đẩy lùi, khi có được một số điều kiện thuận lợi:

- a) Sự thảo luận và trao đổi liên tục giữa những Nhà Tu am tưởng Phật Pháp sẽ dễ dàng đi đến đồng thuận hơn đối với bất cứ ai. Sự đồng thuận ấy sẽ có thể đưa đến một hình thức chỉ đạo hiệu quả và không phản lại bản chất tự do của Phật Giáo. Theo thiên ý, có lẽ hình thức sinh hoạt "đa số thắng thiểu số" không phù hợp với sinh hoạt của Tăng Đoàn. Thật vậy, Đạo Phật chủ trương phải thực sự chứng nghiệm, chứ không tin theo một cách mù quáng, vì thế không thể bắt "thiểu số phục tùng đa số", tin theo sự sáng suốt của đa số, trong khi tự trong thâm tâm, các Vị thuộc thiểu số vẫn chưa "chứng" được cái lý lẽ mà đa số đưa ra. Để phù hợp hơn với tinh thần "tự tu, tự chứng" của Phật Giáo có lẽ các vấn đề quan trọng cần được quyết định với sự thỏa thuận của *toàn thể* các Tăng Ni hiện diện (trong một cơ chế nào đó). Nếu sự thỏa thuận ấy không đạt được, thì cần mở rộng dần dần cuộc đối thoại ra tới các Tăng Ni khác (thí dụ mở rộng tới một cấp đại diện thấp hơn), cho tới khi mọi người cùng đồng ý. Thật vậy, bất đồng ý kiến, trong trường hợp những vị Tăng Ni đức độ (đã được Tăng Đoàn tuyên chọn), chỉ có thể đến từ sự khác biệt hiểu biết: Vị này hiểu vấn đề thế này, Vị khác hiểu thế khác, biết dưới khía cạnh khác, nên giải pháp đề ra khác nhau. Chỉ cần thảo luận, đem những hiểu biết kia đặt chung lại với nhau, mỗi Vị cố gắng học hỏi, tìm hiểu quan điểm của các Vị khác (một hình thức "tự tu"), và điều chỉnh cái "biết" của mình, thì rốt cuộc, tất cả sẽ cùng "biết" như nhau (tự chứng), và khi đó sẽ bắt buộc phải cùng đi đến một quyết định như nhau. Nếu chưa thỏa thuận được, thì sự kiện nhiều Tăng Ni khác gia nhập cuộc thảo luận, sẽ đem lại thêm những hiểu biết mới, những quan điểm mới, ráp vào với những gì đã có, và điều chỉnh tất cả, cho đến khi mọi người cùng đồng ý với nhau, từ một sự hiểu biết chung. Đương là phương cách này chỉ nên áp dụng cho những người đã diệt bớt tự ái, ích kỷ, tham lam, nóng nảy... chứ không thể phù hợp với những tên vulgum pecus như kẻ hèn này! (vấn phải cần đến phương cách đa số, thiểu số).

Sức mạnh của một hình thức lãnh đạo như vừa nói, rất lớn. Vấn đề là sắp đặt các cơ cấu liên hệ. Thí dụ, cần những cơ cấu chuyên viên, để đem lại cho các vị lãnh đạo Tăng Đoàn những quan điểm chuyên môn, những cơ cấu bao gồm Cư sĩ, những cơ cấu đại diện cho các ngành hoạt động (cứu tế, giáo dục

v.v..., các tông phái, các địa phương (nhiều cấp), đề hướng đến thống nhất ý chí và hành động. Những Ủy ban Tư vấn mở rộng đến mọi thành phần dân chúng, kể cả tín đồ của các tôn giáo khác, cũng có thể được hình thành, vẫn với mục đích thu thập càng nhiều quan điểm, càng nhiều hiểu biết, càng tốt.

b) Sự tương đối thiếu vắng Phật Giáo ở phía bắc vĩ tuyến 17 có thể được bù đắp tương đối nhanh chóng nếu có được một ý chí mạnh mẽ, và nếu được thực hiện cùng lúc với việc thành lập những cơ cấu cứu tế xã hội, giáo dục cấp thấp (mẫu giáo, tiểu học, lớp dạy nghề cho người ít học), giải trí, văn nghệ, thể thao (lớp võ thuật, khí công, như đã nói), hay những cơ sở sản xuất tạo công ăn việc làm cho dân chúng. Tức là nên đến với người dân để phục vụ cho họ, giải quyết những nhu cầu của họ, chứ không phải để phục vụ cho Phật Giáo, thỏa mãn ước vọng phát triển Phật Giáo.

c) Tâm lý cho chính trị là chuyện "không nên làm", thật ra, chỉ là một vấn đề danh từ. Tùy theo quan điểm, mà người ta gán cho chữ "chính trị" một nội dung đặc biệt, rồi nghĩ rằng nên hay không nên "làm chính trị". Người Phật Tử vẫn biết "danh sắc" (nama-rupa) (29) là hư hão, là một trong thập nhị nhân duyên, nguồn của đau khổ. Vì thế, nếu có dịp bàn luận đến nơi đến chốn, họ sẽ tránh bị lọt vào cạm bẫy của cái "danh" trừu tượng, hư hão, sẽ ít nghĩ là "nên hay không nên làm chính trị", mà sẽ có khuynh hướng tự hỏi: "theo sự giảng giải của Đức Thích Ca, trước một vấn đề xã hội nào đó, ta nên làm gì?". Điều quan trọng là thấy và làm những việc cần làm, dưới sự soi sáng của Phật Pháp, chứ không phải là tranh luận về sự xấu-tốt của một việc, tùy theo nó là hay không là "chính trị".

d) Vấn đề liên hệ quốc tế của Phật Giáo Việt Nam càng ngày càng có nhiều cơ duyên thuận lợi. Như đã nói ở phần trước, những quốc gia phát triển nhanh trong vùng Đông Á, dẫn đầu là Nhật Bản, đều là những nước mang nặng ảnh hưởng Phật Giáo. Ở đó, có những Tông Phái có nhiều phương tiện và có sự truyền thừa rộng rãi trên thế giới. Các Giáo Phái ấy rất có thể trở thành những bạn quý của Phật Giáo Việt Nam.

Mặt khác, các lân bang Miên, Lào, Thái, Miến của Việt Nam, là những nước Phật Giáo. Các quốc gia này nằm giữa "thế giới Trung Hoa" ở phía Bắc, "thế giới An Độ" ở phía Tây, và các nước Hồi Giáo ở phía Nam. Mặc dù hiện thời còn một số trở ngại, Việt Nam và các quốc gia vừa kể có nhiều điều kiện đi đến sự kết hợp thành một khối quốc gia, để giúp nhau tự bảo vệ trước những đe dọa chung, để chung sức phát triển kinh tế, và duy trì nền tảng tinh thần chung là Phật Giáo. Khối quốc gia này có khả năng đóng

góp cho sự ổn định nội tại của vùng Đông Nam Á.

Bàn đến triển vọng liên hệ quốc tế của Phật Giáo Việt Nam, chúng ta không thể quên khuynh hướng "toàn cầu hóa" Phật Giáo đã được bắt đầu với Thiên Tông Nhật Bản và Mật Tông Tây Tạng. Tuy mới ở trong tình trạng phôi thai, khuynh hướng này đã đạt được những thành quả khả quan, đặc biệt là tại các nước Tây Phương, như đã nói ở đoạn đầu. Phật Giáo Việt Nam có khả năng tham gia vào sự "toàn cầu hóa" ấy, với những Phật Tử và Tăng Ni Việt Nam hiện diện ở rất nhiều quốc gia trên thế giới. Vấn đề là ý chí, và tổ chức. Tham dự được vào khuynh hướng "toàn cầu hóa" của Đạo Phật, Phật Giáo Việt Nam sẽ giải quyết được phần nào sự ngăn cách cố hữu của mình trong những liên hệ quốc tế.

### 3. Đóng góp trong việc phát triển kinh tế :

Như đã được trình bày, Phật Giáo có khả năng hỗ trợ cho những chính sách kinh tế phù hợp với sự giảng dạy của Đức Phật. Trong Đạo Phật cũng có những yếu tố thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, đã được bàn đến ở phần trước. Chúng tôi không lặp lại tất cả các yếu tố này, chỉ xin chọn làm tiêu biểu thêm năng đóng góp của Đạo Phật trong một vấn đề quan trọng của kinh tế Việt Nam trong thời gian tới, đó là:

Nhu cầu hạn chế tiêu thụ hàng ngoại hóa, để bảo vệ sự sản xuất nội địa trong điều kiện phát triển còn non kém. Thật ra, cũng cần kèm hãm tiêu thụ nói chung, để gia tăng tiết kiệm. Phật Giáo dạy tiết giảm dục vọng, bớt ham muốn, bớt bị quyến rũ bởi sự đua đòi tiêu thụ, nhất là thêm thường hàng ngoại hóa, để tìm về những nguồn vui giản dị, với sự hoan hỷ của việc mình hiện làm... Sự giảng dạy này có thể có lợi cho việc phát triển kinh tế. Thật ra, nó rất khó được người dân nghe theo, và, nếu muốn thực hiện kèm hãm tiêu thụ, đặc biệt là tiêu thụ hàng ngoại hóa, vẫn cần có những chính sách thuế khóa, lãi xuất, tiền tệ v.v... Tuy nhiên, sự giảng dạy trên của Phật Giáo (cùng với một số quan niệm khác như tinh thần trách nhiệm chung), sẽ có tác dụng hỗ trợ cho những chính sách kia, cho chúng một nội dung Đạo Lý, giúp người dân đón nhận chúng một cách dễ dàng hơn. Mặt khác, cần biết là các chính sách tiền tệ, thuế khóa, v.v... để hạn chế tiêu thụ hàng ngoại hóa thường đưa đến những sự trả đũa của các quốc gia có nhiều trao đổi mậu dịch với Việt Nam. Vì thế, người dân càng tự giác, thì càng đỡ phải đề ra những chính sách có thể bị vô hiệu hóa bởi sự "phản công" của các nước khác.

### 4. Xoa dịu bất công xã hội :

Đây là một vai trò trọng yếu của Phật Giáo. Vai trò ấy có thể đưa Phật Giáo Việt Nam đến việc tích cực vận động quần chúng đứng lên đấu tranh chống bất công, áp bức, hay ngược lại, đến một thái độ hòa giải, làm dịu bớt những

căng thẳng trong xã hội. Thật vậy, một chính phủ dù cho có nhiều thiện chí và khả năng cách mấy cũng vẫn có lúc phải hy sinh một phần mức sống của người dân trong một giai đoạn nào đó. Sự hy sinh ấy có thể rất khó chịu đựng được bởi những thành phần dân chúng đã nghèo khổ sán. Nếu có thể đào sâu một số bất công. Các Tăng Ni sống gần dân chúng là nơi nương tựa của những người thiếu may mắn ấy. Cần tổ chức một hệ thống "công tác xã hội" hiệu quả, với những nguồn tài trợ chắc chắn, những cán bộ có khả năng, trong những cơ cấu hợp tác chặt chẽ với nhau, và luôn theo sát nhu cầu của người dân. Cần biết là trong thời gian kinh tế nước nhà còn chưa đủ mạnh, chính phủ chưa dám đương nổi, thì phần lớn "công tác xã hội" sẽ tùy thuộc nơi tư nhân, đứng đầu là tôn giáo, và đặc biệt là Phật Giáo. Thực hiện được một cách tốt đẹp công việc ấy, Phật Giáo Việt Nam sẽ chứng tỏ cho mọi người thấy khả năng tổ chức và quản trị của mình.

Thật ra chức năng chính của Phật Giáo trong lãnh vực này là biến "công tác xã hội" thành một công việc chung của mọi người dân Việt, bắt đầu từ người Phật Tử. Thật vậy, trước sự "xé nhỏ" của xã hội, đặc biệt là trong giai đoạn "tư bản đồ", một phản ứng đoàn kết trong tình tương thân tương trợ, giữa mọi người Việt, từ Nam chí Bắc, có thể trở thành một vấn đề sống còn. Nếu cứ tiếp tục mạnh ai nấy xoay sở, mạnh ai nấy chạy theo lợi lộc riêng tư và những nhu cầu tiêu thụ ngày một gia tăng, rồi sống chết mặc bay, thì xã hội Việt Nam sẽ rất dễ tuột dần xuống một vực sâu khó cưỡng lại được. Bất công sẽ chất chồng lên bất công, và, nếu trước những bất công ấy có một bức tường ích kỷ, thì bạo lực sẽ nảy sinh. Lúc ấy, chỉ cần một cơn lốc khủng hoảng là xã hội tan rã. Chưa kể đến sự lợi dụng của những người cơ hội chủ nghĩa, những người muốn tái lập trật tự trong đục tòi máu.

Để thực hiện chức năng vừa nói, Phật Giáo có thể dựa vào khả năng giáo hóa quần chúng, với hệ thống chùa chiền, trường học, và nhất là với gương sáng của các Tăng Ni cũng như mọi người con Phật.

Tâm Bồ Tát cần được quảng bá bằng hành động hơn là bằng lời nói.

### 5. Bảo tồn truyền thống văn hóa dân tộc :

Một xã hội cần hấp thụ những điều mới mẻ để thăng tiến. Tuy nhiên sự tiếp thu cái mới rất cần một nền tảng vững vàng, là truyền thống văn hóa. Thiếu nền tảng ấy, những viên gạch góp nhặt được từ bốn phương trời để xây dựng ngôi nhà Việt Nam chỉ là đồng gạch vụn, cho trẻ nít đùa giỡn liệng nhau bẻ đầu mà thôi! Từ thế kỷ trước, phần lớn trí thức Việt Nam đã nhìn sự nguy trị của người Pháp trên đất nước, mà hoài nghi, rồi loại bỏ những giá trị văn hóa truyền thống của mình. Rồi, hàng hàng lớp lớp, họ "theo

mới, hoàn toàn theo mới". Nhưng, khi "đoạn tuyệt" với cái "cũ", họ vẫn chưa biết theo cái "mới" nào? Rốt cuộc là mỗi nhóm người, tùy cơ duyên mà theo cái mới này hay cái mới khác, học được ở người Tây Phương. Khi tìm cách áp dụng "cái mới" vào xã hội Việt Nam, những người ấy chỉ còn biết cư xử như "người" của chủ thuyết, của tư tưởng mà họ đã học được, chứ không còn biết cư xử như người Việt Nam nữa. Điều này đưa đến phân hóa trầm trọng, từ trong tư tưởng, rồi đến thù nghịch nhau, và đến chiến tranh huynh đệ tương tàn. Sự hàn gắn khó mà quan niệm nổi, nếu không có một nền tảng chung để trên đó, có thể sắp đặt những viên gạch rời rạc kia thành những bức tường, thành ngôi nhà Việt Nam. Nền tảng ấy là truyền thống văn hóa. Các quốc gia phát triển nhanh trong vùng Đông Á đều đã duy trì được truyền thống văn hóa của họ, trong khi tích cực tiếp thu cái mới. Kết quả là họ thích nghi được những cái mới ấy với các điều kiện lịch sử, địa lý, nhân văn của họ, tức là với con người và đất nước họ, và đồng thời thích nghi hóa xã hội trong đó họ đang sống với những đòi hỏi của thời đại. Thích nghi, thì tồn tại và phát triển, không thích nghi thì suy thoái và tiêu vong. Đó là quy luật của cuộc sống. Vì thế, việc bảo tồn truyền thống văn hóa là một trách nhiệm quan trọng mà dân ta, nước ta, trông cậy nơi Phật Giáo.

Thật vậy, truyền thống văn hóa nước ta bao gồm những yếu tố nguyên thủy, đến từ thời các vị Vua Thánh, như Thần Nông, rồi mới phân thành hai nhánh Bắc, Nam, với người Việt là đại diện của nhánh Nam Phương. Sau đó, lại hòa trở lại với phương Bắc qua các tư tưởng Nho và Lão, cũng là những tư tưởng kế thừa các yếu tố nguyên thủy kia. Rồi mới tiếp thu Phật Giáo, làm thành Tam Giáo, quần quện lấy nhau, hòa hợp lẫn nhau, trở nên tư tưởng của người Việt, phát huy vào đời sống thành văn hóa Việt Nam. Ngày nay, Nho và Lão tuy vẫn tiềm tàng trong tư tưởng và văn hóa của người Việt, nhưng đâu là những định chế có đủ tính cách đại diện cho hai dòng tư tưởng này? Vậy, trong Tam Giáo chỉ còn Phật Giáo là có những cơ chế đại diện cụ thể. Điều này, cùng với sự gắn bó chặt chẽ và ảnh hưởng qua lại liên tục của ba dòng tư tưởng Nho, Phật, Lão, với nhau từ nhiều thế kỷ, khiến cho người ta có thể nhìn nhận nơi Phật Giáo vai trò bảo tồn toàn bộ truyền thống văn hóa dân tộc. Bản chất cốt lõi của Phật Giáo khiến cho những nhà Nho học, Đạo Học, không ngăn ngại hướng đến Phật Giáo như một chỗ dựa yên ổn. Mặt khác, tính chất hiện đại, phù hợp với khoa học, của Phật Giáo, cũng khiến cho những tư tưởng mới mẻ, tân tiến, không sợ bị gạt bỏ một cách giáo điều, mà ngược lại, có thể coi Phật Giáo như một đồng minh quý báu. Đó chẳng qua chỉ là sự thể hiện của tinh thần "bất nhị", "vô phân biệt", giữa

bảo vệ truyền thống và tiếp thu cái mới, mà Phật Giáo đã hàm chứa sẵn từ trong bản chất của mình.

#### KẾT :

Phật Giáo có nhiều khả năng đóng góp cho thời đại mà chúng ta đang sống, và cho người dân nước Việt. Tuy nhiên, những khả năng lý thuyết ấy chưa bảo đảm được sự thành công khi phải thực sự đụng chạm với thực tế. Chúng ta vẫn phải tự hỏi: những khả năng kia sẽ được cụ thể hóa bằng cách nào? sẽ đến với thực tế bằng những nẻo đường nào?

Trên bình diện cá nhân, chúng ta đã nhấn mạnh đến vấn đề phương pháp. "Thuyết Pháp" không phải chỉ là giảng dạy một Đạo Lý, mà chính là vạch ra những phương pháp cụ thể, thích nghi với từng trường hợp, cho người học có thể chứng nghiệm được Đạo Phật, sống thực Đạo Phật bằng cả tâm trí lẫn xác thân mình. Mặt khác, muốn "nói Pháp" cần có người "nghe Pháp". Vì thế, cũng cần những phương pháp để đại chúng đến với Đạo Phật, để Đạo Phật đến với đại chúng.

Hướng tới một Phật Giáo Thời Đại, là :  
- tìm những phương pháp để đưa Phật Giáo đến với con người thời đại,  
- và chọn lọc những phương pháp để giải quyết một cách hiệu quả những vấn đề của con người thời đại.

Trên bình diện xã hội, chúng ta đã nhấn mạnh đến vấn đề cơ chế. Đó là điều kiện để có thể ảnh hưởng một cách hữu hiệu vào xã hội. Cần có đảng phái? Cần có những hệ thống tổ chức từ thiện, giáo dục, văn hóa, thể thao? Cần có những cơ cấu chuyên viên? Tầng Đoàn cần được tổ chức ra sao? Vai trò chỉ đạo của Tầng Đoàn trên các cơ cấu khác nên như thế nào? Chúng ta chỉ đề ra vài ý kiến tổng quát. Sẽ còn phải khai triển thêm, trong từng vấn đề, với từng hoàn cảnh.

Cả trên bình diện xã hội lẫn trên bình diện cá nhân, có thể một số phương pháp sẽ thất bại, một số cơ chế sẽ không thích hợp. Điều đó không thể tránh được. Vấn đề là làm sao cho Phật Giáo không thất bại. Có lẽ tự trong Phật Giáo đã có sẵn yếu tố làm cho Phật Giáo không bao giờ thất bại. Đó là ý thức "Vô Ngã", "Vô Tự Tánh" áp dụng cho chính Phật Giáo. Thật vậy, muốn cho Phật Giáo không bao giờ thất bại, phải chăng là nên hành động mà không cần nghĩ đến "Phật Giáo" như một thực thể có tự tánh, có "Ngã"? Khi đó, không còn vấn đề "Phật Giáo" thành công hay thất bại, mà chỉ có vấn đề thành quả của những việc làm giúp ích cho con người thời đại. Việc này không thành, thì việc kia thành. Điều mà ta cần ưu tiên chú tâm vào, là những vấn đề của con người thời đại chứ không phải những vấn đề của Phật Giáo. Đó chính là con đường Trung Đạo, tập trung vào cái "Dụng", mà không cần quá bận tâm nơi "Thể", "Tướng".

Tóm lại, chi thực sự có được một "Phật Giáo Thời Đại", khi Phật Giáo biết

phục vụ thời đại, cho con người thời đại. Không thể có "Phật Giáo thời đại" nếu bất thời đại, bất con người thời đại, phục vụ cho Phật Giáo. Như lời Đức Đạt Lai Lạt Ma (3) :

"Nếu Tôn Giáo đặt thành vấn đề thì nên vứt bỏ Tôn Giáo đi!"

(22 tháng 8 - 1994)

#### CHÚ THÍCH :

(1) Phật Giáo ảnh hưởng trên một số trường phái Triết Học Cổ Hy Lạp, và trên Thần Học Kỳ Tô Giáo. Các dòng tư tưởng này ảnh hưởng trên tư tưởng và văn hóa Tây Phương, rồi trên toàn thế giới.

(2) Dennis Gira, Viện Nghiên Cứu Công Giáo Paris (L' Express 16.9.1993).

(3) L' Express 16.9.1993.

(4) Giám Đốc Trung Tâm Giảng Huấn và Nghiên Cứu về khoa Phân Tích Xã Hội Kinh Tế thuộc Ecole Nationale des Ponts et Chaussées, và Giám Đốc Nghiên Cứu của Ecole des Hautes Etudes et Sciences Sociales, tác giả nhiều khảo cứu về Kinh Tế.

(5) Nhà Ngoại Giao, cựu Đại Sứ Mỹ Tây Cơ tại Nhật Bản và Ấn Độ, thi sĩ, Giải Alexis de Tocqueville, Giải Nobel Văn Chương.

(6) Giáo sư Lịch Sử Lão Giáo và Phật Giáo tại Đài Loan. Đến Thượng Hải từ 1949. Ông cũng nói: "Tôi tưởng rằng tôi biết Chúa. Người Phật Giáo đã dạy tôi đào sâu thêm Đức Tin của tôi (...) Chúng ta (Kỳ Tô Giáo) bảo các giáo hữu cầu nguyện, nhưng không dạy họ cầu nguyện như thế nào? Tây Phương đã tổ chức những gì phải tin một cách quá đáng".

(7) J.K. Kadowaki s.j.: "Le Zen et la Bible" - Albin Michel - Paris - 1992.

(8) "Giao điểm giữa Phật Triết và Khoa Học Tự Nhiên" - Hội Tháo Bàn Tròn tại Viện Niels Bohr-Nguyên Kết dịch và chú - Thế Kỷ 21 - Westminster - Hoa Kỳ - số 62 - tháng 6.1994.

(9) "Zen et Christianisme" - Evelyn de Smedt - Albin Michel - Paris - 1990.

(10) "Fonctionnaires de Dieu" - Eugen Drewermann - Albin Michel - 1993.

(11) Sách đã dẫn - tr. 312.

(12) Tập San "Cánh én" - Đức Quốc - số 36 - tháng 7/1994.

(13) Cũng xem "Nhân Trị và Pháp Trị" - Nguyễn Hoài Văn - Tóm lược bài nói chuyện tại Maison des Mines, Paris, 26.5.91 - Giáo Điểm (Hoa Kỳ) số 5, Diễn Đàn Thanh Niên (Hoa Kỳ), Tia Sáng (Đức), số 18, Điểm Tin Báo Chí (Tiếp) số 34, Việt Luận (Úc) và vài báo khác.

(14) Sức khỏe của người dân chỉ đáng giá 5 Mỹ Kim một năm, tại các nước nghèo, nhưng lên tới 1900 Mỹ Kim tại Hoa Kỳ (Tribune Médicale, 5.1990). Theo Ngân Hàng Thế Giới, chi phí hàng năm cho sức khỏe của dân chúng ở các nước có dưới 635 USD lợi tức đầu người mỗi năm, là 6 USD, trong khi tối thiểu cần 12 USD (Quotidien du Médecin 26.5.94).

(15) Đề tài của cuộc Hội Thảo được tổ chức tại UNESCO do Báo Le Monde chủ xướng, khai mạc bởi Thủ Tướng Michel Rocard, với sự tham dự của Bộ Trưởng Kỹ Nghệ Fauroux, và nhiều chủ nhân Đại Công Ty Pháp, tháng 10.1988 (Le Monde 13.10.1988).

# MỘT VÀI NHẬN XÉT VỀ ĐẠO PHẬT

(16) Trong cuộc Hội Thảo nêu trên (chú thích 15) và trong "Sortir de la crise" - S.C.Kolm - Ed Pluriel - Paris.

(17) "Con người là cây sậy, nhưng một cây sậy biết suy tư" - Pascal.

(18) Bundesbank (Ngân Hàng Liên Bang Đức), vì phải ngăn chặn áp lực lạm phát do những phí tổn của việc thống nhất nước Đức, đã áp dụng lãi suất cao, làm trì trệ kinh tế của Âu Châu, và phần nào của thế giới.

(19) Le Monde Diplomatique tháng 10.1992, trang 15.

(20) Rất nên đọc bài của Nhật Chiêu: "Tìm hiểu thơ Hải Cú Nhật Bản" - Trăm Con - Canada - số 12 - 1993.

(21) Le Figaro 31.10.1989.

(22) "Questions a un Maitre Zen" - Taisen Deshimaru - Albin Michel - 1884.

(23) Lục Diệu Pháp Môn, gồm: số tức, tùy tức, chỉ, quán, hoàn, tịnh. Khi Công tập trung tinh thần nơi một điểm trên thân thể (gọi là ý thủ, có thể ý thủ quan nguyên, mệnh môn, đống tuyên, ấn đường, bách hội, v.v...), giống giai đoạn "chỉ", và quán tưởng khi huyết lưu hành theo một số kinh mạch (như "tiểu chu thiên"), hay quán tưởng hơi thở của mình thông với "khí" của Trời Đất, tương ứng với giai đoạn "quán" trong Lục Diệu Pháp Môn, nhưng đương nhiên là hạn hẹp hơn.

(24) Emile Durkheim: "Formes élémentaires de la vie religieuse" - Ed PUF - Paris - 1979.

(25) Max Weber: "L' Ethique Protestante et l' esprit du capitalisme", theo S.C.Kolm (sách đã dẫn).

(26) Xem "Xây dựng một nước VN phát triển sau CS" - Nguyễn Hoài Văn - Tóm lược bài nói chuyện tại Đại Hội Y Sĩ VN Thế Giới, 1993, Orlando, Hoa Kỳ - Tập San Y Sĩ, Canada, Tháng 1.1994 - Cánh én, Đức, số 32 - Thời Luận - Los Angeles, Xuân Giáp Tuất.

(27) Trong cuộc Hội Thảo đã dẫn ở chú thích 15.

(28) "Tôn Giáo và Chính trị", Nguyễn Hoài Văn, Thời Luận (Los Angeles), Ngày Nay (Houston) 15.10.1992, Điểm Tin Báo Chí (Tiếp) số 51, Diễn Đàn Thanh Niên (Hoa Kỳ), Cánh én (Đức) số 18, Việt Trẻ (Tiếp) số 4, Việt Luận (Úc), và "Đa Đảng và Dân Chủ Hóa" - Nguyễn Hoài Văn - tuyển tập "Những vấn đề VN" - Nhà xuất bản Trăm Hoa - Hoa Kỳ.

(29) Cũng để ý chữ "nama" trong Sanskrit là nguồn gốc của chữ "name" trong Anh Ngữ.

(30) Revue Geo - số 49 - tháng 3.1983.

(31) Có người đã ghi nhận chữ "mouni" trong Sanskrit, nguồn gốc của chữ "moine" trong tiếng Pháp, có nghĩa là người Tu Hành, rất gần với chữ "maouina" có nghĩa là im lặng.

(32) "Nghèo, là bị cấm cản không với tôi được phần lớn sản phẩm và dịch vụ mà xã hội đem lại. Đây không phải là một vấn đề lợi tức: sự cấm cản ấy, còn gắn liền một cách cố định với những bất công trong quyền thụ hưởng những lợi ích công cộng, trong sự phân phối đất sống ở các đô thị, và trong quyền tự tổ chức để chống bất công" - Asia: a Billion Consumers - The Economist - 30.10.1993.

Nếu chân lý tuyệt đối của con người là sự cảm nhận được qua mọi nguyên nhân đau khổ của muôn loài trên mặt đất thì triết lý của đạo Phật từ lâu quả là một hệ thống giáo dục tư tưởng thực tiễn nhằm đào tạo cá tính con người đi lên vào một thế giới hài hòa, an lạc, thái bình và hạnh phúc.

Thực vậy, như một lâu đài ánh sáng soi đường cho tất cả chúng sinh không phân chia ranh giới, đạo Phật đã phá tan được những nghi ngờ và làm sáng tỏ ý nghĩa của chân lý tinh diệu được thể hiện trong mọi hành động phán đoán bằng trí tuệ của con người. Đó là ý thức tư tưởng tự do của Phật giáo đồ. Với quan niệm tôn giáo phải làm gì cho con người trong cuộc sống, đạo Phật thủy chung không bỏ lỡ mọi cơ hội để khuyên nhắc người Phật tử đừng vô tình mà đánh mất đi giá trị tinh thần căn bản theo đạo của mình bằng mọi sự mù quáng, mê tín thiếu ý thức tư tưởng tự do vốn là sức sống cần thiết của mỗi cá nhân. Sự chọn lựa tự do trước khi quyết định ấy nếu là sáng suốt thì nó phải đương nhiên chấp nhận sự khám phá những bí ẩn của cuộc đời như nguyên nhân của sự khổ đau và hạnh phúc mà Đức Phật - một con người thực tế đã vén toàn giác ngộ về chân lý.

Ý nghĩa sâu xa thâm thúy đó đã được dịp chứng minh nền tảng triết lý của đạo Phật vốn không phải là một lý thuyết siêu hình hay nghi thức, thiếu công dụng thực tế để đáp ứng với những nhu cầu khao khát của chúng sanh. Ngược lại, nó đòi hỏi ở tín đồ phải có được một đức tính, thái độ gần như là điều kiện tiên quyết để bắt đầu sống theo đạo lý. Đó là lòng can đảm. Phải can đảm hứng nhận mọi trách nhiệm về quyền năng thưởng phạt của cuộc đời là do chính mình tự tạo ra sự đau khổ hay hạnh phúc. Do vậy, những kết luận khẳng định nhất quyết cho rằng mọi khổ đau này là bởi tội lỗi của gia tiên để lại đều hoàn toàn có phần trái với ý thức hoán cải nhân duyên tạo lại nghiệp quả đúng theo trong triết lý của Thích Ca Mâu Ni. Vì rằng người thực hành lý thuyết của đạo Phật qua bao nhiêu năm nghiên cứu pháp điển này đều nhận thấy rõ ràng hơn ai hết là cái vòng xích nhân quả quay tròn khó mà phân biệt được đầu đuôi, lúc nào là nhân, lúc nào là quả ở cuộc đời sát na đây tục luy. Trong định luật vô thường của vũ trụ, mọi sự vật ở trên cõi đời này tuy có khi tụ, khi tan, tuy nhiên, không phải vì thế mà mọi hành động đều trở nên vô phân ứng để rồi phát sanh ra những kết thúc và hậu quả có tầm giá trị khác nhau. Đối với những bản tính xấu xa của con người như

tham, sân, si, v.v... chung cuộc để rồi tất cả cùng bị đắm chìm vào trầm mê bể khổ, thì trong đời sống của một thế hệ không biết có bao nhiêu trạng thái tâm hồn đã được dịp nảy nở phát sinh khi phải suy nghĩ về mọi sự chênh lệch của muôn loài chúng sanh.

Chính Đức Phật đã nghĩ ra ngay như vậy cho nên ngày đầu tiên sau bao năm ẩn mình vào núi Tuyết trở về triều nội, Ngài đã không quên long trọng nói về ý nghĩa của một thông điệp mà kinh điển trong pháp Tứ Diệu Đế là những lời răn dạy đơn sơ, bình dị nhưng cũng lại là một kho báu triết lý cao siêu, hàm súc vô vàn ý nghĩa bao la vô cùng tận. Và ngày nay, chúng ta có thể nói chính do kinh pháp của đạo Phật đã mang đến mọi niềm cảm khái cho loài người một khi sàng lọc được tâm hồn để trở thành toàn thiện. Và chẳng, muốn thực hiện được điều này thì luân lý, triết học của đạo Phật chỉ mong sao tín đồ trước hết phải có ý nguyện phát tâm để cho lòng trong sạch, tâm không còn bị động loạn hầu lắng chìm mọi lớp bụi thời gian và phân biệt u minh hai nẻo chánh tà để làm lành, lánh dữ, biết sử dụng phương tiện pháp triển tính chân trên con đường tu học chánh pháp. Đi sâu vào quan niệm tự do khai phóng của đạo Phật, người Phật tử thấy rằng giáo lý của chúng ta hoàn toàn chấp nhận sự tôn trọng bản năng sáng tạo của mọi người trong cộng đồng nhân loại và lúc nào cũng mong muốn có những sự thỏa hợp, giải quyết thuận nhân sinh trong ý thức nhân quyền. Và nếu những ai còn nghi ngờ và muốn biết rõ hơn về quan niệm này của đạo Phật ra sao thì hãy bình tâm nhìn vào thực tế đặc tính căn bản hiếu hòa, khoan dung và nhân nhượng trong lời kinh kệ ở thiền môn hàng ngày ngay cả từ việc tránh sát sanh, dưỡng sinh kiêng cử đúng theo giới trai. Vì vậy, cho dù có được phê bình đến đâu đi nữa thì người ta cũng vẫn không sao phủ nhận được tầm ảnh hưởng quan trọng của giáo lý Thích Ca đã bén rễ, ăn sâu vào từng các tế bào trong đời sống dân gian của con người từ hàng thế kỷ trôi qua. Cũng trong ý nghĩa đó, người ta nhận thấy rõ ràng là - ngoài những bậc hành giả có đạo hạnh và đạo lực cao - thì người Phật tử chính là người cầm chìa khóa để mở cửa đi vào mái nhà hạnh phúc của cá nhân mình miễn là tự chủ được bản ngã để tiến tới địa vị của một kiến trúc sư của tâm hồn và có thể làm đổi thay định mệnh trong cuộc sống. Chính phương pháp thiền định đã giúp ích rất nhiều cho người Phật tử lấy sự thanh tịnh chinh phục nội tâm trên con đường đi đến giác ngộ tìm chân lý.

Và Niết Bàn do vậy mà cũng được mở ra cho những con người có tâm hồn hướng thượng dễ dàng tìm thấy ở bất cứ lúc nào.

Điểm độc đáo của đạo Phật trong cuộc sống không phải vì được con người nể phục qua những lượng Hi-Xá, đức Từ Bi mà chính vì trong lòng đặc tính căn bản, nguyên thủy của nó đã có nhiều giá trị siêu việt, thách thức cả khoa học vào những khái niệm của định luật vô thường trong vật thể.

Do đó, ngoài những danh từ tôn xưng Đức Phật trong tôn giáo, các nhà xã hội học, các sử gia trên thế giới hiện đại đều còn gọi Ngài là một nhà khoa học tiên bối, một nhà tâm lý học hoàn hảo của thế gian xứng đáng để hướng dẫn Con Người làm một cuộc cách mạng tâm linh ở đời. Như vậy, tưởng không có một danh từ nào có thể gọi ra để cho đúng hết với ý nghĩa hơn là Bạc Đại Sư vượt lên ranh của cái mốc giới hạn thời điểm không gian vạn thế sư biểu. Lý do vì Ngài là một đấng đã vẹn toàn giác ngộ tìm ra chân lý tuyệt hảo để lại đời cho hậu thế. Hơn thế nữa, chính nhân vật cao quý đó, con người ung dung tự tại đó, nhà làm cách mạng có tâm cơ đó mà lại lúc nào cũng chỉ muốn thành thật khiêm nhường khi nói "... các người là Phật sẽ thành".

Đúng! Ngài là một người đầy tớ khiêm tốn và cao thượng nhất của loài người. Và Ngài đã không ngần ngại vén màn u minh của nghi trường thế gian để cho thấy cuộc thương lượng hay nói cho đúng hơn là cuộc tranh chấp giữa ánh sáng và bóng tối phải được phân minh thắng bại khi trí tuệ của con người đã biết phán xét mọi tốc độ vận hành của chánh pháp mà người ta không phải đơn thuần nhìn thấy để tin theo. Ngược lại, phải thực hành để nhìn nhận mọi kết quả cụ thể nhân tiền... Thử nhìn lại nhiều sự kiện hóa thân của Đức Phật sau khi Ngài tịch diệt mà không phân biệt ở bất cứ quốc gia nào cho dù là ngay cả Tây Tạng, Ấn Độ hoặc Trung Quốc v.v... Sự hóa thân ấy nếu không là do ở tấm lòng sùng kính vô vàn của người Phật tử trước tấm gương trong sáng của Đức Cao-Dày thì cũng là do ở những sự ứng nghiệm linh thiêng của kho tàng pháp điển đã được tìm thấy thực tế từ thuở sơ khai trí tuệ của con người cách đây chừng hai mươi lăm thế kỷ cho đến ngay cả thời kỳ văn minh tốt độ hôm nay. Với mục đích toàn thiện là khuyến nhủ con người hãy tự chế mọi khoái lạc trần gian để tìm về sinh lộ hạnh phúc, giáo lý nhà Phật đã nói đến rất nhiều về ý nghĩa của "giọt sương tan trên ngọn cỏ bông" để gây ý thức cảnh tỉnh nhân sinh trước cuộc đời "Sắc Không" suy thịnh. Vì rằng cho dù nếu có sừng sừng hiện ngang bốn mùa tuyết phủ như rừng Hy Mã Lạp Sơn hay như cảnh liều mềm du đưa trước gió cũng đều thua với sức mạnh ý chí của con người. Ý chí đó là tấm lòng thủy chung sùng đạo để tạ ơn

bạc đại sư sáng lập mở khai chân lý của ánh đạo vàng.

Chính đạo Phật đã giúp cho mọi sự liên hệ giữa con người trong cuộc sống được thăng bằng và thể hiện qua tinh thần hòa ái, riêng đối với cá nhân thì gạt rửa được những khổ đau, sợ hãi lo âu mất tính can đảm, thoa dịu được những tâm hồn phiền muộn. Tác dụng của tình thương và lòng từ bi, hi xả bao la vô bờ bến đó đã làm cho hầu hết mọi người dù có đạo hay không có đạo cũng đều ra sức đón chào với một niềm hoan hỷ tột độ và đồng thanh tôn kính Đức Phật như là một bậc đại hiền tài, một vị lãnh tụ tôn giáo tối cao của lịch sử nhân loại. Hơn thế nữa, sau khi tìm thấy được những ý nghĩa của mục tiêu trên con đường Trung Đạo đi qua thì mọi người cần nhắc thêm rằng đây là một tôn giáo lâu đời có thành tích phát triển song hành với khoa học ở chiều sâu quá trình lịch sử. Một tôn giáo có khả năng phân tích bản chất thực sự của tâm thức con người như đạo Phật cho đến ngày hôm nay mà còn học thuyết ấy lại là một bức tường đồng lý luận sắc bén, chứng minh thì đủ hiểu thế nào là cái giá trị thực tế của một tôn giáo duy nhất trên quả địa cầu này đã và đang đứng trước mọi khái niệm phát minh của khoa học hiện đại được kết luận coi như là hoàn hảo. Và như vậy, dù thật khó để mà đặt vấn đề phải lựa chọn giữa tôn giáo và khoa học để làm lẽ sống nhưng một khi trong nội dung của lẽ đạo đã sẵn có khoa học tinh rồi thì chắc chắn người tín đồ sẽ không bao giờ còn ngần ngại trước ngã hai đường. Họ sẽ đòi hỏi phải có một sự bổ sung trên căn bản hợp lý để hầu xây dựng con người hướng tiến lên về một đời sống kiện toàn, cao cả hơn.

Tóm lại, cứu cánh của đạo Phật là nhằm mục đích giải thoát tối hậu con người ra khỏi màn vô minh đen tối để cùng hưởng mọi sự an lạc, hạnh phúc của tâm hồn. Và nền tảng triết lý của đạo Phật là một môi trường thuận tiện để mọi điều Thiện được dịp phát sinh không những cho mình mà còn giúp được người đời giảm thiểu ít nhiều đau khổ. Tin mừng đó đã được người Phật tử chúng ta bấy giờ chấp nhận trong tinh thần tự do của trí tuệ sau những thì giờ gặm nhấm, suy tư bên cạnh lời kinh, câu kệ ở cửa thiền.

Ngày nay hầu hết Phật giáo đồ ở khắp các nơi trên thế giới đều có một trình độ khá cao về pháp điển. Vì thế, tinh chất và ý nghĩa của đạo Phật cũng đã được phơi bày một cách công khai và thành thực để cho tất cả mọi người hiểu rằng - Chúng ta là kết quả của những gì mà chúng ta đã làm và sẽ là hậu quả của những gì mà chúng ta đang hiện hữu.

Cư Sĩ  
Đông Phương MAI LÝ CANG



# LỢI ÍCH SINH HỌC CỦA THIÊN

• BS. Nguyễn Tối Thiên

**C**uộc đời là chuỗi những hạnh phúc và ưu phiền. Hạnh phúc như những cơn gió mát thoảng qua trong một ngày dài nắng hạn. Làm thế nào để thoát ra khỏi những nỗi đau khổ giằng vặt của cuộc đời? Dĩ nhiên giải pháp tốt nhất là vứt bỏ những gì đè nặng lên cuộc sống, những gì làm tiêu mòn cân lực và trí não. Điều này thật không phải dễ. Trước hết phải tìm thấy những nguyên nhân của vấn đề. Nhưng thường khi không phải chỉ có một nguyên nhân mà là nhiều nguyên nhân chằng chịt tác động lẫn nhau. Hoặc giả nguyên nhân nằm sờ ra đó, ai cũng nhìn thấy, nhưng không thể nào tránh né được. Chẳng hạn thật dễ mà nói: "tại công việc nghề nghiệp làm cho tôi hao mòn". Đối nghề chẳng? Trong hoàn cảnh hiện tại thật không phải dễ đổi nghề hoặc đổi sở. Hoặc giả "con cái làm cho tôi khổ sở hết sức". Từ bỏ con chẳng? Đó là chưa kể tới những bực dọc thường nhật: kẹt xe hàng giờ trên đường phố, bạn bè cùng sở ganh ghét chèn ép, một ông chủ khó tánh đòi hỏi...

Điều cần thiết trước tiên là phải thay đổi thái độ, thay đổi cách thức phản ứng trước những tình cảnh điên đảo, phải điều chỉnh một cách sâu sắc những thói quen đã lâu đời găm nhấm tác hại chúng ta. Thói quen dùng dằng dằng nổi giận, la hét chửi mắng, giận hờn giận chửi... Thói quen lo âu sợ sệt những việc tương tượng chưa xảy tới. Thói quen bực tức ghét bỏ những gì chạm đến bản ngã tự ái của mình. Những thói quen làm vẩn đục cuộc sống, làm đau khổ chính mình và những người chung quanh.

Muốn thay đổi một cách sâu sắc và tận gốc những thói quen tai hại và cách thức phản ứng nông nổi trước những phiền não của cuộc đời, không có gì hiệu quả hơn là thực hành THIÊN ĐỊNH.

Thiên là gì? Thiên là làm lắng đọng và tinh thức. Lắng đọng những vọng tưởng, vọng niệm, những thành kiến, ký ức; những liên tưởng dự đoán, những lo buồn sợ hãi. Hãy để tất cả lắng đọng và tan đi như những đám mây mù che phủ đỉnh núi; một khi mây đã trôi đi, ngọn núi hiện ra sừng sững rực rỡ trên một bầu trời trong xanh quang đãng. Lúc đó tinh thức sẽ làm việc, nó ghi nhận một cách trực tiếp và sáng suốt tất cả những nguồn rung động đến từ bên ngoài và bên trong chúng ta, từ những tiếng rì rào của cây cỏ và côn trùng đến những ham muốn thầm kín nhất hay những bất toại nguyên sâu thẳm của con tim. Lúc đó sự quan sát trở nên thật nhạy bén và tinh khiết đến nỗi biên giới giữa người quan sát và vật quan sát không còn nữa, chỉ còn là một sự quan sát đơn thuần một trạng thái giác tỉnh liên tục. Tâm thức lúc đó đạt tới một trạng thái tự do tuyệt đối; không bị vẩn đục bởi phiền não, hay bị che lấp bởi quan kiến chấp ngã. Thiên hướng cái nhìn về bên trong tự ngã. Chưa bao giờ con người có dịp nhìn chính mình. Chúng ta được huấn luyện để quan sát thế giới bên ngoài, quan sát thiên nhiên, từ những tinh tú, thiên hà vi đại đến những nguyên tử tế bào vi tiểu; nhưng chúng ta chưa được dạy dỗ để quan sát cái thế giới thiên nhiên nội tại. Thiên giúp cho chúng ta khám phá cái thế giới này. Một khi hiểu rõ tâm thức chúng ta sẽ dễ dàng rèn luyện nó và xa hơn nữa thiên giúp chúng ta giải phóng tâm khỏi những ràng buộc chấp thủ, những đau khổ ưu phiền.

Lợi ích của thiên rất nhiều. Nhưng Khoa Học đã khám phá những tác dụng gì của thiên trên cơ thể?

1. Thiên làm cho nhịp tim chậm lại và làm giảm áp suất máu (huyết áp).
2. Làm nhịp thở chậm lại.
3. Làm giảm trương lực bắp thịt, bắp thịt sẽ thư giãn hơn.

4. Làm giảm sự tiêu thụ oxygène: một trong những yếu tố để đo lường sự thư giãn của cơ thể là đo lường sự tiêu thụ oxygène.

Người ta ngạc nhiên khi thấy sự tiêu thụ này trong khi ngồi thiên còn ít hơn trong khi ngủ. Trong khi thiên, sự tiêu thụ oxygène giảm nhanh và trở lại bình thường trong vòng một giờ đồng hồ sau khi xả thiên. Ngược lại trong khi ngủ, sự tiêu thụ này giảm từ từ. Điều này cho chúng ta một chìa khóa để giải thích tại sao người xưa nói rằng một giờ thiên có giá trị hơn hai giờ ngủ. Và chúng ta cũng có thể hiểu tại sao các nhà Yoga An Độ có thể bị giam trong một hòm đóng kín mà không chết ngộp.

5. Sự hạ thấp của biến dưỡng căn bản (BDCB), métabolisme basal.

Biến dưỡng căn bản là số năng lượng tối thiểu cần thiết để duy trì sự sống của cơ thể khi nó đang yên nghỉ (như thể để duy trì sự thở, nhịp đập của tim, thân nhiệt và những chức năng căn bản khác của cơ thể): Biến dưỡng căn bản được diễn tả bằng Kcalorie hay bằng joule/m<sup>2</sup>/h (joule trên bề mặt thân thể và trên giờ). BDCB này trong khi thiên còn thấp hơn trong khi ngủ và không thay đổi trong khi bị thôi miên. Học giả Mỹ Halford, trong những nghiên cứu của ông về vấn đề trường sinh đã nhấn mạnh tầm quan trọng của sự hạ thấp BDCB trong cơ chế giữ gìn sức khỏe và nhất là trong sự sống lâu.

6. Thiên làm cho lượng lactose trong máu giảm rõ rệt, bốn lần hơn so với những người nằm nghỉ trong yên tĩnh.

Sự hiện diện của lactose trong máu biến đổi tùy theo tình trạng lo âu, căng thẳng của con người, càng lo âu căng thẳng, lactose càng tăng.

7. Trong khi thiên, sự chịu đựng của bì phu gia tăng đôi khi tới 400%.

Từ lâu người ta đã từng biết sự chịu đựng của da đối với một dòng điện nhẹ càng yếu, nếu con người càng căng thẳng bất rờ. Điều này giải thích cho chúng ta hiểu tại sao các nhà Yoga có thể vừa nhập thiên vừa ngồi trên những bàn chông hoặc đi trên lửa mà không bị phỏng.

8. Người ta có thể ghi nhận những dòng điện do bộ óc phát ra bằng một cái máy gọi là "điện não ký". Máy này phóng đại những dòng điện này và ghi lại trên điện não đồ. Điện não đồ cho ta biết sinh hoạt của bộ óc tùy theo nó đang ở trong trạng thái nào. Bình thường bộ óc phát ra 4 loại sóng khác nhau tùy theo tình trạng sinh hoạt của nó:

8.1 Sóng BETA (13 tới 20 Hertz) tương ứng với trạng thái tinh thức, bộ óc đang tiếp nhận và phân tích những kích thích đến từ bên ngoài hoặc bên trong cơ thể.

8.2 Sóng ALPHA (từ 8 đến 13 Hertz) tương ứng với trạng thái nghỉ ngơi, an tĩnh; Bắp thịt và tinh thần đang thư giãn.

8.3 Sóng THETA (từ 4 đến 7 Hertz) tương ứng với trạng thái thiên định sâu hoặc trạng thái mà các nhà văn nghệ sĩ đang sáng tạo (inspiration et créativité). Ở người bình thường khi sóng THETA xuất hiện người đó sẽ đi vào giấc ngủ nhanh chóng. Chỉ trừ những thiên giả kinh nghiệm có thể duy trì những sóng THETA mà không đi vào giấc ngủ.

8.4 Sóng DELTA (từ 1 đến 3 Hertz), đó là sóng của giấc ngủ sâu.

Công trình nghiên cứu của hai Bác sĩ Hirai và Kasamatsu tại đại học đường Tokyo đã ghi lại những điện não đồ trên các hành giả và Thiên sư (Zen) Nhật Bản như sau:

- Ở giai đoạn 1: những sóng ALPHA xuất hiện mặc dù mắt nhắm vị này vẫn mở.

- Ở giai đoạn 2: biên độ (amplitude) những sóng này trở nên rộng hơn.

- Ở giai đoạn 3: những sóng này trở nên thưa dần (baisse de fréquence).

- Ở giai đoạn 4: xuất hiện những sóng THETA.

Những thiên sư kinh nghiệm có thể đi thẳng vào giai đoạn 4 ngay từ lúc bắt đầu ngồi thiên. Những hành giả sơ cơ, đã số chưa qua được giai đoạn 1 hoặc 2.

Những thay đổi trên điện não đồ chứng tỏ sinh hoạt của bộ óc giảm thiểu. Mục độ kích thích hạ xuống đưa tới tình trạng từ yên nghỉ tới yên nghỉ sâu. Mặc dù vậy rất ít khi hành giả chìm sâu vào giấc ngủ. Sự buồn ngủ trong thiên gọi là hôn trầm. Trong giấc ngủ bình thường, những sóng ALPHA xuất hiện khi ta nhắm mắt. Tuy nhiên những sóng

này chỉ kéo dài một thời gian ngắn và nhường chỗ cho những sóng DELTA.

Mặc dù ở giai đoạn đầu của giấc ngủ và thiên điện não đồ gần giống nhau, nhưng sau đó người ta nhận thấy hai biểu đồ khác hẳn nhau.

Tại sao giấc ngủ có thể tránh được trong khi thiên? Trước hết là nhờ ở ánh sáng kích thích vào cặp mắt đang hé mở. Kế đến là nhờ ở sự chú tâm bám sát vào đề mục, như đề mục hơi thở chẳng hạn. Sau nửa tư thế tĩnh tọa, cũng như những điều chỉnh khác của thân thể gởi tới bộ óc một số những kích thích đến từ các bắp thịt và khớp xương, nhờ vậy mà hành giả không chìm vào giấc ngủ. Do đó người ta có thể nói thiên làm êm dịu sự xao động của bộ não đồng thời vẫn giữ mức độ giác tỉnh của tâm thức.

9. Thiên có thể giúp phòng ngừa và điều trị một số bệnh tật. Những nghiên cứu của BS Herbert Bensen ở Đại học đường Harvard, BS Liu Gui Zhen ở viện Khí công trị liệu Trung Quốc, các BS Hirai, Kasamatsu, Isawa, IKemi tại Đại học đường Tokyo, cho thấy thiên có thể giúp trị được những bệnh sau đây:

#### 9.1 Bệnh tim mạch:

Huyết áp cao, thấp nhịp tim do thần kinh (arythmie cardiaque d'origine nerveuse), phong thấp các valves tim (rhumatisme valvulaire cardiaque), bệnh huyết kết tĩnh mạch (thrombophlébite).

#### 9.2 Bệnh thần kinh:

Thần kinh suy nhược (dépression nerveuse), bệnh tâm thể (maladie psycho-somatique), loạn trương lực thần kinh thực vật (dystonie neuro-végétative), tạng cơ giật (spasmophilie), chứng ưu tư (anxiété), loạn tâm thần ám ảnh (névrose obsessionnelle), đau nhức do thần kinh (douleurs nerveuses ou d'origine mal définie), đau dây thần kinh (névralgie faciale, intercostale), viêm dây thần kinh (névrite, polynévrite).

#### 9.3 Bệnh tiêu hóa:

Tỳ vị suy (ăn uống không tiêu, no hơi sinh bụng, ợ chua...), bón kinh niên, loét dạ dày và ruột non (ulcère gastro duodénal), viêm dạ dày kinh niên (gastrite chronique), viêm ruột mãn tính (entéro colite chronique), viêm gan mãn tính (cirrhose du foie), viêm túi mật (cholecystite).

#### 9.4 Bệnh hô hấp: Viêm phế quản kinh niên, suyễn.

#### 9.5 Bệnh phong thấp: Đau nhức bắp thịt và xương khớp.

#### 9.6 Bệnh bần huyết (anémie)

#### 9.7 Bệnh sinh dục tiết-niệu: Bất lực (impuissance), xạ tinh sớm (éjaculation précoce), di tinh (spermatorrée), đau bụng huyết (dysménorrhée).

#### 9.8 Bệnh giác quan: Viêm võng mạc (rétinite), teo thần kinh thị (atrophie optique), mất thế quân bình (trouble d'équilibre), suy thị giác và thính giác không do chấn thương hoặc vết thương (baisse de l'acuité visuelle et auditive non traumatique, non lésionnelle), bệnh Ménière.

#### 9.9 Bệnh da kinh niên (psoriasis, eczéma...)

#### 9.10 Tăng sức đề kháng của cơ thể chống lại sự xâm nhập của vi trùng và sự khắc nghiệt của thời tiết.

9.11 Tuổi thọ được kéo dài: Về vấn đề này Phật Giáo nắm giữ vai bí quyết về sự trường sanh. Ba tháng trước khi nhập diệt, Đức Phật đã dạy Ngài Ananda như sau: "Người nào đã trau dồi, phát triển thật lão luyện, thật chắc chắn, chứng nghiệm, thực hành và hoàn toàn thuần thực, bốn pháp "Thần túc" (Iddhipada) có thể, nếu người ấy muốn, sống thêm được một Kappa (lối 120 năm) hay có thể hơn chút ít". Tác giả bài này xin bật mí cho quý vị là điều kiện để thực hành "Tứ thần túc" là phải thuần thực trong "Thiên".

Như vậy "Thiên" giúp con người ngăn ngừa và điều trị rất nhiều thân bệnh và tâm bệnh. Nhiều chứng bệnh không đến từ bên ngoài mà do con người tự tạo ra, không kể những bệnh do những thói quen tai hại như uống rượu, hút thuốc và sử dụng chất ma túy. Càng lớn tuổi thân bệnh càng kéo tới dồn dập, tâm thức cũng trở nên chậm lụt, lú lẫn, bần năng nề cố chấp, tánh tình khó khăn, khó khoan dung. Khi thân thể bị đau bệnh, chúng ta cảm nhận tức khắc sự mệt mỏi nóng sốt hoặc đau nhức rã rời. Còn khi tâm thức bệnh hoạn thật khó mà nhận biết. Có người đánh mất cả nhân tính của mình mà vẫn không hay. Thân bệnh đã có bác sĩ y khoa điều trị. Tâm bệnh có các bác sĩ tâm thần. Nhưng chờ

đến khi những người chung quanh khám phá những tâm bệnh của mình, vì mình vẫn chưa hay hoặc vẫn cố chấp phủ nhận, thì có lẽ Freud hay Hoa Đà sống lại cũng không làm gì được cho mình. Mỗi người phải là một bác sĩ, một nhà phân tâm cho chính mình trước tiên.

#### I. Biểu đồ trương lực cơ thang trước và sau khi Thiên.

#### II. Biểu đồ sự tiêu thụ Oxygène trong khi Thiên và trong khi ngủ.

#### III: Biểu đồ các loại sóng não bộ ghi bằng điện não đồ.

(Nhóm Nghiên cứu và Thực hành Thiên Quán - Hội Bồ Tát Đạo)



# THƠ

. Hồ Trường An

## Trái măng cụt Lái Thiêu

Măng cụt Lái Thiêu Uớp sương tháng chạp Suốt một tháng giêng Thoảng hơi gió mát Nhốt suốt tháng ba Tùng cơn nắng táp Thắm đượm tình người Đồn rùng khấn đất	Măng cụt Lái Thiêu Lịch sử diên đảo Cây vẫn còn xanh Sau năm Ất Mão Thắm mồ hôi chua Thắm hồn giông bão Công người vun trồng Thành giấc mộng hão Vườn bị sung công Người đi cải tạo
Có sông Sài Gòn Nước trong tưới mát Có gió rừng chổi Giải mưa thánh thốt Để trái mập tròn Để múi lịm ngon	Măng cụt Lái Thiêu Lịch sử chốn cáo Xé rách tương lai Cờ sao thắm máu Niềm tin tôi xanh Về vùng yêu dấu Tôi đọc từng đêm "Bình Ngô Đại Cáo"
Măng cụt Lái Thiêu Suốt mùa loạn cũ Hăng thuốc khai hoang Bao mùa mưa lũ Cao điểm Đông Xuân Bờ sông bãi sù Địch pháo từng đêm Xé gió đạn rú	



# TRĂNG



# HOA

# PHƯỢNG

Các em thân mến,

Thấm thoát rồi đông lại về, hành lang phố phường ở đây những cây thông (Weihnachtsbaum), cây Trăng (Weihnachtsstern) trưng ra để bán, những vòng hoa lá xanh, băng đỏ, giữa có đèn cây (Adventskranz) bày biện khắp nơi. Người ta rộn ràng đi mua và sắm, để mừng đón lễ Giáng Sinh và năm mới của họ về.

Trời tuyết lạnh, hội nhập xứ người, ta cùng hòa nhịp vui trong đó, nhưng chẳng quên tưởng vọng đến cố hương mình.

- Ủ, mới đây Á Hợi (con Heo) mà nay Bình Tý (con Chuột) đã mở đầu cho 12 con Giáp đến - Tết dân tộc mình; Tết của Tổ Tiên Việt Nam mình ngàn đời còn đó - Với bàn thờ, hoa, quả, khói trầm, hương. Với cành mai lá xanh nở rộ những bông vàng. Và bánh mứt, bánh chưng xanh... sẵn sàng để ăn chơi hoặc mời khách đến.

Xứ người đây, ta làm sao tìm đâu ra hình ảnh đó? Hay chỉ có chùa, vì "Mái chùa che chở hồn dân tộc", cho chúng ta dù bất cứ ở nơi nào. Hoa Phượng khuyên các em hãy cố gắng về đón giao thừa nơi Viên Giác Tự, để tìm lại chút vị Tết quê hương.

- Để đốt đèn nhang đầu năm, nguyện cầu ơn trên từ bi gia hộ, cho người thân đã tạ thế sớm được cực lạc vĩnh sanh.

- Để tròn phận cháu, con giữ thảo nghi, cung kính bên ông bà, cha mẹ hiện tiền.

- Để ngoan hiền cùng anh chị em vui vầy, hòa thuận.

- Để thể hiện rằng mình muốn thờ vẫn còn là người Việt Nam.

Hoa Phượng thân ái chúc các em một năm Bình Tý vui nhiều và gặp may mắn.

• *Hồng Nhiên*

• *Hồng Nhiên sưu tầm*

## TRUYỆN KỂ

### Con Cóc Và Con Chuột

Xưa có một con cóc làm bạn với một con chuột thân lắm. Chuột thường vẫn xuống nhà cóc chơi luôn.

Sau cóc nghe nói vợ chuột mới năm bếp, cóc nghĩ mình là bạn, muốn đến mừng để gọi là báo đáp chút tình qua lại. Nhưng chuột làm tổ ở trên cây cao, cóc không biết làm sao lên được.

Có một ngày cóc gặp chuột đi chợ, cóc nói với chuột rằng:

- Tôi nghe bác mới ở cũ cháu trai, lấy tình anh em, tôi cũng muốn đến, trước là thăm hai bác, sau là mừng cho cháu. Song tôi không biết làm thế nào mà lên cho được, đành phải chịu tẹt với bác vậy.

Chuột nói:

- Từ ngày sinh được cháu, hôm nay tôi mới đi chợ mua đồ ăn đây tháng cháu. Nhân tiện xin mời bác lên tôi chơi để họp mặt làm vui.

Cóc nói:

- Thôi, xin bác cho tôi kiếu, vì tôi không lên được.

Chuột nói:

- Bác có lòng lên chơi với thầy cháu và mừng cho cháu, thì tôi có cách đưa bác lên dễ lắm.

Cóc bảo:

- Làm thế nào mà lên được?

Chuột nói:

- Tôi có cái đuôi dài, bác ngậm vào cái đuôi ấy, tôi lên được thì bác cũng lên được.

Cóc nghe nói cho là thông, vui lòng ngậm vào đuôi chuột kéo lên cây.

Đến lúc gần tới cửa, chuột dục trong tổ chạy ra vờn và chào hỏi:

- Chao ơi! bao lâu nay mới gặp bác, tôi lấy làm khao khát lắm. Mời bác lên chơi.

Cóc nghe nói, mở miệng để đáp lại, nhưng chưa kịp đáp thì đã rơi xuống đất, xương sống gãy và lưng cong lại.

Thành thử từ đó cóc có bệnh đau lưng, hễ khi nào trờ trời, thì cứ ngồi mà nguyền rủa kêu kèn kẹt.

### Mèo mắc lửa Chuột

Xưa có một con mèo già, bắt được một con chuột nhất, sắp ăn thịt.

Chuột nhất khôn ngoan, van van lay lay, khất mèo rằng:

- Ngày mai nhà tôi có giỗ, tôi phải đi chợ xa mua tôm, mua tép về để làm cỗ. Ngài làm phúc tha cho tôi. Rồi mai, xin mời Ngài lại ăn cỗ.

Mèo nghe nói, lấy làm thích, bèn hỏi chuột rằng:

- Nhà mày cúng giỗ ở đâu?

Chuột nói:

- Bẩm, nhà chúng tôi cúng giỗ ở trên ngọn cây cau ngoài vườn. Mai thế nào cũng xin mời Ngài chiếu cố lên chơi uống rượu cho vui.

Cái tính tham ăn, chưa chi nghĩ đến tôm tép đã thêm rõ nước miếng, mèo vui lòng thả ngay chuột ra.

Chuột chạy thẳng một mạch.

Sáng mai, mèo dậy thật sớm, sắm sửa chỉnh tề để đi ăn giỗ.

Nhưng lúc ra vườn trèo lên ngọn cau thì chẳng thấy họ hàng nhà chuột đâu, cũng chẳng thấy cỗ bàn tôm tép gì cả.

Mèo đứng, mèo kêu, mèo gọi, mèo gào đã khan cả cổ, hết cả hơi mà chẳng thấy tăm tích gì. Bây giờ mới biết là mắc mưu chú chuột nhất.

Bởi câu chuyện này mà sau mới thành câu hát, trẻ thường hát giễu mèo rằng:

"Con mèo mà trèo cây cau  
Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà?  
Chú chuột đi chợ đường xa  
Mua tôm, mua tép giỗ cha chú mèo"



Bếp  
Sen  
Tinh  
Khiết

(riêng tặng Trần Anh Hà - Phố Reut.)

Này bàn tay thon nhỏ  
Này suối tóc lưng dài  
Này lam lam tà áo  
Này cánh bướm vờn bay

Ôi hồng hồng tia nén  
Ôi lóng lánh quà xinh  
Ôi em vừa lên chín  
Ôi tuổi đẹp bình minh

Ngoan như ngàn hoa tuyết  
Ngoan tựa dóa mai hiền  
Ngoan như mùa xuân mới  
Ngoan sánh một nàng tiên

Thương sao từng lời chúc  
Thương quá nghĩa sinh thành  
Thương Thy, Thư em chị  
Thương ví rộng trời xanh

Em vâng lời cha mẹ  
Em hứa học hành chăm  
Em vui theo chim hót  
Tim ấm áp tình thâm...

Bé Ngọc

(phố nhỏ trung tuần tháng 11/95).

## Việt Sử Bằng Tranh

# Các Danh Tướng Thời Trần

Soạn Giả Bảo Văn Bùi Văn Bảo  
Họa sĩ Vũ Đình Lâm

### Các Danh Tướng Phá Giặc Nguyên về Đời Nhà Trần

#### Trần Quang Khải

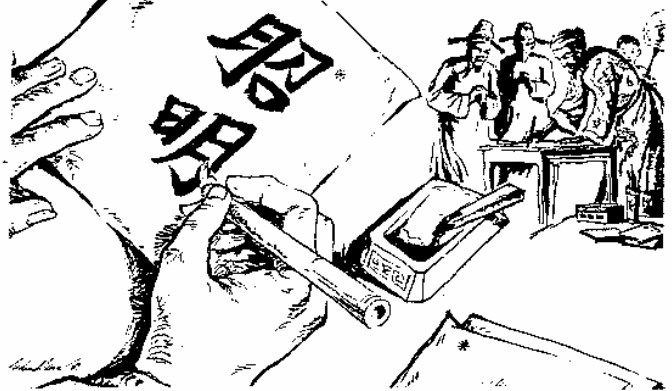


1) Thái sư thượng tướng Trần Quang Khải là con thứ ba vua Trần Thái Tông. Theo Đại Việt Sử Ký của Lê văn Hưu thì khi mới 2 tuổi, Trần Quang Khải người bé nhỏ lại hay bị lên cơn kinh giật. Hoàng hậu cùng cung nữ và thái y phải đêm ngày săn sóc, thuốc thang cho vị hoàng tử yếu ớt này.



2) Vua Trần Thái Tông rất thương con. Tam triều, nhà vua lại trở vào cung để tự tay bế ấm vị hoàng tử gầy yếu. Nhà vua còn lấy long bào (áo thêu rồng) và thanh bào kiếm gươm ra để đỡ đỡ. Cặp mắt hoàng tử tuy còn mờ mịt, bỗng sáng rực lên để nhìn theo tay vua cha.

3) Trần Thái Tông rất hài lòng. Nhà vua truyền nội giám lấy giấy bút lại. Ngài viết hai chữ "Chiêu Minh" mà đặt tên hiệu cho vị hoàng tử, để ví với ánh sáng rạng rỡ của mặt trời. Do đó về sau, Trần Quang Khải đã được phong làm Chiêu Minh Vương (1258).



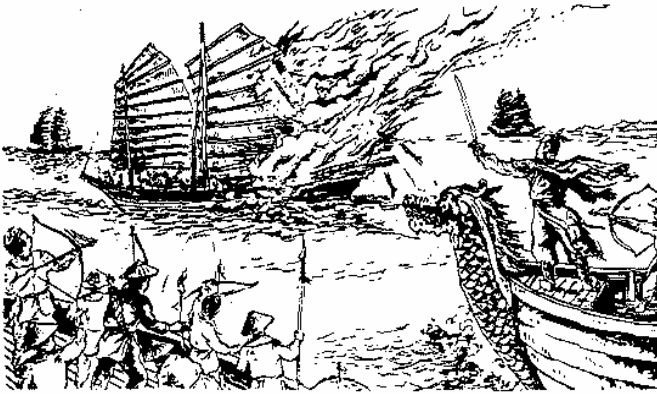
4) Qua khỏi thời kỳ ốm đau, lớn lên, Trần Quang Khải rất thông minh và chăm học. Buổi sáng đọc sách, buổi chiều luyện võ nên khi vừa tròn 18 tuổi, Chiêu Minh Vương đã nổi tiếng là một vị hoàng tử học rộng, hiểu nhiều và rất giỏi về phép dùng binh.



5) Khi người anh thứ hai là Thái tử Trần Hoàng được vua cha truyền ngôi (tức là vua Trần Thánh Tông) thì Chiêu Minh Vương cũng được phong chức Thái sư. Thái sư Trần Quang Khải đã tiếp sứ giả nhà Nguyên là Sài Thung. Sài Thung hống hách, kiêu căng mà Thái sư vẫn nhã nhặn, giữ vững thể diện quốc gia khiến sau cùng, y phải kính nể.



6) Khi quân Nguyên sang xâm lăng thì Chiêu Minh Vương được cử vào giữ mặt Nghệ An, chặn không cho Toa Đô ra Bắc. Đến khi Toa Đô bị thua ở Hàm Tử thì Chiêu Minh Vương lại từ Thanh Hóa vòng đường bể ra đánh chiến thuyền giặc ở Chương Dương. Thuyền giặc bị đốt phá tan tành.



7) Thoát Hoan ở Thăng Long cho đoàn kỵ binh nổi tiếng của Mông Cổ ra cứu thủy binh ở Chương Dương. Nửa đường, kỵ binh bị phục kích. Quân Đại Việt dùng cầu liêm kéo, mã tấu chặt chân ngựa. Đoàn kỵ binh vô địch trước đây, giờ cũng phải bỏ chạy. Do đó mà Trần Quang Khải đã đuổi được Thoát Hoan ra khỏi Thăng Long.



11) Năm 1280 viên chúa đạo Đà Giang (Hưng Hóa bây giờ) là Trịnh Giác Mật nổi lên chống lại triều đình. Y họp các thanh niên lại để tập bán nỏ, phóng lao, chuẩn bị đánh nhau với quân lính nhà vua. Trong khi ấy thì quân Nguyên đang sửa soạn xâm lăng, kéo từ phương Bắc tới.



8) Chiêu Minh Vương kéo quân vào chiếm lại Thăng Long. Trong khi uống rượu khao quân, ông ngâm 4 câu thơ chữ Hán được dịch ra là :

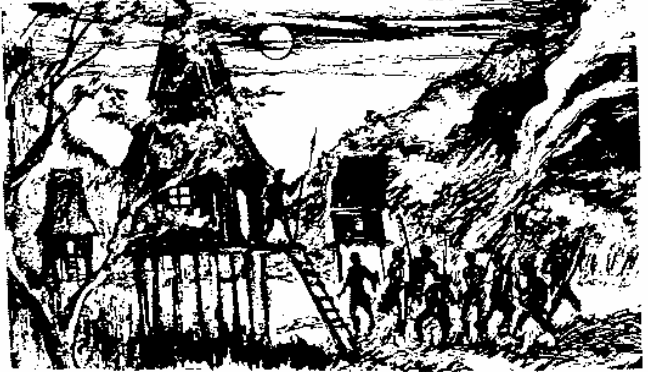
*Chương Dương cướp giáo giặc  
Hàm Tử bắt quân thù  
Thái bình nên gắng sức  
Non nước ấy ngàn thu...*

## Trần Nhật Duật

9) Trần Nhật Duật là vị hoàng tử thứ 6 của vua Trần Thái Tông. Vóc người nhỏ bé nhưng lại ham múa quyền, đánh kiếm nên mới 14 tuổi mà Trần Nhật Duật đã đánh thắng các hoàng thân khác, làm họ phải kính nể. Ông còn nói được nhiều thứ tiếng như tiếng Tàu, tiếng Mường, tiếng Chiêm v.v...



10) Sử sách cũ chép rằng : lúc mới sinh ra, Trần Nhật Duật đã có sẵn ở cánh tay hai chữ Chiêu Văn nên sau đó vua cha đã phong cho Trần Nhật Duật tước hiệu là Chiêu Văn Vương. Có lẽ Trần Thái Tông mong cho Trần Nhật Duật sẽ là người văn võ toàn tài.



12) Để tránh nội loạn ở trong nước mà dồn nỗ lực ra chống ngoại xâm, vua Trần Nhân Tông cử Chiêu Văn Vương làm trấn thủ Đà Giang. Vâng mệnh vua, Trần Nhật Duật đem quân lên đường, tiến vào rừng sâu, gần nơi chiếm đóng của Trịnh Giác Mật.



13) Chiêu Văn Vương cho quân lính hạ trại nghỉ ngơi, ăn uống. Giữa lúc ấy có một thanh niên Mường mang thư của chúa đạo Đà Giang tới. Đọc thư, Chiêu Văn Vương thấy Trịnh Giác Mật muốn mời riêng một mình vương vào gặp hẳn sáng hôm sau.



14) Thấy thế các tướng đều khuyên Chiêu Văn Vương dừng đi, sợ mắc mưu giặc. Suy nghĩ hồi lâu, vương nói: "Đừng lo, ta muốn phen này gặp Trịnh Giác Mật để khuyên dụ hán về với triều đình. Như vậy còn hơn là đánh nhau sẽ hao binh, tổn tướng!"



15) Thế rồi sáng sớm hôm sau, Chiêu Văn Vương cưỡi ngựa, cùng hai lính hầu, không mang gươm giáo, tiến vào rừng sâu. Tới cửa rừng đã có một thanh niên Mường dẫn đường vào gặp viên chúa đạo Đà Giang. Thấy vương một mình tiến tới, Trịnh Giác Mật đã có ý nể...



16) Rồi Chiêu Văn Vương dùng tiếng Mường nói chuyện thẳng với viên chúa đạo cùng các anh em của hắn. Vương đem lẽ lợi hại khuyên hán về với triều đình mà vẫn được cai quản các thôn bản ở Đà Giang. Mọi người nghe ra, vỗ tay đồng ý. Thế là vương không đánh nhau mà đã thu phục được Trịnh Giác Mật.



17) Sau khi Mông Cổ diệt xong nhà Tống ở bên Tàu thì có nhiều binh sĩ của nhà Tống chạy sang Đại Việt. Trong số này có võ tướng Triệu Trung dẫn một ngàn quân tìm tới xin hàng Chiêu Văn Vương. Vương vui vẻ dùng tiếng Tàu để nói chuyện rồi nhận Triệu Trung làm gia tướng.

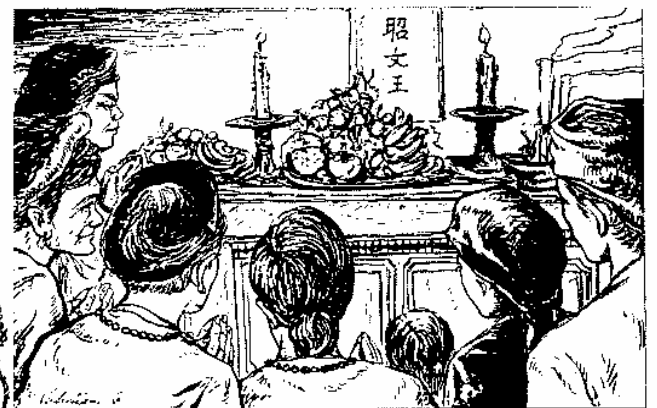
18) Năm 1285 Chiêu Văn Vương được lệnh đón đánh Toa Đô từ Nghệ An ra. Tới bến Hàm Tử (Hưng Yên) thì gặp chiến thuyền giặc, vương chia quân ra đánh. Triệu Trung cùng quân bản bộ, mang cờ Tống xin đi theo. Quân Nguyên thấy thế tướng nhà Tống lại nổi lên, sợ quá, bỏ chạy tán loạn.



19) Trần Nhật Duật tự tay dùng dùi trống đánh một hồi dài, thúc quân. Quân nhà Trần lăn xả vào chiến thuyền của Toa Đô để chém giết. Giặc thua to, chết rất nhiều. Toa Đô không sao liên lạc được với Thoát Hoan ở Thăng Long, đành rút về Thiên Trường.



20) Tháng trận Hàm Tử, Chiêu Văn Vương cho Trần Quốc Toàn đưa tin gấp về Thanh Hóa. Nhân dịp này Hưng Đạo Vương tâu vua cử Chiêu Minh Vương Trần Quang Khải đi đánh thủy quân của giặc ở Chương Dương, mở đầu cho cuộc tiến về Thăng Long.



21) Năm 1311 Trần Nhật Duật đi đánh Chiêm Thành. Ông lập được nhiều chiến công và được phong làm Tả Thánh Thái Sư. Năm 1330 ông mất, thọ 76 tuổi. Hiện nay ở Vinh Linh (Quảng Trị), Nông Công (Thanh Hóa) đều có đền thờ Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật.

**Chúc Mừng Xuân Mới**  
**Bính Tý 1996**

# Cũng Nhờ Lũ CHUỘT

. Thanh Bình

**B** iển xanh đã bao phen mơn man bờ vịnh Đà Nẵng từ thuở xa xưa, nơi đây có đôi vợ chồng ngư phủ cư trú. Cả hai đều lưỡng tuổi khi đứa con trai mong cầu được chào đời. Đứa bé tên Thành và đôi vợ chồng già nghĩ rằng mùa Xuân năm ấy, hạnh phúc đã đến nơi tấp lều tranh của họ.

Nhưng định mạng cũng thay đổi như thủy triều. Bà mẹ đứa bé nhuốm bệnh và từ trần. Ông ngư phủ già, trở trợ với con mọn trên tay, không thể hành nghề nên buộc lòng tái giá.

Từ đầu, bà kế mẫu đã không ưa Thành, cho nên khi đứa bé vừa khôn lớn, bà liền đuổi nó ra khỏi nhà, không muốn nuôi một miệng ăn vô ích.

Thành liền đi ra tỉnh, hy vọng sẽ tìm được việc làm. Đi đến đâu, nó đều bị xua đuổi, cho đến một hôm, nó đã gặp may khi đến một hải cảng. Một ông lái buôn giàu có sửa soạn một chuyến đi xa và đang tìm một thủy thủ nhỏ. Thành phụ chuyến hàng hóa lên thương thuyền và hôm sau, cuộc hành trình bắt đầu. Khi đi đến nơi, chủ ghe đã phát cho tất cả thủy thủ một phần tiền lương của họ để mua sắm. Thành cũng được ba quan tiền. Nó liền đi đến chợ với số bạc trong tay. Nó đi dạo khắp quán hàng đông đúc, ồn ào, inh tai bởi bao nhiêu tiếng la hét, mặc cả, gậy gỗ và không biết tại sao, nó đã lê chân trở lại bến tàu. Trong khi nó đang định lường để tìm về ghe của mình, nó chợt trông thấy một người đi tới với một cái bao trên vai. Từ trong bao văng ra tiếng kêu "ăng ẳng". Người nọ đến gần mé nước và cột một tảng đá to vào bao. Thành vội chạy đến và hỏi rằng:

- Ông định làm gì vậy?

- Tôi định đem chết con chó trong bao này. Ông ấy đáp lời.

- Ông nỡ lòng nào làm một việc tàn nhẫn như vậy sao? Chàng trẻ thẳng thốt kêu lên.

- Nó đáng bị trừng trị vì nó đã ăn mất miếng thịt dành cho bữa cơm trưa của ông chủ. Nó đã được tha thứ hai lần rồi, nhưng lần này, ông chủ không kiên nhẫn được nữa.

- Bây giờ nếu tôi mua lại con chó của ông, ông nghĩ sao? Thành hỏi.

Tên tớ già còn du dự, nhưng khi nó thấy kẻ lạ chìa quan tiền ra trước mắt, nó không còn từ chối được.

Thành liền giải thoát cho con vật ra khỏi bao và ông già rất hài lòng trở về nhà với quan tiền trong túi.

- Bây giờ mày sẽ đi đâu, hỏi con vật đáng thương? Thành vừa cười vừa hỏi chó.

Con chó liền ngoác đuôi vui mừng và liếm tay ân nhân, coi mỗi nó không định đi đâu.

- Thôi được rồi, mày hãy đi đi. Thành vừa vuốt ve con vật vừa ra hiệu cho chó, xong nó rảo bước. Nhưng con chó vẫn đi theo Thành và Thành tự nghĩ nó đã có một người bạn mới. Trong khi nó quay nhìn con vật, suýt chút nữa nó đụng phải một bà đang cầm một cái bao, nơi đó xuất phát những tiếng "meo, meo" thảm thiết. Thành liền hiểu tất cả và la lên:

- Bà đi đâu với con mèo này vậy? Có phải bà định đem trấn nước nó không?

- Tại sao mày biết vậy? Bà nọ kinh hãi đáp lại. Nhưng rồi bà nghiêm sắc mặt tuyên bố: "Lỗi tại nó, vì nó đã ăn miếng thịt bò của bà chủ". Và rồi tất cả mọi việc lại xảy ra như lần trước. Thành chìa tiền ra, bà già trao con mèo cho nó và mọi người đều hài lòng. Thành mở bao, thả mèo ra, và xua nó đi, nhưng mèo lại thót lên vai Thành kêu "khò khò" thân ái.

- Thôi được, nếu mày không biết đi đâu, tao sẽ đem mày theo xuống ghe với tao. Thành quyết định xong vội cất bước.

Nó đã thấy dạng chiếc thương thuyền, trong khi nó chợt thấy một đứa bé đang hành hạ một con rắn nước. Con vật đang tìm đường ra biển, nhưng mỗi khi con rắn vừa ra đến mé nước, thằng bé lấy cây gậy vít nó trở lại đất liền. Thành vội chạy tới, tức giận hỏi:

- Mày có để yên cho con vật đáng thương này không? Tại sao mày hành hạ nó như thế?

Đứa bé vẫn tiếp tục trò chơi độc ác của nó và không thèm ngẩng mặt lên đáp: "Việc gì tới anh? Tôi đã bắt được con rắn, tôi có quyền làm gì nó cũng được!".

Thành tự nghĩ nó còn một quan tiền, nó liền đưa ra cho đứa bé và nói: "Nếu tao cho mày cái này, mày có thả con rắn không?"

Đứa bé khao khát ngắm quan tiền và đáp:

- Hãy đưa bạc cho tôi, con rắn sẽ thuộc về anh!

Thành đưa nốt số tiền còn lại cho thằng bé và sung sướng thấy con rắn mất dạng dưới biển.

- Xong rồi, bây giờ chúng ta hãy về thuyền! Thành vội nói với hai con vật.

Trên thuyền, mọi người đều rộn ràng, vui vẻ. Thành giúp chuyển các kiện hàng lên ghe, và thuyền từ từ tách bến. Các thủy thủ tương buồn lên và chúng liền đem hàng hóa đã mua được ra khoe với nhau và ước lượng số tiền mình sẽ thu hoạch lúc bán các món hàng khi về tới nơi. Đến phiên Thành, nó liền kể tự sự cho mọi người nghe. Mọi người đều chế nhạo Thành:

- Mày là thằng ngốc! Phải chi mày mua hàng lụa, mày sẽ có lời nhiều khi bán lại. Mấy con vật này có ích lợi chỉ cho mày đâu?

Thành quyết định không thèm để tâm đến các lời nhạo báng ấy, nhưng rất khổ tâm thấy bạn bè của nó không có lòng nhơn.

Khi màn đêm bao trùm vạn vật, Thành thơ thẩn một mình trên sân tàu, bạn với muôn ngàn tinh tú nhấp nháy trên đầu: nó trực đêm nay, tất cả mọi người đều lần lượt về phòng.

Bỗng nhiên, đến nửa đêm, một con rắn nước vọt lên từ đáy nước đến trên cột thuyền. Nó trườn thẳng đến trước Thành. Thành ngạc nhiên nín thở. Con rắn liền nhả dưới chân Thành một viên ngọc lớn. Xong, nó liền biến dạng ra thành một thiếu nữ xinh đẹp tuyệt trần dưới ánh mắt kính ngạc của Thành. Đôi mắt to đen láy của nàng long lanh dưới rèm mi dài cong vút. Nàng liền cầm viên ngọc sáng chói lên tay và cất tiếng:

- Tôi đến để tạ ơn chàng đã cứu mạng tôi. Không, hãy tin lời tôi, chàng không có mơ đâu. Thành tròn xoe đôi mắt nhìn nàng trân trối, lòng hoài nghi. Nàng vội tiếp lời:

- Cha tôi là Long Vương gởi cho chàng viên ngọc thần diệu để tỏ lòng biết ơn. Nhờ viên ngọc này, chàng sẽ đi dưới nước dễ dàng như trên đất liền. Người mời chàng đi viếng Thủy Cung. Chàng muốn đi với tôi không?

Giọng nói của nàng ngọt ngào quyến rũ làm Thành không có lòng dạ nào từ chối. Nó liền gật đầu không nói. Nàng Công chúa liền trao viên ngọc cho nó, cầm tay nó, và từ từ đi xuống nước. Một cỗ xe lộng lạc kéo bởi những con hải mã đang chờ họ. Khi họ vừa ngồi vào xe, cuộc thủy hành bắt đầu. Chàng trai trẻ không biết phải ngắm gì hơn: khuôn mặt kiều diễm của giai nhân kề cận, hay muôn ngàn tôm cá đầy màu sắc của Thủy Cung đang nhom nhơ bơi lượn dưới làn nước trong xanh. Cuộc hành trình thoáng nhanh như con mộng, và cỗ xe ngừng trước cung điện nơi Long Vương ngự trị. Một hàng rào danh dự, dẫn ra bởi các con cua đỏ thắm, chạy dài qua nhiều phòng và nơi đâu cũng có những con cá nhỏ đang lạng xăng phục dịch. Sau rớt, họ tiến vào gian

phòng ngọc thạch, nơi đó có một đàn cá dỏ đang vũ xung quanh một cái ngai làm bằng vỏ hến khổng lồ. Trên ngai, vẫn một áo choàng đỏ chói, đức Long Vương đang ngự tọa.

"Trẫm có lời chào mi, Thành", đức vua thốt lời với một giọng nhân hậu. "Trẫm cảm ơn người đã cứu đứa con gái độc nhưt của ta. Trẫm đã nhiều phen dặn dò Công chúa không được đến gần loài người. Nhưng nó quá tự tin. Thật không biết chuyện gì sẽ xảy ra nếu không có sự can thiệp của người!"

- Tàu bệ hạ, bất cứ ai cũng sẽ làm như kẻ hạ thần!. Chàng trai trẻ đáp lời.

- Sự khiêm tốn của người làm ta rất hài lòng. Nhưng người vốn biết sự thật không hẳn thế! Người đã không trông thấy thằng bé kia đối xử ra sao với con gái ta ư? Và thủy thủ đoàn đã chế riếu người thế nào vì người đã tiêu cả số tiền của người để cứu ba con vật à?

Vừa dứt lời, Long Vương tỏ vẻ tức giận. Ngài quơ cây vương trượng đang cầm trong tay mặt và tức khắc, mặt biển liền giao động.

Thành không biết trả lời thế nào. Nó rất lầy lăm hổ thẹn cho thủy thủ đoàn đã không có lòng nhơn bằng một con Rồng.

Long Vương nhận thấy sự bối rối của Thành, liền đổi đề tài:

- Thôi, hãy dẹp chuyện ấy qua một bên. Ta với người đến đây không phải vì cơ đó. Nhà vua nghiêm sắc mặt, ngắm chàng thiếu niên một cách hài lòng. Ta muốn người ở mãi mãi dưới Thủy Cung.

Thành bối rối, khó xử, nó buồn bã nhìn Công chúa, xong nhìn Long Vương, sau rồi nó đáp:

- Hạ thần muốn vãn cảm tạ bệ hạ, nhưng kẻ hèn này không thể ở lại. Cha của hạ thần đang đợi hạ thần ở nhà. Người đã già rồi...

- Thật đáng tiếc! Đức vua thốt. Dù sao chúng tôi cũng không thể cưỡng bách nhà người được. Nhưng nếu ngày nào nhà người đổi ý, viên ngọc thần diệu sẽ giúp người trở lại đây khi nào người muốn!

Trong lúc ấy, đôi mắt Công chúa rực sáng một cách lạ lùng.

Long vương liền trao cho Thành một hộp cẩn trong chứa đầy những đồng tiền vàng và phán:

- Hãy nhận tặng vật này, để khỏi phải về không.

Thành muốn cảm tạ Long Vương, nhưng nó chợt nhận ra tất cả đều quay vòng xung quanh nó. Khi nó mở mắt ra, nó đã ngồi trên sân tàu. Giọng nói thanh tao của Công chúa còn vang bên tai nó:

- Thiếp cảm tạ chàng, Thành. Đừng khi nào quên thiếp...

Thật là một giấc mộng lạ lùng, chàng trai trẻ nghĩ thầm. Nhưng ngay khi ấy, nó chợt nhìn thấy cái hộp cẩn, và viên ngọc đang tỏa hào quang trên tay, nó chợt hiểu rằng đó là sự thật.

Phiên gác vừa mãn, nó trở về phòng riêng, chó và mèo bám sát theo chân. Nó trấn trở thật lâu mới yên giấc nồng và trong cơn mơ nó tự thấy nó lại đi qua các gian phòng nơi Thủy Cung, nàng Công chúa mỹ miều của Long Vương đi kề bên mình...

Sáng hôm sau, tàu đã về bến cũ. Ông lái buôn không hiểu gì cả: chưa khi nào chuyến trở về lại mau chóng đến thế. Thành cho là có thể Long Vương có dự phần trong việc này, nhưng nó giữ riêng sự bí mật này trong lòng.

Vừa đặt chân lên đất liền, nó vội vã về nhà có chó và mèo theo sau. Đến nơi, một tin buồn đang chờ nó: Cha nó đã qua đời trong lúc nó vắng nhà. Vậy là nó cô đơn ở trên thế gian, duy chỉ có hai con vật bốn chân làm bầu bạn.

Giờ đây Thành đã giàu có, bà kế mẫu liền đòi ngay thái độ: bà tỏ vẻ thân ái, chiều chuộng nó đủ điều, nhưng Thành

hiểu rõ là bà chỉ đóng kịch. Nó không có hạnh phúc ở nhà. Sau một thời gian, nó cảm thấy muốn trở lại Thủy Cung. Nó liền đi tìm viên ngọc, nhưng không thấy. Ai đã đánh cắp viên ngọc, nếu không phải là bà dì ghê? Thành liền hỏi bà, và sau khi chối quanh, bà đã thú thật là đã đem viên ngọc đến một hiệu kim hoàn trên tỉnh để mượn họ nạm ngọc lên một chiếc nhẫn.

Thành liền tức tốc lên tỉnh, đến ngay hiệu kim hoàn để đòi viên ngọc lại.

- Chiếc nhẫn đã nạm xong từ lâu. Ông chủ tiệm bảo với Thành, và đến tủ kiếng lấy ra một chiếc nhẫn trao cho Thành.

- Đây không phải là viên ngọc của tôi! Thành thẳng thốt kêu lên, sau khi đã nhìn kỹ viên ngọc.

- Tôi đã nạm viên ngọc nhận được lên chiếc nhẫn này thật mà. Ông chủ tiệm quả quyết.

- Không thể được. Viên ngọc của tôi lớn hơn nhiều, sáng chói hơn.

Tên chủ tiệm gian xảo nhất quyết là không hề tráo ngọc. Và đầu ra trước tòa, Thành cũng không sao đòi lại viên ngọc của chàng vì tên lưu manh đã mua chuộc quan tòa, và hơn nữa, Thành không thể nói ra bí mật của viên ngọc.

Thành đã suyt mất trí vì sự mất ngọc này, vì như thế chàng sẽ không thể trở lại Thủy Cung. Càng ngày Thành càng trở nên buồn nản, hai con chó và mèo cũng không làm sao an ủi chủ chúng được.

- Hãy nghe tao nè, một hôm mèo nói với chó. Tao không thể nhìn chủ chúng mình buồn khổ hoài được. Thành đã cứu mạng chúng ta, bây giờ chúng ta phải giúp lại Thành.

- Mày nói nghe dễ, nhưng làm cách nào đây?. Chó đáp.

- Chúng mình phải tìm cho ra viên ngọc, dù nó ở đâu. Và chúng mình sẽ tìm được ngọc ở hiệu kim hoàn. Mèo quả quyết nói.

Và chúng nó lên đường. Chúng nó đi đến bờ sông và phải dừng lại: một cơn lũ đã cuốn trôi cây cầu, và dòng nước cuồn cuộn dưới kia khiến chúng không dám lội qua. Thế mà, hiệu kim hoàn lại ở bên kia sông. Vậy phải làm sao? May thay, mèo rất nhanh trí, nó bảo chó hãy chạy theo bờ sông và tìm cho ra một con rái cá.

- Hãy bắt sống nó mang về đây, nhưng hãy nhớ đừng làm đau nó!

Chó lập tức thực hiện ý của mèo.

- Tội nghiệp tôi, các bạn hãy trả tự do cho tôi, và tôi sẽ làm bất cứ điều gì các bạn muốn. Rái cá khấn khoản van xin.

- Chúng ta không muốn gì hơn là mày hãy gọi các bạn của mày đến và cùng nhau làm một cây cầu bằng thân của chúng mày để tao và chó cùng đi qua sông. Mèo vui vẻ đáp.

Thế là cây cầu được thành hình. Chó với mèo qua sông nhanh chóng và cảm tạ lũ rái cá xong, chúng tiếp tục đến hiệu kim hoàn. Chủ tiệm đi vắng, nhưng một bày chó hung hăng đã trấn giữ quanh nhà. Một lần nữa, mèo lại có ý hay. Nó biểu chó chờ trước cổng, và nó nhảy vọt lên bờ tường. Tức thì bày chó lờng lộng như diên, sủa rân lên giận dữ. Lúc ấy, mèo liền nhảy xuống đất và dụ bày chó càng lúc càng đi xa nhà. Đến khi mèo thấy chúng đã khá xa nhà, mèo liền rẽ ngang, thoát khỏi bày chó và phóng về nhà do một lỗ hổng ở bờ rào. Trong lúc bày chó giận dữ bươi đất dưới chân tường, mèo đã về nhà và cùng chó vô nhà. Nhưng chúng đã uống công lực lợi khắp nơi, vẫn không tìm ra viên ngọc. Chúng đang bực tức nghĩ mình đã phí công toi. Chợt thấy một chú chuột tò mò đang thập thò ở cửa hang để nghe ngóng. Mèo liền lao tới chụp chuột.

- Tao cho mày hay, tao chỉ cần nghiền mạnh một cái là mày sẽ đi đời nhà ma!. Mèo hầm hầm đe dọa.

Chuột run rẩy sợ hãi.

- Thật vậy, chó nói tiếp, tao biết rõ chuột là món tráng miệng ưa thích của giống mèo!

- Mày thấy chưa, mèo nói thêm, nhưng tao sẽ tha chết cho mày với một điều kiện.

Chuột liền ríu rít hứa sẽ làm tất cả những gì mèo muốn.

- Hãy dẫn chúng ta đến gặp Vua chuột! Chuột liền hướng đạo cho chó và mèo đến bờ lúa và trong phút chốc, chúng đã gặp vua chuột.

- Các ông muốn gì? Vua chuột hỏi với giọng run rẩy.

Mèo liền giải thích: "Chúng tôi biết có một viên ngọc quý đang được cất giấu trong nhà này. Nếu ngài giúp chúng tôi tìm ra viên ngọc, tôi hứa là từ nay, tôi sẽ không động tới giống chuột đến tận kiếp!"

Chó cũng tiếp lời: "Tôi sẽ đích thân canh giữ để mèo phải giữ lời!"

- Chúng tôi sẽ giúp các ông. Vua chuột vội vã trấn an và ra lệnh cho lũ chuột chia nhau đi tìm ngọc. Chúng tản mác khắp nhà, và moi móc khắp các xó xỉnh, khe hở, nhưng lần này cũng vô hiệu quả. Đúng lúc ấy thì một chú chuột lắt reo lên mừng rỡ, nó đang lòi, từ một hộc kín, một cái hộp kín trong đó lấp lánh một viên ngọc lớn.

Chó về mèo cảm ơn lũ chuột và vội vàng rời khỏi nơi ấy với viên ngọc.

- Chúng ta mau về nhà! Chuột la lớn. Khoan đã! Chó thốt lời:

- Hãy để cho tao giữ viên ngọc, tao mạnh hơn, và sẽ an toàn hơn bên tao.

Mèo thấy không có gì trở ngại nên trao ngọc cho chó. Chó ngoạm viên ngọc. Một lúc sau, chúng đã đi tới bờ sông. Việc gì đã khiến cho chó ngấm mình dưới nước và nó ngỡ có một con chó khác đang nhìn nó dưới kia. Nó liền xù lông và há mồm định sủa. Viên ngọc rơi ngay xuống nước. Có thể chúng sẽ mò lại được viên ngọc, nếu không có một con cá tí vừa lòi ngang và há họng ra đón viên ngọc.

- Thật là đồ vô dụng!, mèo giận dữ mắng chó, trong khi đó chó tiu nghỉu. Nhưng việc quan hệ lúc bấy giờ không phải là cãi cọ.

- Chúng ta hãy làm cách nào để bắt cho được con cá kia, mèo đồng dục tuyên bố.

- Biết vậy. Nhưng bằng cách nào? Thật là nan giải. Chó than thở.

- Ông ngư phủ đang kia có thể giúp chúng ta được. Mèo kêu lên và cùng chó tiến đến làm quen với ông câu. Thế là ông lão đã có hai con vật làm bạn mỗi ngày. Cho đến một hôm, khi ông vừa câu được một con cá to. Mèo nhận ngay ra chú cá hôm nọ và ra hiệu cho chó. Chó liền phóng tới chụp con cá và cùng mèo đào tẩu.

Chúng chỉ dừng lại cách đó khá xa:

- Hãy trả viên ngọc lại cho chúng tao, mèo sừng sộ với cá, chó cũng gầm gừ một bên. Cá vội nhả ngọc ra hoàn lại cho chúng.

- Lần này, tao sẽ giữ viên ngọc!, mèo kêu lên, sự sợ sệt của mày suýt làm hại to! Nó liền đội viên ngọc lên đầu, và giữ chặt ngọc bằng hai chân trước. Chó theo sau hộ tống. Nhưng chúng nó không ngờ có một con chim khách từ trên không chao cánh đến cướp viên ngọc và bay lên đậu trên ngọn cây tùng. Trong lúc chó sủa vang giận dữ, mèo bảo chó im tiếng và nó im lặng trèo lên cây, nhưng khi nó đã gần đến đích thì chim lại bay sang cây khác. Mèo vẫn không nản lòng, lại cố sức trèo lên nhanh như tên bắn, lần này nó càng thận trọng và hết sức nhẹ nhàng. Nhưng khi nó vừa lên đến lưng chừng, là chim lại bay sang đậu cách đó hai cây.

- Thôi, hãy ngưng đi, kéo chim bay đi xa, thì viên ngọc sẽ vĩnh viễn mất luôn. Chó lên tiếng trong khi mèo vừa định trèo lên cây.

- Được rồi, tao biết lần này tao có lỗi. Mày hãy tránh ra đi. Tao sẽ có cách để bắt con chim quý quái này!.

Chó nghe lời bạn, lảng ra xa để theo dõi.

Mèo liền đi lại bờ sông, uống đầy bụng nước, xong nó lè cái bụng no nóc đến dưới gốc cây có con chim khách, nằm vật xuống, kêu "meo, meo" thảm thiết. Bỗng nhiên nó nằm ngửa bụng, bốn cẳng giương thẳng. Chó chưa từng thấy cảnh tượng này, rất lo ngại cho bạn, định chạy đến, nhưng kịp thời dừng lại.

Con chim khách, không sao dần nổi tánh tò mò, vội bay xuống bên mèo mà nó tưởng đã chết. Mèo im lặng nín hơi. Chim yên tâm, quên cả giữ gìn, vội đáp xuống đất. Mèo chỉ chờ có thế: nhanh như chớp, nó đứng dậy, giương móng ra chụp chim, nhưng vì cái bụng bự cản trở, mèo chụp hụt. Con chim tránh khỏi móng vuốt mèo, nhưng thật sự kinh hãi, há mỏ ra để kêu lên, lập tức đánh rơi viên ngọc. Mèo liền vồ lấy viên ngọc, trong khi con chim bay lên cây thoát nạn! Đòi bạn mèo và chó lần này tìm đường về nhà thật chóng.

Khi chúng về đến nhà, Thành mừng rỡ đón chúng. Chẳng ngờ hai con vật thân yêu đã rủ nhau bỏ đi! Ngờ đâu mèo nhả trong miệng ra viên ngọc thần diệu trên tay Thành. Thành trở mắt ra nhìn, lòng còn nghi ngại, sau cùng chàng ôm hai con vật trong tay, vô cùng triu mến.

- Bấy giờ chúng ta phải làm gì đây? Thành hỏi chúng. Ta không còn ai ở trên cõi đời này. Cha mẹ ta đều đã nằm trong lòng đất lạnh, ta không thích thú gì sống chung dưới mái nhà với bà đi ghê. Nhưng biết đi đâu bây giờ?

Chó với mèo trao nhau ánh mắt đồng lõa, và chúng lên đường.

Thành đi theo chúng ra đến bờ đại dương, nơi đó muôn lượn sóng nhấp nhô đùa giỡn trên làn cát trắng.

- Chúng bây có lý. Thành thờ ra nói tiếp. Chúng ta đâu có còn gì để luyện tiếc với loài người. Nếu không có gì trở ngại, chúng mình sẽ ở luôn dưới Thủy Cung.

Nói xong, Thành ôm hai con vật từ từ đi xuống biển. Cỗ xe lại đón họ và đưa họ về đến Thủy Cung.

- Hoan nghinh Thành, Trẫm rất vui mừng thấy người trở lại đây. Long Vương thân ái phán. Lúc nào Trẫm cũng nghĩ rằng người sẽ vui hơn khi ở với chúng tôi.

Thành gật đầu buồn bã nói: Nếu bệ hạ cho phép, thần sẽ ở lại đây với hai người bạn nhỏ này.

Long Vương mỉm cười đáp: "Không có gì dễ bằng. Người hãy nuốt viên ngọc thần và người sẽ trở nên bất tử như chúng ta. Nhưng như vậy, người sẽ không khi nào trở lại thế gian được nữa!"

Chàng thiếu niên, không chút ngần ngại, bỏ viên ngọc vô miệng và nuốt chửng. Ngay lúc đó, một điệu nhạc huyền diệu trỗi lên bên tai Thành, và bức rèm bằng hải tảo sau lưng Long Vương được vén ra. Nàng Công chúa tiến ra trước diện ngọc, nhìn Thành bằng ánh mắt tha thiết.

- Bởi người đã quyết tâm ở lại nơi đây, Trẫm sẽ vui lòng tác hợp duyên cho người cùng Công chúa. Đã từ lâu, ta đã có ý định này.

Chàng trai trẻ bối rối, ngăn người trước hạnh phúc to lớn bất ngờ.

- Anh nghĩ sao, Thành? Anh có bằng lòng kết duyên với tôi chăng? Công chúa cất giọng thanh tao hỏi Thành.

- Thôi, đừng quấy rầy nó nữa, hãy để cho nó có thời giờ làm quen với chúng ta. Long Vương bảo Công chúa với một cái nheo mắt tình nghịch.

Nhưng Thành đã trấn tĩnh lại, chàng tiến tới trước Công chúa, và cầm tay nàng âu yếm.

Sau đó ít lâu, một hôn lễ huy hoàng đã được cử hành ở dưới Thủy Cung, chó và mèo cũng được dự vào hàng khách danh dự.

(6.11.1995)

# Ngày XUÂN

## viếng Núi Sam của vùng Thất Sơn

. Phạm Thăng

Mỗi năm vào độ xuân về, rất đông thiện nam tín nữ từ khắp các tỉnh Miền Nam đổ về Châu Đốc bằng mọi phương tiện để viếng cảnh núi Sam, và hành hương chùa Tây An nơi mà cách đây 142 năm, vị Giáo Tổ một tông phái Phật giáo, được dân chúng miền Nam tôn xưng là Đức Phật Thầy trụ trì, cùng các ngôi cổ tự danh tiếng cũng như Điện Bà Chúa Xứ Châu Đốc.

Theo các nhà địa lý học, núi Sam trước kia là hòn (cù lao) nằm trong vịnh Thái Lan cũng như núi Đá Dung, núi Thạch Động chung quanh là biển, về sau đất phù sa bồi dần đã nối liền hòn Sam, núi Đá Dung, núi Thạch Động với vùng Thủy Chân Lạp của Cao Miên mà sau này họ đem dâng hiến chúa Nguyễn để bây giờ trở thành miền Tây Nam nước Việt.

Núi Sam nằm theo hướng Tây Bắc- Đông Nam, cách tỉnh lỵ Châu Đốc 5 cây số, chắn ngang tỉnh lộ số 10 chạy dài đến tận biên giới Việt Miên và nằm cạnh biên giới này 17 cây số. Núi chiếm một diện tích rộng lớn hơn 4 cây số vuông, quanh chân núi có con đường chạy giáp vòng dài hơn 10 cây số. Từ phía kinh Vĩnh Tế nhìn lại người ta thấy núi in trên nền trời giống như con sam với chiếc mai úp xuống và cái đuôi là ngọn núi nhỏ sau núi Sam, hướng về phía Nhà Bàng.

Cũng như các núi của Thất sơn như núi Cấm, núi Két, núi Dài, núi Tượng, núi Cô Tô, núi Bà Đội Om, mỗi tên núi là hình dung của núi đó qua sự nhận xét của dân địa phương ngày xưa : núi Két có mỏm đá cao giống như mỏ con chim, núi Dài vì nó dài hơn các núi khác, nằm dài cả góc chân trời, núi Tượng giống con voi thò kèch nằm ngủ, núi Bà Đội Om giống như người đàn bà đội cái mũ tròn, núi Cấm vì bị cấm lên núi săn bắn, chặt cây, vì cheo leo nguy hiểm, nhưng nguyên nhân chính vì các vị tiên bối chống Pháp thường ở trên núi này để qui tụ.

Dù tên nôm na gọi theo hình dáng nhưng vì các thế núi rất hùng vĩ nên có tên trong sách rất hay : núi Cấm là Bạch Hồ sơn, núi Dài: Ngọa Long sơn, núi Két : Ô Tước sơn, núi Tượng : Kỳ Lân sơn, núi Cô Tô : Phụng Hoàng sơn và núi Sam có tên là Vĩnh Tế sơn do Vua Minh Mạng đặt sau khi công tác đào kinh xong vào năm 1824 để tuyên dương công trạng bà Phu nhân Thống chế Nguyễn Văn Thoại, Trấn thủ Châu Đốc, Bảo hộ Cao Miên (tức Thoại Ngọc Hầu). Bà tên Châu Thị Tế đã hết lòng giúp đỡ chồng, ủy lạo dân phu, trong lúc đào kinh.

Núi Sam dù không cao so với các núi khác của Thất sơn, nhưng với độ cao 237m cũng đủ làm mệt, lúng búng hơi tai những khách dâng sơn.

Muốn lên đỉnh núi nơi ngày trước có xây một pháo đài quan sát có 3 đường để lên núi. Hai đường bên phía đầu bờ (địa danh do dân địa phương gọi nơi tiếp giáp đường tỉnh lộ số 10 từ chợ Châu Đốc chạy vào với đường vòng núi nơi cửa tam quan Tây An cổ tự, và một đường phía chợ Bến Đá, phía sau núi, nơi đường tỉnh lộ chạy vào Nhà Bàng.

Đường lên núi phía này gọi là đường quan rộng rãi để đi nhưng phải lên vòng xa hơn. Đường quan trước đây do quân lính dâng cụ dọn dẹp quang đãng để cho đoàn lính lên núi để dâng canh gác

trong một pháo đài xây dựng sơ sài trên đỉnh để trông chừng giặc Xiêm hay Miên sang xâm lấn. Sau này nhà đương cuộc Pháp của tỉnh Châu Đốc cho xây dựng rộng rãi một pháo đài hai tầng bằng gạch kiên cố để làm nơi nghỉ mát an dưỡng, nên mới có tên là đường quan (hay quan lộ?)

Con đường được phá rộng nên xe hơi chạy lên đến đỉnh dễ dàng. Sau năm 1945, đường quan bị bỏ hoang phế, cây cỏ, đá lăn bít nhiều nơi, chỉ có người bèn chợ Bến Đá sử dụng, du khách viếng núi đều leo lên đỉnh bằng hai đường bên phía đầu bờ, phía sau chùa Tây An, vừa gần vừa vui hơn.

Chúng ta hãy theo chân du khách.

Đến núi Sam, các loại xe đều dừng lại ở đầu bờ để du khách vào viếng chùa Tây An, ngôi chùa cổ trên 140 năm do ông Doãn Uẩn đứng ra xây dựng năm 1847. Ông là vị quan văn nhưng được cử theo tướng Nguyễn Tri Phương để trấn thủ vùng biên giới Miền Việt. Giặc Miên và Xiêm thường quấy phá vùng này nhưng nhờ tài của Nguyễn Tri Phương và Doãn Uẩn nhiều kinh nghiệm chiến trường và quân sĩ hết lòng nên vùng biên giới này được ổn định lúc bấy giờ.

Ông Doãn Uẩn dựng chùa Tây An ở chân núi Sam là việc làm có nhiều ý nghĩa đối với nhân tâm thời bấy giờ đang khấn hoang lập ấp ở vùng đó, và chùa gần kề bên làng Thoại Ngọc Hầu nơi có chôn nhiều quân dân đã chết trong khi đào kinh Vĩnh Tế để hồn oan có nơi nghe kinh kệ.

Chùa được xây dựng ngay chùn núi, trên một nền sân rộng lớn, cao hơn mặt đường. Sân chùa được bao bọc bằng đá xanh. Từ dưới đường đến sân chùa phải bước lên mười bậc thang. Bước qua cửa và vòng rào, du khách thấy ba ngôi tháp cao vòi vọi. Nếu là khách hành hương lần đầu tiên sẽ nghĩ rằng trong ba ngôi tháp đó sẽ có ngôi tháp của Đức Phật Thầy. Nhưng họ lầm, vì đó là những cổ tháp của những vị Hòa Thượng phái Lâm tế, trụ trì chùa Tây An từ ngày Đức Phật Thầy đến trụ ở đến nay, còn chính ngôi mộ của Đức Phật Thầy thì lại khiêm nhường nằm khuất phía sau dãy tháp nguy nga đó.

Chùa Tây An có nhiều tượng Phật nhất so với các chùa ở miền Nam. Có những tượng to lớn nhiều màu sắc, đủ tợ hoặc hiền từ tùy theo vị, từ những vị Phật, Bồ Tát đến La Hán, từ các vị Thiên vương đến các vị Kim cương... đến các tượng đá hình dung Ông "Tà A Rặc" đều được thờ trong ngôi cổ tự nghỉ ngút khói hương này. Trước kia, chùa trông cũ kỹ cổ kính từ phía trong đến hình dáng bên ngoài, nằm dưới chân núi có hàng cây dương già lá reo theo gió, nhưng khoảng đầu thập niên 1960, chùa được xây dựng thêm bên ngoài với lối kiến trúc màu mè sặc sỡ làm bết vẻ cổ kính trầm mặc của chùa, nhưng các thiện nam tín nữ và các du khách trẻ tuổi lại có vẻ thích hơn mỗi khi đến viếng chùa. Họ thường chụp vài kiểu hình trước sân chùa để lưu niệm.

Sau khi lạy Phật xong, du khách bước ra sau chùa để kính cẩn chiêm bái ngôi mộ Phật Thầy Tây An húy danh là Đoàn Minh Huyền. Ngài là vị cao tăng đắc đạo của thế kỷ trước đã khai sáng tông phái Phật giáo gọi là Bửu Sơn Kỳ Hương ở miền Nam Việt Nam vào năm 1849.

Ngài dân sanh vào giờ Ngọ, ngày rằm tháng 10 năm Đinh Mão (1807) đời vua Gia Long thứ sáu. Chánh quán của Phật Thầy tại làng Tông Sơn, tổng An Tịnh, huyện Vĩnh An, phủ Định Viễn, trấn Vĩnh Thanh (hiện nay Tông Sơn thuộc huyện Lấp Vò, tỉnh Sa Đéc.

Thuở nhỏ, Ngài rời quê quán đi vào núi nào để tu hành không ai biết, nhưng đến đầu năm Kỷ Dậu 1849, Ngài xuất hiện ở Tông Sơn, ngụ trong mái đình lá nghèo nàn, dáng điệu ngây ngây, lời nói khi hư khi thật. Năm đó làng Tông Sơn bị bệnh dịch tả lan tràn dữ dội, Ngài ra tay chữa bệnh cho dân chỉ bằng nước lá, tro nhang và các con bệnh dịch tả được chặn đứng và các bệnh nan y khác, Ngài cũng trị hết. Ngài vừa chữa bệnh vừa dạy tu, người qui y đông vô số. Những người qui y với Phật Thầy đều được phát cho một lòng phất bằng giấy vàng hay giấy bạch, trên có đóng triện bốn chữ Bửu Sơn Kỳ Hương. Tông phái này coi như được sáng khởi vào mùa thu năm Kỷ Dậu 1849.

Ngài chữa bệnh, thuyết pháp và truyền giáo tại cốc Ông Kiến (nay là Tây An Cổ tự tại làng Long Kiến, tỉnh Long Xuyên). Theo giáo lý của Ngài thì người tu theo Phật đạo nhưng không thờ Phật



cốt, không gõ mõ tụng kinh, người tu chỉ cần tránh ác, làm lành, giữ tâm thanh tịnh và thực thi bốn ân lớn: Ân tổ tiên, cha mẹ, Ân đất nước, Ân Tam bảo, Ân đồng bào và nhân loại.

Dân chúng tôn sùng Ngài như vị Phật sống, khi Ngài tịch diệt, theo di ngôn của Ngài, ngôi mộ không xây dựng đồ sộ nguy nga hoặc xây theo hình tháp mà chỉ là một ngôi mộ bằng phẳng lộ thiên. Mộ Phật Thầy u tịch trang nghiêm có vòng tường nhỏ bao quanh rêu phong, có cổng tò vò khiêm nhường với hai trụ gạch có tạc hai câu đối:

*Phách vãng Tây Phương, bát thảo điều tàn du vị tử,  
Hồn qui thọ vực, đàm hoa lạc khứ hữu dư hương.*

Trước mộ có một tấm bia đá khắc chữ:

*"Ngươn sanh Đinh Mão niên, thập ngoạt, thập ngũ nhật, ngo thời chú sanh.*

*Tự Lâm Tế gia chư thiên phổ tam thập bát thế, thượng pháp tạng tánh Đoàn, pháp danh Minh Huyền, đạo hiệu Giác Linh chi miên tọa.*

*Tịch u Bính Thìn niên, bát ngoạt thập nhị nhật, ngo thời thị tịch diệt."*

Phía vách ngoài cửa có khắc ba bài thơ bát cú, chúng tôi xin trích một bài:

*Lòng ở từ bi đã bấy chầy,  
Thanh nhân Cực Lạc, chốn phương Tây.  
Năm hằng đạo đức hằng vui vẻ,  
Sáu ngã luân hồi chẳng chuyển xoay.  
Lặng lẽ theo người xa bể khổ,  
Đất diu cứu kẻ bước thang mây,  
Đã nguyện tế độ con lâm nạn,  
Vi việc nhơn gian mới đến đây.*

Tương truyền mấy bài thơ này do Đức Phật Thầy giảng bút từ lâu nên được khắc vào đây để kỷ niệm.

Mộ Phật Thầy lúc nào cũng khói hương bay tỏa và có nhiều thiện nam tín nữ, du khách đến chiêm bái.

Rời chùa Tây An du khách như còn tuyến tiếc nhìn tam quan của chùa với tượng chú tiểu Thị Kính, tiền thân Đức Phật Quán Thế Âm, tay đang ôm con thơ của Thị Mầu.

Du khách đi theo chum núi phía tay mặt độ 100 thước để đến Miếu Bà Chúa Xứ Châu Đốc.

Quen theo lối gọi ngày xưa chớ thật ra phải gọi là Điện Bà mới đúng, vì ngôi điện rất nguy nga, màu sắc hài hòa nằm cạnh con đường dốc thoải về phía ruộng, không nằm phía trên các vồ đá ở trên núi như bao nhiêu chùa khác là do ý của Bà.

Ngày lễ Vía Bà được coi như một phong tục cổ truyền của vùng Thất sơn. Danh của Bà Chúa Xứ còn được gọi là Thánh Mẫu nương nương.

Theo tài liệu mà ngày nay dân địa phương cũng như đa số tín đồ ở miền Nam tín ngưỡng thì Bà có một sự tích huyền bí và màu nhiệm:

Tượng Bà trước kia ngự trên đỉnh núi Sam, nơi đây hiện nay còn dấu tích của hai lóm lớn trên bề đá xanh. Vùng này ngày trước thuộc Thủy Chân Lạp thường bị người Xiêm sang quấy nhiễu, khi thấy tượng Bà, quân Xiêm bèn chạy ra tỉnh khiêng xuống núi, nhưng tượng Bà bỗng trở nên nặng trĩu không khiêng nổi khiến quân Xiêm bỏ lại tượng Bà giữa rừng cây trên triển núi.

Về sau khi Thủy Chân Lạp thuộc về nước ta, người Việt đến vùng này, thôn xóm bắt đầu mọc quanh chân núi, một hôm dân làng lên núi đốn củi, gặp tượng Bà. Họ bèn hợp nhau khiêng về để lập miếu thờ phương, nhưng không tài nào xê dịch nổi mặc dầu dân làng có đến hàng trăm người. Bỗng Bà "đạp đống" qua một người đàn bà tu hành, tự xưng là Bà Chúa Xứ và dạy dân làng tìm mười người đồng nữ trẻ tuổi, trinh trắng, tắm rửa sạch sẽ để dựng tượng Bà đây. Lấy thay với 10 cô gái trẻ tuổi yếu ớt, tượng Bà được khiêng dễ dàng từ trên núi đến chân núi. Khi đến chỗ miếu Bà hiện nay, tượng Bà bỗng trĩu xuống không xê dịch được nữa. Các bô lão cho rằng Bà đã chọn nơi đây để an ngự nên đốc thúc con em đứng ra dựng miếu.

Sự linh thiêng của Bà thể hiện qua nhiều sự thành cầu của dân chúng. Bà thường ban phúc cho người thiện tâm. Thời kỳ Minh Mạng, khi Đô Thống Thoại Ngọc Hầu trấn thủ vùng này, gặp lúc quân Xiêm qua quấy rối không ngớt, phu nhân Đô Thống thường

đến khẩn vái Bà xin phù hộ cho chồng dẹp yên giặc, tái lập an cư cho dân làng, và lời cầu nguyện đó được đạt thành. Để tạ ơn Bà, phu nhân Đô Thống cho xây cất miếu và mở đại lễ linh đình liên tiếp trong ba ngày 24, 25, 26 tháng Tư âm lịch. Từ đó về sau, dân địa phương cứ nhớ ngày này để cúng lễ, dân chúng lân cận kéo về trẩy hội tấp nập.

Các bô lão kể nhiều chuyện linh ứng của Bà: tương truyền lúc quân Xiêm sang quấy phá, có tên giặc Xiêm vô lễ làm gãy cánh tay của Bà, liền bị té chết ngay tại chỗ. Cũng cách đây không lâu, trước năm 1940, một tên trộm lén vào gỡ sợi dây chuyền trên cổ Bà, bị Bà bẻ tay, dân làng nghe kêu la chạy vô thấy tên trộm nằm dài dưới đất ôm tay khốc lốc, các bô lão kéo hán đến trước bàn thờ Bà quay lại xin lỗi, hán mới hết rên la.

Một điều đáng nói là tượng Bà trước kia nhìn thẳng ra đường, nhưng vì kẻ qua lại có nhiều người không nghiêm trang hoặc vô lễ, bị Bà "quở". Bà đạp đống về báo cho biết như vậy và truyền dân làng hướng tượng Bà quay mặt về phía ruộng, lưng quay ra đường xe chạy. Vì thế, dù cổng tam quan cũng như cửa vào nhìn ra đường xe chạy quanh núi, bàn thờ và tượng Bà nhìn về phía chợ Châu Đốc. Có hai câu đối treo hai bên bàn thờ Bà:

*Cầu tất ứng, thành tất linh, mộng trung chỉ thị.  
Xiêm khải kính, Thanh khải mộ, ý ngoại nan lường.*

(nghĩa là: Xin tất dạng, lòng thành tất linh, báo trọng giấc mộng. Xiêm phải kính, quân Thanh phải mến, ý tứ khôn lường).

Hai bên chánh điện có thờ, bên tay phải, pho tượng đồng đen nhỏ, đó là một "chư vị" hộ vệ của Bà, bên tay trái là một khối đá tròn to, tượng trưng "Ông Tà" mà người Miên cũng như người Việt vùng biên giới rất tôn thờ.

Thấy Bà linh ứng, Ông Thoại Ngọc Hầu lúc trị vì tại trấn này đã tâu lên Vua Minh Mạng sắc phong Bà làm Thượng Đẳng Linh Thần.

Ngày chánh lễ hàng năm là 24 tháng Tư nhưng trước đó hơn nửa tháng, quanh miếu Bà và dọc theo đường lộ những hàng quán được cất lên để bán suốt thời gian lễ, kéo dài đến hết tháng tư. Khách thập phương từ Miền Tây, miền Đông đều kéo về. Những ngày đó, xe đồ chở khách đủ hiệu, đủ màu, mang tên đủ các tỉnh được bao thuê chở đầy người hướng về Châu Đốc. Trước năm 1975, ngoài xe đồ còn có xe tu nhân, từ loại sang trọng của thương gia Tàu, Việt đến những chiếc mô tô, xi-cút-tơ của các thanh niên nam nữ, những chiếc xe lôi, xe ngựa cũng chật khách hành hương. Giá tiền xe cộ tăng vọt, khách vẫn đi, chen lấn mệt mỏi khách cũng vui lòng chịu, miễn là đến được núi Sam để lạy Bà. Nhất là các bà già của Bạc Liêu, Cà Mau, từ Hóc Môn, Tây Ninh xa xôi cũng rán nhờ con cháu điu đất để đến chiêm bái Bà và viếng "năm non, bảy núi" một lần rồi có nhắm mắt cũng yên lòng.

Phàn xê dịch thì xe cộ đông nghẹt, lưu thông tất nghẽn cả 4,5 cây số nhưng du khách vẫn nườm nượp đổ về. Còn chỗ ngủ thì khó nói. Tất cả khách sạn của Châu Đốc đều được những nhà giàu đặt trước từ lâu, nên du khách đến núi tự túc tìm chỗ ngủ. Ai ở tỉnh xa đến đây đều phải ở lại 2 hoặc 3 ngày để dự đủ lễ và vãng (viếng) cảnh núi Sam mới thỏa lòng, nên đều đã chuẩn bị đem theo vật dụng, quần áo, thức ăn để ngủ lại. Ban tổ chức của Miếu Bà cũng có lo chu đáo cho khách thập phương nhưng với số lượng gần chục ngàn người vô ra mỗi ngày, làm sao xuể. Các phòng của trường học có lưu cảnh Miếu, nhà khách, sân võ ca, sân quanh điện... tất cả không còn chỗ chen chum. Những chùa, am quanh đó đều có du khách trải chiếu la liệt ngoài sân. Mọi người chấp nhận "nằm nhìn sao trời" như thế với lòng hóm hờ, vì đây là ngày lễ hội lớn nhất trong năm, để gì ngày thường có dịp nằm bên triển non để biết thế nào là sương núi? Và lại chỉ có các cụ già, trẻ em ban ngày leo núi mệt mỏi mới cần ngủ, các thanh niên thiếu nữ, những người chửa già còn phải hoà mình trong dòng người vui hội.

Ban đêm đèn đuốc sáng choang, hàng quán bán đủ thứ trái cây, thức ăn chay, mận cho khách, những sản phẩm trong vùng như nước thốt nốt ngọt lịm nhưng có mùi khớ, những múi thốt nốt trắng phau ăn rất ngon, và nhất là có vài ông đạo áo màu nâu, tóc để búi, râu dài, ngồi trên chiếc đệm để đây kỳ hoa dị thảo, những chùm rễ cây uốn éo, những củ bí kỳ nam xẻ ra có nhiều lỗ như tổ

ong bầu, những cây ngải củ vàng, củ xanh, dây thông thiên, hà thủ ô phơi khô... làm cho các bà, các dì dùng dùng đứng nhìn, tay nắm chặt túi tiền ky còm của mình, suy tính nên mua loại thuốc nào về đem tặng cho con cháu phòng thân. Đặc biệt là nơi bán đầu phong, một loại đầu xanh biếc nấu bằng nhiều loại ngải và lá thuốc bí truyền của ông đạo từ mấy núi khác đến đây ngồi nấu thì đắt hàng, bán không kịp.

Nồi đầu to tướng đựng đầy lá cây lạ, củ ngải sần sùi không dậy nắp, bốc hơi trong gió quyện mùi thơm phứt. Các ông đạo nấu trước mặt, không giấu giếm, đã hấp dẫn mọi người ưa phòng xa. Dầu được rót vào nhiều loại chai lớn nhỏ tùy theo giá tiền.

Các bà đang dùng dùng thì nghe ông đạo nói trầm trầm:

- Đây là nhiều loại thuốc khó kiếm của miệt Thất sơn, phải tròn non, lướt bụi khó khăn lắm mới tìm ra để nấu cho bà con xài. Nếu thấy hồng công hiệu cứ đem lại trả.

Lại có tiếng người đứng mua nói theo:

- Thiệt hay lắm bà con ơi, ở miệt mình làm gì có đầu phong nấu bằng linh dược trên non cao chót. Năm nào tui cũng mua về để phòng khi tui nhỏ sinh bụng, ợ chua... hoặc bị ghê lở, xước vô hết liền hề..

Nghe nói đến "linh dược" của núi cao rồi nhìn lại ông đạo áo nâu, các bà mua liền, không còn do dự.

Phải nhìn nhận loại đầu phong này đều công hiệu nhiều hay ít tùy theo bệnh, vì năm nào đến ngày lễ Via Bà, cũng những ông đạo này đến đây nấu bán, không vị nào bị khiếu nại hay bị... đòi tiền lại.

Lễ Bà xong, nếu du khách có óc fôn cổ và say mê lịch sử, hãy băng qua con đường để đến lăng Ông Thoại Ngọc Hầu gần đó.

Lăng Ngài xây bằng đá xanh thật cao rộng, hùng vĩ kiên cố. Lăng xây vào năm Minh Mạng thứ 10 (1829) muốn lên lăng phải leo lên nhiều bậc thang xây đá. Trước sân lăng có hai trụ vuông lớn, có hai cửa hai bên để đi vào lăng. Cổng vào đồ sộ, liền đối trang hoàng. Bên trong là một sân rộng khác, nơi có chôn các phần mộ. Ông nằm chính giữa, hai bà nằm hai bên. Đầu mộ là bình phong, chân mộ có bi ký. Cách chân mộ một khoảng là một bia đá lớn, đó là bia Vinh Tế sơn. Phía sau sân lăng mộ, nằm trên bậc thềm cao là đền thờ. Tại chân ba ngôi mộ lớn trong lăng đều có bia ghi danh tánh:

*" Hoàng Việt, Hiến Khảo, Án thủ Châu Đốc đôn, lãnh Bảo Hộ Cao Miên quốc ấn, kiêm quản Hà Tiên trấn biên vụ, gia Nhị cấp kỷ lục tử thứ, truy tặng Tráng Võ Tướng quân, Trụ quốc Đô Thống, thụy Võ Khắc, Nguyễn Công, húy Thoại, chi mộ.*

Du khách thấp hương trước mộ Ngài để tỏ lòng tri ơn với bậc công thần có công xây dựng và bảo vệ vùng này, rồi hãy bước trở ra sân ngoài để nhìn những ngôi mộ nhỏ hơn, đủ các kiểu. Có mộ xây hình voi phục, có mộ xây hình con quí, có mộ hình vuông vắn uy nghi rất cũ, rêu phong, không cái nào còn bia nhưng theo tài liệu thì đây là những phần mộ các quan chức thân tín của Ngài và mộ tập thể của các nạn nhân quân, dân đã bỏ mình trong cuộc đảo kinh Vĩnh Tế được lấy cốt mang về sau khi đảo kinh hoàn tất.

Du khách bước ra cổng ngoài còn có nhìn lại nhiều câu đối đáp bằng đá hoặc xi măng. Những câu đối nói lên công nghiệp của người xưa và nét hùng vĩ của núi Sam, một vài câu tiêu biểu như:

*Thiên thành nhất cuộc bảo sơn bảo thủy,*

*Huyết kết song phần phúc địa phúc nhơn.*

(nghĩa là: Trời gầy một cuộc non xanh nước tốt

Huyết kết đôi mồ đất phúc người hiền)

và:

*Âm chất toàn bằng an xứ trí,*

*Đức công vĩnh biểu túc quan chiêm.*

(nghĩa là: Âm chất vẹn gìn yên gối đầu,

Đức công còn mãi dù xem gương).

Một ngọn gió lạnh thổi nhẹ trên những ngôi mộ cổ gần 200 năm bên triền núi u tịch, lá cây dương rì rào làm cho ta cảm tưởng như có lời van lăm ly bi tráng của bài Văn Tế Nghĩa Trưng được Ông Thoại Ngọc Hầu đứng chủ tế cúng các cô hồn tử sĩ ngày xưa còn như vàng đầu đây:

*Trời xanh thăm mờ hoang lợp lợp,*

*Trăng soi nhòa mấy lớp bia tâu!*

*Mây che bao năm đất vàng,*

*Sương sa sao giọt gò hang đối đời!*

.....

*Tò lòng ghi nhớ ơn sêu,*

*Điều người thiên cổ mấy câu ca rằng:*

*Đỉnh núi Sam gió xuân thổi ngọt,*

*Triền núi Sam móc ngọt đượm nhàn.*

*Hợp nơi nhà vắng reo mừng,*

*Hồn ơi, hồn hỡi mùa đùng luyến xa!*

*Cõi văn báo hay là xe ngựa,*

*Cánh chia ly gọi ủa lệ hồng,*

*Phương Tây vó ngựa ruổi đông,*

*Núi Sam sừng sừng như trông theo hồn...*

Đã tỏ xong lòng ngưỡng mộ tiên nhân, du khách sửa soạn dâng sơn bằng hai con đường để đi kể trên. Một đường nằm sau chùa Tây An và một đường phía sau lăng Thoại Ngọc Hầu.

Từ con đường mòn quanh co leo theo những mỏm đá cao, lên khoảng 100m là đã thấm mệt, chúng ta phải nghỉ để thở. Dọc theo đường lên ta gặp vài ngôi chùa hoặc am lá thờ Phật, khói tỏa nhẹ nhàng trong gió, lầu lầu vài tiếng chuông ngân nhẹ nhắc nhở kẻ dâng sơn vào lễ Phật và uống một chén trà hay tô nước mưa mát rượi.

Nghỉ chum một chốc, mọi người lại leo lên.

Những người dưới đường tình lộ nhìn lên thấy đoàn leo núi mặc đủ áo màu xanh đỏ, tím cam, đang leo bờ chằm chằm, trông nhỏ xíu như những hình người tí hon trên hòn non bộ (giả sơn) rất ngoạn mục.

Các bạn trẻ tuổi trẻ khỏe chum, liếng xáo lúc ban đầu đùa giỡn trêu chọc nhau, cười nói huyền thuyên giờ đây cũng thấm mệt, đã bớt nói để thở, trong khi các cụ già lớn tuổi cứ từ tốn leo từng bước, từng bậc, miệng niệm Phật với lòng thành tín tưởng nên như chưa thấy mệt.

Gần đến đỉnh có một hang dơi, phía ngoài sơn vôi trắng xóa. Đây là một hang lớn có nhiều dơi ở. Phần dơi hơi hám nên ít có người vào hang, du khách chỉ ngồi phía ngoài trên vó đá lớn tương đối phẳng phiu để đón gió mát cho bớt mồ hôi và lấy lại sức khỏe trước khi vào lễ Phật ở ngôi chùa cổ tại đây.

Ngôi dưới mấy cây diệp, mấy cây sứ cùi gốc sần sùi, hoa trắng điểm nhụy vàng, du khách cảm thấy như đã xa thế tục. Nhìn xuống chum núi thấy xe cộ nhỏ xíu như đồ chơi trẻ con và đám người trẩy hội đang cheu chúc giữa... bụi đời.

Từ chùa này lên đỉnh núi tương đối dễ đi vì có nhiều người thiện tâm cúng tiền để chùa xây bậc xi măng. Một vài khoảng đá trống trải dưới gốc cây me tàng lá mát rượi hoặc cây bông sứ dang nở hoa vàng, các cô gái vùng này biết rõ ai ai leo núi đến đây đều khát nước nên đặt sẵn chiếc bàn và vài cái ghế nhỏ để bán nước đá chanh, nước dừa, lợt ế.. Nhiều thức uống như vậy nhưng nếu người đi nhiều, sành điệu, họ chỉ chọn uống hai loại là nước thốt nốt và nước non cây trôm. Chỉ có miền Tây mới có nước cây thốt nốt, tại sao không uống cho biết? Cây thốt nốt mình trôm, thân thẳng đứng như cây dừa, rất khó leo. Cây trồng trên 30 năm mới có trái và có liên tiếp quanh năm đến già cả 100 năm nên người Miền rất quý loại cây này. Toàn bộ trái, thân, lá cây đều có ích lợi. Trái thốt nốt ăn ngon như trái dừa nước Việt Nam nhưng người ta lấy nước từ buồng trái khi còn non để nấu đặc thành loại đường thốt nốt thơm ngon.

Người ta lấy nước vào mùa nắng từ tháng 10 đến tháng 4, còn trong mùa mưa thì dành lại để ăn trái. Kỹ thuật lấy nước thốt nốt cũng khó khăn, đòi hỏi người trồng phải bạo dạn chịu khổ. Vì cây thốt nốt cao và phải leo lên leo xuống hàng ngày nên người dân tại đó (đa số là người Việt gốc Miền) không dùng nài bằng dây để leo như người Việt mà làm một loại thang bằng cây tre. Cây tre này có tên là cây kê nê có mỗi mắt khoảng hai gang tay, các mắt tre có nhánh nhỏ đâm ra. Người ta chặt nhánh nhỏ chừa lại độ 1 tấc đủ cho bàn chum đứng lên, các nhánh nhỏ này cách khoảng 3 tấc. Cây tre được cột chặt vào thân thốt nốt, nếu một cây tre không đủ tới ngọn thì phải chập thêm, có khi đến 2 hoặc 3 cây tre. Nhờ thang này người trồng leo thốt nốt dễ dàng ít sợ nguy hiểm. Lúc buồng chưa trở trái ra hẳn, còn nằm trong mo nang, bông vừa tượng trái bằng cỡ trái quít, người ta chằng cái buồng và ép bằng những cây

keo bằng tre như cây kềm để bường mềm thịt mới có nước. Ba hôm sau, người ta dùng dao thật bén cắt chót bường chút xiu độ 1 phân bề dài, đoạn cột dưới đó một ống tre để hứng nước. Khi tre dùng hứng nước là loại tre thân to gọi là fô ô. Người ta xong khối cho nước thốt nốt có mùi thơm, nhưng có người không chịu được vì chê hôi khúi. Phải là dân miền Tây lại đã từng biết mùi vị này mới thấy đến đây mà không nước thốt nốt lại uống nước cam hay xá xí thì...uống quá.

Đỉnh núi Sam đây rồi, đỉnh núi với pháo đài 2 tầng sừng sững trước mặt nằm trên khoảng đất rộng dưới mấy cây diệp (phượng vĩ) tàng lá xanh um. Đến mùa bãi trường, những cây phượng này nở rộ hoa đỏ đẹp vô cùng. Tầng dưới của pháo đài không vách, chỉ trảng xi măng, các bà già, các du khách lớn tuổi cứ vào ngồi nghỉ thoải mái và bày thức ăn ra lót dạ. Du khách có thể lên tầng trên bằng một thang gạch xây theo khu ốc. Phía trên là sân thượng rộng, ngang 12m, dài 25m. Một góc sân thượng là gian phòng đóng cửa kín đáo. Đây là nơi dành riêng cho công chức Châu Đốc có phép đến nghỉ ăn đường (trước 1975).

Du khách đứng trên sân thượng nếu có ống dòm sẽ nhìn thấy chợ Tân Châu mờ mờ phía Đông Bắc và chợ Nhà Bàng phía Tây Nam. Với đôi mắt thường chúng ta chỉ thấy chợ Châu Đốc với phố xá mái ngói đỏ, hoặc nhìn về phía Bắc để thấy con kênh Vĩnh Tế thẳng như làn gạch rõ ràng giữa hai bờ cây xanh. Chúng ta sung sướng thấy quê mình đẹp tươi với những ô ruộng màu xanh mướt nằm cạnh màu cỏ vàng loang loáng nước, chạy dài đến tận chân núi Sập, núi Dài.

Kinh xáng nổi liền sông Hậu với Tri Tôn, kênh Thoại Hà đem nước sông Hậu về đến Rạch Giá, cũng do Ông Nguyễn Văn Thoại trông coi đào, chày mút mát đến tận chân trời. Những con kênh đào này giúp cho dân lưu thông dễ dàng và rút sạch nước phen vùng đồng lúa bao la, giờ này đứng trên cao nhìn xuống như tấm bản đồ khổng lồ lung linh màu sắc của vùng Thất sơn.

Mặt trời đúng Ngọ, mọi người đi tìm những mỏ đá phẳng có bóng mát để bày thức ăn trưa. Cuộc dâng sơn cũng như mọi cuộc cầu trại, ai ai đều thấy đói bụng vì leo núi nên từng nhóm năm ba người, từng gia đình ngồi ăn uống vui vẻ. Đây không phải là cửa chùa nên phân đồng đều mang thức ăn mặn. Thức ăn là sản phẩm độc đáo của Châu Đốc : mắm thái.

Đến Châu Đốc viếng núi Sam mà ăn mắm thái với thịt heo luộc xác mỏng cuộn với rau, bánh hỏi hoặc bún, thì... khỏi chê. Thức ăn không cần để trong chén bát, hoặc ăn bằng muỗng, đũa vì phải mang công kèn lên núi, mà chỉ đựng trong lá sen. Loại lá sen này gói bún hoặc bánh hỏi tạo thêm hương thơm. Rồi rau thơm, mắm thái dịu ngọt sẽ làm cho ai đã đến Châu Đốc một lần đều nhớ để mỗi năm phải đi nữa. Nếu vì lẽ gì không đến được, họ vẫn tìm cách gói búp bê mua dùm. Nhưng như đã nói, phải leo núi thăm một mới thấy ngọn gió trên cao là quý và phải bóc ăn bằng tay loại mắm thái với bánh hỏi này trong lá sen, dưới tàng cây phượng vĩ trên vồ đá ở đỉnh núi Sam, mới thấy được vị ngon lành.

Các cụ già hà hê vì đã được viếng non, ngà lưng thiu thiu, trong khi các bạn trẻ có mang theo đàn ghi-ta đang nhún phún cho bạn bè thưởng thức. Mọi người như quên hết các phiền toái hàng ngày. Các tranh giành đua chen của xã hội như lắng đọng ở dưới xa.

Trời xế chiều, một số người rục rịch xuống núi. Đi xuống để hơn đi lên nên mọi người xuống nửa giờ là đến chân núi.

Du khách lại tiếp tục đi theo đường hướng về chợ Bến Đá. Đi khoảng 500 thước để viếng Bạch Vân tịnh xá, nằm trên một vồ đá thanh tú cao độ 100m.

Đường lên Bạch Vân tịnh xá được xây xi măng và lót đá rất dễ đi. Công trình xây dựng cảnh đẹp nổi tiếng này do thầy giáo Phạm Ngọc Đa tự Bạch Liên và một nhóm bạn bè có đạo tâm ở tỉnh đứng ra trông nom.

Leo lên mấy trăm bậc thang, cũng phải mấy lần dừng lại để thở, chúng ta sẽ đến khoảng đất rộng nằm giữa những vồ đá cao, có những hang thiên nhiên lộng gió. Trên một vồ đá lớn, tượng Phật Thích Ca lúc đang tu khổ hạnh, người gầy trơ xương, nét mặt từ bi nhìn xuống những người mộ đạo đang qui lạy khấn vái. Phía sau tượng có một cây đa mọc từ kẹt đá che phủ nên nhìn tượng Phật Thích Ca ngồi dưới gốc cây đa mọi người liên tưởng đến cõi bồ đề.

Du khách lạy Phật xong đến ngồi dưới bóng mát cây cao đón gió lồng lộng hay vào các hang đá quanh đó ngả lưng nằm nghỉ. Trong và ngoài hang, những mỏ đá, những gốc cây già đều có khắc tên du khách lưu niệm. Nét sơn đỏ, mực đen bị mưa gió và thời gian làm phai mờ dần.

Mặt trời sắp lặn sau núi, hoàng hôn ở vùng núi xuống màu lam. Nếu du khách muốn ngủ đêm trên Bạch Vân tịnh xá cũng có nhiều chỗ rộng để nhìn sao trời, nhưng phải coi chừng cái lạnh của hơi núi, sương khuya...

Rạng sáng hôm sau, trời còn mờ hơi sương, tiếng chuông chùa ở các am lá gần đó ngân đều đều buổi công phu như kêu du khách thức dậy sửa soạn xuống núi để qua thăm chùa Hang gần đó.

Du khách xuống núi lòng còn luyến lưu Bạch Vân tịnh xá. Họ bước về phía chùa Hang gần đó khoảng 500m.

Qua khối miếu Âm Hồn, nơi thờ cúng vong hồn trong nghĩa địa phía sau, chúng ta sẽ thấy ngôi chùa Hang trên triều núi. Thấy gần nhưng vẫn phải đi và leo hơn nửa giờ mới tới. Chùa được nổi tiếng vì có một hang sâu thâm thẳm u, chưa ai biết bao sâu và ăn thông đến đâu vì chưa ai dám đi thám hiểm. Lúc trước cũng có người bạo gan đốt đèn dầu chai đi vào, nhưng có lẽ không đủ dũng

cụ nên không dám tiếp tục đi xa. Hiện nay Nhà nước ra lệnh bít cửa hang nên du khách sau này đến chùa chỉ được thấy một vách tô vôi nằm phía sau hậu liêu.

Tương truyền hang này thông ra tới biển vì có người nói nếu bỏ xuống hang trái bưởi sẽ tìm lại được trái bưởi này ở bãi biển Hà Tiên.

Theo chúng tôi thì khó có cái hang nào ăn thông trên trăm cây số tại miền Tây này dù núi Sam ngày xưa là một cái hòn trên biển. Có thể có hang luông ra khỏi chân núi, nhưng nếu có, chắc hang này chỉ ăn thông ra kênh Vĩnh Tế, trái bưởi sẽ trôi ra đây rồi từ từ theo kênh Vĩnh Tế trôi vào sông Giang Thành để tấp vào mũi Nai gần chợ Hà Tiên.

Như mọi ngôi chùa trên núi, chùa Hang cũng có một bể nước mưa khá lớn chứa đủ nước cúng Phật và uống quanh năm. Du khách uống tô nước mưa, rửa mặt cho mát mẻ, vào lễ Phật xong, già từ Thầy, hạ sơn.

Đến đây chỉ còn vài trăm thước là tới chợ Bến Đá. Một số các bà, các cô thích đi chợ để tìm mua sản phẩm địa phương như quạt làm bằng lá cây thốt nốt, chiếc đem dẹt bằng cọng bằng êm ái, nhưng loại quả mà mấy bà thích mua để ăn hoặc biếu bà con là đường thốt nốt. Sau khi nước thốt nốt lấy trên cây đem xuống nấu đặc lại, cho vào khuôn tròn nhỏ đẹp, thành từng tảng. Sếp 10 tảng trong một gói như đòn bánh tét cũng bằng lá thốt nốt. Loại đường này ăn với dưa gang, hay ăn từng miếng nhỏ, uống với nước trà rất ngon mà không sợ đau bụng.

Chợ Bến Đá lều tều họp sớm mà cũng tan sớm, chỉ có dân địa phương và dân Miên trong sóc phía Nhà Bàng đem sản phẩm đến mua bán, nhưng nhờ mỗi tháng có ba phiên chợ mua bán trên bờ nên nơi này nhộn nhịp hẳn lên.

Vài chiếc xe ngựa dẫu dấy chờ khách đi vào chợ Nhà Bàng. Vài chiếc xe đồ nhỏ cũ kỹ chào mời du khách đi viếng chùa Phi Lai, hoặc đi chơi Tịnh Biên, một chợ quận sát biên giới có nhiều hàng hoá từ Miên chở sang.

Tiếng người từ phía Miếu Bà không vắng nghe đến đây nhưng du khách phải quay lại để kịp chuyến xe trở về với đô thị ồn ào ...



# Chén TRÀ XUÂN

Võ Đức Tiến

**K**hâm hô thật to " có mặt". Đứng bật dậy. Có lẽ đây là lần hô to nhất. Lần đứng dậy nhanh nhất trong sáu năm. Những lần khác Khâm hô chỉ vừa đủ nghe. "Có gì đâu mà phải lớn giọng". Chỉ không hô lên thì mới có chuyện phiền phức thôi. Và mỗi khi đứng dậy thì rất là thong thả. "Ồ tù thì có gì mà phải vội". Từ từ chống dít lên trước, cho mỗi người nhìn một tí. Sau đó hai tay chống đầu gối đẩy phần đầu lên. Đội chiếc mũ vải cũ lên đầu, mái tóc lưa thưa những sợi trắng. Xách chiếc túi dệm đã xờn rách. Có mấy chỗ được vá lại bằng những mảnh vải mang nhiều màu khác nhau. Trông giống một bức tranh lập thể vụng về, của một họa sĩ mà tài năng chỉ có thể vẽ được mấy con chim cu. Nhìn nghèo nàn nhưng cũng vui mắt. Trong túi chứa mấy món rất thân; một chiếc bàn chải đánh răng cũ, mà những sợi Nylon cong vòng như râu bắp. Hai chiếc quần ngắn, đã phải vá cả hai mặt. Mấy ống lon đựng mắm muối. Cùng túi mùng mền.

Khâm là người sau cùng được gọi tên. Bước ra, đứng xếp hàng một theo những người bạn đồng cảnh ra công.

Đây là cái cổng thứ năm của ngày tháng lưu đày và là cái cổng duy nhất của trại này. Cổng nhìn rất quen. Hầu như ngày nào chàng cũng phải nhìn. Sáng đi ra nhìn, chiều tới đi vào nhìn. Khâm đã đi, và nếu ngồi tính cho kỹ thì còn mấy hôm nữa là tròn mười lăm tháng. Cánh cửa cổng bằng cây rừng. Không to lắm. Vò đã được róc sạch. Thớ gỗ nức nẻ dày dạn mưa nắng. Đan mắt cáo, bằng giầy thép gai. Cánh cổng được kéo ra kéo vào mỗi ngày vài ba lần nên phần gỗ mài xuống đất đã mòn, nên hơi nghiêng trên nền đất đỏ có hai đường rãnh cong cong. Những sợi giầy sắt hàng rào đã rỉ sét. Những trụ rào cũng đã bắt đầu mục gốc long đinh. Những người đi ra đi vào ốm hơn, bước chân nhẹ hơn, nên lối mòn có lõm xuống nhưng không sâu thêm mấy.

Ra khỏi cổng Khâm không quay nhìn lại nhưng biết phía sau lưng cổng được đóng lại. Tiếng gỗ mài lên trên nền đất khô, cũng tiếng kéo kẹt, âm thanh là lạ chàng chưa bao giờ bận tâm để ý đến. Hôm nay Khâm nghe và thầm nghĩ đến khúc nhạc tiền đưa. " Ừ cũng phải thế chứ. Khi đón chàng và các bạn vào cũng có tiền hô hậu ủng. Súng ống nườm nượp. Thì hôm nay đi ra cũng có chút gì chứ".

Con đường đất đỏ, ngoằn ngoèo, lồi lõm. Từ trên cao nhìn xuống giống như vết rách rướm máu của khoảng rừng xanh um. Lối ra Quốc lộ vắng hoe. Con đường dành cho những người tù, cho những người chân tù và thỉnh thoảng những người đi thăm tù. Khâm đứng lại. Cúi xuống tháo đôi dép râu ném thật xa về hướng bia rừng mỗi bên một chiếc. Người bạn đi bên cạnh thác mác:

- Đôi dép còn xài được quá chứ ,sao liêng uống vậy cha?

Khâm nhìn người bạn bằng ánh mắt cao ngạo. Gục gặc đầu thừa măn trả lời:

- Đi chân đất tôi thấy lịch sự hơn đi đôi dép đó.
- Vậy sao bây giờ mới chịu liêng bở?
- Khi ở tù thì mình mang dép tù, ra ngoài thì cũng phải lịch sự một tí chứ.

Hai người khúc khích cười. Chẳng ai nói gì thêm. Hầu như mọi người cũng đã mỗi một quá rồi với những lo nghĩ. Bốn người leo đèo đi như những người tù. Sau sáu năm khiến dáng đi của họ trở nên giống nhau hơn. Đầu cúi xuống, chân kéo lê. Bốn người bệnh nên đi chậm quá. Khi họ ra đến Quốc lộ thì đã quá trưa. Không còn chiếc xe chở khách nào chạy qua nữa.

- Chúng ta đi về hướng này. Khoảng chục cây số sẽ có một ngôi làng.

Tiếng Khâm phá vỡ cái im lặng, ngọt ngào. Bốn người, có ba người chống gậy. Họ đi thành một hàng dọc, theo kiểu người đi trong rừng, tiếng gậy khua lọc lọc, tiếng dép kéo lê. Khi nắng chiều xuống ngang đợt cây thì bốn người ngồi nghỉ trước cổng nhà thờ. Ngôi nhà thờ vắng như một cái miếu con bên vệ đường. Hai cánh cửa sắt sơn xanh được khóa cẩn thận bằng sợi giây xích to, và một ổ khóa đen dùi, dán một tờ giấy đã bạc màu nhưng không ai buồn đọc. Không đọc cũng biết tổng.

- Anh Khâm, hay ta nấu lấy một bình trà nóng rồi hãy đi tiếp?

Người bạn có đôi mắt sắp mù hỏi Khâm. Vì ai trong bốn người cũng đều biết chàng là người bệnh khỏe nhất. Chàng chỉ bị sốt rét, ngoài những lần lên cơn sốt thì chàng khỏe hơn các bạn. Mỗi ngày lên vài cơn, đã mấy năm nhưng vẫn còn sống. Chúng chỉ làm hư một vài thứ trong bộ đồ lòng.

- Không, hãy đi thêm một chút nữa tìm nhà xin ở qua đêm, rồi có muốn nấu gì thì tôi nấu.

- Anh cũng nên nghỉ một chút chứ, nhìn anh gánh một lúc mấy gia tài. Thật tội ngại quá.

- Phải đấy.

Cả mấy người cùng góp ý. Nhưng Khâm vẫn đi. Cả đoàn đi theo. Những người Khâm gặp trên đường lộ, hình như ai cũng vội. Hình như ai cũng xác xơ. Giống như mấy cái mũ, mấy bộ quần áo của bọn chàng đang mặc. Tả tơi cả rồi. Khâm gạt đầu chào người đàn ông đứng trước ngõ, đang tựa lưng vào cánh cửa gỗ. Cánh cửa ọp ẹp, làm bằng những mảnh ván vụn, đủ hình đủ dạng.

Hai người trao đổi mấy câu. Người đàn ông dẫn bốn người đi qua quãng sân trống. Nắng đã tắt, buổi chiều càng thêm vắng. Bên mái hiên căn nhà lá cũ. Bốn người quây quần quanh bữa cơm chiều. Trừ Khâm ăn ngon lành, mọi người ăn qua loa rồi đi nằm.

Trong đêm vắng, thỉnh thoảng mới vài tiếng thở dài. Mỗi người mỗi cảnh. Niềm vui của người này lại là nỗi buồn của người kia. Vui buồn lẫn lộn nên không ai muốn nói gì. Chung sống với nhau lâu quá nên biết nhau rất rõ. Không chỉ rõ về bản thân nhau mà còn rành về gia đình nhau. Người trở về sum họp. Kẻ trở về nhìn rõ hơn những đắng cay.

Khâm chui vào mùng và nghĩ đến Thanh; đến sáu năm xa cách. "Sáu năm dài quá". "Ừ. Sáu năm dài quá, làm sao mà chờ mãi được". Khâm nghĩ đến lá thư cuối của nàng. Những lời nhắn nhủ, chia ly. "Chắc nàng phải đau khổ lắm". "Làm sao mà không đau khổ". Khâm quay mặt vào trong. Một chút ánh sáng lạc lõng chiếu qua lớp lưới mùng rọi lên vách lá những hình ảnh kỳ dị. Chàng nhắm mắt chờ những cơn sốt sắp về, những cơn sốt tàn nhẫn đã sơn lên thân thể gầy còm của chàng một màu vàng nghệ. Có lẽ chàng là người Việt có nước da vàng nhất. Không chỉ vàng da, mà vàng cả mắt. Những cơn sốt đến thật nhẹ nhàng. Những cơn rét mà chiếc mền dày cũng chỉ như tờ giấy báo. Chúng từ già chàng khi trời sáng. Tiếng ồn của một chiếc xe già nua nào đó. Đánh thức mọi người dậy. Khâm nổi lửa vừa nấu vừa sưởi. Một buổi sáng thật lạ. Có tiếng còm ròm của mấy con vịt đi lang thang. Có tiếng con nít khóc o oe đầu ngõ.

Chào người chủ nhà nghèo với mấy đứa con nheo nhóc. Đón chiếc xe cũ, lớp sơn loang lổ bạc cả màu, không còn biết là màu gì? Có những người lơ xe lớn tiếng và cô soát vé mặt lạnh lùng, danh đá. Xe chạy chậm như ngày tháng, ngã nghiêng theo những ổ gà, ồn ào xuyên qua những làng xóm, núi đồi. Khâm dõi mắt nhìn quanh. "Mới chỉ mấy năm mà đã lạ đến thế ư?"

Một buổi chiều chiếc xe cũng bò về đến chỗ. Bỏ Khâm và người bạn sấp mủ xuống ngã ba. Tiếng máy xe âm ỉ, những âm thanh già cỗi, để lại những đám khói đen, bụi đỏ.

Khâm gánh trên vai mấy túi đi thông thả. Tay nắm gậy đất bạn. Con đường đầy hàng quán. Người ngồi nhàn nhả. Mùi thịt nướng tỏa thơm ngát, hòa với mùi khói xăng, bụi. Lạ quá. Lòng vòng mấy con đường đưa bạn đến nhà. Khâm đưa tay đẩy cánh cổng sắt màu trắng. Tiếng cửa kêu khiến người trong nhà thò đầu ra nhìn. Một mái tóc dài; dài như tiếng la, tiếng gọi, tiếng chán. Những vòng tay ôm chặt vỡ ra tiếng khóc, những chiếc áo đủ màu bao quanh màu áo lính xác xơ. Đôi mắt người bạn lơ lảo, chớp chớp, dõi tìm, những giọt nước mắt lăn trên má hóp. Trên những đôi mắt thơ ngây đen nhánh. Những cánh tay dài ngấn vươn ra, bầu vú, nắm, rờ. Những tiếng gọi ngọt ngào, hạnh phúc tuôn ra theo dòng nước mắt.

Khâm ngồi xuống thềm xi-măng. Nhìn ra khoảng sân rải rác xác của những cánh hoa giấy. Tiếng máy con chim se sẽ đang đùa với nhau. Lữ đừ, tháo mấy túi xách của bạn để ra một bên.

Một lúc sau đứng dậy mang đồ đạc lên vai đi. Tiếng gọi riu rít như chim rùng, trong căn nhà hạnh phúc. Khi to khi nhỏ. Bố ơi, Anh ơi, Ông ơi. Khâm thờ dài. "Hôm khác sẽ trở lại". "Ừm! hôm khác sẽ trở lại". Khâm bàng lòng lăm với ý nghĩ mới. Đầu óc hỗn loạn, hoang mang chứa đầy những ngổn ngang, như những mầm non đâm bấp chằng mới từ giữa hôm nào. Bước mấy bước ra lại con đường phố ồn ào. Lếch thếch đi. Nắng oi bức. Khâm lui vào con đường phủ lá me. Đi lại những con đường quen thuộc. Đi, đi mãi. Và bỗng thấy mình lạc lõng, nghèu quá, giữa hàng quán đầy hai bên đường. Dừng lại ở góc phố mua mấy củ khoai luộc. Ghé bên hè ngồi nghỉ. Tựa lưng vào cánh cửa sắt. Nhai chậm chậm những củ khoai nguội. Nhớ về một lá thư, lá thư nhàu nát theo tháng năm, nhoe nhoẹt, sờn rách vì những lần đọc. Ôi! những lời từ già? Tiếng cửa mở, âm thanh xiêng xích đã man. Tiếng người hách dịch.

- Đây đi chỗ khác mà ngồi.

Khâm quay lại nhìn, đôi mắt vàng bệnh hoạn, bỗng rực sáng đỏ lửa.

- Tôi ngồi ở hè phố; hè phố thì của mọi người, hè phố là của riêng ông đâu?

- Đây đừng có ngang bướng ông gọi công an công đầu cho đấy.

Khâm đưa miếng khoai còn lại vào miệng, thông thả nhai, xoa hai tay vào nhau. Đứng dậy cười khinh bỉ.

- Công. Mở mồm ra thì chỉ cùm với công. Công cái con c... của ông đây này.

Người chủ nhà có mái tóc bạc nước da tái tái, mặc chiếc áo sơ mi trắng, chiếc quần kaki màu xanh, chân mang đôi dép râu, bỗng đỏ lên. Tiếng nheo nheo của đàn bà từ trong nhà hỏi vọng ra:

- Chuyện gì vậy hả mình?

Người đàn ông quay mặt lại nói với vợ hán từ trong nhà đi ra.

- Quân mất dạy, lì lợm, ngồi ở cửa nhà, tôi đuổi đi còn giờ c... giờ d... ra.

Người đàn bà mặt, tóc bới, dáng đi nặng nề. Giọng miền Nam có vẻ dịu hơn.

- Thôi chú em ngồi một chút rồi vui lòng đi chỗ khác đùm. Hổng giấu gì chú cũng có nhiều người ngồi, rồi xả rác rến đây ra đó. Bực mình lắm chú ơi! Trước cửa nhà nhìn mà ai lại không bực. Chú thông cảm đùm tui tui.

Khâm cười, mặt khinh khinh.

- Bà nói nhà này là nhà của bà. Thế bà có biết nhà này xây từ khi nào không?

- ??

- Hàng rào phía sau nhà có bao nhiêu trụ không? Sân phía sau lát bao nhiêu gạch bà có biết không?

- ??

- Và trên cây nhãn có bao nhiêu cụm Phong Lan bà biết chứ?

Những câu hỏi của Khâm khiến người đàn ông sựng lại. Buồng mình ngồi chồm hổm trên thềm. Người đàn bà mặt chùn xuống buồn bã.

- Chúng tôi được sở nhà đất cấp cho căn nhà này. Nhà của những người bỏ chạy ra nước ngoài.

- Chà chạy đi đâu. Tôi đi tù.

Người đàn ông hình như cảm thấy ngượng nên không nói gì nhiều. Nhưng cũng hỏi.

- Cậu đi tù vì tội gì?

- Phải có tội thì mới đi tù hay sao?

Người đàn ông bỗng to tiếng. Và như có ai thợ dao vào dít. Ông ta vùng đứng dậy. Đưa ngón tay vàng khói thuốc chỉ vào Khâm.

- Đây ông bảo cho mà biết, đừng có xuyên tạc nhá. Chánh sách của nhà nước ta... ta... nà...

Ông bỏ lưng câu nói. Khi nhìn thấy Khâm đưa hai ngón tay lên bịt hai lỗ tai.

- Thôi cha nội ơi!

Khâm lắc đầu, phủi dít, trước khi mang mấy cái túi lên. Chàng đưa tay chỉ người đàn ông.

- Ce qui est à Cesar, rent à Cesar.

Nghe chàng nói, cả hai vợ chồng dục mặt như ngỗng nhìn. Chả hiểu Khâm nói gì. Nhưng cả hai vợ chồng cũng có chung một ý. Người đàn bà chắt lưỡi, ngược mặt nhìn chồng.

Khâm lại đi. Chàng cười cười, những gì của Cesar thì trả lại cho Cesar, những gì của chàng cũng phải trả lại cho chàng chứ. Cướp được à?

Đêm xuống dần, thành phố đã lên đèn. Chàng đi làm lụi. Con rét lại về. Khâm quần chân nằm ở ghế đá công viên. Nơi đây ngày nào mình đã ngồi với nhau em nhỉ? Những buổi trưa hực nắng mình ngồi uống nước dừa. Những đêm lạnh gió mình ngồi nghe hơi thở của nhau. Em điệu lắm, mỗi lần mình đi chơi với nhau, lại ướp một tí nước hoa. Mùi gì nhỉ? Chả nhớ được. Anh chỉ nhớ, anh rạo rục. Chỉ muốn hít thật gần. Gối đầu lên những kỷ niệm Khâm ấm được đôi chút. Chàng nhìn lên khoảng trời cao đen đặc. Hồi nhỏ chỉ vừa đủ một mình chàng nghe. "Bây giờ em đang ở đâu? Có xa như những vì sao kia không?"

Tiếng lá mấy cây me rì rào trên đầu. Bỗng trong im lặng. Tiếng đi dưng vang khắp nơi. Khâm chồn người ngồi bật dậy, hoảng hốt. Không lẽ... Không lẽ. Con rét như tan biến theo những tiếng nổ đòn. Khâm tung ra khỏi mền, đứng nhìn lơ lảo, hai tay run run. Nhìn trái rồi lại nhìn phải, chạy bên này, chạy bên kia. Thoảng đưa trong gió đêm xuân mùi thuốc pháo. Tiếng pháo

giao thừa. Khâm quì xuống đất, hai tay ôm mặt, vai run run. Một lúc lâu khi những tiếng pháo trở nên rời rạc, chàng trở lại ghế ngồi. Trong ánh sáng mờ ảo của mấy ngọn đèn vàng soi trên nền cỏ, bóng hai bức tượng. Bức tượng người chiến thắng, đứng cao ngạo nghễ. Vai phủ đầy cát chim. Bức tượng ngời co ro.

Khâm lục đục lấy bếp con nhóm lửa nấu nước. Khi lon nước sôi tiếng reo kéo Khâm ra khỏi những mơ mộng. Chàng đổ tất cả phần trà vụn còn lại vào chén, pha trà. Khâm vo vo tí thuốc lão, rít một hơi rồ dài, thụt nồ, con say thuốc mộng mị, khói thuốc tan loãng trong đêm, chàng top một ngum trà, một ngum trà ngày xuân. Thành ghế đá, đã ướt chút sương giao thừa. Có những cánh cửa đã mở, có những cánh cửa đã khép. Nhưng chàng vẫn hy vọng có một cánh cửa nào đó sẽ mở ra cho mình.





# NĂM TÝ

nói chuyện

# CHUỘT

Người Quan Sát

*Tuổi Tý con Chuột trong nhà  
tha gạo tha nếp tha đòn xuống hang  
Tuổi Sửu con Trâu kèn cồng  
cày chưa đúng buổi nó mang cày về  
Tuổi Dần con Cọp dữ ghê  
bất người ăn thịt đem về non cao  
Tuổi Mão là con Mèo ngao  
hay quấu hay quào ăn vụng thành tinh  
Tuổi Thìn Rồng ở thiên đình  
hô phong hoán vũ ý mình trên mây  
Tuổi Tỵ Rắn ở cỏ cây  
nằm khoanh trong bóng không hay  
điều gì  
Tuổi Ngọ Ngựa ở đen xì  
ý mình sức mạnh kể gì đường xa  
Tuổi Mùi là con Dê chà  
có sừng có gạc râu ria um tùm  
Tuổi Thân con Khỉ trong lùm  
chuyên qua chuyên lại té liền xuống  
hang  
Tuổi Dậu là con Gà vàng  
có mồng có tí gậy ở ổ o  
Tuổi Tuất là con Chó cò  
nằm khoanh trong lò lửa mũi lõ lem  
Tuổi Hợi là con Heo hèm  
ăn no lại nằm đợi đến bữa sau.*

Năm nay là năm Bính Tý, năm con Chuột, con vật được vinh dự đứng đầu mười một (11) con vật to xương lớn xác khác trong 12 chi của chu kỳ một con Giáp gồm 12 năm.

Người viết tự hỏi tại sao nó nhỏ con như vậy mà người xưa lại cho nó lãnh ấn tiên đạo dẫn đường cho mười một con vật khác. Tôi đoán có lẽ người xưa cho nó tuy nhỏ con nhưng là loại phá hại và truyền bệnh dịch hạch cho con người ghê gớm nhất. Hơn nữa nó ở khắp mọi nơi, từ trên ghe, trên tàu ở dưới nước, đến ngoài đồng ngoài ruộng, vào tận trong nhà. Thủy thủ ở dưới tàu sợ chuột như người ta sợ cộng sản vậy. Một cặp vợ chồng chuột mà lọt được xuống tàu rồi, nếu không diệt được nó kịp thì, một thời gian ngắn sau

đó nó sanh con đẻ cháu ra hàng đoàn hàng lù tha lử mà cắn phá. Do đó những dây dỗi cột tàu, phía đầu gần bờ, người ta chận một cái mâm tròn bằng thiết để chuột không thể bò theo dây dỗi lên tàu được.

Ngoài đồng thì nó phá hại mùa màng và nông phẩm của nông dân, lúa, khoai, bắp, sắn v.v... nó vừa cắn phá vừa ăn. Còn trong nhà thì nó đào lỗ khoét hang, cắn bị thóc, xé bị gạo, thức ăn quên đây, vắng bóng người là nó nhào vào ăn ngay.

Nói tóm lại, trên đường sinh sống của chuột, nó phá hại từ thượng vàng đến hạ cám, không chừa bất cứ một vật gì, ăn không được thì cắn phá cho bỏ ghét!

Vậy dòng họ chuột có bao nhiêu loại, và sự tác hại do nó gây ra cũng như sự cống hiến bản thân nó cho khoa học ra

khoai, bắp v.v... Nông dân đào hang hoặc đặt bẫy bắt nó làm món ăn. Ở các tỉnh miền Hậu Giang như: Châu Đốc, Long Xuyên, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Rạch Giá... người ta bắt chuột đồng lột da đem ra chợ bán, các bà nội trợ mua về chế biến ra nhiều thức ăn như băm nhỏ xào sả ớt, xào lá cách lá lốt, làm nhum bánh xèo hay rô-ti nước dừa là những món ăn đưa cay hấp dẫn cho những người bọm nhậu.

**Chuột Cống:** To con, lông xù, có con lớn bằng con thỏ rừng, ực ịch như chuột cống. Nó ở dưới các ống cống trong thành phố, loại chuột này dụng gì ăn nấy, từ chó chết, gà vịt chết, đến đồ ăn hư thối đổ xuống cống, nên nó thường bị bệnh ghê lở và chính loại chuột này truyền bệnh dịch hạch cho con người.

**Chuột Ăn:** Có nơi còn gọi là con bọ, lớn hơn chuột cống, giống như con thỏ nhưng lông cứng, thường thì có hai màu, trắng và nâu đọt hoặc đen. Loài chuột này được nuôi trong nhà để dùng ở các phòng thí nghiệm thử thuốc và cũng có nơi nuôi để ăn thịt.

**Chuột Com:** Loại này nhỏ hơn chuột cống và to hơn chuột lắt, ở ngoài đồng hay



Chuột Cống

sao?

**Chuột:** Loại gặm nhấm, mỏ dài, tai nhỏ, lông nhiều, đuôi dài, phá phách.

**Chuột Đồng:** Loại chuột to con, ở hang trên gò cao hay ở theo bờ ruộng, nó phá hại mùa màng, ăn cua, ăn cá,

trên mái nhà.

**Chuột Lắt (hay chuột nhắt):** Lớn hơn ngón tay cái một chút, sinh sản rất nhanh, hay cắn phá giấy tờ, quần áo, bò vào thức ăn v.v... Ở thôn quê có nơi người ta cứ không dám kêu đến tên chuột lắt sợ nó phá mà chỉ gọi là anh

Tỷ dù biết người ta ngán-nó như thế nào. Từ sự ngán và sợ trở nên ghét nó, do đó người xưa có câu ca dao: *Cha đời chuột lắt nhà bầy, tảng đá rơi xuống thì mây gãy xương*. Để trả thù sự phá phách của chuột lắt, có người đặt bẫy bắt nó, xong may dít nó lại, thả nó ra, nó bí ỉa nó cắn đồng bọn nó chạy khỏi nhà và cắn chết luôn mấy con chuột con, sau đó nó cũng chết theo!

**Chuột Xạ** (còn được gọi là chuột Chù): Giống chuột nhỏ, mỏ dài và nhọn, đuôi rất ngắn nên mấy đứa trẻ ở thôn quê hay nhạo là: *Chuột xạ bỏ bầy bỏ bà, chớ cắn cụt đuôi*. Nó ở trong nhà, ban ngày không thấy đường nên luôn ở trong hang hay dưới gầm tủ, bò sát đất, không leo được cao. Ban đêm mới bò ra ngoài để kiếm ăn, khi bò nó thường kêu chít chít, có mùi hôi xạ khó ngửi nên mèo cũng ngán nó luôn. Do đó người nào ăn ở dơ dáy hôi hám người ta thường ví: *Hôi như chuột xạ*. Người nào chậm lụt người ta nói: *Lú đù như chuột chù phải khới*. Chuột chù đã là chậm lụt rồi, mà còn gặp phải khới thì khỏi phê bình.

**Chuột Dừa**: Loại chuột này như chuột com, lớn bằng cườm tay, phần lớn ở trên ngọn dừa, ít khi bò xuống đất. Thức ăn chính của nó là cái (com) dừa và nước dừa. Nó cạp những trái dừa nạo để ăn, trái nào nó đục khoét, vài ngày sau bị héo cuống rụng xuống đất. Người ta dùng một cái ống tre làm bẫy gác trên ngọn dừa để bắt nó, thức ăn để như nó là miếng dừa khô nướng cho vàng để phát ra mùi thơm. Thịt chuột dừa mà khìa (rô-ti) với nước dừa, thì thừa quý độc giả, theo người viết không có món nào hấp dẫn hơn! Người dân Bến Tre hay Mỹ Tho, không ai không biết món ăn quê hương độc đáo này.

**Chuột Bạch** (hay chuột Tàu): Loại nhỏ con, bằng ngón tay cái, lông trắng, được nuôi trong nhà để làm cảnh. Chuồng của nó có bát lông tròn có bánh xe khĩa để nó biểu diễn nó đùa. Nó cũng đóng góp quan trọng trong việc phát minh khoa học bằng cách hiến dâng thân thể nó trong các phòng thí nghiệm.

Kẻ thù của Chuột là Mèo cũng như kẻ thù của nhân dân trên thế giới hiện nay là Chủ nghĩa Cộng sản! Chuột thường than rằng: *"Trời sanh ra ta mà còn sanh ra thêm Mèo!"*

Có những tên hay vật được kêu tên Chuột hay Tỷ nhưng không phải chuột thật như: Giờ Tỷ từ 23 tới 1 giờ, Đường kinh tuyến (từ Bắc Cực xuống Nam Cực) đối với mặt trời thì ngày đỉnh đầu mình được gọi là Tỷ Ngọ Tuyến hay Đường Tỷ Ngọ. Bị vọp bẻ

gọi là Chuột Rút. Rễ cái của cây ăn sâu xuống đất gọi là Đuôi Chuột. Loại dưa leo nhưng trái nhỏ bằng ngón tay cái giống như con chuột lắt gọi là Dưa Chuột v.v...

## VÀI MẪU CHUYỆN

### VỀ CHUỘT

**Chuột dùng làm món ăn để đãi khách**

Theo sách vở ghi chép lại thì ở Trung Hoa ngày xưa có một bà Thái Hậu tổ chức một đại yến để đãi các Sĩ thần Tây Phương, tiệc kéo dài 7 ngày ròng rã, trong đó có một món ăn đặc biệt về chuột. Chuột bạch (chuột Tàu) được nuôi 3 đời bằng củ sâm, nghĩa là những con chuột từ khi mới biết ăn được cho ăn toàn là sâm. Những con chuột này lớn lên sanh con ra, tức là thế hệ thứ hai cũng được cho ăn toàn sâm. Khi những con chuột thế hệ thứ hai sanh những con ra tức là thế hệ thứ ba này. Những con chuột thế hệ thứ ba này



*Chuột đồng*

trông hồng hào và tròn trịa như củ sâm. Đầu bẹp bẹt các con chuột này đem lăn bột chiên cọng thêm một vài thứ thuốc bắc đặc biệt khác để đãi các Sĩ thần. Món ăn này đại bổ, có một cặp vợ chồng từ mười mấy năm lấy nhau không có con, sau khi ăn món chuột sâm này một tháng sau bà vợ mang thai! Không biết có thật không, vì thời gian quá xa lui về dĩ vãng làm sao phối kiểm được. Nhưng có một điều chắc chắn là các món ăn của Tàu thì thật cầu kỳ có thể nói là đã được nghiên cứu tinh vi từng món ăn do đó người ta thường mơ ước được Ăn cơm Tàu - Cưới vợ Nhật - Ở nhà Tây - đi xe hơi Mỹ là số dzách - Nummer eins - Number One!

### Chuột và Điều Hâu

Trước đây khoảng 60 năm, khi người viết còn 7 - 8 tuổi, Ba tôi đọc báo có kể lại cho Mẹ con chúng tôi nghe là ở bên Mỹ có một tiểu bang (tàu quá tôi

quên tên) có rất nhiều điều hâu. Loại chim này chuyên bắt chuột ngoài đồng ăn. Khi nào không có chuột nó quay qua bắt gà con ăn. Do đó nông dân mới gửi thư lên chánh quyền xin diệt trừ loại điều hâu ăn gà này. Chánh quyền chiều theo ý dân, vì ý dân là ý Trời mà! Thông báo là ai bán được một con điều hâu đem nộp cho chánh quyền thì được thưởng 5 đô-la. Một thời gian ngắn sau đó điều hâu bị bán gần hết. Lẽ dĩ nhiên là gà con không bị nó ăn nữa. Nhưng trái lại những con chuột đồng sanh sôi nảy nở mau lẹ và phá hoại mùa màng một cách khủng khiếp và không còn sợ bị điều hâu bắt ăn thịt nữa. Khi đó nông dân mới lấy làm hối tiếc việc làm thiếu suy nghĩ của mình trước kia, bèn gửi thư lên chánh quyền xin đừng bán giết điều hâu nữa để nó tiêu diệt bớt chuột. Chánh quyền (O.K) chấp nhận. Một thời gian sau chuột bị điều hâu bắt ăn gần hết, tình huống nó cũng có bắt gà con ăn nhưng không đáng kể bằng chuột phá hại mùa màng. Do đó người nông dân có thể chấp nhận được, hơn nữa đây là luật quân bình trong vũ trụ (*Loi de balance dans la nature*). Bất cứ một vật gì hiện hữu trên thế gian này cũng đều có liên quan hỗ trợ mật thiết với nhau trên bình diện này hoặc trên bình diện khác, không có vật gì thừa cả nếu ta biết áp dụng định luật trên.

### Chuột với hàm răng giã

Vào năm 1979, người viết đang bị tù cải tạo tại trại Tân Lập tỉnh Vĩnh Phú, ngoài Bắc, các bạn nào có ở tù tại trại Tân Lập đều biết có hai việc mà tù cải tạo sợ nhất, ngoài những tên công an giữ tù, là Rệp và Chuột. Mỗi buổi sáng chủ nhật tù cải tạo phải bắt rệp, đó là chính sách của trường trại! Rệp nhiều đến nỗi nằm ngủ trưa, rệp ở từng sạp trên thả dù rút xuống người nằm dưới để hút máu! Còn chuột thì sao? khỏi phải nói, nó nhiều cũng gần như số tù cải tạo, nhưng theo tôi nghĩ có thể còn nhiều hơn.

Ban ngày tù đi làm chân không dơ bẩn, trước khi đi ngủ không kịp rửa chân, tối ngủ chuột bắt mùi hôi bò đến gặm cắn ngón chân đến chảy máu. Thức ăn của người nhà thăm nuôi cho, tối không dám để ở ngoài sợ chuột ăn, đem vào để trong thùng tương răng được an toàn, nào ngờ dẫu, anh Tỷ đánh hơi, cắn thùng bỏ vào dộp, làm chủ nhân kêu oái oái. Có anh một đêm bắt được hai, ba con chuột ở trong

mùng. Anh nói: "Mày dớp đồ ăn của tao; Tao ăn thịt mày. Đây là luật nhân quả, đừng có than van gì cả!".

Trong lán tôi có Trg.T.K. có hàm răng giả, anh quí nó còn hơn chính bản thân của anh, nhờ nó mà anh mới gặm nhai được bo-bo, bắp để sống qua ngày. Anh thường nói nếu mất nó là đời anh tàn. Mỗi đêm trước khi đi ngủ, anh tháo ra lau sạch sẽ, gói vào một cái khăn, bỏ trong túi đeo lưng để trên kệ ngay đầu nằm. Một hôm gia đình anh ra thăm nuôi, cho anh nào thịt xào sả ớt, tóp mỡ ngào đường, bánh kẹo v.v... Anh đem về lán một số, còn một số phải bỏ vào thùng thiếc để trong kho. Tối đến, sau giờ điểm danh, vào lán anh kêu một số anh em lại chung vui với anh, mãi mê thảo luận việc trên trời dưới đất mà đến giờ ngủ không hay. Đợi trưởng ra lệnh tắt đèn đi ngủ, anh lật đật dọn dẹp thức ăn và không quên gỡ hàm răng ra, nhưng vì lính quýnh không chùi sạch sẽ nên còn dính thức ăn, anh vội nhét vào trong túi đeo lưng như thường lệ. Đến khuya chuột đánh hơi được, cắn rách túi đeo lưng tha mất hàm răng giả của anh. Sáng hôm sau thức dậy, lấy hàm răng thì mới hay là hàm răng đã bị chuột tha mất. Anh khóc ròng, xin Đới trưởng được ở nhà làm sạch sẽ lán để tìm, nhưng làm sao mà tìm được! Chuột tha nó xuống hang hay mang lên nóc nhà? Anh khóc và buồn bã mấy ngày vì ăn không được, răng đau mà nhai, chỉ có một hàm răng dưới, khi nhai răng đụng nướu trên làm chảy máu. Anh cắn bộ công an thấy vậy mới cho anh đeo một cái cối nhỏ bằng gỗ và một cái chày để giã bắp hay bo-bo. Anh thường than: "Chuột ơi là Chuột, Mì hại ta làm chi!

Nghe nói anh đã sang định cư tại Hoa Kỳ rồi, nếu anh đọc được những dòng chữ này, sẽ làm anh nhớ lại những ngày tù gian lao dưới chế độ cộng sản mà tự tìm cho mình một con đường đi sao cho xứng đáng với một cụ tù nhân cải tạo.

### Chuột ở Chùa Viên Giác

Vào năm 1993-1994, trong chùa mới Viên Giác không biết chuột lắt từ đâu đến mà nó sanh sản quá nhiều, nhất là ở nhà bếp, dưới hầm chứa thức ăn khô và hầm để chén đĩa v.v... Nó khoét hang từ dưới nền nhà bực chui lên, làm ổ dưới gầm bàn, trong học tù v.v... Ban ngày có người đang làm việc tại nhà bếp mà nó vẫn bò ra kiếm ăn như thường, coi ai nấy đều như không. Nó phá không thể tưởng tượng được, bao bị đựng gạo nếp nó cắn rách nát, nó bò

vào thức ăn, nó ỉa đái vào chén đĩa v.v...

Quý vị trong chùa tránh sát sanh không dám dùng bẫy đập để gài nó sợ nó chết, mới nhờ Đạo hữu Thiện Tấn (anh Tú) làm bẫy bằng lồng kẽm để gài bắt sống nó rồi đem đi cho thật xa thả nó ra. Nhưng gài chỉ bắt được một vài con trong khi nó sanh sản gấp năm gấp mười lần! Mỗi lần xuống hầm mở đèn lên nó chạy có bầy rần rần, mùi hôi từ nước đái và cứt của nó xông lên rất khó chịu.

Tình trạng này không thể kéo dài được nữa, vì một ngày nào đó nó sẽ bò lên phòng máy Computer cắn phá các dây điện trong máy thì nguy to. Do đó chúng tôi phải áp dụng biện pháp



Chuột lắt

chẳng dạng dưng là trình Thầy trụ trì kêu một hãng người Đức chuyên mò trừ chuột đến. Họ bỏ thức ăn có pha thuốc trong những cái hộp vuông dài, hai đầu có khoét hai lỗ tròn, họ để trên những nơi mà chuột thường hay bỏ đến. Chuột ăn thức ăn này, một thời gian ngắn sau, nó đi đâu hết không còn một con và cho đến ngày hôm nay cũng không có con nào dám trở lại.

Nhưng, hồi những con chuột lắt nhỏ bé ơi! nếu có con nào chết vì thuốc, chúng tôi đã có đọc kinh vãng sanh cầu nguyện cho chúng bầy được sanh vào một thế giới khác cao hơn giới súc sanh là giới thấp nhất trong vòng Lục Đạo, để khỏi phải làm thân chuột bỏ chui rút ngày đêm. Đây là một việc làm hoàn toàn ngoài ý muốn của chúng tôi. Chúng bầy thông cảm!

### Chuột với Văn - Liệu

Trong những tài liệu văn học có ghi những bài về nói về chuột và mèo tuy cùng chung sống với nhau dưới một mái nhà nhưng kỵ nhau như nước với lửa, hoặc những câu ca dao bình dân dĩ dõm, hay những thành ngữ so sánh hành động giữa người và chuột như:

*Con mèo mà trèo cây cau  
Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà  
Chú chuột đi chợ đường xa  
Mua mắm mua muối giỗ cha con  
mèo*

Cha của mèo còn sống có chết đâu. Chẳng qua vì chuột thấy mèo ngày đêm dòm ngó, theo dõi, rình rập nhà mình hoài, nên tức giận mới trả lời mèo một câu thâm như vậy cho bỏ ghét.

Người nào giúp phương tiện cho kẻ thù, nối giáo cho giặc, như những người dù biết cộng sản là tàn ác phi nhân nhưng vẫn ca tụng, lay lục ôm chân tưởng rằng cộng sản sẽ ban cho một ít đặc quyền đặc lợi, nào ngờ đầu cộng sản trở lại hại mình được gọi: Chuột cắn dây buộc mèo: Đại đột cắn dây buộc mèo để mèo được tự do, thì mèo nó "xực" đáng đời đáng kiếp!

- Người nào ca tụng, nịnh bợ, môn trốn với kẻ thù mục đích làm thân kiếm lợi, nhưng kẻ thù coi chẳng ra ki-lô nào có khi còn bị thiệt thân, hay đại đột chộc kẻ thù cho mang hại thì gọi là: Chuột gặm chân mèo.

- Ai may mắn cưới được vợ đẹp lại giàu, hoặc làm một chỗ nào để kiếm ăn gọi là: Chuột sa hủ nếp hay chính gạo.

- Kẻ nào trộm cắp hay làm điều gì phi pháp nhưng chưa bị phát giác, sống trong sự rụt rè, sợ người ta biết gọi là: Len lét như chuột ngày.

- Những người cộng sản trước kia đã lường gạt nhân dân với chiêu bài đấu tranh vì Dân tộc, Tự do Dân chủ cho đất nước. Nhưng sau khi cường chiếm được miền Nam rồi, họ mới phơi bày bộ mặt thật của họ ra là đấu tranh chỉ vì tiền, vì đặc quyền đặc lợi nên người dân nói: Cháy nhà ra mặt chuột.

- Đi mưa không có dù che bị ướt đầm đê từ đầu đến chân gọi là: Ướt như chuột lột. (Vì chuột sau khi bị thiêu xong, người ta lột da bỏ vào nước ngâm nên bị ướt).

- Đi khắp nơi trên thế giới không sao, trở về nhà thì gặp nạn lảng xẹt, người ta nói: Đi cùng bốn bể, chửi chu. Trở về xó bếp chuột chui gặm chân.

- Chuyện làm bê bối của mình, mình không hay biết lại đi nói người này chỉ trích người kia, nên người đời nói: Chuột chui chẻ khi răng hôi. Khi lại trả lời cả họ mày thom! Đây là câu nói móc của khi.

Thưa quý độc giả, chuyện Chuột thì còn nhiều mà sự hiểu biết của người viết thì có giới hạn, nên tôi xin dừng bút ở đây và sang năm mới kính chúc quý độc giả bốn phương đời dào sức khỏe, sống lâu, nhiều nghị lực để vượt qua mọi khó khăn trong cuộc sống tha lương, tiếp tục đấu tranh để dẹp bỏ chế độ cộng sản lạc hậu lỗi thời, xây dựng một nước Việt Nam thật sự Độc Lập - Tự Do - Dân Chủ để mọi người cùng chung vai sát cánh nhau tái thiết đất nước đã và đang bị đám người cộng sản gặm nhấm phá hại như chuột.



**N**ghĩ cho cùng, hễ mỗi lần Xuân về là mỗi lần phải nhắc đến Tết Mậu Thân- tức là nhắc đến Cuộc Tiến Công Nổi Dậy năm 1968 của Cộng Sản Việt Nam, thì người ta thường ngậm ngùi tưởng nhớ đến hàng ngàn người dân vô tội của cố đô Huế bị trói tay bằng dây lòi tói hay bằng dây kẽm gai rồi bị chôn sống, vùi dập vùi vùi ở thành phố hay các vùng quê hẻo lánh bởi "bộ đội thần thánh" của Bác Hồ trước khi bỏ chạy như đàn chuột. Cộng sản Bắc Việt đã đem máu xương của dân Huế để dâng cho Bác xơi Tết, đã đem tiếng khóc than nghẹn ngào tức tưởi của thân nhân miền Trung biến thành tiếng ca reo mừng chiến thắng cho miền Bắc, thành tiếng pháo mừng xuân trong phủ Chủ tịch. Cộng sản đã tàn sát nhân dân vô tội miền Nam cho chính cái chiêu bài "giải phóng miền Nam". Thế mới mĩa mai chứ!

Cả thế giới đã cực lực lên án chính sách dã man tàn bạo vô nhân của Cộng Sản Việt Nam. Vì vậy cho đến bây giờ, sau khi đã nhuộm đỏ toàn bộ đất nước, không ai còn muốn nhắc nhở đến cuộc Tiến Công Nổi dậy Tết Mậu Thân, ngoại trừ một lần theo như Thành Tín (bút hiệu của Bùi Tín, Phó Tổng Ban Biên Tập Báo Nhân Dân) viết: "...Đầu năm 1988, nhân dịp kỷ niệm 20 năm Tết Mậu Thân, Bộ Quốc Phòng có tổ chức một cuộc họp có ý nghĩa tổng kết về cuộc tiến công của Tết Mậu Thân 1968. Có đại diện Bộ Ngoại Giao đến dự và phát biểu về tác động thắng lợi ấy về mặt đấu tranh ngoại giao. Theo những con số được đưa ra thì quả thật có sự hy sinh thật là lớn..." (1). Thế mà khi Xuân Thiều, nhà văn mang quân hàm Đại Tá, cộng tác với tạp chí Văn Nghệ Quân Đội, đã tỏ mỗi hoài nghi của đa số anh em với Tổng Bí Thư Lê Duẩn rằng: "Thưa Bác cháu định viết về Tết Mậu Thân, có điều xin Bác chỉ giáo cho, hồi đó ta hy sinh nhiều quá! Những hy sinh quá lớn ấy có tương xứng với kết quả không? Không phải chỉ hy sinh trong cuộc tiến công Tết Mậu Thân, cả thời gian dài sau đó hy sinh cũng quá nhiều..."(1). Dĩ nhiên Lê Duẩn đã làm một màn Tarzan nổi giận vì "cụ bị chạm tự ái, bị chạm nọc" (câu văn của Thành Tín), đứng ra phải nói là "cụ bị bóp để đau quá!".

Trong cuốn hồi ký chính trị 390 trang nói trên, Thành Tín cũng chỉ dành vốn vẹn hơn 5 trang nói về vụ tàn sát ở Huế vào Tết Mậu Thân và đã tỏ ra thiếu lương tâm để bình vực cho chính quyền CSVN và thiếu thẳng thắn không dám xác nhận số người bị cộng sản giết hại: "...Tôi nghĩ con số 5000, 6000 người bị giết là con số cố tình thổi phồng lên quá đáng. Con số 3000 cũng là con số có thể cao hơn thực tế, nếu chỉ kể số thường dân bị giết..."(1). Còn nếu kể hết các thành phần thù nghịch thì chắc hẳn con số phải cao hơn và tác giả gần như mình định những lý do cần phải thủ tiêu, giết người diệt khẩu: "...Đời với hàng ngàn tù binh và người bị bắt giữ, phải giải quyết sao đây? Cho trở về thì nguy hiểm, sẽ lộ hết tình hình, địa điểm, vị trí. Dưới tình hình lên trên, trên không trả lời rõ ràng, để cho dưới tùy cơ ứng biến. Còn biết bao nhiêu việc khác khăn cấp hơn.

Thêm nữa là hồi ấy trong không khí đang căng thẳng đột nhập thành phố, thấy dân không nổi dậy, lại còn bỏ chạy, rất ít người đón chào, phối hợp giúp đỡ bộ đội, nên bộ đội nhập thành phố liền có thành kiến với dân Huế..."(1).

Trong bài này tôi không muốn viết về "thành quả giải phóng" của Cuộc Tiến Công Nổi Dậy vào Tết Mậu Thân của CSBV. Tôi cũng không muốn đòi cơ với Bùi Tín về các số liệu của số nạn nhân. Tuy nhiên ký giả Douglas Pike trong bài "Die Tragedie von Hue" (Thảm trạng tại Huế) đã nêu hẳn con số nạn nhân là 5800 người (2).

Điều tôi muốn nói ở đây là chuyện chấy nhà ra mặt chuột. Trong trận Tổng Tiến Công Nổi dậy 1968, Cộng Sản Bắc Việt đã thất bại cay đắng vì đã lật ngựa những con bài tẩy, đốt cháy hạ tầng cơ sở đã xây dựng hàng chục năm, lật mặt nạ những tên cán bộ nằm vùng mà dân ngụ thường gọi là thành phần "ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản". Những tên này đúng là Những Con Chuột Năm Vùng - sống với Người và phả của Người!

Nếu chính phủ Việt Nam Cộng Hòa hồi đó không có loại tuyên truyền chống cộng "cài lương" bằng các câu thơ "lục-bát" nhằm tố cáo tội ác của Việt Cộng theo kiểu:

*"Trăng lu vì bởi mây che,  
Đàn ta đói khổ vì bè cộng nò!"*

# NĂM BÌNH TÝ

## NÓI CHUYỆN CHUỘT



## CHUỘT NĂM VÙNG

mà thực sự áp dụng một chính sách diệt cộng quyết liệt như chính phủ Đài Loan đã ban hành lệnh săn chuột, diệt chuột trên toàn quốc trong vòng ba tháng vào giữa năm 1995. Kết quả 84 triệu hộ hàng nhà chuột dù các thành phần xã hội, già, trẻ, lớn, bé, chuột mẹ, chuột con, chuột nhà, chuột đồng, chuột cống, chuột chù, chuột hôi, chuột xạ, chuột hương...đều bị "cum"! Người ít, chuột nhiều! Nhiều đến gấp ba, gấp bốn lần dân số, ăn hại dãi dãi, phá rối trị an thì làm sao dân chúng chịu đời cho thấu!

Chờ xem Đài Loan có tảo thanh, cần quét, tiêu diệt hết nạn chuột hay không, chú thuở nhỏ ma kháng chiến, cách mạng các chú Tư, chú Sáu, chú Bảy, chú Mười...(sau này đều trở thành cán bộ lãnh đạo) nếu không được các bà mẹ nuôi, bà mẹ kháng chiến đùm bọc che chở trong nhà hay trong các hầm bí mật thì qua các cuộc bố ráp của "quân đội, cảnh sát nguy, nhân dân tự vệ" thì cuộc đời của mấy chú đã hai năm mươi mang sơ-mi gỗ rong chơi ở các nghĩa trang liệt sĩ rồi!

Mấy chú sống bám trong quần...chúng chẳng khác gì mấy chú chuột sống chú rúc trong góc nhà, dưới gầm giường! Có khác chút đỉnh là mấy chú chuột dù sao cũng còn chút lương tâm, chỉ gặm nhấm áo quần, cắn phá lúa gạo. Còn mấy chú Việt Cộng nằm vùng thì vừa ăn "hũ gạo kháng chiến" của dân vừa giết hại dân lành: đập mó chặn đường sá, đặt mìn, giựt cầu, đặt chất nổ vào xe đồ, chợ búa, trường học, bệnh viện, pháo kích bừa bãi vào khu dân cư...giết hại trẻ em, dân chúng vô tội mà lòng các chú lạnh băng! Các chú thật vô lương tâm!

Thế mà khi đã "thành công, đại thành công" cường chiếm miền Nam Việt Nam như di huấn của bác Hồ rồi, thì các chú ham chia chác danh lợi. Mấy chú đầu còn nhớ đến hầm bí mật, bát cơm phiếu mẫu, viên thuốc, cục đường khi đói khi đau. Trước mắt của mấy chú bây giờ vàng, đô la, hột xoàng, xe hơi, nhà lầu- ngay cả nhà xây bất hợp pháp trên đê Yên Phụ, bất chấp vỡ đê làm lũ lụt. Có chết thì chết dân lành sống chui rúc trong các nhà ổ chuột.

Qua cuộc đời vào năm 1975, các chú đúng là có số chuột sa hủ nếp! Bây giờ các chú đầu còn nhớ đến các bà mẹ chiến sĩ- vẫn mãi mãi nghèo khổ ở những xóm xình nào đó, mà cái danh nghĩa là những người có công với cách mạng đã trở thành mĩa mai. Thật xót xa, đau đớn thay cho họ!

Các chú bây giờ có những người bạn mới, nếu cần các chú cũng lay lực van xin để được người ta ngo ngàng tới. Những người bạn này ngày trước không hơn hai thập niên các chú đã từng lên án là thực dân mới, đế quốc Mỹ, chủ nghĩa tư bản...

Có tiền, các chú lại còn mua chuộc được những con chuột ngoại lai- tức là hàng người có lá gan bằng gan chuột, nên khi đất nước lâm nguy thì họ đã trốn chạy như chuột, bỏ hàng ngũ, đồng đội, bỏ

đàn em và có thể bỏ cả gia đình vợ con để chạy thoát thân. Nhờ trốn chạy sớm ra nước ngoài mang theo của cải tài sản, nên hàng người này có cuộc sống sung túc, tương tá cũng no tròn, mập mạp, để một chút rìa cho giống râu chuột. Khi đám chuột ngoại lai này đánh hơi được mùi bơ, sữa trong nước coi bộ có mùi kiếm ăn hay chia chác được chút danh vọng cường quyền nào đó, thì đám này dứt bỏ không thương tiếc danh nghĩa ty nạn để trở cờ, đón gió. Chỉ cần được chỉ cho một chút tiền, hứa cho một chức phận nào đó trong một tổ chức nghe càng nổi đình nổi đám càng tốt, thì đám chuột ngoại lai này sẽ không tiếc gì thân danh cũ để phá hoại cộng đồng, đánh phá tổ chức, bôi nhọ cá nhân... Nơi đây họ cũng kéo bè kéo cánh để lập ra một hội đồng chuột với những bản cương lĩnh nghe dao to búa lớn, với những chương trình xây dựng, kiến thiết đất nước to lớn mà thực chất chỉ là đầu voi, đuôi chuột! Họ giương danh như là một con đại bàng, kể kể thành quả vĩ đại như một trái núi, nhưng trái núi để ra con chuột nhắt! Họ ước mong một ngày được mời về! Thế cho nên họ vẫn mòn mỏi, nôn nóng hướng về cố quốc mà chẳng thấy chú Việt Cộng nào ra mặt gọi về trao cho một chút đỉnh chung như đã hứa!

Bởi chuột và người có những liên hệ khấn khít ngoài ước muốn như vậy cho nên khi chế tạo những thứ thuốc trị bệnh trước khi áp dụng cho người, các nhà khoa học đều lấy chuột ra làm vật thí nghiệm. Mới đây y sĩ Charles Vacanti tại Massachusetts-Hoa Kỳ đã thí nghiệm thành công bằng cách cấy một lỗ tai người trên lưng một con chuột. Chuột được nuôi trong phòng thí nghiệm. Lỗ tai người sống như trên lưng chuột- một con chuột quái dân! Đây là một thành công về di truyền học. Trong tương lai người ta nghĩ sẽ cấy những bộ phận của con người lên trên những con vật khác, nuôi trong phòng thí nghiệm để phòng khi hữu dụng.

Thiết tưởng các Sứ quán Việt cộng cũng nên đặt mua những con chuột quái dân này gởi về làm giống tại Việt Nam. Những con chuột có lỗ tai người sẽ sống chui rúc với quần chúng và sẽ đóng vai trò của những tên mặt vụ, chuyên nghe trộm, chỉ điểm, báo cáo tình hình để nhà nước kịp thời bắt bớ những người phản động chống chính phủ. Chỉ sợ nhà nước không có đủ nhà giam, hay không đủ nhân sự để quản lý các trại tù cải tạo vì hầu hết nhân dân, cán bộ các cấp đều nguyên rùa chính phủ!

Từ hồi bỏ nước ra đi, từ giả các đồng chí mặt dơi, tai chuột- thà bỏ thây ngoài biển hay được yên thân ở một quốc gia nào đó, còn hơn sống chung với Việt Cộng. Không ngờ lần sóng thuyền lần đầu đánh tan luận điệu tuyên truyền "khoan hồng-nhân đạo" lừa bịp và vạch trần bộ mặt thật gian xảo như chuột của cộng sản. Chính phủ cảm thấy bị "bơi trâu, trát chó- bôi tro, trát trấu" và các bác lãnh đạo bị thế giới xất xà phòng vào mặt kỹ quá. Đáng lý các bác nên im hơi lặng tiếng vì đã ăn tiền dứt lốt của những người vượt biên. Hoặc các bác dù không có thể diện cũng nên làm một màn đẹp mắt là lúi như chồn, trốn như chuột! Ngược lại các bác lại nổi giận mất khôn nên mới phẫn một câu để đời là "những người bỏ nước ra đi là những thành phần trộm cướp, ma cô, đi điểm trầy lưỡi trốn tránh lao động...". Thế mà chưa tới chục năm sau, nhà nước thấy "thành phần trộm cướp, ma cô, đi điểm" đó đạt nhiều thành quả tốt đẹp trên các quốc gia tư bản, làm nở mày nở mặt cho dân tộc Việt Nam, nên các bác trong Bộ Chính Trị mới trở mời o bề vuốt ve và không ngưng mồm ngưng miệng mà vợ vào là "những khúc ruột Việt Nam ngoài ngàn dặm..." để kêu gọi gởi đồ la, quà cáp về cho thân nhân. Số chi viện này một phần cứu vãn nền kinh tế kiệt quệ của nhà nước và một phần cũng chui vào túi tham của các chú các bác lãnh đạo! Ôi, đời là vậy. Xấu xa cũng là ty nạn, mà tốt đẹp cũng là ty nạn!

Các bạn tuổi Tý thân mến,

Nếu các bạn có thì giờ ngồi quan sát con chuột từ trong bóng tối chạy ra, núp vào một góc ánh sáng mập mờ, bốn chân chụm lại chuẩn bị để trốn chạy nếu có tình trạng bất an xảy ra. Vết râu chuột lên đánh hơi, cặp mắt ló liên, gian trá nhìn xem chú mèo lưỡi biếng nằm ở góc nào...

Xem phim hoạt họa Tom và Jerry hẳn các bạn cũng bực mình đến buồn cười về cái tánh khờ khạo của chú mèo Tom và ghét cái bản tính khôn vặt, láu cá, dựa hơi, dựa bóng bị thốc thọc bị gao của chú

chuột Jerry. Vì vậy chú Tom thường bị chủ nhà hiểu lầm đến độ bị tống cổ ra khỏi nhà. Người ta thường bảo chó giữ nhà, mèo bắt chuột, mà chú Tom nhà ta thì bản chất a-ma-tơ và hay dăng trí thuộc loại to đầu mà dại, nhỏ dái mà khôn, nên lắm lúc ham vui rượt đuổi chú chuột Jerry chạy có cờ bắt chú Jerry phải đồ vật quý báu trong nhà. Chú chuột Jerry thì láu cá đến độ ném những đồ gia bảo của chủ nhà xuống đất để cho chú Tom lo hứng mệt nghỉ vì sợ vỡ đồ, lo lượm và xếp lại cho thứ tự đến hốc hác học xì đầu phờ phạc tóc râu, còn thì giờ đầu mà đuổi bắt chú chuột Jerry! Bình thường người ta thấy mèo vờn chuột trước khi xơi tái. Chứ có đời nào thấy cảnh chú chuột Jerry dám trũng giỡn vuốt râu chú Tom!

Hề nhà nào có chuột, vì nếm chuột thì sợ vỡ đồ, nên người ta thường xin hay mua một chú mèo hay một o mèo về nhà để cho mèo rình chuột. Để lấy lòng chủ, mèo ta đã hằng say tổ chức nhiều cuộc tảo thanh, cần quét họ hàng nhà chuột từ hang cùng đến ngõ hẻm. Lũ chuột nhắt sợ bản cả lên. Nội tiếng kêu, tiếng gầm gừ ngáp gió của chú mèo cũng đủ làm cho chú chuột co cụm lại, run nhu cây sậy.

Lỡ một chú chuột nào chậm chân chậm cẳng bị chú mèo tóm được, thì kể như ba hồn bảy vía của chú chuột cũng đã bỏ chú đồng tuốt. Khổ hơn nữa là gặp bữa chú mèo chưa đói, nên chú mèo còn giờ trò mèo vờn chuột. Chú mèo nằm lim dim mắt, thà chú chuột xa ngoài tầm tay, giả vờ chẳng hề quan tâm gì đến chú chuột đang run rẩy đứng đó. Nhưng chú chuột vốn láu cá dằng trời, vừa lấy lại thần hồn là chú phóng chạy! Chú mèo chỉ đợi có thể, với tay ra tóm lại, xáng cho chú chuột vài tát tai vừa đủ cho chú thấy ông bà ông vải; hoặc chú mèo chơi hiểm hơn là lấy tay chặn cái đuôi của chú chuột lại. Cho nên chú chuột cứ lấy sức chạy thoát đi nhưng lại bị chính cái đuôi của chú trì kéo lại! Nhưng chú mèo thì mau chán mà chú chuột thì không đủ sức để tham dự cuộc chơi bán sống bán chết. Nên cuối cùng chú mèo tha chú chuột vào một nơi vắng vẻ nào đó để đánh chén một mình!

Người ta thường bảo sống như mèo với chuột. Chuột có mỗi thâm thù bất cộng đái thiên với mèo. Vì vậy khi có dịp, chuột vẫn chằm chọc chửi bới họ nhà mèo qua bài "Con mèo và con chuột" trong cuốn "Quốc Văn Giáo Khoa Thu":

*Con mèo mà trèo cây cau  
Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà  
Chú chuột đi chợ đường xa  
Mua mắm, mua muối giỗ cha chú mèo!*

Đúng là ghét nhau như mèo và chuột. Trông mấy chú chuột láu cá, khôn vặt tượng trưng cho hạng người đá cá lẩn dùa, lưu manh, phản phúc chẳng khác gì mấy chú Việt Cộng. Vừa mới tuyên bố ngưng bắn trong ba ngày Tết truyền thống của dân tộc, mà mới đêm 30 rạng ngày mùng một mấy chú đã bắt đầu nổ súng! Vừa mới ký kết ngưng chiến da beo chờ kết quả hòa đàm thì mấy chú lại âm thầm tiến quân chiếm đất! Vừa mới ký kết hiệp định Paris chưa kịp ráo mực thì mấy chú đã trở mời "cờ gian, bạc lận", thay vì rút quân về Bắc mấy chú lại đổ quân vào Nam! Vì vậy một tay ăn chơi cụu trào quan niệm rằng, thà chim chuột, mèo mà gà đồng với hạng gái ăn sương, mắc bệnh phong tình còn sướng hơn chơi với cộng sản chỉ vướng thêm bệnh cùi hủi mà thôi!

Từ ngày giải phóng miền Nam, các chú các thím bộ đội đã biến các thành phố thơ mộng thành những hang chuột với nhà của đờ như ổ chuột! Nhờ từ thưở nghe theo lời dụ dỗ của Bắc và Đảng, các chú đã quyết một lòng:

*Hy sinh đời bố để cùng cố đời con,  
Hy sinh đời con để làm tròn đời mẹ!*

Cho nên sau năm 1975, mấy chú mấy thím muốn được chuyển công tác vào Nam để thực hiện ước vọng 4V: vào, vợ, vét, về. Thế thà thay cho con người cộng sản! Và để thỏa mãn mộng ước 3 Đ mà suốt đời hy sinh cho Bắc và Đảng cũng không bao giờ sấm được: Đờng, Đờng, Đờng (Đờng hồ, Radio, Xe đạp)! Buồn thay cho thiên đàng cộng sản!

Người ta cũng có thể bẫy chuột hay thuốc chuột. Bẫy chuột là một dụng cụ đơn giản ai cũng có thể làm, ai cũng có thể giải bẫy. Thế mà nhiều chú chuột dù khôn ngoan láu lỉnh đến mấy cũng không tránh được lòng tham vì mấy miếng mồi thơm hay miếng

kaese-"phô-mách" fromage béo bở, nhào đầu vào chụp giựt và bị ...mắc bẫy! Thuốc chuột là loại thuốc nước, thuốc độc hóa học, thường chỉ sử dụng ở những vùng có quá nhiều chuột phá hoại. Thuốc chuột được trộn với thức ăn rải ở nhiều nơi vắng vẻ để như chuột đến ăn. Chuột bị ngộ độc và sẽ...ngủm cù teo! Điều bất lợi khi sử dụng thuốc chuột là khi chuột ngấm độc sẽ chui rúc chết ở các xó xỉnh kín đáo và bốc mùi thối kinh tởm, thối đến lợm giọng! Vì vậy nếu có ông bạn nào hay đổ mồ hôi chân, mang vớ hay bít tất lâu ngày không chịu giặt giũ thì nó cũng bốc mùi thối như chuột chết! Điều tai hại kế tiếp là chuột cũng có thể vấy thuốc chuột vào trong thức ăn nước uống, nên chúng ta cũng bị ngộ độc, tuy không đến nỗi vong mạng nhưng lắm ca cũng phải chở vào bệnh viện như chuyện của cô bé nữ sinh thường được Ban AVT thường hát hồng sau đây:

*Báo dăng cô nữ học sinh  
Cha mẹ nghiêm khắc cấm mình phi-dê  
Giận đời vì thấy mình quê  
Mua chai thuốc chuột đêm về uống chơi  
Uống vào nguyên lọ một hơi  
Tay chân vật vờ, cô mẹ toi trên giường  
Kịp thời mang tới nhà thương  
Nếu để lâu một chút xíu thì có đường đem chôn!*

Chuột thường sống trong bóng tối, sống về đêm. Thế cho nên chuột được cái vinh dự chọn làm tên giờ vào giữa khuya- giờ Tý:

*Nửa đêm, giờ Tý, canh ba  
Đi đâu mà đụng cột nhà hờ anh?*

Thế cho nên khi nghe chuột rúc hay chuột kêu, người ta cứ nghĩ rằng trời đã khuya. Mà vào giữa khuya thì thường là công việc của ca đêm, như nhà nước Việt cộng cũng thường nhắc nhở làm ngày chưa đủ, tranh thủ làm đêm, nếu thấy êm êm thì làm đến sáng! Chắc làm đến chết!

Nhưng đối với bầy dân thiên hạ, những anh chàng nông dân chất phát hiền lành, chăm chỉ cần cù, ban ngày lo cày sâu cuốc bẫm, chiều về cõm nước lai rai ba sơi, nhâm nhi vài ly rượu đế, ngã lưng xuống là bắt đầu kéo gỗ rừng khuya. Cho đến khi chột thức giấc thì trời đã khuya, anh chàng mới nhớ đến vợ hiền. Trong tranh tối tranh sáng, quen nghe tiếng bước chân, chị vợ mới nhắc khéo đức anh chàng rằng:

*Chuột kêu chút chút trong rương  
Anh đi cho khéo đừng giương mẹ la!*

Nơi hoàng cung dù kín cổng cao tường cũng không thể giấu được những chuyện kinh thiên động địa. Chuyện thái tử Charles (47 tuổi) từ lâu đã đan díu với Camilla Parker-Bowies (47 tuổi)- một người đàn bà có chồng, nhất là sau khi cuốn sách của Jonathan Dimbleby đã phanh phui mối tình tay ba của Charles-Diana-Camilla. Mà dân ghềnh bóng đá cho rằng thái tử Charles đã dẫn trước 1-0! Vì chuyện này thái tử Charles tưởng đã không còn cơ hội để nhận vương miện nối ngôi của mẹ sau này. Rồi cuốn sách "Princess in Love" của James Hewitt- (37 tuổi) ông thầy dạy cười...ngựa của công chúa Diana (34 tuổi) đã tá những cuộc tình vụng trộm giữa y và công chúa. Nhờ cuốn sách này, James đã thu được 8 triệu Đức Mã và cũng vì cuốn sách này mà đương sự cũng phải trốn chui trốn nhủi qua Pháp vì sợ bị bệ hội đồng hay án đôn hội chợ của dân chúng Anh. Nhưng vào cuối tháng 11.1995 một quả bom lại nổ đến tá hỏa tam tinh trên đài truyền hình qua cuộc phỏng vấn mà hơn 200 triệu khán giả trên thế giới đã được nghe chính công chúa Diana thừa nhận là đã thương yêu rùa anh thầy cười...ngựa và cũng là viên cựu sĩ quan James Hewitt. Cuộc tình vụng trộm này kéo dài ba năm từ năm 1989. Thế là công chúa Diana gỡ lại 1 đầu! Chỉ có nữ hoàng Anh và điện Birmingham phải ôm hai quả bóng nhức nhối này kêu trời không thấu! Vài ngày sau khi công chúa Diana trả lời trên đài truyền hình, ông thầy cười...ngựa lại chụp cơ hội tuyên bố vung vít. Nữ hoàng lại thêm nhức mình nhức mẩy. Dân chúng Anh bắt đầu nguyên rùa James Hewitt là "đồ chuột cống"! (die Ratte). Vậy ông thầy cười...Playboy này là ai? Là người mà theo báo chí mô tả là hễ có vấy đàn bà hiện hữu nơi đâu thì hán ta quần quít nơi đó. Sau khi kể chuyện cõ quệt với công chúa Diana, Thiếu Tá James Hewitt bị tuyên chuyển qua đơn vị ở Paderborn (Đức Quốc). Trong một

buổi dạ hội tại Munich vào tháng 9.1991, James lại làm quen được với cô Nam tước, cũng là người mẫu có gương mặt tựa Diana là Sophie von Rehden (37 tuổi). Cuộc tình...mà đối với James chỉ là thú tình xác thịt cũng chỉ kéo dài không hơn 8 tháng!

Chuột là con vật nhỏ nhắn, nên những cái gì nhỏ bé người ta thường đem chuột ra để so sánh, để ví von nhỏ như chuột! Vì thế trong các loại dưa, loại nhỏ nhất cũng được gọi là dưa chuột.

Để diễn đạt sự khôn ngoan của loài chuột, bài ca "Chuột cắp trứng" cũng rất phổ biến trong sinh hoạt của Hương Đạo trong thập niên 60 : "Một chú chuột cắp trứng ra không biết làm sao mà kéo đi. Liên gọi chú khác, chú kia đến bày mưu tức thì: -Anh nằm ngửa, bốn chân cứ lo ghi ồm trũng đi! Tôi thì cắn cái đuôi, kéo anh về hang khó gì!". Một chú ồm trũng nằm, vênh cái râu lên trời. Chú kia hả cái mõm, cắn cái đuôi kéo dài! Hồ đồ ta, Hồ đồ ta, Một, hai, ba!..."

Các bạn tuổi Tý thân mến,

Các bạn nên tự hào mình là số con chuột- một con chuột khôn ngoan hết ý, khôn khéo hết sảy, lanh lợi chẳng thua ai, tháo vát chẳng ai bằng. Chưa kể các bạn còn chơi gác các con Giáp khác. Các bạn là kẻ chớp bu, đứng đầu 12 con Giáp. Nhất các bạn đó nhe! Chán chi anh to đầu lớn xác mà cũng không tranh được chức lãnh tụ thập nhị sứ quân! Có nhiều người ham chức vụ lãnh đạo mà người khác chẳng tín nhiệm hay chẳng công cử, nên mới giận đời, hận người tự mình đứng ra thành lập một tổ chức để mình được làm chủ tịch, chẳng cần ai bầu bán gì cả! Cũng ngon ơ hả! Ngoài ra cái tên Chuột của bạn cũng được giương danh với đời bằng giờ Tý nửa đêm; được gán bó với người như cái răng chuột, con chuột trên bấp thịt cánh tay; được ghi danh vào loài thảo mộc như trái dưa chuột, hoa tai chuột.

Dưa gang, dưa chuột thì ai cũng biết, không hẳn chỉ có mấy vị trong ngành nông nghiệp mới biết rõ tường tận mà quý bà nội trợ cũng rành rẽ sáu câu!

Hoa tai chuột chỉ được sử dụng trong ngành thực vật học là một loài hoa được gọi tên theo hình dáng của chiếc lá giống như lỗ tai chuột. Tuy nhiên cái tên lãng mạn, thơ mộng thường được sử dụng là đừng quên em hay đừng quên anh (forget-me-not, vergiss-mein-nicht). Xin chỉ cho các bạn một chút mảnh mung may ra các bạn có thể hàn gắn mối tình sấp đổ vỡ, sấp nát bấy như tương. Khi thấy mặt mày của người yêu lạnh băng như cục nước đá, khi nghe giọng nói người tình có mùi giấm chua, thì lúc đó các bạn biết ngay boong là có triệu chứng bất thường xảy ra. Các bạn nhớ chạy ra ngoài đồng, vợ một nạm hoa tai chuột đem về dâng cho người tình thay vì tỏ lời năn nỉ "xin đừng quên anh, xin đừng quên em!", bởi vì loài hoa này rất dễ kiếm và có hơn 50 giống, mọc nhiều ở các vùng ôn đới Âu Châu, Bắc Mỹ và trên các cao nguyên nhiệt đới với rất nhiều màu sắc: vàng, trắng, xanh, xanh da trời, tím, hồng...

Rồi các bạn cũng đừng quên kể về người tình nghe về huyền thoại của một hiệp sĩ người Đức thời cổ đã chết đuối khi chàng ta men xuống thác để hái một thứ hoa lạ cho người yêu. Trước khi chết anh ta còn gào lên với người tình vergiss-mein-nicht! Đừng quên anh, em ơi! Cái pha cụp lạc này cũng giống như trong các màn cải lương của phe ta. Trước khi lãng đờng ra chết diễn viên cũng cố ca lên sáu câu mùi tận mạng rồi mới chịu đi châu thổ tiên!

Cũng có huyền thoại khác là khi ông Adam quên lời Chúa dặn, chỉ nghe theo tiếng nói của con tim nên ăn trái cấm của bà Eva thì cuộc đời mới biến thành bể khổ trăm luân. Dĩ nhiên ông Adam và bà Eva bị đuổi ra khỏi vườn địa đàng. Trong khi các loài hoa khác buồn thiu tiễn biệt hai người, thì có một loài hoa màu xanh da trời kêu lên da diết ne m'oubliez pas! (Đừng quên tôi!).

Lại có huyền thoại khác nữa là khi sang đánh nhau với Pháp hồi thế kỷ thứ 14, các hiệp sĩ người Anh đều mang trên ngực hàng chữ forget-me-not! (Đừng quên anh), vì họ tin rằng hình ảnh của họ khi chết vẫn còn mãi mãi người trị trong trái tim của người em gái hậu phương! Nghe cũng vui mần như chương trình Dạ Lan trên phát thanh Quân Quân đội thuở nào!

Có điều xin các bạn tuổi Tý nên lưu tâm là hầu hết đàn bà con gái hình như không ưa hay ghê sợ mấy chú chuột, không phải vì đó hỏn như chuột con, cũng không phải vì bèn như răng chuột như

răng của quỷ Dracula, mà chắc rằng loài chuột thích gặm nhấm, nên không những chỉ chuyên gặm những ngón chân xác chết mà còn gặm luôn ngón chân của các bà các cô mẹ ngủ, ham ngủ ngày ngủ đêm... nên quý nữ nhi đó dù có là su tử Hà Đông đi nữa cũng sợ đến rụng tim!

Tuy nhiên có điều trái ngược đến buồn cười, dù sợ chuột đến thế, nhưng có bà cũng dám xơi thịt chuột đồng- chuột ở các đồng ruộng, chuyên ăn lúa. Đến mùa, nông dân miền Tây không những chỉ gặt lúa mà người ta còn bắt luôn chuột đồng về lột da, xâu từng xâu đem bán ngoài chợ. Dân nhậu tứ thời nhận xét rằng, chuột đồng, thịt rắn ngon tựa thịt gà, nhâm nhi vài ba xị đế, tấp một miếng chuột đồng, nốc một ngụm...nước mát quê hương, khà một tiếng thật dài, thì thấy ngay cuộc đời đủ nghĩa yêu thương! Ngoài ra các bà xồn xồn, các cô choai choai, mấy em nhí cũng rất thích người tình, người yêu gọi mình một cách thân yêu trêu mếu nghe đến độ...rùng mình dựng tóc gáy: -Micky Maus hay Mausì ơi, con chuột nhỏ bé của anh đâu rồi?!!

Tuy nhiên các em các cháu thì lại mê các chú chuột bạch. Các chú được nuôi trong các lồng bằng sắt nhỏ thường được đặt trong phòng của các em bé. Trông các chú chuột bạch cũng mượt mà dễ thương. Các chú suốt ngày chỉ đi dạo tròn quanh các vòng tròn hay chạy trên các bàn đạp tựa như loại xe đạp nước dẫn thủy nhập điền của thôn quê Việt Nam để làm trò vui cho trẻ con.

Dù không cố tình rung cây nhất khi quý bà quý cô hay chỉ muốn làm trò vui cho các cháu, xin các bạn tuổi Tý hãy vì tình thương của nhân loại đừng mang bệnh dịch hạch hay dịch chuột gieo rắc cho người. Đừng bắt chuột kẻ khác làm chuyện bí thủ chỉ làm trò cười cho người đời và gieo tiếng xấu xa cho hậu thế! Cũng đừng theo đuôi làm trò chim chuột để cho kẻ khác khinh khi máng nhיע là đồ chuột con, da thịt còn đỏ hồng mà đã biết làm chuyện ranh mương!

Ngoài ra các bạn tuổi Tý có quyền lập bang, lập hội nhưng xin đừng bắt chuột hạng người bip bọm lập những hội đồng chuột, chủ trương làm những chuyện ruidi bu đầu voi, đuôi chuột để mưu cầu danh lợi; hồ hào cổ võ chuyện "chuột đeo nhạc ngựa vào cổ mèo" nói cho sướng miệng sướng miệng mà chẳng có tên chuột nhất nào dám cả gan đến gần chú mèo, chứ đừng nói là đeo cái lục lạc vào cổ con mèo!

Đừng ăn ở một dạ hai lòng để mang tiếng là chuột trù- một thứ điệp viên nhĩ trùng, ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản, một thứ ăng-ten chuyên môn chỉ điểm, bán bạn cho thù, một thứ nội tuyến, nằm vùng, chuyên môn đâm sau lưng chiến sĩ!

Các bạn tuổi Tý thân mến,

Trong năm vừa qua thiên tai bão lụt xảy ra nhiều nơi trên thế giới. Nước ngập đến hầu hết những hang chuột, ổ chuột. Vì vậy những con chuột nằm vùng dù có khôn ngoan xảo trá đến mấy rồi cũng phải xuất đầu lộ diện để lộ mặt chuột. Miếng đình chung, mũi danh lợi đã lấp ló thoáng hiện đâu đó, nên những bộ mặt chuột thời cuộc cũng bắt đầu xuất hiện xồn xao đánh tiếng. Tuy nhiên hãy chờ xem những pha cụp lạp sắp tới, vì nhà nước ta sẽ có những chiếc bẫy chuột tuyệt vời để tóm trọn ở những con chuột ngoại kiều muốn trở về ăn cỏ! Còn khuya mới hoà hợp hoà giải! Còn khuya mới dân chủ đa nguyên! Bộ máy bác ở Trung Ương Đảng nhà ta ngu lảm sao mà bày cỗ cho các người về xơi! Những tấm gương của Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt...còn sờ sờ ra đó. Chớ vội thấy đế quốc Mỹ mới bắt đầu lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam là đã có bờ thềm, sữa cận để trở về giành giật với cán bộ! Coi chừng cái mõm chuột không còn răng để hớp cháo, cho dù là cháo lú!

Ghi chú: (1) Thành Tín: Mặt Thật-Hội Ký Chính Trị của Bùi Tín do Saigon Press xuất bản 1993.

(2) Douglas Pike: Die Tragodie von Hue- Aus "The Vietcong Strategy of Terror", einem Bericht des US-Informationsamtes (Das Beste aus Reader's Digest- November 1970).

## . THƠ THANH BÌNH



*Xuân*

*Hoa đua nở tung bừng  
Chim riu rít ngoài sân  
Vườn hồng soi rực rỡ  
Vạn vật được thanh tân  
Xuân!*

*Thu*

*Mây giăng mắc âm u  
Cúc gầy buồn ủ rũ  
Lá rụng rơi gợi sầu  
Mưa hòa gió vi vu  
Thu!*

*Mai*

*Mỗi năm hoa nở một lần  
Đón mừng năm mới lúc xuân chợt về  
Lạ thay hoa nở đầy cành  
Đến khi tàn rụng, lá xanh nhú mầm.*

*Lưu*

*Ăn thân nơi chốn núi rừng  
Tỏa hương theo gió thơm lừng đậm xa  
Dẫn đường cho khách yêu hoa  
Trèo non, lội suối tìm hoa mang về.*

*Cúc*

*Gió thu đúng hẹn cùng hoa  
Muôn hồng nghìn tia mặt mà phở khoe  
Thi nhân dưới nguyệt vịnh đề  
Trà thơm, bánh ngọt cận kề bên hoa.*

*Trúc*

*Bốn mùa xanh suốt một màu  
Diễn hình quân tử ta nào kém xinh  
Bờ ao hay trước sân đình  
Nơi đâu cũng có bóng hình của ta.*

# TỬ VI TÂY PHƯƠNG TRỌN NĂM 1996

Chiếu theo sự vận hành của các vì sao hộ mạng, ảnh hưởng đến :

**Sức Khỏe - Tình Duyên - Tiền Tài - Sự Nghiệp**

\* NAM CAO.



Widder  
(21.3.-20.4.)

**Tuổi MIỀN DƯƠNG (Widder):** (21.3 - 20.4): Một năm thành công mỹ mãn.

Năm 1996 là năm công thành danh toại của các bạn tuổi Miền Dương. Lòng quả cảm và sự khôn khéo sẽ mang lại cho các bạn nhiều thắng lợi. Ngoài ra lại có lòng nhân ái và nhiều nghị lực lúc nào cũng

sẵn sàng giúp đỡ người khác. Chưa kể các bạn luôn luôn có tính lạc quan và dễ tin vào sự thành công nên lắm lúc dám nhận những công việc vượt quá khả năng của mình. Tuy nhiên các bạn lại thường thiếu nhẫn nại, ít bình tĩnh và dễ thay đổi ý kiến. Lại thêm nhiều tham vọng, nên khi thất bại các bạn sinh ra cau có với người và ngay cả chính bản thân mình.

Các bạn tuổi Miền Dương thường khoái màu đỏ- màu của nhiệt tình và quả cảm. Nhưng hãy coi chừng, nhiều màu đỏ quá sẽ gây chói chang, rối loạn thần kinh.

Bản chất của các bạn Miền Dương- nhất là các bà các cô lại thích đeo kim cương, hạt xoàn, hồng ngọc, cẩm thạch. Nhưng người ta thường đeo kim cương bên tay trái, vì nó được nhiều người để ý và có nhiều tác dụng, chắc là để khoe của? Đồ trang sức được quý bà ưa chuộng đáng kể là hồng thiết ngọc, một loại đá lai giống của vân ngọc màu lục. Nếu nó có những vân màu đỏ thì lại có giá trị cao. Ai đeo ngọc thạch lưu viên bạc sẽ tạo được nhiều thiện cảm đối với kẻ khác nhất là trong những chuyến đi du lịch. Ngoài ra từ ngọc thạch (màu tím) của Ba Tây có biểu tượng về trí năng, chống mệt mỏi và tránh được những tai bay vạ gió!

-Về sức khỏe: Miền Dương thuộc mạng Hỏa, nên Hỏa tinh là vì sao hộ mạng, ảnh hưởng trực tiếp đến đầu, mắt và não bộ. Tuy nhiên những ảnh hưởng này chỉ có tính cách nhất thời, chưa hẳn thuộc loại kinh niên nên cũng dễ chữa trị. Trời còn khi mưa khi nắng, thì sức khỏe có khi mạnh khi yếu cũng là lẽ thường. Dù vậy phòng bệnh hơn chữa bệnh! Chứ mỗi lần mang thân tới cho các ông bác sĩ, thì điều đầu tiên các vị đó yêu cầu là chúng ta phải chữa, phải cai, phải bỏ- bỏ rượu, cà phê, thuốc lá...đúng y chang là: "Một trà, một rượu, một đàn bà, Ba cái lằng nhằng nó hại ta, Chừa được cái nào hay cái đó, Có chằng chừa rượu với chừa trà!". Bác sĩ không nói ta phải xa đàn bà. Thơ văn các cụ không nhắc ta phải tránh đàn bà. Tại sao? Vì không có đàn bà làm gì chúng ta có hứng thú cho nguồn thơ vô tận! Tuy nhiên chúng ta cũng nên theo các cách chữa trị của quý vị thầy thuốc- thuốc tây, thuốc ta, nhất là trong thời gian mà ảnh hưởng của Mộc tinh thường gây cho ta mệt mỏi, chóng mặt vào khoảng tháng 1 và 2. Thêm nữa sự vận hành bất thường của Thổ tinh cũng gây cho sức khỏe chúng ta suy nhược vào đầu tháng 4 hay đầu tháng 8 và tháng 9. Các bạn nào lỡ ăn kiêng, ăn khem đi-ét hay uống một thứ dược liệu nào khác mà cứ nghĩ là mình uống linh được, thì cũng nên coi chừng về sức nang của tâm thần...bồ tương mà báo chí phát hiện là gây tai hại cho sức khỏe có thể vong mạng!

-Về tình duyên: Dưới ảnh hưởng của quang tuyến Pluto và Uranus, các bạn tuổi Miền Dương có cuộc sống tình cảm hỗn hợp

sinh động. Ngôi sao Vệ Nữ là vị thần hộ mạng xuyên suốt cuộc đời bạn, và ít ra là trái tim biết nói yêu đương hay con tim đã vui trở lại trong khoảng thời gian từ 9 đến 17 tháng 2 hoặc từ 1 đến 17 tháng 8 hay trễ lắm là tháng 9 và 11. Đến cuối năm các bạn nào còn phòng không chiếc bóng hay chưa có người "nàng khăn...lục ví tiền" thì cảm chắc như bắp là sẽ ca bài trái tim ngọc từ ở ngoài phòng hộ tịch để ký bản án thề sống chết bên nhau trọn đời!

-Về tiền tài và sự nghiệp: Nhìn chung cuộc sống của bạn trong năm rất khả quan và lạc quan. Sao Thổ tinh cũng giúp bạn làm giảm bớt ảnh hưởng không tốt của các vì sao khác, đồng thời phá hết những chướng ngại vật trên con đường tiến thân của các bạn. Nhớ đừng quá quan tâm đến vài ba cái lẻ tẻ lồi thòi làm bực mình trong mấy tuần đầu năm. Từ cuối tháng 1 đầu tháng 2 do ảnh hưởng của Thủy tinh, tài lợi đến với các bạn như nước thủy triều. Rồi từ cuối tháng 3 và trong suốt tháng 4 cũng như trong hai tháng 6, 7 sẽ có cơ may lớn cho cả cuộc đời, các bạn nhớ nhanh tay đón nhận vì trong giai đoạn này tài năng nổi bật và trí óc sáng suốt nhất. Tháng 5, 8, 9 là thời gian "trầm lặng như mặt nước hồ thu", bởi ít ra chúng ta cũng cần có lúc tĩnh lặng để rồi phải chịu đựng xáo trộn thất bại trong tháng 10 và tháng 12. Cuộc đời phải thăng trầm, phải "lên voi, xuống chó", lúc vui lúc buồn, lúc khổ đau lúc sung sướng. Biết đủ là đủ rồi, biết nhàn là nhàn rồi và biết có hạnh phúc là đủ hạnh phúc rồi!



Stier  
(21.4.-20.5.)

**Tuổi KIM NGUU (Stier):** 21.4 - 20.5): Từng bước nắm chắc thành quả rực rỡ.

Các bạn tuổi Kim Ngưu có những nét độc đáo cần phải tự biết mình để dễ hòa đồng làm việc- nhất là việc ăn cơm nhà vác là ngã cho voi. Các bạn lúc nào cũng rất vui vẻ, hoan hỷ, bình đẳng, nhân nại và biết suy nghĩ chín chắn trước khi bắt tay vào việc. Tuy nhiên lắm lúc các bạn có tính cứng đầu cứng cổ, có chút ghen ghét đố kỵ và lén lút. Các bạn sẽ đạt thành công mỹ mãn, thu phục được nhân tâm dễ dàng nếu bạn biết bỏ bớt chút xiú tánh nhỏ nhen. Từ đó bạn sẽ không còn bị đám tiểu tâm ganh ghét, không còn tiếng thị phi lời ong tiếng ve cố ngăn chặn những công việc lợi ích của bạn.

Các bạn tuổi Kim Ngưu lại thích màu xanh lục. Nhưng màu lục thường là hư hao khi các bạn quá ưa chuộng màu lục đậm. Ngược lại màu lục non trông có vẻ trẻ trung hơn.

Tuổi Kim Ngưu lại thích các loại đá Saphir, miêu ngọc, lam ngọc, bích ngọc, san hô. Bích ngọc là một loại đá làm hài hòa cuộc sống, có sức đối kháng với kẻ thù. Ngoài ra ai đeo ngọc Saphir là tỏ ra mình là kẻ trung thành với tình yêu. Nó giúp cho các bạn tập trung trí nhớ và tránh được tai nạn trong nháy mắt. Saphir fong trong chất kim loại Platin là một loại đá có tính cách cấp cứu và tránh được những biến chứng của các thứ tật bệnh. Ngoài ra lam ngọc, một loại đá của thần Vệ Nữ, một loại bùa yêu cho những cặp tình nhân và cho những đôi vợ chồng. Ngày nay người ta còn cho rằng, khi lam ngọc đổi màu thì nó báo trước cho người đeo biết là sẽ có tai nạn hiểm nghèo!

-Về Sức khỏe: Với sức trâu các bạn tuổi <sup>Kim Ngưu</sup> Miền Dương đầu có ngàn mấy cái bệnh đau đầu đau bụng vật vãnh. Xứ Đức có các vị bác sĩ tai, mắt, mũi, họng nổi tiếng mà khổ nổi đối với phe ta lại thường ít có dịp đến thăm viếng vì chúng ta hay coi thường những chứng bệnh có liên quan đến các bộ phận này. Tuy nhiên các bạn

*Lê Văn Ngọc*

tuổi **Miền Dương** thì cũng nên thấy người sang bắt quàng làm họ để nhờ vả chữa bệnh khi cần thiết vì các bạn thuộc mạng Thổ, chịu ảnh hưởng của Kim tinh- ngôi sao tinh ái, nên những rối loạn thường có quan hệ đến tai, cổ, họng! Dù các bạn có là gái 17 bẻ gãy sừng trâu hay thuộc loại nam thực như hổ, nữ thực như...trâu thì cũng đừng ý y sức mạnh mà quên để ý vào thời kỳ xáo trộn của chất quang xạ Uran có thể gây cho ta chứng bệnh nhức đầu mệt óc vì ba cái chuyện không đâu! Vào giữa tháng 1 và đầu tháng 5 các bạn sẽ cảm nhận về sự bấn loạn của cuộc sống và những nguy hiểm có thể xảy ra khi các vì sao Hỏa tinh và Thổ tinh cùng đồng thời chiếu sáng ở trên một đường chéo của tinh cầu. Ngoài ra còn có sự chuyển dịch của Kim tinh cũng làm cho sức khỏe của các bạn suy nhược. Nếu có thể các bạn thử xin đi "cua" không hẳn là để chữa bệnh mà để "bồi dưỡng sức khỏe" như lời khuyên của bác sĩ trong thời gian từ tháng 8, 10 hay 11.

*Lê Văn Ngọc*  
- Về tình duyên: Về đời sống tình cảm thì các bạn tuổi **Miền Dương** lúc nào cũng có cảm giác sôi nổi, không yên do nhiều xạ của Uran, đồng thời do sự chuyển dịch của Kim tinh, cho nên các bạn nên tránh bớt những cuộc hẹn hò ngay cả những cuộc gặp gỡ có tính cách ngoại giao hay chỉ là những giao tình. Những bạn nào đã có mắt xanh để ý, nơi có chốn, có tổ ấm hay đã đeo gông vào cổ thì tốt hơn là đừng đi sâu vào những cuộc tình luyến ái vào các tháng 3, 9, 11. Những cơ may cho các bạn chưa có ý trung nhân là vào tháng 1, 2 cũng như trong khoảng thời gian vào giữa tháng 8 các bạn có thể tìm được người ý hợp tâm đầu để xây dựng túp lều lý tưởng- một mái nhà...thuê, hai trái tim...ty nạn! Ngôi sao tinh ái sẽ dung hòa ảnh hưởng của Hỏa tinh và Thổ tinh- dung hòa trời đất, âm dương hòa hợp. Những cơn mưa bụi sẽ làm cho tạo vật hài hòa, làm cho cuộc đời có ý nghĩa yêu thương hơn!

- Về tiền tài, sự nghiệp: "Tiền tài như phấn thổ" nhưng khi cần thiết không phải chỉ ra bốc đất mà có được, mà phải biết tranh thủ cơ hội làm việc để kiếm tiền. Những thời cơ của các bạn tuổi Kim Ngưu rất nhiều, bởi vì năm nay nhiều vì sao may mắn lại đến với số của các bạn, hơn nữa những đám mây mù âm đạm cũng đã tan biến. Từ đó công việc cũng vũng vàng, đời sống bảo đảm, các bạn cứ thênh thang trên xa lộ an toàn mà tiến thân. Ngoài ra vào giữa tháng 5, 6 cũng như vào hai tuần đầu tháng 8, ba tuần cuối năm là những cơ hội thành công và nổi tiếng của các bạn để bù vào những ngày vất vả và khó khăn. Chính nhờ lòng nhiệt thành, tính nhẫn nại, biết tập tành hòa hợp với cộng đồng nên nhiều người năng nổ, đồng thời cũng loại được những đám tiện nhân chuyên thọc gậy bánh xe. Mừng cho bạn!



Zwillinge  
(21.5.-21.6.)

**Tuổi SONG NAM (21.5 - 21.6):** Thận trọng và kiên nhẫn.

Các bạn tuổi Song Nam rất dễ gây cảm tình và thuyết phục được những kẻ bàng quan nhờ vào tính thông minh, nhanh nhẹn, tháo vác và hay giúp đỡ kẻ khác. Vì thế những việc gì dù lớn hay nhỏ các bạn cũng quan tâm, để mất thì nên

không tránh khỏi dư luận thềm cho rằng các bạn hay có tánh tò mò. Tuy nhiên các bạn cũng có tính sinh động, xông xáo sau những đổi thay. Ngoài ra các bạn lại có dòng máu giang hồ, thích ngao du sơn thủy lấy trời đất là nhà, bốn biển đều là anh em!

Các bạn tuổi Song Nam hợp với màu vàng. Màu vàng làm chứa trí thông minh, nhưng mang mặt nạ nhiều màu vàng quá thì hóa ra xanh xao. Màu vàng là màu của trí tuệ, nếu không biết tự chế sẽ sinh ra kiêu căng. Lưu ý màu vàng cũng dễ gây tan vỡ tình bạn hữu vì một vài bất đồng nhỏ, tốt hơn là nên kết hợp với màu xanh và màu lục. Ngược lại màu vàng cam chủn vọng lại là biểu tượng của nhiều năng lực và tươi trẻ.

Những loại đá như mã não, đá lục cam với lục ngọc thạch và bạc thường mang lại cho các bạn Song Nam nhiều may mắn. Đá mã não nếu có hình chóp của hồng mã não thì chuyển qua màu đỏ sẫm. Những ai đeo đồ trang sức bằng loại đá lục cam thì chứng tỏ người đó có lòng nhân từ, dễ tin tưởng. Với tình trạng nguyên thủy thì nó có màu lục hay trắng lục. Loại lục kim thạch viên với vàng y sẽ tạo cho người đeo có tinh thần vững mạnh. Loại hồng mã não

mà có màu đỏ trong suốt thì là một loại đá cứng có giá trị cao, đeo nó như là một lá bùa hộ mạng tránh được những tai nạn bất thành linh. Nó cũng làm tan những nỗi sợ hãi và đánh tan những ý tưởng đen tối!

- Về Sức khỏe: Các bạn tuổi Song Nam có Thủy Tinh hộ mạng nên những thay đổi về thời tiết đều có liên hệ mật thiết về tay, cánh tay, vai, các bộ phận hô hấp như cuống họng, phổi. Từ đó có thể gây ảnh hưởng và dễ cảm nhiễm đến sự xáo trộn thần kinh của các bạn. Dù sao cũng nên ghi nhận rằng ở một góc độ vũng vàng và hài hòa trong đời sống của các bạn chính là lúc Thủy tinh đi chuyển vào những ngày cuối cùng của tháng 7 và từ 21 đến 27 tháng 10. Tuy nhiên các bạn cũng sẽ cảm thấy xáo trộn thần kinh vào giữa tháng 8 và đầu tháng 10. Dù có tham công tiếc việc gì đi nữa cũng xin bạn làm ơn nghĩ đến sức khỏe của mình để tránh bệnh loạn và những phiền toái trên cuộc đời ô trọc này. Làm cho làm, tâm cũng ở trường phải không các bạn!

Về tình duyên: Quang xạ của Pluto và Uranus đã báo hiệu cho các bạn tuổi Song Nam một năm tràn ngập thương yêu do ái tình giáng cho những quả tạ nặng nề mà chẳng ai muốn tránh né cả. Vì thế cho nên các bạn không chú ý đến những thiệt hơn mà cứ chìm ngập trong bến ái bờ yêu. Đó là giai đoạn chuyển dịch của vì sao Vệ Nữ- vị thần ái tình của các bạn, trong khoảng thời gian từ 9 đến 17 tháng 2; từ 7 đến 16 tháng 9 cũng như từ 1 đến 6 tháng 11. Các bạn nào còn phòng không chiếc bóng thì nên nhớ đến những giai đoạn này để có dịp tấn công người đẹp, khỏi phải lái xe chạy cả ngàn cây số, mồn mấy vỏ bánh xe mà lăm lăm cũng chỉ xách xe không trở về, không kiếm được một bóng hồng nào để nâng niu trầu mến. Khổ chưa! Ngoài ra các bạn nên ở nhà luyện tập "yêu công" hơn là đi ra ngoài "múa võ công"- có khi bị người ta ulynh cho tới bồi hoa lá, nhất là trong thời gian từ 23 đến 31 tháng 1, từ 13 đến 20 tháng 10 và từ 25 đến 31 tháng 12 vì trong những thời gian này ngôi sao tinh ái của bạn cũng đã ngao du ở một chốn thần tiên nào đó!

- Về tiền tài, sự nghiệp: Năm nay tiền bạc đến tay các bạn coi bộ cũng chầm xê lăm. Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trề. Trong tháng 1,2 có khi ông thần tài cũng quên mất địa chỉ của bạn và cũng có thể ông ta theo chân sao thủy tinh để đi về một phương trời nào đó. Nên bạn phải coi chừng trong tháng 3 và tháng 8 về các khoản chi thu cũng như về việc làm, coi bộ cũng tuột dốc. Nhưng cũng may tình trạng đó cũng không lâu, tháng 4 có vẻ tiến triển tốt rồi trở lại bình thường cho đến tháng 6, 7, 10 là thời gian coi bộ có chút tiền ấm túi, tuy không nhiều nhưng cũng đỡ khổ. Qua sự chuyển dịch của Hỏa tinh và sự nhiễu xạ Pluto ảnh hưởng gần như xuyên suốt cả năm, trầm trọng nhất là trong tháng 11. Tiền tài là phấn thổ! Sức khỏe là vàng mà. Còn sức, còn cày. Thua keo này ta bày keo khác. Sông có khúc, người có lúc! Không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời! Cười lên bạn, cười lên đi cho răng vàng sáng chói! Cười để thấy cuộc đời chẳng có gì buồn tẻn, chẳng có gì đáng chán cả!



Krebs  
(22.6.-22.7.)

**Tuổi BẮC GIẢI (Krebs): (22.6 - 22.7):** Hãy nắm thời cơ.

Tuy ngang bướng nhưng các bạn tuổi Bắc Giải lại rất trầm tĩnh, biết suy xét nên cũng dễ đến với người khác. Ngoài ra các bạn cũng biết cần kiệm, không phung phí quá đáng, lúc nào cũng tỏ ra hết sức trung thành vì thế khi đã "kết" với ai rồi thì cũng khó dứt, lúc nào cũng nghĩ rằng sống chết có nhau, cục muối cắn hai. Đi đến đâu các bạn cũng tạo được bầu không khí đầm ấm dễ thương, do đó các bạn được nhiều người thương mến. Tuy nhiên lỡ có kẻ nào chơi xấu thì bạn nên hỷ xả, chú đừng vội

nóng kẹp cho một phát thì đối phương chắc là nhiễm độc phải chở vào bệnh viện quá!

- Các bạn tuổi Bắc Giải thích hợp với màu trắng- là tổng hợp của tất cả màu sắc, là biểu tượng của hòa bình, không tranh cãi, không kình chống nhau. Nó cũng thích hợp với màu lục và màu xanh sáng, nó cũng là năng lực cho sự hòa hợp màu sắc giữa màu đỏ chói với màu đỏ đồng.

Ngoài ra các bà tuổi Bắc Giải cũng thích đeo đồ trang sức bằng các loại đá như ngọc màu bọ hung, ngọc bích, ngọc trai, ngọc màu sữa hay đá mặt trăng và pha lê. Các bà đeo bích ngọc không những dễ sinh nở mà còn chống được các bệnh đau mắt. Đá mặt trăng là kẻ mang may mắn đến cho những kẻ yêu nhau và cũng là người hướng đạo cho cuộc sống tương lai.

-Về sức khỏe: Bắc Giải thuộc mạng Thủy, dĩ nhiên là xung khắc với mặt trời- loại nắng không ưa, mưa không chịu! Chịu ảnh hưởng của thủy triều. Thế cho nên khi con nước vơi đây, thủy triều trời trụt lên xuống, thì sức khỏe của các bạn Bắc Giải cũng nay ốm mai lành. Mặt trăng là chủ mạng có liên hệ với các bộ phận tuần hoàn, ruột, hoành cách mô ở dưới phổi.

Do vị trí đối kháng của Mộc tinh với vì sao hộ mạng, nên nhìn chung từ đầu năm cho đến cuối tháng 3 các bạn cảm thấy khỏe re như bò kéo xe. Mấy chuyện nhức đầu lè tè coi như pha. Chỉ có việc dóp hất cổ mạng hay bày đặt ăn khem đi ét là nguyên do làm xáo trộn bộ phận tiêu hóa như miệng, ống thực quản, ruột, lá lách, tụy tạng- nhất là gan và thận. Ngoài ra do ảnh hưởng nặng nề của Thổ tinh, các bạn cũng sẽ cảm thấy suy nhược vì các chứng phong thấp và thống phong trong thời gian từ cuối tháng 2, 4, 7, 8, 10, 12. Nên nghe lời khuyên của bác sĩ, kiên nhẫn, trì chí để chữa trị vì trong tình huống này các bạn không những chỉ suy nhược về sức khỏe mà còn về tinh thần nữa. Dù sao các bạn cũng đừng quá lo âu vì phe ta qua đây lo cày sâu cuốc bẫm để kiếm sống và dành dụm chút đỉnh để chi viện cho gia đình, nên phần nhiều ai cũng vương cái bệnh phong thấp này cả! Mùa nắng thì có gì đáng quan tâm, còn mùa lạnh thì nhớ mặc đồ ấm là yên chí lớn!

-Về tình duyên: Sứt trong năm các vì sao Mộc tinh và Thủy tinh cứ thay phiên nhau quần thảo trên cuộc sống tình cảm của các bạn. Thế mà thời tiết của vũ trụ vẫn bị mây mù bao phủ. Tình duyên tưởng là không khá mấy, khó có cơ hội tiếp cận chứ đừng nói đến chuyện đầu gối tay ấp. Tuy nhiên trời không phụ người nhân từ, nên thần Vệ Nữ cũng dành cho các bạn một khoảng thời gian để giao duyên, chứ nếu không thì trời đất hạn hán cả sao, đó là lúc mặt trời lên đánh tan những đám mây mù: từ 16-23 tháng 1; từ 7-14 tháng 3; từ 7-12 tháng 8; cũng như 30 tháng 10 và 6 tháng 11. Chắc rằng thời gian đó cũng đủ cho các bạn tìm được người yêu lý tưởng để sưởi ấm trên cuộc đời xa xứ!

-Về tiền tài, sự nghiệp: Các bạn tuổi Bắc Giải cũng nên chuẩn bị tư tưởng để đón nhận những khó khăn trong hai tháng đầu năm, tháng 5,6 cũng như trong tháng 12 mà chắc chắn rằng bạn chưa mang lại cho gia đình và cho người khác những điều gì tốt đẹp theo ý muốn. Dưới ảnh hưởng của vị thế đối kháng của Mộc tinh, các bạn còn có thể tự hào rằng dù trong hoàn cảnh xuống dốc, các bạn cũng không lợi dụng kẻ khác. Tuy nhiên sau cơn mưa trời lại nắng. Hoà bình mang đến cho các bạn những ngày nắng ấm trong cuộc đời cũng như ảnh hưởng của Thổ tinh làm điều hòa cuộc sống và các bạn cảm thấy mình thơ thới hân hoan. Bạn thấy mình có đầy đủ sức lực, khả năng để tăng tiến nghiệp vụ và tiền bạc không phải là vấn đề đáng quan tâm trong các tháng 3,4 cũng như 7,8 và đầu tháng 11. Khi có cơ hội chúng ta cần khai thác đúng lúc vì dịp may sẽ không đến hai lần!



Löwe  
(23.7.-23.8.)

**TUỔI HẢI SƯ (Loewe): (23.7 - 23.8):** Một năm công thành danh toại.

Đối với tuổi Hải Sư, quý ông thì được phong là chúa sơn lâm oai phong lẫm liệt một phương, đối với quý bà thì lại có cái mỹ danh sư tử Hà Đông nghe cũng rưng rờ tay chân. Vì thế dù nam hay nữ, các bạn đều là trung tâm của vũ trụ nên được hay muốn được người khác chú ý. Các bạn là

người có tinh thần trách nhiệm, sẵn sàng giúp đỡ người khác, đặc biệt là rất quả cảm và thường có quyết tâm bảo vệ người cô thế. Vì thế các bạn không nương tay với hạng người thô bỉ, hạ tiện, dám thượng cẳng tay hạ cẳng chân lắm đó. Tuổi Hải Sư rất ham chuộng tự do, thương người nhưng chẳng hiểu tại sao các bà Hải Sư lại không thích quý đức ông chồng thương yêu người...(dần bà) khác? Tuổi Hải Sư cũng sử dụng quyền lực rất nghiêm, nhất là các bà lại biết thêm cách kèm kẹp các anh chồng râu quạp!

Tuổi Hải Sư thích màu cam- màu rực rỡ của mặt trời, màu của dịu dàng, êm ái; là pháp môn xưa cũ nhưng chính là phương cách tạo cho con người có sức quyến rũ và thắng được những giận hờn.

Kim cương là biểu tượng của Hải Sư tạo nên sức mạnh và không bao giờ bị thương tích, ngoài ra nó còn gây thêm sức lực và ý chí. Có lẽ vì thế mà trong mòm phái Thiểu Lâm Tự có hai môn võ công Thiểu Kim Cương và Sư Tử Hống. Kim cương nếu được viên với vàng thì có khả năng đánh tan mọi sự sợ hãi, hóa giải kẻ thù và chống sự nhiễm độc. Ngoài ra các bạn tuổi Hải Sư, nhất là các bà lại thích đeo đồ trang sức bằng hồng ngọc vì hồng ngọc sẽ mang lại được nhiều may mắn, vinh dự, giàu sang và thành công. Còn ngọc lap phách được coi là kẻ mang may mắn cho người đeo vì có huyền thoại là khi xoa vào mặt ngọc thì ngọc có điện năng truyền vào sáng chói.

-Về sức khỏe: Hải Sư thuộc về mạng Hỏa, vì sao hộ mạng là mặt trời, nên bị ảnh hưởng về tim, mạch máu, lưng và xương sườn. Vì thế lắm lúc các bạn cảm thấy sức lực của mình rất điều hoà, nhưng gặp lúc vũ trụ có thay đổi, nhất là qua sự chuyển dịch của Hỏa tinh và một số hành tinh khác thì cũng làm cho bạn đau lưng hay nhức tim.

Sức khỏe của các bạn bình thường hay xuống cấp còn tùy thuộc vào sự hoán dịch của các vì sao Thổ tinh và Hỏa tinh. Do tác động của mặt trời không điều hòa, nên từ tháng 1 đến tháng 3 lúc nào bạn cũng cảm thấy xốn xang khó chịu. Nhưng vào cuối tháng 4 và 5, Thổ tinh đặc biệt hài hòa với các quang xạ Pluto và Uranus, nên các bạn không những cảm thấy khỏe re như bò kéo xe mà còn làm cho các bạn dù sức kiên tâm trì chí để cày sâu cuốc bẫm trên cuộc đời xa xứ. Các quẩn tinh này sẽ trở lại và sức khỏe của bạn cũng đôi dào vào giữa tháng 10 và 11. Đặc biệt là qua sự hỗ trợ của Thủy tinh, trong thời gian từ 15 đến 20 tháng 11 các bạn nên đi khám bác sĩ để tránh khỏi những trường hợp suy yếu hay xáo trộn thần kinh do mặt trời hay Hỏa tinh ở những vị thế không xứng hợp với tuổi của các bạn. Qua đó cũng để cho bác sĩ rà lại các bộ phận trong người, chứ các bạn bỏ bê chúng nó trông tội nghiệp quá!

-Về tình duyên: Cuộc đời tình cảm của các bạn Hải Sư trong năm nay đều tùy thuộc vào sự di động của Thần Vệ Nữ- ngôi sao tình ái chiếu cố suốt đời. Có thể các bạn sẽ có giai đoạn ngập lặn trong bể ái-bờ yêu, ong qua bướm lại dập đầu, tình yêu gạt ra không hết, sung sướng tuyệt vời do mưa thuận gió hòa của Thổ tinh trong các giai đoạn từ 9 đến 17 tháng 2; 4 đến 14 tháng 4 cũng từ 17 đến 24 tháng 12. Đó là thời gian các bạn Hải Sư còn trang tay đợi chờ có cơ hội ngàn năm một thuở kiếm được người bạn đời để tiến đến ngày pháo nổ rộ rờn. Riêng các bạn còn độc thân tại chỗ- đi làm ăn xa hay người bạn đời còn kẹt ở quê nhà, hay đối với quý cụ đã đeo gông vào cổ, hay cuộc đời đã cá chậu chim lồng thì cũng nên biết thân phận mình mà làm người ngoại cuộc! Còn giai đoạn từ 6 đến 16 tháng 9, tình yêu ở mức trung bình, nhưng kẻ nào dám quàng đi ngang về tắt thì có thể mang đến những xui xẻo bất thường. Đặc biệt thời gian từ 7 đến 14 tháng 3, từ 23 đến 30 tháng 11 thì có khuynh hướng đổ vỡ có phần nghiêm trọng. Xin các bạn hãy nhường nhịn nhau một sự nhịn là chín sự lành, nếu vì khác khẩu hay vì thích cãi nhau thì nên tập đọc câu thần chú "...thờ vào tâm tĩnh lặng, thờ ra miệng mỉm cười"...

-Về tiền tài sự nghiệp: Nhìn chung các bạn Hải Sư năm nay chẳng có gì quan tâm về tiền tài mặc dầu năm 3 tháng đầu năm thần tài ngủ quên ở một góc xỉnh nào đó, hay ông thần lò tò không kiếm ra địa chỉ của các bạn, nên cuộc sống coi bộ hơi xuống cấp. Tháng 4 các bạn có lấy lại phong độ vì Thổ tinh mới bắt đầu di chuyển, nên có thể giúp các bạn gỡ gạc một số khó khăn. Tuy nhiên phải chờ đến tháng 6, 7 cũng như vào giữa tháng 10 và 11 các bạn mới thực vững vàng có tiền vô túi đều chi. Hẳn là bạn có

nhieu cơ hội tốt để kiếm được "dó" thơm, khảm đá" hay ít ra các bạn cũng hưởng được một khoảng tiền tăng lương hay thăng tiến nghiệp vụ. Trong thời gian này nhờ ảnh hưởng của Hỏa tinh- vì sao hộ mạng của các bạn và một phần lớn là nhờ vào sự hỗ trợ của Thủy tinh, tiền vào như nước! Nếu không quá ăn chơi phung phí thì các bạn cũng nên để dành chút đỉnh để chi viện cho gia đình hay thân nhân còn ở Việt Nam mà một miếng khi đói bằng một gói khi no. Hoặc ngon lành hơn các bạn có thể gởi tiền ủng hộ cho các trại cùi ở Việt Nam hay cho các trẻ em mồ côi ở các trại tỵ nạn. Làm lành gặp lành, làm phước gặp phước!



Jungfrau  
(24.8.-23.9.)

**Tuổi XỬ NỮ (Jungfrau):** (24.8 - 23.9): Một năm hết sức may mắn.

Đúng y chang như là trời sinh ra đàn bà, vì đối với các bạn tuổi Xử Nữ thì ngay trong bản chất đã có sự khác biệt nhau rồi. Một đàng thì chuộng sự sạch sẽ, tinh khiết, khiêm tốn, nhạy cảm, thận trọng, có lương tâm và biết hy sinh. Một đàng khác thì ích

kỳ, thích chỉ trích mà lại còn nhỏ nhen nữa (xin lỗi quý bà quý cô, vì lá số có sao viết vậy, chẳng dám ghét bỏ quý vị!). Vì vậy người khác rất dễ hiểu lầm các bạn chỉ có giọng lưỡi mô phạm, lỗ bịch, đơm đời. Chỉ có ít kẻ thâm tẩm mới hiểu được các bạn mà thôi!

Tuổi Xử Nữ thích hợp với màu xanh. Màu xanh bóng như gương biểu hiện sự nghiêm khắc và có quân bình về bản chất. Qua đó các bạn rất dễ thích nghi với mọi hoàn cảnh và lúc nào cũng tỏ ra khôn khéo. Nếu quá nhiều màu xanh thì có thể gây ấn tượng ôn ào. Màu xanh lục sinh động thì lại chứng tỏ hùng hồn rằng các bạn lúc nào cũng chăm chỉ và có đầu óc sáng tạo.

Những đồ trang sức bằng viên thạch hay hồng mã não thường đem lại cho tuổi Xử Nữ nhiều an toàn, thành công và may mắn. Màu nhạt sống động của các loại đá này chứng tỏ rằng đó là loại đá trước thời kỳ biến thể thành ngọc trai. Các bà đeo hồng mã não sẽ chống cự được với mọi hung hiểm, chống lại những tai nạn nguy hiểm, với những cơn sốt và bệnh tật hiểm nghèo. Hồng mã não thường được làm mặt nhẫn và cũng như với loại vân thạch màu nhạt lại có khả năng chữa trị và bảo vệ trước những tai nạn gây thương tích.

-Về sức khỏe: Xử Nữ thuộc mạng Thổ nên các bạn chịu ảnh hưởng của Thủy tinh liên quan đến dạ dày, ruột, lá lách và các bộ phận thuộc bụng dưới...Số phàm của các bạn được Thiên Tào ấn định như vậy, nên các bạn phải ăn uống có chừng- không phải có chừng nào ăn chừng nấy, mà phải ăn uống có chừng mực, điều độ. Nơi này thức ăn ề hề mà dớp hút thứ nào cũng phải coi chừng nhiều mỡ, nhiều dầu làm tăng chất cholesterol trong máu...Nói thế không phải để các bạn phải lo ăn khem, đi-ét- dù đi-ét là loại thời trang cho những người có tấm thân...bồ tượng, chứ thân thể gồ ghề như dân Mít nhà ta thì cũng chẳng thấm béo gì đối với dân Tây.

Trời có khí nắng khi mưa, nên người cũng có khi đau khi ốm. Nhất là đối với các bạn tuổi Xử Nữ mà Thủy tinh là vì sao hộ mạng, cạnh đó còn có sự chuyển dịch của Hỏa tinh và của Mộc tinh ảnh hưởng đến sức khỏe của các bạn. Vì vậy xin các bạn hãy thương tâm thân của mình mà lưu ý giùm đến các khoảng thời gian sau đây từ 15 đến 27 tháng 2, từ 14 đến 20 tháng 4, từ 13 đến 26 tháng 6, từ 8 đến 15 tháng 8 cũng như vào đầu nửa tháng 11 sức khỏe của bạn xuống cấp. Các bạn nên chọn ngày lành tháng tốt để đến nhờ bác sĩ khám tổng quát thăm thăm ngọc ngà của mình. Không lý các bạn để cho các vị bác sĩ khó thương yêu của mình ngồi chơi xơi hủ tiểu sao, hay để mấy ông thất nghiệp cũng tội nghiệp chứ! Thế nào mấy ông cũng cho bạn nghỉ bệnh vài tuần và đẹp hơn hết là cho các bạn đi "cua" một lần. Đi cua là đi nghỉ bồi dưỡng sức khỏe, chứ không phải đi "o mề" cua gái đâu! Ngay cả cán bộ cao cấp Việt cộng đại lộ biếng mà cũng bày đặt đi cua bồi dưỡng sức khỏe. Nghĩ cũng tui!

-Về tình duyên: Ngay trong mấy tuần đầu của năm mới vườn tình của các bạn Xử Nữ cũng đã bắt đầu nở hoa rồi. Nghe sung sướng chi lạ. Người ta bảo các bạn có số đào hoa đó. Trai thanh, gái lịch. Các bạn rất nhạy cảm với tình, như những luồng gió mang hương yêu đến cho những người hội diện. Thiên Vệ Nữ giúp cho

các bạn nhiều cơ hội để tìm bạn bốn phương hay bạn đời từ 7 đến 24 tháng 3, từ 7 đến 17 tháng 8, từ 13 đến 29 tháng 10, từ 23 đến 30 tháng 11. Dù các bạn rất sáng giá, người ta bu lại như kiến nhưng không phải các bạn chỉ biết ôm cây đợi thỏ hay chỉ biết nằm nhả miếng chờ sung roi, chờ người đẹp đến rước về...thì chẳng biết đến đời kiếp nào mới kiếm được một em về...thờ tự. Ngược lại quý cô nào cứ treo cao giá ngọc, "em chà em chà"...thì e chính mình làm mất cái duyên ban đầu và dậm suốt đời ở giá quá! Có siêng năng chăm chỉ với tình thì cũng chỉ dành cho quý cậu quý cô còn phồng không chiếc bóng, chứ đối với các bạn đã vợ con dùm ề thì nên an phận, chớ có quây hay quờ quạng mà gia đạo bất an nhất là trong thời gian từ 4-14 tháng 4, từ 10 tháng 6 đến 24 tháng 7 và từ 4-12 tháng 10. Xin các bạn làm ơn làm phước nhớ giùm cho!

-Về tiền tài, sự nghiệp: Các bạn nào được Thổ tinh ân cần nhắc nhở ngó ngàng tới, thì kẻ đó đúng là có số may trên đường chỉ tay. Dịp may đến lia chia, không biết mình nên chọn công việc nào, vì "dó" nào coi bộ cũng thơm cả. Tiền lương cũng khá để có thể vung vít cuộc đời. Còn bạn nào có phước được sinh ra trên những hành tinh quay nhanh trong bầu trời dương hệ, thì bạn cứ tìm cách như bấp rắng số mình lúc nào cũng gặp may mắn thành công gặp đối kè khác. Tuy nhiên, các bạn cũng đừng quá ý y vào phần số mà không lo để dành chút đỉnh phòng thân nhất là khi Hỏa tinh ở vị thế điều hòa với Mộc tinh, thì e rằng thời gian đó các bạn gặp chướng ngại vật ngăn cản bước tiến thân và chặn nguồn tài chánh đang ào ạt đi vào tương mực của các bạn. Đó là những ngày đầu của tháng 3, hai tuần cuối của tháng 6 và gần trọn tháng 11. Số bạn vẫn phong lưu suốt đời, chỉ mong rằng đừng vướng vào công nợ. Nhìn chung trong năm 1996 các bạn Xử Nữ có nhiều cơ may rất lớn đến ngạc nhiên và hứng thú. Điều quan trọng là các bạn phải biết tập trung tư tưởng, tin vào khả năng nghề nghiệp, sự thông minh lanh lợi và chăm chỉ của mình. Mừng cho bạn!



Waage  
(24.9.-23.10.)

**Tuổi THIÊN XỨNG (Waage):** (24.9 - 23.10): Thân tâm an lạc.

Các bạn tuổi Thiên Xứng lúc nào cũng có sẵn tấm lòng hào hiệp và từ bi, cởi mở và hòa ái. Mặc dù có cảm nhận như là giác quan thứ sáu rất bén nhạy để có thể vượt qua vài trắc trở, nhưng các bạn lại có những khuyết điểm lớn là độc đoán hay tự ý quyết định, lại hay thay đổi ý định.

Ngoài ra ký ức của bạn cũng không còn tốt nữa và nó trở thành một bản chất nhẹ dạ dễ tin.

Tuổi Thiên Xứng có thể thích hợp với các màu, như màu lục thẫm hay màu nâu sáng chói, có thể coi đó là những màu cơ bản. Ngoài ra cũng cần kể đến một số màu khác như màu thạch lục, màu đỏ vân thạch, màu xám bạc và màu đỏ thẫm. Những bà Thiên Xứng thì thích nhất là màu hồng- màu biểu tượng của nhan sắc yêu kiều duyên dáng, màu của tình yêu và dịu dàng.

Tuổi Thiên Xứng cũng thích đeo đồ trang sức về miêu ngọc (ngọc mắt mèo), san hô và ngọc lưu ly vì các loại đá quý này được coi là những người mang may mắn đến cho các bạn. Miêu ngọc trước đây không được ưa chuộng mấy, nhưng từ khi có khoa thiên văn và địa chất thì loại đá này đột nhiên có giá trị cao. San hô lại được coi như là loại bùa cho trẻ con và các bà mẹ, có khả năng biến những cái nhìn dữ dằn trở thành dịu dàng. Tại Ai Cập người ta thường tán nhuyễn đá san hô đem rải ra ngoài cánh đồng để cầu sấm sét và châu chấu đừng phá hoại mùa màng. Ngọc lưu ly có màu thẫm xanh thường gây ấn tượng chống lại được chứng bệnh đứt mạch máu tim hay chứng động kinh. Ngoài ra, đeo ngọc lưu ly được viền với chất platin là chứng tỏ một tình bạn thắm thiết.

-Về sức khỏe: Các bạn tuổi Thiên Xứng được sinh ra dưới một quần tinh khuất khuất lẫn nhau nên ảnh hưởng lắm lúc không những đối nghịch mà lại còn dờ dòn cho nhau. Vì vậy các bạn chỉ cần quan tâm nhiều về thân, thái lưng, bàng quang và tử cung. Đối với các bạn có vấn đề về thận thì nên thường xuyên đến bác sĩ khám nghiệm để kịp thời chữa trị. Thủy tinh hay Thiên Vệ Nữ là ngôi sao hộ mạng, cho nên dù bạn có bị bệnh đi chăng nữa thì đó chỉ là một



loại bệnh dễ cảm nhiễm do sự suy nhược cơ thể có tính cách cấp tính, bị nhiễm trùng hơn là bị bệnh kinh niên nặng nề.

- Có nhiều thay đổi đáng mừng là ngôi sao hãm tài hãm mạng đã vĩnh viễn lìa xa nên các bạn cảm thấy thân tâm an lạc. Những căng thẳng, bất ổn đều đi chỗ khác chơi. Thổ tinh cũng che chở cho các bạn. Thế cho nên không để gì những nhiễu xạ của Pluto và Uranus làm suy nhược sức khỏe của các bạn được. Tuy nhiên cần phải hết sức thận trọng vì dễ cảm nhiễm khi cả Thổ tinh và Hỏa tinh đồng thời tác động trong khoảng thời gian từ 26 tháng 7 đến 9 tháng 8. Mộc tinh cũng gây xáo trộn từ tháng 4 và tháng 6. Tuy nhiên Thủy tinh sẽ cho các bạn hưởng những ân sủng đặc biệt, cũng như Kim tinh cũng tạo cho các bạn hồ hởi, phấn khởi, thoải mái từ giữa tháng 11 cho đến Giáng Sinh. Thế nhưng xin các bạn nhớ sức khỏe là vàng. Đừng bắt chước cụ Nguyễn công Trứ mà "chơi cho dài các cho người biết tay" để "ngàn vàng mua lấy trận cười thâu đêm" cho đến khi sức tàn lực tận, bác sĩ cũng đành bó tay cười trừ thì đến lúc đó các bạn chỉ có đường lên ngồi ở các bàn vong!

- Về tình yêu: Đời sống riêng tư của các bạn Thiên Xứng cũng bị những khuynh hướng tác động của Pluto và Uranus chỉ phối mạnh về tình cảm. Lòng si mê thì hầu như đơn điệu mà kết quả thì thật mù mờ hoặc là không bảo đảm lâu dài, ngoại trừ thời gian ngắn ngủi từ 7 đến 14 tháng 2 lúc thần Vệ Nữ hòa hợp với Pluto và Uranus. Còn từ tháng 1 cho đến đầu tháng 4, những toan liệu của bạn cũng đều trật đường rầy cả. Cũng còn những cơ hội khác đến trẻ hơn, ví dụ vào giữa tháng 9 chẳng hạn, nhưng dưới ảnh hưởng của Thổ tinh mọi sự đều như đem muối bỏ bể. Có lúc tưởng là cá đã cắn câu, nào ngờ toàn là chuyện công cốc đã trắng xe cát để "Tiếc công anh đào ao thả cá, Ba bốn năm trời để người lạ đến câu!". Thế cho nên cũng không tránh khỏi những cãi vã, có thể sinh ra đổ vỡ vào 14 tháng 8. Hoặc mang nặng nỗi thất tình đớn đau trong khoảng đầu tháng 5 và giữa tháng 7. Tuy nhiên các bạn cũng nên tự an ủi là nhờ có Thần Vệ Nữ phù trợ cho nên niềm đau cũng dễ phai và đúng như người ta nói mất tình thì được tiền. Tiền bạc của bạn năm nay không những chỉ ảm tui mà còn đầy trong chương mục là khác. "Có tiền mua tiên cũng được!" - dù là những nàng tiên thoáng qua một đêm, nhưng xin bạn đừng đem lòng thương yêu nàng tiên nâu là tốt rồi!

- Về tiền tài, sự nghiệp: Sự nghiệp của các bạn bỗng chốc lên như điều gặp gió, không những chỉ vì kiên gan, bền chí, chuyên cần mà còn tài năng và ý chí của bạn. Vài khó khăn tồn đọng từ năm trước hay một số đồng nghiệp ganh tị nhỏ nhen có ý gièm pha chỉ có thể làm cho bạn phiền nhiễu xuống dốc trong thời gian từ 6 đến 14 tháng 1, hai tuần đầu tháng 4 và từ 1 đến 10 tháng 12. Nhưng mấy cái lè tè chuyên cần xe cần pháo đó không ngăn chặn được bước tiến của bạn và lòng tin cậy của cấp chỉ huy. Những thành quả này đạt được là do bạn đã hạ quyết tâm: (1): phải thực sự làm việc, không mơ mộng viễn vông xây lâu đài trên cát. (2): phải tin tưởng ở chính mình, không chịu ảnh hưởng của kẻ khác, đừng để cho người khác lợi dụng! Hỏa tinh đỡ đầu cho bạn trong thời gian từ 3-14 tháng 2, từ 12-25 tháng 7, ba tuần cuối tháng 10 và trọn tháng 11. Thế là bạn đã có một năm 1996 tốt đẹp! Nhái bạn rồi đó nghe!



Skorpion  
(24.10.-22.11.)

**Tuổi HỔ CÁP (Scorpion):** (24.10 - 22.11): Một năm tình cảm tuyệt vời.

Các bạn tuổi Hổ Cáp lúc nào cũng rất nghiêm nghị, có cao vọng muốn tiến thân, có tình thần trách nhiệm, khôn ngoan, háng hái có quyết tâm và có tình thần tự chủ. Mặt khác các bạn lại rất khắt khe ngay cả với chính bản thân mình, nên nhiều lúc tỏ

ra hẹp hòi nhưng đặc biệt là biết tự chế.

Tuổi Hổ Cáp thích màu đen. Màu đen cũng là màu của tình yêu, màu buồn ảm đạm thương tiếc khi tiền người quá cố; nhưng là màu chứa đựng hết năng ảm của mặt trời. Màu đen hòa hợp với màu đỏ, hồng, vàng làm cho nổi bật thêm màu đen và thu hút hết sức ảm của các màu khác.

Tuổi Hổ Cáp, nhất là các bà thích đeo đồ trang sức bằng ngọc thạch màu nước biển và lục ngọc thạch. Ngọc thạch màu nước biển

là một loại bùa hạnh phúc của các cặp vợ chồng. Lục ngọc thạch cũng có ý nghĩa tương tự như vậy. Cả hai loại đá quý này khi đeo có khả năng chống lại bệnh đau dạ dày, đau gan, đau cần cổ. Ngoài ra ngọc thạch lục cũng chống lại được mệt mỏi, ói mửa, trụyền nhiễm. Loại hoàng ngọc với màu vàng đục có tính chất như một loại thuốc an thần và làm cho trí tuệ sáng suốt.

- Về sức khỏe: Hổ Cáp thuộc mạng Thủy nên các bạn bị ảnh hưởng trực tiếp về thận, bàng quang, bộ phận sinh dục. Bệnh gan hầu như là bệnh bẩm sinh. Dưới ảnh hưởng của Hỏa tinh bệnh hoạn của các bạn chỉ có tính cách cấp tính, nhiễm trùng hơn là bệnh kinh niên.

Chẳng có loại thuốc tây hay cao đơn hoàn tán nào mà uống vô một phát là "trăm bệnh tiêu tan, vạn bệnh tiêu trừ" được. Vì thế tình trạng sức khỏe của các bạn trong năm nay trời trụt theo mưa nắng, theo chuyển vị của các ngôi sao Hỏa tinh, Thổ tinh nên thường gây tình trạng bất an, căng thẳng thần kinh. Vì vậy các bạn cần biết để tránh né những phiền lụy, nhất là thời gian sao Thủy tinh không ở trong vị thế thuận lợi từ 16-28 tháng 2, hai tuần đầu tháng 3, từ 8-13 tháng 4, từ 17-21 tháng 6. Đó là lúc Hỏa tinh và Uranus đồng thời giao động nên sức khỏe của các bạn xuống cấp rõ rệt. Vì vậy các bạn cũng nên ghi nhớ những khoảng thời gian sau từ 9-20 tháng 1, từ 3-15 tháng 5, từ 9-25 tháng 9 và qua tuần đầu tháng 10 để tránh cho cơ thể khởi làm những công việc quá sức, chờ cho những nguy hại trôi qua. Sau đó Mộc tinh sẽ điều hòa lại với Hỏa tinh và các bạn sẽ thấy mình phơi phơi hân hoan để ra sức giương còi kèn thiên hạ!

- Về tình duyên: Mộc tinh ảnh hưởng trên nhiều lãnh vực của cuộc sống của các bạn Hổ Cáp và hứa hẹn một cuộc sống tình cảm tuyệt vời trong năm 1996. Nói như vậy không có nghĩa là không có sóng gió đi qua đời bạn. Nhưng vì bạn là người thông minh, khôn khéo nên những sôi nổi, nóng nảy và căng thẳng của cuộc tình được giải quyết ổn thỏa. Sự chuyển dịch của Thần Vệ Nữ cũng cảnh cáo cho các bạn phải đề phòng trong khoảng thời gian từ 9 tháng 3, 9 tháng 9 và 24 tháng 11 nếu có giao du gì đi nữa thì cũng nên giới hạn trong sự liên hệ bạn bè hay vì ngoại giao mà thôi, tránh đi sâu vào tình cảm thân thiết lắm lúc vì hiểu lầm mà sinh ra những chuyện không hay. Tuy nhiên đối với những người còn độc thân, thì ai muốn nhào vô vòng lao lý ái tình thì xin hãy tập trung vào những ngày của sao Mộc tinh trong tháng 1 và 2 hoặc trong vòng tay của Thần Vệ Nữ từ 16-23 tháng 1, từ 1-9 tháng 2, từ 25 tháng 3 đến 3 tháng 4, từ 15 tháng 8 cũng như từ 21 đến 29 tháng 10.

- Về tiền tài, sự nghiệp: Dù "Mộc tinh là ngôi sao thành công" nhưng không hẳn là không có những ảnh hưởng của các quân tinh khác làm giảm ảnh hưởng hay giới hạn sự bành trướng những cơ may. Vì vậy các bạn cũng phải trải qua những lần thăng trầm trong cuộc sống, đời mới đủ ý nghĩa thương đau! Tiền bạc của các bạn trong 6 tháng đầu năm kể như là thần tài không quan tâm đến mấy, khi trời khi trụt. Có vô ra, có phung phí chút đỉnh nhưng không đến nỗi nghiêm ngặt. Nghề nghiệp cũng tương tự, có lên có xuống. Buôn bán cũng có khi lời khi huê vốn, không lỗ là lạ may! Tuy nhiên sáu tháng cuối năm là một thăng hoa của các bạn, bởi vì nếu ai trì chí chờ đợi cho đến khi Thủy tinh ở vị thế thuận lợi thì tài lộc đến như nước thủy triều vào thời gian từ đầu tháng 7 cho đến cuối tháng 8 và từ cuối tháng 10 cho đến tháng 12. Dù trong thời gian này có vài sự kiện không mấy thuận lợi, chuyên cần xe cần pháo hoặc trâu cột ghét trâu ăn nên hay gièm pha, xia xối, thợ gây bánh xe cũng không làm khó để được các bạn.



Schütze  
(23.11.-21.12.)

**Tuổi NHÂN MÃ (Schuetze):** (23.11 - 21.12): Sức khỏe là hàng đầu.

Tuổi Nhân Mã biết tôn trọng lẽ phải, nhiều nhân nại, biết khoan dung, có lòng nhân ái nhưng cũng có nhiều cao vọng. Về mặt chủ quan các bạn thường có thái độ thái quá, lắm lúc cảm thấy lòng mình bất an vì muốn che giấu tính vị kỷ, lại thường

có ý nghĩ bất chợt và có hành động bất thường, nên ít mang lại kết quả khả quan.

Màu đỏ thắm thích hợp cho các bạn tuổi Nhân Mã. Ai còn ưa chuộng màu này thì chứng tỏ rằng tâm hồn mình còn trẻ trung. Một vị bác sĩ tâm thần cho biết, người thích màu đỏ thắm thì hầu như chính họ lại nổi bật trong đám đông và họ tự tách rời ra khỏi đám đông này, bởi vì màu đỏ thắm tượng trưng cho sự khoan dung và bình đẳng. Ngoài ra tuổi Nhân Mã cũng còn thích những màu khác như màu xanh hay màu xám xanh, thuận tiện cho việc thực hiện những chương trình cụ thể. Riêng màu đen thì lại thiên về những việc làm có mục đích vật chất hơn.

Các bạn tuổi Nhân Mã thường đeo đồ trang sức như hoàng ngọc và lục kim ngọc. Đeo hoàng ngọc ở tay trái thì biến được những cái nhìn giận dữ của kẻ khác thành cái nhìn dễ chịu, được coi như là một liều thuốc chống hen suyễn, chống bệnh thống phong, bệnh mất ngủ và điên cuồng. Nó còn ban phát những đặc ân và phú quý. Lục bích ngọc có màu lục thắm tựa như một loại bích ngọc, khi đeo vào lại có tác dụng trừ tà ma và các cơn ác mộng. Lam ngọc màu xanh chống bệnh tật, có tác dụng thêm bạn bớt thù.

-Về sức khỏe: Tuổi Nhân Mã thuộc mạng Hỏa, có ảnh hưởng đến các bắp thịt hông, đùi, cẳng tay và tĩnh mạch. Vì thế các bạn chẳng lấy gì làm ngạc nhiên khi mình thường cảm thấy đau ở khớp xương hông và dây thần kinh ở háng, đau tọa cốt thần kinh và cụt xương sống.

Điều đáng lưu ý là do ảnh hưởng của Thủy tinh nên trong khoảng thời gian từ đầu năm cho đến tuần đầu tháng 4, từ 27 tháng 6 đến 11 tháng 7 cũng như cuối tháng 10 và đầu tháng 12 sức khỏe có phần suy nhược. Các bạn thử đi khám bệnh may ra bác sĩ sẽ cho bạn những lời khuyên tốt đẹp. Nhớ kiêng cử theo toa thuốc của các vị lang tây cũng như các vị lang ta, đừng ý vào sức Hercules mà chơi bởi trác táng thì có ngày cũng bệ rạc. Cũng có thể nhờ biết lo cho tấm thân ngọc của mình như vậy mà sau đó, do ảnh hưởng của Hỏa tinh trong khoảng thời gian từ 7 tháng 4 cho đến 3 tháng 5 cũng như vào đầu tháng 10 sức khỏe các bạn trở nên ngon lành. Nói theo lời dạy của ông cha ta ngày trước, mọi sự có điều độ là hơn cả. Không nên thấy của ngon vật lạ mà chớp hít thảng cẳng, nhậu nhẹt tới tấp, ăn chơi phóng túng. Tiền của tiêu xài hoài cũng có ngày cạn túi người ta thường nói là núi lở non mòn, huống hồ gì sức khỏe của con người có hạn, phung phí hết thì có ngày cũng sớm về chầu tổ tiên, mặc sơ-mi gỗ rong chơi nghĩa địa mà thôi!

-Về tình duyên: Ngoài ảnh hưởng của Thần Vệ Nữ, tức là Kim tinh vì sao tinh ái, còn có Pluto và Uranus; mà sự chuyển dịch của các vị sao này lại tác động đến cuộc sống tình cảm của các bạn tuổi Nhân Mã. Khi hai vị sao nói trên ở vị thế hòa hợp nhau, thì cuộc tình của các bạn cũng hết sức thanh nhàn, hết sức bình an. Trong một giai đoạn nào đó, Kim tinh cũng giúp thêm những khoảng thời gian thuận lợi để các bạn làm những cánh chim liền cánh, cây liền cành, sát cầm hòa hợp, pháo cưới rực rỡ... từ 9-17 tháng 2, từ 7-16 tháng 9, từ 1-6 tháng 11. Đặc biệt nhất là từ 23 tháng 4 cho đến 9 tháng 6 là khoảng thời gian liên tục thần Vệ Nữ đã đi du hí một phương nào rồi, nên các bạn cũng thả cho tình cảm của mình buông lung như đồng trống đó. Đề nghị các bạn hãy sắm một cái thùng rất nhay và rất tốt, để khi cần thì phải biết stop lại, đừng để cho chiếc xe tình ái của mình chạy hoài chạy mãi thì có ngày vỏ xe cũng mòn, đầu máy cũng rã! Các bạn có gia đình thì coi như xe đã có người đứng chủ quyền, mọi liên lạc với nhau chỉ nên coi như là bạn- bạn đồng nghiệp, bạn bán buôn, bạn giao du. Còn bạn đường, bạn đời thì...coi chừng chén bay, đĩa bay, gia đạo bất an vào giữa tháng 4, trong tháng 10 và những ngày cuối năm!

-Về tiền tài, sự nghiệp: Nhìn chung thì các bạn tuổi Nhân Mã cần nhẫn nại và trì chí nhiều từ đầu tháng 3 cho đến cuối tháng 8, mà sự nghiệp thì như mặt nước mùa...mưa, nên có khi yên tĩnh, có khi bị sóng đôi. Thăng trầm thì ai chẳng có, khó khăn thì ai chẳng hay nên chi tiền bạc của các bạn cũng theo đó mà khi sồi khi sụt như con nước thủy triều khi xuống khi lên. Thế nhưng các bạn đừng quá vội lo mà chơi trò thất lung buột bụng, theo lối Việt cộng khi nền kinh tế suy sụp thì chính phủ bắt con dân có nước tăng thuế, tăng giá hàng hóa vì "đàn đùng có...no, để cho nhà nước...no" là đủ rồi! Dù sao trong khoảng thời gian này cũng có các giai đoạn từ 7 đến 19 tháng 4, từ 27 tháng 6 cũng như từ 11 tháng 7 do sự chuyển dịch của Hỏa tinh các bạn có cơ hội tốt để

đảm nhận một số công việc tuy không lâu dài nhưng cũng có chút tiền ăm túi- không nhiều để hoang phí, nhưng cũng đủ để rong chơi với những cuộc tình trong những ngày nghỉ hè. Ngoài trừ tháng 12, thì gần như trong ba tháng 9, 10 và 11 mà quân tinh quan trọng trong năm tuổi giúp cho đời bạn lên như điều gặp gió. Công việc lối lu bù, nói một cách dễ ghét như một vị thương gia gặp thời là không có thì giờ để đếm tiền! Với nhiều cơ may này, người ta khuyên bạn nên nghĩ đến việc xây một nấc thang để tiến thân hay tìm một hướng đi thích hợp với tay nghề của mình. Đó là những lời bàn Mao Tôn Cương, đề nghị các bạn tùy theo khả năng, tài sức của mình để gánh vác công việc!



Steinbock  
(22.12.-20.1.)

Tuổi NAM DUONG (Steinbock) (22.12 - 20.1): Một năm thành công rực rỡ.

Các bạn tuổi Nam Dương là người có trí tuệ minh mẫn, biết nhìn xa hiểu rộng, tìm hiểu vấn đề cận kề đến nơi đến chốn, không chịu hơi hợt bên ngoài. Thêm vào đó các bạn có tính chuyên cần, chịu khó nên dễ được sự tín nhiệm của người cấp trên, của

đồng nghiệp. Tuy nhiên các bạn tuổi Nam Dương có tránh được những khuyết điểm như lòng vị kỷ, khác nghiệt và hay nhân nhỏ thì các bạn là người hoàn hảo và chắc chắn là tạo được nhiều thành công cho mình.

Hầu hết các bạn tuổi Nam Dương thích màu nâu, một ít thích màu đỏ hay vàng chói rực rỡ. Thích màu nâu đỏ thì chứng tỏ các bạn là người lúc nào cũng tôn trọng nhân phẩm của kẻ khác. Ngược lại thích màu xám đậm thì lại tỏ ra mình chỉ biết sống vì mình, cho mình hơn là cho tha nhân.

Đeo hồng ngọc, mã não đen có vân thường mang lại thành công cho các bạn tuổi Nam Dương. Đeo hồng ngọc làm tăng thêm sức khỏe và tình yêu hạnh phúc. Nó có khả năng biến thù thành bạn và tránh được những nguy hiểm về bão tố và lụt lội. Mã não đen có vân hay là nâu đậm viền những vết màu trắng có khả năng làm tan biến những nỗi buồn phiền và chấm dứt những vụ kiện tụng. Lam ngọc viền với vàng y tạo nên sự cảm thông, chung thủy và khản khít. Khi lam ngọc tự đổi màu tức là báo cho người đeo biết sắp có những rủi ro để kịp thời tránh đi.

-Về sức khỏe: Nam Dương thuộc mạng Thổ nên các bạn chịu ảnh hưởng của Thổ tinh. Vì vậy về xương, da, màng nhầy của da, các mô tế bào đều chịu ảnh hưởng về sự vận hành của Thổ tinh. Các bệnh thông thường là đau khớp xương, thấp khớp, phong thấp...đều do các biến thái mà ra.

Nhìn chung hầu như suốt năm các bạn bị các chứng bệnh phong thấp, thống phong, đau khớp xương vật cho những trận é ảm mà bạn quần thảo với các cơn bệnh nhức nhối này cũng đủ tới tâm mặt mũi. Nói như vậy cho các bạn phải chú ý đến sự vận hành bất thường của Thổ tinh- vì sao hộ mạng mà nó lại "đi" bạn tới bởi hoa lá. Cũng may là còn có Thủy tinh hết lòng che chở đỡ đần cho các bạn trong những thời gian trái gió trở trời, chứ nếu không thì còn ai chịu đời cho thấu! Vì vậy xin các bạn quan tâm về các giai đoạn như sau mà khi Hỏa tinh nằm trong khu tam giác ảnh hưởng của Mộc tinh: từ cuối tháng 2 đến 11 tháng 3, từ 16 đến 25 tháng 5, từ 17 tháng 11 đến 10 tháng 12 sức khỏe của các bạn có thể bị suy nhược trầm trọng vì các chứng bệnh cấp tính. Dù không ưa các vị bác sĩ, nhất là thời gian ngồi chờ thì lâu, cả tiếng đồng hồ chứ mau chóng gì đâu mà khi hồ hởi được gọi tên vào khám thì vị bác sĩ thân yêu chỉ rờ rịt vài phát, nghe phổi nghe tim, may ra có khi thì đo áp huyết, rồi viết viết ghi ghi, cho toa thuốc...cũng vồn vện trong vòng 10 phút là cùng! Thế mà làm lúc vì do hơi hướm của bác sĩ hay vì các chứng bệnh chỉ nghe lời hay sợ bác sĩ, nên có khi về nhà uống thuốc thấy sức khỏe cũng êm êm như ru! Vậy thì các bạn nhớ đến thăm vị bác sĩ của mình, để có lúc cũng cần phải nghe theo những lời khuyên nhủ của ông vì dù sao lương y cũng giống như từ mẫu! May ra các bạn có thể xin ông ta giúp đi của ở một vùng nắng ấm nào đó thì biết đâu những cơn nhức nhối và phiền muộn cũng ảm thảm từ giã các bạn!

-Về tình duyên: Ngay từ đầu năm cho đến cuối tháng 2, tràn ngập ảnh hưởng của Mộc tinh, nên các bạn cảm thấy mình bơi lội trong

bế ái nguồn yêu. Cơ hội tốt nhất và chỉ duy nhất một lần từ 14 đến 20 tháng 1 các bạn có dịp tạo nên hạnh phúc gia đình hay là đối với các bạn còn bơ vơ tình ái hay mồ côi vợ thì cũng có dịp tìm được người tình trong mộng hay người yêu lý tưởng để kéo nhau ra tòa ký bản án chung thân ở tù trong trái tim ngọc từ của người yêu dấu, dù biết ra sao ngày mai- que sera sera cũng ô-kê cái cup à! Sau đó dưới ảnh hưởng của Thổ tinh, có nhiều giai đoạn mà dù có cố gắng trì chí đi kiếm chút ái tình còn các bạn cũng không chắc vượt qua được những chướng ngại vật chuyên cần... xe hoa của mình! Hoặc là các bạn là kẻ đến sau, hoặc là các bạn đi trồng cây si quá trễ, hoặc các bạn dù đã tiếc công đào ao thả cá mà vì một phút lỗi lầm lơ đãng để cho người lạ tới chôm! Đời là thế đó, bạn thì muốn dịu ngọt câu tình, còn kẻ khác có khi lại dùng bạo lực...đồng tiền nên họ chôm được người ngọc! Thôi thì cũng là một bài học...đi ngày đàng học được sàng khôn. Nhưng cũng nên khôn sớm đi để ông trời khỏi giận dữ mà phán lên rằng: "Đi đâu mà chẳng lấy chồng, Người ta lấy hết chồng mong mà gào!" Mà gào với ai bây giờ. Thôi đành tránh đi các giai đoạn sau: từ 16-23 tháng 1, từ 7-14 tháng 3, từ 7-12 tháng 10 và từ 23-30 tháng 11.

-Về tiền tài và sự nghiệp: Do ảnh hưởng của Mộc tinh nên có thể nói là trong năm 1996 các bạn tuổi Nhân Mã ít có quan tâm về tiền tài và công việc. Ngay từ đầu năm cho đến tháng 4, nhờ vào bản chất nhẫn nại, cần cù, trì chí của các bạn mà hầu như những khó khăn thử thách ban đầu đều trôi qua một cách thuận tiện. Qua đó thần tài cũng không quên đến thăm bạn đều chi. Dĩ nhiên tiền bạc cũng có khi nhiều khi ít tùy theo khả năng và số lượng công việc. Tuy nhiên không có thiếu hụt. Chỉ có trong hai tháng 5 và 6 thường là khởi đầu của những tháng nghỉ hè nên tài lợi có ít đi chút đỉnh. Tháng 7 và 10 thì coi bộ tình hình có phần suy sụp. Nhớ xem lại các chương trình hành động để kịp thời điều chỉnh hoặc làm vừa lòng khách hàng hoặc làm đúng theo yêu cầu của xí nghiệp. Chớ cứ ý y vào nề nếp cũ mà tiến hành thì e rằng buôn bán không coi ngày, đi chơi không coi giờ lành tháng tốt "Mồng Năm, Mười bốn, Hăm Ba; Đi chơi cũng lờ hướng là đi buôn!". Không hiểu các bạn có tin vào các ngày tam nương bà la sát hay không, nhưng đúng là số của các bạn từ tháng 8 cho đến tháng 12 thì cuộc đời lên tận mây xanh. Thấy các bạn phơi phới hân hoan, tiền vô như nước thì khoái chí rồi. Vì vậy các bạn nên lưu tâm năm cúng sao giải hạn để cảm ơn hai vì sao Mộc tinh và Thổ tinh đã kèm kẹp giải tỏa được ảnh hưởng xấu của Hỏa tinh. Trong thời gian hưng thịnh như vậy thì vài ba cái hao tài là tẻ nhạt không làm hao hụt mấy may cái lòng chân của các bạn. Giai đoạn này các bạn có người người đến làm quen, nhận họ hàng. Có khi nhìn lại gia phả của mình các bạn thấy không có dính dáng gì đến cái tên râu ria lùn mã tử kia cả mà đi đâu hán cũng xưng là có liên hệ gia đình với mình! Có khi các bạn ngạc nhiên thấy được cái tên, gặp lại khuôn mặt mà bạn cứ tưởng đã chết tiệt từ hồi mồ ma ông nội ông ngoại, ông cố ông sơ. Thế mà bây giờ lại tìm đến gặp bạn một cách hết sức là...không tình cờ. Đời là thế mà bạn!



Wassermann  
(21.1.-19.2.)

**Tuổi BẢO BÌNH (Wassermann) (21.1 - 19.2):** Một năm bình thường cả tình lẫn tài.

Tuổi Bảo Bình là những người có lý trí sáng suốt, có ước vọng và hành động có quyết tâm. Ngoài ra các bạn còn có tính hiểu khách để thân thiện và dễ cảm thông. Tuy nhiên các bạn hẳn cũng rõ những

khuyết điểm của mình như tính hơi hẹp ít quan tâm, thiếu bền chí và lắm lúc tự dối lòng...để khắc phục thì chắc chắn bạn rất dễ thành công.

Các bạn tuổi Bảo Bình thích hợp với màu xanh dương, màu biểu tượng về những ý tưởng độc lập và ngay thẳng cởi mở. Kế nào thích màu chàm thì người đó có cuộc sống thực tế, điều gì cũng có thể biết một cách tường tận. Những ai thích sự hỗn hợp giữa các màu tím đỏ và màu lục non thì chứng tỏ rằng người đó chỉ chú trọng về những gì có lợi riêng mà thôi.

Các bạn tuổi Bảo Bình thích đeo đồ trang sức bằng ngọc thạch lục và đá phong tỳ. Ngọc thạch lục mang ý nghĩa về sự chung

thủy và vì vậy lúc nào họ cũng giữ gìn những kỷ niệm cũ. Ngoài ra cũng là một bảo vật chống lại sấm sét và đồng thời là dược liệu chống lại cảm sốt và nhiễm trùng. Đá phong tỳ cũng có những tính chất cứng như loại kim cương, đó là phương tiện chống lại sự hung dữ và bệnh hoạn. Đeo ngọc tinh thể viên chất platin làm cho ta có sự tập trung tinh thần và cảm thấy thoải mái khoan dung hơn, do đó khó bị ai lừa dối, gạt gẫm.

-Về sức khỏe: Các bạn tuổi Bảo Bình thường chịu ảnh hưởng của các chòm sao trực tiếp đến các bắp thịt ở đùi, xương chân, nước tiểu, lưu lượng máu. Tình hình sức khỏe của các bạn, điều hòa hay suy nhược đều do khí hậu mưa nắng trở trời.

Là người ít ra ai cũng một lần đi bác sĩ hay tới mấy ông lang nhà ta khám bệnh. Những lời khuyên nhủ của các vị lương y đã là một liều thuốc để chúng ta chữa trị được tâm bệnh, hướng chỉ đối với thời khí ở xứ người mà chúng ta chỉ mới làm quen, dĩ nhiên cũng khó thích nghi với sức khỏe của dân Mít nhà mình vốn mới trông đã thấy...ốm đối rồi! Cho nên điều quan trọng là các bạn nên chú ý vào các khoảng thời gian sau đây, khi mà Thổ tinh cùng với các vì sao khác cùng "chơi khăm" các bạn, như từ cuối tháng 4 bắt đầu tháng 5 cũng như từ cuối tháng 10 bắt đầu tháng 11, thì các bạn phải chăm sóc kỹ lưỡng tâm thần ngọc ngà của các bạn ghê gớm. Nếu bạn cứ thị vào sức khỏe như cá voi thì có ngày bạn chẳng còn có sức để vụng vẫy với đời, chớ đừng nói chi đến việc vung vít với tình! Nên nhớ cho rằng chẳng ai thương mình bằng mình! Ngoài ra lâu hết thời gian còn lại là dành cho các bạn với một cuộc đời bình yên.

-Về tình duyên: Cuộc đời tình cảm của các bạn tuổi Bảo Bình năm nay rất thuận lợi cho những người còn độc thân muốn tính chuyện lứa đôi. Cũng rất là khó khăn cho mấy người có gia đình mà còn muốn ham vui với tình. Đối với trường hợp thứ nhất, những cơ hội cho những cuộc hội ngộ, làm quen, làm thân và làm vợ chồng đều phụ thuộc vào sự chuyển dịch của Thần Vệ Nữ muốn xe duyên kết tóc cho ai với ai đây. Thời gian tràn ngập không khí thương yêu do sự nhiễu xạ ái tình của các vì sao Thổ tinh và Pluto là từ 9-17 tháng 2, từ 4-14 tháng 4, từ 17-24 tháng 12. Đó là dịp các bạn để cho con tim mình thổ lộ yêu đương. Ai can đảm thì thành duyên thành nợ, ai nhút nhác e dè hay treo cao giá ngọc thì xách xe không trở về! Tuy nhiên tạo hóa còn dành cho các bạn thì hồng tình ái lân đầu thì cũng còn có kỳ thì vớt lần thứ hai trong năm từ 7-14 tháng 3 và từ 23-30 tháng 11. Các bạn thì rút lần này thì chịu khó nằm không một mình trong mùa đông buốt giá, chớ đừng than trời trách đất!

Các bạn trong diện thứ hai, bị cột chân cột cẳng, dù cảm thấy con là nợ, vợ là oan gia thì cũng không thể vì số mạng đã định trên Thiên Tào để buông thả với tình thì nếu không chiến tranh lạnh thì cũng không tránh khỏi cảnh chén bay đĩa bay, gia đình xào xáo bất an!

-Về tiền tài, sự nghiệp: Nhìn chung các bạn tuổi Bảo Bình năm nay tương đối đạt nhiều thành công, không gặp khó khăn về công ăn việc làm. Tiền bạc lúc nào cũng đầy túi, tiêu xài hết thì có thần tài chi viện. Ban đầu thì tốc độ dồn dập nhất là từ tháng 2 cho đến tháng 4, tháng 5,6 và nhất là tháng 7 tình trạng coi bộ bắt đầu đi xuống. Tuy vậy chẳng có gì đáng quan tâm, vì cuộc đời phải có thăng trầm. Chứ bộ cứ lên hoai thì kẻ khác làm sao chịu đời cho thấu. Nhưng thất bại là mẹ thành công, thua keo này ta này keo khác. Nhờ vào ý niệm này và dựa vào ảnh hưởng của Thổ tinh và Uranus, các bạn đạt được thành công tốt bụng vào các tháng 10 và 11 và qua đó hy vọng các bạn sẽ có cơ may ký kết được một hợp đồng mới vào tháng 12 với dớp thơm, khảm dạ! Dĩ nhiên trong năm các bạn cũng không tránh khỏi những lần phiền nhiễu, nhức đầu vì mấy chuyện nhỏ nhặt lắm lúc chẳng có gì phải quan tâm. Lưu ý vào các thời gian vào cuối tháng 6 hay là vào cuối tháng 7 và đầu tháng 8. Tuy nhiên ở hiền gặp lành các bạn sẽ được Thủy tinh phù trợ, giúp thêm nhiều năng lực để xóa tan những chuyện "trời ơi, đất hời" để chuẩn bị đón mùa Giáng sinh và vui Tết. Có gì vui nhớ hú cho một tiếng. Quên bạn bè thì xấu hổ lắm nghe các bạn!



Fische  
(20.2.-20.3.)

**Tuổi SONG NGƯ (Fische) (20.2 - 20.3):**  
Một năm tuyệt vời.

Các bạn tuổi Song Ngư thường có lòng nhân từ, sẵn sàng và nhiệt tình giúp đỡ kẻ khác. Ngoài ra, các bạn lại có tính dịu dàng, triu mến, dễ cảm nên dễ chiếm được cảm tình của người khác nhất là trong vấn đề giao tế. Tuy nhiên các bạn cũng không

tránh khỏi những khuyết điểm là bướng bỉnh gần như bảo thủ, dễ thay đổi và hay giận giỗi quá đáng.

Các bạn tuổi Song Ngư thích hợp với màu xám, biểu tượng cho tính thực tế. Màu xám lại mang tính thống trị. Khi ta quay tròn một tấm bảng đủ màu sắc thì tấm bảng như là đổi qua màu xám. Cũng nên lưu ý rằng màu xám thường ngày như là màu đỏ vỡ, nên các bà tuổi Song Ngư thích sự hoà hợp màu giữa màu xanh sáng, trắng, chàm và màu lục dịu dàng hơn.

Tuổi Song Ngư cũng thích đeo đồ trang sức về ngọc tím (từ ngọc anh) và hầu hết các loại đá quý có màu tím đậm vì các bà nghĩ rằng các loại đá quý này sẽ mang lại nhiều may mắn cho người đeo. Trong thời thượng cổ, người ta quan niệm rằng, ai đeo ngọc tím thì có nhiều hạnh phúc may mắn về tình yêu, về thương mại về săn bắn. Riêng về đá lục càn lại có giá trị như là liều thuốc chống say sóng trong các cuộc du lịch, chống sự bất an. Ngoài ra nó còn mang biểu tượng về sự khôn khéo cá nhân và khả năng giao thiệp. Đeo các vòng đeo tay hay vòng đeo cổ bằng đá san hô tượng trưng cho đức hạnh và xóa tan những phiền não và suy nhược tâm thần.

-Về sức khỏe: Các bạn tuổi Song Ngư thuộc mạng Thổ nên bị Thổ tinh chi phối về các bộ phận như gót chân, bàn chân, bụng và các bộ phận hô hấp.

Trong nhiều năm sức khỏe tuyệt vời cũng có vài ngày mây mù giăng ngang cuộc đời của các bạn. Dù các bạn có kháng lực rất mạnh và sức khỏe như...cá voi thì các bạn cũng đừng ý y, ham vui với dòng thủy triều lên xuống để bị mắc cạn trên bờ, bởi vì Kim tinh thường ở vị trí đối kháng với Hỏa tinh. Từ đó các bạn thường cảm thấy xáo trộn thần kinh trong khoảng thời gian từ 21-27 tháng 6 cũng như từ 8-15 tháng 8. Trong mỗi trường hợp khi các bạn cảm thấy sức khỏe của mình sụt sùi mưa nắng bất thường thì nên đi đến...thăm bác sĩ. Nhớ quan tâm lo lắng cho tâm thần mình một tí và đừng để cho vị bác sĩ AOK- ăn ở không thì cũng tội nghiệp! Ngoài ra trong những giai đoạn sau đây xin các bạn học thuộc câu châm ngôn thần chú phòng bệnh hơn chữa bệnh và nếu có thể được thì xin đi của một chuyến cho biết mùi đời: từ 14-20 tháng 4, từ 2-6 tháng 7 cũng như từ 28 tháng 10 và 1 tháng 11. Đặc biệt trong giai đoạn sau đây các bạn có thể ăn chơi vung vít vì Hỏa tinh đã cho các bạn một sức khỏe tuyệt luân của Hercules và một năng lực tuyệt vời của Samson trong thần thoại Hy Lạp: từ 3-15 tháng 5 cũng như vào 26 tháng 7 và 9 tháng 8. Mừng cho bạn. Có gì vui nhớ chia sẻ cho nhau!

-Về tình duyên: Ngay từ những tháng đầu năm cuộc sống tình cảm của các bạn Song Ngư đã tỏ ra sôi nổi, bất an, bởi vì các bạn có số đào hoa mà lắm lúc trời thương nhiều quá cũng thành khó khăn cho các bạn để kén chọn. Nhiều cơ may đến trong tầm tay mà vì già lừa đập vỡ đưa thối hay vì treo cao giá ngọc nên lắm lúc vớ phải một đối tượng chẳng tâm đầu ý hợp để suốt đời mang hận. Kinh nghiệm đau thương này cũng thường xảy ra, vì vậy xin các bạn Song Ngư lưu ý những khoảng thời gian sau đây khi Kim tinh- vị thần ái tình vạch những đường đi chuyển hòa hợp trên thiên cầu, đó là cơ hội cho các bạn tìm đến với nhau để xây tổ uyên ương: từ 7-14 tháng 3, từ 7-17 tháng 8 cũng như từ 23-30 tháng 11. Tuy nhiên cuộc tình cũng như cuộc đời đôi lúc cũng có sóng gió, vậy xin các bạn cũng phải đề phòng trong những ngày mà các vì sao chiếu mạng đối kháng lẫn nhau vì lắm lúc trâu bò húc nhau, rươi muỗi chết là chuyện thường: từ 4-14 tháng 4 cũng như từ 4-12 tháng 10. Xin các bạn giữ yên cuộc đời thanh đạm và giữ cuộc sống khiêm tốn như thường ngày, chờ cho sóng gió trôi qua vì có điều chắc như bấp là sau cơn mưa thì trời lại sáng!

-Về tiền tài, sự nghiệp: Dù các bạn Song Ngư có lo lắng con cá vàng một cách bất cần đời đi chẳng nữa thì trong năm nay các bạn cũng nắm chắc hai phần ba vinh hoa cuộc đời, bởi vì số các bạn

được ngôi sao hạnh phúc đỡ đầu- Mộc tinh, mà sự chuyển dịch của vì sao này hầu như len lõi xuyên suốt cuộc sống của các bạn Song Ngư ngay từ tháng 1,2,3,4,6,10,12. Vì trong những giai đoạn này Mộc tinh biết tìm những con đường ít hiểm nguy để giúp cho các bạn đạt thành công. Qua đó các bạn biết được những phương cách để tháo gỡ những khó khăn, những chướng ngại vật chuyên cản trở lưu thông, nên hoạn lộ của các bạn cứ mãi thăng thang. Ngoài ra cũng nhờ linh tính hay giác quan thứ sáu, các bạn cũng biết được giác cụ của Kim tinh nên các bạn biết rõ nguyên ủy của các vấn đề khức mắc nên đã giải quyết rất ư là êm đẹp và sẵn sàng mở cửa...chương mục cho tiền tự nhiên đi vào một cách êm ru! Nghe thật sướng phải không các bạn. Tuy nhiên các bạn cũng nên lưu ý đến một vài lần- dù không phải là năm xui mà tháng hạn có thể làm cho các bạn không tránh khỏi chuyện tranh cãi hay bị phiền nhiễu tâm hồn. Đó là thời gian từ hai tuần cuối tháng 6, trong tháng 8 và những ngày cuối tháng 11. Nói cho cùng, so với các con Giáp khác các bạn là số dách. Tuy nhiên xin các bạn đừng có ý y ăn không ngồi rồi, ăn như cá xà cá mập thì đến nứi cũng lở non cũng mòn mà thôi!

# Kỷ Niệm

## Còn Xanh

*Dan Hà*

Ên về báo tin Xuân  
 Nghe lòng chao nhung nhớ  
 niệm đã bao lần  
 Ngọt ngào ới tuổi nhỏ

Gió đưa chiếc lá rơi  
 Trong không gian vắng lạnh  
 Mà chợt thấy cuộc đời  
 Vẫn hoài trong hieu quạnh

Thương một kiếp đi hoang  
 Đã nghe chùng tâm sự  
 Theo ngày tháng vô vàng  
 Vẫn chưa tàn cuộc lữ

Biển còn xanh đại dương  
 Rừng còn xanh bóng lá  
 Ta cuộc tình mù sương  
 Khuất dần nơi xứ lạ

Khi hoàng hôn tím cả  
 Khu vườn loang bóng mựa  
 Nghe lòng thương nhớ quá  
 Những kỷ niệm chưa mờ

# CHỢ PHIÊN

## Cam Lộ

• Đan Hà •

*Ai lên Cam Lộ thì lên  
Sáu Phiên một tháng không quên dạ  
người*

Nhắc đến Cam Lộ tôi chợt nhớ đến chợ Phiên. Chợ được tọa lạc ở cuối làng, bên cạnh sông Hiếu Giang, phía trên là Quốc lộ 9 chạy dài từ Đông Hà đến Khe Sanh, La Bào, vì vậy cho nên rất tiện lợi cho việc lưu thông qua lại. Chợ là một bãi cỏ rộng, được bao bọc xung quanh bởi những bóng mát của đôi ba tàng cây đa với mấy hàng cây bàng râm lá. Chính giữa là "đình chợ", và chỉ họp 6 lần trong một tháng. Dù rằng chợ phiên Cam Lộ đơn sơ đến thế nhưng lại nổi tiếng khắp tỉnh Quảng Trị. Có lẽ, nơi đây là một chỗ tụ họp của những người buôn bán khắp nơi trong tỉnh mang về cung cấp đầy đủ những đặc sản của các địa phương quanh vùng như Lâm sản, Hải sản, Nông sản, v.v...

Tỉnh Quảng Trị từ xưa chỉ có 7 Quận: Hải Lăng, Triệu Phong, Cam Lộ, Hướng Hóa, Ba Lòng, Gio Linh và Vĩnh Linh. Sau ngày chia đôi đất nước - 20.7.1954 - thì hơn phân nửa phần đất Vĩnh Linh nằm bên kia vĩ tuyến 17. Sau này để tiện việc quản trị hành chánh, chính quyền miền Nam thành lập thêm 2 Quận nữa là Đông Hà và Mai Lĩnh.

Vào buổi chiều, trước ngày họp chợ, bạn hàng các vùng miệt dưới Ngô Xá, Phương Lang, cho đến miệt biển như Gia Đăng, Mỹ Khê. Từ miệt ngoài Bộ Bán cho tới Cửa Việt đã lũ lượt chèo thuyền lên dọc theo lưu vực sông Hiếu Giang tiếp giáp sông Thạch Hãn. Các vùng trên như Ba Lòng, Khe Sanh thì xuống bằng xe đò. Những dân tộc thiểu số sinh sống rải rác từ Tân Lâm chạy dài lên Hướng Hóa thì họ dùng voi chuyên chở hàng hóa. Những ngày họp Chợ Phiên Cam Lộ ngoài việc mua bán, trao đổi hàng hóa còn có thể xem như là một ngày hội, vì là ngày tứ xứ gặp gỡ nhau. Đây là một sinh hoạt rất phong phú mang tính đặc thù của người dân địa phương.

*Đôi lòng ăn nửa trái Sim  
Uống lưng bát nước đi tìm người  
thương*

Đây là câu hát rất quen thuộc mà Mẹ tôi thường nhắc nhở một khi sắp đến ngày họp chợ. Có lẽ quê của Mẹ tôi trước đây ở Ngô Xá, lên đây lập nghiệp sinh sống, và đã từng đi tìm người thương trên vùng cao nguyên

Từ phía trên Cam Lộ, chạy dài theo Quốc lộ 9 là những đồi Sim bạt ngàn. Cứ mỗi mùa Sim, hoa nở tím cả một

vùng đồi, chen lẫn những bông trang màu vàng, bông ngấy hương màu đỏ thật tuyệt đẹp. Trước ngày chợ, Mẹ tôi cũng ra vườn hái vài trái Mít, ít buồng Chuối, đôi ba bó Chè tươi, để mai gánh ra chợ bán. Nhớ lại mà thương cái niềm vui trong những ngày họp chợ. Cứ mỗi lần theo Mẹ đi họp chợ, trong lúc chờ đợi chúng tôi nằm ba đứa kéo nhau ra ngoài gốc cây bàng, cùng nhau đánh cù đánh đáo; đánh cù là dùng hai khúc cây dài khoảng nửa thước, một khúc ngắn độ hai phân - khúc ngắn gọi là cù, sau đó đào cái lỗ nhỏ để con cù xuống đầu cao đầu thấp, dùng khúc dài đánh cù cho bay ra xa, một đứa đứng đằng kia đôi trái cù lại mà đứa đằng này đánh trúng cái cù là thắng cuộc. Đánh đáo cũng đào một cái lỗ tròn rồi dùng những đồng tiền kẽm đứng xa khoảng 5 thước đôi vào lỗ, đứa nào đôi xuống lỗ thì thắng cuộc, hay những đồng tiền nằm gần lỗ thì thắng những đồng tiền nằm xa. Chúng tôi chơi mãi mê cho đến khi Mẹ gọi mới phui tay, chùi vào áo quần cho sạch rồi chạy đến, khi bán xong hàng Mẹ thì dắt sang đây bán bánh rộng hơn, nơi đây bày la liệt các thứ; nào là bánh Đức, bánh Chì, bánh

và sỏi, khúc sông này có nhiều loại cá đặc biệt mà vùng dưới không có như cá bóng trơn, cá bóng mú, cá bóng thê, cá ngạnh nguồn. Các loại cá này chỉ lớn trung bình bằng ngón tay cái, cá thường sống dưới những gộp đá. Người địa phương đan từng cái Đut bằng Giang đặt phía dưới, đưa tay lùa trong các gộp, thì cá chạy xuống theo dòng nước vào Đut.

Giang là loại tre, nửa mọc sâu trong rừng rậm, người dân quê thường dùng ống Giang để chế lát lợp nhà, hoặc dấy khi gói bánh tét...

*Chiều chiều con quạ lợp nhà  
Con cu chẻ lạt, con gà đưa tranh.*

Có những buổi chiều rắng nắng, khi nhìn con quạ đứng trên nóc nhà, hoặc trên cành tre. Con cu đang chúc mỏ xuống theo tiếng nhíp của tiếng gáy. Chúng ta liên tưởng ngay đến hình ảnh người nông dân đang cầm cây rựa để chẻ lạt. Còn con gà đang bay là đã trước sân, vì tựa như người đang chuyển tranh lên nóc cho người lợp nhà. Vùng thôn quê thường làm nhà



Khoái... nhưng mà sao tôi mê nhất là bánh Tai Vạc, người địa phương còn gọi là bánh nửa đắp, nửa nôm; bánh được làm bằng bột lọc dát mỏng, phía giữa có một con tôm và xếp đôi dán lại, màu trắng đục của bột được nổi bật lên một màu hồng chính giữa, phía trên bánh lại được rải thêm ít mỡ hành, ăn với nước mắm chanh ớt thì tuyệt. Mẹ tôi cũng không quên mua vài khoanh bún lá mang về ăn với nước kho cá Ngừ. Những món ăn thú vị này của tôi, cho đến bây giờ tôi vẫn nhớ, và thèm thường mãi.

Thông thường chợ được nhóm lan ra ngoài bãi cỏ trong những phiên chợ quá đông, những người bán hàng miệt dưới thì mua về những lâm sản như Năm, Mãng Giang, v.v...

*Mãng Giang nấu cá ngạnh nguồn  
Đến đây em phải bán buôn mua vui*

Đầu nguồn sông Hiếu Giang, mực nước cạn và chảy xiết, giữa lòng sông toàn đá

bằng cột gỗ, làm rui mè bằng tre, mái lợp tranh. Cho nên những hình ảnh trên đây rất quen thuộc với người dân địa phương.

Lạt lợp nhà còn dùng để đan, dát các loại nông cụ như rổ, thúng, mùng, trệt, tràng, v.v... Trệt là loại nông cụ đan bằng lạt tre hay Giang, đan chữ thập có nhiều lỗ nhỏ to bằng hạt lúa dùng để sàng gạo. Khi giá gạo xong người dân quê bỏ lên trên sàng (hay tràng) một ít xoay quanh cho tấm sàng lọt xuống nên, còn gạo trắng nằm xung quanh trên sàng, riêng những hạt lúa còn sót lại được gom tròn thành cụm chính giữa, người ta bốc ra và giã lại gọi là gạo trát. Thúng, mùng là loại đan có thành cao độ 2 tấc, dùng đựng lúa gạo, rổ thì hơi nhỏ hơn dùng đựng rau cải...

Lâm sản thiên nhiên ở rừng núi Ba Lòng, Khe Sanh cũng cho rất nhiều gỗ quý như Gô, Lim, Trắc, Kiền Kiền, Sến và gỗ Trầm.

*Lâu ngày đáo tới sơn lâm*

*Hỏi thăm cây Dó nọ đã thành Trầm  
hay chưa?*

Dó là một loại gỗ mộc, cây cao và thẳng giống như cây phi lao, lá xanh, dày như lá chè. Vỏ cây Dó người ta thường làm giấy. Lúc cây về già nhựa hay đọng lại dưới gốc, những u mắt nhánh...

Người thợ rừng đốn cây xuống, để nằm trên nền đất cho đến mục rữa, những mảnh gỗ còn bám nhựa cây sẽ lại gọi là gỗ Trầm. Gỗ Trầm còn dùng trong việc điêu khắc các hình tượng, hay xay thành bột làm hương (Nhang), hoặc nấu nước tắm giấy quạt. Gỗ Trầm có mùi thơm thanh thoát dễ chịu.

Vùng Khe Sanh còn là nơi cung cấp Cà-phê và Trà. Ngày trước người Pháp đã đến nơi đây thành lập nên đồn điền này, đồn điền rất rộng và hiện nay vẫn còn. Đến mùa Cà-phê trở bông trắng cả vùng chạy dọc theo Quốc lộ 9, cho đến biên giới Việt-Lào.

Ba Lòng là thung lũng phì nhiêu với chiều dài hơn 10 cây số, phát xuất từ đầu nguồn sông Thạch Hãn cho nên trồng Đậu, Bắp rất tốt. Gặp mùa bão lụt nước sông tràn ngập mênh mông, khi nước rút đi thì để lại lớp bùn non, nên đất đai thật màu mỡ. Người dân ở đây trồng cây không cần đến phân bón, mà cây vẫn xanh tốt quanh năm.

Cửa cũng là một thung lũng nằm về hướng Đông-Bắc Quận Ba Lòng. Vì là vùng đất đỏ nên Cửa rất thích hợp với các loại cây ăn trái như Mít, Chuối, Thơm, Cam, Quýt... Theo như lời các cụ già kể lại ngày xưa Cửa là một vùng đất hoang vu. Vào khoảng thế kỷ thứ 17 - 18, một số dân cư vùng dưới đồng bằng thuộc Quận Triệu Phong, Hải Lăng lên đây khai khẩn, lập thành những xóm làng. Lúc đầu họ chọn những vùng đất có màu mỡ là ruộng, rẫy. Vì là nơi rừng núi hoang vu cho nên đêm đêm thú rừng thường ra phá hoại hoa màu, người dân phải dựng những chòi cao giữa đồng ở lại canh giữ, họ thường gây nên tiếng động lớn, đột lửa hoặc la lên *Cu...uà* quen thuộc xưa dưới thú rừng. Chẳng lẽ sau này lại thành tên gọi cho vùng Cửa chăng?

Cửa còn được gọi là Tân Sở hay Tân Sài. Theo sử sách ghi lại thì sau đêm kinh thành Huế bị thất thủ - 22.5 Ất Dậu, nhằm ngày 04.7.1885 Dương lịch - Tôn Thất Thuyết đã cùng với hai con phò vua Hàm Nghi ra Tân Sở lánh nạn. Nơi đây là vùng rừng núi trùng điệp chạy dài theo dãy Trường Sơn, cho nên cung cấp rất nhiều cây rừng để làm gỗ hay củi...

*Hết gạo thì có Đồng Nai  
Hết củi thì có Tân Sài chờ vó.*

Thêm một Quận lý cũng là vùng đất đỏ, đó là Quận Gio Linh. Gio Linh nằm cạnh sông Bến Hải chạy ra Cửa Tùng, vì sông nằm đúng vị trí vĩ tuyến 17 nên đã trở thành ranh giới chia đất nước Việt Nam suốt hai mươi năm dài - 1954-1975. Gio Linh đất rộng, nhưng hầu hết là núi đồi thoải, vì vậy chỉ trồng trọt được vào những mùa

khô, chẳng hạn như mùa lúa tháng 5, tháng 10. Còn lại các vùng đồng bằng, ruộng nước thì làm lúa tháng 3, tháng 8 mà thôi. Những người dân ở vùng dưới trong các tháng rảnh rỗi còn lại trong năm thường đi lên các vùng cao hơn để làm thuê, cuộc mưu sinh, v.v...

*Tiếng đồn anh đã đình hào phú, sao  
không chỉ thú làm mùa  
Mà Gia Môn, Lệ Môn, Bát Phường,  
Mai Xá tột Cửa cũng thấy anh?*

Những nơi như Gia Môn, Lệ Môn cho đến Cửa là vùng đất thuộc Quận Gio Linh và Cam Lộ. Nơi đây đất rộng, người thưa, vì vậy quanh năm không thiếu chi dân cư các địa phương khác tìm đến làm ăn sinh sống... Điều đáng nói là trong những năm Pháp thuộc, dân cư trong vùng này đã đóng góp nhiều công sức vào việc chống ngoại xâm.

*Mẹ già cuộc đất trồng khoai  
Nuôi con đánh giặc tháng ngày  
Cho dù áo rách sơn vai  
Cơm ăn bát voi, bát dầy...*

(Trích nhạc phẩm Bà Mẹ Gio Linh - Nhạc Phạm Duy)

Quảng Trị ngày xưa thuộc phần đất của Chiêm Thành. Sau khi vua Trần Anh Tông (1293-1314) gả em gái là Công chúa Huyền Trân cho vua Chiêm Thành Chế Mân (vào năm 1306), đổi lấy hai châu Ô và Rí. Nhưng mãi đến năm 1600, khi chúa Nguyễn Hoàng vào trấn giữ phía Nam thì dân chúng mới theo lập nghiệp đông đúc tại đây. Ban đầu chúa Nguyễn dùng chân tay có thành Quảng Trị, sau đó mới vào đóng đô tại Thuận Hóa tức thành phố Huế bây giờ. Về mặt Tôn giáo thì dân chúng chịu nhiều ảnh hưởng sâu đậm văn hóa Nho giáo dưới thời Bắc thuộc. Đến thời kỳ Đàng Trong được mở mang bờ cõi, Ngài Chế Khả vào theo và khai sáng ngôi chùa Sắc Tứ tại làng Ái Tử, Quận Triệu Phong, từ đó Phật Giáo mới lan truyền xuống Quảng Trị. Khoảng thời gian đầu Pháp thuộc Thiên Chúa Giáo mới hiện diện và xây dựng nhà thờ La Vang. Ngày xưa La Vang cũng là đồi núi hoang vu, sau này mới có một số cư dân vùng ngoài vào lập nghiệp, phá rừng làm rẫy, ruộng họ dựng những chòi tranh giữa rẫy đêm đêm họ *la vang* để xua đuổi thú rừng, sau được đặt tên cho vùng đất này là La Vang.

Di tích lịch sử thì chỉ có Tân Sở ở Quận Cam Lộ và cổ thành Quảng Trị nơi làng Thạch Hãn. Nhưng cho đến mùa hè năm 1972 đã xảy ra trận chiến, cho nên bom đạn đã tàn phá, hiện nay trở lại nền gạch là dấu tích mà thôi.

Và tiếp theo, cũng trong thời gian chống cộng sản Bắc xâm, khoảng thập niên 70. Phần đất thuộc quận Gio Linh cùng mấy xã Vinh Linh v.v... bên này sông Bến Hải đã trở nên trở thành chiến lược, vùng oanh kích tự do, vùng giao tranh, vì vậy mà hầu hết dân vùng này phải di tản vào miền Nam, theo chương trình di dân của chính phủ Việt

Nam Cộng Hòa đến các tỉnh Long Khánh, Bà Rịa, Đồng Nai...

Cùng với bản tính cần cù, nhẫn nại sẵn có, thời gian không lâu cuộc sống của họ đã được ổn định trở lại, gia đình họ đầm ấm, hạnh phúc dưới mái nhà có ruộng, có vườn tự làm ăn sinh sống. Thế mà khi hết chiến tranh Nam-Bắc - sau năm 1975. Thì họ lại lục đục rủ nhau trở về quê cũ, tìm lại khu vườn xưa, dựng lên căn nhà trên nền đất loang lổ vì bao nhiêu năm chiến tranh phải bỏ hoang phế vì thiếu vắng những bàn tay chăm sóc. Họ tìm về nơi chôn nhau cắt rốn hầu đắp lại nắm đất, nhổ đi đám cỏ hoang bên những mộ phần ông cha mà họ tôn trọng, giữ gìn như báu vật, không bao giờ họ muốn rời xa. Đã trải qua bao tháng trầm của thời cuộc nhưng chẳng khi nào có thể lung lạc được tấm lòng yêu mến quê hương của người dân Quảng Trị. Mảnh đất mà họ đã được sinh ra, lớn lên và đã chịu không biết bao nhiêu nhọc nhằn của chiến tranh, của thiên tai... Trong mùa khô, trời nắng như thiêu đốt vì chịu ảnh hưởng ngọn gió Tây-Nam (còn gọi là gió Lào) nên khí hậu rất khô khan, nóng bức. Đến mùa Thu thì bão lụt. Mùa Đông lại mưa dầm thối đất, mưa suốt ngày đêm không dứt hạt. Hơn chín mươi phần trăm dân cư ở đây đều sống về nông nghiệp cho nên rất nghèo khổ, tay lấm chân bùn.

*Đời Bọ ngày xưa như Cua, Cáy  
Ngẩng đầu lên chẳng thấy mặt trời*

Người Bắc gọi Cha bằng Bó, miền Nam gọi bằng Tía, bằng Ba. Người dân Quảng Trị gọi Cha là Bọ. Cha Mẹ ngày trước sinh sống vất vả đến như thế đó, như con Cua, con Cáy chỉ đi tìm miếng ăn trong đêm cho nên không bao giờ thấy được ánh mặt trời.

Quận Triệu Phong nằm về hướng Đông quận Cam Lộ, vì là vùng đồng bằng cho nên ruộng vườn rất trù phú, đây cũng là do hai nhánh sông Hiếu Giang và Thạch Hãn bồi đắp phù sa. Mức sống của cư dân sinh sống tương đối khá. Quận Triệu Phong là nơi sinh trưởng của nhiều vị anh tài. Một số vị đã có chức tước cao trong chính phủ từ cổ chí kim, cũng như nhiều ngài trong hàng ngũ lãnh đạo các Tôn giáo đều xuất thân từ vùng này. Nên các cụ ngày xưa thường gọi: Đất Triệu Phong là *Địa Linh sinh Nhân Kiệt*.

Hải Lăng cũng là vùng đồng bằng, nhưng đồng ruộng sâu dễ bị ngập lụt vào mùa thu. Riêng mùa hè thì nước biển dâng cao lên đến Đông Hà; cho nên mùa màng ở đây thường bị thất thu. Cư dân hầu hết sống về nông nghiệp, nuôi vịt.

Vào mùa lúa, nhìn ra cánh đồng xa xa thấy có những chòi tranh được dựng lên, ở đấy mỗi chòi có hai người ngồi trên đà ngang; và hai chân họ đạp đều đều. Đó là họ sử dụng xe đạp nước, họ chuyển nước từ sông, dưới hới lên ruộng lúa; và mùa hè nước dưới sông đôi khi hạ thấp xuống 4, 5 thước là thường, chứ đừng nói chi đến những nơi có ruộng cao, cho nên người nông

dân phải sử dụng xe đạp nước. Xe đạp nước được cấu tạo bằng 3 tấm ván ghép lại thành một đường mương, giữa nối nhau bằng những lá quạt để kéo nước lên. Xe đạp nước rất thông dụng tại địa phương này.

Tiếng đồn anh hay chữ, cho em hỏi  
thì đôi câu  
Chiếc xe ba-mươi-sáu lá, lá mô đầu rùa  
anh?

Câu hỏi nghe qua thì rất đơn sơ, mộc mạc, nhưng tìm mãi mà chả có câu trả lời thỏa đáng. Bởi vì, những lá quạt kia được cấu tạo lại với nhau thành một vòng tròn để thay phiên nhau kéo nước trong hộp gỗ dài, thì đâu có lá nào đầu, lá nào cuối! Vì thế, câu hỏi mà không tìm ra câu trả lời thì là thua cuộc rồi còn gì? Tuy nhiên cũng có người chống chế:

Em hãy nâng tay cho anh xô Ngạt  
Thì lá mô đầu anh chỉ cho.

Cứ giữa 2 lá xe quạt kéo nước, được nối nhau bằng 1 cái Ngạt làm bằng tre vót nhọn, nếu nâng 2 lá mà kéo cái Ngạt ra thì lá nằm trên tức là lá đầu, lá nằm dưới là lá cuối theo hình chiếc xe trước và xe sau vậy.

Thêm nữa, vào những đêm trăng sáng trời trong, người dân quê thường mang cối ra giữa sân nhà để giã gạo. Tiếng chày giã thành thịch, nhịp đều có khi là chày ba, có nơi chày bốn đưa văng vẳng trong không gian dịu mát theo điệu hò khoan:

Quán Sư Phụ Tam Cang đã  
Cùng đi một đó, mà dò ngà cứu ai?

Nội dung của câu hát này chịu ảnh hưởng của nền văn hóa ngày xưa. Với Tam Cang là Quán-Sư-Phụ, còn Ngũ Thường là Nhân-Lễ-Nghĩa-Trí-Tin. Tinh thần Nho giáo như đã mặc nhiên trở thành những phong tục tập quán của người dân địa phương, cho nên họ vẫn thường nhắc nhở:

Chữ rằng giấy rách thì phải giữ lấy lề  
Đạo làm người hề sinh ra:  
Trai nam thì phải giữ cho tròn câu  
Trung, Hiếu  
Phận làm gái thì phải mang bên mình  
chữ

Tiết, Hạnh, Trung, Trinh.  
Cho nên qua sông nhờ đò ngà  
Anh sẽ nâng hai vai Sư Phụ trên đầu  
Đế Vương.

Hay lúc còn thơ ấu, Mẹ tôi thường khuyên bảo tôi: Con ơi, dọn cơm ra thì ăn đi 3 chén cho rồi, chớ để rười bấu kiến đậu. Tôi không hiểu và hỏi lại Mẹ tôi: Thưa Mẹ, tại sao Mẹ thường khuyên con ăn 3 chén cơm, mà không 2 chén hoặc nhiều hơn? Mẹ tôi mới giải thích: Ông Bà chúng ta ngày xưa chịu ảnh hưởng nền Nho giáo. 3 chén cơm là tượng trưng cho Tam Cang; nghĩa là ăn chén thứ nhất để nhớ ơn Vua ban cho bần dân ngọn rau tấc đất, đã đem lại cho dân cuộc sống an hòa, ăn chén

thứ nhì là ghi nhớ đến công ơn sinh thành dưỡng dục của Cha Mẹ, ăn chén thứ ba là nhớ đến công ơn Thầy đã dạy dỗ cho con được nên người hiểu biết. Một lần khác Mẹ tôi nói: Sinh con ra thì cho nó học 3 chữ, kéo mai tề mới nợ thua sút chúng bạn rồi làm tui thân nó. Tôi lại hỏi Mẹ tôi: 3 chữ đó là nghĩa thế nào hở Mẹ? Thì Mẹ tôi trả lời: Nghĩa của 3 chữ đó là Nhân, Thiên, Địa - tức Người, Trời, Đất. Cũng chỉ có 3 chữ đó thôi mà suốt đời người học hoài cũng chả hết.

Sau này nền Nho giáo, Hán học hình như không còn mấy ai nghiên cứu đến nữa, nhưng những tư tưởng ấy vẫn sống tiềm tàng trong lòng mọi người, cho nên họ vẫn gắn bó mãi với Quê hương xứ sở, dù hoàn cảnh có bất buộc

phải đi xa, mà cuối cùng rồi họ cũng quay trở về.

Bần cư trung thị vô nhân vấn  
Phủ tại sơn lâm hữu khách tâm  
Ai tâm em cũng không tâm  
Em chỉ tâm người bần cư trung thị  
Để gá nghĩa sắt cầm ngàn năm.

Họ không đi tìm người phồn hoa đô hội, chả tìm người phú tại sơn lâm. Họ chỉ tìm người bần cư để gá nghĩa. Tinh thần ấy chắc chắn đã chịu nhiều ảnh hưởng của nền Văn Học thuộc xưa.

Cho nên Chợ Phiên Cam Lộ, là một trong những sinh hoạt tiêu biểu cho nếp sống của người dân Quảng Trị.

Ai lên Cam Lộ thì lên  
Sáu Phiên một tháng không quên dạ  
người.

• Đặng Quốc Việt

BÀI VĂN  
KHÓC CHẬM

(Kính dâng hương hồn Cha Mẹ!)



Hỡi ôi!  
Yên phận tuổi già  
Động lòng con trẻ!  
Đã mười Xuân con không thấy được  
cha.  
Mười tám Thu con không nhìn được  
Mẹ.  
Mật mờ tình Bác, nơi suối vàng cha  
mẹ chịu lạnh lùng!  
Thăm thăm trời Tây, gần Biển Đò  
con trai buồn quận quê!  
Ngày nhỏ đã khi cái mẹ, mẹ rầy quân  
đốn, lối này khấn mẹ hãy tha!

Thuở thơ còn lúc lừ cha, cha mắng  
đờ hư, tội ấy lay cha giảm nhẹ!  
Lúc đang còn sao chẳng biết thương?  
Giờ đã khuất lại làm ra về!

Nhớ nhà xưa:  
Vách đất chồi cùn  
Ổ rơm bát mẻ!  
Gạo lấm lúc bồ chẳng dính tròn!  
Tiền nhiều khi túi không đồng lẻ!  
Tào tần sớm tối, cấy thuê hết Bùi  
Chu, Liên Thủy, mẹ chỉ ưa dạ thẳng  
mực tàu!

Bôn tẩu tháng ngày, dạy học qua Hải  
Hậu, Quát Lâm, cha luôn giữ lòng  
ngay thước kẻ!

Ở ăn ra trên dưới, họ hàng tình  
nghĩa đậm sâu.

Cư xử có trước có sau, lối xóm tiếng  
lời nhỏ nhẹ.

Con không ngoan không nở đòn đau.  
Cháu có lỗi có lời bảo khẽ!

Vậy mà cha cả đời nghèo khổ, hơi  
ông trời nào phải công bằng!  
Sao để mẹ suốt kiếp ốm đau, ôi tạo  
hóa đã đâu phải lẽ!

Giờ đây:  
Đất Á, trời Âu  
Hoàng tuyền, dương thế.  
Khói hương gió Tết đã chẳng được  
chăm.

Sữa cỏ đắp mồ lại đành không thể!  
Chưa báo đền mẹ cha Tiên Tổ, phận  
cháu con càng nghĩ càng đau!

Chẳng xây dựng Tổ Quốc quê hương,  
làm dân nước càng trông càng bề!  
Lạy Trời lạy Phật, tôi đã tôi hư!  
Ôi mẹ ôi cha, con là con tệ!

Mong một ngày quê hương đổi khác,  
xin quý bên cha mẹ dâng hương!  
Hẹn đến khi đất nước thay màu, được  
đứng dưới Tổ Tiên tế lễ!

Câu văn suông đầu tỏ hết tình con  
Lời nức nghẹn xin thấu lòng cha mẹ!  
Hỡi ôi! Thương hương!

West Preußenweg 2  
Gnarrenburg - 27442

# Lý Tao

và

# Bội Lan Hành



Hương Giang Thái Văn Kiêm

**T**rong những thi phẩm của Đông Hồ như: *Thơ Đông Hồ* (1932), *Cổ Gái Xuân* (1935), *Trình Tráng* (1959), *Thiên Địa Giao* (?), *Đào Lý Xuân Phong* (?), *Bội Lan Hành* (1969), v.v... thì chúng tôi sẽ chọn *Bội Lan Hành* như là một thi phẩm tiêu biểu và có giá trị nhất. Thi phẩm này, tuy sinh sau đẻ muộn, nghĩa là ấn hành sau khi Đông Hồ đã qui tiên (28.3.1969), nhưng đã được cảm tác từ nhiều năm trước, như để đúc kết cả một cuộc đời và để gởi gắm vào đó tâm tư sâu đậm và ý chí cao cả của mình trước bi cảnh quốc gia và thăng trầm của thế sự:

*Non tan lành  
Nước tan lành*

*Gởi ai non nước bài Hành Bội Lan!*

Lời than của Đông Hồ dạt mùi chua xót vì phải trực tiếp trực diện với cảnh quốc phá gia vong, như Đỗ Phủ "Vọng Xuân" thời xưa:

*Quốc phá sơn hà tại,  
Thành xuân thảo mộc thâm,  
Cầm ơn hoa tiễn lệ,  
Hạn biệt diều kinh tằm!*

*(Nước tàn sông núi còn đây,*

*Thành xuân cây cỏ mọc đầy khắp nơi.*

*Đông thời hoa cũng lệ rơi,*

*Chim muông khiếp đảm, hạn đời chia ly!)*

Chính là nữ sĩ Mộng Tuyết (Thất Tiểu Muội) đã hết lòng trông coi việc ấn hành thi phẩm cuối cùng của Đông Hồ là *Bội Lan Hành*, một thông điệp văn chương, tâm tình và đạo lý cho người đời sau. Vậy, chúng ta hãy tìm hiểu *Bội Lan Hành* trong ba khía cạnh nói trên.

*Bội Lan Hành*, hay là bài *Hành Bội Lan*: *Hành* là một thể thơ dài, không hạn chế số câu, mỗi câu thường thường 7 chữ, nhưng cũng có thể thêm chữ đệm, tùy hướng cảm của nhà thơ. Thi ca Trung Quốc có *Ti Bà Hành* và *Hạ Ca Hành* của Bạch Cư Dị (772-846). Thi ca Việt Nam có *Thăng Long Hành* và *Bội Lan Hành* của Đông Hồ. *Bội Lan* có nghĩa là đeo hoa lan. Lan đây có thể là *Phong Lan* (Orchidée), mà cũng có thể là *Ngọc Lan* (Yu-lang, Y-lan, magnolia) hoặc

là *Mộc Lan* (Nerium coronarium), cả ba loại hoa này đều thơm phức. Bài *Thăng Long Hành* có 110 câu 7 chữ, ký hiệu *Đại Ân An*, tên ngôi nhà nhỏ ở vùng Nancy (Chợ Quán), giữa Sài Gòn và Chợ Lớn, lúc đó Đông Hồ mới rời Hà Tiên để lên thủ đô Nam Việt (1935). Còn bài *Bội Lan Hành* gồm đúng 98 câu 7 chữ, như Đông Hồ đã ghi trong khai từ tập thơ "Trăng Kém Hai Dòng Lệ" với lời tâm sự gởi lại "Mái Trăng Non" và "Làng Thơ Đau Bùn".

Hai chữ *Bội Lan* lấy trong câu "Nhãn thu lan dĩ vi bội", xâu hoa lan mùa thu, lấy mà đeo (vào cổ cho thơm). Câu này trích từ bài thơ trường thiên *Lý Tao* của Khuất Nguyên, mà chúng ta sẽ xét sau.

*Bội Lan Hành* khởi đầu bằng bốn câu:  
*Mảnh nguyệt trăng tàn vương mộng manh,  
Theo con thuyền nhỏ thả lênh đênh,  
Đêm nay thuyền ghé bờ vô vọng,  
Để sáng mai qua Bến Bất Bình.*

đưa ta vào một thế giới đầy vơi trăng nước, bến bờ vô định, chèo que thuyền lan lênh đênh trôi mãi từ vô vọng cho tới bất bình! Vì nơi đây là đất Trích để cho nhà thơ tạm lánh mà tiêu sầu trong lúc xa vắng que hương.

Tiếp theo bài *Bội Lan Hành* còn có khoảng hơn ba mươi bài chứa đựng tâm tư sâu muộn, những ước nguyện mong lung không được thỏa mãn trên đời này, cùng những lời nhắn nhủ cho người đương thời, hay là những tâm sự chất chua gởi lại cho người đời sau:

*Tâm sự khép vào lòng đất lạnh,  
Trời thơ đêm tỏa nguyệt lung linh.*  
(Đốt Láy Tro Tàn)

*Đất lếch trời nghiêng, sông cuộn cuộn,  
Trăng cuồng mưa loạn gió đau thương...*

*Ôi đến bao giờ chinh chiến hết,  
Hỏi làm chi nữa? Chuyện hoang đường.*  
(Chinh Chiến)

Trên dòng sông vô định, nhà thơ tự ý để buông trôi, mặc cho con nước lôi cuốn mình vào kinh cùng sông cạn:

*Kinh cạn sông cùng chèo lung tung.*

*Đường lay ngỡ tất bước loanh quanh.  
Chim bàng mỏi cánh, trời thu hẹp,  
Ngựa ký chân sa đất gập ghềnh.  
Cá chấu chìm lòng chưa thoát khỏi,  
Miệng hùm nọc rắn sẵn bên mình.*

(Bội Lan Hành)

Nhưng rồi nhờ Trời Phật phò hộ, nhà thơ cũng sẽ ra khỏi nơi "miệng hùm nọc rắn" đó, để nhẹ nhàng rẽ sóng trôi theo những cánh lục bình, đến một nơi "sớm mờ sương khói":

*Tây yên, nước sớm mờ sương khói,  
Viễn mộng trôi theo cánh lục bình,  
Nước chảy ngẩn ngơ niềm nguyện ước,  
Bèo trôi man mác ý phiêu linh.*

(Bội Lan Hành)

Tâm sự của nhà thơ, ai mà thấu hiểu? Người giấu kín tận đáy lòng, không phơi bày mà cũng không rao bán, là vì:

*Ai mua tâm sự đâu mà bán?*

*Tội nghiệp tài hoa giữa chợ đời!*

(Son Sát Vào Tan Cát Bụi Đời)

Tâm sự của Đông Hồ cũng giống như tâm sự của nhà thơ Hỷ Thần (Huệ):

*Tâm sự chất chua, biết ai mua mà bán,  
Rao khắp chợ đời, không thấy dạng người mua,*

*Bán buôn là chuyện bông đùa,*

*Bèn đem tâm sự chất chua ra về!*

Người rất hổ thẹn khi phải mang chữ nghĩa, thi văn ra bán giữa chợ đời, mặc cho "ong cười bướm cợt":

*Giấy mực đau lòng chữ nghĩa,*

*Tài hoa phó giữa chợ đời,*

*Những nghĩ e hồng thẹn tía,*

*Chi cho bướm cợt ong cười!*

Người không đủ sức như ai, làm những việc tây trời, kinh thiên động địa, trên vũ đài thế giới:

*Âu vàng ngựa đá ai mong mới,  
Đép mủ ai làm chuyện đảo khuyển,  
Uu liệt vũ đài trò thế giới,  
Lười còn không nói chuyện tung hoành.*

(Bội Lan Hành)

Thế thì chỉ còn một cách, một thái độ là:

*Giữ chút niềm Trinh ý Tráng,*

*Gởi lòng tri kỷ muôn phương.*

(Tài Hoa Phó Giữa Chợ Đời)

Hai chữ *Trình Tráng* sẽ được Đông Hồ dùng đặt tên cho một tập thơ được ấn hành nhân dịp chuẩn bị đi dự Đại Hội Thi Ca Quốc Tế kỳ V (1959, Knockke-Le-Zoute, Belgique); nhưng đến phút chót thì không đi được. Nhà thơ đành thi đẹp hành lý, mở vòng tay lớn ôm chặt que hương:

*Sầu cố quốc, sầu gia hương,*

*Càng đau nỗi nước, càng thương nỗi nhà.*

*Phương Thành non nước cách xa,*

*Hà Thanh non nước càng xa mấy lần.*

*Trông về quê cũ bán khoán,*

*Trông ra nước cũ càng bán khoán nhiều.*

*Sầu lên ai bắc mây chiều,*

*Phân về phần tử nắng hiu hiu vàng.*

(Lạc Giữa Kinh Thành)

Tâm sự của Đông Hồ khiến ta liên tưởng Khuất Nguyên, thi sĩ, vương thần nước Sở, sinh vào khoảng 340, mất năm 277 trước



Tây lịch, là một trung thần thanh bạch, hết lòng vì dân vì nước, muốn thực hiện một chương trình cải cách rộng lớn, khá đi đem lại phú cường cho dân nước Sở. Nhưng Sở Hoài Vương nghe lời gièm pha của nịnh thần là Ngán Thương và phi tần là Trịnh Tự, bèn bác bỏ mọi kế hoạch canh tân cải tổ, rồi giáng chức Khuất Nguyên, không cho tham gia việc triều chính. Khuất Nguyên buồn rầu nhìn thấy nước tàn dân cực, loạn thần khuynh đảo kỳ cuồng, mà mình không làm gì được, đành bỏ nước ra đi, về phía Nam sông Dương Tử, tới *Động Đình Hồ*, rẽ về *sông Tương*, *sông Nguyên* lênh đênh hồ rộng sông dài, trải lòng với sông núi để tiêu sầu giải muộn. Rồi trầm mình nơi sông Mịch La, nhằm ngày mùng 5 tháng 5 năm 277 trước TC, về sau thành *Lễ Đuan Ngọ*, được truyền bá sang Triều Tiên, Nhật Bản, Đài Loan và Việt Nam.

Trước khi rời nước Sở, biệt trích Hồ Nam, Khuất Nguyên đã cảm tác LY TAO, thi ca trường thiên gồm trên 370 câu, ý tứ thâm trầm, lời thơ ai oán, chứa đựng bi thương sâu oán vì quốc phá gia vong và điều tận cùng tàn!

Lúc đến Hồ Nam thì Khuất Nguyên dạy chơi sông núi, quan sát phong tục hai sắc dân *Bộc-Việt* và *Lão-Việt*, xem họ chèo ghe, bơi trải, hát ca, nhảy múa, tế lễ thần linh, theo những điệu lên đồng và châu văn, lời ca mộc mạc, bèn ghi chép và tu chỉnh thành *Sổ-từ Châu-ca*, vốn là cổ thi của giống nòi Bách-Việt, cho nên phải gọi là *Cổ-Việt-từ Châu-ca* thì mới đúng. Chín bài ca gồm có:

1. *Đông Hoàng Thái Nhất* (Thần Sao Trên Trời)
2. *Vân Trung Quân* (Thần Mây)
3. *Tương Quân* (Thần Nam Sông Tương)
4. *Tương Phu Nhân* (Thần Nữ Sông Tương)
5. *Đại Tư Mệnh* (Thần Sao Hộ Mệnh Lớn)
6. *Thiếu Tư Mệnh* (Thần Sao Hộ Mệnh Nhỏ)
7. *Đông Quân* (Thần Mặt Trời Phương Đông)
8. *Hà Bá* (Thần Sông Hồ Giếng)
9. *Sơn Quý* (Thần Núi)

thêm hai bài:  
 10. *Quốc Thương* (Chết Vì Nước Vì Dân)  
 11. *Lễ Hôn* (Lễ Múa Tạ Quỷ Quái)  
 Đặc biệt là bài ca số 7 (*Đông Quân*) ghi lại những cuộc đua ghe trên hồ Động Đình và trên sông Tương, sông Nguyên, rước thần mặt trời, có vũ bộ, trống chiêng, chày cối, chiến sĩ giương cung bắn về phía mặt trời ở đầu thuyền, tất cả tiết mục đều có ghi khác nơi hồng trống đồng Hoàng Hạ và trên mặt trống đồng Ngọc Lũ.

Trống Đồng Hoàng Hạ



Nhà sàn và chim trĩ (Việt điệu)



Thuyền cúng tế thần mặt trời



Thuyền cúng tế thần linh có múa nhảy

Trống Đồng Ngọc Lũ



Nhà sàn và giàn nhạc trống đồng

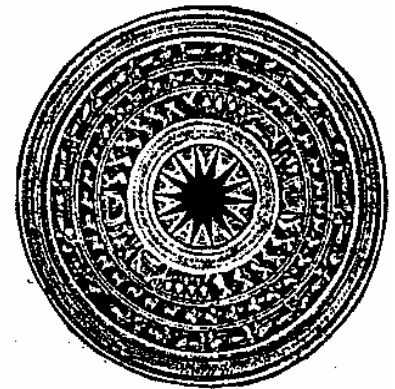
Theo Giáo sư Bửu Cầm minh giải một bài nghiên cứu của học giả Trung Quốc Lăng Thuần Thanh, đăng trong Đài Loan Đại Học Văn Sử Triết Học Báo, để nhất kỷ, năm 1950, thì: "Trống đồng đã xuất hiện ở miền trung du Trường Giang, tức là vùng đất chung quanh đầm Vân Mộng (hai tỉnh Hồ Bắc và Hồ Nam) do giống *In-đô-nê-diên* (người Trung Hoa gọi là *Ân-đô-ni-tây-an*) mà cổ sử Trung Quốc gọi là *Bộc Việt*, hoặc *Lão Việt*, chế tạo từ 6 thế kỷ trước Tây lịch. Họ Lăng đã chứng minh trống đồng không những chỉ được tìm thấy ở Việt Nam, mà còn tìm thấy khắp miền Tây Hoa Nam, cho tới Vân Nam và Tứ Xuyên, nguyên là địa bàn cư trú của người Việt xưa, trước khi họ tràn xuống bán đảo Đông Dương, với những làn sóng Nam tiến, mà đặc biệt là của Thục An Dương Vương vào thế kỷ thứ 3 trước Thiên Chúa. Nói một cách khác, trống đồng là một sản phẩm của dân tộc Việt, không phải của dân tộc Hán. Bài ca *Đông Quân* (số 7) có những đoạn tiêu biểu như sau:

*Vùng hồng xuất hiện dòng phương,  
 Tỏa bầu ánh sáng phủ tạng chói ngời,  
 Ngựa thuần giông ruổi một hơi,  
 Mãn đêm tan biển, mặt trời quang minh.*

*Chuông khua trống gục gần kề,  
 Dật dừ đàn sáo, để mê lòng người,  
 Loan bay phượng liêng chơi vơi,  
 Mún theo tiết tấu, nhạc hài thi ca.  
 Dáng ai phong nhã hào hoa,  
 Xiêm y gọn nét, văn ba điệu dề.  
 Lập tên quyết bán thiên lang,  
 Cầm quân nhắm nẻo tây phương tống thần.*

*Vân sao Bắc đẩu tàn ngà,  
 Chúc hồ rượu quế là lân tiễn đưa  
 Xe thiêng một thoáng lừng lờ,  
 Đông phương thẳng tiến, mặt mờ bóng dêm.*

(GS Bửu Cầm dịch)



Một trống đồng Ngọc Lũ

Bài này có nhiều chi tiết mà chúng ta sẽ tìm thấy trong bài *Phụ Đồng Tiên*, châu văn của những người lên đồng (đồng cốt) ở các miếu tự Bắc Việt và Trung Việt, rồi cả Nam Việt sau làn sóng di cư tỵ nạn năm 1954:

*Trước bảo tọa khói hương sục nức,  
 Cảnh Bồng Lai năm thức mây tuôn,  
 Khí thiêng quanh khắp kiền khôn,  
 Hư không nổi áng Đào Nguyên mây màu,  
 Vòng đảo nguyệt soi đầu chẳng tỏ,  
 Đám tâu qua dải ngò lòng tin,  
 Thấy trong lục cữ để truyền,  
 Cảnh tiên có cảnh, người tiên có người.*

*Đạo đã nên, khi cơ vừa ứng,  
 Trỏ làn mây lững lững bay theo,  
 Xiêm nghe áo vũ dập dùi,  
 Xích tùng là bạn, đàn tiêu ấy nhà.  
 Chén tử hà vơi vơi tay rót  
 Khúc vãn thiêu não nột bên mây.  
 Hứng vui yêu cảnh bạn bày,  
 Giàn thay nghìn dặm, chóng thay muôn đời!*

*Tùng rong chơi thập châu tam đảo,  
 Trái qua ba mươi sáu động tiên,  
 Làn xem thương hải tang điền,  
 Bầu trời đã rộng, ngày tiên càng dài.  
 Khi dắc ý bề khơi rút lại,  
 Chơi một ngày Bắc Hải, Thương Ngô,  
 Lạc Dương viếng cảnh đã no,  
 Hứng vui dù Động Đình Hồ cũng bay!  
 (Văn Đàn Bảo Giám, quyển 2, Hà Nội 1934)*

Theo như trên thì bài châu văn của dân ta đã nhắc lại rất nhiều địa điểm mà ngày xưa là địa bàn sinh sống của dân tộc Việt (Bộc và Lão), dân ca đã theo sát với con người trên mọi nẻo đường Nam tiến, như để nhắc lại nguồn gốc xa xưa: lịch sử, chủng tộc, phong tục, văn hóa, mà họ đã mang theo trong tiềm thức, huyết quản, phát phu và ngôn ngữ.

Theo *Sử ký* của *Tư Mã Thiên* thì vua Chu Thành Vương (1115-1079 trước TC) phong hầu cho *Hùng Dịch* ở nước Sở (Tch'ou), đóng đô ở Đôn Dương (Hồ Bắc ngày nay). Về thời Xuân Thu (722-481 trước TC) và thời Chiến Quốc (403-22 trước TC), lãnh thổ nước Sở gồm có đất các tỉnh Hồ Bắc, Hồ Nam, An Huy, Giang Tây, Giang Tô,

Triết Giang và nam bộ tỉnh Hà Nam bây giờ. Thời đó, trải qua 7 thế kỷ, nước Sở quá rộng lớn và hùng cường. Nhưng về sau bị suy vì vì triều chính thối nát, khiến cho Khuất Nguyên phải ra đi về miền Nam, rồi cuộc nước Sở bị nhà Tần thôn tính và tiêu diệt. Từ đó, dân nước Sở và các xứ miền Nam sông Dương Tử, như Đông Việt (hay là Đông Âu, phần lớn là Triết Giang), Mãn Việt (Phúc Kiến), Nam Việt (Quảng Đông), Tây Âu (Tây Việt, phần lớn là Quảng Tây) sẽ chịu ảnh hưởng của Bắc phương, rồi bị Hán hóa lần hồi, ngoại trừ những phần tử ưu tú nhất và can đảm nhất của tộc Việt, phần lớn là dũng sĩ và trí thức, đã dẫn thân vào cuộc trường chinh Nam tiến về Đông Nam Á.

Sử gia Nhật Bản Nham-Thôn Thành-Doãn tác giả "An Nam Thông Sử" đã viết như sau: Xét người Việt kiến lập được cơ nghiệp ở bán đảo Trung Án là có uyên nguyên, chứ không phải việc ngẫu nhiên, bởi vì người Việt Nam là giống cường đại nhất trong Bách Việt... Nước Sở xuất hiện khoảng mười một thế kỷ trước công nguyên là do dân tộc Việt kiến lập... Sử ký Chính Nghĩa viết: Nam Việt và Âu Lạc đều lập họ. Lại dẫn Thế Bản: "Việt, họ Mị cũng tổ với Sở". Sử sách xưa gọi "đồng tính", "đồng tổ" là cùng chung chủng tộc. Theo sử ta thì cương vực người Việt thời xưa: phía đông giáp Nam Hải, phía tây đến Ba Thục, bắc đến Hồ Động Đình, nam tiếp với nước Hồ Tôn (Lâm Ấp). Như thế thì, nếu dân ca cổ truyền Việt Nam còn nhắc tới Động Đình Hồ, Thương Ngô, Ngũ Hồ, Ngũ Lĩnh, Tiên Đường (Triết Giang, Đông Việt)... thì chúng ta cũng không lấy gì làm ngạc nhiên. Tỉ dụ như bài hát ru con sau đây, lưu truyền từ đời thượng cổ, của bà mẹ Việt Nam đã thức khuya dậy sớm, giải nắng đêm sương, để bông bẻ, nâng niu, nuôi dưỡng cả một dân tộc lớn mạnh và trường tồn với sông núi Á Đông:

*Gió Đông Đình mẹ ru con ngủ  
Trăng Tiên Đường ấp ủ năm canh.  
Tiết trời thu lạnh lành lành,  
Cỏ cây khốc hạ, hoa cánh thương đông.  
Bồng bồng bông, bồng hồng bông,  
Võng đào mẹ bế Con Rồng cháu Tiên.*

Ngoài ra, chúng ta cũng nên chú ý nơi sự kiện: họ Hùng đã kiến lập nước Văn Lang. Hơn nữa, nước Sở cũng có truyền thuyết truyền ngôi qua mười tám đời vua. Chúng ta nên đánh dấu hỏi về sự trùng hợp này trong lịch sử của hai nước họ hàng ngày xưa là Sở và Việt.

Năm 1813, Cự Nguyễn Du được vua Gia Long cử đi sứ Trung Quốc. Lúc đi ngang qua vùng Hoa Nam, đêm đậu thuyền ở sông Tam Giang, Cự đã cảm tác một bài thơ, mà câu kết nhớ lại "mộng hồn mấy lúc nhập quê xưa":

*Chia hai Tây Việt một dòng sông,  
Hai núi nhìn nhau đất đá chồng.  
Vượn hót cành cây chùng bít lối,  
Trong rừng chó sủa, có người không?  
Núi mây bốn mặt mình già cõi,*

*Hồ Việt thân nhau một chuyến dò.  
Cổ lý mười năm quên lối cũ,  
Mộng hồn mấy lúc nhập quê xưa.*

(Bản dịch của Chi Điền Hoàng Duy Từ)  
Tháng 5 năm ấy, Nguyễn Du đi thuyền tới vùng sông Tương, sông Nguyên, Động Đình Hồ, Tương Đàm (Trường Sa) là nơi có lăng miếu thờ Khuất Nguyên (Tam Lư Đại Phu, trông coi ba họ lớn của nước Sở: Chiêu, Khuất và Cảnh, có cơ hội xem đua trái, tức là đua ghe có cầu hờn, bèn cảm tác một bài thơ như sau:

*Rước cốt Hoài Vương, Trương cũng chết,  
Văn nhân nước Sở nhớ Ly Tao.  
Nghìn năm cầu gọi hồn đâu thấy,  
Đua trái đây sông có nghĩa nào?  
Khởi sóng mặt mờ thêm uất hận,  
Hàng năm chiêng trống vẫn rền vang.  
Nếu hồn về thật đâu nương tựa?  
Rờn rần trần đây khắp thế gian!*

(Bản dịch của Chi Điền)  
Lúc tới Tương Đàm (Trường Sa), Nguyễn Du không quên viếng miếu thờ Tam Lư Đại Phu và trong lúc cầu nguyện thì được linh cảm của người xưa mà cảm tác hai bài rất thống thiết:

**Bài 1:**  
*Người hiếu tu hai nghìn năm trước,  
Nay còn thơm hoa chỉ, cỏ lan.  
Xa quê buồn suốt ba năm,  
Nghìn sau còn lại áng văn tuyệt vời!  
Xương tàn dấy nước trời đầu mất,  
Đổ Nhược bên bờ giống cỏ thorn.  
Môi mắt đau lòng, đau chẳng biết?  
Gió thu lá rụng khắp Nguyên, Tương!*

(Chi Điền dịch)  
**Bài 2:**  
*Ôan hồn người Sở tán nơi đây,  
Khởi sóng mệnh mỏng mặt nước đây.  
Hiến lệnh ví như ban khắp nước,  
Ly Tao sao kể kiếp Kinh Thi!  
Muôn thuở ai thương người độc tình,  
Bốn phương đâu gởi dạ cô trung?  
Gần đây trang phục xem là lạ,  
Các đóa tiêu lan chẳng giống ông!*

(Bản dịch của Chi Điền)

\*

Sau khi đi một vòng rộng lớn trong không gian và thời gian, qua địa lý và lịch sử, chúng ta trở lại *Bộ Lan Hành* của Đông Hồ và *Ly Tao* của Khuất Nguyên. Như trên đã nói, hai chữ *Bộ Lan* rút trong *Ly Tao* của Khuất Nguyên, trong câu 12, đoạn đầu, như sau:

*紛吾既有北內美兮  
Phân ngô kỷ hữu nội mỹ hĩ  
又重之以脩能  
Hựu trùng chi dĩ tu năng  
邑江離與辟芷兮  
Hĩ giang lý dĩ tịch chi hĩ  
級秋蘭以為佩  
Giáp thu lan dĩ vi bội*

*Nội chất đã vô cùng tốt đẹp,  
Lại bồi thêm đặc biệt tài năng;  
Giang Ly, Tịch Chi vẫn hàng,  
Kết vòng thơm với thu lan, deco thừng.*

(Bản dịch của Vũ Khánh)  
Còn như Giang Ly và Tịch Chi là hai giống hoa thơm như hoa Lan, thì Khuất Nguyên thường xâu hoa thành vòng, đeo vào mình cho thơm, để tỏ rằng mình lúc nào cũng giữ thân và tâm hồn thơm tho, thanh cao và sạch sẽ.

Ngoài hai giống hoa trên kia, Khuất Nguyên cũng thích hoa Mộc Lan (Nerium coronarium) thường mọc trên đồi cao, dù bóc hết vỏ cũng không chết. Và cây Túc măng (rau muống, cũng có tên là mục túc), mọc dưới nước, cạnh bờ, dù tuyết giá nước đông lạnh đến mấy cũng không chết:

*汨余若將不及今  
Cố dĩ nhược tương bất cập hĩ*

*恐年歲之不吾與  
Khủng niên tuế chi bất ngô dĩ*

*朝零亂之木蘭兮  
Chiêu khiên lộn chi mộc lan hĩ*

*夕攬洲之宿莽  
Tịch lam châu chi túc măng.*

*Ta như kẻ trên đường hoàng hôn,  
Sợ tháng năm vun vút mau trôi;*

*Mộc Lan sớm cắt trên đồi,  
Chiều là túc măng hái nơi cạnh dòng.*

(Bản dịch của Vũ Khánh)  
Khuất Nguyên cũng rất thích các giống hoa Tiêu Quế và Huệ Chi (Iys, amaryllis, hémérocallis), như được phổ bày trong đoạn thơ sau đây:

*昔三后之純粹兮  
Tịch tam hậu chi thuần túy hĩ*

*固衆芳之所在  
Cố chúng phương chi sở tại*

*雜申椒與菌桂兮  
Tạp thân tiêu dĩ quân quế hĩ*

*豈維艷夫蕙芷  
Khởi duy nhứt phu huệ chi*

*Thời Ba vua tràn đầy mỹ đức  
Do trăm hoa sục nức nơi nơi  
Kết vòng "tiêu" "quế" mọi loài  
Phải đâu "Huệ" "Chi", có hai thứ này?*

(Bản dịch của Vũ Khánh)  
Khuất Nguyên cũng ưa thích, vào cuối xuân đầu hạ, kết lá sen làm áo mà mặc cho mát và thơm: sen đây là *phù dung*, giống sen trắng nơi Phù-Dung-Tự Hà Tiên, theo lời giải thích của Bà Mộng-Tuyết trong truyện dã sử "Nàng Ái Cơ Trong Châu Úp":

*製芙蓉以為衣兮  
Chế chi hà dĩ vi y hĩ*

*集芙蓉以為裳  
Tập phù dung dĩ vi thường*

*不吾知其亦已兮  
Bất ngô chi dĩ dĩ dĩ hĩ*

*苟余情其信芳  
Cố dĩ tình kỳ tín phương.*

*Hoa lá sen, ta ưa hương sắc,  
Kết y thường khoác mặc bên ngoài.  
Thối thường chẳng biết mặc ai,  
Tự mình mình thấy thân đây phấn hương.*  
(Bản dịch của Vũ Khánh)

\*

Chúng ta cũng nên biết rằng thi phẩm *LY TAO* gồm có bốn phần:

1. Tác giả nhắc gia thế của mình, thuộc dòng dõi vua *Cao Dương*:

*Đế Cao Dương chi miêu duệ hê,  
Trẫm hoàng khảo viết Bá Dung,  
Nhiếp Đê Trinh Vu Mạnh Su hê,  
Duy Canh Dân ngô đi hông.  
(Phụ thân ta Bá Dung tên gọi,  
Thuộc Hoàng gia dòng dõi Cao Dương,  
Ta sinh vừa tiết xuân sang,  
Ngày Dân Thái tuế, cũng đương năm Dân).*

(Vũ Khánh dịch)

từ lúc nhỏ sống nơi nhung lụa, rồi sau ra làm quan to. Nhưng gặp thời hôn quân, triều chính thối nát, gian thần lộng quyền, vua nghe lời nịnh thần và cung phi, khiến phải xa vua.

2. Khuất Nguyên bị bà chị chê mình gàn dở, không biết sống theo thời, bèn lên đến thờ vua *Thuấn* trần tình và tự xét mình. Thấy hành vi của mình là đúng chính nghĩa, bèn trở về với niềm hy vọng được Vua tái dụng. Nhưng bọn gian thần vẫn bao vây nhà vua, khiến cho Khuất Nguyên phải phiêu du đến cửa Nhà Trời, nhưng tác giả không chịu mở cửa:

*Bao bóng dáng tung hoành tự tẩn,  
Sắc lưu ly tỏa sáng khắp nơi,  
Sai tên gác mở cửa Trời,  
Lạnh lùng hẳn đứng tựa ngoài nhìn ta.*



Khuất Nguyên

3. Bị vua rường bỏ, Khuất Nguyên bèn chu du khắp đó đây, gọi là *cầu nữ* (tìm kiếm người đẹp mỹ nhân, cũng có nghĩa là nhân tài) để thay mình ra giúp nước phò vua, xua đuổi bọn nịnh thần. Nhưng, than ôi! cuộc viễn du *cầu hiền* này cũng không đi đến đâu, tuy nhiên Khuất Nguyên cũng chưa hoàn toàn thất vọng, là vì:

*Cò tham hỏi nơi nào không có?*

*Tiếc làm chi vườn cũ quê xưa?  
Nơi đây bóng tối đèn mờ,  
Dở hay ai xét cho ta nỗi này?*

4. Trong lúc bối rối, Khuất Nguyên bèn đi xem bói được thần linh *Vu Hâm* hiện lên bảo nên đi xa tìm kiếm tri âm:

*Vu Hâm hiển hách uy linh,  
Ban ra lời dạy "điêm lành nên đi"  
Hãy gắng tìm kinh kỳ khắp chốn,  
Cùng kỹ cương mà chọn tri âm,  
Vũ Thanh thành kính chân tâm,  
Cao Đào Y Doãn về làm tôi trung.*

Thế là Khuất Nguyên quyết định rời khỏi nước Sở, đi về miền Nam, tới Động Đình Hồ, sông Tương, sông Nguyên, bến Sáu, là những nơi mà ông sẽ tiếp xúc với nền văn hóa *Bộc-Việt* và *Lão Việt*, đặc biệt là những bài dân ca cúng tế Thần linh, mà ông sẽ san định thành *Sổ-từ Cửu Ca*. Rồi ông sẽ kết liễu cuộc đời, bất chước chí sĩ *Bành Hâm* ngày trước, mà nhảy xuống dòng Mịch La sâu thẳm, nhằm ngày Trùng ngũ, năm 277 trước Tây lịch:

*Thế là hết, còn chi chẳng hết!  
Nước không người, ai biết đến ta?  
Cổ đó còn tiếc chi mà,  
Quốc gia mỹ chính thiết tha một đời!  
Cùng ta cộng tác không ai,  
Bành Hâm xin nguyện tìm người sống chung!*

(Vũ Khánh dịch)

Dân nước Sở mất Khuất Nguyên rồi, ít lâu sau cũng bị mất nước, trong tay nước Tần cường bạo. *Dân nước Sở đã quên Khuất Nguyên, nhưng dân Việt thời xưa đã đón tiếp Khuất Nguyên một cách niềm nở và đã giúp cho những tài nguyên văn học, để người trở thành thi sĩ danh nhân.* Khuất Nguyên đã lấy nước trong dòng Tương, dòng Mịch, mà rửa sạch bụi trần và niềm uất hận, thả thác trong cồn hơn sống đục!

Về tới Nhược Thủy rồi, mà Khuất Nguyên ngày xưa, cũng như *Đông Hồ* ngày nay, vẫn còn nhớ tới sông Tương:

*Sớm mai ta vượt sông Tương,  
Đứng bên Ngạc mà quay đầu trông lại hê,  
Áo ào nổi tiếng gió chi bi thương,  
Ruổi ngựa ta hê chốn Sơn cao,  
Đậu xe ta hê đất Phương lâm.  
Bơi chiếc hê lên sông Nguyên.*

(Thiệp giang - Phan Kế Bính dịch)

Vào đầu năm 1932, *Đông-Hồ* làm Tấn Phác bác du Hà Nội để thăm trả Phạm Thương Chi và Tòa báo Nam Phong, viếng cảnh Thăng Long và danh lam thắng cảnh Bắc-Hà. Say đắm với cảnh trí mỹ miều, nơi nghìn năm văn vật, *Đông Hồ* đã cảm tác *Thăng Long Hành*, một tuyệt phẩm thi văn của thời cận đại, mà vẫn nhớ tới nguồn gốc xa xưa của tiên-tổ giống nòi *Bách Việt*:

*Dòng Tương lai lắng từ thu ấy,  
Đào đạt thu này lệ chứa khó.  
Cụ thực tri tân nhường bờ ngõ,  
Ta đường hào cảnh khéo thờ ơ.*

*Ôm dần lắng khúc nam-huân cũ,  
Lặng lẽ tay người lựa mối tơ,  
Tình trước không hòa hai giọt lệ,  
Duyên sau may hợp một dòng thơ.*  
(*Đông-Hồ* Thăng Long Hành)



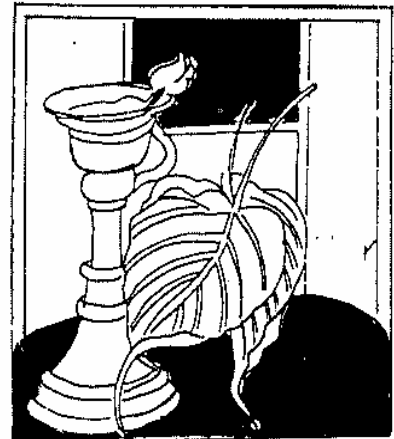
Đông-Hồ (1906-1969)

Chung luận: có hai điểm chính cần được nêu lên là:

1. Văn chương Trung Quốc đã sớm chịu ảnh hưởng của Văn hóa tộc Việt, kể từ thế kỷ thứ 3 trước Tây lịch, với Khuất Nguyên qua *Sổ-từ Cửu Ca*, chín bài châu-văn của sắc tộc Việt, được khắc chạm trên những trống đồng của tộc Việt.

2. Giữa hai nhà thơ lớn Khuất Nguyên và *Đông-Hồ* có nhiều điểm tương đồng trong thi văn và phẩm cách. Cả hai Vị, tuy sống xa nhau mấy chục thế kỷ và cách nhau ngàn vạn dặm, mặc dù phải chung đụng với phường giá áo túi cơm, bị xô đẩy vào chợ đời đen bạc, mà vẫn giữ được thái độ của nhà hiền triết không màng danh lợi, phong cách của bậc trượng phu quân tử, bảo toàn được hương thơm thanh khiết của hoa sen trắng nơi Phù Dung Tự và của hoa kiến-lan gốc Phúc Kiến của *Đông-Hồ*, màu vàng pha tím, thường nở vào cuối Hạ đầu Thu nơi Vương-già Hương-đình.

PARIS (Chiêu Anh Các)  
Mạnh-Xuân, Bính Tý 1996





# Bài Ca Siêu Thoát

Gửi tất cả mọi người  
Kính dâng các Giáo Hội Phật Giáo  
phương Đông

• NT & TMX

**L**ời nói đầu : Cách đây gần 200 năm, Nguyễn Du cảm nhận cái phù du tại thế, xót thương bao cái chết thảm thương dù bất cứ vì lý do gì, đã viết nên thiên trường thiên "Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh". Bài thơ nói lên lòng nhân đạo sâu xa của nhà thơ, không phải bị quan trước cái chết mà xót thương cho thân phận của con người dù cuộc sống gặp toàn bất hạnh hoặc được nên danh nên phận một thời. Nguyễn Du đã mượn lễ "Giải Thoát" của nhà Phật theo cách hiểu phổ thông của thời đại, cầu mong cho những người đã chết, dù thuộc thành phần nào, dù cuộc sống ra sao, được siêu thăng tịnh độ, được an nghỉ nơi miền an lạc thường hằng.

Thời Nguyễn Du trước cảnh thế tạo loạn của Việt Nam đau khổ đã nhiều. Nhưng những điều đau khổ đó còn giới hạn ở một địa bàn nhỏ hẹp ( đất nước Việt Nam) hoặc Nguyễn Du có nhìn xa hơn đến một số vùng ngoài Việt Nam thì thời đại vẫn còn giới hạn vì lịch sử nhân loại còn đang phần lớn trong trạng thái nông nghiệp, thủ công. Ngày nay xã hội tiến đến trạng thái "Công nghiệp hóa, Thương mại hóa và Kỹ nghệ hóa" trên qui mô lớn rộng nên cái chết của con người -ngoài những trường hợp thương hằng xảy ra - cũng mặc nhiên mặc lấy những kích thước mới. Cái chết nhấp nháy của mấy trăm ngàn dân Nhật vì hai quả bom nguyên tử; cái chết của mấy triệu dân Do Thái trong những lò thiêu Đức Quốc Xã; cái chết tập thể trong chiến tranh hay vì nạn đói; cái chết bi thảm trong những lần bị đấu tố; cái chết của những người vượt biển VN bị hải tặc hãm hiếp, hạ sát, .... Còn biết bao cái chết bi thảm, tàn khốc khác: những cái chết mòn mòn trong các trại tập trung ở Liên Xô, Trung Quốc, Việt Nam...; cái chết vô cơ bởi bàn tay độc tài của chế độ chính trị như chế độ Pôn Pốt, kể cả bao nhiêu cái "sống mà như chết" trong những chế độ nhân danh xã hội, ... Thời đại Nguyễn Du chưa xảy ra những cái chết đó cùng những loại "chúng sanh" bị dọa dẫm bởi những ma nghiệt mới cũng do con người gây ra cho nhau. Và, không

chỉ có những loại chúng sanh bị dọa dẫm mà ngay cả những kẻ đã gây ra dọa dẫm cho trăm họ, thực ra cũng đang chết trong những chủ trương, chính sách, thủ đoạn của họ để nay mai họ thật sự chết, tiếng đời sẽ theo họ mãi mãi không ngừng.

Lịch sử nhân loại hiện nay đang tiến đến một trạng thái khủng hoảng lớn rộng và toàn diện do tất cả những điều kiện văn minh, tiến bộ cũng như mọi gây đổ tàn phá mà con người đã gây ra cho nhau hàng thiên niên kỷ. Tuy nhiên, chính do từ cuộc khủng hoảng rộng lớn, toàn diện đó mà nhân loại bừng tỉnh, xoay chiều tư tưởng, chuyển hướng nền văn minh hiện nay hầu mở ra một kỷ nguyên mới cho toàn địa cầu.

Trong cái nhìn đó, trong cảm hứng của Nguyễn Du về kiếp tại thế của con người, người viết đã viết " BÀI CA SIÊU THOÁT" gọi tất cả mọi 'hồn' chết cũng như sống, cá nhân và tập thể, không để 'siêu thăng' một nơi 'thế giới bên kia' mà để cùng 'sống lại' hầu cùng xây dựng một kỷ nguyên mới cho loài người. Và Phật Giáo, một trong những nguồn tư tưởng sâu dày của Đạo học Đông Phương và Thế giới là điểm tựa cho công cuộc 'xây dựng' lại nhân loại thế theo lời Đức Thích Ca: 'Hồi đầu thị ngạn'.

(Bài thơ dài, chỉ xin chép lại đoạn cuối, nói về ý nghĩa giải thoát thời - Chú ý: Từ "TA" trong bài thì nên hiểu là Việt Nam).

Nguyễn Thùy và Trần Minh Xuân

## Bài Ca Siêu Thoát

.....  
Đêm thanh vắng giờ thiêng cầu  
nguyện

Khắp mọi miền khi quyền sương sa  
Khói hương nghi ngút cõi ta bà  
Vang vang thập điện tám ca gọi hồn!

.....  
Hồn hơi hồn!

Nào đâu chốn cỏ đơn hồn ngự  
Nào đâu nơi lữ thứ hồn đi  
Phóng tâm ta đón hồn về (1)  
Vui câu giải kết lời thề hồn mang.  
Trời với đất ngủ ngàn năm khốc  
Tháng với ngày tang tóc thể lương  
Tâm nhang một nén mười phương  
Ta thiếu mặt thế giải oan hồn về!

Hồn hơi hồn!  
Mời tất cả hồn mê hồn tỉnh  
Hồn vật vờ vô định vô phương  
Hồn phơi mưa lữ gió cuồng  
Hồn lia nẻo thuộc dặm trường quan  
san

Hồn thập loại sinh oan thác uống  
Hồn mười phương tám hướng Tây,  
Đông

Hồn Nam, hồn Bắc trùng trùng  
Hồn dương canh, hồn mấy tầng cõi âm  
Hồn đơn lẻ âm thầm thân thế  
Hồn kết đoàn tập thể mệnh vong  
Hồn dù nên tội nên công  
Hồn dù thành, bại, có không, tay trần  
Hồn thất thế sa chân, lữ bước

Hồn nhục, vinh, thua, được, nên hư  
Hồn đau nhân ảnh hư phù  
Hồn hồn vẩn cấu bãi mù sông mê  
Hồn lãng đàng sơn khê cùng cốc  
Hồn nổi trôi bàng bạc trùng dương  
Hồn đau thân cát bụi đường  
Hồn quần quai máu hãm vương hổ  
tròn

Hồn quạnh quẽ tiếng hồn nức nở  
Hồn tang thương vạn thuở phổi pha  
Hồn nằm không chiếu không nhà  
Hồn đau khách địa bóng tà nguyệt  
phơi

Hồn bạc phước nơi nơi địa chấn  
Hồn sóng thân tán mạng biển sâu  
Hồn bay lạc nẻo tình cầu  
Hồn vùi xa lộ sông sâu cuộc chơi  
Hồn ngục tối ngậm lời eo óc  
Hồn đau đây oan khốc khôn người  
Về đây, hồn hơi, hồn ơi!  
Chung nhau tiếng khóc, giọng cười...  
qua trang!

Hồn hơi hồn!

Ta đón hồn mệnh mang vạn nẻo  
Ta chờ hồn leo đèo phù sinh  
Về đây, hồn hơi, có linh  
Về đây, hồn hơi, có mình có ta!  
Kiếp gió bụi ta bà thế tục  
Phận tồn sinh bến đực bến mê  
Hồn ơi! Ta gọi hồn về  
Sá gì một giắc diêm mê hồng trần!  
Đường lịch sử mấy vắn xoay đời  
Nẻo thế đồ muôn nỗi truân chuyên  
Tám thân bèo bọt chiều chiều  
Sá gì hư thực giữa nghiêng, hơi hồn!

Hồn hơi hồn!

Nương cánh khói về đây với vội  
Theo mùi nhang vào hội bi hoan  
Ta từ thế kỷ chạy quàng  
Ta luân hồi, tạ vô thường cuồng quay  
Ta huyền mộng đêm dài ngày ngắn  
Ta trầm luân xác đống thấy gò  
Ta máu đổ, tạ xương khô  
Ta từ "này những cơ đồ không tên" (2)  
Tiếng từ tạ ngọt mềm nồng mặn  
Lời cảm ơn nghĩa nặng tình sâu  
Về đây, hồn hơi, về mau  
Khép trang cuồng sử bề đầu, thương  
đời!

Hồn hơi hồn!

Này đang lúc ngủ trời biển lửa  
Này đang giờ rộng bữa mê cung  
Cuộc liêu tở hậu đoạn trường  
Cuộc con quạn thất cuối cùng hồn  
mang  
Ta sẵn sẵn linh trang hồn ngự  
Ta giải bày mọi thứ hồn vui  
Mời hồn vào cuộc rong chơi

Trườn lên bẻ máu, tạ đời điều linh!

Hồn hơi hồn!

Ta gọi hồn lênh đènh cánh nhạc  
Ta mời hồn bát ngát lời thơ  
Về đây, hồn hơi, ta chờ  
Đón dòng sử lịch nguyên sơ lại mùa.

(3)

Hồn hãy đến sớm, trưa, chiều, tối  
Hồn hãy về cũ, mới, nay, xưa  
Giải căn bao kiếp sống thừa  
Thay dòng sinh tử, đổi mùa tử sinh.  
Giờ chuyên hóa ma kinh quý khiếp  
Phút hoản lương liêu kết pha phối  
Về đây, hồn hơi, hồn ơi!  
Đốt trang hồng lệ, mở lời càn khôn!

(4)

Hồn hơi hồn!

Ta đón hồn nương muốn cánh khói  
Ta câu hồn khác khoai lời kinh  
Giá từ muốn nẻo u mình  
Tâm như một tiếng, vẹn tinh nước non!

Cuộc cờ đó đã tròn quên, nhớ (5)

Tạ từ đây, giờ mở lời vui

Bài ca chung cục, hồn ơi! (6)

Lễ chào nguyên khởi, Hội mời khởi nguyên (7)

Ta với hồn vẹn nguyên tâm niệm

Ta cùng hồn hóa liệm tam sai

Lời ca siêu thoát hòa hài

Về đây, hồn hơi, viết bài Lai Sinh!

**CHÚ THÍCH BÀI THƠ : "Bài Ca Siêu Thoát"**

(1) và (2): Thơ của Đinh Hùng trong bài "Thần Tụng" (Mê hồn ca).

(3): Dòng sử lịch: Dòng đi của Lê Đạo (bên Đông Phương, thường gọi là "Đạo" (con đường), bên Tây Phương thường gọi là Le Chemin Le Sentier hay The Way; có lẽ gọi theo M. Heidegger có phần đúng hơn: Le Chemin de la Pensée, Le Chemin de l'Être). Dòng vận hành của Lê Đạo (tức Sử lịch) bao giờ cũng là một đường thẳng, hướng tới trước từ thấp lên cao. Thời gian của dòng vận hành đó gọi là Thời Thế (Temps de l'Être) lúc nào cũng là một Hiện Tại miên viễn chuyển hiện thành Thời Gian Lịch Sử (Temps de l'Histoire) gồm Quá khứ, Hiện tại, Tương lai nối tiếp nhau.

(4) Trang hồng lệ: trang sử đau thương máu và nước mắt. Lời càn khôn: Lời của Trời Đất tức Chân Lý, Lê Đạo

(5) Cuộc cờ đó: Cuộc sống thế gian hay mọi món nợ trong cuộc đời: đối với mình, với người, với gia đình, xã hội, với non sông, lịch sử.

(6) Bài ca chung cục: Le Chant final, mượn ý lời một nhà thơ Pháp (không nhớ rõ tên). Bài ca cuối cùng của nhân loại để từ tạ kỷ nguyên này và mở đầu kỷ nguyên mới.

(7) Nguyên khởi - Khởi nguyên: mượn ý của Khổng Minh: Thủy hữu đầu, chung hữu Thủy và ý M. Heidegger: l'Autre commencement.

CHÚ Ý: Từ "TA" trong bài thơ nên hiểu là Việt Nam, mảnh đất Việt Nam chứ không phải người viết, tác giả bài thơ.



**Xuân Trung Sơn Am Kỳ Sự**

Bàng nham mao cấu phủ thanh cừ  
Yên cảnh lâm song thủy vịnh dư  
Tối tiện "Long Tuyên ma nguyệt"  
cứ

Kháng an viên động ngoại vân cư  
Túc tiêu nghĩa khái hư hàn tấn  
Chỉ xích uy nhan phụng tử thư  
Tiêu tán giang phàm phong tín yếu  
Na kham nhân ý bất thường như

• Phan Huy Ich  
(1751-1822)

**Mùa Xuân Trong Am Núi Ghi Việc**

Bên ngòi lưng núi mái lều tranh  
Thức giấc ngắm nga cảnh đẹp xinh  
"Dưới nguyệt mai gương" câu thích thú

Chiu sao cùng vượn chốn non xanh  
Bập bùng nghĩa khí tro tàn bếp  
Đầu ngọc trên thư nhận rõ hình  
Phiêu bạt cánh bướm tin tức bất  
Lòng người thay đổi, thế sao đành!

• Huyện Thanh Lũ

Chú thích: "Long Tuyên ma nguyệt" cứ: Lấy ra từ câu kết của bài Thuật Hoài của Đặng Dung, nguyên văn là:

"Quốc thù vị báo đầu tiên bạch  
Kỷ độ Long Tuyên đãi nguyệt ma?"  
(Thù nước chưa xong đầu đã bạc  
Gươm mài dưới nguyệt biết bao lần?)

• Huyện Thanh Lũ

春中山庵記事  
傍岩茅構俯清渠  
最羨龍泉磨月句  
夙宵義槩噓寒燼  
蕭散江帆信杳

烟景臨牕睡詠餘  
肯安猿崗卧雲居  
咫尺威顏奉壘書  
那堪人意不常如

乙亥孟冬吉清旋書



# TRÁI Ô RÔ

• Phong Hùng LƯU NHƠN NGHĨA •

(Tiếp theo VG 88)

Kèo vừa xếp xong các hàng ghế ngay ngắn thì xếp Sứ tới. Xếp Sứ mặc quần phục vàng, đội *kết-bi*, đeo "lon" một gạch vàng có lần đỏ ở giữa, giống lon quan một. Lĩnh và dân gọi "quan", nhưng sau lưng gọi "xếp Sứ". Xếp Sứ kỳ nhút là tiếng "ách" (15), vì xếp mới là Thượng sĩ, tiếng Miên "ách" có nghĩa là chất dơ của người thái ra.

Xếp Sứ hùn với chủ tiệm rượu mua giàn đèn nay, chủ tiệm hùn tiền, xếp Sứ hùn miệng, lời chia hai, lỗ chủ tiệm chịu. Gánh nào tới đây cũng không qua lệ đó, đây là cơ hội đền ơn trả nghĩa cho xếp, để thỏa mãn máu mê cái lương của xếp. Đối lại xếp cất linh trong đờn đeo súng nút đi vòng quanh rạp canh gác. Các anh chị đứng bên xe đồ cũng xếp dè khi nghe tới oai xếp Sứ.

Xếp Sứ lăm nhăm đếm số ghế thượng hạng, ghé danh dự mời quan khách, ghé ủng hộ bán cho các chủ tiệm.

Tờ đã tắt nắng. Trước rạp càng ồn ào người ăn kẻ uống. Trẻ con giành nhau đập trống giục giã. Dân các xóm chung quanh lú lượt kéo ra chợ ăn hàng, coi hát. Bà Bảy ngồi quạt lò nem nướng vừa sắp bánh trắng, rau sống, chuối chát và nước mắm bụng cho khách.

Theo chương trình, mở màn lúc bảy giờ, nhưng nhạc to te, đờn rí ra tới tám giờ mới bắt đầu nghe tiếng chuông run, tiếng gõ bồm bộp trên sân khấu báo hiệu giờ mở màn.

Trong hậu trường tối mờ mờ, áo mào xiêm y cũ treo chung quanh, đào kép chen lẫn sấm tưởng, không khí âm thấp từ những bộ áo mào không giặt bao giờ, bốc ra ngọt ngào làm ngứa mũi.

Kèo ngồi sau cánh gà, nghề đánh là kéo màn, lặng lẽ quan sát vợ dậm mặt làm tuồng. Ngay đã trở mã, dáng dấp gọn và thon, mặc áo kim tuyến lấp lánh như sao đêm. Nàng tăng háng, thứ giọng, rồi bước tới bàn thờ Tổ chấp tay khấn khứa: "Lão Đại Lang Thần" chứng minh cho vợ chồng nàng. Đêm nay Kèo và Ngay cùng đóng chung một vở tuồng. Kèo vai lâu la, chân đường cướp giựt, đánh vai đường kiếm, bị đâm lòi ruột chạy vô buồng.

Kèo nhìn lại y phục mình, đầu quần khăn đen che tóc bồm xồm, áo quần bà ba đen bó chèn, thắt lưng là khúc khăn tẩm sọc vuông, ống quần bó túm lại, chân đất, bên hông giắt cây kiếm nhôm dài gần sứt cán. Tuy vậy Kèo cũng vừa ý lắm, có được lên sân khấu là quý rồi. Vì đầu được đóng vai vương tướng, Kèo chưa được học nổi vở tuồng, rồi ca rớt nhịp, diễn xuất... Ôi, lộn xộn quá. Ai cũng khen và nâng đỡ Ngay, từ Ông Bầu cho tới thầy đờn Mười Sáng.

Kèo linh cảm như vợ mình được chấp cánh bay cao, như con sáo xổ lồng nhanh nhanh.

Kèo man man, mừng tượng hình như có diêm gờ, không nói được, khó diễn tả ra. Cái buổi xế trưa đó, những tia nắng quái nhày lằng tằng trên mặt nước kính, chói đến nhức mắt, Ngay rằng rang hát theo tiếng đờn Mười Sáng, Ngay xuất thần say sưa hát, giọng hát đã có giọt, chín lăm rồi:

"Ai ai đem là con sào là sào sang sông,  
Cho sáo xổ lồng, cho sáo xổ lồng, xổ lồng bay xa con sáo bay xa".

Mười Sáng chắc lưỡi khen:

- Hay quá, Ngay mầy vượt qua được khúc này hay quá.

Từ buổi trưa đó, con sáo Ngay bay càng xa, ước mơ cao xa hơn. Ngay mọc lông mọc cánh thành con sáo, Ngay trở mã thành chim phụng bay xa, bỏ Kèo như con gà trống kêu cúc cúc trong chuồng. Kèo lo âu, cảm giác thành luồng hơi nóng chạy suốt đường xương sống.

Đã tám giờ đêm, những tấm giấy kiến màu đã che mờ mấy cây đèn măng-xông, sân khấu đổi màu. Đào kép chính tề đứng nghiêm trang trong hậu trường nghe thầy tuồng dặn dò lần chót. Thầy tuồng kiểm soát sơ y trang, nhắc những lúc quan trong, cách diễn cho có lớp lang, bắt đào kép lặp đi lặp lại cho nằm lòng, sửa lại những câu sai, bộ điệu cho đúng. Thầy tuồng gốc thâm nho, muốn đào kép thuộc từng câu từng chữ. Thầy nhiều lần phân nân đào kép ý tài, ý tận, như "này phu tướng xuống giọng thành "phu tướng", phu tướng là để vợ gọi chồng làm tướng, còn "phu tướng" là "tướng cái" nghe chưa?". Đào Bảy Nhị và kép Tư Tam quá tự tin tài nghệ và kinh nghiệm nên cố ý lơ đãng vì biết thầy tuồng nói xéo mình. Ngay biết thân, sanh sau đẻ muộn, non nớt tay nghề nên ép mình học hỏi, biết điều.

Thầy tuồng quay lại dặn Mười Sáng:

- Anh Mười liệu đờn theo đào kép nghe, đi mau quá họ theo không kịp thì bỏ đĩa à.

Đào Bảy Nhị biết thầy tuồng lại mĩa mai mình, xụ mặt quay đi, làm bằm bặt màn.

Thầy tuồng lo lắng cho Ngay:

- Đâu! Nghinh mặt kiêu kỳ cho tao coi! À, được đó, mà nhớ lắng tai *chú nhơn* nhắc tuồng nghe.

- Ông Bầu nhớ nhắc đừng để nó khộp, nó quên. Bà Bầu cầm đèn cây và xấp giấy, nhắc tuồng chung với Ông Bầu.

Mười Sáng dạo bản *Lưu Thủy Hành Vân*. Kèo mãi mê nhìn qua khe cửa cánh gà. Khách giả đông bộn. Xếp Sứ uống nục ngồi ghế thượng hạng đang chuyện trò với các viên chức nhà việc (16). Người "lát-xi-a" (17) cầm đèn "pin" đi lên xuống sắp xếp chỗ ngồi và giải

quyết các chuyện nhỏ nhặt như một giấy mà lại dần thêm mấy đứa con nít, nửa giấy (18) mà đòi ngồi trọn ghế một mình, nhút là các ghế hạng nhút và hạng nhì, khán giả nồn náo.

Ông Bầu gơ tay cho đào kép im lặng:

- Rồi chưa? mở màn bàn thờ Tổ đốt nhang chưa? Đào kép đốt nhang xá Tổ chưa? Coi chừng có đứa rần mắt đem trái thị (19) thì Tổ bỏ theo nó đó nghe. Hôm nay đầu tiên, hát coi cho được. Rồi! - sẵn sàng - Kèo, rung chuông, gổ đi!

Kèo kéo tám màn nhưng làm bằng vai san đăm qua hai bên, một bên dây kéo hư, nên phải dùng tay kéo.

Đêm đã khuya, vở tuồng đã tới hồi gay cấn, tiếng trống giục giã "quan" pha tiếng đờn réo rắt của Mười Sáng. Đèn màu chiếu trên làn nước chảy cuộn cuộn dưới chân núi xa xa trên tấm tranh sơn thủy. Cảnh đẹp như tranh. Công tử Minh Văn đang phi ngựa săn bắn bị lâu la Kèo chặn đường:

"À! Mi đi đâu? (Kèo hỏi)

- Ta đi săn bắn qua khu rừng! Mi là ai?

- Phải nạp tiền mồi lộ cho mau! (Kèo đọc như thuộc lòng).

Bà Bầu nhắc: "để lại cái thủ cấp".

Công tử Minh Văn rút kiếm đâm tên lâu la, Kèo ôm bụng chạy vào hậu trường, trở ra chỗ cánh gà lo phận sự kéo màn.

Kèo say mê cái lương hát bội không kém khán giả, hồi hộp nhìn Ngay, "xa giá vòng lọng" được mấy đứa tỷ nữ theo hầu bước vào tốp lều tranh chỗ công tử Minh Văn bị té ngựa khi đi săn. Cô thôn nữ Hằng người yêu cũ Minh Văn băng bó và cho chàng uống thuốc.

Tiểu thơ An Lộc ngồi chêm chệ trên ghế có tỷ nữ quạt hầu. Ngay có nét mặt kiêu sa đài các. Ông Bầu thì thầm "Chèn ơi, con nhỏ đóng có đường quá ta! Phần son hồng lên má tiểu thơ An Lộc, vóc dáng đẹp hơn đào chánh Bảy Nhị bẻ xè, tuổi xấp xỉ bốn mươi.

Kèo nhìn Ngay trần trối, Ngay không thể là vợ tên kéo màn đang bó gối ngồi trong bóng đêm ngơ ngác nhìn tiểu thơ An Lộc đẹp như tranh kia. Nét mặt tiểu thơ Ngay kiêu kỳ quá. Ngay đã lột xác sấm thành cánh bướm rực rỡ rồi Kèo ơi!

Cô thôn nữ Hằng đau đớn cầm chén thuốc dung cho tiểu thơ An Lộc xem xét. Hằng quay về khán giả, nước mắt lưng tròng than bi ai thê thiết: "Than ôi! Thời vận bất tề".

Ông Quán Au lát đầu ù rú theo. Xếp Sứ khá hơn, biết xét người, có mắt nghệ thuật, quay sang Ông Cai Tổng:

- Đào Bảy Nhị tuổi quá bán (20) rồi, mà đóng vai trẻ coi hơi chướng. Giọng ca Bảy Nhị chắc hơn Ngay, bóng sắc phải kém xa Ngay, nhút là khi nước da hơi sạm nắng của Ngay được lớp phấn son che lấp. Nếu ở trong mắt một thời gian, da Ngay sẽ nhả nắng, dư sức thay thế Bảy Nhị.

Ông Cai Tổng gặt gù đồng ý.

Tiểu thơ An Lộc cầm chén thuốc Hằng ném xuống đất, nạt nghe phát ghét:

- Xí, cái tô nhỏt, con hèn hạ, mày dám cho phu quân ta uống thuốc đựng trong cái tô dơ dáy như vậy hả? Con kia, phu quân ta mà có mệnh hệ nào, thì tao xé xác mi ra nghe chưa!

Tiểu thơ vừa nói vừa nhéo tai Hằng. Tiếng than áo náo của Hằng, câu nói chanh chua của tiểu thơ và tiếng tổ sành võ nghe nhói tim tạo niềm thương cảm, oán ghét trong lòng khán giả, nhất là các ông già *đàng cừu* (21), phân biệt người trung kẻ nịnh. Các anh chị đứng bên đứng sau hàng cá kèo không dần được bất bình, dấm lớn tiếng:

- Mối hồng có gạo nấu à nghe, đừng bày đặt nhông nhảnh.

Thầy tuồng hít hà:

- Tổ nhập nó rồi, nó đóng xuất thần quá, nó lột hết tinh thần vai tiểu thơ An Lộc rồi!

Tiểu thơ An Lộc nguây nguẩy quay đi, giọng trả treo:

- Quân, lấy xe giá đưa công tử về, thuốc thang ngơi nghỉ à!

**X**ếp Sứ mua giàn mười đêm nhờ ngôi sao mới mọc Ngay, hay đào Kim Xuân, xuất sắc vai tiểu thơ An Lộc trong tuồng "*Tiếng Khóc Bên Mồ*". Sáng, trưa xếp Sứ đưa đào kép ra tiệm xú mại bán bao. Chiều chiều, xếp Sứ hướng dẫn ăn cơm ở các nhà có mầu mặt khoảng dãi. Đào kép no nê, nhờ ơn Ngay chứ không phải đào Bảy Nhị như trước. Chỉ có Mười Sáng vì mù, nên ở lại dưới ghe ông cần cơm đen hơn cơm trắng. Kèo có phận sự giữ gìn ghe hoặc ngủ sân khấu *canh bới* (22).

Sau đó, quen thân hơn, xếp Sứ chở đào kép về nhà việc ngủ, đỡ chen chút muỗi mòng.

Đêm đêm, Kèo tủi thân nhịn nhục chui vỏ nóp ngủ sau lái, nhờ Ngay, "*thìa thìa quen châu, vợ chồng quen hơi*". Kèo lép nhép vẫn vợ bản "*Lý Con Sáo*", Mười Sáng cũng hết hứng đòn phụ hoa:

"*Ài ại đem, con sáo sáo sáng sống, cho sáo xô lồng, cho sáo xô lồng, xô lồng nhanh nhanh, con sáo sao nhanh nhanh*".

Quanh quần cũng con sáo là sáo sang sống. Lúc trước hát buồn thương sướng thỏa, bây giờ sao hát nghe u sầu ủ dột. Tiếng hát từ cõi lòng sâu kín, than van thổ lộ cùng ai? Chỉ con sáo trong bài "*Lý Con Sáo*" mới diễn tả hết nỗi lòng Kèo. Đào kép cảm thông, nhưng kinh nghiệm đời như vậy phải chấp nhận. Kèo quan niệm cuộc đời quá đơn giản, như chèo chống, chưa thấy mặt trái của kiếp cầm ca, chưa thấu hiểu và chịu đựng cảnh thay vợ đổi chồng trên sân khấu ban đêm và nhơn tâm ban ngày. Số phận Kèo phải chịu vậy, tương lai Ngay định rồi.

Làm bé xếp Sứ no cơm ấm áo, ăn cơm có thịt cá, đêm đêm nằm giường chiếu chăn ấm áp, không co rúm hay ngủ nóp trong ghe. Kiếp cầm ca bấp bênh như lục bình trôi, sống ngày nào biết ngày

đó. Mới là tiểu thơ đêm trước, hôm sau không có gạo nấu. Cao lương mỹ vị trên sân khấu là cái bánh vẽ, chung ngự tửu thực sự là nước giếng, đêm nay là người trung, bạn hữu, đêm sau là kẻ nịnh, người thù. Đầu óc Kèo u mê, bất không kịp sự đổi đời đen trắng, nắng sớm mưa chiều. Tương lai là tên kép già câm, vai lão, đào già vai mù ở.

**G**he hát định nhờ sào từ khuya để kịp con nước ra Sông Cái, nhưng còn nấn ná vì gương mặt thâm nảo của Kèo, mọi người lảng lạng ở lại chờ Ngay, thâm tâm ai cũng biết là vô vọng mà không dám nói thẳng với Kèo sự thật trái thường. Xếp Sứ đưa Ngay ra tỉnh sấm sửa vãi vốc hóm qua, Ngay vui vẻ nhận lời, hẹn chiều đó sẽ trở về.

Đào kép thờ phào, khi người lính xuống ghe báo tin bảo lui ghe, cho biết đoàn ghé chợ nào thì xếp Sứ sẽ đưa trả Ngay về chợ ấy, vì xếp Sứ có việc trên tỉnh. Ghe phải nhớ sao, Ông Bầu buồn, khuyến Kèo hãy hy vọng. Trẻ con nước, chèo ngược suốt ngày, Kèo đâu còn sức lực chèo chống.

Kèo nhìn nước kinh chảy ngược vô chợ, nuốt tức tủi tủi hờn, xuống cầu lồi thường nghe:

"*Tiền, đồng tịch kim bằng cộng lạc Hậu, làm nguy bất kiến nghĩa đệ huynh*"

Câu nói lối học lóm của đào kép sao mà đánh đúng tâm sự kẻ sa cơ, bao nỗi oán hờn trách kẻ bạc tình. Đào kép lảng thính, vì chính họ cũng có kẻ từng ném cay ngậm đắng như Kèo, họ đã chai lì rồi. Chồng Bảy Nhị bỏ theo con gái ông chủ điền ruộng có bay thẳng cánh, có ai an ủi tiếng nào, tức khí trong người muốn vỡ tung ra, muốn chụp cây dao đâm họng máu trào, để em ở lại lấy nơi nào hơn anh.

Tiếng đồn cô Mười Sáng lạnh lạnh trong khoang ghe, lựa chi bản buồn đứt ruột, Kèo lép nhép điệu "*Xàng Xề*":

"*Hoa bay theo, ơi, cánh bướm rụng đầy sân rêu*"

Kèo cúi đầu nhẩn nhục. Ngay ơi! Em tham quý phụ bản, tham lẽ quên lựu, em quên câu *tào khang chi nghĩa* (23). Em có nhớ đêm anh dẫn em chạy băng đồng trốn giặc Thổ, nhờ ai ngày nay em lên xe xuống ngựa?

Mười Sáng hiểu chuyện, bỏ lên mũi ghe nói vài câu an ủi vu vơ:

- Thôi Kèo, thôi đời mà. *Họa phúc đáo hồi chung hữu báo. Cao phi viễn tẩu giá nan tàng* - Lưới trời lồng lộng, ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác.

**K**hông nhớ mấy năm trôi qua, đoàn Công Lập rã gánh, rồi lập gánh cái tên là Hồng Nam, vẫn chiếc ghe bầu chở đào kép cũ mới lên lối qua bao nhiêu kinh rạch mang niềm vui rẻ tiền cho dân nghèo. Kèo bây giờ là kép Út An, như nhắc nhớ tiểu thơ An Lộc.

Út An đã trưởng thành, tuổi gần trung niên, quen sống với mặt trái của cầm ca. Kép Út An hát khá vững, giữ nhiều vai phụ gánh. Út An có tật quên trước

quên sau, vì chữ nghĩa không rành nên chỉ nhớ lóm bóm tuồng tích. Luôn luôn nhờ người nhắc tuồng. Thầy tuồng phê bình cái tật cái thà của Út An và tật hay cương ẩu, cương có khi xuất thần, thường khi dở tệ, bị khán giả la ó. Ngoài đời Út An vương rượu, màu da vàng nghệ là hậu quả, đến đâu cũng từng để thương để nhớ cho các cô thôn nữ địa phương. Tâm cang Út An chưa phai hình ảnh tiểu thơ An Lộc trong vở "*Tiếng Khóc Bên Mồ*", thường hay dựa khoang ghe, chỗ Ngay thường ngồi năm xưa, thẩn thờ hát, như "*Lan và Diệp*":

"*Nhìn hoa tàn rụng rơi,*

*Lan tái tê trong lòng,*

*Bao đắng cay dập dồn*

*Tình đầu vừa tan theo khói sương,*

*Lan khóc than bao tháng năm sầu thương*

*Mùi thiền đàn quên câu mười đưa*

*Mang xót thương theo tháng năm dần qua"*

Út An quên mất lưng trâu nhám xóm Tà Thơm năm xưa, trong giây phút trào lòng, bất giác xuống luôn câu vọng cổ trong đĩa "*Hoa Rơi Cửa Phật*":

"*Tiếng mõ chuông đã chấm dứt một cuộc tình duyên đầy trời ngang đầu khổ, Lan phải lịm đời ai trong lớp áo nâu sồng*".

Út An hát với cả tấm lòng, nhưng tiếng Mười Sáng ngồi bên cạnh làm Út An cụt hứng: "*Mày thiếu hơi nghe Kèo, tôi chữ "nâu" mà mày muốn bức hơi, thì xuống song lang hơi sượng đó*". Mười Sáng chỉ biết khen chê về kỹ thuật ca hát. Kèo hát vì con tim tan nát. Út An thành con phũ du dưới ánh đèn sân khấu. Lăn lộn trong nghề đá lâu, ngôn ngữ Út An thấm mùi cái lương "*chí anh hùng nào ngại lẽ tồn vong*". Nhờ học tuồng tích mà Út An bỏ dần những câu nói quê mùa lấp bấp, giọng mặt lúc nói chuyện thường hay thay đổi về bi thương, hào hùng, ai oán Út An đều sử dụng được.

Út An nằm vắt xuống khoang ghe, vắt tay lên trán: "*Ngay ơi, em nằm đêm suy nghĩ lại coi, thiếu chi rau em ăn rau ế, thiếu chi chồng em làm bé người ta*". Tiếng thả đôn dầy đậu ghe ăn cơm trưa và người đi lép nhép trên mũi ghe, Út An già võ ngũ mê, giấu tâm sự buồn riêng.

Mười Sáng thỉnh tai nhạy cảm, gần gũi dẫn dắt Kèo từ ngày từ thuở ban đầu. Mười Sáng điềm đậm thủ thỉ:

"*Mấy năm rồi... chưa quên sao Kèo? Đời mà mậy! Tháng tới ghé chợ đó hát chắc con nhỏ đó đã con bầy con lú rồi. Kiếp cầm ca, lộng giả thành chơn. Ông bà mình chề là xuống ca vô lại cũng có phần đúng. Chuyện thay vợ đổi chồng trên sân khấu hàng đêm, ngoài đời cũng vậy*".

Út An trở mình, không muốn nhắc đến tên Kèo.

Mười Sáng vỗ về:

- "*Tao kinh nghiệm quá rồi Kèo à! Sống lâu thấy lắm chuyện kỳ. Cuộc đời đổi trắng thay đen, lấy công làm tội. Thôi mầy cũng gắng lên, tập tành ca hát, cái nghiệp rồi Kèo à! *Hữu chí cánh**

thành (24), gắng công thì sẽ nên danh có ngày. Mấy đã học thuộc vai diễn trong tuồng "Người Diên Trước Cổng Chùa" chưa Kèo? Mấy đóng vai diễn chưa chắc hợp, bài bản chữ nghĩa mắc mớ, mầy phải học cho kỹ tuồng. Vô cho tròn mấy bản *Bình Bán Ván*, giữ hơi để xuống song lang, tao đờn đệm theo cho. Cái nghề đờn ca, nói cho cùng, phải dựa nhau mà sống, mầy cũng thấy đó. Còn mầy đối với tao tròn ơn tròn nghĩa, ơn đền nghĩa trả, thảo với nhau là quý rồi. Mười Sáng thờ dài, ôm đờn có bắm vai tiếng đờn trầm trầm như tiếng mưa rơi. "Mà xét cho cùng, con Ngay nó gặp cảnh ngộ trái ngang. Dù muốn dù không nó cũng phải chịu số phận nó. Oai quyền xếp Sứ hồng phải để à!"

Mười Sáng se điếu thuốc vắn, tiếp tục tâm sự: "Phần tao còn tệ hơn, phần thì đui tối, phần không vợ con, sống nhờ cây đờn mà khỏi đi ăn mầy như lúc trước. Hồi đó, tao đứng hát ở cầu Bến Lức, chỉ cần hát nửa bản cung đủ sống, chưa lần nào hát tròn bản *Sơn Đông Hương Mã*. Hát chừng nửa bài thì phải đi qua xe khác. Tao sống qua ngày nhờ xe kẹt cầu phải đậu đợi. Thằng cháu tao dẫn tao đi hát nó bị ban của lười trắng chết. Tao lưu lạc tới giờ. Muốn giải nghệ mà giải nghệ thì lấy gì ăn".

Giọng Mười Sáng bực tức: "Mầy tưởng làm nghề đờn này sướng lắm sao. Đào kép nó chịu nhưc xương. Con Bảy Nhi ca rất nhịp, nó đổ thừa tao, nó chúm xéo tao, là tao đui mà đeo kiến đen, làm như đeo kiến là đọc chữ được. Họ hăm mộ đào kép trẻ, mầy thấy đó, còn họ có bao giờ mời thầy đờn ăn cơm tối, uống cà-phê đâu". Mười Sáng mãi mê tâm sự, tên là Sáng mà sống trong thế giới tối tăm.

**G**ánh Hồng Nam tiếp tục về chợ quê khuya trống. Đào kép giữ nguyên nếp sống cơm đình cháo chợ. Mấy ngày đầu khán giả đông như chợ sáng, mấy ngày sau thưa thớt như buổi chợ trưa. Đào kép lơ thời lơ vận bỏ đi, lớp khác thay vào.

Gần nửa đêm, sắp vắng hát, cửa rạp đá mở "thả giàn". Cái lệ thả giàn. Người lớn và trẻ con tràn vô rạp đứng sau hàng cá kèo được thường thức vớt vát phần cuối, đây là dịp quảng cáo, nếu thấy hay, hôm sau họ sẽ mua giấy xem. Khán giả đang bị lời cuốn vào vở tuồng, say sưa theo dõi, đèn khuya cũng mờ. Vở "Người Diên Trước Cổng Chùa" đã đến hồi gay cấn.

Trăng khuya đã xế trên sân khấu mờ mờ, tiếng chuông chùa ngân nhẹ. Người diên, Út An đóng, đứng ngơ ngác, tiếng chuông ngân dài, điều đứng nghe ngóng. Diên bị vợ phụ phàng, mặt mất hồn, hai tay quơ quàu chơi với lúc chạy về gác chùa, lúc nghiêng đầu vênh tai lút lút.

A, a! Kia, kia! Xếp Sứ và Ngay đang ngồi hàng ghế thượng hạng coi hát. Mặt xếp Sứ ngược lên vì quá gần sân khấu, miệng mím toát ra vẻ oai quyền sinh sát. Ngay mặc áo dài hồng, quần

trắng, guốc cao gót, là người đàn bà duy nhất được ngồi ghế thượng hạng.

"Kia! Kia! Nó kia!" Người diên đi chờn vờn ngang sân khấu. Ngay bắt ngờ nhận ra Kèo, trời ơi, chồng cũ mình. Gánh này là gánh Hồng Nam chứ đâu phải gánh Công Lập. Đầu óc Ngay đảo lộn, không hiểu sao Kèo xuất hiện ngang xương ở gánh Hồng Nam. Nếu biết Kèo đi theo đoàn này, chắc Ngay không dám đến dự. Lỡ tay trót đã nhúng chàm. Ngay há hốc kinh ngạc, run bẩy bẩy như bà đồng (25), Ngay cố giữ thái độ bình tĩnh nhưng không kiểm soát nổi tứ chi mình. Lòng Ngay rộn lên niềm ao ước được sống say sưa theo tiếng hát tiếng đờn dưới ánh đèn sân khấu, nhớ thời xa giá của tiểu thơ An Lộc ghé túp lều tranh nghèo, mắng thôn nữ Hằng. Chân Ngay lưỡng lưỡng muốn nhảy xổ lên sân khấu an ủi người diên. Thời tự do hò hát trong ghe bầu, trời rộng, sông dài, trăng thanh gió mát... Tứ chi Ngay bị vướng víu vì cái bốp đăm, đôi guốc, chiếc áo ngựa ngày. Ngay muốn tung bay như chim trời. Mấy năm nay sống với xếp Sứ trong đồn lính tù túng, lo săn sóc con cái, đương đầu với vợ lớn. Tuồng bỏ kiếp cầm ca cơ cực về làm phu nhân xếp Sứ, chim bồ trời xanh bay vào lồng son chật chội, khác xa thời êm ả trên kinh cùn rạch cạn, nay chợ này mai quê khác. Ngay càng vùng vẫy, tay xếp Sứ càng nắm chặt.

Luồng nhỡn lục Kèo chạm phải mắt Ngay, thành tia thương cảm ân hận thủ hân. Mắt Ngay khờ dại, lạt lòng, mềm nhùng người.

Kèo nhìn Ngay trần trối, đôi mắt Ngay giống hệt đôi mắt người diên trên sân khấu. Kèo là người diên chớ không phải là kép hát Út An, kẻ bạc tình đang ngồi dưới kia, hai tên gian ác ngồi dưới mắt ta mà, ta đứng trên sân khấu đèn khuya rực rỡ, hai đứa bầy ngồi trong bóng tối. Diên quay lại cổng chùa, ôm mặt lủi lại:

"Kia! Ma trêu trước cửa"

Diên liếc Ngay rồi chỉ mặt xếp Sứ:

"Nọ, qui lộng sau hè"

chân đá chân xiêu, quơ nhánh cây ở rờ:

"Ở bảy ơi! Ở bảy ơi!"

Tao sợ lắm, tao sợ lắm.

Ta diên đây mà, ta đâu có sợ xếp Sứ, ta là thằng Kèo chèo ghe cho đoàn hát, ta là kép Út An trong tuồng "Người Diên Trước Cổng Chùa".

Tình cảnh trên sân khấu và cuộc đời dưới mắt nó trái ngang oan ức biết chừng nào. Diên dáo dác như tìm vật gì đánh mất đầu đây, ta đánh mất hạnh phúc ta ở chợ này, kẻ cướp hạnh phúc ta ngồi sờ sờ dưới kia, đang được mọi người kiêng nể.

Mặt Ngay héo hắt theo thời gian. Diên nghẹn nghẹn cất giọng bài "Diên Văn Thi":

Ong bay bướm lượn trên nhánh,

Đến khi họa nở tan thành bóng mai

Diên quên tuồng, lại cương lên nữa rồi. Thầy tuồng đứng sau cánh gà nhảy đong đong: "Ê! bộ mầy diên hà Kèo?"

Mười Sáng ôm đờn hiểu tâm sự Kèo, khoai chỉ đờn theo, nhỏ nhẹ với thầy tuồng: "Hồng sao đâu, xuất thân mà". Diên ngược mắt nhìn, miệng chảy nước dãi như chó dại, chuyển sang khúc "Nam Ai":

"Đào diên diên đảo vợ chồng"

Lạt phai chuyện cũ, mặn nồng tán loạn

rồi vô luôn bài "Sao bằng tham đó bỏ đờn. Học đòi, tình tang nậu tình, những kẻ chơi trăng quên đèn".

Diên tiếp tục Nam Ai, chỉ ngọn núi xa trên tấm sơn thủy, gần giọng:

"Lời thề sông núi còn rền"

Dư âm chưa dứt, hương nguyên vội phai"

Diên xuất đến độ hòa mình thành người diên với giọng hát hợp tình hợp cảnh làm xếp Sứ bủn rủn, bị thôi miên cứng họng cứng hầu, hết đường xoay trở.

Ngay thờ hồn hển. Khán giả vỗ tay tán thưởng, hậu trường nhốn nháo: "Sao nó cương quá vậy trời!"

Tiếng vỗ tay đánh thức Kèo khỏi giấc mơ diên trên sân khấu. Xếp Sứ là thực, ta là mộng. Diên vô ngực, quay lưng về phía xếp Sứ, vều vều cái đất, ông ọo như bà bóng múa quạt, hát bài thằng Bọt cổ ý trêu chọc xếp:

Cha Thừa tướng ngôi cao

Cụ chính danh Huệ bột,

Dưới cửa trường đầy đầy gái tốt

Trong nhà nuôi bầy bọ con quan

Tánh dọc ngang ai thấy cũng kinh hoàng

Bề ngang ngựa trẻ già đều kính cụ

Ông diều tre quơ quơ chỉ đồ

Quạt Lang Châu trợ trợ cầm tay

Gái thấy ta, a, gái phải chạy ngay

Ta thấy gái, a, mèo thấy mỡ,

Xực xê ư ử xang ư ư xê

Phàn liêu cống xê, ...

Bữa nay ta buồn dạ, ý muốn nhân du

Truyền chúng bầy hiệp lữ năm ba

Theo cùng cụ đạo chơi phường phố

Lựa một thằng nhỏ nhỏ xách cái hóa lò

Lựa một cặp cho to để ừng hầu cái vòng

Lựa một thằng lông không, để xách cặp dao vàng,

Lựa một cặp xuê-xoang để ừng hầu trái địch.

Cậu nôi trái lịch, trái lịch, trái lịch. Thầy tuồng tức lộn ruột, diên tiết: "Đuối mẹ nó cho rồi!"

Diên càng làm già, coi khán giả, thầy tuồng, ông Bàu như không. Diên chỉ diễn cho xếp Sứ và Ngay xem thôi mà!

Sớm mai tang tang tàng tang

Cụ bảo thằng tề bắt con kiến vàng

Lấy sợi dây chàng, xô ngang lỗ mũi,

Cho cụ dất đi chơi, ...

Diên cúi đầu, mờ to mắt nhìn Ngay thét:

"Tờ trẻ,

Mi đi đâu mà cụ kiếm đờn kiếm đờn

Đào địa thiên tôn, hà môn chi tử

Am tư thừa lồi,

Thấy bánh thấy xôi, thấy ông lọ nôi, chẳng thấy thằng tề, ừ hự, thằng tề".

Ánh mắt rực lửa của Kèo làm xếp Sứ choáng váng, mắt cả phản ứng theo



quan cách oai phong hàng ngày. Xếp Sứ ngày thường hét như sấm với Ban Hội Tề, dân chúng. Xếp Sứ có oai hơn ông quận, quyền sinh sát trong khám. "Các chủ tiệm Tàu không rành tiếng Việt mà dám liên quan rải truyền đơn của Việt Minh, xá gì tên tướng ca vô lại điên điên khùng khùng!".

Điên càng cương, thầy tuồng càng giận dữ: "Thằng Kèo, mày muốn gánh hát dọn đi tối nay hả?".

Điên đứng bơ vơ trước cổng chùa, ánh trăng vàng vọt, cổng chùa đã khép kín, đêm nay tử cố vô thân, chung quanh là hùm beo ma quỷ, Diên cảm thấy phần mình đã hết rồi, hết đất sống rồi, đêm nay ta trú ẩn nơi đâu để tránh tai họa?

Điên quơ xanh xạch nắm lá ô rô, gai ô rô đâm ngón tay rướm máu. Diên múa như cuồng, ông Bầu đâm chân rầm rầm, Mười Sáng đờn đờn dập. Ngay ú ớ mê sáng, xếp Sứ mặt đổi màu chì, thờ hồng học.

Điên chạy chồm vờn, găm thét gần mé sân khấu, cầm bó ô rô chỉ chó Ngay và xếp Sứ. Hai khán giả vô tội vạ này bị lôi cuốn vào vở tuồng bi hài kịch mà không cần lên sân khấu. Xếp Sứ đóng vai kẻ cướp vợ người, Ngay đóng vai kẻ bội bạc, quên lời thề *đồng tịch đồng sàng* (26), *thác đồng quan đồng quách* (27).

Điên vượt ra khỏi vở tuồng, điên là kếp đóng vai Kèo.

*Ngay ơi, em nhớ những bụi ô rô mọc theo bờ rạch, em nhớ những con cá thòi lòi rút vội vô hàng, em nhớ trái ô môi (28) dài, em nhớ hai đứa bị ma bé trái bần liệng buổi tối đó không? Em có nằm đêm suy nghĩ lại không?*

**Đ**iên đang quay mòng, thỉnh linh ngưng lại, quắc mắt nhìn Ngay. Oan ức hận thù biến thành chòm ô rô xanh. Kèo đã tỉnh, quay cuồng đến thân thể mỗi nhũ, giọng hát rả rời khản đi như thanh niên mới lớn bẽ tiếng:

*Ở ở kia, kia*

*Chim quyền ăn trái ô rô,*

*Đứa nào lấy vợ tao á á là là là...*

Xếp Sứ và Ngay đã hiểu ý, rõ như ban ngày, hai người rùng mình nhấm mắt như tội nhân trên đoạn đầu đài nghe ba hồi trống giục, nhắm hất mắt kính hải, rút đầu chờ nhất búa đao phủ. Kèo cương đến đây, lơ mơ tìm bốn chữ cuối cho hợp vần, bị nghẹn, ngã lần trước cổng chùa.

Màn hạ.

Khán giả vỗ tay, lục tục ra về. Đèn sân khấu đã tắt. Tiếng xô ghế ken kết bớt dần.

Thầy tuồng nhào lên sân khấu, chụp vai Kèo:

- Ê, mày khùng phải không? Mày cương suốt đoạn chót làm hư tuồng hát của tao mày biết không, từ đây sắp tới tao không cho mày đóng vai nào hết.

Ông Bầu lôi Kèo dậy, xỉ vạ:

- Mày học câu đó ở đâu? Ai hát? Chim quyền ăn trái nhãn lồng, hoặc chim quyền xuống đất ăn trùn nghe con

được. Cái này lại hát "Chim quyền ăn trái ô rô". Mày ở kinh rạch, mày phải biết là ô rô không có trái thì lấy gì cho chim quyền ăn? Tuồng thì không chịu học, chỉ tài cương ẩu. Hát như mày rá gánh là phải lảm, mai dọn đi rồi, mày đừng có vác cái bảng mặt mày ghé chợ này nữa, hết ai muốn nghe mày hát rồi! Chỉ có Mười Sáng, mặt sáng rõ, cười ha ha:

- Hay, bữa nay tao thấy mày xuất thần đó Kèo. Mày lột lưới chửi đá tai quá. Ở, mà sao câu chót mày sượng, không hát luôn, tao đờn chậm đợi mày lâu quá mà mày nghẹn.

**K**èo vào khoang ghe nằm lăn lóc, đấm ngực đấm đầu phình phịch suốt đêm. Mọi người đã hiểu tình cảnh. Kèo vùng vẫy, trở mình lái nhái:

"Chim quyền ăn trái ô rô"

Đứa nào lấy vợ tao đó, là là là..., là gì kia, là "mô", "cô", "lô", "nhô". Không được, không được. Văng "ô", ác thật. Tiếng muỗi vo ve và tiếng gáy rờ rờ của đảo kếp trong ghe làm kẻ mất ngủ thêm bực tức.

Trăng khuya chiếu mặt nước kính vàng rục, bên bờ lau lách rì rào. Tiếng trống canh từ đình vọng lại trầm trầm, trăng đã lặn, tiếng bầm thịch đã bắt đầu ngoài chợ mà Kèo chưa chợp mắt được, mãi lo ngẫm nghĩ chữ hợp vần "ô" ác ôn này.

**G**he đã lui từ trưa, nặng nề cọt kẹt cây chèo. Bà Bầu đang lấy khăn nhún nước nóng đắp cho Kèo. Mặt sùng húp, máu rỉ đóng đen lợi răng.

Thầy tuồng thở dài, sau khi hiểu câu chuyện, buồn bã kể:

"Sáng này nó rù tôi đi uống cà-phê, sau đó nó uống mấy ly rượu trắng, tâm sự đời nó. Nó uống rồi nó chửi đổng om xòm trong tiệm nước, cứ lái nhái "Chim quyền ăn trái ô rô". Nó bị linh xếp Sứ lấy báng súng dọn vô mặt!

Mười Sáng râu râu, nuốt nước miếng, vô đờn than van, trách móc, nguyên rủa:

*"Xưa nay trời công bình*

*Không dung tình đứa gian*

*Kẻ nào ác gian thì họa phải mang"*

Kèo nằm thiêm thiếp, mắt đẫy tím bầm, mấp máy môi sùng chìa ra mấy cái răng máu đỏ. Kiểm ra rồi, ra rồi:

*Chim quyền ăn trái ô rô*

*Đứa nào lấy vợ tao á, là, là, là...*

Kèo khạc phun ra một bãi máu bầm,

*"là, là... đổ thất phu"*

#### Chú thích:

(1) *nuôi cá bè*: Đọc theo sông Hậu Giang, người ta đóng bè, hình hộp bằng gỗ, có khe hở nhỏ cho nước thông thương. Bè nằm dưới nước, bên trên là nhà chủ bè. Họ nấu cám cho cá ăn. Bè ngang bè cá khoảng năm thước tây bè dài khoảng tám thước. Tới mùa cá lớn thì cần bán cho chủ vựa.

(2) *mò tôm*: Bò vô bao liệt xương nước (thời Việt Minh 1943-52).

(3) *óc quăn*: Loại ở bụng, nhỏ hơn ốc bươu, lớn hơn ốc gạo, màu đen.

(4) *có đường tương chạo*: Tiếng lóng, ý nói có tương lai khá hơn.

(5) *củ bơ củ bắt*: Chỉ có một mình, bơ vợ.

(6) *xướng song lang*: Xướng chỗ mũi, sau đó khán giả vỗ tay.

(7) *sáng dạ*: Thông minh.

(8) *dây đào*: Đào hát nương theo dây đào, cường độ dây đào khác dây kếp.

(9) *bọc đèn*: Bordel, gốc tiếng Pháp. Trước 1952 từ ngữ này được dùng để tránh giọng tục khi gọi gái ăn sương.

(10) *mục khử mi lai*: Mất đi mày lai.

(11) *vây duyên can lệ*: Nền nghĩa vợ chồng. (Tôi tìm tự điển không ra xuất xứ câu này, cũng như câu "tròn duyên kim cỏi").

(12) *lộng giả thành chơn*: Lấy giả làm thật.

(13) *âm nhạc cải cách*: Khoảng 1946-48, có một số nhạc sĩ lấy nhạc lý Tây phương sáng tác, như bản "Cô Lái Đò", "Cô Bán Mía" (Mời thầy lại đây mua mía giùm em, Lời thành thật rao mua mía này xem... - Quý vị nào thuộc bản này, xin chép cho tôi xin. Cám ơn).

(14) *cái rỏ rỏ*: Cái rông rọc.

(15) *ông Ách*: Adjutant = Thượng sĩ.

(16) *nhà việc*: Công sở làng, xã, quận.

(17) *lát-xua*: Placeur, gốc chữ Pháp. Người chỉ chỗ ngồi cho khán giả trong rạp hát.

(18) *nửa giấy*: Giấy nửa giá bán cho trẻ em.

(19) *trái thị*: Giống trái hồng, màu vàng, ăn chát, mùi thơm. Ông Tổ hát bội ưa mùi thị, nên hề ai mang thị đi ngang bàn thờ Tổ, Tổ theo trái thị, bỏ quên việc phủ tử đào kép.

(20) *tuổi quá bán*: Trên 40 tuổi.

(21) *đàng cạu*: Các ông lão còn theo xưa, còn biết đến triều đình Huế. Sau 1945, không nghe nói tới danh từ này nữa.

(22) *canh bới*: Canh ăn trộm ghe.

(23) *tào khang chi nghĩa*: Tình nghĩa vợ chồng

*Họa phước đáo hồi chung hữu báo,*

*Cao phi viễn tẩu giả nan tang:*

Họa phước cuối cùng rồi sẽ báo ứng,

Dù bay cao, chạy xa cũng không trốn được.

(24) *hữu chí cánh thành*: Có chí thì nên.

(25) *bà đờng*: Bà cốt lên đờng lên bóng.

(26) *đồng tịch đồng sàng*: Chung chiếu chung giường.

(27) *đồng quan đồng quách*: Chết cùng chôn chung hòm.

(28) *trái ô môi*: Dài chừng năm tấc tây, vô cứng, bên trong có từng mắc như đồng xu, màu tím sẫm, ăn ngọt ngọt.



# GÂY TRÁI VƯỜN CHÙA

• Thích Như Điển

Đã từ lâu tôi muốn viết về đề tài này, ít ra cũng từ năm 1991, khi mà chùa mới tại đường Karlsruher Str. đã có một khoảng đất lớn bao bọc chung quanh chùa dành để trồng cây ăn trái. Thế nhưng tôi bận bịu suốt năm này qua tháng nọ, chẳng có thì giờ để viết về đề tài này. Thứ nhất để giới thiệu cho độc giả báo Viên Giác khắp nơi biết sơ qua về những cây ăn trái mà chùa có được. Thứ hai phải viết bài này cảm ơn Bác Sáu trai, người đã âm thầm năm này qua năm khác, tháng nọ qua tháng kia trong các mùa nắng ấm, đã mang đến cho chùa và cho mọi người biết bao nhiêu nỗi hoan hỷ tràn trề, mà trong quyển *Chùa Viên Giác* xuất bản vào năm 1994 tôi đã quên bẵng đi, không có đá động đến vườn chùa Viên Giác gì cả.

Bây giờ nếu có ai hỏi tôi rằng : Thầy có thiếu gì không?

Tôi sẽ trả lời rằng :

- Có chứ; nhưng vật này khó tìm ra lắm.

Có người hỏi tiếp:

- Thầy thiếu cái gì vậy?

- Thiếu thì giờ. Tôi đáp lại thế.

Quá thật thì giờ của tôi quý báu vô cùng. Hồi còn đi học có nhiều thì giờ quá mà đã không tận dụng hết mình; trong khi đó phương tiện học hành lại thiếu thốn. Còn bây giờ phương tiện, sách vở, báo chí chất ngợp đầu, ngập phòng nhưng nào tôi có đọc hết được đâu. Phải chi, phải chi tôi đổi được thế còn!!!

Nói để mà nói vậy thôi, chứ thời gian trôi qua rồi đâu có bao giờ trở lại nữa. Cũng như thế đó. Tuổi trẻ đến rồi đi, chẳng mấy chốc thấy đầu mình đã bạc. Thời thì vui với hiện tại là đủ rồi.

Không biết trong quý vị có mê cây cảnh ngoài vườn không, chứ còn tôi thì

khỏi nói. Vì bản chất là con nhà nông mà! Cứ mỗi sáng mai hay chiều đến, ngày hai bận, vào mùa nắng ấm từ tháng 5 đến tháng 9 mỗi năm hầu như không có ngày nào là không có mặt ngoài vườn chùa để thăm cây bí này, giàn bầu nọ, hay chào hỏi Bác Sáu mấy câu khi Bác tưới nước hay gieo ngô, cải tần ô, hay bón phân cho giàn khổ qua mới bắt rễ.

Trong vườn chùa Viên Giác bao quanh theo hai dãy Đông và Tây Đường Bác Sáu mỗi năm trồng mỗi loại khác nhau; nhưng tựu trung gồm những thứ sau đây : cải bẹ xanh, tần ô, ngô, rau dền, diếp cá, ớt, bí đao, bí rợ, bầu, khổ qua, mướp tây, đậu que, đậu tây, rau răm, rau húng v.v... Đại để là những loại vừa kể là những món ăn chính, chùa hay sử dụng đến.



Cải bẹ xanh có năm Bác Sáu gieo đến 4 đợt, tần ô cũng thế. Có điều cũng hơi lạ là cải bẹ xanh không chịu lạnh được, trong khi đó cải tần ô có thể sống cho đến đầu tháng giêng mỗi năm. Chỉ khi nào tuyết phủ xuống mặt đất, rau tần ô mới chịu thua thời tiết mà thôi.

Ngô thì yếu lắm. Tôi ít thấy Bác để giống ngô. Vì thời gian mùa hè quá ít, hột không đủ khô để dành cho năm khác, mà hình như mỗi năm đều có ngô giống từ Việt Nam hay Thái Lan gởi qua để Bác gieo. Rau dền có hai loại, một loại mọc hoang, tự nhiên trên đất. Loại này nấu canh cũng ngon lắm. Loại thứ hai do Bác Sáu gieo. Đó là rau dền đỏ hay rau dền trắng. Loại này cất ngọn cao cao ở đợt đầu, để nguyên như vậy, rau dền sẽ cung cấp cho ta suốt từ mùa hè cho đến mùa đông. Nhưng ai bụng yếu phải coi chừng. Vì rau này thuộc loại làm cho tiêu hóa nhanh.

Rau diếp cá mùa đông Bác Sáu đem vào nhà, mùa hè thì đem ra trồng ngoài vườn. Loại này có nhiều người ăn không được. Bảo tanh; nhưng rau diếp cá không thuộc trong các loại ngũ vị tân (hành, hẹ, nén, tỏi và hương cừ) nên nhà chùa vẫn hay dùng. Loại này ở Việt Nam mọc cùng bờ cùng bụi; nhưng ở đây thì năng nịu chịu chuộng như nuôi con một ở trong nhà; nhưng được cái để dãi là rau diếp cá không đòi hỏi phân hoặc nước nhiều như các loại khác.

Còn ớt thì đủ loại. Ớt chỉ thiên, ớt hiểm, ớt Nam Vang v.v... nhưng ớt nào cũng cay xé lưỡi. Nhiều khi chuẩn bị cảm tôi hay nói các chú trong chùa hái cho một trái dầm với nước tương để dùng cho ra chút mồ hôi; nhưng chưa bao giờ tôi dùng hết một trái cả. Bác

Sáu trồng ớt trái nhiều lắm. Mỗi năm vào tháng 4 Bác mang ớt ra vườn. Đến tháng 10 Bác bứng vào chậu và mang vào nhà. Tuy trồng trong nhà nhưng ớt vẫn ra trái. Ớt vẫn cay. Tuy không xanh mượt như trồng ở ngoài trời; nhưng nhìn cây ớt nhiều người cũng đỡ nhớ quê khi giá lạnh đông về.

Bí đao, bí rợ, bầu và khổ qua là những loại khó trồng nhất ở xứ này. Ở Việt Nam hay các xứ Á Châu những loại này ăn không hết, bán cũng rẻ rẻ; nhưng ở Âu Châu là vàng là bạc đấy. Ai xa quê rồi mới thấy tình quê lạ lại lảng. Và sự nhớ quê hương ấy thể hiện qua những cái gì chất phác đơn thuần nhất mà ở đây khó có được, chứ không phải là nhà cao cửa rộng hàng ngày.

Việt Nam chúng ta có câu tục ngữ là : Bí rợ bỏ giàn, bí đao bỏ đất; nhưng ở đây bí nào cũng chịu đất hơn là bỏ lên cao. Có lẽ vì gió nhiều hơn ở quê

hương ta chẳng? nên các nụ bí non không chịu được các cơn gió lốc ấy?

Bí rợ, bí đao, bầu và khổ qua mỗi năm Bác Sáu phải ương để trong nhà từ cuối tháng 3 trở đi, đến giữa tháng 4 hay đầu tháng 5 tùy theo khí hậu ấm áp mỗi năm Bác mới thận trọng đem ra xuống đất và che kỹ để cây có hơi ấm cũng như đỡ lạnh về đêm. Cái quan trọng của người làm vườn ở đây là phải biết coi thời tiết. Lúc nào mới có thể cho cây giống xuống và lúc nào thì chắc chắn cây sẽ vươn chồi nảy lộc và cho xuống như thế nào thì cây không phát triển. Cái mẹo này chẳng ai chỉ được cho ai cả. Đó chẳng qua là kinh nghiệm của mỗi người. Cũng như thế ấy, là bột là đường là đậu là rau cải; nhưng người này nấu và gia vị sao ngon quá. Còn kẻ kia thì quá vụng về. Tất cả chỉ qua khéo tay và kinh nghiệm.

Năm rồi 1994 Bác Sáu xuống những cây bầu đúng lúc nên cây đâm chồi nảy lộc rất nhanh. Đơm hoa kết trái không sảy một nụ nào. Năm đó đến mùa Vu Lan thâu hoạch độ 45 trái. Trái nào trái ấy dài hơn một thước. Còn năm nay cũng nơi chốn ấy, phân bón có phần tốt hơn, Bác Sáu cũng xuống những cây bầu; nhưng không ra được một trái nào cả. Toàn là bầu dèo. Trước đó hai tuần vào tháng 4 năm nay (1995) tôi thấy trời nắng quá, thấy có thể cho cây giống xuống được, Bác Sáu thì đi vắng không thể hỏi ý kiến được. Và lại thấy bầu đã đâm tược nhiều rồi, nên tôi mới cố vấn cho các anh em làm công quả là đem bầu ra vườn trồng đi. Mới trồng độ 3 ngày trời lạnh lại. Bầu chưa bắt rễ, nên một tuần sau là cây bầu để tang luôn. Không phải một cây mà cả 4 cây đều như thế cả. Đây là những cây bầu tốt nhất đã đem trồng. Chỉ còn là 4 cây thật xấu; nhưng tôi không dám cho đem trồng nữa, để chờ Bác Sáu về, nếu đem trồng trong lúc ấy sẽ mất giống ngay. Những cây bầu ẻo ẹp như thế; nhưng qua tay Bác, sau 2 tuần lễ bầu đâm chồi phát triển, bò vùn vụt lên giàn, làm cho Bác phải xấn nhiều lần để chờ cho có nụ để nhìn cho vui mắt; nhưng chẳng thấy nụ nào. Bầu bò kín giàn nhưng cũng chẳng có trái. Hỏi ra mới biết đây là bầu giống mới đem từ Việt Nam qua chưa quen với phong thổ ở xứ này. Còn bầu năm ngoái được mùa nhiều vì là bầu của Ý.

Từ giống bầu hay giống cây như cây bồ đề chẳng hạn, ở Á Châu chúng ta chúng mọc quanh nơi khắp chốn rất dễ dàng, không cần ai chăm sóc cả. Còn ở đây thì ngược lại; nhưng cũng không trường dưỡng được mấy cây. Điều ấy cũng giống như tinh thần học Phật của người Phật Tử tại Âu Châu này vậy.

Có người buột miệng nói với tôi rằng: "Thầy trồng cây không được. Có lẽ chỉ trồng người thôi". Biết đâu câu ấy lại đúng. Ví dụ ai đó cho tôi một



cây thật tốt, bông lá thật đẹp rồi hương dẫn tôi phải để cây ở chỗ nào, tưới nước ra sao v.v. và v.v... tôi làm đúng y lời dặn như vậy; nhưng chỉ một đến hai tuần sau thôi là cây chỉ còn có cành chứ hoa và lá rụng khỏi thân cây, di chơi chỗ khác. Nói tôi không thương cây thì cũng không đúng; nhưng nói không có tay trồng cây có lẽ đúng hơn chăng? cũng như thế đó, có nhiều người trồng cây chỉ có lá chứ không có trái. Ngược lại những người như Bác Sáu thì trồng cây nào cũng sống và cũng sai trái vô cùng. Để ai biết được bí mật của nhà nghề và giải thích giùm cho tôi việc này được chăng?

Còn người, đâu là người nào đó có hư tánh mấy và hư đốn đến đâu đi chăng nữa qua bàn tay giáo dục của mình, tôi sẽ cố uốn nắn họ thành một người ít ra cũng hữu dụng cho đời, cho đạo. Nhưng tôi thì khó tính lắm; nên qua sự giáo dục cũng đã có nhiều người than phiền; nhưng biết sao hơn. Qua giáo dục, phải hướng con người đến chân thiện mỹ chứ không còn có cách gì khác hơn cả. Cũng như trồng cây bí, cây bầu phải mong làm sao cho có quả sai và quả ngọt là vậy. So ra như thế người làm vườn và kẻ đào tạo nhân tài cũng đâu có khác nhau mấy nhiều đâu?

Bí rợ mỗi năm Bác Sáu thu hoạch cho chùa độ 40 đến 50 trái, lớn có nhỏ có. Có loại ngọt lịm như đường. Có loại thì bở lắm. Loại bí sấp từ Việt Nam mang đến trái nhỏ, nhưng rất ngọt. Trồng bí rợ hay bầu có cái lợi là ngoài quả bí ra, chúng ta còn có thể cắt đọt bầu hay đọt bí để nấu canh hoặc

luộc chấm xì dầu thì khỏi chê. Hầu như quý Thầy Việt Nam mình ai cũng thích rau luộc hay canh rau cải, cải xào trong những bữa ăn hơn là những món

cầu kỳ như nem, chả v.v... Mỗi lần có khách tăng đến chùa, tôi nói quý cô, quý chú ra vườn chùa hái đọt bầu, đọt bí để đãi khách. Quý Thầy hoan hỷ lắm. Ngoài đọt ra, chúng ta có thể lấy lá non của bí rợ, hoặc bông bí, sau khi đã lột bỏ nhụy bí đem luộc chấm xì dầu cũng rất tuyệt vời, chỉ khi nào không lấy hết nhụy bông bí ra, khi ấy ăn thấy nhân nhẩn khó chịu.

Đặc biệt giàn khổ qua năm nay (1995) của chùa sai trái lắm. Ít nhất cũng 40 trái thì phải? Người mình thường kêu trái ở qua, miền Bắc kêu trái mướp đắng. Nhưng đúng ra phải nói khổ qua mới đúng. Khổ là đắng! Qua là cái móng. Có lẽ ngày xưa chim chóc đua nhau ăn trái khi chín và lấy móng chân tha hột đi khắp nơi, từ đây giống khổ qua mới có; nên gọi là khổ qua chăng? hay trái khổ qua cũng có hình cong cong như móng chân; nên gọi là khổ qua?

Viết đến đây tôi nhớ đến câu chuyện trái dưa hấu của An Tiêm trong chuyện cổ tích Việt Nam mà kết luận rằng: chữ qua ở đây là móng vuốt có lẽ đúng hơn. Trái dưa hấu tiếng Hán gọi là Tây qua. Có nghĩa là nhờ cái móng con chim mang đến từ phía Tây nên ngày nay chúng ta mới có mà ăn. Tiếng Nhật gọi là Suika. Viết chữ Hán cũng là Tây qua; nhưng chữ Sui ở đây nhiều người lầm là "thủy" tức là "nước" nên nhiều người đã dịch sang tiếng Anh là Water Melon hay tiếng Đức Wasser Melon là sai, không đúng với ý nghĩa lịch sử của nó. Có lẽ người phương Tây thấy loại dưa này có nước nhiều nên

cho nó là dưa có nước; nhưng trên thực tế thì không phải vậy.

Mướp tây Bắc Sáu trồng năm nào cũng được mùa. Trái nào trái nấy to như bắp vế. Mỗi năm cho hằng trăm trái. Chùa nhiều lúc dùng không hết phải cho bớt quý Phật Tử đi hành hương; nhưng nếu nhà nào chừng ba người thì phải ăn ba đến năm ngày mới hết một trái. Cả chùa Viên Giác thường thường 15 đến 20 người dùng bữa; nhưng nếu bữa nào đó hái trái lớn, cả nấu canh, lẫn xào mà dùng vẫn không hết như thường.

Đậu que năm này Bắc trồng lần đầu nhưng trái sai lắm. Hái một ngày nghỉ một ngày mà ăn cũng không kịp. Chỉ tội cho người nào có phong, ăn loại đậu này vào là phải gãi suốt đêm đấy.

Năm nay Bắc Sáu cũng trồng một loại đậu Tây trông lạ lắm. Khi ra bông thì màu đỏ, dây bò quá đầu, trái ra giống đậu ngự, để lớn lấy hạt thấy màu tím. Lúc còn non xào ăn rất bùi. Đậu này ở Việt Nam mình không có nên tôi tạm gọi là đậu Tây cho nó thông vậy thôi; Chứ đúng ra nó phải có cái tên khác. Đậu này được cái là ra trái rất sớm và rất nhiều, cũng là loại đậu mãn mùa sau cùng. Đến tháng 10 mà vẫn còn ra bông, kết trái.

Rau răm là loại rau khó trồng nhất cũng giống như bí đao vậy. Không chịu nước mà cũng không chịu khô. Mùa Đông Bắc Sáu phải đem vào nhà, đến hè mới mang ra. Rau răm khó trồng nên vườn chùa cũng hiếm thấy. Mỗi năm Bắc Sáu trồng được mấy dây bí đao và găng gương lấm cũng cho được 3 đến 4 trái nhỏ nhỏ. Giống như rau răm vậy thôi. Chẳng bù lại với rau húng là loại rau mạnh nhất và cũng không cần phải săn sóc nhiều nữa.

Rau húng sống suốt mùa đông ngoài trời. Khi tuyết xuống thì húng nằm sâu dưới mặt đất, đến khi xuân sang, trong khi mọi rau cải chưa gieo hạt được thì húng đã đâm chồi rồi. Rau này cũng giống như một loại hoa nở vào mùa tuyết vậy. Ở Á Châu chúng ta có loại hoa đào hay hoa mai cũng biểu hiện được tính cương nghị ấy, cho nên ta mới đặt cho các loài thực vật này là: "Xuân lan, Thu cúc, Hạ trúc, Đông mai" là vậy đó.

Mùa hạ năm nay nóng quá chừng, phải tưới nước liên tục, nhiều ngày phải tưới hai lần sáng và chiều làm cho đồng hồ nước của chùa quay liên tục. Có lẽ sang năm 1996 tôi sẽ cho đào một cái giếng lấy nước ngầm để tưới thì hay và đỡ tốn kém hơn.

Đĩ nhiên Bắc Sáu là vai chánh trong công việc vườn chùa rồi; nhưng một số các anh em công quả như Thiện Trí, Thiện Văn và các chú cũng phụ Bắc

Sáu tưới và săn sóc rau cải, cây trái suốt cả một mùa hè, chúng ta mới có được những bữa cơm ngon lành như thế.

Vì lẽ ấy nên trong chùa trước khi ăn cơm ai ai cũng phải quán tưởng đến tam đề và ngũ quán như sau:

- *Nguyện bỏ tất cả các việc ác*
- *Nguyện làm tất cả các việc lành*
- *Nguyện độ tất cả chúng sanh*

*Một kẻ công nhiều ít  
so kia chỗ đem đến*

*Hai xét đức hạnh mình  
đủ thiếu khi thọ dùng*

*Ba để phòng tâm tham  
vì tham là cội gốc*

*Bốn là vị thuốc hay  
để chữa bệnh gây*

*Năm làm nên đạo nghiệp  
mới thọ cơm này.*

Tất cả những điều trên đây nhắc nhở cho người tu hành thấy rằng hạt gạo, bát cơm, cọng rau, giọt nước đều từ nơi khó nhọc của mọi người mà mình thừa hưởng được. Vậy khi dùng cơm không nên quên ơn đức cao cả ấy.

Hôm nay tôi viết bài này như mục đích bên trên đã nói là không ngoài việc cảm ơn Bắc Sáu trai đã săn sóc cực nhọc trong vườn chùa suốt mấy tháng hè trong cả mấy năm qua. Hy vọng với bài này sẽ là một sự cảm ơn nho nhỏ đến với Bắc cũng như giới thiệu một vài hình ảnh quê hương ở nơi trời Âu xa lạ này, mà chắc chắn ai trong chúng ta cũng không bao giờ muốn quên nó. Dầu cho chúng ta có trở thành ông hay bà gì trong xã hội này đi chăng nữa, hình ảnh quê hương là hình ảnh của mẹ Việt Nam, chúng ta không được phép quên và không được phủ nhận giá trị tinh thần cao cả ấy.

Lần đến nếu có dịp tôi sẽ đề cập đến cây cảnh vườn chùa, nhất là những loài hoa mang hương sắc đến tột điểm cho cuộc đời, để cống hiến quý vị khi nhàn lãm thì đọc cho vui bên chén trà khai vị.

*Viết xong vào lúc 19 giờ ngày 16 tháng 10 năm 1995 trên chuyến bay BA.025 từ London hướng về Đài Bắc.*



# ở trong tôi là quê hương

*Tuyết Anh*

*ở trong tôi có niềm vui và nỗi buồn  
có niềm đau và nỗi xót thương  
có đắng cay và nhiều nước mắt  
có hạnh phúc đã đến với tôi rồi biến mất  
như cánh chim đã bay xa biển biệt cõi  
nguồn*

*ở trong tôi có yêu thương và thào thào  
có hoài niệm về những nhớ nhung và  
lãng quên  
và quá khứ đã đến với tôi trong những  
tháng ngày vinh nhục  
mà tôi đã quên đi chẳng tiếc thương và  
chẳng ưi phiên!*

*ở trong tôi có thiên thần và quỷ sứ  
có thiện ác  
có ánh sáng và sa mù  
nên tôi biết đem lòng cầu giúp kẻ khác  
biết nửa hận phục thù  
nhưng ơn trên đã dạy cho tôi biết thương  
yêu và khoan thứ  
biết sống cho người, đừng vì kỷ riêng tư!*

*ở trong tôi là đạo, là đời đời ngã  
là cam gia nghiệp chường tròng tròng  
là bổ khổ trầm luân, là luân hồi nhân  
quả  
là ăn năm sám hối, là kỷ xả bao dung.*

*ở trong tôi là quê hương dặm ngàn xa  
ngói  
là núi sông tròng điệp, lòng chọt bồi hồi  
là quê mẹ nghèo nàn, mùi đất nồng ải  
cũng vẫn ngọt ngào trong nỗi nhớ không  
người!*

*(Hamburg, 15.10.95)*

# BỆNH TIỂU ĐƯỜNG

(Zuckerkrankheit - Diabetes mellitus)

- BS Trương, Ngọc Thanh
- DS Trương, Thị Mỹ Hà

**B**ệnh tiểu đường là một trong những chứng bệnh do rối loạn về biến dưỡng và nội tiết. Nguyên nhân thường được kể đến 80% do việc cung cấp dư thừa năng lượng, thực phẩm và phi mập. Dù với một tỷ lệ không cao, độ 3-5%, ở các quốc gia kỹ nghệ, ngày nay bệnh tiểu đường cũng đã gây sự quan tâm đáng kể trong y giới do những biến chứng mãn tính nguy hiểm.

**Biểu hiện tiêu biểu là sự gia tăng đường trong máu và nước tiểu, do thiếu tương đối hoặc tuyệt đối kích thích tố Insulin.**

Bệnh tiểu đường đã được kể đến trong các tác phẩm y học cổ đại Ai Cập 1.500 năm trước Thiên Chúa giáng sinh dưới tên "Papyrus von Ebers". Các triệu chứng dài nhiều, khát nhiều cũng được người Ả Rập và Trung Hoa nhắc đến. Vào thời đó, để xác định bệnh trạng, người ta đổ nước tiểu bệnh nhân vào gần các ổ kiến, nếu nước tiểu chứa hàm lượng Đường cao thì sẽ gây sự tụ tập của kiến trên vũng nước tiểu đó.

Aretaeus, Bác sĩ người Hy Lạp, đã gọi bệnh chứng trên là Diabetes (thải ra nhiều) và mellitus (ngọt như mật).

## I. TRIỆU CHỨNG

Trước khi được định bệnh, thường thì bệnh nhân không có một dấu hiệu bệnh tật tiêu biểu nào rõ rệt như đau đớn, nóng sốt, ... Tuy thế, các triệu chứng sau là nguyên nhân được xét nghiệm và thử máu:

**Typ 1:** Khát nhiều, tiểu nhiều, ăn kém ngon, sụt ký, buồn nôn, cơ thể yếu và chậm chạp, yếu cơ.

**Typ 2:** Nhiễm trùng đường tiểu, bị nhiễm nấm, nổi mụn nhọt, suy kém thị giác, ngứa (đặc biệt ở hậu môn, cơ quan sinh dục), đi lâu đau chân, sau đó khát và tiểu nhiều, suy giảm sinh lý, kinh nguyệt bất thường.

## II. NGUYÊN NHÂN & PHÂN LOẠI TIỂU ĐƯỜNG

### Typ 1

\* (chiếm 10%). Thiếu tuyệt đối Insulin, do sự hủy hoại tế bào  $\beta$  của tuyến tụy tạng (Pankreas). Thường gặp ở lứa tuổi trẻ em và dưới 40 tuổi.

\* Nguyên do : Bệnh tự miễn nhiễm (Auto immunkrankheit, nhiễm siêu vi trùng, di truyền).

### Typ 2

\* Typ 2a (chiếm 8%), bệnh nhân có trọng lượng cơ thể bình thường.

\* Typ 2b (chiếm 80%), bệnh nhân thường là người phi mập.

\* Nguyên do : Giảm tác dụng của Insulin trên các tế bào (gan, cơ, mỡ), do di truyền hoặc các nhân tố bên ngoài như ăn uống bữa bãi, phi mập.

**Tiểu đường thứ tính :** Gây ra do các bệnh về nội tiết ở tuyến tụy tạng, hoặc ung thư (Pankreasarzinom) Morbus cushing, cường giáp trạng (Hyperthyreose), Tumor ở vùng tủy thượng thân (Phaeochromozytom)

**Cảm nhận Glucose thay đổi do bệnh học,** do Streß, Herzinfarkt, dược phẩm (thuốc ngừa thai, Cortison...)

**Tiểu đường do thai nghén:** Chiếm 3% trong số các phụ nữ có thai.

## III: CÁCH ĐỊNH BỆNH

**1. Xét nghiệm nước tiểu sau khi ăn,** bằng các phản ứng đổi màu của que thử (Glucose Teststreifen R), người ta định được nồng độ đường, Aceton trong nước tiểu. Bình thường 30 mg Glucose/dl Urin.

**2. Xét nghiệm đường lượng trong mao quản** (ở đầu ngón tay, vành tai dưới) với Haemo - Glucosetest R. Bình thường, khi đói là 70 - 100 mg/ 100ml. Kết quả:

> 120 mg/dl: nghi ngờ tiểu đường

< 120 mg/dl; sau khi ăn: bình thường

> 180 mg/dl: tiểu đường

khí trị số đường huyết giữa 120 - 180: cần lập lại Test (OGTT)

**3. Xét nghiệm Hb A1 trong máu:** cho biết về biến dưỡng chất đường trong 3 tháng vừa qua.

**4. Định C-Peptid** để xác định khả năng tiết Insulin của tuyến tụy tạng.

## IV. SỰ BIẾN DƯỠNG CỦA CHẤT ĐƯỜNG ĐƠN GLUCOSE

Cơ thể tiếp nhận Glucose hoặc trực tiếp hoặc dưới đường đa ở dạng phức tạp từ thực phẩm như tinh bột (Amidon) trong gạo, khoai, trái cây (Fruktose), đường mía (Saccharose), đường sữa (Lactose) ... Sau khi được phân cắt và chuyển hóa dưới tác dụng của các Enzyme (Phân hóa tố, Diếu tố), Glucose được hấp thụ vào máu ở các mao quản ruột non.

Glucose có vị ngọt, thuộc nhóm Glycid hay Kohlenhydrate, là một trong những nguồn năng lượng chính yếu cho các hoạt động cơ thể.

Khi lượng Glucose trong máu cao như sau bữa ăn, dùng nhiều chất đường, dưới tác dụng đối kháng qua lại của các kích thích tố Glucose hoặc sẽ được để dành ở gan, cơ dưới dạng Glycogen (đường đa) hoặc được chuyển hóa thành mỡ.

Trong quá trình trên Insulin là kích thích tố duy nhất giúp cho đường lượng trong máu luôn giảm ở một mức giới hạn 70 - 100 mg/dl. Trong đó các tế bào có thể sống còn và hoạt động.

## V. VAI TRÒ INSULIN TRONG BIẾN DƯỠNG

Insulin là kích thích tố do tế bào  $\beta$  của đảo Langerhahn trong tuyến tụy tạng (Pankreas) tạo ra dưới dạng Proinsulin, sau đó được hoạt hóa và đưa vào máu hoặc một phần dự trữ trong tuyến, tùy theo nhu cầu cơ thể.

Sự điều hòa lượng Insulin nội tiết, một phần lệ thuộc vào lượng Calcium trong tế bào, dưới tác động kích thích của các cAMP.

**1. Tác dụng Insulin vào màng tế bào:** Nhờ các Receptor (đơn vị tiếp nhận) ở màng tế bào, sự hiện diện của Insulin giúp cho việc vận chuyển Glucose ở tế bào gan, cơ và sự thu nhận các Acid amin (thành phần của chất đạm) trở nên hữu hiệu hơn.

**2. Giúp việc tạo năng lượng:** Nhờ vào các phản ứng biến dưỡng trong nội chất tế bào, do:

- Sự thu nhận Glucose vào tế bào

- Thay đổi hoạt động, hoạt hóa các Enzyme trong gan, cơ, tạo các chuyển chất cho các chu trình năng lượng.

- Giúp việc chuyển hóa Glucose thành Glycogen (đường dự trữ ở gan, cơ - hoặc Glucose thành mỡ (Triglyceride), thành chất đạm (Proteine)

Khi lượng Insulin quá cao sẽ làm cơ thể phi mập.

**3. Tái tạo tế bào** trong tiến trình phục hồi các vết thương hoặc tạo tế bào trong tiến trình tăng trưởng. Insulin giúp cho cơ thể từ Acid amin tạo ra các mô.

## VI. BIẾN CHỨNG MẠN TÍNH NGUY HIỂM CỦA BỆNH TIỂU ĐƯỜNG

Khi bệnh nhân không được điều trị đúng mức và được giáo dục về bệnh trạng thì các tai hại thường dẫn đến, do việc hoại tử và biến đổi các thành mạch máu và mao quản:

- **Về da:** thường bị ngứa ngáy, nổi nốt do nhiễm khuẩn hoặc nhiễm nấm *Candida albicans*. Đặc biệt ở vùng hậu môn và cơ quan sinh dục.

- **Lượng máu dẫn đến não** bị giảm, gây tai biến mạch máu não (*Hirninfarkt, Apoplexie*)

- **Bệnh về tim, mạch:** nguyên do *Herzinfarkt (Stumm)*, mà bệnh nhân không cảm nhận đau đốn, gây huyết áp cao, nghẽn mạch máu ở chân.

- **Bệnh về mắt:** thường dẫn đến mù hoặc giảm thị giác do sự phình trương và hủy hoại các mao quản, gây xuất huyết và làm hư võng mạc. Gây *Glaukom* thứ tính (tăng áp lực ở mắt), hoặc *cataracta* (đục thủy tinh thể thứ phát).

- **Gan hóa mỡ:** do việc phân hủy mỡ gia tăng và sự tái tạo *Triglycerid* trong gan để đáp ứng nhu cầu.

- **Biến chứng thần kinh:**

- Đặc biệt thần kinh ngoại biên, gây đau nhức, teo cơ, mất hoặc giảm cảm giác.

- Rối loạn thần kinh thực vật: ở tim gây rối nhịp tim, *Herzinfarkt*; Rối loạn tiêu hóa dẫn đến tiêu chảy, táo bón; rối loạn bài tiết ở tuyến mồ hôi.

- Ở chân: do việc giảm cảm giác tiếp xúc, dễ dẫn đến việc gây thương tích ở chân. Dù một vết trầy nhỏ, hay do mang giày dép quá chật hẹp thì vết thương thường khó lành do sự hủy hoại các mao quản dẫn đến việc phải cắt bỏ bàn chân...

- **Cơ quan sinh dục:** Gây chứng bất lực, rối loạn kinh nguyệt.

- **Gây suy thận:** Do sự xơ cứng các mạch máu ở các tiểu cầu thận (*Glomerulosklerose*).

## VII. HÔN MÊ DO TIỂU ĐƯỜNG

1. **Hôn mê do tăng đường huyết** (*Coma diabeticum BZ*: 400 - 1000 mg/dl) xuất hiện dưới 2 dạng:

- **Ketoacidotisches Coma:** Thiếu Insulin, do phân hủy mỡ làm lượng *Keton* gia tăng.

- **Hyperosmolares Coma:** Đường huyết cao, gây mất nước và muối khoáng.

\* **Triệu Chứng:** Uống nhiều, tiểu nhiều, mất nhiều nước, da khô, tim đập nhanh, hạ huyết áp, thở sâu và dài, hơi thở có mùi *Aceton* (thuốc rửa sơn móng tay), ói mửa.

\* **Nguyên do:** Thường bệnh nhân qua một cơn bệnh hoặc ăn kém ngon, buồn nôn, ói mửa dẫn đến việc giảm hoặc đánh giá sai lượng Insulin chích vào.

\* **Điều trị:** Đây là phần điều trị đặc hiệu, thuộc phạm vi của các phòng cấp cứu, cấp tính. Nguyên tắc chung:

- Đưa vào cơ thể các dung dịch Muối *NaCl 0,9%*

- Chích Insulin đều và kéo dài, dựa vào nồng độ đường trong máu với máy bơm tự động (*Perfusor*)

- Chích *Kalcium, Bicarbonat Natrium* để điều chỉnh độ pH trong máu.

- Chích *Phosphat*

- Đặt ống thoát tiểu, ống thông dạ dày trong trường hợp bị ói, theo dõi khả năng bài tiết.

- Thử máu, đo lượng chất điện giải, ...

2. **Hôn mê do đường huyết hạ quá thấp** (*Hypoglykaemisches Koma, BZ < 50 mg/dl*).

\* **Triệu chứng:** Đói dữ dội, toát mồ hôi lạnh, buồn nôn, bất yên, run rẩy tay chân, tim đập mạnh và nhanh, nhìn không rõ, nhức đầu và bất tỉnh.

\* **Nguyên do:**

- Sau khi uống rượu với lượng cao.

- Bỏ đột ngột các dược chất như *Glukokortikoide*, thuốc ngừa thai.

- Hoạt động cơ thể quá mức.

- Thời gian giữa chích Insulin và ăn quá lâu.

\* **Điều trị:**

- Tự điều trị, do bệnh nhân: khi thấy các triệu chứng trên, chỉ với vài thìa đường, *Dextro Energen* hoặc ly nước trái cây ngọt cũng cứu được qua cơn hiểm nghèo.

- Do thần nhân: Khi bệnh nhân bất tỉnh hoặc hôn mê thì với thuốc *Glucagon* chích bắp thịt. Thần nhân phải được hướng dẫn rõ về triệu chứng, và phản ứng cần thiết.

- Do bác sĩ: 40 ml *Glucose 40%* giúp bệnh nhân hồi tỉnh nhanh. Sự truyền tĩnh mạch các dung dịch như *Ringer* được thực hiện tiếp cho đến khi bệnh nhân tỉnh hoàn toàn.

Kiểm soát BZ, Máu, lượng Insulin chích vào và theo dõi 24 giờ là việc làm cần thiết.

## VIII. NGUYÊN TẮC ĐIỀU TRỊ BỆNH TIỂU ĐƯỜNG: Giáo dục, Ăn kiêng, Vận động cơ thể, Điều trị bằng thuốc.

1. **Giáo dục bệnh nhân về bệnh trạng:** Mục đích cung cấp cho bệnh nhân kiến thức về bệnh, cách ăn uống, theo dõi và trị liệu. Ở đây cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Bác sĩ điều trị, Bệnh nhân, Điều dưỡng viên về ăn uống và gia đình bệnh nhân.

\* **Bệnh nhân phải được hướng dẫn về các phương pháp:**

- Kiểm soát thức ăn về năng lượng (*Kalorien*) có trong từng loại thực phẩm, giờ giấc và các bữa ăn.

- Tự kiểm soát đường huyết, đường trong nước tiểu.

- Nhận biết triệu chứng khi đường máu quá cao hoặc quá thấp, phản ứng và cách trị liệu cấp thời.

- Chích hoặc uống thuốc hạ đường huyết theo thời biểu nhất định, liều lượng và khoảng cách sau khi chích và bữa ăn.

- Chăm sóc cơ thể, dấu hiệu của biến chứng, chăm sóc vết thương, không đi giày quá chật hẹp.

- Luôn mang theo giấy chứng nhận về *Diabetes*, thuốc điều trị hằng ngày và liều lượng, đường *Dextro - Energen* ...

\* **Vận động cơ thể và nghề nghiệp:** Nếu được hướng dẫn, theo dõi và điều trị tốt, bệnh nhân có thể có các hoạt động như một người bình thường. Tuy thế cần tránh các hoạt động quá mức, hoặc các việc làm như tài xế lái xe công cộng, các nghề xây dựng, nấu ăn, làm bánh...

\* **Di bộ và luyện tập thể dục:** Ngoài việc giúp cho bộ máy tuần hoàn hoạt động hữu hiệu hơn còn làm phục hồi, kích động chức năng các mạch máu ở chân.

\* **Khi đi du lịch** từ đông qua tây hoặc ngược lại, cần lưu ý về sự khác biệt giờ giấc, thành phần thực phẩm ở các quốc gia xa lạ...

## 2. Ăn kiêng (*Diabetesdiät*)

Nên nhớ rằng bệnh tiểu đường về già do phì mập, chiếm đến 80% số bệnh nhân, *Typ 2b*, có thể nhờ vào sự giảm bớt năng lượng đưa vào cơ thể qua thực phẩm mà các tế bào Đào của *Tụy Tạng* còn hoạt động có thể đảm nhiệm chức năng của mình mà không cần tới dùng thuốc.

Ăn kiêng là làm giảm bớt lượng đường trong máu và nước tiểu, khi lượng Insulin cần thiết còn được tạo ra.

Ăn kiêng là tiêu thụ và xử dụng hợp lý chất dinh dưỡng trong thực phẩm theo nhu cầu hoạt động.

\* **Thành phần thực phẩm chủ yếu:**

- Chất đường (*Kohlenhydrate, Glycid*): chiếm 55 - 60%, nên dùng thực phẩm có nhiều chất xơ như rau, đậu, bánh mì còn nguyên hạt ngũ cốc, ... Nhờ đó tránh được sự gia tăng đường huyết một cách đột ngột, do sự chuyển hóa từ đường đa (*Glycogen*...) qua đường đơn (*Glucose*) chậm và sự hấp thụ *Glucose* vào máu được trì hoãn lâu hơn.

Các chất ngọt nhân tạo như: *Aspartam, Saccharin*... tạo cảm giác ngọt mà không cung cấp đường và năng lượng. Việc các chất này gây ung thư đã là đề tài tranh cãi sôi nổi. Ở Mỹ một số chất ngọt nhân tạo bị cấm tiêu thụ, vì lý do trên.

- Chất đạm (Eiweiß, Protein): 20% nên dùng cá và các loại thịt ít chất béo như thịt gà hoặc các loại đậu giàu Protein thực vật như đậu nành.

- Chất béo (Fett, Lipid): 30%, nên dùng mỡ không bão hòa, dầu thực vật. Tránh ăn mỡ và Cholesterin. Giảm lượng muối tiêu thụ ăn hàng ngày (Na+).

- Trong ngày, việc ăn uống được chia làm 3 bữa chính và 3 bữa ăn nhỏ, nhờ đó mà các tế bào Đảo của tụy tạng, vốn đã bị suy yếu, không bị làm việc quá mức và tránh được nguy hiểm của các phản ứng hạ đường huyết đột ngột.

\* **Tùy theo vận động cơ thể** mà số lượng năng lượng được đưa vào trong ngày khác nhau.

- Đơn vị BE (Broteinheit = Đơn vị dựa vào bánh mì) 1 BE = 12 gr. Kohlenhydrate = 1,5g chất đạm thực vật = 1 lát bánh mì = 1/2 ổ bánh mì nhỏ.

- **Năng lượng cần thiết (KCal) = Trọng lượng lý tưởng x 30** : ở những người có công việc bình thường.

- **Trọng lượng cơ thể (Broca Index)**

Trọng lượng trung bình (Kg) = chiều cao cơ thể (cm) - 100

Trọng lượng lý tưởng (Kg) :

Đối với nam giới = Trọng lượng trung bình - 10% Trọng lượng trung bình.

Đối với nữ giới = Trọng lượng trung bình - 15% Trọng lượng trung bình.

**Thí dụ:** Nam bệnh nhân cao 160cm có trọng lượng lý tưởng =  $60 - 10 \times 60 : 100 = 54\text{kg}$ .

\* **Rượu và thức uống:** Rượu là nguồn cung cấp năng lượng và ức chế sự tổng hợp Glycogen (đường dự trữ) ở gan và cơ, rượu làm hạ đường huyết (ngoại trừ rượu chứa đường, Liquor, làm tăng đường huyết). Rượu làm tăng Triglyceride (mỡ) và rối loạn sự chuyển hóa Sulfonamid.

Các loại nước giải khát thường có chứa hàm lượng đường cao hơn cảm nhận vị giác

### 3. Thuốc uống (Oral Diabetika)

**Mục đích:** Kích thích tiết Insulin từ tế bào Đảo và làm giảm đề kháng của tế bào với Insulin.

Sau khi các biện pháp như ăn kiêng, giảm trọng lượng, vận động cơ thể không đạt được như ý muốn thì việc kết hợp điều trị bằng thuốc là điều không tránh khỏi.

Điều kiện điều trị với thuốc uống là các tế bào Đảo của tụy tạng còn đủ khả năng sản xuất ra Insulin. Do đó thuốc không được áp dụng cho Diabetes Typ 1, khi có thai, các bệnh về thận và gan.

Nồng độ thuốc đạt được trong máu còn tùy thuộc vào tác dụng hỗ tương hoặc đối kháng của các dược phẩm khác như:

- Aspirin, Tetracycline, Phenylbutazon... làm tăng nồng độ thuốc

- Ngược lại, các loại thuốc lợi tiểu Thiazididuretika, ngừa thai, Glukokortikoide... gây giảm hiệu quả của thuốc.

\* Sulfonharnstoff: Euglucon R., Glutril R.

\* Biguanide = Glucophage R.

- giảm sự vận chuyển đường từ ruột vào máu

- giảm sự phân hóa và chuyển đường từ gan vào máu

- ảnh hưởng đến biến dưỡng chất béo, nhờ đó người phì mập khi dùng thuốc sẽ giảm trọng lượng và không có cảm giác đầy phải đòi hỏi ăn nhiều.

\* Guarmehl (Glucotard R., Glucobay R.), gây giảm hấp thụ chất đường và tạo bệnh chứng hấp thụ kém (Malabsorptionssyndrom), gây sôi bụng và cảm giác đầy bụng, no. Đôi khi thuốc còn gây tiêu chảy.

### 4. Thuốc chích - Insulin

Dùng cho Diabetes Typ I, các Typ khác, khi mà các biện pháp ăn kiêng, uống thuốc không có hiệu quả. Sau khi được khám phá ra vào năm 1921, Insulin thường được lấy ra từ tụy tạng của heo và bò để được chích cho người.

Insulin là một chuỗi Peptid (chất đạm) 2 dây, gồm 51 Acid amin (Thành phần căn bản của chất đạm). Sự khác biệt giữa Insulin loài người và heo, bò do khác biệt của 3 Acid amin trong chuỗi đó. Ở một số bệnh nhân, việc xử dụng Insulin của thú gây ra các phản ứng tạo kháng thể và dị ứng. Từ năm 1980, nhờ vào tiến bộ đạt được trong ngành vi sinh và hóa học phân tử người ta đã tổng hợp được Insulin qua sự

thay đổi yếu tố di truyền trong loài E. coli, hoặc thay đổi sửa chữa các tàn số Acid amin của bò và heo. Các Insulin này được gọi Humaninsulin.

Trên thị trường được phẩm, có nhiều loại Insulin khác nhau, được xếp vào 4 nhóm chính:

**a. Insulin bình thường (Alt-Insuline):** như H-Insulin Hoescht R., tác dụng đạt được sau khi chích từ 15 - 30 phút, nhanh nhất.

**b. Hỗn hợp Insulin (Normal + Insuline chậm):** Depot H Insulin Hoescht R., hiệu quả sau khi chích 30 phút.

**c. Insulin trung gian (Intermediaere Insuline)** như Basal H-Insulin Hoescht R., hiệu quả kéo dài 12 giờ.

**d. Insulin với tác dụng lâu dài (Lang wirkende Insulin)** như Insulin Ultratart HM R., hiệu quả kéo dài 24 giờ.

Insulin thường được do bệnh nhân tự chích, sau khi được sự chỉ dẫn của Bác sĩ. Dưới dạng PEN, với các mũi thuốc như các cây viết bệnh nhân có thể thay đổi dễ dàng số lượng I.E. Insulin.

Vài điều lưu ý:

- Lượng Insulin cần thiết tùy thuộc vào thời gian trong ngày (sáng cao hơn chiều tối), hoạt động cơ thể và lượng đường trong máu. Thông thường một I.E Insulin hạ được 30 mg% Glucose, khi đường huyết < 300 mg% khi bị sốt, nhiễm trùng, đòi hỏi thay đổi lượng Insulin.

- Thời gian giữa chích và ăn: lệ thuộc vào từng loại Insulin.

- Nơi chích: thường dưới da và thay đổi để tránh teo mô mỡ (Lipoatrophie). Nên chích ban ngày và mũi cuối trong ngày ở đùi trên vì hấp thụ chậm, mũi còn lại ở bụng.

## IX. INSULINPUMPE HAY TUYẾN TỤY TẠNG NHÂN TẠO ?

Do những phiền toái và đau đớn vì phải đâm vào ngón tay thử máu và chích, trong những năm qua có rất nhiều cố gắng và thí nghiệm với mục đích đưa liên tục một lượng Insulin cần thiết vào cơ thể với các dụng cụ đặc biệt, đối với các bệnh nhân lệ thuộc Insulin:

- **Đặt vào cơ thể một hệ thống** gồm máy vi tính với Bơm chứa Insulin, tế bào nhạy cảm đo lượng Insulin trong máu và hệ thống báo động, ngoài cơ thể. Tuy thế các trở ngại kỹ thuật, và phản ứng của cơ thể là nguyên do chưa được áp dụng rộng rãi.

- **Thay tuyến tụy tạng:** Mặc dù những thí nghiệm ở loài vật cho thấy thành công đáng kể, nhưng đến nay khi áp dụng cho loài người thì việc thay tuyến tụy tạng hoặc thay các tế bào Đảo của tuyến cho thấy còn nhiều khó khăn và hạn chế. Do vị trí tuyến tụy tạng trong cơ thể gây trở ngại trong phẫu thuật, cũng như các phản ứng miễn nhiễm của cơ thể đề kháng lại khi thay tuyến. Việc đem các tế bào hoạt động còn sót lại của tụy tạng đặt vào các vị trí khác của cơ thể cũng chưa cho thấy các thành công như ý muốn.

## X. THAI NGHÉN VÀ DIABETES

\* Khoảng 3% những người có thai trở thành mang bệnh tiểu đường, đặc biệt trong thời gian từ tuần lễ thứ 24. Nguyên do chưa được xác định rõ. Tuy thế các yếu tố sau dự phần vào tiến trình bất lợi trên:

- Trong gia đình có thân nhân, đã bị Diabetes

- Trước kia đã sinh ra con mập quá trọng lượng (lớn hơn 4 Kg)

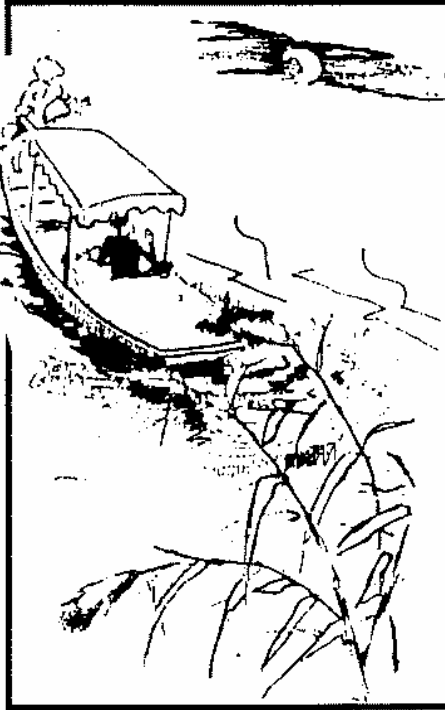
- Sảy thai hoặc hư thai nhiều lần

- Mập quá trọng lượng

\* Trong thời kỳ thai nghén các Diabetikerin nếu được theo dõi cẩn thận và chích Insulin đúng liều lượng thì việc ảnh hưởng đến bào thai không đáng lo lắng.

\* Tỷ lệ sinh ra con mang bệnh cao hơn ở nhóm người khỏe mạnh từ 3 - 5%. Nếu cha mẹ cùng mang bệnh, tỷ lệ sinh con bị tiểu đường lên đến 20%.

\* Khả năng thụ thai ở các bệnh nhân được xem là bình thường, khi tránh được các Hôn Mê do Ketoacidose.



• Nguyễn Tấn Hưng

# Về Vườn

Trường nữ trung học Mỹ Tho, trường Lê Ngọc Hân, là một ngôi trường mới xây cất tại tỉnh lỵ vào khoảng cuối thập niên 50. Gồm hai dãy lầu hai tầng không thẳng hàng, trông ra đường Ngô Quyền. Dãy sau hơi thụt vào trong một chút tại vì phía trước có xóm nhà dân, của những tay quyền thế, chắn ngang. Đối diện với trường là bức tường thành bên hông của Viện Dưỡng Lão và xéo xéo phía bên tay trái có chùa Phật Ân. Phía sau lưng thì trường tiếp giáp với Ty Tiểu Học. Xung quanh vòng đai bao bọc với hàng rào kẽm gai và trụ xi măng, nhà thầu còn giữ lại nhiều cây cao, tàn che đầy bóng nắng, cho nên sân trường lúc nào cũng mát rượi.

Đây là loại trường cất theo kiểu tân thời của Mỹ, không của số, không quạt trần. Hai bên lớp học vách tường không xây bít mà làm nửa kín nửa hở bằng những song đứng đúc bằng xi măng, theo hình xương cá để che mưa nắng. Sơn xanh đỏ cho có vẻ sáng mắt, màu mè. Không khí, gió máy ra vào một cách tự nhiên, thông thả. Nền lót gạch bông, đen và trắng, trông rất sạch sẽ, khang trang.

Ngay khoảng giữa của hai dãy lầu có một cột cờ làm bằng nhôm sáng loáng, thật cao. Dưới chân cột cờ có một vòng tròn nhỏ, cần gạch, trồng bông cần thận. Hằng ngày, vào lúc tám giờ, có một lớp được biệt phái ra đó làm lễ chào quốc kỳ. Bài quốc ca do một số nhỏ con cháu bà Trưng bà Triệu trình bày đôi khi yếu xìu, nhỏ rí, tiếng mất tiếng còn. Phần còn lại cứ xếp hàng hai, đứng nguyên tại hành lang ngay trước lớp học mình mà nghe ngóng đoạn chót. Nhất là các lớp ở cuối dãy, ... *xìng... danh nời*

*giống Tiên Rồng. Đặng, không làm chi hết, chỉ ùn ùn chạy nhanh vào lớp.*

Theo thông lệ của các trường trung học trên toàn quốc, để phân biệt giữa cô giáo và học trò, một vài nguyên tắc đã được đề ra. Tỉ như học trò không được mặc áo màu mà phải mặc đồng phục, áo dài trắng và quần trắng hoặc đen. Còn cô giáo thì có quyền mang guốc cao gót, thoa son, giởi phấn, kê chơn mày, sơn móng tay móng chum. Nhiều cô nổi bật, chẳng khác gì đào hát bóng. Nhưng cũng có nhiều cô xấu òm, có quần hàng áo nhiều, chưng diện thế mấy đi nữa thì cũng người ra người, áo ra áo, quần ra quần. Còn học trò thì lấm đũa đang tuổi dậy thì, trở mà đẹp ra phết, cho dù áo vải quần trơn, vẫn trông sáng nước, tươi tấn hơn những cô giáo mà lem bệch phần. Cái đẹp tự nhiên do trời ban, không son phấn giả tạo bao giờ cũng có nét duyên dáng, quyến rũ đặc biệt riêng.

Thỉnh thoảng, trong đám học trò cũng có một vài... chị chơi trội, dám giả dạng cô giáo. Tuy phải mặc đồng phục nhưng chịu khó sơn móng tay móng chum, kê chơn mày, giởi phấn, thoa son... điệu hạnh một thúng với người ta. Nhưng, đi đêm có ngày gặp ma, trước sau gì cũng bị mấy bà giám thị phát giác, bắt gặp và dẫn độ lên văn phòng hiệu trưởng để nghe bà Diệu Thông, bà hiệu trưởng, giảng *moral*. Đừng nói con gái không ngang tòn, ầu tả mà làm!

Trong lớp của Kim Yến, lớp Đệ thất 2 Anh văn, chị Hồ Diệp được chấm là đẹp nhất. Như cái tên của chị, nét

mặt chị có vẻ nên thơ mơ mộng, cao sang đài các. Vóc dáng lại cao ráo, sạch sẽ. Có ngực, có mông. Vung lù, tròn ồm. Áo quần lúc nào cũng ỉu thẳng thớm, sắc lèm, đầu ra đầy. Đến như Yến là gái mà Yến cũng phải mền phải mê, phải khen phải khoái. Kể đến là chị Cẩm Vân, cũng mất liêu mây ngài, dễ coi dễ mền. Nhưng, chị được ở khuôn mặt đều đặn thôi, chớ còn thân hình chị ốm yếu mỏng manh quá nên đôi lúc nét liễu trai chỉ dị trông có vẻ tiêu tụy, bình hoạn làm sao. Hình như những ai đẹp đẹp thường có nhiều bạn, Yến nghĩ. Vì giờ ra chơi nào cũng vậy, ngoài hành lang hay ngay tại bàn học, đều thấy hai chị Hồ Diệp và Cẩm Vân có nhiều người tới làm quen, bàn chuyện.

Bữa nay đến phiên Yến, nàng cũng phải dành lấy phần mình, ngang nhiên vệt đám đông, nắm tay chị Diệp kéo đi trước sự ngỡ ngàng của chúng bạn. Yến nói nhỏ:

- Chị Diệp nè, chiều nay chị rảnh hôn?

Diệp hỏi lại:

- Chị vậy Yến?

Với một kế hoạch nhỏ trong đầu, Yến nghĩ rằng phần thắng chắc chắn sẽ về tay mình. Mục đích của Yến, ngoài việc chiếm cảm tình của Diệp, nàng còn muốn kéo Diệp về với anh mình, anh Hiếu đang học bên kia trường Nguyễn Đình Chiểu. Để nếu rùi như hai người có duyên có nợ từ kiếp trước, thì Yến sẽ có được một người chị dâu đẹp đẻ, dễ thương dễ mền thôi. Với lại, trong đám bạn của nàng kia, biết đâu lại chẳng có nhiều đứa đang cùng một ý nghĩ như nàng? Cần phải ra tay ngay bây giờ, kéo trẻ! Ý định phải làm như vậy, như vậy... mặc dù đã nảy ra trong trí nàng từ lâu, nhưng phải đợi đến phút giây này nàng mới dám quyết liệt thi hành:

- Em định rủ chị đi vườn!

Chỉ cần nghe hai tiếng "đi vườn" là trong bụng Diệp như mở cờ, mừng rơn, hai mắt nàng sáng rờ. Đứng là dân miệt vườn có khác! Bấy lâu nay nàng đã chôn chum ở chốn thị thành, nhìn quanh quẩn bên mình chỉ thấy nhà cửa, đường xá, xe cộ... thết bất ngán. Nàng muốn tìm lại bóng mát của vườn dứa Phú An Hòa, muốn vui chơi quanh các gốc mít mật ngọt, muốn đùa giỡn dưới tàn mát của những cây ô môi hoặc những nhánh mận da người của xứ Trúc Giang. Nhưng biết tìm đâu ra thanh cảnh đó? Nàng bèn hỏi tới:

- Ở đâu vậy, có xa lắm không?

- Không xa đâu, chỉ ở ngoại ô thành phố một chút xíu mà thôi!

Rồi như Diệp đối ý vì e ngại đường xá xa xôi, Yến giải thích rõ hơn:

- Nhưng mà chị khỏi lo, em sẽ chở chị đi bằng xe đạp!



Diệp muốn biết thêm:

- Mà vườn của ai vậy?

- Bí mật a nghe, em không thèm nói cho chị biết trước đâu, em muốn dành cho chị một sự ngạc nhiên.

- Gì mà nghe ghê vậy! Nhưng trong vườn có những loại cây trái nào?

- Có đủ hết! Đặc biệt là vào mùa này nếu muốn nói nhứt hạng thì không gì bằng mấy trái xoài sống, xắt lát chấm nước mắm đường!

- Có lý đó! Đậu Yến xem coi mình có cần rủ thêm ai nữa không?

- Ý, thôi đi chị Diệp ơi, có bọn nó theo òn ào lắm! Với lại... bí mật mà!

Bí mật gì nữa đây? Hay là cũng như lũ nhóc tí kia, bạn cùng lớp nhưng nhỏ tuổi nhỏ tác hơn nàng, Yến lại sẽ giới thiệu cho mình một ông anh bà con nào đó của nó, Diệp tự hỏi! Nàng đã có thừa kinh nghiệm về những vụ bí mật như vậy rồi, ngay từ hồi còn học lớp nhì, lớp nhứt ở trường làng kia. Tuy nhiên, trong lòng Diệp có chút gì khoan khoái hân hoan, vì nàng tự biết rằng, mình có đẹp để duyên dáng thì người ta mới hay bắt quàng làm họ. Nhưng nàng vẫn còn e ngại:

- Không nói rõ cho chị biết, chị không đi với Yến đâu!

Yến cười, nói đùa nửa thật:

- Nè, đừng có nui vậy, cơ hội ngàn năm một thuở bỏ qua rất ướng đó nghe chị Diệp...

Reng, reng, reng... chuông vào lớp! Mọi câu chuyện đang vồn vã, ngon tron bỗng dừng đồng loạt bị cắt ngang. Ai nấy lục tục bước vô phòng, tự động ngồi vào chỗ. Tuy nhiên, tiếng xì xèo vẫn tiếp nối không ngừng nghỉ mãi cho đến khi nào thầy cô đặt chum lên ngưỡng cửa. Giờ này là giờ của thầy Tân, Trương Nhật Tân, dạy môn Việt văn. Thầy trẻ lắm, nghe nói là sinh viên chưa ra trường, đang còn học năm cuối ở Đại học Sư Phạm, Sài Gòn. Chỉ là một giáo sư tập sự, dạy giờ, mỗi tuần một hai ngày, đi đi về về, chớ không ở lại Mỹ Tho.

Nhưng thầy Tân lại hay trở mòi "dê" Diệp, mới khổ. Yêu thương gì với sự cách biệt quá xa, quá rộng giữa thầy với trò. Mà nói cho ngay, Diệp nào đã biết yêu thương là gì đâu! Nhưng mà ông làm quá, đến nỗi Diệp muốn giấu chúng bạn mà giấu cũng không xong. Xui cho Diệp là nàng đang ngồi bìa bàn thứ tư, dãy giữa, như một trung tâm điểm cho mọi con mắt khắp cả lớp dòm ngó. Mỗi lần thầy Tân ghé ngang xem bài vở, ông thường hay cúi sát thiếu điều muốn hôn lên tóc nàng. Cái cà vạt lòng thòng ngay bên má nàng thoang thoang mùi xà bông thơm, Có Ba hay Dial gì đó. Và chẳng biết ông đã nghe được mùi gì trên tóc nàng đây? Mùi chum kết, vô chanh vô bưởi chẳng! Phải chi ông dừng lại ở chỗ cho điểm lớn, mặc dù Diệp tự

biết mình làm luận không tới lắm, là đỡ rồi. Ông lại hay gọi nàng đứng lên phát biểu cảm tưởng làm chi nữa không biết! Để mấy đứa ngồi trong xó góc, suốt năm không được thầy chăm sóc, nhắc tên đến một lần, bỗng dưng ra thù ghét ganh tị với nàng.

Nhưng cũng có nhiều đứa tán vô, chẳng hạn: "Coi bộ ông Tân thích chị, khoái chị lắm đó chị Diệp. Bởi vậy chị cũng đừng làm cho ông đau tim bất tử mà ông nổi khùng cho tụi em ăn trứng ngỗng sạch trơn nghe!" Diệp cảm thấy vui vui dăm ra ngại ngùng, mắc cỡ khi nghe những câu phân trần, tả oán như vậy! Vì nàng nào có tình ý riêng tư gì với thầy Tân đâu, không ưa cái khuôn "mặt thô mỏ dơi" của ông nữa là đằng khác. Tại ông lờ "chịu" mình thì ông phải "ráng chịu" mà thôi! Ngay khi ông tặng cho nàng cây viết Pilot, bằng cách giả bộ để quên trên bàn, suýt chút nữa nàng phát ngôn bừa bãi "thưa thầy, cây viết của thầy sao thầy bỏ đây", nếu không nhanh trí để ý đến dòng chữ khắc tên của nàng trên cây viết: Lê Lan Hồ Diệp. Trời đất, sao ông thầy dám làm điều bộp chộp, quái đản đến kỳ cục như vậy! Nàng không biết phải hành động ra sao, bèn cắt ngay vào học bàn. May là cả lớp đang im lặng, chăm chú làm bài gộp nên không ai để ý. Kể ra ông thầy Tân này gan cùng mình thiệt, nhưng cũng còn biết ngó trước dòm sau!

Mãi cho đến nay, bốn năm tháng qua, nàng chưa hề một lần xài đến cây viết đó. Nó vẫn thường xuyên nằm trong cặp nàng vì nàng định sẽ trả lại cho thầy khi có dịp thuận tiện. Nhưng dịp thuận tiện kia không bao giờ có, vì nàng cố tránh những cơ hội gặp gỡ, những giây phút riêng tư đối với thầy, ngay cả một ánh mắt hay một nụ cười vô tình đi nữa. Chính vì vậy mà hình như thầy Tân đã hiểu được ý nàng, cũng không dám tiến xa hơn.

Giờ Việt văn của thầy Tân chậm chậm trôi qua, vì Diệp đang mong mòi đến giờ tan học. Nàng muốn được nối tiếp câu chuyện với Yến, câu chuyện "đi vườn". Nàng không mấy khi cúp cua, bỏ lớp đi *ciné* hay đi rong ngoài phố như nhiều đứa khác, nhưng nàng lại thích "đi vườn". Mà, ô hay, reng, reng, reng... giờ tan trường rồi cũng đã tới. Yến chực sẵn, sẵn đón:

- Chị Diệp, đi theo em...

Trong bụng Diệp cũng nồn nóng, gắp rút không kém nhưng nàng giả dờ tảng lờ, phủi phủi tà áo dài cho phẳng phiu thẳng thớm, hỏi lại:

- Đi vườn thiệt hả, Yến? Mà bao lâu thì mình về được?

- Chị muốn về lúc nào thì em đưa chị về. Đi, đi chị.

- Ừa, đi thì đi.

Cả hai thong dong ra cửa, thả lãn về dãy nhà trống chứa xe đạp.

Trong sân trường, trăm ngàn cánh bướm trắng phất phơ bay lượn, dung dăng dung dế ngợp trời xanh. Xuyên qua lá cành vương vãi trên cao, ánh nắng trưa hè nhõn nhõm hắt lên những khuôn mặt tươi cười, rạng rỡ đang mong chờ những vui đùa, giỡn trưng sẽ đến với mình sau những giờ bù đầu với bài vở, ghi chép. Không một cảnh nào thơ thối, hồn nhiên cho bằng cảnh tan trường, nhất là ở một trường nữ trung học. Khách qua đường không thể không dừng chân, để mắt ngắm nhìn và hòa nhập vào những tâm hồn nguyên trinh, trắng trong như những đóa hoa hàm tiếu, đang xông xáo vươn tuột nẩy mầm làm đẹp cho cõi đời trần tục. Bầy chim sẻ, chim sâu chuyền nhánh trên cành riu rít kêu, hòa lẫn với những tiếng chia tay, hẹn hò, chúc tụng.

Từ hai cánh cổng trường mở toang, đàn bướm trắng lần lượt tung bay trên khắp mọi ngõ đường. Dưới những tia nắng chan hòa, lung linh trong gió mát miền quê thổi lại từ xa, thành phố như chợt bừng sáng, lấp lánh bóng tiên đồng ngọc nữ phất phơ trong đôi tà áo mỏng.

Đèo Diệp ngồi phía sau, giống như em chớ chị, Yến từ từ đạp lên hương chùa Phật Ân. Cút ca cút kít vòng qua Cây Xăng, bờ Giếng Lớn. Không rẽ vào đường Pasteur, có nhà cô Tám Sương của Diệp, mà đi thẳng lên Cầu Đức, trường trung học Nguyễn Công Trứ, lộ Vòng Nhỏ...

Diệp đoán mò, cất tiếng hỏi:

- Bộ tính chở chị lên vườn ông Khánh hả Yến?

Yến đáp nhanh:

- Làm gì có chuyện đó. Đi vườn ông Khánh thì đâu có gì vui, cùng lắm thì chị chỉ được coi mấy con cò vì có kỳ như cá tai tượng thiệt lớn, mấy loài bò sát như rắn rít, kỳ nhông kỳ đà, cũng mấy thứ biết bay như trích, tri, công. Đâu có vụ hái mận, hái xoài. Hơi ngạc nhiên, Diệp hỏi tiếp:

- Vậy chớ Yến định chở chị đi xứ nào đây?

Yến cười ha hả:

- Em không đủ sức chở chị lên tuốt trên Trung Lương đâu mà chị sợ, chỉ qua khỏi ngã ba nhà máy Khương Hữu và hàng cà rem Năm Nồi một đôi là tới. Còn ở dưới này Vườn Ương Cây cũng như Chung Viện Chân Phúc Minh một khoảng xa lác xa lơ mà.

Diệp lại hỏi sang chuyện khác:

- Mình về nhà ai vậy, Yến?

Thấy cũng đã gần đến nơi, để giải tỏa những nghi vấn, thắc mắc trong đầu Diệp, Yến nói luôn một mạch:

- Về nhà em được hôn? Rủ chị về nhà em chơi thì chắc chị ngại nhưng rủ chị đi vườn thì chị chịu đi, em biết

mà. Đi về nhà em hay đi vườn thì cũng vậy thôi, vì chung quanh nhà em có vườn. Không rộng lắm nhưng đủ cho mình dạo chơi đây đó, cây trái cũng không nhiều lắm nhưng đủ cho mình ăn đã thèm. Tối thiểu cũng có mận, xoài, ổi, chùm ruột. Mà chị Diệp nè, chị thích ăn chua với muối ớt, với nước mắm đường, hay với mắm ruốt Châu Đốc?

- Cũng tùy theo món chớ Yến! Với xoài tượng thì ăn với nước mắm đường, với mận hồng đào thì ăn với muối ớt, với chùm ruột thì chắc hợp với mắm r...uốt hơn, phải hôn?

Tiếng "r...uốt" của Diệp bị đứt khoảng vì xe dần, Yến đã xuống dốc, rẽ vô bờ mầu dẫn về nhà. Thêm một đoạn ngắn nữa thì hai chị em đã lọt vào lối mòn đầy bóng mát. Những cây mận hồng đào sọc, hồng đào đá trái đỏ đầy cành dính lại từng chùm, cành lá giao nhau trên đầu như làm thành một cổng tam quan ngoạn ngoèo, dài thườn thượt. Từng loạt gió phất qua, lao xao cây nhánh đong đưa, tạo nên khúc nhạc reo vui. Bóng nắng xuyên qua tán mận, chiếu xuống mặt đường loang lổ những đám cỏ xanh phủ lên cát đất trắng bệch, lung linh di chuyển tới lui làm như đang chạy đua tiếp sức với hai cái bánh xe đạp.

Ngôi nhà nhỏ hai gian, lợp lá, vách cây của chị em Yến đã hiện ra dưới tán cây vú sữa thật lớn, thật cao. Bên cạnh mái hiên trước còn có một cây khác nhỏ hơn, mới lớn, nhiều nhánh con lá non mơn mớn gie ra đung đưa mấy cây dòn tay là đã bên dưới. Vách bố kho ở mặt tiền được đóng bằng ván gáo vàng, to bản, tuy cũ nhưng phần trên trông cũng còn vàng như nghệ. Cửa cái bỏ ngõ trống lờng trống trờn. Như vậy chứng tỏ là có người ở nhà, Diệp nghĩ. Lần đầu tiên bước đến một ngôi nhà lạ, cho dù là bạn học thân thích của mình đi nữa, cũng thấy có một điều gì xa cách, ngại ngùng.

Yến dựng xe vào gốc vú sữa, cởi nón lá quạt lên mặt. Diệp cũng bắt chước làm theo mặc dù lưng không đổ mồ hôi, nách không ướt như cô bạn nhỏ. Yến mở lời:

- Tới nhà rồi đó chị Diệp, vô chơi chị! Chắc có anh Ba em ở nhà!

Anh Ba của Yến? Có phải anh Hiếu mà Diệp đã có gặp một lần vào lúc tựu trường? Lâu quá rồi nàng cũng không còn nhớ gương mặt, tướng tá anh ấy ra sao nữa. Thì ra con nhỏ Yến này có lẽ cũng có "mưu đồ, dụ dỗ" mình về đây lắm chớ chẳng phải không! Thôi, kể như muộn rồi! Ày, vô chơi thì cứ vô, nàng lạng lẽ nói bước theo Yến.

Nhưng, vừa bước vô khỏi cửa nàng đã phải dừng sờ, ngừng lại, định trở gót quay lui. Vì bên này là một bàn

tròn bằng gỗ và mấy cái ghế dài đánh vọc-ni sáng loáng đặt bên cạnh cửa sổ không nói làm chi, còn bên kia, sát vách trước kê một cái đi-văng cũng vọc-ni bóng lũng... với trên đó một tấm lưng trần lấm tấm mồ hôi và cái quần pyjama màu xám tro bên dưới. Chu met ơi, nàng muốn nhắm mắt lại nhưng không còn kịp nữa. Chùng như nghe được tiếng động cái hình người say sưa trong giấc ngủ kia bỗng trở giấc, lật ngửa nửa vòng, cái lưng quần quần ruột tượng một núi trước bụng như mấy chú ba tàu đã sắp sửa sút ra. Cái hình nhàn nhàn mặt, ú ớ, ngóc đầu lên như rắn hổ...

Yến đành đánh trống lảng:

- Anh Ba, có chị Diệp bạn em đến chơi nè! Chị Hai đi dạy về chưa vậy?

- Chưa! Ồ, Diệp đó hả! Cứ tự nhiên...

- Thôi tụi em ra nhà sau, đi chị Diệp.

Cái hình người nằm xuống trở lại, Diệp nhón gót lướt qua khung cửa buồng trong, thoát nạn. Nàng trách thầm Yến:

- Bữa nay anh Hiếu không đi học à? Sao không nói cho chị biết trước?

Yến tình bơ đáp gọn:

- Phải có ảnh ở nhà đặng ảnh mới trèo cây hái trái cho mình ăn được chớ! Ở trên đó kiến vàng không hà. Chị thay đồ ngắn với em nghe, mặc đồ trắng bóc như vậy lỡ mù xoài dính vô là hết giặt. Em có cái áo bà ba màu tím mới may này rộng lắm, chắc chị mặc vừa đó.

Diệp cảm chiếc áo ngấm nghĩa, ngăn ngừa. Nửa muốn nửa không tuy đã nghe Yến nói rõ ràng đây là áo mới may. Lạ cửa lạ nhà, ai lại thay quần đổi áo cho được. Mà mặc áo dài lướt bướt chạy ra vườn thì coi bộ cũng không nên. Đầu có ai mặc áo dài đi hái mận, hái ổi, hái xoài bao giờ. Thôi kệ, đã liều thì năm bây cũng liều, *tôi đây không hát thì hò*, nhưng hãy đợi con nhỏ Yến thoát y trước đã. Ngực con nhỏ mới dậy trái trâm, chưa dọn nổi một đường cong. Diệp này phải tốn thêm năm mười bao gạo nữa. So với mình con nhỏ thua xa, để mình biểu diễn một màn cho nó lệ mắt chơi. Diệp lần mở cái kho mớ nhỏ ri một bên hông rồi bực, bực, bực..., kéo tuôn hàng nút bóp dọc theo nách lên đến cổ. Yến ngó vào ngực nàng lom lom, có vẻ ngạc nhiên, trầm trồ thích thú. Ít ra cũng phải như vậy Yến ơi, nàng nhủ thầm. Lòng chiếc áo dài băt-phin trắng vào bướm bướm và máng lên cây dính trên vách, nàng xô tay vào chiếc áo ngăn, gọn ghẽ vuốt mái tóc bỏ lũng về phía sau, trông vô. Hàng nút bóp trước ngực coi bộ đơm hơi thưa nghen con nhỏ. Đàn ông con trai hay ngó xéo vào kẻ hở lắm, thấy vú đó. Họ hay để ý làm chi mấy chỗ ngật nghèo, nguy hiểm trên thân con gái kể cũng kỳ cục thiệt!

Yến hỏi:

- Bây giờ tụi mình phải ra sau bếp làm nước mắm đường, chị Diệp ơi! Lẹ lẹ lên!

Mái nhà trên và mái nhà bếp nối dài ra, dọc theo một bên hông, làm thành một mái nhà cầu. Một cái hành lang che mưa nắng để đi lên đi xuống giữa hai cái nhà thì đúng hơn. Kế bên hành lang này là một khoảng trống thấy trời mây, dưới nền được tráng xi măng làm chỗ rửa ráy tắm giặt. Có đặt một hàng mái vú lớn bằng đất nung đen đỏ, có lẽ dùng để hứng nước mưa vì bên trên có cái máng xối làm bằng nửa thân cau dài. Vách ván nhà bếp đóng ngang, hở cả tất tây cho gió máy dể ra vào, vậy mà nhìn lên trần lá cũng không thể thiếu một lớp bồ hóng, do khói đóng, đen nghịt!

Diệp reo lên:

- Trời, ở đây có cái vông nằm ngủ trưa hết sảy hả!

Đang đứng cạnh bàn ăn, quây đường cho tan trong nước mắm, Yến nói như mời mọc:

- Vậy thì chị nằm nghỉ một chút đi cho khỏe. Đợi lát nữa anh Ba em thức dậy rồi tụi mình cùng đi ra vườn một lúc cho vui.

Diệp cảm thấy thoải mái khi đặt lưng lên tấm bao bố mềm, lên nước. Xuyên qua kẻ hở, nàng thấy mấy bụi chuối sau hè mập mạp tốt tươi mọc dựa mé mương gần đó. Tàu lá xanh biêng biếc. Một cây trở quây non, bị che khuất một nửa bởi tấm ván, nhưng bên dưới vẫn còn thấy lòng thòng thòng một cái bắp chuối màu tím rìm. Xa hơn một chút, có mấy thân dưa đồng loạt vươn cao, chùm nhum một chỗ, cành lá đụng vào nhau gây tiếng kêu xào xạc, kéo kẹt đong đưa trong gió như tiếng vông trưa hè. Rồi mới đến lũy tre đầy bao bọc vuông đất với đủ cỡ lớn nhỏ, những thân uốn vòng cung hay những thân đứng thẳng, chỉ chít đan vào nhau như bức tường thành. Những chiếc lá hình ngòi viết xanh xanh nõn nà như màu hy vọng mong manh bất chợt trong cuộc đời này. Bỗng dưng, Diệp muốn ngủ hơn là muốn ăn...

Tuy nhiên, có lẽ nàng chợp mắt chẳng được bao lâu, vì có tiếng oang oang bên khung cửa:

- Hai đứa đang làm gì đó? Ồ, định ăn xoài sống nước mắm đường hả? Có cần anh ra vườn hái đem vô hay là muốn thưởng thức ngay tại gốc?

Diệp giựt mình, mở mắt, ngồi nhóm dậy! Một chút e thẹn lên vào tim! Coi kia, cái anh chàng bạch diện thư sinh kia dám đã nhìn lên mình từ lâu trong khi mình nhắm mắt! Cũng cái quần pyjama màu xám tro đó, nhưng không còn quần ruột tượng nữa mà đã cột lại dây lưng cẩn thận, nàng đoán như vậy, vì không thấy gì cộm cộm dưới làn áo sơ-mi cũ kỹ, màu cà phê dợt. Trông anh chàng giống như

một thiếu niên miệt vườn không hơn không kém. Diệp chưa biết mình phải góp ý bằng câu nói thế nào cho ổn thì Hiếu đã tiếp:

- Chà, hồng mấy thuở rỗng đến nhà tôm, hồng mấy thuở thấy Diệp đến nhà chơi với Yến! Bẵng đi một thời gian không gặp mà bây giờ trông Diệp thấy khác khác, lạ lạ! Ra về... học trò trung học, học trò lớn, hơn lúc trước nhiều.

Yến chen vào:

- Anh thấy chị Diệp mặc áo em vừa không?

- Để coi! Đẹp đó, màu áo hợp với màu da!

Tuy Hiếu không nói thẳng ra nhưng Diệp vẫn biết mình có nước da trắng như trứng gà bóc. Hóa ra anh chàng không muốn khen tặng mình lộ liễu đây. Không thèm nịnh đầm đến nửa câu về mặt mày, về vóc dáng của mình nữa! Diệp cười cười, hỏi lại:

- Bữa nay anh Hiếu không đi học sao?

Vừa nói xong, nàng chợt cảm thấy câu nói đầu tiên giữa mình và Hiếu sao nó vô duyên làm sao, phải chi cứ im lặng luôn thì càng hay. Nhưng Hiếu đã nhanh nhẩu, nhả nhận trả lời nàng:

- Anh chỉ học có hai giờ đầu, hai giờ sau giáo sư bệnh. Lâu lâu có hai giờ trống bất ngờ kể cũng vui.

Diệp hỏi tới:

- Anh có thường gặp anh Hòa của Diệp không?

- Thì cũng thấy mặt nhau luôn. Tuy anh tuy học khác lớp nhưng cùng một dãy, cách nhau đâu hai ba lớp gì đó!

Mặc dù hai đứa cùng học Ban B, cùng một sinh ngữ chính Pháp văn, nhưng Hiếu đã bớt thân với Hòa kể từ ngày hai đứa học khác lớp. Những giờ giãc, bài vở và những va chạm hằng ngày bao giờ cũng ảnh hưởng mạnh đến đời sống hơn là dĩ vãng và kỷ niệm, Hiếu nghĩ. Không riêng gì Hiếu, bây giờ chắc Hòa cũng đã có một lũ bạn mới, những nơi chốn mới và những vui đùa mới... Hiếu hỏi thăm:

- Sao, dạo này hai anh em vẫn còn ở trọ chỗ cũ?

Diệp gật đầu:

- Dạ! Đâu có chỗ nào khác hơn đâu anh?

Hiếu nghe tiếng "anh" sau cùng sao mà dễ thương hết sức. Nhưng, Yến bỗng cất ngang:

- Anh Ba nè, cây xoài tượng ở góc vườn của mình chắc cũng còn vài trái lớn hả?

Hiếu bắt đầu mở máy tán:

- Máy thuở có người đẹp thêm ăn chua đến nhà thì cây xoài tượng kia đâu dám làm reo, đâu dám ra trái lớn! Nói vậy chớ cũng còn ba bốn trái sắp chín phải ăn! Xoài tượng mà để ăn chín thì sẽ mất hết mùi vị! Sao, Diệp có muốn đi ra vườn chơi không?

Diệp đã quen dần với không khí gia đình, bầu bạn, nằng rất an nhiên:

- Đi chớ, mục đích lên đây chỉ có bao nhiêu đó thôi mà, phải hôn Yến?

- Ừ, vậy thì đi ngay bây giờ đi...

Hiếu bước lại lấy cái lồng ngăn dùng để hái trái cây dựng trong góc bếp, cặp nách đi ra. Trông chàng không khác gì Lý Quý với cây độc chùy độc chịch. Yến lên đến bên anh, nheo mắt khẽ nói: "Giới thiệu cho anh con nhỏ bạn đẹp nhưt lớp như đã hứa rồi đó! Thường em cái gì đây?" À, thì ra vậy! Hèn chi mấy ngày nay Yến vẫn hay nhắc tới nhắc lui cái đề nghị có vẻ rất độc đáo của mình với chàng. Hóa ra không ai khác hơn là Diệp mà Hiếu đã có một lần gặp qua nhân buổi tựu trường.

Yến và Diệp nối đuôi theo Hiếu, tuôn ra cửa... Vì lúc nằm vóng quay đầu về một hướng nên Diệp không thấy được mảnh vườn rộng phía sau lưng. Giờ đây, xen lẫn với dừa chuối, nào là mấy cây mận thấp thấp, mấy cây mít cao cao, nhất là đằng xa kia mấy cây xoài lão to lớn, rộng tàn. Có cả những cành cam, quýt, chanh, ôi sá lị cao không khỏi đầu người. Thì ra miếng vườn trồng đủ mọi thứ trái cây, nằng thích lắm. Một con bò câu trắng bay xà vào chiếc lồng sắt lơ lửng trên không. Diệp ngạc nhiên, hỏi:

- Ai nuôi bò câu vậy, Yến?

- Của chị Liên đó! Chỉ xin của chị bạn chỉ được hai cặp và nhờ anh Hiếu đóng chuồng, dựng cột... đầu cũng cả tháng nay nhưng chưa thấy làm ở đẻ trứng gì hết... Mà chị cứ đi trước theo anh Hiếu của em đi chị Diệp, em cầm chén nước mắm nên cần phải đi sau, để rùi có lỡ vấp té thì cũng chẳng gây tai họa cho ai hết.

Diệp lúng túng làm theo lời Yến nói, nhưng vẫn không tránh khỏi ngượng ngượng. Con nhỏ này đang định "xúi vớ" đây chắc? Nàng quay lại nhướng mắt, liếc Yến một cái thiệt dài! Con nhỏ che miệng cười khúc khích!

Hai bên lối đi đây cỏ dại. Lăn lộn trong những đám tranh xanh mượt như đám mạ, những cụm cải trời trở nhiều bông lấm tấm, vàng vàng. Thuốc cứu nữa, mọc rải rác khắp mọi nơi. Đặc biệt, gần khóm chuối nước, có cây "bông sò lẻ bạn" trông như một bụi dứa, một ngọn thơm với những lá xanh xanh pha sắc tím hồng. Từng nách lá bên dưới nhú ra những "bông sò lẻ bạn" đẹp đẹp, tròn tròn, tím ngắt một màu với những vôi nhụy trắng nõn bên trong. Diệp nhận ra những cánh hoa này vì có lần, ở dưới quê, nằng đã chạy sang hàng xóm xin về cho má nằng chung với đường phèn làm thuốc ho cho con nít uống. Không có mùi gì hết nhưng đáng lắm, nằng có nếm thử cho biết. Thông

thường những loại cây quý như vậy người ta trồng trong chậu, chăm sóc cẩn thận như trồng kiếng, vậy mà ở đây con nhỏ Yến trồng lang bang chi địa ở dưới đất mới là lạ? Nàng định hỏi cho rõ nguyên do nhưng coi bộ hơi trễ rồi vì con đường mòn đá dẫn tới cây cầu dừa bắt ngang mương nước. Tiếng của Hiếu từ phía bên kia bờ vọng lại:

- Có cần anh nắm tay, dắt qua cho chắc ăn không?

Diệp hết hồn giấy này:

- Thôi đi, khỏi, khỏi... anh Hiếu ơi! Diệp đi một mình được mà! Nắm tay nắm chùn nhau để bị té chung một cái... đừng xuống mương lắm!

Hiếu cười vang, đề nghị thêm:

- Hay là lột guốc ra, đi chùn không cho vũng!

- Ý kiến hay đó!

Một tay xách guốc một tay không, Diệp nghe lời Hiếu làm theo. Chàng ngó nằng chấp chững bước từng bước qua cây cầu dừa trơn trượt. Giờ đây, không phải chỉ riêng gót, mà cả bàn chân, đầu đầu cũng đỏ như son hết, Hiếu ngấm nhìn sưng mắt. Một, hai, ba, bốn... cuối cùng rồi Diệp cũng vịn vào tay Hiếu ở bước chót. Hai mắt chạm nhau, hai luồng nhiệt huyết chạy vội về tim. *Người đầu đùng đó làm chi, tay trong tay biết có duyên gì hay không*, Diệp khò khò bỏ guốc xuống đất, rút tay về, nói khẽ tiếng "cám ơn". Hiếu ngẩn ngơ che giấu nỗi nao nao, xao xuyến trong lòng, quay mặt bước đi. Hương và cây xoài tượng lớn với nhiều trái xanh to, treo lồng thòng. Hiếu tưởng chừng như cái dáng dấp mảnh mai của Diệp trong chiếc áo bà ba tím tím đang đi phía sau mình kia rồi sẽ khắc ghi mãi trong tâm tư chàng một hình bóng khó quên. Diệp cũng vậy, nằng bỗng thấy mến Hiếu, mến vẻ thư sinh nho nhã, hiền lành mộc mạc, nửa chợ nửa quê của chàng. Trong hân hoan, buông mình chìm đắm vào những giây phút thần tiên không thiếu vắng đam mê, Diệp nửa mừng vui nửa ước mơ, nhủ thầm:

*Mẹ mong gà thiếp về vườn,*

*Chàng như xoài tượng,*

*Thiếp như nước mắm đường,*

*Đẹp đôi!*





# 25 NĂM Vinh Nhục trong nghề làm báo trước 1975

• An Khê Nguyễn Bình Thịnh

Các bạn đồng nghiệp trong làng báo Việt Nam trước 1975 thường bảo tôi quá chân thật, quá chậm chạp, thích làm những chuyện khó khăn, nên thường hay... trễ tàu.

Quả đúng thế. Tôi bắt đầu gia nhập giới cầm bút năm 1950 cùng một lượt với Cố ký giả Nguyễn Ang Ca, làm những bài thơ sâu bi vợ vắn, những chuyện ngắn không hay, không đỡ đăng trên vài tờ báo ở Sài Gòn với tánh cách không nhận tiền nhuận bút. Đấy cũng là do tôi yêu thích văn chương từ nhỏ, hồi còn học bậc tiểu học ở tỉnh nhà nơi miền duyên hải đã ham đọc các báo Nam Phong, Tiểu Thuyết Thứ Bảy, Tiểu Thuyết Thứ Năm, Văn Hóa, Ngày Nay v.v... xuất bản ở Hà Nội. Đến sau lên Sài Gòn học, tôi lại làm báo viết tay của nhà trường, viết một vài chuyện ngắn đăng trên Tiểu Thuyết Thứ Bảy với bút hiệu N.B.TH. và tham dự vào Hợp quần Văn đoàn với các anh: Trọng Tâm - Trần Xuân Nam, Hằng Giang - Nguyễn Thành Long, thi sĩ Bùi Ái Quốc, Bạch Giang - Nguyễn Văn Mười, Chim Xanh - Nguyễn Văn Thứ v.v... cùng với các đại diện báo viết tay ở các trường Chấn Thanh, Nguyễn Văn Khuê, Lê Bá Cang, Huỳnh Khương Ninh, Nữ Học Đường Áo Tim (Gia Long)... có lúc nhóm họp ở nhà ông Huyện Trần Xuân Nguyên (thân phụ anh Trọng Tâm - Trần Xuân Nam) ở Gia Định vào chúa nhật đầu tháng đến 50, 60 người.

Tôi xem văn thơ, sách báo xuất bản ở Hà Nội cũng biết được cái nghề cầm bút là khổ, là nhục nhiều hơn vinh, song tôi vẫn mê cái nghiệp dĩ mà tôi định sẽ đeo đuổi ấy...

Tôi được vào làm nhân viên bộ biên tập báo Đọc Thấy do anh Tám Trần Ngọc Trai chủ biên, với tánh cách viết chừa, chờ khi nào báo khá sẽ có nhuận bút. Nhưng báo cứ nghèo mãi, nhiều lúc anh em phải ăn xối trừ cơm, lấy giấy báo làm chiếu, làm mền để ngủ tại tòa soạn vừa ẩm mốc vừa nồng nực mùi mực in cho đến khi báo Đời Mới, ra hàng tuần, của lão ký giả Văn Lang - Trần Văn Ân.

Không có gì sung sướng cho bằng một người mới tập tễnh viết lách như tôi khi trông thấy bài viết của mình được

đăng đàng hoàng trên nhiều trang báo có nhiều độc giả, bạn đọc bốn phương biết đến bút hiệu mình, và khi nhận tiền nhuận bút được ông chủ nhiệm trao tận tay với những lời khích lệ quý giá. Ít lâu sau, tôi viết thêm cho tờ báo mỗi tuần ra hai số của Long Mỹ Nhân - Phan Quang Trường, tên thật là Lý Thanh Căn, sau đổi bút hiệu Nguyễn Kiên Giang.

Trong báo này tôi viết một truyện dài dã sử và thỉnh thoảng một truyện ngắn. Có bạn tôi có công việc phải đi về Long Xuyên trở về không kịp ngày nộp bài, Nguyễn Kiên Giang la trời như bồng: "Trời ơi, anh hại tui rồi! Tiểu thuyết của anh nhiều nhân vật quá, tui viết thay anh làm sao đây? Thời thì tui cho hai đám giang hồ hào hán vừa kéo nhau vào quán ăn là nắm đầu nắm đá tung búng không cần xưng tên họ. Kỳ này đánh trong quán, kỳ sau lên mái nhà... mà anh chưa về thì tui cho tụi nó nhào xuống sông đánh cho chết bết nhân vật, kéo rồi anh trở về lại chửi tui khéo bày ra những thằng cha nào lạ hoặc lạ huơ..."

Đạo ấy tôi viết cho tuần báo Đời Mới một tiểu thuyết tình cảm "Ánh Sáng Đò Thành" ký bút hiệu Cô Văn Nga, tên con gái đầu lòng của tôi và những truyện tình cảm đủ đăng hai ba kỳ báo.

Quyển tiểu thuyết "Ánh Sáng Đò Thành" là quyển tiểu thuyết tình cảm đầu tay của tôi không được thành công lắm. Thỉnh thoảng tòa soạn cũng cử tôi đi làm phóng sự điều tra. Tôi có viết cho Đời Mới một truyện dã sử dưới bút hiệu Cửu Lang là "Đoàn Quân Ma" nói về đạo quân của viên tiểu tướng anh hùng Trần Quốc Toản, nhưng chỉ vừa đăng hai, ba số báo thì bị cấm.

Trong thời gian tôi cộng tác với báo Đời Mới, tôi học được lối viết không cần tìm hứng của ông chủ nhiệm Trần Văn Ân.

Nhiều buổi trưa, tôi thấy ông đang thịnh nộ tại tư gia ở đại lộ Trần Hưng Đạo, thế mà khi ông lái xe đến tòa soạn tại chợ Thái Bình, ông bình tĩnh ngồi vào ghế viết lia viết lịa... Ông thường bảo: "Viết văn không nên đợi hứng, vì biết bao giờ hứng mới đến. Cứ ngồi vào bàn, tập trung tư tưởng trong vài phút đồng hồ rồi viết, hứng sẽ tự nhiên đến".

Nơi đây tôi được quen với Trọng Miên, Tế Xuyên, Bình Nguyễn Lộc v.v... Tôi được biết Nguyễn Duy Hình, khi cộng tác với một tờ báo nọ in tại nhà in Báo Tôn ở đường Boulevard de la Somme (Hàm Nghi bây giờ). Khi ấy anh Nguyễn Duy Hình là một ký giả lớn, ngồi bút rất sắc bén trong những điều tra phóng sự bất hạm. Anh viết cho nhiều báo và thường khoảng 1 - 2 giờ trưa anh mới đến nhà in Báo Tôn mà toán thợ sắp chữ của tờ báo đang ngồi khoan tay rế chờ bài của anh. Anh xách cặp táp ung dung treo lên gác lầu dùng làm tòa soạn và bắt đầu tìm hứng viết. Anh cởi áo vét ra, tháo lồng ca-vạt cổ, xăng tay áo măng-xét lên xong xuôi mới lôi từ trong cặp táp ra... một sợi dây thun, một lọ cồn, một hộp kim chích, một lọ thuốc Dolosal. Anh tự quấn dây thun vào dưới bắp tay, rút thuốc vào ống chích, lách kim đâm vào mạch máu, từ từ bơm thuốc... Có hôm, một mũi chưa đã, anh chích đến hai mũi. Anh ngồi dài chân ra, hai tay buông xuôi, đầu ngoác bên thành ghế. Chúng tôi lo sợ toan gọi bác sĩ nhưng anh khoát tay bảo: "Chỉ say thuốc chút ít thôi mà". Quả nhiên vài phút sau anh vùng ngồi dậy viết lia lịa trang giấy này qua trang giấy nọ. Tôi phục tài anh nhưng lo sợ cho anh cứ chích chọc như thế sẽ có ngày hồng to! Nhưng mười mấy năm sau tôi thấy anh hồng hào phương phi trong bộ quần áo màu da, đầu chít khăn cứng màu da theo hệ phái tu sĩ của ông Đạo Dừa đi truyền đạo ở nhiều nơi. Thì ra anh đã từ giá làng báo, bỏ chích ma túy và đi tu nhiều năm rồi.

Cũng trong thời gian ấy, tôi quen anh Nguyễn Bảo Hóa. Thường ngày vào buổi trưa, anh và tôi khi xong việc ở tòa soạn hay vào quán nước ở góc đường gần đó, nhằm nhĩ ly cà-phê đá, hút vài điếu thuốc lá hiệu MÍC, loại thuốc lá bình dân, đen và to hơn các loại khác nên được giới lao động hoan nghinh, cùng nhau hàn huyên tâm sự qua những sự việc thuộc về nghề nghiệp. Một hôm anh Hóa ngờ ý là rất trọng tài tôi nên đãi tôi một bữa cơm vào ngày báo nghỉ.

Ngày thứ năm đó, chúng tôi gặp nhau trong một quán cơm đĩa, mỗi người ăn đĩa cơm sườn và uống chai bia đầu cọt, khè khè lai rai chuyện đời. Câu chuyện dần dần đi đến thời sự nóng bỏng, anh Hóa hỏi tôi về cuộc chiến chống Pháp của Việt Minh và Đông Dương Cộng Sản Đảng. Tôi thành thật nói cho anh biết tôi là người quốc gia, một trong rất nhiều nạn nhân Đông Dương Cộng Sản Đảng đang giành độc quyền yêu nước và tôi đã bắt mần bỏ chiến khu mà ra khi trông thấy nhiều anh em đồng chí bị ám hại. Liên sau đó, anh Nguyễn Bảo Hóa bỗng đổi thái độ lạnh tanh đối với tôi, không nói năng gì thêm cho đến khi trả tiền buổi cơm và bắt tay từ giá nhau. Thái độ lạnh tanh ấy, tôi đã từng gặp nhiều phen với những người Đệ

Tam quá khích với chủ trương không phải đồng chí tức là thù. Từ đó về sau, anh Hóa tránh trò chuyện với tôi, thậm chí không nhận lời tôi mời cơm để trả lại buổi cơm bình dân anh đã thết tôi, có lẽ đúng như các đồng nghiệp báo, tôi chân thật quá, nghĩ sao thì nói và viết vậy, cởi mở cõi lòng ra với tất cả mọi người, nên Nguyễn Kiên Giang thường bảo đùa: "Muốn đọc văn Cửu Lang phải mặc áo dài khăn đóng..." Tôi lại vốn chậm chạp, thời gian vào nghề và trình làng của tôi gặp nhiều lao đao, lận đận, thường viết cho tờ báo nào được ít lâu tờ báo phải đóng cửa, sắp tiệm.

Qua đến năm 1952, tôi vì quân vụ phải đi lên Tây nguyên, tạm dứt đoạn với nghiệp báo mà tôi mê thích không gì bằng.

Đến năm 1957, tôi mới tái nhập làng báo với... cánh tay mặt không còn sử dụng được. Tôi viết bài bằng cách gõ bàn máy chữ bằng tay trái như cò mổ. Tôi vẫn dùng bút hiệu Cửu Lang để viết về dã sử, Nguyễn Bình Long để viết về gián điệp, Trương Thanh Vân để viết trinh thám, và lấy tên con gái đầu lòng Vân Nga để viết về tình cảm xã hội.

Về gián điệp, tôi viết cho báo Công Nhân do anh Trần Tấn Quốc chủ biên, dựng ra một nhân vật nữ: X.13 là nữ trung úy ngành tình báo của QLVNCH, cũng khá được ăn khách. Cốt truyện dựa theo thời sự nóng bỏng trong cuộc chiến đấu chống cộng sản. Có một lúc, tôi đang viết tiểu thuyết "Rừng Sát Hấp Hối" bỗng có vụ ứng cử Dân Biểu khóa 2 thời Ngô Triều, Trần Thị. Tôi về tỉnh nhà ứng cử trong đơn vị tỉnh Rạch Giá. Đến khi bầu cử tôi phải có mặt ở tỉnh nhà để đi tuyên truyền vận động vào những ngày chót nên phải thức trắng nhiều đêm để viết dồn bài trước một tuần lễ. Vì tiểu thuyết đăng hàng ngày trên báo.

Tôi có hẹn với nhà báo sẽ gọi tiếp bài theo bưu điện. Tôi kẹt ở dưới tỉnh quá hạn định và đã gửi bài đúng hẹn. Nhưng dù tôi gọi bài theo đúng cách thức hiện hành, bài của tôi vẫn không kịp kỳ đăng báo và tôi... bị bẻ nồi cơm. Số là cái tựa quá giật gân khiến từ nhân viên soạn thư ở nhà Bưu điện đến ông Trưởng phòng, ông Chánh sở giật mình, không ai dám quyết định để cho sắp bài nọ đi thông thường đến nhà báo. Ông Phó làm phúc trình lên ông Chánh sở, ông Chánh sở báo cáo lên ông Giám đốc, ông Giám đốc cũng nghi ngại quá... cái gì mà: Rừng Sát Hấp Hối đây? Rừng Sát ở khách Sài Gòn, Sài Gòn có bị ảnh hưởng, bị hấp hối theo?

Hai ông Giám đốc bàn tính mãi rồi cùng lấy quyết định: mời ông chủ báo đến để cùng khai bao giấy ra xem trong ấy chứa những bí mật gì? Anh Trần Tấn Quốc, chủ biên tờ Công Nhân, vốn là chủ báo chuyên nghiệp, rất có uy tín, và không thích tôi lui cửa quyền. Anh phải bỏ thời giờ làm việc "học xi đầu" ở nhà báo để đến Nhà Bưu Điện với cái

mời khẩn cấp, kể cũng bực mình. Khi đến nơi, cùng nhị vị Giám đốc bưu điện khai bao giấy ra thì thấy chỉ là một xấp bài feuilleton mà anh chờ mãi không được nên đã cáo lỗi với độc giả và cúp bỏ để đăng thay tiểu thuyết khác vào! Đến chừng tôi ở tỉnh nhà trở lên, bị thua đau vì gian lận, lại hay tin bị mất chỗ viết, bẻ nồi cơm, thật là... tức như bở đá!

Viết báo buổi sáng cho anh Tam Mộc, tôi lấy bút hiệu Trương Thanh Vân là tên của tiện nội. Bút hiệu ấy vô tình suýt làm bẻ nồi cơm của Quốc Phụng. Số là Quốc Phụng tên thật là Trương Thanh Vân về làm việc với báo Tiếng Chuông của anh Đinh Văn Khai với sự cam kết không được viết cho tờ báo nào khác, và chỉ được viết nhiều lắm là hai tờ tuần báo thôi. Thế nên khi anh Đinh



Văn Khai trông thấy báo Buổi Sáng có đăng một tiểu thuyết trinh thám ký bút hiệu Trương Thanh Vân, liền gọi Quốc Phụng đến báo:

- Sao ăn cơm tui mà hại tui? Lại đi viết cho Tam Mộc (tên Mai Lan Quế) là người thường chể giểu, bươi móc đời tư của tôi trên mục "Xả Xứ Bấp" mà tui hồng đảm làm gì, vì ông có anh là ông Tướng Mai Hữu Xuân?

Quốc Phụng như từ cung trăng rơi xuống, than trời như bọng: "Mèn đét ơi! Cha nội ký giả nào chơi ác, hại tui như vậy? Tôi có viết cho Buổi Sáng hồi nào đâu? Và lại viết loại trinh thám không phải sở trường của tui lại còn ký tên Trương Thanh Vân có khác nào... lay ông tôi ở bụi này.

Tuy Quốc Phụng minh oan cách mấy, ông Khai vẫn không tin. Anh cho người móc nối với toán thợ sắp chữ của báo Buổi Sáng để lấy bài viết kiểm tra bút tích. Nhưng bài viết lại bằng máy chữ thành ra anh Khai cứ hồ nghi Quốc Phụng mà không có bằng chứng hạch tội. Theo lời Nguyễn Ang Ca thì anh Phạm Thăng có cho biết vì vụ bút hiệu Trương Thanh Vân mà anh Đinh Văn Khai suýt cho Quốc Phụng về... vườn nuôi gà!

Quốc Phụng cứ nổi oan Thị Kính mãi đến về sau, khi tôi viết cho nhứt báo

Tiếng Chuông, tôi chơi thân với Quốc Phụng mà vẫn không biết Quốc Phụng đang âm thầm điều tra trong làng xem bạn đồng nghiệp nào chơi xấu phá mình một võ xính vính, xúng vủng quá trời như thế.

Đến một bữa nọ, tôi chờ Quốc Phụng đi chơi. Quốc Phụng trông thấy tấm bảng tên chủ quyền xe là Trương Thanh Vân, vội hỏi: Đó là ai? Tôi cho biết đấy là tiện nội. Quốc Phụng kêu lên: -Bắt được tại trận rồi! Anh lấy tên chị làm bút hiệu, không biết cũng có một Trương Thanh Vân bị chủ báo nghi ngờ và phải ngậm oan mấy năm nay. Thời không đi chơi nữa, tội mình lại đây.

Tôi lái xe về tòa soạn báo Tiếng Chuông để phân chứng với anh Khai. Khi ấy Quốc Phụng đã nổi danh có chum vũng chắc trong làng báo nên việc hiểu lầm được giải tỏa nhanh chóng.

Bút hiệu An Khê của tôi do sự góp ý của anh Bình Nguyễn Lộc và tôi bắt đầu cùng trong quyển tiểu thuyết xá hội đầu tay từ khi tôi bị hư tay mặt. Nguyễn lúc bấy giờ, trong làng báo hàng ngày, chỉ có hai tờ báo được nhiều độc giả như: Sài Gòn Mới và Tiếng Chuông. Sài Gòn Mới của bà Bút Trà có số độc giả không thua nhứt, đa số là giới bình dân. Báo Tiếng Chuông của anh Đinh Văn Khai có nhiều độc giả trung lưu, trí thức và công chức các ngành. Các cây viết feuilleton ở Sài Gòn, đa số đều có ước vọng viết cho Tiếng Chuông. Tôi cũng thế. Tôi quen với Nguyễn Kiên Giang khi ấy là thư ký tòa soạn báo Tiếng Chuông, và được anh hứa sẽ chờ dịp thuận tiện thì đưa tôi vào viết cho báo ấy. Tôi chờ mãi rồi cũng gặp dịp. Dịp may ngàn vàng đã đưa tôi lên thành một cây viết khá ăn khách về loại tình cảm xã hội đăng hàng ngày trên mặt báo. Công ơn ấy do anh Bình Nguyễn Lộc mà ra.

Nguyễn là đạo ấy anh Phi Long viết feuilleton tiểu thuyết trinh thám cho báo Tiếng Chuông, hay đưa chậm bài, người tùy phái của nhà báo cứ phải đến nhà ngồi chờ bài của anh gần như mỗi ngày, mà có hôm vẫn trễ, khiến cho chủ nhiệm Tiếng Chuông phải tìm người viết feuilleton khác. Nguyễn Kiên Giang liền giới thiệu tôi viết về dã sử cũng khá hấp dẫn. Anh Khai bằng lòng. Nguyễn Kiên Giang bảo tôi tóm tắt cốt truyện vào khoảng 20 trang giấy trước để đưa cho chủ nhiệm. Tôi làm xong, hôm sau tôi đem bản thảo đến cho anh Khai xem. Anh bảo tôi:

- Anh thay thế vào chỗ tiểu thuyết của Phi Long, như vậy phải viết truyện trinh thám. Tôi lại trở về làm bản tóm tắt cốt truyện khác và đánh máy khoảng 20 trang để đem đến ngày hôm sau nhưng anh Khai lại bảo:

- Tôi vừa mời anh Bình Nguyễn Lộc phụ trách trang trong tờ báo, vậy anh đem bài sang cho anh Lộc xem.

Tôi đến anh Lộc, anh lắc đầu:

- Anh phải viết một tiểu thuyết tình cảm xã hội. Anh có phòng hơn một số tay viết ăn khách hiện thời. Anh về dựng lên một cốt truyện tình cảm xã hội và đem đến cho tôi gấp để tôi quảng cáo cho kịp cuối tuần.

Quý bạn chắc thông cảm cho sự bực bội và chán nản của tôi lúc bấy giờ. Cậm cùi làm việc, bỏ ăn mất ngủ trong mấy ngày để dựng ra hai cốt truyện, đánh máy trình bày sạch sẽ tốt đẹp thế kia với bao hy vọng tràn trề mà bị chê, bị vứt sọt rác! Tôi thâm oán trách anh Bình Nguyễn Lộc sao lại làm khó tôi? Tổng thư ký tòa soạn đã bằng lòng. Chủ báo cũng chịu rồi, thế mà anh Lộc lại bác! Tôi về nhà trong vùng Chợ Lớn, khi nửa đường đến Sở Cứu Hỏa Đô Thành, tôi hoàn toàn xong trong đầu cốt truyện "Người Vợ Hai Lần Cưới" cái tiểu thuyết đưa tôi lên đài danh vọng.

Trưa hôm ấy tôi bỏ bữa cơm trưa để viết sơ lược cốt truyện, chiều lại, tôi đem trao cho anh Lộc. Anh Lộc gật đầu khi xem qua:

- Ủ, ít ra cũng là thế!

Chừng ấy tôi mới biết anh Bình Nguyễn Lộc chỉ đúng con đường. Anh bàn với tôi về bút hiệu; -Cừu Lang thì cũ quá. Nguyễn Bình Long thì có vẻ đấm đá. Trương Thanh Vân đã viết nhiều loại, bây giờ cần phải một bút hiệu mới nhắm đánh vào sự tò mò của độc giả. Tôi nói:

- Nguyễn An Khê.

Anh Lộc nói: -Bỏ Nguyễn đi, dùng hai chữ An Khê làm bút hiệu để kỷ niệm cuộc đời nhà binh cũng đủ rồi.

Quả thật, khi đăng tiểu thuyết "Người Vợ Hai Lần Cưới" trên báo, nhiều độc giả muốn biết tác giả là ai và trong số văn nghệ sĩ Sài Gòn vẫn ngỡ anh Bình Nguyễn Lộc lấy hai bút hiệu để viết hai tiểu thuyết tình cảm.

Nguyễn Ang Ca cùng là nhà binh, nhà báo với tôi thường hay cười đùa giới thiệu tôi là tác giả của "Người Vợ... Chưa Bao Giờ Tắm!".

Tiểu thuyết này ăn khách đến nỗi khi tiện nội bế bầu đưa con trai thứ mười, các sinh viên Y khoa ở bệnh viện Hùng Vương cứ hỏi: -Kỹ sư Hùng bị mù mắt có cưới được người đẹp Lệ Hoa không?

Tiểu thuyết về sau được nhà xuất bản Thế Kỷ in thành sách bán rất chạy. Người bạn tôi là soạn giả Thái Thụy Phong soạn thành kịch bản "Hai Chuyến Xe Hoa" cho gánh hát Thanh Minh - Thanh Nga trình diễn suốt 21 đêm tại rạp Hưng Đạo, mà dù mưa dầm, khán giả vẫn đến xem đông nghịt. Vợ tuồng này được hãng ASIA thu vào đĩa. Anh Hoàng Anh Tuấn đề nghị tôi cho quay thành phim và chiếu lên một lượt trên 6 rạp xi-nê lớn ở thủ đô Sài Gòn, được số khán giả kỷ lục.

Có điều làm cho tôi không vừa ý là cuốn phim "Người Vợ Hai Lần Cưới" lại không đáp ứng được lòng ngưỡng mộ của khán giả. Theo anh Hoàng Anh Tuấn nói lại:

- Trong khi quay phim, vai nam chính là Thành Được, đóng vai kỹ sư Hùng, vì một lý do riêng tư nào đó thường hay vắng mặt vào những ngày giờ hẹn quay phim khiến cho vai nữ chính là cô Thanh Nga quá chán nản cứ muốn bỏ cuộc. Do thế, đạo diễn Hoàng Anh Tuấn không thực hiện được những màn tình tứ tuyệt vời. Thời gian thực hiện cuốn phim chỉ trong 3 tháng, trước ngày Quốc Khánh thời Diệm Nhu. Sau khi xem chiếu thử, tôi buồn và thất vọng vô cùng. Anh Tuấn mắt hóm quầng đen, mặt mày bơ phờ hốc hác, râu đen bỏ hàm không kịp cạo, ôm hai vai tôi nói:

- Anh đừng giận tôi. Anh thương tôi một chút đi...

Quyển tiểu thuyết ăn khách vượt bậc lần thứ nhì của tôi là tiểu thuyết "Bơ Vơ". Tiểu thuyết này tôi viết cho báo Tia Sáng của anh Nguyễn Trung Thành. Khi ấy, báo này nhờ tiểu thuyết chương "Lệnh Xé Xác" của Lê Phi Khanh và tiểu thuyết tình cảm "Bơ Vơ" mà bán chạy như tôm tươi. Số độc giả tăng lên vùn vụt. Đó là thời Tướng Nguyễn Khánh làm Thủ Tướng; tờ báo Tiếng Chuông sau khi bị dân chúng kéo vào phá tòa soạn trong ngày lật đổ chế độ độc tài gia đình trị họ Ngô nên chưa kịp tái bản, thì báo Tia Sáng đã xuất bản nên được thêm số độc giả mới ủng hộ cùng một số độc giả của báo Tiếng Chuông và báo Sài Gòn Mới của bà Bút Trà. Do thế, một hôm tôi tiếp tại nhà một bạn ký giả xưng là do bà Bút Trà phái đến điều đình với tôi đem tiểu thuyết "Bơ Vơ" đang ăn khách của Tia Sáng sang qua báo Sài Gòn Mới, mà giá cả và tiền nhuận bút sẽ do tôi đưa ra. Tôi khước từ đề nghị mà tôi cho là bất tín, bất nghĩa ấy.

Mấy ngày sau người bạn ấy trở lại đề nghị tôi viết cho Sài Gòn Mới một tiểu thuyết tựa là "Bơ Vơ 2". Khi ấy tôi dám nhận viết cho 8 tờ nhật báo, tôi biết báo Sài Gòn Mới sẽ trả nhuận bút rất hậu hi hơn hẳn các tờ báo tôi đang viết nhưng tôi vẫn ưa làm quân tử Tàu, bảo với bạn ký giả nọ:

- Tiểu thuyết chớ phải kịch bản sân khấu đâu mà có một, có hai. Anh bảo tôi làm cái việc giết độc giả của báo Tia Sáng thì không được.

Về sau, trong một cuộc tranh đấu cho báo chí, bà Bút Trà có gặp tôi và bà bảo:

- Tôi với ông không có duyên hợp tác, vì thế hai lần tôi cho người mời ông, ông đều từ chối.

Thật ra nếu trước kia, khi tôi chưa nổi tiếng, tôi cầu được viết cho tờ Sài Gòn Mới lắm chứ, song từ khi tôi nghe người con trai lớn của bà Bút Trà thay bà quản lý tờ báo đã tuyên bố: -Độc giả như cá chết, ta cứ đem mồi gi thích hợp để như là họ theo ngay.

Từ đó tôi nghĩ là sẽ không bao giờ hợp tác với con người tỏ vẻ khinh miệt độc giả như thế.

Quyển tiểu thuyết "Bơ Vơ" được soạn giả Nhị Kiều của sân khấu Thanh Minh - Thanh Nga điều đình soạn thành vở tuồng Bơ Vơ và diễn xuất liên tiếp gần cả tháng ở rạp Hưng Đạo, đêm nào cũng đông nghẹt khách xem.

Tiểu thuyết suýt được dựng thành tuồng cải lương thứ ba của tôi là "Vợ Ké Khác". Tôi có một người bạn mới quen là anh Nhã, chủ hãng xuất nhập cảng ở đường Trần Hưng Đạo, gần Chợ Quán, cũng từng viết nhiều kịch bản, đã dựng lên bằng tuồng "Vợ Ké Khác" và trao cho đoàn Thanh Được - Út Bạch Lan. Vợ tuồng sắp phân vai để tập, đột nhiên gánh hát bị tan rã không vì ế khách xem mà vì xáo xáo nội bộ gia đình chủ gánh.

Tiểu thuyết "Vợ Ké Khác" là pho thứ nhì tôi viết cho Thời Báo của anh Dương Chí Sanh, tiếp theo tiểu thuyết "Người Đàn Bà Hai Trái Tim".

Nguyễn đạo ấy, anh Nguyễn Kiên Giang, Tổng thư ký báo Tiếng Chuông có điều bất bình với anh Đình Văn Khai, và những anh em viết tiểu thuyết trang trong báo Tiếng Chuông đem tiểu thuyết sang tờ Thời Báo. Khi ấy tôi đang viết "Người Vợ Không Thể Cưới" đang ăn khách dữ dội, chị Nguyễn Kiên Giang bảo bất cứ giá nào cũng đem tiểu thuyết này qua Thời Báo cho Tiếng Chuông sập tiệm. Tôi là bạn chí thân anh Nguyễn Kiên Giang, anh đi, tôi phải theo, nhưng Tiếng Chuông là nơi tôi nhờ anh Bình Nguyễn Lộc chỉ đường dẫn lối mới được... đất dụng võ. Tôi thật khó xử. Trong khi tôi còn chưa quyết định, một tối nọ, anh Đình Văn Khai tìm đến nhà khóc lóc với ông thân sinh tôi: -Nếu tôi bỏ báo Tiếng Chuông thì... không khéo sẽ đóng cửa thôi! Đây là anh Khai đánh đòn tâm lý. Ông thân sinh của tôi từ trước đến giờ là độc giả trung thành của báo Tiếng Chuông hẳn là phải ngã về phe anh Khai. Quả đúng thế. Ông gọi tôi ra và bảo báo Tiếng Chuông là nơi tôi xuất thân về vang, không nên bỏ. Sau đó, nhờ anh Bình Nguyễn Lộc và Nguyễn Ang Ca góp ý: cứ giữ "Người Vợ Không Bao Giờ Cưới" cho báo Tiếng Chuông, viết một tiểu thuyết mới cho Thời Báo.

Khi Thời Báo ra mắt bạn đọc, cứ vào mỗi chiều, vợ chồng Dương Chí Sanh và vợ chồng anh Nguyễn Kiên Giang trái hai tờ báo đối nghịch ra, cân phân nặng nhẹ hai tiểu thuyết xem "Người Đàn Bà Hai Trái Tim" có hấp dẫn bằng "Người Vợ Không Thể Cưới" không? Cả bốn người nhìn nhận tiểu thuyết đăng trên Thời Báo cũng hay, cũng hấp dẫn nhưng vì mới vào đầu, chưa mệ ly, cụp lạt bằng truyện kia đang đến lúc người đẹp Ngọc Giao bị ghì cũi, lãnh vào trại hủi, để cô em Ngọc Quỳnh thay thế mình đáp ứng tình yêu của văn sĩ Tường Anh...

(Còn tiếp)

# ĐÔNG KHÔNG mộng quanh

HỒ TRƯƠNG AN

## Kỳ Ngộ Bên Vững Linh

Vào khoảng năm Minh Mạng thứ 11, giáo thụ họ Đặng tên Bảo Sơn tự Thanh Đàm, tỉnh Thừa Thiên, người giỏi võ nghệ lẫn thi văn lại thích ngao du sơn thủy. Đặng quây một bao thuốc với nhiều quế và kỳ nam tới thành Gia Định, rồi trôi nổi đến đất Vĩnh Thanh trừ phú. Đây là vùng đất mà chúa Nguyễn đã thân phục của dân Miên theo cuộc Nam Tiến (1731), trước đó cái tên là Long Hồ dinh gồm đất Vĩnh Long và đất Định Tường. Về sau vào thời Đế Nhứt Cộng Hòa, ba tỉnh Vĩnh Long, Sa Đéc, Trà Vinh được gộp chung làm một. Vĩnh Long là tỉnh, còn Sa Đéc và Trà Vinh trở thành thị xã. Nhưng thuở xưa, Trà Vinh cùng Bến Tre thuộc đất Trà Vang do Hoàng thân Miên là Nặc Nhuận (Neac Ang Nhuận) hiến cho chúa Võ Vương để cầu được phong vương (1757). Còn Sa Đéc do Nặc Tôn hiến cho Võ Vương (1759) nằm trong vùng đất Tam Phong Long (gồm có Châu Đốc và Sa Đéc).

Đặng là mẫu người phóng khoáng, lấy cái cận như tình làm đầu, không câu nệ lễ thói. Chàng lại khôi ngô, hùng tráng, văn thái tinh hoa, tuổi xấp xỉ ba mươi mà chưa nghĩ tới việc xe tơ kết tóc. Cho nên đi tới đâu, chàng cũng dang dũ với các bậc danh kỹ địa phương, những mối duyên bèo nước của kẻ cá nước người chim trời đã đem lại cho chàng những ngẫu hứng để chàng đặt những bài thất ngôn bát cú hào sảng, chép thành tập "Bình Lăng Ký".

Đặng Thanh Đàm có người bác ruột ở Quảng Nam Dinh rất giỏi thơ phú và nghề làm thuốc. Chàng đã đến Quảng Nam ở với bác suốt bốn năm ròng. Sau đó chàng theo người bạn thân đến đất Quảng Ngãi học nghề làm đường (đường phen, đường phổi, kẹo gương), câu cá bống, bắt chim nữa. Rồi đó, chàng đến đất Qui Nhơn học võ tại làng Phù Ly, quê hương của Hoàng đế Quang Trung.

Thuở đó, Quảng Ngãi và Qui Nhơn trực thuộc Quảng Nam Dinh. Chàng cứ đi đi về về Quảng Nam, Quảng Ngãi, Qui Nhơn cho tới tuổi hai mươi lăm. Tại Quảng Nam, Đặng có gặp một vị Thiền Sư thuộc dòng Lâm Tế pháp danh là Khai Minh. Đặng được truyền lại môn võ Thiếu Lâm, rồi chuyên:

Thầy muốn vào đất Nam Hà để mở cuộc hoàng pháp, nối tiếp dòng Thiền của tổ sư Lâm Tế. Trộm nghe, tông Tào

Động cũng đã mở cuộc truyền đăng ở Phan Trấn Dinh và Long Hồ Dinh rồi. Thầy muốn mở một cuộc vân du ở các đất Bình Khương (Khánh Hòa), Trấn Biên (Biên Hòa và Bà Rịa), Phiên Trấn (Gia Định). Thầy muốn con cũng làm cuộc Nam du như thầy. Với võ nghệ con cứu khổn phò nguy. Với tài làm thuốc, con cứu nhơn độ thế. Như vậy con không làm uổng cái bốn hoài của thầy.

Đặng bảo:

- Xin thầy cho con theo hầu.

Sư từ chối:

- Con đường của thầy là con đường hoàng pháp. Con còn vương phong tình nguyệt trái thì theo sao kham? Tốt hơn, con đi riêng một nơi, thầy đi riêng một hướng để khỏi vướng bận nhau.

Đặng bái biệt thầy trở về đất Thần Kinh thăm mồ mã cha mẹ, viếng họ hàng thân tộc rồi mới quây thuốc, mang gươm mở cuộc Nam du. Đến mé sông Vũng Zù thuộc phủ Tân An, tỉnh Định Tường, chàng gặp ông Nhiều Trần Minh Hải, ở cùng ông hai năm để giới mài kinh sử và đồ tú tài trong cuộc thi hương.

Cứ như vậy, trên bước vân du từ đất Thần Kinh xuống miền Đồng Nai, Bến Nghé, Đặng vừa hành hiệp vừa coi mạch hốt thuốc lại còn kết bạn văn chương. Chàng có đặc chế nhiều món thuốc gia truyền và đi tới đâu, chàng cũng chữa bệnh mát tay tới đó, nên có nhiều tiền để ăn xài phong lưu. Những tay giàu có, từ bực bá hộ tới vạn hộ đều rước Đặng về nhà ở hàng năm, trọng đãi như thượng khách để chàng hốt thuốc bổ cho gia đình họ dùng. Món nhân sâm dinh dưỡng hoàn của chàng đã giúp biết bao người ốm yếu tong teo trở nên mập mạnh, sồn sồn. Món phi nhĩ tể của chàng đã làm cho trẻ con chóng lớn ăn chơi. Ngoài ra, Đặng có nhiều loại cao đơn hoàn tán khác mà đơn thuốc và cách đặc chế được ghi trong cuốn gia phả, bìa bọc gấm.

Tới đất Long Hồ, Đặng ngắm nhìn cảnh vật, cảm thấy mình có thể sanh cơ lập nghiệp được. Đây là ngôi thành, bốn mặt vây bọc bởi con sông Cổ Chiên và 3 con rạch trong đó con rạch Long Hồ lớn nhất, chảy xuôi xuống miệt Tam Bình...

Đặng mở một tiệm thuốc Bắc gần con sông Long Hồ, cất thêm ngôi nhà khang trang có vườn cây cảnh. Chàng nhớ mai mối đi kiếm một người vợ, nhưng hề chạm mặt cô nào là chàng lơ lơ lửng lửng, chẳng bằng bụng cô nào.

Bao nhiêu thì giờ rảnh rang chàng trút vào việc chơi cây cảnh và đồ cổ ngoạn.

Cuối Xuân năm nọ, Đặng nổi hứng, đi về đất Trà Vang và biển Ba Động. Tới một huyện nọ, nhìn cảnh gò nông cao, ruộng đồng thấp theo cuộc đất dần rùa châu Phật nghe Kinh, chàng dừng lại ngoạn cảnh. Một hôm, Đặng muốn tìm một chỗ trọ cuối xóm. Nơi đây, có một ngôi nhà lâu bỏ hoang, mái lợp ngói âm dương, có lan can vây quanh. Vào đầu xuân, cây bàng láng trông ở trong sân nhà trở hoa tím, nổi bật lên trên vùng lá xanh rậm của khu vườn như một cụm mây chiều. Chàng tìm tới người chủ ở ngôi nhà đầu xóm, xin thuê để ở trọ một tháng, trước khi đi về miệt biển Ba Động. Ông chủ nhà nói:

- Trước đây ba năm, tui cất nhà đó để ở. Nào dè, yêu quái lộng hành, hễ bắt đầu huỳnh hôn chập choạng là tui nó bắt đầu phá phách, lúc khóc, lúc cười, lại bỏ đất trong nồi cơm trách cá, liệng đá vô buồng, đổ nước tùm lum trên lầu... Eời đó, tui dọn nhà về đây. Tiên sanh nếu có dạ đồng gan sắt thì cứ dọn về đó, tui không dám lấy tiền gạo gì đâu.

Đặng cầm tám quan tiền đưa cho chủ nhà rồi nói:

- Tui với bọn ma quỷ ở đó, vốn không oán thù, lẽ nào tui nó hại tui hay sao?

Đặng ra công quét dọn, treo màn treo liễn đối, dọn án thờ. Đoạn, chàng xông trầm cho không khí tinh khiết để ở.

Chàng bao lâu, chỗ ở của Đặng sạch sẽ ngăn nắp. Nhưng chàng không thể nấu nướng được nên lần ra chợ dạo hỏi chỗ ăn cơm tháng. Một mụ bán cháo cá giới thiệu chàng đến gặp một ông chủ tiệm cơm cùng một dãy với tiệm thuốc bắc và tiệm bán nước tương cùng hắc xì dầu, tương tàu. Cứ vậy ngày ba bữa, Đặng từ căn lầu nọ đến tiệm ăn. Chàng không quên dọn cho mình một gian phòng để xem mạch hốt thuốc cho bệnh nhân.

Suốt một tháng trôi qua, Đặng không thấy việc gì lạ xảy ra trong căn lầu ma kia. Dân trong vùng cứ đến hỏi chàng về nơi cư ngụ của chàng. Chàng cười tự hời:

- Ma bắt coi mặt người ta. Chắc ma thấy tui nặng bóng vía nên tui chúng bỏ đi hết rồi.

Nhờ vậy khách đến coi mạch hốt thuốc khá đông. Đặng thường đóng cửa lầu mang bầu quây níp đến các vùng lân cận để trị bệnh cho thân chủ ở xa.

Tối tối, Đặng chong đèn đọc những tập thơ như "Lưu Hương Ký" của Hồ Xuân Hương, "Diệu Liên Thi Tập" của Mai Am Công Chúa, "Minh Bột Di Ngủ" của Mạc Thiên Tích, hoặc các truyện thơ như "Sơ Kinh Tân Trang" của Phạm Thái, "Song Tinh Bất Dạ Truyện" của Nguyễn Hữu Hào. Đôi khi hứng chí chàng cất tiếng sang sang lên ngâm ngư. Mười lần như một, hễ mỗi khi chàng ngâm là có tiếng đờn trong vắt, ý chừng như đờn tranh phụ họa. Lúc đầu, Đặng nghĩ rằng ở bên hàng xóm ắt có một bực phong lưu tao nhã, cảm khái được ý thơ nên mới nổi hứng đệm

đờn như vậy. Cho nên chàng để ý dò la. Nhưng chàng thất vọng. Nhà cửa chung quanh là những gia đình làm ruộng hoặc buôn thúng bán bưng ngoài chợ, gồm những người nghèo nàn chon chát, không thể nào có một kẻ tài tử được. Ngón đờn tranh kia thật tươi, thật điêu luyện, khi dạo khúc cao sơn du thủy gọi cho người nghe ngón đờn của nàng danh kỹ trên bến Tầm Dương thuở Trung Đường.

Một đêm nọ vừa chợp ngủ, chàng nghe căn gác đối diện với phòng của chàng nổi lên tiếng đờn thập lục... Trời càng về khuya, tiếng đờn càng trong trẻo, càng muõi mẩn thâm kim. Thế rồi, một giọng đờn bà khàn khàn cất lên ngâm một bài thơ tự thán:

*Đời dù lãn lóc với phong ba  
Xuân thiếp gầy hao, tuổi thiếp già  
Vùng cạn lại nhiều người lặn hụp  
Chợ chiều cũng lắm kẻ vào ra  
Chọn người vàng đá, hầu khấn lược  
Tìm khách cầm thi, đãi rượu trà  
Thách với xuân thu, màu phấn đại  
Thân này há đợi tuổi xuôi gia?*

Đặng liền ra lan can lữ quán hóng gió. Trăng sáng quá. Căn gác đối diện với gác chàng đốt đèn lồng. Phía trong một thiếu phụ ngoài 30 tuổi đang đốt nhang thơm, ngồi gầy đờn thập lục. Nàng mặc áo dài the đen, tóc bới ba vòng một ngọn, giắt cái trâm nhân kim cương lẩn lộn với hạt ngọc thạch. Nàng đeo nữ trang khá nhiều, màu vàng chói lọi trên nền the đen, nào bông tai mù u, nào kiềng chạm, nào dây chuyền nách, nào neo quần tử cườm tay lên gần tới cùi chỏ. Đặng lấy làm lạ, tại sao thân đờn bà như nàng mà dám ở chỗ vắng, lại đeo vàng đầy người như vậy?  
Thiếu phụ bỏ đờn, liếc về phía Đặng, miệng cười chúm chím, hồ băng quơ:

*Ốc gạo tháng năm, nước mắm dầm  
chanh ớt, miếng ngon chia sớt, quên  
bớt cảnh nghèo hèn, đừng chê bèo đời  
sánh cùng sen, rồi bày chuyện đèn  
ghen trăng tỏ.*

*Em đâu phải hoa tường liễu ngô, anh  
chưa là xô chợ đầu đường, một câu  
nguyên tạc dạ ghi xương, duyên thắm  
mặn muông tương, khứa cá.*

*Đừng tưởng én mê anh mà quên điều  
bỏ quạ, ấy chẳng qua cũng cá nước  
chìm trôi. Anh mà có đổ mồ hôi, em  
quạt một hồi cho mát, anh mà lười khô  
miệng khát, em pha trà nấu bát sấm  
thang... Đừng nghĩ bướm ong lẩn lộn  
với đá vàng, gặp giữa đường một ngày  
cùng nên nghĩa. Đừng thấy em say  
tỉnh mà mai mỉa, để ngày sau chén đĩa  
lộn đời.*

Đặng biết là yêu ma nên nổi máu  
ngóng. Chàng tăng hắng. Thiếu phụ  
nín bật, lấy cây quạt kết bằng lông đuôi  
vịt xiêm, che miệng cười rồi buống tẩm  
sáo xuống. Đặng liền hát:

*Mặt em tươi trong, như cá lòng tong  
mới vớt, ngật bụng em hơi hợt, đã có ớt  
còn đời tiêu... Gấm thân anh như quạ  
như điều... Sông khô, nước cạn, tôm cá  
cũng đều bật tằm.*

*Nè em Hai ơi, nhớ đêm rằm gió mát,  
gặp gỡ nhau trong chốc lát, mà anh  
tương tư mua chất não sầu, kim sắt  
chích thịt thì đau, kim thịt chích thịt  
nhớ nhau hoài hoài.*

Thiếu phụ khen:

- Thằng cha thầy thuốc xứ Huế này  
khi nói năng thì trở giọng Huế trợ trợ,  
khi hò thì rõ ràng là giọng đám lưu dân  
vùng đất phù sa Nam Hà.

Đặng cười hề hề:

- Bối có hò giọng Nam Hà, lẽ đâu tui  
cất giọng Nam Thương Nam Bình của  
các nàng ca nữ trên sông nước Hương  
Giang để làm hư đường hư bột giọng hò  
ngọt lịm của cô hay sao?

Thiếu phụ cười ngắt, rồi hát:

*Em lau ván cấm lai, rồi bày đôi chiếu  
phụng, nào nệm cao mùng rộng, nào  
gối gấm mềm nhung, nhấn ai là khách  
anh hùng, em thực nữ xin cùng hiệp  
cân, nếu anh trở cờ lật lọng, em ra tay  
bẻ họng móc mang, nếu anh xô rờ làng  
chàng, em đập xuống sàn cho ngủ  
chung với chó.*

Đặng đâu phải tay vừa, hò trả đũa liền:

*Cũng bởi em làm hung làm dữ, nên  
bao quân tử đổ mồ hôi. Cũng bởi em cứ  
hỏi cứ đòi, bao anh hùng đứng ngồi  
thở dốc, thà anh để em đóng meo đóng  
móc, bước xuống giường khỏi tức ngực  
đau lưng.*

Bên kia có tiếng xí dài ra chiều ghét bỏ  
lắm, tiếp theo đó có tiếng làm bầm nói  
điều gì không rõ. Rồi Đặng ngủ một  
mạch tới sáng.

Vào kỳ rằm tháng tám năm đó, tức là  
cách nửa con trăng sau đêm kỳ ngộ  
giữa chàng danh sĩ và nàng thiếu phụ  
ma, khắp phủ nào nức đón Tết Trung  
Thu. Các tiệm khách trú treo đèn lồng  
bày bánh trái... Tới đến có lễ rước cộ  
bông về Phủ, có ban hát Quảng Đông  
diễn tích "Hàng Nga Hậu Nghệ" tại sân  
chùa Đức Quan Thánh Đế Quân, có  
ban hát Triều Châu diễn tích "Đường  
Minh Hoàng Du Nguyệt Điện" tại sân  
chùa Đức Thiên Hậu.

Ngoài đường phố thiên hạ dập dìu.  
Con nít mang lồng đèn hình sao, hình  
trái bói, hình lý ngư đi dạo đó đây. Có  
đứa chơi trống bỏi.

Đặng dạo từ chùa Ông (tức là chùa  
Quan Thánh Đế Quân) sang chùa Bà  
(tức chùa Thiên Hậu). Bỗng chàng  
nghe tiếng trong trẻo sau lưng:

- Tối đây em muốn coi hát hơn là xin  
xăm. Rủi gặp lá xăm xấu, mình mắc  
công lo.

Một giọng đờn bà ôn nhu báo:

- Vào ngày rằm ngày vía, Bà ua về  
viếng vùng này nên xăm linh ứng lắm,  
em hãy nghe chị xin một que cho biết.

Một giọng đờn ông chen vào:

- Phu nhơn kỳ quá, hồi rằm Ngươn  
Tiêu tức là vía Đức Thiên Hậu phu  
nhơn đã xin một que rồi, thôi thì hãy  
đợi rằm Ngươn Tiêu năm tới hãy xin có  
hơn không.

Đặng quay lại chợt thấy ông Viên  
ngoại Đoàn Khánh Vân cùng đi với một  
người đờn bà tuổi cỡ ba mươi và một cô  
thiếu nữ khoảng đôi tám xuân xanh.  
Ông Viên ngoại này tiền của dư muôn,  
có nhà gồm tòa cao lẫm lớn ở gần cửa  
phủ, tuổi chỉ ba mươi ngoài vừa kế  
nghiệp cha. Đặng đã có vài lần đến Kim  
Mã Gia Trang, chốn dinh cơ của Viên  
ngoại để chữa bệnh cho bà nhạc mẫu  
của ông ta.

Ông Viên ngoại họ Đoàn vừa thấy  
Đặng liền mừng rỡ:

- Hồi chiều tui có sai thằng gia đồng  
cầm thiếp tới mời tiên sanh tới nay đến  
tệ xá ăn bánh thưởng trăng. Nhưng rất  
tiếc then sương khóa chặt, chủ nhân  
vắng bóng, lầu gác vắng hoe. Thôi thì  
tiện dịp mời tiên sanh đến nhà tui  
nhập tiệc luôn thể.

Đặng vui vẻ nhận lời. Viên ngoại giới  
thiệu:

- Đây là tiện nội. Còn đây là con em  
con nhà cậu của tui. Cậu tui là ông Vạn  
Hộ Đình Văn Lương ở thị trấn Vĩnh  
Long. Tên nó là Đình Thị Văn Anh. Nó  
đến đây thăm bà má ruột tui, tháng tới  
mới về.

Đặng kín đáo liếc trộm cô gái. Cô mặc  
chiếc áo bằng đoạn màu huyền nổi  
bông tím bông xanh, không đeo nữ  
trang gì rườm rà ngoài chiếc kiềng  
chạm, đôi bông tai chạm hoa mai, đôi  
vòng bát bửu, tất cả đều bằng vàng.  
Nước vàng không nhuộm đỏ nên mét  
chàng mét ượng. Tuy vậy cô vẫn đẹp ở  
vẻ thiên chơn, mày không tia mỏng, má  
không giới phấn, môi chẳng thoa son  
như mấy cô xăm dạo phố. Còn bà viện  
quận (tức là vợ viên ngoại) thì vàng đeo  
ngọc khảm, mặc áo gấm đại hồng, chơn  
mang đôn nhưng xanh thêu cườm đỏ,  
cườm vàng, cườm tím.

Khắp trang trại được treo lồng đèn  
sáng rực. Đèn đuốc sáng rực khắp dinh  
cơ. Đình dọn ở ngoài Cẩm Hương  
Đình, có đốt trầm hương thơm ngắt.  
Trên trời, bóng trăng tỏ lầu lầu một  
khối ngọc băng. Khắp huê viên, sân  
thềm tẩm ánh sáng trong trẻo. Một dãy  
bàn tiệc chất đầy bánh trưng thu gói  
mua tận thị trấn Vĩnh Long, trái cây  
mắc tiền như cam tàu, quýt nùm, xá lý,  
trái vãi.

Cô tiểu thơ họ Đình cùng với mấy con  
đôi lo pha trà, dọn bánh chớ không  
ngồi thưởng tiệc như bà Viện quận.

Sau màn tiệc cháo gà, gói gà thì mới  
tới tuần trà bánh. Vừa lúc tiệc mặn bãi  
đi thì bà Viện quận bảo Đặng:

- Tui được nghe các danh sĩ địa  
phương đồn rằng tiên sanh giỏi tài  
phun châu nhà ngọc. Vậy sẵn lúc trăng  
thanh gió mát xin tiên sanh hãy tức



cảnh một bài thất ngôn bát cú cho nội nhà đây thường thức.

Mọi người xúm lại yêu cầu Đặng vịnh cảnh nên chàng khó từ chối. Văn phòng tứ bảo bày ra, Đặng cầm bút nhúng vào mực Huy Châu rồi viết một bài lên trên giấy hoa tiêu trải rộng:

*Khuôn nga tuần tự tròn rồi khuyết  
Nay gặp hội rằm thỏa ước ao  
Gương ngọc giữa trời luôn rõ rõ  
Lòng người đối bóng cũng lâu lâu  
Ham tiền, đồ hội ai xe ngựa  
Rạng tiết, lều tranh tớ cháo rau  
Khi phiến tuyết băng lồng chén rượu  
Mặc ngoài gió bụi nổi ào ào*

Khi thơ được ngâm lên, mọi người trong tiệc tán tụng không ngớt. Họ cứ bắt Đặng ngâm đi ngâm lại bốn lượt. Viện quân sau đó vào trong nhà thay chiếc áo lụa trắng rồi bước ra báo:

- Biểu muội của phu quân tui có báo tui rằng bài thơ này hay dở gì thì chưa biết, nhưng mà tác giả tuy vịnh trắng mà không lập đi lập lại tiếng trắng. Tác giả lại dùng những hình ảnh chỉ về trăng thiết khéo như khuôn nga, gương ngọc, phiến tuyết băng...

Đặng ngó lời cảm tạ. Tiệc bánh tiếp tục cùng với những vần thơ xướng họa thiết hào hứng, cho tới cuối canh tư mới tan. Đoàn Viên ngoại cho tôi tớ đánh xe đưa Đặng về nhà. Chàng xúc miệng, chà răng, thay áo mỏng nhẹ rồi tắt đèn đi ngủ.

Trong cơn chập chờn Đặng thoáng nghe có tiếng phụ nữ ngâm bài thơ mà chàng đã trước tác tại Kim Mã Gia Trang.

Sáng hôm sau, Đặng ra tiệm để dùng điểm tâm. Thiên hạ cứ xôn xao về sự lạ ở một cái vùng ở cuối xóm mà từ xưa đã có cái tên là Vững Linh. Trước đó hề ai đến đó bất cứ ai xúc tép bị "ông bà" hành bệnh mê sảng. Đặng liền tìm đến vùng Vững lớn cỡ một mẫu đất, nước trong biêng biếc. Đây nước trong hiện ra nào chén đĩa, lộc bình, chậu chéo bằng sứ Giang Tây cùng lư hương, giá đèn bằng đồng. Quan huyện sai lính xướng mở thì chẳng gặp gì cả. Lính liền tát vũng, chỉ gặp sinh bùn. Để rồi đó, khi nước tràn vào vũng và lắng xuống thì đồ cổ ngoạn và đồ đồng hiện ra.

Đặng tới vũng và cũng thấy như vậy. Chàng thú quá, liền đề hai câu thơ nôm trên cây mù u già bên vũng:

*Vững trong cổ ngoạn bày ra  
Vọng tâm chìm lắng, sáng lòà chơn tâm*

Chiều chàng về nhà trọ, toan nấu cơm, bỗng thấy gần án thư có bày mâm cơm với món canh rau má mà chàng ưa dùng. Đặng tới cúi đũa thức ăn lương thực thì thấy đồ dự trữ chiều hôm qua đã với một nửa. Bếp còn hồng than lửa. Chắc có ai vào đây nấu nướng dùm chàng. Đặng rửa mặt rồi ngồi vào bàn ăn thì có tiếng la của người đờn bà:

- Coi chừng có bột tỳ sương trộn vào tô bánh canh tôm thịt.

Đặng thọc đũa vào đĩa thịt gà, thì lại có tiếng la:

- Coi chừng ăn nhầm bả đậu.

Đặng cười:

- Cô đẹp quá. Nếu tui ăn nhầm chất độc mà chết để được theo xách giày, xách dép cho cô thì tui cũng ưng.

Rồi chàng ăn uống ngon lành.

Người thiếu phụ hiện ra, bỏ bớt vòng vàng chuỗi hạt, chỉ mặc áo lụa trắng, đeo kiềng trơn. Nàng lắc đầu:

- Chịu thua cái thằng cha thiên lôi, cái thằng cha ôn hoàng dịch lệ vật này.

Đặng cười ngỏn ngời:

- Còn cô, cô chắc là con nhà lành?

Thiếu phụ cũng cười, hàm răng trắng đều như hạt bắp:

- Lúc sống tui là gái nhà lành, nhưng chết ức chết oan, hơi đầu mà giữ phẩm giá trước mặt một kẻ giang hồ phóng đảng như ông. Tuy nhiên, những hạng "đâm cha, chém chú, lặc vú chị dâu, cạo đầu mẹ vợ" tui sợ lắm.

Đặng mời nàng cùng ăn. Nàng cười:

- Tui chỉ ăn hương, ăn khói mà thôi. Bao tử, ruột gan này vốn là hư không ráo trọi. Còn thân thể này chẳng qua là hình sương, dáng khói do vọng tâm mà có đó thôi.

Đặng đành dùng cơm một mình. Nàng xới cơm, gấp thức ăn cho chàng. Khi chàng buống đũa là có đĩa trái cây, kẹo bánh và một bình trà để sẵn trên án thư. Vừa khi nàng đốt trầm thì chàng ngăn lại:

- Tối nay, tui không đọc sách đâu. Tui muốn làm chuyện hảo sự với cô mà thôi.

Thiếu phụ cười hăng hắc, tất ngọn nến hồng. Đặng giao hoan cùng nàng, không khác gì giao hoan với người sống. Lại hỏi về nàng:

- Về cái thú đâm bọc này, ma có biết thú vị không?

Thiếu phụ lắc đầu:

- Minh ơi, nếu nghĩ cho cùng, thì cái thú đó cũng do vọng tâm mà suy ra. Tôi giao hoan với mình cũng chỉ để ôn lại những thú xưa, thườ tôi còn sanh tiền.

Đặng cười mơn:

- Chắc là với người đờn ông khác!

Thiếu phụ máng vái:

- Thằng cha này chời mời, chọc chọc. Thườ xưa tui ngủ với ai thì thấy kẻ tía tui... Mặc mở gì tới anh, mà anh nói chận hòng, chận hầu...

Đặng cứ thò tay ngọc, thọc tay ngà vào nách thiếu phụ, rồi cứ ve vuốt nàng hoài. Chàng vài tiếng đồng hồ sau, chàng đòi giao hoan nữa, nàng cũng ưng. Hai người chuyện vãn nhau từ chuyện thể thái nhơn tình đến chương rất tâm đầu ý hiệp. Chẳng mấy chốc mà gà gáy rõ ở đầu xóm. Đặng sực nhớ:

- Nãy giờ quên hỏi tên tuổi, quê quán của em.

Thiếu phụ nói:

- Em tên Kiều Nga, họ Huỳnh, quê tại đây, tía em là khách trú, má An Nam. Bởi tía em mê tiền nên gả em cho ông

Bang họ Bành, ở đầu xóm làm vợ bé, nên em hôn duyên tui phận lám, chi biết chơi đồ cổ ngoạn để giải buồn. Khi sanh xong đứa con đầu lòng, em cứ đau ốm dây dưa suốt mấy tháng, rồi qua đời. Ông Bang chôn em ở đầu xóm dưới bóng ba cây sao, cùng một mớ đồ cổ ngoạn. Sau đó ông về Tàu. Đời này, đời nọ trôi qua, mà em lạng thành đất bằng. Rồi miếng đất của ông Bang về tay người khác. Họ muốn có chỗ thả sen, nên đào ao gần má em, gần đưng tới chỗ chôn đồ cổ ngoạn. Em đau lòng lắm, sợ mất hết của cải, nên cho nước trào lên lai láng. Họ nghĩ rằng chỗ đào khá sâu nên dừng lại. Nhưng sen nào mà thả vào ao thì sen chết trước khi sanh sôi nảy nở, chớ đừng nói chi tới lúc trở bông. Sáng nay đây, lúc trời trong, nắng tốt, em cho hiện lên đồ đồng, đồ cổ ngoạn. Nhưng, mình ơi, tuy thấy vậy mà có phải vậy đâu. Hình ảnh đồ cổ ngoạn dưới ao là ảo ảnh. Người trần mắt thịt tới đó đào lên chỉ gặp bùn đất mà thôi, vì họ chưa đủ duyên mà gặp của quý. Em xin dành cho mình, vì mình là kẻ tao nhã, phong lưu lại có tâm địa tốt.

Nói xong, từ giả ra đi. Luôn tiếp bốn ngày nàng không đến, mà trên gối còn thoảng mùi xạ hương. Đặng buồn nhớ mông lung, không thiết đi đâu. Cứ mỗi lúc ánh chiều xám nhạt trải rộng bên kia mái ngói là chàng bôn chồn chờ đợi. Chàng liền viết hai câu thơ nôm vào tập thơ bọc gấm của mình:

*Chiều qua, chiều lại nhớ người  
Gối loan còn thoảng một mùi xạ hương.*



Một hôm vào lúc chàng vắng tối, Đặng đi trị bệnh về thì thấy căn lầu của mình sáng rực ánh đèn. Chàng nghĩ có Kiều Nga đến thăm nên vội bước lên cầu thang. Cửa lầu mở rộng. Chiếc bàn tròn đã phủ khăn mờ màu trắng sáo. Giữa bàn chiếc đũa bằng sứ trắng men đỏ pha nâu cắm đầy bông điệp, bông trang, bông sao nháy, bông cúc, bông hoàng điệp. Xen lẫn vào những bông hoa không hương đó có những lá ngải cứu tỏa mùi thơm hăng hắc, cay cay...

Kiều Nga từ trong bụng ra mâm cháo gồm một liên cháo trắng, một đĩa trứng vịt muối bổ đôi, một đĩa thịt kho tiêu, một đĩa củ cải ngâm nước tương. Nàng bảo:

- Em biết mình trọn ngày nay làm việc mệt nhọc nên em soạn mâm cháo cho mình. Em đã pha nước ấm để mình tắm cho khỏe.

Đặng trách móc:

- Hôm rày, anh mong em. Mỗi ngày qua là anh điều đứng khổ sở.

Kiều Nga chỉ cười buồn rồi giục chàng đi tắm. Sau đó, khi mặc xong chiếc áo bằng lụa trơn mỏng nhẹ, chàng ngồi vào bàn. Kiều Nga múc cháo vào chén cho chàng và bảo:

- Em rất thông cảm tấm lòng nhớ thương hoài vọng của mình. Nhưng em có nhiều việc phải làm. Như mình đã biết, lúc sanh tiền em có tật lang chạ, lên lút chông để đưa đón lũ trai trẻ, trai non. Đến khi thác rồi, em còn đàn đờ với vài người dờn ông khác, trong đó có mình. Cái nghiệp dâm của em nặng quá. Nếu em không tìm cách giải nghiệp thì khi đầu thai kiếp sau, em sẽ thành con chồn tinh mặt trắng. Bởi vậy, từ bấy lâu nay em luôn phù hộ các cô trinh nữ, các bậc tiết phụ trong lúc họ gặp tai ương hoạn nạn để họ bảo vệ tấm gương trinh sáng lâu lâu, để họ cũng cố tấm lòng tiết liệt họ luôn vững mạnh như đồng trụ thạch bản. Máy hôm rày, em xuống miệt An Trường, Càng Long, Nguyệt Hóa để đưa đường chỉ nẻo cho những cô kiên trinh khỏi nạn khi gặp lúc rủi ro, em còn cứu giúp những hài nhi ốm đau để chúng gặp thuốc gặp thầy.

Đêm đó, ánh hồng lạp soi trường phụng, mưa giao mùa lác đác ngoài sông. Cả hai ăn ái nồng mặn, giao hoan thỏa thuê để bù bao ngày xa cách. Trong lúc đầu gối tay ấp, Kiều Nga thổ thê:

- Em có quen một cụ ma già. Đó là bà Bảy Lựu quê ở An Trường nên hồi bà còn sống, thiên hạ gọi bà là bà Bảy An Trường. Từ hồi còn nhỏ, bà thường tìm đến chỗ nào có tụng kinh Phổ Môn để nghe. Vì nghèo khổ quê nhà nên bà đầu được cha mẹ cho học chữ như trường hợp các cô lá ngọc cành vàng. Tuy vậy hề có tiên là bà muốn người tụng kinh Phổ Môn cho bà nghe. Nhà bà có đặt bàn thờ Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, và bà thường niệm "*Bạch Y Quán Thế Âm Thần Chú*" cùng "*Quán Âm Linh Cảm Chơn Ngôn*" rất là siêng chăm. Cho nên khi bà thác đi, thần thức của bà được Long Nữ, thị giả của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát đưa đến núi Phổ Đà để gặp Bồ Tát. Trong lúc đợi

buổi ăn cháo lú đầu thai, bà tình nguyện cứu giúp người sống, độ người chết chưa được siêu sanh. Những công việc thiện nguyện của em lúc chết làm bà cảm khái lắm. Mới đây bà tiết lộ cho em biết rằng duyên đời ta rồi cũng có ngày thành giai ngẫu đá vàng. Nhưng thiên cơ bất khả lậu. Mình có yêu em, xin thỉnh tượng Đức Quán Thế Âm về thờ tại gia. Và mai một đây, ở An Trường có người mời mình đi chữa bệnh, mình nhớ dán hai đạo bùa dưới chân giường của bệnh nhân. Việc ứng nghiệm sau này sẽ rõ.

Nàng rút trong tấm áo lót màu cánh sen của mình hai lá bùa, mỗi lá trên vẽ mặt bát quái, dưới vẽ mặt hổ phù, và dưới nữa là ba hàng chữ ngôn ngữ mà Đặng nghĩ đó là chữ Phạn, nhưng không rõ chữ Bắc Phạn hay Nam Phạn đây? Tuy nhiên, Đặng nghĩ rằng bùa chú là những gì thuộc về bí truyền nên không nhờ Kiều Nga giải thích. Kiều Nga cười bí mật:

- An Trường là quê vợ của anh sau này.

Quả nhiên hôm sau, có ông Bá Hộ Trần Thanh Kỳ ở An Trường sai người đem thiệp đến mời Đặng đến chữa bệnh cho cô trường nữ của ông và tặng trước cho chàng một con ngựa kim để chàng đỡ chơn trong lúc di chuyển.

Nhà ông Bá Hộ họ Trần gồm ba căn hai chái thiết rộng, phía sau xây lầu gác. Hai bên hông là hai dãy lầu gác đồ sộ khang trang. Ông có hai người con trai đã thành gia thất, còn người con đầu lòng của ông là gái năm nay tuổi gần ba mươi mà vẫn chưa chồng. Cô ta tên Trần Kim Xoa, từ bé đã ngây dại, ăn uống phải có người đút, tiêu tiểu chưa biết làm thế nào.

Trong mấy tháng gần đây, Kim Xoa bỗng ngã bệnh. Bà Trần Bá Hộ dốc lòng chạy thầy chạy thuốc nhưng các danh y địa phương đều không rõ bệnh gì.

Đặng vào phòng cô gái, bắt mạch cho cô thì nhận thấy mạch của cô hỗn loạn nên chàng hoang mang, đoán không ra bệnh gì. Tuy nhiên, nhớ lời của Kiều Nga, chàng lên dán hai đạo bùa ở chân giường cô gái. Quả nhiên cơn nóng sốt hạ liền. Cô bệnh nói bốn tiếng ăn, uống, tiêu, tiểu... Nhờ vậy căn phòng, giường chiếu, quần áo của cô khỏi dính những thứ phóng uế để trở nên khô ráo, sạch sẽ. Ông bà Trần Bá Hộ mừng lắm.

Đặng muốn từ giả ra về. Ông Trần Bá Hộ sai gia đình mổ bò để ăn mừng con gái hết bệnh và để đãi chàng. Món bò thui ở An Trường rất nổi tiếng ở vùng Trà Vàng. Gia chủ cùng khách khứa và người nhà được dự một bữa ăn cầu kỳ. Trong vườn gia chủ có xe mương và bồi líp để trồng cam, quýt, chanh hay chuối. Bắt đầu từ líp một gia chủ đặt thịt bò thui; líp hai gia chủ đặt bún, rau sống; líp ba đặt mắm nêm giã tỏi ớt pha chanh, gừng; líp tư đặt rượu. Thực khách ăn một miếng bò thui, uống một hớp rượu phải lội qua ba cái mương, trèo lên ba cái líp (líp một không kể đến). Đã vậy họ còn phải trở về líp một bằng cách lội mương trở líp để chuẩn bị cho miếng ăn thứ hai. Nhờ có vận động nên thức ăn mau tiêu. Nhờ có chờ đợi nên miếng ăn mới ngon bắt ngờ.

Nghệ thuật thui bò và nghệ thuật làm mắm nêm ở đây thiệt lạ miệng, thuộc về những món gia truyền.

Sau đó, ông Bá Hộ họ Trần rủ chàng đi chơi Nguyệt Hóa. Đây là làng mà bà phân tư là người Miên. Người em kế của Trần Bá Hộ làm ruộng ở đây. Tới đây, họ được gia chủ đãi món hủ tiếu Chứa Tháp, món bún nước lèo, món bánh ống. Món bún nước lèo, gia chủ không làm bằng món mắm bò hóc của người Miên mà làm bằng mắm sặt, khi dẫn lên bằng chút ngải bún thì nước cốt mắm sặt không tanh, đậm thêm tôm luộc, thịt luộc, cá bóng luộc ría thịt thì trở thành một món mỹ vị. Làng Nguyệt Hóa có trồng nhiều cây sa kê. Lá sa kê nấu nước uống mát cả tý vị. Trái sa kê hấp chín trộn dưa nạo ăn khá ngon.

Có đêm nằm chiêm bao, Đặng thấy Kiều Nga hiện về báo:

- Kim Xoa sẽ là người vợ hiền của mình. Mình gắng săn sóc cô ta tức là mình săn sóc em đó.

Via Đặng báo:

- Có Kim Xoa mà trở thành vợ anh thì đời anh kể như... xuống địa ngục. Có ta còn khổ khạo, điên khùng làm sao trở thành người vợ hiền của anh được?

Kiều Nga cười:

- Để rồi mình coi, rồi đây các cô-thiên kim tiểu thư của các bậc công hầu khanh tướng chưa chắc đã vượt nổi tai mao của cô.

Rồi nàng dặn thêm:

- Bà Bảy An Trường có nhắn mình nên vào chùa thờ Đức Bà Thiên Hậu họa lấy tranh của nương nương đem về đóng trang mà thờ. Mai sau nhờ oai linh nương nương mà em có cơ hội gá duyên cùng mình, không phải bằng hôn ma bóng quế mà bằng xương bằng thịt như bao phụ nữ khác.

Khi Đặng xin phép ông bà Trần Bá Hộ trở về nhà thì ông tặng cho chàng mười nén bạc; nhưng chàng không nhận. Chàng bảo:

- Gia chủ đã tặng con ngựa kim đã là quý lắm rồi.

Hai ông bà khẩn khoản chàng Đoàn Ngộ năm sau trở lại An Trường ăn thịt bò thui. Chàng sốt sắn nhận lời.

Đặng về tới nhà, thỉnh tranh Đức Đại Từ Bi Quán Thế Âm Bồ Tát về thờ ở trung đường, họa tranh Đức Thiên Hậu thờ trên trang, nhưng rỗng rã suốt tháng trời Kiều Nga không đến.

Cái Tết Nguyên Đán lặng lẽ đến rồi âm thầm rút lui. Đặng sáng gieo tiền bói quẻ, đêm ngắm hoa đèn, nhưng bóng dáng giai nhân vắng bật.

Một tối vừa nằm vào giường, trong cơn nửa tỉnh, nửa mê, chàng thấy một cụ già ngoài 60 tuổi, có nốt ruồi đen ở mép, mặc áo bà ba xuyên trắng, quần vải đen, vai quàng khăn rằn, miệng nhai trầu chóc chách. Mụ có vẻ đác đác khi đứng trước cửa, hỏi rón rảng:

- Có phải đây là nhà ông thầy thuốc họ Đặng không?

Đặng lồm cồm ngồi dậy, xưng tên họ và xác nhận đây là nơi trọ của mình. Mụ già hơn hớ:



khoan nhu với kẻ ăn người ở trong nhà. Nàng khéo léo mọi món nữ công phụ xảo, lại có tài mần tiếp trong việc xướng họa thi thơ...

Trong lúc rảnh rang, Trần Kim Xoa đem hết việc trong kiếp làm Huỳnh Kiều Nga cùng mỗi kỳ ngộ giữa Đặng Bảo Sơn và cô bên Vũng Linh, cho mẹ và hai em dâu nghe. Nàng báo mẹ:

- Nay mai, chàng họ Đặng tới đây. Xin cha mẹ tác thành cho con được kết duyên cùng chàng.

Trần phu nhơn bảo:

- Nếu được như con nói thì còn gì bằng. Đặng tiên sanh vốn kẻ văn võ song toàn; cha mẹ mà được một giai tể như chàng thì đó là điều vinh diệu cho nhà mình.

Phu nhơn đem mọi chuyện của con gái học lại với chồng. Trần Bá Hộ giục gia nhơn lo sửa sang nhà cửa, còn phu nhơn thì chuẩn bị tiệc tùng trà rượu.

Quả nhiên, hai hôm sau, Đặng cùng ông bà Viên Ngoại Đoàn Khánh Vân (đóng vai mai nhơn) đem xe ngựa, đồ sinh lễ tới.

Trần Kim Xoa bung trà ra chào khách. Đặng nhìn thấy cô gái không giống Huỳnh Kiều Nga về dung mạo, nhưng dáng điệu cao sang, nhan sắc lộ lộ vẻ tươi nhuận xinh đẹp, cử chỉ và tiếng nói thì đúng là cử chỉ và tiếng nói của Kiều Nga. Cả hai mừng đến rơi nước mắt.

Trần Bá Hộ ngỡ ý ông bà Đoàn Viên Ngoại sau khi nhờ người coi tuổi của đôi trai gái:

- Một đây xin ông bà cho gia chủ làm đám hỏi, mười ngày sau làm đám cưới. Có vậy mới gặp ngày tốt.

Đặng trình bày cái khay đựng các món đồ sinh lễ gồm đôi bông tai bằng ngọc toàn chạm hình hoa mấn côi (hoa hồng) đỏ thắm, đôi vòng ngọc thạch, một đôi vòng vàng chạm bát bửu, một chiếc kiềng trơn, một chiếc trâm vàng chạm phụng cấn kim cương, một chiếc nhẫn nhện ngọc phỉ thúy. Và đặc biệt nhưt là cặp chén chung bằng ngọc mã não vốn là món gia bảo mà bấy lâu nay đi đâu chàng cũng mang theo. Còn các món nữ trang đó do Đoàn Viên Ngoại sắm.

Đám cưới được cử hành long trọng. Họ hàng thân tộc ở các vùng Càng Long, Nguyệt Hóa, Trà Vang đến dự đông đúc.

Đêm tân hôn, cô dâu báo chú rể:

- Được gặp một khách phong lưu tài mạo tuyệt vời như mình, nên lúc trước em hạn rằng thân em không còn tâm bằng trình để đáp đền tình thâm nghĩa trọng của mình. Nay nhờ có thân xác của Trần tiểu thơ mà em được cơ hội đem tấm bằng trình ấy biến đổi cái thứ đầu bọc gió trắng thành duyên đá vàng bền chặt với mình.

Sau đám cưới, ông bà Đoàn Viên Ngoại từ giá ra về, còn Đặng phải ở rể suốt ba tháng ròng. Trần Kim Xoa bảo chồng:

- Nhà vợ không phải là chốn dung thân của kẻ có tâm chí vầy vùng theo đại bằng kinh ngư như mình. Hai tháng em của em bấy giờ vẫn còn giữ nguyên ven tình hòa ái với chị ruột và anh rể, nhưng em coi bộ tụi nó không phải là những kẻ có tấm lòng rộng rãi

đâu. Vợ chồng ta phải xin ra riêng. Số phần em tuy được bèn thăm duyên giai ngẫu, nhưng không thể sanh nở được. Em cũng tính chọn một gái hiền thức đảm đang để làm thứ thất cho mình.

Hai vợ chồng xin phép ông bà Trần Bá Hộ để về Vĩnh Thanh. Phu nhơn tỏ ra bịn rịn. Trần Kim Xoa giải bày cặn kẽ, lời lẽ vừa hợp lý vừa hợp tình nên bà đành cho con gái và rể ra riêng. Hai vợ chồng về nơi cũ. Tiểu thơ mang theo của hồi môn trọng hậu theo chồng.

Trần Kim Xoa đem một mớ đồ cổ ngoạn tặng cho ông bà Đoàn Viên Ngoại gọi là đèn đáp các món nữ trang mà họ tặng cho Đặng hôm đám cưới. Hai bên giao hảo nhau rất tương đắc, thường tặng nhau các món thời trang, các món ngoạn khí.

Trần Kim Xoa cho sửa sang lại nhà cửa, cất thêm lầu gác. Nàng tổ điểm khuôn viên thêm phần thanh lịch, đào rộng ao để cất nhà thủy tạ, xây thêm cái Cẩm Hương Đình, trồng thêm kỳ hoa dị thảo. Chừng năm năm sau, hoa viên có mai Thúy Vũ, trúc Tương Phi, tùng La Hán, liễu Quan Âm, trác bách điệp, bằng lăng, hoàng lan, ngọc lan, một lan, bạch mai vùng Bình Sơn của đất Hà Tiên. Nàng tiếp tục mua sắm đồ cổ ngoạn, các bức đại tự, các liễn đối... Nàng không quên sửa sang lại tiệm thuốc của chồng cho trang nhã và qui mô hơn.

Đoàn Viên Ngoại có người em trai vốn là phú nông ở đất Vĩnh Thanh nên cứ vào dịp Tết Đoan Ngọ hay Tết Trung Thu thường cơm ghe bè bạn đến viếng thăm em. Những lần viếng thăm như thế, ông luôn tìm đến nhà Đặng khi chén rượu, lúc cuộc cờ, tình giao hảo luôn luôn thắm thiết.

Vợ chồng Đặng luôn ngưng chờ cuộc tái sanh của bà Bảy An Trường.

Bỗng một hôm có người tới yết kiến Đặng:

- Bà vợ ông chủ lò gạch ở cầu Bà Điều sanh khó, nên ông sai tôi đến rước ông.

Đặng liền theo người lạ đến An Hương. Quả thật, vợ của ông chủ lò gạch người Minh Hương, chuyên bưng, ngắt sanh ngọc, nên kêu là rằm rì. Đặng về bùa Lỗ Ban rồi hét: "Ra mau! Ra mau!". Cái thai phút chốc ra khỏi lòng mẹ. Chàng yêu cầu gia chủ tắm hài nhi sạch sẽ, cho chàng nhìn mặt. Đó là đứa con gái có nút ruồi bên mép. Ông chủ lò gạch nói:

- Nó là con gái út của tui trong bầy con 4 đứa. Ông đã cứu mẹ con nó được vuông tròn, xin nhờ đặt cho nó một cái tên.

Đặng đặt tên là Kiều Tiên. Từ đó, danh tiếng của Đặng lây lung. Các danh sĩ thấy chàng đã hốt thuốc xem mạch giỏi, lại sành văn thơ cùng bùa Lỗ Ban nên thường tìm đến chàng để kết bạn.

Ít lâu, vào tiết Trung Thu, ông chủ lò gạch tổ chức một tiệc thường trăng gồm bánh nướng, bánh bột lọc, trái cây và gỏi gà, nem chả rồi mời bạn bè trong số đó có Đặng tới dự. Tiệc dọn ở một góc vườn bông, giữa đám hoa lài, dạ lý hương, và dưỡi bóng cây nguyệt quế. Trong số khách tham dự có Đoàn Viên Ngoại.

Khi bãi tiệc, mọi người sửa soạn ra về thì Đoàn Viên Ngoại bảo Đặng:

- Chắc tiên sanh còn nhớ con em nhà cậu của tui là Đình Thị Văn Anh mà tiên sanh đã gặp vào Tết Trung Thu ở Vũng Linh. Năm nay nó đã mười tám tuổi, nhưng vì kén chọn nên chưa có chồng. Ngày tới nó lo thêu may, bếp núc. Hễ rảnh là nó đọc sách và ngâm thơ vịnh cảnh. Cậu mợ tui cũng nó như trứng mỏng. Vào kỳ rằm trung nguyên vừa rồi, dè đâu, đang lúc mập tròn, sỡ sỡ, nó ngã bệnh, nước da vàng vọt, méc chẳng méc ướng, bụng chương lớn lên như đàn bà chửa. Lúc đầu cả nhà tưởng nó ốm hoang thai cho nên lấy thủ cung sa, thì ra nó giữ trình tiết vẹn mười, chầm đó còn chói trên cườm tay. Cậu tui lại nghĩ rằng chắc tà ma quỉ mị hành nó, nên cho thầy pháp đến trừ quỷ trừ yêu, nào dè bao nhiêu chạy chữa cũng như nước đổ lá môn. Nay tiên sanh ra tay thần y, nhờ người trị bệnh giúp cho.

Đặng nhận lời. Đoàn Viên Ngoại mừng rỡ báo:

- Để tui cho người báo tin em tui lên đây để ngài trị liệu.

Chừng nửa tháng sau, bà Văn Hộ và cô út tên Văn Anh tới nhà ông phú nông họ Đoàn. Vợ chồng ông ta dành cho hai mẹ con bà một căn buồng khoát khoát, rồi mời Đặng tới xem mạch. Cô út Văn Anh gầy ốm, vàng vọt như cọng lau khô. Xem mạch xong, Đặng nói với bà Văn Hộ:

-Thưa bà Văn Hộ, cô út đây chẳng có bệnh chi hết. Nguyên là cô tắm bể quá nhiều nào sấm, nhưng, yển huyết, ếch bắc thảo, dù thứ thập vật. Ngặt một nỗi tạng của cô yếu, nên các chất bổ đó chẳng bồi bổ cho cơ thể cô, mà lại còn tích trữ thành chất độc, nên cô ra đến nóng nổi này.

Chàng lấy bốn viên thuốc hườn đen có chất lưu hội đem đến. Lúc đầu, chàng cho cô uống 2 viên. Uống xong chừng vài giờ, cô út đau bụng, rên la thảm thiết, mồ hôi lạnh đầm trán... Rồi cô đi xông, xổ ra chất phần đen như bùn, hơi thúi nồng nặc. Sau mấy lần đi xông như vậy, cô út mới thấy nhẹ trong người. Đặng cho cô uống sấm thang gồm có rau mã đề, rễ tranh, rau má, mía lau, nấu với đường phèn. Qua ngày hôm sau, cô út mới biết đói bụng, đòi ăn. Bà Văn Hộ nấu cho cô một chén cháo thịt, rắc cải bắc thảo.

Cô út Văn Anh khỏi bệnh. Đặng cho cô dùng nhơn sâm dinh dưỡng hoàn để cô chóng phục hồi sức khỏe. Trước khi về Tam Bình, mẹ con bà Văn Hộ đến chào từ biệt. Cô út với chiếc áo gấm xanh, đẹp có phần hơn Kim Xoa, nhưng có vẻ lớn lên. Bà Văn Hộ tặng cho chàng một chiếc khánh vàng cùng ba lượng bạc. Chàng tặng lại cho cô món kim đơn để điều hòa kinh nguyệt. Chừng ít tháng sau, ông phú nông họ Đoàn tìm đến chơi nhà Đặng. Đặng bày tiệc rượu đãi đàng. Giữa bữa tiệc ông Đoàn nói:

- Cậu mợ tui muốn gả con út Văn Anh cho tiên sanh làm thứ thất. Chàng hay tiên sanh và phu nhơn nghĩ sao?

Trần Kim Xoa tán thành:

- Từ lâu tui vẫn cố ý tìm một lương gia nữ tử có tài mạo có phẩm hạnh để cưới

cho chồng tui. Cô Út gồm đủ những điều tui mong muốn, lại cố tướng sanh quý t ử. Để tui nhớ mãi mỗi đến Đình Vạn Hộ.

Đặng vui vẻ:

- Tui xin ưng thuận, nhưng chỉ sợ cô Út chê tui lớn tuổi hơn cô nhiều.

Ông phú nông họ Đoàn nói:

- Tiên sanh mới ba mươi tuổi, con Út 18 tuổi. *Trai ba mươi tuổi còn xinh, gái ba mươi tuổi như chín mầm nôm.* Tiên sanh chớ ngại.

Trần Kim Xoa soạn nữ trang, phẩm vật đến Đình gia trang để cầu hôn Đình Thị Vạn Anh cho chồng. Cuộc hôn nhân tiến hành rùm rụp trong vòng nửa năm sau. Cô Út Vạn Anh rất tương đắc với Trần Kim Xoa, biết chiều chuộng chồng và người chánh thất của chồng. Cô lại giỏi quán xuyến việc nhà để cho Trần Kim Xoa thông thả đôn dịch và xướng họa thơ phú với chồng.

Trần Kim Xoa một hôm đề nghị với chồng:

- Con Kiều Tiên giờ đã đầy tuổi thôi rồi rồi đó, vợ chồng mình nên nhận nó làm nghĩa nữ, biết đâu nhờ đó mà em Vạn Anh sẽ có con đàn cháu đống về sau.

Đặng đem ý định đó nói với vợ chồng ông chủ lò gạch. Vợ chồng ông rất hoan hỉ đặt tiệc ăn mừng. Từ đó, chẳng những Trần Kim Xoa săn sóc Kiều Tiên mà thôi, lại còn săn sóc hai anh một chị của con nhỏ. Đêm đêm, nàng tụng kinh Phổ Môn cầu cho Út Vạn Anh mau sanh quý tử cho chồng.

Quả nhiên năm sau, cô Út Vạn Anh thọ thai, rồi trở sanh cặp song sanh một gái một trai. Đặng đặt cho con gái tên là Kiều Oanh, đặt cho con trai tên là Bảo Quốc. Trần Kim Xoa hết lòng thương yêu con nuôi lẫn con chồng. Nàng sanh lòng mộ đạo, không hề giành phần ân ái của chồng với Út Vạn Anh.

Trần Kim Xoa thường viếng thăm ông bà Trần Bá Hộ. Nàng chỉ biểu hai người em dâu làm bánh mứt cỗ bàn. Cậu Ba Trần Thanh Lịch có ba đứa con: một gái tên Trần Kim Anh, đứa trưởng nam tên Trần Thanh Sơn, đứa thứ nam tên Trần Thanh Hà. Cậu Tư Trần Thanh Tú có một trai một gái, trai tên Trần Thanh Xuyên, gái tên Trần Kim Hoa. Trần Kim Xoa đợc các cháu lớn lên, đem hết về nhà mình. Lũ cháu trai thì cùng với Bảo Quốc ỷ học chữ với ông Nhiều Đào Khánh Hội. Còn nàng thì dạy các cháu gái và Kiều Tiên lẫn Kiều Oanh học thêu may, học bếp núc và học chữ để các cô gái có thể đọc "Liệt Nữ Truyện" và xướng họa trong chốn hương khuê.

Về sau, Bảo Quốc đỗ cử nhơn, còn các cháu trai của Trần Kim Xoa đều đỗ tú tài. Vợ chồng Đặng đều gả con gái cùng Kiều Tiên, Kim Anh, Kim Hoa vào nơi thế gia vọng tộc.

Vợ chồng Đặng tươi trẻ rất lâu, mãi đến lúc tứ tuần mà vẫn như vào tuổi ba mươi. Trần Kim Xoa thọ giới Ưu Bà Di, tu tại gia, đối duyên cầm sắc với chồng thành duyên cầm kỳ. Út Vạn Anh luôn kính nhường người vợ lớn của chồng, dù nàng đảm nhiệm vai trò chủ phụ, nắm hết mọi giềng mối trong nhà.

Rồi Tết Trung Thu năm đó, vợ chồng Đoàn Viên Ngoại có đến chơi. Út Vạn Anh sai gia đình quét dọn Cẩm Hương Đình để đón khách. Tiệc thường trăng được dọn tại Lục Thủy Tạ. Nhìn bóng trăng tròn lóng lẩy ngấm trong lòng ao, Trần Kim Xoa bảo Út Vạn Anh:

- Nay cả nhà được sum hiệp, lại thêm có bạn cố giao tới viếng, xin di nó vịnh một bài thơ cho mọi người thưởng lãm.

Út Vạn Anh vung lời, đốt nén Đèn Túc Hương xú Huế rồi đưa đầy ngòi bút lóng trên tờ giấy Hoa Tiên:

*Lai láng trăng thu rọi khắp miền  
Vui đời thanh trị, cảnh đoàn viên  
Trời cầu ngấm vịnh mừng giai tiết  
Chước chén quỳnh tương đãi bạn hiền  
Anh ngọc tất chìm rồi sáng rõ  
Vóc băng tròn khuyết lại tròn nguyên  
Xoay theo máy tạo bao đời đổi*

**Thơ: Lê Văn Giao**

### Nỗi Niềm Cổ Xứ

*Hòa bình đến lòng khát khao trở lại  
Khu vườn xưa xóm cũ yên lành  
Nét hiền hòa thương những mái nhà  
tranh*

*Đội nắng dầm mưa quanh năm suốt  
tháng*

*Cuộc chiến đi qua  
Bao đêm đau vô hạn  
Nhưng chẳng gì sờn  
Quê mẹ ta ơi!*

*Bởi hạnh phúc cuối cùng là cơm áo  
Dù có phải đắng cay tần tảo  
Vợ vẫn thương chồng  
Con hiếu thảo mẹ cha*

*Bao cách ngăn cũng đoàn tụ một nhà  
Bao gian khổ cũng gặp nhau từng bữa  
Lòng khát khao biết bao giờ trở lại  
Có những cuộc ra đi mà lòng thấy  
ngheñ ngào*

*Nhớ về quê hương đôi lúc khát khao  
Muốn hóa thân gần đôi hai ngàn dặm  
Dù có phải cách xa thăm thẳm  
Một bước chân sẽ đến tận quê nhà*

*Ơi quê hương  
Hơn tiếng thiết tha*

*Có những cái sát son suốt đời không  
quên đợc*

*Mơ một lần đi trên đò nước ngược  
Để nhập bờ Đông Khương Chợ Cũ  
tâm tình*

*Tháng năm đất cát bụi trường chinh  
Cột trụ thép cũng trời xuôi về biển cả  
Cầu Cầu Lâu đang đôi tay thành giá  
Núi đôi bờ sát lại gần hơn*

*Những chiều buồn nắng rụng xuống  
có thơn*

*Nhìn tán khói vươn vươn hờn tử lực  
Người ra đi vương bụi đường từ thứ  
Mới hiểu thế nào ý nghĩa có đơn  
Nhưng đêm nghe gà gọi sáng sớm  
chờn*

*Chợt thức giấc mới biết mình lưu lạc  
Ơi cánh đồng Duy An  
Lúa ba mùa bát ngát  
Cuộn triều hồng, lúa sóng gạo đầy  
nhà*

*Buổi trùng phùng quán Phấn đến  
chỉa xa*

*Vẹn giữ lòng thanh, lánh lụy phiền*

Nói về phần Vũng Linh, từ khi Đặng lấy được đờ cổ ngoạn rồi thì vào lúc trời trong nắng tốt, đáy ao chỉ hiện những con cá sặt bướm lượn giữa rong xanh, khung trời xanh lờn vờn mây trắng. Năm qua tháng lại vũng cạn dần rồi mất dấu. Cái tên Vũng Linh lại kêu trại thành Vũng Liêm, nơi nổi tiếng môn nem chua và là nơi sanh quán của gia đình gồm ba chị em nghệ sĩ cải lương là Ba Hui, Năm Kim Thoa, Ngọc Lợi. Cô Năm Kim Thoa đứng vào hàng ngũ nữ nghệ sĩ tiên phong thượng thặng như Năm Phi, Bảy Phùng Há, Ba Thanh Loan, Tư Thanh Tùng, Bảy Nam, Sáu Ngọc Sương, Sáu Nét, Mười Truyền •

*Những ly rượu tám giao nhiều ấm  
lạnh*

*Nhớ mĩa đường Má Châu  
Vời tơ vàng óng ánh  
Pháo đờn Cống Định  
Nếp vệt Long Xuyên*

*Ăn bún chợ Chùa ghé thăm lại Mỹ  
Xuyên*

*Thấy nón bài thơ nhớ thương chuyện  
cũ*

*Hai mươi năm*

*Chuyện tình yêu giấc ngủ  
Một đôi lần thức dậy giữa tìm anh  
Người hời ngày xưa sắc nước khuyñh  
thành*

*Cho mượn lại chiếc hôn làm của qui  
Cây đa đầu làng tuổi vôi thế kỷ  
Chè mái chợ đình qua mấy thuở bình  
đạo*

*Cuộc chiến đi qua  
Đã mất tự thưở nào*

*Thán gổ đá cũng vương mùi mệnh  
bạc*

*Đời thương tiếc thành bao và gốc mái  
Nên tiếp truyền con cháu thế ngôi xưa  
Mới đó hai mươi năm cành lá đờng  
đưa*

*Chắc hẳn mai sau cũng oai hùng  
đồng dục*

*Lều quán chợ đình vại mái tranh thoi  
thóp*

*Thời vàng son nhưng gấm đã về đầu  
Nhưng có hàng như mộng ngàn cân  
đầy*

*Đã biết sang ngang  
Còn mấy ai giá bỉnh hoạn  
Sông bên Cầu giờ đây đã tắt cạn  
Thời hết rồi những giọng hát đờ đưa  
Về bài Đình Đai thấy thêm mấy quĩ  
đưa*

*Trưa nắng hạ mát lòng người viễn  
khách*

*Nhớ hén xào măng  
Thơm khế chua nấu lạch  
Chạnh nhớ mẹ hiền ngày tháng lao  
đạo*

*Vườn xưa nhà cũ nao nao  
Bước chân đã vương biết bao nỗi sầu  
Người về Nam Phước  
Kẻ ngược Cầu Lâu*

*Cùng nhau bước một cây cầu  
Người đi kẻ ở ai sầu hơn ai*

# THẾ SỰ VÔ THƯỜNG LÒNG NGƯỜI KHÓ BIẾT

. Đàm Uyên Phạm Hà Thanh

**T**ôi chết lặng người theo dõi diễn biến câu chuyện của cô gái ngồi đối diện vừa kể vừa khóc nức nở. Tôi xót xa cho thân phận hẩm hiu của cô ta và càng đau buồn cho tình đời đen bạc.

Tháng 4/75 sau khi bọn cộng sản lấn chiếm được miền Nam Việt Nam với chiêu bài diệt Mỹ đánh Ngụy, chúng đã tuyên truyền bịp bợm rằng: toàn cõi Việt Nam được sống trong hòa bình. Thực ra đó là một thứ hòa bình giả hiệu đầy khủng bố và đầy rẫy công an mật vụ từ trong nhà ra tới cửa. Nhà tù mở nhan nhản khắp nơi để vùi chôn số kiếp của bao dân lành vô tội.

Đã biết rằng sau thời kỳ chiến tranh, đất nước nào cũng gặp phải những khó khăn đáng kể, nhưng tại Việt Nam ta, những điều xảy ra tệ hơn cả những khó khăn đáng kể nên mặc cho bọn cầm quyền đầu nậu khát máu tuyên truyền tới đâu đi nữa thì từ Nam tới Bắc, người người, nhà nhà, làng làng, xã xã... vẫn âm thầm rủ nhau bỏ nước ra đi thoát khỏi gọng kìm khát máu của bọn CS vô thần. Họ bất chấp những hiểm nguy của rừng sâu bể cả, của hải tặc Thái Lan... của trăm ngàn thứ nguy hiểm chết người khác mà không biết nào kể xiết được. Kể đi người ở lại, gia đình tan nát, dòng họ phân tán. Kể ở lại có cái khổ của kẻ ở lại, người ra đi có trăm ngàn cái chua cay oái oăm của người ra đi, bị lừa lọc, gạt gẫm trăm bề bởi những người đồng hương của mình hoặc đôi khi chính bởi những thân nhân của mình đã ra đi từ trước.

... Cô gái quê ở miền Tây, miền của ruộng vườn cò bay thẳng cánh. Đã mấy đời ông bà cha mẹ cô đều làm nghề nông để sinh sống. Trước 75 gia đình cô sống sung túc thư thả. Từ khi họa CS đè nặng trên đất nước, tất cả ruộng vườn của cha mẹ cô đều bị sung công hoặc phải nhập vào hợp tác xã do đó gia đình cô càng ngày càng kiệt quệ. Cha và người anh lớn của cô lâu lâu lại bị kêu lên kêu xuống xã, huyện làm khó dễ với bản án treo *địa chủ* ngày xưa. Hai đứa em trai cô, đứa thì bị bắt đi *thanh niên xung phong*, đứa thì làm *nghĩa vụ quốc tế* đánh chiến Campuchia theo ý đồ của bắc và đàng. Kết quả là đứa em thanh niên xung phong đã trở về sau bốn năm xa nhà với chứng bệnh sốt rét rừng cấp tính ăn sâu vào gan. Một chứng bệnh thường thấy ở các quốc gia nghèo đói khó lòng chữa trị vì chẳng có tiền. Còn đứa đi làm nghĩa vụ quốc tế thì không thấy trở về mà chỉ được tin chết mất xác trong một trận đánh gần biên giới Việt-Miên. Còn đau đớn nào hơn tả xiết cho cha mẹ cô từ lâu đã đặt hết kỳ vọng vào hai đứa em trai để rồi nhận được sự đền đáp như thế.

Không chịu đựng nổi những đau khổ chất ngất đôn đập, mẹ cô càng ngày càng kiệt sức để rồi một hôm bà ngất xỉu trong một buổi chợ chiều. Bà được các bà con chòm xóm bồng bế về nhà đặt nằm trên chiếc chõng tre còn lại độc nhất trong nhà. Từ đó chu vi hoạt động của mẹ chỉ còn là căn nhà lá ọp ẹp tối tăm. Bà không bước ra khỏi cửa một bước: một mạch máu não bị đứt, làm tê liệt hẳn một tay và một chân.

Cuộc sống gia đình cô càng ngày càng tăm tối, cha cô càng trở nên lam li ít nói. Từ sáng tới tối mắt ông chỉ biết cặm cụi với cuốc và xẻng đào đào, sỏi sỏi. Theo ý ông là phải có làm mới có ăn. Nhưng cô biết rằng cha cô đang phát những nhát cuốc đầy phần uất và hàn học lên mảnh đất vô tội vì không thốt được nên lời trước

những bất mãn thời cuộc cũng như những nghiệt quả mà gia đình cô đang phải gánh chịu.

Nhưng có lẽ Trời cao cũng có mắt! Một hôm mẹ gọi cô vào ngồi bên chiếc chõng tre cho coi một lá thư gửi từ một đất nước xa xôi với tên người nhận là mẹ với tên người gửi là dì út của cô. Lúc bấy giờ với cảm xúc mạnh mẽ của một người con gái chất phác, cô đã bật khóc nức nở vì không ngờ rằng dì út vẫn còn sống? Cô vội nhớ lại cách đó khoảng mười năm, dì dưỡng và các em đã vượt biên trên một chiếc thuyền nhỏ khoảng trăm người. Một tháng sau gia đình cô đã được tin chẳng lành của toàn thể thuyền nhân bạc mệnh trên chuyến tàu định mệnh đó. Mẹ cô đã đem hình ảnh gia đình đi lên chùa xin quỳ y của Phật để vong linh sớm được siêu thoát cũng như làm lễ cúng chay tại nhà cho gia đình đi suốt tám ngày... Nay đi ảnh đi dưỡng và các em vẫn còn trên một góc bàn thờ bên cạnh hình ông bà ngoại.

Gia đình đi thoát hiểm và còn sống sót là một điều đáng mừng cho gia đình đi. Thư dì út nói sau mười năm vất lộn với cuộc sống vẫn mình vật chất tại ngoại quốc đi đã tậu được một nhà hàng mà chính dì là chủ, dì phải tự quản xuyên tất cả công việc lớn bé trong ngoài. Thư dì cũng nói lên nỗi nhớ quê hương, ruộng vườn... nhớ thương mẹ: mẹ là chị cả của dì và cũng là người thân thiết ruột thịt của dì còn sống sót lại cho tới bây giờ. Mẹ cũng là người chịu thiệt thòi, khổ đau nhất từ trước tới nay trong gia đình ông bà ngoại.

Để cho vui bớt nỗi nhớ nhưng sâu sắc của dì đối với mẹ và cũng để giúp đỡ hoàn cảnh khó khăn của gia đình cô mà đi đoán chắc là *có và phải có* trong cuộc sống xã hội lúc bấy giờ tại quê nhà. Dì đề nghị cha mẹ cô để cho dì được bảo lãnh cô ra đi theo diện du lịch qua thăm dì rồi từ đó sẽ lo giấy tờ cho cô được ở lại luôn tại xứ người với dì. Dì không quên cô là đứa cháu gái đi thương nhất từ nhỏ trong đàn con của mẹ. Dì vẽ ra một khung trời huy hoàng cho cha mẹ cô thấy rõ nếu cô qua được với dì thì đời cô sẽ được như các em con dì, sẽ được học một nghề bảo đảm để đi làm tự nuôi thân còn dư dả tiền bạc gửi về giúp đỡ lại cho cha mẹ. Dì nhắc đi nhắc lại, đi thương nhớ cô nhất. Dì nhớ những ngày xưa khi chưa về nhà chồng, vẫn ở chung nhà với bố mẹ cô. Dì đã là người thay mẹ bồng bế, mớm cơm, dứt sữa cho cô từ khi lọt lòng mẹ. Ngoài tình cảm của một người dì, đối với cô, dì phần nào còn là hình ảnh của người mẹ thứ hai.

Thế là cô đã ra đi theo sự xếp đặt của dì và bố mẹ. Là thân gái đồng quê, từ nhỏ tới lớn chưa hề một lần xa cha mẹ anh em, xa khỏi lũy tre đầu làng nơi mà cô đã ọc ọc cất tiếng khóc chào đời. Sự xếp đặt của dì và cha mẹ đã đưa cô vào một thế nên ra đi để có thể báo hiếu cho cha mẹ, có nghĩa là làm ra tiền gửi về thuốc men cho mẹ bệnh cha già. Cô không hề có một lý tưởng cao siêu nào khác. Ngày chia tay cha mẹ và đứa em trai bị bệnh ngặt nghèo sống không được chết không xong làm cô đau thối cả lòng. Đó là ngày đau đớn nhất của đời cô mà cô phải cắn răng chịu đựng để khỏi làm buồn lòng những người còn ở lại. Cô cứ băng khuông tự hỏi thầm: cô đi rồi ai sẽ là người săn sóc mẹ già già liệt? Đứa em trai bệnh hoạn? và cha già yếu đuối như ngọn đèn treo trước gió không biết tắt lúc nào? Không biết, không biết... và không biết? Trăm ngàn cái không biết quay mòng trong đầu cô nhưng lúc bấy giờ phi cơ đã đưa cô đi xa khỏi nơi cô đã đặt ra những câu hỏi ấy...

... Tôi chăm chú nhìn vào khuôn mặt cô gái. Cô hơi ngăm đen, không giống như các cô gái thành thị Sài Gòn. Mặc dầu đã sống tại đây hơn hai năm rồi nhưng da của cô cũng chưa nhả hết màu đất phùn vùng đồng bằng sông Cửu Long.

... Cô tiếp tục kể chuyện mắt nhìn xa vắng. Những giây phút đầu tiên đặt chân tới xứ người cô đã bật khóc khi đối chiếu cái lạ lùng lớn lao của người ta với cái nghèo khó, nhược tiểu của đất nước mình. Những ngày đầu ở cái xứ xa lạ này cô được sự tiếp đón nồng hậu của dì dưỡng và các em. Được chiều chuộng đủ mọi thứ nhưng đôi lúc cô vẫn không cảm thấy vui vì nhớ nhà. Những lúc ấy dì cô đã ôm cô vào lòng, vuốt tóc cô như ngày xưa mẹ vẫn thường làm khi có chuyện buồn.

Mười ngày nghỉ ngơi để bù đắp cho một chuyến du hành xa nửa vòng trái đất và cũng để làm quen với những cái lạ mắt ban đầu. Sẵn tính siêng năng cần mẫn và quen chịu đựng gian khổ, cô đã không chịu nằm yên để hưởng trọn *hạnh phúc*, cô đã thành thật để

nghỉ đi cô cho được giúp việc nhà hàng với đi. Với ý chí tiến thủ cô đã làm việc ngày đêm không quản ngại nặng nhọc và giờ giấc, nhờ đó cô cũng vui đi nỗi nhớ nhưng cha mẹ ở quê nhà và cũng đến đáp được ơn đi đã giúp cô đến xứ vãn mình này. Cô tự nghĩ: với công việc cô có thể kiếm được tiền trong nay mai...

Một năm qua đi trong nháy mắt, cô vẫn làm việc và vẫn chung sống với gia đình đi, hết việc leo lên căn gác xếp mà gia đình đi dành riêng cho cô nghỉ ngơi. Nhưng có những đêm cô không tài nào ngủ được vì sưởi điện không đủ hơi ấm cho căn gác nhỏ, nhưng cô vẫn âm thầm chịu đựng. Cuộc sống cứ thế tiếp tục với một mong đợi: *sớm có giấy tờ hợp lệ để sinh sống tại xứ người.*

Sáu tháng nữa trôi qua chậm chạp như vô tình không biết gì đến những đau khổ và mong đợi của cô. Có những lúc cô mong có phép lạ làm cho thời gian dừng lại hoặc quay chậm lại vì cô sợ sự trôi qua quá nhanh của thời gian bởi bao điều mong đợi vẫn chưa đến: Giấy tờ đi hứa vẫn đang ở đâu đâu??? Một năm rưỡi đã trôi qua mà đi vẫn chưa bao giờ nghĩ ý sẽ trả công như thế nào hoặc cho một đồng nào để gởi về cho gia đình? Cô nhận rằng cô đã làm lợi cho đi rất nhiều (và chính đi cũng nói với cô như thế)... Phải chi đi nghĩ về cô một tí thì hay biết mấy?...

Tuy vậy sức chịu đựng của cô gái cũng có giới hạn. Sau một đêm không ngủ được vì những lo buồn dày vò và vì thiếu sưởi ấm cần thiết vào những ngày đông giá lạnh cô ngã bệnh. Mấy ngày đầu bị bệnh, sự săn sóc và an ủi của tất cả gia đình đi làm cô cũng cảm thấy ấm lòng. Vì chưa có giấy tờ để đi bệnh viện khám nên cô chỉ ở nhà tự chữa trị. Cậu hoặc đi đưa thuốc gì thì cô dùng thứ nấy theo liều lượng càng ngày càng tăng mà bệnh vẫn không có mòi thuyên giảm làm cho cô càng tức giận và buồn tủi thêm hơn vì nằm không, không giúp chi được việc nhà hàng cho đi. Càng tủi cô càng khóc, mà càng khóc thì bệnh càng trở nặng: *đó là qui luật tất yếu của những con người bị suy sụp từ tinh thần tới thể xác.*

Ba tháng nằm liệt giường trôi qua rất nhanh, cô gái cảm thấy trăm ngàn bực bội. Bao lần cô gượng đứng dậy nhưng mỗi lần cô chỉ chực ngã. Cô cảm thấy bực bội với chính mình: từ bé đến lớn cô chưa bị một cơn bệnh dai dẳng như vậy. Tại sao cô lại ra đi để rồi nằm chết ở đây? Tại sao cô chưa có giấy tờ để đi bệnh viện? Tại sao đi không lo cho cô như lời đi đã hứa?... Tại sao, tại sao... và trăm ngàn tại sao!!!!

Một hôm trong lúc cơn bệnh đang hoành hành, với trạng thái nửa tỉnh nửa mê cô đã nghe được cuộc cãi vã giữa đi dưỡng xen kẽ tiếng người con gái lớn của đi. Cô không tin những điều nghe được là sự thật. Cô tự bảo xem lúc đó đang tỉnh hay đang mơ? Đúng là cô đang tỉnh! Cô đã nghe được những lời nói quá phũ phàng.

... Chợt cô im bật bật khóc nức nở. Tôi tôn trọng phút mùi lòng ấy của cô nên im lặng. Tôi liếc nhìn màn ảnh trước mặt ghi giờ các chuyến bay. Chỉ còn khoảng một giờ nữa là chuyến bay của cô khởi hành. Tôi nghĩ trước giờ bay hai mươi phút cô gái phải lo thủ tục giấy tờ, cân hành lý nên chẳng còn bao lâu thời gian để nghe nốt câu chuyện. Tôi vội nói: *"Thế rồi?"*

Ông dưỡng cô nói với bà đi rằng: *"Cũng tại em quá tham. Anh đã bàn là chỉ giữ nó một năm trong nhà phụ việc nhà hàng là đủ trả hết nợ tiền về máy bay (?) cho tụi mình rồi, sau đó phải lo cho nó giấy tờ đang hoàng, để xin việc làm bên ngoài hoặc giả nếu tiếp tục làm cho mình thì cũng khai báo một phần để có bảo hiểm sức khỏe, v.v... Giờ đây với tình hình bệnh nó càng ngày càng nặng thêm mà không được vào bệnh viện để điều trị thì trước là tội nghiệp nó, sau nữa, nếu nó có mệnh hệ nào sẽ gây bao phiền phức cho tụi mình".*

... Thế là hết! Lời nói của người dưỡng đã dẹp tan hết mọi thắc mắc và mong đợi của cô từ bấy lâu nay. Cho tới giờ phút này việc giấy tờ vẫn là con số không to tướng, và tệ hơn nữa, "họ" muốn giữ cô lại trong nhà để làm việc không công, để trả nợ "on" họ đã ban ra.

Đang suy nghĩ mông lung về những lời nói của người dưỡng, chợt cô nghe vang vọng tiếng nói của người con gái lớn: *"Đã không lo giấy tờ mà còn bắt "nó" làm việc không công cho mẹ suốt hai năm qua thì "nó" ngã bệnh là phải. Nhưng có thể lành bệnh rồi mà "nó" vẫn giả bộ nằm liệt giường để làm nư đòi tiền công cũng nên".*

Trong một thoáng chốc mắt cô gái nhòa lệ, tai như ù đi. Bao nhiêu hình ảnh đẹp đẽ của cô đối với gia đình đi dưỡng tan thành mây khói. Đầu rồi hình ảnh của "người mẹ thứ hai" của cô? Đầu còn là hình ảnh của một người dưỡng tốt bụng coi cháu vợ cũng như cháu ruột theo lời dưỡng tuyên bố khi cô vừa bước chân vào nhà này lúc từ Việt Nam mới qua? Ở Việt Nam cha mẹ cô có biết đi dưỡng của cô đã "thay hình đổi dạng" từ cha mẹ nuôi thành "chủ nợ". Họ đã đổi xử với cô thua cả người dung nước lã. Đối với người ngoài họ đâu dám muốn làm việc không lương suốt hai năm trường?

Quá đau khổ cô khóc ngất từng hồi rồi lẩm bẩm kêu Trời Phật soi xét cho lòng thành của cô. Cô cầu xin được một phép lạ để biến khỏi nơi này khỏi phải thấy những kẻ lợi dụng và còn mạ lỵ, phỉ báng cô nữa. Tuyệt vọng và đuối sức cô đã ngủ thiếp đi lúc nào...

Khi tỉnh dậy, ý nghĩ đầu tiên đến với cô là phải đi khỏi nơi này bất cứ giá nào rồi tới đâu thì tới. Ý nghĩ đó cứ hiện ra từng phút, từng giờ, ngày này qua ngày khác không dứt. Nhưng sẽ đi đâu? làm gì? ở đâu? khi mà giấy tờ không có, tiền bạc cũng không. Làm sao mà bỏ đi cho được?

Nhưng rồi chuyện gì tới phải tới. Khoảng ba tuần lễ sau đó, vào một ngày nhà hàng không mở cửa, cả gia đình "họ" đều đi vắng. Cô lẳng lặng bỏ ra đi, không đồng xu dính túi, không một mảnh giấy tùy thân.

Tôi kinh ngạc cho sự liều lĩnh của cô gái "ngoại quốc" so với dân bản xứ: không biết một chữ địa phương, không có thân thích, không tiền bạc, không giấy tờ hợp pháp?... Thế mà dám quyết định táo bạo. Tôi thầm cảm phục và thông cảm hành động của cô nhưng cũng rất xót xa và ái ngại cho thân gái dặm trường...

Cô ra đi như một tù nhân vượt ngục, dáo dác ngó tới ngó lui như sợ ai bắt gắp. Cũng may vùng trời Tây này sấp sưa vào đông nên ngày ngắn đêm dài, bóng tối cũng đã che chở cho cô được phần nào. Nhưng được việc đó thì lại mất việc khác! Cô đi, đi mãi cho tới khi mệt là người cũng là lúc trời tối đen như mực. Cái lạnh cắt da làm cô không chịu nổi. Cô bắt đầu lo và hơi hồi hận cho sự liều lĩnh của mình. Nhưng không thể nào lui bước được nữa, cô vẫn phải tiến bước vô định và tin tưởng câu ca dao mẹ thường dạy: *"Ở hiền gặp lành".*

Bao lần cô gặp xe cảnh sát tính ngoác lại và cầu cứu nhưng không dám vì biết nói và khai báo chỉ đây với họ? Cuối cùng cô thấy trước mặt một tòa nhà rất lớn nhưng vì trời tối nên không phân biệt được nhà tư nhân hay cơ quan nào? Tòa nhà đã tắt đèn nhưng cô thấy trong hàng hiên. Cô nghĩ có thể tạm ngồi nghỉ chân một lát cho đỡ mệt và cũng để tránh gió, tránh sương qua đêm. Bấy giờ đã quá khuya, người qua lại thưa dần. Thành thoàng có năm ba thanh niên nam nữ vừa đi vừa hát hò nghêu ngao ý chừng như say rượu làm cô cảm thấy sợ hãi và ái ngại.

... Cô giật mình thức dậy vì có cảm giác như có ai lác mạnh vai mình. Trước mắt cô là một khối đen lù lù. Cô nhận biết đó là một



người đàn ông qua giọng nói. Ông ta đang hỏi cô điều gì đó nhưng cô không hiểu được nên chỉ biết lắc đầu quầy quậy. Ông ta nhẹ nhàng nắm vai cô và kéo đứng dậy, rồi ra dấu theo ông. Lúc đó cô cũng cảm thấy sợ, tính bỏ chạy vì không biết người đàn ông này là ai? Tốt hay xấu? Nhưng hàng hiên nơi cô ngồi bây giờ đã được thắp sáng nên cô đoán chừng đây là ông chủ nhà này nên cô mạnh dạn bước theo ông ta.

Vào trong nhà yên lặng như tờ, cô cảm tưởng người đàn ông này sống một mình. Liếc nhìn về một góc phòng cô thấy có một bàn thờ Chúa. Cô nghĩ đó là nơi đẹp và sạch sẽ nhất so với mọi nơi khác trong căn phòng. Tiếng nói của ông ta làm cô hoàn hồn quay lại trực diện với ông đang đứng sau lưng cô. Cô liền nhận ra "khối đá lù lù" này là một đức cha. Cô cảm thấy bớt sợ phần nào và chấp hai tay trước ngực, đầu hơi cúi xuống ngụ ý chào cha. Có lẽ cha cũng hiểu nên chụm hai tay chào lại miệng mỉm cười và chỉ một cái ghế gần nhất mời cô ngồi. Đợi cho cô ngồi vào ghế đằng hoàng rồi cha đứng trước mặt cô và hỏi: "Thái Lan?" Cô hiểu ngay cha cha muốn hỏi tên cô liên lạc đâu. "Phi lip pin" Lại lắc đầu. Cha tiếp tục hỏi: "Việt Nam?" Cô vội vàng gật đầu đáp lại. Cha gật đầu có vẻ vừa lòng với điều vừa khám phá. Cha tiến lại giá sách gần đó cầm lấy điện thoại, quay số và nói liên tục. Cô bắt đầu hồi hộp: cha gọi cảnh sát? hay ông ở trong một tổ chức bất cóc, gọi người đến bắt cô đi? hay là... Khoảng năm phút sau cha ngừng điện thoại, đi vào phòng một hồi lâu rồi đem ra cho cô một tách trà. Cha ra dấu ngụ ý bảo cô cứ an tâm ngồi yên, uống nước và đợi??

... Giọng nói của bác M. làm cô giật mình vì cô với bác đã có biết nhau rồi. Bác có ghé thăm nhà hàng của dì cô vài lần. Cô đã được dịp tiếp xúc trực tiếp với bác đôi ba lần đầu chỉ là vài lời thăm hỏi xã giao. Cô lo sợ vì không ngờ cha lại quen bác mà bác lại quen biết dì của cô. Cha kêu bác lại đây làm gì? Có phải để đem cô trả lại cho gia đình đi? Nhưng, giọng nói ôn tồn của bác làm cô đỡ sợ. Bác dồn dập hỏi cô đi đâu? làm gì? tại sao không ở nhà hàng mà lại ra về hè này?... Lúc ban đầu cô cảm thấy ngại, không biết có nên kể ngọn ngành quyết định bỏ nhà hàng ra đi của cô hay không? Có lẽ vì đoán được ý nghĩ của cô nên bác M. nói: "Cháu có chuyện gì cứ kể thật cho bác biết để bác tìm cách giúp đỡ cho cháu. Ngoài bác ra còn cả đức cha nhà thờ nơi đây. Dầu khó khăn đến mấy đức cha và bác cũng sẽ không bao giờ bỏ cháu đâu miễn là cháu chịu nói thật cả sự thật". Bác nói một hơi xong có vẻ còn sợ cô chưa tin, bác quay sang nói tiếp với cha đang đứng cạnh đó. Cô thấy cha gật đầu ra dấu đồng ý. Bây giờ có vững tin hơn và bắt đầu nức nở vừa kể vừa khóc. Đây là một dịp may để cô trút hết buồn phiền, uất ức dồn nén bấy lâu... Cô kể xong, bác M. chép miệng buồn phiền cho số phận bạc phước của cô rồi bác nói: "Thôi thì bây giờ con về ở tạm nhà bác rồi tính tới vì con không thể bỏ đi mà không có giấy tờ, tiền bạc như vậy được và cũng không ở lại đây được vì đây là nhà thờ". ... Nói xong bác quay lại đối thoại với đức cha, có lẽ để kể sơ qua cho cha nghe về hoàn cảnh của cô và cũng xin phép để đưa cô về nhà bác.

Quả thật bác M. là một người rất tốt. Bác không có bà con dòng họ chi với cô nhưng những ngày cô trú ngụ tạm tại nhà bác, bác đã xem cô như người nhà. Bác săn sóc cho cô từng ly từng chút và an ủi cô suốt ngày. Giờ đây cô mới thấy thấm thía câu mẹ cô hàng nói lúc xưa kia mà lúc đó còn quá ngây nên cô chưa hiểu được cần kể ý nghĩa thâm thúy: "Bán anh em xa, mua láng giềng gần". ... Ở với bác được một tuần lễ, một hôm đang cùng ngồi nói chuyện với bác trong nhà thì nghe tiếng của dì cô. Cô chỉ kịp chạy vào phòng trong của bác để trốn, tiếng nói của dì đã sang sang ngoài phòng khách: "Tôi đến đây để đòi lại đứa cháu gái của tôi về. Tôi có trách nhiệm với nó. Nếu bác không giao trả nó cho tôi thì có việc gì xảy đến cho gia đình bác cũng mặc kệ. Đừng trách tôi". Cô sung sù vì nghe những lời hăm dọa đánh người của dì cô: họ sẽ thuê người đánh bác M. vì bác M. dám xía vô chuyện gia đình của họ. Họ nói muốn đón cô về vì đó là trách nhiệm của họ, họ phải lo cho cô? Đúng, đó là trách nhiệm của những người *dem con bỏ chợ*, của những người *không có tình người*, cô đành hét lên như vậy nhưng không dám và đang run lập cập. Cô tự tức mình sao lại nhất gan như vậy? Nhưng rồi cô nghe giọng nói ôn tồn của bác M.: "Hiện

*tại nó không ở nơi đây. Tôi không biết nó ở đâu cả? Nó cũng chả nói với tôi là đang ngụ ở đâu? Nó chỉ gọi điện thoại cầu cứu tôi xin chị cho nó lại mọi giấy tờ thế thôi. Vì thế tôi mới liên lạc với chị theo đúng nguyện vọng của nó chứ tôi không giữ nó và không biết chi hơn. Nếu chị không tin và muốn làm gì thì cứ làm nhưng hãy nhớ một điều rằng chuyện đâu còn có luật pháp. Ở đây chứ không phải ở xứ luật rừng như Việt Nam".* Bác nói một hồi như vậy có lẽ cũng làm chột dạ đi cô, nên trước khi ra về giọng dì bớt nặng và có vẻ như xuống nước năn nỉ... nếu bác biết cô ở đâu thì chỉ giùm? Bác vẫn nói không biết mà chỉ xin đi trao cho bác mọi giấy tờ của cô mà thôi. Dĩ nhiên đi cô cũng chả làm theo lời yêu cầu của bác!!!

Sau khi đi cô ra về bác M. cho cô biết là ngay hôm đầu tiên cô về tạm nhà bác, bác đã liên lạc với dì cô, nói khéo là bác đã gặp cô ngoài đường và đã biết sơ qua hoàn cảnh khó khăn của cô - *không giấy tờ nên bệnh mà không được vào bệnh viện chữa trị* - bác đã gợi ý nếu đi không lo được cho cô bác xin *cảng* đáng đứng ra lo mọi chuyện cho cô. Bác đã liên lạc với dì cô ba bốn lần nhưng đến một tuần sau đi ấy mới xuất hiện mà còn có ý đồ hăm dọa bác. Thật là ngoài sức tưởng tượng của cô: *đó thật là dì của cô à? là hình ảnh của người mẹ thứ hai, đã từng mớm cơm dứt sữa khi cô còn tằm bé thật à? Người mà đã từng dụ ngọt cha mẹ cô trước khi cô rời khỏi Việt Nam sẽ chăm lo săn sóc cho cô như con?* Nhưng giờ đây mọi chuyện đã và đang xảy ra một cách ngược lại... Cô cảm thấy hết sức chịu đựng. Nếu cô còn ở lại lâu với bác M. sẽ làm liên lụy tới bác, cô cảm động, khóc và nói với bác M. ơn bác và đức cha nhà thờ cô không bao giờ quên, nhưng xin bác bằng mọi cách lo cho được trở về Việt Nam với cha mẹ và anh em cô.

Sau cùng khi biết quyết định chắc chắn của cô, bác M. chà ngăn cản chi cả mà muốn ngăn cản thì cũng chả làm chi hơn được để giúp cô ở lại xứ người một cách hợp pháp nên bác đành đem mọi chuyện kể cho đức cha nghe và nhờ cha tìm cách giúp cô. Cô được biết rằng, sau đó cha liên lạc với cảnh sát, kể hết mọi sự tình của cô cho họ nghe để nhờ họ đòi lại mọi giấy tờ của cô. Dì cô đã phải tuân theo lệnh của tòa án, trao trả lại mọi thứ và tòa án đã chuyển hồ sơ cô qua cơ quan di trú để giải quyết việc trục xuất hồi hương ngày hôm nay.

Tôi đã giúp cô làm mọi thủ tục cần thiết để lên phi cơ và tiễn cô ra tận cửa máy bay. Cô ra đi... Tôi vẫn còn đứng tần ngần nhìn lên trời xanh nhìn mây đang bay. Tôi suy nghĩ chuyện có gái vừa kể... Trong xã hội này còn bao nhiêu nạn nhân nữa như cô đang rai rác đó đây? Còn bao nhiêu người đi "*không ra gì*" vẫn đang sống phây phây trục lợi những thân nhân đồng hương khác? Tôi không biết rằng có bao giờ những người ấy "*tự nhìn lại*" những việc làm của chính mình hay không? Tại sao họ lại mau chóng quên đi thời gian đầu cực khổ đã cần tới sự cứu giúp của những người khác để rồi khi có căn cơ thì nên giúp lại tha nhân? Nhưng không, họ chỉ làm ngược lại hoàn toàn. Họ chỉ sống cho họ! Chỉ nghĩ về họ! Nhưng miệng họ vẫn nói tiếng tử bi, thương người. Đúng là khẩu Phật, tâm xà!

Một lần nữa ngược nhìn trời cao, tôi thầm cầu nguyện chư Phật gia hộ cho họ sớm thức tỉnh được những sai quấy đã làm, hồng cứu kịp những nạn nhân vô tội khác như cô bé ấy.

Trước khi ra đi cô nhờ tôi thay mặt cô viết lên bài này để tạ ơn đức cha nhà thờ và bác M. đã tận tình giúp đỡ cô trong thời gian vừa qua: những người không thân thuộc, không cùng máu mủ, nhưng còn hơn là người thân ruột thịt của cô.

Tôi liếc nhìn đồng hồ tay. Phi cơ đã cất cánh được năm phút. Kim đồng hồ sẽ quay gần trọn hai mươi bốn giờ nữa cô sẽ có mặt tại Việt Nam. Cô lại sẽ phải chịu đựng những gian khổ dưới chế độ cộng sản. Nhưng cô phải chấp nhận và tự an ủi: đầu sao cũng được ở bên cạnh cha mẹ anh em còn hơn là sống tha hương ở xứ người với những người không ra người.

Thật là dò sông, dò biển để dò. Nhưng khó mà dò được lòng người!

Than ôi "Thế Sự Vô Thường, Lòng Người Khó Biết" ...

*(Viết theo lời kể của một người có bốn phận đưa trở về cố hương những ai không có quyền tỵ nạn tại xứ người)*



# HOA POPPY

. Huỳnh Hữu Cửu

Tôi yêu hoa poppy ngay từ lúc thấy hoa lần đầu ở trong tranh, nơi bức "Les Coquelicots" của Claude Monet, trong một cuộc triển lãm tại Sài Gòn khoảng năm 1949-50. Hàng trăm cánh hoa màu đỏ tươi tắn, lốm đốm sắc sỡ trong một cánh đồng nội khô ráo mùa hè. Một thiếu phụ, dáng dấp quý phái, che dù đứng cạnh một đứa trẻ đang nghịch hái những bông hoa poppy đỏ, trong đám cỏ hoang dại dưới chân đồi. Bức tranh ấy chỉ là một tấm hình chụp lại, nhưng có lẽ đẹp không kém nguyên tác mấy. Kỳ triển lãm đặc biệt "Một Ngày Nơi Đồng Quê" về các họa phẩm ấn tượng, tại Los Angeles nhân kỷ Thế Vận Hội 1984, tôi có lên xem nhưng đã thất vọng vì không thấy bức tranh ấy của Monet.

Hoa poppy - tiếng Pháp là coquelicot - dịch ra là bông mồng gà có lẽ không đúng, vì bông mồng gà của Việt Nam hình dáng khác hẳn (và lại mồng gà của Việt Nam đã có tên tiếng Pháp là amarante rồi). Thế thì cứ tạm gọi là hoa poppy vậy. Poppy giống bông sao nhái (Cosmos bipinnatus), mỗi bông poppy có 5, 6 cánh nhỏ, rộng và dài độ 3, 4 phân, lá mịn, dài và hẹp.

Lần đầu tiên tôi thấy hoa poppy thật sự ngoài đời, không phải do tìm kiếm mà là do tình cờ. Một buổi chiều cách đây hơn mười năm, tôi đi theo một đoàn du khách và dừng xe lại bên bờ đê trước Mont Saint Michel, vùng Normandie, nước Pháp. Xe vừa ngừng, tôi thấy mấy cụm hoa poppy màu đỏ, gió lay lật phất trên mặt đê như vẩy chào. Tôi mừng rỡ vội vàng chạy lên xem, lấy mấy ảnh chụp, và mượn một người đồng hành chụp cho một tấm đứng hơn hờ bên mấy chòm poppy, lấy hòn đảo Mont Saint Michel làm bối cảnh.

Một lần khác, tôi trông thấy vài bông poppy đỏ trong một cánh đồng lúa mì đang chín tại Gif sur Yvette, ngoại ô Paris. Thấy mắt tôi sáng lên đây về mẹ thích, chị Kh. nói với nhà tôi và tôi: "Ngày mai anh chị xuống miền Nam nước Pháp sẽ thấy poppy còn nhiều hơn nữa." Quả thật, hôm sau, trên xa lộ Autoroute du Soleil về Montpellier, chúng tôi thấy màu đỏ của poppy xuất hiện càng lúc càng nhiều hai bên đường. Tôi vừa lái xe vừa nhìn sang bên này, bên kia, miệng cứ tấm tắc khen đẹp. Nhà tôi thấy vậy, bắt tôi phải dừng xe lại để xem và chụp hình cho thỏa chí, rồi mới được tiếp tục đi. Thế là chúng tôi tập vào một khúc vắng, cạnh một mỏ đất có poppy mọc đầy, nơi ấy tôi đã may mắn chụp được một tấm nhà tôi lúc ấy, rất tự nhiên, đưa lên mỗi cán một cọng bông poppy. Khách qua đường, có lẽ phần đông là người Pháp, thấy chúng tôi ở đâu mới đến, ai cũng tùm tùm cười ra vẻ thông cảm.

Càng đi càng thấy poppy mọc nhiều hơn, bên vệ đường, trong vườn, ngoài sân. Anh chị L. ở Montpellier nói một câu, chỉ là vô tình thôi, nhưng đã làm tôi buồn cho hoa không ít: "Ở đây, người Pháp họ không thích coquelicots như hai em đâu. Họ bứt nhỏ hoài mà nó vẫn mọc tràn lên, phá hết cả vườn tược!"

Cây poppy trông mảnh khảnh nhưng có sức chịu đựng thật bền bỉ. Ở New Orleans, tôi bắt gặp vài bụi mọc hoang gần một cây trụ điện, trên đường Causeway, khoảng ngã tư Veterans. Poppy ở Louisiana màu phớt hồng, nở nà như những cái má của đứa trẻ. Chúng thường mọc thành từng đám rộng nơi chỗ đất hoang, khuất sau những lùm cây, bên bờ hồ Pontchartrain. Thế mà những cây poppy mảnh khảnh ấy không biết làm thế nào bay lạc đến mọc được bên vệ đường. Mỗi lần xe chạy qua, bụi cát và hơi nóng của xe hất vào làm những cây hoa ngã rạp xuống. Mùa đông, băng giá đóng thành tảng đè nặng trên những gốc hoa khảng khiêu, khô héo, tưởng như đã chết. Vậy mà không, khi nắng xuân ấm áp trở về, chúng lại mọc lên tươi tốt, với những cánh hoa màu hồng mới tinh khôi, xinh xắn, đua nhau nở như những con bướm từ đâu mới đến đậu.

Hình như hoa poppy mọc nơi thiên nhiên khỏe hơn, hoa đẹp và nhiều hơn là khi đem về trồng chăm sóc trong vườn nhà. Ở đây, tại Huntington Beach (California), trên đường Slater, khoảng Newland, tôi có thấy vài bụi poppy màu hồng như ở Louisiana, cũng mọc dưới chân một cây cột đèn. Khắp California tôi không thấy đâu có poppy màu hồng, chỉ trừ nơi đó. Chúng tôi đã định đến búng về trồng, nhưng sợ hoa sẽ chết, không chịu ở với mình. Thời dành để cho hoa sống nơi đó, một nơi thiên nhiên rất khác khổ. Năm nào chúng tôi cũng đi qua chỗ ấy, mỗi lần đi là mỗi lần thấp thòm, không biết bụi poppy ấy có còn đó hay không.

Nhưng mà, thưa các bạn, tôi đã định nói về một loại poppy khác, màu vàng, của California, một loại poppy đã được tôn lên làm State Flower, nữ hoàng các loài hoa ở Cali - nếu có thể được nói như thế - mặc dầu vẫn sống nhiều nhất ở chốn thôn dã, nơi thung lũng, gần vùng sa mạc.

Không biết vì ngẫu nhiên, vì một sự tìm kiếm âm thầm trong tiềm thức, hay vì do một cơ duyên nào - tôi muốn tin là vì lý do thứ ba này hơn - mà tôi đã gặp được loại poppy vàng, loại hoa nữ hoàng của Cali. Năm trước, giờ một trang báo, tôi chợt thấy tin mùa hoa poppy vàng đã đến ở Lancaster. Đó là lần đầu tiên tôi được biết Cali có loại hoa này. Thế là mấy hôm sau, chúng tôi lái xe đến xem ngay. Đi hết xa lộ

số 5, lấy đường 14 đi về hướng Bắc Los Angeles vài chục dặm, rẽ qua hương lộ chữ I. Đi mãi mà vẫn chưa thấy gì. Sốt ruột, chúng tôi định dừng xe giờ bàn đồ xem lại và hỏi thăm người địa phương, nhưng chưa kịp thì bỗng thấy lác đác bên đường vài khóm poppy mọc vàng chói, lẩn khuất trong đám cỏ hoang. Chúng tôi vui mừng tiếp tục đi sâu thêm nữa thì thấy poppy hiện ra nhiều hơn, mỗi lúc mỗi rục rở thêm lên.

Hoa poppy ở Cali cũng cánh nhỏ, giống như loại màu hồng của Louisiana hay loại màu đỏ của Pháp, và cũng mọc hoang trong cỏ dại, ngoài đồng nội. Lá ít, thân cây nhỏ, poppy mọc chen trong đám cỏ chẳng chịt bủa giăng, tưởng chừng bị cò bóp nghẹt, nhưng rồi các cây hoa vẫn trời được lên cao, đác thẳng giương lên những cánh hoa vàng như những lá cờ óng ánh.

Bên đường, có một nông trại nhỏ, hơi cũ kỹ, nằm trên một ngọn đồi con con đầy poppy. Cửa rào nông trại bỏ ngỏ. Trên đồi, chung quanh trại, poppy mọc mạnh mẽ, hoang dại khắp nơi: bên hàng rào, cạnh một cái bánh xe bò bằng sắt nghiêng nghiêng, rỉ sét, kế bên những tấm ván gỗ nắng mưa đã làm nứt nẻ bạc màu. Trước sân, một con chó nằm phơi nắng, lim dim đôi mắt. Phía sau trại, vài con gà lúi húi buơi đất tìm những cái trứng kiến hay những con sâu bọ. Người chủ nông trại, ý hẳn là một thi nhân hay là một triết gia, đã mở rộng cửa rào cho mọi người tự do vào xem, để cho những ai biết tìm đến thú vào chia sẻ, thưởng thức và chiêm ngưỡng cái vẻ đẹp tuyệt quý, tuyệt mỹ của những đóa hoa vàng mà Thượng Đế rải rác xuống cho người.

Chúng tôi theo con đường, đi vào sâu hơn nữa thì đến một nơi có cả một rừng hoa poppy bao la, chạy thẳng tới chân trời. Chưa bao giờ trước mặt chúng tôi có một cảnh tượng huy hoàng phơi bày ra như vậy. Các bạn hẳn còn nhớ trong phim *The Wizard of Oz*, cô bé Dorothy vừa đi vừa ca hát trong một cánh đồng tràn ngập hoa hồng, mệnh mông dâng tới tòa *Lâu Đài Ngọc Bích* ở tít đằng xa. Nơi đây, ở Lancaster, các bạn có cảm tưởng mình đang sống ngay trong cảnh của phim ấy, trên một tấm thảm dệt toàn bằng hoa poppy màu vàng óng chuốt, đẹp rục rở, lộng lẫy, cái đẹp làm người ta phải xuýt xoa, hoặc xúc động đến sững sờ. Chẳng riêng gì chúng tôi mà hàng đoàn người từ phương xa kéo lên xem, ai nấy đều say sưa, nhìn ngắm.

Năm sau, chúng tôi lại trở lên thăm hoa cùng vài người bạn, nhưng hơi thất vọng, vì hoa ít hơn, có lẽ vì thời tiết thay đổi. Rồi những năm sau đó, mỗi lần xuân về, chúng tôi lại nhớ đến cái rừng hoa poppy ấy, nhưng vẫn ngần ngại chưa muốn trở lại thăm, vì dù hoa có nở nhiều hơn nơi chốn cũ, biết chúng tôi có còn tìm lại được những giây phút đắm say, bông bột của buổi ban đầu nữa hay không?

# GIÃ TỰ DO



• Lê Thị Bạch Nga

**B**ạn tôi đã chết 10 năm, mãi đến nay tôi mới biết tin đích xác. Tai nghe rõ ràng mà đầu óc quay quật, lòng chẳng muốn tin. Trong tim tôi, trong trí tôi, bạn tôi vẫn còn đó với nụ cười hiền rất tươi, mái tóc uốn cao gọn gàng, khuôn mặt chị bầu bĩnh, lúc nào cũng trang điểm kỹ càng, áo quần lúc nào cũng chải chuốt, sang trọng, tôi còn nhớ mãi đôi bông tai hoa cúc màu trắng của chị lóng lánh bên tai... Tên chị là An, Trần thị An.

Chúng tôi cùng học với nhau suốt 5 năm ở trường Dược Sài Gòn. Hồi trước Tết Mậu Thân, chị đám cưới với anh Hiền, người bạn học của chồng tôi. Hồi đó tôi cũng sửa soạn làm đám hỏi, đợi khi ra trường mới đám cưới, nhằm năm Tết Mậu Thân chị ra Quảng Trị ăn Tết với chồng và kẹt luôn vào vụ Hạ Lào. Chị về Đà Nẵng ở với gia đình chúng tôi 3 tháng... Chúng tôi cùng lớp lại cùng hoàn cảnh, cùng tâm sự, cùng tuổi, cùng trường... cùng kẹt cho nên đã nhận nhau làm chị em.

Chị quý mến ba mẹ tôi lắm và hằng mong ước sẽ được đưa ba má chị về thăm ba mẹ tôi để kết làm bà con luôn thể chị vừa nói vừa cười...

Hồi ra trường xong mỗi đứa đi một ngã.. mỗi lần có dịp về Sài Gòn tôi ghé thăm nhà thuốc của chị, lần nào cũng gặp ông chồng đứng bán thuốc cho vợ... Lạ thật, cái ông mê vợ đến bỏ nghề, đi về phòng mạch lo khám bệnh đi chứ!...

Anh Hiền cười tươi :

- Tại nghe chị đến, tôi phải chạy qua thăm đó chứ... 4 năm, rồi 6 năm, rồi 8 năm... hai vợ chồng vẫn vậy, con đã 2 đứa mà cứ như vợ chồng son, cùng làm, cùng ăn, quần quít lấy nhau không rời nửa bước... Tôi thắc mắc quá, có 2 đứa con trai, chị đặt luôn là thàng gà, thàng vịt... Chị cất nghĩa :

- Nhìn đàn gà đàn vịt trong trại mà xem, vợ chồng con cái cứ quần quít vào nhau thấy mà vui, tụi này cũng vậy cho nên mình đặt tên luôn là thàng vịt thàng gà...

Tôi buồn cười quá, giả dụ tôi mà sinh được 2 đứa con trai như chị là ông xã tôi giành mà đặt tên thàng Voi Nguyễn Gia Tường và thàng Cọp Nguyễn Gia Hồ liền... Nói với chị, chị cười :

- Chồng Nga dữ quá nhỉ, nhưng coi chừng nhè, voi đó là voi giấy, cọp giấy mà thôi... Chúng tôi ngã lăn ra mà cười với nhau... May quá, tôi sinh ra được 2 cô con gái chồng tôi thất vọng, giao cho vợ muốn đặt tên gì thì đặt... Không lẽ tôi đặt con là con gà, con vịt để được riu rít quần quít bên mẹ và hiền hiền như con chị An... Tôi bèn lấy tên là Máy bay cho nó thơ mộng, có vẻ trội nổi, mộng mơ.

Ngờ đâu gia đình chúng tôi trôi nổi thật... Lập nghiệp từ một tỉnh nhỏ miền Trung nước Việt, chúng tôi trôi luôn qua Phi Luật Tân, đến đảo Guam hồi 75 rồi tấp vào Camps Pelleton ở California... Rồi trôi nữa đến sông St. Laurent của thành phố Montréal gần chòm địa cầu Bắc cực này...

Đến đây Máy bay lạnh quá hết muốn bay, nên tự dưới chân cầu Jacquer Cartier thành cực nước đá. Gia đình tôi định cư tại Bắc Mỹ từ đó.

Mẹ tôi thường nhắc đến chị, mong được tin chị, các bạn tôi lần lượt bỏ nước ra đi tìm tự do, đến được bến bờ, trông hoài không thấy chị... Mấy năm đầu nghe chị vẫn mở nhà thuốc, vẫn kiếm bạc ung dung, nghe anh vẫn mở phòng mạch lai rai... Rồi tin tức mất bật... Bạn bè nói rằng hai vợ chồng giàu lắm, giàu lắm... Tôi cũng mừng cho chị có tiền nuôi con, có vàng để đi vượt biên... qua với chúng tôi... và tôi chờ... càng chờ càng vắng.

Mỗi lần nhớ bạn tôi lại thấy hiện ra trước mắt nụ cười hiền mà tươi của chị, giọng nói miền Bắc của chị thanh tao, vồn vã với tất cả mọi người... chỉ có con mắt hơi bàng, không sâu, con mắt một mí luôn luôn được trang điểm tỉ mỉ, dù còn là đi học, chị sang trọng như mình tinh tài tử... có lẽ vì thế chị có tiếng đẹp... đẹp mà quý phái... thật tình chị sống suốt đời trong nhung lụa, những màu áo chị mặc luôn luôn là màu tươi sáng như Hoàng Yến, Hồng Ngọc, Tím Huế, Vàng Cúc đại đóa hoa hậu... rất sang, rất hợp với chị.

Tình tôi thì khác, tôi thích màu nâu, màu đen, màu tím than... Vậy mà hai đứa vẫn hợp nhau, vẫn chơi thân được, càng chơi thân càng thấy quý nhau có lẽ tại lúc nào chị cũng chiều, cũng quý tôi hồi đó kết làm chị em... chị được làm chị tôi...

Năm 1975, miền Trung lọt vào tay cộng sản, ba mẹ tôi vượt biển vào Sài Gòn. Anh chị nghe tin đưa các cháu đến thăm mang theo linh kinh dù thứ quà bánh... như đi tết ai vậy đó. Cả nhà hiểu là chị muốn trả lễ những ngày trú ngụ tại gia đình tôi ở ngoài Trung... và chị khóc... có lẽ chị quý mến ba mẹ tôi nhiều nên chị cung chiều tôi... đó là lần cuối cùng tôi gặp gia đình chị cho đến 13 năm sau.

Anh T cùng khóa với chồng chị đã đến được Canada, anh kể lại :

- Chị N ơi, hai vợ chồng Hiền An nó chết rồi, mà gà vịt của nó cũng chết hết luôn...

Tối hôm đó trên đường về tôi khóc. Bên ngoài trời tối đen, lái xe qua cầu, gió thổi ào ào qua khung cửa, bên dưới giòng sông đen như hố thăm... Lạ thật, cuộc đời sao lắm chuyện oái oăm, tôi qua đây, dù đập vùi lên xuống, vẫn sống nhân rằng còn chị sao đẹp vậy, tươi vậy mà chị chết lẹ vậy, lại chết luôn cả chồng, chết luôn cả con... Ôi bây giờ gà vịt thân yêu của bạn tôi...

Chị cùng chồng và 2 đứa con vượt biển vào đêm 26 Tết. Chiếc tàu có 268 người, tàu khá lớn, mỗi người phải đóng đến 6-7 cây vàng mới được vượt biên... Khi tàu ra đến Long Hải, tàu vượt dưới theo bán vào hông tàu lũng mấy lỗ lớn, tàu vẫn cứ chạy, ra đến hải phận quốc tế lại lạc vào một bãi đá ngầm, thêm những vết đạn lũng tử tung, mũi tàu bể và chìm, 268 người chết trong đó có 60 Nha Y Dược sĩ.

268 người ra đi và chết hết trong vòng 24 tiếng đồng hồ. Tin dội về như bom nổ, chết hết chẳng còn một ai. Lũng tàu, nước tràn vào và tàu chìm hay đụng đá ngầm mà tàu chìm, hay còn gì khác nữa... không ai biết được sự thật cho đến 10 năm sau, tôi nhận được tin dữ của bạn, những chi tiết cuối cùng làm tôi sững sờ, đau đớn.

Những tin tức trên báo chí gần đây cho rằng thuyền nhân là những kẻ tỵ nạn kinh tế, đi tìm dollars... Ai ở xứ này trên 13 năm như chúng tôi, bắt đắc dĩ mà phải bỏ quê hương xứ sở ra đi sống đời hải ngoại thì mới thấm thía câu thành ngữ tây phương *Rien est gratuit*. Quả thật không có cái gì cho không ở xứ này cả, cái gì cũng có giá của nó, ngay cả giá tự do, giá đất hay rẻ, nhiều hay ít tùy lúc tùy người nhưng chẳng có gì biểu không.

Vậy mà bạn tôi, các bạn tôi đã ra đi với một đồng bạc vàng nữ trang, họ phải trả bao nhiêu vàng để được về bến tự do? Họ bằng lòng bỏ hết, mất hết để mua lấy hai chữ tự do, và bạn tôi cũng vậy, chị bằng lòng trả một giá thật đắt để có được tự do, giờ đây chị đã có tự do, tự do trên khoảng không gian bất gát của vùng trời cao thăm, ở đó tôi thường nhìn lên, ngắm nghía những làn mây trắng tự tại, lang thang dầy đó mà gởi theo mộng ước xa vời.

Chị An ơi, chị đã mất hết mà chị đã có hết. Nếu phải chết, chị đã chọn cái chết như ước vọng với đàn gà đàn vịt yêu thương của chị, với người chồng thân thiết của chị, với các bạn 58 Y Nha Dược sĩ cùng đi tìm tự do với chị, và cùng với trên 200 người khác cùng chí hướng như chị như gia đình chị...

Đó cũng là một trả lời cho thế giới tự do hiểu, và cho những người đã đến được bờ tự do chúng ta hiểu rằng vẫn còn hàng hàng lớp lớp

người ra đi, họ bằng lòng đổi hết tiền tài, sự nghiệp, lợi danh có được ở Việt nam để đi tìm tự do dù phải trả đến mạng sống của mình, của gia đình mình.

Giá tự do rất đắt, nhưng vẫn phải mua, và ngày nào Việt Nam còn những kẻ đau khổ vì mất tự do, vì tự do bị cướp đoạt, thì vẫn còn những chuyến tàu, những hình ảnh của chị An của anh Hiền, của gà vịt và các bạn...

Hôm nay tôi thấp nén hương lòng thương nhớ chị. Chị An ơi, có những cái chết rất im lặng mà đã nói rất nhiều.



# Những kẻ tôi yêu

"Tình yêu là lẽ luật tối cao.  
Tình yêu là điều kiện cốt yếu để thành người"  
A. Dante

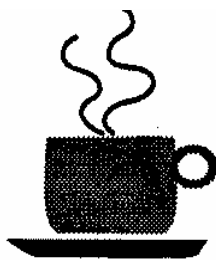
• S.H Hà Đạu Đồng

Tôi yêu những kẻ tôi yêu  
Tôi yêu những kẻ sớm chiều thương nhau.  
Tôi yêu từ thuở ban đầu  
Tôi yêu những kẻ bác cầu yêu thương.  
Tôi yêu từ buổi tình sương  
Ngắm đoàn em bé đến trường hái hoa :  
Bông vàng lễ giáo, hiền hòa  
Tô màu thân thể, đẹp nhà lương tâm.  
Tôi yêu từ độ trăng rằm  
Ngắm đoàn trai gái đầu tàm uơm tơ.  
Đời vui nên để thành thơ  
Bao nhiêu mộng đẹp giấc mơ cõi lòng.  
Tôi nghe lời nguyện cầu mong  
Của đàn con cháu kết vòng yêu thương :  
Yêu là lẽ sống, là đường  
Nhân sinh triết lý, hiền chương làm người.  
Tôi yêu những kẻ vào đời  
Cho nhau ân nghĩa, gửi lời khôn ngoan.  
Kho tàng bí nhiệm chứa chan  
Rửa đen thành trắng, đổi than thành vàng.  
Tình yêu tuyệt đỉnh cao sang  
Tình yêu có nghĩa thiên đàng trong ta.  
Tình yêu trĩu quả đầy hoa  
Thơm ngon chín ngọt mặn mà bền lâu.

Yêu thương đôi cánh chim câu  
Người mơ từng ấy, địa cầu bình an.  
Đến khi chấm tận đời tàn  
Tình yêu sống mãi, đó tràn yêu thương.



Khi,  
Mưa Xuân về trên quê hương  
Tình thương ngự giữa lòng người  
Đất trời thắm nở hoa hồng,  
Cầu vồng tía màu Hy vọng.



# Lược khảo về Trà VÀ THUẬT THƯỜNG TRÀ

• LỊCH SỬ VỀ TRÀ • Lê Huy Nhâm

Ở Việt Nam đêm 30 Tết pháo nổ đi đùng, ta ngồi sập gụ pha ấm trà để cúng gia tiên rồi đến mừng Một Tết không ai không uống một chén trà mừng nhau xuân mới.

Đó là một diêm phúc khó kiếm lại tại hải ngoại. Trà không những để cúng gia tiên mà còn thấy cúng ở làng miếu, triều đình, cũng như tận chốn đình trung. Trà đã được trở nên một thứ để cúng lễ và lâu dần uống trà đã thành một mỹ tục của dân tộc Việt Nam chứ không phải là một nhu cầu thêm ăn khát uống.

Cây trà có từ hồi nào và ở đâu cũng chẳng ai rõ lắm. Dư luận cho là từ Trung Quốc, vì người Trung Quốc đã dạy cho dân tộc thế giới biết uống trà và nghệ thuật uống trà.

Theo truyền thuyết thì vua Thần Nông bên Trung Quốc lúc nào cũng uống nước đun sôi. Một hôm có ngọn gió đá làm bay vài lá cây vô ấm nước sôi. Ông uống thấy thơm ngon vô cùng. Vậy là ông đã khám phá ra cây trà. Truyền thuyết thứ hai là Ngải Bồ Đề Đạt Ma mỗi khi ngồi thiền Ngải bị buồn ngủ vô cùng và Ngải không chống lại được. Muốn tránh khỏi buồn ngủ Ngải cắt hai mí mắt liệng xuống đất. Lạ thay, ngày mai dưới đất mọc lên một cây xanh tốt. Ngải lấy một ít lá nấu lên uống thấy thơm ngon lạ lùng và hết buồn ngủ. Các thiên sư sau này đều dùng trà để chống buồn ngủ.

Ở Đông Phương năm 1141-1215 Thiên sư Eisai qua Trung Hoa học đạo và học lối pha trà và thường thức trà ở Thiên Viên mang về Nhật, từ đó trà Đạo đã thành hình và dân Nhật cũng bắt đầu thích thường thức trà.

Người Âu khám phá ra cách uống trà rất chậm. Mãi đến năm 1254-1324 một thương gia Ý thích phiêu lưu tên Marco Polo đã đi sang Trung Quốc nhiều lần và cũng chỉ nhắc đến trà có một lần trong các bài tường thuật những cuộc phiêu lưu.

Gần 200 năm sau cũng lại một nhà buôn Ý tên Giovanni Batista Ramusio đã cho người Âu biết rõ tỉ mỉ về sự sản xuất và dùng trà ra sao.

Bắt đầu thế kỷ thứ 17 có vài tiệm được phẩm bán ra số lượng rất nhỏ trà đắt bằng giá vàng.

Người Hòa Lan cũng bắt đầu để ý đến trà. Có người lái buôn Hòa Lan tên Nieuhof đã kiên trì sang Trung Quốc để điều đình không ngừng về việc mua trà. Về nước, Nieuhof tả cho dân chúng là trà có một dược tính chữa bách bệnh. Hơn nữa người Trung Quốc coi như thuốc trường sinh bất lão. Hiện nay dân Anh Quốc biết thường thức trà cũng là nhờ các thương gia Hòa Lan và các nhà hàng hải Bồ Đào Nha dạy cho.

Ngày 23.9.1658 là ngày không thể quên được trong lịch sử trà bên Anh Quốc. Hôm đó là ngày đầu tiên trên tờ nhật báo Anh Quốc quảng cáo về một tiệm uống trà.

Tờ Mercurius Piliticus đăng có một thứ giải khát của Trung Hoa tên "tchan" (trà) có bán tại tiệm café Sultan's Head. Thứ giải khát rất ngon này sau khi uống đã làm cho con người khỏe khoắn và mình mẫn thêm ra, lại còn chữa được nhiều thứ bệnh. Sau khi tờ báo phát hành các công hầu khanh tướng và triệu phú ùn ùn tới uống.

Ba năm sau vua Anh Quốc đã kết duyên với công chúa Bồ Đào Nha tên Catherine de Bragance, một giai nhân rất thành thạo về cách pha và thường thức trà. Vua Charles II và hoàng hậu đã mang nghệ thuật uống trà vô triều đình. Thế là vạn vô bá quan đều quen dùng trà không những buổi sáng mà còn cả trưa lẫn chiều.

Sau này có hãng Ấn Viên Đông được độc quyền buôn trà với Đông Phương trong 200 năm. Hồi này chỉ có Pháp là vẫn xa lạ với trà thời.

## TRÀ ĐÃ THAY ĐỔI DÒNG LỊCH SỬ.

Hồi xưa Mỹ là thuộc địa của Anh Quốc. Năm 1770, người Mỹ bất mãn nổi dậy giành độc lập vì người Anh đã tăng thuế trà lên 3 pences một livre. Dân Boston đã hóa trang làm người da đen tiến đến ba tàu của hãng Ấn Viễn Đông phá các thùng trà và đổ hết xuống biển. Sự nổi dậy này Hoa Kỳ đã giành được độc lập.

Trà đã gây thêm chiến tranh giữa Trung Quốc và Anh Quốc. Thừa dịp các cường quốc cũng tìm cơ để xâu xé Trung Quốc.

Người Trung Quốc không nhập cảng gì của người Âu. Họ chỉ đổi trà lấy vàng hay bạc mà thôi. Hồi đó nha phiến là thứ quốc cấm nhưng người Trung Hoa lại rất ưa chuộng.

Hãng Ấn Viễn Đông thừa dịp đổi thuốc phiện lấy trà. Họ còn trồng cây nha phiến tại phía đông Ấn Độ mỗi ngày mỗi nhiều để đổi lấy trà. Chỉ trong vòng 10 năm Trung Hoa đã đầy đầy các tiệm hút. Thấy a phiến làm hại sức khỏe dân chúng quá nhiều, người Trung Hoa cấm ngặt các sự đổi chác bất hợp pháp đó vì vậy đã gây ra nhiều trận giao chiến nhỏ.

Sau đại chiến thực sự xảy ra và đến năm 1842 Trung Quốc thảm bại và chịu nhục cắt đất cho các cường quốc, mặt khác phải ký hiệp ước cho người Anh mua trà giá rẻ đổi lại Trung Quốc phải nhập cảng a phiện của người Anh sản xuất cho dân Tàu hút.

## Ở ĐỜI CÓ NHÂN ÁT PHẢI CÓ QUẢ.

Người Anh muốn dân Trung Hoa ghiền a phiện, nhưng hiện nay dân Trung Quốc ghiền a phiện không còn bao nhiêu, còn dân Anh ghiền trà đứng đầu thế giới. Mỗi năm Anh Quốc nhập cảng gần 500 triệu cân trà, kể đó là Hoa Kỳ 200 triệu cân, Canada 50 triệu cân.

Nước sản xuất trà nhiều nhất là Tích Lan 480 triệu cân, Ấn 450 triệu cân và Trung Quốc 120 triệu cân.

Hiện nay có hàng trăm loại trà khác nhau. Các sở trà hay trồng ở miền núi vì ở đó đất không giữ nước.

Người Anh ghiền trà và biết trà là một mối lợi lớn. Khoảng năm 1935 họ bèn khai phá đất đai để trồng trà thì vô tình đã kiếm ra cây trà nguyên thủy trong trạng thái thiên nhiên cũng giống với cây trà Trung Quốc ở trong rừng vùng cực Đông Bắc Ấn Độ thuộc vùng Assam. Cây trà cao 30 thước.

Người ta cho thứ trà tinh luyện nhất và ngon nhất là ở Darjeeling trên triền núi Hy Mã Lạp Sơn. Ở đó khí hậu ẩm ướt hòa cùng với chất acide của đất đã tạo ra loại trà rất quý, hương thơm, sắc đẹp và vị ngon. Người ta cho Darjeeling là đất hứa của trà.

Thật ra trà ở miền núi Trung Quốc đâu có thua gì trà Darjeeling. Trà núi Vũ Di phía Tây huyện Sung An tỉnh Phúc Kiến hoặc trà núi Ngũ Hoa ở ngoại thành Côn Minh tỉnh Vân Nam đâu kém trà tại Darjeeling.

Vùng núi nào cũng vậy, trà "Đông Pha" luôn luôn ngon và thơm hơn trà "Tây Pha" vì trà mọc ở hướng Đông nhận ánh sáng mặt trời trước tức là hướng sanh, còn hướng Tây là hướng tử của dương khí nên cây và lá trà khác hẳn với cây và lá trà hướng Đông.

Người ta hái trà vào tháng 2, 3, 4 vào những ngày trời tốt khí sáng sớm còn sương và mặt trời chưa mọc.

## CÁC LOẠI TRÀ

Trà được phân loại ra như sau:

1. Diệp trà (lá trà như ta uống ngày nay).
2. Mạt trà (trà bột và hiện nay Trà thất của Nhật còn dùng).
3. Trà bánh (trà đã được nghiền nhỏ hoặc trà lá đóng thành bánh. Trước kia ở Việt Nam cũng có trà bánh, nhất là trà mạn).

Trên thị trường hiện nay ta thường thấy: trà xanh, trà đen và Ô Long. Người Âu Mỹ thường dùng trà đen (như Lipton), người Tàu gọi là hồng trà. Còn người Á Đông chỉ dùng trà xanh và Ô Long.

## HIỆN NAY CÓ ĐẾN CẢ TRĂM LOẠI TRÀ.

Xưa kia ta hay dùng loại trà Long Tỉnh, vì phần lớn trà Long Tỉnh đứng hạng nhất về hương cũng như về sắc. Trà đã được lựa chọn kỹ trước khi mang ra thị trường có nghĩa

là trà có một lá và một đọt non và chỉ có một lá duy nhất. Ta đã có câu ca dao:

*"Làm trai biết đánh tổ tôm  
Uống trà Long Tỉnh ngấm nôm Thủy Kiều"*

Ngoài trà Long Tỉnh ta còn chuộng trà Ô Long như: Thiết Quan Âm, Thiết La Hán, THỦY TIÊN, TƯỚC THIẾT, Long Phụng, Dương Tiến, Vũ Di, v.v...

Tước Thiết là trà cánh nhỏ mà cong như lưỡi chim. Các tay sành điệu trà Trung Quốc đều biết tiếng. Có cái lạ là xưa kia trà Tước Thiết thấy ở vùng châu Sa Bôi tức vùng Cam Lộ, Quảng Trị bây giờ. Ngày nay chẳng còn dấu vết gì.

Dương Tiến là thứ trà đặc biệt để tiến vua. Trà được trồng ở vùng Dương Tiến trước kia là Nghi Hưng (nơi sản xuất loại ấm nhỏ pha trà) gần Thượng Hải.

Trà Vũ Di cũng rất danh tiếng. Vũ Di là tên một quả núi ở phía Tây Sùng An tỉnh Phúc Kiến. Có hai thứ trà Vũ Di: "Vũ Di Tiên" tức là trà hái vào đầu mùa Xuân và "Vũ Di Hậu" hái sau mùa Xuân.

"Vũ Di Tiên" hương vị hơn hẳn "Vũ Di Hậu".

Cũng có nhiều loại trà ngon mang tên khác nhau mà đều sản xuất tại Vũ Di.

Hầu-Trà là một loại trà hái từ các cây trà mọc tự nhiên ở miền núi hay rừng xa xăm như vùng Assam Ấn Độ hay Ngũ Hoa bên Trung Hoa. Cây trà cao từ 20 đến 30 thước. Lá rất nhỏ nên hái công phu. Họ phải huấn luyện một đàn khỉ để leo lên hái. Vì vậy trà rất đắt tiền vì nó có một hương vị độc đáo.

Bạch-Mao-Trà là thứ trà hái các lộc non khi đầu mùa Xuân là một thứ trà thượng đẳng.

Hiện nay họ sản xuất ra một loại trà kêu là Vương Trà. Loại trà này uống rất ngon và lại quá mắc nên ít ai dám dùng.

Đàn hay là ở dư âm, còn trà ngon là ở hương vị đặc biệt khi uống xong còn vương mắc nơi cổ. Vương Trà đã có những điểm độc đáo đó...

Ngoài ra còn nhiều huyền thoại về Trám-Mã-Trà, Trinh-Nữ-Trà, Vân-Vụ-Trà.

Xưa kia các tiệm trà khắp nơi đều có treo hình Lục Vũ hay Lỗ Đông vì lý do cuốn Trà-Kinh và Trà-Ca... người Tàu coi như khuôn vàng thước ngọc về trà mà họ phải noi theo.

Còn ở Việt Nam về miền quê ngoài Bắc thường có Trà Vối, Trà Nụ Vối, Trà Hạt lấy ở cây trà ra và trà mạn. Đã có câu ca dao:

*"Đò tôi ở bến sông Dâu  
Buôn trà mạn hảo tháng sau mới về"*

Trên đường cái quan ngoài Bắc rải rác đó đây có các quán trà tươi. Họ nấu ngay khi hái lá trà, không cần ủ. Là một loại trà xanh một trăm phần trăm. Uống trà này thường xuyên người ta có thể tránh được bệnh: mập, tim, khó tiêu và cả ung thư.

## TRÀ CỤ

### • Cách chọn dáng ấm, loại ấm.

Người Việt chúng ta thường ưa chuộng các ấm hình quả na, quả hồng, quả quýt, quả sung. Màu ấm phải là màu gan gà và xếp loại như sau:

Thứ nhất Thế-Đức gan gà, thứ nhì Lưu Bội, thứ ba Mạnh Thần. Tất cả ấm đất nhỏ pha trà nổi danh và độc đáo nhất đều sản xuất tại Nghi Hưng nay đổi là Dương Tiến. Nghi Hưng thuộc gần phía Bắc tỉnh Triết Giang, phía Tây Thái Hồ, phía Đông Tô Châu gần Thượng Hải. Là một tỉnh phong cảnh đẹp nhất bên Tàu, ở Nghi Hưng có loại đất sét đặc biệt mà chỉ ở Nghi Hưng mới có.

Có màu vàng tên thạch hoàng, khi nung xong cho màu "quất bì" đặc biệt, có loại hoàng sa vàng nhạt nung xong cho màu xanh, có màu xanh lam tức lam-sa nung xong cho màu nâu đậm. Còn có màu tím (tử sa), màu trắng (bạch sa) và màu đỏ (chú sa). Các thợ pha trộn các màu với nhau và cho ra nhiều màu đặc biệt, khó ai bắt chước nổi.

Muốn biết có phải ấm Nghi Hưng của Tàu thiệt hay giả, ta có cách thử như sau:

cảm giác lâng lâng không rõ ta là hương vị của trà, hay hương vị của trà là ta, mà chỉ thấy mình với trà là một, không chủ thể, không đối tượng. Ta đang ở trong trạng thái Trang sinh mơ bướm hay bướm mơ Trang sinh. Lúc này như có một ánh sáng rực rỡ chiếu vào cái Ngã nhỏ mọn của ta khiến nó tan hòa vào vô biên nghĩa là nó đi đến cái điểm hòa mình vào cảnh vật. Vật và mình cùng trong một cảnh giới.

*Mình với ta tuy hai mà một  
Ta với mình tuy một mà hai*  
(Tân Đà)

### TRÀ THẤT

Bây giờ xin đề cập đến cách uống trà của người Nhật.

Người Nhật đã nâng cách uống trà của họ lên đến một địa vị quan trọng tức Trà Đạo. Họ làm một nhà riêng để uống trà kêu là Trà-Thất. Từ cách trang hoàng, bày biện cho đến lối đi vào Trà-Thất đều có dụng ý rất thâm sâu. Cả thế giới chẳng mấy ai bắt chước được.

Trà-Thất thường làm ngoài vườn cách xa nhà ở. Cách kiến trúc khác hẳn Tây phương. Xây cất toàn bằng vật liệu nhẹ, tầm thường và đơn giản. Mái thường lợp tranh và các kèo cột bằng cây tre hoặc gỗ đơn sơ. Trà thất của họ mang một ý nghĩa vô thường, phù du vì họ cho rằng chỉ có sự cực kỳ đơn giản mới tương trưng được Hư vô cái vô cùng, vô tận của Vũ Trụ. Họ cho cái tên là Hư-Không trú cư, Phi-tương-xứng trú cư hay Không-gia. Lập ra Trà thất đầu tiên là Thiên sư Lợi-Hưu (Rikiu).

Trà thất không lớn lắm vì họ trú liệu chỉ đón tiếp độ 5 người.

Thợ làm Trà thất rất được quý trọng và lương cao.

Lối đi vào Trà thất được thiết kế bất đối xứng về chu vi cũng như về phần bố cục các thành phần chính (đá, cây, nước) của hai bên lối đi. Lối đi quanh co. Cây mọc không đều, không thẳng tắp mà được trồng xiên lệch, cao thấp không đều nhau. Cây và đá kết hợp thành số lẻ. Cây không xen hay tía kỹ càng thành những hình thù có vẻ nhân tạo. Tất cả đều tăng cường dáng vẻ thiên nhiên qua sự bất đối xứng.

Những hình thức gây được nhiều mỹ cảm nhất là những hình thức bất toàn hay phi-tương-xứng.

Cái đẹp thật sự chỉ có thể khám phá nhờ tưởng tượng, suy gẫm để hoàn tất cái chưa hoàn

tất. Lối đi trong vườn dẫn đến Trà thất có nghĩa là đường đi đến chỗ tự giác, sẵn sàng cắt đứt hình danh sắc tướng của thế tục. Sau khi tâm hồn được chuẩn bị như vậy, mỗi người đều phải chui qua một cái cửa phòng rất thấp, không cao quá ba bộ. Động tác này chủ ý nhắc mọi người sự bình đẳng, khiêm nhượng với tính cách khắc kỷ vô Ngã. Bạn là vương hầu khanh tướng ư, hay bạn là một nông dân, một công nhân tâm thường đều phải để cái Phàm-Ngã ở ngoài, rồi chui qua cái "cửa không" hay "vô môn" của thiên gia để vô trà phòng...

Trong phòng gần như hoàn toàn trống rỗng ngoại trừ cái bàn thấp và dầm cái gối để chủ nhân và khách lúc dùng trà quỳ lên. Trên tường chỉ treo một bức tranh thủy mặc hoặc tranh một cái cây. Mỗi thứ đều có ý nghĩa rất thâm thúy...

Bức tranh là một cây tùng với hòn đá cồ liêu dưới gốc ư? Tùng và đá phối hợp đặc biệt với nhau rất nên thơ. Hơn nữa cây tùng tượng trưng cho ý nghĩa dai dẳng, tùng trải những

hoàn cảnh đổi thay mà mình không thay đổi. Đây là ý nghĩa "phong sương" của cây tùng. Chủ nhân có ý tự ví mình với cây tùng tức là với tinh thần phong sương của nó. Đôi khi ngoài bức tranh có thêm bình bông mà chỉ có ba bông. Bông cao nhất tượng trưng cho "Thiên", thấp nhất cho "Địa", và bông ở giữa hai bông kia tượng trưng cho "Người", tức Thiên, Địa, Nhân. Nhà Phật kêu là Dục giới, Sắc giới, và Vô sắc giới.

Người Nhật vẫn có khuyính hướng biểu diễn cái vô cùng của Trời Đất, vũ trụ trong những gì nhỏ bé.

Bình bông và cái bàn không bao giờ bày ngay chính giữa phòng vì e nó sẽ chia căn phòng làm hai khoảng bằng nhau.

Lối trần thiết phòng trà của Nhật đều áp dụng lối "phi-tương-xứng" có vẻ cái gì cũng dở dang, chưa hoàn tất.

Nhà văn Nhật Sakarazawa Nyoti trong cuốn "Le livre des fleurs" đã viết: "Tạo hóa không bao giờ tạo ra cân đối. Cân đối đồng nghĩa với sự bất đồng, với sự gì như đã kết liễu. Cái gì không cân đối, trái lại cái gì gây được cảm giác như chưa xong mới có thể gây được cảm giác có sống".

Lối này cũng là kết quả của sự thực hiện tư tưởng Đạo Gia. Xưa kia Đức Phật gọi các vị tỷ khưu đến. Ngài bốc một nắm lá và dạy: Này các tỷ khưu, những điều mà Như Lai dạy các con có thể sánh với nắm lá này, còn những điều mà Như Lai không dạy cũng như tất cả lá trong rừng. Công việc về Đạo của Ngài dạy thế nhân đâu đã hết và coi như chưa xong.

Sáu mươi tư quẻ trong Kinh Dịch của ông Phục-Hy đâu có quy kết ở quẻ Kỳ-tế tức là đã xong, mà quy kết ở quẻ Vị-tế tức còn dở dang. Như vậy là công việc của ông chưa hoàn tất.

Còn Lão Tử viết cuốn Đạo Đức Kinh có 1745 lời chưa xong cũng bỏ đi mất, chẳng ai hiểu sống ở đâu và chết ở đâu. Công việc dạy đời của ông cũng chưa xong.

Như vậy ta đủ hiểu cái gì đã xong là đến chỗ tận cùng rồi, là hữu tận và tâm thường, không có sự sống, chỉ có những gì chưa xong, dở dang chưa hoàn tất thì mới có thể là vô cùng, vô tận.

Trong cõi Ta Bà này những cuộc tình dang dở là những cuộc tình đẹp nhất.

Ta trở lại cách uống trà của Nhật: Trước khi chui qua "Vô Môn" thì chủ và khách đã thỏa thuận về chỗ ngồi của mình theo ngôi thứ. Mọi người lặng lẽ theo nhau vô phòng và cúi đầu chào bức tranh hoặc bình bông. Ai nấy đều quỳ gối chung quanh bàn. Bao giờ họ cũng kính cẩn hai tay bưng bát trà của mình lên uống. Tóm tắt lối uống trà của Nhật là như



vậy.

### • NHỮNG LỢI ÍCH CỦA TRÀ

Trà làm cho chất mỡ dễ tiêu, vì vậy mỗi khi tiệc tùng, cơm no rượu say, ta cần uống vài chén trà là thấy người dễ chịu.

Thứ trà xanh của ta như là trà tươi có một nhóm vitamins "B" và vitamine "P" rất tốt cho các người có bệnh như về tim, áp huyết cao và bệnh mập. Nếu ta dùng hàng ngày thứ trà tươi trong một năm thì ta sẽ hết mập. Ta đừng vào các cửa tiệm bán đồ "diet", họ cũng chỉ bán loại trà xanh mà lại mắc.

Hiện nay các tiệm trà có bán một loại trà hương vị giống như trà tươi bên mình lại rẻ. Ta cứ hỏi nhãn hiệu "BOJEMI". Hương vị trà này thật giống trà tươi bên Việt Nam. Còn lợi ích có được như trà tươi Việt Nam không thì người viết không dám nói.

# NÊN ĐƯA ĐẠO HỌC ĐÔNG PHƯƠNG VÀO XÃ HỘI ÂU MỸ??

• Thiện Nguyên Hoàng Đôn Trinh

Nhân chuyến Mỹ du một tháng tại Tiểu Bang Cali, tôi có nhiều cảm nghĩ mâu thuẫn: vừa vui mừng, vừa lo âu. Vui vì được gặp lại bà con, thân hữu và cựu học sinh sau 35 năm xa cách. Lo vì lối sống bên Mỹ, một lối sống quá tự do, mất quân bình có thể đưa đến khủng hoảng tinh thần và sa đọa. Mọi người đều chạy theo đồng tiền để giải quyết hai vấn đề sinh tử: trả góp tiền nhà trong vòng 20 hay 30 năm và tiền tậu xe mà hầu như đều có máy điều hòa thật tiện nghi. Hầu như tôi không thể tìm một tâm hồn thanh thản, sống một cách tinh thức mà chỉ gặp những tâm trạng bán khoán, khoán khoán, lo âu trong cuộc sống. Ai cũng lo không biết ngày mai khi mới bước vào hăng, chủ nhân có đột ngột trao cho mình một tấm giấy "Cảm ơn" không?? Nếu Job bị mất thì nhà cửa cũng bay và xe ô-tô cũng không còn!

Trở lại Đức Quốc, đọc bài "Pháp Thuật Khôn Lường" của Thượng Tọa Thích Bảo Lạc đăng trong Viên Giác số 88, tôi càng thấm thía hơn. Thấy vậy, xã hội tư bản mà Hoa Kỳ là đại diện, đã thành công rực rỡ về mặt kỹ thuật, đã tổ chức một đời sống tiến bộ, văn minh, đạt những kết quả về kiến thức khoa học nhưng than ôi! lại hầu như băng hoại về tinh thần. Xin các bạn hãy theo dõi báo hàng ngày và quan sát xã hội Âu Mỹ: thường xuyên mỗi ngày đều có trộm cắp, cướp giật, hãm hiếp, bắt cóc, bạo động, đất chất nổ, tự tử vì mọi lý do, giết người, buôn bán ma túy không những nơi chốn ăn chơi đàng điếm mà xâm nhập vào trường học nữa v.v... Vô luân nhất là chuyện loạn luân. Nhớ lại khi còn trẻ, tôi đọc bộ "Đông Châu Liệt Quốc", xã hội ly loạn như vậy mà suốt chiều dài lịch sử Trung Hoa thời kỳ ấy chỉ có 2 câu chuyện loạn luân mà thôi: "Vô Tông Sát Tẩu" vì người chị dâu có ý lăng mạ với em chồng. - Và một câu chuyện ở Cung-Cấm, người bào huynh đã lên làm vua mà vẫn còn luyến ái với em mình.

Tại Đức nếu đọc báo "Bild Zeitung" sẽ thấy xảy ra thường xuyên chuyện người cha vô luân với con gái còn thơ ấu và những câu chuyện cha hoặc mẹ giết con thơ của mình vì tình hoặc vì tiền. Xã hội tư bản cũng có nhiều mâu thuẫn: một mặt, các thứ tự do tệ hại được phát triển theo sáng kiến cá nhân, mặt khác lại gia tăng lực lượng cảnh sát và mở thêm nhà tù. "Xã hội trên hình thức thì nhân đạo, văn minh

tự do, con người được bảo đảm mọi thứ, có mọi thứ quyền nhưng thật ra con người bị xã hội này chi phối toàn diện một cách tinh vi", khiến con người luôn luôn bất an, sợ sệt, thần kinh căng thẳng. Các Bệnh viện tâm thần được mở ra để chữa cháp các can phạm mà Tòa án xử là do bệnh thần kinh.

Tôi lại may mắn được Đạo hữu H. cho mượn cuốn băng ghi lại Buổi Thuyết Pháp của Thượng Tọa Thích Minh Tâm trong khóa Giáo lý Âu Châu kỳ 7 tại Đan Mạch. Thượng Tọa đã phân tích nền kinh tế thị trường các nước Á



Châu như Nhật và 4 con rồng kinh tế mới nổi là Đài Loan, Nam Hàn, Singapur, Hồng Kông. Các nước trên có khả năng phát triển mạnh và có cơ vượt qua nền kinh tế Âu Mỹ. Vì thế có chuyên viên đã nói: Kinh tế thế kỷ 21 là kinh tế của khu vực Thái Bình Dương. Sở dĩ các nước ấy đạt được triển vọng và thành tích như thế là vì - theo lời Thượng Tọa - Nhật có nền kinh tế Thiên, các nước kia có nền kinh tế Khổng giáo. Đó là một cách nói nhấn mạnh của Thượng Tọa chớ thật ra các

nước trên đều theo nền kinh tế tư bản cả, nhưng sở dĩ không có những cảnh hỗn loạn, sa đọa như xã hội Âu Mỹ vì họ có nền Đạo Học Đông Phương làm nền tảng. Tại Âu Mỹ, không có nền giáo dục luân lý đạo đức ở Học đường, lại còn có khuynh hướng đầu độc tuổi trẻ hướng về Nhục dục và Bạo lực bằng Báo chí và phim ảnh, Video.

Triết học dân chủ Tây Phương đề cao chữ QUYỀN nghĩa là quyền lợi bản thân và quyền lợi mọi công dân được tôn trọng và vì vậy nền Tây Phương đã xây dựng được Chế Độ Dân Chủ. Vì lo bảo vệ quyền lợi của chính mình nên phát sinh "Cá Nhân Chủ Nghĩa". Hai yếu tố: Chính Trị Dân Chủ và Cá Nhân Chủ Nghĩa đưa đến Tư Bản Chủ Nghĩa. Trong mấy thế kỷ liền, Tây Phương vẫn giữ cân bằng giữa "Nghĩa Vụ" và "Quyền Lợi" nhưng gần đây "Quyền Lợi" lấn áp "Nghĩa Vụ" nên cá nhân phát triển quá trớn làm điên đảo xã hội, mất thể quân bình. Hoa Kỳ có Hiến Pháp quy định quyền hạn của Nhà nước cũng như của người Dân nhưng không đủ động đến luân thường đạo lý. Con gái cứ tự do đi Disco, tự do luyến ái, rồi có mang thì đi phá thai, đó là việc thường tình, xã hội không quở trách và cũng không để ý. Con cái không có bốn phận nuôi Cha Mẹ, nếu chẳng may cha mẹ sống chung với con, nó không thích vì mất tự do, bèn tìm mọi cách đưa cha mẹ vào Viện Dưỡng Lão. Mới đây tại Đức, tình trạng ấy đã xảy ra, một bà già Đức nhảy xuống lầu tự tử vì cảm thấy bị hắt hủi.

Đa số người Mỹ rất hâm mộ Thuyết Được Việc (Pragmatism) do William James sáng lập. Ông cho rằng muốn biết một lý thuyết đúng hay sai thì cứ đem lý thuyết ấy áp dụng vào thực tế. Nếu nó mang lại lợi ích thực sự thì lý thuyết được công nhận là Đúng. Bằng không là Sai. Vì có tinh thần Được Việc nên người Mỹ không cố chấp và không Giáo điều. Chính với Tinh thần ấy nên sau khi bắt tay được với Trung Cộng (thời NIXON), Mỹ đã bỏ rơi Việt Nam. Cũng như ngày nay lại bắt tay với Việt Cộng với mưu đồ dùng Việt Cộng làm tay sai sau này chống Trung Cộng. Họ không để cho Ý Thức Hệ nào ràng buộc. Vì không có gì ràng buộc nên họ đã đi quá trớn và dẫn dắt đến một xã hội băng hoại về tinh thần. Một triết gia Pháp cách đây một thế kỷ đã nói lên một chân lý: *Science sans conscience, n'est que ruine de l'Âme* (Khoa học mà không ý thức chỉ là Bai hoại Linh hồn).

May mắn thay, một số không ít người Âu Mỹ thức thời đã bắt đầu chú ý, tìm tòi, học hỏi Triết Học Đông Phương. Chính nhờ nền Triết Học Nhân Bản này mà xã hội Á Đông vẫn còn giữ được nề nếp gia đình, xã hội không xô bồ điên đảo. Hơn ai hết, chính người Việt Nam lưu vong cần phải nghiên cứu, học hỏi Triết Học Đông Phương để giữ gìn hạnh phúc và xã hội. Trong cuộc sống chung, mỗi khi có dịp giao tiếp với người Âu-Mỹ, ta phải phát huy nếp

# NÊN ĐƯA ĐẠO HỌC ĐÔNG PHƯƠNG VÀO XÃ HỘI ÂU MỸ??

• Thiên Nguyễn Hoàng Đôn Trinh

Nhân chuyến Mỹ du một tháng tại Tiểu Bang Cali, tôi có nhiều cảm nghĩ mâu thuẫn: vừa vui mừng, vừa lo âu. Vui vì được gặp lại bà con, thân hữu và cụ họ sinh sau 35 năm xa cách. Lo vì lối sống bên Mỹ, một lối sống quá tự do, mất quân bình có thể đưa đến khủng hoảng tinh thần và sa đọa. Mọi người đều chạy theo đồng tiền để giải quyết hai vấn đề sinh tử: trả góp tiền nhà trong vòng 20 hay 30 năm và tiền taxi xe mà hầu như đều có máy điều hòa thật tiện nghi. Hầu như tôi không thể tìm một tâm hồn thanh thản, sống một cách tinh thức mà chỉ gặp những tâm trạng bần khoản, khoắc khoải, lo âu trong cuộc sống. Ai cũng lo không biết ngày mai khi mới bước vào hãng, chủ nhân có đột ngột trao cho mình một tấm giấy "Cảm ơn" không?? Nếu Job bị mất thì nhà cửa cũng bay và xe ô-tô cũng không còn!

Trở lại Đức Quốc, đọc bài "Pháp Thuật Khôn Lường" của Thượng Tọa Thích Bảo Lạc đăng trong Viên Giác số 88, tôi càng thấm thía hơn. Thấy vậy, xã hội tư bản mà Hoa Kỳ là đại diện, đã thành công rực rỡ về mặt kỹ thuật, đã tổ chức một đời sống tiến bộ, văn minh, đạt những kết quả về kiến thức khoa học nhưng than ôi! lại hầu như băng hoại về tinh thần. Xin các bạn hãy theo dõi báo hàng ngày và quan sát xã hội Âu Mỹ: thường xuyên mỗi ngày đều có trộm cắp, cướp giết, hãm hiếp, bắt cóc, bạo động, đặt chất nổ, tự tử vì mọi lý do, giết người, buôn bán ma túy không những nơi chốn ăn chơi đàn điểm mà xâm nhập vào trường học nữa v.v... Vô luân nhất là chuyện loạn luân. Nhớ lại khi còn trẻ, tôi đọc bộ "Đông Châu Liệt Quốc", xã hội ly loạn như vậy mà suốt chiều dài lịch sử Trung Hoa thời kỳ ấy chỉ có 2 câu chuyện loạn luân mà thôi: "Vô Tông Sát Tấu" vì người chị dâu có ý lăng cha với em chồng. - Và một câu chuyện ở Cung-Cấm, người bảo huynh đã lên làm vua mà vẫn còn luyến ái với em mình.

Tại Đức nếu đọc báo "Bild Zeitung" sẽ thấy xảy ra thường xuyên chuyện người cha vô luân với con gái còn thơ ấu và những câu chuyện cha hoặc mẹ giết con thơ của mình vì tình hoặc vì tiền. Xã hội tư bản cũng có nhiều mâu thuẫn: một mặt, các thứ tự do tề hạp được phát triển theo sáng kiến cá nhân, mặt khác lại gia tăng lực lượng cảnh sát và mở thêm nhà tù. "Xã hội trên hình thức thì nhân đạo, văn minh

tự do, con người được bảo đảm mọi thứ, có mọi thứ quyền nhưng thật ra con người bị xã hội này chi phối toàn diện một cách tinh vi", khiến con người luôn luôn bất an, sợ sệt, thần kinh căng thẳng. Các Bệnh viện tâm thần được mở ra để chứa chấp các can phạm mà Tòa án xử là do bệnh thần kinh.

Tôi lại may mắn được Đạo hữu H. cho mượn cuốn băng ghi lại Buổi Thuyết Pháp của Thượng Tọa Thích Minh Tâm trong khóa Giáo lý Âu Châu kỳ 7 tại Đan Mạch. Thượng Tọa đã phân tích nền kinh tế thị trường các nước Á



Châu như Nhật và 4 con rồng kinh tế mới nổi là Đài Loan, Nam Hàn, Singapur, Hồng Kông. Các nước trên có khả năng phát triển mạnh và có cơ vượt qua nền kinh tế Âu Mỹ. Vì thế có chuyện viên đã nói: Kinh tế thế kỷ 21 là kinh tế của khu vực Thái Bình Dương. Sở dĩ các nước ấy đạt được triển vọng và thành tích như thế là vì - theo lời Thượng Tọa - Nhật có nền kinh tế Thiên, các nước kia có nền kinh tế Khổng giáo. Đó là một cách nói nhấn mạnh của Thượng Tọa chớ thật ra các

nước trên đều theo nền kinh tế tư bản cả, nhưng sở dĩ không có những cảnh hỗn loạn, sa đọa như xã hội Âu Mỹ vì họ có nền Đạo Học Đông Phương làm nền tảng. Tại Âu Mỹ, không có nền giáo dục luân lý đạo đức ở Học đường, lại còn có khuynh hướng đầu độc tuổi trẻ hưởng về Nhục dục và Bạo lực bằng Báo chí và phim ảnh, Video.

Triết học dân chủ Tây Phương đề cao chữ QUYỀN nghĩa là quyền lợi bản thân và quyền lợi mọi công dân được tôn trọng và vì vậy nền Tây Phương đã xây dựng được Chế Độ Dân Chủ. Vì lo bảo vệ quyền lợi của chính mình nên phát sinh "Cá Nhân Chủ Nghĩa". Hai yếu tố: Chính Trị Dân Chủ và Cá Nhân Chủ Nghĩa đưa đến Tư Bản Chủ Nghĩa. Trong mấy thế kỷ liền, Tây Phương vẫn giữ cân bằng giữa "Nghĩa Vụ" và "Quyền Lợi" nhưng gần đây "Quyền Lợi" lấn áp "Nghĩa Vụ" nên cá nhân phát triển quá trớn làm điên đảo xã hội, mất thế quân bình. Hoa Kỳ có Hiến Pháp quy định quyền hạn của Nhà nước cũng như của người Dân nhưng không đủ động đến luân thường đạo lý. Con gái cứ tự do đi Disco, tự do luyến ái, rồi có mang thì đi phá thai, đó là việc thường tình, xã hội không đổ trách và cũng không để ý. Con cái không có bốn phận nuôi Cha Mẹ, nếu chẳng may cha mẹ sống chung với con, nó không thích vì mất tự do, bèn tìm mọi cách đưa cha mẹ vào Viện Dưỡng Lão. Mới đây tại Đức, tình trạng ấy đã xảy ra, một bà già Đức nhảy xuống lầu tự tử vì cảm thấy bị hắt hủi.

Đa số người Mỹ rất hâm mộ Thuyết Được Việc (Pragmatism) do William James sáng lập. Ông cho rằng muốn biết một lý thuyết đúng hay sai thì cứ đem lý thuyết ấy áp dụng vào thực tế. Nếu nó mang lại lợi ích thực sự thì lý thuyết được công nhận là Đúng. Bằng không là Sai. Vì có tinh thần Được Việc nên người Mỹ không cố chấp và không Giáo điều. Chính với Tinh thần ấy nên sau khi bắt tay được với Trung Cộng (thời NIXON), Mỹ đã bỏ rơi Việt Nam. Cũng như ngày nay lại bắt tay với Việt Cộng với mưu đồ dùng Việt Cộng làm tay sai sau này chống Trung Cộng. Họ không để cho ý Thức Hệ nào ràng buộc. Vì không có gì ràng buộc nên họ đã đi quá trớn và dẫn dắt đến một xã hội băng hoại về tinh thần. Một triết gia Pháp cách đây một thế kỷ đã nói lên một chân lý: *Science sans conscience, n'est que ruine de l'Âme* (Khoa học mà không ý thức chỉ là Bại hoại Linh hồn).

May mắn thay, một số không ít người Âu Mỹ thức thời đã bắt đầu chú ý, tìm tòi, học hỏi Triết Học Đông Phương. Chính nhờ nền Triết Học Nhân Bản này mà xã hội Á Đông vẫn còn giữ được nề nếp gia đình, xã hội không xô bồ điên đảo. Hơn ai hết, chính người Việt Nam lưu vong cần phải nghiên cứu, học hỏi Triết Học Đông Phương để giữ gìn hạnh phúc và xã hội. Trong cuộc sống chung, mỗi khi có dịp giao tiếp với người Âu-Mỹ, ta phải phát huy nếp

\* Đức Phật vạch ra con đường để ta đi theo và sẽ thoát vòng Đau Khổ: đó là Bát Chánh Đạo.

\* Khổng Tử thì đề cao Nhân Nghĩa.

\* Lão Tử khuyên ta tuân theo Đạo Vô Vi để đừng làm gì trái với Đạo Thiên Nhiên.

Nhưng đưa Đạo Học Đông Phương vào xã hội Âu Mỹ bằng cách nào? Có lẽ chỉ cần chọn lọc, chỉ cần đưa cái tinh túy của Đạo Học Đông Phương và gạt bỏ những gì không còn thích hợp với thời nay nữa.

- Chẳng hạn Đạo Khổng thì gạt bỏ Tam Tông, nhưng phải trân trọng gìn giữ Tam Cương, Ngũ Thường được triển khai theo quan điểm mới.

Tam Cương phải được hiểu là:

- Bốn phận người dân đối với quốc gia, cộng đồng.

- Tình nghĩa cha mẹ và con cái.

- Tình nghĩa vợ chồng thủy chung.

Còn Ngũ Thường là những điều hết sức quý giá để ổn định xã hội trong tình yêu thương đùm bọc nhau.

- Đạo Phật đại diện bởi phái Tịnh Độ và Thiên đang dần dần đi sâu vào xã hội Tây Phương. Người Âu Mỹ đã nhận thấy Phật Giáo hoàn toàn cởi mở, không mấy may trói buộc ai. Họ đến với Đạo Phật để tìm an lạc tâm hồn và con đường giải thoát.

- Còn Đạo Lão cổ xúy "Công Bình", chính là khía cạnh đặc thù tinh thần dân chủ Tây Phương.

Thật ra tư tưởng Đạo lý Đông Phương đã tiềm ẩn trong xã hội Âu Mỹ ngay từ buổi sơ khai. Nhưng vì chạy theo chủ nghĩa cá nhân, chạy theo danh vọng, tiền tài, người Âu Mỹ hầu như lãng quên đạo lý. Họ đã thấy được cái Hào Huyền của Danh, Lợi, của Sắc không đem lại chân Hạnh Phúc cho con người. Danh vọng ít ai bằng Ernst Hemingwa, đại văn hào Mỹ (1898-1961), giải thưởng văn chương Nobel năm 1954 với nhiều tác phẩm: Wem die Stunde schlaegt (Hồi Chuông Gióng Lên Cho Ai?), Der Alte Mann un das Meer (Ngư Ông và Biển Cả; nhưng ông đã tự tử bằng súng lục bắn vào đầu về nỗi cô đơn và thất vọng trong cuộc sống!!

Giàu có ai bằng tỷ phú Onassi, chủ nhân một thương thuyền lớn nhất thế giới, ông đã chết năm 1975 trong thê lương, tê lạnh!!

Ta phải công nhận đa số người Âu Mỹ nhân luân cũng cao đẹp lắm. Họ yêu tự do, bình đẳng, yêu chuộng công lý và giàu lòng nhân đạo. Chính vì giàu lòng nhân đạo mà họ đã thầu nhận 2 triệu người Việt tỵ nạn Cộng sản chúng ta. Cho nên chỉ cần đánh thức tâm tư của họ, đánh thức Phật tánh tiềm ẩn trong lòng họ để tư tưởng Đạo Lý Đông Phương dần dần thấm vào tâm hồn họ như đám mây đen dần dần tan biến và ánh mặt trời sẽ lộ dạng.

Hy vọng vậy thay.

(Tuebingen 24.9.95)

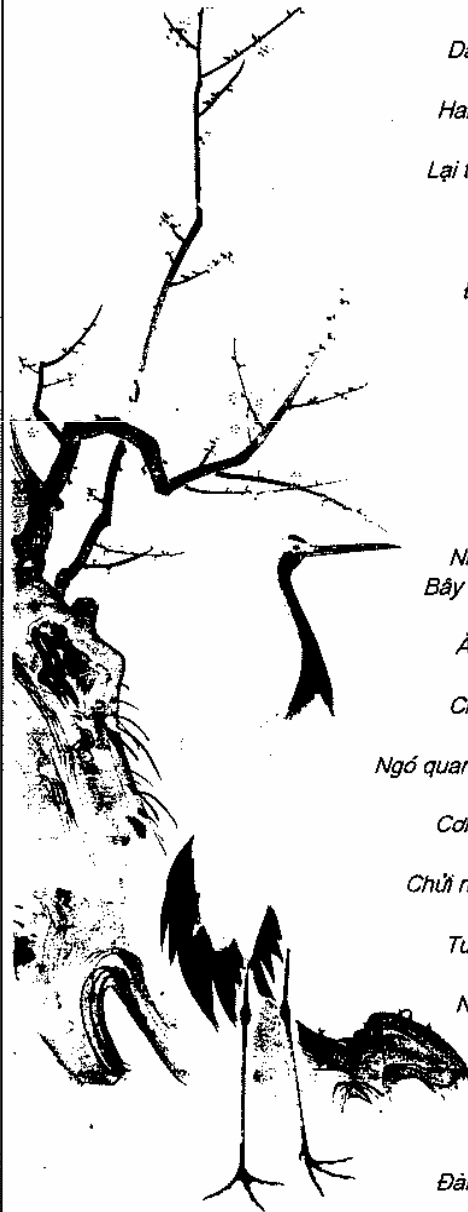
## Thư Xuân gửi gió mây về Tắc lòng xa xứ ê chề đắng cay

Nàng Xuân chẳng đến xứ này  
Chỉ toàn tuyết trắng phủ đầy lối đi!  
Sáng ra lâm cảm, cười khi  
Mới hay Mừng Một, thôi thì khai đau!  
Vội vàng cào tuyết cho mau  
Ngắm nhìn cảnh vật một màu trắng tinh  
Hôm nay Mừng Một của mình  
Bây giờ đón Tết linh đình cho vui  
Trà sen, bánh mứt ngọt bùi  
Dầm ly rượu chát cho đời lên hương  
Nghĩ mình cũng đáng để thương  
Hai mươi năm lẻ sâu vương vấn hoài  
Năm nay đón Tết lạc loài  
Lại thêm một tuổi, cuộc đời đắng cay!  
Mừng Xuân đón Tết với ai?  
Ra vào thơ thẩn, thờ dài với ta!  
Hôm nay "nghỉ bệnh" kia mà  
Đầu năm mới được tà tà nghỉ ngơi  
Ngồi buồn viết mấy dòng chơi  
Gửi về cố quận đời đời hỏi thăm  
Quê nhà vào buổi đầu năm  
Còn ai thấy hội, xin xắm, bói bài?  
Tả Quân khép mắt thờ dài  
Bọn bây gian khổ còn bày nọ kia!  
Đức Trần nước mắt đầm đìa  
Chỉ tay ra biển : lối kia sống còn!  
Nhưng Ngai quên chuyện nước non  
Bây giờ dân chúng đâu còn vượt biển!  
Họ mong kiếm được nhiều tiền  
Ăn chơi cho thỏa, chẳng kiên cử gì  
Tôi đòi cho bọn man di  
Chôn vùi thù hận, chôn đi cuộc đời!  
Còn ta đang ở xứ người  
Ngó quanh chẳng thấy một lời thân thương  
Những tên kịch sĩ hí trường  
Cơm nhà áo vợ, điển tuồng ngộ ghê!  
Bây giờ ái quốc xun xoe  
Chửi nhau thô tục, chẳng hề nương tay!  
Quên đi thân phận lưu đày  
Tường như mình thể ông này bà kia  
Lưu danh bằng tấm mộ bia  
Nơi đây an nghỉ : tên hề vô duyên.

Ngày xuân nói thẳng sợ phiền  
Đành đi cày tiếp kiếm tiền nuôi thân.

Đức Phổ, Tết Bình Tý 1996

• Vinh Liem





# TƯƠNG LAI DÂN VIỆT nằm trong tay ai???

Vị cựu Thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ, cựu Tư lệnh Không Quân, cựu Chủ tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương và cựu Phó Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa đã quán tử nhìn nhận lãnh đạo miền Nam không "sạch sẽ"; nhất là đã thật thà, nhìn nhận miền Nam thua CS về chính nghĩa trong chiến tranh.

Và trong thời bình hiện nay, ông cũng quá quyết rằng những người đấu tranh chính trị ở hải ngoại bằng lời thô tục là hại nước chứ không mong gì cứu được nước. Còn CS trong nước, ông nhận định là hiện có đối mới nhưng rồi cũng chẳng có gì... mới về sau!

Cựu tướng Kỳ không trông cậy vào cả hai phe Cộng Sản lẫn Cộng Hòa đương thời.

*Vậy tương lai dân tộc biết mong vào ai đây?*

Khi được báo chí hỏi như vậy, nhà cựu lãnh đạo VNCH đáp: "Tôi trông vào con cháu chúng ta, hỏi đám nhỏ nó biết Cộng Sản không? Không. Nó có biết Quốc Gia không? Không. Vậy nó biết gì? may ra nó còn biết nó là người Việt Nam, nếu không khéo nó thành Mỹ mất. Đừng nhồi nhét vào hàng trăm ngàn bộ óc thông minh đang được may mắn học hỏi những vấn minh tinh hoa của cả thế giới, thời đại này là thời đại của computer và khối óc".

Thượng nghị sĩ phản chiến Hoa Kỳ John Kerry, vào năm 1993, trong bài báo khuyến cáo Tổng Thống Clinton bãi bỏ cấm vận với CS, cũng viết như thế. Rằng hãy để hận thù lui vào quá khứ của lớp già; đừng nhồi nhét vào lớp trẻ, hãy để thế hệ con cái của hai phe với tâm hồn toàn mới hướng thẳng vào tương lai. Người Mỹ không biết nhiều về CSVN nên khuyến vậy, rất đúng. Người lớn không nên làm vấn đục tâm tư con trẻ vì chuyện hận thù riêng tư trong quá khứ của mình. "Thù oán nên giải, không nên kết". Điều này vô cùng tốt đẹp nếu nó được thực hiện hai chiều.

Nhưng thật là một sự bất công đến tàn bạo khi đặt tuổi trẻ không CS trước một quá khứ đen đúa của tổ tiên do sự gia Cao Kỳ góp công viết ra, rồi bảo chúng quên đi. Trong khi tuổi trẻ Việt Nam CS lại được làm sống lại những lịch sử hy sinh huy hoàng của Đảng, của cha ông chúng cho dân tộc; mà đến nay CS còn xếp đặt để thế giới thấy rằng dân tộc vô tội ấy vẫn còn tiếp tục chết vì hậu quả của chiến tranh. Do đó, họ có lý do để không thể bỏ qua quá khứ!

Nghĩa là CS có lịch sử tiếp tục đeo đuổi hận thù, dù cả bằng cách xin Mỹ bố thí.

Một bằng chứng điển hình được ghi trong quyển "One More Mission" của Trung Tá cựu chiến binh Oliver North. Ông trở lại Việt Nam vào tháng tư năm 1993, được CSVN hướng dẫn vào thăm một bệnh viện có hàng chục em bé bị thương tật, có em vừa bị mất một tay, một mắt... vài giờ trước khi phái đoàn của ông đến. Người ta cứ quả quyết rằng các em bé này là nạn nhân do bom đạn của Mỹ chưa kịp nổ trong thời chiến. Oliver North chứng minh rằng có lần ông bắt

gặp một em bé đang cầm trên tay trái lựu đạn của Liên Số đã được tháo chốt... Em khác lại tập chơi với cây AK 47 của Trung Cộng! Oliver viết rằng nước Mỹ sẽ viện trợ nhân đạo cho các bệnh viện, bất kể bệnh nhân bị thương do vũ khí của phe nào. Vậy đâu cần gì phải cố tình gây mặc cảm tội lỗi cho Hoa Kỳ.

Chính CS mới chủ trương dứt khoát chỉ chăm lo cho người của phe họ, còn tất cả những gì của phe CH là hoàn toàn bị loại bỏ.

Cũng trong sách này, Oliver North chứng minh điều đó bằng hình chụp cảnh một nghĩa trang uy nghi như nghĩa trang Quốc Gia Arlington của Hoa Kỳ, mà ông ghi chú rằng chỉ dành cho bộ đội CS; mà trong nước VN hoàn toàn không có chỗ nào dành cho lính Cộng Hòa. Ngay cả nơi có sẵn là Nghĩa Trang Quân Đội VNCH ở Thủ Đức, Biên Hòa, trước năm 1975, ngày nay gần như không còn nữa.

Mới đây, bằng chứng hùng hồn về việc thù hận thiên thu đối với người chết này của CSVN đã được Lily Dizon, một phụ nữ người Mỹ gốc Việt, biên tập viên báo Los Angeles Times, miền Nam Cali diễn tả cặn kẽ.

Trong một bài viết dài rất cảm động đăng trên báo này ngày 29 tháng 8 năm 1994 với chủ đề: Searching For Nguyen Tan Hung, tác giả Lily Dizon, kể lại chuyện về VN vào tháng 4 năm 1994 để tìm cha là sĩ quan VNCH, bị mất tích trong trận Mùa Hè Đỏ Lửa năm 1972.

Đây là một bằng chứng mới nhất, trung thực nhất, trả lời minh bạch nhất về tấm lòng "yêu nước", kêu gọi xóa bỏ hết đi văng hận thù của những người làm chính trị quá thật thà như ông Cao Kỳ; và đây cũng là một giải đáp thỏa đáng cho câu hỏi: Có nên chống Cộng nữa không? Tại sao? Bằng cách nào?



Lily tìm đến nghĩa trang Quân Đội VNCH ở Biên Hòa mà trước năm 1975, lúc cô chỉ có tên Việt Nam là Nguyễn Tấn Băng Phương, thường theo mẹ đến đó với hy vọng tìm ra tung tích người cha, Đại úy Nguyễn Tấn Hưng, mà một buổi sáng tháng Ba năm 1972, như có điềm báo trước, trước khi trở ra đơn vị tác chiến, tự dưng ông đòi cả nhà chụp chung một ảnh kỷ niệm... "vì ba muốn ghi khắc hình bóng mấy mẹ con trong lòng, lỡ chẳng may..." và quả thật, chuyện đó ông đã chẳng may...

Một sự trùng hợp cũng lạ lùng, là, khi hay tin cha bị mất tích, Lily mới 5 tuổi, còn mẹ cô 24. Đến khi Bắc Việt xâm chiếm miền Nam năm 75, người thiếu phụ trẻ lúc ấy 27 tuổi, dẫn con tới nghĩa trang lần cuối cùng để tìm chồng... nhưng vì tương lai các con, bà đành phải tạm quên người chồng mất tích, dắt đi 4 con thơ rời bỏ địa ngục đó... Năm nay đứa con gái đầu lòng thường được cha bông ẵm, cho cỡi trên vai ấy... trở về tìm lại cha mình... thì cũng tròn 27 tuổi y như mẹ cô ngày xưa!

Nhìn hình đăng trên tạp chí L.A Times, thấy Băng Phương Lily Dizon lang thang trong nghĩa trang chăm chú đọc tên những mộ chí...; quả thật là hai thế hệ, một tâm tình!

Thế hệ đầu là mẹ cô, bà Lê Xuân Hào, với trái tim tan nát nắm tay con, cũng lang thang như cô bây giờ, với hy vọng tìm được tên chồng mình mà có thể quán đội chôn cất nơi đây nhưng quên báo tin cho gia đình chăng? Thế hệ thứ hai là bé Băng Phương, mang hình hài và tấm lòng khắc khoải chưa người của mẹ, 19 năm sau quay về chốn cũ lụi thui tìm cha, cho hồn mẹ được yên, cho lòng mẹ được vui...!

Lily viết rằng, hai mươi năm về trước, nghĩa trang Quân Đội VNCH này gồm những ngôi mộ thẳng tắp, nằm trên thảm cỏ xanh mượt tràn ngập bóng hoa hương đèn, dưới hàng dương liễu thướt tha lộng gió... Ngày nay rừng liễu không còn, cả pho tượng "Tiếc Thương" cũng mất, còn chăng chỉ là những mộ chí bị cỏ dại mọc um tùm, (hồi CS mới chiếm miền Nam, mộ chí nào có tạc hình người chết thì

2 con mắt trong hình bị đâm thủng cả con người cho thỏa hận thù. Quyển Dương Thu Hương và Con Hùm Ngủ có đầy đủ hình ảnh này nơi trang 21). Giờ đây Lily đau đớn thấy nghĩa trang này đã biến thành bãi chửa rác rến, trong đó có nhiều nấm mồ bị dùng làm nơi tiểu tiện...!

Hai thế hệ cùng một tâm tình, một ước vọng, là tìm cho được người... bị bỏ quên. Nhưng hai mươi năm trước đây, nếu cha cô có bị bỏ quên, thì cũng chỉ là một sự lầm lẫn vô tình, chứ nghĩa trang Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa, nơi bạn đồng ngũ của cha cô an nghỉ, được lịch sử vinh danh là nơi an giấc nghìn thu của những anh hùng vĩ quốc vong thân. Còn hiện giờ, chẳng những người như Đại Ủy Nguyễn Tấn Hưng bị hoàn toàn lãng quên mà còn bị khinh miệt, bị nguyên rủa, và tệ hơn nữa, điều này đã được nhà nước Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam làm thành chính sách hẳn hoi!

Thật vậy, sự thù hận người của chế độ cũ không chỉ là dấu hiệu ngầm, mà Lily còn nghe tận tai cán bộ CS xác nhận điều đó một cách công khai nữa kia! Công khai đến độ vô liêm sỉ, rùng rú như sau:

Là ký giả của một tờ báo lớn của Hoa Kỳ, nếu Lily về Việt Nam để tìm người Mỹ mất tích thì chắc chắn sẽ được Việt Cộng trải thảm đỏ mời đi khám xét khắp nơi hay mở cửa tất cả kho hồ sơ mật để chứng tỏ chúng tận tâm lo âu đến cái đau khổ của gia đình người mất tích như họ đã biểu diễn rầm rộ từ trước khi Mỹ giải tỏa cấm vận đến nay.

Nhưng Lily, trưởng thành trong nước dân chủ và tôn trọng Nhân Quyền cao độ, nên đầu học được chữ "ngờ", nên cũng quá thật thà, đã cho Bộ Ngoại Giao CS biết là cô về VN không phải để viết phóng sự về người Mỹ mất tích như thường lệ, mà cô về chỉ là "để tìm hiểu về số phận của cha tôi, để có thể đặt lòng thương nhớ cha tôi nơi an nghỉ... Chuyện hồi hương này là để viết về những bước đường của một Phụ Nữ Việt Nam đi tìm người cha (Việt Nam)". Tức thì, Lily được nhà ngoại giao trở ngón nghề: khen ngợi lòng hiếu thảo cũng như nhiệm vụ một nhà báo của cô; nhưng... (nhắc khéo rằng) vấn đề cô nêu lên, là kêu gọi dư luận chú ý việc tìm kiếm tù binh người Việt mất tích, không hề được đề cập tới trong các cuộc thương thảo với Hoa Kỳ!".

Sau ba ngày được "ngoại giao" như thế tại Sài Gòn với viên đại diện Bộ Ngoại Giao CS, Lily được gửi ra Hà Nội tiếp xúc với Nguyễn Duy Linh, tùy viên báo chí cũng của Bộ Ngoại Giao CS, người đàn ông này 26 tuổi, cùng lứa như Băng Phương, nhưng cô viết rằng rất kهنh kiêu và phách lối. Hấn tở thái độ bất hợp tác một cách... ngoại giao ngay từ phút đầu; Linh bảo tôi "đừng có mong được sự giúp đỡ nào của thượng cấp của hấn cả, vì chế độ không muốn ai chú ý gì đến chính phủ đã sụp đổ VNCH".

Sau nhiều ngày nghe mãi luận điệu nhảm chán đó, Lily viết, một buổi chiều khi hấn ngồi trong phòng khách sạn nơi tôi ở, nham nhò hút thuốc liên miên phun khói ngọt ngọt về hướng tôi, tôi phải bỏ thái độ kiên nhẫn tể nhị bấy lâu nay, bắt đầu dùng thủ đoạn đe dọa: "Đi nhiên anh hiểu rằng, nếu tôi viết ra một cách trung thực về sự giúp đỡ chân thành của chính phủ VN trong công cuộc tìm kiếm cha tôi, độc giả ở Mỹ sẽ có cảm tình với VN, có lợi đặc biệt trong giai đoạn hai nước đang thương thảo về việc thiết lập quan hệ ngoại giao. Còn như tình trạng này, nhất định là tôi sẽ phải viết sự thực về thái độ bất hợp tác của nhà cầm quyền VN rồi".

Viên chức báo chí này, là con trai duy nhất của một nhà ngoại giao CS cao cấp, dụi tàn thuốc thứ ba trên nền gạch nhựa cứng (linoleum), rồi cười nhẹ: "Dù chị có viết đúng sự thật như thế cũng không sao. Chị phải hiểu rằng đây không phải là nước Mỹ. Mọi việc ở đây khác hẳn ở Mỹ".

Nhớ lời khuyến cáo của người Mỹ Trưởng phòng tìm kiếm MIA tại Hà Nội về thủ tục bản giấy của xứ này, và thái độ cần có là: "Hãy lịch thiệp, kiên trì và nhẫn nại". Băng Phương viết: "Linh bảo gì tôi làm nấy. Bất cứ lúc nào báo sẽ gọi lại, tôi ngồi chực sẵn bên cạnh điện thoại. Hấn tra gạn tôi sẽ viết báo thế nào, tôi đưa dàn bài cho hấn xem. Hấn đòi tôi cho biết trước những câu hỏi mà tôi dự định sẽ đặt ra với nhân vật cao cấp, tôi cũng đưa hết cho hấn đọc. Hội họp, yêu

sách, thỏa mãn, gặp gỡ liên miên với hấn như vậy ngày này qua ngày khác. Kể cả van xin lay lục... Sau 6 ngày vô ích, lòng kiên nhẫn đã hết. Tôi gặp Linh lần chót và dứt khoát muốn biết: khi nào tôi gặp được người có thẩm quyền cho biết về hồ sơ tù đầy của cha tôi, hay là không có hồ sơ gì cả? Hoặc chuyến này không có thì chuyến sau, hoặc chuyến sau, sau nữa? Miễn xin biết được một vài tin tức!".

Linh nhìn chăm chăm vào tôi qua làn khói thuốc, buột miệng: "Chị có biết là chị đã làm chuyện trật lất không? Nếu ngay từ đầu chị nói thẳng là chị muốn gặp gỡ người có thể cho biết tin tức về cha chị, thay vì đòi phỏng vấn các viên chức nhà nước, thì ý muốn chị có thể đã đạt rồi. Điều tốt nhất hiện giờ là chị nên đích thân gặp Bộ Trưởng Quốc Phòng Đoàn Khuê. Đó là điều nhiều nhất mà khả năng tôi có thể giúp chị!".

... "Khả năng giỏi nhất của anh là tài làm mất thì giờ của tôi một cách vô ích", rồi cùng với những lời nói nặng nhưng "lịch sự" khác. Lily chìa vào mặt hấn tất cả đơn từ gửi Bộ Quốc Phòng mà chính cô đã trao cho Linh trước đây. Vậy mà hấn trản tráo phủ nhận, cho rằng chưa từng thấy những thứ đó bao giờ! Đã vậy hấn còn cho rằng Lily đã sai lầm khi trở về VN với tư cách một phóng viên..., vì theo hấn, làm báo là làm chính trị, nhất là báo viết về người mất tích (MIA) đều có tính chất chính trị. Nếu việc làm của cô không nặng về chính trị thì việc tìm kiếm cha cô sẽ dễ dàng hơn nhiều.

Nghe tên Linh tuyên bố một điều mà nếu là ở Mỹ, Băng Phương hẳn "độp chết" thẳng tay dựa trên nguyên tắc Tự Do, Bình Đẳng, Dân Chủ và Nhân Quyền, v.v... nhưng vì là "con Ngụy" đang xin một việc nằm trong tay kẻ đối diện là chủ nhân ông của đất nước, Lily vì thương cha, hiếu với mẹ, muốn đem cha về nơi an nghỉ cuối cùng nên phải xuống nước, cố dùng lời lịch sự, khẩn khoản: "Anh Linh ơi! Có phải anh muốn nói rằng nếu tôi về đây, gõ cửa văn phòng anh với tư cách một Việt Kiều, thay vì là phóng viên, rồi trình cho anh biết mục đích việc làm của tôi để nhờ anh và bất cứ viên chức chính phủ nào có thể giúp được, thì anh sẽ trả lời rằng: "để xem tôi sẽ giúp cho chị việc gì, phải không?". Tên Linh khinh khỉnh đáp: "Đi nhiên là không. Mà tôi sẽ hỏi xem chị nghĩ chị là cái thứ gì mà lại đòi hỏi chuyện đó?".

Câu trao đổi này ẩn chứa tất cả những điều đố kỵ và nhân đạo đã thành nề nếp của CSVN: dùng nỗi khổ đau, tình cảm thiêng liêng trên xác chết để mưu đồ chính trị, một thứ chính trị chỉ biết có chết, bất chấp giống nòi, liêm sỉ... Vì nếu tìm người mất tích hay viết về người mất tích là một hành vi chính trị, thì hành vi đó được hoan nghênh, được mời mọc niềm nở, nếu là tìm người Mỹ. Còn nếu là tìm người VN, thì bài báo cho thấy rõ, phải năn nỉ lay lục vẫn không được gì mà còn bị sỉ và nũa!

Mẫu đối thoại trên đây còn cho ta thấy lối giáo dục và vị thế của hai thế hệ trẻ trong tương lai: Nguyễn Duy Linh, con của đảng viên Cộng Sản và Nguyễn Tấn Băng Phương, con của Sĩ quan Cộng Hòa. Cả hai cùng một lứa tuổi, cùng là trí thức, "con của" hai thế hệ đối nghịch nhau trong lịch sử.

Đến đây ta đã thấy, nếu tuổi trẻ hải ngoại, như ông Kỳ muốn, là không biết gì tới CS hay CH, hãy dẹp qua quá khứ thù hận, chỉ còn nhớ chúng là người Việt Nam! Thì chắc chắn là chúng sẽ trở thành người VN... CS tất cả! Rất may là thế hệ trẻ hải ngoại như Băng Phương, còn có bà mẹ, ông bác, có các bạn đồng ngũ với cha cô hiện đang sống tại Mỹ, nên đã dạy kỹ với con cháu mình về quá khứ anh hùng của cha nó, một sĩ quan quân lực VNCH, để hấn diện vì cha mình. Cô viết: "nhờ những điều mà bác tôi kể lại, cộng thêm những kỷ niệm của mẹ và của cả chính tôi với cha, tôi mới thấy cha tôi thực sự còn sống trong hồn và trong tim tôi... Bác tôi nói, số phận cha tôi sẽ khác hẳn, nếu người không có tội cũng đầu. Lúc 18 tuổi, quân đội đã chẻ cha, vì ông chỉ nặng có 120 cân Anh. Lần trình diện thứ hai, ông phải quán kهنm quanh người mới nhảy lên cho cày cày cày chỉ dùng số 135 pounds như qui định tối thiểu! Bác tôi cho biết, mặc dù phải khởi đầu là chiến tranh, nhưng cha tôi không phải chỉ có chiến đấu, mà ước vọng chính của người là, tái thiết một nước Việt Nam dân chủ".

Có lẽ quen theo tinh thần "cao thượng của xứ sở đã nuôi dạy mình trưởng thành: trong cuộc Nội chiến của Hoa Kỳ, dù quân đội hai bên là kẻ thù, nhưng tử sĩ của hai phe Nam Bắc Hoa Kỳ đều được chính phủ lo chôn cất tại những nghĩa trang quốc gia và được trọng vọng như nhau. Cho nên với trái tim tràn đầy danh dự về quá khứ của cha mình, khi Băng Phương tới Hà Nội, đã tìm đến tòa soạn của Tạp Chí Hội Cựu Chiến Binh Việt Nam, nơi đang hình ảnh, tên tuổi của những cán binh CS mất tích. Viên Phó chủ nhiệm Trần Ngọc cho cô biết việc bố cáo tìm tin tức cho những người muốn tìm chồng, cha hoặc con đã "hy sinh giải phóng quê hương" thì không bao giờ bị từ chối và việc này hoàn toàn miễn phí.

Băng Phương vẫn ngỡ ý muốn trả lễ phí để tên cha cô được ghi vào danh sách tìm kiếm và nói với ông ta: "Cha tôi là Sĩ Quan Quân Lực VNCH, đã chiến đấu cho lý tưởng mà người cho rằng chính đáng cho quê hương". Viên Phó chủ nhiệm nhìn cô hồi lâu rồi tinh bơ đáp: "Chúng tôi chưa cời mở đến độ đó. Mục đích của tạp chí này là tìm kiếm những cán binh của chúng tôi trước. Sau đó may ra mới có thể bắt đầu việc tìm kiếm những người khác!".

Cuối cùng, khi tìm đến Bộ Lao Động, Xã Hội và Phế Binh, Nghiêm Xuân Túc, phát ngôn viên của Bộ này còn cho cô biết thẳng thừng chính sách của nhà nước hơn: "Chúng tôi chỉ có một danh sách 300.000 cán binh mất tích, và họ là những chiến binh dũng cảm giải phóng quê hương. Còn ai khác, không thành vấn đề".

Ở xứ này người dân trung bình kiếm lời 20 đô hàng tháng. Vậy mà Linh đòi Lily Băng Phương phải trả tới 600 đô về tiền công dẫn đi loanh quanh vô tích sự mà còn phải năn nỉ để chỉ nghe những lời... không thành vấn đề như thế đó!

Mà cái ý nghĩa của chùm chữ "còn ai khác, không thành vấn đề" này, Băng Phương được biết rõ nó lại chính là "tất cả vấn đề" khi được tên Linh báo "tin vui" là hẳn có thể dẫn cô tới Tân Cảnh, nơi cha cô được nhận diện còn sống lần sau cùng. Tám tiếng đồng hồ ngồi trên xe "van" di chuyển từ Hà Nội qua PleiKi, nơi Băng Phương chào đời, rồi tới An Khê là quê ngoại... Nơi đâu cô cũng thấy có nghĩa trang bộ đội được cắm bảng rõ ràng, trang hoàng tươm tất, kêu gọi mọi người ngừng lại để tưởng nhớ những "liệt sĩ" đã hy sinh vì tổ quốc. Biết rằng nơi đây chỉ dành cho cán binh Bắc Việt và bộ đội "giải phóng", Băng Phương đau xót nghĩ đến cảnh điêu tàn của nghĩa trang Biên Hòa của Quân Đội VNCH, bèn hỏi Linh, như câu phỏng vấn của một nhà báo muốn biết tâm lý chung, rằng, người ta nghĩ thế nào về lớp người như cha cô?

Lần đầu tiên, Băng Phương viết, Linh trả lời một cách thành thật, không phách lối, rằng: "Trong chiến tranh chống Mỹ, những người cầm súng chống lại đồng bào Việt Nam là phản nước". Cô không ngạc nhiên, nhưng cảm thấy như bị bạo hành bởi chữ nghĩa. Nhất là lời "tra tấn" tinh thần này nằm thường trực trong lịch sử của nước Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa; vì Băng Phương biết tên Linh đã học môn Sử Học tại Đại Học Hà Nội.

Cô viết tiếp: "Tôi muốn nói cho hẳn biết Lịch Sử mà hẳn được dạy đó đó, chỉ là một chiều và sai lạc. Cha tôi cũng như hẳn, như cha hẳn, và tất cả những "người giải phóng", đều là người Việt Nam. Tuy cha tôi có lý tưởng khác họ nhưng không thể vì vậy mà kém phần cao quý. Vấn đề là cha tôi cũng sẵn sàng chết cho lý tưởng mà ông tôn thờ, và có thể ông đã chết thật rồi. Tôi muốn hỏi hẳn, những hy sinh cao cả ấy (của những người như cha tôi và đồng ngũ của ông) có xứng đáng được lịch sử nhắc tới không? Nhưng tôi im lặng kìm giữ nỗi khổ đau cho riêng mình".

Thế hệ trẻ VNCH được giáo dục "hai chiều" như Băng Phương, sớm biết rằng đặt vấn đề như thế với thế hệ trẻ VNCS như Duy Linh, vốn chỉ được huấn luyện chỉ một chiều, như con ngựa bị che mắt, chỉ một con đường trước mặt mà đi... chỉ tổ gợi thêm sự tủi nhục cho linh hồn người chết và cả người sống là chính cô, nên biết thân, cố dẹp qua nghề làm báo, hành nghề... làm thỉnh.

Vậy mà cũng chẳng được yên thân. Khi tới cầu Bò Ko, mà cô biết là 22 năm trước đây bị giết sập, vì thế đã ngẩn ngơ về

đoàn tụ dưới mái ấm gia đình của cha cô... Băng Phương xin được xuống xe, đi bộ qua cầu.

Cô nhớ lại khối thân thể không hồn của mẹ đổ sập dưới chân mình, khi nghe tin chồng bà mất tích. Thờ thắm nhất là vào tháng 3 năm 1973, tiếp theo Hiệp Ước Đình Chiến Paris, hai bên trao trả tù binh. Mẹ con cô đứng trong hàng người nối đuôi dài chờ đón thân nhân ở Bà Chiểu - Gia Định hồi hộp nghĩ mình sẽ gặp lại hình bóng thân yêu; nhưng cả 7 người cùng đơn vị pháo binh đều xác nhận cha cô cùng bị bắt làm tù binh với họ, nhưng khi tới trại giam ở Hà Nội thì không ai còn gặp ông lần nào nữa!

Thất vọng, hai mẹ con thất thểu tìm đến lều y tế, gặp được người tài xế của cha, Hạ sĩ Đông, cho biết chồng bà đã chết, tuy đây chỉ là lời phỏng đoán, vì ông ta thấy "lúc bị bắt sống Đại Úy đã kiệt sức nên bị giặc cột dây kéo lê thân thể..."; nghe vậy mẹ cô té xỉu, đầu đập vào chiếc ghế gỗ...

Sau đó, nhiều lời đồn đãi chung quanh cái chết của cha tôi. Người thì bảo là cha đã chết ngay trong trận tấn công đầu tiên vì trúng hỏa tiễn của địch. Người khác thì cho biết vì ai cũng đầu hàng cả, chỉ một mình ông quyết tử chiến nên bị chúng chia súng bắt sống. Ngay chính bà chị của cha tôi cũng bảo rằng có thấy trên đài truyền hình, một quân nhân xác nhận có nghe "Đại Úy Hưng" thách thức kẻ bắt ông và khi dẫn đi đến cây cầu thì bị tên Cộng Sản Bắc Việt này bắn người tù binh trên cầu. Tin tức nào về chồng cũng được người vợ dẫn con đi tìm kiếm, săn hỏi cho ra ngọn ngành. Tin nào cũng làm cho bà ngất xỉu, dù cho đến nay nó cũng chỉ là tin đồn!

Không ai tận mắt thấy xác chết, nhưng ai cũng biết chắc lúc bị sa vào tay CS, ít nhất là lúc đi trên cây cầu BòKo này, cha cô còn sống.

Băng Phương bước chầm rãi đi lên cây cầu sườn sạt đã dệu đạo với những nhịp ván gỗ kêu kè kè dưới mỗi bước chân, (như tiếng rên đau thương của mẹ năm nào, mỗi lần hồi tỉnh sau khi té xỉu dưới chân cô), mắt dán chặt vào dòng nước sâu đang chảy xiết. "Đây là dòng sông chia cắt Cha và tổ ấm gia đình ngày xa xưa"; cô tự nhủ thế. (Việc này không những đúng riêng cho gia đình cô, mà còn là thảm cảnh của cả nước VNCH).

Bởi Băng Phương đã cẩn thận coi lại Lịch Sử Địa Dư, biết rằng căn cứ Tân Cảnh là một bãi đất trống trên đỉnh đồi cao nhất vùng Trung Nguyên, đây là căn cứ then chốt ngăn chặn Cộng Sản Bắc Việt tấn công vào những thành phố và các thị trấn miền Nam. Vùng Cao Nguyên này trong chiến tranh thuộc về lãnh thổ miền Nam mà hầu hết trọn 10 năm quân ngũ, cha cô phục vụ tại vùng này.

... Đứng trên nhịp cầu lịch sử tại vùng hòa tuyến 22 năm trước đây để tìm sự thật về sự mất tích của người cha thân yêu; Băng Phương đã tái tỉnh đối chiếu những quan điểm trái ngược nhau về trận Tân Cảnh, để trả lại cho lịch sử sự thật của nó. Cô nhớ lại cuộc phỏng vấn bằng điện thoại tại văn phòng ông ở Hoa Thịnh Đốn, sử gia quân đội Hoa Kỳ Dale Andrale cho cô biết về trận tấn công này, rằng: "Các sĩ quan không được huấn luyện kỹ càng. Họ không chịu chiến đấu. Một số người chạy tán loạn về Kontum. Nhiều người đào ngũ, về với gia đình".

Lily đã kịch liệt phản đối cái "quan sử" ấy, bằng chính sự quyết tâm nhập ngũ, can cường tử chiến với giặc thù và đã không trở về với gia đình của cha cô. Hùng hồn hơn, cô còn đồng dạng cho lịch sử của người Mỹ là sai bằng cách viết lại lời của những sĩ quan VNCH đã tham chiến trận Tân Cảnh, hiện sống tại San Jose, Hoa Kỳ, mà cô đích thân tìm tận nơi để phỏng vấn trước đây, để tìm xem có ai biết về cha mình không?

Nữ phóng viên Lily Dizon Băng Phương đã dùng lời của Đại Úy pháo binh Tâm Vũ (Vũ Quốc Tâm) để trả lời với quân sử Mỹ rằng: Trong 2 ngày liên tiếp, đạn pháo địch nổ tung như mưa trên những hầm phòng thủ của chúng tôi. Dĩ nhiên tôi sợ chết. Bàn năng sinh tồn mà. Nhưng chúng tôi cũng bắn trả... Bắn trúng đầu thì không biết. Chỉ biết hệ chúng tôi bắn càng nhiều, bọn CS tràn vào đông như kiến... Nhiều người còn sống sót vì phải tháo chạy hoặc vì bị CS bắt làm tù binh, như Đại Úy Tâm Vũ, năm nay 54 tuổi, lúc CS tràn

ngập cân ứ, ông bị bắt sống và trốn thoát trên đường giải tới trại tù.

Ngay như những người bỏ chạy cũng không phải là hèn nhát, Lily quả quyết thế. Một người bạn của Đại Úy Tâm Vũ, là ông Khôi Hà, 58 tuổi, cũng Đại Úy pháo binh, đã thú thật với cô rằng ông bỏ chạy, và "hề cứ mỗi người vượt thoát như tôi thì có 10, 20, 30 người khác chết. Đáng lẽ tôi không nên chạy. Đáng lẽ tôi phải ở lại và chết. Nhưng tôi đã chạy. Tôi chạy để sống, để chiến đấu trong một trận chiến khác. Tôi không bao giờ quên trận Tân Cảnh, là nơi tôi ném mìn mìn thất bại đầu tiên trong suốt 10 năm dài chiến đấu... Phe mình thua chỉ vì không đủ quân số để thắng".

Thật vậy, trong trận mà người miền Nam gọi là "Mùa Hè Đỏ Lửa" này, tại căn cứ hỏa lực Tân Cảnh, 6.000 quân CS Bắc Việt tràn vào đè bẹp 3.500 quân thuộc Sư Đoàn 22 Bộ Binh VNCH, "trong đó có cha tôi, là người suốt đời nguyện hiến thân chống loài Quỉ Đỏ đang lăm le xâm chiếm quê hương miền Nam của chúng tôi".

Bằng Phương đã hùng hồn dùng lịch sử và nhân chứng sống của quá khứ để bác bỏ trước thế giới những luận điệu sai lạc về tinh thần chiến đấu của quân đội dưới màu cờ cha mình từng phục vụ.

Cô còn cho công luận thấy hiện nay, cả nước VNCS phủ trương đầy đầy những thành tích láo khoét, lật lọng của những kẻ không biết tiếc thương máu xương đồng loại, dùng chiến thuật biến người để thỏa mộng xâm lăng.

Cô viết rằng tại nơi có dấu chân cuối cùng của những người anh hùng như Đại Úy Nguyễn Tấn Hưng, đứa con gái yêu quý của ông phải đọc bên kia đường của vùng đất miền Nam, những băng hiệu xi măng khổng lồ với khẩu hiệu: "Những Tân Phá Lịch Sử... Trận Chiến Thắng Về Vàng". Chẳng những tận mắt thấy, Bằng Phương còn phải tận tai nghe viên Đại tá VC tên A. Minh, chủ tịch khu hội Cựu Chiến Binh Việt Nam địa phương, khi đưa cô tới Tân Cảnh, đã nói với cô rằng: "Đây là một trong những chiến thắng vinh quang nhất của chúng tôi".

Không phải chỉ có thế, họ còn đứng dưới bóng cây, xoi mói theo dõi từng cử chỉ của cô, rồi cười cợt rồi đáp với nhau to tiếng cố ý cho cô nghe rõ: "Tên Việt kiều ngoại lai này muốn tìm gì nơi đây thế kia... Có á bỏ đi nước ngoài rồi nay trở về nghĩ rằng ai cũng phải có bốn phận giúp tìm thằng cha nó, một tên phản dân tộc đấy hẳn? Rõ đáng tức cười!". Bằng Phương định ninh cô tìm đến Tân Cảnh thấy dấu vết cuối cùng nơi cha mình còn sống để tâm hồn được bình an, để xếp lại trang sử khổ đau của gia đình. Nhưng cô làm. Những lời lẽ "xâm lăng" này càng làm vết thương của cô lõ lỏi thêm ra.

Đến đã thế, mà đi cũng đau không kém. Muốn rời Tân Cảnh để khỏi nghe những lời đau nhói như dao đâm; lại cũng phải hướng về cầu Bò Kho, nơi có tấm bảng ghi dấu trận đánh làm mất cô như thế: "Vào sáng ngày 24 tháng Tư năm 1972, lực lượng ta tràn ngập căn cứ Tân Cảnh".

"Mục đích của tấm bảng ấy là họ ăn mừng ngày tôi mất cha". Cô con gái của Đại úy Hưng viết tiếp: Nơi quê hương Việt Nam cũng như tại Hoa Kỳ, xứ sở đồng minh của cha tôi, người như cha tôi và những đồng đội anh hùng của ông đã, đang và sẽ bị bỏ quên, bị biến mất, đã bị chết nhiều lần trong 20 năm qua. Sự biến mất của họ không làm bận tâm bất cứ một chính quyền nào; nhưng người ta vô cùng bận rộn tìm người Mỹ mất tích để tiến tới Bang Giao giữa hai chính phủ....

Những điều khám phá trong cuộc hành trình tìm cha đã làm cho mẹ tôi đau khổ, đau cho bà thì ít mà cho sự thất vọng của tôi thì nhiều hơn; vì bà đã từng hy vọng rồi thất vọng như tôi từ lâu rồi; nên bà đã chấp nhận chồng mình biệt tích, cho vợ bớt khổ đau. Bà hy vọng một ngày nào đó, tôi cũng sẽ mệt mỏi mà cam phận mồ côi cha. Nhưng phải thú nhận rằng, tôi chưa từ bỏ hy vọng. Dù rằng lý trí cho biết là cha đã chết, nhưng một phần thân thể nhỏ bé ở đâu đó trong tôi vẫn khiến tôi ôm mái ảo vọng là cha tôi vẫn còn sống như lời bói toán, và biết đâu điều này sẽ trở thành sự thật?

"Dù hy vọng đó mong manh thế nào đi nữa, dù chuyển về Việt Nam tìm cha chung cuộc chẳng được gì đi nữa, tôi cũng

có thể tìm gặp lại cha trong tâm tưởng của tôi. Cùng lắm, tôi cũng vẫn có thể mang cha trở về sống lại trong gia đình, bằng cách không bao giờ quên cha".

Đúng là tương lai dân tộc phải nằm trong tay thế hệ trẻ, nhưng không phải là người trẻ chỉ cần biết mình là người Việt Nam, quên hết quá khứ Cộng Sản hay Cộng Hòa như ông Kỳ mơ ước; cũng không phải người trẻ cứ nhắm mắt bênh vực ông cha mình rồi thù nghịch đối phương mãi mãi như Nguyễn Duy Linh; mà phải là người Việt Nam như Bằng Phương, ý thức công luận phê phán gì về tổ tiên mình, biết cả những ưu, khuyết của cả hai chế độ; rồi dùng lời lẽ lịch sự, nhưng danh thép nhắc lại tội ác xâm lăng miền Nam trong quá khứ, và tố cáo cụ thể với thế giới về chủ trương hiện nay của Cộng Sản, là xóa bỏ vĩnh viễn tập thể người của chế độ VNCH; chứ không chút nào có vẻ "quên hận thù" như chúng vẫn rêu rao và nhiều người như Cựu tướng Kỳ tin tưởng.

Tương lai dân tộc Việt Nam phải nằm trong tay thế hệ trẻ như Lily Dizon Nguyễn Tấn Bằng Phương; quyết tâm dẫn thân tìm bằng chứng trả lời sử gia Hoa Kỳ rằng cái nhìn của họ về chiến tranh Việt Nam là sai, những người như cha cô không hèn nhát như họ tưởng.

Lịch sử nước Việt Nam phải do thế hệ trẻ Bằng Phương của những Đại Úy Nguyễn Tấn Hưng viết với lòng tự hào: những người dám chết cho lý tưởng như cha tôi phải được tổ quốc ghi công; và trọn đời tâm nguyện: "không bao giờ quên cha". Nghĩa là sẽ đeo đuổi lý tưởng phục vụ Dân Chủ của cha.

(Miền Bắc Cali, ngày nắng ấm sau cơn mưa bão, 11 tháng 01 năm 1995).



# VƯỜN

## Thơ

## Văn

Hình tặng Văn Thị Hòa  
• Nguyễn Đức Hoàn

Ngàn hoa đua nhau khoe sắc hương  
Mỗi mỗi xem ra vẻ khác thường  
Phường tiện tùy duyên chung góp sức  
Mong sao chân lý được xiển dương  
Giúp cho đều khắp mau lành thuốc  
Voi đi phiên nào, bớt đau thương  
Ta bà hẳn sẽ thành tịnh độ  
Chẳng cần tìm kiếm ở tây phương!

# NGÂN HÀNG

và

# PHÁT TRIỂN KINH TẾ

*Bùi Hạnh Nghi*

*(Thuyết trình tại Paris, trong kỳ Đại Hội Âu Châu của Hội Chuyên[S1] Gia Việt Nam, tháng 10 năm 1994)*

## **Nhập đề**

Nói đến phát triển kinh tế là phải nói đến tiền tệ vì tiền tệ vừa là yếu tố sản xuất vừa có chức năng bình trướng mọi lãnh vực của nền kinh tế như sản xuất, tiêu thụ, đầu tư...

*Muốn phát triển kinh tế phải có hệ thống ngân hàng hữu hiệu.*

Trong hệ thống tiền tệ, ngân hàng có một chức năng bao quát và nắm giữ một vai trò quan trọng. Chẳng phải là chuyên viên kinh tế cũng thừa biết rằng muốn đẩy mạnh phát triển kinh tế phải có một hệ thống ngân hàng hữu hiệu. Cũng vì thế mà vào thời điểm chế độ cộng sản cáo chung tại các nước Đông Âu, khi chuyển từ kinh tế chỉ huy sang kinh tế thị trường, một trong những công tác đầu tiên là cải tổ toàn diện hệ thống ngân hàng.

Trong công tác này Đông Đức đã tiên vượt bậc hơn tất cả các nước cộng sản khác không chỉ vì có sự hỗ trợ tài chính hùng hậu của Tây Đức mà vì giới ngân hàng Tây Đức, công cũng như tư, đã cấp tốc thực hiện một chương trình cải tổ hệ thống ngân hàng và đào tạo nhân viên đồng thời mở thêm nhiều chi nhánh trên toàn lãnh thổ Đông Đức cũ và òạt mang hàng ngàn nhân viên lành nghề từ Tây Đức qua yếm trợ.

Tại Việt Nam từ ngày ban bố cải tổ được gọi là đổi mới kinh tế, chính quyền đã có cao vọng cải tổ hệ thống ngân hàng, đặc biệt là chuyển ngân hàng một cấp thành hai cấp. Năm 1990 một số pháp lệnh và nghị định cũng như thông tư về ngân hàng đã được ban bố như pháp lệnh và nghị định về chức năng nhiệm vụ và tổ chức ngân hàng quốc gia rồi đến pháp lệnh về ngân hàng thương mại, hợp tác xã tín dụng và công ty tài chính.

Đến năm 91 ngân hàng quốc gia ban hành một số mẫu điều lệ và qui chế cấp giấy phép cho ngân hàng quốc doanh, ngân hàng thương mại cổ phần và công ty tài chính cổ phần cũng như qui chế về chi nhánh ngân hàng nước ngoài và ngân hàng liên doanh. Đồng thời chính phủ cũng đã gửi nhiều nhân viên ra tu nghiệp tại các ngân hàng ngoại quốc, nhưng những nhân viên này, vì đa số ít vốn ngoại ngữ và vì trình độ chuyên môn quá lạc hậu so với tiêu chuẩn quốc tế, nên đã chẳng lĩnh hội được bao nhiêu. Và nếu có lĩnh hội được ít nhiều kiến thức mới lạ, bổ ích, lúc về nhà cũng không có hoàn cảnh để áp dụng.

Cải tổ hệ thống ngân hàng là một việc nói dễ làm khó. Chính quyền Việt cộng và giới ngân hàng Việt Nam hiện nay không thể nào tạo ra một sự thay đổi toàn bộ về cơ cấu và chính sách cũng như về kỹ thuật và trình độ nhân viên.

*Muốn có hệ thống ngân hàng hữu hiệu phải có kinh tế thị trường trong một*

*môi trường dân chủ tự do*

Điều tôi muốn nhấn mạnh là những điều tôi sắp trình bày dựa trên một tiền đề căn bản, đó là: Kinh Tế Thị Trường là mô hình hữu hiệu nhất cho phát triển kinh tế mà kinh tế thị trường chỉ được thực hiện tối đẹp trong một môi trường tự do chính trị. Áp dụng kinh tế thị trường nửa vời trong một thể chế không có dân chủ tự do như tại Việt Nam hiện nay chỉ có thể mang lại sự bành trướng cục bộ của một vài lãnh vực và chỉ là cơ hội làm giàu cho một thiểu số. Nét đặc thù của kinh tế thị trường là cạnh tranh tự do và công bằng. Trong lãnh vực ngân hàng, cạnh tranh tự do không phải chỉ nhằm mục đích cho các ngân hàng tư được phát triển tới đa tùy theo khả năng và tùy theo nhu cầu thị trường mà còn là một phương thế bảo vệ quyền lợi của khách hàng, khỏi bị tình trạng độc quyền hay đặc quyền của một thiểu số ngân hàng thao túng ép buộc khách hàng phải chấp nhận những điều kiện quá khắt khe về lãi suất hay về lệ phí. Đặc biệt là phải bãi bỏ chế độ ngân hàng thương mại quốc doanh mà nếu vì lý do nào đó phải duy trì một ít thì phải triệt để áp dụng nguyên tắc bình đẳng, không được cho loại ngân hàng quốc doanh này có đặc quyền - như về tỉ số dự trữ bắt buộc, về mức tái chiết khấu hay về lãi suất hay ưu tiên trong việc vay tiền của ngân hàng quốc gia.

Một ví dụ tại ngoại quốc về tệ trạng thiếu tự do cạnh tranh mặc dầu đã tuyên bố áp dụng kinh tế thị trường và sự thiếu cạnh tranh này đã lâu như vô hiệu hoá kế hoạch cải tổ ngân hàng: đó là trường hợp Trung cộng tuy đã khởi xướng cải tổ ngân hàng từ năm 1984 (có người cho rằng việc cải tổ đã được bắt đầu từ khi thành lập các ngân hàng chuyên ngành nghĩa là từ năm 1974) nhưng cho đến nay đa số ngân hàng vẫn là của chính phủ và 75 phần trăm tín dụng và tiết kiệm trong nước được dồn vào bốn ngân hàng chuyên ngành quốc doanh là Bank of China, Công Thương Ngân Hàng, Nông Tín Ngân Hàng, và Ngân Hàng Đầu Tư Phát Triển. Mặt khác ngân hàng trung ương ấn định lãi suất bắt buộc cho tất cả các tổ chức tín dụng đối với các khoản tiền ký thác nhưng khi cho các ngân hàng vay thì lại áp dụng lãi suất khác nhau cho từng loại ngân hàng và dĩ nhiên là biệt đãi ngân hàng quốc doanh.

Cạnh tranh tự do còn có lợi điểm là sẽ bắt buộc các ngân hàng phải cải tiến về trang bị và kỹ thuật và phải nâng cao trình độ nhân viên để khỏi bị đào thải. Với đà phát triển của ngoại thương, việc tăng uy tín của các ngân hàng thương mại không những tại quốc nội mà trong cả những giao dịch với các ngân hàng ngoại quốc là điều cần thiết.

## **Giới hạn vấn đề**

Vai trò của ngân hàng trong việc phát triển kinh tế nói chung và phát triển của một nước chậm tiến nói riêng là một vấn đề rộng lớn.

Trong khuôn khổ bài này không thể đưa ra một cái nhìn toàn bộ về hệ thống ngân hàng và bàn luận kỹ càng những điều kiện phải có để ngân hàng có thể góp phần hữu hiệu vào việc phát triển.

Chỉ có thể đi qua số vấn đề thiết yếu và buộc lòng phải ngừng lại trên một số nhận định tổng quát.

## **I NHỮNG ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT**

Muốn cho hệ thống ngân hàng thực hiện được chức năng trong việc phát triển kinh tế tại Việt Nam phải hội đủ một số điều kiện

### **Giải quyết những bế tắc hiện tại**

Trước hết phải thanh toán tất cả mọi tệ đoan của hiện tại như bao cấp, lãi suất không đồng đều, tình thần vô trách nhiệm của các ngân hàng quốc doanh, - vô trách nhiệm vì được bao cấp toàn diện và nếu bị thua lỗ thì đã có ngân sách bù vào -, tình trạng kiến thức chuyên môn tồi tệ, tình thần làm việc lơ là của nhân viên, tín dụng không dựa trên những tiêu chuẩn thuần túy kinh tế mà bị chi phối bởi quyền thế và áp lực chính trị hoặc vì quen biết, bắt buộc phải cho các xí nghiệp quốc doanh và cơ quan chính quyền

vay với lãi suất thấp, nói chung là tham nhũng và hối lộ trong việc phân phối tín dụng và ấn định lãi suất, thiếu hệ thống kiểm soát hữu hiệu... Nếu chúng ta cố dìm tìm hiểu tại chỗ thì chắc hẳn bảng liệt kê các tệ đoan cần thanh toán còn dài hơn gấp bội.

### *Sự cần thiết của mô hình ngân hàng hai cấp*

Trong lãnh vực ngân hàng, nét đặc biệt của kinh tế chỉ huy theo kiểu cộng sản là chỉ có ngân hàng một cấp, nghĩa là chỉ có ngân hàng quốc gia làm tất cả mọi nghiệp vụ, các ngân hàng khác chỉ là chi nhánh với một nhiệm vụ chuyên môn nào đó như nông tín, địa ốc... Tuyệt đối không có ngân hàng tư. Ngân hàng quốc gia vừa là ngân hàng chính phủ với nhiệm vụ đề ra và thi hành các biện pháp về chính sách tiền tệ và tín dụng, vừa đóng vai trò của ngân hàng thương mại đứng ra trực tiếp cung cấp tín dụng và dịch vụ cho khu vực tư.

Việc trước tiên là phải chuyển thành ngân hàng hai cấp. Tại Việt Nam chính quyền đã nghĩ đến việc này từ năm 1988, nhưng việc cải

tổ còn là lý thuyết, trong thực tế vẫn còn nhiều bế tắc. Ngân hàng hai cấp thể hiện sự phân công hợp lý và cần thiết giữa công và tư, khiến Ngân Hàng Quốc Gia tránh tình trạng òm đồm, phải đảm trách những nhiệm vụ xung khắc để thỏa mãn nhiều nhu cầu trái ngược ví dụ một đảng phải tăng lãi suất và giảm số lượng tiền tệ lưu hành để chống lạm phát một đảng phải bao cấp các xí nghiệp quốc doanh hay là phải tài trợ các công tác đặc biệt của chính phủ nghĩa là phải gia tăng số lượng tiền tệ.

Ngân hàng hai cấp được áp dụng trong tất cả các nền kinh tế tự do và ngay tại Nga sau ngày cộng sản cáo chung đã nhanh chóng thực hiện ngân hàng hai cấp. Trước kia tại Liên Xô chỉ có hai ngân hàng: ngân hàng quốc gia (Gosbank) và ngân hàng đầu tư (Stroibank). Nhưng thực sự chính sách tín dụng không do hai ngân hàng này định đoạt mà là độc quyền của chính phủ qua nha kế hoạch. Việc cải tổ bắt đầu từ năm 1977 với quyết định thành lập thêm năm ngân hàng chuyên môn, trong đó có ngân hàng ngoại thương và ngân hàng nông tín. Đến tháng 9 năm 88, ngân hàng thương mại cổ phần đầu tiên được thành lập, đánh dấu một bước cải tổ quan trọng. Từ đó ngân hàng thương mại và ngân hàng hợp tác xã đua nhau mọc lên: đầu năm 92 đã có trên 1200 với 2300 chi nhánh. Với sự có mặt của các ngân hàng tư này khách hàng không còn bị bắt buộc chỉ có thể mở chương mục tại ngân hàng chính phủ mà được quyền chọn lựa ngân hàng theo sở thích của mình. Đáng tiếc là trong số 1200 ngân hàng kia chỉ có 16 đơn vị có số vốn trên 200 triệu Rúp (tính theo hối suất thời bấy giờ là khoảng 400.000 Đô La) còn ngoài ra đại đa số các ngân hàng mới mở đều có số vốn rất khiêm tốn. Và đó là nguy cơ lớn nhất cho hệ thống ngân hàng của Nga. Theo tiêu chuẩn các ngân hàng tây phương thì đại đa số các ngân hàng thương mại của Nga đã phải tuyên bố phá sản. Các ngân hàng này mới nhập cuộc chưa đủ kinh nghiệm để thẩm định rủi ro nên thường cho vay bừa bãi, dễ khiến ngân hàng vỡ nợ. Và chỉ cần một vài ngân hàng tuyên bố phá sản là tất cả nhưng người có tiền gửi ngân hàng sẽ ò ạt rút tiền ra, gây nên một tác dụng giầy chuyền khá dữ dội kéo theo sự sụp đổ của cả hệ thống ngân hàng gây nên khủng hoảng tài chính trầm trọng.

Trong mô hình ngân hàng hai cấp tại Nga ngân hàng trung ương không còn phải đảm trách những nghiệp vụ của ngân hàng thương mại. Một điểm son của cuộc cải tổ này tại Nga là ngân hàng trung ương tương đối khá độc lập đối với chính quyền trong việc thi hành các công cụ ổn định tiền tệ nhất là áp dụng một chính sách hạn chế tín dụng, nâng cao lãi suất nhằm giảm thiểu số lượng tiền tệ lưu hành.

Rất tiếc là vì sản nghiệp 70 năm cộng sản để lại quá bi đát, tiến trình đổi mới chuyển sang kinh tế thị trường gặp vô số trở ngại chính trị và xã hội nên những biện pháp cải tổ ngân hàng cũng như chính sách đổi mới kinh tế tại Nga đã không kịp tiến độ tốc độ tuột dốc của nền kinh tế, tạo thành mối ưu tư đệ nhất của cả thế giới hiện nay.

Trong khi nền kinh tế ngày càng lụn bại, ngân hàng quốc gia vẫn phải tiếp tục bao cấp cho phần lớn các hãng quốc doanh đã khánh tận nên đã không ngừng in thêm tiền giấy, khiến đồng tiền càng sụt giá nhanh chóng.

Và đó là một trong những nguyên nhân đưa đến khủng hoảng tiền tệ trầm trọng tại Nga trong những ngày 11,12 tháng mười vừa qua, khiến hối suất đồng Rúp giảm giá 20 phần trăm trong một ngày, kéo theo sự mất chức của tổng trưởng tài chính và thống đốc ngân hàng quốc gia.

### *Điều kiện luật pháp*

Cần có một hệ thống luật pháp tân tiến và công minh, luật pháp phải được thi hành nghiêm chỉnh và vi phạm phải được chế tài đúng mức không thiên vị. Điều này cần thiết cho tất cả mọi lãnh vực nhưng riêng lãnh vực ngân hàng càng cần thiết hơn. Cần kịp thời ban hành hay là bổ túc luật và nghị định về chi phiếu, hối phiếu, về thể thức mua bán chứng khoán, luật về hợp đồng tín dụng v.v.

Phải gia nhập và thi hành nghiêm chỉnh các hiệp ước quốc tế về ngân hàng. Hiệp ước tín dụng thư đã được áp dụng trên khắp thế giới từ mấy chục năm nay, thế mà Việt Nam chỉ vừa mới tuyên bố thừa nhận (thừa nhận chưa có nghĩa là áp dụng trong thực tế) năm 1993, cùng một lần với Trung Cộng.

### *Nỗ lực nghiên cứu kinh tế và học hỏi kỹ thuật ngân hàng*

Nghiên cứu kinh tế vốn là một trong những trọng tâm công tác của các ngân hàng trên thế giới. Deutsche Bank, ngân hàng lớn nhất của Đức, đã tách rời ban nghiên cứu kinh tế ra khỏi tổ chức của mình để lập thành một hãng riêng chuyên về nghiên cứu gọi là Deutsche Bank Research. Đối với các ngân hàng trong một nước chậm tiến mới chấp chững bước lên con đường phát triển thì việc nghiên cứu kinh tế còn quan trọng và cấp thiết gấp bội không những để luôn cập nhật hóa mục tiêu và phương sách hoạt động của ngân hàng mình mà còn để góp phần vào sự bành trướng kiến thức chung đồng thời cố vấn hữu hiệu cho khách hàng trong hoạt động kinh tế.

Kỹ thuật ngân hàng trên thế giới ngày càng tinh vi, nhất là từ đầu thập niên 80. Để đối phó với tình thế do sự thay đổi nhanh chóng và lên xuống thất thường của lãi suất, hối suất và giá cả chứng khoán, các ngân hàng đã sáng tạo ra nhiều dụng cụ mới gọi chung là *dérivatifs*. (Đó là những hợp đồng căn cứ trên sự tiên đoán về những biến chuyển trong tương lai của thị trường tín dụng, hối đoái và chứng khoán ... Mục đích của các nghiệp vụ này là để giảm thiểu rủi ro cho những hợp đồng tài chính tuy phải ký kết trong hiện tại nhưng chỉ được thực hiện trong tương lai. Mặt khác, những nghiệp vụ này cũng có thể mang lại rất nhiều rủi ro nếu ngân hàng dùng chúng như những cuộc đánh cá về tương lai. Nếu thị trường không biến chuyển theo chiều hướng tiên đoán thì ngân hàng sẽ bị thua lỗ).

Muốn hoạt động hữu hiệu các ngân hàng không những phải thấu triệt các kỹ thuật cổ điển mà còn phải chạy nước rút trong việc học hỏi những kỹ thuật tân kỳ để đuổi kịp trình độ của các nước tiên tiến. Khoảng cách giữa nhu cầu và thực trạng càng lớn - như tại Việt Nam hiện nay - thì càng phải tăng cường nỗ lực.

### *Nhu cầu cấp thiết: Đào tạo nhân viên*

Ngay tại những nước tân tiến với một hệ thống ngân hàng gần như hoàn hảo người ta vẫn cho rằng trình độ nhân viên là yếu tố quyết định vận mạng ngân hàng, huống hồ là tại một nước như Việt Nam trình độ cũng như kỹ thuật còn thấp kém. Vấn đề đào tạo nhân viên phải là ưu tư số một của các ngân hàng và các trường huấn nghệ.

Trong việc đào tạo nhân viên cần nhấn mạnh về tinh thần làm việc. Tinh thần làm việc chỉ được kích lệ bằng sự phân định rõ ràng phần vụ và trách nhiệm của mỗi người, phác họa và áp dụng

một chính sách thưởng phạt công minh và cho nhân viên dự phần vào phúc lợi do ngân hàng làm ra tùy theo năng suất của từng người. Điều này tối cần vì ai đã từng sống dưới chế độ cộng sản đều đã chứng kiến tinh thần làm việc tác trách tồi tệ của nhân viên mọi cấp do não trạng đùng đùng, bất cần, thiếu ý thức trách nhiệm, không làm hôm nay thì ngày mai, một não trạng rất tai hại nhất là trong lãnh vực ngân hàng vì đối với những hoạt động về tiền bạc yếu tố thời gian cực kỳ quan trọng. Châm ngôn thời giờ là tiền bạc đúng nhất trong môi trường ngân hàng. Chúng ta ai cũng đã từng gửi tiền hay vay tiền tại ngân hàng nên ai nấy đều biết thời giờ trực tiếp đẻ ra tiền bạc.

Nhân nói về đào tạo nhân viên, tưởng cũng nên nhắc đến những chuyên viên ngân hàng Việt Nam tại ngoại quốc. Họ đang có cơ hội ngân năm một thử để trau dồi kiến thức. Những người dự định sẽ trở về phục vụ tại quê hương khi không còn Cộng sản nên tận dụng cơ may trong hiện tại để thu thập thật nhiều kiến thức và kinh nghiệm. Một việc làm cụ thể là tìm cách xin làm việc luân chuyển trong nhiều ban nhiều phòng để luôn mở rộng và cập nhật kiến thức. Những người ở cấp lãnh đạo nên lợi dụng địa vị ít bị ràng buộc và được cung cấp nhiều tài liệu chuyên môn để đón nghì lực vào việc tăng trưởng và cập nhật hóa kiến thức. Hoàn hảo góp phần xây dựng hoặc kiện toàn hệ thống ngân hàng Việt Nam trong tương lai sẽ là động cơ thúc đẩy cố gắng học hỏi, suy tư, thu thập, chọn lọc và khai thác tài liệu.

## II NGÂN HÀNG QUỐC GIA

### *Vai trò và nhiệm vụ*

Nếu ngân hàng thương mại quan trọng vì đảm trách những nghiệp vụ tài chánh cần thiết cho sản xuất và tiêu thụ thì ngân hàng quốc gia còn quan trọng gấp bội, vì ảnh hưởng trực tiếp đến chính sách tài chánh, đến lãi suất, mức lạm phát và sự tiến triển của giá cả. Pháp luật phải qui định rõ rệt vai trò, nhiệm vụ và tư thế của ngân hàng quốc gia.

Thông thường ngân hàng quốc gia có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- vai trò ngân hàng trung ương: độc quyền in tiền, đúc tiền, qui định chính sách tín dụng, điều tiết số lượng tiền tệ lưu hành nhằm ổn định giá trị tiền tệ.
  - vai trò cơ quan kiểm soát: thanh tra các tổ chức tín dụng trong việc thi hành luật pháp liên hệ, kiểm soát hoạt động của thị trường tiền tệ, cho phép thành lập hoặc liên kết các ngân hàng và quyết định đóng cửa các tổ chức này (tại một vài nước quyền cấp hay thu hồi giấy phép thành lập tổ chức tín dụng được giao cho một cơ quan đặc biệt)
  - vai trò ngân hàng chính phủ: Quản lý ngân khố và phát hành các công khố phiếu, quản lý số ngoại tệ dự trữ và thi hành các nghiệp vụ tài chánh của chính phủ, can thiệp trên thị trường ngoại hối.
  - vai trò ngân hàng của các ngân hàng: thực hiện các nghiệp vụ thanh toán bù trừ giữa các ngân hàng, cung cấp tín dụng cho các ngân hàng, cung cấp tin tức tài liệu về kinh tế và ngân hàng và cộng tác với các ngân hàng trong nỗ lực nghiên cứu về kinh tế và kỹ thuật ngân hàng. Phối hợp với các ngân hàng tư để tìm biện pháp cấp cứu những ngân hàng bất ngờ bị đe dọa phá sản.
  - vai trò đại diện quốc gia trong các thương thuyết và giao dịch tiền tệ với ngoại quốc cũng như các cơ quan tiền tệ quốc tế, nhất là trong việc vay tiền quốc tế để đáp ứng nhu cầu tài chánh trong nước.
  - vai trò yểm trợ phát triển: cung cấp tín dụng đặc biệt nhằm thực hiện các chương trình phát triển (Nhiệm vụ này cũng có thể giao cho một hay nhiều ngân hàng chuyên môn để ngân hàng quốc gia rảnh tay làm các nhiệm vụ đặc thù của mình).
- Trong tất cả các quyền hạn và nhiệm vụ vừa nói thì hai nhiệm vụ quan trọng nhất là chính sách tiền tệ và chính sách tín dụng.

Lắm khi hai nhiệm vụ này tương khác: vì bành trướng tín dụng sẽ làm tăng số lượng tiền tệ tức là gây ra lạm phát, ngược lại thắt chặt tín dụng thì sao sẽ thiếu vốn cho việc sản xuất, tạo ra tình trạng hàng hóa khan hiếm, cung ít cầu nhiều, vừa đưa đến lạm phát vừa làm kinh tế đình trệ, tổng sản lượng giảm, thất nghiệp tăng.

Để thi hành các nhiệm vụ của mình ngân hàng quốc gia sử dụng một số công cụ cổ điển như thị trường mở (open market), chính sách dự trữ bắt buộc, ấn định lãi suất và số lượng tái chiết khấu, cung cấp tín dụng ngắn hạn cho các ngân hàng thương mại, dùng ngoại tệ dự trữ để can thiệp trên thị trường hối đoái...

Các dụng cụ vừa kể phải được sử dụng một cách mềm dẻo tùy theo nhu cầu của tình thế (ví dụ trong khi chưa có thị trường chứng khoán và việc mua đi bán lại các cổ phiếu hoặc trái phiếu chưa thịnh hành thì các nghiệp vụ thị trường mở tất nhiên chưa thể thực hiện và nếu có thì cũng chỉ trong một mức độ rất khiêm tốn). Ngân hàng quốc gia phải thẩm định tình hình kinh tế và hiện trạng tiền tệ một cách chính xác, chọn lựa dụng cụ thích hợp. Đôi khi còn phải sáng tạo những dụng cụ mới phù hợp với từng giai đoạn phát triển hay khă dĩ đối phó với sự biến chuyển của tình thế.

Ví dụ trong thời gian gần đây, ngân hàng quốc gia Đức Bundesbank bị áp lực từ nhiều phía trong và ngoài nước đòi hỏi hạ thấp lãi suất. Nhưng chỉ số tăng của số lượng tiền tệ lưu hành cao hơn mức Bundesbank cho rằng phải thực hiện được để tránh lạm phát nên Bundesbank cương quyết duy trì lãi suất cao. Muốn hạ lãi suất trước hết phải chế ngự được tỉ số gia tăng số lượng tiền tệ. Để đạt mục đích này, ngoài việc áp dụng những dụng cụ cổ hữu để tiết giảm số lượng tiền tệ lưu hành, Bundesbank đã tạo ra một dụng cụ mới đó là phát hành một loại trái phiếu ngắn hạn gọi là Bundesbank-Liquiditaetspapiere (Bulis) để thu hút một số tiền ra khỏi thị trường. Khác với những phương pháp thị trường mở quen thuộc trong đó Bundesbank chỉ mua và bán các trái phiếu qua trung gian các ngân hàng thương mại, loại trái phiếu ngắn hạn này được trực tiếp bán cho tư nhân, nghĩa là Bundesbank đã can thiệp thẳng vào hệ thống vận chuyển tiền tệ để hút một số tiền ra khỏi thị trường trước khi số tiền này du nhập và luân lưu bành trướng trong hệ thống ngân hàng, nghĩa là sự tiết giảm số lượng tiền tệ được thực hiện một nấc sớm hơn và nhanh hơn.

### *Tư thế độc lập hay lệ thuộc của Ngân Hàng Quốc Gia*

Một khi vai trò và nhiệm vụ đã được qui định, Ngân Hàng Quốc Gia phải đủ quyền hạn để thi hành các biện pháp cần thiết bất chấp áp lực ngược lại từ phía chính quyền hay các khối ảnh hưởng chính trị hoặc kinh tế.

Vấn đề Ngân Hàng Quốc Gia phải được độc lập hay vẫn phải lệ thuộc không nhiều thì ít vào chính phủ không chỉ đặt riêng cho những nước chậm tiến hay những nước mới bắt đầu phát triển mà cả những nước tân tiến như Pháp, Anh vẫn chưa có một giải pháp dứt khoát. Dĩ nhiên chính quyền nào cũng muốn nắm quyền điều khiển ngân hàng quốc gia, để dễ sai khiến và ép buộc ngân hàng quốc gia áp dụng những biện pháp có lợi cho chính quyền về mặt chính trị nhưng bất lợi cho nền kinh tế. Tại Đức vì đã có những kinh nghiệm quá đau thương về lạm phát do những chính quyền trước tạo ra nên khi soạn thảo đạo luật về Bundesbank các nhà lập pháp đã qui định trách vụ chính của Bundesbank là giữ vững giá trị tiền tệ đồng thời cũng đã minh định tư thế độc lập hầu như tuyệt đối của Bundesbank. Kể từ ngày ban hành đạo luật này, đã nhiều lần ngân hàng quốc gia cưỡng lại lời yêu cầu của chính quyền. Ví dụ gần nhất là trong thời gian vừa qua tại Đức, kinh tế suy thoái, thất nghiệp gia tăng trầm trọng gây bất ổn chính trị và xã hội, chính quyền làm áp lực yêu cầu Bundesbank hạ thấp lãi suất nhưng Bundesbank đã cương lại vì nguy cơ lạm phát còn đe dọa và bách phần tăng trưởng số lượng tiền tệ lưu hành vẫn còn nằm trên mức mà Bundesbank cho rằng có thể chấp nhận được. Mãi đến lúc tình hình lạm phát và số lượng tiền tệ bớt căng thẳng, Bundesbank mới từ từ hạ lãi suất.

Còn tại Pháp thì mãi đến cuối năm ngoái quốc hội mới thông qua đạo luật về tư thế độc lập của Banque de France và cũng chỉ mới là một quyết định lý thuyết.

Tại Anh thì Bank of England vẫn còn phải lệ thuộc rất nhiều vào chính quyền. Chẳng hạn như ngày 12.9.94 vừa qua Ngân Hàng Anh Quốc đã phải tuân lệnh của trưởng ngân khố tăng lãi suất 0,5% mặc dầu giới kinh tế nói chung và ngân hàng nói riêng đều cho rằng tình hình kinh tế và đặc biệt là tỉ số lạm phát ( 0,3% mỗi tháng ) chưa đòi hỏi phải tăng lãi suất . Việc Ngân Hàng Anh quốc tăng lãi suất đột ngột đã gây ra hậu quả giằng co trên thị trường chứng khoán ngày hôm đó khiến chỉ số Dow Jones tuột dốc.

Trong tư thế lệ thuộc, ngân hàng quốc gia còn có thể bị áp lực in thêm tiền để tài trợ khiếm khuyết ngân sách, hoặc cho chính phủ vay quá mức để thực hiện những chương trình nhằm lấy lòng cử tri trước ngày bầu cử mà không màng gì tới ảnh hưởng trên giá trị đồng tiền về cả hai phương diện mả lực trong nước và ngoại hối. Do đó ngân hàng quốc gia phải được độc lập để hoàn thành nhiệm vụ chính của mình là giữ vững giá tiền tệ. Điều này phải được qui định trong luật pháp và triệt để áp dụng. Khi nói thì ai cũng biết đòi hỏi này chỉ là không tương trong một chế độ độc tài.

### III NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Đối với giới ngân hàng nhất là ngân hàng thương mại thì nhu cầu phát triển kinh tế trong một hoàn cảnh vô cùng khó khăn vừa là một cơ may vừa là một thách đố, không chỉ đòi hỏi kiến thức bao quát về kinh tế và về ngân hàng cũng như óc tổ chức và tài lãnh đạo mà còn đòi hỏi cấp lãnh đạo ngân hàng phải biết ứng phó với hoàn cảnh; những nghiệp vụ và dụng cụ cổ điển phải được sử dụng một cách linh động mềm dẻo lắm khi còn phải biến chế để thích nghi.

Để bành trướng tầm hoạt động ngân hàng sẽ phải chọn một trong hai phương thức: phân tán mỏng trên một lãnh thổ rộng lớn, hay là tập trung tại một vùng. Theo tôi thì lúc đầu các ngân hàng nên hạn chế phạm vi hoạt động của mình vào một vùng nhất định. Trong mỗi vùng nên mở nhiều chi nhánh để mang ngân hàng đến với quần chúng thay vì bắt quần chúng phải lặn lội đường xa để tìm đến ngân hàng hay phải chờ đợi lâu ngày vì chỉ có thể liên lạc qua bưu điện.

Sự phát triển của ngành ngân hàng tùy thuộc một phần ở đại đa số quần chúng không riêng tại các đô thị lớn mà cả tại những miền thưa dân cư có sớm làm quen với các nghiệp vụ ngân hàng và đánh giá đúng mức sự cần thiết và ích lợi của các nghiệp vụ này hay không như việc sử dụng chi phiếu hay thẻ tín dụng thay tiền mặt. Tạo ra một mạng lưới chi nhánh dày đặc trong một vùng nhất định không có nghĩa là phải mở nhiều chi nhánh lổn. Tại nhiều nơi chỉ cần một nhân viên vừa thu tiền, trả tiền và nhận lệnh của khách hàng rồi chuyển ngay tất cả đến đơn vị chính gần nhất có đủ nhân viên và trang bị kỹ thuật để thực hiện các nghiệp vụ cho tất cả một vùng. Dĩ nhiên là trong vấn đề cạnh tranh để chiếm đoạt khách hàng ngân hàng có nhiều chi nhánh sẽ chiếm được nhiều lợi thế hơn miễn là phải tổ chức thế nào để giảm phí tổn và tăng năng suất.

Trong giai đoạn sau, khi ngân hàng đã lớn mạnh theo thời gian và khi giao thông và viễn thông đã cải tiến, các ngân hàng dù khả năng có thể bành trướng trên toàn lãnh thổ quốc gia.

Nhưng kinh nghiệm tại một số nước tân tiến như nước Đức cho thấy, đa số các ngân hàng lúc khai trương với đặc tính ngân hàng vùng thì sau này vẫn tiếp tục duy trì đặc tính vùng của mình, trong vùng đó mở thật nhiều chi nhánh, còn ngoài vùng thì chỉ lập thêm một số cơ sở tại các đô thị quan trọng. Nhiều ngân hàng đã hoạt động trên hàng trăm năm mà vẫn giữ đặc tính vùng như Bayerische Hypobank và Bayerische Vereinsbank là hai ngân hàng quan trọng vào hàng thứ tư thứ năm của Đức mà vẫn giữ bản chất ngân hàng vùng Bavière.

Trên nguyên tắc ngân hàng thương mại phải có khả năng thi hành tất cả mọi nghiệp vụ thông thường nhưng trong thực tế các ngân hàng, ít là trong giai đoạn đầu, nên tùy theo sở trường của mình và nhu cầu thị trường mà tự động phân công, mỗi loại ngân hàng chuyên về một số nghiệp vụ để có thể tập trung nỗ lực vào lãnh

vực đặc biệt của mình, nhằm phục vụ khách hàng đặc lực hơn. Dĩ nhiên về phương diện cạnh tranh thì những ngân hàng có khả năng làm nhiều nghiệp vụ sẽ chiếm được lợi thế hơn.

#### *Cung cấp dịch vụ tài chánh*

Nói đến ngân hàng, trước hết người ta thường nghĩ đến các hoạt động sau đây: trung gian trong việc trả tiền và chuyển tiền, mở và quản trị chương mục của khách hàng, ghi sổ các khoản xuất nhập vào chương mục của chương chủ, nhận tiền ký thác, cung cấp tín dụng và mua bán ngoại tệ. Còn nhiều dịch vụ khác chỉ một số thành phần hoạt động kinh tế biết đến nhưng cũng rất quan trọng như cố vấn cho khách hàng về các phương thức ký thác hoặc đầu tư nhằm đạt lợi nhuận tối đa, chiết khấu các hối phiếu tức là các giấy nợ ký nhận giữa người mua và bán hàng, mua bán các trái phiếu, cổ phiếu, công khố phiếu, ngân khố phiếu, quản trị các chương mục tồn trữ các loại giấy tờ có giá v.v., đăng ký cổ phiếu và trái phiếu của các xí nghiệp tại sở mua bán chứng khoán, giao dịch với các ngân hàng bạn trên thị trường tiền tệ quốc nội và quốc tế, thi hành các nghiệp vụ ngoại thương, tổ chức các tổ hợp tín dụng quốc tế v.v....

Hoạt động của các thành phần kinh tế khác chỉ hữu hiệu lúc ngân hàng cung cấp đầy đủ dịch vụ một cách nhanh chóng và an toàn.

Điều này đòi hỏi trang bị đầy đủ về kỹ thuật, trình độ và tinh thần làm việc của nhân viên và tài tổ chức của thành phần lãnh đạo.

#### *Cấu tạo tư bản*

Một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của ngân hàng đối với nền kinh tế là tạo vốn để cung ứng cho sản xuất và tiêu thụ. Nhu cầu phát triển khiến việc tạo vốn và cấp vốn càng trở nên cấp thiết hơn.

Hình thức tạo vốn thông thường nhất là huy động tiết kiệm theo phương châm góp gió thành bão. Muốn đạt hiệu quả tối đa trong việc huy động tiết kiệm, phải hội đủ một số điều kiện từ nhiều phía : phải được tín nhiệm của khách hàng ( uy tín và khả năng tài chánh của ngân hàng), lãi suất phải tương xứng ( cạnh tranh giữa các ngân hàng), giá cả đồng tiền phải ổn định (nhiệm vụ Ngân Hàng Quốc Gia), phải có những chương trình khuyến khích tiết kiệm như tiền thưởng dành cho những khoản tiết kiệm dài hạn (vai trò của chính quyền). Khách hàng (người tiết kiệm) có thể chọn lựa giữa hình thức tiết kiệm bảo đảm tối đa nhưng lãi suất thấp hoặc ít bảo đảm hơn nhưng lãi suất cao.

Muốn huy động tiết kiệm phải thỏa mãn được ba nhu cầu của khách hàng: ít rủi ro, lãi suất cao, tiền không bị kẹt trong một hạn kỳ nhất định mà có thể tháo khoán để sử dụng bất cứ lúc nào.

Để giảm bớt rủi ro cho các khoản tiền ký thác tại ngân hàng, bảo đảm cho khách hàng khỏi mất tiền trong trường hợp ngân hàng bị vỡ nợ, nên thành lập một cơ quan bảo hiểm các khoản tiền ký thác.

Cơ quan này do các ngân hàng hùn vốn thành lập và các ngân hàng phải đóng lệ phí nhiều ít tùy theo số tiền khách hàng ký thác. Nếu chẳng may ngân hàng phá sản thì cơ quan bảo hiểm này bồi hoàn lại khách hàng tất cả các khoản tiền gửi tại ngân hàng.

Muốn thành công trong việc làm ăn phải biết cân nhắc và lựa chọn giữa lợi nhuận và rủi ro. Riêng về giới ngân hàng thì lúc kinh tế mới bắt đầu phát triển sẽ bị cám dỗ thu hút tiết kiệm bằng lãi suất cao, và để bù lại phí tổn do lãi suất cao gây nên phải dùng tiền nhận được của khách hàng vào những nghiệp vụ lời nhiều mà rủi ro cũng nhiều. Nếu quá liều lĩnh thì nguy cơ phá sản sẽ là một đe dọa thường xuyên. Có một cơ chế bảo hiểm các khoản ký thác sẽ làm cho khách hàng an lòng, tín nhiệm ngân hàng và sẵn sàng hưởng ứng sự huy động tiết kiệm của ngân hàng.

Mặt khác gây dựng hay lấy lại được lòng tín nhiệm của dân chúng đối với ngân hàng còn một lợi điểm khác là phát triển những hình thức thanh toán không sử dụng tiền mặt như chi phiếu, hối phiếu, thẻ tín dụng. Điều này rất cần thiết và tiện lợi cho việc giao thương. Tất cả những hình thức thanh toán tiện lợi này đều



dựa trên sự tín nhiệm, tín nhiệm giữa ngân hàng và khách hàng và giữa các thành phần kinh tế với nhau...

Nhu cầu thứ hai và thứ ba là gửi tiền không bị bố buộc hạn kỳ nhất định mà vẫn được lãi suất cao. Hai nhu cầu này khó dung hòa vì đối với các khoản ký thác hoạt kỳ ngân hàng chẳng những không thể sử dụng vào những nghiệp vụ có kỳ hạn để tạo ra lợi nhuận mà còn phải đóng một khoản dự trữ bắt buộc - không sinh lãi - cho Ngân Hàng Quốc Gia. Do đó khó có thể trả tiền lời cho các khoản ký thác hoạt kỳ và thông thường khách hàng phải chọn một trong hai hình thức: một là để tiền tại chương mục hoạt kỳ nghĩa là có thể rút ra bất cứ lúc nào cần tiền nhưng lại không có tiền lãi, hai là gửi tiền vào các chương mục hạn kỳ, có lãi nhưng chỉ được rút ra khi mãn hạn, nếu rút trước thì phải trả tiền phạt. Để cải thiện phần nào tình trạng này các ngân hàng tại Âu Châu trong mấy năm gần đây đã tạo ra một hình thức ký thác mới gọi là quỹ thị trường tiền tệ (Fonds de marché monétaire, Geldmarktfonds) bằng cách phát hành một loại trái phiếu rất ngắn hạn mà lãi suất lại cao hơn cả các khoản ký thác định kỳ vì được đồng hóa với lãi suất của thị trường tiền tệ và được mua đi bán lại dễ dàng và ít phí tổn vì đã được vận tự hóa bằng hình thức trái phiếu. Riêng tại Đức, quỹ thị trường tiền tệ là một hình thức sử dụng tiền tiết kiệm rất được quần chúng Đức hưởng ứng. Lúc phát hành lần đầu quỹ tiền tệ của Commerzbank, số tiền tiết kiệm mà ngân hàng này đã thu hút được của quần chúng chủ trong mấy ngày đã lên đến trên một tỉ Đức Mã. Nghĩa là quần chúng đã ạt rút tiền từ các chương mục tiết kiệm cổ điển hay chương mục định kỳ để mua các trái phiếu thuộc quỹ thị trường tiền tệ của Commerzbank. Lúc cần tiền, sở hữu chủ của các trái phiếu thuộc quỹ thị trường tiền tệ có thể bán các trái phiếu này một cách nhanh chóng dễ dàng, khỏi phải chờ đến khi mãn hạn hoặc là khỏi phải trả tiền phạt vì rút tiền lúc chưa đáo hạn. Một lợi điểm đáng kể nữa là Commerzbank đã dùng những khoản tiết kiệm ngắn hạn này để đầu tư vào những nghiệp vụ tài chính dài hạn với lợi nhuận cao hơn. (Tổng số tiền tiết kiệm của tư nhân tại Đức được ước lượng khoảng 4 ngàn tỉ Đức Mã).

Ví dụ trên cho ta thấy muốn việc huy động tiết kiệm đạt hiệu quả tối đa các ngân hàng đã phải liên tục đa dạng hóa các hình thức tiết kiệm cổ điển và vận tự hóa các khoản tiền tiết kiệm của tư nhân để thỏa mãn tối đa ba nhu cầu kể trên là ít rủi ro lãi suất cao và không bị ràng buộc bởi một hạn kỳ nhất định.

### Thị trường chứng khoán

Một hình thức huy động tiết kiệm đại qui mô là phát hành cổ phiếu và trái phiếu qua thị trường chứng khoán. Nhờ thị trường chứng khoán mà việc huy động tiết kiệm dễ tạo và giao lưu vốn được phổ quát. Tư nhân với một số tiết kiệm nhỏ cũng có thể hùn vốn vào xí nghiệp bằng cách mua cổ phiếu hay là cho xí nghiệp vay bằng cách mua trái phiếu. Cổ phiếu và trái phiếu còn được gọi là giấy tờ có giá.

Như mọi người biết, cổ phiếu là tiền hùn vào xí nghiệp và người mua cổ phiếu trực tiếp dự phần may rủi trong công việc làm ăn của xí nghiệp. Do đó lợi tức hàng năm của cổ phiếu - cũng được gọi là cổ tức, dividende -, cao hay thấp tùy khả năng làm ra lợi nhuận của xí nghiệp và giá của cổ phiếu trên thị trường cũng tùy thuộc tình trạng tài chánh và khả năng kinh tế của xí nghiệp.

Còn trái phiếu thì không phải là phần hùn mà là những phiếu nợ với lãi suất cố định. Lợi tức hàng năm của cổ phiếu không lên xuống theo sự thăng trầm nhất thời của xí nghiệp. Dầu xí nghiệp làm ăn lời lỗ thế nào cũng phải trả đủ vốn và lời theo kỳ hạn được ghi trên trái phiếu, ngoại trừ trường hợp xí nghiệp không còn khả năng trả nợ vì bị phá sản. Do đó giá mua bán trái phiếu trên thị trường không tùy thuộc vào hiện trạng tài chánh của xí nghiệp mà chỉ lệ thuộc vào mức lãi suất trên thị trường. Ví dụ lãi suất cố định của trái phiếu là 7%/năm mà gặp chu kỳ lãi suất thị trường thấp chỉ còn 5 % chẳng hạn thì giá trái phiếu tăng, và trường hợp ngược lại lãi suất thị trường tăng lên 9% thì giá trái phiếu giảm.

Khi thị trường chứng khoán đã hoạt động hữu hiệu, nền kinh tế đã tiến triển và đã có một số hãng xưởng có đủ tầm vóc để phát hành

cổ phiếu hoặc trái phiếu qua sở giao dịch chứng khoán thì các ngân hàng thương mại sẽ được các hãng này ủy thác làm thủ tục đăng ký. Khách hàng muốn mua đi bán lại các loại giấy tờ có giá này cũng phải qua trung gian ngân hàng. Lợi nhuận do loại nghiệp vụ này mang lại chiếm tỉ số ngày càng cao trên tổng số lợi nhuận của các ngân hàng trên thế giới. Nghĩa là thị trường chứng khoán là lãnh vực có tiềm năng phát triển mạnh mẽ và các ngân hàng sẽ phải đầu tư thật nhiều vốn và nhân sự vào lãnh vực này để đạt lợi nhuận tối đa, đồng thời phải nỗ lực theo dõi tình hình kinh tế và tiên đoán sự biến chuyển của các xí nghiệp để cố vấn cho khách hàng trong việc mua bán chứng khoán.

Việc tạo lập và điều hành thị trường chứng khoán là điều rất cần thiết mà cũng vô cùng khó khăn. Đối với một nền kinh tế mới bắt đầu phát triển, thị trường chứng khoán sẽ gặp ba trở ngại chính sau đây:

- thiếu chuyên viên có đủ kiến thức và kinh nghiệm để điều hành các nghiệp vụ của thị trường chứng khoán
- quần chúng chưa quen với thể thức hoạt động của thị trường này
- và đây là trở ngại lớn nhất: rất ít doanh nghiệp có đủ tầm vóc để cổ phiếu hay trái phiếu của mình được đăng ký tại thị trường chứng khoán. Cũng vì thế chưa thể huy động vốn ngoại quốc vì giới đầu tư ngoại quốc chưa đủ tin tưởng để bỏ vốn ra mua cổ phiếu hoặc trái phiếu của các xí nghiệp quốc nội. Đó là chưa nói đến vấn đề luật pháp và những trở ngại do kiểm soát hối đoái gây nên. Kinh nghiệm Trung Cộng cho thấy việc tạo lập thị trường chứng khoán là một con đường dài đầy trở ngại. Trung cộng đã bắt đầu cho phát hành trái phiếu của các xí nghiệp vào năm 1979, rồi đến ngân khố phiếu vào năm 1981, đến năm 1983 mới xuất hiện cổ phiếu và mãi đến 1986 mới ban hành sắc luật về thị trường chứng khoán.

Hai sở giao dịch chứng khoán chính thức được khai trương tại Thượng Hải và Shenzhen năm 1990. Bách phân của các loại phiếu được đăng ký tại hai nơi này trong năm 1991 như sau:

- 49% công khố phiếu (gồm một số công khố phiếu cường bách)
- 23% trái phiếu của các cơ quan tài chính
- 25% trái phiếu của các xí nghiệp
- 3% cổ phiếu

Bách phân khiêm tốn của cổ phiếu cho thấy tại Trung Hoa lục địa dưới chính thể cộng sản, người dân, nếu còn lại chút ít tiền sau khi bị cưỡng bách mua công khố phiếu, thường ưa những hình thức đầu tư với lợi nhuận cố định (trái phiếu) hơn là bất định (cổ phiếu); và lại, cổ phiếu là một hình thức sở hữu cá nhân trên phương tiện sản xuất, mà quyền sở hữu là một phạm trù còn xa lạ với xã hội chủ nghĩa.

Để thu hút đầu tư ngoại quốc bằng ngoại tệ, Trung cộng đã có sáng kiến phát hành cổ phiếu được gọi là loại B. Giá trị danh định (tức là số tiền được ghi trên cổ phiếu) là tiền Trung Cộng nhưng giới đầu tư ngoại quốc muốn mua phải trả bằng ngoại tệ. Dĩ nhiên là khi bán lại cổ phiếu này sở hữu chủ ngoại quốc được quyền đổi ra ngoại tệ để chuyển về nước. Sáng kiến này tuy hấp dẫn nhưng cho đến nay vẫn chưa thu được nhiều kết quả.

### Vay nợ quốc tế

Khi mức độ tiết kiệm trong nước còn khiêm tốn và guồng máy huy động tiết kiệm và giao lưu vốn chưa được hoàn hảo và khi các hãng xưởng chưa đủ uy tín và tầm vóc khả dĩ thu hút đầu tư quốc tế bằng cách phát hành trái phiếu, dĩ nhiên số vốn tạo được sẽ không đủ đáp ứng nhu cầu khổng lồ của phát triển và do đó phải đẩy mạnh việc xin viện trợ và vay nợ quốc tế.

Vấn đề xin viện trợ thuộc lãnh vực chính phủ, ở đây chỉ bàn đến việc vay nợ quốc tế vì thuộc phạm vi ngân hàng.

Điều cốt yếu là muốn vay được nợ thì con nợ, đầu là xí nghiệp tư hay công, đầu là ngân hàng tư, ngân hàng công hay là chính phủ, phải tạo được tín nhiệm, phải chứng tỏ có căn bản tài chánh vững vàng trong hiện tại và khả năng trả nợ trong tương lai. Thường các xí nghiệp hay ngân hàng tư của những nước nghèo thiếu ngoại tệ

và chưa có tự do hối đoái muốn vay tiền quốc tế phải có sự bảo đảm của ngân hàng quốc gia hay của chính phủ. Tiêu chuẩn lúc đó không còn là khả năng tài chính của ngân hàng hay xí nghiệp đi vay mà là hiện trạng kinh tế của quốc gia, số ngoại tệ dự trữ, tổng số nợ quốc tế của quốc gia đó, dự phóng sự tiến triển của nền kinh tế vĩ mô trong tương lai gần và xa. Những năm gần đây các ngân hàng chủ nợ đã đặt những tiêu chuẩn gắt gao hơn và đòi hỏi lãi suất cao hơn vì kinh nghiệm vỡ nợ của một số nước Nam Mỹ và Đông Âu.

Con nợ phải trình bày chi tiết về dự án cần được tài trợ, về khả năng chuyên nghiệp của các hãng xưởng được ủy thác hoàn thành dự án đồng thời cung cấp bảng ước tính các khoản tài nguyên cần thiết để thực hiện cũng như các dữ kiện về tình trạng tài chính của mình và của cơ quan bảo đảm (ngân hàng quốc gia hay là chính phủ), về tình hình kinh tế quốc gia, về dự phóng tiến trình trả lãi trả vốn, v.v. Nghề ... vay cũng lắm công phu.

Các ngân hàng quốc tế trước khi cho ngân hàng hay hãng xưởng của một nước nào vay nợ thường thẩm định rất kỹ càng khả năng trả nợ của nước đó và ước lượng cái mà họ gọi là rủi ro quốc gia (country risk). Thường họ căn cứ vào kết quả thẩm định của văn phòng nghiên cứu kinh tế của họ nhưng cũng dựa vào bảng thẩm định của một số cơ quan chuyên về việc đánh giá khả năng trả nợ của các nước trên hoàn cầu. Bảng thẩm định này biểu hiện khá trung thực tình trạng của mỗi nước nhưng cũng có khi nhầm lẫn, nhất là khi gặp phải một nước nào như Việt Nam đang từ bực thang thấp nhất bỗng có một vài dấu hiệu tiến triển tạo nên sự lạc quan quá đáng. Mới cách đây vài năm bảng thẩm định này còn chưa biết đến Việt Nam. Thế mà hiện nay vì căn cứ vào những tin tức - mang nhiều tính chất tuyên truyền hơn là thực chất - về sự tiến triển khả quan tại Việt Nam (xuất cảng gạo!)

Việt Nam đã được đưa vào danh sách, lúc đầu còn được xếp hạng thấp nhất, nhưng cùng với sự nỗ lực đầu tư của quốc tế sau ngày Mỹ bãi bỏ cấm vận đã từ hàng 140 vọt lên hàng 85 vào tháng 3 năm 94 rồi lên hàng 76 vào tháng 9 năm 94, ngang hàng với Roumanie và trên cả những nước như Bulgarie và Algérie là những nước tuy đang gặp nhiều khó khăn kinh tế nhưng ai cũng phải công nhận rằng có nhiều tiềm năng hơn một nước lạc hậu chậm tiến như Việt Nam cộng sản. Đối với Việt Nam hiện nay giới tài chính quốc tế vẫn chưa học được bài học rút từ kinh nghiệm vỡ nợ của Nam Mỹ và Đông Âu.

Một nguồn vốn quốc tế dồi dào khác là Ngân Hàng Thế Giới hay Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế, Quỹ Phát Triển Á Châu, v.v. Vì các khoản cho vay này nhằm mục đích viện trợ hơn là tìm lợi nhuận nên có những điều kiện rất thuận lợi cho con nợ. Tuy nhiên các cơ quan quốc tế cũng đòi hỏi nước đi vay phải thỏa mãn một số điều kiện tối thiểu như giảm thiểu sự mất thăng bằng ngân sách, giảm thiểu mức độ lạm phát, và phải dùng tiền vay được cho những dự án phát triển thực sự chứ không phải để tài trợ những dự án phiêu lưu hay để tiêu xài xa xỉ.

Việc đệ trình dự án và thương thuyết vay tiền các cơ quan quốc tế là phận vụ của chính phủ và của ngân hàng quốc gia, nhưng các ngân hàng thương mại cũng có một vai trò quan trọng là được giao trọng trách làm thủ tục tín dụng phân phối các khoản tiền này đến các hãng xưởng, vì ngân hàng quốc gia không trực tiếp cung cấp tín dụng cho lãnh vực tu.

### Tín dụng

Huy động tiết kiệm và vay mượn nước ngoài để tạo ra vốn cần thiết cho kinh tế chỉ mới là một nửa công tác. Nửa còn lại còn quan trọng hơn là sử dụng các khoản tiền huy động hay vay mượn được để cung cấp cho giới kinh doanh hoặc giới tiêu thụ, và đây là lúc ngân hàng phải biết chọn mặt gửi vàng nghĩa là phải cho vay đúng chỗ. Nói chọn mặt gửi vàng tức là nói ngân hàng phải biết thẩm định khả năng tài chính, nhất là khả năng trả nợ của người vay và đặc biệt phải biết thẩm định kinh doanh, tức là đánh giá mức độ rủi ro và tiềm năng sinh lợi của dự án.

Ngân hàng là môi giới giữa người có tiền và người cần tiền. Danh từ môi giới thực ra không được chính xác vì ngân hàng không chỉ đóng vai trò trung gian, tạo cơ hội cho hai bên gặp gỡ rồi để hai đảng tự thương thuyết và ký kết với nhau. Mà chính ngân hàng đứng ra ký kết và chịu trách nhiệm với cả đôi bên. Trường hợp con nợ không trả được cho ngân hàng, ngân hàng vẫn phải trả lại tiền ký thác hay tiền vay mượn của khách hàng.

Trong hoạt động kinh tế nhà kinh doanh nào cũng cần vốn, cũng bắt buộc phải đi vay, kinh doanh càng lớn thì nợ càng nhiều, nhưng không phải ai cũng thành công và ai cũng có khả năng trả nợ, đó là một tình trạng đòi hỏi ngân hàng phải vừa can đảm vừa khôn khéo, áp dụng một chính sách tín dụng linh động mềm dẻo, quân bình giữa hai thái cực, không liều lĩnh thái quá cho vay bừa bãi mà cũng không cẩn thận thái quá cho vay hạn chế, kìm hãm kinh doanh.

Nhưng trong một nền kinh tế mới bắt đầu phát triển cần những bước nhảy vọt, ngân hàng phải sẵn sàng chấp nhận rủi ro hơn trong tình trạng bình thường, miễn là khi cung ứng cho con nợ những khoản tiền được gọi là vốn rủi ro (Risk Capital) để tài trợ kinh doanh ngân hàng phải :

- a) phân tán ra nhiều dự án khác nhau,
- b) tiền liệu đủ vốn dự trữ, để nếu gặp phải trường hợp rủi ro nhiều hơn may thì cũng chỉ trải vì trời vầy thôi chứ không đến nỗi phá sản.

Một đặc điểm của nền kinh tế thị trường trong hoàn cảnh bình thường là mỗi đơn vị kinh tế chỉ theo đuổi mục đích làm ra lợi nhuận tối đa cho đơn vị mình, nhưng việc thực hiện dự tính ích kỷ này tự nó cũng đã mang tính chất xã hội. Vì chính việc đó làm tăng trưởng nền kinh tế và sự phồn thịnh của nền kinh tế sẽ tạo ra phúc lợi chung và tiền thuế chính phủ thâu vào đời dào sẽ cung cấp tài nguyên để thực hiện các chương trình xã hội.

Đối với một nền kinh tế mới bắt đầu phát triển sau một thời gian dài kiệt quệ thì bên cạnh vai trò thị trường thông thường các ngân hàng còn có nghĩa vụ liên đới, nghĩa là phải góp phần vào những chương trình tín dụng với mục đích chính không phải là thâu về lợi nhuận trước mắt cho mình mà là trực tiếp giúp cho việc phát triển. Lắm khi ngân hàng còn phải tài trợ cả những dự án mà kết quả dự phóng trong tương lai nằm giữa ranh giới của thành công và thất bại ...

Trong chương trình tái thiết Đông Đức chẳng hạn, các ngân hàng Tây Đức đã hưởng ứng lời kêu gọi của chính quyền đóng góp hàng tỉ Đức Mã vào quỹ "vốn rủi ro". Chính quyền, ban lãnh đạo hiệp hội các ngân hàng và các nghiệp đoàn cũng như các đoàn thể xã hội đã kêu gọi và làm áp lực để các ngân hàng tạm thời quên đi phần nào chủ trương tìm lợi nhuận tối đa mà sẵn sàng đóng góp vào chương trình phát triển, ví dụ bằng cách sung một số tiền vào quỹ phát triển, hoặc trực tiếp đầu tư vào những xí nghiệp yếu kém.

Việc phát triển kinh tế tại Việt Nam đòi hỏi các ngân hàng phải đóng góp nhiều vào các tài trợ "rủi ro", nhất là trong chương trình giải tư toàn bộ xí nghiệp quốc doanh, một chương trình chẳng chóng thì chầy cũng phải thực hiện. Sẽ có nhiều xí nghiệp chẳng doanh nhân nào muốn mua nhưng cũng không tồi tệ đến nỗi phải giải thể. Trong nghĩa vụ liên đới các ngân hàng sẽ được kêu gọi đầu tư vào các xí nghiệp này và đôi khi phải cử người quản lý trực tiếp trong một thời gian.

Để các ngân hàng sẵn sàng cung cấp tín dụng cho cả những dự án có thể rủi ro nhiều hơn may, cần phải lập cơ chế bảo hiểm tín dụng, để ngân hàng được bồi thường thiệt hại trong trường hợp dự án thất bại hay con nợ phá sản. Nhờ vào cơ chế bảo hiểm tín dụng, các xí nghiệp hoạt động trong những ngành có nhiều triển vọng nhưng lại không đủ khả năng tài chính vẫn có thể vay được vốn để hoạt động. Vì các hãng này cần vốn nhưng lại không có khả năng vay theo những tiêu chuẩn thông thường, và như thế cứ mãi bế tắc trong vòng lẩn quẩn: vì yếu kém nên cần nhiều vốn để hoạt động nhưng cũng chính vì yếu kém mà chẳng ngân hàng nào muốn cho vay. Bế tắc này chỉ có thể giải quyết bằng cơ chế bảo hiểm tín dụng, nhằm bảo đảm các khoản nợ của doanh nghiệp đối với ngân hàng. Cơ quan này thường do chính phủ hoặc các cơ quan công quyền lập ra, có thể có sự hùn vốn của lãnh vực tư như hiệp hội

chủ nhân, hiệp hội nghề nghiệp và nghiệp đoàn. Nên có phần hùn của chính những hãng được vay, vì sự dự phần vào lời lỗ của cơ quan bảo hiểm sẽ khích lệ con nợ cẩn trọng trong việc quản lý xí nghiệp cũng như trong cách sử dụng tài nguyên vay được của ngân hàng.

Đông Đức đã rút được kinh nghiệm rất tốt đẹp trong việc bảo hiểm tín dụng. Sau ngày thống nhất, một số ngân hàng chuyên về bảo hiểm tín dụng đã được cấp tốc thành lập, nhờ đó các xí nghiệp vừa được tư hữu hóa tuy còn yếu kém vì phải mang sản nghiệp của mấy mươi năm cộng sản, vẫn vay được vốn và đã phát triển nhanh chóng.

### *Tín dụng tài trợ xuất cảng*

Khi nền kỹ nghệ đã tiến tới mức độ có thể và cần phải xuất cảng máy móc thiết bị đắt tiền, ngân hàng phải cung cấp tín dụng dài hạn nhằm tài trợ các nghiệp vụ xuất cảng này. Khi có thể xuất cảng đến các nước giàu có với nền kỹ nghệ tối tân vì thị trường tại đó đã quá sung mãn nên chỉ có thể xuất cảng đi các nước nghèo hơn, mà nghèo thì khả năng mua cũng hạn chế. Doanh nhân của những nước nghèo thường chỉ bằng lòng mua khi nhà xuất cảng bán chịu, nhưng điều này bất lợi cho nhà xuất cảng về hai phương diện: một là rủi ro vì thời hạn cho chịu thường dài trên năm hoặc mười năm và hai là trong thời gian này nhà xuất cảng thiếu vốn để hoạt động. Và lại việc cho vay dài hạn là sở trường của ngân hàng không phải của nhà sản xuất. Do đó các nhà xuất cảng thường yêu cầu ngân hàng đứng ra cho các hãng nhập cảng ngoại quốc vay và vì khả năng trả nợ của các hãng này rất thấp nên các ngân hàng cho vay đòi hỏi chính quyền của nước nhập cảng phải bảo đảm cho nợ ấy. Quyết định cho vay đòi hỏi nhiều tính toán khó khăn: phải đánh giá một cách chính xác khả năng trả nợ của nước đó, và như trên đã nói khả năng này tùy thuộc tiềm năng kinh tế, tổng số nợ nước này vay của ngoại quốc và số ngoại tệ dự trữ.

Việc bán chịu hàng hóa với thời hạn lâu dài cho nhà nhập cảng ngoại quốc, ngoài rủi ro thuần túy kinh tế về khả năng trả nợ của con nợ còn có rủi ro về chính trị: sau một cuộc cách mạng chẳng hạn tân chính phủ có thể không thừa nhận các khoản nợ chính quyền cũ đã bảo đảm. Trường hợp tài trợ khác là tình trạng kinh tế của nước mắc nợ suy sụp đến nỗi cả chính quyền cũng không còn ngoại tệ để trả nợ của mình chứ đừng nói đến việc thanh toán dùm các khoản nợ của các hãng xuất. Chính quyền nước vay nợ có thể đột ngột ra lệnh kiểm soát hối đoái và cấm chuyển ngoại tệ ra nước ngoài; cũng có thể có những bất trắc xảy ra vì chiến tranh hoặc thiên tai. Đó là những rủi ro ngoài phạm vi ngân hàng, có thể khiến ngân hàng không còn muốn tài trợ xuất cảng trừ khi có một cơ chế đứng ra hứng lấy các rủi ro này. Đó là những cơ quan bảo hiểm xuất cảng như HERMES tại Đức, COFACE tại Pháp, FCIA hay EXIMBANK tại Mỹ, ECGD tại Anh và SACE tại Ý. Hầu hết các cơ quan này là của chính phủ chỉ riêng FCIA của Mỹ là do một hiệp hội của khoảng 60 công ty bảo hiểm hùn vốn lập ra.

### *Ngoại thương*

Trong nền kinh tế quốc gia, ngoại thương chiếm một tỉ số ngày càng quan trọng. Đó là một định luật đã được minh chứng qua mấy chục năm gần đây. Với đà phát triển ngoại thương trên thế giới các ngân hàng đã đa dạng hóa các hình thức tài trợ xuất nhập cảng đồng thời sáng tạo thêm nhiều dụng cụ mới để yểm trợ và tài trợ ngoại thương như Factoring, Forfaiting v.v.

Những hình thức cổ điển của các dịch vụ ngoại thương như ủy thu, tín dụng thư càng ngày càng ít thông dụng trong các vụ xuất nhập cảng giữa các nước Âu châu và Bắc Mỹ nhưng vẫn còn rất thịnh hành trong việc thanh toán ngoại thương giữa các nước Nam Mỹ, Phi Châu hoặc Á Châu, vì bảo đảm cho nhà xuất cảng hơn là cách thức gửi hàng trước rồi nhà nhập cảng sẽ thanh toán bằng cách trả tiền sau khi nhận được hàng và hóa đơn.

## IV NGÂN HÀNG CHUYÊN MÔN

Các ngân hàng chuyên môn như ngân hàng nông tín, ngân hàng tái thiết, ngân hàng đầu tư kỹ nghệ, ngân hàng địa ốc và quỹ xây cất... là những đơn vị tài chánh rất cần thiết cho phát triển.

Đặc tính của các ngân hàng này - ít ra trong giai đoạn đầu - là không theo đuổi mục đích lợi nhuận tối đa mà chỉ có nhiệm vụ trực tiếp yểm trợ phát triển bằng cách cung cấp tín dụng với những điều kiện ưu đãi như cho vay dài hạn, không đòi hỏi phải có bảo đảm, lãi suất thấp và cố định trong một thời gian dài, không bắt con nợ phải trả vốn trong những năm đầu... Ngân hàng nông tín quan trọng vào bậc nhất vì trong một nước với 80 phần trăm dân số là nông dân thì việc phát triển nông nghiệp phải là ưu tiên hàng đầu nếu chúng ta muốn kinh tế được phát triển đồng đều và toàn diện mang phúc lợi cho toàn dân.

Vì các ngân hàng chuyên môn này cần có đủ ngân khoản để bao cấp và yểm trợ phát triển, nên phải do chính phủ thành lập và quản trị, nếu là ngân hàng tư thì cũng phải có sự hỗ trợ đặc biệt của quỹ phát triển do chính phủ quản lý. Dần dần khi việc tái thiết đã tiến triển khá quan, hạ tầng cơ sở đã được cải thiện và các ngành nông nghiệp và xây cất đã vững mạnh không còn cần sự yểm trợ đặc biệt, các ngân hàng chuyên môn sẽ được giải tư để hoạt động theo phương thức phù hợp với kinh tế thị trường.

## V NGÂN HÀNG NGOẠI QUỐC

Hiện nay đã có nhiều ngân hàng ngoại quốc mở phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam. Nhưng đối với đa số các ngân hàng này thì sự hiện diện đang ở giai đoạn... đến để giữ chỗ... nhiều hơn là để hoạt động thực sự, vì họ còn dè dặt chưa mấy tin tưởng vào sự thi hành luật pháp nghiêm chỉnh và vì tham nhũng thối nát từ trên xuống dưới tạo ra nhiều cửa ải khó vượt qua. Nhưng trong tương lai, khi hai trở ngại này giảm bớt, và với sự có mặt ngày càng nhiều của doanh nhân ngoại quốc, số ngân hàng ngoại quốc cũng sẽ tăng lên và sẽ hoạt động mạnh hơn.

Mục đích chính của họ là thấp tầng, cố vấn, yểm trợ và tài trợ các doanh nhân nước họ mà doanh nhân ngoại quốc hiện nay đang xem Việt Nam như một thị trường đầy triển vọng.

Sự hiện diện đông đảo của các ngân hàng ngoại quốc có những lợi điểm sau đây cho phát triển kinh tế:

### *Đầu tư vốn từ ngoại quốc Nhập cảng kỹ thuật*

Gia tăng cạnh tranh, do đó thúc đẩy các ngân hàng quốc nội cải tiến yểm trợ đặc lực cho doanh nhân ngoại quốc đầu tư làm trung gian hữu hiệu trong việc vay vốn trên các thị trường tài chánh quốc tế.

Nhưng sự có mặt của các ngân hàng ngoại quốc cũng có thể là điều bất lợi nếu họ được biệt đãi vì cho chính quyền ăn hối lộ hay, như tại Mỹ, vì luật pháp cho ngân hàng ngoại quốc được hưởng một qui chế đặc biệt. (Khác với các ngân hàng quốc nội, ngân hàng ngoại quốc tại Mỹ không bị hạn chế tầm hoạt động vào một tiểu bang nhất định, không buộc phải gia nhập hệ thống dự trữ bắt buộc do đó có thể cho vay với lãi suất thấp hơn, được quyền làm những nghiệp vụ về chứng khoán hay về bảo hiểm, nói chung có nhiều đặc quyền so với ngân hàng trong nước. Tình trạng này đã dần dà được cải tiến nhưng vẫn chưa hoàn hảo).

Còn tại những nước bắt đầu phát triển như chúng ta, cho đâu luật pháp không biệt đãi ngân hàng ngoại quốc, những ngân hàng này vẫn có thể chiếm được nhiều ưu thế, vì sẽ không gặp cạnh tranh nào đáng kể của ngân hàng địa phương, vì có nguồn vốn và thế lực của ngân hàng mẹ hỗ trợ, vì trang bị kỹ thuật tối tân hơn, có khả năng trả lương cao hơn nhờ vào hối xuất thuận lợi, nên dễ thu hút được nhân viên lành nghề, nhiều kinh nghiệm và giỏi ngoại ngữ v.v. và do đó gây được sự tin tưởng của khách hàng và chiếm được nhiều khách hàng quan trọng. Thêm vào đó ngân hàng ngoại quốc

có uy tín quốc tế, nên có nhiều lợi điểm trong các dịch vụ giao thương quốc tế và sẽ thu hút được nhiều dịch vụ béo bở của các hãng lớn có tầm vóc quốc tế.

Ngân hàng ngoại quốc sẽ không cạnh tranh với ngân hàng địa phương trong việc cung cấp tín dụng cho các hãng cỡ nhỏ hoặc trung tại quốc nội, họ cũng không làm những nghiệp vụ ngân hàng cho đại chúng mà sẽ tập trung vào một số dịch vụ cần ít nhân viên mà thu nhiều lợi nhuận, như tài trợ những vụ xuất nhập cảng lớn hoặc mua bán ngoại tệ và nhất là tổ chức những vụ vay tiền quốc tế. Nếu các ngân hàng Việt Nam không kịp thời cải tiến và nâng cao trình độ kỹ thuật và kiến thức nhân viên thì ngoại quốc sẽ lợi dụng tình trạng này để nắm một số độc quyền và kết hợp cùng nhau để thao túng thị trường.

Nhà cầm quyền phải ngăn chặn nguy cơ này, không phải bằng biện pháp kỹ thuật các ngân hàng ngoại quốc mà là hạn chế một số nghiệp vụ đối với các ngân hàng này, đồng thời bảo vệ và nâng đỡ các ngân hàng quốc nội.

## VI GIÁM SÁT

Nếu việc kiểm tra và giám sát cần thiết cho xí nghiệp trong tất cả mọi ngành, thì ngành ngân hàng phải được thường xuyên kiểm tra và giám sát chặt chẽ, để đảm bảo cho đường lối điều hành và hoạt động của ngân hàng phù hợp với luật pháp và các qui định hành chính (ngoài việc kiểm tra nội bộ để chặn đứng gian trá và rui ro).

Sự giám sát này cần thiết vì ngân hàng giữ tiền ký thác của hàng triệu khách hàng mà sự an toàn của các khoản tiền ký thác bao giờ cũng phải là ưu tư số một của nhà chức trách. Có thể việc huy động tiết kiệm mới thu được kết quả mong muốn. Mặt khác hoạt động ngân hàng ảnh hưởng trực tiếp đến việc bành trướng tín dụng và hệ thống tiền tệ của quốc gia cũng như đến toàn bộ nền kinh tế. Việc giám sát các ngân hàng theo những tiêu chuẩn sát sao cần được áp dụng tại Việt Nam hơn tất cả những nơi nào khác vì những lý do mà mọi người đều biết. Trọng tâm của việc giám sát là số lượng dự trữ bắt buộc và tỉ lệ giữa số vốn và số tiền cho vay cũng như cơ cấu của tích sản và tiêu sản. Riêng tại Việt Nam còn phải kiểm soát khả năng quản trị của ban lãnh đạo các cấp cũng như khả năng chuyên nghiệp của các nhân viên thừa hành.

Tại một nước đang gồng mình chuyển từ kinh tế chỉ huy sang kinh tế thị trường thường xảy ra hiện tượng doanh nhân đua nhau thành lập quá nhiều ngân hàng. Như tại Nga và một số nước Đông Âu khi mới bắt đầu chuyển hướng kinh tế, ngân hàng tư mọc lên như nấm, và đa số các ngân hàng này đều có khuyết tật là vốn ít mà cho vay nhiều và, với mục đích làm giàu nhanh chóng, tài trợ cả những xí nghiệp yếu kém về tài chính và những dự án dây rui ro. Thêm vào đó trình độ và tinh thần làm việc của nhân viên thấp kém, thành phần quản lý thiếu kinh nghiệm, chỉ muốn làm giàu nhanh chóng trong lúc giao thời. Những ngân hàng loại này đã trở thành những cuộc phiêu lưu nguy hiểm cho chính họ và cho khách hàng cũng như cho hệ thống ngân hàng và cho cả nền kinh tế. Vì như trên đã nói một ngân hàng phá sản thường gây hậu quả giầy chuyền và có thể kéo theo sự phá sản của một số ngân hàng khác vì sự tín nhiệm của khách hàng nhất là của những người có tiền gửi ngân hàng bị lung lay trầm trọng. Do đó nhà lập pháp và hành pháp tại các nước kể trên đã phải kịp thời hạn chế việc mở ngân hàng tư và qui định những điều kiện gắt gao và kiểm soát chặt chẽ về số vốn tối thiểu cũng như về tỉ lệ giữa số vốn và số lượng cho vay. Riêng nước Nga đang nhờ sự trợ giúp của Ngân Hàng Thế Giới để cải tổ thể thức kiểm toán ngân hàng và soạn thảo luật lệ về các biện pháp để phòng rui ro.

Căn cứ vào những kinh nghiệm trên Việt Nam cũng cần có một chính sách nhất nhiệm trong việc cấp giấy phép mở ngân hàng cũng như trong hệ thống kiểm soát hoạt động của các ngân hàng ngoài việc kiểm toán thông thường của tất cả mọi thành phần hoạt động kinh tế. Đó là một nhiệm vụ rất quan trọng của ngân hàng quốc gia và các cơ quan giám sát khác. Điều khó khăn là tìm được một phương thức giám sát trung dung, không quá chặt chẽ - vì sẽ làm hoạt động ngân hàng tác nghiệp - mà cũng không quá dễ dãi - vì sẽ làm nguy hại cho cả nền kinh tế.

## KẾT LUẬN

Ngân hàng giữ một vai trò then chốt trong việc phát triển kinh tế và ngược lại kinh tế càng phát triển càng đòi hỏi ngân hàng tiến đến những nghiệp vụ phức tạp và những kỹ thuật ngày càng tinh vi.

Mặc dầu trong thể chế và chính sách hiện tại và với trình độ kỹ thuật cũng như trình độ nhân viên hiện nay Việt Nam chưa thể có một hệ thống ngân hàng xứng đáng với tên gọi của nó vì chưa đạt được những tiêu chuẩn tối thiểu so với quốc tế. Nhưng trong tương lai, hy vọng là không xa lắm, khi các điều kiện về chính trị và bối cảnh kinh tế đã thay đổi, nghĩa là có tự do chính trị và kinh tế thị trường đích thực, với một chính sách cải tổ hợp lý đi sát nhu cầu từng giai đoạn để tuân tự thực hiện những cải thiện cần thiết cũng như một chương trình cấp tốc đào tạo nhân viên, chúng ta cũng sẽ nhanh chóng hoàn thành một hệ thống ngân hàng hữu hiệu để đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế với những bước nhảy vọt như các láng giềng Á Châu đồng thời cũng tạo cơ hội cho Sài Gòn sớm trở thành một trung tâm tài chính có tầm vóc quốc tế.

Paris 23 tháng 10, 1994



**THO**

• Hoài Việt

*Thi Hứng Muôn Màu*

*Tôi làm thơ khi nhìn em yên ngủ  
Để nhẹ nhàng lên má nụ hôn yêu.  
Tôi làm thơ khi nhìn đám mây chiều  
Lòng tôi tái nhớ thương miền quê Mẹ.  
Tôi làm thơ khi đón con vui về  
Đi học về khoe đã được thầy khen  
Tôi làm thơ khi tối dưới ánh đèn  
Con cháu đùa vui, tiếng cười rộn rã.  
Tôi làm thơ khi phương trời xa lạ  
Bom đạn giết người, hồn oán lên cao.  
Tôi làm thơ khi tiếng Mẹ ngọt ngào  
Ru con ngủ nhẹ nhàng vang theo gió.  
Tôi làm thơ, một mình nơi quán trọ  
Giữa chợ trời bèn đồng suối nên thơ.  
Thơ đến tự nhiên thơ đến bất ngờ  
Nguồn rung cảm biến thành văn thành điệu.  
Thơ tôi dịu dàng như hàng dương liễu  
Khẽ uốn mình khi gió nhẹ bay qua.  
Thơ tôi buồn, như hạt nước mưa sa  
Thơ nhẩy múa, khi tinh thần bất khuất  
Khi cảm hứng, làm sôi máu trong tim.  
Đời thật đắng cay, đời cũng dịu hiền  
Nên thi hứng cũng muôn màu muôn sắc.*

# BÊN LỀ

## cuộc biểu tình tẩy chay

### "ĐẠI NHẠC HỘI VIỆT CỘNG"

#### tại Bruxelles

• *Phuong Hà và Long Thanh ghi và luận*



Mùa thu năm nay Việt cộng Hà Nội gửi đoàn văn công qua Âu Châu lưu diễn đại nhạc hội, như là gởi một đơn vị tiên thám qua thăm dò ước lượng sức đề kháng của cộng đồng người Việt đối lập ở đây. Đoàn văn công đã thực hiện một buổi trình diễn ở Berlin trong tuần lễ trước, và lần này - 15.10.1995 - tại Bruxelles. Cả hai lần đều thất bại hoàn toàn.

Trước hết, Việt cộng Hà Nội đã mất tự tin, không còn nhâng nhàng tự đắc như trước. Hẳn chúng đã biết thân phận sau khi toàn bộ đầu não để quốc đồ sộ sụm bà chè, và bọn chúng đang mắc bện vợ vớ chuyển tàu chót để chờ tháo chạy, cho nên lần này chúng giao cho trạm kinh tài Thaso ở Berlin và hội Người Việt (gian) ở Bruxelles đứng ra tổ chức các "đại nhạc hội" nói trên. Đây là công tác chính trị, dĩ nhiên mọi sở phí đã có Hà Nội đài thọ, bọn này được sai làm thì cứ làm, không cần biết lời lẽ. Gần như hầu hết vé in ra không bán được.

Căn cứ thói quen đối gian khoác lác của người cộng sản, ta thần nhiên gạch bỏ bớt chữ đầu và chữ đuôi của cụm từ "đại nhạc hội", để lại mỗi chữ "nhạc" là vừa. Chương trình diễn xuất gồm có năm ba bài ca tiền chiến, nhạc vàng, vài bản vọng cổ và đôi trích đoạn cải lương hài kịch bình dân, hẳn nhiên không phải hướng vào khán giả người Tây.

Thành phần đoàn văn công gồm có: Ngọc Giàu, Phi Hoàn, Kim Ngọc... là những nghệ sĩ có tiếng tăm ở miền Nam hồi 20 năm về trước, và sáu người còn lại bên này không mấy ai nghe tiếng. Ban tổ chức cũng lơ là quên giới thiệu ban nhạc, người dờn... Do đó, quý vị nào hệt coi không cần phải tiếc. Đã vậy giá vé 700 FB cho một chỗ ngồi quả là lãng phí.

Về địa điểm lưu diễn, hẳn Hà Nội đã phải nát óc để lựa chọn được hai thí điểm hàng đầu: Berlin và Bruxelles. Berlin, nơi để đảng hội tụ số người nào đó trong 40 ngàn lao công XHCN đang bị chính phủ Đức từ chối không cho tỵ nạn, sắp phải hồi hương. Việt cộng hy vọng họ đến xem, giữ lại cuống vé và tờ chương trình làm bùa hộ mệnh, để một khi phải về, thì trình cho địa phương bằng chứng "quan hệ tốt" bên này. Bruxelles, vì nơi đây đặt trụ sở Hành chánh của Liên Hiệp Âu Châu, mà số người Việt Nam tỵ nạn cộng sản không đông đảo so với các đô thị lớn khác, nếu bị chống đối, hình thức thấy được sẽ nhẹ hơn. Trường hợp sự chống đối tẩy chay ở đây yếu ớt, chúng sẽ có được cơ hội để huênh hoang khuếch đại thành tích dân vận thành công của chúng ngay "trong lòng" Liên Hiệp Âu Châu.

Thế nhưng, trước sự chống đối quyết liệt và trường kỳ đối với tập đoàn công sản phá Nước hại dân, của người Việt, Việt cộng và tay sai ở ngoại quốc lần này lại vẫn hoàn toàn thảm bại ở cả hai nơi.

Tình hình cụ thể là như thế. Nhưng bên lề cuộc biểu tình tẩy chay có những tình tiết thấm thía xảy ra tưởng cũng nên tường thuật để bạn đọc suy nghĩ, am tường. Sau đây là những hoạt cảnh và đối thoại ghi được bên lề:

Tới giờ khán giả đến, vài người của ban tổ chức nhạc hội Việt cộng lần này trước cửa. Chị N-Đức-H... tiến tới hỏi mua vé vào xem. Một người nói:

- nhưng chị phải gỡ lá cờ quốc gia gắn trên ngực chị cái đã...
- Ủa, tại sao lại phải gỡ xuống? Đây là biểu tượng của một Việt Nam thật sự độc lập, dân chủ, tự do, tự túc tự cường, không ăn bả ngoại lai, không cúi đầu ôm chân ngoại quốc... người Việt Nam nào lại không hãnh diện mang nó trên người? Mà này, xin cho hỏi lại: nguy chủ nghĩa bại liệt cộng sản đã tiêu ma từ lâu, tại sao các anh và đồng bọn vẫn khư khư ôm đội trên đầu, không liệng nó dùm đi cho khuất mắt?
- À... à... có đấy chứ chị, đang và sẽ còn thay đổi...
- Hừ!... thay đổi bằng mồm, và thay đổi giữa đồng bọn ác ôn với nhau để chia tay nhau tiền của đánh cướp của dân, bán tháo tài sản quốc gia... ầy à!

Một thanh niên Việt lạ mặt, sáng sủa, tuổi chừng 25, chăm chăm từ góc đường tiến thẳng đến đám biểu tình đang biểu dương đề kháng. Anh ta nói:

- Thưa quý Bác các anh, cháu xin nói nhanh, là ai có máy chụp hình làm ơn bấm đùm cho cháu một pô trong lúc cháu đứng chung trong đám biểu tình...
- Để làm gì mới được chứ?
- Dạ để cháu nộp bổ tức hồ sơ xin tỵ nạn cộng sản...
- Nhưng chú có chống cộng không, mà đòi ly khai, tỵ nạn?
- Dạ có chứ... Bác nghĩ coi, cảm thú còn biết phân biệt thơm thúi nữa là...
- Được rồi... chú em mang tấm hình giáo sư Đoàn Viết Hoạt này vào trước ngực... thử coi!

Một vụ cãi vã gần xô xát bộc phát trên lề đường, gần cửa rạp. Một bà lớn tuổi điệu bộ hung hăng, sau lưng lộ nhô vài người trẻ trẻ, đang khoa chân múa tay gào thét:

- Tui từ Hòa Lan qua đây coi cái lương, mác mớ gì mấy người ngăn cản?
- Nhưng đây là buổi hát tuyên truyền, dân vận của Việt cộng, thưa bà. Bà có phải là người Việt Nam tỵ nạn cộng sản đang được Hòa Lan cấp dưỡng tuổi già?
- Ủa, vậy đó. Đây là xứ Tự do...
- Dạ, đúng. Nhưng đây cũng là buổi hát Việt cộng gây quỹ để chúng có thêm phương tiện tước đoạt tự do của hơn 70 triệu đồng bào trong nước, Bà có biết chăng?
- Thấy kệ... ối, tui gần xuống lỗ rồi... không biết!
- Trong khi nhân viên cảnh sát ào tới, mấy người trẻ sau lưng bà can thiệp:
- Thôi mà, má! Họ nói phải, mình đi chỗ khác đi...
- Mày nói cái gì? Tui nó mời mình mua vé trước lỗ rồi, đâu có trả tiền lại cho mình? Tao đâu có ham hố thứ mác dịch này, chẳng qua là "mua đường vắng" để suông sẽ về Sài Gòn ăn Tết tới đây đó chớ, tui bây biết rồi mờ...
- Thế theo ý bà, Cảnh sát bao vây điu bà và mấy con cháu bà hướng vào cửa rạp.

Bên trong rạp, giờ mở màn khai diễn.

- Úa, lạ chưa cả? bọn mình có mặt tại đây trước những hai tiếng đồng hồ, cả ba con đường chính đưa vào rạp đều có "chốt" vậy mà đám văn công vào rạp bằng lối nào không một ai hay biết?

- Thì còn của nào nữa? Bọn Việt cộng công du bao giờ mà khỏi chui cửa hậu. Tổng bí thư Đỗ Mười kia còn phải tháo lui bằng cửa sau trong chuyến công du ở Úc vừa rồi. Mà này, đừng có phiên dịch chữ cửa sau ra bằng chữ Hán à nha! đơ đậy lắm...

- Ủnh! Làm sao tụi nó chịu nổi được hả! Này cái nhà ông ngoáy bút! Tại sao ông không viết ra cho bên nhà người ta biết, là mỗi khi Việt cộng công du, công tác nước ngoài mà chạm trán với những "khúc ruột ngàn dặm", hầu hết bọn chúng đều phải chui nhủi của sau... bất kể vệ sinh, thể diện?...

- Ô hay! Điều gì nhục ấy mọi người cầm bút đều đã viết, viết từ lâu rồi đó chứ. Nhưng Việt cộng chớp bu và thủ hạ cứ giả điếc giả dui, chịu đấm ăn xôi ngậm miệng ăn tiền, còn trong nước thì không có tự do báo chí, đồng bào làm sao biết được. Người ngoại quốc nào giờ đây lại không biết đến sự lật lọng trá trở của người cộng sản, tệ hại nhất là cộng sản Việt Nam. Kho tài liệu mật khổng lồ của KGB đang đem bán solde tại Moscou, chỉ những người không biết đọc chữ - kể cả Việt ngữ - mới không biết đến sự thật của cộng sản và con người cộng sản đã bị bung bít hơn nửa thế kỷ vừa qua.

Nơi nào ngày nay còn trống kèn đón tiếp chúng ở cửa trước (nhưng lúc ra về trăm lần như một vẫn cứ của sau) đích thị là để giáng thêm lên lưng dân tộc mình những điều bất hạnh. Nào là phải bán chác bớt đất đai của tổ quốc đi sản của tiền nhân, nào là cho vay mượn tiền để vào túi Việt cộng và rồi con cháu lương dân sẽ phải công lưng trả nợ mãi kiếp mãi đời. Nào là mở Sex-Tour tạo môi trường cho con nít bán trình, phụ nữ bán tròn nuôi miệng... Những tác hại ô nhục thảm thương như thế, ngày trước gần như không hề có dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa ở miền Nam trước 75. Những kẻ gây ra thảm trạng như thế ai mà cho đi ngõ trước. Đi của sau là phải. Tránh né đồng bào là cái chác...

Công cuộc biểu tình tẩy chay đang diễn tiến, bỗng anh NG. KH. L., Trần C. T., Chị BS Q., anh Đào H. T. từ cửa rạp kéo nhau đi chuyển qua lễ đường đối diện.

- Úa, bộ không còn khán giả đến nữa hay sao mà rời bỏ nút chốt sau cùng?

- Đâu phải. Bọn nó mượn người ngoại quốc cùng với tụi nó trốn ra khỏi cửa nham nhờ nói cười đón... khách, lại dùng mỹ nhân kế đưa luôn con gái ruột ra làm môi, buộc bọn mình phải đòi co giải thích, thế tất phải òn ào bất lợi. Do đó bọn mình đề nghị với Cảnh sát "phi vận động" hóa vùng này. Nếu bọn nó biến đi hết, bọn mình cũng sẽ đi qua lễ đường trước mặt...

Từ sau đó cho đến văn hát, cửa rạp vắng tanh, ròn rợn, chỉ thấy toàn nhân viên cảnh sát tập nập, người nào muốn bình an vô sự đâu có dấy đưa vào đó làm gì.

Chiến tuyến trở về yên tĩnh. Xa xa một nhóm người đang gay gắt tranh luận giữa hai lập trường: tại sao xem, tại sao không xem buổi nhạc. Một bên, vài người trong cuộc biểu tình. Một bên, những nhân vật trí thức người Việt, từ miền Nam du học ngày xưa, hiện đang đảm nhận trọng trách trong xã hội người Bỉ hiện thời.

- Anh nghĩ coi, sẵn ngày nghỉ, bọn tôi nhân tận loanh quanh, định ghé vào xem văn nghệ, nghe thủ Việt Nam giờ còn đối mới nữa không, đến đâu rồi, và để biết chúng đóc láo ra sao...

- Nhưng mà khi các anh chị vừa đặt chân vào khỏi của rạp, bọn chúng sẽ kháo ầm lên là buổi đại nhạc hội của chúng đã thu hút đến cả thành phần trí thức Việt kiều, có thể chúng sẽ hài danh tánh quý anh chị trên báo chí để chứng thật, để khoe khoang... Trong khi đó anh chị đâu có du thì giờ để mà vạch trần chỉ tên bọn chúng?

Bên Tây Âu này, người Việt Nam mấy ai không còn nhớ trường hợp của Bác sĩ Nguyễn Trọng Nhân, nổi tiếng bên nhà về khoa mổ

mắt. Việt cộng đưa ông qua tham dự một hội nghị về y tế tại Hòa Lan. Chẳng biết ông bị cộng sản nhồi sọ, hoặc thực lực của chính ông không là trí thức, đã hần học lên tiếng với người Việt Nam tỵ nạn cộng sản, ngay tại diễn đàn Hội Nghị này, rằng thì là: "Các anh là những người có nợ máu với nhân dân, đảng (cộng sản Việt Nam) đã không siết họng treo cổ các anh là may, lại cứ còn phản động..." Câu ấy từ cửa miệng một người có thể kể vào hàng trí thức, kiêm Bộ trưởng Y Tế đương thời - trước ngưỡng mực quan chiêm - là cái tát nẩy lửa vào bộ phận tuyên truyền của đảng chúng, trong khi bộ này ồm ồm mời gọi "khúc ruột ngàn dặm" hãy mau về tiếp tay với chúng (trong việc phá Nước hại dân). Trước đó những khúc ruột này bị đảng và giường mấy bạo quyền Hà Nội xỉ vả là du côn, là đi điem.

Ấy, tư cách họ là như thế đó, các anh chị dây dưa vào đấy làm gì...

- Dạ phải, cũng do đó mà bọn tôi còn đứng nói chuyện ở đây... Nhưng, vấn đề chính là các anh thua trận 75, đâm đầu bỏ chạy, giờ nói ai nghe?

- Dạ thưa đúng. Trước vũ lực hùng hậu áp đảo từ cả một khối cộng sản quốc tế khổng lồ, và đồng minh cả Âu lẫn Mỹ đều trở mặt, chúng tôi làm sao không thua. Những người tiết tháo trong đám chúng tôi đã anh hùng tuấn kiệt. Một số khác tin cộng sản còn chút lương tâm con người, đã nghe lời phỉnh gạt mang khăn gói vô tù để đến bị xé da rửa óc, kẻ chết người còn. Còn bọn chúng tôi đa số thất phu, không còn lựa chọn nào khác hơn "đi đào vi thượng"... Ngày xưa Việt vương Câu Tiễn còn chịu nếm phân để mưu khôi phục cơ đồ...

- Nhưng các anh nào đã làm được cái gì đâu?

- Có đấy, chứ chị. Đám đồng nam phụ lão ấu đang biểu dương ý chí ngay ở trước mắt chúng ta. Cả một khối đại dân tộc bên nhà đang chờ đến ngày khai hoa nở nhụy, hai mươi năm nay tuy có khó khăn đi đứng, nhưng theo định luật tạo hóa trước sau rồi cũng sẽ mẹ tròn con vuông. Hai mươi năm đã quá dài, và biển cố trong nhân loại đã quá đủ, nhưng Việt cộng bất lực lỗi thời vẫn cứ khư khư bám chặt lợi, quyền, không kể gì đến đồng bào Đất Nước. Nguyễn vọng của chúng tôi đơn giản: Việt cộng phải trả Tự Do Dân Chủ lại cho đồng bào, để có cơ hội xây dựng một không khí chính trị, một bối cảnh xã hội như là tại đây hiện giờ quý anh chị, chúng tôi, và con cái chúng ta đang hít thở, tung tăng.

- À... à...

- Cho xin thua nốt. Trong giai đoạn quốc phá gia vong, mỗi người chúng ta đều có riêng hoàn cảnh, có riêng kinh nghiệm, suy tư, để dẫn thân hành động, miễn sao không trái với nguyên tắc Dân Chủ Tự Do. Riêng chúng tôi đã bị Việt cộng trấn áp, cướp đoạt tài sản, đồn tặn chân tường, hướng phải đi là đảng trước, không còn lựa chọn. Chúng tôi không quen tráo trở, luồn cúi, bất lương, đành phải chậm bước, nhưng vẫn đi thẳng không ngừng, kỳ đến bao giờ độc tài hung ác, bất lương không còn chỗ đứng.

Chúng tôi không dám làm cái việc thừa thãi là thuyết phục người trí thức. Chỉ có những người thật sự trí thức mới chịu suy nghĩ, mới dám thẳng thắn công nhận phải, quấy, đúng, sai. Trí thức là niềm xác tín của lương tâm nhân loại. Ngay trên đồng tro tàn còn nóng hổi của cuộc nội chiến Việt Nam, đã có những bậc trí thức đứng cảm tỏ bày niềm hối tiếc: J. Paul Sartre, Lacouture, Lartéguy, Olivier Todd, John Baez v.v... Chỉ tội nghiệp ông Nguyễn Trọng Nhân... nhưng xin cứ xem ông là tiêu biểu cho một số trí thức sản phẩm riêng của Hà Nội, để khỏi bận tâm đề cập.

Cái dừng bước hôm nay, tại đây, của quý anh quý chị là một hành động vô cùng trí thức, chúng tôi xin vạn hạnh, xin trí ân.

Còn như cái điều chịu thua bỏ chạy của đám bọn tôi, quả đáng phàn nàn. Nhưng may thay, đã có đại văn hào người Nga Soljenitsyne biện hộ. Ông đã tránh cộng sản, bỏ nước, chạy ra ngoài. Mười chín năm sau ông trở về cố hương bằng công trước, đầu cho mái tóc không còn xanh nữa, nhưng quả tim ông còn đập, chuyển dòng máu bất khuất của ông trộn chung vào với đất cát quê hương ông, chia sẻ với đồng bào ông nỗi vui buồn phé hưng vận nước, trong khi cát bụi thời gian bị dòng Volga cuốn sạch chôn vùi.

(18.10.95)

# KHOẢNG CÁCH GIỮA NÓI VÀ LÀM

• Lê, Nguyễn Thịnh

Báo Diễn Đàn Việt Nam số 45, tháng 12-94 có đăng Thư của Hà Sĩ Phu gửi giáo sư Phan Đình Diệu, người vừa được bầu vào Chủ tịch đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tại Hà Nội, hồi tháng 9 năm 1994.

Trong Đại hội nói trên, Tổng Bí thư Đỗ Mười đã kêu gọi toàn dân "Lấy đại nghĩa Dân tộc làm trọng, lấy mục tiêu



### Nói sai sự thật...

Đồng bào miền Nam chắc còn nhớ trường hợp Hồi chánh viên Nguyễn Văn Bé.

Mới đây, tại Đức có cuốn "Fotos, die luegen..." in lại những hình ảnh mà cộng sản từ các nước từ Á sang Âu đã ngụy tạo để tuyên truyền. Tất nhiên không thiếu trường hợp của cộng sản Việt Nam. Bên cạnh mấy tấm ảnh về "chiến thắng Điện Biên Phủ" mà phóng viên Liên Xô đã bắt tù binh Pháp xếp hàng, ở nhiều vị trí khác nhau, suốt cả tuần, chụp rồi ghép lại, tạo nên hình ảnh hàng ngàn quân Pháp đầu hàng, khiến chính phủ cùng dân chúng Pháp hoảng sợ, nhanh chóng ký hiệp định Genève, ... cuốn sách còn in lại hình ảnh anh Bé, đang sống trong trại "hồi chánh"

"LIỆT SĨ"  
NGUYỄN VĂN BÉ  
ĐỌC TIN MÌNH  
CHẾT



MỘT CÂU CHUYỆN THẬT KỶ QUÁ!  
Mới đây tôi được đọc một cuốn sách Pháp tên là "Liệt Sĩ" nói về anh Nguyễn Văn Bé, một người lính trẻ của Quân Giải Phóng Miền Bắc, bị bắt sống và đưa về trại giam ở Đức. Anh Bé đã viết một bức thư gửi gia đình và đồng bào ở quê nhà, kể về những ngày sống trong trại giam và những suy nghĩ của anh. Bức thư này đã được in lại trong cuốn sách "Liệt Sĩ" và đã gây được sự chú ý của nhiều người. Anh Bé là một người lính trẻ, dũng cảm và trung thành. Anh đã hy sinh vì sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Câu chuyện của anh Bé là một câu chuyện thật kỳ quái!

chung làm điểm tương đồng, xóa bỏ mặc cảm hận thù, hướng về tương lai, hòa hợp thành một khối thống nhất vì lợi ích đất nước và dân tộc". Cùng thời gian đó, tại Đà Lạt, Hà Sĩ Phu lại bị công an Đà Lạt gửi "Giấy triệu tập" để trả lời về mấy cuốn sách của Bùi Tín, Nguyễn Hộ ... mà ông đang có.

Từ đó, Hà Sĩ Phu đặt vấn đề: "bức tranh tương phản giữa lời nói và việc làm của người cộng sản", hay đó là "hai mặt của một chủ trương nhất quán" mà người cộng sản thường sử dụng?

Thật ra, lời giải đáp đã nằm chính trong câu hỏi của Hà Sĩ Phu. Với những ai đã có kinh nghiệm về cộng sản, thì chẳng lấy làm lạ về những việc như thế. Giữa lời nói và việc làm, của họ, bao giờ cũng có một khoảng cách thật xa, lắm khi cả 180 độ.

Những năm gần đây, khi sự thật của các lãnh tụ và các đảng cộng sản trên thế giới lần lượt được phơi bày trên các phương tiện truyền thông, khi dân chúng trong nước đã chán ngán những lời lẽ hoa mỹ của họ, các lãnh tụ cộng sản Việt Nam cũng đành phải nhìn nhận sự khác biệt, mâu thuẫn giữa "Nói và Làm" của chính họ.

TBT Nguyễn Văn Linh, trong những năm 87 - 88 liên tiếp viết "Những việc cần làm ngay" trên các báo hằng ngày của đảng, ký tên N.V.L. Ông Linh giải thích, NVL tức Nói và Làm. Đảng không chỉ Nói mà phải Làm để dân tin! Chủ trương của ông ta đã vội bị thất bại bởi phe bảo thủ trong đảng.

của Việt Nam Cộng Hòa đọc được tin mình đã chết, được truy tặng "liệt sĩ" trên báo Tiên Phong của Hà Nội ...!!! Đáng lại còn kêu gọi thanh niên học tập, noi gương anh Bé, thi đua chiến đấu, sản xuất...

Tưởng rằng những chuyện như thế đã là chuyện của quá khứ, nhưng đến nay, trái lại hiện tượng đó vẫn còn khá phổ biến.

Trong bài nói chuyện của TBT Đỗ Mười vừa nói ở trên, người ta có thể thấy nhiều ví dụ khác.

Sau khi dùng lý lẽ để giải thích lý do "Đảng cộng sản giữ độc quyền", từ chối tự do, Dân chủ cho nhân dân Việt Nam, ông Đỗ Mười quay sang chỉ trích tình trạng xã hội của các nước Tư bản: "Ở Mỹ hiện có bảy triệu người không có nhà ở, bảy nước tư bản phát triển nhất hiện nay có 45 triệu người thất nghiệp". Đỗ Mười đặt câu hỏi: "Vậy phải chăng đó là Dân chủ, Tự do? - Tự do không nhà ở, tự do thất nghiệp, tự do làm găng-tơ, mafia, tự do nghiện hút, mãi dâm..."

Cách nêu vấn đề của ông ta thật khéo. Nếu ý nghĩa của sự Tự do chỉ hàm chứa những gì xấu xa trong xã hội, như ông Mười vừa nhắc đến; thì cho, người dân cũng không dám nhận, nói chi đến đòi hỏi.

### Sự thật thì thế nào?

Thất nghiệp, không có nhà ở, tệ nạn xã hội... tình trạng đó, không một nước nào tránh khỏi. Bảy nước Tư bản (G7) mà ông Mười nhắc đến là Mỹ, Anh,

Pháp, Đức, Nhật, Ý, Canada, cũng đang có tình trạng thất nghiệp, không nhà ở... Nhưng những con số mà ông Mười thông tin đến cán bộ, nhân dân trong nước lại một lần nữa sai sự thật. Nó đã được phóng đại gấp gần hai lần. Chúng ta có thể kiểm chứng điều đó qua tài liệu "Aktuel 94" của nhà xuất bản Harenberg - Lexikon - Verlag - Dortmund - 1993.

Tính trung bình, tỷ lệ thất nghiệp của các nước tư bản là 8,3%. Dân số tổng cộng của 7 nước trên là 656,1 triệu. Số lao động, được tính bằng 50% dân số (trẻ em và người già không tính vào số lao động) tức khoảng 328 triệu. Số thất nghiệp của 7 nước trên là 8,3% x 328 triệu = 27,224 triệu, nhưng ông Mười phóng đại thành 45 triệu.

Sử dụng số thất nghiệp của các nước tư bản để làm gì nếu không phải là muốn đong bào trong nước tin rằng dân chúng ở các nước kia sống khổ sở, thiếu thốn hơn... Con số của ông đưa ra đã thiếu chính xác, mà dấu đúng nó cũng không có giá trị bởi:

- Dù các nước tư bản có thất nghiệp, nhưng tỷ lệ thất nghiệp của các nước đó bình quân là 8,3 (trong đó Canada có số thất nghiệp cao nhất: 11,3%; và Nhật, thấp nhất: 2,5%). Trái lại tỷ lệ thất nghiệp của Việt Nam gấp đến hai lần: 17,8% ! (Aktuel 94 - trang 588)

- Người thất nghiệp ở các nước đó được hưởng trợ cấp thất nghiệp. Còn tại Việt Nam thì không. Số trợ cấp thất nghiệp mà họ được hưởng, cao gấp nhiều lần tiền lương của một lao động bậc cao ở Việt Nam (Thu nhập bình quân của mỗi người Việt Nam là 215 \$US/năm). (Aktuel - 588).

Còn nghiệp ngập, dĩ diêm... chẳng lẽ chỉ xảy ra ở các nước tư bản? Báo chí vừa đưa tin, Việt Nam xếp hàng thứ 3 của Châu Á về số những người nhiễm HIV, ông Mười có biết điều đó?

### Bệnh tự cao, tự đại ...

Sau đúng 20 năm, kể từ ngày cộng sản chiếm miền Nam, nước Việt Nam ngày nay trở thành một trong những nước nghèo nhất thế giới. Thu nhập bình quân của người dân hàng năm thấp hơn thu nhập dân các nước tư bản hàng trăm lần (Ví dụ: Đức: 23.650 Đô-la/năm). Chỉ so sánh với các nước quanh vùng có cùng điều kiện địa lý, nhân văn, như Mã Lai, Thái Lan, Indonésia... hoặc các nước trước đây là thuộc địa của Pháp như Maroc, Algérie..., mức chênh lệch giữa các nước đó và nước ta cũng từ năm bảy đến chục lần...

Ví dụ: Mã Lai: 2.790 US Dollar/năm; Thái Lan: 1.840 US Dollar; Phi Luật Tân: 770 US Dollar...

Maroc: 1.030 Dollar/năm; Algérie: 1.840 US Dollar (Thống kê của Aktuel 94 vừa dẫn).

Đó là một túi nhục lớn của người dân Việt.

Với Tổng Bí thư Đỗ Mười thì trái lại, ông ta hải lòng về cuộc sống của người dân và coi đó là những thành công do

Đảng lãnh đạo. Cũng trong bài nói chuyện vừa kể, ông ta đã bốn lần mượn lời người nước ngoài, hoặc Việt kiều để ca ngợi những "thành công" đó: "Rất nhiều người trên thế giới, kể cả những người ít cảm tình với ta cũng thừa nhận: bây giờ ở Việt Nam đa đảng khó lắm. Đảng cộng sản Việt Nam giành độc tôn vì mấy chục năm qua họ có công với nước với dân... Nay đổi mới, làm kinh tế tốt, đời sống nhân dân đi lên..."

Đời sống nhân dân Việt Nam đi lên như thế nào, ở trên chúng ta đã thấy. Riêng ý ông Mười thì nhờ có Đảng mà "đời sống người dân ngày nay so với thời Pháp thuộc rất xa "một trời một vực" Dân biết chữ là phổ biến. Ta có mấy chục vạn người có trình độ Đại học... Vậy đa nguyên đa đảng làm gì? Để làm rối loạn à?"

Ông Mười lấy con số "mấy chục vạn người có trình độ Đại học" để chứng tỏ sự tiến bộ của đất nước so với thời Pháp thuộc. Lẽ ra ông nên kể thêm: Dân số Việt Nam nay hơn 70 triệu, so với hơn hai chục triệu thời Pháp thuộc. Lãnh thổ Việt Nam, ngày nay thu nhỏ lại các quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa... ngoài biển Đông nay "biểu" cho "anh cả Đờ" Trung Hoa; Rừng từ 12 triệu Hecta (1950) nay còn 8 triệu Hecta,... thì mới đủ. Ông vừa nói "tôi sung sướng thấy đời sống người dân được cải thiện - lại vội tự phủ nhận ngay- song chúng ta cũng thấy đời sống người dân ở vùng căn cứ cách mạng hiện còn khổ quá, nói nhiều mà chưa làm được mấy!"

Dân "căn cứ vùng cách mạng", là con cưng của Đảng, được Đảng dành đủ thứ ưu tiên chăm sóc mà "vẫn còn khổ quá", thì dân các vùng khác làm sao có thể khá hơn được? Nhưng nếu có khá, chắc cũng không phải nhờ Đảng!

TBT Đỗ Mười nhận xét: "Nói nhiều mà làm chưa được mấy"; Ông Linh thì "Nói và Làm", hai ý ấy so với câu nói của Tổng Thống Thiệu ngày trước, không khác gì mấy!

Bệnh kiêu ngạo của Đảng vẫn là thứ bệnh nan y dù đã qua thời Đổi Mới". Kiêu ngạo đến độ quên cả lịch sử: "Ông Bửu Hoan, một Việt kiều ở Mỹ gửi thư cho tôi đề xuất bốn điểm. Điểm đầu tiên ông ta nói: 2000 năm nay, bây giờ dân ta mới được hoàn toàn độc lập tự do..."

Đúng thật chăng? Sau một ngàn năm bị giặc Tàu đô hộ, nước ta vẫn chưa giành được Độc lập? Các triều đại Ngô, Đinh, Lê, Lý, Trần kế tục mấy trăm năm từ năm 950 đến năm 1400, chẳng lẽ vẫn còn thuộc Trung Hoa? Nếu thế Nguyễn Trãi làm sao có thể ca ngợi:

Trải bao đời Đinh, Lê, Lý, Trần xây nền Độc lập,  
Cùng Hán Đường, Tống, Nguyên, hùng cứ một phương.  
Tuy mạnh, yếu có lúc khác nhau,  
Song hào kiệt đời nào cũng có!  
(Cáo Bình Ngô - Nguyễn Trãi)

Lướt qua một vài sự kiện, chúng ta có thể thấy vì quá tham quyền cố vị, mà

những người lãnh đạo Đảng hiện nay cố tìm đủ cách, dù là ngụy biện, ngụy tạo để bào chữa chính sách bảo thủ của mình, khước từ Dân chủ Tự do cho đất nước...

Đó là những gì ông Đỗ Mười nói với cán bộ, đảng viên trong mấy tháng trước. Ông hô hào "đề cao cảnh giác, đánh bại âm mưu hoạt động của địch, ... bảo vệ chủ nghĩa xã hội... đánh thắng các thế lực thù địch...". Chưa đầy nửa năm sau, ông kêu gọi "xóa bỏ mặc cảm hận thù", "Đại nghĩa dân tộc" ... làm sao người dân có thể tin là những lời chân thật?

Làm sao người dân tin Đảng khi bên trong Đại hội, Đảng hô hào đoàn kết, còn ở bên ngoài khắp nơi trên đất nước, Đảng tiếp tục bắt giam các nhà lãnh đạo cấp cao của Phật giáo: Hòa Thượng Huyền Quang, Hòa Thượng Quảng Độ...; triệu tập bắt bớ trí thức chỉ vì một cuốn sách có nội dung khác với đường lối của Đảng (như trường hợp Hà Sĩ Phu đã nói ở trên), tiếp tục giam giữ các nhân sĩ, trí thức yêu nước như Đoàn Việt Hoat, Tuệ Sĩ...

#### Đoàn Kết Dân Tộc Phải Bắt Đầu Từ Dân Chủ Tự Do...

Đồng ý rằng, với chính sách đổi mới kinh tế, đất nước đang có những tiến bộ ban đầu. Nhưng những tiến bộ đó chưa đủ để đưa nước nhà đi lên kịp với đà phát triển của thế giới nếu không có một nỗ lực chung của toàn dân. Đoàn kết dân tộc là điều kiện để phát huy được sức mạnh của cả dân tộc. Và Dân chủ, Tự do là nền tảng của tinh thần Đoàn kết đó. Ngày nào, đất nước chưa có tự do, người dân chưa được bảo đảm các quyền căn bản về chính trị, tôn giáo, tư tưởng... thì ngày đó vẫn còn những Hòa Thượng Huyền Quang, Quảng Độ, những nhà trí thức Đoàn Việt Hoat, Nguyễn Ngọc Lan, những anh hùng Lý Tống... và cả những cựu Đảng viên Cộng sản... tiếp tục đấu tranh với Đảng. Những người lãnh đạo Đảng cần hiểu rõ rằng: Đất nước là của toàn dân, chứ không phải là của riêng Đảng. Họ cũng cần biết rằng dù Tần Thủy Hoàng là người có công thống nhất nước Trung Hoa, Tần Thủy Hoàng đã dùng bạo ngược hà khắc: đốt sách, chôn sống học trò... để trị dân; dù ông ta kiếm cả thuốc "Trường sanh bất tử" để mong được ở ngai vàng mãi mãi... Nhà Tần cũng không lâu quá hai đời!

Nếu Đảng thật sự nghĩ đến quyền lợi tối thượng của dân tộc, Đảng phải tôn trọng Dân chủ, Tự do. Điều mà mọi người chờ đợi ở Đảng là Làm, chứ không chỉ Nói, ... là thành tâm chứ không phải tìm những sách lược giả trá để dối gạt nhân dân, và vì lẽ sống còn của Dân tộc, chứ không chỉ quyền lợi của Đảng.

Muốn đạt những điều đó, đòi hỏi các người lãnh đạo Đảng phải có dũng khí. Thắng người thì dễ, thắng mình khó. Liệu những người lãnh đạo Đảng hiện nay, có được những đức tính mà ông

Hồ thường căn dặn thiếu nhi: "Khiêm tốn, thật thà, dũng cảm" không?

### Thơ :

## Ưng Tựa

*Tôi về nương tựa Phật  
Như đứa con hoang quay về tổ ấm  
Như đàn cá hồi tìm về đầu nguồn  
Như dòng sông xanh xuôi về  
biển cả*

*Ôi thuở ấu thơ!  
Hồi chuông sớm ướp thơm lòng  
trong trống.*

*Tiếng mõ rơi đều ru giấc ngủ  
trưa*

*Cội Bồ Đề ôm ấp tuổi dại khờ  
Dưới ánh mắt Từ Bi, nụ cười  
Thanh Tịnh*

*Tuổi thanh xuân miệt mài trong  
huyền mộng*

*Đuối say mê theo ảo ảnh cuộc đời.  
Bã danh lợi phù vân*

*Mùi vinh hoa tục lụy.*

*Niềm vui nào không kéo theo  
sâu túi.*

*Hạnh phúc nào không dư vị  
đắng cay*

*Dục vọng triền miên*

*Ăn oán kết đầy.*

*Hồi chuông tiếng mõ, Vô Minh  
che lấp.*

*Trong hư ảo bỗng một chiều tình  
giác*

*Nhìn lại đời mình, rêu đã phủ  
xanh.*

*Nhìn kiếp mộng sinh tay vẫn  
trắng tay.*

*Nhìn lại mái đầu tuyết sương  
lốm đốm*

*Thấy ăn năn đi vào trong giấc  
mộng.*

*Nghe thảng ngáy làm lỡ bước vào  
hồn.*

*Rời ánh mắt Từ Bi*

*và nụ cười Thanh Tịnh*

*Hồi chuông sớm tiếng mõ xưa  
vàng vằng*

*Gọi tôi về như gọi đứa con hoang.  
Đưa tôi về như dắt kẻ lìa đường*

*Qua bể khổ không tìm ra phương  
hướng*

*Tôi về nương tựa Phật*

*Thấy ánh Đạo huy hoàng*

*Thấy thân tâm An Lạc*

*Thấy viên ly phiền não*

*Thấy niềm vui giải thoát.*

• Odeuse Việt Điếu



# THỂ NÀO LÀ MỘT NGƯỜI TỶ NẠN

LTS : Trong báo người Việt "Đời Sống" số 3457 tháng 5/95 có đăng bài "Thể nào là một người tỵ nạn". Nhận thấy bài này có liên quan đến cả những người Việt Nam tỵ nạn hay đang xin tỵ nạn trên thế giới, nên Tòa Soạn cho đăng lại bài này mặc dù mỗi quốc gia có những đạo luật bổ túc thêm như Đức Quốc chẳng hạn, nhưng Công Ước 1951 (1951 convention) bổ túc bởi Hiệp Định Thư của Liên Hiệp Quốc năm 1967 định nghĩa một người tỵ nạn vẫn còn có giá trị.

## I. Tỵ nạn định nghĩa theo luật quốc tế

Khi một người rời bỏ quê hương mình vì bị đối xử tàn tệ, người đó nghĩ rằng họ sẽ được luật quốc tế bảo vệ vì họ là một người tỵ nạn. Khi đơn xin tỵ nạn bị bác, đương sự sẽ bất mãn và tưởng rằng đã bị đối xử bất công. Thực ra có nhiều lý do để một đơn xin tỵ nạn bị bác. Dĩ nhiên một trong những nguyên do có thể vì người đó không hội đủ tiêu chuẩn của luật tỵ nạn, hoặc đủ tiêu chuẩn nhưng không chứng minh được một cách rõ ràng những tiêu chuẩn đó.

Trong thực tế và trên phương diện luật, không thể có một sự xếp loại tổng quát, không phân biệt. Để bảo đảm sự công bằng, luật pháp luôn luôn phải có định nghĩa nhưng không định những điều khoản của luật. Một định nghĩa thường có một yếu tố, và luật chỉ áp dụng cho những ai hội đủ những yếu tố đó.

Tỵ nạn cũng nằm trong trường hợp này. Luật quốc tế định nghĩa thế nào là tỵ nạn và chỉ những người hội đủ yếu tố của định nghĩa mới được thừa nhận và bảo vệ. Vậy thế nào là tỵ nạn theo định nghĩa của luật quốc tế?

Sau thế chiến thứ II, vì vấn đề tỵ nạn trở nên nghiêm trọng, nhu cầu đòi hỏi một văn kiện quốc tế định nghĩa rõ ràng thế nào là tỵ nạn trở thành cấp bách. Do đó ngày 28.7.1951, Liên Hiệp Quốc đã bỏ phiếu chấp thuận Công Ước liên quan tới tình trạng tỵ nạn. Công Ước này có hiệu lực ngày 21.4.1954 (LTS: Trên Sổ Thông Hành 'Reiseausweis' của những người Việt Nam tỵ nạn tại Đức đều có ghi "Abkommen vom 28 Juli 1951 - Convention of 28 July 1951").

Tuy Công Ước 1951 ban hành được định nghĩa về tỵ nạn, sự áp dụng chỉ giới hạn cho những người tỵ nạn bởi những biến cố xảy ra trước ngày 1.1.1951. Phải đợi tới 16 năm sau, khi số lượng tỵ nạn tiếp tục gia tăng, Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc trong phiên họp ngày 31.1.1967 mới chấp thuận Hiệp Định Thư liên quan tới tình trạng tỵ nạn, bổ túc cho Công Ước 1951 bằng cách tiếp tục thừa nhận định nghĩa về tỵ nạn, nhưng bỏ đi sự áp dụng giới hạn cho những người tỵ nạn vì biến cố trước tháng 1.1951, nghĩa là sẽ áp dụng định nghĩa này cho mọi người ở bất cứ thời gian nào.

Công Ước 1951 (1951 Convention), bổ túc bởi Hiệp Định Thư 1967 (1967 Protocol) của Liên Hiệp Quốc đã định nghĩa một người tỵ nạn như sau:

"Người tỵ nạn chính trị là người từ bỏ quốc gia mình vì một mối lo sợ có căn cứ là sẽ bị ngược đãi vì lý do Chúng tộc, Tôn giáo, Sắc tộc, hoặc vì là thành viên của một nhóm cá biệt nào đó trong xã hội, hoặc vì quan điểm chính trị".

Trong định nghĩa trên, cụm từ "mối lo sợ có căn cứ là sẽ bị ngược đãi" là trọng tâm của việc xét tỵ nạn. Người tỵ nạn phải chứng minh được là đương sự đã từng là nạn nhân của chính sách ngược đãi, hoặc phải trình bày được lý do tại sao đương sự sẽ bị ngược đãi.

Có hai cụm từ trong định nghĩa, cần làm sáng tỏ "sự ngược đãi" và "mối lo sợ có căn cứ". Việc được chấp nhận là tỵ nạn hay không phần lớn tùy thuộc vào việc có chứng minh được hai điều đó hay không. Sau đó phải chứng minh được nguyên nhân dẫn tới sự ngược đãi: vì Chúng tộc, vì Tôn giáo, vì Sắc tộc hay vì chính kiến ?

Thế nào là ngược đãi ?

Cho tới nay, dù có nhiều cố gắng tìm kiếm và đóng góp, chữ "ngược đãi" vẫn chưa được định nghĩa một cách rõ ràng. Theo tinh thần Công Ước 1951, sự ngược đãi có nghĩa là sự đe dọa đời sống hay quyền tự do của một con người nó bao gồm những hành động như đe dọa, bắt giữ hay giam cầm trái phép. Trong vài trường hợp sự kỳ thị, hoặc sự tước đoạt những quyền căn bản của con người cũng có thể bị coi là ngược đãi. Thí dụ việc không cho con người cơ hội làm việc kiếm sống, không cho đi học, hoặc làm khó dễ sự thi hành Tôn giáo v.v... Mặc dù những cảm đoán đó chưa tới mức độ đe dọa tới mạng sống hay tự do của con người, vẫn có thể được coi là ngược đãi.

Đôi khi sự ngược đãi có thể mang hình thức kinh tế, chẳng hạn như việc tịch thu tài sản hoặc giới hạn chặt chẽ khả năng kiếm sống của một người. Tuy nhiên, trường hợp kinh tế khó khăn, hay tình trạng thiếu an ninh trong một quốc gia có chiến tranh không thể coi là hình thức ngược đãi.

Thông thường sự ngược đãi phải do chính sách của chính quyền, nhưng đôi khi có thể do những tổ chức, hoặc lực lượng nổi loạn gây ra ngoài khả năng kiểm soát của chính quyền. Nạn nhân của những trường hợp này có thể được coi là bị ngược đãi.

Tuy nhiên nên nhớ rằng một người bị nhân viên chính quyền địa phương làm khó dễ hay hối mại quyền thế không thể coi là bị ngược đãi, nếu đó không phải là chính sách của nhà cầm quyền.

## Thế nào là "mối lo sợ có căn cứ" ?

Một người xin tỵ nạn nói rằng: "Tôi sợ bị ngược đãi nếu bị trả về", sẽ không đủ tiêu chuẩn để được coi là tỵ nạn. Muốn đủ tiêu chuẩn, mối lo sợ phải có căn cứ. Có căn cứ có nghĩa là mối lo sợ phải khả tin (đáng tin), và phải phù hợp với những điều kiện chính trị, xã hội của quốc gia đương sự rời bỏ. Thí dụ một người từ một quốc gia có nền dân chủ lâu đời sẽ khó có thể xin tỵ nạn chính trị, trong khi một người từ một quốc gia có nền độc tài áp bức như Việt Nam chẳng hạn, sẽ dễ được chấp nhận tỵ nạn.

Thông thường, những người khác trong nước có hoàn cảnh tương tự, kể cả thân nhân hay bạn bè, bị chính quyền ngược đãi, hành hạ cũng có thể chứng minh mối lo sợ có căn cứ. Thí dụ những người cùng Tôn giáo hay cùng Sắc tộc bị truy lùng, cảm đoán, hay hành hạ cũng đủ tạo nên mối lo sợ có căn cứ, dù chính người đứng xin tỵ nạn chưa bị tấn công.

Tốt nhất là người xin tỵ nạn nên chuẩn bị sẵn sàng những tài liệu chứng minh sự ngược đãi để hỗ trợ cho đơn xin tỵ nạn. Tuy nhiên trong thực tế, những người xin tỵ nạn thường bỏ nước ra đi trốn trong hoàn cảnh ngặt nghèo, không thể mang theo giấy tờ chứng minh. Trong trường hợp đó, người cứu xét đơn chỉ có thể căn cứ vào chính lời khai của đương sự. Vì thế lời khai cần phải đầy đủ chi tiết và phải trước sau như một có hy vọng được coi là khả tin.

## II. Phân biệt một số trường hợp không được coi là tỵ nạn

### 1. Ra đi vì đời sống khó khăn có phải là tỵ nạn không?

Không.

Những người ra đi để tìm đời sống vật chất khá hơn đời sống vật chất ở quê hương mình, không được coi là tỵ nạn, mà sẽ bị xếp vào diện những người di dân vì kinh tế. Phần lớn những người bị từ chối quy chế tỵ nạn đều bị xếp vào loại di dân vì lý do kinh tế. Đó là những người tự ý lia bỏ quốc gia mình vì đời sống ở xứ họ quá cơ cực, cần tìm một nơi để sống hơn.

Tuy nhiên không phải lúc nào sự phân biệt giữa tỵ nạn và di dân kinh tế cũng rõ ràng. Trong một số trường hợp đằng sau những khó khăn kinh tế có thể là lý do Tôn giáo, Chúng tộc hay Chính trị nhằm trừng phạt những thành phần xã hội mà chính quyền thù nghịch. Trong trường hợp này nạn nhân của chính sách ngược đãi đó vẫn được coi là tỵ nạn, vì bản chất của sự khó khăn kinh tế mang tính chất ngược đãi vì lý do chính trị như phân tích ở phần trên.

Một mặt khác, nếu chính sách kinh tế áp dụng cho tất cả mọi người trong nước thì dù có gây khó khăn cho đời sống

cũng không làm mọi người trong nước bỏ xứ ra đi xin tỵ nạn. Chỉ khi nào chính sách đó nhắm tới một thành phần thiểu số nào đó trong xã hội, thì những người trong thành phần đó mới có thể xin tỵ nạn.

## 2. Lo sợ bị trừng phạt vì vượt biên bất hợp pháp có phải là mối lo sợ có căn cứ để xin tỵ nạn không? Không.

Cần phân biệt rõ ngược đãi với trừng phạt vì vi phạm luật thông thường. Mỗi quốc gia có một hệ thống luật riêng biệt. Nếu luật đó quy định rằng những người vượt biên bất hợp pháp sẽ bị truy tố, thì những người vi phạm sẽ là thường phạm, và mối lo sợ sẽ bị trừng phạt vì vượt biên không được coi là căn bản để bị ngược đãi như định nghĩa kể trên.

Nên nhớ rằng người tỵ nạn là nạn nhân của chính sách bất công của chính quyền mình đang sống chứ không phải là kẻ chạy trốn pháp luật.

Tuy nhiên cũng như trường hợp kinh tế ở trên, một người vượt biên có thể ẩn giấu lý do Tôn giáo, Chúng tộc hay Chính trị. Thí dụ một người vượt biên vì ở quê hương đương sự Tôn giáo bị đàn áp, đương sự đứng ra chống đối, chính quyền truy lùng, đương sự vượt biên vì sợ bị bắt. Sang được quốc gia xin tỵ nạn, đương sự vẫn còn tham gia các đoàn thể tổ chức đòi tự do Tôn giáo, đòi chính quyền chấm dứt những cuộc đàn áp v.v... Trường hợp này, nếu đương sự bị trả về nước, đương sự sẽ bị ngược đãi vì *mối lo sợ có căn cứ*. Thí dụ thứ hai là một người vượt biên sang được quốc gia xin tỵ nạn, viết báo hay viết sách bày tỏ quan điểm chính trị khác với chính quyền, thì đó là sự *ngược đãi có căn cứ* vì chính kiến.

### • Phạm Đức Tiến & Đình Quang Anh Tuấn

*LTS: Qua sự giải thích "Thế nào là một người tỵ nạn", chúng tôi hy vọng là có thể giúp thêm một phần nào sự hiểu biết cho những người đang xin tỵ nạn trong việc bổ túc hồ sơ nếu mình ở một trong những trường hợp đã được nêu ra trong bài này.*

## NHẬN ĐỊNH VỀ BANG GIAO MỸ - VIỆT

### • NGƯỜI QUAN SÁT

Sau bao nhiêu năm, tháng, ngày nỗ lực van xin với bao nhiêu nhượng bộ đủ điều từ phía nhà cầm quyền Cộng sản Hà Nội, ngày 11.7.95, Mỹ mới chấp thuận thiết lập bang giao với Việt Nam. Đây là một bằng chứng hùng hồn nói lên sự coi thường nhân dân và sự tàn ác dã man của tập đoàn lãnh đạo ở Bắc bộ phủ.

20 năm trước, tập đoàn lãnh đạo Cộng sản Hà Nội xua bộ đội miền Bắc vượt đường Trường Sơn, xuyên qua Bến Hải vào Nam với khẩu hiệu "Đánh cho Mỹ cút, cho 'Ngụy' nhào", vì "Ngụy" theo đế quốc tư bản Mỹ, thống nhất Bắc Nam, đặt đất nước vào quỹ đạo đỏ. Cuộc vận lý trường chinh làm chết tức tưởi và oan uổng bao nhiêu vạn con dân cả hai miền Nam Bắc, xương chất thành núi máu chảy thành sông, trải dọc dài theo dãy núi Trường Sơn mà ngàn năm còn uất hận!

20 năm sau, cũng những người này trải thảm đỏ rước Mỹ vào! Người dân đang đặt câu hỏi với tập đoàn Cộng sản Hà Nội, như thế là thế nào?

- Tại sao trước kia vì "Ngụy" theo Mỹ nên đánh cho "Ngụy" nhào, làm tốn hao bao nhiêu xương máu của nhân dân. Bây giờ tập đoàn Cộng sản Hà Nội van lạy để được ôm chân Mỹ tức là cũng đi theo Mỹ thì ai đánh cho tập đoàn này nhào? Những gia đình có con em đã bỏ thầy trong cuộc chiến phi

nhân vô nghĩa này, những người có thân nhân đi tù cái tạo bị giết chết trong rừng sâu núi thẳm sẽ đánh cho chúng nhào. Và hỏi tội họ là tại sao trước năm 1975 họ không bắt tay với "Ngụy Sài Gòn" để cùng theo Mỹ cho đỡ tốn hao xương máu trên cả triệu dân trong hai miền Nam Bắc.

- Tại sao cũng đồng thời bị chia đôi đất nước, mà Đức thì thống nhất trong vinh quang, còn Việt Nam thì thống nhất trong hoang tàn đổ nát, trong hận thù chông chất ngút ngàn, cho đến bây giờ cũng chưa hàn gắn được vết thương đau!

Ai gây ra tội ác, trời không dung đất không tha này? Chính là tập đoàn lãnh đạo Cộng sản Hà Nội.

Luật nhân quả sắp đến thời kỳ có hiệu lực. Hãy chờ xem!

## VIỆT NAM NGÀY ẤY KHÔNG XA!

• Nguyễn Tuấn Khanh

Lời tác giả:

*Tác giả bài viết này đã từng là đảng viên của đảng cộng sản Việt Nam. Sớm nhận ra Chủ nghĩa Xã hội và đảng CSVN là hiểm họa chính gây ra cảnh điêu tàn của nước Việt. Bài viết này mong góp tiếng nói nhỏ bé vào cuộc đấu tranh đòi tự do dân chủ, tự do tín ngưỡng, và nhân quyền cho Việt Nam.*

Tình hình chính trị tại Việt Nam trở lại sôi động và căng thẳng, sau sự sụp đổ của đảng cộng sản Liên Xô, và hàng loạt các nước Xã hội Chủ nghĩa thuộc khối cộng sản Đông Âu. Trước sự kiện trên, đảng cộng sản Việt Nam vô cùng hoang mang hoảng loạn "như một đội quân mất Tướng" vì mất hẳn chỗ dựa vững chắc về kinh tế cũng như về quân sự là Liên Xô.

Song để lấy lại tinh thần, nhằm trấn an chúng dân, và các đảng viên thuộc hạ tầng cơ sở. Các cơ quan truyền tin, đài báo, và hàng loạt các phương tiện thông tin khác của Hà Nội, đã dùng đủ mọi lý lẽ để biện bạch, giải thích, và tuyên truyền rằng "Đó là sự tự chuyển mình, để đổi mới, nhằm đáp ứng với tình hình mới của các nước Xã hội Chủ nghĩa". Rõ ràng là chết đến nơi rồi vẫn còn ngoan cố, lớn tiếng, hô hào, giải thích như vậy, song chúng ta, ai cũng có thể lật tẩy được bộ mặt thật của đảng CSVN là: Mặc dù họ hiểu rằng sau nhiều thập niên để thử nghiệm, chủ nghĩa cộng sản mà họ theo đuổi đã tới ngày tận số, và biết rằng đảng CSVN sớm muộn cũng bị giải tán như các đảng CS Đông Âu, Liên Xô và cả hệ thống quốc tế cộng sản. Nhưng tuy bề ngoài họ vẫn hô hào ca tụng và tỏ vẻ trung thành với chủ nghĩa Mác-Lenin vẫn đi theo con đường chủ nghĩa xã hội, vì đó là phương tiện để họ duy trì và nắm giữ quyền lực, hòng thủ lợi cho bản thân và gia đình. Họ vội vàng vơ vét tiền bạc bằng đủ mọi cách phòng khi sa cơ lỡ vận có thể cao chạy xa bay, và đó là nguyên nhân tạo lên hệ thống tham nhũng, lạm quyền chưa từng có tại Việt Nam, nó trở thành một căn bệnh trầm trọng, trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, và quản lý kinh tế của đảng. Hơn thế nữa tệ nạn này được tạo đà và phát triển mạnh hơn bởi chủ trương chuyên chính vô sản "Đảng Cộng Sản Việt Nam độc quyền lãnh đạo và quản lý quốc gia", điều này được ghi trong Hiến Pháp của nước Việt Nam, hay quyết định của đảng CSVN trên cả Hiến Pháp và pháp luật Việt Nam. Điều này cũng chính là nguyên nhân tạo cơ sở cho nhiều cán bộ đảng viên trong hệ thống quyền lực của đảng sống coi thường luật pháp, độc đoán, bảo thủ.

Họ lạm dụng chức quyền, mặc sức lộng hành, gây ra bao cảnh bất công ngang trái trong xã hội Việt Nam. Cho nên có thể nói tình hình chính trị tại Việt Nam từ những năm 1989, đúng là một cảnh chợ chiều, đại hỗn loạn, dân chúng không còn mấy ai tin tưởng vào đảng cộng sản nữa, họ bất mãn chán ghét chế độ, tất cả hầu như muốn nổi loạn. Các cán bộ lãnh đạo của đảng, cũng bất đồng về chính kiến, không thống nhất được tư tưởng, chia thành nhiều phe nhóm trong đảng cộng sản, và tranh giành nhau quyền lực. Tình hình trở nên căng thẳng đến cuối năm 1993 tưởng có cuộc thanh lọc lẫn nhau giữa các phe nhóm của "Đỗ Mười", "Lê Đức Anh" và "Võ Văn Kiệt". Song rốt cuộc những "trùm cộng sản" này cũng rất khôn ngoan, và quý quái, họ đã dung hòa được với nhau, để được tiếp tục nắm quyền, để cùng chia nhau đặc lợi. Vì họ hiểu được rằng thà như vậy còn hơn ôm cà, rồi sẽ mất hết. Và nhằm để đối phó với trào lưu dân chủ đang rầm rộ phát triển khắp nơi trên thế giới, đang ảnh hưởng mạnh tới Việt Nam, nhiều cuộc họp bất thường của đảng cộng sản đã được triệu tập, và cuối cùng chủ trương được đưa ra là: "ổn định chính trị, tập trung phát triển kinh tế". Trên cơ sở đó họ thẳng tay đàn áp các chính đảng đối lập, khủng bố Phật Giáo, Công Giáo, Cao Đài và Hòa Hảo. Đứng trước một hiểm họa nghiêm trọng, nguy cơ nước Việt có thể bị băng hoại, trong sự suy thoái biến chất của những người lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam. Liên tiếp từ những năm 1989 đến nay có rất nhiều cán bộ đảng viên tiến bộ gửi kiến nghị lên lãnh đạo đảng và nhà nước Việt Nam, đề nghị đảng CSVN phải từ bỏ độc quyền lãnh đạo, trả lại chức năng quản lý cho nhà nước, đảng CS phải tự đặt mình trong hiến pháp và pháp luật của quốc gia, đòi Việt Nam phải thực hiện một chế độ đa nguyên, đa đảng, trên cơ sở tự do, dân chủ, tôn trọng nhân quyền, và dân quyền, đòi sửa đổi hiến pháp, giải tán quốc hội, bầu quốc hội mới, qua cuộc bầu cử thực sự tự do của các ông như: Trần Xuân Bách, Phan Đình Diệu, Hoàng Minh Chính, Bùi Tín v.v... và rất nhiều cán bộ đảng viên khác nữa, những đòi hỏi trên, cũng tương tự như các đòi hỏi của các lực lượng dân chủ khác trong nước và hải ngoại. Họ đòi như vậy mà bị kết tội là phản bội cách mạng, phản bội nhân dân.

Vậy chúng ta hãy nhìn lại lịch sử từ năm 1945 đến nay, sau 20 năm độc quyền lãnh đạo, đất nước Việt Nam bị lụi tàn, điều đúng, bấy nhiêu năm, đỡ sống, đỡ chết dưới ách độc tài, chuyên chính của chính quyền cộng sản, cộng với từng ấy năm tháng cấm vận của Mỹ. Người dân Việt Nam xác xơ, kiệt quệ, sống một cuộc đời u uất, mất trọn một niềm tin. Trẻ thơ đã quên hẳn nụ cười, người thanh niên vào đời không nhìn thấy tương lai. Người già ai oán đã phải hy sinh một kiếp người một cách xót xa tủi nhục, khi nhắm mắt lia đời lại càng ngậm ngùi ray rứt nhìn đàn con cháu phải nối tiếp hành trình thê thảm như các cụ đã trải qua! Buồn vì một chế độ "Người bóc lột người" tàn bạo, tham lam, bảo thủ, không đường lối, không chính sách chỉ biết chiến tranh, chia rẽ, hận thù làm cứu cánh, chỉ biết tìm mọi cách đè bẹp cuộc sống của nhân dân, để cai trị và trục lợi, sống xa hoa, phê phỡn trên cuộc sống xót xa tủi nhục của nhân dân. "Chính đảng CSVN mới là những kẻ phản bội lại nhân dân, phản bội lại mục đích đấu tranh giành lại độc lập tự do, hạnh phúc của nhân dân Việt Nam". Họ phải chịu trách nhiệm trước lịch sử về hiện trạng kiệt quệ của đất nước Việt Nam trong những năm tháng họ độc quyền lãnh đạo. Tâm trạng ai oán, não nuột của người dân Việt Nam và hiện trạng đất nước Việt Nam từ trước tới nay là như thế đó. Người dân Việt chỉ còn biết trông mong Huê Kỳ bãi bỏ lệnh cấm vận như hy vọng một tia sáng chiếu vào hầm tối.

Huê Kỳ một quốc gia luôn có ảnh hưởng lớn tới thời cuộc Việt Nam trong thời chiến cũng như thời bình, chắc hẳn phải hiểu thấu hoài vọng của người dân Việt Nam. Ông Bill Clinton cũng rất tâm lý, nên lệnh "bãi bỏ cấm vận" đã được ban hành vào đúng dịp Tết Nguyên Đán cổ truyền của người dân Việt Nam.

Ngày 03.02.1994, một lần nữa lịch sử lại tái diễn, lần này Huê Kỳ trở lại Việt Nam trên thế thượng phong, đã khởi sự

bằng con đường bãi bỏ cấm vận, đầu tư kinh tế, yêu sách về dân chủ, áp lực về nhân quyền, đáp ứng trọn vẹn ước vọng của người dân Việt Nam.

Xét theo quy luật phát triển tự nhiên, việc bãi bỏ cấm vận để người Mỹ, và các nước tư bản vào làm ăn ở Việt Nam, tự nó không tạo nên hậu quả nào xấu, trái lại, sẽ đem lại những kết quả rất tốt. Nếu Việt Nam có được những đạo luật về kinh tế, thương mại minh bạch. Pháp luật nghiêm minh, những người lãnh đạo Việt Nam đều trong sạch biết thượng tôn luật pháp, quý trọng quyền lợi quốc gia. Không vì trục lợi cá nhân và đảng mà bán rẻ tài nguyên đất nước như tập đoàn lãnh đạo CS hiện đang làm, được như vậy mưu cầu hưng thịnh lại Việt Nam, mới đạt được những kết quả tốt đẹp. Chính quyền CSVN nay không còn uy tín và khả năng để xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh và ổn định, đáp ứng với lòng mong mỏi thiết tha của toàn dân nước Việt mặc dù Mỹ bỏ lệnh cấm vận. Họ phải ngược lên mở to đôi mắt để nhận ra rằng, chế độ độc đảng, độc trị, đã bị đào thải trên thế giới văn minh loài người. Nước Việt Nam sớm muộn sẽ hòa vào dòng chảy của lịch sử, trong thế cùng và muốn sống còn, chính quyền CS chỉ còn một cách duy nhất là đáp ứng lòng dân, phải cúi đầu gối gập cho dân tộc, trả tự do cho nhân dân, dân chủ hóa chế độ, giải phóng đất nước ra khỏi gông cùm và giáo điều CS lỗi thời, lạc hậu. Con đường dân chủ là lối thoát duy nhất, hợp tình hợp lý nhất, êm đẹp tránh được mọi xáo trộn tai hại cho đất nước, lại an toàn nhất. Một chế độ thực sự dân chủ, và tự do phải sớm chào đời, để cứu nguy đất nước và mưu cầu hòa bình, hạnh phúc cho nhân dân.

Con đường tương lai của đất nước là trân quý, phục hồi con người Việt Nam cùng xã hội Việt Nam. Tạo môi trường lành mạnh, có nội dung thực chất, tinh thần, tình cảm... Để mọi thể hệ được vươn lên trong một xã hội mới, có văn hiến, trật tự, công bằng xã hội, đầy nhân tính và niềm tin. Trong xã hội mới hoàn cảnh tốt sẽ đưa đẩy con người tự chế ngự dục vọng xấu xa, hẹp hòi, ích kỷ, lỗi thời... Cái phải thắng cái tà, cái tốt làm lu mờ cái xấu. Môi trường lành mạnh của xã hội mới, đời mới, sẽ lôi cuốn mọi người dân vào con đường bao dung, đoàn kết, có công ăn việc làm để có thể làm chủ đời mình, để phục vụ gia đình, xã hội, đất nước và nhân loại. Trong xã hội đó con người, được trau dồi kiến thức, ý thức được vị thế tự do, tự tại của mình, tránh phải làm công cụ hay bị lừa phỉnh làm vật hy sinh, làm nô lệ cho những tà thuyết phản dân chủ nghịch lý, hay bị đẩy vào con đường phục vụ những mưu đồ tai quái, phản dân hại nước.

Nói tóm lại, trọng tâm của chính sách dựng lại nước Việt Nam trong tương lai là phải nhằm "Phục vụ nhân sinh" tôn trọng phẩm giá và quyền tự do của con người, để làm đẹp cuộc đời, làm cho cuộc sống của người dân được tươi mát, hiền hòa thăng tiến có ý nghĩa. Hữu ích cho bản thân, gia đình đất nước và nhân loại.

Đất nước Việt Nam vốn tiềm ẩn nhiều tài nguyên phong phú, chăm chỉ, tháo vát, sáng tạo trong lao động là truyền thống của người dân nước Việt. Song bấy lâu nay những khả năng tiềm ẩn này đã bị kềm kẹp và hạn chế bởi chủ trương và chính sách sai lầm của nhà nước cộng sản Việt Nam, cũng như bao nhiêu tài năng trong nước đã bị bỏ rơi bấy lâu, hoặc phiêu bạt tại hải ngoại chưa có điều kiện gom sức vào xây dựng phục vụ đất nước, bất kịp đà tiến bộ của thế giới và nhân loại. Điều quan trọng hơn nữa là dân ta lại kinh qua, và thấu rõ những nguyên nhân, làm băng hoại cuộc đời, ô uế xã hội, làm cho đất nước điều tàn sụp đổ... Nay chỉ cần một cơ hội mới, trong hoàn cảnh mới, với ý chí và phương hướng đi lên, là người dân Việt có thể hội tụ đủ mọi yếu tố, điều kiện, nhân lực để phục hồi nhanh chóng sức sống và khả năng tiềm tàng của dân tộc làm rạng rỡ quê hương Việt Nam. Ngày ấy sẽ không xa.

Nguyễn Tuấn Khanh  
76726 Germersheim  
Germany

# ĐI TÌM MỘT LỄ CÔNG BẰNG

— • Hoàng Nguyên Khoa —

Ngày mừng một Tết năm Ất Hợi, 1995, đài truyền thanh truyền hình chiếu và phát đi một bản tin: *Chính phủ Hoa Kỳ và Hà Nội chính thức mở văn phòng liên lạc ở cả hai thủ đô. Trên màn ảnh TV, lễ ký kết thật vô cùng trang trọng, hai lá cờ đỏ sao vàng và sao trắng sọc gần liền nhau như "răng với môi". Giờ này năm ngoài, cũng nhân dịp đầu năm, chính phủ Clinton đã long trọng tuyên bố bãi bỏ lệnh cấm vận đối với cộng sản Việt Nam.*

Những quyết định quan trọng này đều xảy ra vào dịp đón mừng năm mới. Đó là những món quà mà chính phủ Hoa Kỳ đã ưu ái tặng cho nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam; thật là tế nhị và cảm động. Ai bảo người Mỹ không biết "chơi đòn cân nảo"!

Làm sao kể xiết nỗi mừng vui của chính quyền cộng sản Việt Nam, họ đốt pháo tung bùng khắp Sài Gòn, Hà Nội đầu năm 1994. Đi đâu cũng thấy bản tin: Mỹ bỏ cấm vận rồi, Mỹ trở lại... Sương đến nơi rồi; các cán bộ lớn, bé thi nhau đi học Anh văn, và tiếp theo đó hàng loạt cậu ấm, cô chiêu đầu xanh đít đỏ COCC (con ông cháu cha), hoặc CCCCC (con cháu các cụ cả) nhận chiếu khán du học, xếp hàng lũ lượt vào nước Mỹ học tập để sửa soạn cho một thế hệ "lâm quan tư bản".

Trong bản phúc trình về MIA và POW, chính phủ Hoa Kỳ tuyên bố vô cùng hài lòng về sự hợp tác thật chân thành của chính phủ cộng sản Việt Nam. Nhìn những chú bộ đội chum đầu với "ngài cụ để quốc" sấm soi từng nắm đất, hoặc hình ảnh các anh nông dân mồ hôi, mồ kê nhễ nhại, chống mộng, cúi đầu đào bới mong tìm kiếm một vài bộ xương lính Mỹ mà cảm động khôn lường!

Chính phủ Mỹ đã trao cho cộng sản Việt Nam một tài liệu dày cộm về địa điểm chôn các cán binh cộng sản tử trận lên đến cả trăm ngàn người.

Người lính Mỹ tử trận trên chiến trường Việt Nam nay đã được vinh danh là những Anh Hùng; Đài Tưởng Niệm bằng đá cẩm thạch đen được dựng lên ngay thủ đô Hoa Thịnh Đốn, ghi tên tất cả các chiến binh Mỹ tử trận tại Việt Nam. Họ là những chiến sĩ qua Việt Nam để ngăn chặn làn sóng đỏ. Họ đã đổ xương máu cho tự do của nửa phần đất Việt Nam xa lạ, người Việt Nam chúng ta luôn luôn ghi nhớ công ơn họ.

Trên quê hương Việt Nam chúng ta ngày nay, nếu ai về thăm nhà sẽ thấy ngay một hình ảnh nổi bật nhất; đó là khắp nơi nơi, chỗ nào cũng có đài tưởng niệm "Tổ Quốc Ghi Công".

Các cán binh cộng sản, vì lý tưởng Mác-xít Lenin-nít, quyết giải phóng miền Nam, thu về một mối, phủ đỏ

toàn cõi từ ái Nam Quan đến Mũi Cà Mau, theo đúng ước mơ của Hồ, khi Hồ đến thăm đền Đức Thánh Trần:

"Bác đưa đất nước qua nô lệ

Tôi dẫn năm châu đến đại đồng"

Các cán binh trẻ tuổi này đã lao vào lần tên mũi đạn, quyết đánh cho "Mỹ cút" đánh cho "Ngụy nhào". Bác còn hứa rằng:

"Đánh thắng giặc Mỹ ta sẽ xây dựng gấp mười ngày nay!!!"

Ngày lên đường đi B (vào miền Nam) các anh đã mang một tấm lòng nhiệt thành với Tổ quốc, Đại tướng Hoàng Văn Thái trong buổi lễ tiễn đưa đã khẳng định rằng 60% đất đai và 80% dân chúng đã được giải phóng, các anh vào chỉ để tiếp thu mà thôi. Số dân chúng còn lại đang ngóng cổ trông chờ các anh như đã được mô tả trong hai câu thơ sau đây:

"Bác nhớ miền Nam nỗi nhớ nhà

Miền Nam nhớ Bác nỗi mong cha"

Ở miền Nam dân chúng sống cực kỳ nghèo khổ, ruộng đồng phì nhiêu chỉ dành cấy lúa gạo tám thơm nuôi lính Mỹ, dân chúng ai có con gái thì phải giấu ngày giấu đêm, không thời bọn Mỹ biết được thì chỉ có chết!

Trong một truyện có tên là "Một Bạch Máu", đã được phổ biến sâu rộng là dùng làm tài liệu để toàn quân, toàn dân học tập thông suốt, có kể lại:

"... trong trận đánh với quân Giải phóng, một tên cố vấn Mỹ bị thương vô cùng trầm trọng cần phải tiếp máu ngay, nhưng hoàn cảnh chiến trường khó khăn, tên chỉ huy "ngụy" bèn bắt ngay một tên lính "ngụy" khỏe mạnh hút máu tên này và sang qua cho tên cố vấn Mỹ; kết quả tên cố vấn Mỹ sống và tên lính "Sài Gòn" chết thảm thiết".

Từ nhỏ các anh còn đi học ở trường làng, các anh đã cố gắng nắm nốt từng chữ cho trọn câu văn:

"Bác Lê-Nin ở nước Nga

Mà sao em thấy rất là Việt Nam"

Hơn một lần nữa các anh đã trào nước mắt theo câu thơ đau khổ của nhà thơ lớn hiện đại nhà nước XHCN:

"Hôm qua loa gọi ngoài đồng

Tiếng loa xé ruột xé lòng biết bao

... Ôi ông Xit-Ta-Lin ơi...

Thương cha, thương mẹ, thương chồng,

Thương mình thương một, thương ông thương mười".

Các anh cầm súng lăn xả vào lần tên mũi đạn vì hình ảnh mà cán bộ chính trị phổ biến đêm qua: "Các em bé miền Nam bị lính Mỹ xé xác để nuôi chó trận". Các anh không hề lui bước để làm tròn bài toán mà các anh đã làm từ khi học trường tiểu học: "Hôm qua ta giết 15 tên lính Sài Gòn, hôm nay ta giết thêm 10 tên nữa. Hỏi tổng cộng ta giết được bao nhiêu?"

Chúng tôi những người miền Nam tự do không lấy làm ngạc nhiên khi thấy ngày 30.4.1975, thân nhân miền Bắc vào thăm mang theo một chồng bát đĩa, 1 hay 200 gram đường làm quà. Ở ngoài Bắc nhân dân được thông tin rằng trong Nam ăn toàn bằng gạo dứa, những người bị cưỡng bách di cư năm 1954 khóc ngày khóc đêm vì lỡ làm xa tổ quốc, độc lập, tự do, hạnh phúc miền Bắc thân thương.

Các anh vào miền Nam, hình ảnh đầu tiên đập vào mắt là sinh hoạt phồn thịnh, phong phú của dân chúng tập nập từ đồng quê ra tỉnh, thành phố. Chưa kịp tỉnh hồn thì một đợt học tập được ban ra với chủ đề: xã hội miền Nam là phần vịnh giả tạo, v.v...

Đầu năm 1979, Bộ Chính Trị phổ biến một văn thư cho biết ngày Âm lịch bị sai; cho nên năm nay toàn dân ta phải ăn Tết trước một tháng. Thế là báo chí phụ họa theo, đồng loạt tấp tểng ngợi khen các đồng chí trong Bộ Chính Trị sáng suốt, phán là phải đúng. Nhân dân ta ăn Tết trước một tháng.

Ba mươi ngày sau, đúng đêm giao thừa của Trung Quốc, bộ đội cộng sản Việt Nam nổ tiếng súng tấn công trận địa chiến ào ào vào Kampuchia, nhà cầm quyền Trung Cộng đau khổ nhìn thấy thằng em Khờ Me Đờ bị đánh chạy dài; nhưng vì là ngày Tết, bộ đội chủ lực nghỉ về nhà ăn Tết, hầu hết các đơn vị chỉ để một số quân nhỏ. Loay hoay mãi đến mười ngày sau, Bộ Tư Lệnh quân Trung Cộng mới chấp đầu, ghép đuôi được một số đơn vị mang sang Việt Nam dạy cho thằng phản phúc một bài học đáng giá.

Mặt trận tăng nhanh cường độ khốc liệt trải dài sáu tỉnh biên giới nước ta. Một lần nữa cán binh cộng sản Việt Nam lại phải đẩy tới một chiến trường kỳ quái: cộng sản Việt Nam đánh cộng sản anh em Miền và tàn sát với cộng sản hữu nghị Trung Quốc. Những câu thơ mà các anh đã từng học tập như:

Việt-Hoa hai nước chúng ta

Vừa là đồng chí vừa là anh em

Hoặc có những khẩu hiệu:

"Hai nước Việt-Hoa đời đời bền vững, hai nước sống với nhau khắng khít như răng với môi. Mối hờ rắng lạnh".

Thời rồi kỳ này rằng đành cần phải môi vậy. Theo tài liệu được tình báo Trung Quốc tiết lộ, trong mười sáu ngày đêm đánh vui với nhau ở các tỉnh biên giới hai bên đều tận dụng hết sức mình để tàn sát lẫn nhau. Cuộc chiến không hề có tù binh, sáu tỉnh phía Bắc rất cuộc cũng lọt vào tay quân Trung Cộng, họ tàn sát, phá phách hết thảy từ sinh vật, động vật đến cơ sở vật chất trước khi rút đi.

Về mặt trận phía Tây, các anh tiến như thế chẻ tre, nắm toàn cõi Kampuchia không đầy hai mươi bốn ngày, vua Cam-Bốt phải bỏn ba qua Tàu và bắt đầu một cuộc chiến mới. Trong trận đánh nhau lâu dài này, có một số con em miền Nam bị gọi đi lính mà cán bộ gọi là trưng tuyến nghĩa vụ quân sự đi làm nghĩa vụ quốc tế tại

phía Nam, bị tử trận, thân nhân của các chiến binh này đến đòi xác thì được cán bộ trả lời rằng: "nhân dân Kampuchia muốn giữ lại để nhớ ơn các chiến sĩ Việt Nam anh hùng, nên không thể đem xác về được". Sự thật như thế nào chắc các anh cũng dự biết. Sau mười năm bị sa lầy ở Cam-Bốt, và trước áp lực của quốc tế, cộng sản Việt Nam phải rút quân về với tổn thất khoảng 70.000 bộ đội, và vào khoảng 20.000 người lính bị cụt chân, cụt tay hay mù mắt hoặc mang thương tích trở thành phế nhân. Một cuộc chiến mà các anh không biết rõ nguyên do, không một ai biết sự thật; họ đưa các

anh đi vào chỗ chết, họ xài sinh mạng các anh như người ta xài giấy bạc già, lãng phí không thương tiếc. Và mới đây cộng sản Việt Nam đã chính thức tuyên bố: "Cuộc xâm lăng Kampuchia hoàn toàn sai lầm, hết".

Người xưa thường có câu: "Không có một điều gì giấu được dưới ánh sáng mặt trời này cả". Sự sụp đổ của thể giới cộng sản chứng minh được rằng các anh đã chiến đấu cho một sự sai lầm, nếu không muốn nói là phản lại dân tộc. Ít nhất trong những người còn sống sót trong các anh đã nhận thấy chủ nghĩa cộng sản là nguyên nhân chính gây ra sự đổ vỡ tan nát cho quê hương trong 50 năm qua, hay nói khác đi theo lời ông Nguyễn Hộ, một đảng viên CS cao cấp, thân thờ: "Chủ nghĩa xã hội là sai lầm". Ông ta hối tiếc đã tiêu phí cả một cuộc đời cho chủ nghĩa kỳ quái ấy.

Kể từ năm 1960, khi cái gọi là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, một công cụ của cộng sản miền Bắc, ra đời, miền Nam chúng tôi không một ngày yên ổn. Vì sự sống còn của miền Nam tự do, hầu như mọi gia đình ở miền Nam đều có con em đi lính Cộng Hòa. Đây là một cuộc chiến đấu tự vệ, ngăn chặn làn sóng "đỏ" từ phương Bắc tràn xuống, người lính của Việt Nam Cộng Hòa đã chiến đấu có lý tưởng, có chính nghĩa. Chúng tôi tin tưởng chắc chắn rằng chủ nghĩa cộng sản là sai lầm, cần phải ngăn chặn, cần phải tiêu diệt chủ nghĩa độc hại ghê gớm này trước khi nó tác yêu tác quái, mà hậu quả không thể lường trước được. Để làm những hành động đó, chúng tôi đã phải tổn thất rất nhiều, máu của anh em chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa đã chảy thành sông, xương chất thành núi; nhưng họ đã thành công trong nhiệm vụ giữ gìn đất đai của Việt Nam Cộng Hòa từ đầu năm 1954 cho đến đầu năm 1975. Suốt thời gian 21 năm dài đó, miền Nam chúng tôi đã không cho phép người

cộng sản lấn chiếm được bất cứ một tỉnh lỵ nào dù đó là tỉnh địa đầu giới tuyến hay đèo heo hút gió trên cao nguyên gió lạnh mùa mưa để làm thủ phủ hầu ra mắt cái gọi là Chánh phủ lâm thời cộng hoà miền Nam Việt Nam, lừa bịp thế giới.

Quân cộng sản Bắc Việt đã tung hết toàn bộ lực lượng vào những trận đánh kinh hoàng như tổng tấn công Tết Mậu Thân, mùa hè đỏ lửa năm 1972, nhưng tất cả những mưu đồ đó đều bị bẻ gãy toàn bộ. Nếu nói rằng chúng tôi chiến đấu được là vì có sự hiện diện của người lính Mỹ bên cạnh. Thế thì như năm 1972 quân đội Hoa Kỳ hoàn toàn rút khỏi Việt Nam, Bắc quân dốc toàn lực tổng tấn công từ Quảng Trị tới quận



Năm Căn, miền cực Nam; trong trận chiến này bộ đội cộng sản đã xử dụng chiến xa yểm trợ cố gắng chiếm thị xã An Lộc với ý đồ bắt sống tướng Lê Văn Hưng để làm lễ ra mắt cái gọi là chính phủ lâm thời giải phóng miền Nam kỳ quái tại thủ đô Bình Long. Bộ đội cộng sản bâu vào tỉnh Bình Long như kiến, hàng hàng, lớp lớp chiến xa đi hàng ngang rơi đèn sáng rực, không cần nguy trang; bộ đội từng thiết chạy lúp xúp theo đông như kiến cỏ, tiếng hô xung phong vang trời dậy đất, kết quả chúng tôi vẫn đánh bại được cộng sản, đuổi quân xâm lăng chạy bạt vào rừng sâu bằng chính xương máu của dân và quân Việt Nam Cộng Hòa.

Đầu năm 1975, thế giới tự do đã quay lưng lại phản bội chúng tôi, người Mỹ đã có kế hoạch bỏ rơi chúng tôi. Tỉnh Phước Long chết tức tưởi, những người lính VNCH trong tỉnh đã chiến đấu ròng rã một tuần lễ không tiếp viện, không tàn thương; Bắc quân dùng chiến thuật biến người chiếm sân bay Phước Bình rồi hò hét xua chiến xa bao vây thị xã Phước Long. Cùng với trận địa pháo, chợ Phước Long phát hỏa trong ngọn lửa đỏ rực, người lính cộng hòa anh dũng của chúng tôi đã bắn cháy hàng chục chiến xa và đẩy lùi nhiều đợt tấn công biến người, đánh bật Bắc quân xâm lược ra khỏi vòng đai thị xã. Tin tức cực xấu bay tới người lính của chúng tôi, các Chi khu Đôn

Luân (tức Đồng Xoài), Bù Đăng (tức Đức Phong), Bù Đốp (tức Bố Đức) và Chi khu Phước Bình bị tràn ngập, người lính của chúng tôi chỉ được Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III nhỏ giọt đúng một Đại đội Biệt Cách Dù bằng trực thăng, và sau đó hoàn toàn không thêm quân trợ chiến. Sau khi tràn ngập cả bốn Chi khu chung quanh, Bắc quân dứt điểm chúng tôi, họ hò hét cùng với chiến xa, dùng chiến thuật biến người tràn ngập thị xã. Trong lúc thập tử nhất sinh, Đại tá Nguyễn Thống Thành, Tỉnh trưởng Phước Long ra chiến hào cùng chiến sĩ chiến đấu. Lúc này quân Bắc xâm lược đã trộn đấu với người lính của chúng tôi bằng trận đánh xáp lá cà bằng lựu đạn. Và lưới lè

được xử dụng tối đa, vị Đại tá Tỉnh trưởng Phước Long đã hy sinh trong trận chiến này. Số binh sĩ còn lại mở đường máu chạy vào rừng, để rồi nhận được những tin tức xấu hơn. Đạn được không được tiếp tế đầy đủ, đại bác chỉ nhỏ giọt có 3 viên đạn một ngày. Như vết đầu loang, Bắc quân đã tràn ngập hết tỉnh này đến tỉnh khác, và cuối cùng đưa đến ngày đen tối 30.4.1975.

Dù thế nào đi chăng nữa chúng tôi cũng phải chấp nhận sự phán xét, trách móc của cả một dân tộc: đã không bảo vệ được non sông như

nhận định của nhà thơ miền Bắc:

Khi Mỹ chạy bỏ miền Nam cho cộng sản  
Sức mạnh toàn cầu nhục nhã kêu than  
Hoặc

Vi ấu trĩ thờ ơ u tối  
Vi muốn an thân vi tiếc máu xương  
Cả nước đã quay về một mối  
Một mối hận thù một mối đau thương

.....  
Đau đớn này không chỉ riêng ta  
Mà tất cả  
Cả những kẻ đã nằm trong mả  
Và những bào thai trong bụng mẹ trót sinh ra

Chúng có quyền nguyên rủa lũ ông cha  
Đã để chúng sa xuống hầm tai vạ  
(Nguyễn Chi Thiện)

Thời gian thấm thoát qua đi, cuộc chiến đã tàn gần 20 năm dài, ngày hôm nay những người lính già còn sống đã nhìn thấy gì ngoài sự lãng quên hình ảnh người lính Cộng Hòa. Nghĩa trang của người lính Việt Nam Cộng Hòa bị cây lên, xương trắng của họ bị đổ xuống sông, xuôi theo dòng nước ra biển hòa cùng với những người dân Việt quyết ra đi tìm tự do. Họ là những ai? Phải chăng đó là những người lính tâm thường chỉ mong cầu được sống yên ổn, vui cùng với ruộng đồng và có một mái ấm gia đình đậm bạc như muôn người khác. Cuộc xâm lăng của chủ nghĩa

cộng sản đã bức họ ra khỏi lũy tre xanh đầu làng và họ đã phải chiến đấu cật lực với kẻ thù hung hiểm, máu của họ đã thấm vào lòng đất để cố ngăn chặn một chủ nghĩa bất nhân mà đến nay thế giới đã kinh tởm từ bỏ. Dù sao đi nữa, người lính chiến Việt Nam Cộng Hòa đã thấy trước được hiểm họa của nhân loại, họ đã đứng thẳng và trực diện với những làn đạn oan nghiệt của kẻ thù đồng chủng.

Những cậu học sinh năm xưa, đêm đêm cầm cụ học bài thì Tú Tài chợt lắng nghe tiếng đại bác từ xa vọng về, các em có biết rằng để đổi lấy một đêm yên lành cho các em ăn học, đã có những người lính Cộng Hòa âm thầm học chết hay không?

Buổi sáng tinh mơ từng đoàn xe dò chạy vun vút trên đường, họ có nghĩ rằng cùng con đường này đêm qua đã có những trận đánh để ngăn chặn Việt cộng đặt mìn, đắp mìn, và đã có những người lính gục chết, máu của họ vẫn chưa khô còn vương vãi đó đây hay không?

Cuối tháng Tư năm 1975, từng đoàn máy bay chở người di tản ra Hạm Đội Bảy, quý vị có biết rằng để đổi lấy từng giây phút quý báu đó, người lính Cộng Hòa đã phải đổ máu suốt từ Khánh Dương đến chốt chặn Hoàng Hoa Thám, xác của họ nằm chất đầy đường, ngập đất. Giờ phút cuối cùng đó trong cuộc đời của họ, làm sao không khỏi nghĩ đến mẹ già, vợ trẻ và những con mắt ngây thơ của dân con đại!!!

Nếu không có những người lính vô danh đó, thì chắc chắn trong 21 năm Tự Do của miền Nam Việt Nam có bao nhiêu thầy người đã phải ngã gục vì kiếm kè, đầu tở, và biến đồng phải tiếp nhận bao nhiêu xác người; còn đâu những kỷ niệm của trưa hè áo trắng nữ sinh, hoặc trên đường Duy Tân cây dài bóng mát?

Đã bao năm qua, hàng năm, toàn thế giới tự do ngậm ngùi tưởng nhớ các Chiến sĩ của họ đã tử trận ở Việt Nam.

Đến bao giờ... Đến bao giờ... trả lại Người Lính Việt Nam Cộng Hòa Một Năm Mồ, Một Đài Kỷ Niệm ghi công họ đã đổ xương máu cho lý tưởng tự do, chống một chủ thuyết ma quái mà hiện nay cả thế giới đã loại trừ. Đến bao giờ, hỡi Trời? Hãy trả lại sự công bằng cho Người Lính Việt Nam Cộng Hòa.

\*Sài lang kia, núi sông nào của người?

Trả ta sông núi

Không đòi, ai trả sông núi ta!

Núi sông ấy của người dân Việt  
Chống Bắc phương, từng quyết thư hùng.

(Trích trong bài thơ Trả Ta Sông Núi của Vũ Hoàng Chương)

## VỀ CÁI GỌI LÀ "Sự Nghiệp Trồng Người" ở Việt Nam

• Trần Đức

Từ lâu người ta đã xác định một vấn đề có tính chất qui luật là : Ở nước nào và thời nào cũng vậy, đầu tư giáo dục là thước đo của chính sách nâng cao dân trí của một nước. Để xây dựng một quốc gia giàu mạnh, một xã hội văn minh thì người dân nói chung, những người kể tục nói riêng phải có trí thức cao. Thế nhưng, mãi đến hội nghị ban chấp hành Trung Ương 7, 1994, Đỗ Mười, kẻ cầm đầu Đảng Cộng Sản Việt Nam mới đề cập đến điều đó và được những tên tay sai, cơ hội hưởng ứng như một phát minh kỳ diệu. Đỗ Mười nói: "Ngày nay văn hóa được coi là một yếu tố nội sinh, không phải chỉ là kết quả, mà còn là nguyên nhân của sự phát triển. Phát triển kinh tế xã hội phải đặt trên nền tảng văn hoá...".

Tuy nhiên, lời nói của Đỗ Mười cũng như thói quen và thủ đoạn mị dân có hệ thống của Đảng Cộng Sản Việt Nam là nói một đường, làm một nẻo. Chúng ta hãy xem trên thực tế ngành Giáo dục và đào tạo được quan tâm và phát triển như thế nào?

Theo con số thống kê chính thức, so với đòi hỏi cần thiết của nền giáo dục và đào tạo chỉ mới đáp ứng khoảng 50% so với kiến nghị về ngân sách giáo dục của Bộ chủ quản cho năm học 1993-94 do khả năng ngân sách hạn hẹp, chưa cân đối thu chi.

Hiện nay còn trên hai triệu trẻ em ở độ từ 6 đến 14 tuổi thất học và trên 10% học sinh tiểu học bỏ học vì không có tiền đóng học phí. Giáo viên thiếu

ngghiêm trọng, năm học 1994-95 thiếu 7 vạn, chủ yếu là giáo viên tiểu học. Lý do chính là bỏ đi làm nghề khác vì dạy học lương rất thấp và vì năm học 1994-95 số học sinh tăng thêm khoảng 50 vạn. Chất lượng giáo viên kém do đào tạo gấp và một phần do phải làm thêm nghề phụ để kiếm sống qua ngày nên không tập trung vào nghề chính được.

Bức tranh về đội ngũ giáo viên các trường đại học lại càng đen tối, nhiều giáo viên tuổi cao, không có người thay thế, số từ 50-60 tuổi chiếm 40%. Nhiều học sinh thi đỗ đại học nhưng không theo học được do nghèo. Số đông sinh viên gặp phải những khó khăn vô cùng nan giải vì không được bao cấp về ăn và ở. Mà ăn ở như vậy thì chi năm không cũng đã mệt chứ chưa nói đến học tập, nghiên cứu.

Mặt khác, trường lớp cơ sở vật chất nhiều nơi đang xuống cấp, nhất là ở vùng sâu, vùng cao, nhiều nơi trường không ra trường, lớp không ra lớp. Trang thiết bị dạy học thiếu cơ bản, số sách có cần được thay thế và bổ sung nhưng thiếu ngân sách để khắc phục.

Ngoài ra việc xử dụng số sinh viên đã tốt nghiệp là vấn đề không thể giải quyết được. Hiện nay tồn đọng trên 15000 đã tốt nghiệp đại học và trên 1600 phó tiến sĩ, tiến sĩ chưa có việc làm. Do vậy, họ vẫn phải vứt bỏ chất xám của mình hoặc đi làm nghề khác để kiếm sống.

Qua thực tế trên không hiểu cái "yếu tố nội sinh" mà Đỗ Mười cũng như Đảng Cộng Sản Việt Nam nhắc đến bao giờ thì được tạo ra và từ đâu? Và như vậy, lời giáo huấn chết tiệt "vì lợi ích trăm năm phải trồng người" của ông Hồ tới khi nào mới được những kẻ đầy tớ trung thành thực hiện để đền đáp công ơn trời biển đưa đất nước xuống vực thẳm như hiện nay của "Người".

Thơ - Tâm Hoan

Thân tặng Anh Văn Long

*Chuối Già*

*Chuối Trẻ*

*Chẳng hiểu vì sao gọi chuối già  
Chữ già thử hỏi lấy đâu ra?  
Ngoài xanh môn môn nhìn ưa thích  
Trong trắng như gà khó bỏ qua  
Chẳng giống bà già mềm nhão thịt  
Không như ông cụ nhũ nhân da  
Thơm, ngon, ngọt - đẹp như con gái  
Chuối trẻ nào đâu phải chuối già.*

*Từ nay xin đổi tên chuối trẻ  
Đừng gọi chuối già tủi thân ta  
Ai lúc khát lòng, ta chia xẻ  
Người khi đói dạ, cũng nhờ ta  
Ta giúp mọi người nhiều sức khoẻ  
Trên dưới vui tươi khắp mọi nhà  
Yêu ta xin nhớ đừng khinh rẻ  
Gọi mãi tên ta - loại chuối già  
Khổ lắm mà!*

# THỬ TÌM HIỂU VỊ TRÍ, CHỦ QUYỀN

quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa,  
đưa đến sự tranh chấp những túi dầu  
ở thềm lục địa Việt Nam

Người Việt của chúng ta nghĩ gì hành động của  
Trung Hoa cướp các quần đảo Việt Nam ?

## • Đất Việt

**C**ăn cứ theo quyển Địa Lý Đại Cương Việt Nam Mến Yêu của tác giả Phạm Thăng, nước Việt Nam của chúng ta có bờ biển dài độ 2.500 cây số, có nhiều hải cảng tốt. Theo đặc tính địa thế cấu tạo, bờ biển Việt Nam được chia thành nhiều đoạn từ Vịnh Bắc Phần tới Vịnh Rạch Giá như sau:

### Đoạn từ Móng Cái đến Hải Phòng

Bờ biển hiểm trở, có nhiều đảo lớn như đảo Cái Bàn, Cát Bà và gần 3.000 đảo nhỏ trong Vịnh Hạ Long nổi tiếng với nhiều hang động đẹp, đáng là kỳ quan trên thế giới.

### Đoạn từ Hải Phòng đến Qui Nhơn

Bờ biển tương đối bằng phẳng và thấp, nhiều Vịnh nhỏ có cát trắng, những dãy Trường Sơn có những ngọn núi nhỏ ra bờ biển tạo thành mũi đá như: Mũi Đờ Sơn (Kiến An), Mũi Nga Sơn (giữa Ninh Bình, Thanh Hóa), Mũi Rạn dưới chân Đèo Ngang (Hà Tĩnh), Mũi Chân Mây dưới chân đèo Hải Vân, Mũi Ba Làng An ở Quảng Ngãi, Mũi Yến ở Qui Nhơn. Đoạn này có vũng Đà Nẵng nằm giữa bán đảo Sơn Trà xưa là hòn đảo nhỏ sau bị phù sa bồi đắp nối với đất liền. **Ngang Đà Nẵng cách bờ độ 300 cây số có Quần đảo Hoàng Sa**, (nước Trung Hoa gọi là Tây Sa). Đó là những đảo san hô không cao quá 3 thước có nhiều phốt phát lộ thiên.

### Đoạn từ Qui Nhơn đến Vũng Tàu (Bà Rịa)

Bờ biển hiểm trở vì rặng Trường Sơn nằm sát biển tạo nhiều vách đá dựng đứng và mũi đá như: Mũi Nạy dưới chân Đèo Cả ở Khánh Hòa, Mũi Dinh ở phía Nam Phan Rang, Mũi Né ở Bình Thuận, Mũi Kê Gà ở Bình Tuy, Mũi Vũng Tàu ở Phước Tuy. Ngoài khơi ngay Hội An có Cù lao Chàm, Cù lao Ráy, Cù lao Rùa ngang Quảng Ngãi.

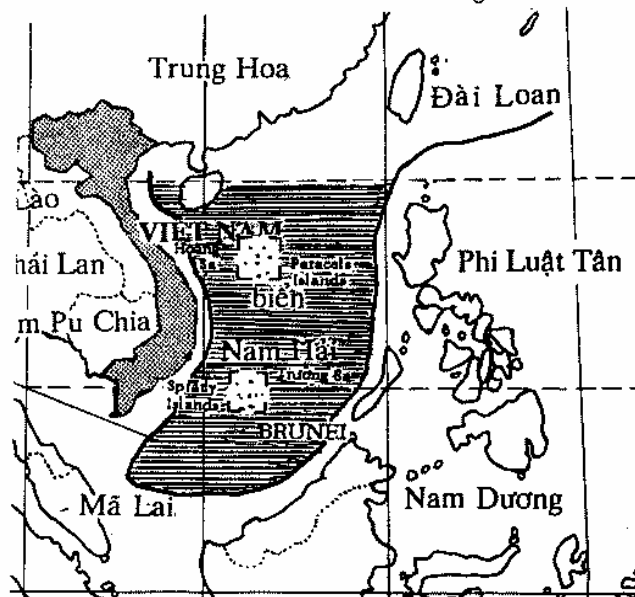
### Đoạn từ Vũng Tàu đến Hà Tiên (Rạch Giá)

Bờ biển bằng phẳng nhờ có cửa sông Cửu Long. Vì phù sa mỗi năm mỗi bồi thêm, nên nhiều vùng chưa đủ cao, có

nhiều khu rừng Tràm, rừng Sát, rừng Đước còn ngập nước. **Ngang Vũng Tàu cách bờ biển độ 500 cây số về phía Đông Đông Nam có Quần đảo Trường Sa**, (nước Trung Hoa gọi là Nam Sa). Ngoài khơi cửa sông Cửu Long có quần đảo Côn Sơn, sát Mũi Cà Mau có Hòn Khoai. Phía Vịnh Rạch Giá có hòn Phụ Tử, đảo Phú Quốc, quần đảo Nam Du, quần đảo Thổ Châu. Đảo Phú Quốc thuộc tỉnh Rạch Giá (Kiên Giang) là hòn đảo lớn nhất của Vịnh Rạch Giá, rất trù phú về kinh tế nhờ có cá cơm, cá mè làm nước mắm nổi tiếng. Bờ biển Việt Nam hướng ra đại dương nên có nhiều bãi biển dành cho dân chúng và du khách như: Sầm Sơn, Đồ Sơn, Đại Lãnh, Nha Trang, Vũng Tàu, Hà Tiên là những bãi biển xinh đẹp của nước Việt Nam. Cam Ranh là một trong các hải cảng thiên nhiên lý tưởng nhất thế giới.

## 1. Vị trí quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa

- **Quần đảo Hoàng Sa:** Nằm ở vị trí



Vùng lãnh hải nằm trong quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đang tranh chấp với các nước trong vùng.

ngang Đà Nẵng (Quảng Nam), cách bờ biển độ 300 cây số (như đã trình bày ở

trên). Dựa theo tài liệu ghi trong Hồng Đức Bản Đồ dưới thời vua Lê Thánh Tôn (1460-1479), thì sách Toàn Tập Thiên Nam Tứ Chí Lộ Đồ của ông Đỗ Bá tự Đào Phủ biên soạn năm 1630, đã xác nhận Quần đảo Hoàng Sa là một bãi Cát Vàng, có chiều dài ước chừng 400 dặm, chiều ngang 20 dặm, chạy từ Cửa Đại Chiêm đến Cửa Sa Vinh (Sa Huỳnh?), cách bờ khoảng 135 hải lý, thuộc tỉnh Quảng Ngãi. Quần đảo Hoàng Sa có cái tên ngoại quốc là Islands Paracels.

- **Quần đảo Trường Sa:** Nằm ở vị trí ngang Vũng Tàu (Bà Rịa) cách bờ biển độ 500 cây số về phía Đông Đông Nam, có cái tên ngoại quốc là Islands Spratley. Quần đảo Trường Sa cách quần đảo Hoàng Sa khoảng 350 hải lý về phía Nam, bờ biển Việt Nam.

## 2. Chủ quyền Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc lãnh hải Việt Nam:

Nước Việt Nam nằm ở góc Đông Nam Lục Địa Châu Á, còn gọi là vùng Đông Nam Á, Bắc giáp Trung Hoa, Tây giáp Lào và Cao Miên, Đông và Nam giáp biển Nam Hải bao quanh, cho nên bờ biển Việt Nam có chiều dài độ 2.500 cây số, hình thể cong như chữ S, từ cực Bắc là Đờng Văn (tỉnh Hà Giang) ở 23°24 Bắc vĩ tuyến chạy dài xuống cực Nam là mũi Cà Mau (tỉnh Minh Hải) ở 8°33 Nam vĩ tuyến. Về kinh tuyến, nước Việt Nam nằm từ 102 độ Tây đến 109 độ Đông. Vì thế chiếm một vị trí chiến lược quan trọng trên trục giao thông chánh yếu từ Bắc xuống Nam của đường biển như: Trung Hoa, Đài Loan, Phi Luật Tân, Brunei (Nam Dương), Mã Lai v.v... (nên 5 nước này lúc nào cũng tìm cách tranh giành ảnh hưởng bờ biển với Việt Nam, nhất là

các Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa).

Theo Công Pháp Quốc Tế về lãnh hải ấn định: Các đảo ở gần quốc gia nào nhất thì thuộc quyền sở hữu của quốc gia đó và thềm lục địa là phần đất nằm dưới biển, nối liền từ bờ biển của quốc gia đó

trải dài cho tới độ sâu 200 fathom

(fathom = 1,828m). Các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đều có thềm lục địa nối liền liên tục với bờ biển Việt Nam, không có độ sâu có mức ấn định Công Pháp Quốc Tế, cho nên các Quần đảo này thuộc lãnh thổ Việt Nam, thế mà các nước trong vùng ảnh hưởng đến bờ biển Việt Nam đều có ý tranh giành.

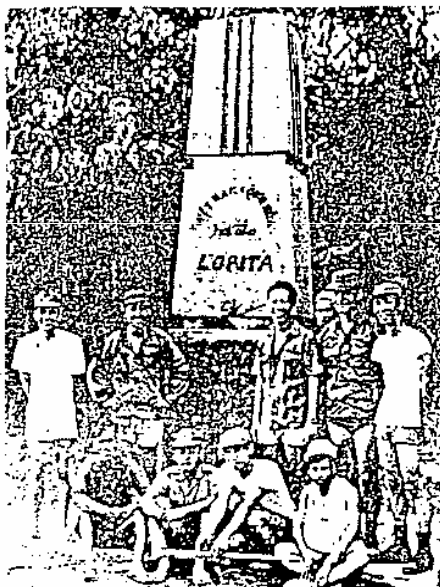
Ngược dòng lịch sử, các vua chúa Việt Nam cũng như các nước giao thiệp với nước Việt Nam, đều minh định Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc lãnh thổ Việt Nam. Dưới thời các vị vua Gia Long, Minh Mạng đều có cử quan lại trông coi, đo đạc, dựng miếu trên quần đảo. Đến thời Pháp thuộc cũng có đặt đài khí tượng và cơ quan hành chánh như Nha Thương Chánh được thành lập từ năm 1920 (Service des Douans) để ngăn ngừa buôn lậu. Kể đến năm 1925, Hải Học Viện Nha Trang mới cử một nhóm bác học ra đảo để nghiên cứu và quần đảo Hoàng Sa được đặt trực thuộc tỉnh Thừa Thiên năm thứ 13 Bảo Đại.

Theo tài liệu của nước Hòa Lan cũng ghi rõ dưới thời chúa Nguyễn Phúc Nguyên (1613-1635), một đoàn tàu gồm 3 chiếc của Hòa Lan là Veenhulzen, Schagen và Grootebroock (Journal de Batavia, ấn hành vào các năm 1631 - 1634 - 1636) của Công ty Đông Ấn thuộc Hòa Lan đã đi từ Batavia đến Tourane (Đà Nẵng), rồi nhổ neo đi về hướng Formosa (Đài Loan). Trên đường đi, vào ngày 21.7.1634 thì gặp bão, hai chiếc đến được Formosa (Đài Loan), còn một chiếc Grootebroock bị bão làm chìm gần quần đảo Hoàng Sa (Paracels), thuyền trưởng Huich Jansen và một số thủy thủ đã dùng thuyền nhỏ để đến vùng duyên hải xứ Đàng Trong của Chúa Nguyễn, với hy vọng mua thuyền lớn để cứu vớt những thủy thủ đã lợi lên quần đảo Hoàng Sa, họ mang theo 5 thùng bạc và 3570 réaux đựng trong 17 bao. Nhưng khi đến đất liền, họ không được giúp đỡ như mong ước. Trái lại, còn bị viên chức đặc trách hải môn và thương thuyền tịch thu tất cả tiền bạc mang theo. Sau khi trở về Batavia bình an, thuyền trưởng Brootebroeck đã báo cáo tự sự với chính quyền ông. Mãi 2 năm sau, vào ngày 16.3.1636, thương gia Hòa Lan tên Abraham Dutjeker tìm đến Faifoo, tức Hội An, xong từ đó ra Thuận Hóa (Huế) xin yết kiến Chúa Thượng Nguyễn Phúc Loan (nổi ngôi cha là Nguyễn Phúc Nguyên) để xin giao thương, đặt thương điểm, đồng thời xin Chúa Nguyễn Phúc Loan trả lại số tiền đã tịch thu. Chúa Nguyễn tiếp đón Dutjeker rất hậu, nhưng cho rằng sự việc đã xảy ra từ thời vua cha. Hơn nữa, viên chức hành xử vụ tịch

thu đó về sau vì tham những 34.000 lượng bạc đã bị xử trảm, nên chẳng còn những chứng tích. Để đền bù các thiệt hại của người Hòa Lan, Chúa Thượng chấp thuận cho giao thương, buôn bán và Abraham Dutjeker về sau là trường thương điểm (tài liệu của Học giả Thái Văn Kiểm).

Trong các quyển Mémoire sur la Cochinchine của Jean Baptiste Chaigneau (1769-1852) và Univers, histoire et Description de tousles Peuples xuất bản 1883 tại Pháp, thì có đoạn nói về quần đảo Hoàng Sa (Paracels), thời đó người Việt gọi là Bãi Cát Vàng (Hoàng Sa), gồm nhiều đảo san hô chẳng chịt, thuộc xứ Đàng Trong cai quản. Hoàng Đế Gia Long long trọng kéo cờ Việt Nam từ đó.

Năm 1927, tàu De Lanessan của Pháp đã tới khảo sát Hoàng Sa cũng như Trường Sa. Đến năm 1930, chính quyền Pháp cử phái đoàn ra cắm cờ trên Đảo và đến năm 1933, chính quyền Pháp phái ba chiếc tàu mang tên Alerte, Astrobale và De Lanessan đến từng các đảo nhỏ trong quần đảo Trường Sa



Hình một số quân nhân thuộc đơn vị trú phòng trên đảo Loai-Ta thuộc quần đảo Trường Sa, trước đĩa chủ quyền của Việt Nam Cộng Hòa trên đảo này.

(Spratley) để cắm cờ. Việc thu nhận các đảo Ambova Cay (An Bang), Spratley (Trường Sa), I tu Aba (Ba Bình) và Loai Ta, Thị Tu đã có thông cáo chính thức về việc xác nhận chủ quyền trên quần đảo Trường Sa, được đăng tải trên Công Báo Đông Dương (Journal Officiel de l'Indochine) ngày 25.9.1933 trang 7784. Do nghị định của Toàn Quyền Đông Dương ký ngày 21.7.1933, Quần đảo Trường Sa được sát nhập vào tỉnh Bà Rịa (Phước Tuy trong thời Đệ I và Đệ II Việt Nam Cộng Hòa).

Đến thời Đệ I VNCH, chính quyền giao cho Đàng Càn Lao (Thanh Niên Cộng Hòa) thành lập công ty khai thác phân bón Goémom ở quần đảo Trường Sa. Nhưng đảng làm biếng đi xa, giao lại cho tài phiệt Đài Loan. Đệ I Cộng Hòa bán cái việc này cho đảng, tưởng không

quan trọng, không ngờ gây tai họa lớn về sau (Trích Vòng Hoa Tâm Linh của Tâm Trang Ngô Trọng Anh, Báo VG 83, trang 28).

Kể từ thời Đệ II VNCH, có một đơn vị quân lực VNCH thường trú tại Hoàng Sa và Trường Sa. Đến ngày 19 và 20.01.1974 Trung Hoa CS đến gây hấn cưỡng chiếm Quần đảo Hoàng Sa bằng cuộc hải chiến với hải quân QLVNCH từ đây.

Hình ảnh trên đây là chứng tích Quân Lực VNCH đã trú phòng tại Quần đảo Trường Sa thuộc lãnh hải Việt Nam.

Những chứng minh lịch sử và dẫn giải kể trên đã cho thấy rõ ràng cũng như phái đoàn Chính phủ Việt Nam Tự Do đã tham dự Hội Nghị Quốc Tế nhóm họp tại San Francisco (Hoa Kỳ) vào năm 1951 đã chính thức công bố chủ quyền của Việt Nam trên các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa mà không thấy quốc gia nào phản đối (kể cả các quốc gia như Trung Hoa CS, Đài Loan, Phi Luật Tân, Brunei (Nam Dương) và Má Lai Á). Để rồi, mãi đến năm 1956, khi quân đội Pháp bắt đầu rút khỏi Việt

Nam, thì Trung Hoa CS đã cho hải quân ra đánh chiếm nhóm Tuyên-Đức, thuộc phía Đông quần đảo Hoàng Sa; khi Mỹ rút khỏi Việt Nam, thì Trung Hoa CS lại cho hải quân đến gây hấn cưỡng chiếm nốt nhóm Nguyệt Thiềm phía Tây quần đảo Hoàng Sa, với số quân gấp bội phần, làm cho đơn vị trú phòng của Quân lực VNCH thời Đệ II VNCH phải thất thủ sau 2 ngày giao tranh 19 và 20.01.1974. Trong khi đó Chính phủ Cộng Sản Bắc Việt thì hoan hỉ tiếp đón phái đoàn bóng bần Trung Hoa CS mà không có một lời phản đối về hành động xâm lăng, cưỡng chiếm đất nước Việt Nam của quan thầy vĩ đại, chúng tỏ lòng phản bội của Chính phủ CS Bắc Việt đối với đất nước của Tổ Tiên Việt Nam đã bỏ công sức dựng nước và giữ nước Việt Nam cho Dân Tộc Tiên Rồng của chúng ta.

### 3. Nguyên nhân nào đưa đến sự tranh chấp những túi dầu ở thềm lục địa Việt Nam và sự công hiến Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cho quan thầy Trung Hoa CS của CSVN ?

Như chúng ta đều biết Chính phủ Trung Hoa CS lúc nào cũng tìm cách lấn chiếm nước Việt Nam, nên đã tìm mọi cách để đưa nước Việt Nam thành một Quận hay một Tỉnh của Trung Hoa CS, đến khi Miền Bắc Việt Nam trở thành em út XHCN, (Trung Hoa CS đã góp phần chiến thắng Điện Biên Phủ, chứ chẳng phải Tướng Võ Nguyên Giáp có đủ tài cán đánh quân lính Pháp bại trận Điện Biên Phủ).



Ngược dòng lịch sử, Nguyễn Tất Thành đã hấp thụ chủ thuyết Mác Lê làm rường cột cho kế hoạch tổng thể và tại Mát-cơ-va năm 1924 trong chương trình nghị sự của hội nghị thứ V (Comintern) đảng cộng sản quốc tế, Nguyễn Tất Thành được sự đồng ý và chấp nhận dưới sự hướng dẫn của các thủ lĩnh cộng sản tối cao Sô Viết, rồi được đưa về nước để thi hành kế hoạch xích hóa toàn cầu với cái tên mới là Nguyễn Ái Quốc. Sau đó, Nguyễn Ái Quốc lại đổi tên là Lý Thụy, để nhận thêm chỉ thị của Trung Hoa CS dưới chiêu bài tam dân chủ nghĩa: Dân Tộc, Dân Quyền và Dân Sinh, ngõ hầu xích hóa nước Việt Nam sẽ nằm gọn trong hai khẩu hiệu Của Dân, Do Dân và Độc Lập Tự Do Hạnh Phúc. Thế nên, nước Việt Nam dù có độc lập ở Miền Bắc 1954 và sau này chiếm trọn cả nước Việt Nam (30.4.1975), chính phủ CSVN lúc nào cũng bị Nga Sô và Trung Hoa CS hướng dẫn sinh hoạt chính trị quốc nội, từ cuộc Cải Cách Ruộng Đất, Trăm Hoa Đua Nở đến nghĩa vụ quốc tế cuối cùng là lần chiếm nước Cao Miên và quay đầu bá phục Trung Hoa CS.

Thật đúng vậy, trong thời kỳ chiến tranh Quốc Cộng, Chính phủ CSBV được sự lãnh đạo của Nga Sô và Trung Hoa CS, nên phải bị sự chỉ đạo cuồng tin của đảng cộng sản quốc tế, ngõ hầu thi hành kế hoạch xích hóa toàn cầu, trong đó nước Việt Nam mền yếu của chúng ta là một con chốt không hơn, không kém. Nước Việt Nam nằm cạnh kề với nước Trung Hoa CS vĩ đại, như môi với răng, thế nên nước Trung Hoa CS đã tận tình giúp đỡ quân trang, khí cụ... để chính phủ CSBV đưa những nhân dân ra đờ đạn, thi hành kế hoạch của bọn CS quốc tế, ngõ hầu cướp trọn cả nước Việt Nam; song song Chính phủ Trung Hoa CS lúc nào cũng muốn xâm chiếm đất nước Việt Nam để cho nước Trung Hoa CS, thế nên một khi Chu Ân Lai, Tổng Lý Quốc Vụ Viện muốn lần chiếm vùng lãnh hải gồm các Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, thì Phạm Văn Đồng, Thủ Tướng Chính phủ CSBV cũng chấp nhận thi hành kế hoạch cắt đất Việt Nam cho Trung Hoa CS bằng một công hàm gửi ngày 14.9.1958 cho Chu Ân Lai, với nội dung hoan hỉ xác nhận và tán thành (Báo Nhân Dân số 1653, ngày 22.9.1958). Sau khi chiếm trọn cả nước Việt Nam, Chính phủ CSVN không ngần ngại theo Nga Sô, bỏ Trung Hoa CS để rồi dâng hiến Nga Sô những hải cảng Cam Ranh, Đà Nẵng, đồng thời phải nhận công tác đi làm "nghĩa vụ quốc tế" tại Cao Miên, mặc dù Trung Hoa CS phản đối, để rồi mang sự thất bại ê chề. Nga Sô cùng các nước CS Đông Âu đã biến thể thành những nước Tự Do, Dân Chủ, Nhân Quyền. Thế nên, muốn giữ thể chế một nước Cộng Sản, không còn đường nào khác hơn là phải quay đầu

lại khuất phục đàn anh vĩ đại Trung Hoa CS, mặc dù trước đó Chính phủ CSVN đã chơi trò "ăn cháo đá bát" với Trung Hoa CS. Để nối lại tình xưa, nghĩa cũ "môi hở răng lạnh", Chính phủ CSVN phải bắt buộc chấp nhận yêu sách của Đặng Tiểu Bình loại trừ các tên Nguyễn Cơ Thạch, Nguyễn Đức Tâm. Mai Chí Thọ ra khỏi Bộ chính trị Trung ương Đảng vì tội đã toa rập với Nga Sô trong giai đoạn trước. Riêng Nguyễn Cơ Thạch cũng vừa là Phó Thủ Tướng kiêm Ngoại Trưởng mà còn bị hạ tầng công tác, để thay thế bởi Nguyễn Mạnh Cầm với chức Ngoại Trưởng. Sau đó, Nguyễn Mạnh Cầm tân Ngoại Trưởng đã nhanh lẹ qua Trung Hoa CS. Cũng như hơn một năm trước đó, Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười, Võ Chí Công đã bí mật qua Trung Hoa CS để van xin nối lại tình xưa. Vào trung tuần tháng 11 năm 1991, Đỗ Mười Tổng bí thư, Võ Văn Kiệt, Thủ tướng cùng bầu đoàn thể từ qua Bắc Kinh xin bề kiến với giới lãnh đạo CS Trung Hoa. Cuộc thương thảo diễn ra trong 4 ngày, nhiều hiệp ước thương ước đã được ký kết. Tất cả CSVN đều ở thế "hạ phong", từ vụ Trung Hoa CS đòi nợ, tới vấn đề các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, vấn đề biên giới, vấn đề bồi hoàn tài sản cho những người Việt gốc Hoa bị CSVN cướp đoạt trước đây, vấn đề cho hồi hương những người Việt gốc Hoa này mong muốn trở lại Việt Nam, vấn đề cho hàng hóa mang nhãn hiệu Trung Hoa CS được tự do buôn bán ở Việt Nam... Tất cả đều là những vấn đề tạo "nhức mình, nhức mắt" cho giới lãnh đạo CSVN. Vụ thiếu nợ trong những năm chiến tranh xâm lăng Nam Việt Nam. Trung Hoa CS nói CSVN nợ 185 triệu đô-la US chưa trả, CSVN nói chỉ nợ 17 triệu đô-la US. Vụ quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, CSVN giờ phải công nhận chủ quyền cho Trung Hoa CS. (Thế nên, khoảng 10 học giả Trung Hoa CS đến Đài Loan dự một buổi hội thảo với 100 học giả địa phương vào những ngày 28 và 29 tháng 6 năm 1994. Sau 2 ngày họp, họ tuyên bố rằng: "Trung Hoa CS có chủ quyền lịch sử về vùng tranh chấp các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Bởi vì, Chính phủ CSVN gục mặt chấp nhận sự cắt đầu cầu hòa với Trung Hoa CS). Vùng biên giới Việt-Hoa, sau vụ xua quân chiếm một số tỉnh miền Bắc vào năm 1979, sau đó Trung Hoa CS còn chiếm đóng một số làng dọc theo biên giới, giờ nhất định bắt CSVN phải xác định lại lần ranh biên giới lại... Nhưng gay go hơn nữa là Bắc Kinh nói hơn 200.000 người Việt gốc Hoa bị xua đuổi khỏi Việt Nam trước đây, hiện giờ sống ở Trung Hoa CS, nay yêu cầu CSVN cho họ trở về lại Việt Nam sinh sống và hoàn trả tài sản cho họ. Còn vấn đề buôn bán, hơn 2 năm qua hàng hóa Trung Hoa CS tràn vào thị trường Việt

Nam khiến một số cơ xưởng VN vỡ nợ, đóng cửa (Chỉ ở Móng Cái, mỗi ngày có hơn 300 người Hoa mang hàng hóa qua bán, với 400 chợ nhỏ hàng hóa của Trung Hoa CS cũng được bày bán, người Tàu qua lại không cần giấy tờ gì cả... v.v.... (Trích Báo VG số 66, trang 60).

Để tạm kết thúc đề tài Sự Tranh Chấp Chủ Quyền Các Quần Đảo Hoàng Sa và Trường Sa này, trước nhất tôi xin đồng tình hoan nghênh GS Nguyễn Văn Canh, Cụ Phùng Ngọc Sa, Cụ Trần Quang Túc... đã viết Tuyên Cáo, xin chữ ký, viết bài phản đối Trung Cộng chiếm đoạt các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, với các văn kiện tham khảo quá đầy đủ, mà chính tôi đã mạn phép trích dẫn để tiếp nối viết bổ túc thêm, ngõ hầu cho quý vị đồng hương VN biết rõ thêm sự kiện lịch sử đau buồn nhất, mà Chính phủ CSVN lần lượt cắt đất để được tiếp tục sinh tồn theo CS vô nhân.

Vấn đề Chủ Quyền Các Quần Đảo Hoàng Sa và Trường Sa Trong Lãnh Hải Việt Nam, Tất Nhiên Thuộc Về Việt Nam, tôi tin rằng chế độ CS sẽ bị lật đổ, khi đó Chủ Quyền các Quần Đảo Hoàng Sa và Trường Sa sẽ được phục hồi, bởi vì Chính phủ tương lai Không Phải là Chính phủ đàn em của Trung Hoa CS, thì tất cả những văn bản của Chính phủ CSVN xem như vô hiệu, bởi vì Đất Nước, Lãnh Thổ của Việt Nam, thì Người Việt Nam phải làm Chủ Quyền, tất cả các nước trên thế giới đều công nhận như thế đó trong tương lai.

Để cho các Chính phủ Âu, Mỹ, Úc Châu có quý vị đồng hương Việt Nam hiện sinh sống và tất cả quý vị đồng hương ở Việt Nam biết rõ thực trạng sự cưỡng chiếm các Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trong lãnh hải Việt Nam của Trung Hoa CS, là do nguyên nhân cắt đất thuộc các Quần đảo này của Chính phủ CSVN, để dâng hiến cho Trung Hoa CS, ngõ hầu tiếp tục làm con cớ cho cộng sản quốc tế. Đó là hành động của Chính phủ CSVN đã phản lại tinh thần anh dũng của tiền nhân qua những trận đánh Đống Đa, Bạch Đằng để giữ nước, làm cho giặc phương Bắc phải kính phục. Do vậy, chúng ta là người Việt Nam, không thể cúi đầu theo Chính phủ CSVN, mà chúng ta cần phải kết hợp với tất cả Hội-Đoàn Việt Nam ở hải ngoại, để cùng chung có tiếng nói phản đối việc Chính phủ CSVN cắt đất dâng hiến cho Trung Hoa CS, đồng thời kêu gọi các quốc gia trên thế giới có hành động ngăn chặn Trung Hoa CS xâm chiếm lãnh hải, các Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Do vậy, chúng ta sẽ không hổ thẹn với bậc tiền nhân, bởi vì Đất Nước Việt Nam thuộc Chủ Quyền của Việt Nam.



# trước ngưỡng cửa định mệnh mới

• Phan Ngọc

Mấy lúc gần đây, dư luận và báo chí Âu Mỹ thường bàn luận đến Việt Nam. Về khía cạnh kinh tế, họ nhận định Việt Nam có nhiều tiềm lực sản xuất, có khả năng phát triển kinh tế và nếu được trợ giúp của ngân hàng quốc tế cũng như của khối kỹ nghệ tư bản, có thể trở thành "rồng" như những rồng khác vùng Châu Á.

Từ lúc chính quyền Mỹ thông báo bãi bỏ lệnh cấm vận và gần đây Mỹ và Hà Nội quyết định đặt văn phòng liên lạc, chuẩn bị liên hệ ngoại giao trở lại, đã gây nhiều xôn xao trong khối cộng đồng người Việt hải ngoại chúng ta.

Để hiểu biết thêm một khía cạnh mới của vấn đề và hiện tình Việt Nam dưới quyền cai trị của đảng cộng sản, những khó khăn mà đảng cộng sản Việt Nam đang và phải gặp trong tương lai, chúng tôi xin lược dịch bài điểm sách dưới đây tựa đề "Viet Nam, l' aube d' un nouveau destin" của chuyên gia nghiên cứu Jean Luc Domenach qua tác phẩm "Việt Nam, cộng sản hay rồng" (Việt Nam, communistes et dragons) của Jean Claude Pomonti và Hugues Tertrais (Le Monde éditions) đăng trên nhật báo Le Monde ngày 28.5.1994.

Nước Pháp có một thái độ khác lạ với Việt Nam. Vài năm gần đây, dư luận xôn xao trở lại, người ta tổ chức nhiều chuyến du lịch, nhiều nhà lãnh đạo Pháp công du đến nước này. Thế nhưng ngoài một vài nhà chuyên ngành nghiên cứu can đảm trình bày những biên khảo có giá trị, Việt Nam vẫn vắng bóng trong những cuộc hội thảo liên quan đến sự chuyển biến của vùng Đông Á.

Tác phẩm của Jean Claude Pomonti và Hugues Tertrais bổ túc sự thiếu sót này. Tác giả không chỉ nhằm trình bày như một phóng sự về sự chuyển biến gần đây của Việt Nam mà còn nêu lên một giả thuyết quan trọng: "tiền đồn cũ của chủ nghĩa xã hội Số Viết đang cố gắng chuyển mình trở lại thành một quốc gia thuần túy Á Châu, với tham vọng duy nhất là tạo điều kiện, trước để sống còn, sau đó tìm cách thoát khỏi tình huống lệ thuộc".

Để chứng minh giả thuyết này, hai ông đưa ra một lập luận xúc tích, đầy thuyết phục, không che giấu, mà trái lại còn nêu rõ những "áp lực nặng nề" mà bấy lâu nay Việt Nam, do đảng

cộng sản lãnh đạo, phải mang như một gánh nặng về:

- Di sản chủ nghĩa Mác-Lê
- Sự đe dọa từ phía Trung Cộng
- Sự xung khắc giữa hai miền Nam Bắc

- và gần đây, ý định bế môn co mình bảo thủ trở lại.

Trong phần đầu tác phẩm, tác giả trình bày một cách quy mô tai họa xảy ra khi đảng cộng sản nắm chính quyền, "gần 2 triệu người phải ra đi, hàng trăm ngàn người phải vào tù", nhưng tác giả tránh nêu lên một bài học về đạo đức.

Không giảm khinh trách nhiệm nặng nề của đảng cộng sản Việt Nam, nhưng hai ông cũng quan niệm rằng, trong bối cảnh lúc ấy, địa bàn hoạt động của Việt Nam bị giới hạn giữa hai gọng kìm Nga Sô và Trung Cộng.

Ngược dòng lịch sử, tác giả chứng minh "chế độ thuộc địa Pháp như vết thương, gây gầy đổ nền văn hóa dân tộc, mang văn hóa Âu sang, buộc Việt Nam quay lưng từ bỏ tập quán cổ truyền Trung Quốc"

Hấp hối vì bị Nga Sô bỏ rơi năm 1986, Việt Nam ở trong tình huống bất buộc phải tìm cho mình một định mệnh mới: chỉ có cách duy nhất là mở cửa rộng chào đón kẻ thù cũ của mình. Các nhà lãnh đạo cộng sản Việt Nam "trở lại thăm viếng" Âu Châu, đặc biệt Pháp quốc, nhưng còn phải chờ đợi thêm nữa, chờ đợi cho đến khi nào chính quyền Mỹ giải tỏa hết áp lực.

Cộng sản Việt Nam bằng mọi cách phải tìm cho mình một thể đứng mới trong vùng Đông Nam Á. Hơn thế nữa, cộng sản Việt Nam còn phải dành một vai trò mới cho cộng đồng Việt kiều hải ngoại và tác giả dành một chương quan trọng đặc biệt liên quan đến khối cộng đồng này, diễn hình như nêu lên hai đợt gần một triệu người di tản sang Mỹ từ 1975, đợt đầu có tính cách "chính trị" và đợt nhì có tính cách "kinh tế" hơn.

Tác giả cũng nói thêm rằng cộng sản Việt Nam đang tìm cách liếc mắt chào mời khối cộng đồng Việt kiều hải ngoại, nhưng liệu họ có thể hợp tác hừng khởi và tích cực như khối dân Trung Hoa hải ngoại với Trung Cộng không?

Một đánh cuộc chính trị (un parl politique).

Cuối cùng tác giả kết luận tương lai Việt Nam chỉ có cách duy nhất là trở

thành "rồng". Tác giả nhấn mạnh, từ khi Gorbachev buông lời cảnh cáo năm 1986, sự chuyển biến về quan điểm chính trị của nhà cầm quyền Hà Nội gầy va chạm và mâu thuẫn. Vì tác giả nghĩ rằng ở đây cũng như ở Trung Cộng, chìa khóa bài toán chỉ thuần về khía cạnh chính trị và trên bình diện này, khó khăn càng trở nên khó khăn hơn và ở Việt Nam hay ở Trung Cộng sự đánh cuộc cũng gần như nhau: bảo toàn độc quyền của đảng cộng sản để mở rộng biên giới một cách an toàn cho khối tư bản vào. Làm như thế, cộng sản Việt Nam sẽ được cả ưu điểm lẫn nhược điểm. Ưu điểm vì các nước Á Châu láng giềng nhất là Đài Loan sẵn sàng đầu tư mạnh vào Việt Nam. Nhược điểm vì đảng cộng sản Việt Nam không có một nhà lãnh đạo có tầm vóc như Đặng Tiểu Bình, tiêu biểu cho đảng, cho lịch sử đảng, để điều khiển và kiểm soát sự chuyển động tình thế.

Tác giả cũng trình bày, trong quá khứ, đảng cộng sản Việt Nam không gặp một thử thách nào như cuộc cách mạng văn hóa Trung Cộng, nhưng đảng cộng sản Việt Nam vẫn còn bị ràng buộc sâu rộng vào dĩ vãng hào hùng của mình.

Người ta còn muốn biết đảng cộng sản Việt Nam có đủ khả năng giải tỏa hết sự kiểm soát chặt chẽ thôn quê và khuyến khích kỹ nghệ hóa vùng đồng ruộng. Về điểm này, tác giả rất minh bạch, không có ý kiến thừa thãi.

Sau hết, người ta tự hỏi cộng đồng Việt kiều hải ngoại, đang sống ở những nước dân chủ, liệu có bằng lòng với một cõi mở nông cạn, mang vốn về đầu tư ở quê hương mình?

Chế độ cộng sản Việt Nam rồi đây khó mà tránh né một cuộc tranh luận về chế độ dân chủ với khối Việt kiều này.

Trong các vấn đề này, tác phẩm của J.C.P và H.T. cho biết những dữ kiện cụ thể, những sự phân tích quí báu. Cuối cùng tác giả đã thành công đưa vấn đề Việt Nam vào chân trời tri thức cộng đồng một cách khách quan mà không lệ thuộc một ý thức hệ nào, giúp cho mọi người hiểu rõ thêm tình trạng hiện tại của Việt Nam. Tác phẩm cũng rất cần thiết cho những nhà du lịch và những nhà thương mại.

Trên đây chúng tôi lược dịch quan điểm của nhà bình luận ngoại quốc về hiện tình đất nước Việt Nam dưới chế độ cộng sản. Đứng trên lập trường độc lập tư tưởng, tác giả khách quan nhận định thâm ý của Hà Nội để thoát khỏi tình trạng bế tắc.

Hy vọng rằng khối tư bản khi đến Việt Nam, mang theo nền tảng tự do dân chủ gây hạt giống tốt cho cuộc "cách mạng bọc nhưng" như ở Tiệp Khắc năm nào, đáp ứng lòng mong đợi của người Việt lưu vong chúng ta •

# Chứng tích về HÙNG VƯƠNG

## THỜI KỲ ĐỒ ĐÁ CỦA DÂN VIỆT

**Đ**á được xem như là một dụng cụ được loài người dùng nhiều nhất, hơn tất cả các loại dụng cụ khác trên trái đất này và thời kỳ đồ đá là thời kỳ dài nhất trên tiến trình phát triển văn hóa của con người.

Như chúng ta đã biết, các dụng cụ chế biến và xử dụng bởi con người được chia làm ba loại hay nói đúng ra làm ba thời kỳ chính đó là thời đồ đá, thời đồ đồng và thời đồ sắt.

Riêng thời đồ đá được chia làm hai thời kỳ:

- 1. Thời kỳ Cựu Thạch
- 2. Thời kỳ Tân Thạch

Trên thế giới, thời kỳ Cựu Thạch bắt đầu vào khoảng 2,6 triệu năm trước. Con người đã bắt đầu dùng và làm những dụng cụ bằng đá kéo dài mãi đến khoảng giữa 8.000 đến 5.000 năm trước Tây lịch, con người mới bắt đầu dùng những dụng cụ đồ khí. Vây tính ra ít nhất cũng hơn 2,5 triệu năm. Đá (có thể cả cây, xương và tre) là dụng cụ mà con người dùng trên bước đường sinh tồn với môi trường chung quanh họ.

Điều đặc biệt nhất là những dụng cụ làm bằng đá không bị tàn phá bởi những hiện tượng thiên nhiên như khí hậu, thời tiết, động đất v.v... và một khi đã biết dùng và xử dụng đá thì người tiền sử có thể làm ra rất nhiều và ở bất cứ nơi nào vì đâu đâu cũng có đá.

Trong bài này tôi xin được trình bày qua về:

- 1. Thời kỳ Cựu Thạch
- 2. Những địa điểm đồ đá của dân Việt
- 3. Phương pháp làm đồ đá của người tiền sử
- 4. Người cổ Việt
- 5. Lối sống của người tiền sử Việt
- 6. Lối sống của người Tasaday còn sót lại
- 7. Ảnh hưởng của nền văn hóa đồ đá Hòa Bình của dân Việt tại vùng Thái Bình Dương.

Như đã nói trên, thời kỳ đồ đá chia ra làm hai thời kỳ chính là thời kỳ Cựu Thạch và thời kỳ Tân Thạch.

Ở giai đoạn này tôi chỉ bàn về thời kỳ Cựu Thạch của dân Việt. Vì thời gian Cựu Thạch kéo dài nhất và đồng thời cũng chính yếu nhất

### 1. Thời kỳ Cựu Thạch

Thời kỳ Cựu Thạch được chia ra làm ba giai đoạn:

- a. Thời Hạ Cựu Thạch 2,6 triệu năm
- b. Thời Trung Cựu Thạch 165.000 năm

c. Thời Thượng Cựu Thạch 40.000 năm

Thời kỳ Hạ Cựu Thạch khởi đầu vào khoảng 2,6 triệu năm trước và kéo dài đến 165.000 năm trước. Điều đáng chú ý là Phi Châu khởi sự thời kỳ Cựu Thạch vào khoảng trên 2 triệu năm, riêng Á Châu và Âu Châu thì khởi điểm vào khoảng trên dưới 1 triệu năm trước.

Thời kỳ Trung Cựu Thạch tiếp nối từ 165.000 năm đến khoảng 40.000 năm trước.

Thời kỳ Thượng Cựu Thạch vào khoảng 40.000 năm (hay 38.000 năm) đến 10.000 năm (hay 8.000 năm) trước.

### 2. Những địa điểm đồ đá của dân Việt

Loại đồ đá của người tiền sử Việt được sắp vào thời kỳ Hạ Cựu Thạch được tìm thấy ở các nơi sau đây:

- a. Tân Mãi (tìm thấy năm 1978)
- b. Quán Yên (tìm thấy năm 1978)
- c. Xuân Lộc (tìm thấy năm 1971)
- d. Hàng Gòn (tìm thấy năm 1963)

Loại đá được sắp vào thời kỳ Thượng Cựu Thạch, tương trưng bởi nền văn



Loại dụng cụ đồ đá tìm được tại Việt Nam

hóa Sơn Vi và Hòa Bình.

Loại đồ đá tương trưng cho nền văn hóa Sơn Vi được tìm thấy bởi những địa điểm sau:

- a. Sơn Vi (1968)
- b. Gò Vườn Sâu (1969)
- c. Hàng Pong (1973)
- d. Nam Tun (1973)
- e. Cùm Đồn (1975)
- f. Chu (1976)
- g. Ông Quyền (1977)

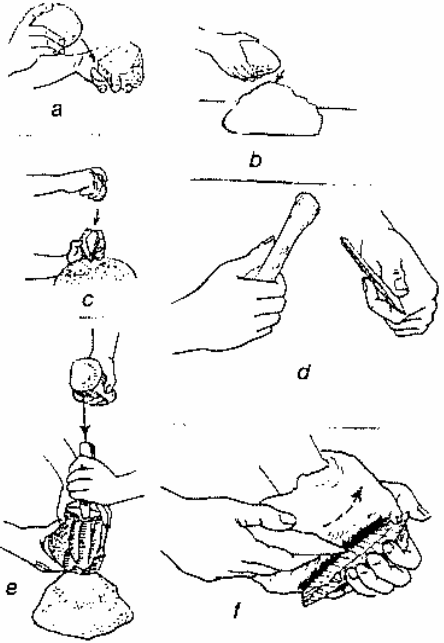
Loại đồ đá tương trưng cho nền văn hóa Hòa Bình được tìm thấy ở những địa điểm sau:

- a. Hòa Bình (1926)
- b. Làng Vành (1929)
- c. Hang Dạng (1966)
- d. Thẩm Hội (1972)
- e. Hang Chùa (1972)
- f. Sung Sam (1975)
- g. Con Moong (1976)
- h. Núi Một (1977)
- i. Xóm Trại (1981)

Sau thời Hòa Bình thì có loại đồ đá của nền văn hóa Bắc Sơn, tìm thấy tại Bắc Sơn vào năm 1923.

Các loại đồ đá kể trên được tổng hợp thành hai loại:

1a. Loại làm từ tảng đá cục mà ra, thông thường các loại đồ đá này có những xóa cạnh rất sắc bén. Những loại đồ đá này được sắp vào thời kỳ Hạ



Cách làm đồ đá của người tiền sử

Cựu Thạch.

2b. Loại làm từ đá cuội rất thô sơ được tìm dọc các bờ suối, sông... Những loại này được sắp vào thời kỳ Thượng Cựu Thạch.

Điều làm chúng tôi rất cẩn thận là phần lớn các loại đồ đá Hòa Bình mang gốc từ loại phun thạch của núi lửa mà ra (loại Porphyrites, rhyolites). Các loại đồ đá đó nặng từ 200 gr đến khoảng 2 kg đủ lực để chặt cây, cắt nhánh hoặc đào măng tre. Những loại đồ đá này được xử dụng như búa ngán, dao dùng để cắt, chặt, cào...



Hình mô ông C. William Clewlow bằng dao đá loại Obsidian

### 3. Phương pháp làm đồ đá của người tiền sử

Người tiền sử sử dụng nhiều phương pháp để làm dụng cụ bằng đá kể trên:

a. Họ dùng phương pháp "đập trực tiếp", tức là lấy cục đá này đập trực tiếp với cục đá kia, để có những miếng đá, rồi sau đó chế thành dao đá hay lưỡi đá.

b. Họ dùng phương pháp "đập trực tiếp", tức dùng một thanh đá làm xóa đục trung gian, rồi từ trên đập xuống để cho tảng đá ở dưới bể ra từng mảnh.

c. Họ dùng phương pháp "đập nhẹ", tức dùng xương ống hoặc cây đập nhẹ để uốn miếng đá theo hình dáng mình muốn.

d. Họ dùng "kỹ thuật lưỡng cực" tức là để một cục đá tảng nằm ở dưới đất, rồi cầm cục đá khác đập thẳng từ trên xuống; hoặc lấy một cục đá chính để trên một tảng đá, dùng một cục đá đập thẳng từ trên xuống, như thế khi mảnh đá khi tách ra thì hai đầu của mảnh đá như bị dội đập, ta gọi là lưỡng cực.

e. Phương pháp "ép đá", lấy một thanh đá nhọn, dùng để ép từng chút cái lưỡi đá đã được đập ra, để uốn miếng đá theo hình dáng mình muốn.

Dụng cụ đồ đá được dùng trong thời tiền sử và cả đến ngày hôm nay dù là cuối thế kỷ 20. Năm 1975 tại Mỹ người ta đã dùng loại đồ đá làm bằng đá Obsidian (một loại đá thủy tinh thuộc vùng núi lửa) trong cuộc giải phẫu ông C. William Clewlow. Công cuộc giải phẫu thành công và sự sắc bén đặc biệt của đá Obsidian, nên vết mổ phục hồi rất nhanh, nhanh hơn loại dao mổ làm bằng chất platinum.

#### 4. Người cổ Việt

Một số di tích người cổ được tìm thấy ở các hang như sau:

a. Hang Hùm (1964)

b. Thẩm Hai (1965)

c. Kéo Leng (1965)

d. Thẩm Khuyên (1965)

e. Thẩm Ôm (1975)

Điều đáng chú ý là di tích ở hang Thẩm Hai (Lạng Sơn), theo nhà cổ nhân học H.D Kahle cho rằng di tích trên có cùng niên đại với di cốt người

Quốc) chỉ có từ 500.000 đến 400.000 năm.

Ngoài ra người ta còn tìm được một số di cốt ở những nơi khác như:

1a. Răng và xương tìm thấy ở Tam-hang và Tam-pa-loi, nằm sát biên giới Lào-Việt (thời Hạ Cự Thạch).

2b. Di cốt người Tam-pong, Nam và Bắc Tam-hang (thời kỳ Trung Cự Thạch).

3c. Di cốt thuộc thời kỳ Hạ Tân Thạch tìm được ở làng Cườm, Khắc Kiệm, Đông Thuộc, Phổ Bình Gia, Kéo Phầy, Hang Muối, Quỳnh Văn, Soi Nhụ, Vinh Quang, Thiệu Dương.

#### 5. Lối sống của người tiền sử Việt

Sau đây là một số những di tích chứng minh về sự hiện diện và lối sống của người tiền sử Việt.

Ở những địa điểm kể trên, người ta đã tìm được những đồng vỏ sò, ốc. Ngoài ra còn tìm thấy xương của các loài thú ăn cỏ loại lớn như tượng, tê giác v.v... các loại xương này có loại đã hóa thạch, có loại còn lại mang vết đốt của lửa và một số dụng cụ đồ đá cũng được tìm thấy cạnh đó. Đây là bằng chứng cho thấy người tiền sử Việt đã biết đi săn thú và đã biết chế biến và dùng lửa.

Điểm đặc biệt là trong hang đá ở Làng Vành người ta tìm thấy một số đá và xương được mạ chất Thổ Hoàng (Ochre). Theo tài liệu đào được ở các hang trên thế giới khẳng định rằng chất Thổ Hoàng được người tiền sử dùng trong những nghi thức chôn cất và tế tự.

Thời kỳ này trên thế giới cũng như ở Việt Nam, người tiền sử sống bằng cách đi săn bắn và thu nhặt. Đây là thời kỳ còn "ăn lông ở lỗ", con người sống từng nhóm nhỏ, chưa có ý thức về chủng tộc hay quốc gia.

Để dẫn chứng cụ thể và đồng thời cũng để làm cho dễ hiểu về lối sống của người tiền sử, tôi xin đưa ra đây một bộ lạc còn sót lại tại vùng Thái Bình Dương, còn mang lối sống của thời "ăn lông ở lỗ" giống lối sống của người tiền sử, đó là bộ lạc người Tasaday.

Hình làm tên bằng dụng cụ đồ đá ở các bộ lạc

#### 6. Bộ lạc người Tasaday

Thật là một điều may mắn trong thời đại văn minh của thế kỷ 20 này, tại vùng Thái Bình Dương còn sót lại một bộ lạc nhỏ khoảng 30 người sống chung với nhau, họ vẫn còn sống thời "ăn lông ở lỗ" và dùng những dụng cụ bằng đá y hệt như người tiền sử thời đồ đá xưa kia. Bộ lạc đó mang tên là Tasaday.

Vào năm 1966, người ta khám phá ra một bộ lạc ở quần đảo Mindanao thuộc Phi Luật Tân, bộ lạc đó là bộ lạc người Tasaday, vào khoảng 30 người cả lớn lẫn bé sống chung với nhau. Họ sống biệt lập, không biết gì về thế giới văn minh bên ngoài. Các nhà nhân chủng học đến nghiên cứu họ đầu tiên cho biết rằng người Tasaday tượng trưng

cho những người đầu tiên trước kia rời vùng đất liền Á Đông để tiến ra các đảo và lan đi khắp vùng Thái Bình Dương.

Họ sống biệt lập ở vùng cao nguyên giữa rừng già. Lần đầu tiên khi liên lạc với họ, họ không hay biết gì về nước Phi Luật Tân cả. Vì ở giữa rừng nên trong ngôn ngữ của họ không có danh từ về biển cả, tàu bè và đồng thời không có danh từ về chiến tranh. Họ chưa bao giờ nếm chất muối và chất đường.

Dụng cụ đồ đá của họ rất thô sơ: họ lấy cục đá quăn với dây rừng để làm búa đá, họ lấy miếng tre làm lưỡi dao, họ cũng làm cung tên bằng tre để đi săn. Họ dùng ống tre hoặc lá cây bọc lại để chứa đồ. Họ biết làm lửa bằng cách xoay mạnh một thân cây nhỏ trên một miếng ván. Tuy nhiên trong các phim tài liệu, tôi đã coi, người Tasaday cho thấy rằng họ ăn sống những con sò, ốc mà họ tìm thấy được dọc bờ suối.

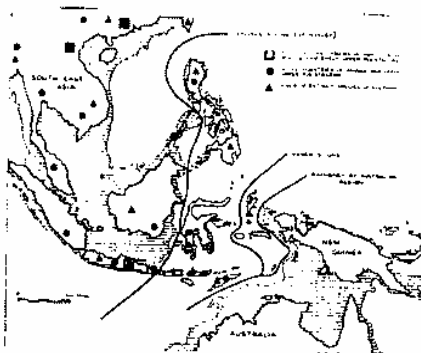
Người Tasaday sống bằng săn bắn và thu nhặt. Với cung tên làm bằng tre, họ săn nai và heo rừng, thỉnh thoảng gài bẫy bắt khỉ và chim. Tuy nhiên phần chính trong vấn đề tìm thức ăn là thu nhặt dọc các bờ suối trong rừng: Họ dùng cây đào các củ khoai rừng, ăn chuối rừng, bắt cóc cua sò v.v... họ chỉ bỏ ra khoảng hai giờ để lục lọi tìm thức ăn là đủ ăn trong một ngày.

Sau khi khám phá ra bộ lạc trên, qua sự liên lạc với thế giới bên ngoài, người Tasaday ngày hôm nay không còn "ăn lông ở lỗ" nữa, họ đã bị văn minh của thế giới bên ngoài tràn ngập cuộc sống họ, biến họ không còn tự do và hồn nhiên như thuở trước. Như lời nhận định của một nhà nhân chủng học rằng: Người Tasaday hôm nay chỉ mơ trở lại lối sống thiên đường của ngày xưa, dù đó là một lối sống thiếu thốn vật chất.

Vào thời tiền sử, vào khoảng triệu hoặc trăm năm trước, người cổ Việt cũng có lối sống như người Tasaday, họ cũng đi săn bắn và thu nhặt, cũng dùng những dụng cụ bằng đá kể trên. Người cổ Việt lúc đó sống từng nhóm nhỏ biệt lập nhau; tuy nhiên chưa có vấn đề phân biệt Kinh hay Thượng, chỉ biết rằng kẻ ở miền núi chạy xuống tá túc với người đồng bằng. Gặp lúc lụt lội ở miền đồng bằng, thì kẻ ở miền thấp chạy lên núi trú ngụ. Sự tiếp xúc giữa kẻ ở miền thấp cùng người miền cao đã trở thành quen thuộc, rồi từ đó mới đi đến việc "Lạc Long Quân (ở miền đồng bằng) lấy Âu Cơ (ở miền cao nguyên)", hoặc một số truyền thuyết như truyền "Son Tinh và Thủy Tinh lấy vợ".

Khi nghiên cứu lại về lối sống của các bộ lạc, tôi nhận thấy là phần lớn họ không lấy nhau trong nhóm nhỏ của chính họ mà ngược lại họ lấy nhau ở nhóm khác, ở bộ lạc khác (tuy nhiên cũng có một số trường hợp biệt trừ). Sự kiện trên cũng được thể hiện trong truyền thuyết họ Hồng Bàng:

Trong truyền thuyết họ Hồng Bàng, Đế Minh khi đi tuần phương Nam lấy Vụ Tiên Nữ là hai bộ lạc khác nhau



Bản đồ địa điểm hài cốt người cổ, xương cổ sinh vật và đồ đá tại vùng Đông Nam Á

vượn Lam Điền (Trung Quốc) tức từ khoảng 800.000 năm đến 650.000 năm, trong khi đó người Bắc Kinh (Trung

sinh ra Lạc Tục. Lạc Tục lấy con gái chúa Đông Đình, lại cũng một bộ lạc khác. Rồi sinh Lạc Long Quân, Lạc Long Quân lấy Âu Cơ thuộc bộ lạc khác.

Vì sự lấy nhau ngoài bộ lạc trên, dẫn đến sự pha trộn văn hóa giống loại. Sự lấy nhau trong truyền thuyết cho thấy sự trải dài của bộ lạc Việt, từ Bắc chí Nam, từ Đông sang Tây, vì đó khi đưa ra con cháu Bách Việt, điều đó nói lên sự bao trùm rộng lớn trải dài của dân Việt trên phần đất cổ Việt. Điều đáng chú ý ở đây là trong truyền thuyết không có sự phân biệt Nam, Bắc, Đông, Tây và cũng có sự phân biệt kẻ Thượng người Kinh, nhưng khi nghiên cứu lại người xưa thì các học giả Việt Nam, cũng như Trung Hoa và ngoại quốc đã đưa ra những ý kiến kỳ thị, phân chia chủng loại, phân chia địa thế, để cuối cùng truyền thuyết không còn giữ đúng thực chất của nó nữa.

### 7. Ảnh hưởng văn hóa đồ đá Hòa Bình của dân Việt tại vùng Thái Bình Dương

Nền văn hóa đồ đá Hòa Bình mang một sắc thái đặc thù ảnh hưởng trải dài trên phần đất rộng lớn kéo từ Miền Điện đến Đông Dương và từ miền Nam Trung Hoa tới Mã Lai và đảo Sumatra.

Nền văn hóa đồ đá Hòa Bình bao trùm thời kỳ hậu Pleistocene và tương trưng cho những dụng cụ đồ đá của một số bộ lạc còn tồn tại tại một số rừng nhiệt đới mà điển hình là bộ lạc Tasaday vừa nêu trên.

Loại đồ đá chính của Hòa Bình là loại đồ đá dùng để chặt và đốn (chopper, chopping tool) loại này đã được tìm thấy ở Miền Điện vào thời cận Anyathian, ảnh hưởng bởi nền văn hóa đồ đá Hòa Bình (theo nhà nghiên cứu Movius 1943: 378-87). Riêng tại Hang Thần (Spirit Cave) ở Thái Lan, nhà khảo cổ Chet Gorman, vào năm 1969-1971, đã tìm được một số xương cùng với rau và hoa màu được định thời gian vào khoảng 12.000 năm đến 7.500 năm trước Tây lịch. Ông Chet Gorman chia những đồ tìm được thành 2 cấp bậc văn hóa:

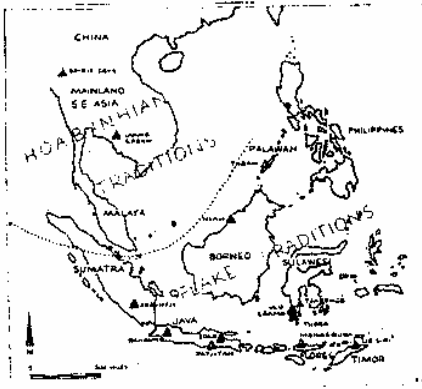
- Cấp bậc văn hóa đợt 1: gồm những đồ thuộc văn hóa Hòa Bình bao gồm những loại đồ đá đơn mặt thuộc đá cuội tìm dọc suối, sông và những đá mài nhuộm chất thổ hoàng và đồng thời cũng có một số đồ bằng cây và tre như cung, tên, lao... Riêng một số hoa màu được tìm thấy tại Hang Thần gồm có đậu (Prunus và Aceca), bầu, củ sắn, tiêu hạt, dưa leo và một số loại hạt. Theo nhận định của một số nhà Thực Vật Học thì các loại trên đã biến thể và chuyển hướng từ giai đoạn man dại qua giai đoạn được trồng trọt của vùng Đông Nam Á.

- Cấp bậc văn hóa đợt 2: gồm những loại đồ gốm, loại dao và búa bốn góc tượng trưng cho thời Tân Thạch, định thời gian vào 4.000 năm đến 4.500 trước Tây lịch.

Riêng ở Campuchia tại địa điểm Laang Spean (theo nhà nghiên cứu Mourer

1970) những đồ ở đây cũng bị ảnh hưởng bởi nền văn hóa Hòa Bình, riêng loại đồ gốm được định thời gian vào khoảng 6.200 năm trước Tây lịch.

Tóm lại các nhà nghiên cứu nhận định như sau về nền văn hóa Hòa Bình: Từ



Ảnh hưởng của nền văn hóa đồ đá Hòa Bình tại Vùng Thái Bình

Miền Điện đến Đông Dương, từ tỉnh Vân Nam, tỉnh Tứ Xuyên và Quảng Đông cho tới Mã Lai và đảo Sumatra (tài liệu của Chang K.C. 1963:47) đều bị ảnh hưởng của nền văn hóa Hòa Bình dựa trên những dụng cụ đồ vật tìm thấy (tài liệu của Van Heekeren, 1957: 70-5).

Trong thời kỳ đồ đá, sự ảnh hưởng của nền văn hóa Hòa Bình của dân Việt đã bành trướng ra rộng xa. Rồi sau thời kỳ đồ đá tới thời kỳ đồ đồng, thì một lần nữa, đồ đồng của Việt Nam tương trưng điển hình nhất là trống đồng Đông Sơn, đã ảnh hưởng lan rộng khắp vùng Thái Bình Dương. Sự kiện trên đây nói lên rằng dân Việt đã có một nền văn hóa vững chắc tại vùng Thái Bình Dương vào thời tiền sử. Đến thời cổ sử chúng tôi chứng minh rằng dân Việt có một truyền thống hào hùng và bất khuất

Điều tôi muốn nói ở đây là trong những thế kỷ qua, chúng ta đã không khai thác những ảnh hưởng của văn hóa Việt, tuyên thống hào hùng của tổ tiên chúng ta mà ngược lại các học giả Việt lại khai thác những ý tưởng "nô lệ" để gieo vào tư tưởng của các thế hệ con cháu của chúng ta.

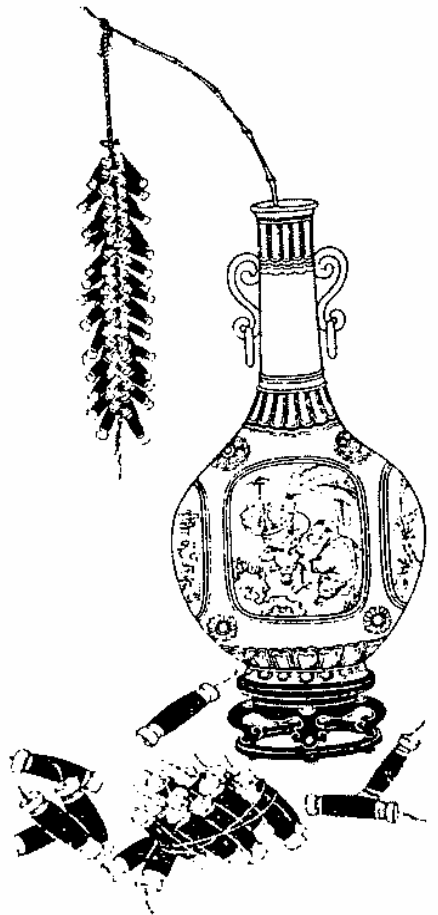
Hôm nay chúng tôi chỉ có ước mơ là đưa lại niềm tự hào và truyền thống bất khuất của tổ tiên dân tộc Việt qua những tài liệu nghiên cứu và dẫn chứng, để từ đó gây lại niềm tin cho dân tộc.

Tóm lại, thời kỳ đồ đá của dân Việt là thời kỳ sơ khai và lúc đó dân Việt chưa mang danh xưng là Việt, vì lúc đó họ ở rải rác từng bộ lạc, từng nhóm nhỏ, có thể vài chục người trong mỗi nhóm, họ mang danh xưng của nhóm họ, hoặc danh xưng thổ địa nơi nhóm đó ở. Những nhóm này ở rải rác khắp nơi,

đồng bằng, cao nguyên, miền Bắc, miền Nam. Các nhóm cưới lấy lẫn nhau. Lúc tai biến họ di chuyển từ vùng này sang vùng kia và trái lại. Và ngày nay ta gọi họ là người cổ Việt, vì họ là tổ tiên của người Việt, dù họ không danh xưng là Việt, nhưng họ ở trên phần đất Cổ Việt, vì lúc đó chưa có ý thức quốc gia dân tộc. Lối sống của người Cổ Việt là lối sống xây ra tại vùng Thái Bình Dương và cũng là lối sống xây ra khắp nơi trên thế giới. Lúc đó ở trên thế giới, các bộ lạc cũng sống từng nhóm nhỏ riêng rẽ như vậy, chưa có vấn đề quốc gia hay phân biệt các nước như ngày hôm nay.

Vậy sự tìm ra sọ người Cổ Việt, cũng như những dụng cụ đồ đá do chính họ làm ra và truyền thuyết do chính họ kể lại cho con cháu, cho thấy rằng người Cổ Việt có một lối sống riêng biệt của họ, nhưng đồng thời phát triển song song với lối sống xây ra trên thế giới. Đây là lối sống của người tiền sử xây ra trước khi có chữ viết, có nghĩa là trước khi có sử.

Vì truyền thuyết của dân Việt bắt đầu từ "Thần Nông", chúng ta phải tìm hiểu nguyên nhân nào dẫn đến Thần Nông. Nhưng trước khi đề cập đến Thần Nông, chúng tôi muốn đề cập đến khí hậu, thời gian như thế nào để phù hợp với loại hoa màu, cây lá để rồi cuối cùng đưa đến sự trồng trọt dẫn đến Thần Nông. Vấn đề này tôi sẽ bàn tiếp trong bài "YẾU TỐ THỜI GIAN" sẽ đăng trong bài tới •



# PHONG THÁI Á CHÂU...

• Phan Ngọc Minh

**C**hủ nghĩa cộng sản khản tận và chiến tranh lạnh chấm dứt là hai sự kiện chứng minh sự thành công rực rỡ của chế độ dân chủ cũng như nền kinh tế thị trường tự do đồng thời mang đến cho khối Tây Phương một niềm tin tưởng vững chắc vào các giá trị có thể gọi là "bất di bất dịch trong mọi trường hợp" như tự do nhân vị và nhân quyền. Thế nhưng trong cuộc hội nghị về nhân quyền do Liên Hiệp Quốc tổ chức vào năm 1993 tại Vienna, thủ đô nước Áo, một số quốc gia Á Châu như Trung Quốc, Mã Lai, Tân Gia Ba lại mang quan điểm cho rằng Á Châu có lập trường riêng về phương diện dân chủ nhân quyền và lưu ý Tây Phương nên cân nhắc quan tâm đến bối cảnh văn hóa xã hội khi ứng dụng và quảng bá các lý tưởng nêu trên vào thực tế. Cũng thế theo chiều hướng ấy qua cuộc viếng thăm vùng Đông Nam Á gần đây của Thủ Tướng Nhật Murayama, cơ quan ngôn luận Đông Kinh bèn đăng trình bài tường thuật mang chủ ý là Á Châu rất mực tin tưởng vào giá trị và thể đứng tự tại của mình và bắt đầu từ đây thế giới không thể nào gác bỏ ngoài tai tiếng nói hàm chứa nhiều "cân lượng" của vùng Viễn Đông được nữa...

Không nhiều thì ít, quyền lực kinh tế cùng với tỷ lệ phát triển đứng hàng đầu thế giới trong những năm gần đây cộng thêm sự sát nhập và khuếch trương thêm những tiềm lực kinh tế trong vùng, bên cạnh đó thế lực đang lên của Nhật và tham vọng khôn người của Trung Quốc chính là những yếu tố mang tầm ảnh hưởng thật là to tát đến nỗi có thể làm biến đổi tình hình thế giới trong tương lai cận đại. Ngoài ra trình độ dân trí tại Á Châu ngày càng được mở mang hơn, trở nên đông nhất hơn do mối liên hệ văn hóa khắng khít, một trong những thành quả của các phương tiện thông tin đại chúng đa dạng. Bởi tin chắc kiểu mẫu Tây Phương đã đến hồi suy thoái và hăng say phấn khởi vì những thành tựu đáng kể trên phương diện kinh tế và văn hóa, giới trí thức Đông Nam Á quay về cội nguồn, tìm tòi, suy gẫm và thấu lượm nơi đi sản quốc gia dân tộc những chân giá trị từ lâu tưởng đâu đã chìm vào quên lãng và cuối cùng đi đến kết luận Á Châu đặc biệt, là ưu tú hơn hết. "Thông Điệp" vừa nêu trên không hẳn không liên quan đến các chủ trương chính trị. Nếu khách quan mà nhận xét thì lợi dụng phong thái Á Châu để mưu đồ sách lược là bất chấp xem thường một địa phương chi chút chúng tộc, mang tính chất không thuần nhất, có nhiều nét dị biệt hơn cả mọi nơi trên toàn cầu với những trung tâm văn minh đặc thù như Trung Quốc, An Độ. Tuy nhiên điều này đã phơi bày ra một vấn đề chủ yếu cần được đề cập ra nơi đây. Đó là các quốc gia Viễn Đông một mặt đạo luyện cho mình cơ sở tư duy mới có đầy đủ triển vọng trở nên một tâm điểm đáng được suy gẫm của thế kỷ thứ 20, mặt khác chỉ trích phê bình khối cộng đồng kỹ nghệ Tây Phương đang hồi suy thoái vì mất quan điểm, gò bó kém bề uyển chuyển, vì vậy thiếu khả năng đưa ra những dự kiến mới mẻ khác nên đành phải dò dẫm tìm đường hướng mới, mục tiêu mới. Bởi thế các nhà tư tưởng Á Châu bèn dựa vào đó để nhấn mạnh đến giới hạn đặc tính của nếp sống Tây Phương nói chung, đồng thời ra sức gây dựng cho riêng mình một hướng đi tuy cá biệt nhưng rất ư hiện đại, đi sát thực tế và có đầy đủ khả năng thay thế những quan điểm gia đình xã hội của phương Tây đang trên đà thoái hóa.

Một phần vì lý do nội bộ, một phần bị làn sóng phản kháng cao độ và bất tín nhiệm dồn ép, giới cầm quyền Trung Quốc bèn quay lại đề cao Khổng Tử và đem ví đạo nghĩa do ông đề xướng như là cột trụ của nền văn hóa truyền thống mà trước đây không ai khác hơn ngoài chính thể độc tài này chẳng ngớt cực lực bài bác...! Bấy lâu nay đảng cộng sản Trung Quốc luôn tìm đủ mọi cách khai thác triệt để tiềm năng "phục tòng tuyệt đối" nhằm đạt được mục đích cuối cùng là duy trì chế độ và củng cố địa vị. Ngoài thủ đoạn lợi

dụng đạo lý Khổng Mạnh để nắm giữ quyền hành, cũng vì khát vọng quyền hành nêu trên, một ý thức hệ tiêu biểu đầu lộ diện tại vùng "Á Châu thịnh vượng" bao gồm "nhóm quốc gia con hổ" và vùng Đông Bắc châu Á. Điển hình như Tân Gia Ba tán dương kỷ luật cộng đồng và vai trò tất yếu của gia đình trong xã hội; Đại Hàn nêu cao nguồn gốc tại sinh của nền dân chủ dựa theo chủ nghĩa nhân văn Đông Phương phỏng theo chủ thuyết "Dân Vi Quý" của nhà cách mạng Tôn Dật Tiên hoặc theo lòng sùng tín ái quốc của đại thi hào An Độ Tagore. Cả hai quốc gia này đều áp dụng đạo lý Khổng Mạnh làm bàn đạp tiến đến thành lập một chính thể nắm uy quyền trong tay chuyên thăng trầm chèn ép các cánh đối lập để rành tay chấn hưng nền kinh tế, nâng cao tầm phát triển và thúc đẩy sự mở mang không ngoài mục đích phục vụ quốc gia dân tộc.

Bàn về Á Châu mà không đề cập đến Nhật là một điều thiếu sót. Trường hợp Nhật thì thật là đặc biệt hơn cả, vì "dòng dõi con cháu của Thần Mặt Trời" lúc nào cũng ồm ập nhiều "tham vọng" ... Nhờ vào thế lực kinh tế sấn có, Nhật đã và đang thực hiện ý định nắm giữ vai trò lãnh đạo chủ chốt tại vùng Đông Nam Á, đặt vấn đề tổ chức nề nếp sinh hoạt cộng đồng theo đường lối mới lên trên nền tảng quân bình xã hội và đồng thời bác bỏ luận cứ cho rằng truyền thống Á Châu chỉ là một mớ tư tưởng hỗn tạp chẳng có chút giá trị nào lớn lao cho lắm. Khác với Mã Lai dùng chiêu bài quốc gia dân tộc để mãnh liệt đả kích Tây Phương, Nhật kín đáo hơn trong công việc sử dụng bản sắc châu Á trên lãnh vực chính trị, đang nỗ lực cấu trúc lại những nguồn tư tưởng, trừ định kiến tạo nên chủ nghĩa đại đồng riêng biệt hầu mong đánh bại chủ nghĩa đại đồng Tây Phương. Trong bối cảnh hiện tại những tư tưởng nêu trên không phải chỉ diễn tả niềm mơ mộng của giới trí thức Nhật thôi mà còn biểu lộ lòng kiên quyết và ý niệm vững chắc "hiện thực hóa" những tư tưởng này. Và cũng nhờ vào đó dân tộc Nhật có một điểm tựa tinh thần vững chãi để giải thích sự việc, hướng dẫn hoặc chủ trì hành động và nhận thức rành mạch mối tương quan giữa Nhật với thế giới bên ngoài.

Sau đệ nhị thế chiến, vì là kẻ chiến bại, Nhật đánh mất chủ quyền quốc gia và bị cưỡng ép từ bỏ chế độ quân chủ, tuy nhiên một phần vì thế, một phần với bản sắc văn hóa sấn có Nhật đã tìm ra cho mình đường lối phát triển kinh tế cao độ. Đến thập niên 70, với nền kinh tế cực kỳ hưng thịnh và sung mãn, Nhật bắt đầu nghiên cứu lại lịch sử, văn hóa, đào sâu tư tưởng đúc kết ra ý niệm "ưu tú Nhật Bản" đối kháng với "ưu tú phương Tây". Thiết tưởng cũng nên nhắc lại là quá trình lịch sử cận đại của Nhật đại thể được chia ra làm ba thời kỳ.

Thời kỳ thứ nhất mang tên là EDO (tên cũ của Đông Kinh bây giờ), kéo dài từ thế kỷ thứ 17 đến tận bán thế kỷ thứ 19, còn được gọi là thời kỳ tiền hiện đại và chịu quyền cai trị của lãnh chúa Tokugana. Trong khoảng thời gian này mỗi kinh doanh hàng hải sinh sôi nảy nở và chính là động lực chủ yếu trong việc khuếch trương nền kinh tế muốn bề trù phú lồng trong cảnh tượng thái bình an lạc và trên bình diện văn hóa lúc ấy Nhật đã phát huy học thuyết chủ quan theo bản ngã.

Thời kỳ thứ hai là thời kỳ Minh Trị hiện đại (Meiji), bắt đầu từ hậu bán thế kỷ thứ 19. Lúc này Nhật bước vào kỷ nguyên kỹ nghệ với khẩu hiệu "kỹ thuật Tây Phương, tinh thần Nhật Bản". Trên lãnh vực tư tưởng thì trong giai đoạn này Nhật đem trực giác đối chiếu với thuyết duy trí Trung Quốc.

Thời kỳ thứ ba chính là thời kỳ hiện tại với làn sóng tư tưởng hậu hiện đại thịnh hành. Theo chủ thuyết này thì Nhật phải đem hết khả năng và tâm sức ra để "hiện đại hóa xã hội theo tinh thần quốc gia", đồng thời bác bỏ chủ nghĩa duy lý Tây Phương và phục hồi lại chủ nghĩa chủ quan bản ngã từng bị mai một. Từ nền kinh tế kỹ nghệ chịu ảnh hưởng phương Tây chuyển qua nền kinh tế điện tử tin học tối tân hiện đại Nhật đã đạt được một bước tiến khá dài, tuy nhiên một khi mà tính chất hiện đại đạt đến mức tột đỉnh thì phải có lúc tàn rụi thế theo luật tiến hóa. Nếu như "hiện đại hóa bao hàm Tây Phương hóa" thì dưới nhãn thức của các nhà tư tưởng Nhật đương nhiên trào lưu hậu hiện đại

không sớm thì chầy dẫn đến chủ thuyết hậu Tây Phương. Và như thế là Nhật cuối cùng đã nắm được chìa khóa mở ngõ vào con đường tiến nhanh qua mặt kiểu mẫu Tây Phương! Bấy lâu nay hàng thu mình trên hòn đảo nhỏ hẹp vì giới hạn địa lý, giờ đây Nhật dần thân phổ cập thông điệp "hậu hiện đại" kết tinh do sự tổng hợp và gạn lọc bởi chủ nghĩa duy lý Tây Phương và chủ nghĩa duy linh Đông Phương.

Một trong những đường nét chính của hệ thống tư tưởng cận đại Nhật Bản là "Á châu hóa" trở lại nền văn hóa Nhật, một nền văn hóa chịu ảnh hưởng sâu đậm của khối phương Tây và thậm chí còn là một môi trường dinh dưỡng "màu mỡ" cho tư tưởng hệ này phát triển. Lịch sử cho biết vào thời đại Minh Trị, Nhật dùng tinh thần quốc gia hỗ trợ đường lối canh tân và qua đó gạt hái được nhiều thành tựu rực rỡ. Thế nên vào lúc ấy Nhật quyết định "rời bỏ Á Châu", vì dưới tầm mắt nhìn của Nhật thời bấy giờ Á Châu được xem như một vùng đất lạc hậu không hội đủ khả năng kháng cự lại sự bành trướng ngày càng lan rộng của các đế quốc phương Tây. Sự chia cắt này thể hiện rõ ràng vào năm 1895 khi Nhật đánh bại Trung Quốc cho đến nỗi vào thời điểm này câu hỏi dân tộc Nhật có phải là dân tộc Tây Phương không sai lắm chi mấy. Thế nhưng hiện nay do sự liên hệ phụ thuộc lẫn nhau về mặt kinh tế cũng như ý thức cùng nhau chia sẻ vận mạng chung trước Mỹ và cộng đồng Âu Châu, Nhật quay về lại cội nguồn Á Châu. Điều này biểu hiện rành rành qua kế hoạch xây dựng củng cố kinh tế từ mấy năm vừa qua và qua chủ trương "tái chiếm hữu" "khái niệm Á Châu" mà một thời đã mất hết giá trị. Thật vậy, dựa trên quan điểm Á Châu là trung tâm thế giới Hy Lạp đã tạo ra "khái niệm Á Châu" hầu dễ dàng phân biệt với những tư tưởng phát sinh từ Ba Tư và hai vùng Cận Đông và Viễn Đông. Để bác bỏ luận điệu lối thời này viên Đại sứ Nhật tại Việt Nam khẳng định rằng từ một con số không Á Châu đã tạo ra cho mình một thế đứng vững chãi, trở nên tron vẹn đầy đủ ý nghĩa, điều này là sự thật hiển nhiên không ai có thể bác bỏ cho được và do đó tinh thần truyền thống Á Châu cần phải được đánh giá cho đúng. Tuy thuộc về cá nhân và đối phần chủ quan phiến diện nhưng lời tuyên bố nêu trên của vị viên chức cao cấp Nhật thật sự biểu lộ nhiều ẩn ý bên trong... Thật thế với mục đích phát huy chủ nghĩa đại đồng song song với sự quốc tế hóa quần đảo bao hàm chủ trương cởi mở rộng lớn với thế giới bên ngoài, Nhật ôm ấp tham vọng trỗi dậy hạt chính trị và văn hóa sẽ đóng một vai trò tương xứng với thế lực kinh tế đứng vào hàng thứ hai trên thế giới.

Từ trước đến nay lịch sử cho thấy những nền văn minh lớn thông thường thống trị thế giới bằng quyền lực chính trị, quân sự, kinh tế và nhất là qua sứ mạng mở mang khai hóa. Nhật đã nhận thấy sự thiếu sót to tát này và tìm cách bổ sung qua sự thành lập trung tâm nghiên cứu quốc tế về nền văn hóa Nhật vào năm 1987 dưới thời chính quyền Nakasone. Trung tâm văn hóa này có nhiệm vụ ưu tiên làm sáng tỏ bản sắc Nhật đồng thời đảm nhận sứ mạng khai hóa các vùng khu vực lân cận, nơi mà phong trào chống đối Nhật vì hậu quả chiến tranh ngày càng thuyên giảm do sự ảnh hưởng chi phối của nền văn hóa đại chúng như thời trang, Video, Karaoke... Nếu như trước kia có phong trào "Mỹ hóa" thì giờ đây phong trào "Nhật hóa" phát triển rầm rộ tại xứ hoa Anh Đào và vùng Viễn Đông. Ngoài sự sát

nhập văn hóa do ưu thế thị trường kinh tế, Nhật còn đeo đuổi đường lối bảo vệ di sản văn hóa chung qua những mối quan hệ ngoại giao với hai mục tiêu chính yếu: hòa lẫn với nền văn hóa khu vực và tăng cường bản sắc Châu Á. Điển hình như Nhật đề cử ra "chương trình hòa bình", qua đó Nhật và các nước lân bang cùng nhau hợp tác chặt chẽ, ôn lại quá khứ, rút tĩa kinh nghiệm, hàn gắn lại những vết thương chiến tranh còn lở lói, ngõ hầu để dành hội nhập cộng đồng Viễn Đông. Sự thành công của Nhật trên phương diện bình thường hóa mối quan hệ giữa các quốc gia lân bang tại Á Châu được ghi nhận qua sự hỗ trợ của đại đa số các quốc gia Đông Nam Á khi Nhật đề đơn xin ghế thường trực tại Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc.

Nếu như vào khoảng thập niên 40 phong trào "Nhật hóa thế giới" phát sinh rầm rộ và thể hiện qua sự thành lập khối thịnh vượng chung Đại Đông Á, thì hiện nay trong trạng huống chính trị kinh tế đương thời thế giới đang ghi nhận phong trào "quốc tế hóa" Nhật trở lại. Nhờ thế Nhật có cơ hội mang nền văn minh của mình hội nhập vào nền văn minh thế giới tự do hầu thay đổi cánh tương quan lực lượng và mong phá vỡ cả hệ thống lẫn nguyên lý của nếp sống phương Tây. Tóm lại dưới sự hướng dẫn điều động của Nhật, Viễn Đông đang trên đà kiến tạo cho mình một nhân sinh quan mới hàm kết trọn vẹn bản chất Á Châu đặc trưng, phủ nhận bá quyền Tây Phương và qua đó khai sinh ra một kiểu mẫu hiện đại cũ. Nét phong thái Á Châu nay tuy chưa được cấu trúc thành hệ thống hẳn hoi, chưa được nuôi dưỡng bằng nhiệt tâm nhiệt tình ý thức hệ và rất may thay cũng chưa thấm nhuộm ý đồ đế quốc, nhưng đã biểu lộ rõ ràng ý chí đạt mức canh tân hiện đại mà không cần phải theo đuổi đường lối mẫu mực của Tây Phương. Xác nhận nét phong thái hiện đại của Á Đông cũng có nghĩa là phế truất quyền sở hữu độc quyền của Tây Phương, chỉ trích những phương thức mà Tây Phương tự mãn mang ra ứng dụng để phổ biến cái hay, cái đẹp dưới tầm nhìn chủ quan của mình khắp mọi nơi ở Châu Á, một nơi mà trước đây Tây Phương thường hay khinh bạc chệch bai cho là thấp kém và không thèm màng đến các giá trị đặc biệt của những nền văn hóa đặc thù khác.

Mãi cho đến thập niên 50 dưới mắt Tây Phương nói chung khi nhắc đến Viễn Đông là nhắc đến chốn rừng rậm, đồng lúa mênh mông, cam chịu vô vàn nỗi khốn cùng vì chiến tranh thuộc địa, nội chiến Trung Quốc, qua các cuộc dội bom thành phố Hiroshima, Đông Kinh, chiến tranh giành độc lập tại Nam Dương và Việt Nam kèm theo nạn đói và nạn nhân mãn hoành hành, lại còn thiên tai bão lụt, hạn hán xảy ra thường xuyên như cơm bữa. Giờ đây thời điểm này đã qua và hiện nay Viễn Đông trở thành động lực phát triển đứng hàng đầu trên thế giới và dung hợp đầy đủ trọn vẹn nơi mình cả thế lực kinh tế lẫn thiên hướng chính trị theo kiểu mẫu đặc thù. Kể từ năm 1990 Tây Phương dần dà đánh mất độc quyền tư tưởng cũng như tính cách trung tâm thế giới. Bởi lấy lại niềm tin và đứng trên một tư thế khác Viễn Đông mong muốn trong vấn đề giao dịch qua lại Tây Phương phải đối xử ngang hàng. Không còn là con chốt trên bàn cờ quốc tế nữa thì năng động kinh tế, quyền uy chính trị, tinh thần quốc gia, kỷ luật xã hội và ưu tiên giáo dục chính là những yếu tố đưa đến sự thành công rực rỡ. Bên cạnh đó Viễn Đông chẳng những bác bỏ được chủ nghĩa vật chất, cá nhân vị kỷ thời mà còn có thâm ý dạy cho Tây Phương một bài học về nhân sinh quan và đạo đức...



Chính vì lẽ đó mà các nhà tư tưởng thủ cựu Tây Phương lập luận cho rằng trong tương lai các nền văn minh xuất xứ khác biệt khi dung hợp với nhau sẽ không tránh khỏi sự đụng chạm. Đại biểu nổi bật nhất của nhóm người này là ông Samuel Huntington, Giáo sư trường Đại học Havard. Theo ông thì các cuộc tranh chấp và chạm sẽ không bắt nguồn từ kinh tế hay ý thức hệ và ông còn nhấn mạnh thêm văn hóa là yếu tố hội đủ điều kiện nhất để gây chia rẽ trong nhân loại. Lẽ dĩ nhiên quốc gia dân tộc vẫn giữ vai trò cốt yếu trên địa bàn thế giới, nhưng các cuộc xung đột trên lãnh vực chính trị tổng quát sẽ diễn ra giữa các quốc gia, các nhóm chủng tộc có nền văn hóa dị biệt, vì ông thiết nghĩ văn minh đi đôi với văn hóa như hình với bóng hay nói khác hơn nền văn minh chính là thành quả kết tinh từ những khía cạnh văn hóa chung. Để dẫn chứng cụ thể cho giả thuyết vừa nêu ra Huntington phân chia nền văn minh trên thế giới ra làm 8 trung tâm khác nhau, một phần dựa trên nền tảng địa lý, một phần dựa trên cơ sở tôn giáo: văn minh Tây Phương, Nam Mỹ, Slave chính thống, Phi Châu, Ấn Độ, Nhật Bản, văn minh đạo Khổng và văn minh đạo Hồi. Và cuối cùng ông đi đến kết luận rằng nền văn minh đạo Khổng là một trong hai nền văn minh nguy hiểm nhất...! Do đó, ông đề nghị Tây Phương không nên chú quan quá đáng, trái lại cần phải tìm cách giới hạn sự bành trướng tâm ảnh hưởng của nền văn minh đạo Khổng, bên cạnh đó cũng cần nên củng cố lại thế lực quân sự, chính trị và kinh tế ở Viễn Đông, để bảo vệ quyền lợi của chính mình đang có nguy cơ thoát khỏi tầm tay. Thế còn chưa đủ, ngoài ra ông còn nhấn mạnh thêm là tốt hơn hết Tây Phương đừng "phi lý" đối đầu với các nền văn minh không phải Tây Phương để dễ bề rảnh tay đối phó với mối đe dọa đầy hiểm nguy trước mắt là văn minh đạo Khổng. Tất nhiên học thuyết Huntington bị đa số các nhà trí thức Á Châu cực lực bài xích vì tính chất giản lược và hiểu chiến hàm chứa bên trong và cũng vì sự phân chia ranh giới các nền văn minh hết sức thô thiển. Trước tình trạng đó không phải ngẫu nhiên có ý kiến đưa ra là nên phát huy đường lối trao đổi, cởi mở, hợp tác văn hóa, cải tổ hệ thống giáo dục trên bình diện quốc tế, nghiên cứu tỉ mỉ thỏa hiệp hữu nghị giữa các quốc gia và các dân tộc nhằm tiến tới sự hòa đồng thế giới và tránh khỏi những va chạm có thể gây nhiều hậu quả khôn lường mà nhân loại khó lòng mà rửa sạch cho được...!

## T hua các đồng hương,

Tôi xin trình bày một số nhận định để cùng nhau phân tích và tìm biện pháp chống đỡ. Đó là:

Sau hơn 3 năm thỏa ước hồi hương Đức-Việt từ ngày 9.6.92 đến nay đưa ra tranh cãi nhiều lần. Đến nay chính phủ Đức đã thành công lớn. Phái đoàn Đức sau khi kết thúc chuyến đi Việt Nam trở về, ngay mấy ngày sau đã có cuộc họp của chính phủ về vấn đề này. Cộng Hòa Liên Bang Đức đánh giá đây là một thỏa thuận quan trọng. Vì phía Việt Nam chấp thuận nhận người, có nghĩa là phía Đức có quyền trục xuất bất cứ ai cư trú bất hợp pháp và phạm pháp. Trong trường hợp cần thiết không loại trừ áp dụng cưỡng bức hồi hương. Hiệp ước và biên bản bao gồm những điểm cơ bản dưới đây:

- Việt Nam có bốn phạm nhận lại những công dân của mình không có tước hiệu cư trú hợp lệ ở Cộng Hòa Liên Bang Đức.

- Hai phía đồng ý đưa càng sớm càng tốt những người phạm tội về Việt Nam.

- Hồi hương 40.000 người mà lẽ ra đã phải rời khỏi Đức căn bản của thông cáo chung ngày 06.01.1995 với con số quy định hàng năm (1995 = 2.500; 1996 = 6.000; 1997 = 6.500; 1998 = 6.500 những người tội phạm và tự nguyện về trước, người có việc làm về sau. Cho đến năm 2000 là hết)

- Điều kiện trước tiên và kiên quyết cho sự hồi hương là phải có bằng chứng và minh chứng có quốc tịch Việt Nam (cơ bản là Hộ Chiếu và Chứng Minh Thư)

# NHẬN ĐỊNH 40.000 NGƯỜI VIỆT TỶ NẠN TẠI ĐỨC VỀ NƯỚC CÓ NGUY HIỂM HAY KHÔNG ?

• Trần Đăng

- Các quy định về thủ tục hồi hương được đưa theo những thủ tục hồi hương đang được thực hành của Cao Ủy Tỵ Nạn Liên Hiệp Quốc (UNHCR)

- Các quy định về bảo vệ tin tức cá nhân và vấn đề tư vấn (lời khai và hành động chống đối)

Việt Nam cho biết đây là một thỏa thuận phần thắng về phía Việt Nam là từ số tiền 20 triệu Đức Mã năm 1992. Đến năm 1995 đòi được 220 triệu. Nhận 40.000 người về dân trong 5 năm và từng ít một để dễ răn đe và cải hóa lần theo dõi về sau dễ dàng ổn định an ninh chính trị lẫn kinh tế. Bình quân 8.000 người về mỗi năm dễ thuận thực dân. Nhưng người Việt Nam từ Đức trở về mất đi 40.000 người trên 75 triệu dân hẳn chẳng làm nên việc to lớn gì. Đó là cộng sản Việt Nam lo xa về an ninh chính trị, nên khi về dứt khoát là phải tập trung cải tạo tư tưởng, học tập tẩy não cho trong sạch. Trang bị đầu óc chủ nghĩa cộng sản và tư tưởng Hồ Chí Minh cho các người. Vì điều lo lắng duy nhất của chính phủ cộng sản là những người tỵ nạn đã nhiễm nặng tư tưởng Dân Chủ tư sản, có tự do và nhân quyền. Nhưng với nền chuyên chính vô sản trong tay một chế độ độc tài có truyền thống đàn áp đẫm máu; Chắc chắn đe dọa được những người vốn quen sống trong "bơ sữa" này? Vậy những người Tỵ nạn Việt Nam ra về, họ sẽ được thả vào một "Xã hội chủ nghĩa không có người thất nghiệp, mọi công dân đều có nghĩa vụ lao động, tự do làm việc, chứ không phải bán sức lao động như trong chủ nghĩa tư bản! Họ được tự do dân chủ và nhân quyền". Thực ra không có công ăn việc làm họ phải tự bỏ tiền dành dụm trong những năm tỵ nạn để sống. Tiền nước Đức giúp đỡ được sung quý quốc gia. Sau đó được "tái hội nhập" vào túi các quan chức chính phủ.

Chính phủ Đức sau khi có bản thỏa hiệp ký kết hẳn phải tay nhẹ nhõm, trút được phần nào gánh nặng xã hội. Chẳng quan tâm những người phải ra về có phải qua một khóa học chính trị để "Tẩy não và thanh lọc" hay không. Rồi đến ảnh hưởng tâm lý và thực tế của thỏa ước này đối với quyết định của Sở công nhận Tỵ nạn Liên Bang Zindorf và của các Tòa án hành chính các cấp? Họ sẽ xử dụng lấy thỏa ước hồi hương hai nhà nước đã ký trả và nhận làm lý do, lý lẽ bác đơn Tỵ nạn cho người xét sau và cả người đặt đơn lần thứ hai nữa. Nhiều Luật sư cũng lý lẽ này để giải thích cho thân chủ thuê mượn cái. Họ còn nói: "Hai nhà nước đã ký thỏa thuận hồi hương rồi. Nhà nước Việt Nam đã nhận tiền và hứa nhân người về sẽ không phải tù, có công ăn việc làm, có tự do và nhân quyền. Vì Việt Nam đã "đổi mới". Yên tâm chờ ngày về nước". Lại có cả tin tập trung những người Ausweisduidung vào một nơi để cho về.

Các nguồn tin trên các đài báo, Tivi và truyền miệng... đã gây nhiều dư luận hoang mang cho cộng đồng người Việt Nam tại Đức. Nhiều người lo lắng bàn tán xôn xao "về thì đỡ, ở không xong". Nhiều người hối tiếc một thời và đã tính các nước cờ khác nhau: đều không muốn về Việt Nam sẽ chạy sang Tiệp Khắc, Ba Lan, chạy sang Nga. Thậm chí còn chạy sang Úc và Thụy Điển... nữa chứ. Tôi cũng biết nhiều đường dây và dịch vụ giấy tờ ở Tiệp và gặp nhiều người ở Đức đã "cao chạy xa bay" sang Tiệp từ năm 1993 và 1994 rồi. Tất cả đã ổn định cuộc sống mà còn đón gia đình sang. Số lượng vào Tiệp ngày càng đông, giá cả giấy tờ lên dần. Ngoài ra còn "lấy vợ, lấy chồng người Đức" dù lấy thực lấy giả để sẽ được ở lại. Có người bảo dịch vụ 15.000 - 20.000 Đức Mã cũng chơi. Miễn là được ở, dù người phờ phạc nghiện ngập. Bàng mọi giá không về Việt Nam.

Đặc biệt có những câu hỏi được đặt ra phải chăng Đảng Cộng sản Việt Nam đã thực sự đổi mới, tôn trọng quyền tự do, dân chủ và nhân quyền của nhân dân? Hồi có thực sự chính quyền Việt Nam không đàn áp những người hồi hương



này? Số người trốn đi nước ngoài và ở lại nước ngoài trái phép mà chính quyền Việt Nam coi là phản bội Tổ quốc, chống đối Đảng, chống đối nhà nước xã hội chủ nghĩa. Không tìm được câu trả lời chắc chắn và bảo đảm cho một nước Việt Nam dân chủ có tự do nhân quyền thực sự.

Nhân đây người viết có một số nhận định bổ sung để mọi người phân tích đóng góp ý kiến và giúp đỡ những người hồi hương, đó là:

**Thứ nhất:** Việc nhận lại số người Việt tại Đức là một điều phải xảy ra bởi chính phủ Việt Nam không thể từ chối việc bang giao này mãi được. Do áp lực nhiều mặt của cộng đồng quốc tế. Nhất là phía Đức đã phải đánh tiếng lên án Việt Nam vì phạm công ước quốc tế. Còn tuyên bố cắt viện trợ và mọi hợp tác với Việt Nam. Hơn nữa do việc kêu gọi viện trợ và đầu tư vào Việt Nam. Nên nhà nước Việt Nam phải tỏ ra có thiện chí về mọi mặt. Nhất là việc nhận lại số người hồi hương này. Ta thấy rõ qua hàng loạt thỏa ước với Hồng Kông, Hòa Lan sau đến Đức. Vì vậy chúng ta không lấy gì làm lạ khi Hà Nội đồng ý nhận lại những công dân của mình. Việc tiến hành như thế nào phía Đức sẽ chắc chắn gặp nhiều khó khăn phức tạp cũng như trở ngại lớn. Bởi bản chất của Đảng cộng sản Việt Nam là ranh ma, có nhiều thủ đoạn và lừa bịp.

Lịch sử đã minh chứng Đảng cộng sản Việt Nam từ trước tới nay chưa tôn trọng một hiệp ước quốc tế là gì?. Các bài ngoại giao lật lọng của Việt Nam với các nước khác trên thế giới làm cho các chính khách Đức nhiều ái ngại. Hồ sơ của Stasi cũ cho hay 95% hợp đồng giữa Việt Nam và Đông Đức cũ không thực hiện được do phía Việt Nam. Nên Việt Nam thường đưa ra luận điệu: "Đảng ta sáng suốt, biết vận dụng đường lối của Đảng ở mọi lúc mọi nơi, chớp được thời cơ đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác".

**Thứ hai:** Những lời cam kết của nhà nước Việt Nam là không trừng phạt, đàn áp những người trở về. Dù cho là lời tuyên bố bằng văn bản cũng chỉ là hình thức để lừa dư luận thế giới và trong nước, hợp thức việc buôn bán người của chính quyền cộng sản mà thôi. Bề ngoài tỏ ra có thiện chí bằng mọi cách bao che cho việc vi phạm tự do nhân quyền. Nên họ sẽ ký thỏa ước hồi hương để lấy món tiền viện trợ và đầu tư nhằm vực lại nền kinh tế tàn lụi và cứu nguy chế độ độc tài phi dân tộc. Bên cạnh đó Đảng CSVN họ ra sức củng cố vững chắc về mặt chính trị, dùng mọi biện pháp để trấn áp thủ tiêu mọi tư tưởng chính kiến, những mầm mống dân chủ ở trong nước. Ngoài ra còn vi phạm thô bạo trắng trợn về nhân quyền, truy nã, giam giữ những người có tư tưởng mới, khác chính kiến phản chống các sai trái của Đảng CSVN. Hàng loạt bản án nặng nề cho các "tù nhân lương tâm" như: Giáo sư Đoàn Viết Hoạt, Bác sĩ Nguyễn Đan Quế, Linh mục Trần Đình Thủ, Cựu đảng viên CSVN là ông Nguyễn Hộ. Mới đây là Hòa Thượng Thích Huyền Quang và Hòa Thượng Thích Quảng Độ. Hiến pháp nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam có những điều khoản, với những hình phạt nặng nề dành cho những ai đã tỏ thái độ, có hành động đối lập đảng CSVN, chống lại nhà nước XHCNVN cho dù chỉ bằng hình thức ôn hòa, bất bạo động. Đảng CSVN luôn luôn khẳng định lập trường như vậy và tiếp tục đàn áp không loại trừ ai để giữ vững địa vị.

**Thứ ba:** Người hồi hương ở Đức về không bị đàn áp ư? Điều này sẽ không chắc chắn đâu. Như trên đã nói, không bị giam tù tra tấn để khai báo cũng sẽ bị tập trung cải tạo, học tập chính trị viết kiểm điểm để xét duyệt. Bị quản chế dưới mọi hình thức (bằng án quyết hoặc quyết định hành chính). Họ dùng những ngôn từ mỹ lệ (đẹp đẽ) để lừa dư luận trong nước và thế giới thôi. Bởi giam tù thay bằng tập trung cải tạo hoặc đi học tập chính trị cũng vậy. Nghe bề ngoài thì

hay đấy! Nhưng bề trong rất là nghiệt ngã và đau khổ lắm. Họ nói với công luận "Sợ người hồi hương đe dọa an ninh quốc gia và an ninh xã hội của Việt Nam". Họ nói vận dụng theo quyết định số 59-TTg của Thủ Tướng chính phủ ban hành ngày 04.02.94 về giải quyết cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài hồi hương về Việt Nam. Họ không bắt vào tù đâu. Có thể sau khi về còn bị trình diện thường kỳ hay định kỳ tại bất cứ cơ quan công quyền hay tổ chức quản chúng xã hội dưới sự kiểm soát của công an khu phố, phường, xã. Hoặc các ủy ban, xí nghiệp có chính quyền và đảng lãnh đạo. Có mạng lưới công an khu vực theo dõi.

Bởi vì nhà nước CSVN chưa hề công bố xóa bỏ các điều luật 82, 85, 89 trong Bộ luật hình sự năm 1992 xử phạt đối với tội danh vượt biên, ở lại nước ngoài trái phép và các hành vi hỗ trợ. Họ còn truy nã và xử phạt đối với tất cả những "tội chính trị" (các điều 72, 73, 74, 76, 81, 82, 86, 92, 93, 99 Bộ luật hình sự Việt Nam công bố năm 1992) xảy ra trước và trong khi ở nước ngoài. Chính vì Đảng CSVN nắm chắc và sử dụng lực lượng công an, quân đội và pháp luật làm công cụ bảo vệ Đảng và chính quyền. Cho nên không thể nào là không bị đàn áp và cưỡng bức đàn t, không để yên cho những người có tư tưởng mới là tự do và nhân quyền. Mà người ra về đa phần được tiếp thu luồng tư tưởng này. Vô lý công sản Việt Nam không tẩy não người về. Những việc làm đó là ảnh hưởng đến đời sống công ăn việc làm, chỗ ở, đi lại, nói năng và thậm chí còn ảnh hưởng đến thân nhân gia đình cũng bị theo dõi.

Thưa các đồng hương,

a. Kinh nghiệm trong quá khứ mọi người đã thừa biết là những người lãnh đạo Việt Nam luôn tráo trở không hề bao giờ thực hiện đúng những điều đã cam kết trong các hiệp định đã được ký kết (chứng minh bằng Hiệp định Genève 1954, Hiệp định ngưng bắn Tết Mậu Thân 1968, Hiệp định Paris năm 1973, v.v...). Và thực tế đàm phán của chính phủ Việt Nam với các nước, với dân Việt Nam. Đến nay đều cho thấy rằng: chính quyền Hà Nội tuyên bố thế này nhưng hành động ngược lại. Những người đã sống nhiều năm trong chế độ cộng sản Việt Nam càng thấy rõ và làm nhân

chúng được.

b. Với những ý kiến - phân tích và chứng minh trên. Với sự lo âu bị trả thù, đàn áp chắc hẳn sẽ xảy ra khi trở về Việt Nam. Những người Việt Nam yêu chuộng tự do và nhân quyền đều không muốn về nước. Cần tổ chức làm Thịnh Nguyễn Thư để tự cứu mình và cứu đồng bào mình. Tham gia vào các tổ chức chính trị ở hải ngoại. Tham gia tích cực vào các cuộc hội thảo và biểu tình ở nước ngoài. Vận động các cơ quan chính quyền nhà nước và địa phương cùng các giới truyền thông, các đảng phái, nhà thờ, hội từ thiện và người dân nước ngoài ủng hộ cuộc đấu tranh của dân tộc Việt Nam ở trong nước và nước ngoài. Tổ chức tuyên truyền vận động ở nhiều nơi và xin nhiều chữ ký đấu tranh cho Việt Nam, Photocopy nhiều bản gửi cho các tổ chức chính trị ở nước ngoài và các nguyên thủ quốc gia mình sống nhờ dựa về Việt Nam.

c. Những người phải hồi hương chuẩn bị hành trang tự lo cứu lấy mình trước. Xác định trấn an tư tưởng khi về và đợi thời cơ chín muồi nổ ngòi đấu tranh. Phải cùng nhau đoàn kết đấu tranh tập thể. Không để đàn áp đẹp dần bạn mình xong sẽ tới mình. Khi về sẽ thư điện sang cho bạn bè và các tổ chức hội đoàn biết mọi tin tức tại Việt Nam. Người ở lại tìm cách cứu vớt người về khi gặp khó khăn.

(Tổ chức Dân Chủ Việt Nam)



# SỰ KẾT THÚC LỊCH SỬ VAI TRÒ CHÍNH THỐNG CỦA MỘT Ý THỨC HỆ

• Nguyễn Thế Việt

**T**rong lịch sử dân tộc Việt, sự lựa chọn ý thức hệ từ bên ngoài làm nền tảng tư tưởng cho cộng đồng, đã diễn ra như một nhu cầu tự nhiên khách quan. Chẳng có gì phải tự ti trong hoàn cảnh một nước nhỏ, lại không có những nhà tư tưởng lớn, kiệt xuất, khi phải vay mượn tư tưởng ở những trung tâm văn hóa có truyền thống lâu đời hơn. Dân ta đã từng chọn Phật giáo làm *quốc giáo*, đã từng chọn Nho giáo như là một hệ tư tưởng đóng vai trò *chính thống* trong nguyên tắc trị vì của cơ chế thống trị. Tuy nhiên, trong lịch sử, lối ứng xử lấy *độc tôn tư tưởng* chính thống để tiêu diệt tư tưởng phi chính thống hoàn toàn xa lạ với truyền thống dân tộc Việt. Trong quá khứ người Việt đã coi trọng tính *đồng nguyên* trong tư tưởng. Các hệ tư tưởng và chính kiến khác biệt đã từng chung sống hòa bình. Có những thời kỳ trong một con người đã hun đúc lên được vẻ đẹp tư tưởng từ nhiều nguồn gốc. Đó là cái thiện tâm, tử bi của Đức Phật, cái vô vi của Đạo, cái nhập thế tích cực khi cần của Nho giáo...

Truyền thống hợp lưu này của dân tộc bị đứt gãy từ khi có sự du nhập *ý thức hệ vô sản* vào Việt Nam với tư cách là *ý thức hệ thống trị*, tồn tại trên cơ sở triết tiêu mằm mống khác biệt và đối lập của các khuynh hướng tư tưởng phi chính thống. Từ tư cách là *ý thức hệ* nó được chính thống hóa bằng bạo lực và "ngồi xổm" lên trên các *ý thức hệ* khác. Đó là nguyên nhân của mọi nguyên nhân dẫn đến thảm họa dân tộc trong hơn nửa thế kỷ qua.

Bài viết này trong khả năng có thể còn hạn chế, bước đầu tìm hiểu những quy luật của xung đột, đối kháng và đồng hóa lẫn nhau một cách phức tạp của hai khuynh hướng tư tưởng đối lập: chính thống và phi chính thống trong xã hội Việt Nam cộng sản (Đối với chế độ Việt Nam Cộng Hòa chúng tôi sẽ dành cho một bài viết khác cùng đề tài). Lịch sử đã đến giai đoạn lấy đối thoại thay cho bạo lực. Nếu ở Việt Nam nguyên tắc này trở thành hiện thực thì cũng đồng thời là sự cáo chung của *vai trò chính thống của một ý thức hệ độc tôn* để trở về với truyền thống đại nghĩa đa nguyên của dân tộc.

I. 1.- Trong các hình thức đối kháng tư tưởng thì hình thức công khai hướng tới thay thế vị trí thống trị xã hội của tư tưởng là hình thức tích cực nhất của khuynh hướng tư tưởng phi chính thống. Hình thức này xảy ra trong những điều kiện lịch sử cụ thể sau:

- Sự ra đời của hệ ý thức mới về mặt lý thuyết như là một hệ thống đối lập với ý thức hệ chính thống đang tỏ ra lỗi thời, bế tắc, mở đầu cho một cuộc cách mạng xã hội nhằm thí nghiệm, hiện thực hóa những tiên đoán của các nhà khoa học nhân văn về sự vận động và phát triển có quy luật của xã hội loài người. Cuộc cách mạng vô sản Pháp thế kỷ trước và cuộc cách mạng vô sản Nga đầu thế kỷ này mở đường cho hàng loạt cuộc thí nghiệm xã hội quy mô toàn cầu là những nỗ lực không thể chối cãi của nhân loại. Tuy nhiên những dự phóng về tương lai của nhà khoa học dù lỗi lạc đến đâu cũng không tránh khỏi sự tụt hậu với thời gian. Vấn đề là ở chỗ, cũng như các nhà khoa học khác, khoa học nhân văn cũng cần sự tiếp nối, cần sự thẩm định lại trong những điều kiện lịch sử mới, Tiếc thay, hệ tư tưởng vô sản sau khi đã được chính thống hóa và độc tài hóa, nguyên tắc tối thiểu này chỉ còn được nhắc đến như là một thứ trang sử giả dối.

- Sự ra đời và khẳng định của mô hình xã hội dân chủ pháp trị như là một kiểu tổ chức và quản lý xã hội mới, có khả năng kích thích sản xuất phát triển. Khác về nguyên tắc với các cuộc thí nghiệm xã hội kể trên, các thang bậc giá trị của con người trong xã hội lần này không phải là kết quả của những tiên đoán tương lai của nhà khoa học, mà là sự liên tục hoàn thiện những kết quả nghiên cứu từ thực tại xã hội. Sức mạnh lôi cuốn của các thang bậc giá trị nhân bản không còn là niềm tin không tưởng vào những dự phóng tương lai nằm ngoài khả năng trần thế của con người mà chủ yếu là những nguyên tắc sống giản dị, tiêu biểu cho công bằng xã hội và nhân đạo kiểu mới: tự do, dân chủ và tôn trọng pháp luật. Tuy nhiên, đối với các nước còn tồn tại chế độ độc tài, những nguyên tắc phổ quát của xã hội loài người như dân chủ, tự do, đa nguyên tư tưởng... không có đất tồn tại. Nói cách khác nó phải tồn tại trong điều kiện bị cấm đoán, "phi chính thống" để đối kháng với chính thống.

Trong điều kiện bị cấm đoán, muốn tồn tại để có thể đối thoại với cơ chế chính thống, khuynh hướng tư tưởng phi chính thống buộc phải lựa chọn những phương pháp và khả năng thích hợp cho hoàn cảnh của mình. Trước hết nó phải xóa bằng mọi cách "màng cách ly" giữa công chúng và những thông tin khách quan trung thực. "Màng cách ly" đó là mặt là sự cấm đoán bằng nhiều hình thức của cơ chế, nhưng mặt khác quan trọng hơn là tâm lý nô lệ chính thống đã định hình trong mỗi con người, trở thành một loại tâm lý cộng đồng, thậm chí trở thành một loại tín ngưỡng của đám đông không để gì một sớm một chiều có thể phá vỡ được. Ngay tác giả của bài viết này cũng đã có một thời không thể hình dung được tại sao con người ở các nước phương Tây có thể sống ra người được mà không cần đến lý tưởng cộng sản. Vì thế, quá trình đấu tranh để chính thống hóa trong dân chúng của khuynh hướng tư tưởng phi chính thống phải có mục tiêu rõ rệt và phương pháp khoa học mới có thể đạt được hiệu quả mong muốn.

Phương pháp chính thống hóa từng bước một trong dân chúng và dư luận xã hội của tư tưởng phi chính thống thường diễn ra trên các cấp độ khác nhau.

- Cấp độ phê phán cơ chế chính thống với mục đích hạ bệ những thần tượng giả dối, những hào quang màu mè sơn phết bên ngoài để vạch trần bộ mặt thật bên trong chưa được dư luận công chúng biết đến. Những công trình đồ sộ với bề dày tư liệu, bằng chứng không thể chối cãi kiểu "Tôi là bác sĩ riêng của Mao" (Lý Thế Túy - Trung Quốc). Tờ trình của Krutshew về Stalin (Nga), Hoa Xuyên Tuyết, Mặt Thật (Thành Tín), những tác phẩm văn nghệ phản kháng trong nước (Nhiều tác giả)... Những công trình và tác phẩm loại này mặc dù chưa hướng vào tấn công trực tiếp nền tảng lý thuyết của ý thức hệ chính thống, nhưng lại có tác dụng rất lớn trong việc hạ bệ vị trí tinh thần kiêu ngạo của chính thống trong dân chúng. Và khi có điều kiện hỗ tương của nền tảng lý tưởng mới, nó sẽ góp phần không nhỏ trong việc đánh đổ tính hợp hiến của cơ chế chính thống.

- Cấp độ phân tích khoa học có thể coi là cấp độ lý thuyết có khả năng đưa ra hệ thống lý luận thay thế vị trí độc tôn của ý thức hệ chính thống. Những công trình loại này không dừng lại ở mức độ chỉ ra những sai lầm không sao sửa chữa của cơ chế, mà còn đi xa hơn, chỉ ra những mô hình xã hội mới và đấu tranh có mục tiêu rõ rệt. Loại công trình này ở trong nước có thể kể đến các tác giả Nguyễn Kiên Giang, Hà Sĩ Phu, Hoàng Minh Chính, Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Hộ, Nguyễn Phong Hồ Hiếu, v.v... Ngoài nước có thể kể đến tờ Đối Thoại (Mỹ), Thế Kỳ 21 (Mỹ), Dân Chúa & Phát Triển (Đức), Thiện Chí (Đức), Cảnh En (Đức), Tia Sáng (Đức), Nhóm Thông Luận (Pháp), Nhóm Đệ Tứ Việt Nam (Pháp), tờ Quê Mẹ (Pháp), v.v...

I. 2. - Đồng thời với hình thức đối kháng tư tưởng có chủ đích hướng tới thay thế vị trí thống trị xã hội, cần kể đến hình thức đối kháng và khác biệt tư tưởng nhằm phản ứng chống lại những áp bức ràng buộc của cơ chế nhưng không hướng tới mục đích đòi hỏi thỏa mãn triệt để mối quan hệ giữa *khả năng* và *thực tế*. Trước đây, trong xã hội phong kiến, những phản ứng tự vệ kiểu truyện cổ tích, ngụ ngôn

dân gian không nhằm mục đích gì xa hơn là nhằm tự giải khuây, "giải phóng" trong tưởng tượng. Những cuộc "đấu tranh giai cấp" chỉ dừng lại trong thế giới "trò diễn", trong hội hè dân gian. Các loại tiểu lâm hiện đại có nhạc băng bê trên thì cũng chỉ để vui cười giải trí.

Các hệ tư tưởng có truyền thống lâu đời như Nho giáo và các tôn giáo khác từng thịnh hành ở Việt Nam trước đây, nay cũng tồn tại trong thế vừa đối kháng với cơ chế vừa bị cơ chế cố tìm cách đồng hóa. Đối với cơ chế chính thống, những loại đối kháng và khác biệt loại này tuy không gây nguy hiểm trực tiếp cho vị trí quyền lực, nhưng không phải là không làm ảnh hưởng đến vai trò độc quyền về tư tưởng tham vọng của những kẻ cầm quyền hiện hành.

II. 1.- Đi sâu hơn, nhằm góp phần làm sáng tỏ mức độ nguy hiểm của các loại đối kháng tư tưởng, cần quan sát mức độ phản ứng của cơ chế đối với mỗi hình thức khác nhau kể trên.

Đối với loại đối kháng tư tưởng có khả năng diễn tiến thay thế vị trí thống trị xã hội hầu hết các nhà nước độc tài đều sử dụng phương pháp bạo lực tàn khốc để tiêu diệt. Nước Nga nửa đầu thế kỷ này đã chứng kiến cảnh nổi da nẫu thịt giữa các "đồng chí" trong Đảng cộng sản đứng đầu là nhà độc tài khét tiếng Stalin. Hàng loạt Ủy viên Bộ chính trị và các Trung ương Ủy viên thậm chí đến các đảng viên ủng hộ khuynh hướng dân chủ hóa trong nội bộ đảng cộng sản của Trotski đã bị thủ tiêu hoặc đày biệt xứ. Nhà nước độc tài phát xít Hitler thủ tiêu hàng loạt các nhà khoa học và công dân có tư tưởng đối lập. Ở Việt Nam, trước khi nắm được chính quyền, đảng cộng sản đã lo dọn sạch tư tưởng nội bộ bằng cách thanh toán hết những "đồng chí" dè dặt cũng đầu như Tạ Thu Thâu và những người Trotskyt Việt Nam khác. (Ai đã ám sát Tạ Thu Thâu và những người Trotskyt Việt Nam. Hoàng Hoa Khôi - Tủ sách nghiên cứu.



Hồ sơ về phong trào dè dặt Việt Nam tập 1. Trang 19-27). Sau khi cầm quyền vụ thanh trừng đẫm máu đối với trí thức và văn nghệ sĩ trong nhóm Nhân Văn Giai Phẩm chính vì mức độ nguy hiểm lâu dài của kiểu phản kháng tư tưởng có mục đích và ý thức. Phong trào Nhân Văn Giai Phẩm thực ra mới chỉ lộ diện ở mức độ phê phán mặt trái của cơ chế chính thống, nhưng vì họ được sự hậu thuẫn của các nhà khoa học và có nguy cơ bùng nổ thành ý thức hệ đối kháng. Tương tự như thế, nhóm xét lại chống đảng đứng đầu là Hoàng Minh Chính mặc dù đồng ý thức hệ về hình thức nhưng lại khác biệt rất rõ về nguyên tắc dân chủ hóa trong nội bộ đảng và trên thực tế họ đã ly khai khỏi lập trường *chuyên chính vô sản* nên đã bị các nhà cầm quyền bảo thủ trong đảng trừng phạt nặng nề hơn cả là đối xử với kẻ thù. Khi chúng tôi đang viết những dòng này thì nhận được tin ông Hoàng Minh Chính lại bị bắt lần nữa vì tội danh: "lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của nhà nước, của tổ chức xã hội hoặc của công dân và tuyên truyền chống chế độ xã hội chủ nghĩa. Quy định tại điều 205a, 82 Bộ Luật hình sự nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trích Quyết định khởi tố bị can do Đại tá Phạm Chuyên ký ngày 14.6.1995. Xem: Hy Vọng số 16 - tháng 8.1995 - trang 3) Số phận của những tù nhân lương tâm như Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Nguyễn Hộ, Tạ Bá Tòng, Thích Huyền Quang, v.v... ở các mức độ khác nhau, đều bị khống chế, giám sát chặt chẽ của cơ quan an ninh.

II. 2.- Đối với loại đối kháng hoặc khác biệt tư tưởng không có chủ đích cạnh tranh vị trí chính thống tư tưởng thì cơ chế hiện hành có những sách lược, đối xử mềm dẻo hơn. Trước hết, họ tìm cách vô hiệu hóa những phản ứng chẳng hạn của đạo Thiên Chúa. Đồng hóa từng bộ phận tư tưởng khác biệt để từng bước tìm ra sự đồng thuận dù trên hình thức giữa cơ chế chính thống và tín ngưỡng tôn giáo. Họ nêu ra khẩu hiệu "Kính Chúa, yêu nước" (Thực chất là yêu chế

độ XHCN). Họ cho lập ra Giáo hội Nhà nước để đối lập với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất để dễ dàng gắn tu hành với tư tưởng chính thống hiện hành và thủ tiêu một cách tinh vi Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất về lâu dài. Trong trường hợp không thể vô hiệu hóa được phản ứng chống đối thì họ dùng đến bạo lực *chuyên chính*. Những cuộc đàn áp thô bạo đối với Phật giáo trong nước những năm vừa qua là ví dụ điển hình cho cách ứng xử "linh hoạt" của chính quyền đối với những Phật tử không biết gắn tu hành với *yêu XHCN*. Tuy nhiên mọi cách ứng xử đối với tôn giáo đều được cơ chế chính thống cân nhắc kỹ lưỡng. Xét về mặt chiến lược, tôn giáo và ý thức hệ vô sản về bản chất là không thể song hành tồn tại. Tôn giáo có một số lượng tín đồ hùng hậu, đã cản trở một cách có hiệu lực quá trình nhập cảng và chính thống hóa ý thức hệ vô sản của cơ chế. Chính vì vậy tiêu diệt hay khống chế từng mặt sự tồn tại của tôn giáo một cách kín đáo là *chiến lược lâu dài* của cơ chế chính thống. (Xin tham khảo: *Thống Nhất Phật Giáo Việt Nam*: Đỗ Trung Hiếu - Quê Mẹ số 113. Tháng 5, 6.1995).

II. 3.- Những tiêu chí để phân định ranh giới giữa chính thống và phi chính thống của tư tưởng không phải là bất di bất dịch. Trong các thang bậc của tư tưởng, ý thức hệ thì ranh giới phân định hệ tư tưởng thông qua biểu hiện của *ý thức chính trị* tỏ ra kiên cố và bảo thủ hơn so với *tâm lý xã hội* và *lối sống*.

Xét trong chiều dài lịch sử, tham vọng chiếm vị trí độc tôn của cơ chế chính thống không những chỉ đối với ý thức chính trị mà còn cả tâm lý xã hội và lối sống của con người. Vào khoảng thập niên 50-60 những biểu hiện của lối sống phi vô sản bị kết án quy chụp nặng nề. Thời đó người ta xét nét khống chế lẫn nhau cả từng kiểu tóc, kiểu quần áo. Về phương diện tâm lý xã hội các

Chi bộ đảng, Đoàn thanh niên, Công đoàn can thiệp sâu vào thậm chí cả nơi buồng kín của lứa đôi. Những câu nói vô tình trong các bữa nhậu cũng có nguy cơ bị lời ra kiếm điểm trừ vì tróc vẩy. Những sinh viên du học nước ngoài có thể bị đuổi học vì những tội danh kỳ cục như đi nhảy đầm, yêu người ngoại quốc, hoặc xem phim Tây phương v.v... Thời gian trôi đi những quy luật của tiến bộ xã hội đã dần dần lấn và thắng thế. Cho đến nay, cơ chế chính thống dường như bỏ trống hoàn toàn "mặt trận" tâm lý xã hội và lối sống. Họ buộc phải làm ngơ.

Trên thực tế chỉ còn lần ranh cuối cùng khả dĩ để phân biệt ý thức hệ vô sản với các loại hình tư tưởng phi chính thống khác, đó là những nguyên tắc kinh điển chính trị kinh tế học Mác-xít. Tuy nhiên ngay cả lần ranh cuối cùng này cũng đang có nguy cơ bị đe dọa. Hòn đá tảng của lý luận Mác-xít là *chuyên chính của giai cấp vô sản đối với một thiểu số kẻ bóc lột* chỉ còn là câu nói đại ngôn trong các buổi giảng Lý luận Mác-Lê cho học trò phổ thông. Khi những mô hình khổng lồ của lon Coca Cola quảng cáo đã được trưng lên trên quảng trường rộng lớn thế chỗ cho các tượng đài và chân dung lãnh tụ thì rõ rệt là *cạnh tranh sinh tồn* và cơ chế thị trường đã lấn sâu, những lý thuyết kinh điển đầy quyền uy. Cho dù chính quyền hiện hành có ra sức khuyến khích các ông chủ "đỏ" mới có nhân Mác-xít làm giàu để tạo vành đai hậu thuẫn thì vẫn không sao thay đổi được màu da trên xác chết.

Trước tình hình sụp đổ một cách không thể cưỡng lại được, cơ chế chính thống huy động các chuyên gia tư tưởng lo và vầu một chiếc áo lý luận dù không mới (Mà chẳng thể tìm đâu ra cái mới) nhưng còn hơn không có. Những kiểu nói đại ngôn như là sở trường truyền thống để che giấu những khiếm khuyết của tư duy lại được đưa ra trình diễn. Như chúng tôi đã có dịp đề cập ở phần trước, ngay cả trên thành lũy man trá nhất, ngoan cố nhất của ý thức hệ vô sản,

những dấu hiệu khủng hoảng suy vong của nó đã cho thấy một xu thế phát triển mới của tiến bộ xã hội không có gì cưỡng lại được.

Tuy nhiên, khi lối sống con người đã thay đổi, tâm lý xã hội đã biến đổi thì sớm hay muộn ý thức hệ cũng biến đổi theo. Đó là quy luật khách quan của tiến bộ xã hội.

III. Từ những bình diện đã phân tích trên có thể thấy sơ bộ con đường đi đến kết thúc vai trò chính thống của ý thức hệ vô sản cả trên thực tiễn lẫn lý luận. Mặc dù, ở Việt Nam cơ chế chính thống đang nằm trong tay lực lượng quân đội và công an với những trang bị hiện đại, chính quy, nắm trong tay các cơ quan các cơ quan truyền thông, một đội ngũ chuyên gia tư tưởng... nhưng họ đang đứng trước những tình thế nan giải vô phương cứu chữa.

Trước hết sự mài mòn và suy sụp từng mảng lớn những *bảng giá trị tinh thần* của con người Mácxit đã được chính thống hóa thành tín điều trong công chúng hơn nửa thế kỷ qua. Nếu ai có công theo dõi những biến đổi lớn lao trong đời sống tinh thần người Việt thời mở cửa sẽ thấy đại bộ phận dân chúng, nhất là thế hệ trẻ đang vui vẻ giả tử chính thống để chọn cho mình một bảng định giá giá trị tinh thần mới. Nhân dân, mặc dù còn ở mức độ tự phát đã biết kết hợp những giá trị văn minh hiện đại với truyền thống Việt Nam. Những tín ngưỡng, tôn giáo lâu đời như Phật giáo sau bao nhiêu năm tháng bị chính thống rêu rúng nay được quảng đại quần chúng đón nhận như một cột trụ của *đời sống tâm linh*. Đạo Thiên Chúa và các tôn giáo khác cũng đang góp phần phục hưng đời sống tâm linh người Việt. Trong tình trạng khủng hoảng về đạo đức trong đời sống xã hội Việt Nam như đã và đang thấy, các biện pháp hành chính tỏ ra bất lực thì chính tôn giáo đã góp phần rất lớn trong việc phục hồi lại những giá trị đạo đức nhân phẩm của con người.

Trong điều kiện những bảng giá trị tinh thần đã được chính thống hóa đang xói mòn theo thời gian thì khuynh hướng tư tưởng phi chính thống đang thâm nhập theo chiều sâu, thậm chí ngay cả những kẻ đã và đang nắm những chức vụ chủ chốt của cơ chế hiện hành ở những mức độ khác nhau, đã và đang lý khai khỏi sự ràng buộc của tư tưởng chính thống. Số người kiên quyết đoạn tuyệt với chính thống như Nguyễn Hộ, Tạ Bá Tòng, Nguyễn Phong Hồ Hiếu, Hoàng Minh Chính, Dương Thu Hương, Hà Sĩ Phu, Nguyễn Kiên Giang, Nguyễn Minh Cần (Trần Minh), Bùi Minh Quốc... ngày càng đông đảo thêm. Ngay cả những kẻ đang cầm quyền cũng hiểm dấn sự mạo mà với chính thống dù chưa dám đoạn tuyệt với chính thống vì nhiều lý do khác nhau.

Đội ngũ trí thức, đặc biệt là đội ngũ khoa học nhân văn ngày càng tin tưởng sâu sắc vào những chính kiến, những kết quả nghiên cứu khoa học độc lập với chính thống. Trước đây không lâu, như một nhà nghiên cứu Đông Âu từng lý giải, tại sao đội ngũ trí thức trong các nước XHCN trước đây lại im lặng. Họ im lặng vì mặc cảm phản bội với những người thân, với cộng đồng vì lúc đó tư tưởng chính thống còn chiếm vị trí độc tôn trong xã hội. Mặc cảm phản bội ngày nay đã biến mất, hay nói đúng hơn đã đổi vị trí trong suy tư của con người. Lúc này, chính mặc cảm phản bội lại nhân dân lại xuất hiện trong lòng những trí thức vì những lý do khác nhau chưa thể lên tiếng để hỗ trợ cho dân chủ và tiến bộ xã hội. Mặc cảm này như là một dấu hiệu tích cực của khuynh hướng tư tưởng phi chính thống đang ngày càng thâm nhập một cách sâu rộng trong nước. Những ý kiến xác đáng của các nhà khoa học được đào tạo bởi chính thống, của các nhà văn nhà báo từng có công với cơ chế chính thống, không dễ dàng chụm mũ hoặc đẩy sang hàng ngũ kẻ thù để dễ bề trừng phạt như trước.

Đây chính là những điều kiện khách quan thuận lợi chưa từng có cho quá trình dân chủ hóa xã hội Việt Nam. Tuy vậy chúng ta cũng cần nghiêm chỉnh xem xét lại những hạn chế của phong trào đấu tranh cho dân chủ ở trong cũng như ngoài nước đang lần lượt suy giảm tiến trình chính thống hóa của khuynh hướng tư tưởng phi chính thống.

Mặc dù được sự yểm trợ của khoa học và văn hóa nghệ thuật, nhưng khuynh hướng tư tưởng phi chính thống chưa

thể có cơ quan truyền thông chính thức được phổ cập tự do trong nước cho nên chưa thể công khai tiếp xúc với công chúng. Những đài phát thanh Việt ngữ và sách báo từ hải ngoại chỉ khác phục được phần nào khó khăn kể trên.

Về mặt phương pháp, khuynh hướng tư tưởng phi chính thống trước sau kiên định lập trường đối thoại, trong khi đó phía chính thống lại lảng tránh đối thoại và chọn một luật chơi khác hợp sở trường hơn là *đấu đầu bằng bạo lực và thủ đoạn*. Một bên công khai hết lý tưởng của mình và bên khác lợi dụng sự công khai đó để tìm kiếm những thủ đoạn đối phó thích hợp. Như vậy, xét thuần túy về "logic" hình thức thì đây là một trận đấu không cân sức và không hợp luật chơi.

Trong khi đó, tự thân các lực lượng đang đấu tranh cho tự do và dân chủ ở hải ngoại chưa đoàn kết và còn cần phải nỗ lực nhiều hơn nữa mới có thể xứng đáng là chủ nhân của ý thức hệ mới.

Trong quá trình đối thoại với chính thống, thậm chí có nơi có lúc lực lượng đấu tranh cho dân chủ còn lấy cái tư tưởng đã bị lịch sử đào thải để đấu tranh với tư tưởng đang bị lịch sử đào thải. Tư tưởng hẹp hòi bè phái, đòi giành độc quyền yêu nước cho mình, thói quen chụm mũ những ai bất đồng chính kiến với mình, với tổ chức của mình... đều là những mầm mống của chế độ độc tài, là những thuộc tính tương đồng với cơ chế mà mình đang nỗ lực để thay thế.

Lý do chính của lệch lạc loại này là do đội ngũ khoa học xã hội còn yếu trong các lực lượng đấu tranh cho dân chủ dẫn đến hệ quả là lựa chọn phương pháp đấu tranh chưa có hiệu lực lớn. Không biết đánh giá đúng những thành tố ngoại vi có thể triệt tiêu, vô hiệu hóa cái mới.

Hiện nay, trong nước những mục tiêu cho sang giàu và danh vọng trước đây nằm ngoài tầm mơ của con người thì nay đang trở thành nỗ lực của nhiều người. Tiền tài và danh vọng dễ trở thành đồng minh của tâm lý nô lệ, thích yên ổn, thỏa mãn. Hãy xem Bùi Minh Quốc phân tích sự phá hoại nhân cách văn nghệ sĩ vì chức quyền bổng lộc qua bài *"Mấy Kỳ Niệm Làng Văn Bi Trôi"* (Thiên Chí số 28 - 5.95 - trang 27-31) qua vụ tráo trở đổi trắng thay đen của các chức sắc làng văn đối với đề dẫn của bí thư đảng đoàn - nhà văn Nguyễn Ngọc trong đại hội nhà văn lần thứ 3 tại Hà Nội. Tác giả đã trích đoạn câu nói nổi tiếng của nhà văn Nguyễn Đình Thi nhân buổi nhậm chức sắc làng văn: *"Chúng ta, những nhà văn, chúng ta chỉ là những hạt bụi, nhưng là những hạt bụi lấp lánh ánh sáng của đảng"*. Qua bài viết này chúng ta sẽ hình dung ra được phần nào sự phá vỡ tính khoa học khách quan, uốn cong ngòi bút vì sự an toàn của cá nhân và chức quyền, và vì thế khi cần người ta sẵn sàng biến đồng nghiệp của mình thành vật hy sinh.

Tuy nhiên, về nguyên tắc, những lực cản ngoại vi đang cản trở quá trình chính thống hóa của khuynh hướng tư tưởng phi chính thống không phải là liên minh bền vững của chính thống. Sự phá hoại nhân cách trí thức vì bổng lộc, chức quyền sẽ biến mất đi khi cơ chế thị trường thắng thế. Trong cơ chế đó, người nghệ sĩ, trí thức có thể làm ra của cải vật chất bằng tài năng của mình chứ không còn là những phương sách luôn cúi lưng leo, xô xiên. Lúc đó đội ngũ trí thức sẽ thoát được khỏi vòng tay ban ơn và ràng buộc của cơ chế quan liêu, họ sẽ có tiếng nói trung thực và độc lập.

Mặc dù còn những hạn chế và khó khăn khách quan không thể nói hết trong phạm vi một bài viết, khuynh hướng tư tưởng phi chính thống đang quyết định chiều hướng phát triển của xã hội Việt Nam.

Khi quá trình chính thống hóa những tư tưởng phi chính thống đã hoàn tất về mục tiêu chuyển hóa, một cơ chế mới đại diện cho dân chủ và tự do ra đời, thì nó cũng sẽ tự biến mất đi từ cách "chính thống" độc tôn trong xã hội dân chủ kiểu mới. Đó là *sự kết thúc lịch sử vai trò chính thống của một ý thức hệ*. Nói cách khác, trong xã hội mới, sự khác biệt chính kiến tư tưởng là một hiện tượng xã hội lành mạnh của một cơ chế cường tráng. Có thể hình dung được một xã hội đa nguyên về tư tưởng, trong đó sự lựa chọn định hướng những giá trị tinh thần cho dân tộc chỉ còn dựa vào một nguyên tắc duy nhất là đối thoại với tinh thần tôn trọng lẫn nhau trên lập trường *nhân bản và dân tộc*.

# TINH THẦN DÂN TỘC

## TRONG NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM

### TINH THẦN DÂN TỘC HAY DÂN TỘC TÍNH

Trích "LUẬN CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM"

• Vũ Kỳ

**N**ền văn hoá Việt Nam trước hết là tấm gương phản chiếu trung thành và đầy đủ tinh thần dân tộc Việt Nam hay dân tộc tính Việt Nam đó vậy. Dân tộc tính là gì?

Đó là những tư tưởng căn bản, do dân tộc đã tự mình kiến tạo lâu đời, trước hết, trên hết, trong quá trình lịch sử, khai sinh và thành lập quốc gia. Những tư tưởng ấy đã sáng tạo ra tài sản tinh thần tối cổ để xây dựng nền móng của dân tộc, chi phối mọi sinh hoạt làm cho dân tộc này có những cảm thức, ý tưởng, tính tình cá biệt, phân cách với các dân tộc khác. Nó không phải vay mượn của bất cứ dân tộc nào, nhìn một cách tương đối thì không chịu một ảnh hưởng ngoại lai nào dù gián tiếp hay trực tiếp. Nó chỉ đạo con người Việt Nam thuần túy để thể hiện ra nhiều sắc thái đặc thù. Các tư tưởng thuần túy dân tộc là một bộ phận tinh thần chủ yếu và một hệ luận tất nhiên của cái tinh thần, tính chất phổ biến tổng quát mà người ta thường gọi là dân tộc tính.

Đó là xét về mặt tính. Nếu xét về mặt động thì trên dòng trường kỳ vô tận và biến hóa của lịch sử Việt Nam, các tư tưởng bây giờ được xem như là thuần túy dân tộc, đến một ngày nào đó có thể trở nên vô cùng phong phú hơn, vì tinh thần dân tộc ấy còn được tô bồi thêm nhiều chất liệu mới lạ vốn do sự sáng tạo khôn ngoan và khả năng hòa đồng dung hợp thông minh tài tình của dân tộc mình nằm trong cộng đồng sinh tồn các dân tộc khác trên thế giới.

Vậy dân tộc tính hẳn phải là nội dung rộng lớn được đúc tạo trên một nền móng cơ sở tinh thần, ý thức lâu đời của cộng đồng dân tộc ấy: đó là tâm lý tư tưởng thuần túy dân tộc đã chi phối mọi sắc thái của dân tộc ấy từ thuở ban đầu.

Dân tộc tính chính là tính chất riêng biệt làm thành đặc trưng của một khối người cùng có chung một lịch sử trên cùng một thời gian, trong cùng một không gian, cùng sinh hoạt trong một tổ chức cộng đồng xã hội; họ cùng có tâm tư ý thức giống nhau, nhân sinh quan, vũ trụ quan giống nhau mà những dân tộc khác, sống trong những nếp sống, những hoàn cảnh sinh hoạt khác không thể có được.

Cổ Cư sĩ Nguyễn Long Thành Nam trong "*Phật Giáo Hòa Hảo Trong Dòng Lịch Sử Dân Tộc*" đã luận như sau: "Nói về bản sắc dân tộc, các nhà văn hóa Việt Nam thường nói đến các yếu tố: Con Rồng cháu Tiên, tinh thần bất khuất quật cường, đức tánh bền bỉ, dẻo dai, khả năng dung nạp đồng hóa, ý chí tiến thủ mở mang bờ cõi, nếp sống văn minh nông nghiệp... Nguồn gốc Rồng Tiên vẫn là niềm hãnh diện của dân tộc Việt Nam, giống như dân tộc Nhật hãnh diện là con cháu Thái Dương Thần Nữ, dân tộc Đức với bản chất Nhục Nhĩ Man..."

Niềm hãnh diện dân tộc trở thành nguồn cảm hứng bất tận nuôi dưỡng ý chí tự cường, nung đúc tinh thần dân tộc kiêu hùng, bất khuất quật khởi để bảo vệ đất nước, tự tôn tự chủ trước áp lực xâm lược của Trung Hoa và Pháp. Từ tinh thần bất khuất đó, Việt sử đã có nhiều trang hào hùng với những Bà Trưng, Bà Triệu, Ngô Quyền, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, Lê Lợi, Quang Trung, những Lê Lai, Trần Bình Trọng, Phan Đình Phùng, Nguyễn Trung Trực, Phan Bội Châu, Nguyễn Thái Học, v.v...

Đức tánh chịu đựng bền bỉ dẻo dai của dân tộc Việt qua một ngàn năm Bắc thuộc, một trăm năm Pháp thuộc, với bao nhiêu đau thương tủi nhục, mà vẫn bền gan chịu đựng chớ không bỏ cuộc, vẫn chờ thời cơ quật khởi lấy lại giang sơn. Ý chí tiến thủ mở mang bờ cõi đã đưa dân tộc Việt Nam từ

phạm vi giới hạn tại châu thổ sông Hồng sông Mã đến một lãnh thổ mở rộng từ Nam Quan đến Cà Mau.

Khả năng dung nạp đồng hóa là một khả năng vĩ đại của dân tộc Việt, không để mình bị đồng hóa mất bản vị (như các chủng tộc Mông, Hồi, Mán, Tạng đã bị nồi Hán nuốt mất) mà lại thành chất liệu làm phong phú nền văn hóa dân tộc. Việt Nam đã tiếp nhận tư tưởng Tam giáo Đông phương, văn minh Thái Tây, thành cái vốn quý của dân tộc, đó là khả năng đồng hóa phi thường trong Việt sử, mặc dầu vẫn còn trạng thái "bội thực văn minh duy lý Tây phương" vì chưa kịp tiêu hóa.

Trong bản sắc dân tộc, cần phải kể nếp sống nông nghiệp truyền thống được gọi là "nền văn minh nông nghiệp" vì nó thể hiện một nếp sống thư thái, bình dị, phóng khoáng, an nhiên, tự tại của con người và xã hội Việt Nam suốt mấy ngàn năm qua. Tuy rằng nền nông nghiệp truyền thống không thể phát triển được theo cường độ và nhịp độ của thế kỷ 20 với văn minh cơ giới và kỹ thuật, nhưng nếp sống thoải mái của nếp sống nông nghiệp vẫn có giá trị tinh thần, luân lý và triết lý của nó" (Nguyễn Long Thành Nam, *Phật Giáo Hòa Hảo trong dòng lịch sử dân tộc*. Đuốc Từ Bi, 1991, trang 239-240).

Tóm lại, dân tộc tính hay tinh thần dân tộc là toàn thể sinh hoạt tâm linh thể hiện trong nếp sống, biểu lộ nhân sinh quan, thế giới quan, vũ trụ quan của một dân tộc với những nét cá biệt khiến dân tộc ấy không giống với các dân tộc khác.

Vậy ta phải có một quan niệm rộng rãi hơn để thấy rằng dân tộc Việt Nam bé nhỏ đã phải trải qua hàng chục thế kỷ bị dân tộc Trung Hoa khổng lồ đô hộ và tìm mọi cách đồng hóa, mà vẫn tồn tại được, hẳn phải có một bản sắc riêng biệt vững mạnh. Cái bản sắc đó cũng chính là tinh thần dân tộc nói một cách khác vậy. Dĩ nhiên, ta không thể phủ nhận là cái tinh thần ấy -cũng như bất cứ tinh thần dân tộc nào khác trên thế giới- phải biến đổi ít nhiều theo dòng lịch sử văn hóa bị pha trộn, bổ sung, hòa đồng với những yếu tố ngoại lai khác. Điều này, soạn giả có luận bàn ở sau về tương quan giữa bản sắc dân tộc và tính khai phóng giao lưu văn hóa.

Trần Trọng Kim, về tinh thần dân tộc của người Việt Nam có viết: "Người Việt Nam từ Bắc chí Nam đều theo một phong tục, nói một thứ tiếng (tuy rằng mỗi nơi có một ít thổ âm riêng và cái giọng nói nặng nhẹ khác nhau, nhưng đại để thì vẫn là một thứ tiếng mà thôi), cùng giữ một kỷ niệm, thật là cái tinh đồng nhất của một dân tộc từ đầu nước đến cuối nước". (Trần Trọng Kim, *Việt Nam Sử Lược*. Quyển I, trang 7).

#### Lại nói thêm về bản sắc dân tộc.

Những nguồn năng lượng, nhiệt lượng tinh thần mà lịch sử và văn hóa sử để lại trên mảnh đất chữ S này từ lâu đời đã un đúc nên bản sắc Việt Nam, dân tộc tính Việt Nam. Và lịch sử, văn hóa sử một đất nước nào mà không nói lên được bản sắc dân tộc mình thì đất nước ấy không phải là đất nước văn minh, có văn hóa. Vì thực ra dân tộc nào trên thế giới mà không có lịch sử? Con người văn hóa Việt chúng ta ngày nay qua các nếp sinh hoạt tinh thần, vật chất, đạo đức đã giữ lại trọn vẹn trong con người mình các tầng văn hóa đã đi qua trong lịch sử chủng tộc mình. Thời cộng sản hiện đại, với giai tầng văn hóa cộng sản chẳng những không thêm được gì lương hảo cho con người văn hóa Việt Nam, mà còn cố ý triệt tiêu và hủy diệt cái đẹp của các tầng văn hóa quá khứ khác. Nhưng vô hiệu. Điều ấy còn chứng tỏ cái hiệu lực cao độ của sức đối kháng truyền thống được tích trữ lâu đời của các tầng văn hóa đã qua trong lịch sử Việt Nam để khước từ nền mao hóa phi dân tộc của giai tầng cộng sản. Quả thật con người Việt Nam là hiện thân của nhiều giai tầng văn hóa: hơn 1000 năm Tàu, 100 năm Tây và hơn 20 năm Mỹ, tin ngưỡng, lễ nghi, y phục, ngôn ngữ, văn tự, v.v... của ta trông giống Tàu mà không phải Tàu, trông giống Tây mà không giống Tây, trông giống Mỹ mà không phải Mỹ, tội toan nói thêm trông giống Chăm mà không phải Chăm. Ấy đó, các yếu tố ngoại lai ấy được pha trộn giao hòa hòa nhập nhàng sau khi gạn lọc kỹ lưỡng, theo liều lượng vừa phải để không thái quá không bất cập, cho thực là thích nghi với cái tinh Việt Nam, cái lý Việt Nam, cái hồn Việt Nam, cái tâm

Việt Nam.-Phải chăng bản sắc Việt Nam là ở đó, dân tộc tinh Việt Nam cũng là ở đó. Nó tiếp nhận tất cả các quan niệm, các trào lưu, các tư duy..., rồi thống nhất, có khi biến chế lại để tạo nên một cái gì linh hoạt hơn, uyển chuyển thức thời hơn, gần gũi với Việt Nam tính hơn và đó là chân lý Việt Nam vậy. Ông bà chúng ta đúng là những y sĩ (chữa bệnh ngoại xâm) và là những dược sĩ văn hóa đại tài, bao phen đùng con bệnh Việt Nam đứng dậy trở thành Thiên Vương Phù Đổng!

Nhân đây, xin mở một cái ngoặc: không biết do một suy tư cá nhân nào hoặc một cuộc thăm dò hay một cuộc trưng cầu dân ý nhỏ hẹp nào mà sử gia tiền bối lỗi lạc của chúng ta là Trần Trọng Kim đã phác họa chân dung -thể chất, tinh thần- của người Việt Nam ta như sau đây. Có những điều chính xác nhưng cũng có những chi tiết mà chúng ta cần soát xét lại hoặc bổ túc thêm:

"Về đàng trí tuệ và tính tình, thì người Việt Nam có cả các tính tốt và các tính xấu. Đại khái thì trí tuệ mình mẫn, học chóng hiểu, khéo chân tay, nhiều người sáng dạ, nhớ lâu, lại có tính hiếu học, trong sự học thức, qui sự lễ phép, mền điều đạo đức: lấy sự nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, làm 5 đạo thường cho sự ăn ở. Tuy vậy vẫn hay có tính tình vật, dưng có khi qui quyết, và hay bái bác nhạo chế. Thường thì nhút nhát, hay khiếp sợ và muốn sự hòa bình, nhưng mà đã đi trận mạc thì cũng có can đảm, biết giữ kỷ luật.

Tâm địa thì nông nổi, hay làm liều, không kiên nhẫn, hay khoe khoang và ưa trang hoàng bề ngoài, hiểu danh vọng, thích chơi bởi, mê cờ bạc. Hay tin ma, tin quỉ, sùng sự lễ bái, mà vẫn không nhiệt tín tôn giáo nào cả. Kiêu ngạo và hay nói khoác, nhưng có lòng nhân, biết thương người và hay nhớ ơn.

Đàn bà thì hay làm lụng và đảm đang, khéo chân, khéo tay, làm được đủ mọi việc mà biết lấy việc gia đạo làm trọng, hết lòng chiều chồng, nuôi con, thường giữ được các cái đức tính rất quý là tiết, nghĩa, cần, kiệm..."

Sử gia họ Trần lại nói về Sự Tiên Hóa Của Người Nước Nam như sau: "Khi những đạo Nho, đạo Khổng, đạo Phật phát đạt ở bên Tàu, thì đất Giao Châu ta còn thuộc về nước Tàu, cho nên người mình cũng theo những đạo ấy. Về sau nước mình đã tự chủ rồi, những đạo ấy lại càng thịnh thêm, như là đạo Phật thì thịnh về đời nhà Đinh, nhà Tiền Lê và nhà Lý, mà đạo Nho thì thịnh về đời nhà Trần trở đi.

Phàm phong tục và chính trị là do sự học thuật và tôn giáo mà ra. Mà người đã theo học thuật và Tôn giáo của Tàu thì điều gì ta cũng noi theo Tàu hết cả. Nhưng xét ra thì điều gì ta cũng thua kém Tàu, mà tự người mình không thấy có tìm kiếm và bày đặt ra được cái gì cho xuất sắc, gọi là có cái tinh thần riêng của nòi giống mình, là tại làm sao?

Có lẽ một là tại địa thế nước Nam ta, hai là cách ăn ở của người mình.

Phàm sự tiến hóa của một xã hội cũng như công việc của một người làm, phải có cái gì nó đun đẩy mình, nó bắt phải có sức mà tiến hóa thì mới tiến hóa được. Sự đun đẩy ấy là sự cần dùng và sự đua tranh.

Nếu không có cần dùng thì không có cố gắng, không cố gắng thì không tiến hóa. Nếu không có đua tranh thì không có tìm kiếm, không tìm kiếm thì không tài giỏi, sự lý tất nhiên là vậy.

Xem như nước Nam ta, thì hai cái yếu điểm ấy đều kém cả. Người mình ở về xứ nóng nực, cách ăn mặc giản dị, đơn sơ, không cần lao lo nghĩ cũng đủ sống, cho nên ai cũng thích nhàn lạc, qui hồ khỏi chết thì thôi, chứ không muốn lao tâm lao lực lắm như những người ở nước văn minh khác. Tính người mình như thế, thì hề ai có cái gì, mình chỉ bắt chước được mà thôi, chứ không phát khởi bày đặt ra được điều gì nữa.

Còn như sự đua tranh, phải có nhiều người, nhiều nước thì mới đua tranh được. Nhưng nước ta ở phía Đông thì có bể, ở phía Tây, phía Nam, thì những người Mường, người Lào là những người văn minh kém mình cả, còn ở phía Bắc có nước Tàu là hơn mình, nhưng Tàu lại to quá, sự giao thông với mình lại cách trở sơn xuyên, đường sá khó khăn không tiện, chỉ có quan tư thỉnh thoảng đi lại mà thôi, chứ dân trong nước không mấy khi ra đến ngoài bờ cõi nước nhà. Người mà cả đời không đi đến đâu, mắt không trông thấy cái hay cái dở của người, thì tiến hóa làm sao được? Mà sự học hỏi của

mình thì ai cũng yên trí rằng cái gì đã là của Tàu là hay, là tốt hơn cả: từ sự tưởng tượng cho chí công việc làm, điều gì mình cũng lấy Tàu làm gương. Hễ ai bắt chước được Tàu là giỏi, không bắt chước được là dở. Cách mình sùng mộ văn minh của Tàu như thế, cho nên không chịu so sánh cái hơn cái kém, không tìm cách mà phát minh những điều hay tốt ra, chỉ đành nhìn rằng người ta hơn mình, mình chỉ bắt chước người ta là đủ.

Địa thế nước mình như thế, tính chất và học vấn của người mình như thế, thì cái trình độ tiến hóa của mình tất là phải chậm chạp và việc gì cũng phải thua kém người ta vậy. (Trần Trọng Kim).

Nói đến bản sắc dân tộc, tức phải nói đến truyền thống dân tộc. (Truyền: chuyển đi - trao cho; thống: nối nhau không dứt; hợp cả lại truyền thống: đời nọ truyền xuống đời kia. (Tự điển Đào Duy Anh). Tiếng Pháp tương đương là tradition: sự truyền các học thuyết, các huyền thoại, các phong tục trong một thời gian dài. Cách lối hành động hoặc suy nghĩ truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. (Dictionnaire encyclopédique Larousse). Vậy ở chữ Hán Việt, nếu chỉ dùng tiếng "truyền thống" tron một mình được xem như một tính từ - thì không đủ nghĩa. Phải thêm một danh từ nữa được định tính bởi tính từ từ truyền thống. Cái gì truyền thống mới rõ nghĩa. Ví dụ: các giá trị đạo lý truyền thống, nếp sinh hoạt truyền thống... ở tiếng Pháp, chữ tradition rõ và đủ nghĩa hơn vì là một danh từ. Tuy thế bây giờ ở Việt ngữ, khi nói truyền thống, ta tạm hiểu là có cái gì đó truyền từ đời này sang đời khác.

Xét theo tâm lý học và xã hội học, chúng ta nghĩ rằng bản sắc dân tộc cũng như truyền thống dân tộc - từng chi tiết một - nguyên sơ là sự nhận thức của một ý thức cá nhân về một vấn đề nào đó xét ra hợp lý, hợp tình và hữu dụng về thực nghiệm đối với sinh hoạt, hiểu rộng nghĩa, của cá nhân ấy trong cuộc sống. Rồi về sau được suy nghĩ trau luyện, gạn lọc và sự chấp nhận của một ý thức tập thể trong tâm lý quần chúng. Càng về thời gian lâu dài, ý thức tập thể ấy ăn sâu vào tiềm thức công cộng của quần đại dân tộc trở thành ký ức tập thể gây nên một động lực tinh thần về xã hội học ẩn giấu sâu kín dưới nhiều tầng vô thức... tác động thành hành động hữu hiệu trong mọi trường hợp tương tự của sinh hoạt hằng ngày... Nếu có cá nhân nào chịu khó phân tích khi gặp một trở ngại về ý thức, về tâm lý thì vô thức tập thể ấy là căn bản truyền thống mới lại được đem ra ánh sáng của lý trí của ý thức và trí giác để duyệt xét, phân tích lại. Còn nếu không thì quần chúng - dân tộc đa số sẵn lòng suy tư, hành động theo sự thành công hữu hiệu trong quá khứ, theo cái đã sâu kín của vô thức ấy, tạo nên căn bản truyền thống của một dân tộc vậy.

Cái giá trị đạo đức truyền thống dân tộc thì có rất nhiều, nhưng truyền nhân nghĩa là điều được nhắc đến luôn trước kia trong lịch sử và văn hóa sử. Ngày nay phẩm chất tinh thần, tâm linh bẩm sinh này của người Việt càng ngày càng sa đọa suy bại dưới chế độ cộng sản Việt Nam từ nhà cầm quyền lan rộng xuống đến quần chúng.

Dân Việt trong công cuộc chống ngoại xâm để cứu nước ưa nhắc đến truyền thống nhân nghĩa liên hệ đến mối càn khôn của trời đất, nước non - một yếu tố của dân tộc tinh Việt Nam - như nhà văn Sơn Nam đã luận rõ trong cuốn: "Đình Miếu và Lễ Hội Dân Gian" ở trang 9, 10 như sau:

"Động cơ thầm kín trong từng người, nay ta quen gọi là "ký ức tập thể", là "tiềm thức công cộng", gần như tương đương với hai tiếng "truyền thống". Không nghiên cứu mà biết, tự cảm thấy như vậy, như cục than cháy dưới lớp tro tàn. Đọc vài áng văn cơ bản về tinh thần dân tộc Việt, ta thấy Hịch tướng sĩ của Trần Hưng Đạo đề cao "bạc trung thần nghĩa sĩ", lên án kẻ "trông thấy quốc sĩ mà không biết thẹn", nhắc đến việc "phụng thờ tổ phụ". Đã là kẻ để cho mất nước thì đâu "Còn mặt mũi đứng trong trời đất nữa" (bản dịch Trần Trọng Kim): Trần Quang Khải ước mơ "Thái bình nghĩ nỗ lực. Vạn cổ thử giang san". Sông núi đồng nghĩa với Tổ Quốc. Đến Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi lại rõ nét, đậm đà hơn. Hai chữ "nhân nghĩa" viết lên ở câu mở đầu đã khẳng định nước Việt "xung văn hiến đã lâu", tức là người Việt có nhân phẩm riêng, đã trưởng thành, định hình. Bọn xâm lược làm "bại nhân nghĩa", "nát căn khôn", thì "lẽ nào trời đất tha cho, ai bảo thân nhân nhìn được". Ta gặp chữ

"giang sơn", "xã tắc", "nhật nguyệt hối mà lại minh, càn khôn bí mà lại thái". Cuộc kháng chiến thắng lợi, Nguyễn Trãi chẳng khoe công lao mình, khiêm tốn bảo là "nhờ trời đất tổ tông khôn thiêng che chở, giúp cho nước ta vậy".

Cuộc xâm lược của thực dân Pháp xảy ra hồi nửa thế kỷ 19. Trước kẻ thù vượt hẳn về tổ chức, về khoa học kỹ thuật, Nguyễn Đình Chiểu tiếp nối truyền thống đã sớm lên tiếng, thông thiết qua bài văn tế những người "mến nghĩa làm quân chiêu mộ", hy sinh ở Cần Giuộc, vào cuối năm 1861, gọi những tử ngữ như "lòng dân trời tỏ", "hai vầng nhật nguyệt chói lòa", "trăm năm âm phủ ấy chữ qui", "quảng vựa hương, xô bàn độc", "Chùa Lão Ngô", "ngọn đèn khuya, con bóng xế", "thác mà ung đình miếu để thờ, tiếng hay trải muôn đời ai cũng mộ", "xin vong hồn theo giúp các cơ binh". Qua điệu Trương Định, điệu sĩ dân Lục Tỉnh, ta gặp nhiều chữ tượng tự, giàu hình tượng, như con trời dấy quanh thành, binh ma chèo dưới vực... Dẫn chứng như trên, tôi muốn đề cập đến việc nhân nghĩa, thần nhân, càn khôn, trời đất và đạo lý nhân gian mà người Việt lấy làm trọng.

**Tinh thần dân tộc** trong nền văn hóa Việt trước hết là một ý thức quốc gia vững mạnh và trường tồn.

Trên cơ sở ý thức quốc gia vững mạnh ấy, nảy sinh ra tinh thần bất khuất và rời từ bất khuất là mẫu số chung đồng thuận, dẫn toàn thể dân Việt đến tình đoàn kết keo sơn để bảo vệ giang sơn, duy trì nòi giống. Cho nên ta có thể nói tinh bất khuất và tình đoàn kết là hệ lý tất nhiên của một ý thức quốc gia sắt thép trong tâm lý toàn thể dân Việt. Và rời ý thức quốc gia, tinh bất khuất và tình đoàn kết ấy là những yếu tố bất ly của dân tộc tinh Việt Nam đó vậy.

\*  
\*  
\*

## ● LUẬN BÀN VỀ Ý THỨC QUỐC GIA

Người Việt, văn hóa Việt, lịch sử Việt luôn luôn nuôi dưỡng lòng tự hào về nguồn gốc của mình và niềm kiêu hãnh, có khi quá đáng (!) về lịch sử dân tộc Việt. Hễ có dịp là chúng ta nhắc đến "dòng dõi Rồng Tiên, con Hồng cháu Lạc, mấy ngàn năm văn hiến của ta..." và nhất là phổ trương nguồn gốc thần bí của chủng tộc và các chiến công oanh liệt của tiền nhân. Hơn người Nhật tự xưng là con cháu Thái Dương Thần Nữ, người Tàu tự phong là con Trời để gây cho mình một niềm tự tin có khi được đẩy mạnh đến một ý thức quốc gia quá khích và vô duyên cớ, người Việt ta thần bí hóa nguồn gốc của mình để có được niềm hãnh diện quốc gia tột cùng.

"Ở dân tộc Việt Nam, ý thức ấy rõ rệt và nhất hơn ở dân tộc nào hết. "Trứng Rồng lại nở ra Rồng". Truyền thuyết trong dân gian và chính sử của triều đình đều nói đến Đế Minh, Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân, là dòng dõi Thần Nông. Việt tộc cũng có cùng nguồn gốc và là anh em với Hán tộc chứ có kém gì đâu? Nước Tàu quá lớn, lại thường xâm lăng đô hộ nước ta, nên ngày xưa, sự so sánh ta ngang hàng với Tàu phải phát xuất từ lòng tự hào mạnh mẽ về dân tộc mình.

Tập Lĩnh Nam Trích Quái của Trần Thế Pháp - tuy là Hán văn, nhưng tác giả lại chép những truyền thuyết trong dân gian - kể lại những truyện Hồng Bàng, Ngu Tinh, Hồ Tinh, Mộc Tinh... nhằm giải thích nguồn gốc dân tộc, đồng thời ca tụng chiến công oanh liệt của Kinh Dương Vương và Lạc Long Quân trong buổi đầu dựng nước. Rồi truyện Phù Đổng Thiên Vương đề cao chiến thắng chống xâm lăng đầu tiên của dân tộc với vị anh hùng xuất thân từ đám dân dã. Truyện Lý Ông Trọng biểu lộ chí bất khuất của người Việt không muốn làm nô lệ Tàu, đồng thời cũng biểu lộ lòng tự tin của dân Việt có nhân tài mà người Tàu phải nhờ cậy và Hung nô phải khiếp sợ.

Lòng tự hào ấy lớn dần theo đà trưởng thành của dân tộc, rồi trở nên niềm kiêu hãnh với bao chiến tích oai hùng còn ghi trong lịch sử: "Bất tướng giặc mang về nó đã vấy dưới phực tội; thế lòng trời bất sát, ta cũng mở lòng hiếu sinh. Mã Kỳ, Phương Chính, cấp cho 500 chiếc thuyền, ra đến bể chưa thôi trông ngực; Vương Thông, Mã Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa, về đến Tàu còn đổ mồ hôi". (Bình Ngô Đại

Cáo, bản dịch trích trong Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim).

Thấm nhuần ý thức quốc gia và văn hiến, nước Việt nhỏ bé của chúng ta lúc nào cũng xếp ngang hàng với Thiên Triều là Trung Hoa vĩ đại. Văn hóa sử Việt Nam không những được viết nên bởi những chiến công vẻ vang mà còn được tô điểm bằng những thành tích văn học rõ ràng. Ý thức về văn hiến nước Việt bộc lộ rõ hơn ở đâu hết trong văn học Việt Nam, một thành tố của văn hóa Việt. Tinh thần trọng văn của dân ta một phần do ảnh hưởng Trung Hoa, nhưng một phần cũng do ý muốn ganh đua với thiên triều Trung Quốc luôn luôn ngạo nghễ tự coi mình là cái rốn của văn minh trong thiên hạ. Còn các dân tộc khác chung quanh họ đều là man di nhưng địch cả. Bình Ngô Đại Cáo đã xác nhận ngay trong phần mở đầu: "Như nước Việt ta từ trước vốn xưng văn hiến đã lâu".

Đối với nhân tài Trung Quốc, nhân tài Việt Nam không những không kém, mà nhiều khi còn tỏ ra xuất sắc hơn. Không kể sự tích các vị cao tăng An-Nam đạo hạnh, giáo lý cao thâm trong thời Bắc thuộc sang giảng Kinh tại triều đình Trung Quốc được vua Tàu kính trọng, người Tàu nể nang (Duy Giám Pháp Sư, đời Đường) kho tàng truyện cổ của ta kể lại vô số những cuộc so tài văn chương khiến người Tàu phải kính phục Việt Nam. Các câu đối khẩu chiếm của Hồ Tôn Thốc (đời Trần) với quan Tàu ngạo mạn, của Trương Quỳnh với sứ Tàu, của Bà Đoàn Thị Điểm cũng với sứ Tàu. Nào hành động ngang tàng của Nguyễn Biểu trong bữa tiệc với quan Tàu, càng nhắc đến, càng làm phấn khởi và hãnh diện các thế hệ hậu sinh người Việt.

Đó là chưa nói đến sự thắng lợi oai hùng của quân ta trước giặc Mông Cổ.

**Tương quan giữa tinh thần khai phóng, giao lưu văn hóa với bản sắc dân tộc và Việt Nam tinh xét vào thời đại hiện nay.**

Kỹ thuật truyền thông ngày nay rất tối tân đã xóa bỏ cách biệt của thời gian, không gian và biên giới giữa các quốc gia. Do đó nó là khí giới đầy hiệu lực vận chuyển và cung cấp kiến thức tri thức nhân loại. Mà trí thức lại là chất liệu không thể không có của văn hóa. Nếu phải nói rõ như François Bacon, triết gia Anh quốc vào thế kỷ 16, người chủ xướng thuyết kinh nghiệm nhận thức thì kiến thức chính là quyền lực, và ở đây là quyền lực văn hóa (Wissen ist Macht = hiểu biết là sức mạnh). Nhờ tính chất khai phóng, giao lưu văn hóa được hỗ trợ bởi truyền thông mà các kiến thức từ năm châu bốn bể đổ tới hội nhập vào nền văn hóa sẵn có của một quốc gia. Và dù có muốn ngăn chặn bởi một cái vô bổ quan tòa càng cứng rắn hay muốn chủ trương một chế độ tự cung tự cấp (autarcie) cho quốc gia mình thì nhà cầm quyền đất nước ấy cũng khó bề cương chế sự lưu thông tư tưởng, sự vận hành kiến thức từ bên ngoài tràn vào quốc gia mình. Các kiến thức xa lạ này may mắn thay! nếu được tiếp nhận bởi sự khôn ngoan sáng suốt của tập thể hàng thập ghep hải hòa rồi thích nghi êm ái thuận tình các chất liệu ấy (mặt động của văn hóa) với bản sắc văn hóa vốn có (mặt tĩnh của văn hóa) thì sẽ làm cho nền văn hóa quốc gia ấy phát triển và giàu có thêm nhiều. Gia tài văn hóa của một dân tộc được cấu tạo theo cái tiến trình hợp lưu, hợp chất ấy.

Và rồi đến một thời kỳ nào đó, thực ra vẫn trong viễn ảnh bóng mờ của thời gian, có thể các cháu chắt chúng ta không còn và không cần nói là: Bản sắc dân tộc hay nền văn hóa dân tộc được bổ sung, tô bồi nhờ ảnh hưởng hoặc các yếu tố văn hóa ngoại lai ví dụ như đạo Phật, đạo Lão, đạo Khổng. Mà họ có thể nói đơn giản, ngắn gọn, không cần truy nguyên và vẫn không sợ sai lầm hoặc bị ai chỉ trích là "vơ càng của người làm của mình" rằng nền văn hóa Việt hay bản sắc dân tộc Việt được cấu tạo hoặc hình thành bởi tinh hoa các triết thuyết hoặc các tín ngưỡng cổ truyền như đạo Phật, Lão, Khổng cộng thêm với... v.v... Cũng giống như lời của Cố Cư sĩ Thành Nam luận bàn sau đây về đạo Phật:

"... Đạo Phật du nhập Việt Nam từ thế kỷ thứ nhất Tây lịch, đã tồn tại và phát triển qua gần 2.000 năm, để hòa nhập vào nếp sống dân tộc, trở thành bản sắc của dân tộc. Đó là một điều rất quan trọng đã được các giới nghiên cứu văn hóa Việt Nam xác nhận. Một số tác giả Tây phương

thường lập-luận rằng đa số người Việt Nam thường nói tôn giáo của mình là Phật Đạo, nhưng chính họ cũng không phân biệt được đạo Phật với các đạo linh tinh mê tín khác mà đồng thời họ cũng theo; do đó họ xem tất cả những thuyết tôn giáo và cả những tín ngưỡng dân gian đều là đạo Phật".

Ai cũng biết tam giáo Phương Đông khởi nguyên từ Trung Hoa, Ấn Độ rồi du nhập vào Việt Nam nhưng đến một thời điểm nào đó, chúng đã ăn sâu chín muồi trong tâm linh, ý thức, thể hiện vào nếp sống tinh thần con người Việt Nam, đúc tạo cho người Việt một nhân sinh quan, một vũ trụ quan thuần Việt, hội nhập vào truyền thống và bản sắc dân tộc. Do đó mà có nhiều người Việt cũng như có triều đại Việt mệnh danh Đạo Phật là đạo dân tộc và Nho giáo có địa vị độc tôn trở thành quốc giáo của nước Việt từ trước đến cuối thế kỷ XIX như Phạm Quỳnh đã nói. Chỉ vì Phật và Nho giáo tuy là một chất liệu văn hóa ngoại lai từ nguyên thủy nhưng đã được toàn thể dân tộc hóa, đồng hóa để trở thành máu huyết tinh thần, bản sắc đích thực của dân tộc rồi.

### Lại nói thêm về Việt Nam tính trong nền văn hóa Việt Nam

Nền văn hóa Việt có tinh thần dân tộc đồng thời có tính chất khai phóng; nói như thế tưởng rằng có điều mâu thuẫn: Vì dân tộc tinh năng phần bất di dịch và cố định; còn trong tinh khai phóng lại bao hàm sự cởi mở, giao lưu, biến thiên. Chính nhờ tính khai phóng này cộng với dân tộc tính mà văn hóa Việt Nam - một đất nước ở ngã ba đường của Á Đông là một bao lon nhìn ra Thái Bình Dương - trở nên phong phú lạ thường.

Cũng như các trào lưu tư tưởng khác, văn hóa tự nó có tính lan truyền, cảm nhiễm dù biên giới, lãnh thổ ấy của văn hóa có bị bịt kín và phong tỏa. Vì thế giữa các nền văn hóa với nhau, diễn ra hiện tượng lý hóa học là thấu nhập (osmose) và cộng sinh (symbiose); nói nôm na, có nghĩa là "thấm vào" và chịu "ảnh hưởng sinh tồn vắng lai". Điều nhận xét này quả nghiệm đúng với văn hóa Việt Nam hơn ở đâu hết.

Cần nhắc lại một ít về lịch sử, nguồn gốc chủng tộc, địa lý Việt Nam có liên hệ đến tinh thần khai phóng và giao lưu văn hóa.

Lịch sử Việt Nam trải qua quá nhiều biến thiên đau lòng cho nên tác dụng khai phóng, giao lưu của văn hóa - do sự chung đụng bất đắc dĩ của Việt Nam với nhiều cường quốc - khá rõ rệt và mạnh mẽ làm cho nền văn hóa mang bản sắc đặc biệt gồm cả nội tính lẫn ngoại tính. Hay nói cách khác vừa có tính chất dân tộc ở nội bộ vừa có sự đồng nhất thấp ghép hài hòa của ngoại lai. Chính vì thế mà giáo sư P.R. Feray, Giám đốc Viện Nghiên cứu Á Đông hiện đại. (CERAC) đã nhận định: "Nước Việt "văn hóa" thành hình là do sự chống đối với Trung Hoa mà cũng nhờ sự thu nhận nền văn hóa Trung Hoa. Nói cho đúng, văn hóa Việt Nam là do kết quả của một sự hóa sinh giữa hai nền văn hóa bác học (có nguồn gốc Trung Hoa) và văn hóa bình dân Việt Nam. Những thi hào Việt Nam như Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Du, ... luôn luôn có ý thức phải làm sao thực hiện thành công sự tổng hợp giữa hai nguồn văn hóa ấy". (P.R. Feray, Le Vietnam Ed. Presse Universitaires de France, 1990, trang 19).

- Nguồn gốc chủng tộc dân tộc Việt như ta thấy ở trước là một sự hỗn hợp mật thiết của nhiều sắc tộc khác nhau từ thời tiền sử (nào gốc Bắc Việt ở lưu vực Dương Tử Giang, nào gốc Mã Lai, gốc Nam Dương ở các quần đảo Nam Thái Bình Dương tiến lên...).

- Về vị trí nước Việt Nam: trên bản đồ Châu Á. Việt Nam là dãy đất chạy dài bọc theo bờ biển của bán đảo Đông Dương. Diện tích: 329.600 cây số vuông. Chiều dài bờ biển là 2.700 cây số. Hai điểm cực Bắc và cực Nam cách nhau theo đường chim bay là 1.630 cây số. Giữa kinh tuyến 102°10'-109°30' Đông -vĩ tuyến 8°30' -23°22' Bắc. Bề rộng tối đa 600 cây số từ Đông sang Tây; tối thiểu là 50 cây số (Quảng Bình - Trung Phần). Hệ thống núi chạy dài từ Bắc đến Nam là 1.400 cây số. Châu thổ sông Hồng: 15.000 cây số vuông. Châu thổ sông Cửu Long: 40.000 cây số vuông.

Chính do vị thế địa lý chính trị đặc biệt này mà Việt Nam trở nên một Quốc Gia ở ngã ba đường giao lưu, địa bàn hấp

dẫn của nhiều thế lực quốc tế liên tục tranh chấp nhau trong quá khứ, giành lấy làm bàn đạp hồng gây ảnh hưởng của họ ở miền Đông Nam Á Châu và Á Châu nữa.

Vì các yếu tố chủng tộc, lịch sử, địa lý nói trên, mà nền văn hóa Việt Nam tất nhiên có tính chất khai phóng, nghĩa là thông thương mở rộng ra cùng các nước khác, bung ra để tiếp nhận. Vì bắt buộc phải chung đụng với các ngoại bang (hai lần Tàu đô hộ, rồi Pháp cai trị, rồi Cộng sản thống trị), nền văn hóa khổng lồ của Tàu, của Pháp muốn đè bẹp vốn liếng tinh thần khiêm tốn của ta, rồi nền văn hóa Mácxít muốn biến chất nền văn hóa cổ truyền để thực hiện công sản chủ nghĩa. Nhưng nhờ bản tính tự vệ văn hóa và óc khôn ngoan của nòi giống, cộng thêm niềm tự tôn tự hào tập thể, dân tộc ta biết hưởng dụng cái hay cái đẹp của các nền văn hóa thống trị để tô bồi nền văn hóa mình thêm phong phú. Nhờ đó nền văn hóa Việt Nam khởi sắc mang nhiều đặc trưng đáng chú ý trong đó, có tinh thần phản kháng mao hóa ngoại lai như văn hóa đối kháng cộng sản mà ta sẽ có dịp bàn đến.

Giáo sư Nguyễn Khắc Kham, về văn hóa Việt Nam đã viết trong một bài có tựa đề là "Đặc sắc của nền văn hóa Việt Nam": "Văn hóa Việt Nam là một nền văn hóa đa nguyên mà lại có đặc tính nhất nguyên. Đa nguyên, văn hóa Việt Nam trên con đường hình thành của nó, đã trải qua nhiều văn hóa khác nhau: văn hóa thạch khí Hòa Bình, văn hóa thạch khí Bắc Sơn, văn hóa Đông Đền Đông Sơn, văn hóa Trung Quốc dưới hình thức Khổng giáo và Lão giáo, văn hóa Ấn Độ dưới hình thức Phật giáo, văn hóa Tây phương dưới hình thức Thiên Chúa Giáo và tư tưởng học thuật Âu Tây... Đa nguyên nhưng tựu trung vẫn là nhất nguyên, vì những yếu tố thành phần của nền văn hóa Việt Nam không xung đột lẫn nhau để loại bỏ nhau, nhưng trái lại, kế tiếp nhau, cộng tồn hòa hợp với nhau để cấu thành, để khởi sắc nền văn hóa Việt Nam...".

Một người Tây phương chuyên nghiên cứu về dân tộc Việt Nam là François Sully đã có nhận xét tuy không sâu sắc như nhận xét của Cự Kham, nhưng có vẻ như đã tán đồng cách nhìn của Cự về văn hóa Việt Nam. Trong cuốn "We the Vietnamese: Voices from Vietnam" do nhà Praeger tại Mỹ xuất bản vào năm 1971, ông Sully viết (xin tạm dịch) trong chương tựa là "Introduction to Vietnamese culture": "Người Việt Nam hãnh diện vì nền văn hóa lâu đời của họ, về truyền thống hiếu học của họ, và cũng tha thiết không kém đối với ý muốn có nền văn hóa quốc gia của mình. Nét chính của văn hóa Việt Nam là cái khả năng kỳ diệu để đồng hóa các đóng góp của nước ngoài, rất giống như đường lối mà văn hóa tân tiến Tây phương của chúng ta đã đồng hóa di sản của các nền văn minh Hy Lạp, La Tinh và Bắc Âu ngày trước. Cái tiến trình liên tục đồng hóa và biến cái ấy là điều đã làm cho văn hóa hiệu động và tân tiến. Khi người Việt đương đầu với một chữ mới, chưa có trong ngữ vựng của họ, họ mượn chữ trong gốc ngữ vựng Trung Hoa hoặc Pháp rồi chữ biến, thích nghi cho đến khi chữ ấy nghe hoàn toàn là chữ Việt. Tiếng Việt viết chữ "xi-măng" là tiếng đã xuất xứ từ chữ ciment của Pháp. Chữ ô-tô-buýt cũng thế, đã đến từ chữ autobus. Ngôn ngữ Trung Hoa đã cung cấp những từ ngữ như "chính phủ" và "ngoại trưởng". (Phạm Kim Vinh, Văn hóa dân tộc và văn hóa lưu vong. 1986).

Giáo sư P.R. Feray nhận định về Việt Nam tính (Vietnamité) có liên quan đến tính chất khai phóng và giao lưu văn hóa Việt Nam: "Điều mà ta có thể gọi là "Việt Nam tính" của nền văn hóa Việt Nam là do sự đúc kết nổi bật qua quá trình mật biện chứng pháp (tức là phương pháp luận nêu lên tác động và ảnh hưởng hỗ tương giữa các sự vật) xảy ra thường trực giữa quốc gia và xã hội, giữa giới trí thức và đám nông dân, giữa nền văn hóa công khai, của chính quyền và nền văn hóa bình dân, giữa sự co mình để bảo vệ truyền thống cổ truyền và sự mở rộng của để thu nhận thế giới bên ngoài. Hai nền văn hóa này, đứng ra hai thành phần này của nền văn hóa Việt Nam - cả chiều ngang lẫn chiều dọc - trông treo nhau chẳng chặt, hình thành cho nền văn minh Việt Nam (ở chỗ này Feray dùng từ: văn minh Việt Nam) có được một sự thống nhất cực kỳ đặc biệt và một tính chất tân kỳ độc đáo, từ khi nền văn minh này Việt Nam hóa được các thu nhận do các nước ngoài xa lạ mang đến". (P.R. Feray, Le



Vietnam. Ed. Presse Universitaires de France, 1990, trang 21).

Theo P.R. Feray thì Việt Nam tính của văn hóa Việt Nam là do sự hòa hợp của nhiều thành phần văn hóa: văn hóa bác học + bình dân; công khai chính quyền + bình dân; và chiều dọc của văn hóa Việt Nam tức nước Việt Nam nằm trong quỹ đạo văn hóa Trung Hoa và chiều ngang của văn hóa Việt Nam tức nước Việt Nam nằm trong sự bang giao với các lân quốc ở vùng Đông Nam Á.

Dân Do Thái sau khi lập quốc có 10 ngày đã bị liên quân Ai Cập đánh tới tấp (1948). Thế giới tin chắc rằng tân quốc Do Thái sẽ bị xóa tên trên bản đồ thế giới, nào ngờ đầu họ phản công và đại thắng liên quân thù nghịch. Cộng đồng quốc tế sững sốt và hết lòng ngưỡng mộ mãnh lực, chí khí sinh tồn của dân tộc anh hùng này. Nước Việt Nam xưa kia của chúng ta cũng thế. Mỗi lập quốc đã bị Tàu đem đại binh tấn công như vũ bão, nhưng ông bà ta đã chiến thắng chẳng những nhờ tinh thần, triết lý trị nước, chân dân hấp thụ được của người để bình định đất nước mình yên ổn, thái bình, còn làm đất dung thân cho dân chúng và kẻ sĩ Tàu sang lánh nạn tránh loạn lạc của nước họ trên đất ta. (Chế độ cai trị Vương Mãng tàn bạo vào thế kỷ 3 sau TL, và loạn quân Tam Quốc, vào năm 188 sau TL).

Trong đợt xâm lăng thứ nhất, hồi Việt Nam mới lập quốc, Hán Vũ Đế đã đem quân thôn tính Nam Việt ở các quận Giao Chỉ, Cửu Chân (111 trước Tây lịch). Đến đợt thứ bảy, quân đội nhà Đường (618-907) lại chiếm đóng An-Nam đồ hộ phủ. Giữa hai thời kỳ ấy, vào đợt thứ ba, thì có cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng (năm 42 sau TL), và quân Hai Bà bị đại quân của lão tướng Mã Viện đánh dẹp; nhưng suốt bảy đợt tấn công của Tàu, ta vừa chống đỡ sự đồng hóa tinh thần của Tàu vừa du nhập các tư tưởng như Nho, Lão tử phương Bắc, Phật phương Tây (Ấn) tràn sang để xây dựng nền móng văn hiến ban sơ của mình.

"Kể từ ngày văn minh Văn Lang tiếp nhận đoàn người Việt Dương Tử di cư để chuyển mình thành văn minh Lạc Việt, cho tới ngày nó thoát xác lần thứ hai, để thành văn minh Đại Việt, nó đã phải tiếp đón làn sóng văn minh Trung Hoa tràn qua theo 7 đợt tất cả. Cả 7 đợt sóng văn minh Trung Hoa như vậy, không những không đồng hóa được dân bị trị, mà lại còn chịu chia phần ảnh hưởng với văn minh An Độ để củng cố hoà hoà tinh thần quốc gia cho người Việt khiến cơ hội đến tay là người Việt bức xiềng đồ hộ mà nghênh ngang riêng mình một cõi. Cuộc Bắc thuộc dài cả ngàn năm quả đã cung cấp điều kiện văn minh Lạc Việt trưởng thành để vận mình thoát xác lần thứ hai thành văn minh Đại Việt này". (Lê Văn Siêu, Việt Nam Văn Minh Sử Cương).

Do tính chất giao lưu, nhờ hiện tượng thấu nhập của văn hóa, dân tộc ta đã tiếp thu, tiêu thụ, chịu ảnh hưởng vô cùng to lớn của nền văn hóa chẳng những của Đông phương mà sau này còn cả của văn hóa Tây phương từ Âu Châu tràn sang vào cuối thế kỷ 19 nữa, càng ngày càng làm cho nền văn hóa Việt Nam giàu có và sung mãn. Nhưng đến nền văn hóa mácxít mà người cộng sản du nhập vào Việt Nam và cưỡng bức dân tộc ta chấp nhận từ sau 1945 thì dân ta mặc dù bị nhồi sọ, với một cường độ khủng khiếp, kèm thêm là vũ lực áp đảo, nhất định dân ta cương quyết chối từ.

Nền văn hóa Việt Nam trên nền văn hóa sử và dòng văn hóa sử lâu đời ấy còn có thêm cơ may của địa lý là được bổ sung phong phú bởi chất liệu tốt đẹp của hai nền văn minh thành phần chung sức tạo dựng. Đó là nền văn minh sông Hồng phía Bắc phát nguyên từ Hoa Nam và nền văn minh sông Cửu từ Tây Tạng là nơi phát xuất để rờitràn xuống phía Nam.

Lưu vực sông Hồng, cái nôi văn minh trước tiên tạo dựng phần lớn dân Bách Việt dần dần trải dài theo các bình nguyên hợp dọc theo duyên hải miền Trung, rồi đi xuống nối vào với lưu vực sông Cửu, với phù sa phì nhiêu càng ngày càng bồi đắp thêm cho châu thổ phía Nam. Càng về thời gian và với sự kiên trì quyết tâm dựng nước của dân Việt, tân châu thổ sông Cửu Long với nhiều tài nguyên thiên nhiên giàu có, người thưa đất rộng, miền đất mới tân tạo này trở nên phong phú về nhiều phương diện, nhất là văn hóa nhờ sự chung sống với các thổ dân đã lập nghiệp ở đó từ trước như Miên, dân Chiêm Thành.

Có thể hiện nay các nhà văn hóa chưa phát hiện trọn vẹn các chứng tích, các chứng liệu của hai thành phần văn hóa xây dựng nền tảng văn hóa song hợp bổ túc ấy làm thành nền văn hóa Việt. Do hai lưu giang vì hiện tượng thấm thấu và cộng sinh vãng lai văn hóa ẩn tàng mà kết hợp thành một khối. Điều này, cộng với những dữ kiện khác, làm cho văn hóa Việt càng thêm đa dạng với nhiều đặc trưng đáng nhớ. Trên con đường Nam tiến từ thời kỳ nào, ai biết được... mỗi vùng, mỗi miền, Trung, Nam, Bắc có thêm các sắc dân với thổ ngữ, thổ phong, thổ tục không giống nhau nhập lại hài hòa kết thành chủng tộc Việt chính thức đúc nên Việt Nam tính của dân tộc. Về vấn đề này, nhà văn Nguyễn Thùy đã luận bàn khá sâu sắc trong tác phẩm: Tinh thần Việt Nam, do nhà xuất bản Mékong ty nạn ấn hành ở Huế Kỳ.

Trải qua hơn bốn ngàn năm lịch sử (từ 2879 trước TL đến 1991 sau TL), may mắn thay! trên nền tảng dân tộc tính vĩnh cửu, nền văn hóa Việt Nam biến thiên sâu rộng, được bổ sung rất phong phú, mang thêm nhiều sắc thái trong dòng sinh mệnh của mình để trở nên một nền văn hóa tổng hợp đa dạng.

Đã nhiều lúc, dân ta xâm chiếm, giành đất sống với Chiêm Thành và Chân Lạp. Hơn hẳn Tàu và thực dân Pháp muốn đồng hóa ta nhưng họ đành bất lực, ông bà chúng ta đã phần nào thành công trong công cuộc giành đất lấn dần ấy và rồi đồng hóa dần dần Chiêm Thành và Chân Lạp, làm cho họ suy yếu để đến gần như mất dạng, nhờ hiện tượng thấu nhập và cộng sinh vãng lai này về văn hóa.

Theo Lê Văn Siêu, trong thời kỳ toàn thịnh, dân chúng Đại Việt (triều Lý - Trần 1010-1326, kéo dài được 300 năm) lan tràn về miền Nam, sống lẫn lộn với dân Chăm, rồi lấn đất dần một cách ôn hòa đến Thừa Thiên, tiến dần qua Hải Vân, xuống Đại Chiêm, Cổ Lũy (nay là Quảng Nam, Quảng Nghĩa). Ảnh hưởng cộng sinh vãng lai giữa hai nền văn hóa Việt-Chiêm thực rõ rệt, và cuối cùng Việt lại phần nào chịu ảnh hưởng của Chiêm từ phong tục, tín ngưỡng đến ngôn ngữ, kiến trúc.

Về ảnh hưởng ngược chiều này của văn hóa, từ kẻ bị trị truyền sang kẻ thống trị, xin trung dẫn vài chi tiết: Trong các đền đài vua quan hay các anh hùng dân tộc, như ở đền Lý Bát Đế, Bắc Ninh; ở lăng Quận công Nguyễn Diễn, cạnh chùa Lim; ở chùa Thầy Sơn Tây, đều có hai phỗng đá châu hầu tạc theo hình người Chăm, quỳ chân, tay chắp phía trước ngực, bụng phệ và mắt lõm. Nói không theo lẽ thì nói chung tất cả, chỗ cũng có làng thờ ông Đùng, bà Đàng (phiên âm tiếng Chăm Yan nghĩa là linh ứng). Hàng năm còn rước thần tượng Linga và Yoni bằng gỗ sơn son thếp vàng. Có lẽ đó là phong tục cũ của một làng xưa có những tù binh Chăm bị nhà vua bắt an trí và bắt khai khẩn ruộng đất.

Sự tiêu hóa văn minh Chăm không những chỉ ở phương diện tôn giáo như thế, còn về phương diện ngôn ngữ, với rất nhiều tiếng Chăm Việt hóa mà hiện nay còn thông dụng, và cả giọng nói cũng pha giọng Chăm. Ví dụ: Các giọng đọc, các văn ngược an, en, et, oong, ooc, oong óc. Cả phụ âm R, miền Bắc và Trung Hoa không có, cũng phải vào vùng đất cũ của người Chăm ở mới thấy nói được nhiều. Điều ấy tỏ ra rằng đã có sự sống chung rất mật thiết của hai giống dân Chăm Việt, và Chăm kém thực tế, kém sinh lực, cứ bị lấn lướt dần, đã không học theo người được điều gì thì chớ, phần mình có gì lại bị người chiếm hữu hết, khiến cả dân tộc tính của mình bị biến hóa gần hết và nằm gọn trong phần đặc chất của người.

Các nhạc khí như sinh tiền, trống cơm, người Việt cũng mượn của Chăm. Cả những điệu ca vũ nhạc (gọi chung là điệu nam sấu bi ai oán) của Chăm cũng được người Việt bắt chước theo và phổ lời của mình vào để cuối cùng thành ra là của riêng mình...

... Kể cả những chuyện đồng cỏ bóng cày, thờ tam phủ, tứ phủ, cả y phục khi ngồi đồng cho tới điệu hát chầu, văn đường như cũng Việt hóa của người Chăm cả. Sự thờ cá voi (Makara) từ Đèo Ngang trở vào, cũng theo tục của Chăm. Sự thờ rắn (Naga), thờ ngựa trắng (Uccaih cravas), thờ cạp, thờ cây đa cũng vậy...

... Không kể về phương diện sinh hoạt kinh tế, giống lúa đặc biệt của Chăm cấy về vụ nắng, đã được người Việt lưu ý đem về Bắc gọi là lúa Chiêm, và cấy trong mùa nắng gọi là cấy vụ

Chiêm, để ruộng đất từ đây cấy được hai mùa mà tăng gia gấp đôi sản lượng. Còn những kỹ thuật dẫn nước, làm muối hoặc đãi vàng, tìm trầm hương, kỳ nam... người Việt thực tế, tới đâu là tìm thụ hưởng ở đấy ngay những kinh nghiệm từ xưa của người. Vừa đỡ mất thì giờ thí nghiệm, vừa không làm ngỡ ngàng dân chúng địa phương, mà kết quả ít nào cũng được bảo đảm như người ta vẫn đạt được từ trước. Đó là một trong những bí quyết để đồng hóa người vậy. (Lê Văn Siêu, Việt Nam Văn Minh Sử Cương). Kể bị trị (Châm) truyền văn hóa cho kẻ thống trị (Việt) là thế đó...

Hãy lấy thêm sự kiện trong nền văn hóa Việt để phân tích và luận bàn như về các tín ngưỡng và tôn giáo Việt.

Đến đây lại xuất hiện một vấn nạn nữa là có hai quan điểm của các nhà học giả và các nhà nghiên cứu về văn hóa Việt Nam. Nếu truy nguyên về nguồn gốc về cơ sở tư tưởng các tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam, ta có thể nhận định rằng tất cả đều do ảnh hưởng của các nền văn hóa ngoại lai mà thành, hoặc văn hóa Đông phương (Nho, Phật, Lão...) hay văn hóa Tây phương (Thiên Chúa giáo) hoặc trực tiếp hay gián tiếp. Ngay đến việc thờ cúng ông bà, mà có người gọi là đạo ông bà, ta tưởng rằng đó là thuần chất Việt Nam cũng thế. Tín ngưỡng này từ thời cổ sơ của ông bà ta có thể cũng phát xuất từ chữ hiếu, hiểu trong là cơ bản tư tưởng của đạo Khổng hay Tứ Ân trong kinh điển Phật giáo: Ân phụ mẫu (ân tổ tiên, cha mẹ), ân chúng sanh, ân quốc vương và ân tam bảo. Như thế hầu hết tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam đều là chất liệu tinh thần, yếu tố văn hóa ngoại nhập được bổ sung thêm vào nền văn hóa Việt Nam nguyên thủy bởi nhiều nguồn văn hóa ngoại lai do tính chất thấu nhập và cộng sinh vắng lai của văn hóa mà ta đã nhiều lần nói đến. Hoặc cũng có thể các tôn giáo tín ngưỡng ấy đều do kết quả tất nhiên của tinh thần khai phóng và giao lưu giữa các nền văn hóa mà thành. Nó là chất bổ sung vào, không là chất cấu tạo thành..., đối với nền văn hóa Việt.

Nhưng có người như soạn giả Joseph Nguyễn Huy Lai, vừa là tiến sĩ luật khoa, vừa là tiến sĩ thần học, trong tác phẩm: La tradition religieuse spirituelle et sociale au Vietnam (Beauchesne Paris-1981) ở trang 505, khi khảo sát về ThiênChúa giáo trái lại có cái nhìn khẳng định vừa rút gọn vừa tổng hợp và đơn giản như sau về các tôn giáo ở Việt Nam:

Ở trang 21, để mở đầu tác phẩm đã trích dẫn, ông viết: "Quả đúng vậy, suốt hơn 11 thế kỷ bị Trung Hoa đô hộ, dân tộc Việt Nam đã biến thành của riêng mình ngay cả nền văn minh và văn hóa Trung Hoa cũng như họ đã thụ nhận trong gần suốt một thế kỷ hiện diện của Pháp ở đó, nền văn minh và văn hóa Tây phương. Tuy vậy, dân Việt vẫn giữ nhân cách, cá tính, tinh thần và lối sống riêng biệt và có hữu của nguồn gốc mình và đặc thù của giống nòi mình. Điều cần và không nên quên là lý lịch Việt Nam ấy đã được bộc lộ qua suốt tất cả các biến cố của nền lịch sử dân tộc Việt. Bởi vì ở Việt Nam, không chỉ riêng có cái xấu xa gồm ghiếc của chiến tranh, không rừng rợn khủng khiếp của vũ khí, sự im lìm ghê rợn của hoang tàn, đổ nát, mà còn có vẻ đẹp tuyệt hảo của truyền thống dân tộc, sự cao cả tuyệt vời của các định chế xã hội, nền hòa bình tĩnh mịch trong các thánh đường, các nhà chùa, các đền đài lăng tẩm, và đức tin sùng bái của những người dân ông và đàn bà đang quì mọp xuống cầu nguyện nữa".

("... En effet, durant plus de onze siècles d'occupation chinoise, le peuple vietnamien avait fait siennes la civilisation et la culture de la Chine, comme il avait assimilé, pendant près d'un siècle de présence française, celles de l'Occident. Cependant il avait con servé sa personnalité, son esprit et sa manière de vivre, propres à son origine et inhérentes à sa race. Il importe de ne jamais perdre de vue cette identité vietnamienne qui s'était révéllée à travers tous les événements de son Histoire. Car au Vietnam il n'y a pas eu seulement la laideur de la guerre, le bruit des armes et le silence des ruines, mais aussi la beauté de la tradition, la grandeur des institutions sociales, la paix des églises, des pagodes et des temples, la confiance des hommes et des femmes qui prient"). (Joseph Nguyễn Huy Lai. La tradition religieuse spirituelle et sociale au Vietnam, Beauchesne, Paris, trang 21).

"Trải qua nhiều thế kỷ, Thiên Chúa giáo đã chung đụng, tiếp xúc với nhiều tín ngưỡng và tôn giáo khác trên đất nước Việt Nam như việc cúng tế Trời, thờ cúng ông bà, đạo Khổng, đạo Lão và đạo Phật, là các tôn giáo và tín ngưỡng đã cấu tạo nên cơ cấu của xã hội Việt Nam làm thành nền tảng của văn minh và văn hóa Việt Nam đó vậy".

(Au cours de siècles, il (le Christianisme) s'est rencontré et confronté avec les autres croyances et religions du pays, telles que le culte du Ciel, le culte des ancêtres, le Confucianisme, le Taoïsme et le Bouddhisme qui ont formé la structure de la société Vietnamienne, le base de la civilisation et de la culture Vietnamienne).

Như thế minh bạch TS Nguyễn Huy Lai cho rằng nền tảng của văn minh và văn hóa Việt Nam là do các tín ngưỡng và tôn giáo trên cấu tạo mà thành, chứ không nói văn hóa Việt được bổ sung bởi các tôn giáo trên. Tổng quan, tinh khai phóng, giao lưu văn hóa dưỡng sinh và vắng lai sinh tồn, hai hiện tượng đặc trưng văn hóa đã đem chất liệu đức tạo nhân duyên Việt Nam tính của ta là thế đó, đến nỗi không phân biệt cái gì là của ta, cái gì là của người..., con người đem lợi thế về cho mình. Như thế là đứng cảm chống ngoại xâm từ thời này sang thời khác, kiên cường tử thủ giữ yên ổn bờ cõi để rồi mở rộng lãnh thổ ra nữa, chưa phải là đủ, là khó; tiền nhân ta còn đánh giặc tinh thần, chiến đấu về ngôn ngữ, văn học, văn hóa với các kẻ thù dân tộc đang mưu toan xâm chiếm tâm hồn, tinh thần Việt nữa. Đó mới là điều sinh tử thiên nan vạn nan vậy.

Ngày nay, nền mao hóa mácxít của cộng sản Việt Nam có triển vọng quét sạch nền văn hóa dân tộc và chỉ trong vòng mới 17 năm, cộng sản thống trị mà tinh hoa của nền văn hóa cổ truyền hầu như bị biến dạng, trở nên phai mờ và có khi bị hủy diệt.

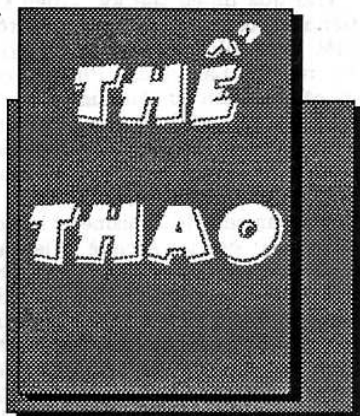
Tóm lại, khi luận bàn về tính chất khai phóng của văn hóa Việt Nam, với Việt Nam tính, chúng tôi đi ngược về trước để đồng thời khai triển thêm, bổ túc cho tính bất khuất và tinh khôn ngoan của dân tộc về đường tinh thần, văn hóa vậy. Và do hiện tượng thấu nhập và cộng sinh - hai tính tất yếu của văn hóa - mà văn hóa Việt không nhất thiết bị hạn chế trong cái rọ dân tộc tính, văn hóa Việt Nam phong phú thêm nhờ tinh khai phóng. Và ngược lại, do tinh khai phóng, văn hóa Việt Nam trở nên sung mãn, thức thời, tiến bộ hơn nhờ vào những tinh hoa ngoại lai mới thấp ghép nhào nhuyễn trên căn bản dân tộc của nó.

Từ đó, văn hóa Việt Nam có đặc tính từ dân tộc trải rộng ra nhân bản, nhân loại, từ là cho đồng bào, vì đồng bào, biến thành cho đồng loại, vì đồng loại; từ là của Việt Nam đến có thể có triển vọng cống hiến cho cả một vùng Đông Nam Á. Không tự hào vô căn cứ, không quyết đoán thiếu kiểm chứng, không bịa đặt để thỏa mãn tham vọng hảo huyền, mà điều đó có thể là sự thực. Tiếc rằng trên dòng thời gian vô tận, ông bà chúng ta đã phải ưu tiên dành hết tổng lực của mình để chiến đấu giữ nước cứu nước, chống lại bao đối phương hùng hậu hơn mình, do đó không còn đủ điều kiện thời gian, vật chất, tâm linh cống hiến trí lực cần thiết hòng tỏa rộng bầu hào quang sáng chói của nền văn hóa thuần Việt khắp nơi nơi xung quanh mình. Một phần khác sự trao đổi, tiếp thu, cảm nhiễm, biến hóa với các nền văn hóa khác do tính chất thấu nhập và cộng sinh hỗ tương của văn hóa còn khiếm khuyết, do đó, sự phong phú và đặc trưng lương hảo của nền văn hóa Việt chưa đạt kết quả như ý và còn bị nhiều hạn chế.

Sứ mệnh văn hiến của chúng ta và các thế hệ sau này hẳn nhiên phải là trọng đại vô cùng để tiếp nối tiền nhân! Mà phát huy đặc tính nhân bản, nhân loại của văn hóa Việt Nam xung quanh mình. Nhân bản là lấy con người làm gốc. Mọi hoạt động trong xã hội nhằm đích tối hậu mà tiến tới. Đó là phúc lợi của con người trong cộng đồng nhân loại. Và đó mới đích thực là nền văn hóa nhân bản, vì con người, do con người, cho con người mà ta muốn xây dựng cho nền văn hóa Việt Nam ta vậy.

**Trích "Luận Cương về Văn Hóa Việt Nam" của Vũ Kỳ do Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Bruxelles ấn hành 1995.**

• **NGƯỜI GIÁM BIÊN**



• **BÓNG TRÒN**

Giải vô địch bóng tròn Âu Châu sẽ được tổ chức tại Anh quốc từ ngày 8.6 đến 30.6.1996. Có 47 quốc gia tham dự, được chia thành 8 Toán đã đá vòng loại trên 2 năm rông rã, với kết quả chung cuộc như sau:



**Toán 1**

1. Rumanien 18:9 - 21
2. Pháp 22:2 - 20
3. Slowakei 14:18 - 14
4. Ba Lan 14:12 - 13
5. Do Thái 13:13 - 12
6. Aserbeidschan 2:29 - 1

**Toán 2**

1. Spanien 22:4 - 23
2. Đan Mạch 19:9 - 21
3. Bỉ 17:13 - 15
4. Mazedonien 9:15 - 7
5. Zypem 6:20 - 7
6. Armenien 5:17 - 5

**Toán 3**

1. Thụy Sĩ 15:7 - 17
2. Turkey 16:8 - 15
3. Schweden 9:10 - 9
4. Ungarn 7:13 - 8
5. Island 3:12 - 5

**Toán 4**

1. Kroatien 22:5 - 23
2. Ý 20:6 - 23
3. Litauen 13:12 - 16
4. Ukraine 11:15 - 13
5. Slovenien 13:13 - 11
6. Estland 3:31 - 0

**Toán 5**

1. Tschchien 21:6 - 21
2. Hòa Lan 23:5 - 20
3. Na Uy 17:7 - 20
4. Bạch Nga 8:13 - 11
5. Luxembourg 3:21 - 10
6. Malta 2:22 - 2

**Toán 6**

1. Portugal 29:7 - 23
2. Irland 17:11 - 17
3. Nordirland 20:15 - 17
4. Áo 29:14 - 16
5. Lettland 11:20 - 12
6. Liechtenstein 1:40 - 1

**Toán 7**

1. Đức 27:10 - 25
2. Bulgari 24:10 - 22
3. Georgien 14:13 - 15
4. Moldawien 11:27 - 9
5. Wales 9:19 - 8
6. Albanien 10:16 - 8

**Toán 8**

1. Nga 34:5 - 26
2. Schottland 19:3 - 23
3. Hy Lạp 23:9 - 18
4. Finland 18:18 - 15
5. Farøer Insel 10:35 - 6
6. San Marino 2:36 - 0

Những đội sau đây được lọt vào vòng chung kết:

England (nước tổ chức, miễn đá vòng loại) 08 đội đứng đầu Toán là: Rumanien - Spanien - Thụy Sĩ - Kroatien - Tschchien - Portugal - Đức và Nga. 06 đội hạng nhì là Pháp - Đan Mạch (đương kim vô địch) - Turkey - Ý - Bulgari - Schottland. Còn hai đội Hòa Lan và Irland sẽ đụng nhau một lần chót tại sân Liverpool (Anh) ngày 13.12.95 để đá trận quyết định. Đội thắng sẽ đi Anh.

Lần đầu tiên có 16 đội tham dự giải vô địch bóng tròn Âu Châu. Trước kia chỉ có 8 đội.

• **Thể thức tranh vòng chung kết.**

Đá vòng loại ( từ 8 đến 19.6.96)

16 đội chia làm 4 Toán. Mỗi Toán có 4 đội, mỗi đội phải đụng nhau một lần. Do đó mỗi đội phải đá 3 trận.

Vòng Tứ Kết (từ 22 đến 23.6.96)

Đội nhất và nhì của 4 Toán vào Tứ Kết (đã có 8 đội bị loại). Tranh theo thể thức K.O, đội nào thua sẽ bị loại.

Vòng Bán Kết (26.6.96)

Tại hai sân Manchester và London. Còn 4 đội.

Vòng Chung Kết

Tranh tại vận động trường Wembleystation tại London.

Tiền thưởng

Tổng Cuộc Túc Cầu Âu Châu (UEFA) sẽ chi 13 triệu Đức Mã để thưởng các đội tham dự vào vòng chung kết.

Đội có nhiều triển vọng

Đức - Nga - Portugal, nhưng có thể ngược về ngược. Hãy chờ xem.

Đá thêm giờ

Nếu 2 đội huề nhau trong hai hiệp chính là 90 phút; phải đá thêm 2 hiệp, mỗi hiệp 15 phút - tức là 30 phút. Trong 2 hiệp thêm giờ này nếu đội nào đá thắng trái đầu tiên là trọng tài coi như thắng và ngừng trận đấu, chớ không cần phải đá hết 30 phút. Đây là một sự thay đổi quan trọng của Tổng Cuộc Túc Cầu Âu Châu trong giải vô địch này. Nếu sau 30 phút mà không có đội nào đá lọt lưới đối phương, có nghĩa là vẫn huề, thì mới đá 11 thước như thường lệ.

Mục đích của sự quyết định trên là đỡ mất thì giờ và để cho cầu thủ khỏi mệt. Luật này sẽ được áp dụng kể từ ngày 13.12.95 khi hai đội Hòa Lan và Irland đụng nhau trong trận quyết định tại Liverpool.

Giải vô địch bóng tròn Âu Châu khác với giải vô địch thế giới. Giải Âu Châu mặc dù đội đương kim vô địch nhưng phải đá vòng loại như các đội khác, chỉ có đội của quốc gia nào tổ chức mới được miễn. Còn giải vô địch thế giới thì đương kim vô địch và đội quốc gia tổ chức được miễn đá vòng loại.

• **TRỌNG TÀI**



(Một trọng tài chính (giữa) hai trọng tài biên trong môn bóng tròn)

Bất cứ môn thể thao nào, khi hai đội đấu với nhau cần phải có một hay nhiều trọng tài chính và trọng tài phụ để giữ không cho vận động viên vi phạm luật.

Người trọng tài phải có đầy đủ khả năng, quyết định mau lẹ và nhất là không thiên vị. Quyền hành của trọng tài bao trùm trên sân nên được mệnh danh là "Vua trên sân". Do đó chúng ta thường thấy đôi khi vì thiếu khả năng, vì không công bằng hay vì bị mua chuộc có vài trọng tài quyết định một cách sai lầm trắng trợn giữa hàng trăm ngàn cặp mắt của khán giả, làm thay đổi kết quả trận đấu, nhất là môn bóng tròn.

Không một cầu thủ nào dám cự nự, la lối, vì lá bùa hộ mạng của trọng tài là *thẻ vàng* và *thẻ đỏ*. Nếu ai cãi lại hoặc có lời lẽ nhục

mạ trọng tài thì ông ta móc thẻ đỏ đuổi ngay ra sân, sau đó bị treo giò một hay vài trận kế tiếp tùy theo lỗi nặng nhẹ, phải ra tòa và bị phạt tiền v.v...

Nhưng nói cho cùng, nếu trọng tài không có quyền hành to lớn như vậy thì chắc chắn không ai dám làm trọng tài, vì sẽ bị vận động viên đánh toi bời và mỗi trận đấu đều có xung đột đổ máu giữa các vận động viên.

Có quyền tức phải có lợi, vì quyền lợi thường đi chung với nhau. Vậy mỗi môn thể thao cần phải có bao nhiêu trọng tài, điều kiện, tuổi tác và tiền thù lao ra sao?

## BÓNG RỔ (Basketball)

**Toán:** 02 trọng tài chính, một ủy viên kỹ thuật. Những người trong Toán này không nhất thiết phải làm việc chung nhau, có thể thay đổi.

**Điều kiện:** Phải có giấy phép loại A (Lizenz A). Bắt đầu từ loại D lên C - lên B đến A mất 8 năm. Mỗi năm phải học qua một khóa bổ túc.

**Tuổi:** Trong nước và quốc tế đến 50 tuổi.

**Tiền thù lao:** Mỗi trọng tài ngày thường 170 Đức Mã cộng thêm tiền ăn, di chuyển, bảo hiểm v.v... cho mỗi trận đấu. Ngày cuối tuần và ngày lễ 500 Đức Mã.

## BÓNG CHUYỀN (Volleyball)

**Toán:** Trọng tài chính thứ 1 đứng trên ghế. Trọng tài chính thứ 2 đứng đối diện với trọng tài chính thứ 1 ở phía bên kia sân. Hai trọng tài biên ở hai đầu cuối sân. Những người trong Toán này có thể thay đổi như môn bóng rổ.

**Điều kiện:** Có khả năng điều khiển các đội hạng A hay có giấy chứng nhận của Liên Đoàn Trọng Tài Quốc Tế.

**Tuổi:** Trong nước và quốc tế đến 55 tuổi.

**Tiền thù lao:** Mỗi trận trọng tài chính 90 Đức Mã + tiền ăn, di chuyển, bảo hiểm v.v... Trọng tài biên 60 Đức Mã (Quá ít nhưng trách nhiệm quá nặng nề!).

## • BÓNG NÉM (Handball)

**Toán:** 02 trọng tài chính làm việc chung với nhau suốt năm.

**Điều kiện:** Mỗi năm trước mùa bóng bắt đầu họ phải trải qua những khóa học về lý thuyết, khảo hạch, kiểm tra sức khỏe v.v...

**Tuổi:** Trong nước và quốc tế đến 50 tuổi.

**Tiền thù lao:** Mỗi trận ngày thường 240 Đức Mã + tiền ăn, di chuyển, bảo hiểm v.v... Cuối tuần và ngày lễ 360 Đức Mã.

## BÓNG TRÒN (Fußball)

**Toán:** 01 trọng tài chính - 02 trọng tài biên. Ba người này làm việc chung với nhau suốt mùa bóng.

**Điều kiện:** Trọng tài chính ở hạng A (Bundesliga) hay hạng B (2. Liga) mỗi năm phải 4 lần viết kiểm tra về khả năng, kiểm tra sức khỏe v.v...

Còn trọng tài biên thì phải có khả năng điều khiển những trận đấu ở các đội địa phương và các đội hạng 3 (Oberliga).

**Tuổi:** Trong nước đến 47 tuổi. Quốc tế đến 45 tuổi.

**Tiền thù lao:** Mỗi trận trọng tài chính hạng A - 2.500 Đức Mã; trọng tài chính hạng B - 1.500 Đức Mã. Trọng tài biên phân nửa số tiền của trọng tài chính.

## • QUẦN VỢT



Tổng kết thành tích của những tay vợt vô địch trong các giải quan trọng năm 1995.

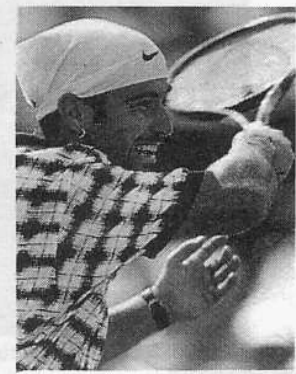
**GIẢI GRAND SLAM  
- AUSTRALIA OPEN**  
(từ 16 đến 29.01.95)

**Nữ:** Vô địch cô M. Pierce (hạng 3/Pháp) hạ cô V. Sanchez (1/Tây Ban Nha) với tỷ số 6:3, 6:2.

**Nam:** Vô địch anh A. Agassi (1/Mỹ) hạ anh P. Sampras (2/Mỹ) 4:6, 6:1, 7:6 (8:6) và 6:4.

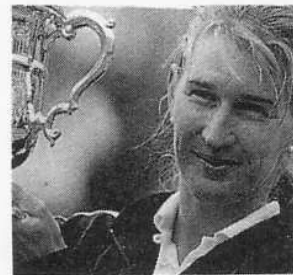


Mary Pierce



A. Agassi

## GIẢI GRAND SLAM FRENCH OPEN (từ 29.5 đến 11.6.95)



G. Steffi



Thomas Muster

**Nữ:** Vô địch cô G. Steffi (2/Đức) hạ cô V. Sanchez (1/Tây Ban Nha) 7:5, 4:6 và 6:0.

**Nam:** Vô địch anh T. Muster (4/Áo) hạ anh M. Chang (5/Mỹ) 7:5, 6:2 và 6:4.

## Giải Grand Slam Wimbledon (từ 26.6 đến 9.7.95)



P. Sampras

**Nữ:** Vô địch cô G. Steffi (2/Đức) hạ cô V. Sanchez với tỷ số 4:6, 6:1, 7:5. Sau khi hạ cô Sanchez, Steffi lên lại số 1 thế giới.

**Nam:** Vô địch anh P. Sampras hạ anh B. Becker (6/Đức) 6:7, 6:2, 6:4 và 6:2.

## Giải Grand Slam US Open (từ 28.8 đến 10.9.95)

**Nữ:** Vô địch cô G. Steffi (1/Đức) hạ cô M. Seles (1/Mỹ) với tỷ số 7:6,

0:6 và 6:3.

Trận này rất hào hứng và sôi nổi, trên 10 ngàn khán giả mua vé vào xem sự trở lại của cô M. Seles trên hai năm gác vợt vì bị một tên cuồng tín CS ở Đông Đức đâm bằng dao ở sau lưng. Trên đường vào chung kết để gặp Steffi, cô đã hạ Dragomir (44/Rumani) 6:3, 6:1 - De Love (113/Mỹ) 6:2, 6:1 - Kamio (28/Nhật) 6:1, 6:1 - Huber (11/Đức) 6:1, 6:4 - Novotna (5/Tiệp) 7:6, 6:2 - Martinez (3/Tây Ban Nha) 6:2, 6:2.

Mặc dù thua cô Steffi, nhưng theo nhận xét của cây vợt nhà nghề J. Mc Enroe, nếu một cây vợt nam nào mà không cầm vợt trong một năm thì sự nghiệp của anh ta coi như vút qua cửa sổ! Huống hồ gì trên 2 năm không cầm vợt mà ô Seles còn giữ được phong độ



như vậy thì thật là bất phục, đỡ nón cúi đầu!  
Rất tiếc là giải vô địch thế giới từ 14 đến 19.11.95 tại New York cô không tham dự được vì bị thương ở đầu gối.

### GIẢI VÔ ĐỊCH THẾ GIỚI (từ 14 đến 19.11.95 tại Frankfurt)

Giải này chỉ có 8 tay vợt đứng đầu thế giới mới được tham dự:

1. Peter Sampras (Mỹ) -
2. André Agassi (Mỹ)  
(bị thương không tham dự) -
3. Thomas Muster (Áo) -
4. Michael Chang (Mỹ) -
5. Boris Becker (Đức) -
6. Jewgenie Kafelnikow (Nga) -
7. Jim Courier (Mỹ)
8. Thomas Enqvist (Thụy Điển)
9. Wayne Ferreira (Nam Phi)  
được lên thế A. Agassi
10. Dự bị anh Ivanisevic (Kroatien)



**Pete Sampras**  
24 tuổi, tiền lãnh  
giải 19 triệu đô la.



**Jewgenie Kafelnikow**  
21 tuổi, tiền lãnh  
giải 2,5 triệu đô la



**Wayne Ferreira**  
24 tuổi, tiền lãnh  
giải 4,2 triệu đô la



**Thomas Muster**  
28 tuổi, tiền lãnh  
giải 6,15 triệu đô la



**Michael Chang**  
23 tuổi, tiền lãnh giải  
10,35 triệu đô la



**Jim Courier**  
25 tuổi, tiền lãnh  
giải 11,3 triệu đô la



**Thomas Enqvist**  
21 tuổi, tiền lãnh  
giải 1,4 triệu đô la



**Boris Becker**  
21 tuổi, tiền lãnh  
giải 18 triệu đô la

Chia làm 2 toán

Toán Trắng : P. Sampras, B. Becker,  
J. Kafelnikow, W. Ferreira

Toán Đen : T. Muster, M. Chang,  
J. Courier, T. Enqvist

Tiền thưởng: Tổng cộng là 3.300.000 đô  
la!

Người dự bị không cần đánh, chỉ ngồi chơi  
xối nước cũng bợ được 30 ngàn đô! Mỗi  
người tham dự được thưởng 75 ngàn đô. Mỗi  
trận thắng ở vòng đầu trong Toán được 90  
ngàn đô. Vào bán kết, thắng được 320 ngàn  
đô. Vào chung kết thắng 650 ngàn đô! Người

nào thắng cả 5 trận lãnh được 1.315.000 đô! (75 ngàn + 90x3) 270  
ngàn + 320 ngàn + 650 ngàn).

**Số điểm để tính hạng**

Mỗi trận thắng ở trong Toán 70 điểm. Bán kết thắng 180 điểm.  
Chung kết thua 260 điểm. Vô địch 650 điểm.

**Thể thức tranh**

Mỗi Toán gồm có 4 người, đánh vòng tròn, tức mỗi người phải  
đánh 3 trận, kết quả lấy 2 người đứng đầu mỗi Toán để vào bán  
kết. Người đứng đầu Toán Trắng đụng người thứ hai Toán Đen.  
Người thứ nhất Toán Đen gặp người thứ hai Toán Trắng.

**KẾT QUẢ**

Toán Trắng

Sampras - Kafelnikow - 6:3, 6:3

Becker - Ferreira - 4:6, 6:2, 7:6

Becker - Sampras - 2:6, 6:7

Ferreira - Kafelnikow - 3:6, 7:6, 6:1

Sampras - Ferreira - 6:7, 6:4, 3:6

Becker - Kafelnikow - 6:4, 7:5

Đứng nhất là Sampras - nhì Becker - Còn anh Ferreira mặc dù đã  
thắng hai trận thua một trận như Becker nhưng bị loại vì ván thua  
nhiều hơn Becker.

**Toán Đen**

Courier - Enqvist - 3:6, 2:6

Chang - Muster - 4:6, 6:2, 6:3

Enqvist - Chang - 6:1, 6:4

Muster - Courier - 4:6, 6:4, 4:6

Chang - Courier - 6:2, 7:5

Enqvist - Muster - 6:4, 6:7, 6:4

Đứng đầu là Enqvist - nhì Chang.

**BÁN KẾT**

P. Sampras - M. Chang - 4:6, 4:6

T. Enqvist - B. Becker - 4:6, 7:6 (7:5), 5:5

**CHUNG KẾT**

Gần 10 ngàn khán giả mua vé vào trước, là để ủng hộ gà nhà sau  
xem coi cây vợt nào vô địch thế giới năm 1995. Sau 5 ngày giao  
đấu, tranh nhau từ quả banh chỉ còn lại hai anh B. Becker và M.  
Chang vào Chung Kết. Mặc dù M. Chang hơi yếu hơn Becker  
nhưng trong trận Bán Kết anh đã hạ cây vợt số 1 là Sampras hai  
bàn trắng. Trong khi anh Becker đã thua Sampras cũng 2 bàn trắng  
ở vòng đầu trong Toán.

Ván đầu Chang dẫn trước 5:3, cầm giao banh để thắng, nhưng để  
Becker ăn gỡ lại 4:5 - và đến 6:6 đánh Tie-Break - Becker thắng  
7:6 (7:3). Ván thứ hai Becker thừa thắng xông lên hạ Chang không  
còn manh giáp với tỷ số 6:0. Sang ván thứ ba hai bên ngang ngửa  
nhau đến 6:6, đánh Tie-Break, Becker cũng thắng 7:6 (7:5). Gần 10  
ngàn khán giả đứng dậy  
vỗ tay mừng cho Becker  
mà cũng ủng hộ tinh  
thần cho Chang mặc dù  
thua nhưng anh đã đánh  
một trận rất xuất sắc.



Boris Becker vô địch thế giới 1995

### NHỮNG CÂY VỢT VÔ ĐỊCH THẾ GIỚI TỪ NĂM 1990

1990- A. Agassi hạ S. Edberg 5:7, 7:6, 7:5, 6:2

1991- P. Sampras hạ Courier 3:6, 7:6, 6:3, 6:4

1992- B. Becker hạ J. Courier 6:4, 6:3, 7:5

1993- M. Stich hạ P. Sampras 7:6, 2:6, 7:6, 6:2

1994- P. Sampras hạ B. Becker 4:6, 6:3, 7:5, 6:4

1995- B. Becker hạ M. Chang 7:6, 6:0, 7:6

Địa điểm tổ chức giải Vô địch Thế giới 1996

Theo sự quyết định của Ban Tổ Chức và Tổng Cuộc Quần vợt Đức thì giải Vô địch Thế giới năm 1996 sẽ được tổ chức tại Hội chợ Hannover. Vì tại đây có những gian hàng (Halle) rộng chứa trên 20 ngàn người. Còn tại Festhalle ở Frankfurt chỉ chứa tối đa không quá 10 ngàn. Do đó mới xảy ra nạn mua bán vé chợ đen. Những người hâm mộ môn thể thao vương giả này ở Hannover có dịp vào xem tận mắt những trận đấu của 8 cây vợt lừng danh thế giới.

**GIẢI VÔ ĐỊCH THẾ GIỚI**  
(từ 14 đến 19.11.95 tại New York)



Cô G. Steffi vô địch thế giới 1995

Nữ: Vào chung kết hai cây vợt cùng nhà gặp nhau là cô G. Steffi (1) và A. Huber (12). Lần đầu tiên 2 người Đức đụng nhau trong trận chung kết giải Vô địch Thế giới.

Mặc dù cô Steffi tài nghệ và kinh nghiệm chiến trường nhiều hơn, nhưng phải vất vả lắm đến ván thứ 5 mới hạ nổi cô Huber với tỷ số 6:1, 2:6, 6:1, 4:6 và 6:3. Cô lãnh được 500 ngàn đô la, còn cô Huber thì phân nửa là 250 ngàn!

**MƯỜI TAY VỢT ĐÚNG ĐẦU THẾ GIỚI**  
(giá trị đến 22.11.1995)

- Nữ :
1. G. Steffi (Đức)
  2. M. Seles (Mỹ)
  3. C. Martinez (Tây Ban Nha)
  4. K. Date (Nhật)
  5. M. Pierce (Pháp)
  6. M. Maléwa (Bulgarien)
  7. G. Sabatini (Á Căn Đình)
  8. M. J. Fernandez (Mỹ)
  9. Majoli (Kroatien)
  10. A. Huber (Đức)

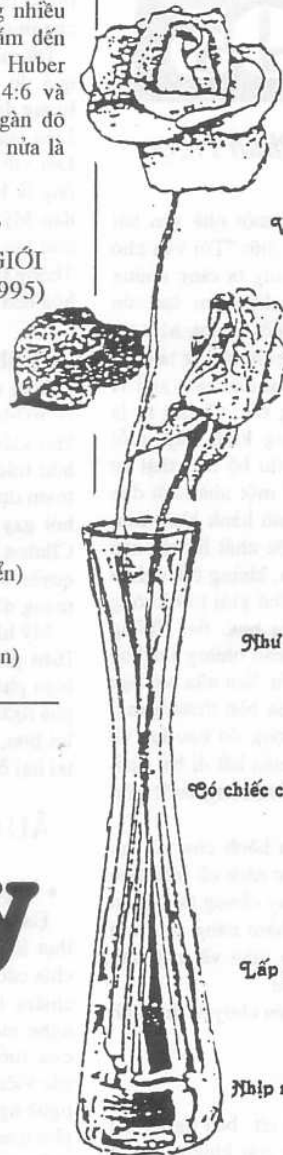
- Nam:
1. P. Sampras (Mỹ)
  2. A. Agassi (Mỹ)
  3. T. Muster (Áo)
  4. B. Becker (Đức)
  5. M. Chang (Mỹ)
  6. J. Kafelnikow (Nga)
  7. T. Enqvist (Thụy Điển)
  8. J. Courier (Mỹ)
  9. Ferreira (Nam Phi)
  10. I. Ivanisevic (Kroatien)

**Chuyến đi**

**Hungary**

PHƯƠNG HÀ

Vào buổi đầu ra đi  
Sống lúu vong trên đất Bỉ  
Tôi phục vụ chăm sóc ông cụ Frankel  
Tạm coi như là sinh kế.  
Ông cụ khá già, người Hung-giá-lợi  
Trốn cộng sản nước. ông khi họ cướp được chính quyền  
Và cụ bà tạ thế đã hai năm  
Ông trở thành cô đơn, chới với



Có những buổi sớm sương rơi  
Những chiều tuyết đổ  
Ngồi bên cửa sổ  
Hai mái đầu bạc đầu xanh  
Người phương Tây, người phương Đông  
Đồng cảnh ngộ  
Bên tách cà phê ri rã chuyện vui buồn

Ông nói ông bỏ nước ra đi  
Cách đây bốn mươi năm  
Hồi ông ba mươi tuổi  
Chỉ vì Tự do đã mất  
Và ông là Người, nên không chịu thâu  
Thủ chủ nghĩa dành cho chó cho trâu  
Nhớ nước thương quê hàng đêm ông khóc  
Nước mắt đổ vào dòng Donau  
Xuôi Budapest về tận bến nước sau nhà

Hai năm sau  
Ông chưa kịp về  
Đã phải gởi nắm xương tàn nơi đất Bỉ  
Tôi lủi thủi theo sau quan tài đơn chiếc  
Tiễn đưa ông an nghỉ nghìn thu  
Tôi cảm thương ông  
Và thương cho số phận của mình, tương tự.

Tôi đâu có ngờ  
Chỉ mấy năm sau đó  
Bức tường Bá-linh gục xuống  
Sô-viét, Đông Âu đổi chủ  
Kéo theo huyền thoại đó một thời.

Giờ đây Hungary vắng bóng quân thù  
Thì cụ Frankel không còn nữa  
Tôi lặn lội qua Budapest  
Tìm tận nhà ông  
Như để thực hiện thay ông một chuyến trở về.  
Thời gian không đặc miễn  
Giữa thế kỷ một thoáng mây bay  
Những cảnh cũ đã đổi thay  
Tôi không tìm được ngôi nhà  
Có chiếc cổng sau trở ra bên dòng Duna xanh biếc.

Thần thờ tôi thả dọc cây cầu  
Nổi lên Buda và Pest  
Rồi tôi đứng lại nửa chừng  
Đăm đăm nhìn xuống dòng sông  
Lấp lánh những giọt nước mắt của cụ Frankel  
Nhấp nháy như bảo cho tôi được biết  
Hồn cụ đã về  
Lãng đãng trên sông  
Nhịp nhàng lướt êm với nền nhạc Valse bất hủ:  
Blue Danube. Le Beau Danube bleu...

Tôi tiếp tục qua cầu  
Lòng bỗng thoáng vui  
Dầu cho cụ Frankel qui tiên không chờ đợi được  
Những giờ đây mộng ước đã thành :  
Hungary đang đứng dậy.

(Budapest, bên dòng sông Danube Quốc Khánh 20.8.95)



# TÌNH HÌNH

## Thế Giới năm 1995

• Phan Ngọc

**T**rong một thiên hồi ký khá đặc biệt, một nhà văn bắt đầu mỗi chương sách duy nhất bằng 4 chữ: "Tôi vẫn nhớ mãi". Như thế ông muốn nhắc nhở chúng ta rằng những biến đổi thường ngày sau này sẽ dệt thành những kỷ niệm, tạo nên một ký ức riêng tư mang nhiều ý nghĩa cho một đời người. Một tin tức quan trọng sẽ còn lại mãi như một dấu mốc giúp chúng ta định hướng, nhất là trong những giây phút chúng ta đạt dào cảm xúc vì hy vọng hay vì sợ hãi, vì tình yêu hay vì tang tóc. Chúng ta là những con người quá chủ quan. Nhìn qua lăng kính này, mỗi chúng ta đều có một năm 1995 riêng biệt. Thế thì bộ mặt thật sự năm nay ra sao, có những đặc điểm nào đến đổi một nhà lãnh đạo phải thốt lên lời than thở là "gian dối đang hoành hành khắp nơi, văn minh đang bị đe dọa hơn bao giờ hết". Trước nhất là trên sân khấu cao trào tôn giáo bảo thủ, độc tài, nội chiến, khủng bố, nghèo đói, tranh chấp thị trường đang làm điêu đứng thế giới tuy không phải là lúc nào cũng là một mẫu mực hòa đồng bình ổn. Những nhân tố này kết hợp thành những mầm mống cho những tai họa kinh tế lẫn xã hội trong những ngày tháng sắp đến. Sau nữa nơi hậu trường hòa bình được mang ra đánh cuộc trên địa bàn thương mại tài chính. "Giường máy hình phạt" đã chuyển động do bạo lực và hận thù liên tục kích thích. Những giá trị tiêu chuẩn bất di bất dịch như Tự Do Công Bằng Bác Ái đều phải thối lui nhường bước cho tiền tài, danh vọng, dục vọng.

Năm 1995 sắp chấm dứt. Nương theo sự vận hành của vũ trụ, chúng ta diễm nhiên bước sang năm mới, bỏ mặc năm cũ trôi theo dòng thời gian, dần dà chìm trong quên lãng? Hay chúng ta nên ôn lại những sự cố đã xảy ra để nếu không phải nhằm nâng cao tầm hiểu biết thì ít nữa cũng tìm được một sự thỏa mãn về mặt tinh thần là có biết qua một giai đoạn u ám của lịch sử.

Chúng ta cùng nhau trong tưởng tượng thực hiện chuyến du hành khắp 4 Châu, khởi điểm là nước Mỹ.

### • Hoa Kỳ:

Cường quốc số 1 phơi bày một tương phản rõ rệt: bên ngoài gặt hái nhiều thành quả ngoại giao, bên trong gặp cơn khủng hoảng bản sắc dân tộc. Lạm chi cán cân thương mại và ngân sách thiếu hụt biến nước Mỹ thành con nợ lớn nhất (600 tỉ Mỹ kim), cũng là căn nguyên sự mất thăng bằng về mặt xã hội. Bởi lợi nhuận giảm sút, việc làm bấp bênh, đa số dân trung lưu càng tỏ ra bất mãn. Nhóm cực đoan nổi lên hô hào phân đối Trung ương, kết án Hoa Thịnh Đốn vi phạm dân quyền, chỉ dành ưu tiên cho khối dân da màu cùng lúc bộc lộ kỳ thị chủng tộc, cổ võ địa phương trị. Làn sóng chống đối cao độ thể hiện qua vụ đặt chất nổ ở Oklahoma

City (3/95), vụ phá hoại xe lửa Miami-Los Angeles (10/95). Để đối phó với dân da trắng, trên dưới 400.000 dân da đen tham dự cuộc tuần hành "đen" vĩ đại (10/95), nêu lên yêu sách chính đáng dù không đồng ý với đường lối cực kỳ thù địch của Thủ lãnh Louis Farrakhan: kỳ thị nữ giới và tôn giáo, chia rẽ sắc tộc.

Biến cố gây sóng gió nhiều nhất, gây băn khoăn nhiều nhất là vụ án Simpson (10/95). "Vụ án của thế kỷ" (đã đăng trong Viên Giác 89) chứng tỏ một điều là hy vọng về một xã hội công bằng không màu sắc thật mau tan như ảo ảnh, phù du như cuộc đời. Đen trắng, giàu nghèo, có học và thất học tiếp tục chia đôi đất nước. Những thiết chế quan trọng như tòa án, cảnh sát, cơ quan ngôn luận không thể tránh khỏi điều ô nhục. Vấn đề Simpson còn phản chiếu hình ảnh đất nước mà đa số người dân từ lâu không muốn biết. Bề ngoài có nhiều sự thay đổi từ 30 năm nay, sau khi phong trào dân quyền do Mục sư da đen Martin Luther King chủ xướng thành công về vang. Nhưng trong chiều sâu, gia sản nô lệ, cuộc phân tranh Nam-Bắc (1861-1865) vẫn còn dấu vết què hương của những người tự do, của những kẻ dưng cảm. Tệ hại hơn nữa là một số ít dân da đen thành công, nối gót theo dân da trắng chối bỏ cốt nhục nghèo hèn của mình.

Dù muốn dù không Mỹ cũng cảm thấy hổ thẹn trước những hậu quả do mình tự gây ra. Trong bầu không khí nặng nề như thế, tướng da đen Colin Powell, cựu Chủ tịch Ủy ban Tham mưu trưởng Liên quân xuất hiện như một luồng gió mới xóa tan đám mây mù. Đối với dân da đen, ông là người hy vọng, đối với dân da trắng, ông là biểu tượng lương tâm đất nước. Đã từ lâu chưa có lúc nào dân Mỹ tha thiết mong muốn một vị lãnh tụ có thể gây đoàn kết như lúc này. Khắp nơi người ta khuyến khích ông ra tranh cử Tổng Thống (nhưng ông từ chối). Nếu ông đắc cử biết đâu giấc mộng hòa hòa đen trắng trở thành sự thật.

### • Cuba

Cuba vẫn khăng khăng trong sai lầm, khảng định đổi mới không có nghĩa là thay đổi chính trị. Nhưng trao đổi văn hóa, nguyên lai khó kiểm soát, vẫn bị cấm cản triệt để. Mới gần đây (10/95) nhà hữu trách không thuận cấp chiếu khán cho 300 nghệ sĩ xuất cảnh tham dự Đại hội Âm nhạc tại Pháp (10/95) cùng lúc Chủ tịch Quốc hội gay gắt chỉ trích đề nghị hợp tác văn hóa của Tổng Thống Clinton. Năm quyền từ năm 1959, Fidel Castro cương quyết giữ quyền hành bằng mọi giá để "đi theo con đường cách mạng", cách mạng đồng nghĩa với khan hiếm, tự do bị chà đạp.

Mỹ hiện đang áp dụng đường lối bao vây Cuba gồm 2 biện pháp. Biện pháp này bổ sung biện pháp kia. Tăng cường phong tỏa là biện pháp thứ I. Trao đổi văn hóa như nuôi một con sâu trong quả phá ngầm chế độ từ bên trong là biện pháp thứ II. Biện pháp sau có lợi hơn, tránh khỏi va chạm có thể đưa đến một cơn khủng hoảng tai hại ở vịnh Mexique.

## ÂU CHÂU

### • Nga

Đang ở trong một cảnh huống khác lạ. Sản xuất nông nghiệp thụt lùi về 30 năm trước. Vật giá gia tăng thấy rõ (114%). Hồ sâu chia cách giàu nghèo càng sâu hơn: 80% nghèo hơn năm qua, 10% chiếm 1/3 lợi tức quốc gia. Xã hội ly tán, khắp nơi người ta chỉ nghe một lời than vãn: thiếu bánh mì, thiếu thuốc men. Tử vong cao, tuổi thọ giảm, hai bệnh thời chiến tranh là chí rận xuất hiện ở các viện mồ côi. Các trung tâm tạm trú đầy ngập dân vô gia cư vô nghề nghiệp. Tai nạn lao động, cướp của giết người, hành động vũ phu trong gia đình xảy ra như cơm bữa.

Tuy vậy nhưng Nga vẫn còn ôm tham vọng đế quốc, có lúc dùng áp lực kinh tế, có lúc dùng áp lực quân sự để thôn tính "nhóm ngoại quốc gần" còn gọi là "cộng đồng các quốc gia độc lập", thuộc địa cũ của Liên Xô. Nga chú ý đặc biệt đến các nước vùng Trung Á có nhiều tài nguyên như dầu, vàng, bạc, uranium. Điển hình là Nga toan tính sát nhập quốc gia "trái độn" Biélorussie sát Ba Lan (8/95), nhất nhóm "ngoại quốc gần" trong "một hệ thống an ninh chung" (11/95). Thế vẫn chưa đủ, Mạc Tư Khoa còn dòm

ngó các cựu chủ hầu Đông Âu, quyết liệt ngăn cản nhóm này gia nhập khối NATO.

Đường lối trên chứng tỏ diện Kremlin muốn khôi phục "sứ mệnh Âu Á" của mình và bá quyền ở "khoảng trống" giữa Nga và Tây Âu. Để hỗ trợ mưu sách này, Mạc Tư Khoa ứng dụng lại đường lối ngoại giao "đồng cỏ hoang" thời Staline, có lúc ngang ngược, có lúc thô bạo, thường thì hữu hiệu. Cho nên có thể nghĩ rằng sự kiện chiến tranh lạnh chấm dứt tạo nên đánh dấu một mốc ngoặt hơn là một gián đoạn. Phải chăng giai đoạn hậu cộng sản là một giai đoạn mà người ta tiếp tục chiến tranh lạnh bằng những phương tiện khác? Đây có phải là nguyện vọng thầm kín của một số nhà lãnh đạo Tây phương mong muốn gặp lại kẻ thù cũ đã vắng bóng từ đầu thập niên 90? Dù muốn dù không Tây phương bắt buộc phải sống chung với một nước Nga khó tính đang tìm lại thể đứng của một cường quốc thừa kế những đặc quyền của Liên Xô, chứ không phải với một nước Nga xơ xác mà trong một lúc khoan khoái nhất thời người ta vẽ lên như một biếm họa.

### • Đông Âu

Từ khi bức tường Bá Linh sụp đổ (9.11.89), Đông Âu bước sang một giai đoạn chuyển tiếp quy mô sâu rộng, dù trong một hoàn cảnh kinh tế xã hội chính trị bất ổn. Hơn nữa các nhà lãnh đạo mới phải thừa nhận một gia sản rất u nghèo nàn. Bốn mươi năm xã hội "thật sự" để lại nhiều hậu quả tai hại trong thái độ, tâm tính, tập quán. Hiện nay đảng cộng sản cũ dưới màu áo mới dân chủ xã hội đang nắm quyền tại Ba Lan (cựu đảng viên CS Alexandre Kwasniewski đắc cử Tổng Thống ngày 19.11.95), Hung Gia Lợi, Bào Gia Lợi. Điều này không có nghĩa là chế độ cộng sản được khôi phục. Không có một chính phủ nào đặt lại vấn đề cải tổ.

Tuy không đồng đều, tuy chưa hoàn tất, tuy một vài tật chứng như xu hướng tập quyền chỉ huy, trung ương chỉ thị còn tồn tại, sự chuyển tiếp vẫn tiến tới không bao giờ trở lại. Các cuộc tranh luận chính trị được tổ chức công khai giống như ở Tây Âu. Đông Tây đang xích lại gần. Cuộc bầu cử Tổng Thống Ba Lan (11/95) diễn tiến trong những điều kiện dân chủ thật sự là một bằng chứng thuyết phục.

Ông Aleksander Kwasniewski (41 tuổi) cựu đảng viên CS Ba Lan, vợ là Bà Jolanta, đang đưa cánh tay dài và cười đắc chí khi hạ được đương kim T.T. Valesa trong cuộc bầu cử Tổng Thống ngày 19.11.1995. Trong cuộc tranh cử Kwasniewski đã hứa với nhân dân Ba Lan là sẽ đẩy mạnh nền kinh tế thị trường, gấp rút xin gia nhập



vào Cộng Đồng Âu Châu (EU) và khối NATO. Và nhất là câu : Tôi là một người dân chủ ! (Ich bin ein Demokrat !. Có thật sự ông đã lột xác, phản tỉnh rồi chăng ? Hay nói một đường, làm một nẻo. Hãy chờ xem !!!

### • Pháp

Pháp phải đương đầu với 2 thách đố ít nhiều nan giải chiến tranh Algérie đã chuyển sang Pháp dưới hình thức những vụ khủng bố quy mô không phân biệt mục tiêu kể từ tháng 7/95. Trên vấn đề

đấu tranh giữa chính quyền quân phiệt và phe Hồi giáo bảo thủ, mỗi bên đối thủ đều muốn Paris nghiêng hẳn về phía mình, hoặc ít nữa giữ thái độ trung lập. Theo tình hình hiện tại, Mặt trận Hồi giáo cứu quốc (FIS) đang nhắm vào 2 mục tiêu: ép buộc Pháp ngưng ủng hộ chính quyền, gây tiếng vang bằng cách quốc tế hóa sự tranh chấp. Pháp lúng túng cự quây giữa 2 đường: đứng bên ngoài hay nhập cuộc; vì do dự nên chuốc lấy oán giận của đôi bên chủ chiến. Gánh nặng lịch sử, nhưng mối dây liên lạc tình cảm, những quyền lợi giữa hai bờ Địa Trung Hải đang bó tay Pháp. Alger chưa đoạn tuyệt với Pháp, Paris vẫn còn say mê Algérie.

4 vụ thử bom nguyên tử gây nhiễu tai tiếng, khuấy động làn sóng phản đối dữ dội khắp nơi, nhất là ở Nam Thái Bình Dương. Bị mặt nhất cho Pháp là Hàn Lâm Viện Thụy Điển vừa trao giải Nobel Hòa Bình (10/95) cho phong trào chống nguyên tử PUGWASH và vị Chủ tịch Joseph Rotblat. Thật ra đây là một sự chọn lựa thiên về mặt chính trị, luận chiến. Ai cũng biết Liên Xô từng đứng sau lưng phong trào này (tài liệu KGB do nhà đối lập Vladimir Boukovski công bố). Vì thế người ta nêu lên thắc mắc là hai nhà tranh đấu cho nhân quyền Serguei Kovalev và Wei Jing Sheng xứng đáng hơn sao không được tuyển chọn ?

### • Nam Tư

Chiến tranh đang trên đường đi đến kết thúc. Chỉ trong một vài tuần nhật, Mỹ thành công trong lúc Cộng đồng Âu Châu thất bại liên miên trong 4 năm liền. Đây là kết quả của một đường lối ngoại giao kiên nhẫn mà 2 điểm có tính cách quyết định là sự thành lập Liên Bang Croatie-Bosnie (3/94) và Lực lượng phản ứng nhanh (6/95) do Pháp đề xướng nhằm bảo vệ quân đội Liên Hiệp Quốc có mặt tại chiến trường. Nhờ đó mà NATO mới rảnh tay đội bom uy hiếp nhóm Serbe ((8/9-95), sau cùng cưỡng ép 3 phe tham chiến ngồi vào bàn hội nghị (10/95).

Sở dĩ Mỹ đạt kết quả qua sự chờ mong là vì Mỹ biết chọn lựa đúng lúc nào để can thiệp thích đáng. Tiếp theo chỉ là sự sử dụng tinh vi đúng độ những biểu hiệu của một cường quốc: ảnh hưởng, sức mạnh quân sự, sự giàu có. Phương thức ứng dụng là "cây gậy và củ cà rốt".

Biến cố Bosnia không khỏi không gợi lên một vài nhận xét:

- Mỹ dẫn thân vì chính trị nội bộ, can thiệp để khỏi phải can thiệp nhiều hơn trong giả thuyết lò lửa Nam Tư cháy lan đến toàn vùng Balkan.

- Bờ Âu Châu bất lực, Mỹ bắt buộc phải nhận lấy trách nhiệm quốc tế, không thể chần chờ lâu hơn.

- Vũ lực ngăn ngừa vũ lực. Ngoại giao có hiệu quả chỉ khi nào ngoại giao dựa trên sức mạnh quân sự. Ngược lại sự cưỡng bức sẽ đi đến chỗ bế tắc nếu không phục vụ một kế hoạch chính trị.

- Một vài quốc gia thật sự là một quốc gia thì phải có một quân đội riêng, tiền tệ riêng, một biên giới được quốc tế bảo đảm. Các điều này không được ghi rõ trong kế hoạch hòa bình. Thế nên trong giai đoạn đầu chắc dài lắm, hòa bình sẽ là một hòa bình vũ trang thành hình do ngăn cách các phe chủ chiến, do phân chia lãnh thổ theo tiêu chuẩn tấy những cảnh tượng thê thảm, quốc tế muốn mau chóng ký kết một hiệp ước cuối cùng không hơn gì hiệp ước Paris giữa thời chiến tranh Việt Nam? Riêng khối dân vô tội di tản chạy loạn (3,7 triệu), họ ngao ngán đứng nhìn hòa bình len lỏi tìm lối đi giữa những trái tim rướm đầy cay đắng.

### CẬN ĐÔNG

Trong lúc con đường đi đến hòa bình bước sang ngõ rẽ quan trọng (Hiệp ước TABA 9/95), dân Do Thái đánh mất một nhà lãnh đạo lỗi lạc, Do Thái trở nên góa bụa. Thủ Tướng Ytzhak Rabin ngã gục dưới mũi đạn của nhóm cực đoan Do Thái (11/95). Ông từng là Tổng Tham Mưu Trưởng, lừng danh trong chiến tranh 1967, đánh tan liên quân Ả Rập nội trong 6 ngày. Tuy ông chết nhưng



những kẻ phá hoại hòa bình, dù ở phía nào, Palestine hay Do Thái, cũng không thể đảo ngược dòng lịch sử.

• **Chết cho Hòa Bình**

Ông Rabin Thủ Tướng Do Thái (trái) đang bắt tay với lãnh tụ Palestin Ông Arafat dưới sự chứng kiến của Tổng Thống Clinton. Ông Rabin bị một tên Do Thái theo chủ nghĩa quốc gia, cuồng tín



bắn chết (11/95) tại ngay trên quê hương ông vì ông muốn sống chung hòa bình với khối Ả Rập, nhất là nhân dân Palestin.

Như ở Nam Tư, Mỹ tận dụng thế lực kinh tế thúc đẩy động lực hòa bình trong khuôn khổ một kế hoạch quy mô mà điểm then chốt là sự bỏ rơi hàng ngũ của hai con rể Tổng Thống Saddam Hussein (8/95), khơi mào cơn khủng hoảng gia đình, chính trị. Theo mưu kế này, Mỹ đã thành công lôi kéo Jordanie nghiêng hẳn về phía Do Thái đồng thời khuynh đảo Irak hầu giữ vững ưu thế ở vùng chiến lược đầu hòa. Nhưng dù có muốn thay thế chính quyền Hussein, Mỹ cũng phải dè dặt. Thổ Nhĩ Kỳ lo ngại về vấn đề thiếu số Kurde, Arabie Seoudite không muốn thị trường đầu hòa rối loạn, Syrie không ưa một chính quyền Irak thân Mỹ, Ai Cập muốn giữ nguyên trạng trước viễn tượng trực Tel-Aviv - Amman - Bagdad do Mỹ đỡ đầu. Trước mắt, Mỹ chỉ nhắm vào 3 mục tiêu: siết gọng kềm bóp nghẹt Irak bằng cách duy trì phong tỏa càng lâu càng tốt (11/95) cho dù dân Irak chịu khổ trăm bề, gây đoàn kết giữa các phe nhóm Kurde biến họ thành một lực lượng đối lập thật sự, sau cùng tìm một thỏa hiệp Ả Rập cho tương lai Irak.

**PHI CHÂU**

Sani Abacha, tên độc tài quân phiệt ở Nigeria, vừa rồi y đã ra lệnh xử tử hình Ông Saro Wiwa một người đấu tranh cho nhân quyền làm cho cả thế giới ghê tởm. Cộng đồng thế giới đã trừng phạt Abacha bằng cách tẩy chay giao thông, phong tỏa mọi người tài trợ cho Nigeria.



Tướng Sani Abacha (52 tuổi)

- Sani Abacha tuy còn sống, nhưng y đã chết trong lòng dân tộc Nigeria và bị người đời nguyên rủa.

- Saro Wiwa tuy đã chết, nhưng ông vẫn còn sống mãi trong lòng dân tộc Nigeria và được người đời ca tụng tôn

vinh.

Không có một lực địa nào trưng bày cảnh tượng tàn phá hơn lực địa này. Chế độ thực dân phân chia giả tạo ranh giới 52 quốc gia gồm 700 triệu dân, hơn một ngàn chủng tộc. Hơn nữa các chính



Ông Saro Wiwa (54 tuổi)

quyền vẫn duy trì chính sách chuyên chế (Nigeria vừa treo cổ 9 nhà đối lập - 11/95), không thừa nhận tính chất đặc biệt về trật tự công cộng của mỗi chủng tộc. Những yếu tố này chính là đầu mối 13 cuộc xung đột ác liệt từ 1990 đến nay. Trước hoàn cảnh xã hội tan rã, quốc gia không pháp quyền, nhóm Hồi giáo thủ cựu tự đại diện cho đạo đức, cho khối dân nghèo đứng lên hô hào làm cách mạng, nắm quyền ở Soudan, lung lạc Senegal, nhất là gây nội chiến Algérie.

Khó khăn kinh tế xã hội văn hóa là gia sản chính trị do thực dân Pháp để lại dần dà đưa Algérie vào vùng bạo lực (1/92). Dù tướng Liamine Zeroual đắc cử Tổng Thống (11/95), tương lai không sáng sủa gì cho lắm. Hai đối thủ, một bên theo sách lược có từ 30 năm nay cố giữ quyền hành, bòn rút của cải quốc gia; một bên cương quyết đổi đầu vũ trang gây thánh chiến. Quân đội cai trị chỉ mang lợi cho bè phái, Mặt trận Hồi giáo cứu quốc tham chính thì quốc gia sẽ nổ tan bởi họ chỉ biết áp dụng giáo luật, không trừ liệu một kế hoạch kinh tế nào cũng như một phương thức mở mang nào. Dân chủ hóa, thực thi công bằng, khắc phục nghèo đói mới có thể ngăn chặn Phi Châu nói chung, Algérie nói riêng khỏi sa xuống vực thẳm.

**Á CHÂU**

• **Tích Lan**

Tích Lan đang ở trong những giờ phút đen tối nhất. Quân đội mở cuộc hành quân càn quét nhóm ly khai thiểu số Tamoul (11/95) gây nên cảnh 400.000 dân dôn đảo chạy nạn. Nhóm Tamoul không chịu khuất phục, đang tổ chức chiến tranh du kích ở thôn quê, thực hiện những cuộc phá hoại ở những thành phố lớn, làm tiêu hao tài sản quốc gia (đốt cháy 1/3 tổng số dự trữ xăng dầu ở thủ đô). Cuộc xung đột chủng tộc này là cuộc xung đột gây chết chóc nhiều nhất (50.000) ở tiểu lục địa Ấn từ 1990 đến nay. Nơi đây phong trào tôn giáo bảo thủ, chủ nghĩa "đòi lại đất" đang gây ảnh hưởng mạnh đến các chính quyền địa phương. Do đó Ấn khó mà thổi thoát sự cầu viện của Colombo.

• **Ấn - Pakistan**

Căng thẳng giữa 2 nước (5/95) qua trung gian Cachemire nhắc nhở đến sự tranh chấp dai dẳng nhất, xưa cũ nhất bắt đầu từ năm 1947 liền sau khi tiểu lục địa được phân chia thành 2 nước. Cho đến giờ phút này Liên Hiệp Quốc vẫn giữ thái độ yên lặng trước một bài toán khó giải liên quan đến nền hòa bình Á Châu. Nhưng thử hỏi có ai bạo gan dám xen vào sự gây gổ giữa 2 cường quốc địa phương, một khổng lồ về dân số xem Cachemire là một yếu tố thống nhất quốc gia, một quốc gia Hồi giáo chính yếu xem Cachemire là một biểu tượng bản sắc dân tộc (đa số dân Cachemire theo đạo Hồi). Và lại Trung Quốc đã chiếm một phần lãnh thổ từ năm 1962 đầu muốn ai bèn mảng đến đóm ngõ biên giới của mình.

• **Bắc Hàn**

Bắc Hàn đang gặp khủng hoảng thực phẩm nguy hiểm. Vì thiếu xăng dầu, phân bón, nhất là tập sản hóa vô hiệu. Cộng với 400.000 tấn lương thực do Nhật, Đại Hàn cứu trợ nạn lụt (7/8 - 95), nông

phẩm quốc gia chỉ đáp ứng 60% nhu cầu tối thiểu. Cho dù quốc gia bệ rạc đến đâu, cấp lãnh đạo vẫn sống phè phỡn bởi đặc tính trường kỳ của chế độ chuyên chế là guồng máy chính quyền không bao giờ lệ thuộc vào hoàn cảnh của dân chúng.

#### • Đại Hàn

Khác hẳn với Bình Nhưỡng gặp khó khăn kinh tế, Hán Thành đang trải qua cơn thử thách chính trị. Vừa mới gần đây cựu Tổng thống Roh Tae-Wo phải trình diện công tố (1.11.95), bị bắt giam (16.11.95) vì tội tham nhũng sau khi ông thú nhận trên đài truyền hình là trong thời gian tham chính ông gom nhặt 250 triệu Mỹ kim "tiền trà nước". Dính dáng đến vụ này còn có hơn 100 nhà kinh tài.

Với tỷ lệ phát triển vượt bậc 9,2% và nền xuất cảng đang lên, Đại Hàn được các nhà kinh tế xem như một "phép lạ", thành công trong vòng 30 năm trong lúc các nước khác phải bỏ ra một thế kỷ. Lợi tức mỗi đầu người từ 100 Mỹ kim (1960) nay đạt đến 10.000 Mỹ kim. Cả một thế hệ phải hy sinh trên khía cạnh lương bổng thấp, giờ làm việc cao, luôn cả gánh chịu đàn áp để thoát cảnh nghèo đói. Ngày nay họ khám phá ra rằng đạo đức đang bị tổn thương, tham nhũng từ trên xuống dưới là một triệu chứng cùng lúc Bắc Hàn đưa gián điệp xâm nhập lũng đoạn quốc gia, gieo rắc bất ổn (11/95). Người dân đang tự hỏi có nên xét lại mục tiêu của sự phát triển?, xét lại hệ thống quyền hành mà các nhà lãnh đạo nối tiếp vun bồi? Trách cứ các nhà lãnh đạo, các nhà kinh tài là kết tội cuồng nhiệt mở mang. Dù thành công về mặt kinh tế, Đại Hàn chưa tỏ ra trưởng thành về mặt chính trị.

#### • Nhật

Như Đại Hàn, Nhật gặp rắc rối về mặt tín nhiệm. Bại hoại vì tham nhũng, bị cử tri khinh bạc, chính quyền không còn giữ vai trò chủ lực thúc đẩy phát triển. Hệ thống ngân hàng gian lận, một số khách sạn nợ khách hàng hàng trăm tỉ Mỹ kim (460). Phát triển đậm chân tại chỗ từ 1990 nay chưa ngoi lên được. Con độn đất KOBE, vụ mưu sát ở đường hầm xe điện Đông Kinh là những dấu hiệu báo động chính quyền thiếu khả năng giữ gìn trật tự an ninh xã hội. Ngoài ra vì đồng Yen cao giá (tranh chấp thương mại với Mỹ), các nhà kỹ nghệ dời một số bộ phận sản xuất ra nước ngoài, lòi theo một số thất nghiệp đáng kể.

Về mặt ngoại giao, Nhật trau chuốt gương mặt cho thích hợp với tình thế mới, ngó hầu đóng giữ một vai trò chính yếu trên diễn trường quốc tế. Nhân lễ kỷ niệm 50 năm chiến tranh Thái Bình Dương (8/95) chấm dứt, Thủ tướng Nhật chính thức ngỏ lời xin lỗi các nước Á Châu từng gánh chịu tai ách nền đô hộ Nhật. Thật ra qua sự ăn năn muộn màng này, Nhật chỉ hướng về các cường quốc có khả năng quyết định vị thế của Nhật tại Liên Hiệp Quốc và ở các cơ quan quốc tế quan trọng khác như Quỹ tiền tệ Quốc tế, Ngân hàng thế giới v.v... Nhật còn khéo léo trưng bày hình ảnh hai vụ dội bom nguyên tử với ẩn ý tự xem mình là nạn nhân chiến tranh hơn là kẻ gây chiến, chằng chằng đá động đến số phận của hàng ngàn phụ nữ Triều Tiên, Phi Luật Tân, Trung Hoa bị cưỡng bức "bán vui" cho quân Nhật, yên lặng trước 22 triệu nạn nhân Trung Hoa, cũng chẳng đề cập đến đơn vị 731 từng thí nghiệm chiến tranh vi trùng trên thân thể các tù binh Anh, Trung Quốc tại Mãn Châu. Những thủ đoạn nêu trên cho thấy Đông Kinh bắt đầu thực hiện kế hoạch bành trướng thế lực, chủ tâm gây ảnh hưởng đến cục diện thế giới. Khối ASEAN, Đại Hàn đang tỏ ra nghi ngờ, nhất là trong tình huống Nhật có thể tái vũ trang, tranh chấp nắm quyền lãnh đạo ở địa phương với Trung Quốc, đặt vấn đề ưu thế kinh tế thương mại với Mỹ trong cuộc hội nghị về hợp tác kinh tế khu vực Á Châu Thái Bình Dương (16.12.95).

#### • Trung Quốc

"Trước sau như một" vẫn duy trì áp lực, phá rối trật tự địa phương. Lúc tham dự cuộc họp về an ninh chiến lược khu vực Đông Nam Á (8/95), Bắc Kinh cương quyết giữ vững lập trường về quần đảo Trường Sa, âm mưu chiếm trọn tài nguyên dầu hỏa hơi đốt, nhất là kiểm soát đường tiếp tế huyết mạch của Nhật - Đại Hàn, đường chuyên chở dầu hỏa nối liền Cận Đông, Viễn Đông, Thái Bình Dương. Trung Quốc còn ra mặt tranh chấp chiến lược,

thương mại với Mỹ đồng thời phô trương thanh thế đe dọa các nước láng giềng qua các cuộc thao diễn hải quân, tập trận giả đổ bộ lên miền duyên hải, bán tín hiệu rõ ràng cho Đài Loan.

Trong bối cảnh phiêu lưu kế nghiệp Đặng Tiểu Bình, đảng cộng sản trở lại dùng ngôn ngữ cổ hủ, cổ võ tinh thần quốc gia quá khích thể hiện qua 2 lễ kỷ niệm 50 năm Nhật đầu hàng, 30 năm thôn tính Tây Tạng (9/95). Nhà cầm quyền chỉ nhấn mạnh đến sự bại trận của kẻ hiếu chiến đã ngược đãi nhân dân Trung Quốc kể từ chiến tranh nha phiến (1839), mở màn một giai đoạn nhục nhã cho quốc gia. Xét dưới khía cạnh này, chinh phục lại lãnh thổ thành hình từ đời nhà Thanh bắt buộc phải tìm cách sát nhập Đài Loan và rắc rối tại Tây Tạng (tranh chấp về sự hóa kiếp của Đức Ban Thiền Lạt Ma - 11/95) được Bắc Kinh xem như có bàn tay ngoại quốc nhúng vào.

Nhưng ngoài Đức Đạt Lai Lạt Ma ra, còn có Tổng Thống Đài Loan Le Teng Hui và lãnh tụ khối dân chủ Hồng Kông Martin Lee quyết liệt phản đối đường lối chủ trương Trung Quốc. Chiến thắng tuy tương trưng của Lee trong cuộc bầu cử hội đồng lập pháp (9/95) nhưng mang một tầm quan trọng đặc biệt cho tương lai cộng đồng dân tộc: lần đầu tiên một khối dân Hoa công khai nghi ngờ hệ thống quyền hành chính trị Bắc Kinh, ghé sợ luật rừng đang thao túng tại lục địa trong lúc mà ý thức hệ cộng sản không còn quyền rũ được ai nữa. Bài học Hồng Kông, rồi rầm Đài Loan, Tây Tạng chứng minh Trung Quốc không thể giữ mãi vai trò trọng tài tối cao quyết định vận mệnh nhân dân Trung Quốc. Biết đâu điều này có thể dẫn đến một đường lối nhẹ nhàng hơn như tổ chức trưng cầu dân ý mà Đức Đạt Lai Lạt Ma từng chủ trương?

Những hành động khoa chân múa tay như "con báo tổ trong một chung trà" không thể che đậy hiện tình đất nước. Giàu nghèo xa cách, 900 triệu nông dân (70% dân số) thu hoạch lợi tức 4 lần ít hơn khối dân thị thành. Lạm phát gia tăng, tham nhũng lan tràn, mãi dâm phát triển, tội phạm được tổ chức thành hệ thống dưới hình thức hội kín Tam Điểm. Chế độ phải làm thế nào để gây đoàn kết giữa các tầng lớp xã hội trong khi chính các phương thức mở mang do đảng chọn lựa gây chia rẽ? Những gì còn lại sau khi Trung Quốc chuyển sang thời kỳ hậu Mao? Nếu như luận cứ đáng nghi ngờ về tính chất đặc thù Á Châu giúp Trung Quốc khỏi phải (?) tôn trọng nhân quyền theo quan niệm Tây phương thì khuyến khích mớ mớ khai thác tinh thần quốc gia, ý đồ bành trướng không còn gạt được ai nữa.

#### • Việt Nam

Việt Nam thu lượm 2 thành công ngoại giao đáng kể. Chiến tranh lạnh chấm dứt đột ngột tạo nên một lỗ hổng chiến lược lớn ở vùng Á Châu Thái Bình Dương. Lợi dụng thời cơ, Bắc Kinh vội vàng áp dụng chiến thuật ngoại giao cứng rắn làm cho 6 nước khối ASEAN hòa giải với Việt Nam mau lẹ hơn lịch trình ấn định (sau năm 2000). Điều này dứt khoát chấm dứt một giai đoạn lịch sử: sự phân chia giữa Đông Dương cộng sản và các nước Đông Nam Á khác không còn nữa. Với dân số 400 triệu (vùng ĐNÁ), sản phẩm nội hóa trị giá 1.500 triệu Mỹ kim, với vốn đầu tư 1/5 trên tổng số 15 tỉ Mỹ kim, Liên hiệp Đông Nam Á đã thổi một luồng sinh khí mới cho Việt Nam, sẽ là một điểm tựa vững chắc giúp chính quyền tìm được một sự cân bằng ngoại giao đối với khối Đông Bắc Á.

Thuận bang giao với Việt Nam, Hoa Thịnh Đốn giúp Hà Nội trung hòa được cơn đôn ép nhức nhối: thoát khỏi vòng vây Trung Quốc. Theo quan điểm của Mỹ thì sau khi gia nhập cộng đồng quốc tế, với tiềm lực ngoại giao thương mại phong phú, Việt Nam góp phần không nhỏ vào việc kiến tạo nền trật tự an ninh địa phương, vào sự kiện toàn một đường lối chung trước kế sách "nặng tay" của Trung Quốc. Cho nên những gì còn rơi rớt lại trong mối ăn oán Việt-Mỹ giờ đây chỉ là thứ yếu. Trong tương lai, Việt Nam sẽ được hưởng tiền viện trợ, luôn cả "điều khoản quốc gia ưu tiên", do đó xuất cảng hàng hóa sang Mỹ lọt khỏi hàng rào quan thuế.

Trên bình diện quốc gia, Việt Nam còn gặp nhiều khó khăn gút mác. Dân Việt Nam rất nghèo, lợi tức mỗi đầu người chỉ đạt 250 - 300 Mỹ kim, bằng 1/3 lợi tức dân Mã Lai Á. Tỷ lệ thất nghiệp vượt quá 20%, mỗi năm có thêm khoảng 1 triệu người đăng ký tìm việc

làm. Hệ thống tư pháp, giáo dục, y tế, thuế vụ, ngân hàng cần được kiến trúc lại. Nông nghiệp còn lạc hậu, truyền thống kỹ nghệ khiếm khuyết. Hạ tầng cơ sở xưa cũ có từ thời Pháp thuộc, hư hao thêm sau 30 năm chiến tranh, nay chưa được chỉnh trang đúng mức. Nhờ tiền viện trợ, nhờ vốn đầu tư, khắc phục điểm bất lợi này không khó khăn lắm.

Tuy nhiên vấn đề căn bản rành rành còn đó. Nhà cầm quyền vẫn bao vây đối lập, kết án tranh luận. Ví dụ như tòa án vừa phạt 2 cựu đảng viên đối lập Đỗ Trung Hiếu, Hoàng Minh Chính: 15 và 12 tháng tù (11/95) cùng lúc trục xuất 2 công dân Mỹ gốc Việt Nguyễn Tấn Trí, Trần Quang Liêm bị kết án 7 năm, 4 năm tù, vì tội dự định tổ chức hội thảo mở mang phát triển năm 1993. Hiện có hàng trăm Việt kiều thuộc khối "Việt Nam Tự Do" (*Theo tin TTX Pháp*) đang hoạt động tại Cao Miên, vì thế Hà Nội phải tăng cường kiểm soát biên giới (5/95), thắc mắc với Ngoại trưởng Christopher về nguồn tài trợ (8/95), gây áp lực buộc Nam Vang phải chấm dứt ủng hộ nhóm Việt kiều nêu trên (11/95).

Chính quyền Cộng Sản Hà Nội một mặt kêu gọi "xóa bỏ hận thù, nhìn về tương lai". Một mặt đưa Hòa Thượng Thích Quảng Độ ra tòa ngày 15.8.1995 tại Sài Gòn và kêu án 5 năm tù vì Ngài chỉ có một tội là đấu tranh bất bạo động đòi tự do Tôn Giáo và công bằng



Hòa Thượng Thích Quảng Độ ra tòa ngày 15.8.95 tại Sài Gòn

xã hội. Do đó "Đừng nghe những gì Cộng Sản nói, mà hãy nhìn kỹ xem những gì người Cộng Sản làm!"

Rập khuôn Trung Quốc, một mặt lan theo kinh tế thị trường, một mặt đảng nắm gọn trong tay 5 độc quyền:

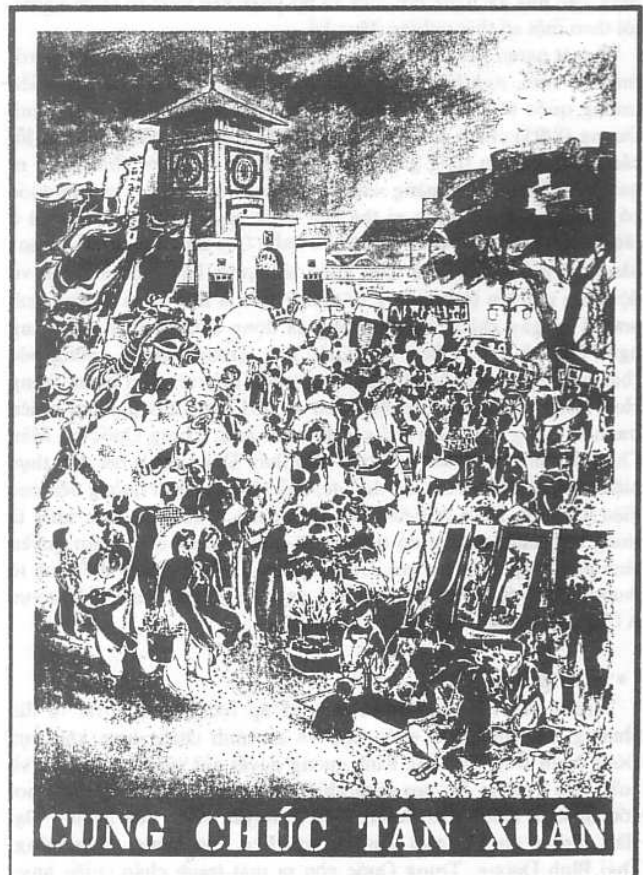
- độc quyền đi đến "chân lý": Mác Lê là ý thức hệ chính thức.
- độc quyền giữ quyền hành: hoạch định và kiểm soát đường lối tổng quát chính yếu.
- 3 độc quyền quan trọng hơn hết yểm trợ đảng trong việc thực thi kế hoạch trừu tượng: độc quyền dùng bạo lực (quân đội, công an), độc quyền tổ chức kinh tế (cơ quan hành chính), độc quyền tuyên truyền (cơ sở thông tin).

Nói cho cùng, đang đi thuyền giữa hai dòng nước, bắt cả hai tay. Có thể trò xảo thuật giúp đảng rảnh tay đôi chút trong một thời gian. Nhưng thử hỏi làm sao chuyển sang kinh tế thị trường trong khi mà không ai trong Bộ Chính Trị mong muốn, cũng không ai hiểu các danh từ ấy có ý nghĩa gì? Cho dù trong ngắn hạn nền kinh tế sẽ phát triển tốt đẹp, nhưng trong dài hạn đảng không thể kết hợp lâu dài độc đoán với cởi mở. Cởi mở phải gắn bó bền chặt với cải tổ và hiện đại hóa. Cải tổ, dân chủ hóa là điều kiện phải có, không có không xong để tiến đến một sự mở mang lâu bền. Muốn hiện đại hóa thì phải thực hiện một sự trong suốt mọi lãnh vực kinh tế, xã hội, chính trị, văn hóa. Không thể có được điều này nếu không có điều kia. Trong một quốc gia mà cá nhân lẫn đoàn thể phải hy sinh cho một sự nghiệp không chính đáng thì cứu cánh của

sự mở mang là gì? Nếu cứ bỏ rơi người dân với số kiếp hẩm hiu của họ, nếu xem quyền hành là sở hữu riêng tư, nếu cứ nghĩ không ai xứng đáng chính đáng hơn để lãnh đạo, nếu không thật lòng tạo dựng một xã hội dân sự đảm nhận vai trò đối lực hữu lợi trong khuôn khổ tự do dân chủ thì rêu rao mở mang phát triển chung quy chỉ là mưu toan gạt gẫm không hơn không kém.

Sau khi liếc nhìn qua những cuộc đổi thay, chúng ta có 365 lý do để đánh giá năm 1995 là một năm đáng ghê sợ. Một năm đáng ghê sợ? Nhiều bức tường được dựng lên sau khi bức tường Bá Linh sụp đổ. Mỹ chưa thành công điều trị căn bệnh da màu, Cuba bất hạnh lẽ có một lãnh tụ hẹp hòi. Nga vẫn còn là cường quốc số 1 của thế giới thứ ba, thái hời "kẻ khác" đang vẽ lại lãnh thổ tinh thần văn hóa Âu Châu. Quyền lực thị trường như bàn tay vô hình bóp nghẹt uy quyền quốc gia. Phi Châu chưa thoát nghèo đói, màu sắc tôn giáo bảo thủ bôi đen Bắc Phi, Cận Đông. Á Châu chưa thoát khỏi vòng hỗn độn, dân tộc Việt Nam chưa hẳn tự do, chưa thoát khỏi cảnh lầm than cơ cực. Nếu chúng ta nới rộng tầm quan sát, thả dòng suy tư trở lại thời gian một vài năm trước, chúng ta có cảm nghĩ gì? Chúng ta không khỏi băn khoăn vì gần 5 năm đã trôi qua kể từ khi chiến tranh lạnh chấm dứt nhưng không ai có thể đoán biết thế giới sẽ trôi giạt về phương trời nào?, nhân loại sẽ bước sang một kỷ nguyên mới nào?, thối lui hay mang nhiều hứa hẹn? Những biến chuyển đặc trưng xảy ra từ năm 1989 như Liên Xô tan rụi, Đức thống nhất, kỳ thị chủng tộc ở Nam Phi cáo chung, mây may không mang đến một tia sáng hy vọng nào. Như mọi người, chúng ta đã tin tưởng vào một thế giới đại đồng, một nền hòa bình vĩnh cửu.

Ngày hôm nay chúng ta hoàn toàn thất vọng. Thế giới càng ngày càng phức tạp hơn, nguy hiểm hơn. Bấp bênh mọi mặt thì nhau sanh sôi nảy nở, lo âu đủ loại ngày càng đậm nét. Như mọi người, chúng ta cảm thấy cần phải cấp bách đoàn kết hơn, tha nhân hơn, can đảm chính trực liêm sỉ hơn. Nhưng đạo đức đang hấp hối. Khắp nơi trên địa cầu, các công dân bị bỏ rơi giữa đường đều đang tự hỏi ai sẽ là người vỗ về an ủi họ trong nỗi niềm tuyệt vọng khôn người, giữa biển mênh mông phiến muộn của thời đại.



# HÀO QUANG VIỆT SỬ

• Huy Giang

**B**ất chợt nhìn thấy bức tranh đang treo trên tường, cạnh giá sách, Tí Nai phải dừng chân kêu lên:

- Ô... đẹp quá, Ngọc Hân mới mua bức tranh đấy à?

Để cuốn sách xuống mặt bàn, Ngọc Hân cười thân nhiên, đáp lời bạn:

- Làm như gia đình Ngọc Hân giàu có lắm vậy... Quả Tết của chú thím Nam đó.

- Chú Nam vẽ bức tranh này à?

- Đúng đó Tí Nai, chính tay chú Nam vẽ bức tranh này. Năm trước, đã có lần Ngọc Hân giới thiệu bức tranh Quê Tôi treo ngoài phòng khách, và nói với Tí Nai là chú Nam vẽ tặng, Tí Nai mau quên đó thôi.

- Ủa há, nhớ ra rồi. Nhưng... bức tranh này chú Nam vẽ rất đẹp và có ý nghĩa quá. Đúng không Ngọc Hân?

Ngọc Hân bước đến bên Tí Nai, kéo nhẹ vai cô bạn thân, nói:

- Ngọc Hân cũng nhận thấy như Tí Nai vậy, mà Tí Nai hãy ngồi xuống đây, làm chỉ mà đứng ngẩn ngơ như người ta đi hầu quan thế kia. Uống gì để Ngọc Hân đi lấy nè?

- Gì cũng được Ngọc Hân ạ. Nước chanh càng tốt.

Khi Ngọc Hân vừa quay lưng bước ra khỏi phòng, Tí Nai ngồi xuống ghế, ngược mặt lên quan sát bức tranh thêm lần nữa. Tranh vẽ nền trời màu hồ thủy, hiện lên thấp thoáng mấy dãy nhà tường vôi, phía sau có đám ba cội cây dương lá dày xanh đậm, hơi nghiêng nghiêng mấy nhánh nhỏ như đang ngã theo chiều gió. Cũng ở cùng một hướng, xa xa cách khoảng sân rộng được dựng lên cánh cổng ra vào, bên trên treo tấm bảng hình chữ nhật có chiều dài thẳng tắp, kẻ hàng chữ Trường Trung Học Nguyễn Trung Trực. Gần hơn nữa, trên cao, phía góc bức tranh là cảnh phượng trở hoa thắm hồng rực rỡ. Hình như ở quanh những đóa hoa học trò ấy, Tí Nai còn thấy vài cánh bướm đang nhòn nhơ bay lượn thì phải? Và rõ ràng, trong sáng hơn, bức tranh vẽ một cô gái mang lứa tuổi như Ngọc Hân, như Tí Nai. Lứa tuổi thích ô-mai - vừa tan học dắt xe ra khỏi cổng trường. Chiếc xe đạp mi-ni sơn màu hồ phách có vài cuốn tập, quyển sách ngay ngắn nằm sau yên làm cho nổi bật nền áo dài trắng thùy mị, dịu dàng của người con gái nhỏ trong tranh. Tóc cô bé không dài lắm, vừa chấm bờ vai ô gọn lấy gương mặt thanh tú, tươi mát quanh nụ cười nhẹ nhàng, ề ắp nở

trên môi. Đẹp, Tí Nai mỉm cười theo người con gái trong tranh, lòng nghĩ ngợi bằng khoảng một điều gì mà Tí Nai không định chắc, rõ ràng...

- Đang nghĩ ngợi gì đó hở Tí Nai? Ngọc Hân đoán rằng chuyện chắc sẽ thật là vui, cho nên Tí Nai mới mỉm cười tươi tắn như vậy đó.

Tí Nai ngượng ngùng chối:

- Nghĩ gì đâu nào. Tí Nai ngắm cô học trò trong tranh, rồi thầm nghĩ: Người phụ nữ Việt Nam chỉ mặc chiếc áo dài là đẹp nhất, và cử chỉ tỏ ra dịu hiền nhất mà thôi.

Để ly nước xuống góc bàn, trước mặt Tí Nai, Ngọc Hân cười đáp:

- Tí Nai nói đúng. Bà của Ngọc Hân, chú thím Nam, bác Tường và tất cả những người quen biết với gia đình Ngọc Hân, kể cả người bạn xú đều có một nhận xét giống như nhau cả. Đại khái như vậy: Y phục của người phụ nữ Việt Nam chỉ độc nhất có chiếc áo dài là thể hiện lên hết nét đẹp tiềm ẩn từ phong tục, văn hóa, lịch sử và dĩ nhiên càng nâng cao nét đẹp riêng của người đang mặc chiếc áo dài, dù cho người phụ nữ, hay cô bé đó vào lứa tuổi thích ô-mai như bọn mình. mà... mà đẹp như... bọn mình, thì... càng tăng sắc đẹp thêm hơn là điều tất nhiên - Ngọc Hân tất mụ cười trên môi, nói tiếp. Nhưng hãy coi chừng, bên trong nét dịu dàng, thùy mị ấy vẫn có sự oai dũng, khí phách đã bao phen làm cho đáng đời râu phải vỡ mặt kính hồn, suốt một đời kính sợ...

Ngọc Hân khi nghe Ngọc Hân nói chưa hết câu chuyện, Tí Nai ngắt lời:

- Ngọc Hân muốn nói đến Việt sử đó à?

- Vâng, Ngọc Hân đang nhắc nhở đến Việt sử của chúng ta. Tí Nai còn nhớ đến 4 câu thơ này ghi trong sách Hồng Đức Quốc Âm Thi Tập không hở? Thơ như thế này:

*Giúp dân dẹp loạn trả thù mình  
Chỉ rú cùng em kết nghĩa bình  
Tô Định bay hồn vang một trận  
Linh Nam mở cõi vững trăm thành*

Tí Nai reo lên:

- Đó là 4 câu thơ trong bài ca ngợi công đức, chiến tích của hai Bà Trưng Trắc, Trưng Nhị sau khi đuổi được Tô Định và quân Đông Hán xâm lược ra khỏi bờ cõi vào thế kỷ thứ nhất. Tí Nai còn được biết thêm một nữ anh hùng đầu tiên của Việt sử mở đầu cho cao trào phụ nữ gánh vác việc nước chống quân thù. Đó là Bà Trần Thị Đoan, sau này được phong làm Man Thiên Hoàng Hậu. Bà là dòng dõi của vua Hùng Vương thứ 18, vợ một Lạc Tướng mất sớm. Chẳng hiểu Man Thiên Hoàng Hậu có con trai hay không, nhưng trong sử ghi Bà chỉ có hai người con gái là Trưng Trắc và Trưng Nhị mà thôi...

Ngọc Hân tiếp lời bạn:

- Một kỳ lục trong chiến tích lẫy lừng làm bật vía bọn Đông Hán là chỉ trong thời gian một năm; hai Bà Trưng Trắc, Trưng Nhị đã đánh chiếm được 65 thành... Trả hận nhà, diệt được thù chung cho dân tộc. Hai Bà lên ngôi vua vào năm Tân Sửu (40

năm sau Tây lịch), gây cảnh thái bình an lạc cho dân Nam từ đó...

Tí Nai nhắc nhở Ngọc Hân:

- Ngọc Hân cũng đừng quên rằng sở dĩ hai Bà Trưng mau chóng đuổi được quân Đông Hán ra khỏi bờ cõi, là nhờ lòng dân và có dưới trướng những nữ tướng anh hùng góp sức. Thí dụ như Bà Lê Chân, Thiên Phong Nữ Tướng quân đã từng nhiều lần chiến đấu với Thái Thú Tô Định. Sau này ở trận chiến Mai Động, Bà Lê Chân bị thọ tử. Hiện nay vẫn còn đền thờ của Bà ở Hải Phòng, tục gọi là Đền Nghè...

Ngọc Hân kể tiếp:

- Và có thêm Bát Nàn Công Chúa nữa chỉ Tí Nai. Việt sử cho biết Bà là vợ của Lạc Tướng Trương Quán, một nhân sĩ đã được dân chúng thời bấy giờ tin yêu, kính trọng... Vì cảm phần trước hành vi tàn bạo của Thái Thú Tô Định, vợ chồng Lạc Tướng Trương Quán cùng một số nghĩa binh dựng cờ nổi dậy khởi nghĩa chống giặc Tàu tại tỉnh Thái Bình, cùng lúc liên lạc mặt thiết với Lạc Tướng Thi Sách, chồng bà Trưng Trắc... Mãi sau này, Lạc Tướng Thi Sách bị Tô Định hãm hại, và Trương Quán tử trận tại Diên Hà, Bát Nàn Công Chúa mới đem nghĩa binh về Mê Linh giúp hai Bà Trưng đồng tâm đuổi giặc ra khỏi bờ cõi. Bà lập được nhiều chiến công hiển hách suốt thời gian đối đầu cùng quân xâm lăng Tô Định. Khi nước nhà đã sạch bóng quân thù, Bát Nàn Công Chúa dâng sớ xin giải ngũ về quê, và tu tại chùa Nam Liên. Ngày 16 tháng 3 Âm lịch, Bát Nàn Công Chúa viên tịch. Trước ngôi mộ của Bà, dân chúng cảm khái công đức có ghi 2 câu thơ như sau:

*Vị quốc viên khu, quốc thước tình thần  
bình Bắc khấu*

*Xuất gia thành Phật, anh hoa khí tiết bạn  
Nam Liên*

dịch:

*Vì quốc quên mình, quốc thước tình thần  
bình giặc Bắc*

*Tìm về cõi Phật, anh hoa khí tiết gọi chùa  
Nam*

Tí Nai vỗ tay khen:

- Ngọc Hân đọc thơ hay quá, với lại hùng nữa. Tí Nai cũng xin được mạn phép nhắc Ngọc Hân thêm. Còn nhiều vị nữ tướng anh hùng khác dưới trướng hai Bà Trưng. Đó là Đông Cung tướng quân, tên thật là Hoàng Thiệu Hoa, người tỉnh Sơn Tây, trước kia là ni cô. Cùng thời điểm hai Bà Trưng mưu việc lớn với chồng thì Đông Cung tướng quân hoàn tục, đứng lên hô hào dựng sĩ bốn phương, tổ chức nghĩa binh, tích trữ vũ khí, lương thực chờ cơ hội nổi dậy... Không lâu lắm, hai Bà Trưng đứng lên hô hào khởi nghĩa, Bà Hoàng Thiệu Hoa kéo nghĩa binh về xin được gia nhập, và Bà lập được nhiều công trận lẫy lừng... "Tôi chỉ làm nhiệm vụ của người dân, chưa bao giờ nghĩ đến việc đề bạt, khen thưởng v.v..." Đó là lời tấu trình của Đông Cung tướng quân với hai Bà Trưng trong buổi châu ban ấn tước.

- Thật là một câu nói truyền đời của vị nữ tướng can quốc anh hùng. Nhưng Tí Nai

hãy nghe Ngọc Hân kể lại câu chuyện về tướng Mã Viện ghi trong Mã Thị Nam Chính sau khi kéo đại binh sang nước ta xâm chiếm: "... *Đứng vào lúc truy cản đoàn quân Đông Hán do Mã Viện chỉ huy, Thị Nội tướng quân trong khi mang thai gần ngày lâm bồn, Bà vẫn bất chấp, kéo nghĩa binh ra trận. Khi đương đầu với quân thù, Bà chuyển bụng sanh con ngay tại mặt trận. Bà lấy chính bào bọc lại và đeo con bên người để dễ dàng tiếp tục chiến đấu. Đến khi giặc vỡ tan, Thị Nội tướng quân mới chịu rút nghĩa binh về...*" Bà Phùng Thị Chính tức Thị Nội tướng quân, là nữ tướng của hai Bà Trưng, vợ của Đinh Lượng, người làng Phù Nghĩa, thuộc tỉnh Sơn Tây. Thị Nội tướng quân Phùng Thị Chính là vị nữ tướng đảm lược tài ba, đa mưu túc trí lại được thêm sức mạnh hiếm có, võ nghệ tinh thông...

Tí Nại cất lời thêm vào:  
- Còn có thêm nữ tướng Cao Nhự, sinh trưởng nơi huyện Trần Định, tỉnh Thái Bình, con "một" của gia đình khá giả, tinh thông võ nghệ, văn thơ dưới trướng của hai Bà Trưng. Thời bấy giờ dân Việt chịu dưới ách đô hộ hà khắc, sưu cao thuế nặng của quân dã man Đông Hán. Ông Cao Quán, cha Bà Cao Nhự, mới đứng lên vì dân xin được giảm thuế, nhưng bị Tô Định bắt giam vào ngục thất với tội phản loạn (?), đồng thời ra lệnh truy nã dòng họ Cao... Nên Bà Cao Nhự vội vàng cải nam trang, cùng người hầu gái tên Thiệu Mai, thờ đêm trốn khỏi nhà tìm đến tạm trú nơi ngôi chùa gần Yên Tử, âm thầm luyện tập võ nghệ, ẩn nhẫn chờ thời. Đến khi nghe tin hai Bà Trưng khởi nghĩa ở Mê Linh, tỉnh Phúc Yên. Bà Cao Nhự cùng Thiệu Mai trút bỏ nam trang tìm đến đầu quân. Hai Bà Trưng thu nạp và truyền lệnh cho Cao Nhự chỉ huy đạo thủy quân, vì Bà Cao Nhự vốn xuất thân từ miền biển. Bà Cao Nhự đã chiến đấu không phụ lòng tin tưởng của hai Bà Trưng... Với chiến thuật du kích của Bà Cao Nhự là thường chặn đánh những đoàn tiếp tế, gây cho lũ giặc Đông Hán lăm phen tấn đóm kinh hồn! Ngày sa cơ thất thế, khi biết hai Bà Trưng trầm mình trong dòng Hát Giang, ở ngã ba sông Đáy với sông Hồng, vào ngày mùng 6 tháng 2 năm Quý Mão (43 năm sau Tây lịch). Sau khi rút quân về Hát Môn, huyện Phúc Thọ, tỉnh Sơn Tây, Bà Cao Nhự cũng trầm mình theo gương hai Bà Trưng. Nay còn đền thờ tại làng An Bồi, tỉnh Kiến Xương.

Cầm ly nước trên tay, Ngọc Hân cảm thấy nổi bồi hồi vầy quanh. Cô bé xoay qua Tí Nại khẽ nói:

- Làm sao chúng mình có thể nhắc nhớ hết cho được những vị liệt nữ anh hùng, đã mở đầu trang hào quang Việt sử, đây hử Tí Nại? Ngọc Hân đau thể quên Bà Diệu Tiên, Bà Liễu Giáp, Bà Đào Nương và hai mẹ con Bà Lê Thị Hoa v.v... đã đáp lời, sát cánh cùng hai Bà Trưng Trắc, Trưng Nhị khởi nghĩa chống bọn man rợ Đông Hán cày tướng mạnh, quân đông tràn sang nước ta xâm chiếm. Còn nữa, còn nhiều nữa mà

Việt sử vô tình không ghi lại, hoặc chúng mình chẳng nhớ làm sao cho hết... Nếu đúng như thế, chúng mình có tội với tiền nhân nhiều quá!

Tí Nại đặt tay lên vai Ngọc Hân lác nhẹ, như thông cảm nỗi niềm của bạn:

- Đó là sự vô tình chớ không cố ý Ngọc Hân ạ. Nơi đây, hàng năm vào ngày mùng 6 tháng 2 Âm lịch, như truyền thống cha ông truyền lại. Người Việt tha hương họp nhau dựng Lễ đài, khói hương tổ chức Lễ Kỷ niệm hai Bà Trưng, hầu tỏ lòng tưởng nhớ chiến tích hiển hách, và công đức của Hai Bà cùng các vị nữ tướng. Người Việt tạm ngụ trên đất lạ không thể nào quên được cội nguồn của dòng giống Lạc Long bất khuất đau Ngọc Hân. Mẹ của Tí Nại có lần khuyên bảo, dặn dò: *Nếu không làm được chiến công hiển hách như hai Bà Trưng, thì hãy như Bà Triệu Thị Trinh, Nhụy Kiều Tướng Quân, hay Lê Hải Bà Vương đã hét một câu bất hủ "Ta muốn cỡi cơn gió mạnh, chém cá trăng kinh ở biển Đông, để cứu dân ra khỏi cơn đám đuối..."* Hoặc như phu nhân Đinh Tuấn, Bà Kiến Quốc giúp Bình Định Vương Nguyễn Huệ kháng chiến chống quan Minh, hay Bà Bùi Thị Xuân, phu nhân danh tướng Trần Quang Diệu chống giữ lũy Trấn Ninh, đến lúc sa cơ thất bại vẫn can trường không chịu quỳ lụy trước mặt quân thù, để rồi sau cùng bị voi đày ngựa xé không toàn xác!! Nếu không đi nữa, thì cũng nơi danh Cô Tâm trong nghĩa binh Vũ Quang, do Phan Đình Phùng lãnh đạo, Cô Mai trong nghĩa quân Bãi Sậy, Cô Trà trong nghĩa quân Thái Nguyên, hoặc gần hơn là phong trào Đông Du có Đặng viên Nguyễn Thị Đang, tức Âu Triệu, hoạt động ở Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi... Hay là như Võ Thị Quyên hoặc Nguyễn Thị Giang, tức Cô Giang, hôn thê của Đặng trưởng Nguyễn Thái Học trong Việt Nam Quốc Dân Đảng, và Cô Bắc, chị Cô Giang, với Đỗ Thị Tâm v.v... Bấy giờ chúng ta tạm dung nơi xứ người, hàng ngày học hỏi được ít nhiều điều hay chuyện lạ, dù rằng tuổi của Tí Nại hãy còn quá nhỏ mà những việc cần làm thì có tánh cách lớn lao. Nhưng tại sao chúng ta không tìm đến các tổ chức như Xã hội, Gia Đình Phật Tử, Hướng Đạo, Thế Thao, Văn Nghệ... để mà hợp đoàn? Gia nhập vào một đoàn thể, dù muốn dù không Tí Nại với Ngọc Hân cũng học hỏi được nhiều tình hoa bổ ích, cùng lúc phát huy khả năng tiềm tàng sẵn có trong nội tâm của mình!

Ngọc Hân xoay qua Tí Nại, gật đầu tán thành lời bạn:

- Đúng quá, mẹ của Tí Nại nói thật chí lý. Chúng mình là hậu bối của những anh hùng liệt nữ nước Việt, thì không thể nào làm lu mờ đi hào quang Việt sử, bất luận thời gian và hoàn cảnh ra sao. Phải không Tí Nại?

Huy Giang  
(Trích trong Tập Truyện Tuổi Thơ "2")

# GIA CHÁNH CHAY



## Mắm Thái Chay

### • Vật liệu :

- 1 miếng củ cải mặn thứ ngon
- 1 trái dưa leo (dưa chuột)
- 1 miếng thơm (thơm hộp càng tốt)
- 1 miếng đậu hủ trắng loại mềm
- riềng, thính, tỏi, ớt sừng

### • Cách làm :

- Củ cải rửa sạch ngâm với nước hơi nóng cho mềm rồi đem thái mỏng có sợi.
  - Dưa leo chẻ làm 4, bỏ ruột, xắt xéo, trộn muối vào cho xèo, xả sạch lại với nước lạnh, vắt cho thiệt ráo.
  - Thơm gọt vỏ, bỏ mắt ra xắt nhuyễn.
  - Đậu hủ chiên vàng, xắt sợi hơi to.
  - Gạo đem rang vàng xay nhỏ làm thính, riềng băm nhuyễn, ớt sừng xé 2 thái nhuyễn có sợi. Quý vị ăn được tỏi thì thêm chút tỏi băm nhỏ.
  - Chuẩn bị xong, bắc chảo để dầu khừ cho thơm, rồi bỏ củ cải + thơm + dưa leo vào xào, rưới chút nước tương, bột ngọt, đường, muối trộn đều. Ném cho vừa ăn để riêng, thính, tỏi, ớt (1) trộn vào. Nhấc xuống để nguội, múc vào ve keo ếm chặt, lấy nắp đậy lại để bữa sau dùng rất ngon.
  - Trước khi dùng trộn thêm đậu hủ vào.
- Mắm thái này dùng với bún, rau sống, giá, dưa leo - mắm chay này ăn ngon giống như mắm thái mặn vậy.

(1) Nếu quý vị ăn được chao, thêm 2 miếng chao đồ đã tán nhuyễn...





# CUỐI NĂM NHÌN LẠI

• Vũ Nam

Đã nhiều năm nay cứ mỗi khi mùa hè đến tôi có cái ý thích là nhân dịp cùng gia đình đi nghỉ hè ở đâu đó thì nhân dịp này nên ghé thăm một ngôi chùa. Cái việc thăm những thắng cảnh chung quanh nơi mình cắm trại để nghỉ hè là việc tự nhiên rồi, cái việc mà hầu hết mọi người đều làm. Nhưng cái việc một Phật tử mà viếng thăm một ngôi chùa thì không phải là việc bình thường sao?

Ở Đức có ngôi chùa rất lớn đó là chùa Viên Giác, nằm ở miền trung bắc Đức, gần như là nằm nơi trung tâm của nước Đức vậy. Ngoài ra còn có những ngôi chùa khác nhỏ hơn là chùa Khánh Hòa nằm ở miền tây do Thầy Thích Minh Phú trụ trì, một ngôi ở Hamburg do Ni Sư Thích Nữ Diệu Tâm trụ trì. Còn lại là những Niệm Phật Đường, như Linh Thụ ở Bá linh; ở München; ở Aachen có Niệm Phật Đường Quan Thế Âm do Ni Sư Thích Nữ Diệu Ân trụ trì... Ở Đức ngoài chùa Viên Giác và ngôi chùa ở Hamburg ra tôi chỉ có dịp đến Niệm Phật Đường Linh Thụ ở Bá linh mà thôi, còn những Niệm Phật Đường khác, hoặc chùa khác thì chưa có dịp đi đến. Chúng tôi ngụ ở Niệm Phật Đường Linh Thụ nhân một dịp về Bá linh. Hôm ở Niệm Phật Đường Linh Thụ chúng tôi có dịp gặp Ni sư Như viên, cùng các đạo hữu khác, chúng tôi chuyện trò với Cô rất là vui vẻ. Cô đang chăm nom một Niệm Phật Đường nhỏ ở thành phố hải cảng Bremen thuộc miền bắc Đức. Nghe nói Cô cũng là một nhà thơ. Năm qua Cô có viết vài bài văn đăng trên báo Viên Giác.

Trở lại việc các ngôi chùa, thì trong dịp hè năm này gia đình tôi cùng với gia đình anh Đan Hà có một duyên may là viếng thăm được ngôi chùa Thiện Minh ở Lyon do Thầy Thích Tánh Thiệt trụ trì, nhân dịp chúng tôi đi nghỉ hè ở miền nam nước Pháp. Chùa được xây dựng lên trên thế đất thật cao ráo. Xa xa trước mặt chùa là những đồi núi chạy dài, núi không hùng vĩ nhưng thơ mộng, rải rác thấy có nhà cửa đường xá ẩn hiện trên những đồi núi này, tức vẫn có đời sống hằngচিত trên đó chứ không như những ngọn núi đồi ở quê mình: êm ru, tịch mịch. Gặp Thầy trụ trì thấy Thầy rất vui, dù Thầy cho biết Thầy vừa đi dự khóa giáo lý Âu Châu ở Đan mạch và vừa về đến nhà. Trước tiên Thầy dẫn chúng tôi lên chánh điện để dâng lễ Phật, sau đó, vì chúng tôi đã ăn chiều ngoài xa lộ xong, nên Thầy cùng chúng tôi đi dạo trước chùa. Chúng tôi đã chụp hình lưu niệm với Thầy bên hồ sen, bên tượng Quan Thế Âm Bồ Tát. Thầy cũng cho biết việc xây chùa đang tiến hành mặc dù vẫn đề khó khăn vẫn là vấn đề tài chánh. Biết chúng tôi từ Đức đến (nhưng Thầy hoàn toàn không biết chúng tôi trong Ban Biên Tập báo Viên Giác) Thầy khen Phật tử ở Đức Quốc, và Thầy khen cả chính phủ Đức, đã góp công góp sức rất nhiều để ngôi chùa Viên Giác được thành công viên mãn cho đến ngày hôm nay. Thầy nói ở Đức Thầy Thích Như Điển có nhiều thuận duyên hơn Thầy. Vì nước Pháp hơi nghèo hơn nước Đức. Thầy còn vui vẻ kể lại quãng đời tu của Thầy khi còn ở Việt nam, sau năm 1975. Những ngày mệt nhọc đó là khi phải đi lao động. Ngồi nghe Thầy nói tôi ngẫm nghĩ, ngày xưa là vậy, nhưng bây giờ Thầy đã có cơ ngơi chùa chiền rộng lớn như vậy, thì quả là đời con người ta có thể biến đổi từ có đến không, từ không đến có trong khoảng khắc. Cái quan trọng là cái tâm của mình, dùng để vật chất nó o ép hướng dẫn. Suốt buổi nói chuyện Thầy lúc nào cũng vui vẻ, dù qua nói chuyện, chúng tôi đều biết rằng Thầy đang lo lắng rất nhiều vì ngôi chùa đang xây cất chưa hoàn tất. Viết những dòng chữ này thăm tâm tôi cũng cầu mong cho các Phật tử ở Pháp nói riêng, và ở

ngoại quốc nói chung kẻ ít người nhiều sẽ đóng góp cho ngôi chùa Thiện Minh ở Lyon sớm hoàn tất, để ngày nào có dịp xuống du lịch ở miền nam nước Pháp lại, rồi trở lại thăm chùa sẽ thấy được ngôi chùa đã được hoàn thành viên mãn. Các khách du lịch nếu có dịp đi đến Lyon cũng nên ghé qua thăm chùa Thiện Minh một lần cho biết. Ngôi chùa rất đẹp, lại ở trên thế đất rất cao, có cảnh đẹp, có trồng tre trúc chung quanh. Gặp Thầy trụ trì, Thầy sẽ chỉ cho những nơi nổi tiếng gần đó để đi du lịch. Như vườn tre trúc có đến cả trăm loại tre trúc trên toàn thế giới, như những nơi có thạch động.v.v... Thầy còn chỉ cho nơi nào có biển tắm đẹp, sạch sẽ ở miền nam nước Pháp. Sáng hôm sau, đang còn ngủ nghe tiếng công phu khuya của Thầy chúng tôi "lờ mờ" lên chánh điện thì chỉ thấy mình Thầy ngồi đó công phu, làm tôi nhớ lại lời của một Thầy là Đức Phật dạy người đi tu là nhận của bố thí của đàn na thí chủ thì phải có bốn phận sáng chiếu kinh kệ, công phu cho đúng thời điểm, nhưng bằng không sẽ có tội. Chúng tôi lên sắp hàng quỳ sau lưng Thầy để công phu luôn. Xong buổi công phu Thầy chu đáo lo việc ăn sáng cho chúng tôi gồm bánh mì, phở mát, cà phê v.v... còn Thầy thì ăn cơm nguội chiên lại! Thầy nói: Tôi quen ăn như vậy rồi, với lại còn cơm nguội bỏ uống. Trước khi chia tay Thầy có tặng cho hai gia đình chúng tôi hai cuốn Kỳ yếu về Đại giới đàn Liễu Quán Âu Châu lần thứ nhất, và Đại lễ khánh thành chùa Thiện Minh, Lyon, Pháp quốc. Ngược lại chúng tôi xin cúng dường lại một ít tịnh tài cho chùa, và xin phép Thầy lấy một mớ nước đá đang có trong tủ lạnh của chùa để mang theo. Thầy hậu hỉ nói muốn lấy bao nhiêu thì tùy ý, chùa có thiếu gì nước đá. Chúng tôi từ già Thầy, từ già các bác các anh đang làm công quả tại chùa để tiếp tục chuyến đi nghỉ hè mà lòng thấy vui vui.

Trong năm vừa qua nhân dịp vợ chồng anh Nguyễn Tấn Hưng đến Pháp tôi có dịp sau mười một năm trở lại thủ đô tráng lệ Ba Lê để thăm lần nữa. Số đi lần này tôi đi là vì nhân dịp Pháp-Đức vừa bỏ những trạm kiểm soát ở biên giới, chớ như những lần trước mỗi lần đi Pháp là mỗi lần xin Visa thì rất mất thì giờ, thường thường là phải làm trước ba tháng, nên những lần anh Phạm Thăng, anh Nguyễn Văn Ba, và các tác giả khác đến Paris thăm viếng bạn bè, ra mắt sách tôi đều không đi dự được. Lần này đến với vợ chồng anh Nguyễn Tấn Hưng tại nhà Bình Phương, thư ký của Văn Bút Âu Châu, tôi được gặp ba má của cô, hai bác rất vui vẻ, nhất là bác trò chuyện huyền thiên. Ở đây tôi cũng có dịp gặp lại các anh chị Từ Nguyên, Vũ Thái Hòa, Lê Hằng (bút hiệu khác của chị khi làm thơ cho báo Viên Giác là Nguyễn Thị Khánh Hòa) các anh Hồ Trường An, Bernard, Trần Đại Sỹ, các chị Thụy Khanh, Bích Xuân, Mai Lan, và các bạn bè thân nhân của gia đình anh chị Nguyễn Tấn Hưng đang cư ngụ tại Paris. Dĩ nhiên gặp bạn bè và văn nghệ từ Mỹ sang thì phải có nói vài lời khai mạc, anh Từ Nguyên đại diện cái phần này, đến anh Hồ Trường An cũng nói vài lời, rồi mở rượu champagne, rồi ăn và tiếp tục nói chuyện. Ngày hôm đó ai cũng khen những món ăn do Bình Phương và bác gái, má của Bình phương làm. Đến phần văn nghệ bỏ túi thì khỏi chê rồi vì Paris là đất của tài tử giai nhân mà. Chị Bích Xuân ca rồi ngâm. Thấy rất hay. Nghe các anh ở Paris nói chị là một cây văn nghệ ở đây thì quả là không sai. Cùng lúc đó chị còn đem tặng cho những thân hữu trong buổi tiếp tân này mỗi người một tập thơ "Bao Giờ Em Quên" của chị. Chị Thụy Khanh đến hơi trễ vì bận công chuyện nhà, nhưng cũng đã nhanh nhẹn "lên sân khấu" ngâm vài bài thơ để làm quà văn nghệ cho khách phương xa rồi lại phải đi ngay. Sau ngày này tôi có dịp gặp lại chị Thụy Khanh bên cạnh anh Hồ Đắc Ban, người ca sĩ đang lên ở Đức quốc, và một số đồng anh chị em trong các đoàn văn nghệ từ khắp nơi kéo về trong đêm văn nghệ được tổ chức ở Bá Linh. Trong đêm này chị mặc áo dài xanh, và chị chuẩn bị kỹ càng hơn nên thấy chị ngâm hay hơn, không vội vàng, như trong ngày gặp ở Paris. Trước đây chị Thụy Khanh cũng đã cho ra đời một tập thơ, và đã được giới văn nghệ đón tiếp nồng nhiệt. Viết về những người nữ chuyên về ca, ngâm, rồi lại làm thơ, tôi thấy không có gì là lạ lắm. Bởi vì trời đã phú cho những người này có tâm hồn văn nghệ từ trong máu. Nhưng có những người nữ, theo tôi nghĩ do một hoàn cảnh nào đó họ mới làm thơ, mới viết văn, viết báo, như trong các sách do tự tay mình viết ra của chị Huỳnh Dung, chị Trần Thị Nhật Hưng đã khẳng định. Ở đây tôi

muốn nói đến chị Nguyễn thị Nga. Trong giới sinh hoạt chính trị tại Âu Châu từ lâu nay ai còn lạ gì chị. Một người đàn bà đã có gia đình, nhưng đi rất nhiều, có mặt rất nhiều lần trong những kỳ họp hành bàn về tương lai của đất nước. Chị đã từng viết báo với lời văn hùng hồn mạnh mẽ, nhưng khi làm thơ với bút hiệu Ý Nga chị lại cũng đã làm được những lời thơ như thế này thì theo tôi thật là hay:

*Mắt em óng ánh nắng trời  
Vai thon môi đỏ rạng ngời niềm vui*

*Để anh chùng đã bước lui  
Gót chân lạng từ bụi ngời vẩn vương*

*Nắng trong chia những mến thương  
Chiều xanh mặt nước lòng nương bồi hồi*

*Tim run trong cảnh núi đồi  
Góp gieo run cảm, đáp bồi tình anh....*

(Trích trong bài thơ "Cho Anh Theo Với" với 48 câu)

Phần đệm đàn trong ngày ở nhà Bình Phương hôm đó là do anh người Việt gốc Lào, nghe nói cũng là một tay "văn nghệ văn gừng" có tiếng ở Paris. Anh Nguyễn Tấn Hưng cũng dạo đàn và ca những bản nhạc do anh sáng tác, đến lúc vui quá anh ca cùng với chị Bích Xuân luôn. Cũng vui. Anh Hồ Trường An thì ca vọng cổ. Nể tình anh em tôi cũng rán ca hai bài để giúp vui cho phần văn nghệ hôm đó. "Tối đây không hát cũng hò", chắc Bernard, bạn anh An biết câu này sao mà thấy anh cũng lên "làn" một bản bằng tiếng Pháp, rất hay, trong khi đó thì cô bạn gái đẹp người Pháp của Bình Phương chỉ đứng nghe người khác hát và lo phụ phần dọn dẹp đĩa muống thức ăn chớ không có ca hát gì cả. Sau cùng là chụp hình lưu niệm. Nói chuyện không được lâu với chị Nguyễn Tấn Hưng (chị còn có bút hiệu là Hồng Lan khi viết truyện ngắn cho các báo) nhưng tôi thấy cảm mến cứ, như đã cảm mến anh Nguyễn Tấn Hưng trong những ngày liên lạc thư từ với anh. Anh Vũ Thái Hoà, người chuyên vẽ bìa cho báo Dân Chúa Âu Châu và bìa sách, cũng còn là một nhạc sĩ, ngày hôm đó lần đầu tiên tôi và anh gặp nhau sau nhiều ngày trao đổi thư từ với nhau, còn chị Hòa thì xem ra hiền hậu ít nói, cũng giống như chị Từ Nguyên, chị Mai Lan vậy, dù chị Mai Lan là người viết rất nhiều truyện ngắn cho báo Văn với những chuyện tình rất đẹp.

Đùng một cái Hồ Trường An và Bình Phương qua thăm chúng tôi ở miền nam nước Đức. Đón tiếp anh thì cũng chỉ có bạn bè văn nghệ chúng tôi: Nguyễn Anh Tuấn, Hàn Cường, Đan Hà, Huy Giang và tôi. Ngoài ra anh và Bình Phương còn ghé thăm anh Vũ Ngọc Long nữa. Sở dĩ anh An và Bình Phương qua Đức bất tình tình như vậy tôi nghĩ là vì hai cậu cháu muốn đáp lại tấm chân tình của mấy anh em ở miền nam Đức, không quản ngại đường xá xa xôi mà trước đó một tháng đã đến Paris nhân dịp vừa có mặt trong buổi họp của BCH Văn Bút Âu Châu cho vui, vừa đến thăm gia đình của ba má cô thù quỹ Bình Phương luôn. Trong lần đó tôi không có mặt, nhưng nghe các anh về kể lại cũng có nhiều cái vui lắm. Những ngày qua Đức anh An và Bình Phương cũng chỉ ngồi nhà của các bạn bè nói chuyện, chớ hai người bạn văn nghệ này cũng không được chúng tôi dẫn dắt đi xem phong cảnh làng mạc gì của miền nam nước Đức cả. Thôi để khi khác vậy.

Tổng kết trong năm qua công việc Phật sự ở chùa Viên giác người viết thấy có mấy lễ lớn đã được thực hiện. Ngoài các Đại lễ mà năm nào chùa cũng làm là: lễ Phật Đản, lễ Vu Lan, năm nay ở chùa còn tổ chức lễ đón tiếp Đức Đạt Lai Lạt Ma vào ngày 18 tháng 6.1995, và Đại hội Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại vào ngày 23.9.1995. Cứ sau mỗi Đại Lễ đã có những bài tường trình do chính Thầy Thích Như Điển, trụ trì chùa Viên giác viết, hoặc của các anh Thiện Căn Phạm Hồng Sáu, Phù vân, và Từ Hùng Trần Phong Lưu vì đó gần như là "nghề của chàng" rồi. Ai không về chùa tham dự được trong những ngày Đại lễ này, đọc qua các bài tường trình đều biết được rõ ràng mọi việc. Đặc biệt năm nay, sau lễ đón tiếp Đức Đạt Lai Lạt Ma có bài viết của chị Trúc Giang với

đề tựa "Em Đi Hành Hương" đọc thấy vui vui, gần giống như bài "Trẩy Hội Chùa Viên Giác" của nữ sĩ Trần Thị Nhật Hưng trong năm ngoái. Vì thế, để viết bài tổng kết cho cuối năm này có lẽ người viết nên tránh lặp lại các công việc Phật sự ở chùa, cũng như cố gắng tránh "dụng" phần Thời sự của anh bác sĩ Phan Ngọc và phần Thế Thao của Người Giám Biên. Vậy thì cứ tìm đường khác mà đi vậy.

Trước tiên xin nói về "Miss Sài Gòn", một ca cảnh đã được trình diễn ở tại thành phố Stuttgart gần cả năm nay. Nội dung câu chuyện nói về chuyện tình giữa một chàng lính Mỹ GI và một cô gái bán bar Việt nam trong thời gian chiến tranh trước năm 75. Không biết đây là điều vui hay buồn khi mà các diễn viên trong ca nhạc cảnh này không có ai là Việt nam cả! Cô đóng vai chính, tức cô gái bán bar, ban tổ chức đã phải mượn một cô sinh viên về âm nhạc từ Phi luật Tân, để đóng cặp chung với anh Đức đóng vai người lính Mỹ. Chiến tranh Việt nam cho mãi đến hôm nay giới làm phim làm văn nghệ vẫn còn khai thác kiếm tiền dễ dàng. Nghe nói muốn đi xem phải đặt vé trước vài ba tháng, còn một vé thì đến một trăm mấy chục đồng bạc. Hiện tại thì ca nhạc cảnh này vẫn còn tiếp tục trình diễn. Không biết bao giờ mới chấm dứt đây. Trước đây nhạc cảnh Miss Sài Gòn cũng đã được trình chiếu ở Anh ở Mỹ rồi. Giờ mới đến Đức.

Trong năm vừa qua tài tử gạo cội Clint Eastwood, người đã từng đóng nhiều phim Western nghệt thờ, đã tung ra thị trường phim ảnh cuốn phim do chính ông vừa sản xuất, vừa đạo diễn, và vừa đóng vai chính bên cạnh cô đào cũng nổi tiếng không kém ông đó là Meryl Streep. Đó là phim Die Brücken am Fluß (Chiếc cầu trên sông), phỏng theo cuốn tiểu thuyết cũng cùng tên thuộc vào loại bán chạy nhất của nhà văn Robert James Waaler trước đây. Câu chuyện nói về một anh chàng chuyên chụp hình cho các tờ báo, tên Robert, còn đọc thân và khá nổi tiếng, đang trên đường đi làm "công tác" anh đi lạc vô nhà cô Francesca, một cô gái gốc Ý đã có gia đình và hai con. Chuyện do tình cờ sui khiến vì thật tình anh chàng muốn tìm đường đến nơi chiếc cầu mà anh muốn chụp hình, nhưng anh không biết nên mới tạt vào nhà nàng để hỏi thăm, còn nàng thì nhầm lúc anh chồng nhà nông không biết "ga lán" vợ dẫn hai con đi dự một cuộc triển lãm về nông phẩm gì đó đến mấy ngày chưa về. Chuyện gì đến thì phải đến! Trai tài gặp gái sắc. Nhưng sau một hai ngày gần gũi thì đường ai lại nấy đi, dù vậy cô Francesca đã ôm bóng hình chàng Robert cho đến khi nhắm mắt lìa đời. Sau khi phim được trình chiếu một thời gian ở Kinos của Đức, giờ có một vài tờ báo đặt ra câu hỏi là: Các phụ nữ có nên chung thủy với chồng, dù là ông chồng như thế nào, hay là cũng một lần "mạo hiểm" như cô Francesca chớ? Thôi, đến đây thì để cho các cô tự trả lời.

Năm vừa qua anh bạn văn nghệ Lê Thành Tín, khi làm thơ với bút hiệu TDHD, đã tung ra thị trường tân nhạc cuốn băng đầu tiên do anh thực hiện với tựa là "Những Con Đường Làng". Cuốn băng đa số phổ từ những bài thơ của các bạn văn nghệ như Hương Giang, Hồ Trường An, Tùy Anh, Đan Hà, Huy Giang... và của chính anh. Nghe thấy cũng hay nhưng anh khiêm nhường nói: Nhạc và ca chưa được hay lắm, chỉ có lời thì tuyệt vời! Anh hy vọng nếu anh thực hiện được cuốn thứ nhì thì anh sẽ cố gắng làm cho nó hay hơn. Cầu chúc anh được thành công hơn trong những lần tới.

Sau hơn 470 ngày trong tù Footballstars, người da đen, O.J.Simpson đã được tòa án Mỹ quyết định tha bổng vì không đủ bằng chứng để kết tội anh đã giết người vợ cũ là Nicole và người bạn trai của cô là Ronald Goldman. Đây là vụ án làm nhức đầu giới luật gia Mỹ. Cả phóng viên của giới truyền thông cũng lãng xăng tấp nập trong những ngày xứ này. Còn truyền hình Mỹ có đài suốt cả ngày chỉ trình chiếu vụ xử. Quan tòa nhỏ con có hàm râu đen gốc Nhật Lance Ito cũng mệt khi phải ngồi xử cho vụ án. Khi chuyện đã xong thì bên thắng kiện dĩ nhiên là vui quá xá rồi, trong đó có cả luật sư của Simpson cũng là người da đen tên Johnnie Cochran. Sau vụ này tên tuổi và nghề nghiệp ông sẽ lên như điều là cái chắc. Ngược lại, bà luật sư cho gia đình của Nicole là Marcia Clark thì buồn vô số kể. Vì đã thua trong vụ tranh cãi, sau đó về nhà còn bị ông chồng cần nhân vì đã bỏ bê không chịu chăm sóc

cho gia đình. Được biết bà Marcia Clark cũng đã thua mấy lần trong những vụ kiện trước đây. Không biết bà có tính đổi nghề không? Còn Simpson được tha bổng, giờ bên cạnh tiền vô như nước bởi những dịch vụ cho phỏng vấn ở tivi, radio, báo chí.v.v., anh còn định cưới cô người mẫu gốc Ý Paula Barbieri, người tình của anh sau khi li dị vợ từ năm 1992 trong những ngày tháng tới đây, và rất có hy vọng anh sẽ trở thành tài tử trong tương lai. Đi sâu hơn một chút vào vụ này người ta thấy nếu vụ án không được xử kiện cho mình bạch thì sẽ xảy ra tình trạng nổi loạn của người da đen, như trước đây đã từng xảy ra, vì tình trạng mà người da đen cho rằng người da trắng đã kỳ thị họ, bởi vì cái anh chàng cảnh sát khi làm công tác điều tra tại hiện trường vừa sau khi có Nicole và anh bạn trai của cô bị giết đã có những hành động, việc làm giả mạo, không đúng với chức năng vô tư của người cảnh sát, như cố tình muốn hại Simpson. Đây là việc mà sau một thời gian khá lâu của vụ án người ta mới phát hiện ra điều này.

Đến đây xin kể về một số chuyện lớn nhỏ đã xảy ra trong năm:

- Vụ động đất ở miền viễn đông Nga, vùng Neftegorsk, trên đảo Sachain sau hai ba ngày tìm kiếm trong các khu nhà đổ nát người ta kéo ra được 1236 xác người và 406 người còn sống. Vụ động đất có độ rung được đo đến 7,6 Richterskala.

- 100 người chết được kéo ra nhân vụ sập cái siêu thị ở Seoul. Nguyên nhân xảy ra vụ sập là do đồ án xây dựng bất cẩn, không đủ nhiên liệu trước đây của nhà thầu xây cất.

- 5 năm với xe đạp đi vòng quanh thế giới: Hai anh Axel Brimmer và Peter Glöckner, người Đông Đức, bắt đầu từ ngày 29 tháng 7.1990 đã đi bằng xe đạp vòng quanh thế giới với đoạn đường 80.500 km. Khi về đến nơi hai anh cho biết sau chuyến đi này hai anh có kinh nghiệm đầy mình, và cuộc đi chơi rất là thú vị. Còn thú vị hơn nữa là khi đi với tính cách là công dân của Đông Đức nhưng khi về lại là công dân của Cộng Hòa Liên Bang Đức. Vì trong khi hai anh đi thì nước Đức được thống nhất.

- Jeanne Calment, bà già người Pháp được ghi nhận là có kỷ lục già nhất, vì năm nay cụ đã có cái sinh nhật là 120 tuổi.

- Nhân dịp sinh nhật lần thứ 69 của cô tài tử lừng danh đã quá cố của màn bạc Mỹ quốc Marilyn Monroe, bưu điện Mỹ đã cho phát hành một loại tem có hình cô.

- Một con cá mập dài bảy mét đã bị dính lưới của người ngư phủ ở bờ biển Kroatiën. Vì lý do là lớn quá nên cá đã được những chuyên viên về Hải học mua và khám nghiệm. Theo các nhà nghiên cứu này thì mặc dù cá mập trong vùng biển của Kroatiën không phải là hiếm thấy, nhưng con cá khổng lồ này mà ở trong vùng biển này thì là một sự việc hơi bất thường rồi.

- 46 người Rumanie đã bị cảnh sát Đức bắt được khi ngồi trong bốn chiếc xe Taxi Đức khi qua biên giới để muốn vào Đức xin tỵ nạn. Cả bốn anh tài xế Taxi Đức cũng bị cảnh sát Đức câu lưu điều tra luôn.

- Trong năm này nhà xuất bản sách Đức đã tung ra thị trường sách báo cuốn "Những giọt nước mắt từ hồn tôi" (Die Tranen meiner Seele) của Kim Hyun Hee dịch từ bản tiếng Anh The tears of my soul. Sách báo Đức thường mỗi năm xuất bản rất nhiều, nên không biết cuốn sách này có thành công trong thị trường tiêu thụ sách báo ở Đức không, hoặc trong các nước tư bản khác không. Nhưng chắc chắn một điều là cuốn sách này đã thành công ở Nam Hàn, và cả ở Bắc Hàn, nếu người dân ở đây được tự do mua cuốn sách này để đọc. Đây là hồi ký của nữ điệp viên trẻ, đẹp của Bắc Hàn, người đã đặt bom làm nổ chiếc phi cơ của Nam Hàn năm 1987 trên không phận Miền Điện làm 115 người chết, trong số đó có vài Bộ trưởng của Nam Hàn. Lúc đó cô mới vừa 19 tuổi. Cô bị bắt ở thủ đô Bahrain (thuộc Ả Rập), sau khi cần thuốc độc tự tử và đã được cứu sống. Người điệp viên nam cùng thi hành nhiệm vụ với cô cũng đã cần thuốc độc tự tử, và đã chết. Cô bị giải giao về Nam Hàn để điều tra. Toà tuyên án tử hình, nhưng sau đó lại được Tổng Thống khoan hồng. Năm 1991 cô ngồi viết lại hồi ký này để phan phui tội ác của nhà nước Bắc Hàn. Mặc dù sợ cho người thân còn ở Bắc Hàn bị liên lụy, cô vẫn mạnh dạn nói và viết ra sự thật. Dĩ nhiên chuyện của cô đã làm ẽ mặt nhà nước của Bắc Hàn không ít, vì chỉ vì muốn mau "giành sự độc lập và thống nhất cho tổ quốc" và ngăn chặn không cho Nam Hàn tổ chức Thế Vận Hội mùa hè năm

1988 mà họ đã ra lệnh cho điệp viên của họ đặt bom giết 115 người Nam hàn không thương tiếc (vì có thể sợ không an toàn tánh mạng cho các lực sĩ các nước sẽ không đến tham dự Thế vận hội). Cuốn sách đã làm xoa dịu được phần nào nỗi đau khổ của thân nhân những người đã quá cố, và tất cả tiền thu lại được từ cuốn sách sẽ chia đều ra cho tất cả gia đình của nạn nhân. Có lẽ đây là cái hậu ý của tác giả. Thêm cái vui nữa là trong những ngày ở Nam Hàn cô Kim Hyun Hee đã gặp lại những người bà con của cô đã đi tản trốn khỏi Bắc Hàn trong thời gian chiến tranh Nam Bắc từ mấy chục năm về trước. Và như chúng ta đều biết, Nam Hàn đã tổ chức Thế Vận Hội mùa hè năm 1988 thành công ngoài sức tưởng tượng của thế giới.

- Tài tử Anh quốc Hugh Grant chỉ vì "tìm vui" với một cô gái làng chơi trong xe hơi bất hợp pháp ở Los Angeles mà đã phải ra tòa. Thấy ngại quá, anh đành đóng tiền phạt là 1180 Dollar để không phải hầu tòa. Nhưng sau đó anh bắt buộc phải tham dự cuộc khám nghiệm về bệnh Aids. Còn cô gái kia thì cũng nhân vụ này trở nên nổi tiếng luôn. Thừa thắng xông lên cô nhảy ra làm Show cho truyền hình, và cũng đã được khán giả ái mộ lắm. Viết việc này ra người viết thấy cũng hơi kỳ kỳ, nhưng như độc giả đã biết thì chuyện gì cũng có thể xảy ra ở Mỹ cả. Thí dụ có một số tài tử điện ảnh nổi lạc của nước Mỹ đâu có qua trường đào tạo điện ảnh nào, có khi là những tay dao búa, có khi là những cô gái trụ lạc, nhưng may mắn lọt được vào mắt của những nhà làm phim, đạo diễn, bỗng chốc trở thành những tài tử lừng danh ở phim trường.

- Hình do một con khỉ già 19 tuổi ở trong vườn sở thú Wien vẽ đã bán được đến 2000 Mark.

- Truyện Hay Hải Ngoại (tập 2) do nhà văn Nguyễn Văn Ba chủ biên, nhà xuất bản Bình Minh ở Texas, Hoa kỳ, xuất bản và phát hành đã được độc giả đón tiếp nồng nhiệt. Truyện Hay Hải Ngoại (tập 1) trước đây cũng chính do nhà văn này chủ biên và cũng đã tạo được tiếng vang lớn trong văn giới ở hải ngoại. Nếu tình hình cho phép, Truyện Hay Hải Ngoại (tập 3) cũng sẽ được phát hành trong thời gian tới.

- Mới 17 tuổi em Baramurali Arnbati, Mỹ quốc, đã lấy bằng Doktor về y khoa. Chỉ hai năm em xong phần tiểu học. Lúc 11 tuổi lấy bằng tú tài, sau đó cùng với người anh viết một cuốn sách về bệnh Aids. Khi được phỏng vấn em cho biết vào năm em 4 tuổi, lúc vào nằm ở bệnh viện để điều trị em đã có ý nghĩ sau này em sẽ trở thành bác sĩ rồi.

- Nhờ sự vận động của người Mỹ nhà thơ Nguyễn Chí Thiện vừa đến Hoa kỳ trong tháng 11 này. Ông đã bị ở tù tổng cộng là 27 năm và là tác giả của 400 bài thơ, trong đó có tập thơ "Hoa Địa Ngục" mà ông đã qua Sứ quán Anh, chuyển tập thơ này ra hải ngoại năm 1979. Năm nay ông đã được 56 tuổi. Vừa đến Hoa kỳ ông đã ra điều trần trước Quốc Hội để kêu gọi hãy mau mau cứu lấy những người tù còn ở Việt nam.

- Từ ngày 4 đến 15 tháng 9.1995 Hội nghị phụ nữ thế giới lần thứ tư đã được diễn ra ở Huairou, Trung Quốc. Hội nghị gồm hơn 30.000 nữ đại biểu từ 178 quốc gia trên thế giới. Để đánh dấu ngày khai mạc Hội nghị này Trung Quốc đã cho phát hành 10 triệu đồng tiền để kỷ niệm. Trên truyền hình thấy trong những ngày Đại hội đã có những cuộc biểu tình nhỏ để tranh đấu cho quyền lợi và nhân phẩm của người phụ nữ ở Trung Quốc hiện tại (dù đã bị chính quyền cấm) vẫn bị công an cảnh sát ngăn cấm xua đuổi. Như vậy thì nhà nước làm tiên ra để kỷ niệm, nhưng không biết kỷ niệm vui hay kỷ niệm buồn đây?

- Trong gần cuối tháng 11 năm nay, lần đầu tiên Công chúa Diana của Anh Quốc đã trả lời cuộc phỏng vấn trên truyền hình chung quanh về đời tư và những liên hệ của mình với chồng là Thái tử Charles và hoàng gia. Buổi phỏng vấn đã được đài BBC thực hiện, trước đó người ta phỏng đoán có khoảng 15 triệu dân Anh Quốc sẽ mở đài để xem. Sau đó, cuộc phỏng vấn cũng đã được truyền hình từ các nước như Đức, Áo, Thụy sĩ v.v.. chiếu lại. Có lẽ đây là cuộc phỏng vấn được mọi người xem nhiều nhất từ trước đến nay?

Chuyện trong năm còn biết bao nhiêu cái mà kể. Nhưng vì trang báo có hạn nên người viết xin chấm dứt nơi đây, và không quên cầu chúc cho tất cả độc giả một năm mới được nhiều vui vẻ, thân tâm thường an lạc.



### Lời Tòà Soạn:

Nhân Lễ Vu Lan (95) vừa qua, Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Đức đã mở một Gian Hàng Tình Thương tại chùa Viên Giác. Số tiền thu được là 4.550 Đức Mã. Sau đó đã gửi về Việt Nam cho quý Sư Cô tại Sài Gòn và nhờ giúp đỡ các công tác xã hội từ thiện tại miền Bắc, Trung cũng như Nam; nhưng chẳng may tại Đồng Tháp Mười nạn lụt quá lớn, đã làm cho bao nhiêu người lâm vào cảnh màn trời chiếu đất; nên tất cả số tiền trên đã dồn vào cứu lụt và cứu đói tại Đồng Tháp Mười trong tháng 10 năm 95 vừa qua. Số tiền Đức Mã đó ra được 35 triệu đồng Việt Nam.

### Tùy Bút:

## VỀ VỚI ĐỒNG THÁP MƯỜI TRONG MÙA NƯỚC LŨ

### • Thích Chúc Từ

Cách thành phố Sài Gòn 220 km về phía Tây Nam, Đồng Tháp Mười nằm trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long, bốn mùa êm ả. Nơi có những cánh đồng lúa vàng cò bay thẳng cánh, bao la bát ngát, cung cấp những hạt gạo trắng ngần cho cả nước và xuất khẩu ra nước ngoài. Nơi đây, những năm về trước là một trong những kho tàng nguyên liệu nuôi sống con người. Ấy thế mà hai năm nay, những cơn lũ từ vùng thượng lưu Cửu Long Giang đã hùng hổ kéo về làm cho cánh đồng lúa bát ngát phi nhiều bị tràn nước trong biển nước, đời sống đồng bào đã khó khăn nay lại càng khó khăn hơn, bởi mực nước quá lớn và đứng chững lại rất lâu (từ tháng 7 đến nay).

Với tinh thần "Lá lành đùm lá rách" hay "Một miếng khi đói bằng một gói khi no", lại được Thượng Tọa chùa Viên Giác, Ni Sư chùa Bảo Quang đồng ý hỗ trợ, cùng chư vị trong Hội Phật Tử Việt Nam tại Tây Đức kể ít người nhiều nhiệt tâm đóng góp, chúng tôi đã xuôi về miền Tây trong một buổi sáng khi thành phố còn nằm trong yên tĩnh.

Đoàn ủy lạo khởi hành lúc 4 giờ 30 sáng ngày 29.10.1995 (5.9 Âm lịch) trên chiếc Hinô 52 chỗ ngồi, dưới sự trực tiếp hướng dẫn của Sư Cô Như Giác (Trưởng Đoàn), cùng với 14 vị Y, Bác sĩ Bệnh viện Nhân Dân Gia Định, và hơn 20 Tăng, Ni, Phật tử cùng tham dự. Bao mệt nhọc rồi cũng trôi qua, Đoàn đến huyện Hồng Ngự vào lúc 11 giờ 00. Tại đây, Đoàn đã được Đại Đức Thích Huệ Minh, Ban Từ Thiện huyện Hồng Ngự, ân cần tiếp đón. Sau khi nghỉ ngơi dùng trưa, đúng 12 giờ 30 Đoàn bắt đầu tập hợp và phân bố



Phát tặng phẩm cho đồng bào bị lụt

ban bề. Sư cô Trưởng Đoàn sẽ cùng chúng tôi trực tiếp đi xuống tận những vùng sâu, nơi bà con đang khổ nhất, nắm tình hình trước để tiện làm việc, 14 vị Y, Bác sĩ cùng một số Phật tử trực tiếp ở lại chùa để khám bệnh và cấp thuốc cho bà con trong xã Thường Lạc. Còn một số Ni cô và Phật tử sẽ xuống tận tác ráng (đò máy) để thu xếp và phân bố quà chuẩn bị cho chuyến du hành ngày mai (Vi hàng hóa đã chuyển xuống xe lên tác ráng). Ngay buổi chiều cùng ngày, các Y, Bác sĩ đã tận tình khám bệnh và cấp thuốc cho 300 người. Đến hơn 5 giờ 30 cùng ngày, Đoàn đã thu xếp xong tất cả công việc đầu vào đây. Buổi tối, sau khi cơm nước xong, Đoàn đã trao đổi cũng như sinh hoạt và bàn phương hướng cho ngày mai trong sự nhiệt tình, vui vẻ của Tăng, Ni, Phật tử Đoàn.

Sáng hôm sau (30.10.1995) tức 6.9 Âm lịch. Đúng 6 giờ 00, trên chiếc tác ráng chở 3 tấn gạo, 150 kg bột ngọt, 300 kg mì gói, 350 kg đường, 300 kg muối, 300 chai nước tương, sữa, bột Bích Chi, một số quần áo cũ cùng với gần 40 Tăng, Ni, Phật tử chúng tôi đã xuôi dòng Hồng Ngự trong khi trời lát phát mưa bay của tiết tháng 9. Quẹo sông Hồng Ngự khoảng 2 km, Đoàn rẽ vào kênh Long An để xuống hai ấp An Lộc - An Hòa (thuộc xã An Bình A) cách xa khoảng 8 km đường kênh, tôi lưu ý anh Tài-công tác ráng chạy chậm lại để cho Phái Đoàn nhìn tận mắt những biến đổi của một mảnh đất phì

nhieu, mà giờ đây hai bên dòng kênh chỉ còn thấp thoáng những ngôi nhà mái lá xác xơ, vài lùm cây điên điển ló lên mặt nước, không thấy những bông hoa vàng bởi nó đã được bà con "tận thu" để chống lại cơn đói quanh ruột. Hai bên bờ kênh, tôi thấy vài vạt đất nổi lên xám xịt. Anh Nguyễn Văn Hoanh, người ở địa phương này cùng đi với Đoàn cho chúng tôi biết "đó là những bờ đất được đắp cao 2 thước tính từ mặt nước kênh". Như vậy, những căn nhà lá chìm trong nước kia ngập ít ra là 3 thước, con lũ khác nghiệt đã đẩy ít nhất khoảng 200 hộ của xã An Bình A vào cái đói, khoảng 100 mẫu lúa mất trắng và trên 10 mẫu thất thu do nước lũ tràn về. Sau hơn một tiếng rưỡi lênh đênh "mặt biển", Đoàn chúng tôi đã đến ấp An Hòa. Tây đây, nơi gò cao khoảng 10 thước vuông, Đoàn chúng tôi sắp xếp cho các Y, Bác sĩ khám bệnh và cấp thuốc, còn phát quà thì vẫn ở dưới tác ráng vì không có chỗ đất khô ráo để đưa lên bờ. Sau hơn ba tiếng đồng hồ làm việc, Đoàn đã phát quà cho 203 hộ nghèo đói nhất, mỗi hộ 10 kg gạo, 1 kg đường, 1 bịch bột ngọt, 1 chai nước tương, 1 kg muối, 2 bộ quần áo, 1 số sữa cùng bột Bích Chi và một bao thư 20.000 đồng. Các Y, Bác sĩ khám và cấp thuốc tại đây cho 200 người.

Nhân dịp này, tôi tiếp xúc với một sô bà con và được biết: "Đời sống bà con ở đây phần đông là đi làm mướn, đánh cá và làm đủ thứ việc v.v... các cụ già thì ở nhà giữ cháu và nấu cơm". Điều quan trọng cho thấy, cơn lũ đã kéo theo cái đói, cái rách sớm nhất ở đây, một phần là do có trên 200 hộ từ các xứ khác đến lập nghiệp, không có ruộng đất, đi làm thuê, và các "Việt kiều" từ Campuchia về. Lũ kéo theo giông gió, sóng lớn tràn vào và khi nước cuốn gột theo đó đặc vật dụng của bà con, tôi trực tiếp gặp cụ bà hơn 70 tuổi, với làn da tái xanh, cụ cho biết: "Nhà không còn gì ăn, ngày nào cũng cứ ăn



Cảnh lụt lội tại Đồng Tháp Mười

bóng điên điển riết con ơi". Tôi lặng người khi nghe giọng nói thâm thương của cụ! Ôi! cuộc đời sao quá phũ phàng như vậy, bên cạnh những tòa cao ốc chọc trời là những túp lều tranh xơ xác không biết sụp lúc nào, bên cạnh những yến tiệc, sơn hào hải vị tón kêm là những bữa ăn bằng bóng điên điển vẫn còn thiếu. Chả lẽ đây là định nghiệp chăng?

Rời An Hòa cùng phái đoàn, tôi vẫy tay chào những con người đau khổ, những ánh mắt nhìn theo chúng tôi như tỏ lòng tri ân. Tôi tự nhủ: "Vâng, tôi sẽ trở lại nơi đây vào một ngày không xa, không chỉ đi với một ít hàng từ thiện mà sẽ mang cả Giáo Pháp Phật Đà truyền đạt vào những tâm hồn chúng sanh đang thật sự đau khổ này".

Đi dọc theo dòng kinh Long An khoảng 1 km, quẹo sang kinh Mương Lớn 6 km, Đoàn đã đến ấp An Lộc, ấp này cũng như ấp An Hòa. Đứng trước mũi tác ráng, tôi thấy thấp thoáng ngoài đồng nước, một vài em nhỏ đang đứng trên chiếc thuyền tam bản, lúi vào lùm cây điên điển, hái những bông màu vàng để ăn. Đói, thiếu thốn đã khiến các em phải nghỉ học, phụ với gia đình sớm hôm bắt cá hái rau. Trên gương mặt mấy em nhỏ tái xanh vì lạnh và đói, vẫn còn phảng phất những nỗi ưu tư trong sáng của cái tuổi đáng lẽ phải được cắp sách tới trường, mà sớm phải vướng vào cuộc đời cơ cực.

Đến ấp An Lộc vào lúc 11 giờ 30, Đoàn nhanh chóng phát quà cho 100 hộ nghèo túng nhất, mỗi phần cũng như ở trên, và khám bệnh cấp cho 150 vị. Công việc tại đây đã xong lúc 1 giờ 45. Đoàn khởi hành quay lại xã Thường Lạc dùng bữa cơm trưa rồi chuẩn bị về thành phố lúc 2 giờ 30 chiều cùng ngày.

### Ai ơi bưng bát cơm đây

### Đèo thơm một hạt dặng cay muôn phần

Thật vậy, bưng bát cơm trắng tinh của hạt gạo Hồng Ngự tôi liền tưởng đến những giọt mồ hôi và nước mắt của người dân Hồng Ngự đã đổ ra để chống chọi với lũ lụt hạn hạn trên mảnh đất này. Làm sao ta có thể tưởng tượng được những cảnh đời đang sống, làm sao hiểu được những con người từng làm ra những hạt gạo cho đất nước, bây giờ phải ăn cháo, ăn độn, thậm chí đói ngay trên mảnh đất của mình, làm sao có thể chấp nhận được những bàn tay chai sạn kia bây giờ phải đi làm cái công việc mà chính họ cũng phải xót

xa: Hải bồng điên điên, rau mướt dại (loại cho heo ăn) để chống chọi lại cơn đói, chén cơm trắng bầy giờ đối với bà con là chuyện nằm mơ, là ảo tưởng, nhưng lại là sự thật, một sự thật cay đắng.

Với số tiền tổng cộng của hơn 35 triệu đồng. Tuy lớn, song vẫn không làm sao đưa được bà con ra khỏi cảnh màn trời chiếu đất. Nhưng tôi thiết nghĩ cũng đã đem lại được phần nào niềm vui cho con người, với tình thân của người tu và học Phật: "Tác Như Lai Sĩ, Hành Như Lai Sự".

Phái đoàn chúng tôi rời Đồng Tháp Mười về lại thành phố đúng 9 giờ tối, đầu dây tiếng chuông hô Thiên của ngôi chùa gần lộ từng hồi ngân vang bay bổng theo làn gió, quện vào không gian vũ trụ, làm khơi nhẹ lòng chúng tôi sau hai ngày làm việc cật lực. Tôi thề cầu nguyện cho pháp giới chúng sanh thoát khỏi những cảnh đau buồn để hưởng cảnh an vui Niết Bàn trong đương niệm.

(Tháng 10 - 1995)

## SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG

### • TRUNG THU 95 TẠI HAMBURG:

Khoảng 150 người, trong đó gần một nửa là các cháu, đã hân hoan đến tham dự Tết Trung Thu do Hội Người Việt TNCS tại Hamburg tổ chức từ lúc 15 giờ 30 ngày 14.10.95 tại Haus der Jugend Jenfeld Hamburg. Ông Dương Anh Dũng, Phó Chủ tịch Ngoại vụ, đại diện Ban Chấp Hành chào mừng và cảm ơn quan khách cũng với các bậc phụ huynh đã dẫn con em đến tham dự buổi lễ. Trong dịp này ông cũng trình bày: "... Trung Thu năm nay trở lại lần thứ 20 và cũng là lần thứ 15 kể từ ngày thành lập Hội Người Việt TNCS Hamburg. Đường hướng và lập trường của Hội vẫn là bảo tồn văn hóa và phát huy truyền thống dân tộc, cùng với lập trường rõ ràng do các vị tiền nhiệm tạo dựng, đặt nền móng cho Hội chúng ta trên phương diện chính trị. Về văn hóa, quan trọng nhất là lớp tiếng Việt cho các trẻ em thì vẫn ít được tham gia. Vì vậy chúng tôi kêu gọi quý bậc quý anh chị hãy khuyến khích con em mình ghi tên lớp Việt ngữ. Việc ấn loát sách vở cho lớp tiếng Việt sẽ được thực hiện trong thời gian tới với nhiều cấp trình độ khác nhau. Còn tiếng Việt thì còn văn hóa Việt và còn là người Việt Nam. Đừng để con em chúng ta biết hướng ra đi mà quên mất lối về!..."

Tiết mục chính yếu của ngày lễ là phát quà Trung Thu, lồng đèn và sau đó là buổi rước đèn tung búp bê vui nhộn.

Từ 18 giờ là phần trình bày của nữ Bác sĩ Nguyễn Thiện Thanh Duyên đến từ Lübeck, về cách nuôi dưỡng trẻ con và các chứng bệnh thông thường. Dù không khí trong phòng hội không mấy yên tĩnh, có lẽ vẫn còn niềm vui của tuổi trẻ, nhưng vẫn có nhiều câu hỏi của các bậc phụ huynh trẻ tuổi, cũng như các "chuẩn" phụ huynh hay đang còn độc thân được đưa ra thảo luận. Tất cả đều được cô bác sĩ trẻ trả lời thích đáng. Khách giả cũng rất thích thú và hài lòng, mặc dù những câu trả lời của "cô" bác sĩ dĩ nhiên là trên mặt lý thuyết vì bác sĩ chưa có gia đình! (Tin: PV)

### • TRONG BUỔI GIỚI THIỆU TẬP THƠ TỔ CHỨC TẠI PARIS.

GS Đoàn Viết Hoạt được tuyên dương là một nhà thơ cách mạng, một chiến sĩ của Hòa Bình. Bốn Hội Đoàn tổ chức buổi giới thiệu Tập Thơ do chính Đoàn Viết Hoạt sáng tác trong tù và ấn hành tại Cali. ( Từ Nguyễn, Paris)

Paris, 22.10. Giáo sư Đoàn Viết Hoạt vừa được tuyên dương trong một buổi họp đồng đảo chiều nay tại Paris như là một "chiến sĩ của hòa bình", "đấu tranh bằng những phương thức bất bạo động cho tự do, no ấm của đồng bào thân thương, và của toàn thể nhân dân thế giới".

Buổi họp mặt đồng đảo này do Trung Tâm Âu Châu Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại phối hợp cùng ba hội đoàn ở Paris tổ chức để giới thiệu tập thơ "Tâm Tinh của Đoàn Viết Hoạt" do Phong Trào Nhân Quyền Cho Việt Nam Năm 2000 ấn hành tại Cali. Ba hội đồng tổ chức là Ái Hữu Cựu Giáo sư Sinh Viên Đại Học Đà Lạt, Câu Lạc Bộ Văn Hóa Người Việt Tự Do và Phong Trào Liên Kết Phật Tử Việt Nam Hải Ngoại. Năm mươi tập thơ được Phong Trào Nhân Quyền từ Cali gửi sang đã được bán ra trong dịp này.

Người đã tuyên dương Đoàn Viết Hoạt như trên là Nhà Thơ Hoài Việt khi thay mặt Văn Bút Âu Châu khai mạc buổi họp. Trong bài nói chuyện nhan đề là "Chất Thơ và Tinh Người trong Tập Thơ của Đoàn Viết Hoạt", Hoài Việt còn cho rằng Nhà Thơ Hoàng Hạc, bút hiệu của Đoàn Viết Hoạt, là một người Phật tử chọn thuần, là một người chồng quý vợ thương con, là một người dân hết lòng yêu nước. "Tôi kính phục nhà thơ Hoàng Hạc đã làm nên được những câu thơ sâu sắc mà thật thà mà hồn nhiên để đọc".

### • TIN NHÂN QUYỀN : BS QUẾ VÀ GS HOẠT ĐOẠT GIẢI NHÂN QUYỀN ROBERT F. KENNEDY 1995

Washington DC. Bác sĩ Nguyễn Đan Quế và GS Đoàn Viết Hoạt là hai trong số ba người được cấp Giải Nhân Quyền Robert F. Kennedy năm 1995 vì công trình tranh đấu và cũng vì vậy mà đang bị cầm tù tại Việt Nam.

Người thứ ba được cấp giải Nhân Quyền Kennedy năm nay là ông Kallaash Sayarhi, người đã có công bênh vực các thanh thiếu nhi bị cưỡng bách lao công tại Ấn Độ, theo lời loan báo của ông Edwin Guthman, Chủ tịch của Ủy Ban Tưởng Niệm Robert F. Kennedy.

Giải Nhân Quyền Kennedy này sẽ được bà Robert F. Kennedy, phu nhân của Cố Bộ Trưởng Tư Pháp Robert Kennedy, cùng người em là Thượng Nghị sĩ Edward M. Kennedy trao tặng ngày 15.11.1995 cho các thân quyền hay chính người được giải trong phòng khánh tiết của Thượng Viện Hoa Kỳ, có mặt của cả gia đình dòng họ Kennedy.

### • MỘT NHẠC SĨ NGƯỜI ÁO PHỔ THƠ CỦA NGUYỄN CHÍ THIỆN QUA BẢN DỊCH CỦA TIẾN SĨ BÙI HẠNH NGHI (Từ Nguyễn, Paris)

Frankfurt, Đức, 10.95 - Mười bốn bài thơ của Nhà Thơ Nguyễn Chí Thiện vừa được một nhạc sĩ nổi danh người Áo, Tiến sĩ Guenter Mattitsch, phổ nhạc và được trình tấu tại Nhạc Viện của thành phố Klagenfurt nước Áo đêm 20.10.95. Buổi trình diễn này được thu vào CD để phát hành cuối tháng 11.95.

Mười bốn bài thơ này được phổ nhạc (hợp ca bốn giọng soprano, alto, tenor và basse với phần phụ họa hòa âm của bốn kèn saxophones) qua bản dịch Đức ngữ của Tiến sĩ Bùi Hạnh Nghi xuất bản trong tập *Echo aus dem Abgrund* (Tiếng Vọng Từ Đáy Vực), Edition Fischer xuất bản tại Đức năm 1988 và tái bản năm 1993.

Tiến sĩ Mattitsch cho hay ông có ý định phổ thơ Nguyễn Chí Thiện từ lâu, kể từ ngày ông đọc bài điểm sách *Echo aus dem Abgrund* trên Tuần Báo *Die Zeit* xuất bản tại Hamburg, Đức Quốc, nhưng nay mới làm xong

*Die Zeit* số ra ngày 1 tháng 9 năm 1988 đã dành cho *Echo aus dem Abgrund* một bài điểm sách dài của Nhà Văn Hans Christoph Buch, trong đó tác giả trích dẫn nhiều đoạn thơ Nguyễn Chí Thiện và đã đặc biệt tán thưởng bài *Das bemoste Boot* (Con Tàu Rêu) mà ông cho là có văn phong và âm hưởng tương tự như bài *Le Bateau Ivre* của Rimbaud, nhà thơ Pháp. Trong điện thư gửi ngày 12 tháng 10.1995 để mời ông bà Bùi Hạnh Nghi tham dự buổi trình tấu, Nhạc sĩ Mattitsch cho biết thêm trong thời gian phổ nhạc, ông đã cảm thấy rất gần gũi với Nguyễn Chí Thiện và mỗi tương giao mặt thiết này đã gợi hứng cho ông rất nhiều.

Mười bốn bài thơ đó là:

1. Tôi khao khát một tình yêu thuần khiết 2. Những cay đắng quen mùi không biết sợ 3. Trong chiếc vòng trời mây cây lá 4. Mộng sắp tàn đời kiệt ốm nhom 5. Trời u ám cây hay là Xương Xám 6. Tôi không tiếc khi bị đời sa thải 7. Thơ của tôi không phải là thơ

8. Nền trời đêm dù thâm thẳm ngòm sâu (Đồng Lầy) 9. Ánh chiều loang lổ vằng trên thảm cỏ 10. Trái tim tôi quán nghèo gió lọt (Trái tim tôi) 11. Đêm rừng rả rích mưa phòng dột 12. Không một chỗ trên con tàu quả đất 13. Hồi tất cả những chân trời sáng chói (Đồng Lầy), và 14. Tôi vẫn mơ hoài một giấc mơ.

Để bạn đọc có thể hỏi thêm chi tiết về CD Nguyễn Chí Thiện nói trên xin liên lạc trực tiếp với Dr Guenter Mattitsch, Dr. Alfred Leopoldgasse 9 a-9020 Klagenfurt, Austria, Fax. 0463 241604

### • GIẢI VĂN CHƯƠNG Á CHÂU 1995

Tin Văn Bút Paris: Ngày 6 tháng 10 vừa qua, Hội Nhà Văn Pháp Ngữ (Association des Ecrivains de Langue Française, ADELFF) đã triệu tập Ban Tuyển Chọn Giải Văn Chương Á Châu 1995 (Prix de l'Asie 1995), gồm có các ông: Giáo sư Edmond Jouve, Chủ tịch Hội ADELFF, Nhà văn Ferdinand Deleris, Hội viên đặc trách Giải hường Á Châu. Bà Marianne Bastid-Braguère, Giáo sư Đại Học, trong Hội đồng Quốc Gia Giám Sát (CNRS), Giáo sư François Joyaux, của Đại Học Sorbonne, Giáo sư Marc Reihorn, chuyên về Đông Dương, Tiến sĩ Thái Văn Kiểm, trong Viện Hàn Lâm Khoa Học Pháp Quốc Hải ngoại.

đã họp tại trụ sở của Hội ADELFF, 14 đường Broussais, Paris 14, để xem xét và thảo luận về mười (10) quyển sách nói về Á Đông, và đã xuất bản trong năm nay.

Ban Tuyển Chọn, sau khi đã nhận và đọc sách trong 2 tháng Hè vừa qua, đã thay phiên cho biết ý kiến về mỗi quyển, rồi mới thảo luận rất kỹ về ba phương diện nội dung, kỹ thuật và nghệ thuật, sau hết bầu phiếu kín, để đi đến kết quả là trao tặng Giải Nhất cho quyển:

*Premier Prix d'Asie 1995* (Giải nhất Văn Chương Á Châu: *Pierre Brocheux et Daniel Hemery: Indochine une Colonisation Ambigue* (1858-1954) La Découverte, Paris.

Sách này phác họa một cách vô tư và chính xác 96 năm đô hộ Pháp ở Đông Dương với một chính sách không minh bạch (ambigue), gây nhiều hiểu lầm và oán hận cho các dân tộc Đông Dương, tuy nhà cầm quyền ở địa phương đã cố gắng phần nào đem lại cho họ nhiều cải cách rụt rè và chậm chạp, thành ra không theo kịp cuộc tiến hóa rất nhanh của thời cuộc thế giới, khiến cho chiến tranh cách mạng phát nổ dữ dội, lâu dài, bất lợi cho cả đôi bên. Và

mặc dầu đế quốc Pháp đã rút lui "người ta chưa tìm thấy hình thức nhân bản của tiến bộ".

Chúng tôi được biết nhà văn Pierre Brocheux là Giáo sư thực thụ của Đại Học Đường Paris, rất thông thái về ngành Chính trị học, Xã hội học và Nhân chủng học Á Đông, rất thông thạo tiếng Việt, rất có hiểu với Mẹ là người Việt. (Từ Nguyễn)

## • HỘI CHUYÊN GIA VIỆT NAM : BẢN THÔNG TIN BÁO CHÍ

Trong hai ngày 25 và 26 tháng 11 năm 1995 vừa qua, Hội Chuyên Gia Việt Nam đã tổ chức Đại Hội Âu Châu kỳ hai tại Frankfurt, Đức Quốc, với chủ đề "Cùng tìm một hướng phát triển cho Việt Nam".

Vị thế của nước Đức khá đặc biệt, nằm tiếp giáp với Đông Âu. Frankfurt đóng vai trò rất quan trọng trong lãnh vực giao thông, kinh tế, thương mại. Frankfurt là một trong những thị trường chứng khoán quốc tế, là trung tâm phát hành tiền tệ của Liên Bang Âu Châu. Frankfurt còn là quê hương của đại văn hào quá cố Goethe.

Những hội đoàn cấp liên bang sau đây đã gửi đại diện đến dự Đại Hội Âu Châu kỳ hai: Hội Phật Tử Người Việt Ty Nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức, Liên Hội Người Việt Ty Nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức, Liên Minh Quang Phục Việt Nam, Liên Minh Việt Nam Tự Do, Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam / Xứ Bộ Đức Quốc, Cộng Đồng Người Việt tại Frankfurt và vùng phụ cận, Tổ Chức Sinh Hoạt Người Việt Ty Nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức, Diễn Đàn Dân Chủ Việt Nam, Tổ Chức Dân Chủ Việt Nam, Phong Trào Đấu Tranh Thanh Niên Tự Do.

Đặc biệt, đảng cầm quyền CDU tại Frankfurt đã gửi đại diện là ông Gerd Riecheimer đến chúc mừng Đại Hội thành công.

Hai ngày Đại Hội đã quy tụ khoảng 350 tham dự viên đến từ những quốc gia như Pháp, Thụy Sĩ, Bỉ, Hòa Lan, Anh Quốc, Đan Mạch, Na Uy, Hoa Kỳ cũng như tại Đức, trong đó có những bác sĩ Đức và đã được các cơ quan truyền thông & báo chí Việt Nam tại Hải Ngoại theo dõi.

Chương trình Đại Hội gồm các buổi hội thảo "Văn Hóa và Phát Triển", "Tư Xã Hội Chủ Nghĩa sang Dân Chủ Tự Do", "Những Chuẩn Bị Căn Thiết Trong Thời Kỳ Phát Triển", và "Y Tế Trong Buổi Giao Thời". Phần thuyết trình qui tụ nhiều diễn giả đa diện, thuộc nhiều khuynh hướng khác nhau và đã được nối tiếp bằng những cuộc thảo luận nhiệt thành, tích cực và cởi mở trong tinh thần đa nguyên và hòa đồng.

Những cuộc thảo luận xoay quanh các ý chính sau đây:

- Phát triển không thể nào tách rời với chiều sâu văn hóa,
- Phát triển phải tôn trọng những giá trị căn bản,
- Nhu cầu xây dựng dân chủ để làm nền tảng vững chắc cho phát triển,
- Nhu cầu chuẩn bị cho giai đoạn chuyển tiếp khi chế độ độc tài chuyên chính hiện nay cáo chung.

Các hội thảo viên cũng quan tâm tới một số vấn đề cấp thời phải giải quyết trong giai đoạn chuyển tiếp: Đó là xây dựng dân chủ, lấy lại niềm tin của quốc dân, chỉnh trang lãnh thổ để chuẩn bị phát triển, xây dựng một mạng lưới y tế hữu hiệu và công bằng.

Hội Chuyên Gia Việt Nam sẽ tiếp tục tạo ra những diễn đàn tương tự để trao đổi quan điểm trong tinh thần tương thân tương kính giữa những cá nhân cũng như tổ chức người Việt quan tâm đến tương lai Việt Nam.

## • ỦY BAN ĐỨC VIỆT CHO DÂN CHỦ TẠI VIỆT NAM

Bài phát biểu của Phan Thị Trúc Phương trong buổi ra mắt "Ủy Ban Đức Việt Cho Dân Chủ tại Việt Nam" ngày 04.11.1995 tại chùa Viên Giác, Hannover.

Kính thưa Ban Tổ Chức,

Kính thưa quý vị đại biểu các đoàn thể, đảng phái, tổ chức, tôn giáo, Thưa các bạn tham dự,

Tôi tên là PHAN THỊ TRÚC PHƯƠNG, một người Việt ty nạn đang sinh sống tại vùng Erlangen miền nam nước Đức, xin nói lên một vài cảm tưởng về buổi ra mắt ngày hôm nay của Ủy Ban Đức-Việt Cho Dân Chủ tại Việt Nam

Sự kết hợp của nhiều hội đoàn, đoàn thể, tổ chức của người Việt ty nạn trong thời gian gần đây trên bình diện Âu Châu đã được thể hiện vào cuối tháng 8.1995 là một việc quan trọng, vì đã phần nào nói lên sự kết hợp của người Việt tại Âu Châu qua sự tham dự của nhiều người trẻ đến Đức xin ty nạn trong thời gian vài năm gần đây. Điểm son này là kết quả của nhiều cuộc vận động và cũng là hậu quả tất yếu của "Ủy Ban 20 Năm Một Thế Hệ", một liên minh của nhiều hội đoàn, tổ chức tại Âu Châu.

Các sự kiện lịch sử nổi bật trong thời gian cuối năm 1994 và đầu năm 1995 tại Việt Nam là Cộng Sản Việt Nam gia tăng đàn áp Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, điển hình qua việc bắt giữ các Hòa Thượng Thích Quảng Độ và Thích Huyền Quang... Cộng Sản Việt Nam những tưởng càng tăng cường đàn áp Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất bao nhiêu thì chúng sẽ càng dễ dàng giữ vững chức vụ và quyền lợi riêng tư của họ bấy nhiêu. Nhưng không! Họ đã làm! Việc đàn áp này cùng với sự đàn áp các tôn giáo khác, sự đàn áp các tổ chức đòi dân chủ, nhân quyền, tự do trong nước lại là

một trợ duyên đắc lực hữu hiệu để mọi tôn giáo, mọi tổ chức, mọi nhóm tại Việt Nam và hải ngoại có nhiều cơ hội tiếp xúc chặt chẽ hơn, có nhiều cơ hội ngồi chung với nhau nhiều hơn, có nhiều cơ hội liên kết hơn, có nhiều cơ hội vạch ra các mục tiêu, đường lối và phương cách đồng động ngắn hạn cũng như dài hạn hơn. Việc Cộng Sản Việt Nam đàn áp Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất là một chất xúc tác để không những đưa đến sự căm thù nhau hơn của các tổ chức Việt Nam, vì các tổ chức này cùng tranh đấu cho một mục tiêu chung mà còn đưa đến sự thành lập Ủy Ban ĐỨC-VIỆT Cho Dân Chủ tại Việt Nam trong tháng qua.

Sự việc Ủy Ban được thành lập với sự tham dự của người Việt Nam đang xin ty nạn, người Việt Nam mang quốc tịch Đức, người Đức, người Việt Nam sống tại Đức, người Việt Nam sống tại Âu Châu v.v... mang một ý nghĩa quan trọng, vì đó là sự kết hợp hoạt động của các nhân sĩ, của các đảng phái, tổ chức và bất cứ cá nhân nào sống tại quốc gia có truyền thống tự do dân chủ lâu đời là Cộng Hòa Liên Bang Đức mà không phân biệt chủng tộc. Sự việc ngày hôm nay Ủy Ban ra mắt trước quần chúng đông đủ gồm người Đức, người Việt tại Chùa Viên Giác cũng mang một ý nghĩa hệ trọng. Đó là sự biểu hiện cho biết những người cùng chung một lý tưởng tranh đấu cho dân chủ tại Việt Nam đã đoàn kết lại mà không phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo. Bước tiến nổi bật này vào cuối năm 1995 này cho thấy 20 năm sau ngày cộng sản Việt Nam cưỡng chiếm toàn thể lãnh thổ vẫn không khuất phục được lòng dân mà lại càng thúc đẩy người dân trong nước, người dân ngoài nước và tất cả những người không mang quốc tịch Việt Nam nhưng yêu dân chủ, tự do và nhân quyền kết hợp lại. "Hợp quần gây sức mạnh". Sức mạnh đó sẽ đem đến tự do, hạnh phúc và nhân quyền cho người dân Việt Nam đã và đang chịu nhiều đau khổ, đàn áp do Cộng Sản Việt Nam gây ra. Chúng ta hãy cùng xiết chặt tay ủng hộ Ủy Ban ĐỨC-VIỆT Cho Dân Chủ Tại Việt Nam. Ủng hộ cho mục đích của Ủy Ban này cũng là một phương cách hữu hiệu thu ngắn đường về quê hương, một cách hữu hiệu trong sự nghiệp quang phục tổ quốc thân thương của chúng ta.

Xin thành thật cảm ơn Ban Tổ Chức,

Xin thành thật cảm ơn quý vị đại biểu và các bạn.

## • VIỆC ĐƯA NGƯỜI VIỆT NAM VỀ NƯỚC TẠI TIỂU BANG BAYERN

### • Cách hành xử tại Bayern:

Vấn đề thực hiện việc đưa người về được trao lại toàn quyền cho các Sở ngoại kiều địa phương. Ngày 19.9.95 không một lời giải thích hay báo trước, Sở ngoại kiều München thu lại tất cả Duldung của người Việt đã hết tòa và thay bằng giấy đòi phải rời khỏi nước Đức (ta thường gọi là Giấy Trắng) và mỗi người phải điền vào 2 mẫu đơn để cho phía Việt Nam xử dụng. Nhưng vì không biết 2 mẫu đơn này để làm gì cũng như họ phải trả lời một số các câu hỏi khó khăn (như những dữ kiện cá nhân của thân nhân tại Việt Nam và ngoại quốc, mục đích sang Đức...), nên không phải tất cả đều điền vào 2 mẫu đơn này. Sở ngoại kiều đã nhiều lần thay đổi cách hành xử đối với những người không khai đầy đủ vào các mẫu đơn, nên người Việt ty nạn không thể biết những gì sẽ còn xảy ra với họ và sau đó là những cuộc nói chuyện qua điện thoại của Caritas ngày 19.9.95 với bà Zellner và ngày 26.9.95 với ông Lindner nhân viên Sở ngoại kiều.

- Thẻ thực đưa về đối với những người Việt ty nạn không rõ ràng và gây hoang mang.

- Phản đối của người Việt ty nạn tại Bayern.

- Caritas phản đối - Các Thị trưởng và ông Ombudsmann can thiệp. Sau những phản đối liên tiếp của Caritas lên Sở ngoại kiều, bà Thị trưởng Burkert, ông Thị trưởng Ude và ông Ombudsmann đã can thiệp vào vấn đề. Theo chỉ thị từ Bộ Nội Vụ thì từ ngày 05.10.95 những người Việt ty nạn sẽ không phải nhận "Giấy Trắng" nữa mà sẽ tiếp tục Duldung.

- Caritas hoan nghênh việc chấm dứt đưa tờ "Giấy Trắng", nhưng người Việt ty nạn vẫn còn gặp khó khăn.

- Caritas đòi hỏi thực hiện việc đưa về nước một cách công bằng và tôn trọng nhân phẩm.

- Chỉ tiêu cụ thể cho từng Tiểu Bang và một đường lối cụ thể cho Liên Bang.

- Thống nhất qui chế tại Bayern.

Và sau đây là việc làm của một số Dân biểu, Luật sư, cá nhân, của Ủy ban Lao động Neuperlach, Ban ty nạn và của Caritas thuộc Tiểu Bang Bayern lên tiếng và can thiệp trực tiếp vào việc thực hiện Hiệp Định đưa người Việt Nam về nước một cách tùy tiện thiếu công bằng và không tôn trọng nhân phẩm:

1. Thư của Dân biểu Elisabeth Kohler thuộc Quốc Hội Bayern (Liên Minh 90/Dang Xanh) gửi ông Vetter đặc uỷ viên về bảo vệ dữ kiện cá nhân thuộc Tiểu Bang Bayern: Về việc bảo vệ dữ kiện cá nhân cho những người Việt Nam việc hành xử của các Sở ngoại kiều Bayern trong qua trình thực hiện Hiệp Định đưa người Việt trở về.

2. Thư của Luật sư Bernhardfricke, thành viên Hội đồng thành phố München gọi ông Tỉnh trưởng Christian Ude, tòa thị chính München: Một số câu hỏi theo điều 68, GO. Về vấn đề thực hiện Hiệp Định ký ngày 21.7.95 giữa 2 chính phủ CHLB Đức và CHXHCN Việt Nam về việc nhận lại những công dân Việt Nam.

3. Ông Schlichtmeier - Wilhelm Hoegner Str. 23 - 81731 München, gửi Quốc Hội Bayern - Maximilianeum - 81627 München: Kiến nghị thư theo

điều 155 của Hiến Pháp Tiểu Bang Bayern cho việc thực hiện công bằng Hiệp Định đưa người về nước được ký kết ngày 21.7.95 giữa 2 chính phủ CHLB Đức và CHXHCN Việt Nam.

4. Ủy ban Lao động Neuperlach - Ban ty nạn, gởi Giám đốc Ủy ban hành chính tỉnh: Ông Tiến sĩ Hans Peter Uhl, Sở ngoại kiều thuộc KVR.

5. Thông cáo báo chí của Caritas giáo phận München và vùng phụ cận.

(Hà Văn Hôn - 83022 Roseheim)

## • DỰ ÁN LẬP ĐỀN THỜ QUỐC TỔ HÙNG VƯƠNG TẠI ÂU CHÂU

Năm 1991 Hội người Việt Cao Trung Niên tại Bỉ đưa đề nghị cộng đồng người Việt ở Âu Châu cùng chung sức đóng góp lập một đền thờ bái vọng Quốc Tổ HÙNG VƯƠNG nơi thủ đô Âu Châu là Bruxelles. Đề nghị này đã được toàn thể tán thành và quyết định sẽ phổ biến rộng rãi và kêu gọi đồng bào hưởng ứng.

Bản Điều Lệ đã được đăng trên công báo của Vương quốc Bỉ năm 1991.

Dự án "Lập đền thờ Quốc Tổ HÙNG VƯƠNG" nhằm mục đích:

- Có nơi trang nghiêm thờ cúng tưởng niệm công ơn Quốc Tổ dựng nước và các vị anh hùng liệt nữ dày công giữ nước, mở mang bờ cõi.

- Hàng năm người Việt ở Âu Châu cùng nhau tụ hội tế lễ Quốc Tổ, có dịp gặp gỡ nhau, tạo tình đoàn kết, tương thân tương ái, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

- Là trụ sở của Ban Đại Diện Cộng Đồng sẽ thành lập trong tương lai.

- Là nơi ghi dấu thời kỳ ty nạn lưu vong đất khách quê người. Khi trở về cố hương còn lưu truyền cho những người ở lại và các thế hệ tiếp nối còn sinh sống tha phương để nhắc nhở nguồn gốc dân tộc.

Đền thờ Quốc Tổ HÙNG VƯƠNG sẽ được xây dựng tại Bruxelles Vương quốc Bỉ, vì:

- Bruxelles là thủ đô Âu Châu, tiện đường đi lại cho người Việt toàn Âu Châu.

- Nhà đất ở Bỉ rẻ hơn các nơi khác.

Mọi chi tiết về dự án vận động xây cất, hình thức tổ chức, điều hành, vận động tài chánh..., xin liên lạc trực tiếp với:

Bà Hoàng Thị Thu, A.S.B.L. - A.V.I.P.A., Hội Cao Trung Niên  
37, rue Croix de Fer - 1000 Bruxelles - Belgique

## • ĐẠI HỌC HÈ 1996, KHÓA I, ORSONNENS, THỤY SĨ

**I. Đại học hè :** là một sinh hoạt văn hóa hàng năm do Trung Tâm Nguyễn Trường Tộ thực hiện, nhằm:

- Tạo môi trường gặp gỡ giữa các bạn trẻ Việt Nam hải ngoại không phân biệt tôn giáo.

- Công hiến một chương trình đào tạo căn bản về các kiến thức nhân bản, văn hóa Việt Nam tổng quát, các bộ môn về sinh hoạt cộng đồng và phát triển nhân cách.

**II. Thời gian, địa điểm, nội dung :** - Kéo dài 1 tuần từ mùng 4 tới 11.8.96. Tại Tu Viện Dòng Xitô Việt Nam, 1693 Orsonnens, Thụy Sĩ. Tel. (037) 53 19 60. (Địa điểm nằm giữa hai thành phố Fribourg và Lausanne), với chủ đề "Dân Vào Văn Hóa Việt Nam" sẽ gồm nội dung chi tiết như sau:

- Các huyền thoại dựng nước, văn đề văn hiến - Tiếng Việt, chữ Việt - Việt Nam ở 10 thế kỷ đầu - Ca, vũ, nhạc cổ truyền Việt Nam - Nghệ thuật tạo hình Việt Nam - Năng động tập thể và sinh hoạt cộng đồng - Võ thuật, thực tập nghệ thuật trình diễn văn nghệ, gia chánh.

- Ban giảng huấn và hỗ trợ sinh hoạt : - Lm Vũ Đình Trác, Gs Lê Hữu Mục, Gs Võ Long Tế, Gs Nguyễn Lý Tường, Gs Đỗ Mạnh Tri, Gs Trần Văn Đoàn, Gs Nguyễn Hữu Doãn, Nghệ sĩ Bích Thuận, Họa sĩ Đỗ Bình và một số giáo sư, võ sư, chuyên viên và hỗ trợ viên khác.

**III. Điều kiện ghi danh :** - Từ 18 tuổi trở lên

- Thời gian ghi danh: Từ 01.01.1996 tới 31.3.1996. Chỉ nhận tối đa 80 học viên. Ưu tiên cho người ghi danh trước. - Phí ăn, ở, sinh hoạt cho toàn khóa: 150 Mỹ kim (hoặc tương đương). - Khi ghi danh, tạm ứng trước tối thiểu 50 Mỹ kim (hay tương đương).

**IV. Địa chỉ liên lạc :** Ban tổ chức Đại học hè, 2B rue de la Bruche, 67116 Reichstett - France - Tel. 88205822. Fax 88201334

## THÔNG BÁO

## • LỊCH TREO TƯỜNG VÀ TỬ VI

Lịch treo tường và Tử Vi năm Bính Tý 1996, có ngày Âm Dương đối chiếu đã có tại Chùa Viên Giác, cũng như các Chùa tại Đức và các Chi Hội Phật Tử tại các địa phương.

Giá thành tại Chùa Viên Giác, tại các Chùa và tại các Chi Hội như sau:

- Lịch treo tường : Hai Mươi Đức Mã - Lịch Tử Vi : Hai Mươi Lam Đức Mã

Nếu Chùa nhận được tiền trước, gửi lịch đi thì giá thành + tiền cước + bao bì, như sau:

- Lịch treo tường : Hai Mươi Tám Đức Mã - Lịch Tử Vi : Hai Mươi Tám Đức Mã

Còn gửi theo cách Chuyển Hóa Giao Ngân (CHGN) (Nachnahme) thì:

- Lịch treo tường : Ba Mươi Bốn Đức Mã - Lịch Tử Vi : Ba Mươi Lam Đức Mã

Ban phát hành kính sách chúng tôi nhận thấy gửi theo cách CHGN thì tiền cước phí quá đắt. Do đó, đề nghị quý vị nên gửi tiền trước về cho chúng tôi bằng ngân phiếu (Check), hoặc tiền mặt có gói kỹ, bỏ trong bao thư hoặc chuyển vào Konto như sau:

Cong. Ver. VN Buddh. Kirche -  
Konto Nr. 109594-307 - BLZ. 250 100 30 -  
Postgiroamt Hannover

Trong thư, hoặc trên phiếu chuyển tiền xin ghi rõ loại lịch và số lượng để khỏi bị nhầm lẫn. Khi nhận được tiền chúng tôi sẽ gửi lịch ngay cho quý vị. Kính mong quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần ủng hộ cho.

## • SÁCH MỚI

Trong năm 95 vừa qua mặc dầu công việc Phật sự đa đoan, nhưng Thượng Tọa Thích Như Điển đã hoàn thành được 2 tác phẩm tiếng Việt và 1 tác phẩm tiếng Đức do Hạnh Tấn dịch.

Sách đã in xong tại Chùa Viên Giác gồm 2 cuốn. Đó là: "Vụ Án Một Người Tử". Đây là một cuốn tiểu thuyết có tính cách trinh thám. Đọc sách, quý vị sẽ hồi hộp, lo lắng v.v... về mọi vấn đề trong xã hội như: văn hóa, đạo đức, tình cảm, tôn giáo, 2 mặt của Đạo Đời... Sách dày 212 trang. Bìa in 4 màu rất đẹp.

Quý vị nào muốn có sách, xin gởi về Chùa : Mười Ba Đức Mã, Chùa sẽ gởi đến tận nhà của quý vị. Quý vị không nên bỏ qua cuốn sách đặc biệt này. Đây là tác phẩm thứ 19.

Tác phẩm thứ 20 do Hạnh Tấn dịch ra Đức ngữ từ sách "Chùa Viên Giác" đã xuất bản năm 94. Sách dày 280 trang. Bìa in 4 màu tuyệt đẹp. Sách được sự tài trợ của Bộ Nội Vụ Đức. Tuy nhiên để góp thêm phần bao bì và tem thư, xin quý vị gởi : Mười Đức Mã về Chùa để có sách. Đây là quyển sách để biếu tặng cho những người Đức muốn tìm hiểu về Đạo Phật cũng như về ngôi Chùa Viên Giác tại Hannover. Quyển sách này cũng là quyển dành riêng cho những người Việt Nam muốn hiểu thêm về những danh từ Phật học bằng Đức ngữ. Xin đừng quên sách này.

Tác phẩm thứ 21 của Thượng Tọa viết về "Chùa Quan Âm" tại Canada. Sách này có tính cách lịch sử của ngôi chùa, nên chỉ phát hành tại Canada và trong năm 1996 vào mùa an cư kiết hạ. Thượng Tọa Thích Như Điển sẽ viết tác phẩm thứ 22 bằng tiếng Việt và Đức về "Phật Giáo Và Con Người" (Buddhismus und Mensch). Quyển này hy vọng sẽ xong vào cuối năm 1996. Kính mong quý vị đón xem.

## • TÂN BAN CHẤP HÀNH CHI HỘI PHẬT TỬ VNTN TẠI TÜTTLINGEN - ROTTWEIL VÀ VPC, NHIỆM KỲ 1996 - 1998.

- Chi Hội Trưởng: Thị Thiện Nguyễn Tiến Vinh

- Chi Hội Phó Nội Vụ: Thiện Như Võ Văn Hùng

- Chi Hội Phó Ngoại Vụ: Thiện Liễu Huỳnh Nghiệp Thanh

- Thư Ký: Thiện Mãn Nguyễn Hữu Han

- Thủ Quỹ: Thiện Sơn Hùng Thực Kim

Địa chỉ liên lạc: Herrn NGUYEN, Tien Vinh, Dr. Helmut Jungahauss Str. 62, D- 78713 Schramberg - Tel. 07422 - 54125

## • BAN CHẤP HÀNH CHI HỘI PHẬT TỬ VNTN TẠI KARLSRUHE VÀ VPC

hết nhiệm kỳ, đã họp bầu lại ngày 29.10.1995 và đã lưu nhiệm Ban Chấp Hành cũ vào nhiệm kỳ 1996-1998, như sau:

- Chi Hội Trưởng: Thiện Nghĩa Đào Trọng Hiếu

- Chi Hội Phó Nội Vụ: Đạo Hữu Trương Quang Thanh

- Chi Hội Phó Ngoại Vụ: Đạo Hữu Nguyễn Văn Thành

- Thư Ký: Thiện Mỹ Lương Văn Xinh

- Thủ Quỹ: Đạo Hữu Ngô Minh Huệ

Địa chỉ liên lạc: Herrn ĐÀO, Trọng Hiếu - Insterburger Str. 21.C  
D- 76139 Karlsruhe - Tel. 0721 - 68 19 66

Nhan dịp này, thay mặt Hội Phật Tử Việt Nam Ty Nạn, chúng tôi xin chào mừng Tân Ban Chấp Hành và cầu chúc quý Đạo Hữu gặt hái được nhiều thành quả trong công việc Phật sự.



# HỘP THƯ VIÊN GIÁC

**T**rong thời gian vừa qua, Viên Giác đã nhận được những thư tín, tin tức, tài liệu và bài vở của Quý vị, Tổ chức và Hội đoàn các nơi dưới đây. Viên Giác xin chân thành cảm tạ. Riêng những sáng tác của Văn-Thị-Hữu gửi về, chúng tôi đã chuyển đến Ban đọc và chọn đăng. Xin chân thành cảm tạ và đón nhận những sáng tác mới.

Đan Hà (Đức), Dr. Nguyễn Tối Thiện (Pháp), Bs. Trương Ngọc Thanh, Ds Trương Thị Mỹ Hà (Đức), Hoàng Trọng Nghĩa (Nga), Thượng Tọa Huyền Tôn (Úc), Thiện Nguyễn Hoàng Đôn Trình (Đức), Đỗ Quang Nghĩa (Đức), Trần Đăng (Đức), Phương Hà, Long Thanh (Bỉ), Đàm Uyên Phạm Hà Thanh (Hòa Lan), Hiếu Đệ (Mỹ), Thành Lê (Đức), Hương Giang Thái Văn Kiểm (Pháp), Ngọc Minh (Đức), Thanh Bình (Suisse), Phan Hưng Nhơn (Đức), Huy Giang (Đức), Phan Ngọc (Đức), Người Gấm Biên (Đức), Quang Kính (Đức), Nguyễn Thị Thục (Đức), Sư Cô Như Viên (Đức), Phạm Thăng (Canada), Thiện Can Phạm Hồng Sáu (Đức), Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế (Pháp), Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn (Úc), Hồng Nhiên (Đức), Nguyễn Văn Ba (Mỹ), Trần Thị Nhật Hưng (Suisse), Quỳnh Hoa (Đức), Từ Hùng Trần Phong Lưu (Đức), Thích Chúc Từ (Việt Nam), Lê Văn Giao (Việt Nam), Lê Thị Bạch Nga (Canada), Nguyễn Long Quân (Pháp), Thúy Trúc (Mỹ), Bảo Văn Bùi Văn Bảo (Canada), Trúc Đình (Đức), Tùy Anh (Đức), Trần Thị Kim Chung (Canada), Huỳnh Hữu Cửu (Mỹ), Người Quan Sát (Đức), Roland Berthold (Berlin/Đức), Nguyễn Đức Hoàn (Pháp), Huyền Thanh Lữ (Đức), Thiện Nghĩa (Đức), Sư Huỳnh Hà Đâu Đồng (Đức), Tâm Hoan (Pháp), Bé Ngọc (Đức), Vĩnh Liêm (Mỹ), Nguyễn Hoàng Bảo Việt (Thụy Sĩ), Hồ Trọng Khôi (Pháp), Nguyễn Song Anh (Đức), Hoàng Minh Ngọc (Đức), Việt Nhân (Đức), Hoàng Thị Thu (Bỉ), Hồ Anh Tuấn (Đức), Ý Nga (Ý), Sơn Hải (Đức), Phan Thế Nghiệp (Pháp), Hội Chuyên Gia Việt Nam (Phân Hội Đức), Hà Huyền Chi (Mỹ), Nguyễn Văn Thành (Đức), Đỗ Khắc Hùng (Thụy Sĩ), Trịnh Quang Khánh (Đức), Nguyễn Chinh Nghi (Đức), Phạm Hồng Lam (Đức), Võ Đức Tiến (Hòa Lan), Nguyễn Nhung (Đức), Phương Hoa Thu Thảo (Đức).

## Thư Tín:

- Anh Việt Nhân (Đức): Bài "Cảm nghĩ sau một chuyến về thăm Việt Nam" lý thú lắm, nhưng bài đã đăng ở Báo Diễn Đàn Việt Nam (Đức) số 54 - tháng 10/95. Xin anh gửi cho những bài mới. Thành thật cảm ơn anh (VG).

- Bà Trần Thị Kim Chung (Canada): Bài thơ thất ngôn bát cú "Thu Về Hoài Cảm" rất súc tích, nhưng tiếc là bài gửi đến khi báo Viên Giác 89 về mùa thu đã lên khuôn. Bài "Huế và Thơ" về hò và chuyển ra thơ đã cho đăng trong số này. Cảm ơn và xin bà gửi cho những sáng tác mới. Kính (PV).

- Em Phương Hoa Thu Thảo (Đức): Đã nhận được thơ của em. Nếu bài: "Lòng Mẹ" được gửi vào dịp Vu Lan thì thơ của em đúng vào chủ đề và chắc chắn là sẽ được giới thiệu cho độc giả thưởng ngoạn. Viên Giác có mấy chủ đề thường xuyên: Xuân, Phật Đản, Vu Lan và Quê Hương Dân Tộc. Nhớ gửi tiếp những bài mới. Thân (PV).

- Anh Nguyễn Tấn Hưng (Hoa Kỳ). Cảm ơn anh đã gửi cho 2 tập nhạc và các băng thơ nhạc của anh. Theo như anh ghi trong thư có 2 truyện "Rực Rỡ Đêm Xuân" (cho Xuân VG) và "Duyên Tình Đêm Trăng Tô" (cho số Tân Niên VG). Thế mà lục tới lục lui tìm hoài chẳng thấy. Sao chơi khăm anh em quá vậy. Anh đã quên bỏ bài vào trong phong bì? Sau đó tôi có viết thư trả lời cho anh rõ sự

việc. Anh ngao du ở phương nào mà đến nay số Xuân VG đã phát hành mà bài vở của anh chẳng có! Tôi sẽ chuyển những lời than phiền của độc giả mến mộ đến cho anh sau. Còn thì giờ cho số Tân Niên, xin anh nhớ gửi bài cho. Cảm ơn. Thân (PV).

## Trả lời Thư Tín:

- Chị Trần Thị Nhật Hưng (Thụy Sĩ): Bài "Tự Truyện Của Một Người Mới Tu Học" hay lắm. Chắc chắn là có nhiều "độc giả" cùng tu trong khóa Tu Học Âu Châu kỳ 7 tại Đan Mạch nhớ lại những kỷ niệm khó quên. Bài được "đi" trong số tới với... một đoạn PV cắt riêng để gửi lại cho Chị sau. (Nói nhỏ riêng cho Chị nghe, PV không cắt riêng thì Thầy chủ nhiệm cũng... cắt xén! Cây dao kiểm duyệt của Thầy cũng bén lắm). Mong chị thông cảm.

Đọc "Nhạc Hội... Xuân Muộn" do "bà bầu" đảm trách cũng vui lắm. Mong gặp. Thân (PV).

\* Lưu ý chung:

*Xin lưu ý quý Văn, Thi-Hữu, bài đã gửi cho các báo khác, xin đừng gửi cho Báo Viên Giác và ngược lại. Thành thật cảm tạ. (VG).*

Ngoài ra trong thời gian vừa qua, Chùa Viên Giác đã nhận được những kinh, sách, báo chí của các Chùa, các Tổ chức, Hội đoàn và các Văn-Thị-Hữu khắp nơi gửi về biếu. Viên Giác xin chân thành cảm ơn và trân trọng giới thiệu đến quý độc giả xa gần:

- Đức: Diễn Đàn Việt Nam số 54, 55, 56; Bản Tin Đức Quốc 9/95, 11/95, 10/95; Việt Nam Liên Minh 9/95; Dân Chúa Âu Châu số 156, 157, 158; Sinh Hoạt Cộng Đồng số 10/95, số 93; Việt Nam Đi Tới 10/95; Kháng Chiến số 150; Die fliedenden Blaetter 8/95: Buddha Licht Nachrichten Nr.9; Entwicklung und Zusammenarbeit 10/95, 36; Dân Chủ cho Việt Nam số 6; Thông Tin VID số 7&8, 9&10; Thiện Chí số 33, 34, 35; Dân Việt số 17, 18; Deutsches Ingenieur Blatt Nr.3; Diễn Đàn Tự Do Dân Chủ số 7; Betrifft 4/95; Hy Vọng số 17; Cảnh Ấn số 49, 50; Cao Đài Giáo Lý số 36; Tia Sáng số 28; Dân Văn số 53; Thông Tin số 12; Development and Cooperation Nr.6; Développement et Coopération No.6; Phật Quang Thế Kỳ (Bản Đức ngữ); Niềm Tin số 1+2.
- Pháp: Đặc San Hoa Sen 8/95; Bản tin Phong trào LKPTVNHN số 10/95; Thời Báo số 36, 37; Liên Minh Việt Nam số 10/95; Định Hướng số 8; Kháng Chiến số 151; Sự Thật số 10; Bản Tin Khánh Anh tháng 10/95; Nhân Bản số 221; Bông Sen Âu Châu số 24; Amour et liberté - Hoài Việt.
- Anh: Hé mở cửa giải thoát - Linh Sơn tự; Những cánh hoa dằm - Linh Sơn tự.
- Bỉ: Việt Nam Liên Minh 11/95.
- Thụy Sĩ: Mục Vụ số 141, 142, 143.
- Hòa Lan: Việt Nam Nguyệt San số 106, 107; Đặc San Khoa Học Tập 4.
- Nga: Thảo Đường số 14, 15.
- Hoa Kỳ: Đặc San Trúc Lâm số 1, 4; Dân Chủ Mới số 47, 48; Phật Giáo Hải Ngoại số 6; Ch'an News Letter Nr.111; Chân Trời Mới số 9/95, 10/95; Xây Dựng số 70; Bầy Thú Nhỏ - Sơn Tùng; Văn Học Miền Đông - Mùa Thu 95; Ch'an Magazine Fall 95; Giao Điểm số 19.
- Canada: Buddha's Light Newsletter Nr.3; Khai Thác Thị Trường.
- Đài Loan: Hiện Đại Phật Giáo số 173, 174, 175; Phật Quang Thế Kỳ số 4, 105, 106, 107, 108; Thiên Phật Sơn số 78, 79; Trung Ngoại số 472, 473.
- Ấn Độ: Root News Nr.11.

# Chúc Mừng Năm Mới

# PHƯƠNG DANH CÚNG DƯƠNG

(Tiếp theo Viên Giác số 89)

## ■ BẢO VIÊN GIÁC

ĐH. Vương Tai Hùng (Weil am Rhein) 50DM. Nguyễn Văn Anh (Pháp) 150FF. Ngô Thị Nhi (Telgte) 25DM. Võ Ngọc Lưu (Kreleinsau) 20DM. Lê Chín (Uelzen) 40DM. Lê Văn Mến (Plauen) 20DM. Nguyễn Quan Võ (Leinefder) 20DM. Nguyễn Anh Sơn (Bruehl) 20DM. Dương Quốc Hùng (Wilhelmsdorf) 20DM. Phan Hữu Thuận (Nuernberg) 20DM. Nguyễn Công Chung (Hameln) 20DM. Huỳnh Thế Mỹ (Hamburg) 50DM. Đỗ Thị Khoa (Erfurt) 20DM. Tạ Văn Long (Siegen) 50DM. Châu Thế Mưu (Frankfurt) 10DM. Phan Thị Lan (Hamburg) 50DM. Trần Thị Liêm (Đan Mạch) 200Kr. Nguyễn Thị Tú (Freiburg) 20DM. Nguyễn Thế Hiền (Oberhausen) 20DM. Trang Minh (Titisee) 20DM. Đỗ Thị Hồng Yến (Schoberg) 30DM. Lê Thị Hoàng Nga (Kassel) 20DM. Nguyễn Thị Kim Vinh (Nuernberg) 20DM. Chong Tác Võ (Cloppenburg) 20DM. Lê Quan Liêm (Pháp) 200FF. Trần Thị Phát (\*) 100FF. Nguyễn Văn Sáu (Hòa Lan) 20Guld. Phạm Minh Tùng (Ý) 20.000Lire. Nguyễn Gia Trường (Luedescheid) 50DM. Đặng Văn Uy (Aschaffenburg) 50DM. Trần Đăng Thành (Karlsruhe) 50DM. Thượng Công Hoàng (Oberhausen) 50DM. Quảng Đệ (Pháp) 50US. Bùi Thị Kham (Norden) 100DM. Nguyễn Hồng Tú (Bad Salzungen) 30DM. Lâm Hồng Đào (Pháp) 100FF. Dục Thị Hòa 20DM. Huỳnh Anh Dũng (Ý) 20.000Lire. Vương Văn Bé (Leverkusen) 100DM. Lương Thị Búp (Bochum) 30DM. Phạm Thị Tuyết Mai (Hildesheim) 20DM. Trần Mạnh Tiến (\*) 20DM. Ganther Jakob (Sieckte) 30DM. La Phát (Esslingen) 20DM. Lý Phan Thơ (Göttingen) 20DM. Lý Ngọc Thanh (Ingolstadt) 30DM. Lâm Lê Chu (\*) 30DM. Nguyễn Thị Hồng Hoa (Selm) 20DM. Tô Thành Quang (Bayreuth) 20DM. Ơam. Lâm (Rengsdorf) 20DM. Nguyễn Thị Châu (Stuttgart) 50DM. Ân danh (\*) 20DM. Hồ Chánh Kỳ (Hamburg) 20DM. Nguyễn Đỗ Diễm Phương (Bochum) 20DM. Ngô Quang Bè (Cottbus) 10DM. Lê Thị Loan (\*) 10DM. Hoàng Thị K. Nhung (\*) 10DM. Bùi Văn Khang (\*) 10DM. Đặng Đình Xo (\*) 10DM. Nguyễn Văn Trinh (\*) 10DM. Nguyễn Thái Hòa (Muenster) 30DM. Đỗ Văn Kiều (Duisburg) 20DM. Đỗ Văn Nho (Reutlingen) 20DM. Nguyễn Văn Tấn (Hamburg) 50DM. Gđ. Phước Lộc Thọ (Hòa Lan) 50Guld. Nguyễn Thị Ngọc Diệp (Bad Brelsigt) 50DM. Lê Minh Thủy (Hòa Lan) 20DM. Trần Văn Minh (\*) 25Guld. Nguyễn Minh Sơn (Seidegg) 20DM. Tạ Ngọc Hoa (Hamburg) 50DM. Huỳnh Muối (Koblenz) 20DM. Nguyễn Thị Tiến (Hannover) 10DM. Nguyễn Văn Chương (Karlsruhe) 30DM. Trịnh Ngọc Hiền (Frankfurt) 30DM. Trần Minh Ngọc (Celle) 20DM. Nguyễn Thị Liên (Regensburg) 30DM. Đỗ Thị Kim Thủy (Suisse) 50FS. Trịnh Quốc Phong (Cloppenburg) 20DM. Võ Văn Tú (Wiesbaden) 20DM. Võ Thị Mỹ (\*) 40DM. An Thị (Berlin) 20DM. Huỳnh Công Phú (Bi) 20DM. Lương Châu Hiếu (Einbeck) 20DM. Trần Kim Phương (Hatten) 50DM. Đặng Quốc Tranh (Arnstadt) 20DM. Huỳnh Văn Lý (Witten) 50DM. Điền Quốc Việt (Nuernberg) 20DM. Túy Hương + Phạm Đăng (Kassel) 100DM. Nguyễn Văn Thanh (\*) 20DM. Trịnh Ngọc Bích (Lehrte) 10DM. Phạm Trọng Tuyển (Einbeck) 20DM. Huỳnh Khắc Hoan (\*) 20DM. Nguyễn Ngọc Sơn (Rastadt) 20DM. Dương Văn Hào (Bielefeld) 30DM. Kaučicora Kim (Slovakia) 50DM. Huỳnh Minh Nguyệt (Bi) 50DM. Nguyễn Thị Xuân Hiếu (Genève/Suisse) 200FS. Nguyễn Phần Chấn (Muenster) 30DM. Nguyễn Thu Thủy (Wittlich) 30DM. Trần Công Hà (Albstadt) 30DM. Nguyễn Văn Thống (Weil im Schoenbuch) 20DM. Lâm Cẩm Vinh (Neuwied) 20DM. Táng Ngọc Lê (Weisenbach) 20DM. Kim Nhiêu Mueller (Baden Baden) 20DM. Nguyễn Minh Bửu (Hòa Lan) 30DM. Phan Ngọc Minh + Nguyệt Trần (Reutlingen) 100DM. Trần Toàn Chí (Rodan) 50DM. Nguyễn Như Bình (Meerbusch) 20DM. Huỳnh Hữu Hoàng (Rotenburg) 20DM. Nguyễn Ngọc Chương (Wuppertal) 20DM. Như Tuấn (Wolfenbuettel) 20DM. Quách Thanh Mỹ (Oestringen) 20DM. Tôn Quốc Hồng (Saarwelligen) 20DM. Hồ Việt Đoàn (Gera) 30DM. Trần Văn Sáu (Bielefeld) 20DM. Mã Xuân Hồng (Hamburg) 30DM. Nguyễn Ngọc Anh (Pháp) 200FF. Nguyễn Khắc Trinh (Bochum) 50DM. Smonlinki (\*) 20DM. Dr. Dương Hồng Ân (Nechartenzingen) 100DM. Phạm Văn Mai (Neu Anspach) 20DM. Trương Trần (Hamburg) 20DM. Trần Quang (Áo) 50DM. AKO Ninh (Bochum) 250DM. Trần Văn Nam (Pforzheim) 50DM. Nguyễn Thủy Liễu (Essen) 50DM. Vũ Thị Thu Hương (Berlin) 20DM. Nguyễn Ngọc Minh (Muenchen) 30DM. GĐDH Crouzet (Pháp) 30DM. Bạch Thu Huyền (Hannover) 50DM. Huỳnh Khắc Hải (Dresden) 10DM. Nguyễn Xuân Trường (Bissendorf) 20DM. Vũ Công Định (Bremen) 20DM. Phương Chi (Darmstadt) 50DM. Trương Nam Long (Dueren) 40DM. Đào Công Càn (D'or) 100DM. Vũ Đình Hải (Dresden) 20DM. Trần Tu Ngọc (Giffhorn) 20DM. Huỳnh Thị Kim Tuyền (Hamburg) 30DM. Lưu Tiến (\*) 50DM. Trần Thuận Đạt (Nuernberg) 30DM. Lưu Tiến Dũng (Osterode) 20DM. Thái Thuận Dũng (Wätherhausen) 50DM. Nguyễn Văn Hôn (Wiesbaden) 30DM. Nguyễn Minh Phương Vĩnh (Wernigerode) 20DM. Nguyễn Ngọc Trung (Krefeld) 20DM. Nguyễn Thị Yến (Muenchen) 50DM. Vàng Văn Thống (Bi) 1.000FB. Trần Ngọc Báo (Dorsten) 50DM. Bùi Khắc Hiếu (Koeln) 50DM. Hoàng Văn Nam (Norden) 40DM. Lâm Kỳ Thạch (Papenburg) 20DM. Đỗ Văn Nghiêm (Duisburg) 20DM. Mỹ Anh Hanisch (Puelheim) 200DM. Nguyễn Văn Hoa (Essen)

20DM. Lê Phước Mến (Mannheim) 50DM. Nguyễn Hùng (Áo) 260Sch. Huỳnh Then (Koeln) 20DM. Albert Rakipi (Woelfenbuettel) 20DM. Tạ Văn Duy (Saarbr.) 60DM. Nguyễn Xuân Phúc 100DM. Đặng Thị Yên (Đan Mạch) 50DM. Lê Kim Lan (Ronnenberg) 50DM. Nguyễn Duy Uy (Mannheim) 30DM. Huỳnh Thị Bông (Suisse) 50FS. Trần Thị Trí (\*) 50DM. Nguyễn Thị Phin (Neuss) 20DM. Huỳnh Văn Thượng (Buchholz) 30DM. Huỳnh Văn Sang (Bad Odesioe) 50DM. Hồ Thị Lâm (Bietigheim) 20DM. Lê Viết Lan (Wuttrop) 20DM. Nguyễn Thị Ngọc Vân (Pforzheim) 50DM. Lâm Minh Bót (Speyer) 50DM. Nguyễn Hữu Trần (USA) 20US. Ngô Văn Tùng (Wilhelmshaven) 20DM. Lương Đình Sơn (Burgdorf/ Suisse) 50DM. Lương Minh Nghĩa (Langenthal/ Suisse) 50DM. Phạm Bùi (Rostock) 20DM. Nguyễn Ngọc Bình (Sonderhausen) 20DM. Vũ Toàn (Kamen) 20DM. Vũ Việt Boong (Viersen) 50DM. Đoàn Văn Tuấn (Parsau) 20DM. Trần Trọng Nghĩa (Muenchen) 50DM. Nguyễn Hồng Quang (Goettingen) 40DM. Trịnh Lan Văn (Peine) 10DM. Trang Phước Đức (Pháp) 100FF. Nguyễn Thị Mỹ Hoa (Regensburg) 10DM. Bửu Trí (Suisse) 50DM. Nguyễn Công Tinh (Heilbronn) 20DM. Trịnh Quang Khánh (Hamburg) 50DM. Diệu Thông (Bi) 1.000FB. Nguyễn Khắc Căn (Menchen) 50DM. Phạm Văn Ut (Ý) 10.000Lire. Trương Văn Xuân (USA) 20US. Tống Đức Hải (Neumarkt) 40DM. Lưu Văn Nghĩa (Hanau) 30DM. Frerich 100DM. Nguyễn Thị T. Thủy (Buxtehude) 20DM. Nguyễn Thị Phụng (Suisse) 50DM. Crouzet (Pháp) 200FF. Dương Trung Ngọc (Gruenstadt) 20DM. Phạm Duy Phương (Bonn) 50DM. Nguyễn Thanh Hồng (Moehlau) 20DM. Nguyễn Thị T. Hương (Gunbeifingen) 30DM. Trịnh Verda (Luenen) 6DM. Đinh Thị Nhung (Bad Salzedfurt) 65DM. Lan Glover (USA) 50US. Hoàng Lê Văn (Regensburg) 20DM. Trần Thị Giới (Pháp) 100FF. Nguyễn Thị Phụng (Suisse) 50DM. Lâm Như Tang (Úc) 100 Úc kim. Hồ Đắc Ban (Muenchen) 100DM. Nguyễn Thành Xê (\*) 20DM. Khánh Lan Nguyễn Thị 10DM. China Rest. Shanghai (Wernigerode) 20DM. Nguyễn Tấn Thống (Kissiegg) 20DM. Đồng Thị Gái (Uim) 20DM. Mach Trước Khung (Friedrichshafen) 50DM. Thiệu Hữu Trần Hữu Lộc (Stuttgart) 50DM. Diệp Hưng (Sulzbach) 10DM. Võ Ngọc Dũng (Frankfurt) 30DM.

## ■ ÁN TỔNG

ĐH. Văn Thành Văn (Alsfeld) 50DM. Châu Ái Hương (Muenster) 50DM. Nguyễn Văn Phước (Stuttgart) 50DM. Thiện Hiện Võ Thanh Hào 30DM. Phúc (Hòa Lan) 10DM. Nguyễn Thị Tiến (Hannover) 10DM. Ân danh (Neustadt) 50DM. Đặng Thị H. Duyên (Reutlingen) 50DM. Nguyễn Hồng Quang (Bad Bevensen) 20DM. Li Thủy Phương (Pforzheim) 400DM. Lương Tuyết Vân (Paderborn) 10DM. Thiện Lâm + Diệu Phụng (Langen) 200DM. Huỳnh Bửu Thị Hồng Nhung (Áo) 200Sch. Dung (\*) 500Sch. Huỳnh Thị Oanh (\*) 1.000Sch. Nguyễn Thị Liên (\*) 200Sch. Trần Thị Kim Ngọc 100DM. Mai Kim Mỹ (G'marienhuette) 28,50DM. Sầm Ngọc Anh (Saarwelligen) 100DM.

## ■ KINH VU LAN

ĐH. GĐDH Nguyễn Văn Nửa (Laatzten) 200DM. Trần Nguyên Khải (Bochum) 50DM. Trần Thị Thanh Thảo (Kaiserlautern) 25DM. Trần Thị Đoàn Trang (Alzey) 25DM. Nguyễn Thị Bình (Kassel) 50DM. Thái Thị Kim Hồng (Oberkirchen) 40DM. Nguyễn Thị Bè (Koeln) 20DM. Trần Nhật Quang (Ibbenbueren) 20DM. Đỗ Thuận Phát (Hannover) 100DM. Gđ. Thái Phi Long + Trần Thị Liên (Đan Mạch) 50DM. Nguyễn Văn Lô (Neu Uim) 50DM. Lương Tuyết Vân (Paderborn) 50DM. Ô Thị Hai (Haren) 30DM. Lý Lăng Mai (Saarb) 50DM. Lý Thanh Trung (Ý) 15DM.

## ■ KINH ĐỊA TẠNG

ĐH. Nguyễn Thị Bình (Kassel) 50DM. Trần Nhật Quang (Ibbenbueren) 40DM. Lương Tuyết Vân (Paderborn) 50DM. Lý Lăng Mai (Saarb.) 60DM. Lý Thanh Trung (Ý) 15DM.

## ■ KINH ĐƯỢC SỰ

ĐH. Hồ Văn Càn (Bietigheim) 20DM. Nguyễn Thị Phương (Erbrath) 25DM. Tạ Thị Nga (Đan Mạch) 100Kr. Huệ Anh (Erbrath) 50DM.

## ■ VU LAN

ĐH. Trần Văn Nam (Pforzheim) 40DM.v Trần Thị Hồng (Herten) 40DM. Huỳnh Khôn Biểu (Bi) 1.000FB. Trịnh Thu Anh (FFB Buchenaus) 100DM. Nguyễn Văn Lương (D'or) 50DM. Mã Thị Kim Hồng (Breyell) 50DM. Phan Thị Loan (Hòa Lan) 25Gul. Nguyễn Thị Bày (Krefeld) 20DM. Lý Nguyệt Thượng (Bonn) 20DM. Ngô Thị Nhi (Telgte) 100DM. Trịnh Thị Tuyền (Đan Mạch) 51,28DM. Phạm Nam Sơn (USA) 100US. HHHL Diệu Tâm Phạm Thị Thảo. Nguyễn Thanh Thủy (Uelzen) 20DM. Trần Thị Hồng Châu (Ý) 30.000Lire. Lê Thị Thảo (Veitshoechheim) 20DM. Hà Toàn Vinh (M'Gladbach) 30DM. Phạm Anh Tuấn (Potsdam) 20DM. Nguyễn Ngọc Hạnh (Bi) 500FB. Diệu Tinh Hoàng Thị Thủy (Fuerth) 200DM. Helene Antony Đỗ (D'or) 100DM. Đỗ Văn Lợi (\*) 100DM. Griem Giang (Hamburg) 50DM. Châu

Thế Mưu (Frankfurt) 20DM. Đào Thị Chuyên (Urbar) 20DM. Lê Thị Bạch Nga (Esslingen) 10DM. Võ Thị Hiền (Berlin) 50DM. Cindy Le Fuller (USA) 100US. Huỳnh Thị Bích Ngọc (Wirzburg) 30DM. Hồ Tự Đức (Recklinghausen) 20DM. Nguyễn Hưng (Suisse) 50DM. Trương Vững (Muenchen) 100DM. Nguyễn Thị Phụng (Frankfurt) 150DM. Biện Thị Mai (Hamburg) 50DM. Trương Hôn Quyền (Vechna) 30DM. Phan Thị Lan (Hamburg) 20DM. Nguyễn Văn Thanh (D'dorf) 50DM. Phạm Tiến Thịnh (Guetersloh) 20DM. Đào Thị Sơn (Ludwigsburg) 20DM. Nguyễn Thị Tú (Freiburg) 30DM. Nguyễn Thanh Nam (Koeln) 10DM. Nguyễn Thị Hoàng Liên (\*) 10DM. Hà Văn Thành (Frankfurt) 200DM. Koummarasy Kiem (Pforzheim) 20DM. Nguyễn Hữu Nghĩa (Weselling) 20DM. Tàu Ngọc Nga (Neumuenster) 20DM. Dương Chánh Quân (Cloppenburg) 30DM. Trương Tài Minh (\*) 20DM. Lưu Bình (\*) 20DM. Nguyễn Hiệp (Mannheim) 20DM. Nguyễn Văn Phương (Delmenhorst) 100DM. Đặng Văn Uy (Aschaffenburg) 50DM. Lưu Nguyệt Anh (Dan Mạch) 200Kr. Đào Trọng Hiếu (Karlsruhe) 50DM. Ô Thị Hai (Haren) 100DM. Ngô Nga (Baesweiler) 50DM. Vương Kim An (Suisse) 20FS. Nguyễn Thị Bình (Oberhausen) 20DM. Quảng Độ (Pháp) 50US. Phan Thị Tròn (Reutlingen) 20DM. Lâm Thị Tuyết Anh (\*) 20DM. Kiều Thái (\*) 20DM. ĐH Bảy (\*) 10DM. Lê Thọ Hằng (\*) 50DM. Phan Ngọc Minh (\*) 100DM. Trần Tú Anh (\*) 20DM. Nguyễn Thị Tâm (Việt Nam) 25DM. Trịnh Hoàng Tấn (Sindelfingen) 10DM. Trịnh Diệu Anh (\*) 20DM. Phạm Thị Trương (\*) 50DM. Nguyễn Thị Tú (\*) 30DM. Ân danh (\*) 50DM. Hứa Vĩnh Sĩ (\*) 150DM. Nguyễn Hữu Kiêm (\*) 40DM. Dương Vũ Hương 10DM. Nguyễn Thị Chi (\*) 10DM. Dương Thu Lan (\*) 20DM. Dương Thị Linh (\*) 10DM. Huy Giang (Schramberg) 30DM. Trần Văn Huyền (Reutlingen) 25DM. Trần Xuân Hiền (Tuebingen) 50DM. Huỳnh Hương (Lichtenstein) 30DM. Davone Mammoungviry 20DM. Thái Phước Hòa, Dung, Thái, D. Thái 30DM. Đỗ Kiến Châu (Stuttgart) 30DM. Trần Thị Duối (Reutlingen) 100DM. Nguyễn Thị Linh Chi (\*) 20DM. Nguyễn Thị Thanh Ngọc (\*) 25DM. Nguyễn Văn Báo (Suisse) 100FS. Ngô Lành Yên (Pháp) 200FF. Đoàn Thị Thanh Tú (\*) 100FF. Lâm Hồng Đào (\*) 100FF. Nguyễn Văn Kiều (\*) 100FF. Dục Thị Hòa 200DM. Nguyễn Xuân Thủy 20DM. Huỳnh Quốc Tuấn (Dortmund) 300DM. Nguyễn Thị Viễn Phương (Mainz) 650DM. Nguyễn Lê Xuân (Ludwigshafen) 50DM. Phạm Tấn Lực (Suisse) 40DM. Đỗ Thị Bích Chấn 20DM. Ngô Thị Thu Hương 50DM. Tiêm saoch Đức (Langenhagen) 150DM. Đoàn Thị Lan (Erlangen) 80DM, HHHL ĐH Nguyễn Thị Mỹ, Trịnh Văn Thịnh (Essen) 30DM. Vương Đức Đại (Pháp) 200FF. Torré grossa Ha (\*) 100FF. Gđ Báo Tăng (Laatzen) 100DM. Mai Thị Thu Vân (Aachen) 50DM. Mai Văn Cẩm (Stolberg) 100DM. Lê Quốc Minh 300DM. Võ Văn Lâu (Bad Kreuznach) 30DM. Hoàng Yến (\*) 20DM. Nguyễn Thị Hà Vinh 20DM. Huỳnh Thị Phương (Berlin) 30DM. Ân danh 10DM. Nguyễn Thị Quỳnh Chi (Bỉ) 10DM. Trần Cẩm Châu 50DM. Trương Đoàn Hòa (Selm) 30DM. Nguyễn Thị Bê (Koeln) 20DM. Lê Ngọc Dung (Ubstadt) 20DM. Phạm Thị H. Sen (\*) 20DM. Lê Hoàng Trần (Bruchsal) 50DM. Nguyễn Thị Phong 10DM. Thạch Lai Kim (Kassel) 30DM. Trần Thị Hiền (Koeln) 10DM. Diên Văn Nghĩa (Beuthelm) 50DM. Hoàng Thị Nga (\*) 50DM. Phạm Văn Dũng (Hòa Lan) 50Gul. Thủy Trần (\*) 25Gul. Hoàng Minh Tuấn (Bad Beuthelm) 50DM. Nguyễn Văn Chín 5DM. Đỗ Thị Đẹp (Muenster) 20DM. Ân danh 20DM. Lữ Cẩm Toàn (Hamburg) 50DM. Dương Đức Phát (Hannover) 20DM. Quang Chí Lương (Canada) 20DM. Lâm Thị Vân (Remscheidt) 10DM. Võ Thành Quang (Beyreuth) 30DM. Nguyễn Thành Văn (Bingen) 20DM. Tâm Schmidt (Laubach) 20DM. Lâm Hiền (Bad Iburg) 50DM. Fam. La (Stuttgart) 30DM. Liêu Thị H. Vân (Hannover) 50DM. Ân danh 60US. Trương Giang (Muenster) 20DM. Trần Hữu Nghiệp (\*) 30DM. Ân danh 10DM. Huỳnh Tứ (Bad Iburg) 20DM. Đỗ Kim Oanh 10DM. Hứa Giàu (Monheim) 10DM. Ân danh 13DM. Đỗ Thái Hà (Gifhorn) 20DM. Hùng (Cottbus) 10DM. Hoàng (\*) 10DM. Trần Nhứt Quang (Ibbenbueren) 20DM. Diệp Hồng Chảy (Laatzen) 50DM. Trần Quang Biểu (Muenster) 20DM. Trần Đào (\*) 20DM. Trương Mỹ Anh (\*) 20DM. Bùi Văn Hiệp (Iserlohn) 50DM. Trần Thị Hương (Hannover) 10DM. Trần Thị Tài (Babenhausen) 20DM. Ngô Ngọc Anh (Bad Iburg) 20DM. Lưu Dũng (Goettingen) 20DM. Nguyễn Minh Hiếu 20DM. Nguyễn Đình Tịnh (Nuernberg) 20DM. Trần Chương Phú (Braunschweig) 100DM. Trương Bích Trường (Forts) 20DM. Nguyễn Thị Tâm (Hannover) 10DM. Lê Thị Bích Thủy (Karlsruhe) 20DM. Nguyễn Thị Hồng (Kaiserlautern) 50DM. Nguyễn Thị Chín (\*) 50DM. Trần Quang Trung (Oberhausen) 20DM. Phạm Bích Liên (Potsdam) 10DM. Phạm Anh Tuấn (\*) 20DM. Đức Linh (Schwedt) 10DM. Lý Phần Thơ (Goettingen) 20DM. Gđ. Phước Lộc Thọ (Hòa Lan) 100Gul. Gđ. Lâm Bình Chi (\*) 25Gul. Trần Văn Tào (\*) 50Gul. Đào Thị Sương (\*) 50Gul. Lý Kiến Phi (Saarbruecken) 30DM. Trịnh Hi (\*) 50DM. Lý Kiên Cường (\*) 30DM. Nguyễn Hùng Cường (Oberhausen) 20DM. Thái Xuân Phúc (Hòa Lan) 20DM. Phạm Mạnh Hà (Koblenz) 10DM. Tăng Ngọc Lê (Rastadt) 10DM. Nguyễn Ngọc Mẫn (\*) 10DM. Lê Nhất Hiền (Mametal) 50DM. Ân danh 5US. Lý Muội Thời (Hamburg) 50DM. Cô Hạnh Niệm (Hannover) 400DM. Gđ. Thiên Ý (\*) 50DM. Nguyễn Thị Tiến (\*) 50DM. Nguyễn Văn Chương (Karlsruhe) 20DM. Lê Văn Mỹ (\*) 50DM. Nguyễn Ngọc My (\*) 100DM. Lương Thị Ngọc Trân (\*) 20DM. Lương Thị Bảo Trân (\*) 10DM. Lương Thị Hoàng Trân (\*) 10DM. Thái Thị Thị (Aachen) 20DM. Lê Đai (Erlangen) 50DM. Lê Thị Thu Thủy (Regensburg) 50DM. Trần Ngọc Xuân An 50DM. Hoàng Thị Thuận (Koeln) 200DM, HHHL ĐH Hà Tống Giang. Đoàn Thị Yến (Frankfurt) 50DM. Tuy

Hương + Phạm Đăng (Kassel) 100DM. Trần Hồng Sương (Berlin) 50DM. Nguyễn Văn Mỹ (\*) 30DM. Hồ Thị Ngọc + Bích (\*) 20DM. Trần Nguyễn Anh (Bomlitz) 30DM. Mai Bích Lan (Nuernberg) 30DM. Trịnh Thị Thanh (\*) 20DM. Nguyễn Lạc (\*) 20DM. Vũ Thị Mai Hiền (Goslar) 30DM. Ngô Quang Khải (Bỉ) 50DM, HHHL ĐH Ngô Văn Nghi + Nguyễn Thị Kiều. Nguyễn Thu Thủy (Wittlich) 50DM. Hứa Xuân Mai (Stuttgart) 20DM. Trang Thoại Phương (Celle) 30DM. Gđ. Bùi Đình Phú (Unna) 50DM. Gđ. Thái Phi Long + Trần Thị Liên (Dan Mạch) 50DM. Tác Hòa (Immenstadt) 100DM. Nguyễn Văn Lễ (Neu Ulm) 100DM. Phan Anh Hồng (Reutlingen) 100DM. Lai Ngọc Hải (Frankfurt) 100DM. Diêu Thơ (Koeln) 40DM. Chiêm Liên (Aitenkirchen) 20DM. Nguyễn Văn Trung (Friedrichshafen) 20DM. Trần Ngọc Anh (Stadallendorf) 100DM. Lê Văn Tiến (Holzhausen) 20DM. Nguyễn Thủy Liên (Essen) 25DM. Trần Thị Chi 20DM. Gđ. Nguyễn Quang Kiên 15DM. Gđ. Nguyễn Thị Thanh Hương 20DM. Liêu Nguyệt + Mỹ Lộc 20DM. Nguyễn Tiến Đức + Trần Đình Chiến 20DM. Phạm Ngọc Bình 10DM. Nguyễn Thế Việt 20DM. Đoàn Anh Tuấn + Kim Yến 10DM. Phạm Thị Hạnh + Tạ Hồng Thái 30DM. Nguyễn Thị Bích + Đoàn Xuân Dũng 30DM. Nguyễn Thị Nội 10DM. Gđ. Trần Quốc Toàn 20DM. Nguyễn Hoài Nam 20DM. Trần Văn Tiến + Phạm Thị Khai 50DM. Huỳnh Văn Phát 50DM. Phạm Thị Hồng Thái 10DM. Nguyễn Thị Thủy Tiên 50DM. Long Thủy 20DM. Phan Ngọc Hải 7DM. Vũ Thị Minh Sửu 5DM. Trần Việt Hùng + Việt Long 20DM. Huỳnh Hoa 10DM. Nguyễn Thị Tuyết 10DM. Giang Doanh 50DM. Nguyễn Văn Mai 20DM. Lâm Ngọc Minh 20DM. Trần Huy Hoàng 20DM. Nguyễn Thị Thu Hương 10DM. Trần Thị Thủy + Hoàng Hải 50DM. Hạ Quốc Anh + Nguyễn Thị Liên 50DM. Gđ. Phạm Trọng Khánh 10DM. Nguyễn Bích Liên 10DM. Gđ. Đồng Tố Thịnh 10DM. Nguyễn Thị Dung + Minh Lương 20DM. Bùi Xuân Tĩnh + Kim Hương 50DM. Dương Khánh Vinh + Thu Hương 20DM. Vũ Văn Minh 10DM. Đào Thiện Mẫn 20DM. Lê Văn Minh 10DM. Nguyễn Nhân Nghĩa 20DM. Bùi Thu Hằng 20DM. Nguyễn Văn Hải + Ngọc Anh 20DM. Nguyễn Văn Thoại 10DM. Phạm Thị Thảo 20DM. Gđ. Đậu Hùng Sơn 15DM. Đoàn Thị Thắm 10DM. Dương Cao Sơn 20DM. Cường Văn 20DM. Trần Trung Hiếu 20DM. Nguyễn Ngọc Thắng + Minh Hiền 10DM. Đinh Đăng Vinh 10DM. Vũ Thị Hương 20DM. Nguyễn Đình Đoàn 10DM. Trần Văn Đông 20DM. Dương Công Đoàn 20DM. Nguyễn Văn Sơn 10DM. Nguyễn Minh Phương + Hồng Ngọc 20DM. Lê Thị Vương 20DM. Lê Thế Dũng + Nông Thị Tuyết 20DM. Nguyễn Minh Tuấn - Hải 50DM. Phạm Thành Văn - Thắng 30DM. Nguyễn Thị Dung - Ngọc Kim 20DM. Bùi Thị Cát - Lê Thị Thu Nga 20DM. Phạm Xuân Phong 50DM. Trần Thị Minh - Nga 100DM. Hồ Phi Kevin 10DM. Phan Liên Tĩnh Nữ 20DM. Gđ. Nguyễn Ung 40DM. Trúc Lang 100DM. Gđ. Nguyễn Khắc Tuấn 10DM. Đỗ Hải Quỳnh 20DM. Trần Công Lợi 50DM. Đỗ Thị Hương 20DM. Đỗ Hải 20DM. Phạm Lam Giang - Tiến Tùng 10DM. Phạm Đình Huy 10DM. Phạm Quốc Chính - Thủy 20DM. Fam. Nguyễn Công Dinh 10DM. Ngô Thị Thắng 50DM. Thái Cẩm Huế 100DM. Phan Sy Hoa Ngọc 20DM. Nguyễn Tuấn 10DM. Phạm Văn Phong 10DM. Fam. Nguyễn Quang Hưng 30DM. Phạm Anh Dũng 30DM. Phùng Hải Yến 20DM. Trần Thị Chi 20DM. Lữ Thục Lan 20DM. Trần Văn Lợi 10DM. Trần Thị Hằng 10DM. Phạm Hồng Hương - Thu Hồng 40DM. Đào Kim Anh - Dũng 70DM. Lê Thị Mộng Ngọc 20DM. Phạm Hồng Thu 10DM. Nguyễn Thanh Khương + Quỳnh Anh 50DM. Phạm Quốc Thắng 50DM. Đào Tiên Long + Thủy Hà 10DM. Kiều Thị Hoàn 10DM. Lê Thị Tuyết Hoa 50DM. Phạm Xuân Xứng 20DM. Vương Quế Lan 10DM. Vũ Quốc Cường 10DM. Nguyễn Thị Thanh 30DM. Nghiêm Minh Mẫn 20DM. Đỗ Thu Thanh 20DM. Nghiêm Trọng Tuấn 30DM. Nguyễn Đức Hiệp 30DM. Hoàng Thị Hán 40DM. Nguyễn Quốc Tuấn 50DM. Nguyễn Văn Thắng 20DM. Nguyễn Hải Yến 10DM. Nguyễn Thị Thông Nhất 10DM. Lôi Công Thành 20DM. Phạm Văn Xuân 10DM. Lê Thị Tuyết 10DM. Bùi Văn Vinh 30DM. Trần Quốc Tuấn 20DM. Tạ Thanh Bình 10DM. Hải + Hà 10DM. Fam. Hữu Chung 10DM. Vũ Thị Hệ 20DM. Nguyễn Quốc Tuấn + Thu Hà 50DM. Hoàng Văn Nhân 20DM. Lê Xuân Thủy 10DM. Đỗ Thị Thu Hằng 30DM. Nguyễn Công Thành 10DM. Lưu Kỳ Văn 20DM. Lê Bích Phương + Quốc Anh 10DM. Trần Quang Thanh 20DM. Đoàn Quốc Tuấn + Thanh Hà 20DM. Vũ Xuân Khôi 50DM. Trần Thị Minh Tâm 20DM. Dương Tuyết Linh 10DM. Lý Hồng Nguyễn 20DM. Lý Hồng Đức 20DM. Nguyễn Văn Tý 20DM. Nguyễn Thanh Dung 10DM. Quách Thị Loan 10DM. Nguyễn Văn Hoa 50DM. Bùi Đàm Khánh 20DM. Lê Anh Tuấn 10DM. Triệu Thanh 200DM. Hồ Khả Thi 20DM. Fam. Ngô 300DM. Vĩnh Lợi 50DM. Nguyễn Thị Bắc Nam 20DM. Vũ Văn Hùng 10DM. Phan Thống Nhất 20DM. Đào Công Quang 10DM. Vũ Thị Hương 50DM. Lê Anh 20DM. Lê Thị Hải 30DM. Trần Trung Hải 20DM. Đỗ Văn Chung 10DM. Nguyễn Đình Thắng 10DM. Đào Xuân Tuấn 5DM. Lữ Thị Liên 20DM. Vương Anh Tuấn + Minh Hải 20DM. Phạm Doanh - Nguyễn Khanh 10DM. Nguyễn Thị Bảy 20DM. Nguyễn Văn Tinh + Anh Đào 20DM. Quang Thuật 50DM. Giang Lang Sơn + Lê Huyền 50DM. Nguyễn Văn Ngự 40DM. Karin Lê Nga Lương 50DM. Fam. Lương Minh 50DM. Nguyễn Thị Nữ 30DM. Đỗ Thị Thanh Vân 30DM. Tong Thiếu Chi 20DM. Văn Mỹ Hoa + Ngọc Khôi 30DM. Thanh Thanh Tâm 50DM. Bùi Thị Nữ 20DM. Trần Thị Ghét + Anh Đào 100DM. Nguyễn Văn Lý 10DM. Trương Tuấn Nghĩa 50DM. Phạm Duy Quang + Thủy 10DM. Lê Quang Đạt 10DM. Nguyễn Thị Hồng Hoa 50DM. Nguyễn Thanh Khang 20DM. Nguyễn Thị Phương Lan 10DM. Nguyễn Văn Thà + Bùi Hoa 10DM. Phạm Quyết Thắng 10DM. Duy Thành - Duy Bình 20DM.

Phạm Minh Sơn 20DM. Nguyễn Văn Nhung 20DM. Trương Thị Thanh Hải 20DM. Nguyễn Hưng 20DM. Đức Huy 10DM. Tăng Cảnh Thái 30DM. Lê Minh Hiền 30DM. Trần Phụng 50DM. Nguyễn Xuân Thắng 10DM. Tăng Khánh 20DM. Cao Minh Nguyệt - Tuyết Minh 20DM. Lại Thị Hà 20DM. Từ Đường 10DM. Nguyễn Thị Song - Diệu Phàm 100DM. Fam. Thị 50DM. Lâm Văn Sáng 20DM. Đặng Thị Thành 50DM. Vũ Tùng Lâm + Kim Dung 10DM. Nguyễn Văn Lân 40DM. Lại Khánh Vân + Ngọc Anh 50DM. Fam. Nguyễn Khắc Tuấn 20DM. Bành Hoa 10DM. Bùi Thị Thanh Diệp 5DM. Nguyễn Thị Nguyễn Hòa 100DM. Bùi Quang Thái 30DM. Hứa Đỗ 10DM. Fam. Bùi Thọ Sơn 14DM. Nguyễn Văn Sơn 20DM. Đỗ Nguyễn Huy Phương 50DM. Nguyễn Đức Nghĩa 20DM. Bùi Thị Tuyết Mai 50DM. Phạm Thế Vinh 20DM. Diệu An Nguyễn Thị Nhân 30DM. Trần Thị Thủy 20DM. Nguyễn Ngọc Trung + Hương 10DM. Lê Thị Bích Tú 20DM. Phạm Thị Tuyết + Hải 10DM. Nguyễn Tuấn Anh + Đức Phú 50DM. Vương Thiếu Hạp 10DM. Vương Khải Hùng 10DM. Vương Tiểu Bình 50DM. Vương Tuyết Vân 20DM. Ôn Trung Bình 100DM. Nguyễn Thị Thủy Mai 5DM. Nguyễn Thị Thanh 35DM. Lê Thị Thanh Minh 100DM. Trần Thị Minh 65DM. Lý Quốc Đống (Hamburg) 100DM. Nguyễn Thị Diễm 20DM. Nguyễn Văn Hải 20DM. Nguyễn Thị Thanh Hằng 20DM. Vũ Ngọc Long + Thanh Mai 80DM. Cao Thế Hùng 60DM. Long - Hà - Lan 20DM. Nguyễn Thị Thơm 10DM. Lâm Chánh Văn 50DM. Nguyễn Kim Nhung 10DM. Hoàng Trung Sơn 20DM. Nguyễn Văn Điện + Dư Thị Lưu 70DM. Văn Ngọc Xuân 20DM. Nguyễn Văn Bảo + Đào Thị Liên 20DM. Hồ Văn Thế + Thái Sơn 20DM. Trần Ly Ái Phương 50DM. Trần Kinh Hùng 50DM. Nguyễn Văn Hiền 30DM. Tăng Quốc Cơ 100DM. Thủy - Giang 20DM. Long - Nhung 20DM. Trần Thị Mỹ Châu 50DM. Lê Tường Vân 20DM. Đinh Đăng Vĩnh 20DM. Đỗ Việt Thịnh 20DM. Trần Thị Hồng, Văn 20DM. Đỗ Chiêu Cang 20DM. Vũ Gia Chiêm 20DM. Phan Bồn 100DM. Thiên Huy 20DM. Tạ Muội 20DM. Hoàng Đức Thanh 20DM. Lê Hồng Sơn - Bích Phương 20DM. Lê Đức Tuấn 5DM. Choong Diem Le 20DM. Nguyễn Bằng Giang 10DM. Nguyễn Thanh Huyền 10DM. Diệu Minh 100DM. Cao Thị Kim Oanh 20DM. Lương Thị Hồng Hạnh 15DM. Phạm Thu Hương 3DM. Tạ Đình Quý 20DM. Đỗ Xuân Ngọc 20DM. Đỗ Thị Song Toàn 20DM. Đỗ Bích Vân 20DM. Nguyễn Thị Huế 20DM. Thị Hiền 20DM. Phạm Vi Cang 20DM. Đỗ Xuân Sơn 20DM. Fam. Nguyễn Duy Lý 10DM. Nguyễn Thị Kim Hoa 50DM. Nguyễn Tuấn Anh 20DM. Lê Văn Quang 20DM. Lê Thành Nam 40DM. Phạm Thị Ngọc Lan 20DM. Thảo Hưng 20DM. Nguyễn Văn Hùng - Kim Ngân (Arnsstadt) 20DM. Bùi Hữu Thóa (Ahnsen) 10DM. Phùng Siêu (Úc) 20DM. Việt Hoa (Ahchorn) 20DM. Phạm Văn Anh (Aschesleben) 10DM. Phạm Văn Thư (\*) 20DM. Phạm Thị Kiều (Aue) 20DM. Nguyễn Thị Quý (Amberg) 20DM. Phạm Anh Dương (\*) 50DM. Nguyễn Khắc Lam (\*) 20DM. Nguyễn Thị An (\*) 20DM. Hùng - Liên (Aschaffenburg) 50DM. Hoàng Xuân Diệu (\*) 50DM. Trần Công Hà (Albstadt) 50DM. Huỳnh Bình Dư (Apolda) 70DM. Trần Bá Hoàn (\*) 50DM. Nguyễn Minh Hưng (Achlm Baden) 10DM. Bùi Thị Dung (\*) 10DM. Phạm Văn Thắng (\*) 10DM. Đặng Quốc Tranh (Arnsstadt) 20DM. Hiền Ngọc (\*) 20DM. Vũ Đức Giang (\*) 10DM. Nguyễn Thị Búng (Bleicherode) 20DM. Nguyễn Tiến Nhất (\*) 20DM. Đoàn Công Hà (Bad Iburg) 10DM. Vương Đức Cường (Brome) 20DM. Lê Thị Bạch Tuyết (Bad Kreuznach) 20DM. Nguyễn Thiên Tín (Badenbach) 10DM. Bùi Thị Ngọt (Bergkamen ruenthe) 20DM. Lâm Toc Senh (Bad Friedrichshall) 100DM. Phạm Văn Lương (Bad Essen) 20DM. Bùi Thị Kim Cúc (Bad Hoennigen) 20DM. Nguyễn Duy Hạnh (Bad Herfeld) 50DM. Nguyễn Hải Anh (\*) 10DM. Lê Thanh Hải (Bad Salzdetnurs) 10DM. Nguyễn Đình Hải (Bad Harzburg) 50DM. Trịnh Thị Thủy (Babenhausen) 20DM. Nguyễn Ngọc Mạnh (Bad Salzungen) 10DM. Nguyễn Hồng Tư (\*) 30DM. Bùi Văn Duyệt (Bahnsdorf) 20DM. Hoàng Thị Dung (\*) 5DM. Bùi Văn Sỹ (\*) 5DM. Bùi Thị Hào (\*) 10DM. Trang Thị Ngọc Hoa (Bad Oeynhausen) 50DM. Hồng Nghiêm Bình (\*) 50DM. Fam. Dương (Bartrup) 11DM. Vũ Thị Hoàng Anh (Bad Schussenried) 100DM. Nguyễn Thanh Hải (\*) 100DM. Nguyễn Hữu Đạt (Buedingen) 10DM. Nguyễn Minh Hiền (\*) 20DM. Nguyễn Tuấn (\*) 10DM. Ngô Trung Hiếu (Burg) 10DM. Nguyễn Tấn Tài (Burg Wedel) 10DM. Nguyễn Đức Thắng (\*) 10DM. Kim Oanh (\*) 10DM. Thu Dung Yến (\*) 20DM. Hoàng Thị Hoa (Boelltehrenberg) 20DM. Trịnh Phi Vũ (Berlin) 20DM. Lê Thanh Châu (\*) 10DM. Mai Anh Hoan (\*) 20DM. Nguyễn Thanh Hải (\*) 10DM. Trần Tuấn Dũng (\*) 10DM. Lê Quang Đạo (\*) 10DM. Bùi Thị Xuân Thu (\*) 20DM. Trần Thị Thủy (\*) 20DM. Lê Thành Long (\*) 20DM. Đoàn Hữu Trung (\*) 50DM. Lại Hồng Vinh (\*) 20DM. Đinh Duy Nguyễn (\*) 20DM. Nguyễn Thị Huệ (\*) 10DM. Đặng Văn Hùng (\*) 20DM. Nguyễn Thị Minh Tâm (\*) 20DM. Đào Thị Như Oanh (\*) 10DM. Lê Thị Tường Vân (\*) 10DM. Phạm Quốc Trung (\*) 10DM. Nguyễn Minh Chiến (\*) 50DM. Lê Thị Hiền (\*) 20DM. Lương Thị Thủy Hằng (\*) 20DM. Lê Ngọc Long (\*) 20DM. Trần Thanh Trình (\*) 20DM. Cao Hợp Đức (\*) 40DM. Nguyễn Văn Mỹ (\*) 20DM. Trần Kim Thắng (\*) 20DM. Mỹ Lê Trần (\*) 20DM. Thiệp Tánh (\*) 100DM. Nham Tấn Thành (\*) 20DM. Nguyễn Thị Quán (\*) 20DM. Đinh Thị Ngọc Sơn (\*) 10DM. Đàm Quang Mậu (\*) 20DM. Đặng Tú Quế (\*) 100DM. Asia Food (\*) 100DM. Nguyễn Văn Tư (\*) 20DM. Lý Vinh Va (\*) 50DM. Ngô Bình Như (\*) 10DM. Đào Tiến Dũng (\*) 20DM. Nguyễn Tuấn Hùng (\*) 10DM. Sy Sau Ngọc (\*) 30DM. GDPT Chánh Niệm (\*) 100DM. Cao Thị Chi (\*) 20DM. Ngô Thị Thu Ba (Braunschweig) 20DM. Nguyễn Anh Tuấn (\*) 100DM. Lý Thị Phơn (\*) 40DM. Trần Duyệt Như (\*) 20DM. Frau Lê (\*) 10DM. Hàn Thị (\*)

100DM. Đỗ Văn Kiên (\*) 50DM. Dương Khánh Nam (\*) 30DM. Đỗ Thị Kim Nga (\*) 10DM. Phan Ngọc Dương (\*) 20DM. Nguyễn Thủy Nụ (Burgdorf) 10DM. Nguyễn Xuân Lộc (\*) 10DM. Tuấn Thu (\*) 10DM. Nguyễn Thế Minh (\*) 10DM. Trần Văn Thuận (Bremen) 20DM. Lý Tuyết Liên (\*) 110DM. Nguyễn Thị Thuận (\*) 10DM. Trần Văn Cáo (\*) 50DM. Lương Văn Liêm (\*) 10DM. Fam. Mịch (\*) 20DM. Võ Văn Ngân (\*) 50DM. Fam. Kha Tiên (\*) 50DM. Trần Ty (Borken/Hessen) 20DM. Đinh Văn Đồng (Bergkamen) 20DM. Fam. Phạm (\*) 20DM. Nguyễn Hồng Dương (Buchholz) 10DM. Lê Thị Ngọc Hân (\*) 20DM. Lê Thanh Tùng (Buecken) 10DM. Dương Đình Nghĩa (Brandenburg) 10DM. Đào Minh Nguyệt (\*) 10DM. Nguyễn Minh Xuân (\*) 20DM. Nguyễn Thị Sợi (\*) 30DM. Hồ Thị Trung (Bielefeld) 20DM. Nguyễn Trâm (\*) 20DM. Lê Thị Mến (\*) 10DM. Đoàn Tường Khánh (\*) 20DM. Trương Ngọc Nga (\*) 20DM. Nguyễn Thị Tuyết Nga (\*) 20DM. Nguyễn Thị Bái (\*) 50DM. Nguyễn Thị Phụng (\*) 30DM. Nguyễn Ngọc Thơ (Cham) 20DM. Hồ Quốc Hai (Cloppenburg) 20DM. Trần Thị Phương (Celle) 10DM. Nguyễn Thị Đàm (\*) 10DM. Nguyễn Thị Ngọc (\*) 10DM. Đặng Lưu Hồng Nga (Grimmitschau) 10DM. Vũ Tuấn Anh (Clausthal) 20DM. Nguyễn Tiến Dũng (Cottbus) 10DM. Nguyễn Kim Khánh (\*) 10DM. Vũ Kim Kiên (\*) 70DM. Trần Thị Tuyên (\*) 10DM. Vũ Thị Thanh (Chemnitz) 10DM. Nguyễn Lan Anh (Chemnitz) 20DM. Dương Thị Hương (\*) 20DM. Nguyễn Đăng Hậu (\*) 50DM. Phạm Thị Hoa (\*) 30DM. Dương Quý Lâm (\*) 50DM. Đoàn Văn Thành (\*) 30DM. Đỗ Kim Văn (\*) 30DM. Đào Thị Tinh (\*) 20DM. Cù Thị Thái Hằng (\*) 50DM. Nguyễn Thu Hương (\*) 150DM. Lều Văn Văn (\*) 20DM. Trương Ngọc Minh (\*) 10DM. Phạm Thị Nguyệt (\*) 20DM. Đỗ Văn Thắng (\*) 20DM. Hồ Phước Hải (\*) 20DM. Bá Minh Long (\*) 80DM. Nguyễn Phúc Nga - Sơn (\*) 10DM. Nguyễn Song Tùng (\*) 100DM. Nguyễn Xuân Môn (\*) 10DM. Nguyễn Ngọc Tâm (\*) 7DM. Phan Mạnh Thắng (\*) 20DM. Thiên An (\*) 100DM. Nguyễn Thị Liên (\*) 30DM. Nguyễn Tuyết Nhung (\*) 20DM. Hoàng Hoài Anh (\*) 20DM. Phạm Chí Dũng (\*) 20DM. Phạm Văn Dương (\*) 10DM. Nguyễn Ngọc Tâm (\*) 31DM. Trần Mạnh Long (\*) 20DM. Phương Chi (Darmstadt) 50DM. Nguyễn Ngọc Diệp (\*) 50DM. Nguyễn Quang Hoà (Diepholz) 20DM. Phan Ngọc Bích (\*) 40DM. Trương Nam Long (Dueren) 40DM. Nguyễn Minh Anh (D'dorf) 20DM. Phạm Văn Đoàn (\*) 20DM. Nguyễn Minh Huệ (\*) 20DM. Lê Thị Thu Trúc (Delmenhorst) 20DM. Lê Thị Ngọc Tú (\*) 10DM. Dương Xuân Trường (Doebein) 50DM. Trần Văn Hải (Duisburg) 20DM. Dương Đắc Cường (\*) 20DM. Thái Kim Huệ (\*) 30DM. Trần Siêu Yến (\*) 30DM. Nguyễn Thị Thanh Thủy (\*) 20DM. Đặng Gia Thân (Dortmund) 20DM. Bùi Hồng Nhung (\*) 20DM. Triệu Sinh Lâm (\*) 100DM. Nguyễn Thị Thái (\*) 50DM. Trương Diễm Hồng (\*) 50DM. Triệu Xuân Tuyết (\*) 50DM. Đặng Thị Văn (\*) 10DM. Thanh (Dresden) 70DM. Vũ Đình Hải (\*) 20DM. Nguyễn Chung Lan (\*) 20DM. Vũ Ngọc Thục (\*) 50DM. Phạm Thị Bích Kiêm (\*) 20DM. Nguyễn Thị Hồng Thủy (\*) 80DM. Phùng Thị Bình (\*) 40DM. Công Hồng Hải (\*) 20DM. Trần Thị Minh (\*) 40DM. Nguyễn Thị Mai Hoa (\*) 40DM. Đỗ Xuân Ngọc (\*) 50DM. Hoàng Việt Sơn (\*) 20DM. Nguyễn Thanh Danh (Essen) 20DM. Võ Thanh Nao (\*) 100DM. Nguyễn Bá Khương (Eggingen) 20DM. Nguyễn Giang Tuyên (Eisenhuettenstadt) 20DM. Nguyễn Khắc Dũng (Esslingen) 20DM. Nguyễn Đăng Khoa (Elbau) 35DM. Vương Quốc Anh (Ellrich) 20DM. Nguyễn Thị Minh Khanh (Edewecht) 10DM. Tô Minh Nguyệt (Eberswalde) 20DM. Lê Quang Minh (Egein) 40DM. Võ Trần Cường (\*) 50DM. Lê Đức Quang (\*) 50DM. Tăng Quốc Việt (Erkner) 20DM. Tạ Thị Văn Anh (Eberswalde) 50DM. Nguyễn Thị Thanh Hương (Emden) 10DM. Nguyễn Kim Yến (\*) 20DM. Lê Thị Lan Dung (\*) 10DM. Khanh Lê (\*) 6DM. Nguyễn Thị Lan (Eisenach) 40DM. Phạm Vũ Thị Đức (\*) 50DM. Nguyễn Quốc Tuấn - Đoàn Trang (\*) 100DM. Phạm Thị Vinh (\*) 50DM. Đào Duy Sơn (\*) 20DM. Đào Minh Ngọc (\*) 20DM. Nguyễn Đăng Thiêm (\*) 10DM. Trần Văn Đế (Erlangen) 10DM. Nguyễn Thị Khang (\*) 10DM. Vũ Thị Chi (\*) 20DM. Đặng Tươi (Erfurt) 20DM. Nguyễn Đăng Chiến (\*) 100DM. Tạ Huân Đức (\*) 20DM. Trần Thị Tâm (\*) 20DM. Nguyễn Như Ngọc (\*) 20DM. Nguyễn Việt Hùng (\*) 40DM. Vũ Ngọc Long (\*) 20DM. Nguyễn Thị Thơm (\*) 60DM. Hoàng Văn Quyết (\*) 20DM. Vũ Thị Nga (\*) 20DM. Tạ Việt Thông (\*) 20DM. Vũ Thị Thu Hà (\*) 50DM. Tô Hồng Sơn (\*) 20DM. Vũ Kỳ Hạnh (\*) 20DM. Đỗ Thị Thoa (\*) 40DM. Dương Quốc Cường (\*) 50DM. Nguyễn Cao Thắng (\*) 50DM. Nguyễn Mạnh Hùng (\*) 10DM. Nguyễn Tiến Sơn (\*) 5DM. Vũ Thị Thu Hương (\*) 20DM. Phạm Ngọc Bình (\*) 10DM. Ngọc Minh Kha (\*) 30DM. Đức Ninh (\*) 10DM. Bùi Thị Vích (\*) 50DM. Bùi Văn Tài (\*) 50DM. Chu Thị Hương (\*) 10DM. La Minh Đức (\*) 50DM. Phạm Ngọc Hiền (\*) 50DM. Nguyễn Thị Trà My (\*) 20DM.

ĐH. Tùng Vân (Einbeck) 20DM. Toàn Anh - Bích Hồng (\*) 30DM. Ngô Thanh Xuân (Fuldatal) 100DM. Nguyễn Thanh Hải (Freilburg) 60DM. Nguyễn Việt Sơn (Floeha) 30DM. Trần Xuân Hòa (\*) 30DM. Lê Văn Ruộng (\*) 10DM. Tăng Khánh Nam (Frankfurt) 20DM. Vũ Thị Minh Hương (\*) 30DM. Đào Mộng Long (Fuertth) 20DM. Nguyễn Cao Tường (\*) 10DM. Fam. Châu (Frieroythe) 10DM. Trương Chánh (\*) 50DM. Trương Thanh Hùng (\*) 20DM. Lê Quang Thịnh (Latzten) 10DM. Nguyễn Kỳ Thường (Luenen) 30DM. Đồng Trí (\*) 30DM. Ha Trang Luc Muoi (Luenen) 20DM. Huỳnh Thế Đống (\*) 20DM. Nguyễn Văn Bao (Ludwigshafen) 10DM. Nguyễn Chí Báo (Lageleckfeld) 20DM. Nguyễn Quang Vó (Leineforder) 10DM. Tam Schmidt (Laubach) 50DM. Vũ Thị Hồng Liên (Langendorf) 20DM. Nguyễn Thái Giang



(Ludwigsburg) 10DM. Cao Minh Đức (Lindern) 20DM. Nguyễn Văn Tuyết (Limburg) 50DM. Nguyễn Hữu Nghĩa (\*) 30DM. Nguyễn Khắc Vê (Leinefelde) 20DM. Trần Trọng Chí (\*) 90DM. Lưu Đức Thuận (\*) 20DM. Nguyễn Văn Quyền (Landshut) 50DM. Ngô Văn Thuận (\*) 50DM. Nguyễn Thị Nhi (\*) 60DM. Bùi Duy Nam (Langenhagen) 10DM. Phạm Văn Mai (\*) 10DM. Nguyễn Văn Bê (Langelsheim) 20DM. Phạm Thị Lan (Leibfing) 20DM. Phan Mạnh Hùng (Linz/Rhein) 100DM. Nguyễn Trọng Việt (Limbach) 30DM. Tô Chung Nam (Lippstadt) 20DM. Trịnh Thị Mai Hoa (\*) 100DM. Huỳnh Châu Long (\*) 20DM. Nguyễn Thị Kim Ngân (\*) 40DM. Trịnh Ngọc Bích (Ahten Lehrte) 20DM. Hoàng Kim Tuấn (Lehrte) 10DM. Nguyễn Thị Mậu (\*) 5DM. Trần Văn Quang (\*) 10DM. Nguyễn Văn Hòa (\*) 20DM. Phan - Đoàn (\*) 10DM. Nguyễn Đình Mạnh (Loewenstein) 10DM. Nguyễn Đình Thọ (\*) 10DM. Bùi Ngọc Anh (Leipzig) 10DM. Ngô Văn Thuận (\*) 10DM. Nguyễn Thị Tuyết (\*) 20DM. Dương Anh Túc (\*) 20DM. Nguyễn Văn Minh (\*) 20DM. Lê Tô Nga (\*) 50DM. Đỗ Thu Hương (\*) 5DM. Dương Thanh Hải (\*) 10DM. Nguyễn Hà Thành (\*) 20DM. Đỗ Thị Kim Oanh (\*) 10DM. Nguyễn Thị Diệp (\*) 20DM. Ân Văn Đoàn (\*) 10DM. Nguyễn Thị Lan (\*) 20DM. Nguyễn Minh Tuấn (\*) 50DM. Lê Thị Ngọc Thúy (\*) 50DM. Ngô Thị Minh Châu (\*) 10DM. Nguyễn Bích Thủy (\*) 10DM. Nguyễn Thị Sơn (\*) 10DM. Nguyễn Văn Chương (\*) 20DM. Phan Viết Tường (\*) 50DM. Đặng Thị Kim Dung (\*) 10DM. Trần Minh Tú (\*) 20DM. Dương Anh Tuệ (\*) 10DM. Nguyễn Thị Vân (\*) 10DM. Đỗ Thị Thanh Nhân (Gladenbach) 20DM. Nguyễn Quốc Trung (\*) 50DM. Nguyễn Thái Tân (\*) 10DM. Bùi Thị Huyền Nhung (\*) 20DM. Nguyễn Thị Lê (Groeditz) 20DM. Võ Thị Kim (Gießen) 50DM. Lâm Đồng Khánh (Guetersloh) 30DM. Trương Sú Há (\*) 10DM. Thanh Ngọc (Großlangheim) 100DM. Lâm Văn Yên (Großrosseln) 30DM. Nguyễn Thị Chiến (Goennheim) 20DM. Phan Thị Cúc (Grimmitschau) 12DM. Dương Văn Linh (Georgenzhal) 50DM. Lee Thụy Hạnh (Kethelm) 20DM. Thanh + Thủy (Gruenstadt) 20DM. Phạm Đăng Nam (Groß Zimmern) 10DM. Trần Đức Duy (Gruenberg) 10DM. Nguyễn Anh Văn (\*) 20DM. Phạm Thị Ngoan (\*) 10DM. Nguyễn Cẩm Lai (Gera) 10DM. Phạm Văn Hồng (\*) 20DM. Nguyễn Thanh Quế (\*) 10DM. Phạm Quang Thắng (\*) 20DM. Nguyễn Thị Lan (Geisa) 10DM. Nguyễn Hải Khoát (\*) 20DM. Nguyễn Duy Đô (\*) 10DM. Chu Hữu Quảng (\*) 50DM. Lê Phi Dung (Gnarrenburg) 20DM. Đặng Văn Sơn (Gehrdn) 10DM. Bùi Thị Thủy Hoa (\*) 10DM. Đỗ Thị Thủy (\*) 20DM. Trần Tú Ngọc (Gilfhorn) 20DM. Nguyễn Hoàng Anh (Gotha) 60DM. Nguyễn Hồng Hạnh (\*) 20DM. Nguyễn Thế Quang (Garbsen) 13DM. Nguyễn Văn Nhiệm (\*) 20DM. Đào Thiện Mẫn (\*) 10DM. Nguyễn Văn Gia (\*) 20DM. Nguyễn Tiến Dương (\*) 6DM. Nguyễn Quang Toàn (\*) 20DM. Nguyễn Kim Phượng (\*) 10DM. Hoàn (\*) 20DM. Trần Minh Hải (Gardelegen) 10DM. Trần Thị Đăng (\*) 4DM. Nguyễn Văn Chuẩn (\*) 10DM. Nguyễn Ngọc Tuyền (\*) 20DM. Lê Thị Tinh (\*) 20DM. Nguyễn Thị Duyên (\*) 20DM. Nguyễn Như Phượng (\*) 20DM. Lưu Văn Diệp (\*) 20DM. Nguyễn Văn Hinh (\*) 20DM. Trương Tuấn Anh (\*) 20DM. Trần Thị Đăng (\*) 10DM. Nguyễn Thị Hồng Lý (\*) 10DM. Hà Thanh Phượng (\*) 10DM. Lý Lư Hoàng (\*) 10DM. Lê Thị Hợp (\*) 10DM. Trịnh Xuân Biên (\*) 30DM. Phạm Thủy Vân (\*) 10DM. Phạm Quốc Hùng (\*) 30DM. Lê Thị Cương (\*) 20DM. Nguyễn Văn Hùng (\*) 10DM. Nguyễn Xuân Nghiêm (Goettingen) 40DM. Nguyễn Thị Thu (\*) 40DM. Lâm Thị Huệ (\*) 20DM. Trịnh Minh (\*) 20DM. Trần Minh Tuấn (\*) 20DM. Võ Đăng Tài (\*) 50DM. Nguyễn Đình Chính (\*) 10DM. Trần Thanh Nhu (\*) 10DM. Hồ Văn Diệu (\*) 100DM. Nguyễn Thị Lý (\*) 20DM. Võ Thị Thu Mai (\*) 20DM. Trần Mai Hoa (Halberstadt) 20DM. Nguyễn Tuấn Anh (Harpstedt) 20DM. Trần Thị Ngọc (Hoyersweda) 50DM. Nguyễn Đường Ngà (Heitstedt) 20DM. Nguyễn Đường Ngọc (\*) 40DM. Nguyễn Đường Minh (\*) 50DM. Trần Thị Thủy (Hofheim) 20DM. Nguyễn Thị V. (\*) 20DM. Nguyễn Đình Tiến (Huejngen) 20DM. Phan Văn Bình (Hassel) 20DM. Nguyễn Minh Tường (Hoya) 10DM. Bùi Văn Hùng (\*) 10DM. Nguyễn Chí Tuấn (\*) 10DM. Ngô Thị Thức (Hespe) 5DM. Nguyễn Quỳnh Anh (Holle) 10DM. Anh Tì + Chí Hòa (Helmbrechts) 10DM. Phạm Thị Vân (\*) 20DM. Nguyễn Văn Quyền (Hemkenrode) 10DM. Trần Thị Bay (Herne) 100DM. Nguyễn Phục Hưng (Harpstedt) 10DM. Bùi Văn Thành (H'dorf) 10DM. Tu Phạm Thị Hồ (Holtstadt) 50DM. Nhung Geisler (Hiede) 10DM. Phạm Thị Tố Hoa (Hapenhohr) 20DM. Nguyễn Thị Ngọc (Heeßen) 10DM. Nguyễn Sĩ Hoàì (Hennigsdorf) 50DM. Đào Xuân Tuấn (Heusentamin) 5DM. Nguyễn Tuấn Đức (\*) 120DM. Đặng Mạnh Thắng (Hildesheim) 5DM. Nguyễn Duy Minh (\*) 10DM. Vũ (\*) 10DM. Nguyễn Thế Quang (\*) 20DM. Vũ Quang Thứ (\*) 20DM. Nguyễn Việt Cường (\*) 20DM. Đào Xuân Việt (\*) 20DM. Cù Thị Phương (Helmstedt) 10DM. Dương Sang (\*) 50DM. Huỳnh Thanh (\*) 50DM. Huỳnh Tú Dung (\*) 50DM. Nguyễn Thị Nhi (\*) 50DM. Nguyễn Văn Quang (Hòa Lan) 20DM. Bùi Ngọc Thảo (\*) 5DM. Nguyễn Thị Minh Thu (\*) 25Gul. Nguyễn Chiến Thắng (\*) 50DM. Phạm Mai Thanh (Hamein) 20DM. Nguyễn Ngọc Lân (\*) 5DM. Nguyễn Duy Nam (\*) 10DM. Nguyễn Thành Lê (\*) 20DM. Nguyễn Đông Hải (\*) 10DM. Hoàng Huy (\*) 10DM. Giang Tân (\*) 20DM. Chu Văn An (\*) 50DM. Thiệt My (\*) 50DM. Nguyễn Công Thanh (\*) 10DM. Nguyễn Tuyết Chinh (Halie) 20DM. Tuyết Lan (\*) 20DM. Nguyễn Hữu Sáng (\*) 20DM. Nguyễn Quang Ninh (\*) 20DM. Trần Văn Hoat (\*) 20DM. Vũ Thành Nam (\*) 50DM. Phạm Thị An (\*) 20DM. Chiến (\*) 100DM. Vũ Văn Minh (\*) 20DM. Trần Văn Sinh (\*) 10DM. Nguyễn Thừa Văn (\*) 20DM. Trần Văn Diệp (\*) 50DM. Trịnh Việt Khoa (Hamburg) 20DM. Huỳnh Thị Kim Tuyền (\*) 20DM. Hồ Chánh Kỳ (\*)

50DM. Nguyễn Văn Tân (\*) 100DM. Lê Tú Hạnh (\*) 20DM. Nguyễn Ngọc Kim (\*) 10DM. Trần Hoàng (\*) 10DM. Hiên + Nga (\*) 20DM. Nguyễn Hoàng Thanh (\*) 50DM. Huỳnh Thị Tuyết (\*) 50DM. La Nam Tường (\*) 20DM. Trần Nhân Mỹ (\*) 20DM. Nguyễn Kiên Trinh (\*) 30DM. Đặng Tuyết Anh (\*) 10DM. Trần Hữu Đam (\*) 20DM. La Thu Sung (\*) 50DM. Hoàng Thanh Lâm (Hannover) 10DM. Lê Thị Bích Lan (\*) 30DM. Lê Minh Khanh (\*) 20DM. Lê Thị Lan (\*) 50DM. Đào Thiện Mẫn (\*) 30DM. Thiện Hậu (\*) 30DM. Nguyễn Thị Bích Ngọc (\*) 10DM. Dương Thị Kim Ngân (\*) 10DM. Thu + Từ (\*) 50DM. Klaus (\*) 20DM. Trương Văn Sơn (\*) 10DM. Trần Hữu Lợi (\*) 10DM. Ngô Mỹ Châu (\*) 50DM. Thiện An - Toàn (\*) 50DM. Võ Mạnh Tuấn (\*) 20DM. Hứa Thị Việt (\*) 5DM. Nguyễn Minh Thủy (\*) 10DM. Trần Thị Xuân (\*) 20DM. Vũ Đức Hiền (\*) 20DM. Nguyễn Văn Anh (\*) 20DM. Phạm Quan Hải (\*) 10DM. Nguyễn Anh Vũ (\*) 10DM. Phạm Thanh Phong (\*) 10DM. Vương Ái Phượng (\*) 10DM. Phùng Thị Hiền (\*) 20DM. Ng. H. Anh (\*) 10DM. Nguyễn Thị Kiều Liên (\*) 30DM. Phạm Tú Anh (\*) 10DM. Nguyễn Văn Minh (Jena) 50DM. Lê Nina (Jagsthausen) 50DM. Trần Quốc Hùng (Isernhagen) 10DM. Lương Thị Đức (\*) 15DM. Hồ Văn Minh (Idar Oberstein) 20DM. Trương Thanh Quân (\*) 30DM. Nghiêm Thị Xuân Hương (Kuezeisau) 20DM. Lý Anh Đào (\*) 20DM. Cát Huy Quang (Kassel) 10DM. Phạm Thanh Hải (Klingenberg) 50DM. Nguyễn Thị Chính (Kaiserlautern) 20DM. Viên A Nhi (Koblenz) 20DM. Võ Thị Năm (Kleken) 20DM. Nguyễn Hồng Tuyền (Krefeld) 10DM. Lê Văn Dân (\*) 50DM. Diệu Lý (\*) 20DM. Tiểu Chí Hùng (\*) 50DM. Nguyễn Văn Việt (Koeln) 10DM. Thái Kim Hia (\*) 50DM. Lê Trung Dũng (Koethen) 10DM. Đỗ Thị Huyền (\*) 10DM. Mai Đăng Hòa (\*) 20DM. Lê Ngọc Hải (\*) 10DM. Phạm Thị Thu (\*) 40DM. Vinh Anh (Meckelfeld) 10DM. Đỗ Thị Cúc Becker (Maring) 10DM. Trịnh Hồng Thọ (Moehjau) 40DM. Lê Sơn - Hoa Lan (\*) 10DM. Phạm H. Xuân (\*) 20DM. Đỗ Trung Phụng (Moisburg) 10DM. Bùi Viết Thiệu (Marienburg) 20DM. Bạch Kim Yên (Mainz) 10DM. Nguyễn Thành Quế (Moscow) 10DM. Nghiêm Minh Mẫn 20DM. Hà Thanh Bình (Meiningen) 30DM. Trần Thị Mạnh (Masch Hugstetten) 20DM. Nguyễn Tuấn Hà (Mainhausen) 20DM. Nguyễn Thị Mai (Muelangen) 50DM. Nguyễn Đức Hào (Molbergen) 20DM. Nguyễn Thị Hồng Kỳ (Musenburg) 20DM. Trần Ngọc Lan (Meisberg) 50DM. Phan Trọng Yên (Maintal) 50DM. Đặng Văn Lang (Marklohe) 20DM. Hồ Chí Hùng (Muenster) 20DM. Ngọc Kỳ (\*) 10DM. Nguyễn Khắc Giang (\*) 100DM. Hồ Lê Uyên (\*) 20DM. Tan Chung Kiệt (\*) 20DM. Yin Wor Leoung (\*) 50DM. Đỗ Tuyết Hà (Mannheim) 20DM. Lý Hồng Nguyễn (\*) 20DM. Đỗ Tuyết Phượng (\*) 10DM. Nguyễn Ngọc Cận (Magdeburg) 20DM. Đinh Đức Bình (\*) 20DM. Huỳnh Thị Mai (\*) 20DM. Đoàn Thanh Hương (\*) 10DM. Lê Tiến Dũng (\*) 20DM. Nguyễn Sinh Viên (\*) 10DM. Phạm Đình Thanh (\*) 20DM. Bùi Văn Lân (\*) 20DM. Vũ Thị Kim Dung (\*) 20DM. Nguyễn Thanh Sơn (\*) 50DM. Nguyễn Khắc Thung (\*) 10DM. Vương Trí Thứ (\*) 20DM. Ngô Thu Hương (\*) 20DM. Nguyễn Văn Ung (\*) 20DM. Phan Ngọc Lâm (\*) 50DM. Nguyễn Thị Kim Thanh (\*) 10DM. Phạm Văn Hiến (\*) 10DM. Sơn Hải Trung (\*) 10DM. Đặng Quang Hùng (\*) 20DM. Nguyễn Công Trí (\*) 20DM. Đàm Thị Hội (\*) 10DM. Nguyễn Văn Hùng (\*) 40DM. Ngô Xuân Năm (\*) 20DM. Nguyễn Văn Sức (\*) 60DM. Nguyễn Thanh Sơn (\*) 50DM. Khuất Thế Vinh (\*) 20DM. Nguyễn Đức (Muenchen) 50DM. Nguyễn Văn Thanh (\*) 20DM. Hà Thủy Vương (\*) 10DM. Đỗ Liên Hương (\*) 20DM. Hoàng Thị Kim Loan (\*) 20DM. Nguyễn Thị Kim Hoa (Nuernberg) 20DM. Phạm Thanh Hương (\*) 20DM. Trần Minh Nhật (\*) 40DM. Trâm Thuận Đạt (\*) 20DM. Bùi Thanh Hùng (\*) 20DM. Wolfgang - Linh (\*) 20DM. Lưu Bách Hùng (\*) 35DM. Phạm Văn Sơn (\*) 20DM. Hoàng Thanh Mai (Neuulmstorf) 10DM. Ngô Thanh Nghĩa (\*) 10DM. Vũ Hải Thạch (\*) 20DM. Hàn Khánh Tùng (\*) 20DM. Hàn Tùng Lâm (\*) 20DM. Phan Quỳnh (\*) 20DM. Đoàn Thị Mai (\*) 5DM. Nguyễn Trường Sơn (Nordenham) 10DM. Tan Khang - Lim Hul (Norderstedt) 30DM. Đỗ Thu Hiền (Netze) 10DM. Vũ Hồng Quang (Neustadt) 30DM. Trương Thanh Mai (\*) 50DM. Lâm Thị Hồng (Norddeich) 20DM. Trần Huệ (Nordhorn) 20DM. Trần Bá (\*) 100DM. Cheung Ngọc Hương (Neuanbling) 20DM. Khứu Nhan (Nienburg) 100DM. Ngụy Hứa Thu Ngọc (Oldenburg) 40DM. Lê Hồng (\*) 40DM. Hứa Thương Hưng (\*) 20DM. Lý Hồng Đức (\*) 20DM. Lý Thạch - Lê Hồng (\*) 50DM. Huỳnh Thị Lý (Osnabrueck) 10DM. Chong Tác Vo (\*) 20DM. Chong A Quay (\*) 20DM. Chong Ung Mui (\*) 20DM. Hoàng Đức Thành (Oscherleben) 20DM. Nguyễn Văn Quang (Obernkirchen) 20DM. Nguyễn Tấn Lực (Oelsnitz) 20DM. Lý Thanh Hải (Oetingen) 20DM. Hàn Vinh Quang (Ostfildern) 20DM. Trần Minh Đức (Pattensen) 10DM. Ngô Văn Phước (Pforzheim) 20DM. Đỗ Văn Thắng (Potsdam) 20DM. Huỳnh Thị Lánh (Paderborn) 100DM. Đào Xuân Thái (Pfullerdorf) 20DM. Trần Quang Thành (Papenburg) 20DM. Vũ Quốc Hoàì (\*) 10DM. Lê Văn Mến (Plauen) 60DM. Phạm Hoàng Tuấn (\*) 100DM. Đặng Thị Hà (Peine) 10DM. Trần Thị Bích Liên (\*) 20DM. Đoàn Minh Thủy (\*) 10DM. Đỗ Đan Tú (\*) 10DM. Hà Quốc Dũng (Quellnburg) 25DM. Phạm Văn Bái (\*) 20DM. Đỗ Đăng Hải (\*) 10DM. Nguyễn Thị Hoa (Rheine) 50DM. Đặng Thịnh (Roetha) 10DM. Nghiêm Thị Ánh Tuyết (Reichenbach) 30DM. Trần Bích Hằng (Reiland) 10DM. Trần Thị Lệ Hiền (Reichelsheim) 10DM. Nguyễn Thị Kim Lý (\*) 10DM. Lý Hương Long (Rotenburg) 20DM. Huỳnh Hữu Hoàng (\*) 20DM. Càng Văn Chính (Recklinghausen) 20DM. Vũ Văn Kiềm (Reinstedt) 10DM. Phạm Thị Hiền (Rossbrum) 10DM. Trần Văn Theo (Roßdorf) 50DM. Chong Sy Mui (Rheda) 20DM. Nguyễn Văn Năm

(Regensburg) 10DM. Nguyễn Khánh Thị Lan (\*) 20DM. Đỗ Tuấn Rathenow 10DM. Phan Văn Toàn (\*) 10DM. Tưởng Văn Thắng (\*) 10DM. Trịnh Quang Thơm (\*) 20DM. Bùi Văn Chính (\*) 20DM. Trần Đình Thanh (Ronnenberg) 10DM. Đào Anh Tuấn (Rathenow) 20DM. Trần Thị Hiền (Rheine) 10DM. Nguyễn Danh Tinh (Reinstedt) 10DM. Huỳnh Dung (Dolffzell) 20DM. Nguyễn Đức Thành (Spremburg) 50DM. Phan Văn Cơ (Stadoldendorf) 20DM. Tạ Nguyễn Việt Tiến (Seevetal) 20DM. Nguyễn Thị Ngọc Huệ (\*) 20DM. Lâm Văn Ba (Sweden) 10DM. Bùi Hữu Hà (Seelze) 20DM. Trần Thị Hai (\*) 10DM. Nguyễn Thị Kim Anh (Sicke) 20DM. Nguyễn Đức Khải (Suhl-Nord) 10DM. Nguyễn Thị Tuyết Lê (Scheidegg) 10DM. Bùi Thị Thanh Xuân (Schwebheim) 50DM. Nguyễn Thị Cán (Steinberg) 20DM. Vũ Văn Phú (Schweztigen) 50DM. Đông Sỹ Khương (Sigmaringen) 200DM. Thu Huyền (SW) 20DM. Nguyễn Khuyến (Schwarzberg) 50DM. Đặng Ngọc Hiền (Sindelfingen) 20DM. Lưu Thu Hương (Soltau) 10DM. Trần Đức Minh (Sangerhausen) 20DM. Phạm Quốc Hưng (Salzbergen) 40DM. Đoàn Thị Đặng (Stigenstadt) 50DM. Nguyễn Văn Thuận (Speyer) 20DM. Trương Hồng Bào (\*) 20DM. Nguyễn Trọng Thành (\*) 10DM. Nguyễn Văn Nhiệm (Spaichingen) 50DM. Nguyễn Hữu Hậu (\*) 20DM. Phạm Thị Bích Hiền (Schrozberg) 50DM. Phan Thế Mỹ (\*) 40DM. Nguyễn Thị Ngọc (\*) 10DM. Lê Đức Bình (Schwerin) 30DM. Đặng Thị Như (\*) 30DM. Nam Kussat (\*) 20DM. Phạm Thị Thu Hương (Schmalkalden) 20DM. Ngô Chí Quảng (\*) 20DM. Huỳnh Minh Cảnh (Schwedt) 10DM. Nguyễn Văn Ngân (Stendal) 20DM. Nguyễn Thủy Lan (\*) 10DM. Minh Lan (\*) 20DM. Nguyễn Văn Anh (\*) 20DM. Huỳnh Kim Trọng (Straubing) 10DM. Trần Văn Trọng (\*) 10DM. Trần Hạnh - Diệu Hoa (Seutenbach) 60DM. Võ Thị Hường (\*) 50DM. Nguyễn Thị Bạch Tuyết (Staßfurt) 20DM. Nguyễn Chính Nghĩa (\*) 20DM. Nguyễn Thị Thu Thủy (\*) 10DM. Nguyễn Thị Nhung - Kim Dục (\*) 10DM. Đoàn Ngọc Tuấn (\*) 20DM. Hoàng Đạo Thiêm (Stuttgart) 20DM. Mã Thành (\*) 40DM. Mã Ngọc Anh (\*) 50DM. Dương Tuấn Phát (\*) 20DM. Trần Anh Tông (\*) 50DM. Thái Anh - Trần Trung (\*) 100DM. Trần Vũ Cường (Salzgitter) 50DM. Nguyễn Thị Thúy (\*) 10DM. Hứa Thị Kim Oanh (\*) 20DM. Quỳnh Minh (\*) 5DM. Phạm Tuấn Hùng (\*) 20DM. Nguyễn Văn Nam (Springe) 50DM. Trần Huy Hiếu (\*) 10DM. Lê Thị Hồng (\*) 5DM. Trần Anh Tuấn (Saarburg) 20DM. Trần Xuân Hội (\*) 10DM. Nguyễn Văn Khang (Thale) 10DM. Ma Văn Hữu (\*) 10DM. Ngô Quang Trung (Torgau) 30DM. Vũ Việt Thành (\*) 20DM. Trần Quang Hưng (\*) 10DM. Trần Thị Bích Thủy (\*) 25DM. Phạm Khắc Tinh (Tarthun) 20DM. Nguyễn Văn Lý (Tannenbronn) 100DM. Dương Thị Bạch (USA) 15US. Hứa Văn Dầu (\*) 20DM. Nguyễn Hồng Sơn (\*) 20DM. Trần Thu Hương (Uehlingen) 20DM. Nguyễn Văn Bình (Uetze) 20DM. Thiện Như (Uelzen) 50DM. Nguyễn Văn Khanh (Viennenburg) 10DM. Nguyễn Văn Cường (Verden) 10DM. An Châu (Vechta) 20DM. An Lợi (\*) 20DM. Fam. Lý (\*) 10DM. Lý An Tôn (\*) 50DM. Trần Quốc Dự (Vrees) 20DM. Nguyễn Thị Bằng (Treffurt) 20DM. Nguyễn Thị Linh (Tangerhuette) 10DM. Lưu Bá Cơ (\*) 20DM. Vũ Đình Chư (Tengen) 20DM. Lê Văn Mười (Tuttlingen) 20DM. Trần Hùng Tâm (\*) 50DM. Nguyễn Đức Kính (Tangermuende) 50DM. Vũ Thị Khuyển (Weitersburg) 20DM. Bùi Phước Hải (Wuerzburg) 20DM. Nguyễn Vinh Hào (\*) 20DM. Bùi Xuân Kính (\*) 20DM. Ngô Quang Minh (\*) 20DM. Vương Tử Giang (\*) 20DM. Nguyễn Văn Long (\*) 20DM. Đỗ Linh Chiêu (\*) 30DM. Nguyễn Văn Hoàng (Wutha) 50DM. Ngô Ho (\*) 30DM. Nguyễn Minh Tiến (Wildeman) 20DM. Phạm Văn Quế (Waldeiburg) 10DM. Nguyễn Thị Quyên (Winsen) 20DM. Đào Thị Tấn (Werden) 50DM. Bùi Ngọc Yấn (Wachenheim) 20DM. Nguyễn Tú Sơn (Weinbach) 20DM. Nguyễn Văn Tiến (\*) 10DM. Lê Thị Thanh Hằng (Weltheramer) 10DM. Nguyễn Thị Hiền (Werdau) 20DM. Đào Thị Tĩnh (\*) 50DM. Nguyễn Thị Minh Phượng (\*) 50DM. Huỳnh Văn Lý (Witten) 50DM. Mai Thị Cẩm (Wuppertal) 20DM. Huỳnh Như Nguyệt (Wiesbaden) 100DM. Lăng Thu Toàn (Wilhelmshaven) 50DM. Quan Tố Nữ (WHV) 50DM. Trần Quốc Hiệp (Wasserleben) 12DM. Phạm Ngọc Tuấn (Wolffen) 40DM. Đặng Xuân Trường (Woelfen) 50DM. Lê Đức Chính (\*) 60DM. Vũ Thị Thủy Lan (\*) 20DM. Lê Thị Minh Châu (\*) 20DM. Nguyễn Thị Hải (\*) 20DM. Nguyễn Thị Thủy Anh (\*) 20DM. Đỗ Như Ngà (\*) 20DM. Huỳnh Thị Tuyết (Wernigerode) 50DM. Hoàng Mạnh Hùng (\*) 50DM. Hà Văn Sáng (\*) 5DM. Trịnh Xuân Phong (\*) 10DM. Nguyễn Mạnh Thu (Wahlterhausen) 30DM. Diệp Văn Sơn 50DM. Dương Quốc Hùng (Wilhelmsdorf) 20DM. Lê Minh Hậu (Waldkeppel) 10DM. Triệu Trung Tâm (Wittenberg) 50DM. Nguyễn Thị Mỹ Dung (Wahnsledel) 10DM. Tô Phú Thái (Wolfenbuettel) 20DM. Lê Thị Thanh (Zwickau) 20DM. Nguyễn Thị Cham (\*) (\*) 10DM. Hoàng Quốc Phú (Zeulenroda) 50DM. Thủy (\*) 10DM. Hồ Thị Lâm (Bietlghelm) 20DM. Lâm Minh Bật (Speyer) 100DM + 100DM HHLH ĐH Lâm Đạo Tứ. HHLH ĐH Diệp Thế Cẩm (Paderborn) 2.080DM. Lâm Thiện Ý (Hagen) 200DM. Lưu Thị Hiếu 100DM. Trịnh Diệu Huyền (Sindelfingen) 1 bao gạo, đậu ăn, muối. Đỗ Xuất Lê (\*) 25 Kg bao bột ngọt. Rest. Dynastie (Hannover) 10 bao gạo. Nguyễn Phú Đức (\*) 20 thùng đậu ăn. Gđ. Hồ Châu (Neusatdt) 200 bánh dứa. Thái Kim Huệ (Dulsburg) 1 máy quay ca rô. GĐĐH Diệu Nữ (Stadthagen) 90 miếng xôi v. Nguyễn Roanh (Luenen) 10 Kg rau + cải. Trịnh Quốc Phong (Cloppenburg) Đền cây + sữa. Đỗ Nguyên Huy Phượng (Stuttgart) 54斤 Phạt Thích Ca và Quán Thế Âm + khuôn cỡ 35x45. Wasana Neite (Langenhagen) 2 bao gạo + rau cải + đồ hộp chay v.v.. Hà Diên Long 2 bao gạo. GĐĐH Thiện Ý (Hannover) 2 bao gạo. Hạnh Tinh (Berlin) 60 bánh bía.

## ■ TRAI TẶNG

ĐH. Trần Thị Liêm (Đan Mạch) 100Kr. Sư Cô Hạnh Niệm (Chùa Viên Giác) 100DM. Sư Cô Hạnh Tĩnh (\*) 50DM. Sư Cô Hạnh Châu (\*) 50DM. Sư Cô Hạnh Ngọc (\*) 40DM. Sư Cô Hạnh Như (\*) 100DM. Sư Cô Hạnh Ân (\*) 50DM. Thiện Ý (Hannover) 60DM. Triết + Khanh (\*) 20DM. Hà Phước Nhuận (\*) 20DM. Bác Viên Tuyết (Laatzten) 50DM. Bác Minh Tôn (\*) 50DM. Diệu Nhụy (\*) 20DM. Quảng Ngộ (\*) 20DM. Võ Phước Lâu (\*) 10DM. Diệu Minh (Linden) 50DM. Hà Thanh 20DM. Tâm Đức (Geneve) 50DM. Nguyễn Đình Lộc 40DM. Phạm Anh Dũng 20DM. Chú Tâm 20DM. Nguyễn Tuấn Anh (Brandenburg) 20DM. Lê Ngọc Hải 20DM. Nguyễn Thị Liên 20DM. Lê Thị Tỵ (Pháp) 20DM. Lê Quang Tường 40DM. Nguyễn Văn Chương (Karlsruhe) 10DM. Trần Tuyết Anh (USA) 20US. Bác Diệu Anh 50DM. Tầng Mỹ Trân 20DM. Nguyễn Tường Nhân 30DM. Gđ Bác Sáu Lâu 20DM. Vinh 20DM. Thiện Hải 10DM. Diệu Quang 10DM. Ho T. Dung 100DM. Lương Thị Ngọc Việt 20DM. Thái Kim Huệ (Duisburg) 10DM. Cao Thị Lưu 10DM. Hoa Tâm 20DM. Nguyễn Thị Minh Sáu 10DM. Nguyễn Thu Hà 10DM. Punya 50DM. Nguyễn Thị Kim Loan 10DM. Quang Kiểm (Hannover) 20DM. Huỳnh Thị H. Xuân (Nuernberg) 20DM. Thiện Huệ 50DM. Phạm Ngọc Bình 30DM. Diệu Nữ + Thiện Căn 30DM. Thị Lộc 20DM. Thiện Sơn 20DM. Diệu Tinh 20DM. Diệu Hương 20DM. Đạt Huệ 50DM. Phù Vân 20DM. Mỹ Hạnh Lâm 20DM. Tầng Kim Lan 20DM. Bà Công 20DM. Lương T. Văn 20DM. Trình Trọng Hiếu 20DM. Thiện Hạnh 30DM. Diệp Văn Sơn 20DM. Lương Thanh 20DM. Phùng Thị Hiền 10DM. Đào Đức Nghĩa 30DM. Quảng Hiền (Hamburg) 20DM. Lương T. Văn 30DM. Vũ Huyền Anh 10DM. Trình Thái Vinh 10DM. Trình Thái Quang 10DM. Trình Thái Hồng 10DM. Thị Huệ 20DM. Đỗ Thị P. Thảo 20DM. Trương Lai 20DM. Toàn Thiêm 20DM. Hà Xuân Lan 10DM. Thiện Nữ 10DM. Bùi Thị Trâm 10DM. Trần Thị Nết 30DM. Diệu Kim (Hamburg) 30DM. Diệu Anh (\*) 20DM. Diệu Ngọc (\*) 20DM. Diệu Đạo (\*) 20DM. Thiện Tinh 20DM. Tâm Bích 30DM. Thiện Đức 20DM. Từ Diệu + Thiện Hữu (Stuttgart) 50DM. Đông Sỹ Khương (Lai) 50DM. Nguyễn Văn Nhung (Laatzten) 20DM. Tiêu Thị Thi 50DM. Nguyễn Văn Hoàng 10DM. Từ Lượng 50DM. Mai Thanh Hương 20DM. Nguyễn Ngọc Chung 10DM. Thiện Thành 20DM. Nguyễn Thị Hòa 20DM. Thiện Xuân 20DM. Thiện Lý 10DM. Đàm Ngọc Văn 10DM. Đào Thị Liêm 5DM. Diệu Thơ (Koeln) 30DM. Trần Thanh Kim (Hanau) 20DM. Ngô Ngọc Diệp (Hannover) 20DM. Nguyễn Văn Trung 50DM. Ngọc Thanh Sơn 50DM. Quang Đông 10DM. Diệu Huệ 20DM. Tuấn 10DM. Lý Hùng Sơn 50DM. Viem 10DM. Huỳnh Thị Hoàng 20DM. Thiện Ngộ 20DM. Thái Cẩm Huệ 20DM. Gđ. Thiện Mậu + Thiện Huy 50DM. Từ Hùng 20DM. Phạm Thị Cúc 20DM. Lưu Nguyệt Anh (Đan Mạch) 100Kr. Diệu Thanh (\*) 100Kr. Diệu Hoàng 30DM. Thiện Hương (Essen) 20DM. Nguyễn Văn Thịnh (\*) 50DM. Lâm Thị Văn (Remscheid) 10DM. Võ Thành Quang (Bayreuth) 20DM. Đỗ Thuận Phát (Hannover) 50DM. Lê Văn Mỹ (Karlsruhe) 50DM. Trương Tấn Lộc (Laatzten) 50DM. Vũ Thị Dấu (Aachen) 20DM. Giang Liễu + Chung Việt (Nuernberg) 10DM. Gđ. Huỳnh Thanh + T. Hà (\*) 10DM. Trình Thị Thanh (\*) 20DM. Nguyễn Lạc (\*) 30DM. Nguyễn Thị Yến (\*) 20DM. Gđ. Bửu Đạt (Merzig) 100DM. Diệu Thu (Neu Ulm) 50DM. Lý Văn Sang (Suisse) 100DM. Nguyễn Thúy Liêm (Essen) 30DM. Lê Thị Minh Diệp (Krefeld) 30DM. Đặng Thị Loan (\*) 30DM. Lý Tấn Vang (\*) 100DM. Đoàn sinh GĐĐPT Minh Hải (Norddeich) 160DM. Lê Văn Trường (Karlsruhe) 100DM. Trương Thị Tâm Trang (Đan Mạch) 500Kr. Nguyễn Chính (Mundelstrup - Đan Mạch) 500Kr. Nguyễn Danh Thắng (Mannheim) 500DM. Thiện Sanh 50DM. Nguyễn Văn Tân (Gießen) 50DM. Đỗ Thị Hiền (Suisse) 200Sch. Thiệu Ngọc (Đan Mạch) 300Kr. Đặng Thủy Liên (Schorndorf) 20DM. Nguyễn Thị Phượng Mai (Lemwerder) 20DM. Nguyễn Anh Dũng (Nuernberg) 20DM. Lê Văn Vinh (Wangen) 100DM. Gđ. Quảng Ngộ (Laatzten) 100DM. Diệu Thông Lý Tố Hương 100DM. Diệu Kim Lý Tố Cẩm 50DM. Diệu Anh Diệp Ngọc Diệp 50DM. Diệu Thiện Tiêu Thị Thi 200DM. Thái Thị Tố Huyền + Q. Minh 100DM. Phạm Văn Đức 50DM. Tô Thành Quang 30DM. Nguyễn Tường Nhân 100DM. Nguyễn Thái Nam 50DM. Diệu Hương Võ Thị Lý 100DM. Thiện Phát Hà Thị Lan Anh 50DM. Quảng Hiền Hồ Thị Hiếu 50DM. Lê Minh Như 20DM. Huỳnh Thành 50DM. Giang Lăng Phượng 20DM. Trần Hữu Đức 50DM. Võ Việt Đan 10DM. Thiện Nguyễn Lý Hùng Sơn 100DM. Phạm Thị Lan 30DM. Thiện Đức Lê Văn Phước 50DM. Nguyễn Mạnh Hùng 50DM. Diệu Thoa 20DM. Tô Quốc Tuấn 20DM. Thiện Hà (Phạm Văn Sơn) 20DM. Thiện Kim Phạm Văn Diệp 20DM. Thiện Tấn Phạm Văn Tiến 20DM. Trương Quang Trung 20DM. Phạm Thị Bích 10DM. Vũ Thị Hiếu 4DM. Trình Thị Thanh 50DM. Lê Thiệp 20DM. Thiện Hữu Trần Hữu Lộc + Từ Diệu Đỗ Thị Thanh Vân (Stuttgart) 50DM. Nguyễn Hữu Diệu 50DM. Từ Phát Hồ Thị Thanh Bình 20DM. Huỳnh Hiền 50DM. Lê Thị Ngọc Diệp 50DM. Giang Lăng Mười 10DM. Hồ Đình Tuấn 10DM. Trung Nhân Huỳnh Thị Bé Hiền 20DM. Từ Đường Hồ Thị Kim Hiếu 50DM. Huỳnh Thị Hồng Xuân 50DM. Trâm Trương Đạt 25DM. Trâm Xuân Phượng 25DM. Từ Lạc Hồ Thị Kim Loan 10DM. Diệu Tĩnh Hoàng Thị Thủy 61DM. Nguyễn Thị Kim Châu 15DM. Giang Liên 50DM. Nga + Ngộ 10DM. Nguyễn Đình Tuệ 50DM. Lai Văn Trận 50DM. Lý Hùng 20DM. GĐPT Chánh Dũng 50DM. Nguyễn Thị Yến 20DM. Nguyễn Thị Kim Sanh 20DM. Sukha Nguyễn Thị Bé 50DM. Võ Thị Mỹ 50DM. Ngô Quốc Hùng 30DM. Lưu Đức Thọ 20DM. Lê Trần 20DM. Nguyễn Oanh Nguyễn Thị Yến 30DM. Ăn danh 20DM. Lạc

Anh 50DM. Nguyễn Phước Lộc 50DM. Ấn danh 60DM. Chi Hội PTVNTN Saarland + Trier + VPC 500DM. Lưu Văn Nghĩa (Hanau) 30DM. Lý Kiến Cường (Saarb.) 50DM. Chung Văn Tấn (\*) 20DM. Giang Lăng Cui (\*) 20DM. Đặng Thị Xứng (Lebach) 50DM. Dương Thị Ân (\*) 20DM. Huỳnh Bích Nhung (Huelzweiler) 40DM. Tiểu Chí Chung (S. Ingbert) 20DM. Trần Ngọc Xuân (Minderlittgen) 20DM. Nguyễn Thanh Tâm (Merzig) 50DM. Lê Thị Ngo (Losheim) 20DM. Tâm An Nguyễn Thị Hoa (Unna) 500DM. HHHL ĐH Bùi Đình Phú. Trương Thị Lan (Pforzheim) 50DM. Gđ. Thiện Tấn + Thiện Hạnh (Hannover) 100DM. Gđ Như Thân (\*) 50DM. Nguyễn Thị Xuân Mai (Bremen) 50DM. Gđ. Nguyễn Hữu Dư (Hòa Lan) 600Gul. Chi Hội PTVNTN Rottweil + VPC 100DM. Nguyễn Văn Nhiệm (Spalchingen) 40DM. Huỳnh Nghiệp Thanh (\*) 20DM. Trần Hải Hòa (\*) 40DM. Châu Nam (\*) 40DM. Nguyễn Văn Chin (\*) 30DM. Nguyễn Thị Lan (\*) 20DM. Nguyễn Tiến Vinh (Schramberg) 41DM. Nguyễn Văn Lý (Tennenbronn) 40DM. Trần Thị Bích Thủy (Karlsruhe) 20DM. Lương Văn Xinh (\*) 50DM. Tôn Nữ Chung Anh (\*) 20DM. Nguyễn Văn Chương (\*) 20DM. Trần Hùng Tâm (Tuttlingen) 100DM. Lê Văn Mười (\*) 20DM. Phan Văn Hữu (\*) 30DM. Nguyễn Thị Tiên (\*) 20DM. Đoàn Thanh Hưng (Trossingen) 50DM. Nguyễn Duy Uy (Mannheim) 20DM. Phạm Doãn Dương (\*) 20DM. Nguyễn Thành (\*) 20DM. Tấn Thu (\*) 20DM. Nguyễn Thị Dư (\*) 60DM. Thiện Xuân (\*) 100DM. Diệu Đông (\*) 100DM. Nhựt Trọng (\*) 20DM. Tâm Trí (\*) 30DM. Nguyễn Xuân Đức (Tuebingen) 30DM. Chi Hội PTVNTN Frankfurt & VPC 500DM. Huỳnh Công Cử (Frankfurt) 50DM. Nguyễn Chánh Trực (Berlin) 50DM. Bắc Phó (\*) 200DM. Shouhour Hoang (Nuernberg) 50DM. Lê Thị Cao (\*) 30DM. Đào Hữu Chí (Hamburg) 100DM. Thiện Hà (Chùa Viên Giác) 70DM. Trần Văn Cồn (Suisse) 100US. Nguyễn Minh Trí (Mannheim) 20DM. Cổ Diệu Hoa 100FF. Nguyễn Minh Hoàng 50FF. Nguyễn Minh Triết 50DM. Minh Thông + Minh Hải + Diệu Hương + Diệu Tranh + Diệu Thuận 50DM. Thị Muồng 20DM. Ni Cô (Đan Mạch) 100Kr. Lê Văn Anh (Bremen) 10DM. Phạm Văn Dũng (Hildesheim) 50DM. Nguyễn Thị Hà (\*) 40DM. Nguyễn Ngọc Diệp (Neuss) 40DM. Nguyễn Thị Diệp (\*) 20DM. Nguyễn Thị Ngọc Hân (K.Ostheim) 20DM. Hồng Ngọc Phương (\*) 20DM. Nguyễn Văn Tâm (Wilhelmshaven) 20DM. Đặng Thị Thu (Berlin) 50DM. Diệu Trang (\*) 50DM. Nguyễn Đình Hiền (\*) 50DM. Trần Huy Long (Saarland) 20DM. Phạm Thu Hương (\*) 20DM. Trần Thu Nga (\*) 20DM. Trần Ngọc Giàu (\*) 20DM. Trần Kim Sang (\*) 20DM. Đỗ Ngọc Trọng (Seelze) 140DM. Ấn danh 20DM. Trịnh Hy (Saarb.) 50DM. Lý Trần Thu (Goettingen) 20DM. Lê Thị Lang (Bremervoerde) 50DM. Nguyễn Thị Hiền (\*) 50DM. Lê Văn Thiện (Hamburg) 50DM. Trần Nương Báo (Frankfurt) 20DM. Diệu Hương (Úc) 100DM. Hoa Tâm (USA) 40DM. Thái Kim Huê (Duisburg) 120DM. Huỳnh Văn Sang (Luebeck) 50DM. Đệi Lân GDPT Đức Quốc 100DM. Cô Thủy (Berlin) 50DM. Cô Hạnh Niệm (Chùa Viên Giác) 300DM. Cô Hạnh Tĩnh (\*) 100DM. Cô Hạnh Châu (\*) 100DM. Cô Hạnh Ân (\*) 100DM. Thầy Hạnh Báo (\*) 100DM. Cổ Diệu Giác (\*) 200DM. Gđ. Trần Văn Quang Kính (Hannover) 170DM. Gđ. Đỗ Thuận Phát (\*) 50DM. Gđ. Diệu Nhụy (Laatzen) 50DM. Gđ. Minh Tôn (\*) 100DM. Lý Tố Huệ 400DM. Lý Tố Hương 100DM. Lý Quốc Nghĩa 100DM. Bắc Viên Tuyết (Laatzen) 100DM. Võ Văn Mai (Berlin) 100DM. Thiện Sơn (\*) 100DM. Diệu Nữ (Stadthagen) 50DM. Tôn Nữ Minh Nguyệt (Na Uy) 50DM. Minh Huê (\*) 50DM. Phạm Văn Dầu (\*) 100Kr. Phan Văn Thảo (Hòa Lan) 50Gul. Nguyễn Văn Thanh (\*) 50Gul. Trần Chí Lan (?) 100Kr. Chi Hội PTVNTN Hannover 200DM. Quảng Niệm (Hannover) 50DM. Thị Chơn (\*) 20DM. Gđ. Lê Trai (USA) 200US. Lê Quang Tường (Fallingbostel) 50DM. Nguyễn Lê Hùng 40Can. Nguyễn Ngọc Diệp (Darmstadt) 100DM. Lưu Nguyệt Anh (Đan Mạch) 100Kr. Phạm Minh Phương (\*) 100Kr. Tạ Thị Kịch (\*) 100Kr. Hạnh Ngọc (USA) 100Kr. Nguyễn Chính (Đan Mạch) 100Kr. Minh Trường (Na Uy) 300Kr. Phạm Bút (\*) 200Kr. Phạm Công Hoàng (Bremen) 100DM. Thanh Lạc (Berlin) 20DM. Thanh Báo 20DM. Minh Tân 20DM. Thanh Tĩnh 20DM. Tử Thu 20DM. Nguyễn Thị Diệu Hạnh (Berlin) 50DM. Phạm Thị Minh 50DM. Diệu Tĩnh 50DM. Thiện Chánh (Hannover) 20DM. Nguyễn Thị Thu Hà (Berlin) 100DM. Nguyễn Hải 20DM. Sukha 20DM. Ngọc Thanh 100DM. Huệ Niệm 100DM. Khứ Phụng Mỹ 20DM. Phạm Kim Lang 10DM. Hà Thị Mộng Thủy 50DM. Hà Thị Lan Anh 50DM. Thiện Liên 10DM. Nguyễn Tĩnh 10DM. Nguyễn Thị Tuyết Anh 10DM. Diệp Năng Tài 50DM. Thiện Huệ 50DM. Mai Mỹ Linh 20DM. Trần Xuân Thủy 20DM. Trần Thị Kim Ngọc 20DM. Ấn danh 20DM. Tiểu Thị Thị + Thái Quang Minh + Đoàn Thị Tố Huyền 200DM. Huỳnh Thị Hồng Xuân 50DM. Đức Hương (Fuerth) 50DM. Bùi Thị Trâm 30DM. Gđ. Nguyễn Thị Thủy 100DM. Gđ. Ngô Đình Đáo 50DM. Bùi Văn Cầu 50DM. Hoàng Thị Sanh 50DM. Nguyễn Thị Liễu 50DM. Nguyễn Thu 50DM. Bùi Thị Kham 30DM. Lê Thị Bích Thủy 30DM. Phùng Thị Hiền 20DM. Thiện Tấn Nguyễn Thị Tâm 100DM. Vương Kim Huê 100FS. Nguyễn Đức Năng (Đan Mạch) 50DM. Cao Đình Lạc + N. Bông (\*) 50DM. Lê Thị Hoàng (\*) 50DM. Vũ Văn Thiết (\*) 50DM. Kha Thị Huệ (\*) 50DM. Thiện Dũng 50DM. Hứa Thị Ba 20DM. Nguyễn Thị Tuyết Anh 100DM. Nguyễn Văn Tây 50DM. Diệu Trân (Hamburg) 20DM. Diệu Ngọc (\*) 20DM. Đỗ Thị Mạnh 50DM. Trần Nhựt Quang 20DM. Ấn danh 20DM. Ấn danh 20US. Trần Phong Lưu 20DM. Diệu Huệ 50DM. Đoàn Thị Thuận (Suisse) 100FS. Thiện Hữu + Tử Diệu 50DM. Tăng Bích Phần 20DM. Thiện Căn Phạm Hồng Sáu 20DM. Ban HD/GDPT Âu Châu 100DM. Nguyễn Thuận Hòa 10DM. Đặng Hiệp 10DM. Đặng Thị Mỹ Dung 10DM. Lại Ngọc Vinh (Frankfurt) 100DM. Nguyễn Thị

Dừa (Mannheim) 50DM. Nguyễn Danh Thắng (\*) 100DM. Nguyễn Thị Thu 100DM. Nguyễn Trung Trực 100DM. Võ Văn Trúc 50DM. Minh Hiến 20DM. Diệu Cao 20DM. Thiện Hữu 20DM. Quang Lương 100DM. Thị Kiến 100DM. Nguyễn Thị Dư 100DM. Võ Thành (Essen) 1.000DM. Võ Cồn (Suisse) 100DM. Đỗ Thị Hiền (Suisse) 100FS. Đoàn Thị Thiện (\*) 100FS. Võ Thị Đoan (\*) 100US. Chi Hội Phật Tủ Karlsruhe 220DM. GĐDH Trang (Pháp) 500FF + 160Gul + 1.000FB.

## ■ XÂY CHÙA

ĐH. Nguyễn Ban (Freiburg) 400DM. Herrn Dr. Ernst Albrecht (Hannover) 1.000DM. Nguyễn Thị Như (Canada) 500Can. chuyển từ cổ phần Hội Thiện sang) Nguyễn Thị Viên (Canada) 500Can. chuyển từ cổ phần Hội Thiện sang. Võ Thành (Essen) 100DM. Lê Anh Mueller (Lebach) 500US. Nguyễn Thị Châu (Stuttgart) 50DM. Trần Nhựt Quang (Ibbenbueren) 20DM. Danny Lu (Oldenburg) 20DM. Điền Quốc Việt (Nuernberg) 30DM. Nguyễn Hồng Quang (Bad Bevensen) 20DM. Trần Hoàng Anh + Mai Liên 10DM. Nguyễn Ngọc Hùng (Gruenberg) 20DM. Bùi Như Sơn 100DM. Nguyễn Kiều Long (Melle) 50DM. Hồ Văn Kiêm 40DM. Trần Thị Đức (Muenchen) 10DM. Phạm Ngọc Tuấn (Hamburg) 30DM. Nguyễn Thị Mỹ Hoa (Regensburg) 50DM. Trần Thị Kim Ngọc 10DM. Nguyễn Thanh Hồng (Moehlau) 60DM. Sâm Ngọc Anh (Saarwellingen) 100DM.

## ■ MỘT TƯỢNG PHẬT

ĐH. Dr. Jochen Dienemann (Hannover) 120DM. Lý Muội Tư (Nguyễn Thị Ba) (Đan Mạch) 120DM. Phan Anh Anh (Eschweiler) 120DM. Hứa Quang (Monheim) 120DM. Phan Thị Thảo (\*) 120DM. Nguyễn Xuân Huy (Nga) 120DM. HLDH Nguyễn Xuân Uyển (Việt Nam) 120DM. Nguyễn Thị Bình (Nga) 120DM. Nguyễn Thanh Mai (Nga) 120DM. Nguyễn Hoàng Long (\*) 120DM. Hồ Thị Lâm (Bietigheim) 120DM. Hồ Văn Cấn (\*) 120DM. Phạm Đăng Phụng (\*) 120DM. Hồ Văn Kiêm (\*) 120DM. Hồ Ái Viên (\*) 120DM. Hồ Văn Thành (\*) 120DM. Hồ Văn Nghĩa (\*) 120DM. Hồ Thị Chính (\*) 120DM. Karl Heinz Fischer 120DM. HHĐH Phạm Văn Tươi (Pháp) 120DM. HLDH Đinh Thị Hương (\*) 120DM. HLDH Nguyễn Thanh Quý (\*) 120DM. ĐH Đinh Thị Vui (Việt Nam) 120DM. Đỗ Trần Trường (Wolfsburg) 120DM. Chung Tử (Pháp) 420FF. Diệu Thiện (\*) 420FF. Đặng Văn Phước (Việt Nam) 420FF. Ngô Thị Đồng (\*) 420FF.

## ■ TƯỢNG THÍCH CA

ĐH. Phan Thị Lan (Hamburg) 30DM.

## ■ TƯỢNG QUAN ÂM

ĐH. Ngô Thị Nhi (Telgte) 50DM. Lâm Kim Khánh (M'Gladbach) 50DM. Lê Thọ Hạng (Reutlingen) 20DM. Trần Thị Đoài (\*) 50DM. Trần Tử Kính (Freiburg) 10DM.

## ■ TRAI CÙI + MÙ + CỎ NHI VIỆN

ĐH. Phan Hữu Hạnh (Birkenfeld) 10DM. Ó Thị Hai (Haren) 300DM. Châu Ái Hương (Muenster) 50DM. Đỗ Thị Bích Chấn 10DM. Vũ Thị Đẩu (Aachen) 40DM. Đặng Như Nan (Nuernberg) 30DM. Mai Bích Lan (\*) 30DM. Trịnh Thị Thanh (\*) 20DM. Nguyễn Thị Yến (\*) 20DM. Trần Văn Biểu (Muenster) 20DM. Đặng Văn Chiến 30DM. Nguyễn Hồng Quang (Bad Bevensen) 30DM. Võ Thành (Essen) 50DM. Thái Văn Dũng 60DM. Fam. Nguyễn (Bergkamen) 40DM. Lê Thị Minh Diệp (Krefeld) 40DM. Diệp Văn Sơn 50DM. Đặng Hiền (Hildesheim) 20DM. Thái Văn Dũng (Bergkamen) 60DM. Nguyễn Ngọc Khôi 20DM. Dương Tuyết Linh 10DM. Từ Vũ (Hannover) 50DM. Trịnh Thị Thanh (Nuernberg) 30DM. Trần Văn Hĩa (\*) 20DM. Hồ Văn Kiêm (Bietigheim) 50DM. Lâm Minh Bót (Speyer) 50DM. Võ Cồn (Suisse) 100DM.

## ■ TRAI DƯỞNG LÃO

ĐH. Nguyễn Ban (Freiburg) 100DM. Võ Thành (Essen) 25DM.

## ■ TRẺ EM NGHÈO

ĐH. Võ Thành (Essen) 25DM. Dương Tuyết Linh 10DM. Văn Mỹ Hoa - Ngọc Khôi 20DM. Đặng Hiền (Hildesheim) 20DM.

## ■ QUẦY HÀNG TÌNH THƯƠNG

ĐH. Đặng Thị Xứng (Lebach) 100DM. Dương Thị Ân (\*) 50DM. Tuyết Hambusch (\*) 50DM. Nguyễn Thị Thu Thủy (Ludweiler) 50DM. Hồ Thị Y (Saarlouis) 50DM. Trần Tấn Lộ (\*) 30DM. Nguyễn Văn Quý (Saarland) 50DM. Thiện Trang (Merzig) 100DM. Trần Huy Lâm (Beckingen) 50DM. Huỳnh Văn Liễu (Saarbruecken) 50DM. Trịnh Hy (\*) 100DM. Phát hành bánh nhân Lễ Vu Lan 2.000DM. Cô Hạnh Niệm (Hannover) 100DM. Trần Như Song (\*) 50DM. Thị Chánh (\*) 10DM. Ấn danh (\*) 40DM. Thiện Căn (Stadthagen) 50DM. Ấn danh (Wintrich) 40DM. Nguyễn Quốc Cường (Essen) 30DM. ĐH Hải (Neustadt) 400DM. GDPTVNTN Đức Quốc 186,75DM. Tiền phát hành bánh

217,92DM. Trương Văn Nhuận (Albstadt) 50DM. Quách Mộng Hoa (\*) 40DM. Nguyễn Văn Bê (Betzingen) 50DM. Nguyễn Thị Mùi (Reutlingen) 50DM. Trần Văn Sanh (\*) 50DM. Nguyễn Việt Nhật (\*) 50DM. Lê Thọ Hạng (\*) 50DM. Phan Ngọc Minh (\*) 50DM. Trần Thị Duối (\*) 100DM. Trần Thị Phước (\*) 100DM. Nguyễn Thị Linh Chi (\*) 20DM. Nguyễn Thị Thanh Ngọc (\*) 25DM. Trần Văn Huyền (\*) 25DM. Nguyễn Thị Tâm (Việt Nam) 25DM. Đỗ Kiến Châu (Stuttgart) 20DM. Nguyễn Thị Tú (Sindelfingen) 30DM. Ân danh (\*) 20DM. Hứa Xuân Vinh (\*) 150DM. Nguyễn Hữu Kiêm (\*) 30DM. Đỗ Chánh Dân 20DM. Dương Thị Linh (\*) 10DM. Trần Xuân Hiền (Tuebingen) 50DM. Huỳnh Hương (Lichtenstein) 20DM. Thiệu Nghiêm Trần Thị Lan (Hannover) 100DM.

GDDH Như Thân (Hannover) 30 bịch nước ngọt. Lê Văn Mỹ (Karlsruhe) 110 bánh qui + 50 bánh bèo. Tâm Lượng + Lại Ngọc Hải (Frankfurt) 279 bánh ich gân. Hoàng Tôn Long (\*) 285 bánh. Diệu Nữ (Stadthagen) 96 bánh xôi vị. Chùa Bảo Quang (Hamburg) 40 trái bắp. Lê Quang Tường (Fallenbostel) 30 sợi dây nịt. Lý Kiến Cường (Saarbruecken) 40 bánh dẻo lớn + 60 bánh dẻo nhỏ. Chi Hội PTVNTN Saarland 50 bánh bao. Trần Hữu Lượng (Anspach) 144 bánh xu xê. Lê Thị Thanh (Reutlingen) 150 bánh bèo. Y Ba (\*) 100 bánh da lợn + 100 bánh xu xê.

### ■ QUỸ MUA MÁY IN

DH. Ngô Thị Nhi (Teigte) 25DM. Nguyễn Thanh Thúy (Uelzen) 20DM. Đỗ Văn Lợi (D'dorf) 100DM. Hoàng Nguyên Ngân (Mainz) 100DM. Hà Văn Thành (Frankfurt) 50DM. Đỗ Thị Hồng Yến (Schonberg) 20DM. Dương Chánh Quân (Cloppenburg) 20DM. Trương Tài Minh (\*) 20DM. Trần Đăng Thanh (Karlsruhe) 50DM. Lương Thị Búp (Bochum) 20DM. Lý Ngọc Thanh (Ingolstadt) 20DM. Lâm Lê Chu (\*) 20DM. Huỳnh Thị Phương (Berlin) 20DM. Nguyễn Thành Văn (Bingen) 20DM. Nguyễn Thị Châu (Stuttgart) 50DM. Trần Hữu Nghiệp (Muenster) 20DM. Trần Nhật Quang (Ibbenbueren) 20DM. Lê Trung Trực (Frankfurt) 20DM. Đỗ Văn Kiệt (Duisburg) 20DM. Trần Quang Trung (Oberhausen) 20DM. Nguyễn Thị Ngào (Aschaffenburg) 100DM. Trần Ngọc Hiền (Frankfurt) 20DM. Đồng Văn Lâm (Hamm) 20DM. Nguyễn Thị Liên (Regensburg) 20DM. Trịnh Quốc Phong (Cloppenburg) 20DM. Võ Thị Mỹ (Wiesbaden) 20DM. Nguyễn Thành Nam (Stuttgart) 50DM. Hoàng Minh Nguyễn (Herford) 100DM. Nguyễn Phan Chấn (Muenster) 20DM. Lê Quang Yên (Hannover) 20DM. Đặng Ngọc Trần (Reutlingen) 50DM. Trần Quang Tuệ 50DM. Nguyễn Thu Cúc (Saarburg) 20DM. Nguyễn Trần Đình 100DM. Trương Nam Long 40DM. Vũ Đình Hải (Dresden) 10DM. Lê Văn Cát (Norden) 30DM. Trang Văn Hưng (Eislingen) 20DM. Hồ Vĩnh Giang (Laatzen) 20DM. Tạ Văn Duy (Saarb.) 40DM. Hồ Thị Lâm (Bietigheim) 50DM. Cao Thị Nền (Pháp) 100FF. Võ Lương Thị Nga + Võ Thiên Phước (Langenthal - Suisse) 240DM. Vũ Việt Boong (Viersen) 50DM. Trần Thị Đức (Muenchen) 10DM. Lê Thị Ngân (\*) 60DM. Nguyễn Thị Phụng (Suisse) 100DM. Nguyễn Thanh Hồng (Moehlau) 20DM. Võ Cồn (Suisse) 100DM. Nguyễn Hữu Vinh (Sindelfingen) 20DM.

### ■ CHƯ TẶNG VIỆT NAM

DH. Nguyễn Ban (Freiburg) 100DM.

### ■ HỌC BỔNG CHO TẶNG NI VIỆT NAM QUỐC NỘI

DH. GDDH Dr. Trịnh Thị Nam (Heidelberg) 3.000DM.

### ■ CHÙA VIỆT NAM

DH. GDDH Thiệu Hiền (Neuss) 1.000DM.

### ■ CHÙA HỘI AN

DH. Lê Chín (Uelzen) 40DM.

### ■ QUỸ YẾM TRỢ GHPGVNTN QUỐC NỘI

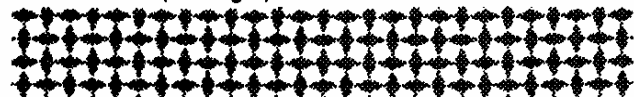
DH. Ân danh (Neustadt) 500DM. Lương Ngọc Phách (Bielefeld) 20DM. Lê Chín (Uelzen) 30DM.

### ■ GIẢI TRỪ PHÁP NẠN

DH. Lê Chín (Uelzen) 50DM. Phạm Đăng Phụng (Bietigheim) 20DM.

### ■ TRAI TỶ NAN Ở CÁC ĐẢO

DH. Bùi Văn Mai (Reutlingen) 50DM.



## PHƯƠNG DANH CỨNG DƯỜNG

(Tính đến ngày 6.12.1995)

Trong thời gian gần đây, Chùa có nhận được tiền của quý Đạo Hữu gửi bằng cách chuyển qua Ngân hàng hay bằng Bưu phiếu, nhưng không có ghi rõ mục đích. Thí dụ như Cúng Dường Tam Bảo, Xây Dựng Chùa, Ân Tống Kinh Sách, ủng hộ Báo Viên Giác... hoặc trả tiền thỉnh bả kính, pháp bảo, trả tiền bánh trái v.v....

Ngoài ra có Đạo Hữu nhờ người khác đứng tên chuyển tiền nhưng không ghi rõ là chuyển tiền đùm cho ai để Cúng Dường hoặc thanh toán về vấn đề gì. Do đó khi nhận được tiền, Chùa không thể nào ghi vào sổ sách được.

Để tránh những trở ngại nêu trên, kính xin quý Đạo Hữu khi chuyển tiền hoặc gửi tiền về Chùa nhờ ghi rõ Họ và Tên, địa chỉ đầy đủ và mục đích, để Chùa tiện ghi vào sổ sách.

Ngoài ra khi quý vị xem Phương Danh Cứng Dường xin đọc phần trên cùng là tính đến ngày...? tháng...? để biết rằng tiền đã chuyển đi ngày nào và tại sao chưa có tên trong danh sách. Chùa có 2 số Konto. Riêng số 870-3449, thì Một Tháng ngân hàng mới báo một lần. Nên có sự chậm trễ đáng tai danh sách trên báo. Kính mong quý vị thông cảm cho.

Thành thật cảm ơn quý Đạo Hữu.

Danh sách Phương Danh Cứng Dường của quý Đạo Hữu và Phật Tử, chúng tôi xin phép chỉ đánh máy một lần chữ ĐH ở bên trên.

### • TAM BẢO

DH. Trần Văn Cường (Bamberg) 10DM. Đặng Văn Bá (\*) 20DM. Lương (Bielefeld) 30DM. Lê Huy Anh 10DM. Trần Thanh Hải (Prahau) 50DM. Lâm Thị Huệ 5DM. Nguyễn Hoàng Long (Berlin) 10DM. Hoàng + Nguyễn (Harzgerode) 50DM. Trần Văn Năng (Ronnensberg) 10DM. Thanh Bình (Seelze) 10DM. Lý Tú Oanh (Freiburg) 20DM. Tài + Thủy (Berlin) 50DM. Đinh Thị Lý (Magdeburg) 5DM. Thu Dung + Yến (Burgwedel) 10DM. Cao Dung (Cottbus) 20DM. Đinh Thúy Vân 5DM. Lý Chấn Lợi (Hannover) 100DM. Nguyễn Hoàng 50DM. Nguyễn Thanh Bình (Dresden) 20DM. Nguyễn Đức Toàn (Cottbus) 20DM. Võ Minh Cường (Bad Lipspringe) 150DM. Gabriel Khai Rallah 20DM. Nguyễn Phước Đức 20DM. Trần Hải Hòa (Spaichingen) 50DM. Phạm Văn Hữu (Tuttlingen) 100DM. Lê Văn Mười (\*) 50DM. Diệu Hải (Hochdorf) 200DM. HHHL ĐH Nguyễn Chí Sáng. Nguyễn Ngọc Mỹ (Karlsruhe) 100DM. Lương Thị Ngọc Việt (\*) 20DM. Trần Thị Xê (\*) 20DM. Nguyễn Văn Nhân (Spaichingen) 50DM. Lê Thị Hồng (Pliezhausen) 100DM. Ngô Thị Liên 30DM. Chi Hội PTVNTN (Tuttlingen-Rottweil) 1.000DM. Hứa Xuân Vinh (Sindelfingen) 100DM. Phạm Đình Minh 50DM. Cam Văn Cường (Reutlingen) 50DM. Tạ Nguyệt Trinh (Heilbronn) 30DM. Trương Văn Hoàn (Dettingen) 50DM. HHHL ĐH Tôn Nữ Thị Phương 1.000DM. Trần Ngọc Tiến (Hamburg) 50DM. Đỗ Phương 30DM. Lê Thị Lê Thơ 50DM. Tô Nga (Leipzig) 50DM. Hoàng Minh Ngọc (Tannhausen) 35DM. Nguyễn Bá Dũng (Hannover) 20DM. Trương Diễm Hồng 20DM. Chong Quang Dương (Osnabrueck) 20DM. Chong Choh Fan (\*) 20DM. Chương Sỹ (\*) 20DM. Chong Tác Võ (\*) 20DM. Chong Sỹ Mùi (Rhede) 20DM. Lư Ang (Pforzheim) 20DM. Phùng Văn Thành (Stuttgart) 30DM. Lữ Chí Thành (\*) 30DM. Lưu Quốc Huệ (Zell) 100DM. Lữ Chí Nguyễn (Gelnhausen) 30DM. Trương Phúc Minh 10DM. Lê Văn Hồng (USA) 20US. Kim Thôn Ông 50DM. Dư Phú Hùng (Braunschweig) 30DM. Ngô Tô (\*) 20DM. Đặng Tam Nhơn (\*) 20DM. Cao Minh Đức (Linden) 10DM. Lê Quang Thành (Moorenweis) 50DM. Frau Tatke (Bad Nenndorf) 20DM. Quách Quang Chí 100DM. Dững T.D. (Celle) 20DM. Mỹ Anh Pfaff (Pühleim) 200DM. HHHL ĐH Ngô Thị Nhơn. R. Siebert (Norden) 300DM. Quý ĐH tại Norddeich Aurich và GĐPT Minh Hải 500DM. Thiệu Thu (Aurich) 20DM. Uwe Kurczyk (Lütjenburg) 50DM. Gđ. Nam + Thanh (Trier) 20DM. Trần Tân Tiến (München) 20DM. Lê Đình Ngón (Áo) 300Sch. Liên Phương (Ludwigshafen) 20DM. Tăng Mỹ Trân (Winsen) 100DM. Nguyễn Thanh Lương (Bi) 500FB. Trần Quốc Thanh (Paderborn) 300DM. Võ Thị Lý (Erlangen) 100DM. Ân danh (Koblenz) 40DM. Dương Vinh Quý (Gifhorn) 10DM. Hồng Nghiêm Bình + N. Hoa (Bad Oeynhausen) 20DM. Fam. Vũ Hồng Hà (Berlin) 40DM. Nguyễn Thị Hình (Gevolstein) 20DM. Fam. Nguyễn Tuấn Minh (Bad Blankenburg) 60DM. Đặng Quang Tân (Bonn) 50DM. Trần Thiện Tánh (\*) 50DM. Nguyễn Trần (Bielefeld) 20DM. Nguyễn Chí Thành (Luckenwalde) 50DM. Trần Phạm (Hannover) 20DM. Hồng Nghiêm Bình (Bad Oeynhausen) 10DM. Nguyễn Văn Hùng (Wiesbaden) 10DM. Nguyễn Văn Hoa (Neurripin) 50DM. Nguyễn Hoàng Dũng (Heideneu) 12,50DM. Lê Quang Dũng (Berlin) 20DM. Lê Thị Bích Lan (Hannover) 10DM. Pisamai Santurarel (\*) 100DM. Đỗ Kim Oanh (Wolfburg) 20DM. Lương Tuấn Hiến 20DM. Liu Yuen Sing 30DM. Hoàng Thị Yến (Schwerin) 10DM. Phan Thị Kim Thoa (\*) 10DM. Đào Bích Hương (Parchim) 10DM. Hà Thị Thanh Bình (Rostock) 50DM. Nguyễn Thị Tuyết (\*) 50DM. Phạm Bùi (\*) 20DM. Ngọc Hà (Salzbergen) 10DM. Nguyễn Anh Chiến (Knappenrode) 20DM. Nhựt Trọng (Mannheim) 20DM. Vũ Mạnh Bót (Wismar) 20DM. Nguyễn Thanh Quê (Gera) 20DM. Rungnapha Arudd 10DM. Nguyễn Đình Hải (Dresden) 10DM. Cao Văn Kiên (Salzgitter) 10DM. Văn Đình Minh (Remlingen) 10DM. Nguyễn Phương Bắc (Aachim) 10DM.

Lê Quang Thịnh (Laatzen) 10DM. Đỗ Dân Tư (Peine) 10DM. Nguyễn Thị Lành (Freiburg) 20DM. Nguyễn Ngọc Hải (") 50DM. Dương Hoàng Vũ (") 10DM. Vũ Tiến Mạnh (") 55DM. Lư Kinh Huy (Münster) 40DM. Chi Hội PTVNTN Wiesbaden 100DM. Ngô Thành Cát (Wiesbaden) 100DM. Huỳnh Thị Xuân Hương (") 30DM. Châu Thành Lợi (") 20DM. Nguyễn Văn Cửu (") 20DM. Võ Thị Mỹ (") 50DM. Ngô Trung Lâm (") 20DM. Nguyễn Ngọc Châu (") 20DM. Lê Thị Đồ (") 40DM. Tiêu Văn Lâm (") 20DM. Ân danh 50DM. Phạm Thị Sý 20DM. Nguyễn Duy Minh 20DM. Nguyễn Thị Sâm 10DM. Trịnh Thanh Liêng 50DM. Phạm Văn Mộc (Langen) 100DM. Đoàn Thị Yến (Frankfurt) 50DM. Lê Nhất Hiền (Maintal) 30DM. Phạm Thị Diệu Linh (Schaafheim) 30DM. Vũ Thị Hiệp (Usingen) 40DM. Võ Thị Mộng Hoa (Bad Soden) 50DM. Lâm Thị Nở (") 20DM. Trương Kim Strong (") 50DM. Lâm Thị Hồng (Neu Anspach) 20DM. Thị Loan (Gießen) 20DM. Phương Thị Đại (Klein Ostheim) 50DM. Ngô Thanh Sang (Wiesbaden) 50DM. Đỗ Thị Cam (") 20DM. GEDH Bùi Đình Phú (Unna) 200DM, HHHL DH Bùi Đình Phú tuần chung thất. Herr Hesse (Hannover) 400DM. Chơn Lộc (") 500DM, HHHL DH Nguyễn Thị Quế Pd Tầm Hạnh tuần 100 ngày. Mạch Cường Tân (Delmenhorst) 50DM. Fr. Bress 50DM. Trần Kinh Hùng 50DM. Quách Kinh Tao 200DM. Nguyễn Ngọc Dung (Luckenwaidler) 10DM. Lưu Viết Hoàn (") 40DM. Lê Hồng Sơn (Fredesloh) 10DM. Trần Huệ Nhi 100DM. Vũ Chí Thiện (Armstadt) 20DM. Nguyễn Thanh Danh (Úc) 150 Úc kim, HHHL DH Nguyễn Văn Tươi Pd Thiên Liên. Nguyễn Công Cường (Wilhelmshaven) 20DM. Ngọc (Speyer) 50DM, HHHL PT Huỳnh Kiến An. Bùi Thị Mỹ Hồng (Obertshausen) 20DM. Fam. Emil Bernard (Pháp) 200FF. Trần Văn Phương (Erlernen) 30DM. Bùi Đình Nguyễn Dung 40DM. Đào Quốc Chiến (Luckenwalde) 50DM. Tăng Quốc Việt (Berlin) 100DM. Nguyễn Đức Hoàn (Hameln) 20DM. Vũ Tiến Mạnh (Dresden) 20DM. Nguyễn Ngọc Hải (Freiburg) 10DM. GEDH Lâm Minh Bót (Speyer) 100DM. Đặng Ngọc Hải (") 20DM. Thiện Cao (Mannheim) 40DM. Phạm Văn Mộc (Langen) 100DM. Nguyễn Văn Trình 20DM. Mai Hồng Tuấn 20DM. Nguyễn Thị Bè (Köln) 20DM. Trần Hữu Lộc (Stuttgart) 20DM. Nguyễn Mạnh Hùng (München) 20DM. Trần Văn Hiền (Hameln) 20DM. Nguyễn Mạnh Hoàng (Holzminden) 10DM. Nguyễn Đức Việt (Weilburg) 10DM. Lê Mạnh Hùng 10DM. Đỗ Cường (Rosenheim) 10DM. Bùi Quốc Hải (") 10DM. Nguyễn Văn Thế (") 10DM. Nguyễn Hải Âu (") 10DM. Cao Thị Bích Hiền (") 10DM. Nguyễn Thị Phương Liên (") 10DM. Trương Quang Phúc (Moschheim) 30DM. Nguyễn Văn Báo (Ludwigshafen) 10DM. Lâm Môn (Kerpen) 100DM. Nguyễn Xuân Dũng (Rheine) 20DM. Gđ. Trần Thế Toàn (Koblenz) 150DM. Trần Văn Đức (Burg/Rot) 50DM. Trần Tân Tiến (München) 20DM. Gori Mai Dung (Corse) 50DM. Hồ Diệu Hạnh (Garbsen) 30DM. Diệp Minh Thùy (Berlin) 43DM. Gđ. Hà Văn Minh (Friburg) 20DM. Gđ. Hoàng Văn Tuấn (Chemnitz) 100DM. Nguyễn Văn Hải (Việt Nam) 10DM. Đào Thị Biên (Berthelsdorf) 20DM. Gđ. Nguyễn Văn Thiện (Freiburg) 30DM. Đoàn Hồng Kỳ (") 10DM. Gđ. Đinh Trọng Hưng (") 20DM. Trịnh Thị Hồng (Bad Kreuznach) 50DM. Nguyễn Ngọc Hà (Isenbüttel) 10DM. Đoàn Xuân Hạnh (Chemnitz) 40DM. Nguyễn Thị Đông (Việt Nam) 10DM. Nguyễn Văn Doãn (Freiburg) 30DM. Gđ. Họ Biên (Việt Nam) 50DM. Gđ. Phạm Văn Trúc (Schneeberg) 10DM. Nguyễn Thị Lựu (Freiburg) 20DM. Nguyễn Thị Mậu (") 20DM. Nguyễn Thị Kim Hạnh (") 20DM. Fam. Nguyễn (Braunschweig) 20DM. Thu Dung (Burgwedel) 10DM. Chee Kim T. 10DM. Nguyễn Thị Ninh (Việt Nam) 10DM. Gđ. Thạch Thế Quảng (Hildesheim) 100DM. Ngô Từ Dung (Peine) 10DM. Nguyễn Hải Đức (") 10DM. Vũ Hồng Liên (Langendorf) 20DM. Nguyễn Thanh Tân (Gardelegen) 20DM. Nguyễn Tiến Đức (") 10DM. Nguyễn Thanh Sơn (Langelsheim) 20DM. Gđ. Cung Văn Tấn (Langcoog) 20DM. Trần Thị Liên (") 20DM. Gđ. Tân Hiám H. (Hamburg) 100DM. Nguyễn Thúy Dung (Esens) 20DM. Gđ. Nguyễn Đình Mạnh (Löwenstein) 10DM. Võ Thị Thanh Hải (Delmenhorst) 20DM. Gđ. Lâm Cẩm (Braunschweig) 10DM. Hoàng Anh Tuấn (Dillingen) 20DM. Kim Liên (Bi) 500FB. Đỗ Hữu Ái (Oberhausen) 20DM. Lý Nghiêu Cường (Wiesbaden) 1.400DM, HHHL DH Lý Tô. Khóa Tu học Thọ Bát Quan Trai (Heidelberg) 900DM. Thái Sến (Pforzheim) 50DM. Trương Thị Lang (") 100DM. Thái Văn Tý (Ludwigshafen) 100DM. Nhóm phim Hải Đăng (Wiesbaden) 100DM. Khúc Thế Hiếu (Troisningen) 50DM. Đỗ Thị Thu Hà 55DM. Lâm Minh (Ramberg) 100DM. Lê Thị Ngọc (Saarlouis) 300DM, HHHL DH Nguyễn Từ Ước Pd Thiên Nguyên. Lê Quý Kỳ (Krefeld) 50DM. Trương Thiệu Hùng (Altbacher) 20DM. Biện Thị Mai (Hamburg) 50DM. Gđ. DH Họ Phùng (Hannover) 200DM, HHHL DH Phùng Thị Ngà. Vũ Thị Thành (Neustadt) 10DM. Nguyễn Ngọc Thủy 10DM. Nguyễn Thị Kim Hoa 10DM. Nguyễn Minh Hải (Delmenhorst) 40DM. Đặng Quang Ngọc (Hannover) 20DM. Nguyễn Minh Thủy (Klotten) 60DM. Trần Mạnh Hùng (Hannover) 10DM. Nguyễn Minh Hải (Hafenlohr) 10DM. Vũ Văn Thắng 20DM. Nguyễn Đức 50DM. Nguyễn Xuân Khương 20DM. HHHL DH Tôn Nữ Thị Phương (Heidelberg) 300DM. Nguyễn Ngọc Thủy 20DM. Phạm Thị Mai (Dresden) 20DM. Lưu Tú Phụng 20DM. Vũ Thị Ngọc Hoa 30DM. Minh Đào 10 DM. Nguyễn Thị Hương (Langenthal/ Suisse) 50FS. Quý Phật Tử tại Langenthal/ Suisse 230FS. Trần Hồng Hạnh (") 50FS. Nghĩa (") 30FS. Ngô Trường Pháp (Münster) 20DM. Châu Ái Hương (") 50DM. Trương Giang (") 30DM. Trương Kim Huệ (") 20DM. Hoàng Thị Thuận (") 20DM. Lê Văn Từ (") 10DM. Nguyễn Thái Dê (") 20DM. Yin Won Leong (") 30DM. Anh Đào + Anh Tâm (") 60DM. Nguyễn Thế Dũng (") 30DM. Nguyễn Thị Thế (")

20DM. Lâm Thị Đạo (") 50DM. Nguyễn Thị Kim (") 20DM. Ngô Thị Nhị (") 50DM. Đỗ Thị Đẹp (") 20DM. Trần Thị Tố Nga (") 20DM. Hồ Công Trình (") 20DM. Nguyễn Phan Chân (") 20DM. Ân danh (") 50DM. Ân danh (") 30DM. Nguyễn Thế Dũng (") 180DM. Phật tử Ân danh (HH) 100DM. Thiên Nghiêm (Frankfurt) 100DM. Vương Văn Bé (Leverkusen) 300DM. Lý Thị Kim Huệ (Pháp) 100FF. Dương Linh (Schwetzingen) 20DM. Phiếu Quân Muội 10DM. Lại Đình Miên (Halle) 20DM. Thái Hán 20DM. Ngô Hải Yến (Garbsen) 14DM. Lê Quang Thanh (Laatzen) 10DM. Đào Ngọc Hoàn (Hannover) 20DM. Lê Thị Bích Lan (") 10DM. Trần Văn Sáng (Bielefeld) 100DM. Phùng Bambus (Celle) 80DM. Nguyễn Thị Ngao (Mainaschaff) 50DM. Võ Thị Mỹ (Wiesbaden) 30DM. Trần Thị Xê (Karlsruhe) 20DM. Nguyễn Khắc Hùng (Münster) 50DM. Diệu Hòa (Frankfurt) 30DM. Mai Thị Đẹp (") 30DM. BLL Phật Tử Aschaffenburg 500DM. Lê Thị Hồng (Mainaschaff) 300DM, HHHL thân phụ. Trần Thị Nhuận (Esens) 20DM. Hà Thị Minh Hiếu (Berlin) 20DM. Hà Quốc Thái (") 10DM. Trương Hồng Hiếu (Waldstedt) 200DM, HHHL PT Trương Hồng Đức. Đỗ Quý Đức (Dornstetten) 20DM. Jan Janjapan 200DM. Swanya Demirci 10DM. Lê Thị Ngọc Hân (Forchheim) 10DM. Nguyễn Thị Thế Phụng (Hof) 50DM. Lê Thị Bích Tiên (Apollda) 100DM. Ngô Văn Mai (Regensburg) 700DM, HHHL DH Đào Thị Công Chấn. Trần Thị Xuyên (Kyllburg) 20DM. Lê Thái (Bad Salzgitter) 10DM. Nguyễn Công Thành (Hameln) 10DM. Nguyễn Thị Thịnh (Duderstadt) 10DM. Richard Schweikurt (") 10DM. Ngô Thị Tâm (") 10DM. Bùi Thị Tuyết Mai (") 10DM. Wilfried Klüs (") 10DM. Lê Thị Ngân (Berlin) 10DM. Nguyễn Thị Bích Liên (") 20DM. Nguyễn Thị Mai (Việt Nam) 10DM. Nguyễn Tài (Burgwedel) 10DM. Bùi Mạnh Hùng (Stuttgart) 20DM. Lê Thị Tuyết (Áo) 200Schl. Viên Văn Quang (Buisenheim) 40DM. Nguyễn Văn Hạnh (Stuttgart) 20DM. Rằm Tháng Mười. Nguyễn Thị Kim Hoa (Essen) 20DM. Rằm Tháng Mười. Trần Thị An (Künzelsau) 20DM. Rằm Tháng Mười.

## • BẢO VIÊN GIÁC

DH. Nguyễn Quốc Hoàn (Bad Grund) 30DM. Nguyễn Nhân Lộc (USA) 50US. Nga Đỗ (") 30US. Hồ Phước Ban (") 20US. Hoàng Văn Sơn (Dillingen) 20DM. Tạ Nguyệt Trinh (Heilbronn) 50DM. Tô Văn Phước (München) 30DM. Nguyễn Văn Nhận (Spaichingen) 50DM. Trần Ngọc Tiến (Hamburg) 50DM. Võ Văn Ngón (Phan Lan) 100DM. Nguyễn Thị Hồng Nhung (Kleve) 100DM. Trịnh Thị Rành (Ý) 10.000Lire. Trần Thanh Các (") 50.000Lire. Nguyễn Thị Thu Thủy (Salzbergen) 20DM. Võ Trung Thu (Bad Pymont) 30DM. Thannsak Võ (Trier) 30DM. Đinh Thanh Quang 50DM. Hoàng Minh Ngọc (Tannhausen) 35DM. Phan Thanh Phương (Berlin) 20DM. Phạm Mai Sơn (Anh) 5 Anh kim. Nguyễn Thị Ngọc Lan (Cloppenburg) 100DM. Phạm Thị Xê (Pháp) 200FF. Vũ Thị Liên (Bamberg) 100DM. Lê Đình Ngón (Áo) 200Sch. Ninh Khắc Nhã (Herne) 20DM. Phùng Siêu (Pháp) 20DM. Lê Quang Liêm (Gehrden) 50DM. Lê Văn Tư (Münster) 30DM. Phan Văn Công (MG) 20DM. Kim Loan (Erfstadt) 50DM. Đinh Nguyễn Thị Dung (Winterthur) 100DM. Bùi Đức Phương (Neuenkirchen) 30DM. Nguyễn Thanh Lương (Bi) 500FB. Thị Hiếu (Landstuhl) 20DM. Đinh Thắng Thương (Wilhelmshaven) 20DM. Nguyễn Thị Kiến Danh 50DM. Sư Cô TN Trí Hạnh (Suisse) 100DM. Trần Thị Huỳnh Mai (Pforzheim) 50DM. Trịnh Thị Quý (Paris) 100FF. Lâm Thị Hồng Đào (Pháp) Gđ. Hà Văn Thọ (") 200FF. Đinh Văn Tuấn (Wiesbaden) 20DM. Khưu Cẩm Văn (") 20DM. Đào Quốc Chiến (Luckenwalde) 20DM. Cao Thị Dân (Lampertheim) 20DM. Ngô Thị Kiều (Úc) 20Úc kim. Trịnh Thị Nam (Heidelberg) 43DM. Nguyễn Công Cường (Wilhelmshaven) 30DM. Trần Thị Thanh Hương (Durmenseim) 10DM. Trần Văn Bằng (Hattenberg) 20DM. Trương Phương Linh (Uelzen) 50DM. Phạm Thị Noi (Lathen) 20DM. Lưu Quang Thiện (Evensen) 20DM. Phan Công Độ (Laatzen) 30DM. Trần Văn Thất (Úc) 40DM. Trần Phong Tao (USA) 30DM. Trương Quang Phúc (Moschheim) 20DM. Trần Văn Sáu (Bielefeld) 10DM. Hoàng Lê Thị Trang (Brombach) 30DM. Trần Thọ Hoàn (Berlin) 20DM. Trần Phước Cẩm (") 20DM. Nguyễn Văn Báo (Ludwigshafen) 20DM. Trương Văn Linh (Konz) 20DM. Thúy Hoa (Kelkheim) 20DM. Trịnh Quang Khánh (Hamburg) 50DM. Mai Bá Long (Wiesbaden) 60DM. Trần Cư (Nienburg) 20DM. Dr. Phan Huy Oánh (Bonn) 300DM. Đặng Trần Du (Canada) 100US. Ngyu Nhật Từ (Hannover) 100DM. Fam. Nguyễn (Braunschweig) 10DM. Nguyễn Văn Nghĩa (Siegen) 20DM. Thái Vạn Anh (Aurich) 20DM. Tống Thị Lê (Sweden) 200Kr. Hettiger Manfred (Rehlsiersburg) 100DM. Kim Liêm (Bi) 500FB. Đỗ Hữu Ái (Oberhausen) 10DM. Phan Hồng Chúc 50DM. Biện Thị Mai (Hamburg) 50DM. Lê Thị Minh Liên (Krefeld) 50DM. Lưu Ngân (Buchholz) 50DM. Nguyễn Văn Dũng 30DM. Lorong Bá Thiên (Berlin) 50DM. Trương (Holland) 10DM. Đông Thị Gái (Ulm) 50DM. Nguyễn Thế Dũng (Münster) 20DM. Rest. Peking Garden (Kleinblittersdorf) 100DM. Lý Thị Kim Huệ (Pháp) 100FF. Trần Han D.V. (Wittlich) 20DM. Trương Tuyết Lệ (Gütersloh) 10DM. Trần Mạnh Thắng 185DM. Nguyễn Thị Diệp (Regensburg) 30DM. Hoàng Tiến Cường (Heubach) 20DM. Trần Hoàng Tuấn (VS) 20DM. Nguyễn Văn Lập (Neustadt) 20DM. Fam. Trương (Holland) 10DM. Lê Quý

Kỳ (Canada) 10Can. Đỗ Tấn Phát (Lelzen) 20DM. Phạm Thị Trúc Phương (Erlangen) 50DM. Đặng Thúy Oanh (M'dburg) 20DM. Lê Long Hải (Hamburg) 20DM. Trần Sơn (Zwickau) 30DM. Lê Văn Mậu (Pháp) 300FF + 150DM. Phạm Mai Sơn (Anh) 5 Anh kim. Hà Văn Hơn (Rosenheim) 30DM. Nguyễn Ngọc Chương (Hilden) 30DM. Phan Phúc Hoàng (Pháp) 100FF. Đào Thị Chúc (Dorf im Warndt) 20DM. Lê Thị Bích Tiên (Apolda) 100DM. Trương Thị Thu Cúc (Mitterteich) 50DM. Huỳnh Hoàng Bốn (Saarbrücken) 200DM. Võ Văn Dũng (Oberhausen) 20DM. Nguyễn Chính Nghi (Ronnenberg) 10DM. Nguyễn Quỳnh Ngọc (Wald. Michelbach) 20DM. Cam Văn Lừng (Reutlingen) 50DM. Bùi Mạnh Hùng (Stuttgart) 50DM. Lương Thị Hòa (Sinnefeld) 20DM. Nguyễn Thị Phương Liên (Traunstein) 20DM. Ngô Văn Mai (Regensburg) 100DM. Vũ Dương Kiếm (Frankfurt) 30DM. Lê Thị Tuyết (Áo) 300Schl. Hứa Mỹ Hằng (Hòa Lan) 25 Guld. Đào Trọng Cường (Canada) 40Can.

• **ẤN TỔNG**

DH. Nguyễn Văn Tây (Springe) 50DM. Nguyễn Thị Mai Trang (Villingen) 22DM. Nguyễn Thị Âm (USA) 50US. Ngô Thị Kiều (Úc) 20 Úc kim. Biện Thị Mai (Hamburg) 50DM. Trần Thị Kim Ngọc 10DM. Vũ Thị Thành (Neustadt) 10DM. Huệ Ngọc (Laatzen) 50DM. Trương Văn Tĩnh (Koblenz) 50DM.

• **KINH DƯỢC SƯ**

DH. Sandrei Le (Pforzheim) 200DM. Tạ Thị Nga (Đan Mạch) 200Kr.

• **KINH ĐỊA TẠNG**

DH. Trần Văn Tĩnh (Langenthal/Suisse) 30FS. Nguyễn Thị Hương (") 50FS. Lê Phong (") 50FS. Trần Lê Hoa (") 20FS. Thiệu Nguyên (Stuttgart) 100DM.

• **KINH VU LAN**

DH. Trương Thị Lang (Pforzheim) 100DM.

• **TẾT & RẪM THÁNG GIÊNG**

DH. Nguyễn Văn Đông (Freiburg) 45DM. Nguyễn Thị Âm (USA) 50US. Trần Thị Huỳnh Mai (Pforzheim) 50DM (RTM)

• **XÂY CHÙA**

DH. Thausak Võ (Trier) 30DM. Quan Gia An (Erkrath) 20DM. Lê Quang Liêm (Gehrden) 50DM. Huỳnh Thiện Tâm (Neuss) 20DM. Nguyễn Thị Âm (USA) 50US. Trần Thanh Các (Ý) 50.000Lire. Trần Thị Thanh Hương (Durmshheim) 20DM. Samantha Du (Pforzheim) 10DM. Biện Thị Mai (Hamburg) 50DM. Trần Thị Kim Ngọc 10DM. Đặng Quốc Hùng (Kirchgarten) 500DM (chuyển từ cổ phần Hội Thiện sang). Nguyễn Thị Viễn Phương (Koblenz) 300DM.

• **MỘT TƯỢNG PHẬT**

DH. Thái Phi Long (Đan Mạch) 120DM. Trần Thị Liên (") 120DM. HLDH Nguyễn Văn Ngoan (Việt Nam) 120DM. HLDH Nguyễn Thị Diên tức Võ Thị Thủy (Việt Nam) 120DM. Trần Hiền (Paderborn) 120DM. Diệp Thế Cẩm (") 120DM. Trần Thị Chu (Lâm Thị Văn) (Remscheid) 120DM. Frau Helga Ebel & Frau Heike Ebel (Hannover) 120DM.

• **TƯỢNG QUAN ÂM**

DH. Nguyễn Văn Anh (Hòa Lan) 25DM.

• **TRAI TẶNG**

DH. Thị Hiếu (Landstuhli) 100DM.

• **QUỸ MUA MÁY IN**

DH. Trần Trình Hiếu (Austria) 20DM. Tăng Quốc Tuấn (Berlin) 20DM. Trần Việt Hùng (") 20DM. Nguyễn Khánh Thuận (") 20DM. Hồ Kim Oanh (Mainz) 20DM. Dr. Phan Huy Oánh (Bonn) 100DM. Ngụy Nhật Thử (Hannover) 100DM. Thái Văn Anh (Aurich) 10DM. Lưu Ngân (Buchholz) 50DM. Nguyễn Thị Hương (Langenthal/Suisse) 20FS. Nguyễn Thị Diệp (Rengensburg) 20DM. Nguyễn Hiến (Aachen) 100DM.

• **TRAI CÙI & MÙ & CÔ NHI VIỆN & TRAI DƯỠNG LÃO**

DH. Nguyễn Nhân Lộc (USA) 300US. Phạm Hữu Hạnh (Birkenfeld) 10DM. Huỳnh Lý (Aachen) 200DM. Nguyễn Phương Thi (Hannover) 100DM. Phan Hữu Hạnh (Birkenfeld) 10DM. Chi Hội PTVNTN Wiesbaden 60DM. Trần Trung Độ (Bremerwörde) 10DM. Ấn danh 150DM. Nguyễn Thị Hoài Mỹ (Cloppenburg) 20DM. Trần Văn Nam (Pforzheim) 120DM. Nguyễn Thế Dũng (Münster) 100DM. Nguyễn Thị Tuyết (Krefeld) 100DM. Phan Hữu Hạnh (Birkenfeld) 10DM. Nguyễn Văn Anh (Hòa Lan) 50DM. Trần Trung Độ (Bremerwörde) 10DM.

• **TRAI CÙI SÓC TRẮNG VIỆT NAM**

DH. Nhóm Trẻ Hy Vọng tại Aachen 1.000DM.

• **TRẺ EM BẤT HẠNH TẠI HỒNG KÔNG**

DH. Chi Hội PTVNTN Bremen 500DM.

• **GIÚP TRAI TỶ NẠN TẠI THÁI LAN**

DH. Kim Liên (Bi) 1.000FB.

• **NẠN ĐÓI Ở VIỆT NAM**

DH. Dr. Phan Huy Oánh (Bonn) 100DM.

• **CHÙA VIỆT NAM**

DH. Bùi Như Sơn 100DM. GDDH Lâm Minh Bót (Speyer) 20DM. Trần Văn Nam (Pforzheim) 40DM. Nguyễn Văn Anh (Aachen) 25DM.

• **CHÙA MIỀN BẮC VIỆT NAM**

DH. Đặng Quốc Hùng (Kirchgarten) 500DM (chuyển từ cổ phần Hội Thiện sang).

• **CHƯ TẶNG Ở VIỆT NAM**

DH. Dr. Phan Huy Oánh (Bonn) 100DM.

• **GIẢI TRỪ PHÁP NẠN**

DH. Lê Quang Liêm (Gehrden) 50DM.

**ĐỊNH KỲ HÀNG THÁNG XÂY CHÙA VIÊN GIÁC**

Chúng tôi thành tâm kêu gọi quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần hỗ trợ Chùa bằng cách đóng góp định kỳ hàng tháng qua Ngân hàng bằng lối Dauerauftrag để việc thực hiện trả nợ xây chùa có thể khả quan hơn.

Khi chuyển tịnh tài cúng Chùa, xin quý vị vui lòng ghi vào nơi (Verwendungzweck = mục đích chuyển cho mục gì) để văn phòng dễ làm việc. Quý vị ở xa ngoài nước Đức cũng có thể gửi tiền mặt hoặc Check trong thư, có thể gửi thường hoặc bảo đảm về Chùa. Xin thành thật cảm ơn Quý vị.

Tất cả mọi sự Cúng Đường định kỳ hoặc những lễ lạc khác cho Chùa, Quý vị đều có thể lấy giấy khai thuế lại (bằng tiếng Đức) để cuối năm Quý vị có thể khai khấu trừ thuế với Chính phủ. Quý vị nào cần, xin liên lạc về Chùa bằng thư hoặc bằng điện thoại, chúng tôi sẽ gửi giấy đến Quý vị.

Quý vị chuyển tịnh tài về Chùa, xin chuyển vào một trong hai số Konto như sau:

DH. Bùi Văn (Reutlingen 50DM

**1. Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V.**

Konto Nr. 870 1633 - BLZ 250 700 70

Deutsche Bank Hannover

(Mỗi ngày Ngân hàng báo một lần)

**2. Pagode VIEN GIAC**

Konto Nr. 870 3449 - BLZ 250 700 70

Deutsche Bank Hannover

(Một Tháng Ngân hàng báo một lần)

Ngôi Chùa thành tựu và phát triển được hay không là nhờ vào sự hỗ trợ từ vật lực cũng như tinh thần của Quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần. Vì thế chúng tôi xin kêu gọi Quý vị hoan hỉ đóng góp phần mình vào việc chung trên, để ước nguyện của chúng ta thành tựu viên mãn.

*Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát*



**Phiếu ủng hộ báo Viên Giác**

*Viên Giác là báo biểu. Vấn đề ủng hộ xin tùy tâm; nhưng Viên Giác cũng xin quý độc gia ủng hộ tối thiểu mỗi năm là 20 DM tiền tem thư để gửi báo, thì tờ báo mới có thể đến đều đặn với quý vị được. Dĩ nhiên cũng có nhiều vị ủng hộ nhiều hơn số tiền trên và nhiều lần trong năm; nhưng Viên Giác mong rằng số đóng góp đều đặn của quý vị là một món quà quý giá cho sự phát triển của tờ báo. Xin chân thành đa tạ.*

Họ và tên người nhận báo : .....

Địa chỉ : .....

Xin ủng hộ báo Viên Giác số tiền : .....

## CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi đau đớn báo tin buồn cùng thân bằng quyến thuộc.

Con trai, con rể, chồng, em và anh chúng tôi là:

Kỹ sư điện tử **TRƯƠNG HỒNG ĐỨC** đã từ trần ngày 11.10.1995 (tức 18.8 Âm lịch năm Ất Hợi) tại Đức Quốc. Hưởng dương 31 tuổi.

Chúng tôi xin chân thành tri ân và cảm tạ:

- Thượng Tọa Thích Như Điển, Chùa Viên Giác, Hannover

- Ni sư Thích Nữ Diệu Tâm, Bảo Quang Ni Tự Hamburg

- Cộng đồng người Việt ty nạn tại Uelzen và vùng phụ cận

- Nhóm thân hữu Fachhochschule Hamburg

- Bạn bè thân hữu khắp nơi: Berlin, Hamburg, Mannheim...

- Đồng nghiệp Philips Hamburg

và tất cả quý vị thân bằng quyến thuộc đã điện thoại, gửi thư đến chia buồn và

tụng niệm cầu siêu cho hương hồn của con, chồng, em, anh của chúng tôi.

Trong lúc tang gia bối rối, chúng tôi có điều chi sơ sót, kính xin quý vị niệm tình tha thứ.

- Cha mẹ: Ông Trương Hồng Hiếu, Wahlstedt, Đức Quốc

- Cha mẹ vợ: Ông Lý Quang Lâm, Sài Gòn, Việt Nam

- Vợ: Trương Phương Linh, Uelzen, Đức Quốc

- Anh: Trương Hồng Phúc Wahlstedt

- Em Trương Hồng Thuận và vợ, Đức Quốc

- Em Trương Hồng Hòa, Hamburg

- Em Trương Hồng Tài, Wahlstedt

- Em Trương Hồng Hoa và chồng Berlin

- Em Trương Hồng Hạnh và chồng, Bremerhaven, Đức Quốc

đồng cảm tạ.

## PHÂN ƯU

Được tin buồn, thân phụ của Bác Sĩ Tôn Thất Hứa tại Würzburg, Đức:

Cụ Ông **TÔN THẤT TUÂN** -

Pháp danh Quảng Khương

đã từ trần ngày 19.10.1995 tức ngày 26 tháng 8 nhuận năm Ất Hợi tại Huế, Việt Nam. Thương thọ 83 tuổi.

Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng gia đình Bác sĩ Tôn Thất Hứa và tang quyến, đồng thời xin cầu nguyện hương linh Cụ Ông Tôn Thất Tuân sớm được tiêu diêu Miền Cực Lạc.

- Ban Biên Tập Báo Viên Giác

- Gđ: Nguyễn Hòa, Huỳnh Thoảng, Nguyễn Hữu Huân, Phạm Văn Thế, Phạm Trọng Nguyên.

## CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Chúng tôi đau buồn báo tin Mẹ, Bà Ngoại của chúng tôi là:

**Bà NGÔ THỊ NHƠN**

đã mệnh chung lúc 16 giờ 50 ngày 01.9.1995.

Hưởng thọ 73 tuổi.

Chúng tôi xin tâm thành cảm tạ:

- Thượng Tọa Thích Như Điển, Trụ Trì chùa Viên Giác - Hannover.

- Thượng Tọa Thích Minh Phú, Trụ Trì chùa Thiện Hòa - Mönchengladbach.

- Đại Đức Thích Từ Trí, Tỉnh Thất Pháp Hoa - Detmold.

- Ni Sư Thích Nữ Diệu Ân, Trụ Trì Chùa Quan Âm - Aachen

- Ni Sư Thích Nữ Diệu Hạnh, Trụ Trì Chùa Phật Bảo - Bartrup - Phật Tử chùa Phật Bảo

- Quý bà con, bạn hữu xa gần đã dành thì giờ quý báu trong việc tổ chức tang lễ, gửi thư, tụng niệm, phúng diếu và điện thoại chia buồn.

Trong lúc tang gia bối rối, có điều chi sơ sót, kính xin quý vị niệm tình tha thứ.

Tang gia đồng bái tạ.

Trưởng Nam: Phan Khanh.

Thứ Nữ: Mỹ Anh Pfaff, chồng và con.

Thứ Nam: Phan Khánh

## PHÂN ƯU

Nhận được trê tin buồn

Cụ Bà **TRẦN VĂN KHOÁI**

Nhũ danh **NGUYỄN THỊ NHỎ**

là thân mẫu của anh Trần Chí Lý ở Emmendingen, đã từ trần ngày 28 tháng Bảy năm Ất Hợi tại quê nhà.

Chúng tôi thành kính chia buồn cùng gia đình anh Trần Chí Lý.

Nguyện cầu Hương Linh Cụ Bà sớm siêu thăng Miền Cực Lạc.

Chi Hội Phật Tử VNTN tại Freiburg

## PHÂN ƯU

Được tin buồn

Cụ Ông **LÊ ĐÌNH HUYỀN**,

hiệu **THÀNH CHI**

sinh ngày 03.10.1911, đã về cõi Phật ngày 24.10.1995 tại Việt Nam.

Thương thọ 85 tuổi.

là thân phụ của Đạo Hữu Lê Hữu Dũng tại Stuttgart.

Chi Hội Phật Tử VNTN Reutlingen và VPC xin thành kính phân ưu cùng gia đình Đạo Hữu Lê Văn Dũng và thành tâm cầu nguyện hương hồn Cụ Ông **LÊ ĐÌNH HUYỀN** sớm vãng sanh Cực Lạc Quốc.

## CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi đau đớn báo tin buồn cùng thân bằng quyến thuộc và bạn hữu xa gần: Chồng, Anh, Cha, Ông chúng tôi là:

Ông **NGUYỄN TỬ ƯỚC**,

Pháp danh **Thiện Nguyên**

đã từ trần ngày 30.10.1995 (tức ngày mùng Bảy tháng Chín năm Ất Hợi).

Tang lễ đã cử hành vào lúc 14 giờ ngày 03.11.95 (tức 11 tháng 9 năm Ất Hợi) tại phòng Tang lễ Nghĩa trang Losheim

Chúng con xin chân thành cảm tạ và tri ân:

- Thượng Tọa Thích Minh Tâm, Viện chủ chùa Khánh Anh (Pháp) và chư Tăng

- Thượng Tọa Thích Như Điển, Viện chủ chùa Viên Giác Hannover, Đức, và chư Tăng Ni.

- Đại Đức Thích Chúc Nhuận, trụ trì chùa Phổ Hiền, Strasburg và Cư sĩ Huệ Minh.

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ:

- Chi Hội Phật Tử VNTN Saarland, Trier và VPC

- Hội Người Việt Ty Nạn Cộng Sản Saarland

- Quý Thông gia, Quý thân bằng quyến thuộc, bạn hữu xa gần đã tụng kinh cầu nguyện, cầu siêu, đến tận nhà hoặc điện thoại phân ưu và an ủi, đã gửi tiền, gửi hoa, gửi thiệp đến phúng diếu hoặc đã đến tận nơi tụng niệm và tiễn đưa

chồng, anh, cha, ông chúng tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia bối rối, không sao tránh khỏi những sơ sót. Kính mong quý Thầy, và chư Vị niệm tình hy thứ cho.

- Vợ: Lê Thị Ngọc, Pháp danh Từ Minh (Đức)

- Em: Nguyễn Thị Mỹ, chồng Hoàng Văn Minh và các con, các cháu (Mỹ)

- Trưởng nam: Nguyễn Tôn Huy và các con (Đức)

- Thứ nam: Nguyễn Tôn Hưng, vợ Nguyễn Thị Bạch Tuyết và các con (Đức)

- Thứ nam: Nguyễn Tôn Cường, vợ Dương Quang Trung Michèle và các con (Pháp)

- Thứ nam Nguyễn Tôn Hào, vợ Trần Thị Văn Hạnh và con (Pháp)

- Thứ nam: Nguyễn Tôn Hoàn (Đức)

- Thứ nam: Nguyễn Tôn Toàn, hôn thê Mai Phương Loan (Đức)

- Trưởng nữ: Nguyễn Thị Đoàn Trang và các con: Thanh Phong - Thanh Vũ (Đức)

- Thứ nữ: Nguyễn Thị Bảo Hạnh, chồng Lê Mạnh Hùng và các con (Đức)

- Thứ nữ: Nguyễn Thị Ngọc Tuyết (Đức)

- Nghĩa tử: Lê Quốc Tuấn, vợ Phạm Thị Minh Thu và các con (Đức).

## CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Chúng tôi đau buồn báo tin Vợ, Chị, Mẹ, Bà Ngoại của chúng tôi là:

### ĐÀO THỊ CÔNG CHẤN

từ trần ngày 28.11.1995 (nhằm ngày mùng 7 tháng 10 năm Ất Hợi), lúc 23 giờ đêm tại Regensburg, Đức quốc. Hưởng dương 53 tuổi.

Lễ an táng được cử hành tại Nghĩa trang Bergfriedhof Regensburg.

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ:

- Thượng Tọa Thích Như Điển, Trụ Trì chùa Viên Giác, Hannover - Chú Hạnh Văn, Chùa Viên Giác Hannover - Chi Hội Phật Tử Nürnberg - Fürth - Erlangen

- Quý Thông gia, thân bằng quyến thuộc xa gần gửi thư chia buồn, đã đến tham dự lễ cầu siêu cho hương hồn Vợ, Chị, Mẹ, Bà Ngoại chúng tôi.

Trong lúc tang gia bối rối, có điều chi sơ sót kính xin Quý vị niệm tình tha thứ.

- Chồng: Ngô Văn Mai

- Con gái: Ngô Hồng Phương, chồng và con - Con gái: Ngô Thúy Nhung, chồng và con - Con gái: Ngô Hồng Phương, chồng và con - Con trai: Ngô Quốc Hùng. - Em: Đào Đình Sáng và vợ (Đức) - Em: Đào Thị Công Tâm, chồng con (USA) - Em: Đào Đình Bình, vợ con (USA)

## CÁO PHÓ

Gia đình chúng tôi hết sức đau đớn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc và bạn hữu xa gần, chồng, cha, ông, cố nội ngoại của chúng tôi là:

### Cụ Ông TÔN THẮT TUẤN,

Pháp danh Quảng Khương

sinh ngày 6 tháng 7 năm 1912 (Nhâm Tý). Mất ngày 19 tháng 10 năm 1995 (ngày 26 tháng 8 nhuận năm Ất Hợi) tại Huế, Việt Nam. Thượng thọ 83 tuổi.

Chúng tôi thành kính tri ân bà con, bạn bè thân hữu đã đến chia buồn, điện thoại, viết thư phân ưu hoặc tiễn đưa linh cữu của chồng, cha, ông, cố của chúng tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia bối rối nếu có điều gì sơ suất, kính xin quý vị niệm tình tha thứ.

- Bà Quả phụ Tôn Thất Tuấn, nữ danh Trần Thị Nhạn (Huế, Việt Nam) và các con, cháu, chất nội ngoại. Tôn Thất Tụng, vợ và con (Virginia, Hoa Kỳ) - Tôn Thất Hứa, vợ và con (Würzburg, Đức) - Tôn Nữ Thị Sáu, chồng, con và cháu (Đà Nẵng, Việt Nam) - Tôn Nữ Minh Nguyệt, chồng và con (Huế, Việt Nam) - Tôn Nữ Diệu Liên và chồng (Toronto, Canada).

## PHÂN ƯU

Chúng tôi được tin đau buồn đến rất trễ,

### Anh TRẦN SĨ HỘI

Thứ nam của Anh Chị Văn Lang Trần Văn Ân đã từ trần tại Bình Chánh, Long An, Việt Nam vào ngày 04 tháng 8 năm 1995

Xin thành kính phân ưu cùng Anh Chị Văn Lang Trần Văn Ân và cầu nguyện Hương hồn anh Trần Sĩ Hội sớm tiêu diêu Miền Cực Lạc.

- Ông Bà Vũ Kỳ (Vương quốc Bỉ)

- Bác sĩ và Bà Phạm Văn Hạt (Pháp)

- Bà quả phụ Nguyễn Long Thành Nam (Hoa Kỳ)

- Ông Bà Nguyễn Thành Long (Hoa Kỳ)

- Nữ Kỳ giả Nguyễn Huỳnh Mai và ông Trần Văn Tài (Hoa Kỳ)

- Bà quả phụ Nguyễn Ang Ca (Vương quốc Bỉ)

- Ông Bà Vũ Hồi (Hoa Kỳ)

## CẢM TẠ

Tang gia chúng tôi đồng thành kính tri ân và cảm tạ:

- Chi Hội Phật Tử tại Reutlingen và VPC

- Bà con Cộng Đồng Công Giáo tại Reutlingen và Sigmaringen.

Đồng thời tang quyến của chúng tôi cũng xin tri ân và cảm tạ các Bác, Chú, Cô, Di, Anh, Chị, Em và các bằng hữu xa gần đã bỏ nhiều thời giờ quý báu đến với tang gia của chúng tôi để Tụng kinh, Nguyện kinh, Cầu siêu, Phân ưu và phúng điếu cũng như giúp đỡ, thăm hỏi, chia buồn bằng điện thoại hay thư từ v.v...

Để cầu nguyện và cầu siêu cho hương hồn của tiền nội và thân mẫu, Nội, Ngoại của chúng tôi là:

### Bà PHAN THỊ TRON,

Pháp danh Diệu Chánh

Sinh ngày 18.6.1931, năm Tân Mùi

Thệ thế 13.9.1995, năm Ất Hợi tại Reutlingen, Đức quốc. Hưởng thọ 65 tuổi.

Linh cữu được mang về Việt Nam an táng tại Bến Tre.

Trong lúc tang gia đang bối rối chắc chắn chúng tôi có những sự thiếu sót, kính mong các Bác, Chú, Cô, Di, Anh Chị Em và các bằng hữu niệm tình tha thứ lỗi.

Tang gia đồng kính bái:

- Chồng: Cam Văn Lừng

- Con trai: Cam Văn Oanh, vợ Hồ Thị Thanh Tuyết

- Con trai: Cam Văn Minh, vợ Lâm Thị Tuyết Anh

- Con gái Cam Kim Thủy.

## PHÂN ƯU

Được tin buồn:

### Ký giả VŨ NGỌC LONG

đã từ nạn đột ngột ngày 11.12.1995 trên đường từ sở làm về nhà tại Lichtenstein - Đức quốc.

Hưởng dương 50 tuổi.

Chúng tôi chân thành chia buồn cùng gia đình và nhất là hai cháu Phương & Chinh, nguyện cầu hương linh Ký giả Vũ Ngọc Long sớm về miền Cực Lạc

- Ban Biên Tập Báo Viên Giác
- Trung Tâm Âu Châu - Văn Bút VNHN
- Chi Hội PTVNTN tại Reutlingen và VPC
- Gđ. Nguyễn Hòa . Gđ. Nguyễn Hữu Huân . Gđ. Từ Ngọc Phong - Gđ. Huỳnh Thoảng . Gđ. Phạm Văn Thế
- Gđ. Lê Hòa . Gđ. Phạm Trọng Nguyên . Gđ. Phạm Văn Hóa
- Gđ. Ngô Văn Phát. Gđ. Vũ Nam. Gđ. Huy Giang. Gđ. Phạm Ngọc Minh. Gđ. Từ Hùng Trần Phong Lưu
- Từ Nguyên Trần Văn Ngô • Đan Hà

## TÌM THÂN NHÂN

- Con tên Đoàn Thái Thắm, tìm ba ruột Đoàn Thế Truyền. Sq. 66/501639, cựu sĩ quan QLVNCH, phục vụ tại tiểu khu Châu Đốc P2. Đã trên 20 năm gia đình ở VN không nhận được tin của Ba. Nay được biết Ba còn sống và định cư tại Hoa Kỳ hoặc Canada (vì có người đã gặp Ba nhưng không rõ địa chỉ) Được tin này xin Ba viết thư cho gia đình qua địa chỉ .

Đoàn Thái Thắm (Sì) 14/22 Nguyễn Đình Chiểu, Thị xã Châu Đốc, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Cô Bác nào biết tin Ba cháu xin nhắn dùm hoặc liên lạc về địa chỉ trên. Gia đình cháu xin đa tạ.

- Tìm Cậu Nguyễn Khắc Đế, trước ở Tiệp Khắc (Praha), sang Đức tị nạn 1990. Ai biết Ông Đế hiện giờ ở đâu, xin chỉ giúp qua : Trung, điện thoại số 07731 / 63192 . Chân thành cảm ơn.
- Tìm Bạn Tôi muốn tìm một người bạn thân tên Phan Thị Kim Huệ. Đã làm cùng Đoàn Già Prisovice. Xin liên lạc về địa chỉ . Lưu Thị Mỹ Hạnh, Hauptstr.123 U -, 55592 Raumbach